VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

KHÂM ĐỊNH

VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

KHÂM ĐỊNH
VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

TẬP I

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

KHÂM ĐỊNH
VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

TẬP I

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

584-2007/CXB/1-1344/GD

Mã số : 8X135T7 – NĐN

LỜI GIỚI THIỆU

(Cho lần in tại Nhà xuất bản Giáo dục)

Trong lịch sử Sử học Việt Nam, ***Đại Việt sử ký toàn thư*** *của Ngô Sĩ Liên (cùng một số sử thần khác thời Lê) và* ***Khâm định Việt sử thông giám cương mục*** *của Quốc sử quán triều Nguyễn (thời Tự Đức) là hai bộ quốc sử lớn nhất, quan trọng nhất. Về quy mô, bộ* ***Khâm định Việt sử thông giám cương mục*** *dài hơn* ***Đại Việt sử ký toàn thư*** *115 năm, vì* ***Toàn thư*** *kết thúc ở năm 1674 (đời Lê Gia Tông) còn* ***Cương mục*** *kết thúc ở năm 1789 (đời Lê Chiêu Thống). Hai bộ sử này bổ sung cho nhau sẽ cung cấp cho chúng ta một bức tranh đầy đủ, toàn diện về lịch sử Việt Nam từ thời Hùng Vương dựng nước xa xôi đến những năm cuối cùng của thế kỷ XVIII.*

Để phục vụ yêu cầu tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử dân tộc, năm 1957 Viện Sử học Việt Nam, khi ấy là Ban Văn Sử Địa, đã cho công bố bản dịch ***Khâm định Việt sử thông giám cương mục*** *và đến năm 1960 thì hoàn thành việc xuất bản trọn vẹn bộ sử quý giá này, in thành 20 tập, gồm 2038 trang, khổ 16cm × 24cm.*

Trong mấy năm gần đây, Viện Sử học Việt Nam đã có kế hoạch lâu dài tiếp tục công việc mà Tổ biên dịch của Viện từng làm trước kia là biên dịch, công bố những tác phẩm có giá trị trong kho sử tịch xưa hiện còn lưu giữ được. Thực hiện kế hoạch này, Viện Sử học đã cho công bố lần đầu bản dịch một số bộ sử như ***Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*** *do Nội các triều Nguyễn biên soạn,* ***Sử học bị khảo*** *do Đặng Xuân Bảng làm..., cho tổ chức triển khai việc dịch các bộ sử khác, thí dụ* ***Minh đô sử*** *của Lê Trọng Hàm...*

Bên cạnh việc xuất bản những bộ sử mới dịch, Viện Sử học còn cho tái bản các bộ sử đã được in trước đây và ***Khâm định Việt sử thông giám cương mục*** *nằm trong số sách tái bản của chúng tôi.*

Sau ngót bốn mươi năm lưu hành, bản dịch ***Khâm định Việt sử thông giám cương mục*** *đã được giới nghiên cứu khoa học trong nước cũng như nước ngoài đánh giá cao, coi đây là một trong những thành tựu đáng ghi nhớ về dịch thuật thuộc lĩnh vực sử học ở Việt Nam. Công sức làm nên thành tựu dịch thuật này trước hết là của Tổ biên dịch Viện Sử học, trong đó các cụ Hoa Bằng, Phạm Trọng Điềm, Trần Văn Giáp là những người trực tiếp làm một cách nghiêm túc, công phu từ khâu khảo đính văn bản, dịch nghĩa, chú thích đến soạn bản* ***Sách dẫn*** *tên người, tên đất, tên sự kiện lịch sử...*

Vì chất lượng bản dịch cũ rất cao nên lần này tái bản, chúng tôi in lại theo nguyên văn lần xuất bản thứ nhất, không có sửa chữa gì khác.

Riêng đối với một số chú thích về địa danh, chúng tôi có chua thêm theo tên gọi của đơn vị hành chính mới đổi để giúp độc giả tiện theo dõi. Chúng tôi cũng bổ sung phần chú thích về quan chức để độc giả thuận tiện trong khi sử dụng sách.

Lần thứ nhất xuất bản, Tổ biên dịch quyết định lược bỏ hai chữ ***"Khâm định"*** *ở đầu, mà nhãn sách chỉ đề* ***"Việt sử thông giám cương mục"****. (Lý do được nói rõ trong Lời Tổ biên dịch). Nay bái bản, chúng tôi trả lại nguyên tên sách* ***Khâm định Việt sử thông giám cương mục.***

Xin trân trọng giới thiệu với độc giả bộ sử lớn, rất quý giá này.

Hà Nội, ngày 2 tháng 9 năm 1998

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hướng tới kỷ niệm 50 năm thành lập Nhà xuất bản Giáo dục và thực hiện chiến lược mở rộng, phát triển sản phẩm mới, trong những năm gần đây, bên cạnh việc xuất bản, phát hành đầy đủ, kịp thời, đồng bộ sách giáo khoa và các loại sách tham khảo phục vụ giáo dục phổ thông, Nhà xuất bản Giáo dục còn rất chú trọng tổ chức biên soạn, xuất bản các bộ sách tham khảo lớn, có giá trị khoa học và thực tiễn cao, mang ý nghĩa chính trị, văn hoá, giáo dục sâu sắc, được trình bày và in ấn đẹp, gọi là sách tham khảo đặc biệt, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, giảng dạy của học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, giáo viên phổ thông, giảng viên đại học, cao đẳng, dạy nghề, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý giáo dục và đông đảo bạn đọc, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, dân trí xã hội trong thời kỳ mới, giữ gìn, "xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" theo tinh thần nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, từng bước đưa giáo dục Việt Nam hoà nhập với thế giới.

Bộ sách ***Khâm định Việt sử thông giám cương mục*** *được tái bản lần này là một trong những kết quả hợp tác giữa Nhà xuất bản Giáo dục và Viện Sử học. Bộ sách trình bày một cách toàn diện lịch sử Việt Nam từ thời Hùng Vương dựng nước đến cuối thế kỉ XVIII (năm 1789). Đây là bộ sách lịch sử quý báu trong kho tàng sách lịch sử của nước nhà, rất cần thiết cho việc học tập, tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử Việt Nam thời quá khứ.*

Tái bản bộ sách này, Nhà xuất bản Giáo dục muốn có một đóng góp nhỏ vào việc cung cấp những sử liệu cổ rất quý giá, nhưng đã trở nên quá hiếm hoi, để soi xét, làm sáng tỏ thêm các sự kiện lịch sử dân tộc thời kì từ thế kỉ XVIII trở về trước, rút ra những điều bổ ích cho công cuộc phát triển văn hoá xã hội Việt Nam thời hiện đại.

Trong lần tái bản này, bộ sách được in làm 2 tập :

Tập I gồm phần Tiền biên (từ quyển 1 đến quyển thứ 5) và phần Chính biên (từ quyển 1 đến quyển thứ 25).

Tập II gồm phần Chính biên (từ quyển thứ 26 đến quyển thứ 47) và phần Sách dẫn. Ban biên tập đã giữ nguyên bản dịch công bố lần đầu tiên (1960) của Viện Sử học ; tuy nhiên có hiệu chỉnh lại một số từ ngữ cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử.

Nhân bộ sách được tái bản, Nhà xuất bản Giáo dục xin cám ơn các chuyên viên nghiên cứu của Viện Sử học đã để nhiều công sức cùng các các cán bộ khoa học của Nhà xuất bản Giáo dục biên tập và hoàn thiện bản thảo trước khi đưa in.

Tuy bản thảo đã được biên tập cẩn thận, song chắc chắn vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong bạn đọc xa gần đóng góp ý kiến.

Hà Nội, tháng 10 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI TỔ BIÊN DỊCH

Bộ sử này, chúng tôi dịch nguyên văn chữ Hán bộ **Khâm định**[1] **Việt sử thông giám cương mục** *(gọi tắt :* ***Cương mục****) của Quốc sử quán triều Nguyễn làm từ thời Tự Đức năm thứ 9 (1856) đến năm thứ 34 (1881) và in xong năm Kiến Phúc thứ nhất (1884).*

Bộ **Cương mục,** *ngoài quyển đầu gồm có những chương nêu rõ thủ tục làm sách đặt ở đầu*[2]*, chia làm hai phần :* **Tiền biên** *và* **Chính biên. Tiền biên** *gồm năm quyển bắt đầu từ Hùng Vương (thuộc Hồng Bàng thị, 2879 – 258 tr.c.ng (?)) đến Mười hai Sứ quân (966 – 967) ;* **Chính biên** *gồm 47 quyển, bắt đầu từ Đinh Tiên Hoàng (970 – 979) đến Lê Mẫn Đế (1787 – 1789). Tổng cộng 52 quyển.*

Cổ sử Việt Nam và các sách thuộc phạm vi Việt sử viết bằng chữ Hán không phải là ít. Chúng tôi sở dĩ dịch bộ **Cương mục** *này trước, là vì nó có những đặc điểm như :*

1 – Làm sau bộ **Đại Việt sử ký toàn thư** *(đời Lê). Gọi tắt :* **Toàn thư** *và bộ* **Đại Việt sử ký** *(đời Tây Sơn). Gọi tắt :* **Sử ký**, *bộ* **Cương mục** *chép được từ Hùng Vương đến*

---

(1) Xem chỗ nói về Công việc biên dịch ở cùng bài này.

(2) Khi sắp xếp quyển đầu này, chúng tôi theo đúng thứ tự trình bày trong nguyên thư : 1 - *Dụ chỉ* (lời dụ lần thứ nhất của Tự Đức về việc làm sử) ; 2 - *Tấu nghị* (lời tâu trình của Quốc sử quán về việc làm sử) ; 3 - *Dụ chỉ* (lời dụ lần thứ hai của Tự Đức quyết định về thể lệ làm sử) ; 4 - *Phàm lệ* ; 5 - *Chức danh* (tên các chức viên tham dự việc làm sử) ; 6 -*Tiến biểu* (bài biểu dâng sử khi làm xong) ; 7 - *Mục lục.*

Lê Chiêu Thống, về thời gian, tương đối đầy đủ hơn hai bộ sử trên[1] ;

2 – Mặc dầu bộ sử **Cương mục** *có nhiều khuyết điểm, nhưng nội dung tương đối có nhiều sử liệu có thể cung cấp cho ta ngày nay dùng để tham khảo ;*

3 – Các tên người, tên đất ở chỗ "Lời chua" tuy chưa thật đầy đủ, nhưng **Cương mục** *đã đặt được cái mốc từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, cũng đủ giúp ích được khá nhiều cho sự khảo cứu ngày nay.*

Vì những lý do nói trên, chúng tôi mới quyết định bắt tay làm từ bộ sử **Cương mục** *này trước, rồi lần lượt sẽ dịch đến những sử sách cổ khác như* Thực lục tiền biên, Thực lục chính biên, Phủ biên tạp lục, Lịch triều hiến chương, Toàn thư và Sử ký, *v.v... Đó là những công tác nằm trong kế hoạch nghiên cứu sử học, sưu tầm sử liệu và khai thác vốn cũ dân tộc mà chúng tôi đã, đang và sẽ dần dần thực hiện tuỳ theo hoàn cảnh và điều kiện hiện có. Công việc ấy đều được các bạn gần, xa, trong, ngoài tán thành, khuyến khích hoặc cộng tác.*

Về bộ sử **Cương mục**, *ông Long Điền*[2], *một trong các bạn ấy, trước đây, cùng ông Trác Hiên*[3] *đã cố gắng trong ngót bảy năm, dịch trọn bộ*[4]. *Sau khi thoả thuận, ông Long Điền đã có nhã ý trao hẳn cho chúng tôi quyền sử dụng bản thảo ấy. Xem xét bản thảo này rồi, chúng tôi nhận thấy hai ông Trác Hiên, Long Điền đã có nhiều cố gắng, nhưng vì thiếu tài liệu tham khảo và thiếu đóng góp tập thể, nên đó chỉ là sơ bộ phác dịch, cần phải góp thêm*

---

(1) Bộ *Toàn thư* chép từ Hồng Bàng thị (2879 - 258 tr.c.ng (?)) đến Lê Gia Tông năm Đức Nguyên thứ 1 (1674). Bộ *Sử ký* chép từ Hồng Bàng thị đến năm Đinh Mùi (1427), quân Minh bị đánh đuổi về nước.

(2) Bút danh của ông Nguyễn Văn Minh.

(3) Bút danh của ông Triệu Hữu Lập.

(4) Bản dịch của hai ông Trác Hiên, Long Điền có chép cả nguyên văn chữ Hán đối chiếu với văn dịch, làm từ ngày 27 - 10 - 1928 đến ngày 11 - 6 - 1935 mới xong. Ngoài bản dịch của hai ông, chúng tôi còn biết có mấy bản dịch Pháp văn nữa, như các bản của Abel des Michels, của Charles Patris và của Maurice Durand, nhưng mấy bản này mới dịch được mấy quyển đầu, còn bỏ dở.

nhiều công sức mới đạt được sự mong muốn chung. Nhân đó chúng tôi thận trọng đem nguyên văn bộ **Khâm định Việt sử thông giám cương mục,** *bản khắc gỗ, dịch lại cho thật sát. Rồi, để giúp cho sáng nghĩa và để bạn đọc tiện dùng sử liệu, chúng tôi chú giải thêm những chỗ cần và làm bản "Sách dẫn phân loại" ở cuối sách...*

*
* *

Dưới đây là mấy nét lớn về công việc biên dịch :

I – Nguyên sách tên là **Khâm định Việt sử thông giám cương mục.** *"Khâm định" là một danh từ công thức ở thời phong kiến, tỏ ý việc trứ thuật sử sách đã được mệnh lệnh hoàng đế quyết định. Vì thấy hai chữ "Khâm định" đứng đầu, nên có nhiều người, đáng lẽ gọi tắt là "Cương mục", lại theo quy luật ngữ ngôn chung, gọi là "sách* **Khâm định**" *hoặc "sử* **Khâm định**".

Nay xét : danh từ "Khâm định", ngày nay không còn tác dụng nữa, nên chúng tôi lược bỏ mà chỉ để nhan sách là : ***Việt sử thông giám cương mục.*** *Và, khi cần giản hoá, gọi tắt là* **Cương mục**. *Ấy cũng như trong Hán văn gọi tắt bộ Thông giám cương mục của Chu Hi*[1] *là* **Cương mục.**

II – Về nội dung, sử **Cương mục,** *vì bị điều kiện lịch sử hạn chế, làm theo quan điểm sử học phong kiến, từ lập trường đến tư tưởng và phương pháp đều khác với quan niệm về sử học ngày nay. Nhưng, đây là một bản sử dịch, chúng tôi phải hết sức trung thực với nguyên văn, cố giữ lấy tinh thần nguyên thư, cốt mong đi được sát và dịch được đúng :*

a) Tên người[2]*, tên đất, dù biết nguyên thư vì kiêng tên huý triều Nguyễn mà chép khác đi ;*

---

(1) Xem chú giải số 9 ở *Cương mục* quyển đầu, *Dụ chỉ 1.*

(2) Phàm những chữ tên người, hễ trường hợp nào biết rõ là vì kiêng huý mà bỏ bớt nét, bớt chữ hoặc đổi khác âm thì chúng tôi chua thêm trong hai ngoặc đơn. Thí dụ : *Ngô Sĩ = Ngô (Thì) Sĩ ; Nguyễn Đạo = Nguyễn (Tông) Đạo ; Hồ Tôn Thốc = Hồ Tôn (Tông) Thốc.*

b) Nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân mà nguyên thư chép là "làm loạn", dù biết không đúng với lập trường nhân dân ;

c) Tên đất trong nguyên thư phần nhiều có thời gian tính. Khi "Lời chua" của **Cương mục** *nói đến địa danh duyên cách, là chỉ hạn chế đến cuối triều Tự Đức mà thôi. Bản dịch cứ phải dịch theo dù biết ngày nay đã thay đổi khác*[1].

Mục đích chính là cốt dịch ra để tiện sử dụng sử liệu, nên không dám cầu toàn trách bị ở nguyên thư.

III – Những sách dùng để tham khảo trong khi biên dịch, chúng tôi, ngoài các từ thư như Khang Hy tự điển, Từ Nguyên, Từ Hải, Trung Quốc văn học gia đại từ điển..., *còn khảo thêm ở các sách khác như* Tứ thư, Ngũ kinh, Bắc sử, Thuỷ kinh chú, An Nam chí (*Cao Hùng Trưng*), Phương Đình tuỳ bút lục *và* Bội văn vận phủ, *v.v...*

Đối với nguyên thư, hễ gặp chữ nào hoặc đoạn văn nào tối nghĩa, dễ gây ra nạn nhận lẫn hiểu lầm, chúng tôi lại phải so sánh với bộ Toàn thư *và* Sử ký, *lựa dịch cho được sáng nghĩa.*

IV – Nguyên thư, nội dung gồm bảy bộ phận :

a) "Cương", tức là bài cái, nêu lên những nét lớn của sự việc lịch sử, tóm tắt và đại khái.

b) "Mục", tức là bài con, mở rộng sử thực ở bài "Cương" và đi sâu vào chi tiết.

c) "Ngự phê" mà chúng tôi dịch là "Lời phê", tức là lời Tự Đức (1848 – 1883) "châu phê" về một số nhân vật hoặc một số sự việc lịch sử. Trong nguyên thư, "Lời phê" ấy được đặt ở trên đầu tờ sách. (Khi nào "Lời phê" riêng chỉ một sự việc trong đoạn sử văn có trình bày nhiều việc thì, để khỏi nhận lẫn và hiểu lầm, chúng tôi xin chú giải ở dưới cho dễ nhận rõ đối tượng đã được phê phán hoặc phẩm bình ấy).

---

(1) Hễ trường hợp nào biết rõ về sự duyên cách ngày nay thì chúng tôi chua vào phần chú giải ở dưới. Thí dụ : *Cương mục* viết : Vĩnh Tường và Lâm Thao thuộc tỉnh Sơn Tây. Chúng tôi chua : Vĩnh Tường nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Lâm Thao nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

d) "Chú" – dịch là "Lời chua" – cắt nghĩa những tên người, tên đất hoặc sử văn ở "Cương" hay "Mục". (Trong đó thỉnh thoảng nguyên thư cũng có giải nghĩa những chữ khó trong sử văn, chua rõ phiên, thiết và âm, nghĩa của một số chữ Hán. Gặp những trường hợp này, hễ chỗ nào không cần, chúng tôi xin lược bỏ. Thế nghĩa là chỉ lược bỏ những chỗ chua về âm, nghĩa chữ Hán mà chúng tôi đã phiên và dịch rồi, không phạm gì đến sự việc lịch sử cả).

đ) "Cẩn án" – dịch là "Lời cẩn án", – tức lời nhận xét kính cẩn của Quốc sử quán đối với những điểm dị đồng giữa Sử cũ[1] *và* Bắc sử *hoặc tỏ ý phê phán về một số sự việc lịch sử, v.v..*

e) "Lời các sử gia", tức lời bình luận của mấy sử gia các triều đại trước, như Lê Văn Hưu[2]*, Phan Phu Tiên*[3]*, Ngô Sĩ Liên*[4]*, Nguyễn Nghiễm*[5] *và Ngô Thì Sĩ* [6] *mà* **Cương mục** *trưng dẫn bằng cách trích lục hoặc dựa theo.*

---

(1) Chỉ chung những bộ Việt sử làm trước *Cương mục* mà *Cương mục* không nói rõ tên.

(2) Lê Văn Hưu, người Phủ Lý, huyện Đông Sơn thuộc Thanh Hoa (nay là xã Thiệu Trung, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá), đỗ Bảng nhãn khoa Đinh Mùi, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 (1247), làm đến Binh bộ thượng thư, tước Nhân uyên hầu, Hàn lâm viện học sĩ, coi việc làm (giám tu) Quốc sử, soạn bộ *Đại Việt sử ký* 30 quyển.

(3) Phan Phu Tiên, người làng Đông Ngạc (Vẽ), huyện Từ Liêm thuộc Sơn Tây (nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội), đỗ Thái học sinh khoa Bính Tý, năm Quang Thái thứ 9 (1396), lại đỗ khoa Minh Kinh năm Kỷ Dậu, Thuận Thiên thứ 2 (1429), làm đến tri Quốc sử viện. Tác phẩm có *Quốc sử biên lục*.

(4) Ngô Sĩ Liên, người Chúc Lý, huyện Chương Đức thuộc Sơn Nam (nay là thôn Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây), đỗ đồng Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3 (1442), làm đến Lễ bộ tả thị lang, kiêm Sử quán tu soạn. Ông là tác giả bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* chép từ Hồng Bàng thị đến năm người Minh về nước, gồm 15 quyển.

(5) Nguyễn Nghiễm, người Tiên Điền, huyện Nghi Xuân thuộc Nghệ An (nay là xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh), đỗ Hoàng giáp khoa Tân Hợi năm Vĩnh Khánh thứ 3 (1731), làm đến Hộ bộ thượng thư, tước Xuân quận công, kiêm Quốc sử tổng tài, có soạn được *Việt sử bị lãm*.

(6) Ngô Thì Sĩ, người Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai thuộc Sơn Nam (nay là xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội), đỗ Hoàng giáp khoa Bính Tuất, năm Cảnh Hưng thứ 27 (1766), làm đốc đồng trấn Lạng Sơn, kiêm Quốc sử hiệu chính. Tác phẩm có *Việt sử tiêu án*.

g) "Phụ lục", thỉnh thoảng rút lấy từng đoạn trong Sử cũ *mà chép phụ thêm vào.*

Vậy, trong bản dịch, về cách ấn loát, cho được rõ ràng và dễ phân biệt, chúng tôi trình bày .

Cương : in chữ đậm ; cỡ 12

Mục : in chữ đứng ; cỡ 12

Lời phê : in chữ ngả ; cỡ 12

Lời chua : in chữ đứng ; cỡ 10

Lời cẩn án : in chữ ngả ; cỡ 12

Lời các sử gia : in chữ ngả ; cỡ 12

Phụ lục : in chữ đứng cỡ 10

V – Ngoài những bộ phận trên đây của nguyên thư, kể chung là "thân sách", chúng tôi, khi cần, có thêm phần chú giải ở phía dưới trang bản dịch, cước chú theo thứ tự 1, 2, 3,... và in chữ nhỏ. Còn các chữ số từng quyển và từng tờ nguyên thư thì : số quyển, in chữ đen ; số tờ, in chữ đứng.

VI – Trong nguyên thư thỉnh thoảng có những bài như biểu, cáo và thơ, viết theo lối đối nhau hoặc niêm luật của nó. Nay xét : văn sử chỉ cốt gẫy gọn, rõ ràng, nên chúng tôi xin dịch thẳng ra văn xuôi, cố mong cho được sáng nghĩa và đại ý, không cần câu nệ theo hình thức văn chương mà dịch thành biền ngẫu hoặc thơ luật như của nguyên tác.

VII – Để giúp cho dễ tra cứu và tiện sử dụng tài liệu cả bộ ***Cương mục*** *này, chúng tôi, ở cuối sách, có làm một bản "Sách dẫn phân loại". Ngoài những* Tên người, Tên đất, Tên sách *(cả Việt Nam lẫn Trung Quốc) như lối thông thường, còn có ghi cả các sự kiện lịch sử như* Cương vực, Điền thổ, Học thuật, Kiến trúc, Ngoại giao, Phụ nữ, Quân sự, Sinh hoạt xã hội, Tiền tệ, Tôn giáo, *v.v... Mỗi môn loại, cũng như các tiết mục trong bản Sách dẫn, đều sắp xếp theo thứ tự a, b, c... và nêu rõ số quyển, số tờ nguyên thư mà chúng tôi đã chuyển ghi ở phía trái trang sách dịch.*

Chi tiết về cách phân loại và xếp đặt, xin xem "Lời tiểu dẫn" ở trên bản Sách dẫn.

VIII - Trong bản dịch **Cương mục**, *phàm những chữ viết tắt, chúng tôi đã liệt kê thành một bảng riêng và sẽ đính theo từng tập sách in để tiện tra cứu.*

*

* *

Chúng tôi bắt tay làm việc biên dịch này từ ngày 16-7-1956, nay xin hãy thử cho ra trước tập **Tiền biên** *(quyển đầu, quyển I - quyển V nguyên thư) để chất chính cùng các bạn đọc thân mến.*

Mặc dầu thời gian eo hẹp, vẫn gắng tiến hành công việc và cố khắc phục nhiều nỗi khó khăn trong khi biên dịch, nhưng, với tầm hiểu biết có hạn, tự biết không sao tránh khỏi còn nhiều khuyết điểm, chúng tôi mong được tiếp thu những lời phê bình xây dựng của các bạn trong nước và ngoài nước.

Ngày 12 tháng 3 năm 1957

Tổ biên dịch :

HOA BẰNG

PHẠM TRỌNG ĐIỀM

TRẦN VĂN GIÁP

BẢNG VIẾT TẮT

công nguyên	c.ng.
cuốn (quyển)	c.
Cuốn đầu	Cđ.
Cương mục	Cm.
Chính biên	Chb.
Chức danh	Chd.
Dụ chỉ	Dch.
Mục lục	Ml.
niên hiệu	n.h.
Phàm lệ	Phl.
Sách dẫn	Sd.
sau công nguyên	s.c.ng.
Sử ký	Sk.
Tấu nghị	Tng.
Tiền biên	Tb.
Tiến biểu	Tnb.
Toàn thư	Tth.
tờ	t.
trang	tr.
trước công nguyên	tr.c.ng.

KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

QUYỂN ĐẦU

DỤ CHỈ I

Ngày 15 tháng 12 năm Tự Đức thứ 8 (22 -1-1856), thượng dụ[1] Dch. I. 1

Đời nào khởi nghiệp tất phải có sử đời ấy. Nước Việt ta từ đời Hồng Bàng trở về sau, đời Trần, đời Lê trở về trước, trong khoảng hơn mấy nghìn năm, chính trị hay hay dở, nhân vật giỏi, hay không giỏi, bờ cõi trong nước vẫn nguyên như cũ hay có đổi khác, chế độ chấn chỉnh hay đổ nát, sử cũ chép lại hãy còn thiếu sót nhiều. Đến như hình thức văn từ và nghĩa lý thể lệ trong sách sai lầm cũng không phải là ít, cho nên những học giả khảo cổ không khỏi băn khoăn.

Khoảng năm Minh Mạng (1820 - 1840), thánh dụ[2] chuẩn y lời tâu xin của bộ Lễ, chưa vội đem *Việt sử* liệt vào chương trình dạy học và thi cử, như thế có lẽ là trong bụng vua cha còn muốn đợi đến ngày khác.

---

(1) Chỉ dụ của vua. Thượng dụ đây là chỉ dụ của Tự Đức.

(2) Cũng như thượng dụ. Thánh dụ đây là chỉ dụ của Minh Mạng

Gần đây, việc học quốc sử, chưa ra mệnh lệnh bắt phải gia công, cho nên học trò đọc sách hoặc làm văn, chỉ biết có sử Trung Quốc, ít người đoái hoài đến sử nước nhà ! Việc đời cổ đã lờ mờ, lấy gì làm kinh nghiệm cho việc đời nay ? Ở Trung Quốc, về đời Xuân thu, có những câu "Tịch Đàm quên mất tiên tổ"(1) và "Bá Lỗ sẽ phải suy tàn"(2). Những câu nói ấy chính là bệnh thông thường của học giả ngày nay. Đạo học sở dĩ chưa được sáng tỏ, nguyên nhân chẳng phải vì sử cũ chưa được đầy đủ đó sao ?

Nay trong nước thái bình nhàn hạ, học thuật rất thịnh hành, trẫm đêm nào cũng xem sách đến trống canh hai, dốc lòng kê cứu sự việc đời cổ. Trẫm đã nghĩ kỹ, nếu chưa biên tập được bộ *Việt sử*, chưa chấn hưng được nền cổ học, thì đó cũng là một khuyết điểm của triều đại thịnh trị. Vì thế, mỗi khi trẫm đến nhà Kinh diên(3), triệu tập bọn nho thần, thảo luận kinh sử, không bao giờ là không đề cập đến việc ấy.

---

(1) Tịch Đàm làm quan nước Tấn, sang sứ nhà Chu, vua Cảnh vương nhà Chu hỏi về điển lễ nhà Tấn phải dâng nộp nhà Chu, Tịch Đàm tâu bầy nhiều điều lầm lẫn. Cảnh vương nói : "Tiên tổ anh làm chức quan giữ điển lễ nhà Tấn, vì cớ gì anh quên mất điển lễ ?" Tịch Đàm không đáp lại được. Cảnh vương nói : "Họ Tịch sau này sẽ có sự không hay, nói về điển lễ mà quên mất nghề nghiệp của tổ tiên". (*Xuân thu ngũ truyện*, quyển 14, tờ 61).

(2) Bá Lỗ họ Nguyên, làm quan đại phu nhà Chu, không thích nói về việc học vấn. Mẫn Tử Mã nói : "Học cũng như vun bón cây, cây được vun bón thì ngày một sinh sôi nảy nở, không vun bón sẽ phải khô héo : họ Nguyên nhà Bá Lỗ thế nào cũng bị suy tàn". (*Xuân thu ngũ truyện*, quyển 14, tờ 18).

(3) Một ngôi nhà ở kinh sư để vua cùng các nho thần tụ họp thảo luận nghĩa lý trong kinh, truyện.

Về việc làm sử, ý trẫm đã quyết định, cần phải cử hành việc trọng đại ấy cho được kịp thời. Nay nghĩ định đến đầu năm tới, đình thần phải lựa chọn để cử những viên quan trông coi việc biên chép *Việt sử*, trong ấy có một viên Tổng tài[1], một viên phó Tổng tài, tám viên Toản tu[2], sáu viên Khảo hiệu[3], tám viên Đằng tả[4]. Các viên ấy có nhiệm vụ đem sử biên niên các đời trước tham khảo với các truyện ký linh tinh của các nhà trứ tác, điều gì trong sử biên niên còn sót thì bổ thêm vào, điều gì sai lầm thì đính chính lại ; việc nào nên chép vào sách hay nên bỏ đi, việc nào nên khen hay nên chê, đều theo đúng như phương pháp chép sử *Cương mục*[5] của Tử Dương[6], chép thành toàn bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục.* Dck. I. 2

---

(1) Viên quan đứng đầu trong sử quán, phụ trách về mọi việc biên soạn sử sách.

(2) Viên quan chịu trách nhiệm khởi thảo nội dung sách cho có mạch lạc.

(3) Viên quan chịu trách nhiệm tham khảo các sách, hiệu đính lại những chỗ sai lầm.

(4) Viên chức chịu trách nhiệm viết rõ ràng ngay thẳng những sách do Sử quán đã biên soạn, đã duyệt lại, để giao cho thợ khắc vào ván gỗ.

(5) Tức là sách *Thông giám cương mục* của Chu Tử.

(6) Chu Hi (1130 - 1200), người đời Tống, tên tự là Nguyên Hối, sau đổi là Trọng Hối. Đời thường tôn gọi là Chu Tử, hoặc Chu Văn Công. Những tên như Tử Dương, Hối Am, Khảo Đình,... đều là tên hiệu của Chu Hi cả. Chu Hi nhân sách *Thông giám* của Tư Mã Quang làm ra sách *Cương mục*, phỏng theo thể lệ chép *Xuân thu*. Mỗi việc trong sách đều chia ra *cương* và *mục*. "Cương" là chép về đại cương của sự việc, sau mỗi cương mới chép rõ chi tiết của sự việc gọi là "mục".

Vả lại, việc làm sử là điển chương trọng đại trong thời thái bình, cứ xem như Trung Quốc, đời Hán có nhà Đông Quán, đời Tống có quán Sùng Văn, các triều ấy đều có ý coi trọng việc làm sử.

Vậy, bây giờ Sử cục nên đặt ở đâu, và tất cả mọi việc cần phải tiến hành thế nào, chuẩn giao cho bộ Lễ châm chước nghĩ định, tâu bày rõ ràng, đợi chỉ dụ sẽ thi hành, để tỏ ra là một điển lễ long trọng.

Lời dụ này các viên chức phải kính cẩn vâng theo.

TẤU NGHỊ

Ngày 10 tháng 6 năm Tự Đức thứ 9 (11- 7 -1856).

Chúng tôi những người được sung làm tổng tài, phó tổng tài và toản tu trong Việt sử cục, xin trình bày thể lệ chung cần cho việc biên tập bộ *Việt sử*, thể lệ ấy đã được hội đồng kiểm xét, nay xin chỉ dụ chuẩn định cho.

Vâng theo thượng dụ về mọi sự việc : chuẩn cho chúng tôi đem sách biên niên sử lịch đại của nước ta và tham khảo với các truyện ký của tư gia, xem xét chỗ nào còn sót thì bổ thêm vào, chỗ nào sai lầm thì đính chính lại, việc nào nên chép hay nên bớt, việc nào nên khen hay nên chê, đều theo đúng như phương pháp chép sách *Cương mục* của Tử Dương, biên tập thành toàn bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục.* Tng. **3**

Chúng tôi trộm nghĩ : điều quan trọng nhất trong công việc làm sử, không gì hơn là làm cho tỏ rõ được chính thống.

Chúng tôi nhận thấy sách *Cương mục* do Chu Tử biên soạn, về phần *Chính biên*, bắt đầu chép từ năm Mậu Dần, năm thứ 23 đời Chu Uy liệt vương, và cuối cùng sách chép đến năm Kỷ Mùi, năm thứ nhất đời Cung đế nhà Hậu Chu về thời Ngũ đại. Còn như *Tiền biên* và *Tục biên* do những người sau biên tập, cũng đều theo phương pháp chép sách của Chu Tử cả. *Tiền biên* thì do Kim Lý Tường, một nho giả triều Nguyên, biên soạn. Kim căn cứ vào sách *Thượng thư*[1], mà dứt khoát chép từ đời

(1) *Thượng thư* tức là *Kinh Thư,* một trong sáu kinh do Khổng Tử đã san định lại. Chữ "Thượng thư" này với chữ "thượng thư" là quan chức trong sáu bộ, mặt chữ và âm giống nhau, nhưng nghĩa khác hẳn.

Đường Nghiêu trở về sau, nối liền với sách *Thông giám*[1]. Còn nho giả triều Minh là Nam Hiên ở Vị Thượng (?) thì lại chép ngược lên từ đời Bào Hi thị (tức Phục Hi). Nam Hiên nhận rằng Bào Hi là ông tổ văn tự của muôn đời, là nguồn gốc trị bình của đế vương, thì việc chép sử phải bắt đầu chép từ Phục Hi là đúng, không còn nghi ngờ gì cả. Đến như đời Bàn Cổ, đời Tam Hoàng, không có sách vở nào để kê cứu, cho nên việc làm sử phải bỏ khuyết nghi mà không chép.

Nay tra cứu đến *Sử cũ* của nước ta chép về đời Hồng Bàng thị, có danh hiệu Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, nhưng lúc ấy là thời đại thượng cổ, hãy còn hỗn độn lờ mờ, tác giả chỉ dựa vào chỗ bâng quơ mà biên soạn ra, rồi e rằng không có gì là căn cứ để cho người ta tin, lại phụ hoạ theo truyện *Liễu Nghị* đời Đường của nhà tiểu thuyết[2] để làm chứng cứ. Này xem như Kinh Dương thuộc về nhà Tần, Động Đình thuộc về nước Sở, có liên quan gì đến nước ta đâu ? Huống chi những truyện hoang đường quái gở, không có một tí gì là chính đáng, vậy thì căn cứ vào đâu mà dám chép Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân là những vua đứng đầu sáng lập nước ta và gây dựng đế thống được ? Tng. **4**

Xét về đời Hùng Vương lập quốc, đặt tên nước là Văn Lang, kinh đô đóng ở Phong Châu, chia nước ra 15 bộ, từ đấy mà đi, trong nước mới dần dần có chế độ, cha truyền con nối trải 18 đời, kể năm được hai ngàn có lẻ. Trong các đời ấy có một vài dấu vết chép trong sử Trung Quốc, như :

---

(1) Sách *Thông giám* do Tư Mã Quang, triều Tống, biên soạn, bắt đầu chép từ thời đại Chiến quốc đến hết thời Ngũ Đại, tất cả 294 quyển.

(2) Trong truyện Liễu Nghị có chép con gái vua Động Đình lấy con thứ vua Kinh Xuyên (Kinh Xuyên chứ không phải Kinh Dương). (Theo *Đại Việt sử ký, Ngoại kỷ,* quyển 1, tờ 2b).

– Địa bàn của Cao Dương thị phía Nam giáp với *Giao Chỉ ;*

– Đào Đường thị sai quan đóng ở *Nam Giao ;*

– Đời Thành Vương nhà Chu, *Việt Thường thị* phải qua nhiều lần thông dịch để đến triều cống.

Những việc kể trên còn có chứng cớ đủ tin. Như thế thì sử nước ta chép từ đời Hùng Vương, tức là dựa theo nghĩa lệ chép sử *Tiền biên* của Nam Hiên bắt đầu từ đời Phục Hi, và để tỏ ra rằng quốc thống bắt đầu từ đấy. Vậy nghĩ định bộ *Việt sử* này, về việc gây dựng quốc thống, nên bắt đầu từ đời Hùng Vương. Còn những việc về Kinh Dương và Lạc Long thì sẽ theo sự truyền văn chua phụ ở dưới, như thế có thể hợp với cái nghĩa "nghi dĩ truyền nghi"[1].

An Dương Vương là người nước ngoài, nhân dịp người ta suy yếu, trước thì cậy sức mạnh để kiêm tính nước người, sau vì tin quỷ thần quái dị mà bị người khác lừa gạt, bỗng khởi lên, bỗng bị diệt, không được trọn đời. Triệu Vũ Đế chiếm cứ Phiên Ngung, chống nhau với nhà Hán, nhưng rồi cũng bỏ danh hiệu hoàng đế mà xưng thần. Sau đó, hoặc trong nước có người quật cường nổi dậy, nhưng lại bị diệt vong ngay ; hoặc trong nước bị triều đình Trung Quốc phái quan sang giám sát cai trị ; mãi đến thời đại Ngô Xương Xí, Kiểu Công Hãn, Mười hai Sứ quân tranh nhau khởi lên. Tóm lại, các thời đại ấy[2] đều chưa có thời đại nào gọi là chính thống được. Đến thời đại Đinh Tiên Hoàng, trong nước mới được thống nhất. Vậy Đinh Tiên Hoàng nên liệt vào chính thống để nối tiếp với quốc thống của Hùng Vương.

Tng. **5**

(1) Điều gì còn ngờ thì tồn nghi.

(2) Thời gian từ An Dương Vương đến Mười hai Sứ quân.

Kính xét "Phàm lệ" trong sách *Cương mục* (của Chu Hi) : những triều đại được kể là chính thống, tức là những nhà Chu, Tần, Hán, Tấn, Tùy, Đường. Sách ấy lại nêu *thể lệ chép về chính thống* thế này : Triều nào thống nhất được thiên hạ, được liệt vào chính thống, thì khi chép niên hiệu của triều ấy viết bằng chữ lớn, còn triều nào không phải thống nhất, thì niên hiệu của triều ấy chua bằng hai dòng chữ nhỏ. Triều đại nào dầu có thống nhất được thiên hạ, mà vua nối ngôi sau không phải là dòng chính, hoặc là đàn bà lên làm vua, thì niên hiệu của vua ấy cũng chua bằng chữ nhỏ.

Lại xét sách *Cương mục* (của Chu Hi) ấy nêu rõ *thể lệ chép về những người cướp nước tiếm ngôi* thế này : Cướp nước tiếm ngôi tức là những người nhân lúc triều vua trước suy yếu loạn ly, tự dùng trí mưu lấy ngôi vua hoặc chiếm cứ một địa phương nào đó, tự xưng làm vua.

Lê Đại Hành là bầy tôi triều Đinh, nhân lúc Đinh Toàn suy yếu, cướp lấy ngôi vua, truyền đến con là Ngoạ Triều lại càng bạo ngược. Nói về việc lấy được nước, thì hành vi của Lê Đại Hành cũng giống như Vương Mãng, Tào Tháo ; nói về việc dẹp loạn, thì công nghiệp của Lê Đại Hành không được như nhà Tần, nhà Tuỳ. Sách *Cương mục tục biên* đã liệt Vương Mãng, Tào Tháo vào hạng loạn thần tặc tử, thế mà *Sử cũ* của ta lại còn chép Lê Đại Hành vào chính thống, như thế thì còn lấy gì phân biệt được người chính người tà mà làm gương răn đời sau nữa? Vậy, đối với niên hiệu về triều Tiền Lê, xin theo thể lệ sách *Cương mục* chép những vua tiếm quốc mà chua nhỏ ở hai hàng.

Thái Tổ nhà Lý nhân lúc triều Tiền Lê suy loạn, được nhiều người suy tôn, việc Lý Công Uẩn lấy được nước không khác gì

Thái Tổ nhà Tống ở Trung Quốc. Đến Trần Thái Tông, việc lấy được nước cũng đáng chỉ trích, nhưng xét triều Lý lúc ấy một người con gái nối ngôi vua, danh vị không được chính đáng. Nếu Trần Cảnh không nhận lấy ngôi vua, thì làm thế nào mà dẹp yên được hoạ loạn ? Xét kỹ ra, triều nhà Trần lúc bắt đầu lấy được nước, không đến nỗi tàn tệ quá như triều Tiền Lê. Vậy niên hiệu hai triều đại Lý và Trần xin theo thể lệ sách *Cương mục* chép bằng chữ lớn của triều chính thống. Tng. **6**

Đến như hai vua Giản Định và Trùng Quang nhà Trần dầu có khởi nghĩa binh, nối lại quốc thống, nhưng chỉ được năm ba năm, rồi bị quân Minh bắt, hai vua ấy đều không thành công, thế mà *Sử cũ* liệt vào chính thống, chép niên hiệu bằng chữ lớn, thì hình như chưa hợp thể lệ. Vậy xin theo thể lệ trong sách *Cương mục* chép về triều đã mất chính thống, như triều Đế Huyền nhà Hán, mà chua nhỏ niên hiệu ở hai hàng để giữ lấy sự thực.

Lại xét thể lệ trong sách *Cương mục* : sách nhà Thương mà chép việc dựng nước của nhà Chu ; sách triều Thế Tông, Cung Đế nhà Hậu Chu, mà chép việc lập quốc của nhà Tống, họ đều trịnh trọng chép là "đức Thái Tổ ta". Vậy, trong các phần niên kỷ thuộc *Lê sử Tục biên,* hễ có việc gì liên quan đến việc liệt thánh bản triều ta[1] thì xin theo thể lệ trong sách *Cương mục,* tuỳ việc mà kính chép miếu hiệu[2] liệt thánh triều ta, để tỏ lòng kính cẩn.

Còn về thể lệ khác như niên tuế, danh hiệu, suy tôn, tế tự, đi tuần du, ban ơn huệ, triều hội, phong tước, bái tướng... đã có đầy đủ trong sách *Cương mục* của Chu Tử. Phàm gặp những việc tương tự như thế, chúng tôi cứ tuỳ từng việc theo thể lệ mà

(1) Các chúa triều Nguyễn.

(2) Tên hiệu để thờ cúng ở nhà thái miếu của các vua chúa sau khi đã mất do con cháu và quần thần đặt cho như Nguyễn Hoàng miếu hiệu là Thái Tổ, Nguyễn Ánh miếu hiệu là Thế Tổ...

ghi chép. Nếu có điều khoản nào trở ngại và việc gì chưa được chu đáo, sẽ xin trích riêng từng khoản kính tâu sau.

Trong bọn chúng tôi duy có Đặng Quốc Lang trộm nghĩ rằng niên kỷ Hồng Bàng thị, từ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương, dầu rằng thế đại cách nay đã quá xa, không có văn tự lưu truyền lại, những việc chép phần nhiều hoang đường quái dị, nhưng bấy giờ đã đặt kinh đô, đã dựng nước, trải qua năm tháng khá dài lâu, các ông vua ấy đều là vua mở đầu của nước Việt ta. Năm Hồng Đức thứ 10[1], sử thần triều Lê là Ngô Sĩ Liên biên tập bộ *Đại Việt sử ký*[2]. Lúc ấy Thánh Tông Thuần hoàng đế là một ông vua yêu chuộng văn học, hạ chiếu cho tìm sách dã sử và truyện ký xưa nay lưu trữ ở các nhà tư, để việc tham khảo được đầy đủ. Bộ sách ấy Ngô Sĩ Liên dứt khoát chép từ đời Hồng Bàng, nhận định Kinh Dương Vương là vua mở đầu quốc thống. Bấy giờ bầy tôi vào hạng nho học rất nhiều, mà không có một người nào chê là không hợp lẽ. Vả lại, bộ sách soạn xong đã hơn ba trăm năm nay, trải qua đời Hồng Thuận và Cảnh Trị[3], lại hai lần[4] kén chọn bọn nho thần biên soạn, khảo cứu, đính chính, trong khoảng các

Tng. **7**

(1) Niên hiệu Lê Thánh Tông (1479).

(2) Theo tờ biểu dâng sách của Ngô Sĩ Liên, bộ sách này nhan đề là *Đại Việt sử ký toàn thư.*

(3) Hồng Thuận : niên hiệu Lê Tương Dực (1509 - 1515). Cảnh Trị : niên hiệu Lê Huyền Tông (1663 - 1669).

(4) Năm Hồng Thuận thứ 3 (1511), Lê Tương Dực sai Vũ Quỳnh biên tập bộ *Đại Việt thông giám,* từ Hồng Bàng thị đến Mười hai Sứ quân, gọi là *Ngoại kỷ* ; từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Thái Tổ bình định thiên hạ, gọi là *Bản kỷ.* Cộng 26 quyển.

Năm Cảnh Trị thứ 3 (1665), Lê Huyền Tông sai Phạm Công Trứ hiệu đính Quốc sử, từ Hồng Bàng thị đến Ngô Sứ Quân (Ngô Xương Xí) gọi là *Đại Việt sử ký Ngoại kỷ toàn thư* ; từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Thái Tổ, gọi là *Bản kỷ toàn thư* ; từ Lê Thánh Tông đến Lê Cung Hoàng, gọi là *Bản kỷ thực lục ;* từ Lê Trang Tông đến Lê Thần Tông gọi là *Đại Việt sử ký Bản kỷ tục biên.* Cộng 23 quyển.

năm ấy không thiếu gì những bậc học rộng thấy xa, mà cũng không thay đổi gì khác cả. Thế thì bộ sử do Sĩ Liên biên soạn trước đây, tưởng cũng không phải soạn ra bằng cách hão huyền không thực. Nay nếu bộ *Việt sử* này chỉ bắt đầu chép từ đời Hùng Vương, còn những sự việc về đời Kinh Dương và Lạc Long chỉ chua ở cuối phần chép đời Hùng Vương, e rằng không thể nào làm cho đầy đủ thế thứ và sáng tỏ gốc nguồn được.

Đến như Lê Đại Hành nếu bảo rằng vì thoán đoạt mà được nước, thì thử đem so sánh với việc triều Lý thay triều Lê và triều Trần thay triều Lý, tưởng cũng không khác gì việc triều Lê thay triều Đinh. Không những thế, Lê Đại Hành là thống nhất được cả nước Việt, truyền được hai đời vua, lại không thể ví như bọn giặc cướp ngôi không truyền được đời nào và bọn chiếm cứ một địa phương tiếm xưng là một nước được. Vì lẽ ấy, nên Lê Đại Hành được liệt vào điển lễ quốc tế[1], được thờ tự ở miếu đế vương, ngang hàng với Kinh Dương, Lạc Long, Hùng Vương và vua chúa các triều Đinh, Lý, Trần, Lê, chứng cớ rõ ràng, không ai chối cãi được. Nay nếu nhất khái theo thể lệ chép các triều tiếm quốc, đem niên hiệu của triều Tiền Lê chua nhỏ ở hai hàng, thì đối chiếu với thể lệ trong sách *Cương mục* "những triều đại nào thống nhất được thiên hạ thì chép là chính thống" tựa hồ không được phù hợp. Vậy kính xin : về niên kỷ Hồng Bàng thị nên chép bắt đầu từ đời vua Kinh Dương và Lạc Long, cần định xem việc gì gần với lẽ phải thì chép, rồi sẽ chép tiếp đến Hùng Vương, để tỏ rõ chỗ mở đầu của quốc thống, còn những việc hoang đường quái dị, cũng hãy cứ ghi lại những truyền thuyết mà chua phụ ở dưới phần "mục".

Tng. **8**

(1) Những lăng miếu các vua chúa và công thần các triều trước cùng văn miếu, vũ miếu... được triều đình liệt vào quốc tế, hằng năm, chiểu theo tuần tiết, uỷ các quan địa phương sửa lễ tế ; số tiền chi phí vào việc tế tự trích ở kho công.

Niên kỷ của Lê Đại Hành, về phần niên hiệu, tưởng nên cùng với niên hiệu của các triều Đinh, Lý, Trần, Lê, chép bằng chữ lớn như cũ. Như thế mới khỏi trái ngược với thể lệ sách *Cương mục* của Chu Tử chép nhà Tần, nhà Tuỳ là chính thống.

Còn các khoản khác, xin theo như nghị cũ thi hành.

Những lý do trên, chúng tôi đã hội đồng châm chước so sánh, dám xin cung kính thanh minh, mong được lượng trên quyết định. *Cẩn tấu* [1].

Sau khi tấu tập này dâng lên, kính lĩnh được chỉ vua ban : "*Sẽ có chỉ dụ sau. Khâm thử*"[2].

(1) Bầy tôi kính cẩn dâng lời tâu lên vua.

(2) Vua phán bảo phải kính cẩn vâng theo lời vua đã ban bổ ra (danh từ công thức trong công văn phong kiến).

DỤ CHỈ II

Ngày 12 tháng 7 năm Tự Đức thứ 9 (12-8-1856)

Thượng dụ :

Việc làm sử là việc rất lớn trong nước, vì rằng phải kê cứu việc đời xưa, chép thành sách sử, vừa quan hệ về sự làm gương soi chung, vừa ngụ ý nghĩa khuyên răn, cho nên về phần nghĩa lý và thể lệ phải tinh tường mà xác đáng, việc nên ghi chép hay nên bớt đi phải nghiêm chỉnh mà công bằng. Dch.II, **9**

Lần này, bọn Phan Thanh Giản là sử thần trông coi về việc biên soạn bộ *Việt sử* dâng tâu "Phàm lệ", trẫm đã xem kỹ, thấy ý kiến của sử thần có chỗ hợp nhau, có chỗ trái nhau, nhưng bên nào cũng có lẽ phải và lẽ trái, nếu không dựa vào sự thảo luận chung, rồi tự mình quyết định, thì làm thế nào được đúng như cỏ thi để bói, gương sáng để soi, mà định cán cân cho người cầm bút được ?

Việc Kinh Dương và Lạc Long mà *Sử cũ* đã chép, hoặc có, hoặc không, dầu có nhưng không nên thảo luận đến là hơn cả, thế mà *Sử cũ* nhất luật chép bằng chữ lớn, và trong chỗ chép ấy lại phần nhiều mò mẫm những chuyện "ma trâu thần rắn", những thuyết hoang đường quái dị, không hợp lẽ thường. Vậy thì, đối với nghĩa "bỏ việc quái dị, nói việc bình thường" của nhà làm sử, có thể chép như thế được không ?

Vậy bộ *Việt Sử thông giám cương mục* này, chuẩn y cho chép bắt đầu từ đời Hùng Vương, để nêu rõ quốc thống nước Việt ta là trước từ đấy. Còn hai niên kỷ Kinh Dương và Lạc Long thì chuẩn cho chua phụ ở sau việc đời Hùng Vương, để hợp với

nghĩa "nghi dĩ truyền nghi". Đến như An Dương Vương không truyền ngôi vua được một đời nào, không thể ví với Hùng Vương đã truyền nước Văn Lang cho con cháu đến mười tám đời được. Vậy công việc của An Dương Vương cũng chuẩn cho chép vào phụ lục, để tiện khảo cứu đính chính. Đại Hành nhà Tiền Lê lấy được nước, dầu rằng không do chính nghĩa, nhưng lúc ấy ngoài thì chống được giặc mạnh, trong thì giữ vững được biên cương, thành tích thống nhất nước ta của Lê Đại Hành không khác gì nhà Tần, nhà Tuỳ ở Trung Quốc. Nhà Tần, nhà Tuỳ là những triều đại vô đạo, mà sách *Cương mục* của Chu Tử cũng không thể không liệt cho vào chính thống. Cứ hợp hai việc ấy mà xét, thì có thể đem thể lệ "tiếm quốc" mà gán cho nhà Tiền Lê được không ? Vậy những việc về niên đại triều Tiền Lê, chuẩn cho chiếu theo thể lệ sách *Cương mục* chép nhà Tần, nhà Tuỳ là chính thống mà chép bằng chữ lớn, cho hợp với nghĩa lý và thể lệ.

Vả lại, sử để chép việc, việc đã xa thì khó kê cứu, việc gần đây thì dễ tìm được sự thật, cho nên sách *Cương mục* của Chu Tử chép khởi đầu từ cuối nhà Chu, là có ý lắm. Nước Việt ta từ thời Mười hai Sứ quân trở về nước, chế độ thiếu thốn, kỷ cương không thống nhất, chuẩn y cho chiếu theo thể lệ trong *Cương mục Tiền biên* của Kim Lý Tường, chép sơ lược thế thứ và đem công việc lúc bấy giờ chép thêm vào : việc có thật thì để nguyên, việc sai thì đính chính lại, đặt tên sách là *Việt sử thông giám cương mục*, *Tiền biên* ; còn *Chính biên* thì chép cắt từ Đinh Tiên Hoàng trở xuống đến triều Hậu Lê. Về việc nêu rõ điều cốt yếu trong sách, giữ vững thể lệ biên soạn, đề ra từng cương, chia ra từng mục, phải tuân theo chỉ dụ trước, nhất thiết căn cứ vào phương pháp chép sách *Cương mục* của Tử Dương, ghi chép thành một bộ tín sử[1], lưu truyền vĩnh viễn, để xứng đáng được lòng khảo cứu văn học, soi gương việc xưa của trẫm. Còn các khoản khác chuẩn y cho làm theo như lời đã tâu bầy. *Khâm thử.*

(1) Bộ sử đáng tin về nhiều mặt.

PHÀM LỆ

1 – Vâng theo thượng dụ : Từ đời Mười hai Sứ quân trở về trước, chế độ thiếu thốn, kỷ cương không thống nhất, chuẩn y cho chiểu theo thể lệ chép sách *Cương mục Tiền biên* của Kim Lý Tường, chép sơ lược thế thứ, và đem công việc lúc bấy giờ chép thêm vào, việc nào có sự thực thì để nguyên, việc nào sai ngoa thì đính chính lại, đặt tên là *Khâm định Việt Sử thông giám cương mục Tiền biên* ; còn *Chính biên* thì chép ngắt từ Đinh Tiên Hoàng trở xuống đến triều Hậu Lê. Về việc nêu rõ điều cốt yếu trong sách, giữ vững thể lệ biên soạn, đề ra từng cương, chia ra từng mục, nhất thiết căn cứ vào phương pháp chép sách *Cương mục* của Tử Dương. Khâm thử. Phl. **1**

2 – Vâng theo châu phê[1]: *Sử cũ* tản mát đã lâu, phương pháp biên chép rất quê kệch. Vậy bộ sách mới này, phàm chỗ nào dẫn những lời chép của *Sử cũ*, mà trong ấy có những chữ thô thiển và quê thì đổi hết đi, cần làm cho lời văn được thông hoạt, rõ ràng, không được theo ý lối chép cũ. Còn có đại cương, nên theo phương pháp chép kinh *Xuân thu* và sách *Cương mục* mà chép những công việc trọng đại ; lời văn cần được giản dị, cứng rắn, thật thà, thẳng thắn, mới là sử bút. Khâm thử.

3 – Bộ sách này chép đủ thế thứ đời trước đời sau, việc hay việc dở. Nay hoàng thượng[2] ta là một vị vua sáng suốt, học vấn cao xa, đối với điển tích mấy ngàn năm, không việc gì không thông suốt, bao quát chiết chung cho thật xác đáng. Khi bộ sách

(1) Châu là son, những chữ phê của vua viết bằng son đỏ, để tỏ ra rằng những chữ ấy là tự tay vua viết.

(2) Chỉ Tự Đức.

này biên soạn xong, chúng tôi tiến dâng, được ngòi bút của vua phán định, làm cho nghĩa cả thêm tỏ rõ, lời tinh vi được nêu cao. Phl. **2**

Vậy những chỗ nào ở trong sách được "ngự phê" xin theo thứ tự kính lục lên khoảng đầu tờ sách (*xem ảnh phụ bản B1*) ; những chữ nào trong sách được vua chấm điểm cũng kính nêu hai chữ "ngự điểm" lên khoảng đầu tờ sách, rồi dưới đó lại điểm điếm vào bên cạnh những chữ đã được vua chấm điểm ấy. Những chỗ ngự phê và ngự điểm ấy đều in bằng son đỏ, để tỏ rõ lời huấn thị của vua.

4 – *Sử cũ* [1] chép quốc thống bắt đầu từ Kinh Dương Vương, nhưng xét thời đại ấy việc rất lờ mờ, không có chứng cứ đích xác. Nay vâng sắc dụ chuẩn y cho chép từ đời Hùng Vương, để tỏ rõ lúc bắt đầu có quốc thống của nước ta, còn những việc về niên kỷ Kinh Dương và Lạc Long thì chua phụ ở dưới mà chép sơ lược, để hợp với cái nghĩa "nghi dĩ truyền nghi".

5 – An Dương Vương, Triệu Vũ Dương, Văn Vương, Minh Vương, Ai Vương, Triệu Vương Kiến Đức và hai vua nhà Tiền Lý, Hậu Lý, Triệu Việt Vương, Nam Tấn Vương Xương Văn đều không phải chính thống, thế mà niên thứ về các triều ấy, Sử cũ đều chép bằng chữ lớn ở dưới chữ can chi[2] viết ngang. Nay theo thể lệ chép năm về liệt quốc, Phl. **3**

---

(1) Trong *Phàm lệ* này, có nhiều chỗ nói đến hai chữ "Sử cũ" mà không chua rõ sử cũ là sử nào, theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì *Sử cũ* có lẽ là bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt thông giám* của Vũ Quỳnh, *Đại Việt Sử ký bản kỷ tục biên* của Phạm Công Trứ và *Bản kỷ tục biên* của Lê Hi... vì trong Phàm lệ này dẫn những chỗ trình bày ở Sử cũ, đều thấy hợp với những sách kể trên.

(2) Can là 10 hàng can : giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý, gọi chung là thiên can. Chi là 12 hàng chi : tí, sửu, dần, mão, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi, gọi chung là địa chi. Can chi hợp với nhau thành tên gọi để đánh dấu từng năm, từng tuổi hay ngày tháng. Thí dụ : giáp là can hợp với tí là chi, thành tên năm Giáp Tí, quý là can hợp với dậu là chi, thành tên năm Quý Dậu...

mà chua chữ số về niên thứ hằng năm[1] về các triều ấy ra hai hàng trong một dòng chữ. Đối với các vị ấy hoặc gọi là đế, hoặc gọi là vương, hoặc gọi thẳng tên hay hiệu, tuy có khác nhau, nhưng đều chép theo nguyên văn *Sử cũ* ; duy lúc chết thì chép chữ "hoăng"[2], để phân biệt với triều chính thống (*xem ảnh phụ bản B2, 1, c*).

6 – Bà Trưng khởi binh thù, chưa lập thành một nước ; Sĩ Nhiếp theo lệnh triều đình Trung Quốc phái sang làm thái thú, không từng xưng vương bao giờ, khác hẳn với An Dương Vương và Triệu Việt Vương, thế mà *Sử cũ* cũng đều chép đứng riêng thành một kỷ ; nay tước bỏ đi, chỉ chép thẳng công việc các thời ấy để ghi lấy sự thực, nhưng chép phụ vào với niên kỷ thuộc nhà Hán.

7 – Lý Thiên Bảo là anh họ vua Tiền Lý, phải lật đật ở nơi Mường Mán, chung quy cũng không thành công, *Sử cũ* đem vương hiệu của Thiên Bảo chua phụ của niên kỷ Triệu Việt Vương[3] ; nay chỉ chép phụ công việc của Thiên Bảo, mà không nêu vương hiệu đã tôn xưng.

8 – Ngô Xương Xí là con cháu Ngô Vương Quyền, mà chỉ chiếm cứ được địa khu ở Bình Kiều, cũng không khác gì Phạm Phòng Át và Kiểu Công Tiện, thế mà *Sử cũ* chép niên thứ của

---

(1) Những chữ chép "nhị niên, tam niên, tứ niên... *Sử cũ* không chia ra triều nào là chính thống, triều nào không phải chính thống. Niên thứ hằng năm đều viết bằng chữ lớn ở dưới hai chữ thuộc về can chi của tuế thứ. Trái lại, bộ *Việt Sử thông giám cương mục* chia ra triều chính thống và triều không phải chính thống. Triều nào được sử thần liệt vào chính thống thì niên thứ hằng năm mới viết bằng chữ lớn đứng ở giữa dòng, còn triều nào không được liệt vào chính thống thì niên thứ hằng năm viết bằng chữ nhỏ ở hai hàng trong một dòng.

(2) Theo thể lệ phân biệt đẳng cấp của chế độ phong kiến, thiên tử chết thì sách chép chữ "băng" 崩 vua chư hầu chết thì chép chữ "hoăng" 薨

(3) Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép về niên kỷ Triệu Việt Vương như sau :

- Triệu Việt Vương, tại vị nhất thập tam niên. Phụ Đào Lang Vương (quyển 4 tờ 18).

Ngô Xương Xí bằng chữ lớn thành một triều chính thống, nay tước đi, không chép niên kỷ, chỉ chép hàng ngang với Mười hai Sứ quân để rõ hệ thống. Phl. **4**

9 – Dương Tam Kha là gia thần nhà Ngô mà cướp ngôi vua, sau bị Ngô Xương Văn đánh bại, cũng không thể theo như thể lệ chép về bọn giặc thoán đoạt mà không kịp truyền ngôi cho con cháu để chép về niên thứ Dương Tam Kha được, thế mà *Sử cũ* chua nhỏ niên thứ của Tam Kha ; nay tước bỏ đi, chỉ chép thẳng công việc Tam Kha đã làm để nêu cái tội cướp nước.

10 – Niên kỷ Hùng Vương, ở vào thời đại quá xa, điển tịch mai một, hàng can hàng chi về năm tháng không khảo cứu vào đâu được. Từ An Dương Vương trở về sau, tuy có chép can chi từng năm, nhưng cũng phần nhiều thiếu sót. Nay theo phương pháp chép *Tiền biên* của Kim Lý Tường chỉ theo thế thứ chép sơ lược, còn năm tháng không đủ thì vẫn bỏ khuyết.

11 – Các triều ở Trung Quốc như Chu, Tần, Hán, Nguỵ, Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, triều nào có liên quan với việc nước ta thì chua nhỏ niên thứ các triều ấy ở dưới can chi tuế thứ, còn triều nào không có việc liên quan với nước ta thì bỏ bớt đi (*xem ảnh phụ bản B2, 1, d*).

12 – Trong thời kỳ Bắc thuộc, những thứ sử, thái thú, đô hộ, kinh lược, người nào có thành tích đáng khen, hoặc người nào có vết xấu đáng chỉ trích, đều theo việc chép thẳng, để tỏ rõ người hay người dở mà làm gương răn.

13 – Thời kỳ Bắc thuộc, gặp bọn thú mục tham tàn bạo ngược, trong lúc ấy có người xướng khởi nghĩa binh, mưu toan dẹp loạn, dầu việc làm không thành, nhưng đều chép là khởi binh, để phân biệt với người phản nghịch. Phl. **5**

14 – Tiên Hoàng nhà Đinh bình định được Sứ quân các bộ để thống nhất thiên hạ, có thể tiếp tục được đế thống của Hùng Vương. Nay về niên kỷ của Đinh Tiên Hoàng chép bằng chữ lớn nổi bật ở trên đầu sách *Chính biên*, để nêu cao việc thống nhất.

15 – Lê Đại Hành dùng quyền mưu cướp ngôi nhà Đinh, không những so với việc nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý có phần khác xa, mà so với nhà Tần, nhà Tuỳ ở Trung Quốc, Lê Đại Hành lại không có công thống nhất như hai nhà trên, duy ngoài thì chống được giặc mạnh, trong thì giữ vững biên cương, có công duy trì được quốc thống, đợi đến người sau lần lượt nổi lên ; nay theo thể lệ chép về nhà Tần, nhà Tuỳ trong sách *Cương mục* của Chu Tử, mà chép bằng chữ lớn liệt vào chính thống.

16 – Long Việt nhà Tiền Lê lên ngôi vua được ba ngày, *Sử cũ* cũng chép riêng thành một kỷ là "Trung Tông Kỷ" ; nay nhân việc lên ngôi mà chỉ chép là "Long Việt lên ngôi vua", còn niên kỷ thì bỏ đi không chép.

17 – Chiêu Hoàng nhà Lý là một người con gái, được cha truyền ngôi, vì thế ngôi vua nhà Lý chuyển sang nhà Trần. Về tôn hiệu và niên hiệu của Chiêu Hoàng, *Sử cũ* đều chép bằng chữ lớn ; nay theo thể lệ, chua nhỏ tôn hiệu và niên hiệu ấy ở hai hàng trong một dòng, để có phân biệt. Phl. **6**

18 – Đế Ngỗi, Đế Quý Khoáng[1] nhà Trần, dựng cờ khởi nghĩa để nối lại quốc thống, mà không thành công, niên hiệu của hai vua này *Sử cũ* đều chép bằng chữ lớn ; nay theo thể lệ không thành ra vua một nước như Đế Huyền nhà Hán, mà chép là "Đế Mỗ", còn niên hiệu và thuỵ hiệu thì chua ra hai dòng.

19 – Thái Tổ nhà Lê lúc bắt đầu khởi binh, *Sử cũ* liền liệt ngay vào chính thống, như thế chưa hợp với thể lệ chép sách *Cương mục* của Chu Tử. Nay theo thể lệ chép vua nhà Hán là Lưu Bang, lúc chưa thống nhất thiên hạ thì niên thứ, tuế thứ vẫn phân chú như liệt quốc, sau khi đại định mới chép niên tuế bằng chữ lớn, để tỏ rõ chính thống.

---

(1) Theo *Từ nguyên* và *Từ Hải*, chữ "khoáng" còn có âm là "khuếch".

20 – Túc Tông nhà Lê làm vua được bảy tháng, chưa đầy một năm đã chết, năm đầu của Túc Tông là năm cuối cùng của Hiến Tông, năm sau của Túc Tông là năm đầu của Uy Mục Đế, dầu có niên hiệu, thuỵ hiệu, mà không hoàn toàn thuộc vào năm nào để ghi chép, thế mà *Sử cũ* cũng chép chữ lớn thành một kỷ. Nay theo thể lệ chép Thuận Tông nhà Đường, chua nhỏ thuỵ hiệu và niên hiệu của Túc Tông ở năm cuối cùng đời vua trước[1] .

21 – Lê Duy Xuân do Mạc Đăng Dung lập nên, lúc ấy Chiêu Tông còn sống, thế mà *Sử cũ* vội chép riêng thành một kỷ là "Cung Hoàng Đế" về niên hiệu và niên thứ chép bằng chữ lớn. Nay theo thể lệ chép Dự Vương Đán nhà Đường mà chép rõ tên và chép niên hiệu, niên thứ, nhưng chua nhỏ ở dưới hàng can, hàng chi của tuế thứ. Phl. **7**

22 - Liệt thánh bản triều[2] gây dựng cơ nghiệp ở miền Nam, thần truyền thánh nối, công đức ấy đã chép rõ trong Thực lục[3], duy lúc bắt đầu liệt thánh nối dõi tông thống, cùng việc gì có liên quan với niên phận nhà Lê, thì bộ *Khâm định Việt sử cương mục* này chép theo thể lệ sau đây :

– Theo thể lệ *Cương mục Tiền biên* của Kim Lý Tường chép việc nhà Chu ở niên kỷ nhà Thương ;

– Theo thể lệ *Cương mục Chính biên* của Chu Tử chép việc nhà Tống ở niên kỷ nhà Hậu Chu ;

– Tham khảo sách *Thông giám tập lãm* về thể lệ chép việc dựng nước, nối ngôi, đặt niên hiệu của Thái Tổ, Thái Tông nhà Thanh ở niên kỷ nhà Minh. Tuỳ theo từng việc mà chép để tỏ lòng kính cẩn.

---

(1) Năm thứ bảy, niên hiệu Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông (1504).

(2) Chỉ các chúa Nguyễn.

(3) Bộ *Đại Nam Thực lục* chia ra *Tiền biên* và *Chính biên* ; *Tiền biên* chép từ Thái Tổ gia dụ (Nguyễn Hoàng) đến Duệ Tông hiếu định (Nguyễn Phúc Thuần), biên tập xong năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) ; *Chính biên* chép từ Thế Tổ Nguyễn Ánh trở về sau, biên tập xong năm Tự Đức nguyên niên (1848) đều do sử quán triều Nguyễn biên tập, tổng tài là Trương Đăng Quế.

23 – Nêu tuế thứ[1] , chép niên thứ[2] là việc trọng yếu nhất trong bộ *Cương mục* này. Từ Đinh Tiên Hoàng trở về sau, *Sử cũ* phần nhiều bỏ sót niên thứ, nay tra cứu để bổ sung vào cho hợp với thể lệ "dầu không có việc gì đáng chép cũng nêu đủ tuế thứ và niên thứ". Phl. **8**

24 – Từ triều Đinh trở về sau, đời vua nào bị bọn cường thần phế truất, *Sử cũ* đều chép là "Phế đế" ; nay theo thể lệ chép về "Đế Dịch nhà Tấn", gặp khi có đời vua như thế thì chép là "Đế Mỗ", để tỏ ý không công nhận việc phế truất của cường thần (như Đế Toàn triều Đinh, Đế Hiện triều Trần, Đế Duy Phường triều Lê).

25 – Ngoạ Triều nhà Lê, *Sử cũ* cứ chép theo tên gọi bấy giờ, thật là quê kệch ; nay theo biến lệ "vua không có thuỵ hiệu thì chép thẳng tên", nên đổi chép là "Đế Long Đĩnh".

26 – Theo thể lệ *Cương mục* của Chu Tử, phàm những vua được liệt vào chính thống, có ông vua nào lên ngôi trong năm nào đấy, thì ở dưới hàng can chi tuế thứ chép ngang, liền chép tên ông vua ấy bằng chữ lớn. Nay trong sách này, ngay lúc ông vua nào lên ngôi thì chép rõ tên huý ông vua ấy để nêu bật hẳn lên, còn về phần niên thứ từ năm đầu trở đi chỉ chép niên hiệu và thuỵ hiệu để khỏi trùng điệp (như Thánh Tông nhà Lê)[3].

27 – Người nào lên ngôi vua mà không hợp với chính nghĩa, *Sử cũ* đều chép là "tức vị"[4]Nay chỉ chép theo công việc lúc bấy giờ, mà không chép "tức vị", để có phân biệt (như Chiêu Hoàng nhà Lý, Nhật Lễ nhà Trần).

---

(1) *Tuế thứ* : Thứ tự hằng năm theo can chi, như Giáp Tí, Ất Sửu...

(2) *Niên thứ* : Thứ tự từng năm của niên hiệu, như niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất, thứ hai...

(3) Đáng lẽ phải thí dụ vào trường hợp Lê Thái Tông hay Lê Nhân Tông thì đúng hơn.

(4) Lên ngôi vua.

28 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, đời vua nào đổi niên hiệu trong lúc giữa năm, nếu không vì lý do gì mà tự đổi, thì lấy niên hiệu mới đổi sau làm chính ; nếu gặp trường hợp bỏ vua nọ lập vua kia, có quan hệ đến đạo nghĩa, thì lấy niên hiệu trước làm chính, mà chua niên hiệu mới đổi bằng chữ nhỏ ở dưới. Về việc này, *Sử cũ* chép phần nhiều lầm lộn ; nay nếu gặp việc cải nguyên giống như thế đều cải chính lại. (Việc đáng lấy niên hiệu mới đổi sau làm chính, thì *Sử cũ* lại lấy niên hiệu trước làm chính : như Lý Thái Tông đổi niên hiệu là Sùng Hưng Đại Bảo, Trần Thái Tông đổi niên hiệu là Thiên Ứng Chính Bình, trong năm mới cải nguyên ấy, *Sử cũ* đều chua niên hiệu mới đổi bằng hai dòng chữ nhỏ, đến năm thứ 2 mới chép bằng chữ lớn. Nay, trong năm cải nguyên ấy liền chép niên hiệu mới đổi bằng chữ lớn là năm thứ nhất[1]. Phl. **9**
Việc đáng lấy niên hiệu trước làm chính, thì *Sử cũ* lại lấy niên hiệu sau làm chính. Việc này có quan hệ đến phong hoá cha con vua tôi, gây tai hại rất lớn : như Lê Anh Tông chạy trốn ra khỏi Nghệ An, Trịnh Tùng tự tiện lập Thế Tông lên ngôi vua, thế mà *Sử cũ* vội chép ngay năm ấy là "Gia Thái nguyên niên" bằng chữ lớn. Nay chua nhỏ chữ "Gia Thái nguyên niên" ở cuối năm Hồng Phúc đời Lê Anh Tông, đến năm thứ hai, Anh Tông bị Trịnh Tùng giết, mới chép niên hiệu Gia Thái bằng chữ lớn).

29 – Đế Toàn nhà Đinh và Đế Long Đĩnh nhà Tiền Lê đều lên ngôi vua được hơn một năm, chưa đổi niên hiệu, chỉ theo niên hiệu cũ là niên hiệu Thái Bình của Đinh Tiên Hoàng và

---

(1) Tháng 2 năm Kỷ Sửu niên hiệu Thiên cảm thánh vũ thứ 6, Lý Thái Tông đổi niên hiệu là Sùng hưng đại bảo, *Sử cũ* chua chữ "Sùng hưng đại bảo nguyên niên" ở hai bên dòng, đến năm sau là Canh Dần mới chép chữ "Sùng hưng đại bảo nhị niên" bằng chữ lớn ở giữa dòng. Trái lại, sách *Cương mục* này, ngay năm Kỷ Sửu dưới hàng can chi tuế thứ, chép "Sùng hưng đại bảo nguyên niên" bằng chữ lớn ở giữa dòng. Tháng 7 năm Nhâm Thìn niên hiệu Kiến Trung thứ 8, Trần Thái Tông đổi niên hiệu là Thiên Ứng chính bình, *Sử cũ* chua nhỏ chữ "Thiên Ứng chính bình nguyên niên" ở hai bên dòng, đến năm sau là Quý Tị mới chép chữ "Thiên Ứng chính bình nhị niên" bằng chữ lớn ở giữa dòng. Trái lại, sách *Cương mục* này, ngay năm Nhâm Thìn, dưới hàng can chi tuế thứ, chép "Thiên Ứng chính bình nguyên niên" bằng chữ lớn ở giữa dòng.

niên hiệu Ứng Thiên của Lê Đại Hành ; nay theo thể lệ chép về "Trùng Quý nhà Tấn", ở dưới hàng can chi năm sau chua nhỏ niên hiệu cũ của đời vua trước.

30 – Ông vua nào nối ngôi vua trước, lúc lên ngôi vào quãng giữa năm chưa qua sang năm khác mà đã đổi niên hiệu (như Thánh Tông và Minh Tông nhà Trần), đối với đạo nghĩa có phần không hợp. Nay theo thể lệ chép về "niên hiệu Cảnh Vân năm thứ 2 đời Duệ Tông nhà Đường" ở Trung Quốc, ngay năm bắt đầu cải nguyên ấy chua nhỏ thuỵ hiệu và niên hiệu năm thứ nhất, đến năm sau mới chép thuỵ hiệu và niên hiệu năm thứ 2[1], để lúc bắt đầu lên ngôi vua được chính đáng. Phl. **10**

31 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, những vua chính thống khi mất, đều chép đủ cả ngày chết và ngày an táng, nhưng từ đời Lý trở về trước, *Sử cũ* phần nhiều không chép ngày táng ; nay không khảo cứu được thì hãy để khuyết. Từ đời Trần, đời Lê trở về sau, *Sử cũ* đều chép đủ cả ngày táng, nhưng trong ấy cũng có ông vua đối với chính nghĩa thì không đáng chép ngày chôn cất, nên tước bớt đi (hoặc có người phải chiêu hồn về để chôn, như Duệ Tông nhà Trần, hoặc không đánh bọn nghịch tặc, như Chiêu Tông nhà Lê).

32 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, có chép cả ngày hoàng hậu "băng"[2], nhưng *Sử cũ* phần nhiều bỏ sót không chép. Nay việc nào có thể khảo cứu được thì bổ thêm vào,

---

(1) Trần Thái Tông truyền ngôi cho thái tử Hoảng (tức Thánh Tông) nhằm tháng 2 năm Mậu Ngọ niên hiệu Nguyên Phong thứ 8. Đầu năm ấy, sách *Cương mục* này vẫn chép "Mậu Ngọ bát niên" bằng chữ lớn, và chua nhỏ chữ "Thánh Tông Thiệu Long nguyên niên" ở 2 hàng : đến đầu năm sau, Kỷ Mùi, mới chép "Thánh Tông Hoàng Đế Thiệu Long nhị niên" bằng chữ lớn ở giữa dòng.

Trần Anh Tông truyền ngôi cho thái tử là Mạnh (tức Minh Tông) nhằm tháng 3 năm Giáp Dần, niên hiệu Hưng Long 22. Đầu năm ấy, sách *Cương mục* này vẫn chép chữ "Giáp Dần nhị thập nhị niên" bằng chữ lớn, và chua nhỏ chữ "Minh Tông Đại Khánh nguyên niên" ở hai hàng ; đến năm sau, Ất Mão, mới chép "Minh Tông Hoàng Đế Đại Khánh nhị niên" bằng chữ lớn ở giữa dòng.

(2) *Băng* : Nghĩa là chết, xem chú thích ở số 5 *Phàm lệ*.

còn thì bỏ khuyết. Duy người nào không hợp với chính nghĩa, như Lý Hậu nhà Trần thì truất đi, mà chép chết là "tốt"[1].

33 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, khi vua đi du lịch, đều có chép ngày trở về cung ; việc này *Sử cũ* phần nhiều bỏ sót không chép. Nay chỗ nào có thể khảo cứu được thì chép vào, còn thì bỏ khuyết.

34 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, bất kỳ việc gì cũng chỉ chép tháng, không chép ngày. Nay, duy việc tai dị không thường thấy thì theo thể lệ kinh *Xuân thu* "cẩn thận chép ngày", nếu có thể khảo cứu được thì chép, còn việc thường thì bỏ bớt đi.

35 – Theo thể lệ sách *Cương mục* của Chu Tử, có chép cả việc quan tể tướng chết[2], người nào là bậc hiền tài thì chép đủ cả quan tước, họ và tên. Các Tham tụng triều Hậu Lê, tuy nhận sắc mệnh vua Lê, nhưng thực ra, do chúa Trịnh phong cho cả. Vậy viên nào thật có danh vọng công lao đích xác thì chép nguyên cả họ và tên, ngoài ra không chép, để có phân biệt. Phl. **11**

36 – Triều Lê từ lúc trung hưng, bị cường thần lấn át, danh phận của vua mà không ai dám xâm tiếm chỉ còn có việc tế trời ở Nam giao thôi. Nay, từ đời vua Kính Tông trở về sau, phàm các vua lên ngôi, ngay năm thứ nhất, đều có chép "tế Nam giao" để tỏ rõ danh phận nhất định, không bao giờ thay đổi được.

37 – Triều Lê từ lúc trung hưng trở về sau, tuy có tiếng là còn vua Lê, nhưng công việc đều do chúa Trịnh, thế mà những văn thư ban bố, *Sử cũ* đều chép bằng chữ "mệnh"[3], chữ "dụ"[3]. Như thế

---

(1) *Tốt* : Nghĩa đen là trọn, là hết, tức là trọn đời, hết đời, theo cách phân biệt đẳng cấp của chế độ phong kiến, quan đại phu chết, thì sách chép chữ "tốt".

(2) Nguyên văn chữ Hán, chép là "tể tướng tốt", xem chú thích chữ "tốt" ở trên.

(3) *Mệnh* là mệnh lệnh, do vua ban ra, bắt buộc thần dân phải tuân theo ; *Dụ* là chỉ dụ, huấn dụ của vua phán bảo cho thần dân hiểu rõ ý nghĩa dạy dỗ mà tuân theo. Theo sự phân chia đẳng cấp của chế độ phong kiến, chỉ có văn thư, tự vua ban bố mới được dùng chữ "mệnh", chữ "dụ", vì hai chữ này tượng trưng cho sự cao cả tôn nghiêm. Còn văn thư của đại thần không được dùng hai chữ ấy.

đối với danh nghĩa, có phần chưa thoả đáng. Nay chép đổi lại bằng chữ "khiển"[1] , chữ "linh"[1] để tỏ rõ danh phận.

38 – Triều Hậu Lê, phàm gia phong tước vị đặc biệt cho chúa Trịnh, tuy mượn sắc mệnh của vua Lê, nhưng thực ra, là do ý của chúa Trịnh. Tước vị ấy nay đều chép đủ cả, nhưng thêm những chữ "tự gia", "tự tiến", để vạch rõ cái tội lấn át, tiếm nghịch.

39 – Triều Hậu Lê, những bầy tôi giết vua, như bọn Trịnh Tùng[2], Trịnh Giang[3], *Sử cũ* phần nhiều chép quanh co để che đậy tội lỗi của chúng. Nay theo thể lệ chép về Vương Mãng, Tào Tháo triều nhà Hán ở Trung Quốc mà chép một cách thẳng thắn : hoặc chỉ chép quan tước, không chép họ, hoặc chỉ chép thẳng tên, để răn bọn loạn tặc và làm cho thể lệ chép sử được tôn nghiêm. Phl. **12**

40 – Đời Hậu Lê vì căm thù chúa Trịnh lăng loàn, có những người lập chí mưu việc đánh giặc, như Lê Duy Mật[4] chẳng hạn, thế mà *Sử cũ* lại chép là "phản". Nay xin đổi lại, theo thể lệ "vì việc nghĩa mà đánh giặc thì chép là khởi binh" để làm sáng tỏ nghĩa cả.

41 – *Sử cũ* chép nhiều việc hoang đường quái dị, không phải việc thường thấy, nay xin tước bỏ, không chép, nhưng

---

(1) Linh lại có âm nữa là "lệnh" - "Khiển", "linh" và "lệnh" nghĩa chung đều là sai khiến.

(2) Trịnh Tùng là con Trịnh Kiểm, ức hiếp vua Lê, Anh Tông phải chạy vào Nghệ An, Trịnh Tùng sai Tống Đức Vị âm mưu giết đi, rồi nói thác là Anh Tông thắt cổ chết (1573).

(3) Trịnh Giang là con Trịnh Cương, truất Đế Duy Phường xuống làm Hôn Đức Công, rồi bắt phải thắt cổ chết (1735).

(4) Xem chú thích ở bài *Tiến biểu* ở dưới.

thỉnh thoảng cũng có giữ lại một hai sự việc mà chua bằng chữ nhỏ để truyền nghi. Những việc nào sai lầm thiếu sót thì tham khảo các sử Trung Quốc và các sách linh tinh của nước nhà, việc gì có thể bổ chính được thì bổ sung vào và đính chính lại.

42 – Về sử nước ta, các sử thần trước là Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Nghiễm, Ngô (Thì) Sĩ đều có bàn luận xét đoán, trong ấy những điểm nào có thể bổ sung được điều thiếu sót của sử, hoặc nhận định nào có quan hệ đến sự khen chê trọng đại, thì cũng trích lấy một vài điểm, nhưng phụ lục ở dưới phần "mục" (xem ảnh phụ bản A, 5).

43 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, phàm tên nước, tên vua, niên hiệu, thuỵ hiệu đều chép bằng chữ đỏ, chua bằng chữ đỏ, nay đổi chép bằng chữ trắng ; duy các triều ở Trung Quốc như Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh thì chỉ có tên nước chép bằng chữ trắng, còn hiệu của vua và niên hiệu đều chua bằng chữ đen, để tiện phân biệt.

44 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, về phần "cương" thì chép bằng chữ lớn, để đề rõ yếu lĩnh của từng việc, về phần "mục" thì chua chữ nhỏ để nói được đầy đủ. Phl. **13**
Nay "cương" và "mục" đều chép bằng chữ lớn, để tiện việc xem xét học tập ; duy dòng chép về phần "mục" thì chép thấp kém dòng chữ chép về phần "cương", để cho phân biệt (xem ảnh phụ bản B, 2).

45 – Về phần "mục" ở dưới phần "cương", cũng có chỗ trích ở sách khác bổ thêm vào, mà sự việc lý lẽ đối với *Sử cũ* có phần khác nhau và có bàn luận đoán định để phát minh được lẽ phải trái, thì đều có đặt hai chữ "cẩn án[1]" ở trên đầu và đóng khung

(1) Tra cứu cẩn thận.

hai chữ ấy để phân biệt. Còn như việc nào phát minh ra không phải một lúc, và việc nào sưu tầm ở sách khác mà vì cùng một loại việc với nhau, nên đem phụ lục vào, thì chỉ ngăn cách bằng dấu khuyên tròn (xem ảnh phụ bản B2, 3).

46 – Những điển tích cũ và tên người, tên đất, hễ tra cứu được đích xác, thì mỗi danh từ được nêu lên đều có đóng khung bằng ô vuông để phân biệt và có chú thích rõ ràng ; nếu không tra cứu được thì để khuyết (xem ảnh phụ bản A, 4).

47 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, thì tên đất, tên người đều chú thích ở dưới phần "mục". Sách *Ngự phê lịch triều thông giám tập lãm* của nhà Thanh thì tên đất, tên người đều chua ngay ở bên cạnh những chỗ được chua. Nay châm chước để chú thích, về tên đất thì sưu tầm rõ sự thay đổi từ trước đến sau, về tên người thì sưu tầm rõ lý lịch, rồi chú thích theo như thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử. Còn tên đất nào chỉ nên chua một vài chữ, hoặc tên người nào mà *Sử cũ* bỏ khuyết họ hay khuyết tên, thì theo như *Tập Lãm*, chua rõ ngay dưới những chữ được chua, để tiện xem xét. Phl. **14**

48 – Theo thể lệ chép *Cương mục* của Chu Tử, về phần tên đất, thì *Tiền biên*, *Chính biên* và *Tục biên* đều chú thích riêng. Nay bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* này, những tên đất chép ở *Tiền biên* thì chú thích riêng, còn tên đất chép ở *Chính biên* xét ra chỉ có bản đồ làm hồi niên hiệu Quang Thuận thứ 10[(1)] là tra cứu chú thích rõ ràng hơn cả, nên tên tỉnh lớn nào có thay đổi mà chép ở chỗ khác, đều chua là "xem chú thích ở năm Quang Thuận thứ 10". Ngoài ra tên các phủ,

(1) Niên hiệu Lê Thánh Tông, Quang Thuận thứ 10 (1469).

châu và huyện thì chép ở chỗ nào tra cứu rồi chua ngay ở chỗ ấy.

49 – Trong bộ sách này có những chữ gặp nhằm tôn tự quốc huy[1], trong những chữ ấy nếu gặp nhằm tên người tên đất, đều đổi tránh bằng chữ khác ; nếu gặp phải về phần văn chương, nghĩa lý, thì hoặc kính bớt đi một nét, hoặc kính bớt đi một bên. Duy có tôn tự bên tả viết chữ "nhật", bên hữu viết chữ "tự"[2] nay kính đổi làm chữ "thời" ; tôn tự bên trên viết chữ "nhật", bên dưới viết chữ "thiên"[3], nay kính bỏ khuyết một nửa chữ bên trên (chữ nhật bên trên, xin kính bỏ khuyết, thay bằng ô vuông in mực) để tỏ lòng kính cẩn.

(1) Những chữ tên vua chúa, Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu... triều Nguyễn, mà cả nước đương thời phải kiêng.

(2) Âm là "Thì", tên huý Tự Đức.

(3) Âm là "Hạo", tên huý Kiến Phúc.

CHỨC DANH

I – Từ năm Tự Đức thứ 9 (1856) đến năm thứ 12 (1859) vâng chỉ chuẩn cho biên tập : Chd. **1**

Tổng tài :

Hiệp Biện Đại Học Sĩ, lĩnh Lễ Bộ thượng thư, kiêm quản Hộ Bộ ấn triện, sung Kinh Diên Giảng Quan, sung Cơ Mật viện đại thần, kiêm Quốc Tử giám sự vụ, kiêm quản Văn Thần Phò Mã đô uý.

thần : PHAN THANH GIẢN

Phó tổng tài :

Quang Lộc Tự Khanh

thần : PHẠM XUÂN QUẾ

Toản tu :

Hồng Lô Tự Khanh

thần : TRẦN VĂN VI

Hồng Lô Tự Khanh

thần : ĐẶNG QUỐC LANG

Hàn Lâm viện Thị Độc Học Sĩ

thần : HỒ SĨ TUẤN

Hàn Lâm viện Thị Độc Học Sĩ

thần : ĐẶNG TRẦN CHUYÊN

Hàn Lâm viện
Thị Giảng Học Sĩ

thần : LÊ THÁI BẠT

Hàn Lâm viện
Thị Giảng Học Sĩ

thần : TRẦN TIẾN THỌ

Khảo hiệu :
Tòng ngũ phẩm,

thần : HOÀNG CÔNG DOÃN

Tòng lục phẩm, Chd. **2**

thần : NGUYỄN THỨ

Tòng thất phẩm,

thần : HỒ NGỌC BAN

Tòng thất phẩm,

thần : NGUYỄN GIA TUYỂN

Hàn Lâm viện Kiểm Thảo,

thần : TRẦN QUỐC NGẠN

Hàn Lâm viện Kiểm Thảo,

thần : PHAN ĐÌNH TUYỂN

Hàn Lâm viện Điển Tịch
sung Thừa Biện,

thần : NGÔ TRÍ THỤC

II – Năm Tự Đức thứ 24 (1871) vâng chỉ chuẩn cho

Duyệt nghĩ :
Thự Lễ Bộ thượng thư, sung
Quốc Sử quán Phó tổng tài

thần : LÊ BÁ THẬN

Hàn Lâm viện Thị Độc Học Sĩ
sung Quốc Sử quán Toản tu

thần : ĐẶNG VĂN KIỀU

Phụng thảo :

Hàn Lâm viện Tu Soạn

sung Quốc Sử quán Biên tu

thần : TRẦN HUY XÁN

III – Năm Tự Đức thứ 25 (1872) vâng chỉ chuẩn cho Chd. **3**

Duyệt kiểm :

Hàn Lâm viện Trực Học Sĩ, quyền

chưởng Đô Sát viện ấn triện

sung Quốc Sử quán Toản tu

thần : PHẠM HUY

Quang Lộc Tự Khanh Biện Lý

Hình Bộ sự vụ

thần : PHẠM HY LƯỢNG

IV – Năm Tự Đức thứ 29 (1876) vâng chỉ chuẩn cho

Phúc kiểm :

Hàn Lâm viện Thị Giảng Học Sĩ

lĩnh Quốc Tử Giám Tế Tửu

thần : BÙI ƯỚC

Hàn Lâm viện Trước Tác,

lĩnh Quốc Tử Giám Tư Nghiệp.

thần : NGUYỄN THÔNG

Hàn Lâm viện Tu Soạn,

lĩnh Quốc Tử Giám Tư Nghiệp.

thần : HOÀNG DỤNG TÂN

V – Năm Tự Đức thứ 31 (1878) vâng chỉ chuẩn cho

Duyệt đính :

Hàn Lâm viện Thị Giảng Học Sĩ,
quản Hàn Lâm viện ấn triện

thần : NGUYỄN TƯ GIẢN

Thừa biện :

Hàn Lâm viện Thị độc,
sung Sử Quán Biên tu

thần : TRẦN DUY TRINH

Hàn Lâm viện Điển tịch,
tùng Hình bộ Hành Tẩu

thần : LÊ VĂN TỰ

VI – Từ năm Tự Đức thứ 34 (1881), đến năm Kiến Phúc thứ 1 (1884) lần lượt vâng chỉ chuẩn cho Chd. **4**

Kiểm duyệt :

Hộ bộ thượng thư, sung Kinh Diên giảng quan, sung Cơ Mật Viện đại thần, sung Quốc Sử quán phó tổng tài, kiêm quản Quốc Tử Giám, sung Kiên Giang Quận Công Phủ sư bảo

thần : PHẠM THẬN DUẬT

Thự Hàn Lâm viện Trực Học sĩ,
sung Quốc Sử quán Toản tu

thần : VŨ NHỰ

Quang Lộc tự Thiếu khanh,
biện lý Hình bộ sự vụ

thần : ĐINH NHO ĐIỂN

Hàn Lâm viện Thị giảng,
sung Quốc Sử quán Biên tu

thần : LÊ KHẮC QUÝNH

Hàn Lâm viện Trước tác

thần : NGUYỄN TRÍ PHONG

Hàn Lâm viện Biên tu

thần : ĐẶNG ĐÌNH TUÂN

Hàn Lâm viện Biên tu

thần : PHAN ĐÌNH PHÙNG

Hàn Lâm viện Điển tịch

thần : THÁI KHẮC TUY

Chánh bát phẩm chánh ngạch,
sung khảo hiệu kiêm thu chưởng

thần : PHẠM ĐÌNH TẤN

Đẳng lục :

Nguyên Nghệ An tỉnh Phiên
ty Kinh Lịch hiệu phái

thần : BÙI KHẮC ĐỄ

Chánh cửu phẩm Bút thiếp thức

thần : TRẦN NGỌC TOẢN

Chánh cửu phẩm Bút thiếp thức Chd. **5**

thần : KHƯƠNG VĂN TÁN

Chánh cửu phẩm Bút thiếp thức

thần : HOÀNG LƯU

Vị nhập lưu thư lại

thần : HOÀNG CHÍ THỨC

Vị nhập lưu thư lại

thần : HOÀNG TRỌNG ĐỘ

Vị nhập lưu thư lại

thần : PHẠM ĐÌNH KIÊN

Vị nhập lưu thư lại

thần : NGÔ QUANG CHÍNH

Vị nhập lưu thư lại

thần : VŨ KHẮC BẰNG

Vị nhập lưu thư lại

thần : BÙI VĂN DỰ

Vị nhập lưu thư lại

thần : HỒ TIẾN PHÁT

Vị nhập lưu thư lại

thần : HOÀNG BÁ HUẤN

TIẾN BIỂU

Chúng tôi, Hội bộ[1] thượng thư Phạm Thận Duật, Sử quán toản tu[2] Vũ Như, cúi đầu kính cẩn tâu bày : Nay bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã biên soạn xong, chúng tôi rất lấy làm sợ hãi, kính xin làm biểu tiến dâng. Tnb. **1**

Chúng tôi trộm nghĩ : Quốc sử là cốt tỏ rõ dấu vết hay dở, thuật lại việc quá khứ, để làm gương cho tương lai ; đấng thánh nhân cân nhắc phải trái, thu góp mọi lời bàn luận, để lưu truyền lời dạy đúng đắn cho đời sau.

Nước Đại Việt ta, dựng bờ cõi ở minh đô[3], thư trời định rõ núi sông, nết đất đúc nên văn vật, vua chúa đời sau thay đời trước, phong khí ngày một mở mang ; thời đại không giống nhau, quy mô cũng mỗi thời một khác. Sự việc đời trước, *Sử cũ* có thuật lại, nhưng không thấy bản sách nào hoàn toàn ; tìm được bộ sách đầy đủ thật là khó khăn ! Bộ nào cũng không sao tránh khỏi lầm lỗi nhỏ : tuy nêu rõ tuế thời, căn cứ vào tài liệu lưu tàng, cũng như sách của Thốc Thuỷ[4] ở Trung Quốc, nhưng

---

(1) *Bộ Hội :* Quan chế triều Nguyễn có 6 Bộ : Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình và Công. Đến tháng 4 năm Kiến Phúc thứ 1 (1884) đổi Bộ Hộ làm Bộ Hội ; Tháng 8 năm Đồng Khánh 1 (1885) đổi lại làm Bộ Hộ. Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, quyển 36.

(2) Một chức quan trong Sử quán, xem chú thích ở *Dụ chỉ I.*

(3) Chỉ phương Nam, vì phương Nam hướng về mặt trời mà sáng. Đế Nghiêu đời Đường sai Hi Thúc đóng ở Nam Giao, gọi là minh đô (*Từ nguyên* tập Thìn, tờ 13). Có thuyết nói nước Nam ta ở về phương Nam, thuộc hành hoả, nên gọi là minh đô.

(4) Tư Mã Quang, người làng Thốc Thuỷ thời Tống, có làm bộ *Thốc Thuỷ ký văn* 16 quyển, phần nhiều chép về chính sự quan trọng trong nước và bộ *Tư trị thông giám* nói rõ về dấu tích trị loạn thịnh suy, là một bộ sử biên niên hoàn toàn hơn cả. Thời bấy giờ gọi ông là Thốc Thuỷ tiên sinh. Câu này ý nói *Sử cũ* của nước ta, về thời tiết và niên tuế, căn cứ vào tài liệu đã lưu tàng từ trước, cũng như sử của Thốc Thuỷ tiên sinh.

đề ra yếu lĩnh, phô diễn nên lời, so với phương pháp chép sách của Tử Dương[1] phần nhiều còn kém. Có phải đâu vì nước ta không giữ được điển tịch, không có hiền tài như nước Kỷ, nước Tống[2], **mà bảo rằng điển lễ ngày trước khó lấy gì làm tin ; vậy việc chép sách bây giờ chỉ cần theo nghĩa kinh** *Xuân thu*[3], để đợi bậc chí thánh[4], phán đoán điều phải trái. Tnb. **2**

Kính nghĩ : đức Dực Tông Anh hoàng đế[5], là một vị vua đi sâu đến tận nguồn gốc đạo lý, thấm nhuần trong biển học, kiến thức rất là cao minh. Nói về văn chương, thì ngang trời dọc đất, rực rỡ bao la ; nói về học vấn, thì từ đạo thánh đến đạo vương, trước sau thông suốt. Ngài bảo : "Nếu bộ *Việt sử* chưa làm xong, cũng là một khuyết điểm của thời thịnh trị". Vì thế, lòng vua cả quyết, hạ lệnh cho nho thần[6], tìm rộng cả dã sử[7] tàng trữ ở nhà tư, tham khảo với sử chép việc nước ngoài của Trung Quốc. Về phần phát minh đại cương và đặt ra thể lệ, đều do lòng thánh thượng[8] quyết đoán, về phương pháp biên chép làm cho nổi bật điều cốt yếu, bỏ bớt rườm rà, ngài chuẩn cho theo sách *Cương mục* của Chu Tử. Tìm ngược lên nguồn gốc từ trăm đời về trước, rồi châm chước với lời bàn luận của mọi người. Ví như người làm nhà, gom góp mọi vật liệu để chọn dùng vào từng việc ;

---

(1) Xem chú thích ở *Dụ chỉ I.*

(2) Nước Kỷ là con cháu nhà Hạ (Hạ Vũ) ; nước Tống là con cháu nhà Ân (Ân Thành Thang). Khổng Tử nói : Tôi có thể nói được điển lễ nhà Hạ, nhà Ân, nhưng vì điển tịch và người hiền của hai nhà ấy không còn, nên không lấy gì đủ chứng minh lời nói của tôi.

(3) Một trong năm kinh, do Khổng Tử dựa theo sử nước Lỗ mà sửa lại, trong *Xuân thu* việc gì nên chép hay nên bớt, nên khen hay nên chê, Khổng Tử đã cân nhắc kỹ lưỡng.

(4) Chỉ Tự Đức. (Trong thời đại phong kiến, bầy tôi dùng danh từ này để tán tụng vua)

(5) Miếu hiệu của Tự Đức.

(6) Bầy tôi vào hàng văn học.

(7) Sách sử của tư gia ghi chép, khác với sử của Sử quán triều đình.

(8) Cũng như chí thánh, xem chú thích số 4 ở trên.

lại giống người luyện kim khí, lọc đi lọc lại hàng trăm lượt để đến chỗ tinh vi. Chúng tôi nhận thấy bộ *Việt sử* này, việc định thứ tự *Tiền biên Chính biên*, việc đặt tiêu chuẩn chính lệ, biến lệ[1] : sự việc tra xét được chính xác mà tinh tường, ý nghĩa nghiêm trang mà xác đáng. Tnb. **3**

Cứ xem như : bắt đầu chép từ lúc dựng nước Văn Lang[2], nêu rõ gốc nguồn vương thống ; chép việc sai quan của Đường đế[3] làm tỏ tên cõi Nam Giao. Người đóng đô ở Long Biên[4], người xưng vương ở Dạ Trạch[5] đều liệt vào hạng quần hùng[6]. Người đặt tên nước là Âu Lạc[7], người đóng đô ở Phiên Ngung[8] đều chép ngang như liệt quốc[9]. Đến lúc cờ lau dẹp loạn[10], chính thống trong nước mới bắt đầu, nên niên hiệu chép bằng chữ lớn. Lam Sơn[11] đánh bọn xâm lược, việc khởi binh hợp với chính nghĩa, thì biểu dương một cách

---

(1) Chính lệ là thể lệ thường dùng ; biến lệ là thể lệ đặc biệt tuỳ theo trường hợp.

(2) Tên nước về đời Hùng Vương.

(3) Tức vua Đường Nghiêu. Về niên kỷ Hùng Vương, bộ *Cương mục* này có chép việc vua Nghiêu sai quan là Hi Thúc đóng ở Nam Giao. (Nhưng xét Đế Nghiêu đóng đô ở Bình Dương, thuộc tỉnh Sơn Tây Trung Quốc bây giờ, thì Đế Nghiêu sai quan là Hi Thúc đóng ở Nam Giao có thể là Nam Giao ở lưu vực Hoàng Hà, chứ chưa chắc trỏ vào nước Văn Lang lúc bấy giờ, vì Nam Giao có nghĩa là đất bờ cõi phía Nam).

(4) Tiền Lý Nam đế Lý Bôn khởi binh đánh đuổi thứ sử nhà Lương là Tiêu Tư, giữ thành Long Biên (541), sau bị Trần Bá Tiên đánh bại.

(5) Việt vương Triệu Quang Phục đóng đô ở Dạ Trạch, chống nhau với quân nhà Lương (549), được người trong nước tôn gọi là Dạ Trạch vương.

Trong sách *Cương mục* này, miếu hiệu và niên hiệu Tiền Lý Nam đế và Triệu Việt Vương đều chua bằng chữ nhỏ, vì không nhận là triều chính thống.

(6) Những hùng trưởng chiếm cứ từng địa phương.

(7) An Dương Vương Thục Phán diệt nước Văn Lang, đổi tên nước là Âu Lạc.

(8) Triệu Đà đánh bại được An Dương Vương, đóng đô ở Phiên Ngung (tỉnh Quảng Đông Trung Quốc).

(9) Những nước nhỏ phải phụ thuộc vào nước lớn.

(10) Chỉ Đinh Tiên Hoàng. Thủa bé, Đinh Tiên Hoàng dùng bông lau làm cờ, tập trận giả ; về sau, dẹp yên Mười hai Sứ quân, nên người ta gọi là "Cờ lau dẹp loạn".

(11) Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, đánh bại quân Minh xâm lược, thống nhất đất nước.

đường hoàng. Chép việc Hưng Khánh[1], Trùng Quang[2] kế tiếp nhau nổi dậy, ngụ ý khen những người lo toan giữ lấy đất nước của tổ tiên. Chép việc nhà Hồ[3], nhà Mạc[4] lấn cướp ngôi vua, lời lẽ nghiêm trang, giáng một đòn nặng vào bọn bạn tặc. Đến như người trốn tránh ở Tây Đô[5], không khác gì người ở Phòng châu để giữ lấy đế thống[6] ; người long đong ở Vạn Lại[7] cũng giống như người ở Linh Vũ mà lên ngôi vua[8]. Trong thời gian này sử vẫn chép niên hiệu nhà Lê bằng chữ lớn, theo nghĩa Khổng Tử tôn vua nhà Chu[9] ; còn về việc họ Trịnh tiếm quyền, thì sử chép bằng giọng búa rìu cũng như Sử Trung Quốc bài xích nhà Nguỵ[10]. Duy Mật đóng một số quân ở Trấn Ninh, đáng khen

---

(1)(2) Hưng Khánh là niên hiệu Đế Ngỗi ; Trùng Quang là niên hiệu Đế Quý Khoáng. Hai người này đều là con cháu nhà Trần, khởi binh đánh quân xâm lược Minh (1407 – 1413).

(3)(4) Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần (1400 - 1407) ; Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê (1527 - 1592).

(5) Thuộc tỉnh Thanh Hoá, do Hồ Quý Ly lập ra, nên tục gọi là "thành nhà Hồ". Lê Chiêu Tông bị Mạc Đăng Dung ức hiếp, phải bỏ ngôi vua trốn vào Thanh Hoá (1522).

(6) Vũ Tắc Thiên cướp ngôi nhà Đường, cho Đường Trung Tông ra ở Phòng châu thuộc phủ Tương Dương, Hồ Quảng, Trung Quốc.

(7) Thuộc huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Lê Trang Tông lập cung điện ở Vạn Lại (1542), chống nhau với nhà Mạc để khôi phục lại nhà Lê.

(8) An Lộc Sơn làm phản, Đường Huyền Tông chạy vào Thục, con là Hạnh, tức Đường Túc Tông, lên ngôi vua ở Linh Vũ (thuộc tỉnh Cam Túc, Trung Quốc) để đánh lại An Lộc Sơn.

(9) Thời đại Xuân Thu, thiên tử nhà Chu không có quyền bính gì, và không được chư hầu triều cống. Khổng Tử nhân sử nước Lỗ làm kinh *Xuân Thu*, trong sách này dầu năm nào cũng chép chữ "xuân vương chính nguyệt", nghĩa là mùa xuân tháng giêng của thiên tử nhà Chu. Sử cũ của nước Lỗ mà chép tháng của nhà Chu để tỏ ra rằng chính (tháng giêng) sóc (ngày mồng một đầu tháng) của nhà Chu vẫn ban hành khắp thiên hạ.

(10) Thời đại Tam quốc (Nguỵ, Thục và Ngô), Tào Tháo là bầy tôi nhà Hán, choán hết quyền của vua Hán Hiến đế, tự phong là Nguỵ công. Sau con là Tào Phi cướp ngôi vua nhà Hán, đổi tên nước là Nguỵ.

người biết đạo làm con nên nêu rõ việc làm hợp nghĩa[1]. Duy Kỳ[2] kiều ngụ ở Yên Kinh, chỉ vì thương là cháu vua Lê, nên chép cả tên thuỵ. Phương pháp biên chép kể trên đều đã cân nhắc cẩn thận từng chữ, dựng phạm vi danh giáo cương thường ; làm tỏ rõ bộ mặt ngàn xưa, đính chính được sự biên chép lộn xộn sai ngoa của *Sử cũ*. Lại như chế độ các triều vua hoặc theo cũ hoặc đổi mới, bờ cõi trong nước hoặc khác trước hoặc y nguyên, nhân tài lúc thịnh lúc suy, chính thể điều hay điều dở, gom góp lời bàn luận mà phán đoán việc khen chê, xét kỹ sự thực trước sau mà giải quyết điều thắc mắc. Hơn nữa, lại được ngòi bút son của vua phê duyệt, thường thường rút ra những nghĩa tinh vi : nét bút tự nhiên, nêu rõ lời sâu nhiệm để dậy bảo, soi xét không sót kẽ tóc, xét việc cũ để định lời phê phán công bằng. Cả bộ chép thành 52 quyển[3] : việc cổ đại chép sơ lược, việc cận đại chép tinh tường, gồm đủ việc bốn ngàn năm : điều dở để làm răn, điều hay để bắt chước. Thật đúng như câu nói "chỉ có vua và sử là tối cao trong nước", bao la rộng lớn như trời, không khác gì nhà Chu đã rút kinh nghiệm ở nhà Hạ, nhà Ân, nên văn học đến nhà Chu thật là phong phú.

Tnb. **4**

---

(1) Cuối thời nhà Lê, chúa Trịnh cướp hết quyền vua Lê, Trịnh Giang lại giết vua nọ lập vua kia. Duy Mật là con Lê Dụ Tông lấy làm căm phẫn, khởi binh chiếm giữ Trấn Ninh (giáp Nghệ An và Thanh Hoá) chống nhau với chúa Trịnh (1739 – 1770). Sách *Cương mục* này nhận xét việc Duy Mật làm là hợp với danh nghĩa, nên chép là "khởi binh", mà không chép là làm phản.

(2) Lê Chiêu Thống tên là Duy Kỳ, cháu Lê Hiển Tông, bị Nguyễn Huệ đánh bại, phải chạy sang nhà Thanh (1789), ngụ ở Yên Kinh, (tức Bắc Kinh Trung Quốc bây giờ), rồi bị bệnh chết (1793). Duy Kỳ tuy chạy trốn ra nước ngoài, nhưng trong sách *Cương mục* này vẫn chép thuỵ hiệu là "Lê Mẫn Đế". Miếu hiệu "Mẫn Đế" là do triều Nguyễn mới truy đặt cho Lê Chiêu Thống ngày tháng 4 năm Kiến Phúc thứ nhất (4 – 1884).

(3) Xem lời tổ Biên dịch ở đầu sách.

Chúng tôi "thập chỉ" chưa được ngó tới[1], chỉ phàn nàn mắc phải năm điều khó[2]. Nói về học vấn, thật đáng hổ thẹn với Ỷ Tướng[3] là người đã đọc đủ *Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu*[4] ; nói về tài năng, còn kém xa với Tử Trường[5] là người đã chép *Liệt truyện, Thế gia, Bát thư, Thập biểu.* Lúc chúng tôi vâng mệnh làm việc chép sử, vẫn mong biên soạn xong trong một ngày rất gần, không ngờ vua Hiên Viên cưỡi rồng xa lánh, làm cho thần tử chỉ ôm cái cung còn sót mà đau lòng[6] ; thành ra bộ sách này chép theo Lân kinh của Khổng Tử,

---

(1) Câu này nguyên văn chữ Hán chép : "vị khuy thập chỉ". Vì chưa hiểu được điển "thập chỉ", nên tạm để nguyên danh từ chữ Hán. Chúng tôi đã nghiên cứu, "thập chỉ" có mấy điểm như sau : 1– "Cảm tương thập chỉ khoa châm xảo" : dám đâu khoe là mười ngón tay đã thạo về đường kim mũi chỉ (bài *Bần nữ* của Tần Thao Ngọc trong *Đường thi*). 2– "Khuất thân đê ngang, thập chỉ như vũ" : lúc co, lúc ruỗi, lúc thấp, lúc cao, mười ngón tay như mưa (bài phú đánh đàn của Thái Ung) (*Bội văn vận phủ*). Nhưng hai điển trên đều không sát với việc biên soạn sử.

(2) Viên Sơn Tùng, một sử gia đời Tấn, phàn nàn dùng tài liệu để viết sử có năm điều khó : 1– Tài liệu bề bộn mà không hoàn chỉnh ; 2– Văn chép tục tằn mà không trang nhã ; 3– Sách chép không đúng thực lực ; 4– Việc thưởng phạt không đúng lẽ phải ; 5– Lời văn chép không nổi bật được phẩm chất của sự việc (*Phương Đình tuỳ bút*, quyển hạ).

(3) Người thời Xuân thu, làm quan tả sử đời vua Linh Vương nước Sở.

(4) Tam phần : sách của Phục Hi, Thần nông và Hoàng đế. *Ngũ điển* : sách của Thiếu Hiệu, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường Nghiêu và Ngu Thuấn. *Bát sách* : sách chép về thuyết bát quái (kiền, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài). *Cửu khâu* : sách chép về đất đai phong khí chín châu (Ký, Duyện, Thanh, Từ, Úng, Dự, Lương, Kinh, Dương). *Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu* đều là tên sách đời thượng cổ Trung Quốc. (*Xuân thu ngũ truyện,* quyển 14, tờ 28 và Tựa *Kinh Thư* tờ 1 - 2).

(5) Tên tự của Tư Mã Thiên, người thời Hán Vũ đế, làm thái sử lệnh, Tư Mã Thiên soạn bộ *Sử ký* 130 thiên từ thời đại Hoàng đế đến thời đại Hán Vũ đế, chia ra môn loại như sau : 70 thiên *liệt truyện*, chép việc sĩ phu và thứ dân ; 30 thiên *thế gia*, chép việc các người có quan tước, 8 thiên chép về chính trị trong nước, 10 thiên *niên biểu*, chép về năm tháng, 12 thiên *bản kỷ* chép việc đế vương.

(6) Hiên Viên, tức Hoàng đế. Theo truyền thuyết, Hoàng đế là một vua đời thượng cổ Trung Quốc, sinh ở núi Hiên Viên, nên có tên là Hiên Viên. Năm Hoàng đế 111 tuổi, một hôm trên không có con rồng thò râu xuống đón, Hoàng đế cưỡi rồng lên trời, quần thần và hậu cung hơn 70 người đi theo, còn bọn bầy tôi nhỏ không được theo, giương cung bắn con rồng để giữ Hoàng đế lại, nhưng không được, cùng nhau ôm cái cung mà kêu khóc. Câu này ý nói sách *Cương mục* chưa hoàn thành, vua Tự Đức đã mất.

mà ân hận rằng chưa được đến chỗ tuyệt bút[1] ! Vì thế, cầm cuốn sách mà thở than, bây giờ không biết theo vào đâu cho có chuẩn đích, gạt nước mắt mà biên chép, mong không mắc điều lầm lẫn để đến đời sau.

Nay Hoàng đế [2] nổi tiếng là vị vua biết noi theo bước trước của tiền vương, kế tục sự nghiệp văn học không bao giờ chán nản ; công phu rèn luyện thánh học, trong như nước suối, vững như núi non, học vấn sáng suốt bao la, mỗi ngày một cao, mỗi tháng một tiến. Chúng tôi mừng thấy toà Kinh Diên mới mở, xin kính cẩn dâng toàn bộ sách này[3]. Cúi mong giao thợ khắc vào gỗ tốt, ban hành trong nước giữ làm của quý vô ngần, để cho người đọc sách này, tôn trọng điều đã được nghe, thực hành điều đã được biết, Tnb. **5**

(1) *Lân kinh* tức kinh *Xuân thu*. Khổng Tử nhân sử nước Lỗ mà sửa lại, chép công việc 242 năm của các nước chư hầu về thời đại Xuân thu, bắt đầu từ năm thứ nhất đời Lỗ Ẩn Công đến năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công. Câu chót (tuyệt bút) trong kinh *Xuân thu* là : "Xuân, tây thú hoạch lân", nghĩa là mùa xuân, đi săn ở phía tây, được con lân. Về việc này có hai thuyết khác nhau : một thuyết nói con lân là điềm thái bình, thời Xuân thu không phải thời thái bình mà con lân xuất hiện là không hợp thời, nên Khổng Tử cảm xúc làm kinh *Xuân thu*. Một thuyết nữa nói : Khổng Tử làm xong kinh *Xuân thu* cảm động cả đến giống linh vật, nên con lân xuất hiện - Câu này ý nói bộ *Cương mục* cũng chép như kinh *Xuân thu*, mà trước khi vua Tự Đức mất, chưa chép đến chỗ tuyệt bút như kinh *Xuân thu*.

(2) Hoàng đế đây là Kiến Phúc, miếu hiệu là Giản Tông Nghị Hoàng đế. Tự Đức không có con, khi gần mất, di chiếu lập người con nuôi trưởng là Dục Đức, nhưng Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phế đi, lập Hồng Dật, đặt niên hiệu là Hiệp Hoà. Được bốn tháng, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết lại giết Hiệp Hoà, lập con nuôi thứ ba của Tự Đức là Ưng Đăng, đặt niên hiệu là Kiến Phúc.

(3) Bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* này bắt đầu biên soạn từ tháng 6 năm Tự Đức thứ 9 (7 - 1856), đến tháng 7 năm Kiến Phúc thứ nhất (9-1884), sử thần mới tiến dâng để giao khắc, nghĩa là hơn 28 năm mới làm xong.

không khác gì chính mình được thân nghe lời dạy bảo của vua. Thế là bệ hạ đã nối được chí nguyện của tiền vương, làm xong việc bỏ dở của tiền vương, mà lại ban thêm ơn huệ cho bọn sĩ phu nữa ; trước là sáng tỏ được dấu thơm "người sáng tác là bậc thánh, người hoàn thành là bậc minh", sau là làm gương sáng để soi việc thịnh suy mãi mãi. Thật là may cho thiên hạ, may cho muôn đời lắm. Chúng tôi xiết bao lo sợ, xin kính cẩn tiến dâng bài biểu này, mong lượng trên soi xét.

Viết ngày 21 tháng 7 niên hiệu Kiến Phúc thứ nhất (10–9–1884). Tnb. **6**

*

Bài biểu này dâng lên, được ngự phê chữ son : "Lãm[1]. Khâm thử"[2]

(1) Vua đã duyệt xem rồi.

(2) Xem chú thích ở *Tấu nghị*.

MỤC LỤC

TIỀN BIÊN

Quyển thứ 1

Từ Hùng Vương (thuộc Hồng Bàng thị, 2879–258 tr.c.ng. (?)) đến Triệu Ai Vương năm thứ 1 (112 tr.c.ng). Ml. **1**

Quyển thứ 2

Từ Triệu Vương Kiến Đức năm thứ 1 (111 tr.c.ng.) đến thuộc Hán, Hiến đế năm Kiến An thứ 12 (207 s.c.ng.).

Quyển thứ 3

Từ thuộc Hán, Hiến đế năm Kiến An thứ 15 (210) đến thuộc Lương, Vũ đế năm Phổ Thông thứ 4 (523).

Quyển thứ 4

Từ thuộc Lương, Vũ đế năm Đại Đồng thứ 7 (541) đến thuộc Đường, Ý Tông năm Hàm Thông thứ 2 (861).

Quyển thứ 5

Từ thuộc Đường, Ý Tông năm Hàm Thông thứ 3 (862) đến ngang với Tống Thái Tổ năm Kiền Đức thứ 5 (967). Ml.**2**

CHÍNH BIÊN

Quyển thứ 1

Gồm 40 năm. Từ năm Mậu Thìn, Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (968) đến năm Đinh Mùi, Lê đế Long Đĩnh niên hiệu Ứng Thiên thứ 14 (1007).

Quyển thứ 2

Gồm 32 năm. Từ năm Mậu Thân, Lê đế Long Đĩnh niên hiệu Cảnh Thuỵ thứ 1 (1008) đến năm Kỷ Mão, Lý Thái Tông niên hiệu Kiền phù hữu đạo thứ 1 (1039).

Quyển thứ 3

Gồm 52 năm. Từ năm Canh Thìn, Lý Thái Tông niên hiệu Kiền phù hữu đạo thứ 2 (1040) đến năm Tân Mùi, Lý Nhân Tông niên hiệu Quảng Hựu thứ 7 (1091).

Quyển thứ 4

Gồm 58 năm. Từ năm Nhâm Thân, Lý Nhân Tông niên hiệu Hội Phong thứ 1 (1092) đến năm Kỷ Tị, Lý Anh Tông niên hiệu Đại Định thứ 10 (1149). Ml. **3**

Quyển thứ 5

Gồm 76 năm. Từ năm Canh Ngọ, Lý Anh Tông niên hiệu Đại Định thứ 11 (1150) đến năm Ất Dậu, Lý Chiêu Hoàng niên hiệu Thiên chương hữu đạo thứ 2 (1225).

Quyển thứ 6

Gồm 33 năm. Từ năm Bính Tuất, Trần Thái Tông niên hiệu Kiến Trung thứ 2 (1226) đến năm Mậu Ngọ, Trần Thái Tông niên hiệu Nguyên Phong thứ 8 (1258).

Quyển thứ 7

Gồm 28 năm. Từ năm Kỷ Mùi, Trần Thái Tông niên hiệu Thiệu Long thứ 2 (1259) đến năm Bính Tuất, Trần Nhân Tông niên hiệu Trùng Hưng thứ 2 (1286).

Quyển thứ 8

Gồm 21 năm. Từ năm Đinh Hợi, Trần Nhân Tông niên hiệu Trùng Hưng thứ 3 (1287) đến năm Đinh Mùi, Trần Anh Tông niên hiệu Hưng Long thứ 15 (1307).

Quyển thứ 9

Gồm 42 năm. Từ năm Mậu Thân, Trần Anh Tông niên hiệu Hưng Long thứ 16 (1308) đến năm Kỷ Sửu, Trần Dụ Tông niên hiệu Thiệu Phong thứ 9 (1349). Ml. 4

Quyển thứ 10

Gồm 34 năm. Từ năm Canh Dần, Trần Dụ Tông niên hiệu Thiệu Phong năm thứ 10 (1350) đến năm Quý Hợi, Trần Đế Hiện niên hiệu Xương Phù thứ 7 (1383).

Quyển thứ 11

Gồm 19 năm. Từ năm Giáp Tí, Trần Đế Hiện niên hiệu Xương Phù thứ 8 (1384) đến năm Nhâm Ngọ, Hồ Hán Thương niên hiệu Thiệu Thành thứ 2 (1402).

Quyển thứ 12

Gồm 15 năm. Từ năm Quý Mùi, Hồ Hán Thương niên hiệu Khai Đại thứ 1 (1403) đến năm Đinh Dậu, thuộc Minh, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 15 (1417).

Quyển thứ 13

Gồm 9 năm. Từ năm Mậu Tuất, Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 1 (1418) đến năm Bính Ngọ, Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 9 (1426). Ml. 5

Quyển thứ 14

Gồm 1 năm. Từ tháng giêng năm Đinh Mùi, Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 10 (1427) đến tháng 12, năm Đinh Mùi, Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 10 (1427).

Quyển thứ 15

Gồm 6 năm. Từ năm Mậu Thân, Lê Thái Tổ niên hiệu Thuận Thiên thứ 1 (1428) đến năm Quý Sửu, Lê Thái Tổ niên hiệu Thuận Thiên thứ 6 (1433).

Quyển thứ 16

Gồm 3 năm. Từ năm Giáp Dần, Lê Thái Tông niên hiệu Thiệu Bình thứ 1 (1434) đến năm Bính Thìn, Lê Thái Tông niên hiệu Thiệu Bình thứ 3 (1436).

Quyển thứ 17

Gồm 11 năm. Từ năm Đinh Tị, Lê Thái Tông niên hiệu Thiệu Bình thứ 4(1437) đến năm Đinh Mão, Lê Nhân Tông niên hiệu Thái Hòa thứ 5 (1447).

Quyển thứ 18

Gồm 12 năm. Từ năm Mậu Thìn, Lê Nhân Tông niên hiệu Thái Hoà thứ 6 (1448) đến năm Kỷ Mão, Lê Nhân Tông niên hiệu Diên Ninh thứ 6 (1459). Ml. **6**

Quyển thứ 19

Gồm 6 năm. Từ năm Canh Thìn, Lê Thánh Tông niên hiệu Quang Thuận thứ 1 (1460) đến năm Ất Dậu, Lê Thánh Tông niên hiệu Quang Thuận thứ 6 (1465).

Quyển thứ 20

Gồm 1 năm có lẻ. Từ năm Bính Tuất, Lê Thánh Tông niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466) đến tháng 9, mùa thu, năm Đinh Hợi, Lê Thánh Tông niên hiệu Quang Thuận thứ 8 (1467).

Quyển thứ 21

Gồm 3 năm có lẻ. Từ tháng 10, mùa đông, năm Đinh Hợi, Lê Thánh Tông niên hiệu Quang Thuận thứ 8 (1467) đến năm Canh Dần, Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức thứ 1 (1470).

Quyển thứ 22

Gồm 4 năm. Từ năm Tân Mão, Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức thứ 2 (1471) đến năm Giáp Ngọ, Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức thứ 5 (1474).

Quyển thứ 23

Gồm 10 năm. Từ năm Ất Mùi, Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475) đến năm Giáp Thìn, Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484). Ml. 7

Quyển thứ 24

Gồm 15 năm. Từ năm Ất Tị, Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức thứ l6 (1485) đến năm Kỷ Mùi, Lê Hiến Tông niên hiệu Cảnh Thống thứ 2 (1499).

Quyển thứ 25

Gồm 10 năm. Từ năm Canh Thân, Lê Hiến Tông niên hiệu Cảnh Thống thứ 3 (1500) đến năm Kỷ Tị, Lê Uy Mục niên hiệu Đoan Khánh thứ 5 (1509).

Quyển thứ 26

Gồm 11 năm. Từ năm Canh Ngọ, Lê Tương Dực đế niên hiệu Hồng Thuận thứ 2 (1510) đến năm Kỷ Mão, Lê Chiêu Tông niên hiệu Quang Thiệu thứ 4 (1519).

Quyển thứ 27

Gồm 29 năm. Từ năm Canh Thìn, Lê Chiêu Tông niên hiệu Quang Thiệu thứ 5 (1520) đến năm Mậu Thân, Lê Trang Tông niên hiệu Nguyên Hoà thứ 16 (1548). Ml. **8**

Quyển thứ 28

Gồm 24 năm. Từ năm Kỷ Dậu, Lê Trung Tông niên hiệu Thuận Bình thứ 1 (1549) đến năm Nhâm Thân, Lê Anh Tông niên hiệu Hồng Phúc thứ 1 (1572) .

Quyển thứ 29

Gồm 20 năm. Từ năm Quý Dậu, Lê Anh Tông niên hiệu Hồng Phúc thứ 2 (1573) đến năm Nhâm Thìn, Lê Thế Tông niên hiệu Quang Hưng thứ 15 (1592).

Quyển thứ 30

Gồm 7 năm. Từ năm Quý Tị, Lê Thế Tông niên hiệu Quang Hưng thứ 16 (1593) đến năm Kỷ Hợi, Lê Thế Tông niên hiệu Quang Hưng thứ 22 (1599).

Quyển thứ 31

Gồm 44 năm. Từ năm Canh Tí, Lê Kính Tông niên hiệu Thuận - Đức thứ 1 (1600) đến năm Quý Mùi, Lê Thần Tông niên hiệu Dương Hòa thứ 9 (1643).

Quyển thứ 32

Gồm 19 năm. Từ năm Giáp Thân, Lê Chân Tông niên hiệu Phúc Thái thứ 2 (1644) đến năm Nhâm Dần, Lê Thần Tông niên hiệu Vạn Khánh thứ 1 (1662). Ml. **9**

Quyển thứ 33

Gồm 13 năm. Từ năm Quý Mão, Lê Huyền Tông niên hiệu Cảnh Trị thứ 1 (1663) đến năm Ất Mão, Lê Gia Tông niên hiệu Đức Nguyên thứ 2 (1675).

Quyển thứ 34

Gồm 30 năm. Từ năm Bính Thìn, Lê Hi Tông niên hiệu Vĩnh Trị thứ 1 (1676) đến năm Ất Dậu, Lê Hi Tông niên hiệu Chính Hoà thứ 26 (1705).

Quyển thứ 35

Gồm 16 năm. Từ năm Bính Tuất, Lê Dụ Tông niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706) đến năm Tân Sửu, Lê Dụ Tông niên hiệu Bảo Thái thứ 2 (1721).

Quyển thứ 36

Gồm 6 năm. Từ năm Nhâm Dần, Lê Dụ Tông niên hiệu Bảo Thái năm thứ 3 (1722) đến năm Đinh Mùi, Lê Dụ Tông niên hiệu Bảo Thái thứ 8 (1727).

Quyển thứ 37

Gồm 8 năm. Từ năm Mậu Thân, Lê Dụ Tông niên hiệu Bảo Thái thứ 9 (1728) đến năm Ất Mão, Lê Thuần Tông niên hiệu Long Đức thứ 4 (1735). Ml. **10**

Quyển thứ 38

Gồm 5 năm. Từ năm Bính Thìn, Lê Ý Tông niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) đến năm Canh Thân, Lê Ý Tông niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 6 (1740).

Quyển thứ 39

Gồm 3 năm. Từ năm Tân Dậu, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 2 (1741) đến năm Quý Hợi, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 4 (1743).

Quyển thứ 40

Gồm 6 năm. Từ năm Giáp Tí, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 5 (1744) đến năm Kỷ Tị, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 10 (1749).

Quyển thứ 41

Gồm 7 năm. Từ năm Canh Ngọ, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 11 (1750) đến năm Bính Tí, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 17 (1756). Ml. **11**

Quyển thứ 42

Gồm 10 năm. Từ năm Đinh Sửu, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 18 (1757) đến năm Bính Tuất, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 27 (1766).

Quyển thứ 43

Gồm 5 năm. Từ năm Đinh Hợi, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 28 (1767) đến năm Tân Mão, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32 (1771).

Quyển thứ 44

Gồm 5 năm. Từ năm Nhâm Thìn, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 33 (1772) đến năm Bính Thân, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 37 (1776).

Quyển thứ 45

Gồm 6 năm. Từ năm Đinh Dậu, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 38 (1777) đến năm Nhâm Dần, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 43 (1782).

Quyển thứ 46

Gồm 4 năm. Từ năm Quý Mão, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783) đến năm Bính Ngọ, Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47 (1786). Ml. **12**

Quyển thứ 47

Gồm 3 năm. Từ năm Đinh Mùi, Lê Mẫn đế niên hiệu Chiêu Thống thứ 1 (1787) đến năm Kỷ Dậu, Lê Mẫn đế niên hiệu Chiêu Thống thứ 3 (1789).

KHÂM ĐỊNH
VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

TIỀN BIÊN
QUYỂN THỨ 1

Hùng Vương. Dựng nước gọi là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu. Tb. I, 1

Hồng Bàng thị. Đầu là Kinh Dương Vương, tương truyền là vua trước tiên của nước Việt ta. Kinh Dương Vương sinh Lạc Long Quân. Hùng Vương là con Lạc Long Quân.

Nguyên xưa, Đế Minh, cháu ba đời Viêm đế Thần Nông thị[1] đi tuần sang Nam, đến Ngũ Lĩnh[2], lấy Vụ tiên nữ, sinh con là Lộc Tục có đức tính hoàn toàn. Đế Minh yêu Lộc Tục lắm, muốn truyền ngôi cho, nhưng Lộc Tục cố nhường cho anh là Nghi. Bấy giờ mới lập Đế Nghi làm vua nối ngôi, thống trị phương Bắc (Trung Quốc), phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương, thống trị phương Nam.

Kinh Dương Vương sinh con là Sùng Lãm, gọi là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, sinh trăm con trai. Ấy là tổ

---

(1) Thần Nông thị, một vua đời thượng cổ Trung Quốc, lấy lửa tượng trưng cho đức tính mình, nên gọi là Viêm đế, bắt đầu chế cày bừa, dạy dân làm ruộng, nên gọi là Thần Nông thị.

(2) Xem *Tb*.1,14-15

tiên của Bách Việt[1], suy tôn người trưởng lên làm Hùng Vương, nối ngôi vua, dựng nước gọi là nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu ; truyền nối mười tám đời đều gọi là Hùng Vương.

Thời bấy giờ, cư dân khi xuống nước, hay bị loài giao long làm hại, Hùng Vương dạy dân lấy mực vẽ hình loài thuỷ quái xăm vào mình. Từ đó mới tránh khỏi nạn. Nước ta cái tục xăm mình có lẽ bắt đầu từ đấy.

Lời cẩn án – *Phong Châu :* Sử cũ *chua "tức là Bạch Hạc".* Đường thư *Địa lý chí chép :"Phong Châu thống lĩnh năm huyện".* Thái Bình hoàn vũ ký *của Nhạc Sử triều Tống chép : "Quận Thừa Hoá Phong Châu xưa là nước Văn Lang". Như thế thì Phong Châu tức là địa hạt phủ Vĩnh Tường*[2] *và phủ Lâm Thao*[3] *thuộc tỉnh Sơn Tây bây giờ. Vả lại, còn bằng cứ là huyện Sơn Vi có núi Hùng Vương*[4] *và đền Hùng Vương*[5]*, vậy không thể riêng chỉ Bạch Hạc được. Còn Đế Minh chưa từng đi tuần sang Nam, việc bảo là lấy vợ tiên nữ thì thật là quái lạ lắm. Nhưng hãng cứ chép lại để truyền nghi.* Tb. I, 2

Lời chua – *Sinh trăm con trai* : Sử cũ chép Lạc Long Quân lấy âu Cơ, con gái Đế Lai, sinh được trăm con trai ; tục truyền đẻ ra trăm trứng. Một hôm, Lạc Long Quân bảo Âu Cơ : "Ta là loài rồng, mình là giống tiên, một người mình thuỷ, một người mình hoả, xung khắc nhau, khó ở chung mãi với nhau được". Hai người bèn từ biệt nhau, chia năm mươi con theo mẹ về miền núi, chia năm mươi con theo cha về miền Nam, suy tôn người con trưởng lên làm Hùng Vương nối ngôi vua.

---

(1) Xưa, đất vùng các tỉnh Giang, Chiết, Mân, Việt là chỗ Việt tộc ở, gọi là Bách Việt, như : Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở Việt Nam...

(2) Vĩnh Tường nay thuộc Vĩnh Phúc.

(3) Lâm Thao nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

(4), (5) Nay ở địa phận huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

Truyền mười tám đời : *An Nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng chép : "Giao Chỉ khi chưa đặt làm quận huyện, bấy giờ có ruộng Lạc, theo nước triều lên xuống mà làm ruộng, khai khẩn ruộng ấy là Lạc dân, thống trị dân ấy là Lạc Vương, người giúp việc là Lạc Tướng : đều dùng ấn đồng thao xanh. Nước gọi là Văn Lang. Phong tục thuần hậu, mộc mạc, chưa có chữ nghĩa, còn dùng lối thắt nút dây làm dấu ghi nhớ ; truyền được mười tám đời".

Lời phê – Kinh Thi có câu : *"Tắc bách tư nam" (hàng trăm con trai). Đó là chúc tụng cho nhiều con trai đấy thôi, xét đến sự thực cũng chưa đến số ấy, huống chi lại nói là đẻ ra trăm trứng ! Nếu quả vậy, thì khác gì chim muông, sao gọi là loài người được ? Dẫu đến như chuyện nuốt trứng chim huyền điểu*[1]*, dẫm vào dấu chân người lớn*[2] *cũng chưa quái lạ quá lắm như thế. Vậy thì chuyện này dường cũng hoang đường, lờ mờ, không kê cứu như chuyện "mình rắn đầu người, mình người đầu trâu đó chăng ?"*

Chia trong nước làm mười lăm bộ Tb.I, 3

Bắt đầu chia trong nước làm mười lăm bộ[3] là :
bộ Giao Chỉ, bộ Chu Diên, bộ Vũ Ninh, bộ Phúc Lộc, bộ Việt Thường, bộ Ninh Hải, bộ Dương Tuyền, bộ Lục Hải, bộ Vũ Định, bộ Hoài Hoan, bộ Cửu Châu, bộ Bình Văn, bộ Tân Hưng, bộ Cửu Đức, còn bộ Văn Lang là chỗ nhà vua đóng đô. Địa giới nước Văn Lang bấy giờ phía đông giáp biển Nam, phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Động Đình Hồ, phía nam giáp Hồ Tôn.

---

(1) Vợ thứ Đế Cốc là Giản Địch, cầu tự ở thần Cao Môi, bắt được quả trứng chim huyền điểu, nuốt rồi có mang. sinh ra ông Tiết, làm quan tư đồ đời Đường, Ngu, được phong ở đất Thương, tức là tiên tổ nhà Ân Thương. *(Lịch sử cương mục bổ 1,11).*

(2) Mẹ Phục Hi ở bến Hoa Tư, dẫm vào vết chân của người to lớn, trong bụng thấy cảm động, rồi sinh ra Phục Hi. *(Thông giám tập lãm 1,1).*

(3) Xem *lời chua* ở sau.

Lời cẩn án – *Địa giới nước ta từ Trần (1225 - 1399), Lê (1428 - 1527) về trước, phía đông giáp biển, phía tây giáp Vân Nam, phía nam giáp Chiêm Thành, phía bắc giáp Quảng Tây, phía đông bắc giáp Quảng Đông, phía tây nam giáp Lão Qua. So sánh với các sách dư địa quận quốc thiên hạ chép nước An Nam phía đông giáp biển, phía tây giáp tỉnh Vân Nam và nước Lão Qua, phía nam giáp nước Chiêm Thành, phía bắc giáp tỉnh Quảng Tây thì đại lược cũng giống nhau.*

Đến Quốc triều(1) *ta, liệt thánh*(2) *gây dựng cơ sở ở miền Nam, rồi Thế tổ Cao hoàng đế*(3) *ta đại định đất nước, thống nhất cả nước Việt : đông giáp biển cả, tây giáp Vân Nam, nam giáp Cao Miên, bắc giáp Quảng Đông và Quảng Tây : bờ cõi rộng rãi, chưa có đời nào được thế. Nhưng cách hồ Động Đình và đất Ba Thục còn xa lắm, thế mà* Sử cũ *chép nước Văn Lang phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Động Đình, chẳng cũng xa sự thực lắm dư ! Này, Động Đình giáp hai tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc, thực ra ở về phía bắc Bách Việt ; mà Ba Thục với Văn Lang còn cách Tuấn Điển (nay thuộc Vân Nam) không liền đất nhau. Chẳng qua* Sử cũ *chép quá khoa trương. Việc này với việc Thục Vương sau đây đều là hư truyền cả, mà chưa khảo cứu được. Vả lại, mười lăm bộ đã chia đó đều ở trong địa hạt Giao Chỉ và Chu Diên, chứ không có bộ nào ở về phương Bắc (Trung Quốc). Như thế đủ chứng tỏ là không đúng sự thực.* Tb. **I,** 4

Lời phê – *Theo sách* Đại Thanh nhất thống chí *ngày nay, Quảng Tây với Hồ Nam, Hồ Bắc, Vân Nam và Tứ Xuyên, tức là đất Sở và Thục xưa đó. Nào biết giáp giới những đâu ! Đại để nhiều sự việc trong* Việt sử *thất truyền đã lâu, không còn dựa vào đâu mà khảo đính được nữa. Mọi việc khác cũng đại loại như thế đấy.*

---

(1) Triều Nguyễn.

(2) Chỉ các chúa Nguyễn.

(3) Miếu hiệu của Gia Long Nguyễn Ánh.

Lời chua – *Mười lăm bộ* : Trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiên Túng có chua : Sơn Nam (bây giờ là Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên)(1) xưa là bộ Giao Chỉ ;

Sơn Tây xưa là bộ Chu Diên, bộ Phúc Lộc ;

Kinh Bắc (nay là Bắc Ninh)(2)xưa là bộ Vũ Ninh ;

Thuận Hoá (bây giờ là từ Hải Lăng thuộc Quảng Trị đến Điện Bàn thuộc Quảng Nam)(3) xưa là bộ Việt Thường ;

An Bang (bây giờ là Quảng Yên)(4) xưa là bộ Ninh Hải ;

Hải Dương xưa là bộ Dương Tuyền ; Tb.I, 5

Lạng Sơn xưa là bộ Lục Hải ;

Thái Nguyên, Cao Bằng xưa là bộ Vũ Định nội ngoại ;

Nghệ An xưa là bộ Hoài Hoan ;

Thanh Hoá xưa là bộ Cửu Chân ;

Hưng Hoá và Tuyên Quang xưa là bộ Tân Hưng ;

Còn hai bộ Bình Văn và Cửu Đức thì đều khuyết nghi. Nay khảo ở sách *Tấn chí*, quận Cửu Đức, do nhà Ngô đặt, nay là đất Hà Tĩnh.

Hồ Tôn, *Sử cũ* chua tức là nước Chiêm Thành, bây giờ là đất Bình Định.

Đặt danh hiệu quan chức.

Bắt đầu đặt quan chức : tướng văn gọi là Lạc Hầu ; tướng võ gọi là Lạc tướng ; hữu tư(5) gọi là Bồ chính ; con trai của vua gọi là

---

(1) Sơn Nam nay gồm các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình (đến Lê Cảnh Hưng thứ 2 (1741) đặt làm Thanh Hoa ngoại trấn) và các huyện Kim Động, Ân Thi, Châu Giang (phần huyện Khoái Châu cũ) thuộc tỉnh Hưng Yên ; Thanh Trì (Hà Nội) ; Thường Tín, Ứng Hoà, Phú Xuyên (Hà Tây).

(2) Nay là Bắc Giang, Bắc Ninh.

(3) Gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

(4) Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

(5) Quan chức nói chung, đời cổ đặt quan chức chia công việc, mỗi người chuyên giữ một nhiệm vụ riêng. Hữu tư đây có lẽ là viên chức hành chính cấp dưới.

Quan Lang, con gái của vua gọi là Mị Nương. Cứ đời nọ đến đời kia, cha truyền con nối, gọi là phụ đạo.

Đế Nghiêu nhà Đường[1] sai Hi Thúc[2] giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, lý hội thời tiết mùa hè *(lý nam ngoa).*

Kinh Thư, thiên "Nghiêu điển" chép : vua Nghiêu lại sai Hi Thúc giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, điều hoà mọi việc theo thời tiết sớm muộn về mùa hè, kính cẩn ghi bóng mặt trời lúc đến giữa trưa, theo như thời tiết hạ chí[3], ban ngày thì ngày dài, ban đêm thì lúc chập tối sao trung tinh là đại hoả, suy trắc lại cẩn thận, để cho tháng trọng hạ[4] được đúng với thời tiết ; lại phải xem xét đến việc thay đổi của người và vật : lúc ấy dân ở phân tán, chim muông lông thưa thớt và thay đổi.

Lời chua – Theo *Tập truyện* của họ Thái[5] :

Nam Giao : Đất Giao Chỉ ở phương Nam.

Nam Ngoa[6] : Mùa hè là mùa mọi vật sinh sản phồn thịnh, cần suy trắc kỹ để thay đổi những việc nên làm. – Theo sách *Thông chí*

---

(1) Một vua trong ngũ đế về thời thượng cổ Trung Quốc (2257- 2258 tr.c.ng.), con Đế Khốc, họ là Y Kỳ, hiệu là Phóng Huân, lúc đầu được phong là Đường hầu, khi làm vua đóng đô ở đất Đào, nên gọi là Đào đường thị, trị vì 100 năm, truyền ngôi cho Ngu Thuấn.

(2) Một trong bốn viên quan (Hi Trọng, Hi Thúc, Hoà Trọng, Hoà Thúc) giữ việc làm lịch về đời Đế Nghiêu. Khi lịch đã làm xong, Đế Nghiêu sợ suy trắc hoặc có chỗ sai lầm, nên lại phân phối bốn viên quan ấy mỗi người giữ việc suy trắc kỹ lại khí hậu ở một phương, về phần Hi Thúc chịu trách nhiệm ở Nam Giao.

(3) Vào giữa tháng 5 âm lịch, ngày 21 hoặc 22 tháng 6 dương lịch, ngày hôm ấy ở Bắc bán cầu ngày rất dài, đêm rất ngắn, ở Nam bán cầu thì trái lại.

(4) Âm lịch chia mỗi mùa 3 tháng, theo thứ tự mạnh, trọng, quý ; trọng hạ là giữa mùa hè, tức tháng 5 âm lịch.

(5) Tên là Trừng, tự là Trọng Mặc, người huyện Kiến Dương, phủ Kiến Ninh, tức đạo Kiến An thuộc tỉnh Phúc Kiến Trung Quốc bây giờ. Thái Trừng là người làm **Tập truyện kinh Thư**.

(6) Phần *Cương* trong nguyên văn có ba chữ "lý nam ngoa", nên trong *Lời chua* này mới nói đến.

của Trịnh Tiều[1], Hi Thúc đóng ở Nam Giao, lý hội thời tiết về mùa hè, để cho đúng tiết hạ chí.

Lần đầu tiên sai sứ sang nhà Đường (2357-2258 tr.c.ng.) dâng con rùa thần. Tb. I, 6

Sách *Cương mục Tiền biên* của Kim Lý Tường chép rằng : Năm Mậu Thân thứ năm đời Đường Nghiêu, Việt Thường thị sang chầu, dâng con rùa thần.

Lời chua – *Rùa thần* : Theo *Thông chí* của Trịnh Tiều, về đời Đào Đường, phương Nam có Việt Thường thị qua hai lần sứ dịch sang chầu, dâng con rùa thần ; có lẽ nó được đến nghìn năm, mình nó hơn ba thước[2], trên lưng có văn khoa đẩu[3] ghi việc từ khi trời đất mới mở mang trở về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là *Quy lịch* (lịch Rùa).

Sai sứ sang nhà Chu, dâng chim trĩ trắng.

Sử ký (Trung Quốc) chép : Năm Tân Mão thứ sáu (1110 tr.c.ng.) đời Thành Vương nhà Chu, phía Nam bộ Giao Chỉ có Việt Thường thị qua ba lần sứ dịch, sang dâng chim trĩ trắng. Chu công nói : "Đức trạch chưa thấm khắp đến phương xa, người quân tử không nhận đồ lễ ra mắt ; chính lệnh chưa ban ra tới, người quân tử không bắt người ta thần phục". Theo lời thông dịch, sứ giả muốn nói : "Ông già trong nước chúng tôi có nói : "Trời mưa không dầm gió dữ và biển không nổi sóng đã ba năm nay, ý chừng Trung Quốc có thánh nhân chăng ?" Vì thế, chúng tôi sang chầu". Chu Công đem dâng lễ vật lên nhà tôn miếu. Sứ giả không thuộc đường về, Chu Công cho năm cỗ xe biền[4] đều làm theo lối chỉ nam. Sứ giả đi xe ấy theo ven biển nước Phù Nam và nước Lâm Ấp, vừa một năm mới về đến nước.

---

(1) Tên tự là Nghi Trọng, người ở Phủ Điền, tức đạo Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến bây giờ, Trinh Tiều làm quan Khu mật viện biên tu triều Tống, có làm sách *Thông chí* 200 quyển.

(2) Thước cổ, độ 32 công phân (0m32).

(3) Lối chữ cổ đời nhà Chu (1134- 250 tr.c.ng.) : đầu to, đuôi nhỏ, giống con nòng nọc, nên tục gọi là lối chữ "khoa đẩu" (nòng nọc).

(4) Thứ xe dùng cho phụ nữ, có vải che.

Lời chua – *Phù Nam* : Theo *Phương dư kỷ yếu,* nước Phù Nam ở trong cù lao lớn về phía tây Nam Hải thuộc quận Nhật Nam và ở về phía tây nam nước Lâm Ấp, cách quận Nhật Nam bảy nghìn dặm về phía Bắc, cách nước Lâm Ấp hơn ba nghìn dặm về phía tây, diện tích được hơn ba nghìn dặm.

Lâm Ấp : Tên nước. Xem năm Vĩnh Hoà thứ 9 khi thuộc Tấn, Mục đế (Tb 3, 20 - 21). Tb. **I**, 7

Thục vương Phán đem quân sang xâm lược. Hùng Vương nhảy xuống giếng chết. Nước Văn Lang mất.

Trước kia, Hùng Vương có con gái gọi là Mị Nương. Thục vương nghe tin, sai sứ đến cầu hôn. Hùng Vương muốn gả cho, nhưng Lạc Hầu can rằng : "Ý nó muốn toan tính ta đây, chẳng qua mượn tiếng cầu hôn đó thôi". Thành thử việc đó thôi hẳn. Thục vương căm giận lắm, dặn con cháu sau thế nào cũng phải diệt nước Văn Lang. Đến bấy giờ, cháu là Thục Phán có sức mạnh và mưu lược, nhiều lần đem quân đánh Hùng Vương. Hùng Vương quân giỏi, tướng mạnh, hễ ra đánh, quân Thục thua liền. Hùng Vương nói : "Ta đây có thần lực, Thục không sợ ư ?" Rồi cứ lề mề chè chén để mua vui, không lo đến việc vũ bị. Quân Thục kéo đến, Hùng Vương hãy còn say mềm chưa tỉnh. Kịp khi giặc đến gần, bức bách gấp rồi, nhà vua thổ ra huyết, gieo mình xuống giếng ; còn quân thì quay giáo đầu hàng. Nước Văn Lang mất.

Lời cẩn án – Sử cũ *phần* Ngoại kỷ *chép Hồng Bàng thị bắt đầu từ Kinh Dương Vương thụ phong năm Nhâm Tuất (2879 tr.c.ng.?) cùng thời với Đế Nghi, truyền đến Hùng Vương đời cuối cùng là năm Quý Mão (258 tr.c.ng?), tức năm thứ năm mươi bảy đời Noãn Vương nhà Chu thì mất nước, tất cả là hai nghìn sáu trăm hai mươi hai năm. Sự đó không biết* Sử cũ *khảo cứu ở đâu, bây giờ cũng hãy cứ chép lại để phòng khi tra xét.* Tb. **I**, 8

Năm Giáp Thìn (267 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 1 ; Chu Noãn vương năm thứ 58).

Thục Vương đã lấy được nước Văn Lang, đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Sử cũ chép : vua, họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục. Bấy giờ nhà vua đã lấy được Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Lời cẩn án – *Nước Thục, từ năm thứ 5 đời Thận Tĩnh Vương nhà Chu (316 tr.c.ng.), đã bị nhà Tần diệt rồi, làm gì còn có vua nữa ? Huống Chi từ Thục đến Văn Lang, còn có đất Kiện Vi (nay thuộc Vân Nam), đất Dạ Lang, đất Cùng, đất Tác và đất Nhiễm Mang (những đất này xưa là đất rợ mọi ở về phía tây và nam, nay thuộc Vân Nam), cách nhau hàng hai ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy nước Văn Lang* ? Sử cũ *đã chép "cháu Thục Vương là Phán", lại chép "An Dương Vương họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục", hoặc giả ngoài cõi Tây Bắc giáp với nước Văn Lang, còn có họ Thục khác mà* Sử cũ *liền nhận là Thục Vương chăng* ? *chứ nếu bảo Thục Vương đây lại là người ở Ba Thục thì không phải.*

Lời chua – *Phong Khê* : Bây giờ là thành Cổ Loa, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh[1].

Âu Lạc : Theo *Dư địa chí* của Cổ Hi Phùng, Giao Chỉ về đời Chu gọi là Lạc Việt, về đời Tần gọi là Tây Âu, thế thì đất Tây Âu Lạc lại ở về phía tây Phiên Ngô. Theo *Giao Quảng ký* của Hoàng Sâm, Giao Chỉ có ruộng Lạc Điền, khai khẩn theo nước triều lên xuống. Người "ăn" hoa lợi ruộng ấy là Lạc Hầu. Các huyện[2] tự gọi là Lạc tướng. Sau này con Thục Vương đem quân đánh Lạc Hầu, tự xưng là An Dương Vương, lỵ sở ở đất Phong Khê.

---

(1) Hiện nay, Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

(2) Huyện đây là một danh từ để gọi chung cho khu vực ở từng địa phương, chứ không phải như tên các quận huyện, châu huyện, phủ huyện sau này.

Năm Bính Ngọ (255 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 3 ; Chu Đông - chu quân năm thứ 1).

Tháng ba, mùa xuân, đắp xong Loa thành.

Vua Thục đắp thành ở Phong Khê, rộng đến nghìn trượng, xoáy tròn như hình trôn ốc, nên gọi là Loa thành, lại gọi là thành Tư Long.

Lời chua – *Loa thành* : Theo *An Nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng, Loa thành ở huyện Đông Ngàn, xoáy tròn chín vòng như hình trôn ốc, kiểu làm do An Dương Vương sáng tạo, lại gọi là thành Khả Lũ[1]. Trong thành còn nền cung vua An Dương ngày trước.

Thành Tư Long : Người Đường[2] gọi là thành Côn Luân, ý nói thành ấy cao lắm.

Năm Đinh Hợi (214 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 44 ; Tần Thuỷ Hoàng năm thứ 33). Tb. I, 10

Nhà Tần sai Đồ Thư và Sử Lộc sang lấy đất Lĩnh Nam, đặt ra Tượng quận.

Bấy giờ nhà Tần hám đất Việt có nhiều ngọc trai và ngọc cơ[3], muốn chiếm lấy đặt làm quận huyện[4], mới bắt kẻ trốn

---

(1) Trong *An Nam chí nguyên* còn thêm : "Chỗ đóng đô của An Dương Vương vốn là đất Việt, nên người sau gọi là Việt vương thành" (tr.135)

(2) Tức người Trung Quốc, nói chung. Thời đại nhà Đường lúc toàn thịnh, uy danh vang dội các nước ở phía tây phía nam Trung Quốc, lúc bấy giờ người Trung Quốc ra trú ngụ ở nước ngoài thường tự xưng là "người Đường 唐人 ", nay các Hoa Kiều ở Nam Dương vẫn còn giữ tên gọi ấy. Ở Quảng Đông họ gọi người trong nước là người Đường, bữa cơm ăn gọi là bữa cơm Đường.

(3) Thứ ngọc trai không tròn gọi là "cơ".

(4) Giới hạn khu vực của từng địa phương, Tần Thuỷ Hoàng thống nhất thiên hạ, chia trong nước ra làm 36 quận, các huyện tuỳ theo địa thế thông thuộc vào quận, chính trị quận huyện bắt đầu từ đấy.

tránh, người gửi rể và lái buôn ở các đạo đi làm lính, sai Hiệu uý là Đồ Thư làm tướng, Sử Lộc thì khơi cừ lấy lối tải lương, đi sâu vào cõi Lĩnh Nam, cướp lấy đất Lục Lương, đặt ra Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận để đày những kẻ phải đi thú[1]. Người Việt bấy giờ đều rủ nhau núp vào trong rừng rậm, không ai chịu để cho người Tần dùng. Lại ngầm bầu những người tài giỏi lên làm tướng, đánh nhau với người Tần, giết được Hiệu uý Đồ Thư.

Lời chua – *Việc Sử Lộc khai cừ lấy lối tải lương* : Theo *Lĩnh Nam di thư* của Âu Đại Nhâm, tiên tổ Sử Lộc là người nước Việt. Khi nhà Tần sang đánh Bách Việt, sai Hiệu uý Đồ Thư chia binh sĩ làm năm quân, cắt Lộc tải lương, khai cừ để tiện lối chở lương thực. Lộc bèn khơi nguồn nước từ núi Dương Sơn (thuộc Phiên Ngung) xuôi xuống, thấy rằng theo sông Tương chảy về phía Bắc, đổ vào sông Sở Dung, là hạ lưu sông Tường Kha chảy về phía Nam đổ ra biển mà vận tải lương thực thì thật vất vả. Lộc bấy giờ mới lượng tính làm ra cái đập để nước xói mạnh vào trong bãi cát sỏi, rồi xếp đá làm vũng, lái nước sông Tương đổ ra. Nước chảy xói đi hàng 60 dặm. Lại đặt ra 36 cửa đập, hễ thuyền qua một cửa đập thì đóng cửa đập ấy lại, khiến cho nước tụ lại, đầy lên dần dần. Vì thế thuyền có thể lần theo sườn núi mà lên, dễ dàng mà xuống. Không những thuyền bè đi lại được, mà lấy nước vào ruộng cày cấy cũng tiện. Người ta gọi cừ ấy là Linh Cừ. Theo *Thái bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử nhà Tống, nhà Tần có đào cái cừ ở về phía nam huyện Hưng An (nay thuộc Quế Châu) hai mươi dặm. Gốc tận sông Ly, từ phía Bắc núi Thác Sơn, chảy về Tây Bắc, đến phía tây nam huyện Hưng An, hợp với Linh Cừ năm dặm mới chia ra hai dòng. Xưa, nhà Tần Tb. I, 11

(1) Những người có nhiệm vụ phải giữ biên giới gọi là "lính thú" ; người có tội phải đày đi làm việc ngoài biên giới gọi là "đày đi thú".

sai ngự sử giám, tên là Lộc, từ huyện Linh Lăng đào cừ đến Quế Lâm tức là đấy.

Lục lương : Như Thuần có nói : "Ở miền Giang Nam, bài *Chính nghĩa* về *Sử ký* (Trung Quốc) cho rằng người Lĩnh Nam phần nhiều ở về đất núi, tính mạnh tợn, nên gọi là "Lục lương"[1].

Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận : Theo sách *Lĩnh ngoại đại đáp của* Chu Khứ Phi nhà Tống, ba quận ấy là đất Bách Việt ngày trước, từ Tần Thuỷ Hoàng lấy được thiên hạ, mở núi dọn đường, cướp lấy đất Dương, Việt, đặt ra Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận. Bấy giờ tỉnh Quảng Tây tức là Quế Lâm, tỉnh Quảng Đông tức là Nam Hải, đất Giao Chỉ tức là Tượng Quận đời Tần. Đến Hán Vũ đế bình định được Nam Hải mới tách Quế Lâm đời Tần làm hai là Uất Lâm và Thương Ngô ; tách Tượng Quận làm ba là Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Lại xắn bớt đất Nam Hải và Tượng Quận đặt ra quận Hợp Phố. Rồi, từ huyện Từ Văn, vượt biển sang lấy hai quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ ở phía nam biển, đặt thứ sử tại Giao Châu. Tiếng rằng nhà Hán chia ra chín quận, nhiều hơn nhà Tần, nhưng cầm quyền thống trị thì chỉ có một thứ sử ở Giao Châu thôi. Đến nhà Ngô chia ra làm đôi, tên gọi Giao Châu, Quảng Châu mới có từ đó. Bây giờ Giao Châu thì lỵ sở ở Long Biên, Quảng Châu thì lỵ sở ở Phiên Ngung, quy mô cũng như nhà Hán trước, duy có toà suý phủ khác chỗ thôi. Đường Cao Tông bắt đầu đặt An Nam đô hộ phủ ở Giao Châu. Giữa niên hiệu Hoàng Hựu (1049 - 1053) bản triều (triều Tống) đặt chức An Phủ và chức Kinh Lược ở Quế Lâm. Toà suý phủ ở Tây Đạo lập lên là trước từ đấy. Đến bây giờ, Bát Quế[2], Phiên Ngung và Long Biên đứng đối nhau như ba chân vạc là theo kiểu cũ của Tần.

Tb. I, 12

(1) Đời Tần gọi Quảng Đông và Quảng Tây bây giờ là đất Lục Lương (*Từ nguyên, tuất tập*, tr. 126).

(2) Ở phía tây Phiên Ngung ; nay là Quảng Tây (Trung Quốc).

Phụ lục – Sử cũ *chép : bấy giờ (đời Thục) Lý Ông Trọng, người huyện Từ Liêm*[1], *Giao Chỉ nước ta, mình dài hai trượng ba thước*[2], *sang làm quan nhà Tần, đến chức Tư Lệ hiệu uý, đem quân giữ huyện Lâm Thao*[3], *danh tiếng lừng khắp Hung Nô. Khi tuổi già, thôi làm quan về, mất ở quê nhà. Tần Thuỷ Hoàng cho là một sự lạ, mới đúc tượng đồng để ở cửa Tư Mã cung Hàm Dương. Tượng ấy ruột rỗng, trong chứa được vài mươi người, có máy rung động được. Hung Nô tưởng là Hiệu Uý sống, không dám đến xâm phạm. Về sau, đến đời Đường, Triệu Xương sang làm đô hộ Giao Châu, thường có đêm nằm chiêm bao cùng ông Lý Ông Trọng giảng sách* Xuân thu Tả truyện, *nhân thế mới hỏi thăm đến chỗ nhà cũ Ông Trọng, lập đền để thờ. Kịp khi Cao Biền đi đánh Nam Chiếu, Ông Trọng thường hiển linh giúp cho thắng trận. Cao Biền lại tu sửa đền miếu, tạc tượng gỗ, gọi là đền Lý Hiệu Uý.* Tb. I, 13

Lời chua – *Lý Ông Trọng* : theo sách *An Nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng, Lý Ông Trọng, mình dài hai trượng ba thước, khí lượng nghiêm trang, thể chất trọng hậu, khác hẳn người thường. Thủa trẻ, làm chức huyện lại, bị viên Đốc Bưu[4] đánh đòn, Ông Trọng than rằng : "Người ta ở đời mà phải chịu như thế dư !" Bấy giờ mới sang Trung Quốc, học sử sách, rồi làm quan với nhà Tần. Tần Thuỷ Hoàng sai Ông Trọng đem quân giữ Lâm Thao : danh tiếng ông rung động cả Hung Nô. Nhà Tần cho đó là việc tốt lành. Kịp khi ông mất, nhà Tần đúc đồng làm tượng, đem đặt ở ngoài cửa Tư Mã cung Hàm Dương. Trong ruột pho tượng ấy có thể chứa được vài mươi người. Hung Nô vào đất Tần, trông thấy pho tượng, tưởng Ông Trọng hãy còn sống.

Sách *Đại Thanh nhất thống chí* và sách *Quảng dư ký* (của Lục Bá Sinh) đều chép là Nguyễn Ông Trọng.

---

(1) Làng Chèm, nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

(2) Thước cổ, ước chừng 32 công phân (0m32).

(3) Xem *Lời chua* ở sau.

(4) Một chức quan, đặt ra từ đời Hán, giúp viên thái thú trong quận, giữ việc xem xét sự lầm lỗi của những người dưới quyền mình.

Đền Lý Hiệu Uý : Ở xã Thuỵ Hương, huyện Từ Liêm, Hà Nội, nay hãy còn.

Lâm Thao : Tên huyện. Đời Tần thuộc quận Lũng Tây ; đời Thanh là đất phủ Lâm Thao tỉnh Thiểm Tây[1] (Trung Quốc).

Nam Chiếu : Xem thuộc Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 6, (Tb.4, 35–36).

Nhà Tần dùng Nhâm Hiêu[2] làm chức uý[3] quận Nam Hải và Triệu Đà làm chức lệnh[4] huyện Long Xuyên. Tb. I, 14

Nhà Tần sai Nhâm Hiêu và Triệu Đà đem năm mươi vạn dân bị tội đày sang thú ở đất Ngũ Lĩnh. Hiêu và Đà mới âm mưu làm việc cát cứ kiêm tính.

Lời chua – *Long Xuyên* : Tên huyện, thuộc quận Nam Hải ; nay là đất Tuần Châu (Trung Quốc). Tb. I, 15

Ngũ Lĩnh : theo sách *Nam Khang ký* của Đặng Đức Minh, Ngũ Lĩnh có năm quả núi : Đài Lĩnh là quả núi thứ nhất, ở đất Đại Dũ ; Kỵ Điền là quả núi thứ hai, ở đất Quế Dương ; Đô Bàng là quả núi thứ ba, ở đất Cửu Chân (nay là tỉnh Thanh Hoá) ; Manh Chử là quả núi thứ tư, ở đất Lâm Hạ ; Việt Thành là quả núi thứ năm, ở đất Thuỷ An. Theo sách *Quảng châu ký* của Bùi Uyên, Ngũ lĩnh là Đại Dũ, Thuỷ An, Lâm Hạ, Quế Dương và Yết Dương, bây giờ trong địa phận tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây. Phương Dĩ Trí có nói : "Kể đến Cửu Chân thì xa quá, nên cho thuyết sau là phải hơn". Sách *Lĩnh Ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi chép rằng : "Từ nhà Tần, có vấn đề Ngũ Lĩnh, mọi thuyết đều cho là chỉ vào núi mà gọi tên cả. Bây giờ xét ra, đó là năm đường đi vào Ngũ Lĩnh, chứ không cứ phải là núi đâu : Con đường từ tỉnh Phúc Kiến qua sông Thinh, vào

(1) Nay thuộc tỉnh Cam Túc (*Từ Hải*, tr.1107).

(2) Có âm nữa là Ngao.

(3) Chức quan thời nhà Tần, đứng đầu một quận.

(4) Chức quan đứng đầu một huyện.

tỉnh Quảng Đông, sang núi Tuần Mai, là một ; con đường từ tỉnh Giang Tây đi Nam An, qua núi Đại Dũ, vào Nam Hùng, là hai ; con đường từ tỉnh Hồ Nam đi sang đất Thâm rồi vào đất Liên, là ba ; con đường từ Đạo Châu vào Quảng Tây rồi đi huyện Lâm Hạ, là bốn ; con đường từ Toàn Châu vào Tĩnh Giang, là năm.

Năm Tân Mão (210 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 48; Tần Thuỷ Hoàng năm thứ 37).

Nhâm Hiêu và Triệu Đà nhà Tần đem quân sang xâm lược. Thục vương cùng Triệu Đà giảng hoà, rút quân về.

Khi Triệu Đà sang xâm lược, đóng quân ở núi Tiên Du thuộc Bắc Giang[1], Thục vương đem quân chống cự Triệu Đà. Bấy giờ Nhâm Hiêu đóng chu sư[2] ở tiểu giang, mắc bệnh, trở về, giao cả quân cho Triệu Đà. Triệu Đà dời quân doanh đến núi Vũ Ninh. Thục vương cắt đất cho Đà từ sông Bình Giang giở về Bắc để giảng hoà. Hai bên đình chiến, rút về. Tb. I, 16

Sử cũ chép : Triệu Đà sang xâm lược, đóng quân ở núi Tiên Du thuộc Bắc Giang, đánh nhau với vua Thục. Vua Thục đem nỏ thần ra bắn. Đà thua chạy. Khi ấy, Nhâm Hiêu đóng chu sư ở tiểu giang, vì mắc bệnh, phải trở về. Lúc về, Nhâm Hiêu có dặn Triệu Đà rằng : "Nhà Tần mất rồi. Nếu ông biết dùng mưu đánh lấy Thục thì có thể lập được nước đấy". Triệu Đà biết vua Thục có cái nỏ thần, không thể địch nổi, bèn lui giữ núi Vũ Ninh, sai sứ đi xin hoà. Vua Thục mừng, chia đất cho Đà từ sông Bình Giang trở về Bắc ; còn từ Bình Giang trở về Nam thì vua Thục cai trị. Triệu Đà cho con là Trọng Thuỷ sang làm con tin, nhân tiện cầu hôn ; vua Thục gả con gái là Mị Châu cho Trọng Thuỷ. Sau, Trọng Thuỷ dụ dỗ Mị Châu cho xem vụng cái nỏ thần, ngầm đổi mất lẫy nỏ, rồi nói thác là về

(1) Tiên Du nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(2)Toán quân điều khiển các thuyền chiến mà chiến đấu.

Bắc thăm cha mẹ. Lúc Trọng Thuỷ từ biệt, dặn Mị Châu : "Mai sau ta lại sang, muôn một mà hai nước bất hoà, thì có dấu tích gì để xét nghiệm, khiến chúng ta lại có thể gặp nhau không ?" Mị Châu nói : "Thiếp có cái chăn gấm bằng lông ngỗng, đi đâu cũng thường mang theo, nếu đến những chỗ đường rẽ, thiếp sẽ nhổ lông ngỗng ấy mà rắc xuống để làm ghi, thì sẽ biết chỗ thiếp ở". Trọng Thuỷ trở về, báo với Triệu Đà. Triệu Đà quyết tâm sang xâm lược.

Lời chua – *Núi Tiên Du* : theo *An Nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng, núi Tiên Du còn một tên là núi Lạn Kha, ở huyện Tiên Du, trên núi ấy có hòn đá hình bàn cờ, tương truyền ngày xưa có một người đi kiếm củi, xem hai ông tiên đánh cờ, cán rìu nát ra lúc nào không biết.

Tiểu giang : Tức là con sông nhỏ ở phủ Đô Hộ, sau lầm là bến Đông Hồ. Bây giờ không biết sông này ở đâu.

Núi Vũ Ninh : Theo *An Nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng, núi Vũ Ninh ở châu Vũ Ninh, trên núi ấy có cái sống núi gọi là Tỉnh Thuỷ Cương, ở sống núi ấy có con rắn đá, tên gọi Ngọc Kinh. Vũ Ninh bây giờ là huyện Vũ Giàng.

Sông Bình Giang : Tức sông Thiên Đức, là phân lưu về phía Đông của sông Lô[1], dưới thông với sông Bình Than, lại gọi là sông Đông Ngàn. Tb. I, 17

Nỏ thần : *Sử cũ*, phần *Ngoại kỷ*, chép : Ban đầu, vua Thục đắp Loa Thành, đắp rồi lại lở. Nhà vua mới trai giới cầu khấn. Khi sắp đắp lại, bỗng có thần nhân hiện ở cửa Nam, vua Thục hỏi, thần nhân đáp : "Xin đợi sứ Thanh Giang đến". Sớm hôm sau, thấy có con Kim Quy (Rùa vàng) nổi ở trên mặt sông, bơi đến, nói được tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang. Vua Thục mừng rỡ, mời vào, hỏi duyên cớ sao thành đắp xong rồi lại đổ. Kim Quy bảo cho vua Thục cái thuật yểm trừ yêu quái. Do đó đắp vừa nửa tháng thì xong thành. Kim Quy từ giã đi. Vua Thục cảm tạ, lại hỏi Kim Quy có cách gì để chống được giặc. Kim Quy trút cái móng lại cho vua. Vua Thục mới sai bầy tôi là

(1) Tên gọi một khúc Nhị Hà xưa.

Cao Lỗ chế ra cái nỏ, lấy móng rùa làm lẫy, đặt tên nỏ ấy là "Linh quang kim trảo thần nỗ", hễ bắn thì giặc phải lui. Nhưng, xét ra, việc này là chuyện hoang đường, nên nay bỏ đi.

Theo sách *Thái bình hoàn vũ ký*, phần *Nam Việt chí*, của Nhạc Sử nhà Tống, An Dương Vương cai trị Giao Châu, Uý Đà đem quân sang đánh. An Dương Vương có thần nhân là Cao Thông giúp đỡ, chế ra cái nỏ, bắn một phát giết chết quân Việt hàng vạn người, bắn ba phát giết đến ba vạn, Triệu Đà biết rõ duyên cớ, liền lui về đóng ở Vũ Ninh, rồi cho con là Trọng Thuỷ sang làm tin, xin hoà hảo với nhau. Về sau, An Dương đối xử với Cao Thông không được hậu, Cao Thông bỏ đi. An Dương Vương có người con gái là Mị Châu, thấy Trọng Thuỷ đẹp trai, liền phải lòng. Về sau, Trọng Thuỷ dụ dỗ Mị Châu đòi xem nỏ thần, Mị Châu đem cho xem. Trọng Thuỷ nhân đấy bẻ hỏng cái lẫy nỏ, rồi lập tức sai người ruổi về báo tin cho Triệu Đà. Triệu Đà lại đem quân sang đánh úp. Khi quân Triệu kéo đến, An Dương Vương đem nỏ ra bắn như trước, nhưng nỏ hỏng rồi ! Quân Thục chạy tan tác. Triệu Đà phá được Thục. Tb. I, 18

Năm Quý Tị (208 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 50 ; Tần Nhị thế năm thứ 2).

Triệu Đà nhà Tần lại sang xâm lược. Vua Thục thua, chạy, chết. Nhà Thục mất.

Trước kia, Nhâm Hiêu mắc bệnh, lúc gần mất, có dặn Triệu Đà : "Nhà Tần vô đạo, thiên hạ phải khổ sở, nghe đâu bọn Trần Thắng đã nổi loạn, lòng dân chưa biết theo về ai. Đất này hẻo lánh xa cách, tôi sợ những đám giặc khác sẽ xâm phạm đến đây. Ý tôi muốn dấy quân cắt đứt các đường sạn đạo[1] để tự phòng bị lấy mình, rồi chờ xem sự biến của các chư hầu. Vả lại, Phiên Ngung (nhà Hán gọi là Nam Thành) là chỗ núi sông hiểm trở, đông tây đều vài nghìn dặm, lại có người Trung Quốc giúp đỡ thì có thể lập thành một nước Tb. I, 19

(1) Bắc cây làm đường, gọi là sạn đạo. Đời xưa, đường sá chưa thông đồng, những nơi rừng núi hiểm trở xa xôi, người ta phải dựa vào núi bắc cây làm đường để đi lại cho tiện. Những cây bắc đường nếu đã bị phá huỷ thì ngoài không có lối vào được.

được đấy. Vì các trưởng lại trong quận không có ai đáng để bàn tính việc này, nên tôi đặc biệt mời ông đến để nói chuyện". Hiêu nói xong, lập tức viết thư cử Triệu Đà làm chức uý quận Nam Hải. Khi Hiêu chết rồi, Đà liền truyền hịch đi các cửa quan ải, như Hoàng Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê, rằng : "Quân giặc đến nơi rồi, mau mau cắt đứt đường sạn đạo, rồi họp quân lại, tự phòng thủ lấy". Hịch đi đến đâu, các châu các quận đều hưởng ứng cả. Nhân đấy, Triệu Đà dần dà đem pháp lệnh buộc tội để giết các trưởng lại do nhà Tần đã đặt, rồi đem những người họ hàng và bè đảng ra giữ hết chức thú lệnh để cai trị dân. Triệu Đà đem quân sang đánh vua Thục, vua Thục không ngờ lẫy nỏ đã hỏng, vẫn cứ nhơn nhơn đánh cờ, cười rằng : "Triệu Đà không sợ nỏ thần của ta dư ?". Kịp khi quân Triệu Đà đã bức bách tận nơi, vua Thục mới giương nỏ, thì lẫy nỏ hỏng rồi, liền thua chạy, cho nàng Mị Châu cưỡi ngựa cùng chạy về phía Nam. Trọng Thuỷ cứ nhận dấu lông ngỗng mà đuổi theo. Vua Thục đến bãi biển, hết đường chạy, nhảy xuống biển chết. Nhà Thục mất.

Lời phê – *Vua Thục trước đây vì hôn nhân mà được thắng lợi, rồi cũng vì hôn nhân mà bại vong, đạo trời báo phục không sai, kể cũng chóng quá !*

Lời chua – *Đền Thục vương* : Ở núi Mộ Dạ, xã Hương Ái, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Nhà Thục, từ An Dương Vương khởi lên năm Giáp Thìn (257 tr.c.ng.) đến năm Quý Tị (208 tr.c.ng.) mất nước, cộng 50 năm.

Năm Giáp Ngọ (207 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 1 ; Tần Nhị Thế năm thứ 3).

Triệu Đà tự lập làm vua Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung.

Nhà vua họ Triệu, tên là Đà, người huyện Chân Định nhà Hán. Bấy giờ nhà vua đã kiêm tính được đất Lâm Ấp và Tượng quận, tự lập làm Nam Việt vương.

Lời chua – *Phiên Ngung* : Xưa thuộc quận Nam Hải, tức đất phủ Quảng Châu tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bây giờ.

Năm Quý Mão (198 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 10 ; Hán Cao hoàng đế năm thứ 9).

Triệu Vương mới sai hai sứ thần coi giữ quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân. Tb. I, 20

Nam Việt vương Triệu Đà đã đánh và diệt được An Dương Vương rồi, sai hai sứ thần coi giữ quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân.

Lời chua – *Giao Chỉ* : Xưa là đất các bộ Giao Chỉ, Chu Diên, Phúc Lộc, Vũ Ninh, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định và Tân Hưng. Nhà Triệu đặt làm quận, thống trị 10 huyện ; về sau noi theo hay thay đổi mỗi thời một khác. Bây giờ là đất các tỉnh Bắc Kỳ.

Cửu Chân : Xưa là ba bộ Cửu Chân, Hoài Hoan và Việt Thường. Nhà Tần đặt làm đất Tượng quận ; nhà Triệu đặt làm quận, thống trị 12 huyện ; đến nhà Hán khoảng năm Nguyên Đỉnh (116 - 111 tr.c.ng.), tách năm huyện Tị Ảnh, Lư Dung, Tây Quyển, Tượng Lâm và Chu Ngô đặt làm quận Nhật Nam ; còn bảy huyện Tư Phố, Cư Phong, Đô Bàng, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết và Vô Biên thì vẫn để làm quận Cửu Chân. Đến Ngô, Tấn, Tống, Tề cũng đều noi theo như trước. Nhà Lương đổi làm Ái Châu ; về sau, noi theo hoặc thay đổi mỗi lúc một khác. Bây giờ là đất Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên.

Năm Ất Tị (196 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 12 ; Hán Cao hoàng đế năm thứ 11).

Nhà Hán sai sứ sang ban ấn và thao cho Triệu Vương.

Nhà Hán đã bình định được thiên hạ, nghe tin Triệu Đà cũng đã xưng vương ở đất Việt, bèn sai Lục Giả sang phong Đà làm Nam Việt Vương, trao ấn và thao, chia cho một nửa phù tín[1], hai bên sứ thần đi lại giao hảo với nhau, Tb. I, 21

(1) Một dấu hiệu làm bằng chứng để làm tin, chế bằng ngọc, hoặc loài kim, hoặc tre, gỗ, trên mặt có khắc chữ, cắt ra làm đôi, triều đình và viên quan ngoài biên trấn mỗi bên giữ một nửa. Triều đình có việc gì cần trao đổi với viên quan ngoài biên trấn nào thì sai sứ cầm một nửa phù tín của triều đình giữ, đến biên trấn ấy, viên quan ngoài biên trấn đem một nửa phù tín của mình giữ khớp hợp với nhau, để phân biệt thật giả ; khi viên quan biên trấn có việc sai người vào triều đình cũng dùng cách thức khớp hợp phù tín như trên.

để Triệu Đà hoà thuận tập hợp cả Bách Việt, đừng gây ra tai hoạ cướp bóc.

Sứ nhà Hán đến, Đà ngồi xổm mà tiếp kiến. Lục Giả thấy thế, bảo Đà : "Vương vốn là người Hán, họ hàng phần mộ ở cả huyện Chân Định, bây giờ lại trái chứng, bỏ cả văn hoá lễ nghĩa, ý muốn nổi lên ở đất này, hòng làm một nước địch, chống đối với bên Hán, chẳng cũng lầm lắm dư ! Vả lại, nhà Tần mất nước, những người hào kiệt đều nổi dậy, nhưng chỉ có Hán đế vào Quan Trung trước, giữ được Hàm Dương, nổi ở Ba Thục, cuối cùng diệt được Hạng Vũ, trong vòng 5 năm bình định được cả nước. Như thế cũng là lòng trời gây dựng chứ không phải sức người. Bây giờ thiên tử nhà Hán nghe tin vương xưng vương ở đây, mà không giúp Hán thiên tử trừ những kẻ bạo nghịch ! Ý các tướng văn, tướng võ đều muốn đem quân sang Nam để đánh, nhưng Hán thiên tử nghĩ thương trăm họ mới qua vòng nhọc mệt, nên mới bãi binh, mà sai sứ giả sang trao cho vương ấn và thao đây. Đáng lẽ vương nên ra ngoài thành nghinh tiếp, bái yết, hướng mặt về bắc mà xưng thần là phải, thế mà bây giờ vương lại muốn cậy có cái nước Việt mới dựng, chưa củng cố, mà dám khinh nhờn sứ giả của thiên tử nhà Hán ! Nếu nhà Hán nghe biết chuyện này, sẽ đào mồ mả và tru di họ hàng của nhà vương rồi đem quân sang đánh, thì vương nghĩ sao ?". Tb. I, 22

Triệu Đà vội đứng dậy, nói : "Tôi ở đây đã lâu ngày, quên mất cả lễ nghĩa !". Rồi nhân tiện hỏi Lục Giả : "Ta đây với Tiêu Hà và Tào Tham, ai giỏi hơn ?" Lục Giả đáp "Có lẽ vương giỏi hơn". Đà hỏi : "Ta đây với vua Hán, ai giỏi hơn ?". Lục Giả đáp : "Vua Hán nối nghiệp Ngũ Đế[1] và Tam Vương[2], cai trị Trung Quốc,

(1) Năm vị hoàng đế đời cổ Trung Quốc. Có ba thuyết khác nhau. Thuyết thứ nhất : Thái Hiệu, Thần Nông, Hoàng đế, Thiếu Hiệu, Chuyên Húc. Thuyết thứ hai : Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Khốc Nghiêu, Thuấn. Thuyết thứ ba : Thiếu Hiệu, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn.

(2) Các vương có hiền đức ở Tam Đại (Hạ, Thương, Chu).

người Trung Quốc kể có hàng ức vạn, đất Trung Quốc hàng muôn dặm, của nhiều, người đông, chính lệnh do một nhà mà ra. Từ khi khai thiên lập địa đến giờ chưa có đời nào được thế. Nay dân chúng của vương chẳng qua được mươi vạn ở lẫn vào nơi núi non và miền biển, tựa hồ như một quận bên Hán, vậy sao lại dám so sánh với Hán thiên tử được ?" Triệu Đà cười, nói : "Ta chỉ phàn nàn không được nổi lên ở Trung Quốc, nên phải làm vua ở đây, chứ sao ta lại không bằng bên Hán ?" Rồi giữ Lục Giả ở lại đến vài tháng trời. Đà bảo rằng : "Ở bên này không nói chuyện với ai được, bây giờ có ông sang đây làm cho tôi hằng ngày được nghe những điều chưa từng nghe". Đà cho Lục Giả một cái đẫy, trong chứa các đồ đáng giá nghìn vàng. Đến lúc Lục Giả về, Đà lại cho thêm nghìn vàng nữa.

Lời chua – *Đồ đựng trong đẫy* : Ý nói lấy những đồ châu báu trang trí vào trong đó.

Năm Mậu Ngọ (183 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 25 ; Hán Cao hậu năm thứ 5).

Mùa xuân, Triệu vương Đà tự xưng là hoàng đế, đem quân đánh Trường Sa.

Bấy giờ Lữ Hậu nhà Hán cấm không cho bán đồ sắt ở cửa quan ải Nam Việt. Triệu Vương nghe tin, nói : "Hồi Cao đế làm vua, ta vẫn cho sứ giả thông hảo, hai nước cùng nhau trao đổi đồ vật. Bây giờ Lữ Hậu nghe bầy tôi gièm pha, chia rẽ Hán với Việt, làm ngăn cách việc trao đổi đồ vật. Mưu này chắc là do Trường Sa vương muốn cậy uy quyền nhà Hán, mưu lấy nước ta để chực làm vua tất cả và lập lấy công lao cho mình đấy thôi". Triệu Đà bèn tự lập làm Nam Việt hoàng đế, đem quân sang đánh những nơi biên ấp của Trường Sa, chinh phục được vài quận rồi trở về.

Năm Canh Thân (181 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 27 ; Hán Cao Hậu năm thứ 7).

Nhà Hán sai Lâm Lư hầu Chu Táo sang đánh, nhưng không qua được núi, phải bãi binh. Tb. I, 23

Nhà Hán sai Chu Táo đi đánh Việt, để báo thù lại việc đánh Trường Sa. Bây giờ gặp mùa nắng nóng ẩm thấp, quân chết dịch nhiều, không thể vượt qua Ngũ Lĩnh được, nên phải bãi binh. Đà nhân dịp ấy, dùng binh lực và của cải chiêu dụ Mân Việt và bắt Tây Âu lệ thuộc, phục dịch mình, đất đai chu vi được hơn vạn dặm, đi xe hoàng ốc[1], dùng cờ tả đạo[2], nghi vệ cũng ngang với thiên tử nhà Hán.

Lời chua – *Tây Âu lệ thuộc phục dịch* : Theo lời chú giải của Nhan Sư Cổ, Tây Âu tức là Lạc Việt. Tây Âu là một bộ phận trong Lạc Việt. Ý nói lệ thuộc và phục dịch nước Nam Việt.

Năm Nhâm Tuất (179 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 29 ; Hán Văn đế năm thứ 1).

Nhà Hán lại sai Lục Giả đến. Triệu Vương nhân đưa thư xin cho sứ giả đi lại như trước.

Văn đế nhà Hán đã lên ngôi, liền đặt người thủ ấp trông coi những mồ mả của nhà Triệu ở Chân Định và hằng năm, theo thời tiết, làm lễ thờ cúng ; lại cho những anh em của nhà Triệu làm quan to, ban thưởng ưu hậu. Tb. I, 24

Khi ấy, Hán Văn đế hỏi tể tướng Trần Bình có ai sang sứ bên nước Việt được. Trần Bình nói : "Lục Giả, về đời tiên đế[3], thường sang sứ bên ấy". Văn đế mới cho Lục Giả làm thái trung đại phu và một viên yết giả[4] làm phó sứ, đưa thư cho Triệu vương. Đại ý bức thư ấy thế này : "Kính thăm Nam Việt vương rất lao tâm khổ ý. Trẫm đây là con vợ thứ vua Cao hoàng, phải xa lánh ở ngoài, vâng mạng triều đình giữ phiên trấn miền Bắc

(1) Theo chế độ xưa, xe của thiên tử trong lót lụa vàng gọi là "hoàng ốc xa".

(2) Lá cờ lớn làm bằng đuôi con ly ngưu, vì lông đuôi nó nhỏ mà dài. Cờ này để cắm vào phía tả đầu trục bánh xe thiên tử, nên gọi là cờ "tả đạo".

(3) Hán Cao tổ.

(4) Chức quan giữ việc giao thiệp ứng đối với các người nước ngoài do nhà Tần đặt ra, nhà Hán noi theo.

ở đất Đại[1], đường sá xa xôi, kiến thức hẹp hòi quê kệch, chưa có dịp nào gửi thư thăm hỏi được. Kịp khi vua Cao Hoàng lìa bỏ quần thần, vua Huệ đế qua đời. Lữ Hậu tự ý lên cầm quyền chính, rồi chẳng may có bệnh, bọn họ Lữ chuyên quyền, làm loạn, không thể chế trị được, bèn đem người khác họ vào làm con thừa tự vua Huệ đế. May nhờ tông miếu khôn thiêng, công thần giúp sức, dẹp yên được loạn. Trẫm, vì cớ vương hầu và các quan trong nước không chịu buông tha, nên buộc phải lên nối ngôi báu. Mới đây, nghe nói vương có gửi thư cho tướng quân Lâm Lư hầu, xin nhờ bảo toàn cho anh em vương và xin bãi bỏ hai tướng quân ở Trường Sa. Theo thư của nhà vương, trẫm đã bãi bỏ tướng quân Bác đương hầu. Còn anh em nhà vương ở Chân Định thì trẫm cũng đã sai người trông nom thăm hỏi. Lại sai tu sửa phần mộ tiền nhân của nhà vương. Trước kia, nghe nói vương cứ đem quân đi cướp phá ở ngoài biên giới, gieo tai hoạ mãi, làm cho dân Trường Sa đã đau khổ mà dân Nam quận lại càng khổ hơn. Như thế nước của nhà vương phỏng được lợi ích riêng à ? Chắc phải chết nhiều quân lính, hại lắm tướng tài, làm cho vợ người ta phải goá, con người ta phải côi, cha mẹ người ta phải cô độc. Thế là lợi một hại mười : trẫm đây không nỡ làm thế. Trẫm đây chỉ muốn định lại những chỗ địa giới, lồi ra lõm vào, chen kẽ nhau như nanh chó. Đã đem việc này hỏi ý kiến các quan thì họ nói : vua Cao hoàng sở dĩ đặt phân giới ở Trường Sa, là đất của nhà vương đấy, nên trẫm không dám tự tiện thay đổi. Ngày nay, ví bằng lấy được đất đai của vương cũng chẳng rộng là mấy ; tước được của cải của vương cũng chẳng giàu thêm nào. Vậy thì từ Hoang Phục và Ngũ Lĩnh[2] trở về Nam, cho vương được quyền tự trị. Dẫu vậy, vương tự xưng là hoàng đế, hai hoàng đế cùng đối lập mà lại không sai sứ giả đi lại để thông tình nghị với nhau, thế là có ý tranh nhau đấy. Tranh nhau mà không chịu nhường nhau, điều đó người nhân giả không làm. Bây giờ trẫm nguyện

Tb. I, 25

(1) Hán Văn đế, lúc trước, được phong làm tước vương ở đất Đại.

(2) Nguyên văn là "Phục lĩnh 服嶺 ". Xem *lời chua* ở sau của *Cương mục*.

với vương xoá bỏ những hiềm oán cũ, từ nay trở về sau, lại cho trao đổi sứ giả như xưa. Vậy nên sai Lục Giả sang giãi bày bản ý của trẫm cho vương rõ. Vương cũng nên nghe theo, đừng có gây sự giặc cướp tai vạ nữa. Nay xin biếu vương : 50 áo thượng trữ (Sư Cổ giải nghĩa : áo có trang sức bằng bông gọi là "trữ"), 30 áo trung trữ, 20 áo hạ trữ. Vậy mong vương nghe âm nhạc, quên nỗi buồn, thăm hỏi đến nước láng giềng". Khi Lục Giả đến, Triệu Đà cảm tạ, nói : "Tôi kính vâng chiếu chỉ, xin làm phiên thần, giữ mãi lễ cống".

Bấy giờ Triệu Vương mới hạ lệnh cho người trong nước biết : "Trẫm nghe : hai hiền tài không thể cùng ở đời với nhau, hai anh hùng không thể cùng đứng với nhau. Hoàng đế nhà Hán là bậc hiền thiên tử, vậy từ nay ta bỏ đế chế, không dùng xe hoàng ốc, cờ tả đạo nữa". Rồi Triệu Vương viết thư gửi sang nhà Hán, xưng là "Người đại trưởng lão phu ở man di, tên là Đà, mạo muội đành cam tội chết, hai lạy dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ : Lão phu là kẻ cố lại[1] ở đất Việt, may được vua Cao hoàng ban cho ấn và thao, phong làm Nam Việt vương. Kịp khi Huệ đế lên làm vua, giữ ân nghĩa không nỡ dứt tình, ban tặng lão phu rất hậu. Đến khi Cao Hậu chuyên quyền, chia rẽ Hán với Di, ra lệnh : không bán cho Nam Việt những đồ làm ruộng bằng loài kim, loài sắt. Nếu bán trâu, bò, dê, ngựa thì chỉ bán cho những con đực, chứ không bán cho những con cái. Lão phu ở nơi hẻo lánh, trâu, bò, dê, ngựa đã già cả rồi ; tự nghĩ không lấy gì để cúng tế thì tội đáng chết, nên mới sai nội sử Phiên, trung uý Cao và ngự sử Bình, tất cả ba bọn sang dâng thư tạ lỗi, đều không thấy trở về cả. Lại mong manh nghe nói mồ mả cha mẹ của lão phu đều bị bạt phá, anh em họ hàng của lão phu đều bị khép tội tru di. Vì thế, các lại viên của lão phu mới bàn với nhau : Bây giờ, ở trong, ta bị nhà Hán chèn ép ; ở ngoài, ta không có gì để đề cao mình cho

Tb. I, 26

(1) Người làm quan lại ngày trước.

đặc biệt, cho nên đổi hiệu là hoàng đế, nhưng chẳng qua chỉ xưng đế ở trong nước mình, chứ có dám làm gì hại đến thiên hạ đâu. Hay tin ấy, Cao Hậu cả giận, xoá bỏ tên nước Nam Việt, làm cho sứ giả không được trao đổi đi lại. Lão phu trộm ngờ việc này là do Trường Sa vương gièm pha, nên có đem quân đi đánh biên giới Trường Sa. Vả lại, phương nam đất thấp, ẩm ướt, trong đám man di như Đông Mân và Tây Âu đều xưng vương cả ; lão phu xưng đế, gọi là tạm để vui lòng, đâu dám để lọt đến tai thiên vương ? Lão phu ở đất Việt đến nay được 49 năm, đã có cháu ẫm rồi, nhưng vẫn thức khuya, dậy sớm, ăn không ngon, ngủ không yên, mắt không dám nhìn sắc đẹp yểu điệu, tai không dám nghe tiếng vui trống chuông, đó chỉ vì chưa được thần phục nhà Hán. Nay may được bệ hạ rủ lòng thương yêu, cho theo hiệu cũ, lại được trao đổi sứ giả đi lại như trước, thì lão phu dẫu chết cũng không mục xương. Vậy, xin đổi hiệu, không dám xưng là đế nữa. Nhân tiện có sứ giả, xin kính dâng một đôi ngọc bích trắng, nghìn chiếc cánh trả, mười cặp tê giác, năm trăm chiếc tử bối[1], một hộp sâu quế[2], bốn mươi đôi chim trả sống, hai đôi công. Lão phu mạo muội liều chết, hai lạy, tâu lên Hoàng đế bệ hạ". Tb. I, 27

Lục Giả đem thư ấy về tâu, vua Hán hài lòng lắm. Từ đó hai bên Nam Bắc giao hảo, thôi việc binh đao, dân được yên nghỉ. Sau đó, Triệu vương hễ sai sứ sang Hán thì xưng là vương, gặp các lễ triều sảnh[3] thì sánh hàng với chư hầu ; còn ở trong nước vẫn dùng hiệu đế.

---

(1) Một thứ vỏ ốc biển trắng như ngọc, có vân tia tỉa, bóng láng, sạch sẽ, đáng yêu. Cổ nhân dùng làm tiền tệ.

(2) Nguyên văn là "quế đố", tức sâu cây quế to bằng ngón tay trỏ, màu tía mà thơm, ngâm mật, dùng làm một món ăn rất quý.

(3) Theo luật lệ đời Hán, chư hầu đối với thiên tử, mùa xuân đi chầu gọi là "triều", mùa thu gọi là "sảnh".

Lời chua – *Phục Lĩnh* : Theo Nhan Sử Cổ, *Phục*, là ngoài cõi hoang ; *Lĩnh*, là phía Nam Ngũ Lĩnh.

Không sai sứ giả đi lại (vô nhất thặng chi sứ) : Ý nói không có một xe sứ giả nào được sai đến.

Sắc đẹp yểu điệu (mĩ man chi sắc) : Theo Lâm Hi Dật, mĩ man tức là yểu điệu.

Tb. I, 28

Năm Giáp Thìn (137 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 71 ; Hán Vũ đế năm Kiến Nguyên thứ 4).

Triệu vương Đà mất, táng ở Ngung Sơn. Đích tôn là Hồ lên nối ngôi.

Hồ là con Trọng Thuỷ và là đích tôn Vũ Vương, nay lên làm vua, ấy là Văn Vương, truy đặt tên thuỵ cho Triệu Đà là Vũ đế.

Lời chua – *Ngung Sơn* : Theo *Thái bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử đời Tống, Ngung Sơn cách huyện Nam Hải một dặm về phía Bắc. Theo sách *Ngô Lục*, Phiên huyện ở Ngung Sơn, là chỗ táng Uý Đà.

Năm Bính Ngọ (135 tr.c.ng.) (Triệu Văn Vương năm thứ 2 ; Hán, năm Kiến Nguyên thứ 6).

Mân Việt vương Sính sang xâm lấn. Triệu Vương sai sứ đi báo cáo với nhà Hán. Nhà Hán đem quân đi đánh và giết chết Mân Việt vương. Triệu Vương sai thế tử Anh Tề sang Hán làm con tin.

Mùa thu, Mân Việt vương Sính sang xâm lấn những nơi biên ấp nước Việt. Triệu Vương giữ điều ước của Hán, không dám tự tiện dấy quân, mới sai người đem thư nói việc này với nhà Hán. Vua Hán khen là người biết giữ nghĩa, bèn vì Triệu vương mà rầm rộ ra quân : sai Vương Khôi đem quân ra huyện Dự Chương ; Hàn An Quốc đem quân ra huyện Cối Kê để đánh Mân Việt. Bấy giờ quân Hán chưa vượt qua Ngũ Lĩnh, Sính xuất quân chống cự với nhà Hán. Em Sính là Dư Thiện,

cùng với họ hàng giết Sính, rồi đầu hàng. Vương Khôi đóng quân lại, sai người về báo với nhà Hán. Vua Hán sai Trang Trợ sang bày tỏ ý chỉ cho Triệu vương nghe. Triệu vương khấu đầu, nói : "Thiên tử đã vì quả nhân[1] mà dấy quân giết Mân Việt vương, quả nhân dầu phải chết cũng không đủ đền ơn báo đức", bèn cho con là Anh Tề sang làm con tin. Rồi Triệu vương bảo Trang Trợ : "Nước tôi mới bị giặc cướp ; sứ thần cứ về trước đi, quả nhân đang ngày đêm lo sắm sửa đồ hành trang, sẽ vào yết kiến Thiên tử đây !". Trang Trợ về rồi, quần thần đều can Triệu vương : "Nhà Hán đem quân giết Sính, là có ý muốn để cho nước Việt ta phải kinh sợ nao núng. Vả lại, đức tiên đế[2] có dặn lại rằng : đối với nhà Hán cốt đừng thất lễ ; nhưng rốt lại chớ có nghe lời ngon ngọt mà vào yết kiến vì hễ đã vào thì không về được đâu. Ấy là lâm vào tình thế mất nước". Triệu vương mới cáo bệnh, cuối cùng không vào chầu. Tb. I, 29

Năm Bính Thìn (125 tr.c.ng.) (Triệu Văn vương năm thứ 12 ; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 4).

Triệu vương Hồ chết, con là Anh Tề lên nối ngôi.

Văn vương đau nặng. Thái tử Anh Tề từ bên Hán về ; đến đây, lên nối ngôi, ấy là Minh vương, truy đặt tên thuỵ cho Triệu vương Hồ là Văn vương.

Năm Đinh Tị (124 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 1 ; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 5).

Nhà Triệu dùng Lữ Gia làm thái phó.

Năm Mậu Ngọ (123 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 2 ; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 6).

---

(1) Lời khiêm tốn của vua chư hầu đời cổ tự xưng mình, ý nói mình là người ít tài đức.

(2) Chỉ Triệu Đà.

Triệu vương lập Cù Thị làm hoàng hậu, con thứ là Hưng làm thế tử.

Trước kia, Minh vương còn là thế tử, vào làm con tin bên Hán, ở đất Trường An, có lấy nàng Cù Thị, người huyện Hàm Đan, sinh con là Hưng. Kịp khi lên ngôi, vương dâng thư sang Hán, xin lập Cù Thị làm hoàng hậu. Hưng làm thế tử. Nhà Hán thường sai sứ sang khuyên bảo vương vào chầu. Vương sợ vào chầu, chắc mình sẽ phải theo phép nhà Hán, bị liệt vào hạng nội chư hầu. Vương cố ý cáo bệnh, không theo lời dụ của vua Hán, chỉ sai con là Thứ Công vào làm con tin.

Năm Mậu Thìn (113 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 12 ; Hán, năm Nguyên Đỉnh thứ 4).

Triệu vương Anh Tề chết. Con là Hưng lên nối ngôi.

Truy đặt tên thuỵ cho Triệu vương Anh Tề là Minh vương. Hưng là con thứ của Minh vương ; mẹ là Cù Thị, người Hán. Hưng trị vì được một năm, bị bầy tôi là Lữ Gia giết chết, tên thuỵ là Ai vương.

Nhà Hán sai sứ sang dụ Triệu vương vào chầu.

Hưng lên làm vua, tôn mẹ là Cù Thị làm thái hậu. Trước kia, Cù Hậu khi chưa lấy Minh vương, đã từng tư thông với An Quốc Thiếu Quý (An Quốc là họ, Thiếu Quý là tên), người đất Bá Lăng. Đến năm này, nhà Hán sai Thiếu Quý sang dụ bảo vương và thái hậu vào chầu, lại sai bọn biện sĩ gián đại phu là Chung Quân giữ việc du thuyết, dũng sĩ là Nguỵ Thần giúp việc quyết định, vệ uý là Lộ Bác Đức đem quân đóng ở Quế Dương để đợi tin sứ giả. Bấy giờ vương còn thơ dại ; Cù Hậu lại tư thông với Thiếu Quý. Người nước đều biết rõ chuyện, nên nhiều người không theo về với Cù Hậu. Cù Hậu sợ trong nước nổi loạn, muốn dựa vào uy quyền nhà **Tb. I**, 30

Hán, khuyên vương và các quan nên phụ thuộc vào Hán. Nhân có Hán sứ đấy, thái hậu liền dâng thư xin liệt vào hàng nội chư hầu : cứ ba năm một lần vào chầu, xoá bỏ cửa quan ải nơi biên giới. Vua Hán ưng thuận, ban ấn bạc cho thừa tướng Lữ Gia và các ấn cho nội sử, trung uý và thái phó ; còn các quan chức khác đều được tự ý xếp đặt. Từ bỏ những hình phạt thích chữ vào mặt và xẻo mũi ; dùng pháp luật nhà Hán. Về chính trị thì theo như các nội chư hầu ; đặt sứ giả đóng ở trong nước để trấn thủ và vỗ về.

Lời phê – *Việc làm của Hán Vũ đế so với Hán Văn đế, đằng chính đáng (chỉ Văn đế), đằng quỷ quyệt (chỉ Vũ đế), đã khác hẳn nhau rồi, nhưng đọ với việc nghĩa mà Vũ đế đã làm trong khoảng năm Kiến Nguyên (140 – 135 tr.c.ng.)*[1] *lại thật trái nhau quá ! Thế mà Bắc sử khen Vũ đế là một vua có "tài lớn, mưu cao", vậy ra cho rằng như thế là đủ xứng đáng rồi sao ?*

Năm Kỷ Tị (112 tr. c. ng.) (Triệu Ai vương năm thứ nhất ; Hán, năm Nguyên Đỉnh thứ 5).

Tháng 11, mùa đông. Thái phó nhà Triệu là Lữ Gia giết Triệu vương Hưng và thái hậu Cù Thị ; lại giết cả sứ giả nhà Hán, rồi lập Thuật Dương hầu[2] **Kiến Đức lên làm vua.** Tb. I, 31

Triệu vương và thái hậu sắm sửa hành trang, đem nhiều lễ vật quý trọng để làm đồ lễ vào chầu vua Hán. Bấy giờ tể tướng Lữ Gia đã có tuổi, từng giúp ba triều vua, họ hàng làm quan to đến hơn bảy mươi người, các con trai đều lấy công chúa, các con gái thì gả cho con em họ nhà vua hoặc thông gia với Tần vương ở Thương Ngô. Lữ Gia ở trong nước rất được lòng người. Lữ Gia thường can ngăn Triệu vương chớ có phụ thuộc vào nhà Hán,

(1) Chỉ việc Hán Vũ đế giúp Triệu vương đánh Mân Việt vương.

(2) Có sách chép là "Vệ dương".

nhưng vương không nghe. Vì thế, ông có lòng phản bạn, thường cáo bệnh, không hội kiến với sứ giả nhà Hán. Sứ giả vẫn định giết ông nhưng chưa có đủ thế lực làm được. Triệu vương và thái hậu sợ bọn Lữ Gia khởi sự trước, nên muốn dựa uy quyền sứ giả nhà Hán để mưu giết bọn Lữ Gia, bèn đặt tiệc, mời sứ giả đến uống rượu, các quan đại thần đều ngồi hầu. Em Lữ Gia làm tướng, đem quân đóng ở ngoài cung. Đến lúc ăn tiệc, thái hậu bảo Lữ Gia : "Nam Việt phụ thuộc vào Hán là lợi cho nước, vậy mà tướng quân cho là bất tiện là cớ làm sao ?" Nói vậy cốt khích cho sứ giả tức giận, song sứ giả hồ nghi, giữ miếng ; chẳng ai dám hành động. Lữ Gia liền đứng dậy, đi ra. Thái hậu nổi giận, toan rút ngọn mâu đâm theo, nhưng Triệu vương ngăn lại. Lữ Gia lui ra được, liền cáo bệnh, không vào chầu, ngầm bàn với các đại thần để khởi loạn. Triệu vương không có ý giết Lữ Gia. Lữ Gia biết thế, nên còn để chậm lại đến vài tháng không khởi sự. Thái hậu muốn độc lực giết Lữ Gia, lại không đủ sức. Vua Hán hay tin Lữ Gia không thuận, mới sai Tế Bắc tướng là Hàn Thiên Thu và em Cù hậu là Cù Lạc đem hai nghìn người lấn vào bờ cõi. Lữ Gia hạ lệnh bảo người trong nước : "Vương còn ít tuổi ; thái hậu vốn là người Hán, lại tư thông với sứ giả nhà Hán, chăm chăm chỉ chực nội phụ, đem dâng hết cả đồ vật quý báu của tiên vương để bợ đỡ nhà Hán, hòng chuốc lấy cái lợi chốc lát, không đoái đến xã tắc nhà Triệu, chẳng có ý lo nghĩ đến mưu chước sâu xa muôn đời". Bấy giờ Lữ Gia mới cùng em đem quân sĩ đánh giết vương và thái hậu, lại giết hết cả các sứ giả nhà Hán ; rồi sai người đi báo cho Tần vương Thương Ngô và các quận ấp đều biết, lập con cả Minh vương là Thuật Dương hầu, tên gọi Kiến Đức, lên làm vua.

Tb. I, 32

Lời chua – *Kiến Đức* : Con cả Minh vương, mẹ Kiến Đức là người Việt.

Đâm bằng ngọn mâu : Ý muốn dùng ngọn mâu chực đâm chết Lữ Gia.

Mùa thu. Nhà Hán sai bọn tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem quân sang đánh.

Khi Lữ Gia lập Kiến Đức lên làm vua, thì quân của Hàn Thiên Thu đã sang đến bờ cõi Nam Việt, phá được vài ấp nhỏ rồi. Lữ Gia bèn mở ngay một con đường để tải lương cho quân, còn cách Phiên Ngung 40 dặm, đem binh đánh giết được bọn Hàn Thiên Thu, sai người gói cờ sứ tiết của nhà Hán để trả ở núi Tái thượng. Lại khéo làm những lời giả trá để tạ tội ; đóng quân canh giữ những nơi xung yếu. Hay tin ấy, vua Hán sai Phục Ba tướng quân Lộ Bác Đức, đem một toán quân ra huyện Quế Dương, đi xuống mạn sông Hoàng Thuỷ ; Lâu Thuyền tướng quân, Dương Bộc, đem một toán quân ra huyện Dự Chương đi xuống mạn sông Hoành Phố ; Qua Thuyền tướng quân, Nghiêm, đem một toán quân ra huyện Linh Lăng đi xuống mạn sông Ly Thuỷ ; Hạ Lại tướng quân, Giáp, đi xuống quận Thương Ngô ; Trì Nghĩa hầu nước Việt, Quý, đem quân của nước Dạ Lang đi xuống mạn sông Tường kha. Rồi tất cả đều hội binh ở Phiên Ngung.

Tb. I. 33

Lời chua – *Tái thượng : Sách ẩn*[1] có chép : theo sách *Nam khang ký*, núi Đại Dũ tên là Tái thượng.

Lâu thuyền : Theo Ưng Thiệu, bấy giờ muốn đánh nước Việt, không đi đường thuỷ thì không đến được, nên phải đóng thuyền lớn, trên thuyền có làm cái lầu, gọi là "lâu thuyền".

Qua thuyền : Theo Trương Yến, người Việt dùng thuyền lớn đi trong nước ; lại vì có nạn giao long làm hại, nên phải cắm cây giáo ở dưới đáy thuyền ; vì thế gọi là "qua thuyền". Toản (tên người) nói

(1) Tức là *Sử ký sách ẩn,* gọi tắt, một bộ sách chú giải *Sử ký*, gồm 30 quyển, do Tư Mã Trinh, đời Đường, soạn.

rằng : Trong thư của Ngũ Tử Tư có nói dùng qua thuyền để chở lá mộc và giáo mác. Do đó có tên gọi là "qua thuyền".

Hạ Lại : "Lại" là tên sông. Ở đất Việt, nước chảy qua trên bãi cát. Có thuyết cho rằng "Lại" là dòng nước chảy xiết.

Tướng quân Nghiêm, Giáp : Nghiêm và Giáp đều là tên người. Sử cũ đều không chép họ. Sách *Thái bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử nhà Tống chép là Triệu Nghiêm. Sách *Bách Việt tiên hiền chí* chép là Trịnh Nghiêm và Điền Giáp. Tb. I, 34

Trì nghĩa hầu Quý : Quý là người Việt, Sử cũ không chép họ. Sách *Bách Việt tiên hiền chí* chép là Hà Di.

Dạ Lang : Tên nước. Nay là đất Kiện Vi thuộc Bá Châu. Đời Hán, ở Tây Di, có đến hàng chục người làm quân trưởng. Dạ Lang là nước lớn nhất, ở ngoài cõi Thục quận : Phía đông giáp Giao Chỉ, phía tây giáp Điền Quốc. Đời Hán Vũ đế, Đường Mông dâng thư nói có thể tuyển được hơn mười vạn tinh binh ở Dạ Lang, bơi thuyền vượt sông Tường kha, xuất kỳ bất ý mà đánh, đó là một lối dùng kỳ binh để chế trị nước Việt...

TIỀN BIÊN

QUYỂN THỨ 2

Năm Canh Ngọ (111 tr.c.ng.) (Triệu vương Kiến Đức năm thứ 1 ; Hán, năm Nguyên Đỉnh thứ 6). Tb. II, 1

Mùa đông. Bọn Lộ Bác Đức tiến quân đánh phá Phiên Ngung, đuổi bắt được Triệu vương Kiến Đức và Lữ Gia.

Dương Bộc nhà Hán đem quân tinh nhuệ trước tiến đánh hãm Tầm Hiệp, phá Thạch Môn, bắt được thuyền chở lương của nước [Nam] Việt[1]. Nhân thế, tiến quân đánh tràn, làm nhụt được uy lực sắc bén của đất Việt[2], rồi dùng mấy vạn người Việt[3], chờ Bác Đức. Bác Đức vì đường xa, nên sau kỳ hạn mới đến. Khi gặp Dương Bộc, có hơn một nghìn người, rồi hai bên đều tiến. Quân Dương Bộc tiến thẳng đến thành Phiên Ngung. Vua Kiến Đức và thái phó Lữ Gia đóng giữ ở trong thành. Dương Bộc tự chọn lấy chỗ tiện lợi đóng ở mặt Đông Nam ; Bác Đức đóng ở mặt Tây Bắc. Giời sẩm tối, Dương Bộc đánh bại quân địch, phóng lửa đốt thành. Trong thành vẫn nghe đồn uy danh Bác Đức, lại nhân trời tối, không biết Bác Đức có bao nhiêu quân. Bác Đức đóng doanh trại, rồi sai sứ chiêu dụ những người ra đầu hàng và đều cho họ ấn có thao. Sau lại cho về để họ chiêu dụ lẫn nhau. Một mặt Dương Bộc lại cứ cố sức đánh, đến tang tảng sáng, người trong thành đều ra hàng cả. Kiến Đức và Lữ Gia, nhân đêm tối, cùng với mấy trăm người trốn ra, đi về mạn biển. Bác Đức dò hỏi những người đã đầu hàng, biết được chỗ Lữ Gia ở, sai người Tb. II, 2

(1) Chỉ nước Nam Việt nhà Triệu.

(2) ,(3) Riêng chỉ địa bàn Quảng Đông lúc bấy giờ.

đuổi theo. Quan hiệu tư mã Tô Hoằng bắt được vua Kiến Đức, chức lang nước [Nam] Việt, Đô Kê, bắt được Lữ Gia. Thương Ngô vương Triệu Quang, người cùng họ với vua [Nam] Việt, nghe tin quân Hán đến, ra đầu hàng. Quan giám quận Quế Lâm của Nam Việt là Cư Ông khuyên dụ Âu Việt và Lạc Việt đều đầu hàng cả[1]. Lúc bấy giờ quân của hai tướng Hạ Lại và Qua Thuyền, với quân Dạ Lang do Trì Nghĩa hầu chỉ huy, chưa đến nơi, nước Việt đã bị Bác Đức và Dương Bộc dẹp yên rồi. Khi ấy hai quan sứ trong nước [Nam] Việt đem trâu một trăm con, rượu một nghìn chung và thân mang sổ hộ hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ đến đón hàng. Bác Đức phong cho hai quan sứ ấy làm thái phú quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân, vẫn được cai trị dân như trước. Từ đây Nam Việt thuộc Hán.

Lời cẩn án – *Trước kia, nhà Triệu khi diệt được nhà Thục, sai hai quan sứ trông coi hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, thế mà, về đoạn này,* Sử cũ *lại chép là "ba quan sứ đem sổ hộ tịch ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam ra hàng", thì thực trái ngược nhau. Nay tra sách* Thuỷ kinh chú *của Lịch Đạo Nguyên*[2] *có chép : "Năm Nguyên Đỉnh thứ 6 (111 tr.c.ng.), Vũ đế nhà Hán đặt ly sở chức đô uý.* Sách Giao Chỉ thành ký[3]

(1) Nguyên văn là "Âu, Lạc giai hàng".

(2) Lịch Đạo Nguyên, tên tự là Thiện Trưởng, người đất Phạm Dương đời Bắc Ngụy, làm ngự sử trung uý, có soạn *Thuỷ kinh chú* 40 quyển. Sách này rất được giới văn học quý trọng.

(3) Vì *Sử Cương mục* dẫn theo một bản *Thuỷ kinh chú* khác (Phường bản), nên có vài điểm dị đồng như : *Giao Châu ngoại vực ký* chép là *Giao Chỉ thành ký*. Câu "cập nhị quận dân hộ khẩu bạ nghệ Lộ tướng quân..." chép là "cập nhị quận dân hộ bạ hàng Lộ tướng quân..." và trên chỗ "chư Lạc tướng" không có chữ "Chư"... Vậy nay, để tiện tham khảo, xin theo một thiện bản khác mà dịch lại cả đoạn văn *Thuỷ kinh chú* ấy như thế này : "Năm Nguyên Đỉnh thứ 6 (111 tr.c.ng.) đời Hán Vũ đế, lập ly sở cho chức đô uý (ở huyện Mi Linh). Sách *Giao Châu ngoại vực ký* chép rằng : [Nam] Việt vương sai hai sứ giả coi quản nhân dân hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Về sau, nhà Hán sai phục ba tướng quân Lộ Bác Đức đánh [Nam] Việt vương. Lộ Bác Đức đến Hợp Phố, [Nam] Việt vương sai hai sứ giả đưa đến Lộ tướng quân trăm con trâu, nghìn chung rượu và sổ hộ khẩu của dân hai quận. Lộ Bác Đức phong hai sứ giả làm thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân. Các Lạc tướng lại làm chủ, cai trị nhân dân như cũ". (*Thuỷ kinh chú*, quyển 37, tr.62).

chép rằng : Vua Triệu [Đà] sai hai quan sứ trông coi dân hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân. Về sau, nhà Hán sai Lộ Bác Đức sang đánh vua [Nam] Việt, quân Lộ Bác Đức đến quận Hợp Phố, vua Việt sai hai quan sứ đem trâu một trăm con, rượu một nghìn chung và sổ hộ tịch hai quận ra hàng. Lộ Bác Đức phong cho hai quan sứ làm Thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân, làm chủ các quan Lạc tướng là những người cai trị nhân dân như trước[1]*. Nay cải chính mấy điều sai ấy của* Sử cũ. Tb. II, 3

Lời chua – *Tầm Hiệp* : Tên đất. Sách *Sử ký* chép là "Hiệp". Đất này ở phía Tây huyện Thuỷ Hưng (thuộc tỉnh Quảng Đông).

Thạch môn : Cách huyện Phiên Ngung 20 dặm về phía Bắc. Xưa kia, Lữ Gia xếp đá ở sông để chống nhà Hán, vì thế gọi là Thạch môn.

Đóng doanh trại (Vi doanh) : Theo Nhan Sư Cổ, nghĩa là đóng doanh trại để chờ đón người đến đầu hàng.

Hiệu Tư Mã : Theo Nhan Sư Cổ, chức Tư Mã trong một hiệu quân, cũng như chức Tổng Quản Tư Mã của một tướng quân đời Đường.

Lang Đô Kê : Theo Mạnh Khanh, *lang* : tên chức quan, do nước Nam Việt tự đặt ra. Theo *Bách Việt tiên hiền chí*, Đô Kê là họ và tên người.

Giám Cư Ông : Quan giám quận Quế Lâm ; *Cư Ông* : họ và tên người.

Nhà Hán diệt nhà Triệu rồi, chia đất đặt làm chín quận, liệt làm bộ Giao Chỉ.

Nhà Hán đã bình được nhà Triệu, mới lấy đất đặt làm chín quận : Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đam Nhĩ. Mỗi quận đặt một thái thú để cai trị. Tên gọi "Giao Chỉ bộ" có từ đấy.

(1) Xem chú thích 3,4 trang trước.

Lời phê – *Xét chung từ trước đến sau, đất đai của nước Việt ta bị mất về Trung Quốc đã đến quá một nửa, tiếc rằng vua sáng tôi hiền các triều đại cũng nhiều người lỗi lạc hiếm có ở trên đời, mà vẫn không thể nào lấy lại được một tấc, đó là việc đáng ân hận lắm ! Thế mới biết việc thu hồi đất đai đã mất, từ đời trước đã là việc khó, chứ không những ngày nay mà thôi. Thật đáng thương tiếc !* Tb. **II**, 4

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - *Từ khi Vũ đế nhà Hán diệt nhà Triệu, lấy đất của nhà Triệu, đặt ra chín quận : Châu Nhai, Đam Nhĩ ở trong biển. Hai quận ấy hợp với các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm và Hợp Phố đều liệt làm bộ Giao Chỉ. (Theo* Quận quốc chí *trong* Hậu Hán thư, *kể từ Giao Chỉ trở xuống, 7 quận gồm 55 huyện đều thuộc bộ Giao Chỉ). Sau đó chưa từng chia sẻ, mãi đến nhà Ngô mới chia Giao Châu, đặt thêm Quảng Châu. Nhà Đường mới đặt An Nam đô hộ, lỵ sở ở quận Giao Chỉ, do đó ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam mới riêng hẳn là An Nam. Về đời Hán, chín quận này đều thuộc về Nam Việt, Triệu Đà chuyên giữ quyền hành trong các đất này ; duy có ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (theo các sử sách đã trình bày, chỉ có hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân thôi, còn Nhật Nam mãi đến đời Hán mới tách ra. Đây chép làm 3 quận là lầm) thì dùng ba (đáng phải nói là hai) quan điển sứ quản lĩnh cai trị. Khi nhà Triệu bị nhà Hán diệt, ba (nên nói là hai) quan điển sứ đem sổ đinh ra đầu hàng. Nhân thế, nhà Hán đặt ra các chức thú và uý gọi cả đất Nam Việt là Giao Chỉ. Có lẽ trong chín quận ấy ba quận thuộc Giao Châu, còn sáu quận thuộc Quảng Châu.*

Lời chua – *Chín quận* : Theo *Địa lý chí* trong *Tiền Hán thư*, chín quận ấy như sau :

Quận Nam Hải thống trị 6 huyện : Phiên Ngung, Bác La, Trung Túc, Long Xuyên, Tứ Hội, Yết Dương.

Quận Thương Ngô thống trị 10 huyện : Quảng Tín, Tạ Mộc, Cao Yếu, Phong Dương, Lâm Hạ, Đoan Khê, Phùng Thặng, Phú Xuyên, Lệ Phố, Mãnh Lăng. Tb. **II**, 5

Quận Uất Lâm thống trị 12 huyện : Bồ Sơn, An Quảng, A Lâm, Quảng Uất, Trung Lưu, Quế Lâm, Đàm Trung, Lâm Trần, Định Chu, Tăng Thực, Lĩnh Phương, Ung Kê.

Quận Hợp Phố thống trị 5 huyện : Từ Văn, Cao Lương, Hợp Phố, Lâm Doãn, Chu Lư.

Quận Giao Chỉ thống trị 10 huyện : Liên Thụ[1], An Định, Câu Lậu, Mi Linh, Khúc Dương, Bắc Đái, Kê Từ, Tây Vu, Long Biên, Chu Diên.

Quận Cửu Chân thống trị 7 huyện : Tư Phố, Cư Phong, Đô Bàng, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết, Vô Biên.

Quận Nhật Nam thống trị 5 huyện : Chu Ngô, Tỵ Ảnh, Lư Dung, Tây Quyển, Tượng Lâm.

Nam Hải : Quận cũ của Tần. Xem thêm An Dương vương, năm thứ 44 (Tb.I, 11).

Thương Ngô : Đời Tần, thuộc đất quận Quế Lâm, nay là Ngô Châu.

Uất Lâm : Đời Tần, thuộc đất quận Quế Lâm nay thuộc đất Quảng Tây.

Hợp Phố : Đời Tần, thuộc đất Tượng quận, nay là đất Liêm Châu.

Giao Chỉ, Cửu Chân : Đều xem Triệu Vũ vương năm thứ 10 (Tb.I,12).

Nhật Nam : Xưa kia là bộ Việt Thường. Đời Tần, là đất Tượng quận. Đời Triệu, thuộc quận Cửu Chân. Đầu đời Hán, tách ra đặt làm Nhật Nam. Các đời Ngô, Tần, Tống vẫn để nguyên thế. Sau đó bị Lâm Ấp chiếm mất. Đời Tuỳ bình Lâm Ấp, lấy đất ấy đặt làm Đãng Châu, rồi đổi làm quận Tỵ Ảnh. Sau nữa mất vào đất Chiêm Thành, bây giờ là đất Quảng Bình và Quảng Trị. Theo Nhan Sư Cổ, Nhật Nam nghĩa là ở về phía nam mặt trời, tức gọi Tb. II, 6

(1) Đây theo *Cương mục* chua âm là "Liên Thụ" (c.2, t.5). Nhưng ở *Phương Đình địa chí* quyển 1 tờ 11b có cho biết rằng : Nguyên ở *Hán chí* âm là La Lũ : đến đời Nam Tề vì viết lầm, nên người sau mới lầm là *Liên* và đọc là *Thụ*.

là mở cửa về phương Bắc để hướng về chiều mặt trời. Như Thuần nói: Đương lúc giữa trưa, mặt trời tròn bóng, đúng giữa đầu mình, nên gọi là Tỵ Ảnh.

Châu Nhai : Ở trong biển lớn, gần bên bờ biển. Đời Đường đổi Châu Nhai làm Nhai Châu ; bây giờ là đất Nhai Châu thuộc phủ Quỳnh Châu nhà Thanh.

Đam Nhĩ : Cũng là một bãi nổi ở trong biển lớn. Đời Đường đổi gọi Đam Châu ; nay là đất Đam Châu thuộc phủ Quỳnh Châu nhà Thanh.

Nhà Triệu đến đây mất. Kể từ Triệu Vũ vương năm Giáp Ngọ lên làm vua, đến Thuật Dương vương năm Canh Ngọ mất nước, tất cả được chín mươi bảy năm (207 đến 111 tr.c.ng.).

Năm Tân Mùi (110 tr.c.ng.) (Hán, năm Nguyên Phong thứ 1). Triều Hán dùng Thạch Đái làm thứ sử bộ[1] Giao Chỉ.

Theo chế độ nhà Hán, viên quan giữ chức ở châu có quyền thống lĩnh cả các quận thuộc châu mình. Chín quận của Giao Chỉ, trừ hai quận Châu Nhai và Đam Nhĩ ở trong biển không kể, còn 7 quận thuộc Giao Chỉ, do Thạch Đái làm thứ sử trong cả bộ. Về thời Tây Hán, trị sở của thứ sử ở Long Uyên ; thời Đông Hán, trị sở ở Mi Linh.

Lời cẩn án – *Chế độ nhà Hán, ở châu thì đặt thứ sử, ở quận thì đặt thái thú.* Sử cũ chép : *"Thạch Đái làm thái thú chín quận". Có lẽ nào một người mà làm việc cai trị cả chín quận ? Nay theo bản sử của Ngô [Thì] Sĩ, cải chính lại. Lại còn việc : khi nhà Hán đặt bộ Giao Chỉ, lỵ sở ở Liên Thụ, năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.) dời trị sở sang huyện Quảng Tín ở quận Thương Ngô. Đến năm Kiến An thứ 15 (210), đóng lỵ sở ở huyện Phiên Ngung. Nhà Ngô lại dời lỵ sở sang Long Biên, còn ở lỵ sở cũ (chỉ Phiên Ngung) đặt làm Quảng Châu. Như thế thì về đời Tây Hán chưa hề đóng lỵ sở ở* Tb. II, 7

(1) Ở đây chắc là có sự nhầm lẫn. Thứ sử là chức quan đứng đầu một châu (bộ). Nhà Hán bắt đầu đặt từ năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.). Năm Tân Mùi, Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng). Thạch Đái không thể làm thứ sử Giao Chỉ được.

Long Uyên ; đời Đông Hán chưa hề đóng lỵ sở ở Mi Linh. Việc này e rằng Sử cũ *chép lầm, nhưng cũng hãy ghi lại để tra xét.*

Lời chua – *Liên Thụ :* Tên huyện, thuộc quận Giao Chỉ ; nay ở xã Lũng Khê, huyện Siêu Loại, Bắc Ninh, còn có vết cũ thành xưa.

Long Uyên : Tức là Long Biên, tên hiệu về đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ, trị sở của quận về thời Đông Hán. Theo sách *Thuỷ kinh chú,* nhà Hán, năm Kiến An thứ 13 (208), khi mới đắp thành, có giống giao long lượn đi lượn lại ở hai bên bờ sông ; nhân thế đổi gọi là Long Uyên. Nhà Lý đóng kinh đô ở đấy, đổi tên là Thăng Long ; nhà Trần, nhà Lê cũng đóng kinh đô ở đấy cả. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội.

Mi Linh : Sử cũ chua là An Lãng thuộc Sơn Tây. Tb. **II**, 8
Sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi chép rằng : Mi Linh tức là huyện Phúc Thọ (xưa là Phúc Lộc). Trong sách *Vân đài loại ngữ,* Lê Quý Đôn chép : Mi Linh tức là đất Phong Châu. Lại nói : Mi Linh tức là An Lãng. Theo *Địa lý chí* trong *Đường thư,* Mi Linh ở địa phận hai huyện Phúc Lộc và Đường Lâm. Sách *Văn hiến thông khảo* chua rằng : "Các đất Gia Ninh, Thừa Hoá và Tân Xương đều là đất huyện Mi Linh đời Hán. Lại còn *Đường thư* chép : Phong Châu thống trị năm huyện : Gia Ninh, Thừa Hoá, Tân Xương, Cao Thượng, Châu Lục. Vậy thì Mi Linh tức là Phong Châu mới phải.

Huyện Quảng Tín – Theo sách *Phương dư kỷ yếu*, Quảng Tín thuộc quận Thương Ngô ; nay đổi làm huyện Thương Ngô thuộc phủ Ngô Châu.

Năm Kỷ Sửu (29 s.c.ng.) (Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 5).

Quan mục[1] Giao Chỉ là Đặng Nhượng sai sứ sang cống hiến triều Hán.

Cuối đời Vương Mãng, quan mục Giao Chỉ, Đặng Nhượng, cũng như các quận khác, đóng biên giới, giữ lấy đất quận của mình. Tướng nhà Hán, là Sầm Bành, vốn quen thân Đặng Nhượng, gửi thư cho Đặng Nhượng kể rõ uy đức nhà Hán, bấy

(1) Mục là *chăn dắt*. Quan mục Giao Chỉ tức là người chăn dắt dân ở quận Giao Chỉ. Ở đây chỉ chức quan đứng đầu một quận, tức Thái thú.

giờ Đặng Nhượng mới bảo thái thú Giao Chỉ là Tích Quang và các thái thú các quận khác như là bọn Đỗ Mục. v.v... sai sứ sang cống hiến nhà Hán. Vua Hán phong cả cho mọi người ấy tước hầu.

Lời chua – *Giao Chỉ* : Xem Triệu Vũ vương năm thứ 10 (Tb.I,20).

Nhà Hán dùng Nhâm Diên[1] làm thái thú[2] quận Cửu Chân.

Theo *Hậu Hán thư*, hồi đầu năm Kiến Vũ (25 – 39 s.c.ng.), Nhâm Diên được triệu ra làm thái thú quận Cửu Chân. Tục Cửu Chân – dân làm nghề săn bắn, không biết dùng trâu cày ruộng, nên nhân dân phải đong ăn ở quận Giao Chỉ, thường bị khốn khổ thiếu thốn. Nhâm Diên mới sai rèn đúc đồ làm ruộng, dạy dân khai khẩn đất hoang, ruộng nương mỗi ngày mỗi mở rộng, nhân dân đều được no đủ. Tb. II, 9

Lại nữa, dân Lạc Việt bấy giờ không có lễ pháp gì về việc lấy vợ gả chồng. Nhâm Diên mới gửi thư đi các thuộc huyện, những người con trai từ 20 đến 50 tuổi, con gái từ 15 đến 40 tuổi, cứ theo từng hạng tuổi, phải đôi lứa thì lấy nhau ; người nào nghèo không lo được lễ cưới thì được trợ cấp. Khoản trợ cấp ấy do các viên chức từ trưởng lại trở xuống bớt một phần lương bổng để giúp cho. Ngay lúc bấy giờ có tới hơn hai nghìn người lấy nhau. Năm ấy mưa hoà gió thuận, thóc lúa phong đăng. Từ đấy, những người sinh ra con cái bấy giờ mới biết con cái là dòng dõi nhà nào. Họ đều nói rằng : "Ta được có đứa con này là nhờ có ông Nhâm". Nhiều người lấy chữ "Nhâm" đặt tên cho con.

Nhâm Diên làm quan được bốn năm, được vua Hán gọi về. Người quận Cửu Chân lập sinh từ thờ sống Nhâm Diên.

---

(1) Chữ "Nhâm" họ của Nhâm Diên chép ở đây, cũng như họ của Nhâm Hiêu chép ở quyển I, âm là nhâm như ta thường đọc, nhưng về tự dạng, thì sử Trung Quốc và *Đại Việt sử ký* của ta đều chép nhân bên nhâm *Đại Việt sử ký toàn thư* thì bớt nét sổ chữ nhâm đi, còn sách *Cương mục* này thì bớt chữ nhân đi mà chỉ chép nhâm 壬 , vì sử thần triều Nguyễn kiêng tên huý Tự Đức.

(2) Chức quan đứng đầu một quận do nhà Hán đặt ra từ năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng).

Trước kia, về đời Hán Bình đế (1-5 s.c.ng.), Tích Quang, người đất Hán Trung làm Thái thú Giao Chỉ, đem lễ nghĩa dạy dân. Hồi đầu niên hiệu Kiến Vũ, Tích Quang được phong Diêm thuỷ hầu. Phong tục Hoa Hạ lan trên đất Lĩnh Nam là bắt đầu từ đời hai Thái thú này.

Lời chua – *Nhâm Diên :* Người huyện Uyển, thuộc Nam Dương.

Lời phê – *Triệu Đà vốn là người Trung Quốc, làm vua trên nước Nam Việt và truyền nối đã ngót trăm năm. Xem bức thư trả lời Văn đế nhà Hán thì Triệu Đà vốn là người có học thức ; có lẽ nào lại chưa biết dạy dân phép cấy cày và lễ giá thú mà phải đợi bắt đầu từ hai Thái thú ấy ? Huống chi, lại bảo đồng thời có tới hơn hai nghìn người lấy nhau. Xem thế đủ thấy rõ rằng ghi chép thất thực, không đủ tin.*

Năm Giáp Ngọ (34 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 10). Triều Hán dùng Tô Định làm thái thú Giao Chỉ.

Năm Canh Tý (40 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 16).

Tháng 2, mùa xuân. Người con gái quận Giao Chỉ là Trưng Trắc khởi binh đánh đuổi thái thú Tô Định ; tự lập làm vua.

Vương vốn họ Lạc, lại có một tên họ nữa là Trưng. Là con gái quan lạc tướng huyện Mi Linh, quận Giao Chỉ, và là vợ Thi Sách[1] người huyện Chu Diên, bà là người rất hùng dũng. Lúc bấy giờ thái thú Tô Định cai trị tham lam và tàn bạo, giết mất chồng bà. Bà bèn cùng với em gái là Trưng Nhị dấy quân, đánh hãm chỗ châu lỵ. Tô Định phải chạy về Nam Hải. Quân Bà đi đến đâu, như gió lướt đến đấy. Các dân tộc man, lý ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng theo. Lấy lại và dẹp yên được 65 thành ở đất Lĩnh Nam. Bà tự lập làm vua, đóng đô ở Mi Linh. Các thứ sử, thái thú ở quận Giao Chỉ đều chỉ bảo toàn được mình thôi. Tb. II, 10

(1) Trong *Thuỷ kinh chú quyển* 37, tờ 62 chép chồng bà Trưng tên là Thi : "... Chu Diên lạc tướng tử danh Thi, sách Mi Linh lạc tướng nữ danh Trưng Trắc vi thê..." : Con Lạc tướng ở Chu Diên, tên là Thi, hỏi lấy (sách) con gái lạc tướng ở Mi Linh, tên là Trưng Trắc, làm vợ.

Lời chua – *Huyện Chu Diên* : Đặt từ đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Đường đổi làm Diên Châu ; nhà Lê đổi làm phủ Tam Đái. Bây giờ là đất phủ Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây.(1)

Năm Tân Sửu (41 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 17).

Tháng 12, mùa đông. Nhà Hán phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Lưu Long làm Phó tướng, đốc xuất bọn Lâu Thuyền Tướng quân là Đoàn Chí, sang đánh Trưng Vương.

Nhà Hán cho rằng Trưng thị tự xưng làm vua, đem quân đánh các thành ấp, làm cho các nơi biên giới bị khổ sở, bèn bắt các đất Trường Sa, Hợp Phố và Giao Chỉ sắm sửa đủ xe, thuyền, sửa sang cầu đường, khơi thông các khe suối, chứa sẵn lương thóc ; phong Mã Viện làm Phục ba Tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm Phó tướng, đốc xuất bọn Lâu thuyền Tướng quân là Đoàn Chí sang đánh Trưng Vương. Tb. II, 11

Năm Nhâm Dần (42 s.c.ng). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 18).

Tháng 3 mùa xuân. Quân Mã Viện đến Lãng Bạc, cùng quân Trưng Trắc đánh nhau và phá tan được. Trưng Trắc lui giữ đất Cấm Khê.

Mã Viện ven theo đường biển tiến quân, qua núi đốn cây, đi hơn nghìn dặm đến Lãng Bạc, đánh nhau với quân Trưng vương. Trưng vương thấy thế quân bên Hán mạnh nhiều, tự nghĩ quân mình ô hợp, sợ không thể chống lại được. Quân của bà cũng cho rằng bà là đàn bà, không địch nổi với Hán ; vì thế quân bà tự tan vỡ.

Lời chua – *Lãng bạc* : Còn có tên là Dâm Đàm, ở về phía tây con đường mặt Tây thành Đại La. Về đời Lê, đổi gọi là Tây Hồ tức là Hồ Tây tỉnh Hà Nội ngày nay.

Cấm Khê : Sách *Thuỷ Kinh chú* của Lịch Đạo Nguyên chua rằng : Theo sách *Việt chí*, Cấm Khê là Kim Khê, ở phía tây nam huyện Mi Linh. Theo sách *Nam Việt chí* của Thẩm Hoài Viễn, Trưng Trắc chạy vào trong hang Kim Khê, hai năm mới bắt được. Theo sách *Phù Nam Ký* của Trúc Chi, trên chỗ khe núi nước chảy xói vào gọi là hang.

(1) Nay là tỉnh Vĩnh Phúc.

Chương hoài thái tử Lý Hiền chua rằng tức là đất huyện Tân Xương, thuộc Phong Châu bây giờ. Theo thế, thì Cấm Khê phải ở vào địa hạt Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây, nhưng chưa rõ đích là nơi nào. *Sử cũ* cho là ở huyện Châu Lộc thuộc Nghệ An là nhầm.

Năm Quý Mão (43 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 19). Tháng Giêng, mùa xuân. Trưng Trắc cùng em gái là Nhị cự chiến với quân Hán. Hai bà bị thua và mất. Tb. II, 12

Trưng vương cùng em gái là Nhị cự chiến với quân Hán, quân vỡ, thế cô, đều bị thất trận chết. Mã Viện đuổi đánh tàn quân của hai bà là bọn Đô Dương (chữ dương 羊 trong Hán thư chép chữ là dê), đến huyện Cư Phong thì hàng phục được họ. Mã Viện lập cột đồng để ghi địa giới tận cùng của nhà Hán. Khi Mã Viện về rồi, người trong nước thương nhớ Trưng vương, lập đền thờ bà.

Lời phê – *Hai Bà Trưng thuộc phái quần thoa, thế mà hăng hái quyết tâm khởi nghĩa, làm chấn động cả triều đình Hán. Dẫu rằng thế lực cô đơn, không gặp thời thế, nhưng cũng đủ làm phấn khởi lòng người, lưu danh sử sách. Kìa những bọn nam tử râu mày mà chịu khép nép làm tôi tớ người khác, chẳng cũng mặt dày thẹn chết lắm dư !*

Lời chua – *Cư Phong* 居封 : Còn có tự dạng là Cư Phong 居風 Tên đất, do Hán đặt ra, thuộc quận Cửu Chân. Đời Tam Quốc, nước Ngô 222 – 280 đổi làm huyện Di Phong. Từ sau đời Tống (420 – 479), đời Tề (479 – 502), đấy là lỵ sở của quận Cửu Chân. Nhà Tuỳ (581 – 619), bình được triều Trần[1], bỏ quận Cửu Chân, lấy huyện ấy cho thuộc Ái Châu. Đầu đời Đường (618 – 907), đất ấy lệ thuộc Nam Lục Châu. Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742 – 755) bỏ tên đất ấy, cho vào huyện Nhật Nam. Theo sách *Giao Châu ký* của Tăng Cổn, ở huyện Cư Phong có núi, cứ đến đêm thường thấy trâu vàng hiện ra. Lại nói trên núi ấy có hang gió, cửa hang thường có gió thổi. Bây giờ ở về địa hạt tỉnh Thanh Hoá. *Sử cũ* chép là ở địa giới châu Vũ Ninh thuộc Bắc Giang là lầm.

---

(1) Trần (557 - 589) là một triều đại thuộc Nam triều (Trung Quốc) bị Tuỳ diệt năm 589.

Cột đồng : Sách *Thuỷ Kinh chú* của Lịch Đạo Nguyên chép rằng : Mã Văn Uyên (Mã Viện, tên tự là Văn Uyên), dựng cái mốc đồng để làm giới hạn cuối cùng của đất phía nam Trung Quốc. Mốc đồng ấy tức là cột đồng. Theo *Tuỳ sử*, Lưu Phương khi đi đánh Lâm Ấp, qua cột đồng của Mã Viện, đi về phía nam tám ngày thì đến quốc đô Lâm Ấp. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hoà (806 – 820) đời Đường, An Nam đô hộ là Mã Tổng lại lập hai cột đồng ở chỗ Mã Viện dựng cột đồng trước, để tỏ ra mình là dòng dõi con cháu Phục Ba[1]. Theo sách *Thông điển* của Đỗ Hựu, từ nước Lâm Ấp đi về phía Nam, đi thuỷ, đi bộ hơn hai nghìn dặm đến đấy có nước Tây Đồ Di là chỗ Mã Viện dựng hai cột đồng để nêu địa giới đấy. Theo *Tân Đường thư*, ở châu Bôn Đà Lãng của Lâm Ấp, phía Nam là năm bãi lớn, có núi "cột đồng" (đồng trụ sơn) hình núi như cái lọng dựng nghiêng, về phía tây có nhiều núi đá, phía đông là biển lớn. Cột đồng đó là do Mã Viện dựng lên[2]. Theo sách *Thái bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử đời Tống, Mã Viện đi đánh Lâm Ấp, đi từ Nhật Nam hơn 400 dặm đến Lâm Ấp, lại đi hơn 20 dặm nữa có nước Tây Đồ Di. Viện đến nước ấy rồi lập hai cái cột đồng ở nơi phân giới giữa Tượng Lâm và Tây Đồ Di. Về đường thuỷ, đi từ Nam Hải hơn 3000 dặm đến Lâm Ấp, rồi đến cột đồng ở Giao Châu phải 5000 dặm nữa. Sách *Nhất Thống chí* nhà Đại Thanh có chép : Tương truyền (cột đồng) ở về đông Cổ Sâm châu Khâm, Mã Viện có thề rằng : "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt", nghĩa là "Cột đồng ấy gãy thì Giao Chỉ bị diệt", nên người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi thành gò đống cao. Đó vì sợ cột đồng ấy bị đổ gãy. Tb. II, 13

Nay xét dã sử thấy có chép tỉnh Phú Yên có sông Đà Diễn. Phía nam sông ấy có bãi lớn. Phía tây nam bãi ấy có núi Thạch Bi. Núi này chu vi tới mười dặm ; phía Tây tiếp Đại Lĩnh, nhiều rặng trùng điệp, phía đông ra mãi bờ biển. Trên đỉnh núi ấy có một phiến đá trơ trọi cao hình như bị chẻ dọc. Theo lời ghi chép trong các sách *Thông điển, Đường thư,* ngờ rằng cột đồng có thể ở chỗ Tb. II, 14

(1) Chỉ Mã Viện, vì khi sống, Viện được phong làm Phục ba tướng quân.

(2) Xem thêm *Phương đình địa chí loại,* quyển 2, tờ 34 - 36, chỗ khảo về "thuyết đồng trụ".

ấy. Chỉ có một điều, một phiến đá trơ trọi ở trên đỉnh núi ấy, cao chừng 10 trượng, rộng tới 6, 7 trượng. Nhân dân ở quanh núi ấy nói rằng phiến đá ở trên đỉnh núi là một chỏm đá tự nhiên, không phải của ai lập thành cả. Vậy e rằng ta không thể bảo đấy là cột đồng. Sách *Thuỷ Kinh chú* có nói : núi sông biến đổi, cột đồng bị lở mất vào trong biển. Lẽ ấy có lẽ đúng.

Đền Trưng vương : Ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ[1] ngày nay.

Mã Viện nhà Hán đắp thành Kiển Giang.

Vì thấy huyện Tây Vu có đến ba vạn ba nghìn hộ, Mã Viện xin chia ra làm hai huyện Phong Khê và Vọng Hải. Vua Hán y cho Mã Viện lại lập thành quách, đặt tỉnh ấp (xóm làng), đắp thành Kiển Giang ở Phong Khê. Thành này hình tròn như cái tổ kén, nên gọi là thành Kiển Giang. Ba năm sau, Mã Viện về nước. Từ đấy về sau, trải qua các đời Minh đế (58 - 75 s.c.ng.), Chương đế (76 - 88), Hoà đế (89 - 105), Thương đế (106), An đế (107 - 125) gồm 5 đời vua, cộng tám mươi hai năm, mà chỉ thấy về đời Minh đế có Lý Thiện, người huyện Nam Dương, làm thái thú Nhật Nam có lòng yêu dân, làm chính sự có ơn huệ với dân, hấp dẫn được người phương xa. Về sau, Lý Thiện đổi đi làm thái thú Cửu Giang. Các quan lại có tài giỏi của mấy đời vua Hán chỉ thấy nói có một Lý Thiện. Đó có lẽ là những thiếu sót của việc ghi chép sử sách vậy. Tb. **II,** 15

Lời chua – *Thành Kiển Giang* : Theo *Đại Thanh Nhất thống chí*, Thành Kiển Giang, thành Vọng Hải đều ở huyện An Lãng. Khoảng năm Kiến Vũ (25 - 56), trong khi Mã Viện nhà Hán sang bình Giao Chỉ, đắp hai thành ấy ở huyện Phong Khê và huyện Vọng Hải.

Huyện Tây Vu : Do nhà Hán đặt, thuộc quận Giao Chỉ.

Lý Thiện : Theo *Độc hạnh truyện* (truyện những người có đức tính đặc biệt) trong *Hậu Hán thư*, Lý Thiện là người có hạnh có nghĩa. Về thời Quang Vũ (25 - 57), Lý Thiện được triệu làm chức thái tử Xá Nhân. Về thời Minh đế (58 - 75), Thiện được cử làm quan ở Công phủ;

(1) Thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

vì có tài giải quyết việc phiền kịch, được thăng làm thái thú Nhật Nam. Vì làm chính sự theo đường ân huệ, yêu mến nhân dân, hấp dẫn được người phương xa, Thiện được thăng làm thái thú Cửu Giang, nhưng chưa đến nơi thì bị bệnh mất.

Năm Nhâm Dần (102). (Hán, Hoà đế, năm Vĩnh Nguyên thứ 14).

Nhà Hán bắt đầu đặt ra quan tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm.

Theo *Hậu Hán thư*, trước kia, huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam đem hơn ba nghìn người cướp bóc nhân dân, đốt cả các dinh thự công ; các quận huyện đem quân ra đánh, chém được người đứng đầu, còn dư đảng ra hàng cả. Bấy giờ mới đặt ra quan tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm, để đề phòng mối lo biến loạn.

Lời chua – *Tượng Lâm* : Tên huyện, nguyên thuộc quận Nhật Nam ; cuối đời Hán, là đất nước Lâm Ấp. Tb. II, 16

Tướng binh Trưởng sử : Tên chức quan đóng ở quận Nhật Nam (theo sách *Thập tam châu chí* của Hám Nhân).

Năm Giáp Dần (114). (Hán, An đế, năm Nguyên Sơ thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Quận Nhật Nam đất nứt xé ra.

Sách *Cương mục* (Trung Quốc) chép rằng : Ở quận Nhật Nam đất nứt xé ra dài hơn trăm dặm.

Năm Bính Tý (136). (Hán, Thuận đế, năm Vĩnh Hoà thứ 1).

Nhà Hán dùng Chu Xưởng làm thứ sử Giao Chỉ.

Trước kia, thái thú Chu Xưởng cho rằng quận Giao Chỉ ở ngoài phạm vi chín châu[1], và ở xa mãi về ngoài

(1) Đời cổ, Trung Quốc chia thiên hạ làm chín châu, tên các châu mỗi đời có hơi khác nhau, như : Ký, Duyện, Thanh, Từ, Ứng, Dự, Lương, Kinh, Dương, là chế độ nhà Hạ ; Ký, Duyện, U, Tứ, Ứng, Dự, Dinh, Kinh, Dương, là chế độ nhà Ân ; Ký, Duyện, Thanh, U, Ứng, Dự, Tinh, Kinh, Dương, là chế độ nhà Chu. Tóm lại, chín châu là khu vực trung nguyên của Trung Quốc.

Bách Việt[1], nên dâng biểu xin đặt chức phương bá[2] ; đến bấy giờ vua Hán mới dùng Chu Xưởng làm thứ sử quận Giao Chỉ, trông coi cả công việc các quận huyện.

Lời cẩn án – *Thiên* Bách quan chí *trong* Hậu Hán thư *chép rằng : 12 châu ở ngoài (ngoài chín châu, Trung Quốc), mỗi châu đặt một thứ sử, phẩm trật lương bổng là sáu trăm thạch*[3]. *Bởi vì bắt đầu từ Vũ đế đặt ra 13 thứ sử,* Tb. II, 17
dùng 6 điều trong chiến thư để xét công việc thứ sử các châu, vạch ra việc làm trái phép. Thứ sử tức cũng như giám quận ngự sử đời Tần vậy. Đến đời Thành đế, năm Tuy Hoà thứ nhất (8 tr.c.ng.), triều đình cho rằng chức thứ sử ở dưới hàng đại phu mà lại trông coi việc các quan ăn lương tới hai nghìn thạch, thì không hợp với chức vị khinh, trọng ; vì thế mới thay đổi đặt ra chức châu mục. Chức này vào bậc lương hai nghìn thạch, địa vị liền dưới hàng cửu khanh. Đời Ai đế, năm Kiến Bình thứ 2 (5 tr.c.ng.) bỏ chức châu mục, lại đặt thứ sử. Năm Nguyên Thọ thứ 2 (I tr.c.ng.), lại đặt châu mục. Đời Quang Vũ năm Kiến vũ thứ 18 (42 s.c.ng.), lại đặt mười hai thứ sử, mỗi thứ sử đứng đầu coi giữ một châu. Một châu trong đó thuộc về quan (binh là) tư lệ hiệu uý. Đến đời Linh đế, khoảng năm Trung Bình (184 - 189), bốn phương đều có giặc nổi lên, là vì uy quyền của thứ sử quá nhẹ. Vì vậy, lại đổi đặt làm chức mục bá, chọn các quan thượng thư vào hàng khanh bổ đi làm châu mục. Không bao lâu, Hiến đế lại bỏ Giao Châu để thuộc về Kinh Châu, nhưng châu mục là Lưu Biểu lại tự đặt ra chức thứ sử. Việc vừa có châu mục vừa có thứ sử là bắt đầu từ đấy. Như thế thì các chức quan cai trị đặt ra (ở Giao Châu) có khi gọi là

(1) Đời cổ những đất Giang, Chiết, Mân, Việt là chủng tộc người Việt ở, nên gọi chung là Bách Việt. Như Ư Việt ở Chiết Giang ; Mân Việt ở Phúc Kiến ; Dương Việt ở Giang Tây ;

Nam Việt ở Quảng Đông ; Lạc Việt ở Việt Nam v.v...

(2) Tên một chức quan to đời cổ, đứng đầu các chư hầu trong một phương.

(3) Đơn vị đong lường xưa của Trung Quốc. Mỗi thạch ăn 10 354 688 công thăng (lít).

thứ sử, có khi gọi là châu mục, dẫu trước sau hoặc theo cũ hoặc thay đổi, tên gọi khác nhau, nhưng cũng vẫn là một chức quan đứng đầu coi các hàng quận huyện.

Đến như cái tên gọi là Giao Châu, xét theo sách Cương mục *(Trung Quốc) thì từ năm Kiến An thứ 8 (203) trở về sau, mới gọi là Giao Châu, còn trước đấy chỉ gọi là quan mục Giao Chỉ, quan thứ sử Giao Chỉ. Khảo thêm sách* Tấn Chí, *thấy chép : khoảng đời Hán Thuận đế (126 – 144), thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập đất Giao Chỉ làm một châu ; triều đình bàn định không nghe, lại phong Chu Xưởng làm thứ sử Giao Chỉ. Đến đời Hiến đế, năm Kiến An thứ 8 (203), thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập làm châu. Lúc đó triều đình Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu, phong Trương Tân làm quan mục Giao Châu. Tên gọi là Giao Châu thực bắt đầu từ đấy. Thế mà* Sử cũ, *vào năm Kiến Vũ thứ 5 (29), đã chép rằng quan mục Giao Châu là Đặng Nhượng sai sứ sang cống hiến nhà Hán ; vào năm Vĩnh Hoà thứ 2 (137), đã chép rằng Trương Kiều làm thứ sử Giao Châu. Chép như thế, là chưa chịu tra xét kỹ. Nay xin cải chính lại.* Tb. **II**, 18

Lời chua – *Sáu điều* : Điều thứ nhất : Những nhà cường hào chiếm ruộng vườn trái phép, cậy mạnh đè nén người yếu, lấy nhiều người bắt nạt ít người. Điều thứ hai : các quan bậc lương hai nghìn thạch không vâng theo chiếu thư mà tuân giữ phép tắc, trái phép công, thoả ý riêng mình, vơ vét của dân làm sự gian phi. Điều thứ ba : Các quan bậc lương hai nghìn thạch không lo nghĩ xét các án nghi ngờ, chỉ nghe tin phao đã buộc người ta vào tội chết, ghét ai thì phạt, yêu ai thì thưởng, phiền nhiễu tàn bạo, giết hại dân đen, làm cho nhân dân oán ghét. Nhân dịp núi lở đá nứt, phao đồn các tin sai ngoa. Điều thứ tư : Các quan bậc lương hai nghìn thạch tuyển bổ không công bằng, a dua với người mình yêu, ghét bỏ những người tài giỏi, tin yêu kẻ gian ngoan. Điều thứ năm : Các quan bậc lương hai nghìn thạch, những con em cậy mình quyền thế, thỉnh thác quan trên. Điều thứ sáu : Các quan bậc lương hai nghìn thạch làm trái phép công, bè

đảng với người dưới, về hùa với kẻ cường hào, thông nhau ăn tiền lấy của, hại đến chính lệnh.

Đô giám quận, huyện : Trương Cửu Thiều nói rằng : "Nhà Hán đặt thứ sử Giao Chỉ cai trị An Nam, trông coi cả việc hành chính bảy quận : Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố. Tb. **II,** 19

Năm Đinh Sửu (137). (Hán, năm Vĩnh Hoà thứ 2).

Tháng tư, mùa hạ. Người Man ở Tượng Lâm quận Nhật Nam, là Khu Liên, làm phản.

Theo sách *Hậu Hán thư*, người Man ngoài cõi xa thuộc Tượng Lâm quận Nhật Nam, là bọn Khu Liên, đem vài nghìn người đánh huyện Tượng Lâm, đốt thành quách công sở, giết người trưởng lại. Thứ sử quận Giao Chỉ là Phàn Diễn đem hơn một vạn quân ở hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đến đấy cứu viện. Quân sĩ sợ đi xa, quay lại đánh nơi phủ lỵ. Phàn Diễn dẫu có đánh phá được bọn quân sĩ làm phản, nhưng thế lực quân Man mỗi ngày một mạnh.

Lời chua – *Khu Liên* 區憐 : Họ tên người Man Sách *Tấn thư* và *Cương mục tập lãm* đều chép là chữ 區連 (Khu Liên) : Có lẽ vì chữ Liên 連 đồng âm với chữ 憐 ... nên mới lầm chữ nọ ra chữ kia đấy thôi.

Năm Mậu Dần (138). (Hán, năm Vĩnh Hoà thứ 3).

Tháng tư nhuận, mùa hạ. Nhà Hán dùng Trương Kiều làm thứ sử Giao Chỉ, Chúc Lương làm thái thú Cửu Chân, để chiêu hàng những đám giặc người Man. Đất ở Lĩnh Nam đều yên cả.

Sách *Hậu Hán thư* chép rằng : Lúc bấy giờ thị ngự sử[1] Giả Xương sang có việc ở quận Nhật Nam, liền cùng với các châu quận hợp sức lại đánh bọn Khu Liên. Đánh không được, lại bị bọn Khu Liên đánh lại và bao vây. Hơn một năm, quân Hán

(1) Chức quan đứng đầu Ngự sử đài.

thiếu lương ăn. Vua Hán lấy làm lo, triệu tập các công khanh, trăm quan và tơ tào bốn phủ, hỏi về phương kế đối phó. Mọi người đều bàn nên sai tướng đem bốn vạn người các châu Kinh, Dương, Duyện, Dự đi ứng phó việc này. Trong đó có đại tướng quân sung chức trung lang là Lý Cố bác đi mà rằng : "Hiện nay châu Kinh, châu Dương giặc cướp vẫn lẩn quất tụ họp ; đất Trường Sa, đất Quế Dương thường phải đóng góp binh lương. Nếu nay lại làm cho dân Kinh, Dương bị náo động, thì tất sinh loạn. Còn người các châu Duyện, Dự cũng bị bắt ra lính và nộp quân nhu, đi xa hàng muôn dặm, nay trát đòi, mai giấy bắt, tất gây ra phản loạn. Vả lại, ở phương nam, khí hậu nắng nóng ẩm thấp, lại thêm có lam chướng, số quân lính đến đấy có thể chết đến bốn năm phần mười. Lặn lội hàng muôn dặm, quân sĩ nhọc mệt, kịp lúc đi đến Lĩnh Nam, không còn hơi sức đâu chiến đấu nữa. Quân đi mỗi ngày được ba mươi dặm, mà các châu Duyện, Dự cách Nhật Nam hơn chín nghìn dặm, như thế phải đi ba trăm ngày mới đến nơi. Tính đến lương ăn, mỗi người năm thưng, thì phải dùng đến sáu mươi vạn hộc gạo ; đó là chưa kể lương ăn của tướng lại và lừa ngựa, chỉ tính số lương của quân sĩ có mang khí giới mà đã tốn đến thế. Nói hẳn ngay quân đã đến nơi rồi, số tử vong hao tổn rất nhiều, đã không đủ chống lại với địch, lẽ tất nhiên rồi lại bắt lính gửi thêm. Như thế có khác gì cắt ruột gan mà vá vào chân tay. Quận Cửu Chân cách Nhật Nam có độ nghìn dặm, đem quan và dân Cửu Chân đi đánh Nhật Nam còn không kham nổi, huống chi lại làm khổ quân sĩ bốn châu[1] để đi chịu cái nạn ở nơi muôn dặm hay sao ? Trước đây, Trung lang tướng Doãn Tựu sang đánh quân rợ Khương làm phản ở Ích Châu, nhân dân Ích Châu có lời ngạn rằng : "Giặc đến còn

Tb. II, 20

(1) Chỉ bốn châu Kinh, Dương, Duyện, Dự nói trên.

khá, nếu Doãn Tựu đến, thì nó giết chúng ta !". Sau đó, Doãn Tựu bị gọi về, đem quân sĩ giao cho thứ sử (*Sử cũ* chép "châu phán" là lầm) là Trương Kiều. Trương Kiều dựa vào những tướng lại sẵn có ấy, chỉ trong khoảng hàng tuần (10 ngày), hàng tháng, dẹp yên giặc cướp. Đó là một kinh nghiệm về việc sai tướng đi đánh giặc xa không có ích gì, mà có thể dùng ngay quân ở châu quận ấy. Nay nên chọn lọc những người có dũng lược, nhân huệ, có thể dùng làm tướng được, để cho làm thứ sử thái thú, rồi sai cùng đi sang Giao Chỉ. Hiện nay ở quận Nhật Nam, quân ít, lương không có, giữ thế thủ đã không xong, thế chiến cũng chẳng được ; vậy nên đem tất cả lại dân dời ra mặt bắc nương nhờ vào quận Giao Chỉ. Sau khi yên tĩnh rồi, lại cho họ trở về nơi cũ. Một mặt khác chiêu dụ người Man di để cho chúng đánh lẫn nhau ; lấy được vàng lụa làm của tiêu dùng ; nếu đứa nào biết phản gián chặt được đầu tướng giặc đem nộp thì sẽ được thưởng bằng cách cắt đất và phong cho tước hầu. Thứ sử Tinh châu ngày trước là Chúc Lương có tính dũng cảm quả quyết ; Trương Kiều, người quận Nam Dương, trước kia, đã ở Ích Châu, có công đánh được giặc. Cả hai người này đều nên dùng. Vậy nay nên cho ngay bọn Chúc Lương tiện đường phó nhậm làm quan". Các quan trong bốn phủ đều theo như lời bàn của Lý Cố. Vua nhà Hán lập tức bổ Chúc Lương làm thái thú quận Cửu Chân, Trương Kiều làm thứ sử quận Giao Chỉ. Khi Trương Kiều đến nơi, hết điều vỗ về dẫn dụ. Quân giặc đều ra hàng và giải tán cả. Chúc Lương đến Cửu Chân, một mình đi xe vào trong đám quân giặc, xếp đặt mưu mẹo, lấy uy tín chiêu dụ dân ; số người ra hàng có đến mấy vạn. Vì thế những đất ngoài Ngũ Lĩnh lại được yên.

Tb. II, 21

Lời chua – *Trương Kiều* : Người quận Nam Dương. *Chúc Lương* : người đất Lâm Tương thuộc Trường Sa.

Tb. II, 22

Năm Giáp Thân (144). (Hán, năm Kiến Khang thứ 1).

Tháng 10, mùa đông. Người quận Nhật Nam làm phản. Thứ sử quận Giao Chỉ là Hạ Phương hàng phục được họ.

Sách *Hậu Hán thư* chép rằng : Hơn một nghìn người ở quận Nhật Nam lại nổi dậy, đánh đốt các huyện ấp, họ cổ động và liên kết với cả người quận Cửu Chân. Thứ sử Giao Chỉ, Hạ Phương, dùng ân nghĩa chiêu dụ ; quân giặc đều hàng phục. Lúc đó thái hậu họ Lương nắm quyền triều đình, khen Hạ Phương là người có công, thăng cho làm thái thú Quế Dương ; cử Lưu Tảo sang thay.

Lời chua – *Hạ Phương* : Người quận Cửu Giang nhà Hán.

Năm Canh Tý (160). (Hán, Hoàn đế, năm Duyên Hi thứ 3).

Tháng 11, mùa đông. Nhà Hán lại dùng Hạ Phương làm thứ sử Giao Chỉ. Dư đảng đánh giặc ở Nhật Nam đến doanh trại Hạ Phương xin hàng.

Sách *Hậu Hán thư* chép rằng : Trước kia, huyện lệnh huyện Cư Phong là người tham lam, tàn bạo, không biết thế nào là chán. Người trong huyện là bọn Chu Đạt họp nhau với quân Man đánh giết huyện lệnh. Họ có đến bốn năm nghìn quân, tấn công vào quận Cửu Chân, Nghê Thức, ra đánh, bị tử trận. Nhà Hán sai đô uý quận Cửu Chân là Nguỵ Lãng đi đánh, phá tan được. Nhưng tướng giặc vẫn còn đóng chiếm Nhật Nam, thế lực ngày càng cường thịnh. Đến đây, triều Hán lại cho Hạ Phương làm thứ sử. Hạ Phương vốn là người có uy tín, khi đến quận, có hơn hai vạn quân giặc kéo nhau đến đầu hàng.

Tb. II, 23

Lời chua – *Nguỵ Lãng* : Người đất Thượng Ngu quận Cối Kê, có tính công bằng, trung trực và trí sáng suốt, sau thăng làm thượng thư, rồi vì đình nghị khép vào vụ bè đảng, phải bãi chức về.

Cư Phong : Tức là huyện Cư Phong. Xem lời chua ở năm Kiến Vũ thứ 19 đời Hán. (Tb. 2, 12).

Năm Mậu Ngọ (178). (Hán, Linh đế, năm Quang Hoà thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Quận Giao Chỉ, quận Hợp Phố và Mán Ô Hử nổi dậy làm phản. Nhân thế người Giao Châu là Lương Long khởi lên làm loạn, đánh phá, vây hãm các thành ấp.

Năm Tân Dậu (181). (Hán, năm Quang Hoà thứ 4).

Mùa hạ. Nhà Hán dùng Chu Tuấn làm thứ sử, đánh tan được bọn giặc nói trên.

Thời bấy giờ, quận Giao Chỉ, quận Hợp Phố và Mán Ô Hử làm loạn mãi, mục thú là Chu Ngung không chống nổi. Nhân đó bọn Lương Long là người Giao Châu cũng khởi quân đánh phá các quận huyện. Họ có đến mấy vạn quân. Đến nay, nhà Hán sai huyện lệnh huyện Lan Lăng là Chu Tuấn sang cứu Chu Ngung, nhân tiện đường đi qua quận nhà (Cối Kê), Chu Tuấn mộ thêm gia binh, hợp với quân của mình mang đi tất cả được năm nghìn người, chia ra hai đạo kéo vào Giao Châu. Khi đến địa giới Giao Châu, đóng quân lại, không tiến, trước hết sai người đi dò xem hư thực, và tỏ bầy uy đức để làm nao núng quân địch ; rồi hợp cùng quân bảy quận kéo sát đến đánh, giết được Lương Long ; số người ra hàng có tới mấy vạn. Trong khoảng hàng tuần, hàng tháng, bình định xong cả. Tb. **II**, 24

Lời chua – *Chu Tuấn* : Người quận Cối Kê.

Ô Hử : Theo truyện *Tây Man di* trong sách *Hậu Hán thư* và theo sách *Nam châu dị vật chí* của Vạn Chấn, Ô Hử, là tên đất, ở về phía nam Quảng Châu, phía bắc Giao Châu, thường hay đón đường rình những hành khách qua lại, ập ra đánh, cốt bắt lấy người ăn thịt, không thiết đến của cải ; có khi lấy thịt người ướp làm món ăn. Cho nên lại gọi là Hám nhân quốc (nước ăn thịt người).

Năm Giáp Tý (184). (Hán, năm Trung Bình thứ 1).

Tháng 5, mùa hạ. Binh sĩ quận Giao Chỉ nổi loạn. Nhà Hán dùng Giả Mạnh Kiên (*Sử cũ* chép là Giả Tông) làm thứ sử.

Quân đóng ở quận Giao Chỉ bắt giết thứ sử Chu Ngung, rồi sai người sang triều Hán kể tội trạng của Chu Ngung. Vua Hán thấy thế, hạ chiếu kén người tài giỏi sang làm thứ sử. Trong các quan có người tiến cử ngự sử Giả Mạnh Kiên, vua Hán bổ Mạnh Kiên sang làm thứ sử. Trước kia, ai sang làm thứ sử, thấy đất Giao Chỉ có nhiều hạt châu, cánh trả, ngà voi, tê giác, đồi mồi, hương lạ, gỗ quý, đều không giữ được thanh liêm ; khi của đầy túi rồi, lại xin đổi đi nơi khác. Cho nên lại và dân đều hay làm phản. Kíp khi Mạnh Kiên đến nơi, dò hỏi tình trạng gây ra phản bội, thì mọi người đều nói : "Chính lệnh trước kia bắt đóng thuế khoá rất hà khắc, nhân dân khốn khó, đường sang kinh đô thì xa, không biết kêu đâu được. Nhân dân không sao sống nổi, cho nên họp nhau để kháng cự lại chính sách ấy, chứ không thực là làm phản". Giả Mạnh Kiên mới sai người chia đi các nơi phủ dụ để cho dân chúng yên nghiệp làm ăn. Lại chiêu tập vỗ về những người lưu vong, tha cả thuế khoá. Rồi giết những quan lại đầu sỏ về tội tham ngược, chọn lấy người quan lại lương thiện cho đi cai trị các quận huyện. Do đấy nhân dân mới được yên ổn. Nơi đường sá họ có làm câu hát, đại ý nói : "Người cha chúng ta là họ Giả đến muộn, khiến ta trước kia làm phản, nay được thanh bình, ai dám còn lòng phản bội ?" (Sử *Cương mục* [của Trung Quốc] chép câu cuối là "... kẻ nha lại không dám hạch sách cơm rượu của dân nữa"). Giả Mạnh Kiên làm việc được ba năm thì triều Hán gọi về, phong làm nghị lang, cho người bản châu (Giao Châu) là Lý Tiến lên thay làm thứ sử.

Tb. **II**, 25

Lời phê – *Xem đây, ta thấy rõ triều Hán có nhiều nhân tài, đời sau không thể sánh kịp được. Thời đó chưa có khoa cử mà*

được nhiều nhân tài như thế, lại càng thấy rõ khoa mục chỉ vụ cái danh về việc học, chứ có bổ ích gì có chính trị lắm đâu ?

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Xét sách* Hán thư *có chép đến tên Mạnh Thường là người ở Thượng Ngu quận Cối Kê, cuối đời Hán làm thái thú quận Hợp Phố. Quận này không sản xuất thóc gạo, mà hải phận thì sản châu báu. Quận này giáp giới Giao Chỉ, người trong quận thường sang buôn bán và đong thóc gạo ăn. Trước kia, bọn thú tể ở đấy nhiều người tham tàn, bắt ép nhân dân Hợp Phố đi tìm kiếm hạt châu, kkông có mức độ nào ! Hạt châu do đấy dần dần chuyển sang địa giới Giao Chỉ. Khi Mạnh Thường đến nhậm chức, sửa bỏ những tệ hại trước ; hơn một năm, hạt châu đã đi mất ấy lại trở về chốn cũ. Nhân dân đều yên nghiệp làm ăn, gọi Thường là bậc "thần minh". Than ôi ! nếu các thú mục trong mấy quận này, ai cũng được như Mạnh Thường cả, thì dân ta việc gì phải khổ sở làm phản nữa.*

Lời chua – *Mạnh Kiên* : Người Liêu thành thuộc Đông quận, đậu Hiếu Liêm, rồi thăng làm Kinh Triệu Doãn, có thành tích chính trị ; đến đây, các quan cử sang làm thứ sử quận Giao Chỉ. Tb. **II**, 26

Năm Đinh Mão (187). (Hán, năm Trung Bình thứ 4).

Triều Hán dùng Lý Tiến làm thứ sử Giao Chỉ.

Sử cũ chép : Lý Tiến dâng thư nói với vua Hán : "Khắp cả thiên hạ, đâu chẳng là bầy tôi của nhà vua, thế mà bây giờ làm quan ở trong triều đều là người Trung Châu[1], chưa thấy nhà vua khen thưởng, khuyến khích những người phương xa". Lời lẽ thiết tha cảm động, có viện dẫn nhiều lý do. Vua Hán hạ chiếu cho người Giao Châu ta ai đỗ Hiếu Liêm hay Mậu Tài được bổ làm chức trưởng lại thuộc Giao Châu, chứ không được làm quan ở Trung Châu. Lý Tiến lại dâng sớ "xin cho những người đã đỗ Hiếu Liêm được như các Tb. **II**, 27

(1) Chỉ Trung Quốc.

bác sĩ 12 châu : chỉ căn cứ vào nhân tài để nhận xét"[1]. Nhưng các quan trong triều sợ rằng người phương xa hay nói suông, chê bai bắt bẻ triều đình Trung Quốc, nên không ưng cho. Khi bấy giờ, người Giao Châu ta có Lý Cầm làm túc vệ ở điện đài, mới rủ người đồng hương là bọn Bốc Long năm sáu người, giữa mồng một Tết là ngày các nơi đến triều hội, bọn Lý Cầm phục ở sân điện kêu rằng : "Ơn vua thấm ra chưa khắp". Các quan trong triều hỏi có sao. Lý Cầm đáp : "Nước Nam Việt ở lánh về một phương xa, không được trời che đất chở, nên không được hưởng gió mát mưa lành !". Lời lẽ rất là đau khổ, thiết tha. Vua Hán hạ chiếu yên ủi rồi cho nước ta một người đỗ Mậu Tài làm quan lệnh huyện Hạ Dương, một người đỗ Hiếu Liêm làm quan lệnh huyện Lục Hợp. Về sau, Lý Cầm làm đến chức Tư Lệ hiệu uý ; Trương Trọng làm đến thái thú Kim Thành. Như thế thì nhân tài nước Việt ta được cùng thăng tiến như người bên Hán là do từ Lý Tiến, Lý Cầm mở đường lối trước.

Lời cẩn án – *Theo sách* Lĩnh Nam di thư, *Trương Trọng người quận Hợp Phố, chăm học, nói giỏi, là một người có danh vọng ở đất Lĩnh Biểu, được thứ sử kén chọn cất lên làm việc cối kế ở quận Nhật Nam, đem dâng sổ sách vào Lạc Kinh. Vua Minh đế (8 - 75) thấy vóc người nhỏ bé, lấy làm kỳ dị, hỏi rằng : "Tiểu lại quận nào ?". Trương Trọng, với giọng thẳng thắn cứng cáp, thưa rằng : "Tôi là kẻ lại giữ chức cối kế ở quận Nhật Nam, không phải là tiểu lại. Nhà vua muốn được có nhân tài, hay chỉ cân xương đọ thịt thôi ?". Vua Hán khen câu trả lời của Trương Trọng là phải. Buổi đại hội ngày mồng một Tết, vua Hán hỏi : "Có phải rằng ở quận Nhật Nam người ta hướng về phía bắc để chầu mặt trời không ?". Trương Trọng thưa : "Tên các quận có quận Vân Trung là trong mây, có quận Kim Thành là thành vàng, vị tất phải có sự thực. Như thế ở quận Nhật Nam mặt trời cũng mọc ở phương Đông ; còn như khí hậu ấm áp, mặt trời đi ngang đỉnh đầu vẫn đứng bóng.* Tb. **II**, 28

(1) Ý nói xét tài năng mà bổ dụng, chứ không phân biệt người Bắc người Nam.

Nhà ở của quan dân tuỳ theo ý muốn đông tây nam bắc muốn hướng chiều nào thì hướng, không có nhất định, vì thế gọi là lĩnh vực mặt trời ở về Nam". Vua Hán thấy Trương Trọng nói thế, lại càng thêm trọng, ban thưởng vàng lụa. Nếu ta xét kỹ lời chép trong Lĩnh Nam di thư, *và xét về đời Hoàn đế (147 - 167), người đất Lệ Phố là Từ Trưng lúc thường vẫn hay so sánh với Trương Trọng, thì biết Trương Trọng là người về đời Minh đế nhà Hán, quyết không còn nghi ngờ gì nữa. Còn như việc Lý Tiến sang làm thứ sử thì lại ở về sau Trương Trọng, cách nhau đến hơn mấy chục năm. Về đoạn này,* Sử cũ *lại chép "về sau, Lý Cầm làm đến chức Tư Lệ hiệu uý, Trương Trọng làm Thái thú Kim Thành, là do từ Lý Tiến đã mở đường lối trước". Như thế là vì* Sử cũ *nhận Minh đế nhà Hán lẫn với Minh đế nhà Tấn (323 - 325), nên đoạn này mới chép lầm ; nay xét kỹ, cải chính lại.*

Lời chua – *Lý Tiến* : Theo sách *Bách Việt tiên hiền chí,* Tiến, người đất Cao Hưng, quận Giao Chỉ, là người thông minh, hiểu khắp *Kinh Truyện*, được bổ làm chức công tào ở quận, sau thăng dần đến chức kỵ đô uý. Năm Vĩnh Hoà thứ 2 (137 s.c.ng.), quân Man ở Kinh Châu làm phản, Lý Tiến được sai làm thái thú quận Linh Lăng, đánh tan được giặc ấy. Khoảng năm Trung Bình (184 - 189), Lý Tiến được thay Giả Mạnh Kiên làm thứ sử quận Giao Chỉ, tâu xin theo đúng lệ cống sĩ bên Trung Châu. Về sau, có Nguyễn Cầm do đỗ mậu tài làm đến chức Tư Lệ hiệu uý. Nhân tài quận Giao Chỉ được tuyển bổ cùng với người Trung Châu thực là bắt đầu từ Lý Tiến.

Lý Cầm : Sách *Bách Việt tiên hiền chí* chép là Nguyễn Cầm, người Giao Châu. Sách *An Nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng chép Lý Cầm, Trương Trọng đều là người do khoa mục xuất thân.

Nhà Hán dùng Sĩ Nhiếp làm thái thú quận Giao Chỉ.

Truyện *Sĩ Nhiếp* trong sách *Ngô chí* chép rằng : Nhiếp tên tự là Nghiện Uy, người đất Quảng Tín quận Thương Ngô. Tiên tổ Sĩ Nhiếp gốc người đất Vấn Dương nước Lỗ, đến hồi loạn Vương Mãng, lánh nạn sang ở Giao Châu. Tb. II, 29

Sau đó sáu đời đến cha Sĩ Nhiếp, tên là Tứ, làm thái thú quận Nhật Nam ở thời Hán Hoàn đế. Sĩ Nhiếp, lúc còn nhỏ, du học ở

kinh sư, tôn thờ Lưu Tử Kỳ, người đất Đĩnh Xuyên, làm thày, chuyên học sách *Tả thị Xuân thu,* đỗ Hiếu Liêm, được bổ làm thượng thư lang, vì việc công, phải bãi chức. Khi mãn tang cha là Tứ rồi, lại đậu Mậu Tài, được bổ làm huyện lệnh huyện Vu Dương, rồi thăng làm thái thú quận Giao Chỉ.

Xét ra, Sĩ Nhiếp chỉ là một thái thú nhà Hán, chưa hề xưng vương. Sử cũ *chép riêng làm một kỷ, đem so với nghĩa lệ chép* Cương mục *của Chu Tử thì không hợp, nay tước bỏ đi.*

Năm Tân Tỵ (201).(Hán, Hiến đế, năm Kiến An thứ 6).

Nhà Hán dùng Trương Tân làm thứ sử quận Giao Chỉ.

Trước kia, thứ sử Chu Phù dùng nhiều người đồng hương chia cho làm trưởng lại, hà hiếp nhân dân, thuế khoá nặng nề.

Mọi người đều ta oán, khởi lên làm phản, đem quân đánh phá châu quận. Chu Phù phải chạy về mạn biển, bị dân giết chết. Vua Hán mới sai Trương Tân sang làm thứ sử Giao Chỉ.

Năm Quý Mùi (203).(Hán năm Kiến An thứ 8).

Nhà Hán đặt Giao Chỉ làm Giao Châu.

Trước kia, về đời Hán Thuận đế (126 - 144) , Thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập Giao Chỉ làm châu, triều đình nhà Hán bàn định không nghe. Đến đây, thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập Giao Chỉ làm châu, nhà Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu; Giao Châu được ngang hàng với các châu khác ở Trung Quốc, và phong Trương Tân làm quan mục ở Giao Châu. Bắt đầu từ đấy có tên Giao Châu. Tb. II, 30

Năm Đinh Hợi (207).(Hán, năm Kiến An thứ 12).

Nhà Hán bổ Sĩ Nhiếp làm tuy nam trung lang tướng, quản đốc cả bảy quận, lĩnh chức thái thú quận Giao Chỉ ; kế đó lại cho làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Độ đình hầu.

Theo truyện *Sĩ Nhiếp* trong sách *Ngô Chí,* trước kia, thứ sử Giao Châu Chu Phù bị giặc Man di giết chết, các quận trong châu đều rối loạn. Vì thế Sĩ Nhiếp dâng biểu xin cho em là Nhất lĩnh chức thái thú quận Hợp Phố, em thứ hai trước làm huyện lệnh huyện Từ Văn, tên là Vĩ (鮪 .... *Sử cũ* chép 鮪 ..., là lầm), lĩnh chức thái thú quận Cửu Chân, em Vĩ là Vũ lĩnh chức thái thú quận Nam Hải. Sĩ Nhiếp, tính nết khoan hậu, khiêm tốn, nhã nhặn, trọng đãi nhân sĩ, nên những nhân sĩ từ Trung Quốc sang, phần nhiều tới đó nương nhờ. Sĩ Nhiếp ham đọc sách *Xuân thu,* có làm lời chú giải. Viên Huy, người nước Trần, (lúc bấy giờ ở ngụ tại Giao Châu) , viết thư cho thượng thư lệnh là Tuấn Úc, có nói : "Ông Sĩ Nhiếp ở quận Giao Chỉ đã là người học giỏi, biết rộng, lại trội về chính trị. Đang lúc loạn lạc, bảo toàn được một quận hơn 20 năm, giữ cho bờ cõi được vô sự, nhân dân được làm ăn yên ổn. Những người lữ khách đều được đội ơn. Dẫu họ Đậu *(Sử cũ* chép là Đậu Dung) xưa kia giữ đất Hà Tây, cũng không hơn được thế. Khi rảnh việc quan một chút, lại chăm xem sách vở, nhất là *Xuân thu Tả thị truyện* lại càng suốt hết mọi nghĩa tinh vi. Tôi thường hỏi những nghĩa ngờ trong *Tả truyện,* thì Sĩ Nhiếp đều có lời dẫn giải riêng đáng làm khuôn mẫu, ý tứ rất sát. Lại như sách *Thượng thư* thì Sĩ Nhiếp kiêm thông cả đại nghĩa đời xưa xa lẫn đời nay. Nghe nói ở kinh sử đang có cuộc tranh luận phải trái về nghĩa cổ văn kim văn, Sĩ Nhiếp có ý muốn điều trần những nghĩa phải trong các sách *Tả thị* và kinh *Thượng thư* để dâng vua". Ấy, Sĩ Nhiếp được người ta khen ngợi là thế.

Tb. II, 31

Anh em Sĩ Nhiếp đều là bậc hùng trưởng ở các quận. Sĩ Nhiếp giữ một châu ở ngoài muôn dặm, uy tôn, quyền trọng, không còn ai hơn : khi đi ra đi vào đều có chuông, có khánh, rất oai nghi. Thời bấy giờ ai cũng quý trọng, đám Man di cũng phải sợ phục, dầu Triệu Uý Đà khi xưa cũng không hơn thế.

Sau khi Chu Phù chết, nhà Hán sai Trương Tân sang làm thứ sử Giao Châu được ít lâu, Trương Tân lại bị bộ tướng là

Khu Cảnh giết chết. Quan mục Kinh Châu, Lưu Biểu, sai huyện lệnh huyện Linh Lăng là Lại Cung sang thay Trượng Tân. Bấy giờ thái thú quận Thương Ngô là Sử Hoàng chết, Lưu Biểu lại sai Ngô Cự sang thay, cùng với Lại Cung cùng đến một lúc. Nhà Hán nghe tin Trương Tân mất, ban cho Sĩ Nhiếp bức tỷ thư[1] trong có nói : "Đất Giao Châu bờ cõi xa xăm, phía nam gần sông giáp biển, ơn bề trên chưa được thấm khắp, tình dân khó giãi tỏ . Ta vẫn biết nghịch tặc Lưu Biểu đã cho Lại Cung sang rình lấy đất miền Nam. Bây giờ cho nhà ngươi làm Tuy Nam trung lang tướng, quản đốc bảy quận, lĩnh chức thái thú quận Giao Chỉ như trước". Sau đó Sĩ Nhiếp sai kẻ lại là Trương Mân đem lễ vật sang cống tận kinh đô Hán. Hồi ấy, thiên hạ loạn lạc, đường đi đứt nghẽn, thế mà Sĩ Nhiếp vẫn không bỏ cống hiến, vì thế Hán lại hạ chiếu cho làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Độ đình hầu. Về sau Ngô Cự với Lại Cung ghét nhau, Ngô Cự đem quân đánh đuổi Lại Cung chạy về huyện Linh Lăng.

Tb. II, 32

Lời chua – *Từ Văn* : Theo *Quận quốc chí* trong *Hậu Hán thư,* huyện Từ Văn thuộc quận Hợp Phố.

(1) Bức công văn có đóng ấn để làm tin.

TIỀN BIÊN

QUYỂN THỨ 3

Năm Canh Dần (210). (Hán, năm Kiến An thứ 15). Tb. III, 1

Tháng 12, mùa đông. Chúa Ngô, Tôn Quyền, dùng Bộ Chất làm thứ sử Giao Châu.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), trước kia, Sĩ Nhiếp làm thái thú Giao Chỉ, có dâng biểu xin cho ba em làm thái thú các quận Hợp Phố, Cửu Chân, Nam Hải, hùng trưởng một phương. Còn thứ sử Giao Châu là Trương Tân mê mải việc quỷ thần, thường đầu đội khăn mầu đỏ sẫm, đọc sách đạo Lão, bị bộ tướng giết chết. Đến đây, Tôn Quyền dùng Bộ Chất làm thứ sử, Sĩ Nhiếp đem anh em ra vâng theo mệnh lệnh nhà Ngô ; do đấy đất Lĩnh Nam mới phụ thuộc Tôn Quyền.

Lời chua – *Bộ Chất* : Người đất Hoài Âm thuộc Lâm Hoài.

Giao Châu, Cửu Chân : Xem Triệu Vũ Vương năm thứ 10 (Tb.I,20).

Thái thú quận Giao Chỉ nhà Hán, là Sĩ Nhiếp, sai con vào làm tin ở nước Ngô. Nước Ngô phong Sĩ Nhiếp làm Long Biên hầu.

Theo truyện *Sĩ Nhiếp* trong *Ngô chí,* lúc bấy giờ Sĩ Nhiếp sai con là Hâm vào làm con tin, Tôn Quyền cho Hâm làm thái thú Vũ Xương ; còn các con của Sĩ Nhiếp và của Sĩ Nhất ở bên Nam đều được phong làm trung lang tướng. Sĩ Nhiếp lại dụ cường hào Ích Châu, là bọn Ung Khải, đem nhân dân trong quận xin với danh nghĩa ở xa mà phụ thuộc Đông Ngô.

Tôn Quyền lại càng ngợi khen Nhiếp, thăng cho làm vệ tướng quân, phong tước Long Biên hầu, cho em Sĩ Nhiếp là Nhất làm thiên tướng quân, tước Đô Hương hầu. Mỗi lần Sĩ Nhiếp sai sứ giả sang Ngô Tôn Quyền, không năm nào là không đem cống các thứ hương thơm, vải nhỏ kể có hàng nghìn, hạt trai sáng, vỏ xà cừ, ngọc lưu ly, chim trả, đồi mồi, ngà voi, tê giác và các thứ quả lạ như chuối tiêu, dừa, nhãn. Lại còn cống cả hàng mấy trăm ngựa. Mỗi khi như thế, Tôn Quyền viết thư khen ngợi, ban cho rất hậu để yên ủi lại. Tb. II, 1

Lời cẩn án – *Con Sĩ Nhiếp là Hâm,* Sử cũ *chép sai là Ngẩm.*

Lời phê – *Sĩ Nhiếp chẳng qua là một thái thú nhà Hán, tuỳ thời nịnh hót, cầu sao cho mình được an toàn, chứ không có mưu lược tài cán gì giỏi cả, đến nỗi truyền được hai đời đã mất, có gì đáng khen ! Thế mà* Sử cũ *cho rằng Uý Đà cũng không hơn được, chẳng cũng là lời khen quá đáng dư !*

Năm Bính Ngọ (226). (Ngô, Tôn Quyền, năm Hoàng Vũ thứ 5 ; Hán, năm Kiến Hưng thứ 4 ; Nguỵ, năm Hoàng Sơ thứ 7).

Sĩ Nhiếp mất, con là Huy tự động quyền làm thái thú Giao Chỉ.

Theo truyện *Sĩ Nhiếp* trong *Ngô chí*, Sĩ Nhiếp làm quan ở quận Giao Chỉ hơn 40 năm, thọ 90 tuổi mới mất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Người nước ta thông Thi Thư hiểu lễ nhạc, trở thành một nước văn hiến*(1) *là bắt đầu từ Sĩ Nhiếp. Tục truyền : sau khi Sĩ Nhiếp mất, đến cuối đời nhà Tấn cách xa hơn 600 năm, người Lâm Ấp vào cướp, đào mả Sĩ Nhiếp lên, thấy thân thể diện mạo vẫn nguyên như lúc sống, liền đắp trả*

(1) Danh từ *văn hiến* ở đây theo nghĩa cũ : *văn* là sách vở học hành ; *hiến* là nhiều người hiền tài tức là một nước có một nền văn minh cổ.

lại. Nhân dân vùng ấy cho thế là thần, dựng miếu để thờ, gọi là Sĩ Vương tiên.

Mùa đông. Nước Ngô chia tách đất Giao Châu đặt ra Quảng Châu, dùng Lữ Đại và Đái Lương làm thứ sử. Lữ Đại dụ Sĩ Huy ra hàng rồi giết đi. Ít lâu sau, nước Ngô bỏ Quảng Châu, lại cứ để làm Giao Châu như cũ. Tb. III, 3

Chúa Đông Ngô nghe tin Sĩ Nhiếp đã chết, cho rằng quận Giao Chỉ cách xa, mới chia từ Hợp Phố trở về phía bắc thuộc Quảng Châu, cho Lữ Đại làm thứ sử ; từ Hợp Phố trở về phía nam thuộc Giao Châu, cho Đái Lương làm thứ sử. Tôn Quyền lại sai Trần Thì[1] sang thay Sĩ Nhiếp làm thái thú. Lữ Đại lưu lại Nam Hải, còn Đái Lương và Trần Thì đều đi trước đến Hợp Phố. Lúc ấy con Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy đã tự động quyền làm thái thú, đem quân ra chống lại. Đái Lương ở lại Hợp Phố. Người quan lại cũ của Sĩ Nhiếp là Hoàn Lân khấu đầu can Sĩ Huy, khuyên nên ra đón Đái Lương. Sĩ Huy nổi giận, lấy roi đánh chết Hoàn Lân. Anh Hoàn Lân là Trị, con Hoàn Lân là Phát (*Sử cũ* chép lầm là các con nhà anh của Lân là Trị và Phát), họp quân trong họ lại đánh Sĩ Huy. Sĩ Huy đóng cửa thành cố thủ. Bọn Hoàn Trị đánh mãi mấy tháng, không hạ được thành, mới giao ước hoà hảo với nhau ; hai bên cùng rút quân. Về phần Lữ Đại nhận được tờ chiếu chúa Ngô bảo giết Sĩ Huy, Đại mới từ Quảng Châu đi gấp vào Hợp Phố, cùng với Đái Lương cùng tiến thẳng đến nơi, dụ dỗ con Sĩ Nhất là trung lang tướng Sĩ Khuông, để Sĩ Khuông bảo Sĩ Huy ra thú tội, thì dẫu mất chức quận thú, nhưng không có sự gì khác đáng lo. Lữ Đại cũng đi theo luôn Sĩ Khuông đến, thì bọn anh Sĩ Huy là Chi, em là Cán và Tụng sáu người cởi trần[2] ra đón Lữ Đại.

---

(1) Bản in *Cm.* tránh tên huý Tự Đức, chép đổi là *Thời*, theo sách Toàn thư và Sử ký đều in là "Thì", nay cải chính cho đúng âm.

(2) Nguyên văn chép là "nhục đản", nghĩa là không mặc áo, để mình trần, xin chịu tội chết.

Lữ Đại từ chối[1] bảo mặc áo lại *(Sử cũ* chép sai là mặc áo thường), rồi Lữ Đại tiến thẳng đến trước quận. Sớm ngày hôm sau, xếp đặt màn trướng, cho mời anh em Sĩ Huy theo thứ tự tiến vào. Trong khi quan khách ngồi đầy cả, Lữ Đại đứng lên, cầm phù tiết[2], tuyên đọc chiếu thư, kể tội Sĩ Huy, rồi sai trói lại đem chém, đưa thủ cấp về Vũ Xương. Còn Sĩ Nhất, Sĩ Vĩ và Sĩ Khuông ra hàng sau, vua nước Ngô tha tội cho ; bọn này cùng với con Sĩ Nhiếp là Hâm đang làm con tin bên Ngô, đều bị cách chức làm dân thường. Mấy năm sau, Nhất và Vĩ phạm pháp, đều bị giết ; chỉ có Sĩ Khuông bị bệnh chết trước. Khi Sĩ Hâm mất, bộ tướng của Sĩ Huy là Cam Lễ cùng với Hoàn Trị đem các quan lại và nhân dân đánh Lữ Đại. Lữ Đại ra sức đánh phá được, nên được thăng phong lên làm Phiên Ngung hầu. Bấy giờ mới bỏ Quảng Châu, lại để làm Giao Châu như cũ. Tb. **III**, 4

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Khi cha mất rồi, Sĩ Huy đã không xin mệnh trên, tự lập làm thái thú, lại đem quân ra cự lại ! Như thế, đối với lẽ phải, cố nhiên là nên đánh Sĩ Huy rồi ; nhưng Lữ Đại dụ người ra đầu hàng để mà giết đi thì là trái lẽ. Giữ tin thực, là việc quý của một nước. Sĩ Huy đã ra hàng, nên trói đưa về Vũ Xương, để quyền sinh sát cho người trên định. Như vậy, mình có uy tín đối với kẻ dưới, chẳng cũng hay lắm dư ! Tôn Thịnh có nói : "Hoà người phương xa, được lòng người gần, không gì hay bằng điều tín". Lữ Đại kết thân với Sĩ Khuông như thày, như bạn để thông tín tức và thề ước với Sĩ Huy, khi anh em Sĩ Huy cởi trần chịu tội, dốc lòng gửi mừng, thế mà Lữ Đại lại nhân đấy diệt đi, để cầu lấy công lợi. Do việc này, người quân tử biết rằng Tôn Quyền là người không biết cách kinh lý nơi xa và họ Lữ không được lâu dài.*

(1) Lữ Đại từ chối không nhận việc anh em Sĩ Huy cởi trần chịu tội, mà bảo mặc áo lại.

(2) Mỗi khi triều đình đặc mệnh viên quan nào đi ra nước ngoài được giữ toàn quyền hành động mọi việc, thì giao cho phù tiết để làm tin.

Lời chua – *Lữ Đại* : Tên tự là Định Công, người đất Hải Lăng thuộc Quảng Lăng, trước được bổ làm Trưởng đất Dư Diêu, đến khi Cối Kê có giặc, Tôn Quyền cho Lữ Đại làm Đốc quân hiệu uý, đem quân dẹp yên, được thăng làm Thái thú Lư Lăng ; đến đây, sang thay Bộ Chất, làm Thứ sử Giao Châu. Tb. III, 5

Nước Ngô thăng chức cho Lữ Đại làm Trấn nam tướng quân, rồi lại cho làm Giao Châu mục.(1)

Lữ Đại đã dẹp yên loạn Sĩ Huy ở Giao Châu, lại tiến quân đánh quận Cửu Chân, vừa giết vừa bắt được kể có hàng vạn người, rồi lại sai người làm việc tuyên dương giáo hoá Trung Quốc vào miền Nam cho cả vùng ngoài biên thuỳ. Các vua nước Phù Nam, nước Lâm Ấp và nước Đường Minh đều sai sứ dâng cống. Chúa nước Ngô, Tôn Quyền, ngợi khen công của Lữ Đại, phong lên làm Trấn nam tướng quân. Năm Hoàng Long thứ 3 (231) dân Mán Ngũ Khê quận Vũ Lăng (nước Ngô) làm phản. Chúa Ngô cho rằng đất đai về mặt nam đã yên rồi, cho triệu Lữ Đại về. Thái thú Hợp Phố là Tiết Kính Văn (*Sử cũ* chép là Tông) sợ rằng người sang thay Lữ Đại không được tốt chăng, bèn dâng sớ sau đây lên vua Ngô : "Xưa kia, vua Thuấn đi tuần phía Nam, mất ở quận Thương Ngô. Nhà Tần đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận, thì bốn quận ấy thuộc vào đất Trung Quốc cũng đã lâu lắm. Triệu Đà khởi lên ở Phiên Ngung, vỗ về thuần phục được vua Bách Việt. Đấy là những nước về phía nam quận Châu Quan(2). Vũ đế nhà Hán giết Lữ Gia, mở rộng ra làm chín quận, đặt quan Thứ sử để trấn thủ và cai quản, rồi đưa người Trung Quốc sang ở lẫn với dân bản thổ, cho dân bản thổ học viết qua loa và võ vẽ biết được ngôn ngữ Trung Quốc ; lại có sứ thần thời thường đi lại, (họ) trông

(1) Làm chúa một phương, uy quyền cũng như vua các chư hầu. Chữ "mục" có nghĩa đen là chăn dắt, người giữ chức châu mục có nhiệm vụ chăn dắt dân trong địa phương mình.

(2) Nhà Ngô đổi tên quận Hợp Phố làm Châu Quan. Thành cũ quận Châu Quan ở phía nam huyện Hợp Phố thuộc tỉnh Quảng Đông bây giờ. Xem thêm *Lời Chua* của *Cm* ở sau.

thấy lễ nghi mà tự thay đổi theo. Đến khi Tích Quang làm Thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân, dựng ra trường học, dìu dắt nhân dân theo đường lễ nghĩa. Nhưng mà, (ở đấy) là nơi đất rộng, người nhiều, rừng hiểm, nước độc, dân dễ khởi loạn. Vả lại, đất này ở ngoài hẳn chín cõi[1], cách lựa chọn chức quan cầm đầu việc cai trị phần nhiều không được kỹ mấy. Như tôi được biết có các việc sau đây : Nam hải Hoàng Cái sang làm Thái thú Nhật Nam, khi mới xuống xe, thấy cách đón tiếp không được long trọng, đánh chết người chủ bạ, rồi Hoàng Cái cũng bị dân đuổi đi. Thái thú Cửu Chân, Đam Manh, làm chủ tiệc rượu của bố vợ là Chu Kinh, mời cả các quan to đến dự. Lúc rượu đã say, nổi khúc nhạc vui, Công Tào[2] Phiên Hâm đứng lên múa, mời Chu Kinh múa. Chu Kinh không chịu đứng dậy, Phiên Hâm còn cứ ép Kinh mãi. Đam Manh tức giận cầm trượng đánh Phiên Hâm. Em Hâm là Miêu đem dân chúng đến đánh phủ lỵ. Đam Manh đến nỗi phải chết. Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp (thấy thế), sai quân đến đánh, cuối cùng vẫn không dẹp được. Lại như việc Thứ sử trước đây là Chu Phù, người quận Cối Kê, phần nhiều đem người làng, như bọn Ngu Bao, Lưu Nghiệm ra làm trưởng lại, chiếm đoạt nhũng nhiễu nhân dân, cưỡng bức dân phải nộp phú thuế : cứ mỗi một con cá vàng, thu một hộc lúa. Nhân dân ta oán, kéo nhau đánh châu này, phá quận kia. Chu Phù phải bỏ chạy về đường biển, rồi trôi giạt đâu mất. Sau đó đến Trương Tân, người quận Nam Dương, không có uy lực mấy, bị người ta khinh nhờn, rồi bị giết chết. Sau nữa, Lưu Biểu sai Lại Cung là bậc cao tuổi sang làm quan, Lại Cung là người cẩn thận, nhưng hiền lành, không hiểu việc đời. Kế đó lại sai Ngô Cự làm Thái thú quận Thương Ngô, Ngô Cự là người vũ phu nóng nảy. Lại Cung không phục tòng, rồi hằn học lẫn nhau, Ngô Cự đuổi Lại Cung ra khỏi Giao Châu. Khi Bộ Chất đến nơi rồi, thì lúc đó bộ tướng cũ của Trương Tân trước,

Tb. III, 6

Tb. III, 7

(1) Ý nói nơi xa xôi ngoài Trung Quốc.

(2) Một chức quan chuyên ghi chép công lao mọi người.

như bọn Di Liêu, Tiền Bác, vẫn còn khá nhiều. Bộ Chất tiễu trừ được dần, xếp đặt vừa mới tạm ổn, thì lại bị gọi về. Lữ Đại bình xong đám loạn Sĩ Huy, đổi đặt trưởng lại, làm sáng tỏ cương kỷ, uy thanh ra các muôn dặm, đâu đấy đều vâng theo cả. Xem như thế thì việc yên ủi dân ngoài biên cương, vỗ về người cõi xa xôi, cần phải có người giỏi. Chức Mục(1) bá(2), nên lựa lấy người thanh liêm. Ngoài nơi hoang phục(3), thì việc hoạ hay phúc lại càng quan hệ ở quan lại. Ngày nay Giao Châu tuy rằng tạm yên, nhưng còn có bọn giặc cũ ở Cao Lương. Còn biên giới bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm và Châu Quan chưa yên, giặc cướp vẫn thường tụ họp quấy nhiễu. Nếu Lữ Đại không trở lại phương Nam nữa, thì nên chọn người có thao lược, mưu kế, cho làm Thứ sử để phủ dụ dân chúng. Đối với người ấy, nên cho họ có uy quyền, được tuỳ tình thế mà tìm cách đối phó, cốt phải làm được có hiệu quả tốt, như thế thì may ra mới có thể hàn gắn được. Còn những hạng người thường, chỉ biết giữ lề lối cũ, không có mưu hay chước lạ gì, thì lũ ác nghịch ngày thêm nảy nở, lâu ngày thành hại. Vì thế, sự an nguy trong nước quan hệ ở việc dùng người. Vậy việc này không thể không xét kỹ được". Chúa nước Ngô nghe theo lời sớ này, lại cho Lữ Đại làm Giao Châu mục. Tb. III, 8

Lời chua – *Tiết Kính Văn* : Người ấp Trúc, quận Bái, khi còn nhỏ, theo người trong họ, lánh loạn sang ở Giao Châu, theo học Lưu Hi. Khi Sĩ Nhiếp đã quy phụ Tôn Quyền, Kính Văn được vời làm Ngũ quan trung lang tướng, thăng lên làm Thái thú Hợp Phố. Khi Lữ Đại đem quân sang đánh Giao Châu, Kính Văn với Lữ Đại cùng đi, vượt biển sang đánh phương Nam.

Châu Quan : Nguyên là quận Hợp Phố nhà Hán, đến Ngô đổi làm Châu Quan.

---

(1) Xem chú thích chữ "mục" ở tr.131.

(2) Xem chú thích chữ "phương bá" ở trên (Tb.II,16).

(3) Vương kỳ là đô thành thiên tử, ngoài vương kỳ cứ năm trăm dặm chia ra một khu vực gọi là phục, có hầu phục, điện phục, tuy phục, yêu phục và hoang phục. Như thế là hoang phục ở xa vương kỳ 2500 dặm, vì những khu vực này dầu ở xa vẫn phải thần phục thiên tử, nên gọi là "phục".

Phù Nam : Tên nước. Xem đời Hùng Vương (Tb.I,7).

Lâm Ấp : Tên nước. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.3,20).

Đường Minh : Tên nước. Ở trong vụng biển, cách quận Nhật Nam bảy nghìn dặm về phía Bắc, tức là nước Đạo Minh.

Cao Lương : Tên huyện, thuộc quận Hợp Phố.

Năm Mậu Thìn (248). (Ngô, năm Xích Ô thứ 11 ; Hán, năm Diên Hi thứ 11 ; Nguỵ, năm Chính Thuỷ thứ 9).

Bà Triệu Ẩu[1], người quận Cửu Chân, họp dân chúng đánh phá các quận huyện. Thứ sử Lục Dận đi đánh, dẹp yên.

Người quận Cửu Chân lại đánh phá thành ấp. Các châu quận đâu đấy đều náo động, chúa nhà Ngô cho Đốc quân đô uý châu Hành Dương là Lục Dận làm Thứ sử kiêm chức Hiệu uý. Lục Dận đến nơi, dùng ấn tín hiểu dụ, hơn ba vạn nhà ra đầu hàng ; đất Giao Châu lại yên. Bấy giờ có người con gái quận Cửu Chân là Triệu Ẩu tụ họp dân chúng, giành cướp các quận huyện ; Lục Dận đi đánh, dẹp yên. Tb. III, 9

Lời chua – *Lục Dận* : người đất Ngô quận, cháu họ Lục Tốn, người nước Ngô. Lục Dận trước làm Tuyển tào lang, sau làm Đốc quân đô uý Hành Dương. Đến khi giặc Man Di quận Cửu Chân đánh và hạ được các thành ấp, Giao Châu náo động, chúa nước Ngô dùng Lục Dận làm thứ sử Giao Châu.

Bà Triệu Ẩu : Theo sách *Thái Bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử nhà Tống, trong miền núi quận Cửu Chân có người con gái họ Triệu, vú dài ba thước, không lấy chồng, tụ họp đồ đảng đánh cướp các quận huyện

---

(1) Theo Hán văn chữ "Ẩu" có hai nghĩa : a) tiếng gọi chung các bà già, có ý tôn kính, thí dụ : bà mẹ đại thần nhà Hán được tôn gọi là Vạn Thạch Ẩu ; b) nghĩa cũng như *Ẩu chiếu*, là bảo vệ nhi đồng. Theo *Thanh Hoá kỷ thắng* (t.65) của Vương Duy Trinh, bà Triệu tức là Lệ Hải Bà vương, họ Triệu, huý Trinh, tiểu tư là Nữ Ẩu, là em gái Triệu Quốc Đạt...

thường mặc áo vải mộc màu vàng, đi guốc, cưỡi đầu voi, xông ra trận đánh. Sau khi chết, thành thần. Nay có đền thờ ở xã Phú Điền, huyện Mỹ Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Lời phê – *Con gái nước ta, nhiều người hùng dũng khác thường. Bà Triệu Ẩu cũng là người sánh vai được với Hai Bà Trưng*(1). *Xem như vậy thì Bắc sử chép chuyện thành Phu Nhân*(2) *quân nương tử*(3), *há có phải chỉ Trung Quốc là có đàn bà nổi danh tiếng đâu ? Nhưng nói là vú dài ba thước thì cũng quái gở, đáng cười !*

Năm Quý Mùi (263). (Ngô, năm Vĩnh An thứ 6 ; Hán, năm Viêm Hưng thứ 1. – Năm này nhà Hán mất. Ngụy, năm Canh Nguyên thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Kẻ lại quận Giao Chỉ là Lữ Hưng giết Thái thú quận ấy là Tôn Tư, đem quận Giao Chỉ đầu hàng nhà Ngụy (Sử cũ chép lầm là hàng nhà Tấn).

Trước kia, nhà Ngô dùng Tôn Tư làm Thái thú Giao Chỉ. Tôn Tư là người tham lam bạo ngược, thường chọn bắt hàng hơn nghìn người thợ thủ công khéo Tb. **III**, 10

(1) Trưng Trắc và Trưng Nhị (x.Tb.II. 9 – 14).

(2) Theo sách Trung Quốc, có nhiều nơi gọi là "Phu nhân thành", nhưng thành Phu nhân nói đây là ngôi thành ở Tây bắc huyện Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, do chuyện sau đây trong *Tấn thư* : "Khi Chu Tự đóng quân ở Tương Dương, có Phù Phi đem quân đến đánh. Lúc đó bà mẹ Tự là Hàn Thị lên mặt thành, đi bộ xem xét. Bà bảo rằng góc Tây bắc là nơi sẽ bị đánh trước. Bà đem các tì thiếp và phụ nữ ở trong thành ra đắp thêm một cái thành ở dốc thành cũ, để chống cự với giặc. Khi giặc đánh Tây bắc, thành cũ quả nhiên bị vỡ, quân đội cố giữ ở nơi thành mới, quân Phù Phi đánh không được, phải rút đi. Vì thế người Tương Dương gọi thành ấy là "Phu nhân thành" (*Từ Hải,* tr. 367).

(3) Theo *Đường thư,* Bình Dương công chúa là con gái Đường Cao Tổ. Chồng công chúa là Sài Thiệu cũng là một tay võ tướng. Khi Cao Tổ bình định thiên hạ, Bình Dương công chúa đứng ra chiêu mộ dân chúng, lập một đội quân có tới bảy vạn, thanh thế ngang với quân họ Sài. Cả hai đội quân cùng kéo vào kinh đô cùng giúp Cao Tổ, cho nên thời đó người ta gọi đội quân của Bình Dương công chúa là *Nương tử quân. (Từ Hải*, tr. 386).

ở trong quận đưa sang Kiến Nghiệp[1] ; nhân dân khổ sở về việc đó. Đến đây, chúa nước Ngô sai Đặng Tuân đến quận, Đặng Tuân lại tự tiện bắt dân phải nộp ba mươi con công đưa sang Mạt Lăng[2]. Nhân dân sợ phải làm lực dịch ở nơi xa, do đấy định mưu làm loạn. Kẻ quận lại là Lữ Hưng giết cả Tôn Tư và Đặng Tuân, rồi xin với nhà Nguỵ đặt Thái thú khác và cho quân sang đóng. Quận Cửu Chân và Nhật Nam đều hưởng ứng việc này.

Năm Giáp Thân (264). (Ngô, Tôn Hạo, năm Nguyên Hưng thứ 1 ; Nguỵ, năm Hàm Hi thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Nhà Ngô lại chia đất Giao Châu, đặt ra Quảng Châu.

Năm ấy, nhà Ngô cắt ba quận Nam Hải, Thương Ngô và Uất Lâm đặt làm Quảng Châu, châu lỵ ở Phiên Ung ; Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố làm Giao Châu, châu lỵ ở Long Biên. Việc chia ra Giao Châu và Quảng Châu bắt đầu từ đấy.

Lời chua – *Nam Hải* : Xem An Dương Vương, năm 44 (Tb.1,11).

Thương Ngô, Uất Lâm, Nhật Nam, Hợp Phố : Xem Triệu Vương, Kiến Đức, năm thứ 1. (Tb.2,4...).

Nhà Nguỵ dùng Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, đôn đốc mọi việc quân ở Giao Châu ; dùng Hoắc Giặc ở xa lĩnh chức Thứ sử Giao Châu.

Nhà Nguỵ phong Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu ; dùng nam trung giám quân là Hoắc Giặc, ở xa lĩnh chức Thứ sử Giao Châu, được quyền tuỳ tiện kén bổ các trưởng lại. Hoắc Giặc đề cử Thoát Cốc (có chỗ chép là Phàn Cốc) làm Thái thú Giao Chỉ, thống suất thuộc lại trong nha môn mình là lũ

Tb. **III**, 11

(1) Kinh đô của nhà Ngô.

(2) Tên cũ của Kiến Nghiệp, do nhà Tấn đặt.

Đổng Nguyên và Vương Tố đem quân đến giúp Lữ Hưng. Quân chưa đến nơi, Lữ Hưng đã bị công tào Lý Thống giết chết ; Thoán Cốc cũng chết.

Năm Ất Dậu (265). (Ngô, năm Cam Lộ thứ 1 ; Tấn, Vũ đế, năm Thái Thuỷ thứ 1).

Nhà Tấn dùng Mã Dung làm Thái thú Giao Chỉ. Mã Dung bị bệnh mất. Hoắc Giặc đề cử Dương Tắc sang thay.

Lời chua – *Mã Dung* : người Ba Tây.

Dương Tắc : người Kiên Vi.

Năm Mậu Tí (268). (Ngô, năm Bảo Đỉnh thứ 3 ; Tấn, năm Thái Thuỷ thứ 4).

Nhà Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sử Giao Châu, đánh lại Dương Tắc nhà Tấn. Dương Tắc đánh phá được quân Lưu Tuấn ở Cổ Thành.

Nhà Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sử, cùng với bộ đốc trước là Tu Tắc (*Sử cũ* chép lầm là đại đô đốc Tu Tắc), tướng quân là Cố Dung, trước sau ba lần đánh vào Giao Châu, nhưng Dương Tắc đều đem quân chống cự lại và đánh phá được cả. Quận Uất Lâm, quận Cửu Chân đều phụ theo với Dương Tắc. Dương Tắc sai tướng quân là Mao Quế (*Sử cũ* chép lầm là Linh), Đổng Nguyên, nha môn tướng là bọn Mạnh Cán, Mạnh Thông, Lý Tùng, Vương Tố, Thoán Năng, đi từ đất Thục sang Giao Chỉ, đánh phá quân Ngô ở Cổ Thành, giết được Tu Tắc và Lưu Tuấn quân còn sót lại đều tan rã cả. Nhân thế, Dương Tắc đề cử Mao Quế làm thái thú Uất Lâm, Đổng Nguyên làm thái thú Cửu Chân.

Lời chua – *Cổ Thành* : Tức là thành Hợp Phố.

Năm Kỷ Sửu (269). (Ngô, năm Kiến Hành thứ 1 ; Tấn, năm Thái Thuỷ thứ 5). Tb. III, 12

Tháng 11, mùa Đông. Nhà Ngô đem quân sang đánh Dương Tắc nhà Tấn.

Nhà Ngô sai giám quân là Ngu Phiếm, uý nam tướng quân là Tiết Hủ và Thái thú Thương Ngô là Đào Hoàng đi đường Kinh Châu ; giám quân là Lý Húc (*Sử cũ* chép sai là Đỉnh) và đốc quân là Từ Tồn đi đường biển Kiến An. Cả hai đạo gặp nhau ở Hợp Phố để sang đánh Dương Tắc. Lý Húc, vì thấy đi đường biển không được tiện lợi, bèn giết tướng đưa đường là Phùng Phỉ, rồi đem quân về. Chúa nhà Ngô cho rằng Lý Húc đã giết uổng Phùng Phỉ và tự tiện rút quân về, nên bắt cùng với Từ Tồn đều phải tội chết.

Năm Tân Mão (271). (Ngô, năm Kiến Hành thứ 3 ; Tấn, năm Thái Thuỷ thứ 7). Đào Hoàng nhà Ngô đánh và bắt được bọn Dương Tắc nhà Tấn. Nhà Ngô lại lấy được đất Giao Chỉ, chia đất ấy ra làm quận Tân Xương.

Trước kia, Đào Hoàng và bọn Ngu Phiếm, Tiết Hủ chống nhau với Dương Tắc ở trên sông Phần. Đào Hoàng thua, lui giữ quận Hợp Phố, chết mất hai tướng. Tiết Hủ tức giận, bảo Đào Hoàng : "Ngươi tự dâng biểu xin đi đánh giặc mà để mất hai tướng, trách nhiệm ấy tại ai ?" Đào Hoàng thưa : "Tôi là quan cấp dưới, không được làm theo ý muốn của mình, quân sĩ không hoà thuận nhau, nên đến nỗi bị thua đó thôi". Tiết Hủ chưa nguôi giận, muốn đem quân về. Đêm hôm ấy Đào Hoàng đem vài trăm quân đánh úp Đổng Nguyên, bắt được của báu đưa xuống thuyền chở về. Tiết Hủ thấy thế mới xin lỗi Hoàng, dùng Hoàng lĩnh chức đô đốc quân tiền bộ ở Giao Châu, Đào Hoàng lại đi đường biển, nhân lúc không ngờ, đi tắt đến Giao Châu. Đổng Nguyên đem quân ra chống cự. Tb. III, 13

Các tướng của Hoàng đều muốn ra đánh, nhưng Hoàng ngờ

trong chỗ cầu đổ có lẽ có quân mai phục, mới để toán quân sử dụng trường kích[1] dàn riêng hàng ngũ ở phía sau. Khi quân hai bên mới giáp trận, Đổng Nguyên giả cách rút lui ; Đào Hoàng đuổi theo, quả nhiên quân mai phục đổ ra. Quân trường kích của Hoàng đón đánh, phá tan được quân địch và giết Đổng Nguyên tại trận. Lúc đó Đào Hoàng lấy tất cả những thuyền chở của báu và mấy nghìn tấm thổ cẩm[2] mà trước kia cướp được, đem gửi cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Kỳ (*Sử cũ* chép sai là Lương Tề). Lương Kỳ đem hơn một vạn người đến giúp Đào Hoàng. Bấy giờ Dương Tắc dùng bộ tướng là Vương Tố thay Đổng Nguyên. Dũng tướng của Đổng Nguyên là Giải Hệ cùng ở trong thành. Đào Hoàng sai em Hệ là Tượng viết thư cho Hệ ; lại sai Tượng đi xe độc mã, có người thổi sáo, đánh trống, hộ vệ diễu đi. Bọn Vương Tố thấy thế, bảo nhau : "Tên Tượng là em Giải Hệ còn được như thế, chắc hẳn Giải Hệ cũng có ý muốn đi theo". Họ bèn giết Hệ. Đào Hoàng nghe tin ấy, lập tức đem quân đánh gấp, phá được châu lỵ, bắt được bọn Dương Tắc và Mao Quế. Mao Quế ngầm lập mưu đánh úp Đào Hoàng. Việc ấy tiết lộ, Đào Hoàng bắt giết Mao Quế, rồi cho đưa bọn Dương Tắc về nước Ngô. Đi đến Hợp Phố, Tắc bị bệnh chết. Còn bọn Mạnh Cán, Lý Tùng, Thoán Năng khi về đến Kiến Nghiệp, thì Mạnh Cán trốn về với nhà Tấn ; nhà Tấn dùng làm Thái thú Nhật Nam. Lý Tùng và Thoán Năng đều bị nhà Ngô giết cả. Nhà Tấn truy tặng cho Dương Tắc chức Thứ sử Giao Châu, các con của Mao Quế, Lý Tùng và Thoán Năng đều được phong tước quan Nội hầu.

(1) Cây kích dài, một thứ binh khí xưa.

(2) Gấm bản thổ.

Viên Công Tào[1] quận Cửu Chân là Lý Tộ giữ toàn được quận, đem quận ấy phụ thuộc về nhà Tấn. Đào Hoàng sai tướng đến đánh không được. Cậu Lý Tộ là Lê Hoảng (có chỗ chép là Lê Minh) đi theo quân thứ nhà Ngô, khuyên Lý Tộ ra hàng. Lý Tộ đáp : "Cậu cứ việc làm tướng bên Ngô, tôi cứ việc thần phục bên Tấn, người nào cũng chỉ nhìn vào sức mạnh mà mình cho là có thể trông cậy được". Lý Tộ giữ thành không hàng. Quân của Đào Hoàng đánh mãi mới hạ được thành. Tb. III, 14

Lời chua – *Đào Hoàng* : Con Đào Cơ, người Mạt Lăng thuộc Đan Dương.

Tân Xương : Theo chú thích của Hồ Tam Tỉnh, Tân Xương tức là Phong Châu, nay là đất tỉnh Sơn Tây.

Nhà Ngô dùng Đào Hoàng làm thứ sử, giữ phù tiết[2] tiền tướng quân, Giao Châu mục[3], đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu.

Sau khi Đào Hoàng phá được bọn Dương Tắc, bình được Giao Châu, nhà Ngô dùng luôn làm chức Châu mục. Đào Hoàng là người có mưu chước, biết thương kẻ khó, sẵn lòng bố thí, được lòng dân. Người ta ai cũng thích giúp việc, nên Hoàng đi đến đâu cũng được thành công. Bấy giờ tại các quận Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương, vì thế đất hiểm trở, dân Di, Lạo hung hăng mạnh tợn, đã từ lâu vẫn không chịu thần phục. Đào Hoàng đem quân đi đánh, dẹp yên, mở thêm đất, đặt làm ba quận và hơn 30 huyện ở các nước phụ thuộc với quận Cửu Chân. Sau đó, nhà Ngô gọi Đào Hoàng về làm đô đốc quận Vũ Xương, và dùng Tu Doãn là thái thú quận Hợp Phố, sang thay. Có đến hàng nghìn

(1) Xem chú thích ở tr.132.

(2) Xem chú thích chữ "phù tiết" ở tr. 122.

(3) Xem chú thích chữ "mục" ở tr. 131.

người dân bản thổ (Giao Châu) xin giữ Đào Hoàng ở lại. Chúa nhà Ngô lại cho Hoàng trở về châu lỵ cũ.

Lời chua – *Vũ Bình* : Vốn là đất huyện Phong Khê, đặt ra từ nhà Ngô, Vũ Bình thống trị 7 huyện ; đời Tuỳ bỏ quận, đổi làm huyện Long Bình ; đời Đường đổi làm huyện Vũ Bình rồi lại đặt làm Đằng Châu. Triều Đinh, Lê đổi làm phủ Thái Bình ; triều Trần đổi gọi Khoái Lộ ; triều Lê đổi đặt làm hai phủ Tiên Hưng và Khoái Châu. Nay là địa hạt Hưng Yên[1]. Tb. **III**, 15

Cửu Đức : Đất của Việt Thường thị xưa, nhà Ngô lấy đặt làm quận Cửu Đức, thống trị 8 huyện. Đời Tấn, Tống, Tề vẫn cứ theo cũ ; nhà Lương bỏ quận, đổi làm huyện Cửu Đức thuộc quận Nhật Nam ; nhà Đường đổi cho thuộc Hoan Châu. Nay là đất Hà Tĩnh.

Năm Canh Tí (280). (Tấn, năm Thái Khang thứ 1).

Quan mục ở Giao Châu của nhà Ngô là Đào Hoàng đầu hàng nhà Tấn. Tấn hạ chiếu cho Hoàng làm chức cũ.

Chúa Ngô là Tôn Hạo, khi đã đầu hàng nhà Tấn, tự tay viết thư khuyên Hoàng nên về với Tấn. Nhận thư ấy, Hoàng sụt sùi ứa nước mắt đến mấy ngày, rồi sai đưa nộp ấn và theo về Lạc Dương. Vua Tấn hạ chiếu cho Hoàng giữ chức cũ, phong tước Uyển Lăng hầu, đổi làm quán quân tướng quân.

Khi nhà Tấn đã đánh được nhà Ngô, giảm bớt số quân ở các châu quận *(Sử cũ* chép sai là bắt lính Giao Châu). Đào Hoàng dâng thư trình bày : "Giao Châu ở trơ trọi một nơi, liền sát núi, biển, cách nước Lâm Ấp ở ngoài chỉ độ 700 dặm *(Sử cũ* chép sai là mấy nghìn dặm). Tướng người Di ở Lâm Ấp là Phạm Hùng, suốt đời làm kẻ cướp lẩn lút, thường đánh cướp nhân dân. Hắn lại còn liên kết với Phù Nam, thường làm giặc cướp đánh phá các quận huyện, giết hại quan và dân. Tôi trước làm quan nước Ngô, được cử đem quân đóng ở bên Nam có đến hơn mười năm.

(1) Nay Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên, Tiên Hưng thuộc tỉnh Thái Bình.

Trước sau nhiều phen đi đánh dẹp, tuy có giết được tướng lĩnh họ, nhưng vì ở chỗ núi sâu hang cùng, nên còn có kẻ ẩn núp được. Vả lại, quân lính thuộc dưới quyền tôi tất cả có hơn tám nghìn người. Thuỷ thổ phương Nam nóng nực, ẩm thấp, *(Sử cũ* chép lầm là ôn nhuận), có nhiều khí độc ; thêm vào đó nhiều năm phải đi đánh giặc, quân lính ngày một hao mòn, hiện còn có hai nghìn bốn trăm hai mươi người. Ngày nay bốn biển hợp nhất, đâu cũng thần phục cả, đáng lẽ nên cuốn áo giáp, huỷ bỏ gươm, chăm lo về đường lễ nghĩa. Nhưng mà, người châu này lại không thích yên vui, ưa làm những sự khởi loạn. Vả lại, về phía nam Quảng Châu, cả vùng có đến hơn sáu nghìn dặm, trong đó có đến hơn năm vạn hộ không phục theo và không phụ thuộc. Những bọn ngang tàng ở Quế Lâm cũng có đến một vạn hộ nữa. Nói đến những người chịu phục dịch việc quan chỉ có hơn năm nghìn nhà. Hai châu Giao và Quảng, hình thế như môi với răng, phải có quân đóng mới giữ được. Lại còn đất Hưng Cổ thuộc Ninh Châu ở mạn thượng lưu, cách quận Giao Chỉ một nghìn sáu trăm dặm, đường thuỷ, đường lục đều tiện, hộ vệ lẫn nhau. Vậy thì số quân đóng ở châu chưa nên giảm bớt, để có vẻ yếu đuối cô đơn". Vua nhà Tấn theo lời Đào Hoàng. Đào Hoàng ở Giao Châu 30 năm, tỏ ra người có ân, có uy, được dân Giao Châu yêu mến. Khi Hoàng mất, vua Tấn dùng viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Ngô Nghiện *(Sử cũ* chép chữ "Ngô" là họ "Ngô" làm chức nam trung đô đốc, thứ sử Giao Châu. Hồi Đào Hoàng mới mất, lính thú ở quận Cửu Chân nổi loạn, đánh đuổi thái thú Cửu Chân. Tướng giặc là Triệu Chỉ bao vây quận. Ngô Nghiện dẹp yên được cả. Ngô Nghiện làm quan được 25 năm, dân Giao Châu được yên ổn. Ngô Nghiện tự dâng biểu xin đổi người khác

Tb. **III**, 16

thay mình. Vua nhà Tấn cho Cố Bí sang thay. Cố Bí cũng là một quan tốt, cả châu ai cũng yêu mến. Kịp khi Cố Bí chết, người Giao Châu ép con Bí là Tham quản lĩnh công việc Giao Châu. Khi Cố Tham chết, em là Thọ cố ý cầu xin lên thay. Thọ giết người trưởng lại là Hồ Triệu, lại toan giết cả đốc quân thuộc dưới quyền mình là Lương Thạc. Lương Thạc chạy thoát, cất quân đánh giết được Cố Thọ. Sau đó, Lương Thạc chuyên quyền, nhưng sợ dân tình không thuận, mới đón con Đào Hoàng là Uy, đương làm thái thú Thương Ngô, về lĩnh chức thứ sử Giao Châu. Đào Uy làm quan, rất được lòng dân, giữ chức được ba mươi năm thì chết. Em Uy là Thục, con Uy là Tuy, kế tiếp nhau làm thứ sử. Từ Đào Cơ đến Đào Tuy tất cả bốn đời, đều làm thử sử. Đào Cơ là cha Đào Hoàng *(Sử cũ* chép sai là ông nội Đào Hoàng). Tb. **III**, 17

Lời chua - *Phù Nam* : Xem đời Hùng Vương (Tb.I,7).

Năm Mậu Dần (318). (Đông Tấn, Nguyên đế, năm Đại Hưng thứ I).

Tháng 10, mùa Đông. Nhà Tấn hạ chiếu gia phong cho thứ sử Quảng Châu là Đào Khản đô đốc các việc quân ở Giao Châu.

Theo *Sử ký* của Ngô [Thì] Sĩ, thời bấy giờ người Trường Sa là Vương Cơ cùng với giặc đất Thục là Đỗ Hoàng, và tú tài ở Giao Châu là Lưu Trầm cùng nhau làm phản. Đào Khản sai đốc hộ đánh phá, bắt được Lưu Trầm, chém được Vương Cơ. Vì có công ấy, Khản được phong chức nói trên. Tb. **III**, 18

Lời chua – *Đào Khản* : Người Phiên Dương.

Vương Cơ : Theo *Tấn thư,* trước kia có người ở Trường Sa tên là Vương Cơ, cha Vương Cơ tên là Nghị làm thứ sử Quảng Châu, rất

được lòng dân chúng. Sau người Quảng Châu đón Vương Cơ làm thứ sử. Khi ấy gặp dư đảng giặc đất Thục là Đỗ Hoằng đem vàng cho Vương Cơ, xin đi đánh giặc Quế Lâm để tự lập công. Vương Cơ đem việc ấy bầy tỏ lên triều đình. Vương Đôn cho Vương Cơ là người khó chế ngự, vì có công hàng được Đỗ Hoằng, cũng muốn nhân đó sai đi đánh Lương Thạc. Vì vậy đổi Vương Cơ sang làm thứ sử Giao Châu. Lương Thạc nghe tin ấy, sai con đón Vương Cơ ở Uất Lâm. Vương Cơ giận việc đến đón chậm, trách rằng : "Đợi khi đến châu, sẽ hỏi tội cho !" Con Lương Thạc vội sai người về báo cho cha biết. Lương Thạc nói : "Chàng Vương[1] đã làm hại Quảng Châu rồi, lại còn đến đây phá Giao Châu nữa sao !" Nói rồi liền cấm người trong châu không ai được ra đón. Quan Tư Mã[2] ở phủ là Đỗ Tán thấy Lương Thạc không cho đón Vương Cơ, liền đem quân đánh Lương Thạc, bị Thạc đánh thua. Lương Thạc lại sợ những người kiều ngụ bênh vực Vương Cơ, bấy giờ đem bao nhiêu người khá giết đi hết, rồi tự lĩnh chức thứ sử Giao Châu. Vương Cơ đã bị Lương Thạc chống cự lại, liền đi sang Uất Lâm. Khi ấy Đỗ Hoằng đi đánh được giặc Quế Lâm về, gặp Vương Cơ ở giữa đường. Vương Cơ khuyên Đỗ Hoằng đánh lấy Giao Châu. Đỗ Hoằng vẫn có ý lấy Giao Châu đã lâu, mới cầm lấy phù tiết của Vương Cơ, bảo rằng : "Ta nên thay đổi nhau cầm, sao nên một người cầm !" Vương Cơ mới đưa phù tiết cho Đỗ Hoằng. Bấy giờ Vương Cơ với Hoằng và bọn Ôn Thiệu, Lưu Trầm đều làm phản. Liền đó, Đào Khản đến Quảng Châu, đánh giết được Ôn Thiệu, Lưu Trầm trước ; rồi sai đốc hộ đánh Vương Cơ. Vương Cơ chạy, bị chết. Đào Khản sai quật thây lên đem chém. Tb. **III**, 19

Năm Quý Mùi (323). (Tấn, Minh đế, năm Thái Bình thứ 1).

Lương Thạc đánh giết thứ sử là Vương Lượng. Đào Khản sai quân đánh chém được Lương Thạc. Nhà Tấn dùng Đào Khản lĩnh chức thứ sử Giao Châu.

(1) Chỉ Vương Cơ.

(2) Quan chuyên coi việc binh.

Trước kia, Vương Đôn dùng Vương Lượng làm thứ sử Giao Châu để đánh Lương Thạc. Lương Thạc đem quân vây Vương Lượng ở Long Biên, hạ được thành, cướp lấy phù tiết của Vương Lượng ; Vương Lượng không cho, Lương Thạc chặt mất cánh tay trái của Lượng. Vương Lượng nói :"Chết, ta còn không sợ, chặt mất tay thì có làm gì !" Được hơn 10 ngày, Lượng chết. Lương Thạc giữ Giao Châu, vì hung bạo, nên mất lòng dân chúng. Đào Khản sai tham quân là Cao Bảo đánh chém được Lương Thạc. Vua Tấn cho Đào Khản lĩnh chức Thứ sử Giao Châu, tiến phong cho hiệu là Chinh nam đại tướng quân khai phủ nghi đồng tam ti.

Lời chua – *Long Biên* : Còn tên gọi là Long Uyên. Tb. III, 20
Xem thuộc Hán, Vũ đế, năm Nguyên Phong thứ nhất. (Tb.2,7).

Năm Quý Sửu (353). (Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Phu đánh phá được nước Lâm Ấp.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Phật thường sang xâm lấn quấy nhiễu. Nguyễn Phu đem quân đi đánh, phá được hơn năm mươi luỹ.

Lời chua – *Lâm Ấp* : Quốc giới của Việt Thường thị xưa ; đời Tần là huyện Lâm Ấp, thuộc Tượng Quận ; đời Hán đổi làm huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Cuối đời Hán, con viên Công tào ở huyện ấy là Khu Liên, giết huyện lệnh, tự lập làm vua nước Lâm Ấp. Sau vì Khu Liên không có con kế tự, cháu ngoại là Phạm Tb. III, 21
Hùng lên thay làm vua, truyền ngôi đến con là Phạm Dật. Người gia nô Phạm Dật là Phạm Văn dạy Phạm Dật xây đắp thành trì, nhà cửa, đặt bày binh trận, chế tạo khí giới. Phạm Văn được Phạm Dật tin yêu. Kịp khi Phạm Dật chết, Phạm

Văn cướp ngôi làm vua. Phạm Văn chết, con là Phạm Phật nối ngôi. Phạm Phật chết, cháu là Hồ Đạt lên làm vua. Đến Văn Địch, cháu năm đời của Phạm Phật, bị con vua Phù Nam là Đương Côn Thằng (có chỗ chép là Thuần) giết chết. Đại thần là Phạm Chư Nông bình được loạn ấy, tự lập làm vua. Chư Nông chết, con là Dương Mại lên kế vị. Dương Mại chết, con là Đốt lên làm vua, vẫn lại lấy tên là Dương Mại, thường sang lấn cướp quận Nhật Nam. Nhà Tấn sai Đàn Hoà Chi đi đánh. Dương Mại sợ, sai sứ sang triều cống ; về sau, không triều cống nữa. Nhà Tuỳ sai Lưu Phương sang đánh. Chúa Lâm Ấp là Phạm Chí sai sứ sang tạ lỗi. Khoảng giữa niên hiệu Trinh Quán (627 - 649) nhà Đường, vua Lâm Ấp là Đầu Lê chết, con là Trấn Long bị giết, người trong nước lập con nhà cô của Đầu Lê là Gia Cát Địa lên làm vua, đổi quốc hiệu là Hoàn Vương, thường sang xâm lấn An Nam. Bị đô hộ nhà Đường là Trương Chu đánh phá, nước ấy mới bỏ Lâm Ấp, dời đến Chiêm, gọi là nước Chiêm Thành.

Liệt Thánh[1] bản triều[2], trước mở cơ nghiệp ở đất này, sau thống nhất được toàn quốc ; việc đóng đô ở đây đã xem xét kỹ càng, không khác gì các vua đời Tam đại dùng ngọc thổ khuê để đo bóng mặt trời ở Lạc Thuỷ [3], đem con linh quy để bói chỗ đóng đô ở Hoàng Hà[3]. Kinh đô đóng ở đây, có

(1) Chỉ các chúa Nguyễn từ Nguyễn Hoàng đến Duệ Tông, Nguyễn Phúc Thuần.

(2) Triều Nguyễn.

(3) Ba triều đại Hạ, Thương, Chu (Tam Đại) đều đóng đô ở khoảng đất giữa Lạc Thuỷ và Hoàng Hà, khi bắt đầu dự định đóng đô ở nơi nào thì dùng ngọc thổ khuê để suy trắc, dùng rùa thần để bói. Chu công Đán khi bói về địa thế ở Lạc Thuỷ có nói. "Ta đã bói phía Đông Giản Thuỷ, phía Tây Triền Thuỷ, chỉ có Lạc Thuỷ là cấn mực : ta lại bói phía Đông Triền Thuỷ, cũng chỉ có Lạc Thuỷ là cấn mực. Vì thế ta mới sai người vẽ địa đồ Lạc Thuỷ và dâng lời bói lên vua". *Kinh thư* (thiên *Lạc cáo*).

cửa ải Hải Vân [1], có đèo Ngang[2], có cửa Thuận[3], có núi Thương Sơn[4]. Thật là nơi kín đáo hiểm trở cũng như một cái kho của nhà Trời. Do đấy, thanh danh văn vật ngày thêm phồn thịnh, không triều đại nào trước đây có thể sánh kịp. Bây giờ, thành Phật thệ ở Phủ Thừa Thiên, thành Chà Bàn ở tỉnh Bình Định đều là di tích cố đô của Chiêm Thành đó.

Năm Canh Thìn (380). (Tấn, Hiếu Vũ đế, năm Thái Nguyên thứ 5).

---

(1) Cửa ải Hải Vân ở trên đỉnh núi Hải Vân, thuộc địa phận huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên, lập ra từ năm Minh Mạng thứ 7 (1826), đằng trước cửa ải có khắc 3 chữ "Hải Vân quan", đằng sau cửa ải khắc 6 chữ "Thiên hạ đệ nhất hùng quan", có quân lính canh giữ, có kính thiên lý để chiếu trông ra ngoài biển. Tàu thuyền muốn vào cửa biển Đà Nẵng, trước hết phải báo ở cửa ải này. Năm 1836, Minh Mạng đúc chín cái đỉnh, lấy hình cửa ải này đúc vào "dụ đỉnh" (tên một trong chín cái đỉnh). Đèo Hải Vân rất hiểm, người đi phải như vượn leo, chim chuyền, mới có thể vượt qua được. Chân đèo liền với bãi biển, ở đây có hang dơi. Tương truyền : ngày trước, chỗ hang dơi, có sóng thần, làm thuyền bè bị đắm, nên ngạn ngữ có câu :" Đi bộ thì sợ Hải Vân, đi thuỷ thì sợ sóng thần hang dơi". (*Đại Nam nhất thống chí,* mục *Sơn xuyên* và *Quan tấn* phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 25 và 48).

(2) Ở giữa địa phận huyện Bình Chính tỉnh Quảng Bình và huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh, núi non chồng chập, kéo dài từ đất liền đến bãi biển, trông như một bức trường thành. Đèo Ngang là nơi hiểm yếu giữa hai miền Nam và Bắc Giữa thế kỷ thứ XVI, Nguyễn Bỉnh Khiêm (Trạng Trình) bảo Nguyễn Hoàng : "Hoành sơn nhất đái, khả dĩ vạn đại dung thân" (một dải Hoành Sơn, có thể dung thân được muôn đời), tức là chỗ này. Năm 1836, Minh Mạng đúc chín cái đỉnh, lấy hình núi này đúc vào "huyền đỉnh" (Sách dẫn trên, mục *Sơn xuyên* tỉnh Quảng Bình, quyển 8 tờ 20).

(3) Ở địa phận huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, hình thế khúc khuỷu quanh co, thác ghềnh phục ngầm ở dưới nước, rất là hiểm trở. Gia Long có đặt tấn thủ để phòng ngự, có 3 đội quân đi tuần ngoài biển và hộ vệ thuyền quan khi ra khi vào. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834) dùng vọng lâu ở trấn sở, có kính thiên lý để dò xét tàu thuyền ngoài khơi. Khi đúc chín cái đỉnh, Minh Mạng cho vẽ hình thế cửa Thuận này đúc vào "nghị đỉnh". (Sách dẫn trên, mục *Quan tấn* phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 50).

(4) Ở địa phận huyện Hương Trà, thế núi gồ ghề hùng vĩ, trông như hình kho lúa, nên gọi là Thương Sơn. Trên chót có giếng nước rất trong, Thương Sơn là một núi vừa đẹp vừa lạ. Khi đúc chín cái đỉnh, Minh Mạng lấy hình núi này đúc vào "chương đỉnh" (Sách dẫn trên, mục *Sơn xuyên* phủ Thừa Thiên, quyển *2,* tờ 21).

Tháng 10, mùa đông. Thái thú quận Cửu Chân là Lý Tốn chiếm giữ châu, làm phản.

Năm Tân Tị (381). (Tấn, năm Thái Nguyên thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Thái thú quận Giao Chỉ là Đỗ Viện đi đánh, dẹp yên được loạn Lý Tốn.

Theo *Liệt truyện* trong *Tống thư,* trước kia, Thái thú quận Cửu Chân là Lý Tốn, cha con khoẻ mạnh, và có quyền thế, uy danh khống chế được đất Giao Châu. Nghe tin thứ sử Đằng Độn Chi sắp đến, Tốn sai hai con chia đi chẹn những chỗ hiểm yếu về đường thuỷ và đường bộ. Đỗ Viện thu thập quân sĩ đánh chém được Lý Tốn. Đất Giao Châu được yên. Nhà Tấn phong Đỗ Viện làm Long nhương tướng quân. Tb. **III**, 22

Lời chua – *Đỗ Viện* : Người huyện Chu Diên quận Giao Chỉ, gốc tích là người đất Kinh Triệu. Ông nội là Nguyên làm thái thú quận Ninh Phố, di cư sang ở quận Giao Chỉ.

Năm Kỷ Hợi (399). (Tấn, An đế, năm Long An thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt (có chỗ chép là Tu Đạt) vào lấn cướp. Đỗ Viện đánh phá được. Nhà Tấn thăng Đỗ Viện làm thứ sử Giao Châu.

Theo *Lương thư,* năm ấy, vua nước Lâm Ấp, là Phạm Hồ Đạt, lấn cướp quận Nhật Nam, bắt thái thú là Quế Nguyên ; lại tiến sang cướp quận Cửu Đức, bắt thái thú là Tào Bính. Thái thú Giao Chỉ, Đỗ Viện, sai đốc hộ là bọn Đặng Dật đi đánh, phá tan được. Nhà Tấn liền thăng cho Đỗ Viện làm thứ sử.

Lời cẩn án – *Tống thư và Lương thư đều chép năm Long An thứ 3 (399), thăng Đỗ Viện làm thứ sử Giao Châu, dính liền với năm có việc đánh phá Lâm Ấp. Sử cũ lại chép việc thăng Đỗ*

Viện làm thứ sử vào năm Thái Nguyên thứ 6 (381)[1]*. Như thế là sai, nay theo sự thực đổi lại.*

Năm Tân Hợi (411). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Giặc bên Tấn là Lư Tuần chạy sang Giao Châu. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Tuệ Độ đánh và giết, đưa thủ cấp về Kiến Khang. Tb. III, 23

Trước đây, cháu họ Lư Tuần là Ân làm giặc. Ân chết, Lư Tuần đầu hàng nhà Tấn, được làm thứ sử Quảng Châu ; đến đây, Tuần lại làm phản, bị bộ tướng của Lưu Dụ là Lưu Phiên đánh bại, phải chạy sang Giao Châu. Khi bấy giờ thứ sử trước là Đỗ Viện đã mất, vua Tấn cho con Viện là Tuệ Độ lên thay làm thứ sử. Khi tờ chiếu chưa đến nơi, Lư Tuần đã đánh úp và phá được Hợp Phố, đi tắt sang Giao Châu. Tuệ Độ đem các quan văn võ ở các châu phủ chống nhau với Lư Tuần ở trấn Thạch Kỳ, phá tan quân Lư Tuần. Tàn quân của Lư Tuần còn tới ba ngìn người, lại có dư đảng của Lý Tốn là bọn Lý Thoát, liên kết với dân Lý, Lạo tới hơn năm nghìn người để hưởng ứng với Lư Tuần. Lư Tuần đến bến sông bên Nam thành Long Biên. Tuệ Độ đem hết của nhà thưởng cho quân sĩ. Em Tuệ Độ là Tuệ Kỳ, thái thú Giao Chỉ, cùng với Chương Dân, Thái thú Cửu Chân, cùng đốc suất quân thuỷ, quân bộ. Tuệ Độ tự trèo lên chiếc thuyền cao cùng với Lư Tuần đánh giáp lá cà, dùng mồi tẩm dầu châm lửa ném đốt thuyền giặc, rồi cho quân bộ đứng hai bên bờ bắn xuống. Quân Lư Tuần bị vỡ. Lư Tuần trúng tên lăn xuống nước chết. Tuệ Độ vớt xác Lư Tuần, đem chém, sai đóng hòm đựng thủ cấp Lư Tuần, thủ cấp vợ con hắn và thủ cấp bọn Lý Thoát, đưa về Kiến Khang[2].

(1) Xem *Toàn thư,* Ngoại kỷ, 4, 8b.

(2) Kinh đô nhà Tấn

Lời chua – *Tuệ Độ* : Con thứ năm Đỗ Viện. *Thạch Kỳ* : Tên trấn, ở phía Tây Nam phủ trị Giao Châu. Họ Hồ cắt nghĩa rằng : bờ cong queo gọi là Kỳ. Tb.III, 24.

Năm Quý Sửu (413). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Lâm Ấp lại sang cướp Cửu Chân. Đỗ Tuệ Độ đánh tan được.

Theo *Lương thư,* vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt lại sang cướp Cửu Chân. Tuệ Độ đi đánh phá được, chém con nó là Giao Long vương Chân Tri và tướng nó là bọn Phạm Kiện, bắt sống được hơn trăm người trong có con nó là Na Năng.

Năm Ất Mão (415). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 11).

Nước Lâm Ấp xâm phạm Giao Châu. Tướng ở Giao Châu đánh bại quân Lâm Ấp.

Năm Canh Thân (420). (Tấn, Cung đế, năm Nguyên Hi thứ 2 ; Tống, Vũ đế, năm Vĩnh Sơ thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Đỗ Tuệ Độ đánh Lâm Ấp, phá tan được, bắt Lâm Ấp phải hàng.

Theo *Lương thư,* khi bấy giờ Tuệ Độ đi đánh, cả phá được nước Lâm Ấp, số người bị giết có tới quá nửa ; nước Lâm Ấp phải xin hàng, dâng nộp voi lớn, vàng, bạc, vải hoa ; mới được tha. Những người Lâm Ấp trước sau bị bắt đều được cho về. Sau đó, Tuệ Độ sai trưởng sử là Giang Du dâng biểu sang Tống báo tin thắng trận. Tb. III, 25

Tuệ Độ ở Giao Châu, ăn cơm rau, mặc áo vải, cấm những đền thờ thần nhảm nhí, dựng trường dạy học. Gặp phải năm đói thì lấy lương bổng riêng của mình phát chẩn cho dân. Tuệ Độ làm việc tinh tế chu đáo, coi việc công như việc nhà. Các quan lại và nhân dân ai cũng kính nể và yêu mến. Cửa thành đêm bỏ ngỏ, ngoài đường không ai nhặt của bỏ rơi. Khi Tuệ Độ mất,

vua nhà Tống tặng chức Tả tướng quân và cho con là Hoằng Văn làm thứ sử. Hoằng Văn cũng là người khoan hoà, dược lòng mọi người, nối tước phong là Long Biên hầu.

Lời chua – *Hoằng Văn* : Con trưởng Tuệ Độ. Trước kia, Vũ đế nhà Tống đi đánh miền Bắc, Tuệ Độ dâng "phủ bản"(1) xin cho Hoằng Văn làm thái thú Cửu Chân ; đến đây, lại được kế chân Tuệ Độ làm thứ sử.

Bản : Tức là phủ bản. Theo *Tống chí,* được nhà vua bổ dụng thì làm chức tham quân, do quan tiến cử bằng "phủ bản" thì làm chức hành tham quân.

Năm Đinh Mão (427). (Tống, Văn đế, năm Nguyên Gia thứ 4).

Tháng 4, mùa hạ. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Hoằng Văn chết. Nhà Tống dùng Vương Huy là thứ sử.

Nhà Tống vời Hoằng Văn về làm đình uý. Bấy giờ Hoằng Văn đang bị bệnh, cũng tự mình cố gắng đi kiệu lên đường. Có người khuyên Hoằng Văn nên đợi khi bệnh khỏi sẽ đi. Hoằng Văn trả lời : "Nhà tôi ba đời giữ phù tiết, tôi vẫn muốn đem thân cống hiến đế đình, huống chi bây giờ lại có lệnh triệu". Nói rồi, nhất quyết đi, đến Quảng Châu thì mất.

Năm Tân Mùi (431). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 8). Nước Lâm Ấp cướp Cửu Chân. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi đánh không được, kéo quân về.

Theo *Sử ký* của Ngô [Thì] Sĩ, bấy giờ vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai hơn một trăm thuyền lầu sang cướp Cửu Chân, vào cửa sông Tứ Hội. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi sai đội chủ là Tướng Đạo Sinh

Tb. **III**, 26

(1) Công văn của cơ quan để ở trong hai mảnh ván gỗ. Xem thêm lời chua của *Cương mục* ở dưới.

đem quân đi đánh. Đánh thành Khu Lật không được, kéo quân về.

Lâm Ấp, từ sau khi thứ sử Giao Châu là Đỗ Viện mất, không năm nào không vào cướp các quận Nhật Nam và Cửu Chân, giết hại nhiều lắm, đến nỗi Giao Châu bị hư nhược. Đầu năm Nguyên Gia (424 - 453), Dương Mại lại càng xâm lấn dữ lắm. Hoằng Văn định đi đánh, nhưng nghe tin có người sang thay mình, nên lại thôi. Đến đây (Nguyên Gia thứ 8), Lâm Ấp lại đem lực lượng toàn quốc sang cướp. Hai biên giới Nhật Nam và Cửu Chân từ đấy mới sinh ra nhiều sự rối loạn.

Lời chua – *Thành Khu Lật* : Ở phía Bắc nước Chiêm Thành. Theo sách *Thuỷ Kinh chú*, sông Lư Dung phát nguyên từ núi cao ở phía Nam thành Khu Lật thuộc huyện Lư Dung, quận Nhật Nam, về mặt đông chảy qua phía Bắc thành Khu Lật[1]. Binh khí chiến cụ của nước Lâm Ấp để ở cả trong thành ấy. Sau này Đàn Hòa Chi từ đồn Chu Ngô, tiến quân vây Phạm Phù Long ở thành Khu Lật, tức là thành Khu Lật này.

Năm Quý Dậu (433). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 10).

Tháng 5, mùa hạ. Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang nhà Tống xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống không cho.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nhà Tống, xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống xuống chiếu trả lời vì cớ ở xa, không cho. Ngay năm ấy, nhà Tống dùng Hữu quân tham quân là Lý Tú Chi làm thứ sử Giao Châu. Tb. III, 27

(1) Đây là dịch đúng nguyên văn dẫn trong *Cương mục,* không biết **Cương mục** dùng bản *Thuỷ kinh chú* nào. Nay theo bản *Thuỷ kinh chú* hiệu đính đời Kiền Long thì thấy như sau "Ở huyện Lư Dung thuộc quận Nhật Nam... Sông Lư Dung phát nguyên ở phía tây nam, miền núi cao ở phía nam thành Khu Túc. Phía nam các núi dài liên tiếp, ở phía Tây Thiên chướng lĩnh, có sông Lư Dung chảy ra, đi lẩn vào khe núi, vòng ra phía Bắc Tây vệ, rồi đi sang Đông qua phía Bắc thành Khu Túc rồi lại sang Đông" (c.33, tr.50).

Năm Bính Tuất (446). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 23). Tháng 3, mùa xuân. Nhà Tống sai thứ sử Giao Châu là Đàn Hoà Chi đánh Lâm Ấp, thu được toàn thắng. Hoà Chi kéo quân vào kinh thành Lâm Ấp.

Trước kia, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại tuy sai sứ sang cống hiến nhà Tống, nhưng vẫn cướp bóc Giao Châu luôn luôn. Vua Tống mới sai Đàn Hòa Chi đi đánh. Bấy giờ có người quận Nam Dương là Tông Xác, vốn là dòng dõi nhà Nho, nhưng riêng về phần Tông Xác lại thích võ nghệ, thường nói : "Muốn giong ruổi theo luồng gió, phá tan làn sóng muôn dặm". Đến khi Hoà Chi đi đánh Lâm Ấp, Tông Xác hăng hái quyết xin tòng quân : vua Tống cho Tông Xác làm chấn vũ tướng quân. Hoà Chi sai Tông Xác làm tiền phong. Phạm Dương Mại nghe tin quân Tống đã xuất phát, sai sứ dâng biểu xin trả lại những dân quận Nhật Nam trước kia đã cướp về và xin nộp một vạn cân vàng, mười vạn cân bạc. Vua Tống hạ chiếu cho Hoà Chi :" Dương Mại nếu quả thực lòng hàng phục cũng nên ưng cho quy thuận". Sau Dương Mại bị mê muội về lời can ngăn của đại thần là Đốc Tăng Đạt, nên không quy thuận nữa. Khi Đàn Hoà Chi đến đồn Chu Ngô, sai bọn hộ tào tham quân ở phủ thứ sử Giao Châu là Khương Trọng Cơ đi thẳng đến chỗ Dương Mại. Trọng Cơ bị Dương Mại bắt giữ lại. Đàn Hoà Chi giận lắm, tiến quân vây tướng Lâm Ấp là Phạm Phù Long ở thành Khu Lật. Dương Mại sai tướng là Phạm Côn Sa Đạt đến cứu, bị Tông Xác bí mật đem quân đón đánh, phá tan. Tháng 5, bọn Hoà Chi hạ thành Khu Lật, chém được Phù Long, nhân thắng thế, đánh vào Tượng Phố. Dương Mại đem cả quân trong nước ra đánh, và trang bị đầy đủ cho các thớt voi, trước sau không chỗ nào sơ hở. Tông Xác nói : "Nghe nói nước ngoài có giống sư tử, oai phục được trăm loài thú". Nói rồi, liền chế ra hình sư tử, để chống lại voi : quả nhiên

Tb. III, 28

voi sợ, chạy. Quân nước Lâm Ấp bị thua to. Vì thế, Đàn Hoà Chi đánh được nước Lâm Ấp. Dương Mại cùng với con đều chỉ chạy thoát thân. Hoà Chi lấy được của báu lạ không biết bao nhiêu mà kể, lại phá huỷ những tượng đúc bằng vàng được mấy mươi vạn cân vàng. Tông Xác không lấy một thứ gì, khi về đến nhà, khăn áo có vẻ tiêu điều.

Lời chua – *Đàn Hòa Chi* : Người đất Kim Hương thuộc Cao Bình. Đến năm Hiếu Kiến thứ 3 (456), đổi đi làm thứ sử Duyện Châu, can tội say rượu và những loạn của công, bị bãi chức. Lúc bị bệnh, Hòa Chi thấy ma quỷ rợ Hồ hiện hình hành hạ, rồi chết. Tb. **III**, 29

Chu Ngô thú : Chu Ngô : tên huyện, từ nhà Hán về sau, thuộc quận Nhật Nam ; bấy giờ ở đấy có đặt ra đồn lính thú ở phía bắc nước Chiêm Thành.

Tượng Phố : Tên huyện, ở phía tây bắc nước Chiêm thành, vốn là huyện Tượng Lâm, về đời Hán, thuộc quận Nhật Nam. Đến đời Tuỳ, năm Đại Nghiệp (605 -616) đổi thuộc về quận Lâm Ấp.

Tượng người vàng : Theo *Tông thư,* tục Lâm Ấp theo đạo Ni Kiền[1], đúc tượng người vàng người bạc, to đến mười vòng[2].

Năm Mậu Thân (468). (Tống, Minh đế, năm Thái Thuỷ thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Người Giao Châu là Lý Trường Nhân chiếm giữ châu trị, tự xưng là Thứ sử.

---

(1) Ni Kiền hay Ni Kiện, một tên riêng của Ấn Độ dùng để gọi phái đạo gia tu luyện khổ hạnh, nghĩa là thoát ly sự bó buộc của tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Phái này tu luyện bằng cách ở trần truồng, lấy tro than trát vào thân thể. Vì thân thể trần truồng không biết hổ thẹn, nên *Kinh Phật* gọi phái này là "vô tâm ngoại đạo". Môn đồ ngoại đạo ấy gọi là "Ni Kiện tử". *(Từ Hải* tr.446).

(2) Dịch nghĩa nguyên văn là chữ "thập vi". Chữ "vi" là danh từ hình học, tính vòng tròn. Có nhiều thuyết : một thuyết nói 5 tấc là một vi ; một thuyết nói 3 tấc ; lại một thuyết nữa nói một ôm là một vi *(Từ Hải,* tr. 306).

Trước đây, nhà Tống dùng Lưu Mục làm Thứ sử Giao Châu. Lưu Mục bị bệnh chết. Người trong châu là Lý Trường Nhân giết những bộ thuộc của Lưu Mục đem từ Trung Quốc sang, rồi chiếm giữ đất Giao Châu làm phản, tự xưng làm Thứ sử. Nhà Tống lại dùng Nam Khang tướng là Lưu Bột làm Thứ sử Giao Châu. Khi Lưu Bột đến nơi, bị Trường Nhân chống cự lại ; chưa được bao lâu, Lưu Bột mất. Nhân thế Trường Nhân sai sứ xin hàng, tự giáng chức mình xuống làm người chấp hành công việc Giao Châu. Vua Tống y cho.

Năm Kỷ Mùi (479). (Tống, Thuận đế, năm Thăng Minh thứ 3 ; Tề, Cao đế, năm Kiến Nguyên thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Nhà Tề dùng Lý Thúc Hiến là Thứ sử Giao Châu.

Thúc Hiến là em họ Trường Nhân. Trước kia, Trường Nhân mất, Thúc Hiến, do chân quyền Thái thú Vũ Bình, lên thay Trường Nhân, lĩnh việc Giao Châu. Vì hiệu lệnh của mình chưa được thi hành, nên sai sứ sang nhà Tống xin làm thứ sử. Nhà Tống dùng Thái thú Nam Hải là Thẩm Hoán làm Thứ sử Giao Châu và cho Thúc Hiến làm Ninh viễn quân tư mã, giữ chức thái thú hai quận Tân Xương và Vũ Bình. Khi Thúc Hiến đã nhận được lệnh triều Tống, dân chúng vui lòng phục tùng. Thúc Hiến liền đem quân giữ nơi hiểm yếu, không nhận Thẩm Hoán sang nhậm chức ; Thẩm Hoán phải lưu lại Uất Lâm rồi chết ở đấy. Nhà Tề cho ngay Thúc Hiến làm thứ sử, để vỗ về đất miền Nam cho được yên ổn. Tb.III, 30

Lời chua – *Tân Xương, Vũ Bình* : Đều xem thuộc Ngô, năm Kiến Hành thứ ba. (Tb.3,15).

Năm Ất Sửu (485). (Tề, Vũ đế, năm Vĩnh Minh thứ 3).

Lý Thúc Hiến đi đường tắt sang chầu nước Tề.

Bấy giờ Thúc Hiến đã phụng mạng nhà Tề làm thứ sử, nhưng không cống hiến gì cả. Tháng giêng mùa xuân năm ấy, nhà Tề dùng đại tư nông là Lưu Khải làm thứ sử, điều động quân các quận Nam Khang, Lư Lăng và Thuỷ Hưng sang đánh. Thúc Hiến sai sứ xin bãi binh, dâng mũ đâu mâu bằng bạc nguyên chất, đủ dùng cho hai mươi đội, và lông công để trang sức. Vua nước Tề không nghe. Thúc Hiến sợ bị Lưu Khải đánh úp, mới đi đường tắt từ Tương Châu sang chầu nước Tề[1]. Còn Lưu Khải thì vào trấn giữ Giao Châu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Do việc này ta nhận thấy hình pháp nước Tề thực là sai hỏng. Thúc Hiến là họ với kẻ bạn thần, lân la xin làm chức châu mục. Khi uy lệnh chưa thi hành được thì xin với Tề cho làm thứ sử ; khi đã nhận được mệnh triều đình, thì lại chống cự thứ sử Thẩm Hoán ở Uất Lâm. Thế mà, Tề đối với Thúc Hiến khi chống cự lại, thì lại thực thụ cho làm thứ sử. Khi đã được nhà Tề trao cho cờ lệnh và ấn phù, Thúc Hiến lại thôi không cống hiến nữa. Đến khi Lưu Khải lĩnh mệnh sang đánh, nhà Tề lại để cho Thúc Hiến đi tắt vào chầu. Sau đó cũng không nghe nói nhà Tề tuyên bố tội trạng Thúc Hiến. Việc Đăng Chi xảy ra sau này cũng thế. Thưởng, phạt như vậy thì làm thế nào cho lòng người phục tùng và tỏ rõ được thể thống một nước ?* Tb. **III**, 31

Lời chua – *Nam Khang, Lư Lăng, Thuỷ Hưng* : Nam Khang và Lư Lăng, hai quận này thuộc Giang Châu. Quận Thuỷ Hưng thuộc Tương Châu.

Tương Châu : Là Kinh Châu xưa, nhà Tấn chia đất 8 quận làm Tương Châu ; nay thuộc đạo Hồ Nam.

---

(1) Nhà Tề lúc đó đóng đô ở Kiến Nghiệp, tức là Nam Kinh hiện nay.

Năm Mậu Thìn (488). (Tề, năm Vĩnh Minh thứ 6).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Tề dùng Thái thú Thuỷ Hưng là Phòng Pháp Thừa làm thứ sử Giao Châu.

Năm Canh Ngọ (490). (Tề, năm Vĩnh Minh thứ 8).

Tháng 10, mùa đông. Trưởng sử[1] Giao Châu là Phục Đăng Chi bắt giam thứ sử Phòng Pháp Thừa. Nhà Tề cho Đăng Chi làm thứ sử.

Trước kia, nhà Tề cho Pháp Thừa sang thay Lưu Khải. Pháp Thừa đến trấn, mượn cớ ốm đau, không trông nom đến việc quan, chỉ thích đọc sách. Vì thế, trưởng sử Phục Đăng Chi chuyên quyền, tự tiện thay đổi tướng và quan lại, không cho Pháp Thừa biết. Lục sự Phòng Quý Văn đem việc ấy nói với Pháp Thừa. Pháp Thừa giận lắm, bắt giam Đăng Chi vào ngục đến hơn mười ngày. Đăng Chi đút lót cho em rể Pháp Thừa là Thôi Cảnh Thúc, nên được thả. Sau khi ở ngục ra, Đăng Chi đem quân thuộc dưới quyền mình đánh úp châu lỵ, bắt Pháp Thừa, bảo Pháp Thừa rằng : "Sứ quân[2] đã là người có bệnh hay yếu đau, không nên làm việc nhọc mệt". Hắn giam lỏng Pháp Thừa ở một nhà riêng. Pháp Thừa không có việc gì, lại đến nói với Đăng Chi cho sách để đọc. Đăng Chi trả lời : "Sứ quân nghỉ ngơi yên tĩnh, còn sợ bệnh lên cơn, lại còn xem sách thế nào được ?" Rồi không cho sách. Đăng Chi liền tâu với triều Tề rằng Pháp Thừa bị bệnh tim, không thể trông nom việc quan được. Nhà Tề lại dùng Đăng Chi làm thứ sử Giao Châu. Pháp Thừa về đến Ngũ Lĩnh thì chết.

Tb. III, 32

---

(1) Một chức có từ đời Hán, liền dưới thừa tướng. Về đời Lục triều, trưởng sử là chức quan đứng đầu các quan giúp việc một thứ sử. Chức ấy cũng tương tự chức trưởng phòng hiện nay (*Từ Hải,* trang 1399).

(2) Chỉ Phòng Pháp Thừa.

Năm Ất Dậu (505). (Lương, Vũ đế, năm Thiên Giám thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Thứ sử Giao Châu nhà Tề là Lý Khải chiếm giữ Giao Châu, chống lại nhà Lương, bị trưởng sử Lý Tắc giết chết.

Lý Khải thay Đăng Chi làm thứ sử. Khải thấy nhà Lương mới được nhà Tề truyền ngôi vua cho, bèn giữ Giao Châu, chống lại nhà Lương. Đến đây, Lý Tắc đem quân giết Lý Khải. Nhà Lương dùng Lý Tắc làm thứ sử Giao Châu.

Lời cẩn án – *Lý Khải,* Sử cũ *chép lầm là Lý Nguyên Khải.*

Năm Bính Thân (516). (Lương, năm Thiên Giám thứ 15).

Tháng 11, mùa đông. Thứ sử Giao Châu nhà Lương là Lý Tắc đánh dư đảng của Lý Khải là bọn Nguyễn Tôn Hiếu, chém được Tôn Hiếu, dẹp yên được đất Giao Châu. Nhà Lương tha hết tội cho tất cả người theo đảng làm loạn ở Giao Châu.

Lời chua – *Tôn Hiếu* : *Sử cũ* chép lầm là Tôn Lão.

Năm Quý Mão (523). (Lương, năm Phổ Thông thứ 4).

Nhà Lương chia đất Giao Châu, đặt ra Ái Châu.

Theo *Sử ký* của Ngô [Thì] Sĩ, từ đời Hán trở về sau, cho đơn vị châu kiêm quản các quận. Suốt đời Lục triều[1] vẫn theo như thế, hễ gọi là Giao Châu tức là lỵ sở của thứ sử, thống lĩnh cả Thái thú bảy quận ; các quận thú không được gọi là châu. Tb. **III**, 33

Lời chua – *Ái Châu* : Tức là đất quận Cửu Chân.

Từ đây trở lên, nước ta bị thuộc về Tây Hán, Đông Hán, Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương. Kể từ Tân Mùi, thuộc Hán, Vũ đế Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.) đến năm Canh Thân, thuộc Lương, Vũ đế, Đại Đồng thứ 6 (540), cộng sáu trăm bốn mươi chín năm (110 tr.c.ng. - 540 tr.c.ng.).

---

(1) Theo *Tống Sử,* truyện *Trương Thủ,* Lục triều là danh từ gọi gộp cả mấy triều đại của Trung Quốc : Ngô (222- 280), Đông Tấn (317 - 420), Tống (420 - 479), Tề (479- 502), Lương (502 - 556), Trần (557 - 589). Sáu triều đại này kế tiếp nhau đóng đô ở Kiến Khang, tức Nam Kinh bây giờ.

TIỀN BIÊN

QUYỂN THỨ 4

Năm Tân Dậu (541). (Lương, năm Đại Đồng thứ 7).

Tháng 12, mùa đông. Người Giao Chỉ là Lý Bôn khởi binh, đánh đuổi thứ sử triều Lương là Tiêu Tư, rồi đóng giữ thành Long Biên. Tb. IV, 1

Tổ tiên Lý Bôn gốc ở phương Bắc (Trung Quốc), cuối đời Tây Hán, tránh loạn sang ở phương Nam, đến Lý Bôn là đời thứ bảy đã thành người phương Nam. Lý Bôn tài kiêm văn võ làm quan triều Lương, coi đạo quân Cửu Đức. Vì bất đắc chí, nên về Thái Bình khởi binh. Tù trưởng huyện Chu Diên là Triệu Túc cũng đem quân theo Lý Bôn. Tiêu Tư biết rõ việc ấy, đem tiền của đút lót cho Lý Bôn rồi chạy về Quảng Châu. Lý Bôn liền giữ thành Long Biên.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Lý Bôn là dòng dõi nhà hào trưởng. Lúc ấy có Tinh Thiều là người học giỏi, văn hay, đã sang triều Lương ứng tuyển để ra làm quan, nhưng Thượng thư[(1)] bộ Lại triều Lương là Thái Tễn cho rằng tiên tổ họ Tinh không có người hiển đạt, nên bổ cho làm Quảng Dương môn lang[(2)]. Tinh Thiều lấy làm xấu hổ, trở về ; mưu bàn việc khởi binh với Lý Bôn. Giữa lúc đó thứ sử Giao Châu là Tiêu Tư vì tàn bạo khắc nghiệt mất lòng dân. Hai người, Lý Bôn và

---

(1) Chức quan đứng đầu một bộ được đặt ra từ thời Hán. Thời kỳ đầu Thượng thư còn gọi là Tào.

(2) Một chức quan trông coi cổng thành ở thời nhà Lương. Quảng Dương môn lang là canh gác cổng thành thứ nhất ở phía tây nam thành Kiến Khang.

Tinh Thiều, nhân đấy liên kết với mấy châu, các tay hào kiệt đều hưởng ứng, theo cả.

Lời chua – *Giao Chỉ* : Xem Triệu Vũ vương, năm thứ 10 (Tb.I, 20), *Sử cũ* chép Lý Bôn người Thái Bình thuộc Long Hưng. Nay xét : tên Thái Bình đặt từ năm Vũ Đức thứ tư (621) triều Đường, tên Long Hưng đặt từ đời Trần (1225 – 1400). Tb. **IV**, 2
Đời Lương không có tên đất này. *Sử cũ* chỉ theo đó mà truy gọi thôi. Bây giờ ở xã Từ Đường, huyện Thuỵ Anh, phủ Thái Bình, tỉnh Nam Định[1] còn có đền thờ Lý Bôn.

Long Biên : Tức là Long Uyên. Xem thuộc Hán, năm Nguyên Phong thứ nhất (Tb.2, 7).

Chu Diên : Xem thuộc Hán năm Kiến Vũ thứ 16 (Tb.2, 10).

Quảng Châu : Tên mới đặt từ triều Ngô (222 – 280), đất Giao Châu bị chia lấy một số thuộc về Quảng Châu.

Thái Tổn : Người Khảo Thành, quận Tế Dương.

Tiêu Tư : Tước Vũ Lâm hầu, người cùng họ vua Lương.

Năm Quý Hợi (543). (Lương, năm Đại Đồng thứ 9).

Quân nước Lâm Ấp xâm lấn quận Nhật Nam, Lý Bôn sai tướng Phạm Tu đi đánh và phá được ở Cửu Đức.

Lời chua – *Lâm Ấp* : Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.3, 20 – 21).

Nhật Nam : Xem Triệu Thuật Dương vương, năm đầu (Tb.2, 5 – 6).

Cửu Đức : Xem thuộc Ngô, Kiến Hành năm thứ 3 (Tb.3, 15).

Năm Giáp Tý (544). (Lý, Nam Việt đế Bôn, năm Thiên Đức thứ 1 ; Lương, năm Đại Đồng thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Lý Bôn tự xưng là Nam Việt đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, tên nước là Vạn Xuân.

Lý Bôn nhân thắng quân địch, tự xưng đế, đặt niên hiệu gọi tên nước là Vạn Xuân, có ý mong xã tắc lâu dài đến muôn đời ; dựng điện Vạn Xuân để làm chỗ triều hội.

---

(1) Nay là thôn Tử Các thuộc xã Thái Đô, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình.

Lời chua – *Vạn Xuân* : Theo sách *Thái Bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử triều Tống, huyện Long Biên có đài Vạn Xuân[1]. Đài này của Lý Bôn ở Giao Chỉ làm năm Đại Đồng triều Lương. Nay ở xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, có hồ Vạn Xuân, còn gọi là đầm Vạn Phúc. Vậy điện Vạn Xuân có lẽ ở đấy. Tb. **IV**, 3

Đặt ra trăm quan.

Dùng Triệu Túc làm thái phó[2], Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm Tu làm tướng võ.

Năm Ất Sửu (545). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 2 ; Lương, năm Đại Đồng thứ 11).

Tháng 6, mùa hạ. Triều Lương sai Dương Phiếu, Trần Bá Tiên sang đánh. Nam Việt đế Lý Bôn chạy sang Gia Ninh.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), trước kia, Lý Bôn giữ thành Giao Châu, nhà Lương sai thứ sử Cao Châu là Tôn Quýnh và thứ sử Tân Châu là Lư Tử Hùng đem quân sang đánh. Bấy giờ là mùa xuân, đương có khí lam chướng, bọn Quýnh xin đợi đến mùa thu ; nhưng tước Vũ Lâm hầu là Tư cứ giục tiến quân. Đến quận Hợp Phố, thì quân bị vỡ, chúng lại quay về. Đến năm này, nhà Lương sai thứ sử Giao Châu là Dương Phiếu sang đánh Lý Bôn, cử Trần Bá Tiên làm tư mã ; thứ sử Định Châu là Tiêu Bột cùng họp với Dương Phiếu ở Tây Giang. Tiêu Bột biết ý các tướng sĩ sợ phải đi đánh xa, nên nói dối để Dương Phiếu ở lại. Dương Phiếu tập họp các tướng lại để hỏi mưu kế. Bá Tiên nói : "Quan thứ sử Định Châu muốn tạm an nhàn trước mắt, không nghĩ đến mưu kế lớn, Tiết hạ[3] vâng mạng vua đi đánh kẻ có tội, dù sống chết thế nào cũng không quản ngại, lẽ nào dùng dằng không tiến Tb. **IV**, 4

(1) Nguyên văn là Vạn Xuân đài. "Đài" là một kiến trúc vật xây cao, có thể nhìn ngó xuống dưới thấp.

(2) Chức quan đứng đầu triều, như Tể tướng.

(3) Chỉ Dương Phiếu.

quân để nuôi cho thế giặc thêm mạnh mà làm cho quân mình nản chí hay sao ?" Bá Tiên liền thúc quân mình đi trước. Dương Phiếu cử Bá Tiên làm tiên phong ; đến Giao Châu, Lý Bôn bị thua to, chạy sang thành Gia Ninh. Quân Lương tiến vây thành.

Lời chua – *Gia Ninh* : Theo *Đường Nguyên Hoà* (806 – 820) *Quận huyện chí*, Gia Ninh vốn là đất huyện Mi Linh do Hán đặt ; nhà Ngô chia lập thành huyện Gia Ninh ; sau để theo như thế.

Hợp Phố : Xem Thiệu Thuật Dương vương năm thứ 1 (b. 2, 5).

Tây Giang : Ở cách nửa dặm về phía Tây huyện Vĩnh Phúc thuộc phủ Quế Lâm (Trung Quốc).

Dương Phiếu : Người Tây Huyện thuộc Thiên Thuỷ.

Bá Tiên : Người Trường Thành thuộc Ngô Hưng, tức là Trần Cao Tổ sau này.

Tiêu Bột : Tôn thất nhà Lương.

Định Châu : Chỉ Tiêu Bột.

Tiết hạ : Nghĩa cũng như các hạ, chỉ Dương Phiếu.

Năm Bính Dần (546). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 3 ; Lương, năm Trung Đại Đồng thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Dương Phiếu đánh được thành Gia Ninh, Nam Việt đế Lý Bôn chạy đi Tân Xương.

Lời chua – *Tân Xương* : Tức là Phong Châu. Xem thuộc Ngô, năm Kiến Thành thứ 3 (Tb.3, 14).

Mùa thu, tháng tám. Nam Việt đế Lý Bôn đóng đồn ở hồ Điển Triệt. Quân Lương đến đánh, quân Lý Bôn bị vỡ, rút vào giữ động Khuất Lạo.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Lý Bôn lại đem quân từ trong xứ người Lạo ra, đóng đồn ở hồ Điển Triệt. Tb. IV, 5
Quân Lương sợ, cứ đóng ở cửa hồ, không dám tiến.
Bá Tiên bảo các tướng : "Quân ta ở đây đã lâu, mà lại không có quân tiếp viện. Bây giờ đã đi sâu vào trong nước người ta, nếu một trận đánh nào bất lợi, còn mong gì sống mà về được nữa ?

Chi bằng bây giờ nhân dịp quân địch đang thua luôn mấy trận, lòng người chưa cố kết, ta nên liều chết gắng sức quyết đánh bằng được. Nếu vô cớ cứ đóng ở đây thì việc hỏng mất !". Các tướng không ai trả lời. Đêm hôm ấy, nước sông bỗng lên to đến bảy thước, chảy rót vào trong hồ. Bá Tiên đốc thúc quân bản bộ mình theo dòng nước tiến đi trước. Quân Lương đánh trống, reo hò, kéo tràn vào. Quân Lý Bôn bị vỡ, lại trốn vào trong vùng người Lạo.

Sử cũ chép : Nam Việt đế Lý Bôn lại rút lui, giữ trong động Khuất Lạo, điều chỉnh binh lính, mưu tính chiến đấu về sau ; giao cho tả tướng quân Triệu Quang Phục giữ nước, cầm quân chống nhau với Bá Tiên.

Lời chua – *Hồ Điển Triệt* : Theo lời chua của Hồ Tam Tỉnh trong sách *Thanh Thông giám tập lãm*, hồ này ở Tân Xương, tức là Phong Châu. Theo sách *Phương dư kỷ yếu*, của Cố Tổ Vũ[1] đời Minh thì hồ Điển Triệt ở về phía Tây phủ Thái Nguyên, nay đã bị lấp. Trong hai thuyết ấy, chưa biết rõ ai phải, nay hãy ghi cả hai để cùng tham khảo.

Động Khuất Lạo : Không rõ ở đâu.

Năm Đinh Mão (547). (Nhà [Tiền] Lý, Năm Thiên Đức thứ 4 ; Lương, năm Thái Thanh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Triệu Quang Phục đóng giữ Dạ Trạch. Tb. IV, 6

Quang Phục cầm cự với Bá Tiên, chưa phân thua được. Quân Bá Tiên nhiều và mạnh lắm. Quang Phục liệu mình không chống nổi, bèn lui giữ Dạ Trạch. Dạ Trạch là cái chằm,

(1) Tức là tên gọi của *Độc sử phương dư kỷ yếu*. Cố Tổ Vũ (1624 – 1680), tên tự là Phục Sơ, lại có tự nữa là Cảnh Phạm, quê ở Vô Tích thuộc Giang Tô, người cuối đời Minh đầu đời Thanh. Sách này gồm 130 quyển, trong có 9 quyển chép về hình thế cương vực châu quận các triều đại, 114 quyển chép về Nam Bắc trực lệ 13 tỉnh, 6 quyển chép về nguyên uỷ núi sông, 1 quyển chép về phân dã thiên văn. (theo *Trung Quốc văn học gia đại từ điển*, tr. 1354 – 1355, *Từ nguyên* tập dậu, tr. 59).

chu vi không biết bao dặm mà kể, cỏ cây rậm rạp, giữa chằm có bãi ở được, bốn mặt thì bùn lầy. Người ở đấy thuộc đường, dùng sào đẩy thuyền độc mộc để đi lại. Quang Phục đem hơn một vạn người vào giữ trong chằm ấy : ban ngày thì bặt hẳn khói bếp thổi nấu, đến đêm thì đem quân ra đánh úp trại quân Lương giết chết và bắt được địch rất nhiều ; trông vào những lương thực bắt được để làm kế duy trì lâu dài. Bá Tiên cứ theo dõi để đánh nhưng rút cục vẫn không thắng được. Người trong nước bấy giờ gọi Quang Phục là Dạ Trạch vương.

Lời chua – *Dạ Trạch* : Bây giờ thuộc huyện Đông An, phủ Khoái Châu. Theo sách *Thanh Nhất thống chí*, Dạ Trạch thuộc huyện Đông Kết, phủ Kiến Xương. Thời Lương Vũ đế, Trần Bá Tiên đánh Lý Bôn, Lý Bôn trốn vào trong chằm này, đêm đến đem quân ra đánh ; nhân thế gọi là Dạ Trạch. Huyện Đông An trước kia gọi là Đông Kết. Tb. **IV**, 7

Sử cũ chua : Tục truyền : con gái Hùng Vương là Tiên Dung mị nương[1] ra chơi ngoài cửa biển, khi thuyền trở về đến bãi Chử Gia, gặp Chử Đồng Tử, hai người kết làm vợ chồng, ở ngay trên bãi ấy, rồi bãi ấy trở thành một nơi đô hội. Bỗng một hôm, đương nửa đêm, tự nhiên mưa to gió lớn lôi cuốn cửa nhà đang ở, dân cư và gà chó bay mất cả, nên người thời đó gọi bãi ấy là bãi Tự Nhiên, chằm ấy là chằm Dạ Trạch. Việc này xuất xứ ở sách *Lĩnh Nam chích quái*, là một việc hoang đường, nay phụ chép để tham khảo.

Năm Mậu Thìn (548). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 5 ; Lương, năm Thái Thanh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nam Việt đế Lý Bôn mất ở động Khuất Lạo.

Nam Việt đế Lý Bôn ở động Khuất Lạo, bị cảm mạo khí lam chướng đến năm này mất.

Lời phê – *Nam đế nhà [Tiền] Lý dẫu sức không địch nổi giặc Lương đến nỗi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân*

(1) Tiếng "mị nương" ở đời Hùng Vương cũng như tiếng công chúa ở đời sau, chứ không phải tên riêng.

thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh thế mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này. Vậy việc làm của Lý Nam đế há chẳng hay lắm sao ?

Lời cẩn án – Sử cũ *chép năm Giáp Tí, niên hiệu Đại Đồng thứ 10 (544) nhà Lương, Lý Bôn tự xưng đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, đến tháng 3, năm Mậu Thìn (548) thì mất. Như vậy năm Mậu Thìn còn là năm Thiên Đức thứ 5, Quang Phục vẫn chưa xưng vương.* Sử cũ *vội đem năm ấy chép làm năm đầu của Triệu Việt vương thì không hợp nghĩa và lệ, nay xin chép năm Mậu Thìn vẫn là năm Thiên Đức thứ 5, đến hẳn năm Kỷ Tỵ (549) mới chép làm năm thứ nhất của Triệu Quang Phục, để cho đúng khỏi ngang trái nghĩa và lệ (như* phàm lệ *ở đầu sách đã nêu ra) và không sai sự thực.*

Nhà [Tiền] Lý khởi từ năm Giáp Tí (544), mất năm Mậu Thìn (548), cộng được 5 năm.

Năm Kỷ Tỵ (549). (Triệu Việt vương Quang Phục năm thứ 1, Lương, năm Thái Thanh thứ 3).

Triệu Quang Phục tự xưng là Việt vương.

Quang Phục là con Triệu Túc, người huyện Chu Diên, là người có oai và hùng dũng, theo Nam Việt đế Lý Bôn đi đánh dẹp, có công, được phong làm tả tướng quân. Khi Lý Bôn mất, Quang Phục tự xưng làm vua. Lúc bấy giờ Quang Phục đóng quân ở Dạ Trạch, thấy quân Lương không rút lui, bèn đốt hương khấn trời thì có điềm tốt là được móng rồng để đính lên mũ đâu mâu, dùng để uy hiếp quân giặc. Từ đó thanh thế quân đội lừng lẫy, đánh đâu được đấy.

Tb. **IV**, 8

Lời chua – *Chu Diên* : Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 16 (Tb.2, 10).

Móng rồng : *Sử cũ* chua rằng : tục truyền trong chằm Dạ Trạch có người tiên là Chử Đồng Tử cưỡi rồng vàng từ trên trời bay xuống trút cái móng rồng trao cho Quang Phục bảo đem đính lên trên mũ đâu mâu để đi đánh giặc.

Đâu mâu : Theo sách *Thuyết Văn*, đâu mâu là mũ trận. Thiên *Duyệt mệnh* trong *kinh Thư* chép : "Áo giáp mũ trụ là thứ gây ra việc binh nhung". Sách đó chua rằng mũ trụ tức là mũ đâu mâu.

Năm Canh Ngọ (550). (Triệu, Việt vương, năm thứ 2 ; Lương, Giản Văn đế, năm Đại Bảo thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Triệu Việt vương đánh bại được tướng nhà Lương là Dương Sàn ; vào đóng ở trong thành Long Biên.

Khi ấy nhà Lương cho Bá Tiên làm Uy Minh tướng quân, thứ sử Giao Châu. Triệu Việt vương vẫn còn đóng giữ Dạ Trạch, Bá Tiên định làm kế cầm cự lâu, cắt đứt đường tiếp viện lương thực để làm mòn mỏi quân đội Triệu Việt vương. Bấy giờ nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, gọi Bá Tiên về, để tỳ tướng của Bá Tiên là Dương Sàn ở lại đánh Triệu Việt vương. Triệu vương đem quân ra đánh : Dương Sàn bị thua và chết, quân Lương tan vỡ, kéo nhau về Bắc (Trung Quốc). Trong nước được yên, Triệu Việt vương vào đóng ở thành Long Biên.

Lời chua – *Hầu Cảnh* : Người trấn Hoài Sóc nước Nguỵ, phản bội nhà Nguỵ, đầu hàng nhà Lương, được Lương Vũ đế thu nạp. Hầu Cảnh lại làm phản nhà Lương, đánh vây đài thành[1]. Tb. IV, 9
Bá Tiên hội quân đánh Hầu Cảnh.

Lý Thiên Bảo giữ động Dã Năng, tự xưng là Đào Lang vương.

Trước kia, Lý Bôn lánh vào ở động Khuất Lạo, anh ruột Lý Bôn là Thiên Bảo cùng với một viên tướng người cùng họ là Lý Phật Tử rút vào Cửu Chân. Bá Tiên đuổi đánh, quân Thiên Bảo bị thua, mới thu thập quân còn lại chạy sang vùng người Di, Lạo ở biên giới Ai Lao. Thiên Bảo thấy động Dã Năng ở đầu nguồn sông Đào Giang là chỗ đất bằng phẳng và màu mỡ, bèn đắp thành ở đấy ; nhân tên đất đặt hiệu nước, được dân chúng tôn làm chúa, xưng là Đào Lang vương.

(1) Tức là cấm thành, nơi vua ở.

Lời chua – *Ai Lao*[1] : Tên nước. Theo sách *Hậu Hán thư* , người Di Ai Lao gốc tích trước ở Lao Sơn[2], sau dần sinh nở mãi, mới chia đặt ra các tiểu vương, thường hay ở rải rác những nơi khe núi. Theo sách *Thái Bình hoàn vũ ký*, của Nhạc Sử nhà Tống : "Nước Ai Lao, khoảng giữa niên hiệu Hán Vĩnh Bình (58 – 75), thuộc trong khu vực nhà Hán. Nhà Hán lấy đất của họ đặt ra hai huyện Ai Lao và Bác Nam, hợp lại làm quận Vĩnh Xương. Sách ấy chua tức là quận Vân Nam bây giờ. Nước Lào phía tây thông với Đại Tần[3], phía nam thông với Giao Chỉ. Theo sách *Điền tái ký* của Dương Thận[4] nhà Minh, đất Điền[5] trước kia ở về miền rừng núi Ai Lao thuộc Vĩnh Xương, tộc loại mỗi ngày một sinh nở nhiều, dòng giống tràn lan, cắt giữ từng vùng chia làm 99 bộ. Họ có sáu người tù trưởng, đều gọi là Chiếu. Đến đời Đường, họ Mông mới xưng là nước Nam Chiếu. Theo sách *Quảng dư ký* của Thái Phương Bính nhà Minh, Vĩnh Xương quân dân phủ thuộc Vân Nam trước là nước Ai Lao. Sau năm Khai Nguyên (713 – 741) đời Đường, mới bị nước Nam Chiếu chiếm giữ. Đến đời Tống, bị họ Đoàn, họ Cao chiếm giữ. Nhà Nguyên khai thác Vân Nam, lập ra Kim Xỉ tuyên phủ ti. Nhà Minh đổi đặt Vĩnh Xương quân dân chỉ huy sứ. Trong sách *Dư địa chí*, của Nguyễn Trãi nhà Lê, có chua rằng : "Bộ lạc Ai Lao nhiều lắm, đâu đâu cũng có, đều gọi là Lào.

Tb. IV, 10

Hợp các sách lại mà khảo cứu, thì Ai Lao này thuộc Vân Nam. Chỉ vì loài giống họ nhiều lắm, họ ở rải rác các nơi khe núi, nên các dân tộc ở ven biên giới nước ta, như là Lão Qua, Vạn Tượng cho đến cả các man ở Trấn Ninh, Trấn Man và Lạc Biên, tục đều gọi là Lao cả.

Về đoạn sử này, Sử cũ phần trên thì chép là chạy vào Cửu Chân, phần dưới thì chép là chạy sang vùng Di, Lạo ở biên khu Ai Lao. Vậy có lẽ là Trấn Man hay Nam Chưởng bấy giờ chăng ?

---

(1) Tức là Lào.

(2) Miền núi nước Lào.

(3) Tức là Đại Tần Bà La Môn gọi tắt, ở biên giới Ấn Độ (theo *Tập san bác tổ*, tập IV, năm 1904, tr. 371).

(4) Dương Thận (1488 – 1559), tự Dụng Tu, hiệu Thăng An, người Tân Đô đời Minh. Ngoài cuốn *Điền tái ký* này, Thận còn có cuốn *Điền trình ký* và nhiều tác phẩm nữa (theo *Trung Quốc văn học gia đại từ điển* tr. 1083 – 1084).

(5) Một tên riêng tỉnh Vân Nam.

Dã Năng động : Không biết ở đâu.

Năm Ất Hợi (555). (Triệu, Việt vương, năm thứ 7 ; Lương, Kính đế, năm Thiệu Thái thứ 1).

Lý Thiên Bảo mất, mọi người suy tôn Lý Phật Tử lên làm chủ soái.

Thiên Bảo mất ở động Dã Năng, không có con thừa tự, mọi người mới suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi thay để thống suất quân và dân. Tb. **IV**, 11

Năm Đinh Sửu (557). (Triệu Việt vương, năm thứ 9 ; Trần, Vũ đế, năm Vĩnh Định thứ 1).

Lý Phật Tử đánh nhau với Triệu Việt vương, không thắng được, xin giảng hoà.

Phật Tử kéo quân xuống phía đông, đánh nhau với Triệu Việt vương ở Thái Bình, năm lần giáp chiến chưa phân được thua. Quân Phật Tử phải lùi một ít rồi xin hoà. Việt vương nghĩ Phật Tử là người cùng họ với Lý Bôn trước, không nỡ tuyệt tình, mới lấy châu Quân Thần làm địa giới chia cho Lý Phật Tử ở về phía Tây nước mình. Lý Phật Tử mới dời sang ở thành Ô Diên.

Lời chua – *Thái Bình* : Tên đất. Thời bấy giờ Lý Phật Tử từ trong vùng Di Lạo kéo quân xuống phía đông, đánh nhau với Triệu Việt vương ở đấy ; sau cắt chia địa giới ở châu Quân Thần thuộc huyện Từ Liêm, thì Thái Bình phải thuộc về Phong Châu xưa, tức là Sơn Tây bây giờ. Có thể khảo thêm ở *Địa lý chí* trong *Đường thư* mà lấy làm bằng chứng : "Huyện Thái Bình bị cắt ra đặt làm Phong Khê". Lại nói : "Phong Khê thuộc Phọng Châu". Nhưng các sách chép không rõ, nên chưa biết đích xác ở đâu. Tb. **IV**, 12

Hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình sẽ thấy sau này, có lẽ cũng là ở đây. Có nếu bảo đấy là Thái Bình thuộc Sơn Nam thì không phải.

Quân Thần châu : Nay là hai làng Thượng Cát, Hạ Cát thuộc huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Nội. Có thuyết cho rằng hai làng ấy xưa kia gọi là Thượng Cát Giới và Hạ Cát Giới, về sau đổi lại[1].

---

(1) Hai chữ "cát" khác nhau : chữ cát ở tên cũ 割 nghĩa là cắt ; chữ *cát* 葛 ở tên sau nghĩa là dây sắn.

Ô Diên : Đất Giao Chỉ xưa, năm Vũ Đức thứ tư (621) nhà Đường đặt ra huyện Ô Diên, cùng với Từ Liêm và Vũ Lập là ba huyện đều thuộc Giao Chỉ. Sử cũ chua Ô Diên là xã Hạ Mỗ ở Từ Liêm. Xã ấy có đền thờ Bát Lang thần, có lẽ là Nhã Lang (con Lý Phật Tử) chăng.

Năm Tân Mão (571). (Lý, Hậu đế Phật Tử, năm thứ 1 ; Trần Tuyên đế, năm Đại Kiến thứ 3).

Lý Phật Tử đánh úp, lấy được nhà Triệu.

Sử cũ chép : Trước kia, Phật Tử giảng hoà với nhà Triệu, rồi cầu hôn cho con trai là Nhã Lang. Việt vương gả con gái là Cảo Nương cho Nhã Lang, và cho ở gửi rể. Nhã Lang nhân lấy trộm được cái móng rồng, trở về nước mưu với Phật Tử đánh úp nhà Triệu. Khi Phật Tử kéo quân đến đánh, Việt vương vội ra đối địch, thì cái móng rồng đã mất rồi, mới cùng với con gái là Cảo Nương chạy về phía nam. Bị quân Lý Phật Tử đuổi sát, Việt vương chạy đến cửa biển Đại Nha, hết đường chạy, gieo mình xuống biển chết.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép việc Triệu Việt vương được cái móng rồng của Chử Đồng Tử cho ; việc Nhã Lang sang gửi rể rồi lấy trộm móng rồng ; việc Triệu Việt vương vì mất cái móng rồng mà bị thua. Đem những việc ấy khớp với chuyện Thục An Dương vương và Triệu Trọng Thuỷ trước kia giống nhau như hệt, kỳ quái trái thường không cần phải biện bạch cho lắm. Nhưng* Sử cũ *chép phần nhiều trùng điệp nhau, sai hẳn sự thực, đại loại như thế đấy. Nay muốn tìm ở* Sử cũ *lấy chuyện có thể tin ở đời này và truyền lại đời sau, thật cũng khó lắm.* Tb. **IV**, 13

Lời chua – *Cửa biển Đại Nha*[1] : Xưa gọi là Đại Nha[2], lại gọi là Đại Ác ; nhà Lý đổi là Đại An. Nay ở cửa Liêu thuộc xã Quần Liêu[3] huyện Đại An có đền thờ Triệu Việt vương[4].

---

(1), (2) Hai chữ "nha" theo tiếng Việt thì âm như nhau, nhưng theo chữ Hán, mặt chữ khác nhau.

(3) Tên nôm là Cồn Liêu, nay thuộc Nam Định.

(4) Cửa biển Đại Nha nay là cửa Tam Toà lục bộ, đấy cũng có đền thờ Triệu Việt vương, lại có bia chép chuyện rõ lắm.

Nhà Triệu mất. Nhà Triệu khởi năm Kỷ Tỵ, mất năm Canh Dần, cộng hai mươi hai năm (549 – 570).

Lý Phật Tử tự xưng đế, đóng đô ở Phong Châu.

Phật Tử đã diệt nhà Triệu, bèn theo hiệu Nam đế trước xưng là Hậu Nam đế, dời từ thành Ô Diên đến đóng ở Phong Châu.

Năm Nhâm Tuất (602). (Lý, Hậu đế, năm thứ 32 ; Tuỳ, Văn đế, năm Nhân Thọ thứ 2).

Đế Phật Tử sai Lý Đại Quyền giữ thành Long Biên, Lý Phổ Đỉnh giữ thành Ô Diên.

Lời chua – *Lý Đại Quyền* : Con người anh Lý Hậu đế. Sử cũ chép chữ Đại Quyền (大權 : quyền lớn) là Đại Quyền (代權 : thay quyền). Nay căn cứ vào *Tuỳ thư*, đính chính lại.

Phổ Đỉnh : Một tướng họ Lý khác.

Nhà Tuỳ sai Lưu Phương sang xâm lấn. Đế Phật Tử ra hàng.

Theo *Tuỳ thư*, Phật Tử giữ châu, tự xưng đế. Dương Tố tiến cử thứ sử Qua Châu là Lưu Phương có tài lược làm tướng. Vua Tuỳ dùng Lưu Phương làm hành quân tổng quản đạo Giao Châu, thống lĩnh quân sĩ 27 dinh sang đánh. Quân tiến đến núi Đô Long, gặp hơn hai nghìn quân Phật Tử, Lưu Phương đánh phá được ngay. Khi kéo quân đến Phong Châu, Lưu Phương sai người hiểu dụ về hoạ phúc, Phật Tử sợ, xin hàng. Lưu Phương bắt Phật Tử đem về Bắc (Trung Quốc), còn những tướng cũ bắt được người nào kiệt hiệt đều giết chết cả. Tb. **IV**, 14

Lời chua – *Dương Tố* : Người Hoa Âm thuộc Hoằng Nông.

Lưu Phương : Người đất Trường An thuộc Kinh Triệu.

Qua Châu : Đời Đường, thuộc đạo Sơn Nam.

Núi Đô Long : Theo *Thanh Nhất thống chí*, ở phủ Khánh Viễn đời Đường, thuộc An Nam quản, có núi Đô Long.

Nhà Hậu Lý mất. Nhà Hậu Lý khởi lên năm Tân Mão[1], mất năm Nhâm Tuất, cộng ba mươi hai năm (571 - 602).

---

(1) Sách *Cương mục* in gọi sai là Kỷ Mão, thật ra phải là Tân Mão mới đúng : Kỷ Mão là năm 559 (Triệu Việt vương năm thứ 11), tính đến Nhâm Tuất là năm 602 thì sẽ là 44 năm, chứ không phải là 32 năm. Vậy xin chữa là *Tân Mão*.

Năm Ất Sửu (605). (Tuỳ, Dượng đế, năm Đại Nghiệp thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Tuỳ cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản[1] đạo Hoan Châu, đi đánh Lâm Ấp, phá tan được nước ấy.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), các quan nhà Tuỳ bảo nước Lâm Ấp có nhiều của báu lạ. Khi đó, thiên hạ (đất nước Trung Quốc) đâu đấy không có giặc giã gì cả, Lưu Phương mới bình được Giao Châu. Dượng đế cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản đạo Hoan Châu, đi kinh lược nước Lâm Ấp. Quân Lưu Phương tiến đến cửa biển, vua Lâm Ấp là Phạm Chí sai quân đóng giữ các nơi hiểm yếu. Lưu Phương đánh đuổi được bọn này. Quân Lưu Phương vượt qua sông Chà[2] Lê, gặp quân Lâm Ấp cưỡi voi từ bốn mặt kéo ra đánh : quân Phương thua. Phương sai đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên, rồi đem quân ra đánh, giả cách thua : quân Lâm Ấp đuổi theo, voi sa xuống hố, nhiều con ngã què. Quân Phương lấy nỏ bắn voi, voi lùi chạy, chà đạp cả vào trận địa Lâm Ấp. Nhân đó Phương tung quân tinh nhuệ ra đánh kịch liệt : quân Lâm Ấp bị thua. Phương thúc quân đuổi theo, vượt qua phía nam cột đồng của Mã Viện, tám ngày thì đến kinh đô nước Lâm Ấp. Tháng tư, Phạm Chí bỏ thành, chạy ra phía biển. Lưu Phương vào thành, tước lấy 18 cái thần chủ thờ ở miếu. Những thần chủ ấy đều đúc bằng vàng. Sau đó Lưu Phương đục bia ghi công rồi kéo về. Trong trận này quân Tuỳ bị chân phù thũng, chết đến bốn năm phần mười ; Lưu Phương cũng bị bệnh, chết ở dọc đường.

Tb. IV, 15

(1) Một chức quan mang tính thi hành nhiệm vụ, không đặt thường xuyên.

(2) Còn có âm nữa là "đồ", nên cũng đọc là "đồ", nhưng theo âm "chà" mới đúng với tên đất mà ta còn biết được.

Lời phê – *Binh đao là hung khí, thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng để ngăn bọn gian bạo, giữ cho dân được yên ổn, đâu lại hám của, tham lợi, cầu làm thoả thích lòng ham muốn của mình, để cho dân tàn nước hại, không hề tơ hào đoái hoài thương xót, sao lại nhẫn tâm đến thế được ? Cổ nhân nói : "Một tướng thành công, hàng vạn xương cốt người khác phải khô héo", điều ấy không cần nói đến, huống chi tướng Tuỳ cũng không khỏi chết đường, nước Tuỳ rồi cũng mất theo. Việc này thực đáng là bài học sâu cay cho những kẻ sính dùng võ lực !*

Lời chua – *Hoan Châu* : Đời Hùng Vương xưa là bộ Hoài Hoan ; đời Tần, thuộc Tượng quận ; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam ; nhà Lương đổi là Đức Châu ; nhà Tuỳ năm Khai Hoàng (581 – 600) đổi là Hoan Châu đến năm Đại Nghiệp (605 – 616), đổi là Nhật Nam. Nhà Đường, năm Trinh Quán (627 – 649) lại đặt làm Hoan Châu. Triều Đinh, Lê cũng theo tên này. Đến nhà Lý đổi là châu Nghệ An ; nhà Trần đổi là trấn Lâm Giang ; thuộc Minh đổi làm các phủ Nghệ An và Diễn Châu ; nhà Lê, năm Quang Thuận (1460 – 1469) đặt làm Nghệ An thừa tuyên. Nay là tỉnh Nghệ An.

Lâm Ấp : Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.3, 20 – 21).

Tb. **IV**, 16

Chà Lê : Sách *Thông giám tập lãm* chua là ở phía bắc nước Chiêm Thành, nay chưa rõ chỗ nào.

Kinh đô nước Lâm Ấp : Nay xét các xã sau đây đều có di tích thành cũ vua Chiêm, còn kinh đô nước Chiêm thì không rõ ở đâu : xã Trung Ái ở huyện Bình Chính và xã Uẩn Áo ở huyện Lệ Thuỷ thuộc tỉnh Quảng Bình ; xã Nguyệt Biều ở huyện Hương Thuỷ và xã Thành Trung ở huyện Quảng Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên ; xã Thăng Bình ở huyện Diên Phúc thuộc tỉnh Quảng Nam ; hai thôn Nam An, Bắc Thuận ở huyện Tuy Viễn thuộc tỉnh Bình Định.

Đồng Trụ (cột đồng) : Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb. 2, 12 – 14).

Năm Tân Tỵ (621). (Đường, Cao tổ, năm Vũ Đức thứ 4).

Nhà Đường cử Khâu Hoà làm đại tổng quản[1] Giao Châu. Tb. **IV**, 17

Theo *Đường thư*, cuối năm Đại Nghiệp (605 - 616), trong nước (Trung Quốc dưới triều Tuỳ) khổ sở vì nạn quan lại tham nhũng, xâm hại, thường nổi dậy làm phản. Dượng đế thấy Khâu Hoà nhận chức ở đâu cũng tỏ ra là người tốt, bèn bổ làm thái thú Giao Chỉ. Khâu Hoà gần gụi nhân dân, hết lòng vỗ về chúng ; những miền biên viễn đều được yên ổn. Các nước ở về phía tây nước Lâm Ấp thường đưa biếu Khâu Hoà hạt trai sáng, văn tê vàng bạc, của báu. Vì thế, Khâu Hoà giàu ngang với bọn vua chúa. Vua nhà Lương là Tiêu Tiển nghe thấy vậy, sai Nịnh Trường Chân đem quân Man, Lý sang đánh Khâu Hoà. Khâu Hoà sợ, muốn ra đón tiếp xin hàng, trưởng sử Cao Sĩ Liêm bảo Khâu Hoà rằng : "Quân của Trường Chân dẫu nhiều thực, nhưng từ xa đến đây, chắc cũng không thể ở lâu được. Quân sĩ trong thành còn có thể đánh nổi, việc gì mà phải chịu người ta áp chế" ! Khâu Hoà theo lời Sĩ Liêm, cho Liêm làm hành quân tư mã, đón đánh đuổi được quân Trường Chân. Người quận Giao Chỉ thấy thế dựng bia ghi công Khâu Hoà. Khi nhà Tuỳ mất, Khâu Hoà xin thần phục nhà Đường, nhà Đường cho Khâu Hoà làm đại tổng quản Giao Châu, phong tước Đàm quốc công.

Lời chua – *Khâu Hoà* : Theo *truyện Khâu Hoà* trong *Đường thư*, Khâu Hoà, người đất Lạc Dương, trước làm quan nhà Chu đến chức khai phủ nghi đồng tam ti ; sau theo nhà Tuỳ, làm quan ở ba châu Tư, Lương, Bồ, đều có tiếng là người khoan hoà.

Tiêu Tiển : Cháu bốn đời Tuyên đế nhà Lương. Theo *Cương mục* (Trung Quốc), năm Đại Nghiệp thứ 13 (617) đời Dượng đế nhà Tuỳ, Tiêu Tiển khởi binh tự xưng là Lương vương ; đến đời Cung đế năm Nghĩa Ninh thứ hai (618), tự xưng là đế, chiếm địa vực phía đông từ

(1) Chức quan đứng đầu Giao Châu, trông coi quân dân, như chức Thứ sử các đời trước.

Cửu Giang, phía tây đến Tam Hiệp, phía nam đến tận Giao Chỉ, phía bắc tới Hán Xuyên. Về sau, Tiêu Tiển đầu hàng nhà Đường.

Nịnh Trường Chân : Theo *Khâm Châu chí* của Chu Xuân Niên, Trường Chân là con Nịnh Mãnh Lực, thứ sử Khâm Châu. Khi Mãnh Lực chết, Trường Chân thay cha làm thứ sử. Trường Chân có quân đội mạnh, gồm có cả mấy quận Uất Châu. Sau Trường Chân hàng nhà Đường, từ đó mấy châu Giao (châu), Ái (châu) mới giao thông được với nhau.

Cao Sĩ Liêm : Người đất Tu thuộc Bột Hải. Khoảng năm Nhân Thọ (601 – 604), đậu văn tài giáp khoa, được bổ làm trị lễ lang, sau vì can cữu, bị giáng chức làm chủ bạ Chu Diên, Khâu Hoà cử lên làm tư pháp thư tá ; về sau, cùng với Khâu Hoà cùng ra hàng nhà Đường, làm quan đến chức hữu bộc xạ.

Năm Kỷ Mão (679). (Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Nhà Đường bắt đầu đặt ra An Nam đô hộ phủ, phủ lỵ ở Giao Châu.

Tb. **IV**, 18

Theo *Đường thư*, An Nam đô hộ phủ vốn là quận Giao Chỉ, phủ lỵ ở Giao Chỉ, thống trị 12 châu, là : Giao Châu, Lục Châu, Phong Châu, Ái Châu, Hoan Châu, Trường Châu, Phúc Lộc châu, Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga châu, Diễn Châu, Vũ An châu.

Lời cẩn án – *Theo* Sử *của Ngô [Thì] Sĩ, nhà Đường đổi quận Giao Chỉ làm An Nam đô hộ phủ gồm có An Nam (nên chép là Giao Châu), Ái Châu, Phúc Lộc châu, Hoan Châu, Phong Châu, Lục Châu, Diễn Châu, Trường Châu. Các châu trên đây đều ở trong địa giới nước ta. Còn như Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga châu, Vũ An châu, chưa chắc đã phải là đất An Nam cả. Vì tại cương giới các châu ấy giáp với Nam Giao nên cũng để thuộc về đô hộ phủ đó thôi. Nay xét : Theo sách* Thái Bình hoàn vũ ký *của Nhạc Sử nhà Tống, đất Trường Châu cùng với Cửu Chân là một, thì Trường Châu phải ở gần đất Thanh Hoá bây giờ, nhưng chưa biết đích xác là chỗ nào. Theo sách* Thanh Nhất thống chí, *ở Khâm Châu*

Tb. **IV**, 19

có ba huyện Ô Lôi, Hoa Thanh và Ninh Hải, hiện còn có thành cũ bỏ hoang. Vậy thì Lục Châu thuộc về Khâm Châu nhà Thanh, nếu bảo là ở địa giới nước ta cả thì e lầm chăng. Lại như Địa dư chí trong Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú bảo Hưng Hoá là Chi Châu đời Đường, Tuyên Quang là Thang Châu đời Đường ; Thái Nguyên là Vũ Nga châu đời Đường ; An Bang tức bây giờ là Quảng Yên, đời Đường gọi là Vũ An châu. Không biết Phan Huy Chú căn cứ vào đâu mà chép thế, nhưng cũng ghi lại để tham khảo.*

Tb. **IV**, 20

Lời chua – Theo ***Địa lý chí*** trong *Đường thư* :

Giao Châu thống lĩnh 8 huyện là Tống Bình, Nam Định, Thái Bình, Giao Chỉ, Chu Diên, Long Biên, Bình Đạo và Vũ Bình.

Lục Châu thống lĩnh 3 huyện, là : Ô Lôi, Hoa Thanh và Ninh Hải.

Phong Châu thống lĩnh 5 huyện, là : Gia Ninh, Thừa Hoá, Tân Xương, Cao Sơn và Châu Lục.

Ái Châu thống lĩnh 6 huyện, là : Cửu Chân, An Thuận, Sùng Bình, Quân Ninh, Nhật Nam và Trường Lâm.

Hoan Châu thống lĩnh 4 huyện, là : Cửu Đức, Phố Dương, Việt Thường và Hoài Hoan.

Trường Châu thống lĩnh 4 huyện, là : Văn Dương, Đồng Thái, Trường Sơn và Kỳ Thường.

Phúc Lộc châu thống lĩnh 3 huyện, là : Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc.

Thang Châu thống lĩnh 3 huyện, là : Dương Tuyền, Lục Thuỷ và La Thiều.

Chi Châu thống lĩnh 7 huyện, là : Hân Thành, Phú Xuyên, Bình Tây, Lạc Quang, Lạc Diễm, Đa Vân và Ân Long.

Vũ Nga châu thống lĩnh 7 huyện, là : Vũ Nga, Như Mã, Vũ Nghĩa, Vũ Di, Vũ Duyên, Vũ Lao và Lương Sơn.

Diễn Châu thống lĩnh 7 huyện, là : Trung Nghĩa, Hoài Hoan, Long Trì, Tư Nông, Vũ Lang, Vũ Dung và Vũ Kim.

Vũ An châu thống lĩnh 2 huyện, là : Vũ An và Lâm Giang.

Năm Điều Lộ thứ nhất : *Sử cũ* chép lầm là năm Vũ Đức thứ năm ; nay theo *Đường thư*, đổi lại.

Giao Châu : Đặt từ đời Hán, lấy 7 quận ở Giao Chỉ lệ thuộc Giao Châu.

Phong Châu : Xem Hùng vương (Tb, 1, 2...)

Ái Châu : Xem thuộc Lương, Vũ đế, năm Phổ Thông thứ 4 (Tb.3, 33)[1].

Chi Châu : Bộ Tân Hưng xưa, nay là tỉnh Hưng Hoá.

Diễn Châu : Bộ Việt Thường xưa, nay là phủ Diễn Châu thuộc tỉnh Nghệ An.

Phúc Lộc châu : Nay ở địa giới tỉnh Thanh Hoá, nhưng chưa rõ chỗ nào.

Trường Châu, Thang Châu : Bộ Vũ Định xưa, nay là Tuyên Quang.

Vũ Nga châu : Bộ Vũ Định xưa, nay là Thái Nguyên. (Hoài Hoan nguyên thuộc Hoan Châu, đầu năm Trinh Quán (627 – 650) đổi tên là Diễn Châu, rồi lại bỏ. Năm Quảng Đức thứ hai (764) lại tách đất ở Hoan Châu đặt ra Hoài Hoan).

Năm Đinh Hợi (687). (Đường, Trung Tông, năm Tự Thánh thứ 4).

Tháng 7, mùa thu. Đám người Lý[2] làm loạn, giết đô hộ Lưu Diên Hựu. Tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đi đánh, bình được.

Theo *Đường thư*, trước kia, đám người Lý hằng năm nộp tô có một nửa số đã quy định. Diên Hựu bắt phải nộp cả số ấy. Mọi người đều oán, mưu định cùng nhau dấy loạn. Diên Hựu giết chết người cầm đầu là Lý Tự Tiên. Dư đảng của Tự Tiên là bọn Đinh Kiến nổi lên làm phản, họp nhau lại vây phủ thành. Trong thành quân ít, không thể chống lại được, bèn đóng cửa thành, đợi quân cứu viện. Phùng Tử Du là một đại tộc ở Quảng Châu, nhân dịp đó, mong để lập công, đóng quân lại không đi cứu. Diên Hựu bị giết. Về sau, tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đem quân sang đánh, chém được Đinh Kiến. Tb. IV, 21

(1) Sách *Cương mục* in sai là năm Phổ Thông thứ 6, thực ra là năm Phổ Thông thứ 4 (523) (Tb. 3, 33). Vậy xin đính chính lại.

(2) Tên một dân tộc thiểu số xưa.

Lời chua – *Diên Hựu* : Theo *truyện Lưu Diên Hựu* trong *Đường thư*, Hựu là người đất Bành Thành thuộc Từ Châu, đậu Tiến sĩ, có sở năng về nghề làm quan lại, trước đã làm Thứ sử Cơ Châu, sau đổi sang làm đô hộ An Nam.

Huyền Tĩnh : Sử cũ chép là Trực Tĩnh,

Tự Tiên : *Sử cũ* chép là "Tiên".

Tử Du : *Sử cũ* chép là Do đều lầm ; nay theo *Đường thư*, đổi lại.

Năm Nhâm Tuất (722). (Đường, Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ 10).

Tháng 7, mùa thu. Ở Hoan Châu Mai Thúc Loan giữ lấy châu, tự xưng đế. Nhà Đường, sai bọn nội thị Dương Tư Húc sang đánh, phá được.

Theo *Đường thư*, khoảng năm Khai Nguyên (713 – 741), An Nam có Mai Thúc Loan làm phản, tự xưng là Hắc đế, chiêu tập quân 32 châu, ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp và Kim Lân, giữ vùng biển nam, quân số có đến 40 vạn. Tư Húc xin đi đánh, chiêu mộ 10 vạn quân, cùng với Quang Sở Khách tiến quân theo đường cũ của Mã Viện, nhân lúc bất ý, sập đến đánh. Thúc Loan hoang mang nao núng, không kịp mưu tính cách đối phó, bị thua to. Tư Húc mới chôn những xác chết chung vào một nơi, đắp thành cái gò cao (Kình quán), để ghi chiến công của mình, rồi rút quân về.

Lời cẩn án – *Khoảng năm Khai Nguyên (713 – 741) nhà Đường, An Nam đô hộ phủ vẫn còn ở Giao Châu, thống trị 12 châu, 59 huyện, đều đặt các quan thú, tể để quản trị ; Việc đánh thuế tô*(1)*, thuế điệu*(2) *và bắt lính đều tuân theo lệnh nhà Đường ; lúc Mai Thúc Loan khởi lên, thì phủ đô hộ với các châu Phong, Ái, Lục, Diễn chưa nghe thấy có* Tb. **IV**, 22

(1), (2) Chế độ tô, điệu nhà Đường mỗi suất đinh được một khoảnh ruộng, hằng năm, phải nộp hai hộc thóc, gọi là *tô* ; mỗi năm lại phải nộp hai tấm lụa, ba lạng bông (nếu không nộp lụa mà nộp vải thì phải tăng thêm một phần năm), ba cân gai, hoặc nộp bạc thì phải mười bốn lạng, gọi là *điệu*.

đâu là thuộc về Mai Thúc Loan đóng giữ, như vậy Mai Thúc Loan làm thế nào mà chiêu tập được người 32 châu, có số quân đến 40 vạn ? Trộm nghĩ Thúc Loạn chẳng qua giữ được một châu, thế lực cũng nhỏ. Bấy giờ Đường Huyền Tông thích lập công ở biên giới, bọn Tư Húc và Sở Khách thì lợi dụng xứ này ở nơi hiểm trở xa xôi, nên mới thổi phồng thanh thế bên địch để cầu lấy công cán và phong thưởng đó thôi. Nếu không phải thế thì sao giáp binh và đất đai như thế, mà quân nhà Đường mới thoạt kéo đến đã vội kinh hãi tan rã ngay ? Sử cũ *cũng chép Thúc Loan ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp, số quân có 30 vạn có lẽ cũng cứ dựa qua vào* Đường thư, *chứ chưa xét đến sự thực.*

Lời chua – *Dương Tư Húc* : Theo *truyện Dương Tư Húc* trong *Đường thư*, Tư Húc là hoạn quan người Thạch Thành thuộc La Châu, gốc tích là họ Tô.

Quang Sở Khách (*Sử cũ* chép Nguyên Sở Khách là lầm) : Người Giang Lăng, hồi đầu niên hiệu Khai Nguyên, sang làm An Nam đô hộ.

Chân Lạp : Tên nước. Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb.4, 39).

Kim Lân : Tên nước. Theo sách *Thái Bình ngự lãm* đời Tống nước Kim Lân còn có tên gọi là Kim Trần. *Ngoại quốc truyện* chép : từ phía tây Phù Nam đi hơn 2.000 dặm thì đến Kim Lân. Tb. **IV**, 23

Đường cũ của Mã Viện : Theo sách *Khâm Châu chí* của Chu Xuân Niên, núi Ô Lôi liên tiếp chạy ra biển lớn, (đứng đó) nhìn về phía tây thấy Hải Đông phủ thuộc Giao Chỉ. Mã Phục Ba khi vào An Nam đi theo đường này. Ở đấy có miếu thờ Mã Phục Ba. Theo sách *Quận quốc lợi bệnh thư* của Cố Viêm Vũ, triều Minh : từ Mã Phục Ba về sau, thuỷ quân (Trung Quốc) đều đi từ phía nam Khâm Châu ra biển lớn, giương buồm đi một ngày tới trấn Triều Dương thuộc Giao Châu. Nói đường cũ Mã Viện, tức là đường này.

Mai Thúc Loan : Người Mai Phụ, huyện Thiên Lộc huyện Hoan Châu, bây giờ thuộc huyện Can Lộc, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thúc Loan người đen lắm, nên người Hoan Châu gọi là Hắc đế. Nay còn có

vết thành cũ ở núi Vệ thuộc huyện Nam Đường và có đền thờ ở xã Hương Lãm thuộc huyện ấy. Đền này được liệt vào hàng đền thờ đế vương các triều đại.

Năm Đinh Dậu (757). (Đường, Túc Tông, năm Chí Đức thứ 2).

Nhà Đường đổi An Nam đô hộ phủ làm Trấn Nam đô hộ phủ.

Lời chú – *Trấn Nam đô hộ* : trị sở và các châu thống trị, xem : thuộc Đường, Cao Tông Điều Lộ năm đầu (Tb.4, 18).

Năm Đinh Mùi (767). (Đường, Đại Tông, năm Đại Lịch thứ 2).

Nước Côn Luân, nước Chà Bà[1] vào lấn cướp. Kinh lược sứ[2] là Trương Bá Nghi đánh phá được ; đắp La Thành.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, Côn Luân và Chà Bà đánh hãm châu thành. Trương Bá Nghi cầu viện với đô uý quận Vũ Định là Cao Chính Bình. Viện binh đến đánh phá được quân giặc ở Chu Diên. Bá Nghi lại đắp La Thành. Tb. IV, 24

Lời chua – *Chà Bà* : Theo *Nam Man truyện* trong *Đường thư*, nước Chà Bà, phía đông giáp Lục Chân Lạp, phía tây giáp Đông Thiên Trúc, phía nam liền với biển, phía bắc giáp Nam Chiếu. Chà Bà có 18 nước phụ thuộc ; lại có bộ Tiểu Côn Luân và nước Đại Côn Luân.

Côn Luân : Theo *Quận quốc lợi bệnh thư* của Cố Viêm Vũ, Côn Luân ở về phía nam nước Lâm Ấp. Căn cứ vào tài liệu đó thì đất đai của nước Chà Bà bao gồm cả các nước Tiêm La, Diến Điện ; chỉ vì nước Chà Bà không có thống thuộc, xứ sở nào hùng trưởng ấy, đều sống về nghề đi cướp bóc ; nay bị các nước Tiêm La, Diến Điện kiêm tính mất rồi. Những xứ Tất Lực, Hạ Liêu, Giang Lưu Ba và Ma Lục Giáp cũng đều bị người Tây Dương chiếm cứ cả. Người ta hãy còn gọi người bản thổ là Chà Bà. Côn Luân lại là thuộc quốc của nó. Nay về

(1) Cũng đọc là Đồ Bà hoặc Xà Bà.

(2) Một chức quan ở thời nhà Đường, đứng đầu miền đất nước ta, như chức Thứ sử thời trước.

hải phận Vĩnh Long, còn có cù lao Đại Côn Luân, Tiểu Côn Luân, dân Hán[1] đến ở làm ăn tại đó cũng đã lâu đời.

Vũ Định : Theo *Địa lý chí* trong *Đường thư,* là tên một cơ mi châu[2].

Bá Nghi : Theo *Truyện Lý Quang Bật* trong *Đường thư,* Bá Nghi người Nguỵ Châu, lúc trước vì có chiến công, nên lệ thuộc vào quân Lý Quang Bật.

Tb. **IV**, 25

Chu Diên : Xem Hùng Vương (Tb.I, 3...)

La Thành : Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb.5, 10...)

Vua nhà Đường hạ chiếu nêu khen người đàn bà tiết nghĩa ở Giao Châu là Kim thị.

Theo truyện *Liệt Nữ* trong *Đường thư,* tiết phụ Kim thị là mẹ tướng giặc Đào Tề Lượng. Kim thị thường lấy điều trung nghĩa khuyên bảo Tề Lượng, nhưng Tề Lượng ngoan ngạnh, không chịu vâng lời, Kim thị liền từ con, tự làm ruộng lấy thóc ăn, tự dệt vải may áo mặc, xóm làng đều cho là một người gương mẫu. Vua Đường hạ chiếu cho hai người đến hầu hạ nuôi nấng, và quan sở tại phải thường lui tới thăm hỏi suốt đời Kim thị.

Lời chua – *Đào Tề Lượng* : Người Giao Châu.

Năm Mậu Thân (768). (Đường, năm Đại Lịch thứ 3).

Nhà Đường lại đổi Trấn Nam làm An Nam đô hộ phủ.

Năm Tân Mùi (791). (Đường, Đức Tông, năm Trinh Nguyên thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Người Đường Lâm thuộc Phong Châu là Phùng Hưng khởi binh, đánh phủ đô hộ và chiếm giữ phủ lỵ.

---

(1) Tức là nhân dân theo văn hoá Hán tộc (Trung Hoa).

(2) Theo nghĩa đen, *cơ* là cái dây giàng đầu con ngựa ; *mi* là cái giàm hai má trâu bò. Cơ mi là giàng buộc lỏng lẻo, có đặt ra *châu* nhưng không bắt theo đúng kỷ luật chế độ.

Trước kia Phùng Hưng người Đường Lâm thuộc Phong Châu, vốn là nhà hào phú, lại có sức khoẻ, có thể vật nổi trâu, đánh được hổ. Khoảng năm Đại Lịch (766 – 779) nhà Đường, nhân thời buổi loạn lạc, Phùng Hưng cùng với em là Phùng Hải đem quân uy phục được các ấp láng giềng, tự xưng là đô quân ; Phùng Hải xưng là đô bảo. Khi bấy giờ chính sách của đô hộ[1] là Cao Chính Bình, đánh thuế nặng lắm. Phùng Hưng đánh Chính Bình mãi không được, mới dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn, đem quân đến vây phủ : Chính Bình vì lo sợ mà chết. Phùng Hưng vào ở trong phủ lỵ, được ít lâu thì mất. Dân chúng lập con là An lên làm đô phủ quân, tôn Hưng làm Bố Cái đại vương. Tb. IV, 26

Lời chua – *Cao Chính Bình* : Theo sách *An Nam kỷ yếu*, Cao Chính Bình người thời Đại Tông nhà Đường, trước làm đô uý Vũ Định, vì có công đem quân cứu viện Trương Bá Nghi, được phong làm đô hộ.

Đường Lâm : Tên xã xưa. *Sử cũ* chua ở huyện Phúc Lộc. Phúc Lộc nay đổi tên là Phúc Thọ thuộc tỉnh Sơn Tây. Xét theo *Sơn Tây tỉnh sách*[2], xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, xưa gọi là Đường Lâm[3]. Phùng Hưng và Ngô Quyền đều là người xã này cả. Bây giờ vẫn còn đền thờ.

Phong Châu : *Sử cũ* chép lầm là Giao Châu, nay sửa lại. Xét *Đường thư, bản kỷ*, đời Đức Tông, năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), chỉ chép rằng tù trưởng An Nam là Đỗ Anh Hàn làm phản, chứ không chép việc Phùng Hưng, có lẽ vì ở cách xa nước ta, nên không rõ có việc Phùng Hưng.

Bố Cái, Sử cũ chua tục cổ nước ta gọi cha là *bố* gọi mẹ là *cái,* nên đặt Bố Cái làm tôn hiệu.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường dùng Triệu Xương làm đô hộ.

---

(1) Một chức quan được đặt ra từ thời nhà Đường. Đứng đầu phủ An Nam đô hộ, tức cai quản toàn bộ quân dân miền đất nước ta.

(2) Tập khai về địa chí của tỉnh Sơn Tây.

(3) Nay thuộc thị xã Sơn Tây (ngoại thị).

Theo sách *An Nam kỷ yếu,* bấy giờ Giao Châu chưa yên, Triệu Xương đến nơi, vỗ về phủ dụ, lòng dân mới yên. Tb. **IV**, 27
Triệu Xương sai sứ đến dụ Phùng An, Phùng An đem quân ra hàng, Triệu Xương được gia phong làm kinh lược chiêu thảo xử trí sứ, Triệu Xương đắp thêm La Thành, đi thăm khắp nơi núi sông danh thắng, cổ tích, đền miếu ở các đô quận, chép làm sách *Phủ chí.* Triệu Xương ở phủ được mười năm, vì đau chân, dâng biểu xin người khác sang thay.

Lời chua – *Triệu Xương* : Theo *Đường thư,* Triệu Xương tên tự là Hồng Tô, người Thiên Thuỷ, được thăng dần đến chức Thứ sử Kiền Châu. Khi Đỗ Anh Hàn ở An Nam làm phản, nhà Đường dùng Xương làm Đô hộ, dân Giao Châu hưởng ứng giáo hoá, không dám ngang ngược, Xương làm được mười năm, vì đau chân, xin về.

Năm Tân Tỵ (801). (Đường, năm Trinh Nguyên thứ 17).

Nhà Đường dùng Bùi Thái làm đô hộ.

Triệu Xương xin người sang thay, nhà Đường sai Lang trung bộ Binh là Bùi Thái sang thay. Bùi Thái đến nơi, bắt quân sĩ lấp bỏ những hào rãnh ở trong thành, hợp làm một thành, lại đắp thành ở các châu Hoan và Ái. Sau đó Bùi Thái bị bộ tướng trong châu là Vương Quý Nguyên đuổi đi.

Năm Quý Mùi (803).(Đường, năm Trinh Nguyên thứ 19).

Tháng 12, nhà Đường lại cử Triệu Xương sang làm Đô hộ.

Theo *Đường thư,* bấy giờ Triệu Xương về triều làm tế tửu chưa được bao lâu, bộ tướng Giao Châu đánh đuổi Bùi Thái. Đức Tông vời Triệu Xương tới để hỏi tình hình. Triệu Xương bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, tâu bày rõ ràng không lẫn ; Đức Tông Tb. **IV**, 28
lấy làm lạ, lại cử sang làm đô hộ. Khi tờ chiếu đến nơi, người Giao Châu cùng nhau mừng rỡ ; quân làm phản liền yên ngay. Triệu Xương sau thăng làm tiết độ sứ[1] đất

(1) Một chức quan ở thời Đường, đứng đầu cai quản toàn bộ miền đất nước ta.

Lĩnh Nam, dẹp yên và hàng phục được những nơi biên viễn. Vì có công, Xương được thăng thượng thư bộ Công, tước thái tử thiếu bảo, năm chết đã tám mươi nhăm tuổi, vua Đường truy tặng cho Xương chức Dương Châu đại đô đốc.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Diên Hựu ngược đãi dân Lý, gây ra cuộc khởi loạn của Đinh Kiến. Chính Bình đánh thuế dân Giao Châu quá nặng*(1), *đã thúc đẩy Đỗ Anh Hàn khởi binh. Triệu Xương đến lần trước, yên ngay được dân ; đến lần sau, dẹp xong được loạn. Quan lại ở biên cảnh tốt hay xấu, quan hệ đến như thế. Chẳng qua hồi đó người Bắc (Trung Quốc) cho Giao Châu ta là nơi hẻo lánh xa xôi, coi nhẹ việc kén chọn người giỏi, nên dân thời bấy giờ phải cảnh lầm than, không kêu đâu được. Đọc sử đến đây, đáng vì dân thời ấy mà ngậm ngùi than thở !*

Năm Mậu Tý (808). (Đường, Hiến Tông, năm Nguyên Hoà thứ 3).

Nhà Đường dùng Trương Chu làm đô hộ. Trương Chu sửa đắp lại thành Đại La.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, Trương Chu làm kinh lược phán quan, khi thăng lên làm đô hộ, hắn sửa đắp lại thành Đại La, đóng chiến thuyền "mông đồng" ba trăm chiếc mỗi chiếc có 25 quân chiến, 23 tay chèo. Khi thuyền đang chèo, xuôi ngược như bay. Hai thành Hoan Châu và Ái Châu trước kia bị Hoàn vương(2) đánh phá, bấy giờ đều sửa đắp lại.

Lời chua – Theo sách *Thái Bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử nhà Tống, năm Nguyên Hoà thứ 4 (809) đô hộ An Nam là Trương Chu đánh viên Hoan – Ái đô thống giặc của Hoàn vương quốc, giết được hơn ba vạn người. Tb. **IV**, 29

Mông đồng : Thứ thuyền hẹp mà dài, dùng để xông đánh thuyền giặc

Hai thành Hoan, Ái : Trước kia do Bùi Thái đắp.

Hoàn vương : Tên gọi vua nước Lâm Ấp.

---

(1) Bắt dân hằng năm đóng thuế vào cả một kỳ.

(2) Tức vua nước Chiêm thành.

Năm Kỷ Hợi (819). (Đường, năm Nguyên Hoà thứ 14). Thứ sử Hoan Châu là Dương Thanh làm phản, đánh úp phủ thành, giết đô hộ Lý Tượng Cổ.

Theo *Cương mục* (Trung Quốc), Tượng Cổ là người tham lam khắc nghiệt, mất lòng mọi người. Dương Thanh là nhà nhiều đời làm tù trưởng dân Man. Tượng Cổ cho làm nha tướng[1] sai đi đánh Man Hoàng Động, Dương Thanh nhận thấy lòng người ai cũng oán giận Tượng Cổ, đang đêm, quay về đánh úp lấy phủ thành, giết Lý Tượng Cổ.

Theo *Đường thư,* Dương Thanh là Man Tù[2], vẫn uất ức muốn khởi loạn. Nhân dịp đi đánh giặc Hoàng Động, được Lý Tượng Cổ giúp cho binh sĩ, Dương Thanh liền đem quân quay lại đánh úp lấy châu thành, giết Lý Tượng Cổ. Nhà Đường hạ chiếu tha tội Dương Thanh và cho làm Thứ sử Quỳnh Châu, dùng Quế Trọng Vũ làm Đô hộ. Dương Thanh chống cự lại, không tuân lệnh. Quế Trọng Vũ đi dụ riêng từng người đầu sỏ trong đám dân Man, rồi đánh chém được Dương Thanh, tru di cả họ.

Lời chua : *Tượng Cổ* : Theo *Đường thư* truyện *Tào Vương Minh,* Tượng Cổ là con Lý Cao, tông thất nhà Đường, năm Nguyên Hoà thứ 14 (819), làm đô hộ An Nam. Tb. **IV**, 30

Quế Trọng Vũ : *Sử cũ* chép sai là Quế Trọng ; nay chữa lại.

Hoàng Động : Theo *Đường thư, Nam man truyện,* các người Man ở Tây Nguyên có họ Hoàng ở động Hoàng Chanh, đất giáp với Nam Chiếu, gọi là Man Hoàng Động, đánh mười tám châu Quế Quản, đi đến đâu đốt cướp đến đấy ; người Đường gọi là Hoàng tặc. Khi quân phủ đô hộ nổi loạn, Hoàng tặc giúp Dương Thanh giết Lý Tượng Cổ.

Quỳnh Châu : Theo *Thanh Nhất thống chí,* là đất Châu Nhai đời Hán, nhà Đường chia đặt ra Quỳnh Châu, thuộc Lĩnh Nam đạo.

---

(1) Một chức võ quan cấp bậc thấp.

(2) Tù tức là Tù trưởng, người đứng đầu các người Man.

Nhà Đường dùng Mã Tổng làm đô hộ.

Theo *Đường thư*, Mã Tổng, do chức thứ sử Kiền Châu thăng lên làm đô hộ An Nam, là người thanh liêm, không quấy nhiễu dân, đem học thuật nho gia rèn luyện phong tục, chính sự tốt đẹp, người Lý người Lạo đều yên cả. Mã Tổng dựng hai cột đồng, ghi chép công đức nhà Đường và tỏ ra mình là con cháu Phục Ba (Mã Viện).

Lời cẩn án – *Mã Tổng làm Đô hộ, chính sự tốt đẹp,* Sử cũ *bỏ sót không chép. Nay khảo trong* Đường thư, *xin bổ sung vào; Nhưng chính* truyện Mã Tổng *chỉ cho biết là vào khoảng năm Nguyên Hoà (806 – 820) chứ không chép rõ năm, tháng, cho nên nay chép luôn vào cuối năm Nguyên Hòa để giữ lấy sự thực.*

Lời chua – *Mã Tổng* : Theo *truyện Mã Tổng,* Tb. **IV**, 31
Tổng tên tự là Nguyên Hội, người Phù Phong.

Kiến Châu : Theo *Địa lý chí* trong *Đường thư*, Kiến Châu thuộc đạo Giang Nam.

Đông trụ : Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb. II, 12).

Năm Giáp Thìn (824). (Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4).

Tháng 11, mùa đông. Đô hộ là Lý Nguyên Gia dời phủ thành ra ngoài cửa Đông Quan.

Theo sách ***An Nam kỷ yếu,*** Lý Nguyên Gia cho rằng trước cửa thành là dòng nước chảy ngược, sợ người Giao Châu hay làm phản. Vì thế dời phủ trị (tới trên bờ) sông Tô Lịch. Khi đang đắp cái thành nhỏ, có người đến xem bảo rằng : "Nhà ngươi không đủ sức đắp cái thành lớn, 50 năm nữa có người họ Cao sẽ đóng đô dựng phủ ở đây". Đến giữa niên hiệu Hàm Thông (860 – 873), Cao Biền đắp La Thành, đúng như lời người ấy.

Lời chua – *Tô Lịch* : Một nhánh của sông Nhị Hà. Theo *Thanh nhất thống chí,* sông Tô Lịch đi từ phía đông thành phủ Giao Châu, chuyển sang phía bắc rồi đi sang phía tây, thẳng đến sông Nhuệ. Xưa kia có người tên là Tô Lịch ở đấy, cho nên gọi sông ấy là sông Tô Lịch.

Hồi đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403 – 1424) nhà Minh, Hoàng Phúc lại đào thêm, nhân đổi tên gọi là sông Lai Tô. Nay ở phía đông tỉnh Hà Nội, đất huyện Thọ Xương có cái cửa sông, đấy là chỗ phân lưu từ sông Nhị Hà.

Năm Ất Tỵ (825). (Đường, Kính Tông, năm Bảo Lịch thứ 1). Tb. IV, 32

Nhà Đường dời phủ lỵ đô hộ sang Tống Bình.

Lời chua – *Tống Bình* : Theo sách *Phương dư kỷ yếu* [1] của Cố Tổ Vũ, Tống Bình ở phía nam phủ lỵ. Nó là đất huyện Long Biên đời Hán ; đầu đời Lưu Tống tách ra đặt làm huyện Tống Bình, đời Tuỳ thuộc về Giao Châu. Vậy thì Tống Bình phải ở miền ngoại ô phủ Đô hộ cũ. Theo *Thanh nhất thống chí,* huyện Tống Bình thuộc Giao Châu xưa, ở đây còn có thành cũ Liên Thụ ở phía tây huyện 75 dặm. Nay xét thành Liên Thụ là trị sở quận Giao Chỉ hồi đầu đời Hán, ở vào xã Lũng Khê huyện Siêu Loại tỉnh Bắc Ninh hiện nay, cách tỉnh thành Hà Nội hơn 30 dặm.

Năm Mậu Thân (828). (Đường, Văn Tông, năm Thái Hoà thứ 2).

Thứ sử Phong Châu là Vương Thăng Triều làm phản. Đô hộ là Hàn Ước đánh giết được.

Theo *Đường thư,* Hàn Ước là người có chí dũng quyết, lõm bõm sử sách, có tài hành chính ; trước đã làm thứ sử Kiền Châu. Đến khi Thăng Triều làm phản, Hàn Ước lĩnh chức An Nam đô hộ, đánh dẹp yên, Thăng Triều bị giết. Sau, quân phủ đô hộ nổi loạn, Hàn Ước bị đuổi, chạy về Quảng Châu.

Lời chua – *Hàn Ước* : Theo *truyện Vương Phan* trong *Đường thư,* Hàn Ước người Vũ Lăng thuộc Lãng Châu, tiến thân bằng tiền và thóc[2]. Tb. IV, 33

---

(1) Xem chú giải ở trên, năm 546.

(2) Quyên tiền và thóc để được làm quan.

Năm Bính Thìn (836). (Đường, năm Khai Thành thứ 1). Nhà Đường dùng Mã Thực làm đô hộ.

Theo *Đường thư,* hồi đầu năm Khai Thành (836 – 840), Mã Thực làm An Nam đô hộ, là người giỏi việc hành chính, cách ăn ở văn nhã, làm việc quan thanh liêm trong sạch, không phiền nhiễu, dân các động đều được yên ổn. Thủ lĩnh các châu cơ mi[1] đều thần phục, xin chịu theo khuôn phép về việc thuế má. Năm Khai Thành thứ ba (838), Mã Thực tâu xin đổi huyện Vũ Lục, làm châu Vũ Lục, kén người thủ lĩnh ở đấy cho làm thứ sử. Vua Đường y theo lời xin ấy. Nhưng rồi lại bỏ, không đặt làm châu nữa. Lúc ấy có điềm : một cái ao trước vẫn sản ngọc châu, rồi một dạo tự nhiên mất đi, nay trong cái ao ấy lại sinh sản ngọc châu như cũ. Vì Mã Thực là viên quan có chính tích trội nhất nên được thăng làm quan sát sứ ở Kiềm Trung.

Lời cẩn án – *Theo* Liệt truyện *trong* Đường thư, *Mã Thực làm đô hộ, chính sự trong sạch, dân các động được yên. Hạt châu ở ao lại sinh sản như xưa : đó là tiết thanh bạch cảm đến cả loài vật. Sách* Thanh nhất thống chí *liệt tên Mã Thực vào hàng các quan có tiếng ở An Nam, cùng với Triệu Xương, Vương Thức đều xứng đáng là những người trội nhất trong đám thú lệnh. Lại theo* Địa lý chí *trong* Đường thư, *năm Khai Thành thứ ba (838), Mã Thực dâng biểu xin đặt châu Vũ Lục. Việc ấy có chứng cứ rõ ràng, thế mà* Sử cũ *bỏ sót không chép, chỉ chép "Thuộc Đường, năm Hội Xương thứ nhất (841), Vũ Hồn thay Hàn Ước làm kinh lược sứ". Nay xét* Đường thư Bản kỷ, *đời Văn Tông, năm Thái Hoà thứ ba (829), Ước bị quân nổi loạn đuổi. Kể từ năm Thái Hoà thứ hai (828) đến năm Hội Xương thứ nhất (841), trong khoảng đó còn có niên hiệu Khai Thành (836 - 840) gồm 5 năm phải còn có Mã Thực làm* Tb. IV, 34

(1) Xem chú giải ở trên, năm 757.

đô hộ. Vậy thì Vũ Hồn kế chân Mã Thực, chứ không phải thay chân Hàn Ước. Nay theo Đường thư, *xin bổ chính để nêu rõ người thú mục tốt và chữa chỗ sai lầm.*

Lời chua – *Mã Thực* : Theo *truyện Mã Thực,* Thực là người Phù Phong, đậu tiến sĩ, lại đậu khoa chế sách.

Cơ mi : Theo *Địa lý chí* trong *Đường thư,* Thái Tông nhà Đường, sau khi bình định các Phiên Quốc(1) thì Man Di các nơi dần dần nội thuộc, lúc ấy nhà Đường lấy ngay các bộ lạc của họ đặt thành châu, huyện, dùng người thủ lĩnh bộ lạc làm đô đốc, làm thứ sử, họ đều được cha truyền con nối, gọi là "cơ mi". Theo sách *Cương mục tập* lãm dẫn thiên *Hán quan nghi* nói rằng : (đồ vật dàm đầu) ngựa gọi là *cơ,* (đồ vật dàm hai má) trâu gọi là *mi.* Ý nói kiềm chế các rợ mọi (tứ di) phải lỏng lẻo như đem buộc "cơ", "mi" cho loài trâu ngựa.

Vũ Lục châu : Tên một châu cơ mi, nay không biết ở đâu.

Trì châu : Theo *Hán Thư,* khi Mạnh Thường làm Thái thú Hợp Phố, hạt châu (ngọc trai) đã mất đi ở Hợp Phố, lại thấy trở lại. Trong *Thanh Nhất thống chí* có chép "Châu trì" (hồ sản hạt trai) ở phía đông nam huyện Hợp Phố, là nơi người trong quận đến mò hạt châu.

Năm Tân Dậu (841). (Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 1).

Nhà Đường dùng Vũ Hồn làm Kinh lược sứ.

Vũ Hồn đến nơi, bắt tướng sĩ sửa phủ thành ; Tb. IV, 35
quân lính ở phủ Đô Hộ lại khởi loạn, đốt lầu thành, cướp kho đạn. Vũ Hồn phải chạy về Quảng Châu. Viên giám quân là Đoàn Sĩ Tắc dẹp yên đám quân lính làm loạn, Giao Châu mới được yên.

Năm Bính Dần (846). (Đường, năm Hội Xương thứ 6).

---

(1) Các nước ở ngoài Trung Quốc mà thần phục Trung Quốc như : Cao Ly, Bách Lế, Thổ Phồn, Đột Quyết v.v...

Tháng 9, mùa thu. Quân Man Nam Chiếu vào lấn cướp. Kinh lược sứ Bùi Nguyên Dụ đem quân các đạo đánh bại được địch.

Lời chua – *Đường thư Bản kỷ* chép là "tháng 9 năm Hội Xương thứ 6", *Sử cũ* chép sai là tháng 7, mùa thu.

Nam Chiếu, theo Lời chua của sách *Cương mục* (Trung Quốc), gốc tích người Nam Chiếu vốn là giống Man Di ở Ai Lao. Tb. IV, 36
Vị trí ở phía tây Diêu Châu. Theo *Địa lý chí* trong *Đường thư,* Nam Chiếu ở quận Vân Nam thuộc Diêu Châu, phía đông nam giáp Giao Chỉ, phía tây bắc giáp Thổ Phồn. Tiếng Man gọi vua là Chiếu. Trước kia có 6 Chiếu, Tức là : Mông Tuấn, Việt Tích, Lãng Khung, Đăng Đạm, Thi Lãng và Mông Xá. Mông Xá ở mãi về phía nam, nên gọi là Nam Chiếu. Đến năm Khai Nguyên (713 – 741) nhà Đường Nam Chiếu dưới đời Bì La Cáp, mỗi ngày một mạnh lớn thêm lên, còn năm Chiếu kia thì suy yếu đi. Lúc đó, Bì La Cáp mới lấy tiền của đút lót cho tiết độ sứ Kiếm Nam là Vương Dục, xin hợp 6 đất Chiếu làm một. Triều đình ưng theo và đặt tên cho là Quy Nghĩa. Từ bấy giờ chúng mới lấy vũ lực phục được các Man khác, phá được Thổ Phồn, dời sang ở thành Thái Hoà, thành ra sau này Nam Chiếu làm mối lo cho miền biên giới. Theo *Đường thư, truyện Nam Chiếu,* Nam Chiếu từ năm Khai Nguyên (713 – 741), Bì La Cáp hợp 6 Chiếu làm một, truyền mãi đến con Phong Hựu là Từ Long, năm Hàm Thông thứ 1 (860), tiếm xưng đế, đặt niên hiệu là Kiến Cực, gọi tên nước là Đại Lễ, thường sang lấn cướp Giao Châu, bị Cao Biền đánh, thua chạy về nước.

Năm Đinh Sửu (857). (Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 11).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Đường dùng Chu Nhai làm kinh lược sứ.

Khi bấy giờ ở Giao Châu thường hay có giặc cướp ở nơi biên giới, Chu Nhai đang làm hữu can ngưu vệ đại tướng quân, đổi sang làm kinh lược sứ, không bao lâu lại về Quảng Châu.

Năm Mậu Dần (858). (Đường, năm Đại Trung thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Đường dùng Vương Thức làm kinh lược đô hộ sứ.

Theo *Đường thư,* Vương Thức đang làm thứ sử Tấn Châu, vì có tiếng giỏi, được thăng làm An Nam đô hộ : người làm đô hộ trước, gặp lúc đang đại hạn, ruộng bị khô, lại làm luỹ gỗ[1] (để ngăn ngừa giặc cướp), bắt dân hằng năm nộp tiền. Đã không làm hoàn thành cho kịp thời, lại hạch sách và bắt dân đóng góp rất gắt gao ! Đến khi Vương Thức sang làm đô hộ, Thức trích lấy tiền thuế một năm mua cây táo gai (cúc mộc)[2], ken làm luỹ suốt 12 dặm, bãi bỏ thuế ngoại phụ hàng năm để nhẹ cho thường dân ; lại đào hào, rào luỹ, ngoài trồng tre gai, giặc cướp không thể vào được. Sau, quân Man cướp Cẩm Điền bộ, Vương Thức sai người dịch lời mình hiểu dụ họ, một đêm kia quân Man kéo đi, sai người đến tạ rằng : "Chúng tôi tự đến bắt quân Lạo làm phản, chứ không phải làm giặc đâu". Tb. **IV**, 37

Theo *Cương mục* (Trung Quốc), Vương Thức là người có tài năng và mưu lược, khi mới đến phủ, thấy đô hiệu là La Hành Cung đã từ lâu vẫn chuyên giữ chính quyền, số quân tinh nhuệ dưới cờ chỉ huy của hắn có tới hai nghìn người, còn quân của phủ đô hộ chỉ có mấy trăm người gầy yếu. Vương Thức đến nơi đem Hành Cung ra phạt trượng và cách chức.

Lời chua – *Vương Thức* : theo *truyện Vương Bá* trong *Đường thư,* Vương Thức người đất Thái Nguyên, đậu khoa hiền lương phương chính[3] khoảng giữa niên hiệu Đại Trung (847 – 859), làm thứ sử

---

(1) Nguyên văn là "một sách".

(2) Xem *Lời chua* ở dưới .

(3) Tên một khoa thi để kén nhân tài có từ đời Hán. Khoa thi này chuyên tuyển lấy những người có tài văn học để bổ làm quan. Đời Đường, Tống vẫn còn noi theo.

Tấn Châu, cứu sống được mấy nghìn dân xiêu dạt, vì thế nổi tiếng được thăng làm đô hộ An Nam.

Cức mộc : Tên một thứ cây, dùng làm luỹ, bền được vài mươi năm. Theo lời chua trong *Cương mục*[1], khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403 – 1424) đời Minh, Thượng thư Trần Hiệp, khi ở Giao Chỉ tìm được sách *An Nam chí* (có chép) Vương Thức đời Đường trồng cây táo gai làm chiến hào chìm[2], xung quanh hào trồng tre gai, giặc cướp không xâm phạm được. Nay ở Giao Chỉ có cây táo gai.

Cẩm Điền : Chưa biết rõ ở đâu.

Bộ : Tức là bến đò ; Cẩm Điền bộ tức là bến đò Cẩm Điền. Theo sách *Thanh Xương tạp ký*, ở Lĩnh Nam gọi Tân (bến sông) là Bộ.

Tháng 5, mùa hạ. Quân Thổ man đến lấn cướp. Vương Thức đánh lùi được địch.

Theo *truyện Nam Chiếu* trong *Đường thư*, trước kia Lý Trác làm Kinh lược sứ, khắc nghiệt tham ô, tự tư tự lợi, cứ mỗi đấu muối đổi lấy một con trâu, người Man Di không chịu nổi. Họ liên kết với tướng Nam Chiếu là Đoàn Tù Thiên cướp phủ đô hộ. Họ tự xưng là *Bạch Y một mệnh quân* (Quân Áo trắng liều mạng). Lý Trác lại giết tù trưởng người Man là Đỗ Tồn Thành ; dân chúng Thổ Man

Tb. IV, 38

(1) *Cương mục* là một bộ sử Trung Quốc mà sách *Cương mục* ta theo dùng làm mẫu (xem phàm lệ). Sách *Cương mục* (Trung Quốc), tác giả là Chu Hi đời Tống (thế kỷ XI) : thế mà lời chua ở đây lại nói : "Theo lời chua trong *Cương mục* thì khoảng năm Vĩnh Lạc (1403 - 1424) đời Minh v.v...". Mới xem, có thể ngờ là không đúng. Nhưng xét kỹ về lai lịch sách *Cương mục*, ta cũng có thể tin là không sai. Khoảng thế kỉ XI, Chu Hi nhân sách Tự Trị thông giám của Tư Mã Quang làm thành sách *Thông giám Cương mục* (gọi tắt : *Cương mục*), phỏng theo lối *Xuân thu*, chia ra phần *cương* và phần *mục*. Sau giao cho học trò là Triệu Sư Uyên làm trọn bộ gồm 59 quyển. Sau nữa Kim Lý Tường làm thêm Tiền Biên. Đến đời Minh, Thương Lạc làm tục Hậu biên. Đến hồi Kiền Long (thế kỷ XVIII). Tất Nguyên lại theo lối *Tự Trị thông giám* làm tiếp từ Tống đến Nguyên, gồm 320 quyển. Sách này tuy không tinh tường bằng sách của Tư Mã Quang, nhưng rất thông dụng.

(2) Nguyên văn là "Đường Vương Thức thụ cức mộc vi một hào, chu thực thích trúc".

đều oán giận, dắt người Nam Chiếu vào cướp vùng biên giới. Vì thế Giao Châu mới xảy ra mối lo ở biên cương ; đến đây người Man lại vào cướp. Vương Thức đánh lui được quân Man.

Tháng 7, mùa thu. Dân Giao Châu nổi loạn, vây phủ thành Vương Thức bắt giết dân nổi loạn.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, khi bấy giờ có gian dân(1) họp nhau làm loạn. Nhân ban đêm, họ đánh trống reo hò, kéo đến vây thành, phao đồn là quan Kinh lược sứ Chu Nhai sai đạo binh dưới cờ là Hoàng đầu quân(2) vượt biển sang đánh úp, xin đưa quan đô hộ(3) về Bắc (Trung Quốc). Nay ta đến đóng ở thành này để chống lại với Hoàng đầu quân từ Bắc phương kéo sang. Vương Thức đang ăn cơm ; có người khuyên nên lánh đi. Vương Thức trả lời : "Ta nếu dời chân một chút thì thành này vỡ ngay". Vương Thức cứ ngồi ăn thong thả đến xong bữa. Đoạn, Vương Thức đóng áo giáp, đem những kẻ tả hữu lên thành, kéo cờ đại tướng, ngồi đấy quở trách dân nổi loạn, thì chúng trở tan chạy. Ngay hôm sau Vương Thức cho bắt và giết hết.

Giao Châu bấy giờ luôn luôn đói kém và loạn lạc, đến nỗi hàng 6 năm không có thuế nộp lên trên, trong quân lính không có khi nào khao thưởng. Vương Thức mới sửa lễ cống, khao các quân sĩ. Từ đấy các nước Chiêm Thành, Chân Lạp đều sai sứ đi lại và trả lại những dân đã cướp đi từ trước.

Lời chua – *Hoàng đầu quân* : Theo *Đường thư,* lính thú đóng ở Trung Vũ mặc áo cánh rộng vạt ngắn đầu đội khăn vàng, nên phương nam gọi là Hoàng đầu quân, đó là Tb. IV, 39

(1) Theo nghĩa đen, gian dân là người dân không làm ăn chính đáng theo đúng pháp luật.

(2) Vì ai nấy bịt đầu bằng khăn màu vàng, nên gọi là "Hoàng đầu quân" (theo chú thích của *Đại Việt sử ký*, quyển 6, tờ 14b) xem thêm *Lời chua* của *Cương mục* ở dưới.

(3) Chỉ Vương Thức.

thứ lính tinh nhuệ trong nước. Lúc đó kinh lược sứ là Chu Nhai đã về Quảng Châu, nên đám dân nổi loạn phao đồn như vậy.

Chiêm Thành : Tức là Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.3, 20).

Chân Lạp : Tên nước, ở về phía nam Lâm Ấp. Theo Đường thư Chân Lạp còn có tên là Cát Miệt (Khơ Me). Chân Lạp vốn xưa là thuộc quốc của Phù Nam, sau năm Thần Long (705 - 706) đời Đường, chia làm hai : nửa về phía bắc có nhiều gò núi, gọi là Lục Chân Lạp, tức nay là Cao Miên ; nửa ở về phía nam liền biển, nhiều hố, nhiều chằm, nên gọi là Thuỷ Chân Lạp, nay là sáu tỉnh Nam Kỳ[1].

Năm Canh Thìn (860). (Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 1). Tháng 3, mùa xuân. Nhà Đường cho Lý Hộ sang làm đô hộ.

Theo *Cương mục* (Trung Quốc), giặc ở Chiết Đông là Cửu Phủ làm loạn, vua Đường bàn với các quan kén tướng đi đánh, Hạ Hầu Ti nói : "Vương Thức, con nhà nho, trước làm quan ở An Nam, đã có công, có thể dùng được". Vì thế mới vời Vương Thức cho làm Quan sát sứ Chiết Đông, dùng Lý Hộ sang thay Vương Thức làm Đô hộ.

Tháng 12, mùa đông. Nam Chiếu đánh phá phủ thành, Đô hộ Lý Hộ bỏ châu lỵ chạy.

Theo sách *Thông giám*, khi Lý Hộ mới đến Đô hộ phủ, giết người tù trưởng dân Man là Đỗ Thủ Trừng. Đồng đảng của Thủ Trừng mới xui người Nam Chiếu đánh phá phủ thành, Lý Hộ chạy về Vũ Châu.

Năm Tân Tỵ (861). (Đường, năm Hàm Thông thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Đường dùng Vượng Khoan làm Kinh lược sứ.

---

(1) Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên.

Lý Hộ bị thua, nhà Đường đem quân Ung Quản và quân các đạo lân cận sang cứu.

Theo sách *Thông giám*, Lý Hộ từ Vũ Châu tập hợp lính thổ, kéo về đánh các quân Man, lấy lại được châu thành. Vua Đường trách Lý Hộ về tội bỏ thành trì, giáng chức cho làm tư hộ Đam Châu. Sau đó vua Đường cho rằng họ Đỗ của Thủ Trừng hãy còn mạnh lắm, cốt sao nhuế nhoá để mong thu dùng được họ, bèn cho Tồn Thành, cha Thủ Trừng, làm Kim ngô tướng quân. Vua Đường lại quở trách Lý Hộ về tội giết Thủ Trừng, liền đày đi Nhai Châu một thời hạn, lâu dùng phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan sang thay Lý Hộ.

Lời chua – *Ung Quản* : Tức là Ung Châu một khu vực hành chính do nhà Đường đặt. Theo sách *Cương mục tập lãm*, quản cũng như phủ.

Đam Châu : Tức là Đam Nhĩ, đời Đường thuộc về đạo Lĩnh Nam. Xem : Triệu Thuật Dương vương, năm Kiến Đức thứ nhất (Tb.2, 4 – 6).

Đây trở lên, từ năm Tân Dậu, thuộc nhà Lương, niên hiệu Đại Đồng thứ 7, đến năm Tân Tỵ thuộc nhà Đường, niên hiệu Hàm Thông thứ 2, cộng ba trăm hai mươi mốt năm (541 – 861).

TIỀN BIÊN

QUYỂN THỨ 5

Năm Nhâm Ngọ (862). (Đường, năm Hàm Thông thứ 3). Tb. V, 1

Tháng 2, mùa xuân. Nam Chiếu lại vào lấn cướp. Nhà Đường cho Thái Tập sang làm Kinh lược sứ, đem quân chống nhau với quân Nam Chiếu.

Theo *Cương mục* (Trung Quốc), nước Nam Chiếu vào lấn cướp, Vương Khoan nhiều lần cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường dùng Thái Tập, nguyên quan sát sứ Hồ Nam, sang thay Vương Khoan, vẫn điều động quân các đạo Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc, tất cả là ba vạn người, giao cho Thái Tập để chống nhau với Nam Chiếu. Thế lực quân Đường đã mạnh, người Man phải rút lui.

Lời chua – *Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc* : Tên tám châu (Trung Quốc).

Tháng 5, mùa hạ. Nhà Đường chia đất Lĩnh Nam làm hai đạo ; Đông và Tây. Dùng Vi Trụ và Thái Kinh sang làm tiết độ sứ.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), tả thứ tử[1] Thái Kinh có tính tham tàn, hay dối trá. Tể tướng bấy giờ tưởng hắn là người có tài cai trị, tâu xin cho Kinh đi khu xử các việc ở Lĩnh Nam. Đất Lĩnh Nam trước kia chia làm năm quản[2] là Quảng, Quế, Ung, Dung và An Nam, đều lệ thuộc Lĩnh Nam. Theo lời tâu xin của Thái Kinh, nhà Đường chia Quảng Châu làm Đông Đạo, Ung Châu làm Tb. V, 2

(1) Một chức quan đời Đường.

(2) Năm khu vực hành chính, giống như năm phủ.

Tây Đạo, giao cho Vi Trụ và Thái Kinh mỗi người coi một đạo. Thái Tập bấy giờ cầm quân các đạo đóng ở An Nam. Thái Kinh ghen ghét, sợ Thái Tập lập công, bèn tâu với vua Đường rằng quân Man đã lánh xa, nơi biên viễn không có gì đáng lo ngại, xin bãi bỏ lính thú. Vua Đường nghe theo lời Thái Kinh. Thái Tập nhiều lần tâu rằng quân Man vẫn rình chỗ sơ hở của ta, không thể không có quân đóng để phòng bị ; vậy xin lưu lại năm nghìn quân. Vua Đường không nghe. Thái Tập có làm bài trạng nói mười điều tất chết gửi lên toà Trung thư. Tể tướng lúc đó cả nghe lời Thái Kinh, không xét gì lời trạng cả. Thái Kinh cai trị làm nhiều điều hà khắc thảm hại. Nhân dân khắp nơi ai cũng ta oán. Rồi bị quân sĩ đuổi đi, Kinh phải giáng chức làm Tư hộ Nhai Châu, nhưng hắn không chịu đến Nhai Châu nhận chức, khi hắn về đến Linh Lăng, vua Đường hạ lệnh bắt phải tự tử.

Lời chua – *Quảng, Quế* : *Sử cũ* chép sai là Liêm, Quế. – *Vi Trụ* : Người Vạn Niên thuộc Kinh Triệu. Theo *truyện Vi Đan* trong *Đường thư*, con Đan là Trụ được thăng làm tiết độ sứ Lĩnh Nam.

Năm Quý Mùi (863). (Đường, năm Hàm Thông thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nam Chiếu đánh phá phủ đô hộ. Kinh lược sứ Thái Tập và ngu hậu Nguyên Duy Đức đều bị chết.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), nước Nam Chiếu thống suất quân các Man gồm năm vạn người đến lấn cướp. Thái Tập cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường hạ sắc điều động hai nghìn quân ở Kinh, Hồ và ba nghìn quân ở Quế Quản sang cứu viện. Các quân ấy chưa đến nơi, Nam Chiếu đã vây thành phủ ; quân cứu viện không tới được, thành liền bị phá. Thái Tập quanh mình không còn ai, đi bộ gắng sức cố đánh, khắp mình bị mười mũi tên. Tập muốn chạy xuống thuyền giám quân, thì thuyền đã lìa khỏi bờ, liền nhảy xuống sông chết. Các tướng sĩ Kinh Nam hơn 400 người, chạy đến bến nước ở phía đông thành ; ngu hậu là Nguyên Duy Đức bảo mọi người : "Bọn ta không có thuyền, xuống nước thế nào cũng chết, chi bằng quay lại cùng đánh nhau

Tb. V, 3

với quân Man, cứ một mạng đổi lấy hai quân Man, cũng vẫn có lợi". Nói xong, liền kéo về phía thành, tung quân ra giết được hơn hai nghìn người Man. Đêm đến, tướng Man là Dương Tư Tấn kéo ra tiếp cứu, bọn Duy Đức bị thua trận bị chết. Nước Nam Chiếu hai lần đánh phá phủ đô hộ, vừa giết vừa bắt làm tù binh tổng số đến mười lăm vạn người. Chúng lưu lại hai vạn quân Man, sai tướng là Dương Tư Tấn ở lại giữ thành phủ. Các Di, Lạo ở miền Khê động đều đầu hàng chúng.

Lời chua – Theo sách *Điền tá* ký của Dương Thận, năm Hàm Thông thứ 4 (863) đời Đường, người Nam Chiếu là Mông Thế Long cướp Giao Chỉ, vừa giết vừa bắt làm tù binh gần mười lăm vạn người, lưu lại hai vạn quân Man, sai tướng của chúng là Dương Tư Tấn ở lại chiếm đóng. Các Di, Lạo ở miền Khê động đều ra hàng cả. Đến năm Hàm Thông thứ 5 (864), chúng lại sang cướp Ung Châu, bị thua, rút về.Năm Hàm Thông thứ 7 (866), tiết độ sứ Cao Biền đánh phá tan hẳn, Giao Chỉ lại yên. Xem thế thì Nam Chiếu lúc bấy giờ là Nam Chiếu dưới thời Mông Thế Long.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Đường bãi bỏ phủ đô hộ, đặt ra Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn ; dùng Tống Nhung làm thứ sử, Khang Thừa Huấn giữ chức kiêm Lĩnh Nam chư quân hành doanh.

Theo sách *An Nam kỷ yếu,* bấy giờ Nam Chiếu đánh phá phủ thành, nhà Đường gọi quân các đạo về giữ Lĩnh Nam Tây Đạo, bãi bỏ phủ đô hộ, đặt Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn, dùng hữu giám môn vệ tướng quân Tống Nhung làm chức Hành Giao Châu thứ sử, Vũ Nghĩa tiết độ sứ Khang Thừa Huấn kiêm tiết độ sứ Lĩnh Nam và chư quân hành doanh. Tb. V, 4

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Khang Thừa Huấn đến Ung Châu, không đặt quân xích hậu[1] Khi Nam Chiếu đem sáu vạn người sắp tiến vào địa giới, Thừa Huấn sai quân ra chống cự,

(1) Quân do thám binh tình bên địch, tức là tình báo.

thì cả tám nghìn người trong năm đạo quân đều bị chết, duy có quân Thiên Bình đến sau được thoát. Thừa Huấn không biết xoay xở ra sao. Phó sứ Lý Hành Tố đem quân sửa hào luỹ vừa mới xong ; quân Man bổ vây đến bốn ngày. Lúc khí giới chuẩn bị gần đủ, các tướng xin : đêm đến, chia từng đạo quân đánh phá vào dinh trại quân Man. Khang Thừa Huấn không nghe. Có viên tiểu hiệu trong quân Thiên Bình, hai ba lần cố tranh cãi, Thừa Huấn mới chịu nghe. Viên tiểu hiệu này đem ba trăm dũng sĩ đang đêm dòng dây từng người một ra khỏi thành, phóng lửa đốt các dinh trại quân Man, chém được hơn năm trăm thủ cấp. Quân Man phải cởi vòng vây, rút đi. Khang Thừa Huấn mạo nhận lấy công ấy, tâu tin thắng trận lên triều đình. Nhà Đường thăng Thừa Huấn lên chức kiểm hiệu hữu bộc xạ, các con em thân cận của hắn đều được tâu là có công và đều được thưởng. Còn viên tiểu hiệu có công đốt dinh trại địch không được thăng một cấp bậc nào cả. Vì thế, trong quân ai cũng oán giận.

Lời chua – *Khang Thừa Huấn* : Theo *truyện Khang Nhật Tri* trong *Đường thư,* Thừa Huấn là người Linh Châu, con Khang Nhật Tri. Vì ông cha có công, Thừa Huấn được bổ làm quan, dần lên đến chức hữu thần vũ tướng quân, thăng làm Vũ Nghĩa tiết độ sứ, rồi đổi sang Lĩnh Nam Tây Đạo. Tb. V, 5

Hải Môn : Theo *Thanh nhất thống chí*, trấn Hải Môn ở cách 15 dặm về phía tây huyện Bác Bạch thuộc châu Uất Lâm bây giờ, xưa kia là đường đi vào đất An Nam. Cao Biền luyện tập quân lính ở đó, và từ đấy tiến quân lấy lại An Nam. Có người bảo Hải Môn trấn ở Hải Dương, đó là nhận lầm chữ Hải Môn là nơi cửa biển (hải môn) mà Ngô Quyền trồng cọc để đánh Hoằng Tháo.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường lại đặt phủ đô hộ ở Hành Giao Châu ; dùng Tống Nhung làm Kinh lược sứ, đem quân Sơn Đông sang đóng giữ.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), quân các đạo nhà Đường sang cứu viện An Nam thường tụ tập đóng đồn ở

Lĩnh Nam, việc vận tải lương thực vừa nhọc vừa tốn. Trần Bàn Thạch, người Nhuận Châu, dâng sớ xin đóng thứ thuyền lớn trọng tải được nghìn hộc, để chở gạo từ Phúc Kiến đi đường biển không đầy một tháng đến Quảng Châu. Vua Đường nghe theo, nên lương ăn của quân lính mới đầy đủ. Nhưng các quan cứ mượn tiếng "hoà cô"[1], chiếm đoạt thuyền buôn, khi đi ra biển, có chiếc bị sóng gió làm chìm đắm thì viên chức có trách nhiệm lại giam giữ viên cương lại[2] và bắt người chủ thuyền phải đền số gạo bị mất. Người ta phải khổ về việc này. Tb. V, 6

Lời chua – *Cương lại* : Cũng như Cương Điền, theo lời chua của *Cương mục tập lãm,* là lại viên giữ giấy má sổ sách về việc chở lương thực.

Năm Giáp Thân (864). (Đường, năm Hàm Thông thứ 5).

Nhà Đường dùng tổng quản kinh lược sứ Trương Nhân kiêm giữ cả các công việc Giao Châu.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), bấy giờ Nam Chiếu lấn cướp Ung Châu, quan quân nhà Đường thua thiệt nặng. Thừa Huấn mạo nhận có công, được thăng chức Kiểm hiệu Lĩnh Nam tiết độ. Vi Trụ biết rõ việc làm của Thừa Huấn, viết thư trình bày lên tể tướng. Nhà Đường bèn bãi chức Thừa Huấn, dùng Trương Nhân sang thay, và thêm ba vạn năm nghìn quân cho trấn Hải Môn, sai Trương Nhân tiến lấy thành phủ đô hộ.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường dùng Cao Biền làm đô hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, Trương Nhân dùng dằng không chịu tiến quân Hạ Hầu Ti tiến cử Kiêu Vệ tướng quân Cao Biền sang thay ; Trương Nhân giao lại cho Cao Biền tất cả những quân mà Nhân đã coi quản.

---

(1) Thuê mướn bằng điều kiện hai bên cùng thoả thuận.

(2) Xem *Lời chua* ở dưới của *Cương mục*.

Lời chua – *Cao Biền* : Theo *truyện Cao Biền* trong *Đường thư,* Biền, tiểu tự là Thiên Lý, người U Châu, là cháu Sùng Văn, một nhà truyền đời làm quân Cấm Vệ. Cao Biền, từ khi còn nhỏ, rất chịu khó trau dồi về văn học. Giao du với các nho sĩ, Biền bàn luận đường lối chính trị một cách rắn rỏi. Những người trong hai quân Cấm, Vệ[1] lại càng khen ngợi Biền. Biền theo hầu Chu Thúc Minh, làm Tư mã[2]. Bấy giờ có hai con chim điêu (thuộc loại chim cắt) đang song song bay với nhau, Cao Biền giương cung định bắn và khấn : "Nếu ta sau làm nên sang cả, thì bắn trúng nhé !" Khấn rồi bắn một phát trúng cả đôi. Mọi người đều quá đỗi kinh ngạc, nhân thế gọi Biền là Lạc Điêu thị ngự (quan thị ngự bắn rơi chim điêu). Biền làm quan, được thăng dần đến Hữu thần sách đô ngu hậu, vì có công, lại được thăng làm Phòng ngự sứ Tần Châu. Hồi Nam Chiếu đánh phá Giao Châu, Biền được cử sang thay Trương Nhân đánh Nam Chiếu. Tb. V, 7

Hạ Hầu Ti : Theo truyện *Lưu Triện,* Hạ Hầu Ti tên tự là Hiếu Học, người đất Tiêu thuộc Bạc Châu.

Năm Ất Dậu (865). (Đường, năm Hàm Thông thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Cao Biền tiến quân sang Phong Châu, đánh và phá tan được quân Man.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Cao Biền đang rèn luyện quân lính ở trấn Hải Môn, chưa tiến quân ; giám quân là Lý Duy Chu ghét Biền, muốn hại Biền, nên nhiều lần cứ thúc Biền tiến quân. Biền đem hơn năm nghìn người vượt biển đi

(1) Nguyên văn theo *Đường thư* chép là "lưỡng quân trung nhân" (người trong hai quân). Đến chỗ *Lời chua* lại dẫn *Cương mục* (Trung Quốc), nêu dị đồng ; "Lưỡng kinh hoạn quan" (quan thị ở hai kinh đô Trường An và Lạc Dương). Chúng tôi tham khảo các bản sử khác thấy sử *Toàn thư ngoại kỷ*, 5, 12b chép là "quân trung chi nhân" (người trong quân đội) và *Đại Việt sử ký, Ngoại kỷ 6*, 18a cũng chép là "lưỡng quân trung nhân". Cho nên chúng tôi dịch là người trong hai quân Cấm, Vệ (tức Vệ binh và Cấm quân). Vì đời Đường bấy giờ chia quân Cấm Vệ làm hai : Nam Nha và Bắc Nha. Nam Nha gọi là Vệ binh, Bắc Nha gọi là Cấm quân.

(2) Quan chế đời Đường, các tiết độ sứ đều có hành quân tư mã, và ở mỗi châu lại có đặt một tư mã, cấp bậc bằng chức đồng tri phủ đời sau. Vậy chức tư mã Cao Biền làm đây chỉ là hành quân tư mã, chứ không phải là tư mã trong tam công.

trước, hẹn Duy Chu cho quân tiếp ứng viện trợ cho. Khi Biền đem quân đi rồi, Duy Chu giữ chặt quân còn lại, không chịu điều động xuất phát. Tháng chín, quân Cao Biền đến Nam Định[1], thấy dân Man Phong Châu ngót năm vạn người đang gặt lúa ở đồng ruộng, Biền ập lại đánh tan được, chém được Man tướng là bọn Trương Thuyên, thu lấy lúa của dân đã gặt để làm lương ăn cho quân. Tb. V, 8

Lời chua – *Nam Định* : Theo *Địa lý chí* trong *Đường thư,* Nam Định đặt năm Vũ Đức thứ 4 (621), thuộc Giao Châu.

Theo *Thái Bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử đời Tống, ở huyện Nam Định có núi Đông Cứu. Theo *Thanh nhất thống chí,* núi Đông Cứu ở châu Gia Lâm. Nay xét núi Đông Cứu ở huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, vậy huyện Nam Định phải ở địa giới Gia Lâm và Gia Bình.

Phong Châu : Xem đời Hùng Vương (Tb.I,2).

Năm Bính Tuất (866). (Đường, năm Hàm Thông thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Cao Biền đánh lấy lại được thành Giao Châu. Nhà Đường thăng cho Biền lên chức kiểm hiệu Công bộ Thượng thư.

Theo *Đường thư,* bấy giờ thủ lĩnh man Nam Chiếu tên là Tù Long, bổ Đoàn Tù Thiên làm tiết độ sứ ở Thiện Xiển, sai Dương Tập Tư giúp Tù Thiên sang lấn cướp, cho Phạm Ni Ta làm phủ đô thống, Triệu Nặc Mi làm đô thống ở Phù Da. Tb. V, 9

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Cao Biền tiến quân thường đánh phá được quân Nam Chiếu. Những tin thắng trận ấy gửi đến trấn Hải Môn đều bị Duy Chu dìm đi cả. Chu lại tâu với vua Đường rằng Biền có ý nuông giặc, không chịu tiến quân. Vua Đường nổi giận, muốn giáng chức Cao Biền, dùng hữu vũ vệ tướng quân Vương Án Quyền sang thay và gọi Biền về triều. Ngày tháng ấy, Biền lại đánh thắng quân Nam Chiếu được một

(1) Có bản chép không có chữ Nam Định

trận lớn, vừa giết vừa bắt được nhiều lắm, rồi bao vây thành Giao Châu đến hơn mười ngày ; quân Man bị khốn quẫn lắm. Khi thành sắp sửa bị hạ thì Biền nhận được công văn của Vương Án Quyền cho biết rằng Án Quyền đã cùng với Duy Chu đem đại quân do cửa biển xuất phát rồi. Biền lập tức giao việc quân cho Vi Trọng Tể, rồi cùng với hơn trăm người thủ hạ trở về Bắc. Trước đây, tiểu sứ Vương Tuệ Tán do Trọng Tể sai phái và tiểu hiệu Tăng Cổn do Cao Biền cất cử, cùng nhau đem thư báo tin thắng trận về tâu với vua Đường. Khi đi trên biển, hai người trông thấy bóng cờ từ phía đông sang, hỏi những thuyền đi biển, họ cho biết đấy là quan kinh lược mới[1] và quan giám quân[2] sang đấy. Hai người bàn nhau : Duy Chu thế nào cũng cướp lấy tờ biểu này của ta. Họ liền cùng nhau trốn vào trong hải đảo, đợi Duy Chu đi khỏi, lập tức lên đường đi gấp về kinh đô. Vua Đường nhận được sớ biểu, mừng lắm, thăng chức cho Cao Biền lên kiểm hiệu Công bộ thượng thư, lại cho trở lại trấn. Bấy giờ, Cao Biền mới đến trấn Hải Môn, lại trở lại. Án Quyền là người mờ tối biếng nhác, Duy Chu là người tàn ác, tham lam, các tướng không ai chịu cộng sự với họ, nên đã bỏ lỏng vòng vây, quân Man trốn thoát mất quá nửa. Cao Biền khi đến nơi, lại đốc thúc tướng sĩ đánh và hạ được thành, chém hơn ba vạn thủ cấp, giết được Tù Thiên và thổ man là Chu Cổ Đạo đã làm người dẫn đường cho quân Nam Chiếu. Quân Nam Chiếu phải chạy trốn. Cao Biền lại phá được hai động thổ mán hùa theo Nam Chiếu và giết những tù trưởng của họ. Các thổ mán khác đem dân chúng đến quy phụ với Cao Biền có tới một vạn bảy nghìn người.

Lời chua – *Thiện Xiển* Theo *Nam Man truyện* trong *Đường thư* Thiện Xiển là một kinh đô của nước Nam Chiếu, ở về phía tây bắc Giao Châu.

---

(1) Chỉ Vương Án Quyền

(2) Chỉ Lý Duy Chu.

Phù Da : Theo *Thanh nhất thống chí,* phủ An Nam đô hộ có huyện Phù Da thuộc châu Vũ Định. Lại theo *Vân Nam cổ tích,* Vân Nam có thành Phù Da ở huyện La Thứ[1]. Tb. V, 10

Tháng 11, mùa đông. Giặc Man đã dẹp yên. Nhà Đường đặt Tĩnh hải quân, dùng Cao Biền làm tiết độ sứ.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), kể từ khi Lý Trác sách nhiễu nhân dân, dân các Man nổi lên gần 10 năm ; đến nay mới bình định xong, nhà Đường đặt Tĩnh Hải quân ở An Nam, dùng Cao Biền làm Tiết độ sứ. Bắt đầu từ đấy, An Nam đổi tên là Tĩnh Hải quân tiết trấn.

Cao Biền vào ở phủ lỵ, đắp Đại La thành. Tb. V, 11

Theo sách *An Nam kỷ yếu,* Cao Biền đắp Đại La thành, và làm ra sổ sách chép rõ bờ cõi, số lính thú trong trấn và các thuế má cống nạp. Người Giao Châu kính sợ Cao Biền, gọi Biền là Cao vương.

Sử cũ chép : La Thành của Cao Biền đắp chu vi một nghìn chín trăm tám mươi hai trượng linh năm thước (1982 trượng, 5 thước)[2]; thân thành cao hai trượng, sáu thước (2 trượng, 6 thước) ; chân thành rộng hai trượng, năm thước (2 trượng, 5 thước) ; nữ tường[3] bốn mặt cao năm thước, năm tấc (5 thước 5 tấc) ; năm mươi nhăm lầu vọng địch ; sáu nơi úng môn[4] ba cái hào nước, ba mươi tư đường đi. Lại còn đắp con đê vòng quanh ngoài thành dài hai nghìn một trăm hai mươi nhăm trượng, tám thước (2125 trượng, 8 thước), đê cao một trượng, năm thước, chân đê rộng hai trượng, và làm hơn bốn mươi vạn gian nhà.

---

(1) Huyện La Thứ nay thuộc đạo Điền Trung tỉnh Vân Nam (*Từ nguyên*, Tập mùi, tr.106).

(2) Một trượng là 10 thước, mỗi thước Trung Quốc bằng 0 m 3333 ; vậy một trượng bằng : 0,333 × 10 = 3 m 33.

(3) Bức tường nhỏ đắp trên tường thành lớn : đê con chạch đắp trên mặt đê tức là một thứ nữ tường.

(4) Thứ thành đắp vòng ngoài cửa thành.Nghĩa đen chữ "ứng môn" là nơi cửa có thành đắp đê để bảo vệ.

Cao Biền đi tuần xem xét đến hai châu Ung, Quảng thấy trên đường biển có nhiều đá mọc ngầm, làm cho việc vận tải lương thực không được thông đồng. Biền sai trưởng sử là Lâm Phúng và Hồ Nam tướng quân là Dư Tồn Cổ đem quân bản bộ và thuỷ thủ hơn một nghìn người đi khai đào. Lúc đi, Biền có dụ bảo họ rằng : "Đạo trời thường giúp lẽ phải, thần linh hay phò người ngay. Bây giờ đi khai đường biển để giúp đời sống cho nhân dân, nếu ta không vụ lợi riêng thì việc làm có gì là khó ?". Lâm Phúng ra đi, khởi công làm việc khơi đục, giữa vời vấp phải có hai hòn đá lớn đằng dăng dài đến mấy trượng, rìu búa đục mãi cũng không ăn thua gì, tự nhiên có sấm sét đánh luôn mấy trăm tiếng : tảng đá lớn đều bị vỡ tan. Về phía tây lại có hai hòn đá lớn mọc sừng sững đối nhau, các thợ đều phải bó tay. Thế rồi lại có sấm sét đánh như trước, làm tan cả ra. Đường biển do đấy mới được thông đồng. Nhân thế gọi tên nơi ấy là Thiên Uy cảng (cảng oai trời).

Lời phê – *Nay xét* : *trong* Đường thư, *Cao Biền bị liệt vào truyện* Bạn thần [1]; *do vì Biền ăn ở hai lòng, nên mắc phải tai vạ, chứ có gì đáng khen ! Còn như việc dẹp yên Nam Chiếu chẳng qua chuyên nhờ oai võ mà thắng được chúng đó thôi. Con sông mà Biền đứng đào nay ở vào đâu cũng không biết rõ. Nếu bảo ở tỉnh Nghệ An bây giờ thì vẫn còn nghẽn tắc, nào đã thông suốt được đâu ? Lời* Sử cũ *chép đây so với lời truyện* Cao Biền *trong* Đường thư *khen là thần tiên cũng chỉ là một lối hoang đường tầm bậy giống nhau mà thôi. Vậy mà* Sử cũ *khen việc* Biền *đào cảng là được trời giúp, tưởng cũng là chuyện nghe theo truyền văn mà vội tin đấy.*

Lời cẩn án – *Đại La ở Long Biên là cái thành do Trương Bá Nghi nhà Đường đã đắp trước, Triệu Xương, Lý Nguyên Gia tiếp tục sửa đắp lại, chứ không phải bắt đầu từ* Tb.V, 12

(1) Phần tiểu sử những bầy tôi phản nghịch.

Cao Biền. Sử cũ *chép rằng Cao Biền đắp La Thành, làm nhà cửa có tới hơn bốn mươi vạn gian, tưởng cũng là lời truyền văn không đúng sự thực e khó tin được hết cả.* Sử cũ *lại chép : "Cao Biền đi tuần xem xét Ung Châu và Quảng Châu, khơi thông đường biển, gọi là Thiên Uy cảng." Nay xét* Địa lý chí *trong* Đường thư, *ở huyện Bác Bạch có cái ghềnh Bắc thú (Bắc thú than). Khoảng giữa niên hiệu Hàm Thông (860 – 873) nhà Đường, Cao Biền mộ người đục phẳng những đá mọc ngầm để cho thuyền bè được thông đồng qua lại. Theo* Thanh nhất thống chí, *huyện Bác Bạch nay thuộc châu Uất Lâm. Vậy thì nơi mà Cao Biền khơi đục không phải ở địa giới nước ta. Có người bảo đó là Thiết Cảng ở Nghệ An, vì nó có tên nữa là Thiên Uy cảng ; nhưng không phải. Việc* Sử cũ *chép đó e cũng không đúng. Nay xin lược bớt, ghi phụ sơ qua ở đây để tiện tham khảo.*

Lời chua – *Đại La Thành* : Thành này do Trương Bá Nghi đắp từ năm Đại Lịch thứ 2 (767) đời Đường ; năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), Triệu Xương đắp thêm ; năm Nguyên Hoà thứ 3 (808), Trương Chu lại sửa đắp lại năm Trường Khánh thứ 4 (824), Lý Nguyên Gia đời phủ trị tới bên sông Tô Lịch, đắp một cái thành nhỏ, gọi là La Thành ; năm Hàm Thông thứ 7 (866), Cao Biền đắp ngoại thành bao quanh "kim thành"[(1)], cũng gọi tên là La Thành. Theo *Thanh nhất thống chí* thành Đại La ở ngoài phủ thành Giao Châu, quận trị Giao Chỉ đời Hán, phủ trị đô hộ đời Đường đều ở đấy. Lâu ngày đổ nát, vết cũ khó xét thấy. Đó tức là những luỹ đất ở bốn mặt ngoài tỉnh thành Hà Nội ngày nay. Những thành đất mà các đời Lý, Trần về sau đã sửa đắp nhiều lần, tục cũng gọi là La Thành. Nếu bảo đấy là vết thành cũ của Cao Biền thì thật không đúng.

Năm Ất Mùi (875). (Đường, Hi Tông, năm Kiền Phù thứ 2).

Nhà Đường đổi Cao Biền đi làm Tiết độ sứ Tây Xuyên, dùng Cao Tầm sang thay.

(1) Ý nói thành lũy kiên cố như đúc bằng loài kim vậy.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, Cao Tầm là cháu họ Cao Biền, đã từng làm tiên phong, xông pha tên đạn, nêu gương mẫu cho các quân sĩ. Cao Biền tiến cử Cao Tầm sang thay cho mình. Vua Đường nghe theo. Cao Biền ở phủ đô hộ tất cả được chín năm. Tb. V, 13

Năm Canh Tí (880). (Đường, năm Quảng Minh thứ 1). Tháng 3, mùa xuân. Quân phủ đô hộ nổi loạn. Tiết độ sứ Tăng Cổn phủ dụ được yên.

Theo sách *An Nam kỷ yếu,* trước kia, Tăng Cổn làm chức tiểu hiệu dưới quyền Cao Biền, Tăng Cổn là người giỏi về chính trị. Khoảng giữa niên hiệu Kiền Phù (874 - 879), nhà Đường dùng Tăng Cổn thay Cao Tầm làm tiết độ sứ. Năm này (880) quân trong phủ nổi loạn, các thuộc hạ xin Tăng Cổn rút ra ngoài thành để lánh nạn. Cổn không nghe, đem điều uy đức ra phủ dụ : quân nổi loạn yên ngay, đến quy phụ với Cổn. Cổn không nhắc hỏi đến lỗi của họ nữa. Vì thế, trong số quân các đạo đi thú ở Ung Quản hễ ai theo về với Cổn thì đều được dung nạp cả. Tăng Cổn là người có tiếng khéo vỗ về cai trị nhân dân, được người Giao Châu gọi là "ông thượng Tăng" (Tăng thượng thư). Cổn có soạn sách *Giao châu ký* lưu hành ở đời.Cổn làm việc ở trấn 14 năm. Đến đời Đường Chiêu Tông, năm Cảnh Phúc thứ 1 (892), Chu Toàn Dục mới sang thay Cổn làm tiết độ sứ.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép quân trong phủ nổi loạn, tiết độ sứ Tăng Cổn trốn ra ngoài thành. Nay xét Tăng Cổn là người có tiếng về chính trị, e* Sử cũ *chép lầm chăng, nên nay căn cứ vào sách* An Nam kỷ yếu *của Cao Hùng Trưng mà cải chính lại.* Tb.V, 14

Năm Bính Dần (906). (Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Đường gia phong chức Đồng bình chương sự[1] cho quan Tĩnh Hải quân tiết độ sứ là Khúc Thừa Dụ.

---

(1) Chức quan đứng vào hàng đầu triều, tương đương với Tể tướng. Ở đây là gia thêm.

Họ Khúc là một họ lớn lâu đời ở Hồng Châu. Thừa Dụ, tính khoan hoà, hay thương người, được dân chúng suy tôn.

Gặp thời buổi loạn lạc, nhân danh là hào trưởng một xứ, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ và xin mệnh lệnh với nhà Đường ; nhân thế vua Đường cho làm chức ấy.

Lời chua – Theo sách *Thông giám,* tháng giêng năm Thiên Hựu thứ 3 (906), nhà Đường gia phong cho Thừa Dụ chức Đồng bình chương sự. Sách *Vân Đài loại ngữ,* Lê Quý Đôn chép : Thừa Dụ tức là Khúc Tiên chúa. Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ đều là con cháu.

Hồng Châu : Tên đất xưa, đời Lê là hai phủ Thượng Hồng và Hạ Hồng, nay là hai phủ Bình Giang và Ninh Giang, đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Năm Đinh Mão (907). (Đường, năm Thiên Hựu thứ 4 ; Lương, Thái Tổ, năm Khai Bình thứ l).

Khúc Thừa Dụ mất, con là Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ.

Khúc Hạo nhờ vào cơ nghiệp cũ, giữ lấy La Thành, tự xưng là Tiết độ sứ, chia đặt các lộ, phủ, châu, và xã ở các xứ ; đặt ra chánh lệnh trưởng và tá lệnh trưởng[1], bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch ; lập sổ khai hộ khẩu, kê rõ họ tên quê quán, giao cho giáp trưởng trông coi. Chính sự cốt chuộng khoan dung giản dị. Nhân dân đều được yên vui. Khi đó, nhà Lương dùng tiết độ sứ Quảng Châu là Lưu Ẩn kiêm lĩnh chức Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ và phong cho tước Nam Bình vương. Lưu Ẩn giữ thành Phiên Ngung. Khúc Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là Tiết độ sứ, hai bên chực thôn tính lẫn nhau. Tb.V, 15

Lời chua – *Khúc Hạo* : Theo sách *An Nam kỷ yếu*, Khúc Hạo người Giao Chỉ. Cuối đời Đường, Khúc Hạo làm Tiết độ sứ thay cho Độc Cô Tổn : đổi các hương ở các huyện làm giáp, đặt mỗi giáp một quản giáp và một phó tri giáp để giữ việc đánh thuế. Khúc Hạo giữ

(1) *Tá* tức như *phó* có nhiệm vụ giúp việc cho viên chánh lệnh trưởng.

chức tiết độ sứ được bốn năm thì mất. Nay xét việc chép trong *An Nam kỷ yếu* có hơi khác với lời *Sử cũ,* xin ghi cả hai để tham khảo.

Quảng Châu : Tên đất, đặt từ đời Ngô. Xem Lương, Đại Đồng năm 7 (Tb.4,2).

Phiên Ngung : Xem Triệu Vũ vương, năm thứ nhất (Tb.I, 19).

Năm Đinh Sửu (917). (Lương, Mạt đế, năm Trinh Minh thứ 3).

Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ sang thông hảo với nhà Nam Hán.

Khi bấy giờ Lưu Ẩn đã chết, em là Lưu Nham nối ngôi đặt quốc hiệu là Hán, niên hiệu là Kiền Hanh. Đó là nhà Nam Hán. Khúc Hạo sai Thừa Mỹ sang Nam Hán kết mối hoà hảo. Thực ra, đó là mượn tiếng hoà hảo để dò xét tình hình hư thực. Tb. V,16

Khúc Hạo mất, con là Thừa Mỹ lên thay.

Năm Kỷ Mão (919). (Lương, năm Trinh Minh thứ 5).

Nhà Lương trao chức tiết độ sứ cho Khúc Thừa Mỹ.

Theo sách *An Nam kỷ yếu,* trước kia, Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin lĩnh "tiết việt"[(1)] ; nhân thế , nhà Lương cho làm tiết độ sứ coi quản Giao Châu.

Năm Quý Mùi (923). (Lương, năm Long Đức thứ 3 ; Đường, Trang Tông, năm Đồng Quang thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Chúa Nam Hán là Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang xâm lấn. Khúc Thừa Mỹ đánh chống lại, không được, bị bắt.

Theo sách *An Nam kỷ yếu,* trước kia, Lưu Cung nghe nói Thừa Mỹ đã nhận "tiết việt" của nhà Lương, giận lắm, sai

(1) "Tiết" nghĩa là cờ tiết mao ; "việt" nghĩa là lưỡi búa lớn có cán dài. Khi xưa, một ông vua phong ai làm đại tướng thì giao cho hai thứ ấy để làm tượng trưng cho sự thay quyền mình. Do đó. chữ "tiết việt" đã trở nên danh từ và các đồ vật ban cho ai khi cho người ấy làm một chức quan to, đầu một xứ.

tướng giỏi là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh, bắt được Thừa Mỹ đưa về.

Lời chua – Chúa Nam Hán trước tên là Nham, sau đổi là Cung là vì có điềm "rồng trắng" hiện hình. Về sau cho tên Cung không lợi, lại đổi là Yêm, nghĩa là có vẻ cao sáng vì lấy nghĩa "rồng bay trên trời".

Nha tướng[1] của Khúc Hạo là Dương Diên Nghệ nổi quân đánh đuổi Lý Khắc Chính.

Theo sách *An Nam kỷ yếu,* chúa Nam Hán sau khi bắt được Thừa Mỹ, sai tướng là Lý Tiến sang làm thứ sử, cùng với Khắc Chính đóng giữ Giao Châu. Tb. IV, 17
Dương Diên Nghệ lấy tư cách là tướng cũ của Khúc Hạo, tập họp quân sĩ, đánh bại Khắc Chính. Khắc Chính phải chạy về Nam Hán. Chúa Nam Hán ý muốn chiêu dụ, tạm phong tước vị cho Diên Nghệ. Chúa Nam Hán bảo những kẻ tả hữu mình rằng : "Dân Giao Châu thích nổi loạn, ta chỉ có thể cơ mi[2] được thôi."

Lời chua – *Dương Diên Nghệ* : Người Ái Châu. Sách *An Nam kỷ yếu* chép là Đình Nghệ. Nay theo sách *Cương mục* (Trung Quốc) đổi lại là Diên Nghệ.

Năm Tân Mão (931). (Hậu Đường, Minh Tông, năm Trường Hưng thứ 2).

Tháng 12, mùa đông. Dương Diên Nghệ đánh đuổi Lý Tiến, giết Trần Bảo, lấy lại Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ.

Trước kia, Diên Nghệ vẫn có chí định khôi phục Giao Châu có nuôi ba nghìn tráng sĩ làm nha binh[3]. Lý Tiến biết việc đó, cho người gấp về báo với chúa Nam Hán. Diên Nghệ liền kéo quân vây đánh Lý Tiến. Chúa Nam Hán sai thừa chỉ là Trần Bảo đem quân sang cứu. Quân Trần Bảo chưa đến nơi thì thành đã bị đánh phá, Lý Tiến phải trốn về. Trần Bảo đến nơi,

(1) Xem chú giải ở trên năm 819.

(2) Giữ lỏng lẻo. Xem thêm chú giải chữ "cơ mi châu" ở trên.

(3) Chữ "nha" này cũng như chữ "nha" trong *nha tướng* tức là tướng và quân tinh nhuệ như nanh vuốt sắc bén hùng mạnh.

cho quân vây thành ; Diên Nghệ ra đánh, Trần Bảo bị thua và chết. Diên Nghệ tự xưng là tiết độ sứ, quản lĩnh công việc Giao Châu.

Năm Đinh Dậu (937). (Tấn, Cao tổ, năm Thiên Phúc thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nha tướng của Dương Diên Nghệ là Kiểu Công Tiện giết Diên Nghệ và lên thay Diên Nghệ.

Lời chua – *Kiểu Công Tiện* : Theo sách An Nam kỷ yếu, Tiện là người Phong Châu.

Năm Mậu Tuất (938). (Tấn năm Thiên Phúc thứ 3)

Tháng 9 mùa thu. Một nha tướng khác của Diên Nghệ là Ngô Quyền khởi binh, đánh giết Kiểu Công Tiện. Chúa Nam Hán, Lưu Cung sai con là Hoằng Tháo sang cứu viện. Ngô Quyền đón đánh ở sông Bạch Đằng : quân Nam Hán bị thua, Hoằng Tháo bị chết đuối. Tb. V, 18

Ngô Quyền, người xã Đường Lâm, thuộc dòng quý tộc đã lâu đời, cha là Mân trước làm quan mục ngay châu nhà. Khi Ngô Quyền mới sinh, có điềm sáng rực cả nhà, trạng mạo đặc biệt khác thường, trên lưng có ba nốt ruồi đen. Người xem tướng lấy làm lạ, bảo rằng sau này có thể làm chúa một phương. Vì thế mới gọi tên là Quyền. Khi Quyền lớn lên, mặt mũi khôi ngô, mắt sáng như chớp, chân bước khoan thai như dáng con hổ, có trí dũng, sức khoẻ cất nổi cái vạc, làm nha tướng của Diên Nghệ. Diên Nghệ gả con gái cho. Ngô Quyền coi giữ Ái Châu. Khi Công Tiện giết Diên Nghệ, Ngô Quyền đem quân từ Ái Châu ra đánh, giết được Công Tiện.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Công Tiện sai sứ đem của đút lót cho chúa Nam Hán để xin cứu viện. Chúa Nam Hán là Lưu Cung định nhân dịp rối loạn ấy sang lấy Giao Châu, mới cho con là Vạn vương Hoằng Tháo làm Giao vương, đem quân sang cứu Công Tiện. Lưu Cung có hỏi Sùng Văn sứ là Tiêu Ích về sách Tb.V, 19

lược ; Tiêu Ích trả lời : "Hiện nay mưa dầm đã suốt mấy tuần, đường biển hiểm trở xa khơi ; Ngô Quyền lại là người giỏi lắm, chớ nên coi thường. Đại quân phải nên giữ gìn thận trọng, dùng nhiều người đưa đường rồi sau hãy tiến". Lưu Cung không nghe, sai Hoằng Tháo đem thuyền chiến kéo thẳng sang đánh Giao Châu. Khi ấy, Ngô Quyền đã giết được Công Tiện, đem quân đón đánh. Trước hết lấy các cọc gỗ đầu đẽo nhọn và bịt sắt trồng ngầm ở cửa biển, nhân lúc nước triều lên cho các thuyền nhẹ ra khiêu chiến, rồi giả cách thua chạy. Hoằng Tháo đuổi đánh, thình lình nước triều rút cạn, thuyền chiến mắc phải cọc bịt sắt, không trở về được : quân Nam Hán bị thua to, Hoằng Tháo bị chết đuối.

Theo *Ngũ đại sử,* tướng cũ của Diên Nghệ là Ngô Quyền đánh Giao Châu, Công Tiện cho người sang Nam Hán xin quân cứu viện. Lưu Cung phong Hoằng Tháo làm Giao Vương, xuất quân tới sông Bạch Đằng để đánh Ngô Quyền. Lưu Cung thì đem quân đóng ở trấn Hải Môn. Ngô Quyền ra đón đánh, Hoằng Tháo bị thua và chết, Lưu Cung thu quân kéo về.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ : *Trận thắng lợi trên sông Bạch Đằng là cơ sở sau này cho việc phục lại quốc thống. Những chiến công các đời Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn còn nhờ vào uy thanh lẫm liệt để lại ấy. Trận Bạch Đằng này là vũ công cao cả, vang dội đến nghìn thu, há phải chỉ lừng lẫy ở một thời bấy giờ mà thôi đâu ?*

Lời phê – *Ngô Quyền gặp được nguỵ triều Nam Hán là một nước nhỏ, Hoằng Tháo là thằng hèn kém, nên mới có được trận thắng trên sông Bạch Đằng. Đó là một việc may, có gì đáng khen. Nếu gặp phải tay Trần Bá Tiên, mà bảo rằng Ngô Quyền không phải theo gót Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, thì ít có lắm !*

Lời chua – *Đường Lâm* : Tên xã xưa. Xem thuộc Đường, năm Trinh Nguyên thứ 7 (Tb.4, 26). Theo sách *An Nam kỷ yếu*, Ngô Quyền, người Ái Châu. Vậy không rõ sách nào chép đúng.

Sông Bạch Đằng : Bắt đầu từ sông Lục Đầu thuộc địa hạt tỉnh Bắc Ninh phân lưu chạy vào địa hạt tỉnh Hải Dương : Một chi theo Mỹ Giang một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở xã Đoan Lễ. Khúc sông hợp lại này gọi là sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới huyện Thuỷ Đường, tỉnh Hải Dương ; phía bắc giáp giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên ; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Theo sách Địa lý chí[1] của Nguyễn Trãi, sông Bạch Đằng có tên gọi nữa là sông Vân Cừ, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bến, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển. Ngô vương Quyền đời Tiền Ngô đánh bại Hoằng Tháo, Hưng Đạo vương đời Trần chiến thắng quân Nguyên đều ở trên sông Bạch Đằng này. Tb. V, 20

Năm Kỷ Hợi (939). (Ngô vương Quyền, năm thứ 1 ; Tấn, năm Thiên Phúc thứ 4).

Mùa xuân. Ngô Quyền tự xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa.

Lời tán tụng của Ngô [Thì] Sĩ – *Vua Ngô Quyền giết giặc nội phản để trả thù cho chúa, đuổi quân ngoại xâm để cứu nạn cho nước, xây dựng quốc gia, đem lại chính thống, công nghiệp thực là vĩ đại.*

Lời chua – *Cổ Loa* : Xem An Dương vương năm thứ 3. (Tb.I,9).

Lập Dương thị làm hoàng hậu.

Dương Hậu là con gái Diên Nghệ. Trước kia, Ngô Quyền làm nha tướng của Diên Nghệ, Diên Nghệ gả con gái cho ; đến đây lập Dương thị làm hoàng hậu.

Đặt trăm quan, dựng nghi lễ trong triều, định màu sắc các đồ mặc.

Năm Giáp Thìn (944). (Ngô vương năm thứ 6 ; Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 1).

Ngô vương Quyền mất.

---

(1) Thực ra tên sách này là *Dư địa chí*.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Nhà Tiền Ngô khởi lên, không những có công đánh giặc thắng lợi, lại còn đặt ra trăm quan, dựng ra nghi lễ trong triều, định màu sắc các đồ mặc, ta cũng đã thấy sơ qua về quy mô đế vương ; thế mà hưởng ngôi vua không được lâu dài, chưa thấy có kết quả gì về chính trị, thật là đáng tiếc !* Tb.V, 21

Năm Ất Tị (945). (Tấn, năm Khai Vận thứ 2).

Tam Kha, em Dương hậu, tự xưng là Bình Vương.

Lời chua : *Dương Tam Kha* : Theo lời chua trong *Sử ký* của Ngô [Thì] Sĩ, Tam Kha người làng Dương Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Con cả Ngô vương Quyền là Xương Ngập chạy đến Nam Sách, nương nhờ Phạm Lệnh Công.

Trước kia, Ngô vương Quyền, khi bệnh kịch, có trối trăng dặn Tam Kha giúp con mình là Xương Ngập. Tam Kha liền cướp lấy ngôi, tiếm xưng là Bình vương. Xương Ngập sợ, chạy đến Nam Sách Giang, ẩn náu tại nhà Phạm Lệnh Công ở Trà Hương. Tam Kha nuôi con thứ hai của Ngô vương Quyền là Xương Văn làm con mình. Các con vợ thứ của Ngô vương là Nam Hưng, Kiền Hưng còn nhỏ, đều theo Dương hậu. Tam Kha sai Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đem quân đi lùng Xương Ngập : trước sau đến ba lần đều không bắt được. Phạm Lệnh Công đem Xương Ngập giấu vào trong động núi. Tam Kha biết tin, lại cho sục sạo, cuối cùng vẫn không tìm thấy.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Việc làm của Phạm Lệnh Công thật là trung nghĩa. Tam Kha là kẻ bầy tôi, đuổi con cả của vua đi mà cướp lấy ngôi, thế mà Phạm Lệnh Công dám giấu Xương Ngập một chỗ, là có ý muốn bảo toàn lấy dòng dõi họ Ngô. Tại đây ta thấy việc Chử Cừu và Trình Anh*(1) *lại tái diễn. Ai dám* Tb.V, 22

(1) Xem *Lời chua* ở dưới của *Cương mục.*

bảo trong cả một nước to lớn mà không có trung thần nghĩa sĩ hay sao ?

Lời chua – *Nam Sách Giang* : Nay là phủ Nam Sách thuộc tỉnh Hải Dương.

Trà Hương : Tức là huyện Kim Thành, xưa gọi là Trà Hương, đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Đỗ Cảnh Thạc : Người huyện Thuận Đức thuộc Quảng Đông.

Trình Anh, Chử Cữu : Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên, về đời Cảnh công nước Tấn năm thứ 3, Đồ Ngạn Giả (quan tư khấu nước Tấn) giết con Triệu Thuẫn là Triệu Sóc và diệt cả họ Triệu, Trình Anh và Chử Cữu, là bạn của Triệu Sóc, cùng nhau liều chết đem giấu con Triệu Sóc là Triệu Vũ để bảo tồn lấy dòng dõi họ Triệu.

Năm Canh Tuất (950). (Hán, Ân đế, năm Kiền Hựu thứ 3).

Ngô Xương Văn đánh Tam Kha truất bỏ đi.

Tam Kha sai Xương Văn cùng hai quan sứ là Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Khi đi đến huyện Từ Liêm, Xương Văn bảo hai quan sứ rằng : "Đức trạch của Tiên vương[1] ta thấm khắp lòng dân, tất cả các chính lệnh thi hành không ai là không vui lòng theo cả. Chẳng may Tiên vương ta mất đi. Bây giờ Bình vương là kẻ bất nghĩa, tự cướp lấy ngôi, còn tội gì hơn nữa ! Nay lại sai chúng ta đi đánh các ấp vô tội kia, may mà được đã vậy, nếu họ không phục thì làm thế nào ?" Hai quan sứ trả lời : "Tướng quân bảo sao chúng tôi cũng xin vâng mệnh". Xương Văn bảo : "Ý tôi muốn đem quân quay về đánh úp Bình Vương để phục lại cơ nghiệp của tiền nhân, có nên không ?" Hai quan sứ đều lấy làm phải. Bấy giờ mới trở về đánh úp Tam Kha. Mọi người muốn giết đi, nhưng Xương Văn bảo rằng : "Bình Vương đối với ta cũng có ơn, nỡ nào đem giết ?" Tb.V, 23

(1) Chỉ Ngô Quyền.

Rồi giáng Tam Kha xuống làm Trương Dương công, nhân chỗ ở ấy cho làm thực ấp[1]. Tam Kha chiếm ngôi được 6 năm.

Lời chua – *Hai thôn Thái Bình* : *Sử cũ* chép là hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình.

Thái Bình : Xem Triệu Việt vương năm thứ 9 (Tb. 4, II).

Trương Dương : *Sử cũ* chua : tức là bến đò Chương Dương, bây giờ ở huyện Thượng Phúc.

Năm Tân Hợi (951). (Ngô, Nam Tấn vương Xương Văn, năm thứ 1 ; Chu, Thái tổ, năm Quảng Thuận thứ 1).

Ngô Xương Văn lên ngôi xưng là Nam Tấn vương.

Xương Văn, là con thứ Ngô Vương Quyền, sau khi truất bỏ Tam Kha, lên ngôi vua. Ấy là nhà Hậu Ngô.

Sai sứ giả đón anh là Xương Ngập về. Xương Ngập xưng là Thiên Sách vương.

Đón Xương Ngập ở Trà Hương về kinh đô, cùng nhau trông coi việc nước.

Đinh Bộ Lĩnh khởi binh ở Hoa Lư. Vua Nam Tấn đánh không được.

Bộ Lĩnh, người Hoa Lư, từ bé đã có chí khí lớn. Bấy giờ trong nước rối loạn, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn đi theo sứ quân Trần Minh Công. Minh Công thấy Bộ Lĩnh là người khôi ngô, khác thường, và có độ lượng, nên giao cho binh quyền. Sau khi Minh Công mất, Bộ Lĩnh thống lĩnh cả các quân, về giữ Hoa Lư. Nam Tấn vương cùng với Thiên Sách vương đem quân đến đánh, Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào làm con tin để hoãn binh. Khi Đinh Liễn đến, hai vương liền bắt cả Đinh Liễn đem đi đánh, hơn một tháng cũng chưa đánh được, mới treo Liễn lên đầu ngọn sào, sai người bảo Bộ Lĩnh : "Nếu không hàng thì sẽ giết Liễn !" Bộ Lĩnh giận, nói : "Tài trai đã quyết chí công danh, khi nào lại chịu bắt Tb.V, 24

(1) Cũng như thái ấp, đất được phong, có được quyền thu thuế và hưởng hoa lợi về thuế ruộng đất.

chước như đàn bà con trẻ !" Rồi sai hơn mười tay nỏ cùng nhằm chực bắn vào Liễn. Hai vương thấy thế, kinh hãi bảo nhau : "Ta treo con hắn là cốt muốn cho hắn đầu hàng ngay, nay hắn tàn nhẫn như vậy, thì dẫu giết con hắn đi cũng chẳng ích gì". Hai vương bèn không giết Đinh Liễn nữa, rút quân về. Sau, Đinh Liễn lại trở về Hoa Lư.

Lời cẩn án – *Hoa Lư ở về sơn phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế thuộc Ninh Bình. Nơi đây bốn mặt đều có núi đá đứng thẳng như bức vách, trong có một chỗ hơi bằng phẳng rộng rãi, người xứ ấy gọi là động Hoa Lư. Theo sách* An Nam kỷ yếu, *Hoa Lư ở về huyện Lê Bình. Lê Bình bây giờ là Gia Viễn, trong lòng động rộng hàng hai trượng có một cái lạch nước quanh co khuất khúc chảy đến phía nam thành Hoa Lư. Thành Hoa Lư cũng ở huyện Lê Bình. Họ Đinh nhân thế núi đắp thành ấy chu vi năm trăm trượng. Vết thành cũ vẫn còn. Như thế thì động Hoa Lư là chỗ Đinh Tiên Hoàng khởi binh ; thành Hoa Lư ở Trường Yên là nơi đóng đô của họ Đinh. Có thuyết cho rằng hai phủ Yên Khánh và Thiên Quan xưa kia đều gọi là Hoa Lư cả, nếu bảo động Hoa Lư ở trong núi Trường Yên thì lầm.* Tb. V, 25

Năm Giáp Dần (954). (Ngô, Nam Tấn vương năm thứ 4 ; Chu, Thế tông, năm Hiển Đức thứ 1).

Xương Ngập mất. Nam Tấn vương sai sứ sang Nam Hán.

Trước kia, Thiên Sách vương Xương Ngập chuyên quyền, Nam Tấn vương không tham dự chính sự nữa. Hai bên do đấy có sự xích mích. Đến nay, Xương Ngập mất, Nam Tấn vương mới chính mình cầm chính quyền, sai sứ sang xin mệnh lệnh chúa Nam Hán là Lưu Thạnh. Nam Hán phong cho Nam Tấn vương chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ kiêm đô hộ.

Theo *Ngũ đại sử (Nam Hán thế gia)* có chép về Ngô Xương Tấn, người Giao Châu : Xương Tấn là con Ngô Quyền. Ngô Quyền giữ Giao Châu, khi mất rồi, Xương Ngập lên thay. Xương Ngập mất, em là Xương Tấn lên thay, sai sứ đến Lưu Thạnh xin

"tiết việt"[1] Lưu Thạnh sai cấp sự trung là Lý Dư đem cờ "tinh" sang để chiêu dụ. Lý Dư đi đến Bạch Châu, Xương Tấn sai người đến ngăn lại, bảo rằng : "Giặc biển làm loạn, đường sá khó đi", thành thử Lý Dư không sang được tới nơi.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép Nam Tấn vương Xương Văn xin mệnh lệnh chúa Nam Hán ; còn Ngũ đại sử chép tên là Xương Tấn : sự việc hơi giống nhau, nhưng tên gọi mỗi đằng một khác. Có lẽ bấy giờ Xương Văn đổi tên là Xương Tấn để giao thiệp với nhà Nam Hán, mà người chép* Ngũ đại sử *ở đương thời không biết được rành mạch tường tận nên mới trái ngược nhau như thế. Việc này thuộc về nước ta, nên theo* Sử cũ *là phải. Đến như* Sử cũ *chép chúa Nam Hán bấy giờ là Lưu Xưởng, có lẽ vì chưa khảo kỹ chăng. Vì xét : Lưu Xưởng nối ngôi nhằm đời Chu Thế Tông năm Hiển Đức thứ 5 (958), thì năm Hiển Đức thứ 1 (954) Lưu Thạnh vẫn còn làm chúa Nam Hán.* Tb. V, 26

Năm Ất Sửu (965). (Ngô, Nam Tấn vương năm thứ 15 ; Tống, Thái tổ; năm Kiền Đức thứ 3).

Nam Tấn vương Xương Văn đi đánh Thái Bình, mất tại trận.

Nam Tấn vương đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Quân đến nơi, cắm thuyền, lên bộ đánh nhau. Nam Tấn vương bị trúng tên nỏ mai phục bắn chết ! Trị vì được 15 năm.

Theo *Sử ký* của Ngô [Thì] Sĩ, khi bấy giờ có người quận Thao Giang là Chu Thái quật cường không thần phục. Nam Tấn vương thân đi đánh, chém được Chu Thái. Do trận thắng ấy, Nam Tấn vương quen mui sinh kiêu, nên mới mắc nạn về việc đi đánh hai thôn này.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - *Nam Tấn nhà Ngô dùng chính nghĩa trừ kẻ tàn bạo, lấy lại được cơ nghiệp cũ. Công việc ấy cũng đã yên ủi vong linh tiên tổ mình, làm nguôi lòng bực tức của quỷ thần, của nhân dân. Thế* Tb. V, 27

(1) Xem chú giải ở Tb.V,16

mà, chỉ vì hiền lành nhù nhờ, đã không trừng trị Tam Kha về tội cướp nước, lại còn gây ra chiến tranh bẩn thỉu ở Thái Bình, cuối cùng tự rước lấy tai nạn, thật đáng tiếc !

Nhà Ngô mất, Ngô vương Quyền khởi lên năm Kỷ Hợi, mất năm Giáp Thìn, được 6 năm (939 - 944) ; Nam Tấn Xương Văn từ năm Tân Hợi đến năm Ất Sửu, được 15 năm (951 - 965). Cộng tất cả là 21 năm.

Năm Bính Dần (966). (Tống, năm Kiền Đức thứ 4).

Ngô Xương Xí giữ Bình Kiều, Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động, cùng với thổ hào các huyện ấp tụ tập quân đánh lẫn nhau.

Từ khi Tam Kha cướp ngôi nhà Ngô, thổ hào các nơi đua nhau nổi dậy. Xương Văn tuy lấy lại được nước, nhưng chính sự cẩu thả, không thể thống nhất được ; đến khi đi đánh Thái Bình không được, bị chết trận, từ đó trong nước rối loạn. Một viên tướng người họ Ngô là Ngô Xương Xí tụ tập quân giữ Bình Kiều. Nha tướng nhà Ngô là Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động Giang. Thổ hào các nơi khác cũng nổi lên mỗi người giữ một nơi, ai cũng xưng hùng trưởng. Sau Tiên Hoàng nhà Đinh nổi lên, dẹp yên được cả, từ đấy giang sơn mới thống nhất.

Trước kia, thổ hào các nơi nổi lên như sau :

- Trần Lãm tự xưng là Trần Minh Công, giữ Bố Hải khẩu ;
- Kiểu Công Hãn tự xưng là Kiểu Tam Chế, giữ Phong Châu ;
- Nguyễn Khoan tự xưng là Nguyễn Thái Bình, giữ Nguyễn Gia Loan ở Tam Đái.
- Ngô Nhật Khánh tự xưng là Ngô Lãm Công, giữ Đường Lâm (có chỗ chép là Giao Thủy) . Tb. V, 28
- Lý Khuê tự xưng là Lý Lãng Công, giữ Siêu Loại ;
- Nguyễn Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh Công, giữ Tiên Du ;

- Lữ Đường tự xưng là Lữ Tá Công, giữ Tế Giang ;
- Nguyễn Siêu tự xưng là Nguyễn Hữu Công, giữ Tây Phù Liệt ;
- Kiểu Thuận tự xưng là Kiểu Lệnh Công, giữ Hồi Hồ ;
- Phạm Bạch Hổ tự xưng là Phạm Phòng Át, giữ Đằng Châu.

Các thổ hào ấy thôn tính lẫn nhau. Đến đây, bọn Ngô Xương Xí và Đỗ Cảnh Thạc lại chiếm giữ Bình Kiều và Đỗ Động, trước sau tất cả 12 sứ quân.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép "Ngô sứ quân*[1] *gồm 2 năm", để kế tiếp vào thế thứ Nam Tấn vương, vì* Sử cũ *nhận rằng sứ quân Ngô Xương Xí là con Ngô Xương Ngập. Nhưng nay xét : sau khi Nam Tấn vương mất, Xương Xí chiếm giữ Bình Kiều, thế lực rất yếu ớt, không khác gì các sứ quân ở các nơi khác ; cho nên đem liệt cả vào một hàng sứ quân. Lại xét :* Sử cũ *chép Nam Tấn mất rồi, mười hai sứ quân đua nhau nổi lên, bắt đầu chép Ngô Xương Xí, cuối cùng chép Trần Minh Công ; dưới đoạn ấy chép tiếp Đinh Bộ Lĩnh tự xưng Vạn Thắng Vương rồi kể lại chuyện Bộ Lĩnh đi theo Trần Minh Công, khi Minh Công mất mới đứng quản lĩnh quân đội thay. Xét kỹ ra, thì ngay từ năm thứ nhất đời Nam Tấn, đã thấy có chép. "Bộ Lĩnh giữ Hoa Lư Nam Tấn vương và Thiên Sách vương đến đánh không được". Vậy thì Trần Minh Công khởi binh phải ở vào trước khi Xương Văn chưa lấy lại được nước. Cứ thế mà suy ra, mười hai sứ quân chiếm giữ các huyện ấy phải có kẻ trước kẻ sau, không giống nhau, chứ không phải đến khi Nam Tấn vương mất rồi, mười hai sứ quân mới đồng thời nổi dậy. Nhưng* Sử cũ *vì không biết rõ năm tháng của từng sứ quân, nên mới nói tổng hợp ở cả một chỗ ấy đấy thôi. Nay không có văn kiện chép rõ có thể chứng thực được, nên hãy xin ghi để xét sau.* Tb. V, 29

(1) Chỉ Ngô Xương Xí.

Lời chua – *Ngô Xương Xí* : Con Thiên Sách vương Ngô Xương Ngập.

Bình Kiều : Chưa rõ ở đâu.

Đỗ Động Giang : Sông Đỗ Động, phát nguyên từ cái đầm lớn ở xã Đàn Viên thuộc huyện Thanh Oai, chảy qua các xã Sinh Quả, Ức Lý, đi khuất khúc đến xã Thượng Cung, huyện Thượng Phúc, thì hợp với sông Nhuệ. *Sử ký* của Ngô [Thì] Sĩ chua : "Bây giờ ở làng Bảo Đà huyện Thanh Oai còn có vết cũ thành của sứ quân"(1). Có thuyết cho rằng Đỗ Động Giang là một tên khác của Nhuệ Giang, thế là lầm.

Bố Hải Khẩu : Tên đất. Năm Thiên Thành thứ 3, đời Lý Thái Tông, nhà vua đi Bố Hải Khẩu, cày ruộng tịch điền. Theo *Nam Định tỉnh sách*(2), xã Kỳ Bố, thuộc huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương, là nơi trước kia sứ quân Trần Lãm tụ tập quân đóng giữ. Bấy giờ chỗ ấy còn là cửa biển, nên gọi là Bố Hải Khẩu.

Phong Châu : Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 1 - 2). *Sơn Tây tỉnh sách* (2) có chép ở xã Phù Lập, huyện Bạch Hạc, phủ Vĩnh Tường, có vết thành sứ quân, tức là thành của Kiều Tam Chế đã đắp.

Tam Đái : Tên châu. Bây giờ là phủ Vĩnh Tường, xưa thuộc Phong Châu.

Nguyễn Gia Loan : Tên núi. Theo *Sổ địa danh tỉnh Sơn Tây*(3), núi ấy còn có tên gọi là núi Độc Nhĩ và tên gọi nữa là Biện Sơn, ở xã Vĩnh Mỗ huyện Yên Lạc là nơi trị sở của sứ quân Nguyễn Khoan khi giữ Tam Đái vì thế gọi là Nguyễn Gia Loan.

Đường Lâm : Tên xã. Xem thuộc Đường, năm Trịnh Nguyên thứ 7 (Tb. IV, 26). Tb. V, 30

Nhật Khánh : Người họ Ngô Quyền, bị Đinh Tiên Hoàng dẹp yên được. Việc này xem năm Thái Bình thứ 10, đời Đinh Tiên Hoàng (Chb. I, 11).

Thủ Tiệp : Còn một tên hiệu nữa là Ba An quân, mình dài tiếng to, ai nghe thấy tiếng nói cũng phải giật mình, người ta gọi là

---

(1) *Đại việt sử ký, Ngô kỷ*, quyển 7, tờ 13a.

(2) (3) Xem chú giải chữ *"tỉnh sách"* ở Tb. 4, 26.

Thủ Tiệp : Còn một tên hiệu nữa là Ba An quân, mình dài tiếng to, ai nghe thấy tiếng nói cũng phải giật mình, người ta gọi là ông Sấm (Lôi Công). Đến khi khởi binh, Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh Công, đóng giữ huyện Tiên Du, sau lấy cả Vũ Ninh, tự xưng là Vũ Ninh vương, không rõ là người ở xứ nào.

Tiên Du : Tên huyện. Bây giờ thuộc phủ Từ Sơn[1], tỉnh Bắc Ninh.

Siêu Loại : Tên huyện.

Tế Giang : Tên huyện xưa, bây giờ là Văn Giang[2], đều thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh.

Tb. V, 31

Tây Phù Liệt : Tên đất. Bây giờ là xã Tây Phù Liệt thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Hồi Hồ : Thuộc huyện Cẩm Khê, tỉnh Sơn Tây. Cẩm Khê xưa là Hoa Khê. Theo *Sổ địa danh tỉnh Sơn Tây,* ở xã Trương Xá thuộc Cẩm Khê, có vết cũ thành của sứ quân Kiều Công.

Đằng Châu : Tên đất. Nhà Trần gọi là Khoái Lộ, nhà Lê gọi là Khoái Châu, đều là đất này cả. Bây giờ ở xã Đằng Châu, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, còn có đền thờ Phạm sứ quân.

Trần Lãm, Kiều Công Hãn, Nguyễn Khoan, Lý Khuê, Lữ Đường, Nguyễn Siêu, Kiều Thuận, Phạm Bạch Hổ : Đều không rõ người ở đâu.

Năm Đinh Mão (967). (Tống, năm Kiền Đức thứ 5).

Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư đánh và dẹp yên được sứ quân các bộ, tự xưng là Vạn Thắng vương.

Thế lực quân đội của Bộ Lĩnh mỗi ngày một mạnh, đánh đâu được đấy. Lại phá được đám giặc ở Đỗ Động Giang. Các bộ đều dẹp yên được cả. Quan lại và nhân dân các châu các phủ không ai không quy phục.

Theo *Ngũ đại sử,* năm Đại Bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng[3], Xương Văn ở Giao Châu mất (965), người giúp việc là Lữ Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu tranh nhau lên

(1) Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(2) Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

(3) Chúa Nam Hán.

làm vua. Đinh Liễn đem quân đánh phá được. Lưu Xưởng cho Đinh Liễn làm tiết độ sứ Giao Châu.

Theo sách *Thập quốc Xuân thu* của Ngô Nhậm Thần nhà Thanh, thì năm Đại Bảo thứ 3 đời Hậu Chúa Nam Hán Lưu Xưởng, Đinh Bộ Lĩnh giữ công việc Giao Chỉ, hiệu là Đại Thắng vương. Trước kia, Ngô Xương Văn mất, tướng tá của Xương Văn là Lã Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu gây loạn, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn đánh bại Xử Bình, được dân chúng suy tôn làm vua. Tb. V, 32

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Theo khí vận (tuần hoàn) của trời đất, bĩ tắc mãi tất có lúc hanh thông. Xem như ở Trung Quốc, sau những loạn lạc về thời Ngũ Đại (907 – 959) thì có Thái tổ nhà Tống nổi lên ; ở nước Nam ta, sau những cuộc tranh giành của Mười hai sứ quân thì có Đinh Tiên Hoàng trỗi dậy. Những việc đó không phải là ngẫu nhiên, mà chính là khí vận do trời định đoạt.*

Lời cẩn án – *Nay xét : Đem việc chép về nhà Đinh trong* Ngũ đại sử *và* Thập quốc Xuân thu *so với* Sử cũ *của ta thì thấy hơi khác : năm Đại Bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng (965) tức là năm Kiền Đức thứ 3 nhà Tống (965), nhưng cũng xin chép cả, để giúp việc tra cứu.*

Đây trở lên, từ năm Nhâm Ngọ, thuộc Đường, năm Hàm Thông thứ 3 (862) đến năm Đinh Mão, ngang với nhà Tống năm Kiền Đức thứ 5 (967), cộng một trăm linh sáu năm.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 1

Từ Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 đến hết Đinh Mùi (1007), Lê Long Đĩnh năm Ứng Thiên thứ 14, gồm 40 năm (968 – 1007). Chb. I, 1

*
* *

Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Tống, Thái tổ năm Khai Bảo thứ 1).

Vạn Thắng vương lên ngôi Hoàng đế, quốc hiệu là Đại Cồ Việt (không rõ tháng nào).

Ngài, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, cha là Công Trứ, mẹ là Đàm thị. Công Trứ, trước kia, làm nha tướng[1] của Dương Diên Nghệ, quyền tạm chức Thứ sử Hoan Châu[2], sau theo Ngô Vương, vẫn làm chức cũ. Khi Công Trứ mất rồi, ngài hãy còn nhỏ, Đàm thị đưa về ở động núi. Chăn trâu ngoài nội, chơi với đám trẻ con, ngài được chúng chịu phục cả. Hễ ngài đi đâu chúng cứ phải tréo tay làm kiệu rước đi, giống như kiệu thật ; lại lấy bông lau làm cờ rước kèm hai bên làm như nghi vệ thiên tử. Kéo nhau đi đánh trẻ con thôn khác : đi đến đâu, ở đấy cũng phải phục tùng. Đám thì kiếm củi, thổi cơm ; đám thì nộp lương, giúp việc. Mẹ thấy thế, mừng lắm, giết lợn nhà để khao chúng. Khi đã hơi lớn, ngài sai bảo được những người ở ấp

(1) Xem Tb. IV, 29
(2) Nghệ An

lân cận. Phụ lão trong các sách[1] đều bảo nhau rằng : "Chú bé này có độ lượng khác thường, chắc rồi làm nên sự nghiệp kia khác". Họ liền đem con em theo ngài, lập ngài làm trùm, đóng ở sách Đào Úc, ngày ngày đi đánh những sách khác chưa chịu phục.

Bấy giờ có Thúc Dự[2] giữ sách Bông, chống nhau với ngài. Ngài vì quân ít, không địch nổi, thua chạy, qua cầu Đàm Gia. Cầu gẫy, ngài sa lầy. Dự đuổi theo, toan đâm. Bỗng thấy rồng vàng che phủ hai bên, Dự sợ, rút lui. Ngài thu lượm quân gia còn sót, lại đánh : Dự phải hàng. Chb. I, 2

Hồi ấy phương Nam, phương Bắc đương rối ren. Sứ quân các bộ thay nhau nổi lên, mỗi người xưng hùng một nơi, chia cắt đất nước. Nghe biết Trần Minh Công là người có đức, ngài đến nương tựa, Minh Công sai giữ binh quyền. Khi Minh Công mất, ngài sẵn có quân ấy, giữ luôn Hoa Lư, chiêu mộ thu dùng hào kiệt, thủ hiểm một nơi. Hai vua Nam Tấn và Thiên Sách nhà Ngô đánh mãi không được. Kịp khi nhà Ngô mất, ngài hàng phục được Phạm Phòng Át, phá được Đỗ Động, hạ thành, đánh ấp, đến đâu thắng đấy, được tôn gọi là Vạn Thắng Vương. Dẹp tan mười hai sứ quân, tự lập làm hoàng đế.

---

(1) Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại v.v...

(2) *Toàn thư* và *Sử ký* đều chép Dự là chú của Đinh Bộ Lĩnh và, về đời thơ ấu của Đinh Bộ Lĩnh, có một vài chi tiết hơi khác, như : Đàm thị đem con đến cư trú ở bên đền thờ thần nơi động núi, và chiếc cầu mà Bộ Lĩnh chạy qua đó là cầu "Nương Loan" thôn Đàm Gia (Tth. 1, 1-2). Lại như : "Đinh Tiên Hoàng, khi còn bé, chơi đùa với các mục đồng, được chúng tôn làm vua. Tiên Hoàng lấy làm sung sướng, rình lúc mẹ đi vắng, cầm đầu các trẻ chăn trâu, về nhà bắt trộm lợn của mẹ, đem làm thịt để khao chúng. Mẹ về, sợ rằng "con dại cái mang" mới nói chuyện với người chú (của Bộ Lĩnh) là Đinh Dự. Dự nổi giận, vác dao ra đồng lùng tìm cháu. Bấy giờ Tiên Hoàng và các nhi đồng, hàng nào toán ấy, đang ăn uống. Bọn Điền và Bặc xông ra chống chọi với Dự để cho Tiên Hoàng thừa cơ chạy trốn. Dự đuổi đến bên sông, thấy con rồng vàng vươn mình ngang sông làm như cầu phao để cho Tiên Hoàng vượt qua. Dự đâm sợ : ném bỏ dao, đi về. Tiên Hoàng liền chạy sang Giao Thuỷ (nay thuộc Nam Định), theo phường chài làm nghề chài lưới. Việc bắt được ngọc khuê là ở lúc đi chài lưới này..." (Sk. 1,2).

Lời chua – *Đại Hoàng* : Tên châu, bây giờ là huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình.

Đàm Gia : Tên thôn, bây giờ là xã Điềm Xá, huyện Gia Viễn.

Động Hoa Lư : Xem Nam Tấn Ngô Xương Văn năm thứ 1 (Tb. V, 24-25).

Mười hai sứ quân : Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 27-28).

Đỗ Động Giang : Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Đóng đô ở Hoa Lư.

Nhà vua muốn đóng kinh đô ở thôn Đàm, nhưng vì ở đấy, đất đã chật hẹp, lại không có thế hiểm trở, nên mới dựng kinh đô mới ở Hoa Lư : đắp thành, đào hào, làm cung điện, đặt nghi lễ trong triều.

Bầy tôi dâng tôn hiệu(1) Chb. **I**, 3

Tôn hiệu nhà vua là Đại Thắng Minh hoàng đế.

Đặt vạc, nuôi cọp để ra oai với người có tội.

Nhà vua muốn dùng oai lực để chế trị thiên hạ, mới đặt vạc lớn ở sân, nuôi hổ dữ ở cũi, hạ lệnh rằng : "Hễ kẻ nào vi phạm thì bắt bỏ vào nấu trong vạc, hay cho hổ ăn thịt". Ai nấy sợ hãi, không dám phạm pháp.

Lời phê – *Đạo trời ưa kẻ khiêm nhường, đạo người răn người tự mãn. Tiên Hoàng nhà Đinh là người vô học, không có mưu mô gì, chỉ quen dữ tợn, kiêu căng, đến nỗi cuối cùng cả hai cha con đều bất đắc kỳ tử, mới được hai đời đã mất ! Nhân đức và tàn bạo thật khác nhau hẳn : đáng làm gương chung. Đinh kêu là Vạn Thắng, Tần mong được vạn thế, xe trước xe sau cùng đi một vết, thương thay !*

---

(1) Tên hiệu đáng tôn kính để gọi nhà vua khi còn sống, phân biệt với miếu hiệu là tên hiệu đặt cho nhà vua khi đã chết, thờ cúng ở nhà thái miếu (xem thêm chú giải ở Tiền biên Tng6)

Kỷ Tị, năm thứ 2 (969). (Tống, năm Khai Bảo thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Lập con là Liễn làm Nam Việt vương.

Canh Ngọ, năm Thái Bình thứ 1 (970). (Tống, năm Khai Bảo thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt niên hiệu[1] sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ chúa Nam Hán là Sưởng chống lại nhà Tống. Tống sai đại tướng Phan Mỹ đi đánh. Nhà vua nghe tin, sợ, mới sai sứ sang giao hảo với Tống.

Lập năm Hoàng hậu.

Năm Hoàng hậu : l) Đan Gia ; 2) Trinh Minh ; 3) Kiểu Quốc ; 4) Cồ Quốc ; 5) Ca Ông.

Lời bàn của Lê Văn Hưu – *Đinh Tiên Hoàng đã không kê cứu cổ học, bầy tôi lại không ai biết sửa chữa cho, đến nỗi say đắm tình riêng, lập lên một loạt cả năm Hoàng hậu ! Sau này, Lê, Lý, nhiều vua cũng bắt chước, làm theo, là do Đinh Tiên Hoàng đầu têu ra đó.* Chb. I, 4

Tân Mùi, năm thứ 2 (971). (Tống, năm Khai Bảo thứ 4).

Đặt phẩm cấp cho quan văn, quan võ : Nguyễn Bặc làm Định quốc công ; Lưu Cơ làm Đô hộ phủ sĩ sư[2], Lê Hoàn làm Thập Đạo[3] tướng quân.

Lời chua – *Đô hộ phủ* : Theo *Địa lý chí* trong *Đường thư,* nhà Đường đặt Đô hộ phủ, trị sở ở Long Biên ; nhà Đinh vẫn để tên cũ ấy, đặt quan cai trị.

Sĩ Sư : Tên chức quan. Có lẽ phỏng theo tên chức quan coi việc hình phạt của đời Đường, Ngu xưa.

---

(1) Đặt niên hiệu là Thái Bình (970 – 979).

(2) Chức quan coi việc hình ngục.

(3) Bấy giờ trong nước chia làm mười đạo. Thập đạo tướng quân tương tự như Tổng tư lệnh quân đội bây giờ.

Nguyễn Bặc, Lưu Cơ : Đều là người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng. Chb. I , 5

Lê Hoàn : Người xã Bảo Thái huyện Thanh Liêm[1]

Ban hiệu Khuông Việt thái sư cho Tăng thống Ngô Chân Lưu.

Nhà vua tôn sùng đạo Phật, mới đặt phẩm cấp cho tăng nhân và đạo sĩ : ban hiệu Thái sư[2] cho Chân Lưu, lại cho Trương Ma Ni làm Tăng lục đạo sĩ[3], Đằng Huyền Quang làm Sùng chân uy nghi[4].

Nhâm Thân, năm thứ 3 (972). (Tống, năm Khai Bảo thứ 5).

Sai Nam Việt vương Liễn sang nhà Tống.

Đem biếu sản vật địa phương.

Quý Dậu, năm thứ 4, (973). (Tống, năm Khai Bảo thứ 6).

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ Nam Việt vương Liễn đi sứ về, nhà Tống sai sứ sang phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương, Đinh Liễn làm Kiểm hiệu Thái sư Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ. Bài chế văn đại lược nói : "Họ Đinh vốn dòng họ đàn anh, giữ được đất xa, có lòng hâm mộ phong thói văn minh, thường tỏ ý muốn phụ thuộc với Trung Quốc. Nay gặp buổi chín châu[5] đã về một mối, Ngũ Lĩnh[6] đã phẳng lặng thanh bình, họ Đinh sai sứ trèo non vượt bể tới nơi, dâng đồ tiến cống. Đáng khen con[7] biết giữ lễ phiên thần, nên ban cho cha[8] theo lối cắt đất phong tước. Theo

(1) Nay thuộc tỉnh Hà Nam.- *Toàn thư Bản kỷ* 1,13a chép Lê Hoàn người Ái Châu. *Đại Việt sử ký bản kỷ* 1, 18b cũng nêu theo như thế, nhưng đến tờ 19b có đưa ra lời nhận xét thế này : "Đại Hành là người Bảo Thái huyện Thanh Liêm, chứ không phải là người Ái Châu. *Sử cũ* (cựu biên) chép lầm".

(2) Quan đứng đầu triều

(3) (4) Các quan chức phong riêng cho các nhà sư, đạo sĩ

(5) Xem chú giải ở Tb.II, 16.

(6) Xem chú giải ở Tb. 1, 14 - 15.

(7) Chỉ Đinh Liễn

(8) Chỉ Đinh Tiên Hoàng.

cấp bậc, cho được cầm binh quyền, tự chủ trong việc đánh dẹp ở phương xa[1]. Còn về công phú thì sắp xếp vào ngạch, "tỉnh phú"[2]. Thế là để khen thưởng người già cả mà có đức hạnh, chứ há có hạn chế trong điển chương pháp độ thường đâu ?"

Giáp Tuất, năm thứ 5 (974). (Tống, năm Khai Bảo thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Tổ chức quân đội trong mười đạo.

Chia trong nước làm mười đạo. Tổ chức quân đội : mỗi đạo mười quân, mỗi quân mười lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười ngũ, mỗi ngũ mười người, đều đội mũ "tứ phương bình đính". Chb. I, 6

Lời chua – *Mũ "Bình đính* : Làm bằng da, bốn bề khâu giáp lại với nhau : trên hẹp, dưới rộng, chóp phẳng.

Mười đạo : Chia đặt thế nào không rõ.

Ất Hợi, năm thứ 6 (975). (Tống, năm Khai Bảo thứ 8).

Mùa xuân. Quy định mũ áo quan văn, quan võ.

Mùa thu. Sứ Tống lại sang.

Bấy giờ nhà vua sai Trịnh Tú đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống. Tống sai hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự cùng với Vương Ngạn Phù đem chế văn sang gia phong cho Nam Việt vương Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ti Kiểm hiệu Thái sư, Giao Chỉ quận vương. Từ đây, hễ sai sứ sang Tống đều cử Đinh Liễn đứng đầu.

Lời phê[3] – *Sự thực bấy giờ thế nào thật không rõ được, hoặc giả có điều gì giấu giếm mà như thế chăng* ?

---

(1) Nguyên văn là "trật dĩ duy sư . Đây dịch theo nghĩa ở hào "Cửu nhi", quẻ "Sư" trong kinh *Dịch*.

(2) Nghĩa là hằng năm phải nộp một phần năm (1/5) trong số binh mã hiện có để đóng góp vào việc chinh phạt. Theo *Tống sử Thực hoá chí,* mỗi tỉ suất cứ hai binh thì một mã, như binh có 6.800 người thì ngựa phải 3.400 con. Hằng năm, phải lấy ra một phần năm (1/5) đặt làm ngạch "thượng phiên" để cung cấp về chinh dịch. - Nguyên văn là "trù chi tỉnh phú". Cũng có thể theo nghĩa trong sách *Chu Lễ* mà dịch là : được kinh lý đất đai trong nước mình mà bắt nộp thuế những số ruộng đất phì nhiêu.

(3) Chỉ việc Tống phong Đinh Liễn làm Giao Chỉ quận vương.

Lời cẩn án – *Sử* Cương mục tục biên *(Trung Quốc) chép rằng : Bộ Lĩnh để cử con là Liễn làm Tiết độ sứ, rồi lại nhường ngôi cho con. Khi Nam Hán mất, Đinh Liễn vào cống. Sách* Đông Đô sự lược[1] *chép : Đinh Liễn nối ngôi cha. Lúc nhà Tống bình được đất Lĩnh Nam, Liễn sai sứ xin nội phụ. Có lẽ bấy giờ Tiên Hoàng cầm quyền trị vì trong nước, còn việc bang giao trọng đại thì giao cả cho Đinh Liễn, nhà Tống phong vương cho Đinh Liễn, chừng có ý để Liễn nối ngôi cha, về phần Tiên Hoàng, vì đã xưng Hoàng đế ở trong nước rồi, nên cũng không thắc mắc về chuyện đó chăng ?*

Lời chua – *Trịnh Tú* : Người châu Đại Hoàng.

Bính Tí, năm thứ 7 (976). (Tống, Thái Tông năm Thái Bình hưng quốc thứ l).

Mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Trần Nguyên Thái đem biếu sản vật địa phương. Chb. I, 7

Đinh Sửu, năm thứ 8 (977). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 2).

Sai sứ sang Tống.

Mừng việc Tống Thái Tông (976 - 997) lên ngôi.

Mậu Dần, năm thứ 9 (978). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Lập con nhỏ là Hạng Lang làm Thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ vương.

Tháng hai. Mưa đá.

Lời chua – *Mưa đá* : Mưa thành băng ; bởi vì khí dương bị khí âm lấn lướt, không dung nạp được nhau, nên tan ra thành mưa đá.

(1) Một bộ sách có giá trị, tác giả là Vương Xứng đời Tống, toàn bộ 130 quyển, trình bày công việc chín triều vua nhà Bắc Tống (960 – 1126).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm, người làng Tiên Điền : *Về việc Tiên Hoàng lập Hạng Lang, trước đó thì có động đất, sau đó thì có mưa đá, có hạn hán. Trời kia răn bảo trờ trờ ra đấy ; thế mà cứ coi làm thường, không sớm tỉnh ngộ ! Vậy, muốn không mất, phỏng được chăng ?*

Kỷ Mão, năm thứ 10 (979). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 4).

Mùa xuân. Nam Việt vương Liễn giết Thái tử Hạng Lang.

Liễn là con trưởng, khó nhọc mà có công to ; khi nhà vua đã được nước, Liễn được phong là Nam Việt vương lại từng nhận tước phong của Tống. Khi có Hạng Lang, nhà vua tư vị cưng chiều, lập làm thái tử. Vì thế, Liễn bất bình, sai người ngầm giết Hạng Lang. Chb. I, 8

Tháng 10 mùa đông. Chi hậu nội nhân[1] Đỗ Thích giết nhà vua và Nam Việt vương Liễn. Bọn Định quốc công Nguyễn Bặc bắt được Đỗ Thích giết đi, rước Vệ vương Toàn lên ngôi.

Trước kia, Đỗ Thích làm chức lại[2] ở Đồng Quan, đêm nằm ở trên cầu, bỗng thấy sao sa vào miệng, tự phụ là điềm lạ, manh tâm làm điều vượt phận mình. Đến đây, nhân dịp nhà vua đêm ăn yến, say rượu, nằm ở trong sân cung cấm, bèn giết nhà vua luôn với Nam Việt vương Liễn. Bấy giờ sự lùng bắt giặc gắt gao quá. Đỗ Thích nằm núp ở lòng máng trong cung, đã hơn ba ngày, khát lắm, gặp trời mưa, thò tay ra hứng nước uống. Cung nữ trông thấy, chạy báo Nguyễn Bặc. Nguyễn Bặc bắt lấy Thích, chém chết. Rồi cùng bọn Đinh Điền, Lê Hoàn rước Vệ vương Toàn lên ngôi ; truy tôn nhà vua là Tiên Hoàng đế.

Đinh Tiên Hoàng ở ngôi 12 năm, thọ 56 tuổi.

---

(1) Một chức quan phục vụ ở trong cung, dùng để sai bảo, truyền lệnh.

(2) Chức quan trông coi về giấy tờ, thường gọi là thư lại.

Lời chua – *Đỗ Thích* : Người Đại Đê thuộc Thiên Bản[1].

Đồng (mộc bên chữ "đồng" *là cùng) Quan* : Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép là Đồng (chấm thuỷ bên chữ "đồng" là trẻ con) Quan. Bây giờ không biết ở đâu.

Táng ở sơn lăng Hoa Lư.

Chb. I, 9

Lời cẩn án – *Về việc an táng Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành.* Sử cũ *đều chép táng ở sơn lăng Trường Yên. Nay theo* Ninh Bình sách[2] *lăng Tiên Hoàng ở núi Mã Yên thuộc xã Trường Yên Thượng, lăng Đại Hành ở núi Phẩm Sơn thuộc xã Trường Yên Hạ. Thế thì hai xã Trường Yên tức là đất Hoa Lư, cố đô nhà Đinh, nhà Lê ; đến niên hiệu Thuận Thiên thứ 1 (1010), nhà Lý mới đổi Hoa Lư làm phủ Trường Yên. Vậy tên gọi "Trường Yên" ở thời Đinh Lê chưa có,* Sử cũ *chép thế thì lầm, nay xin đính chính.*

Tôn mẹ là Dương Thị làm Hoàng thái hậu.

Thập đạo tướng quân Lê Hoàn tự xưng là Phó vương. Bọn Định quốc công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp[3] Đinh Điền và Phạm Hạp dấy quân đánh Lê Hoàn, không được,đều tử tiết.

Nhà vua nối ngôi, mới lên sáu tuổi. Bọn Nguyễn Bặc đều là đại thần phụ chính ; còn Lê Hoàn trong tay giữ cả binh quyền, tự do ra vào nơi cung cấm. Thái hậu phải lòng Hoàn, rồi cùng nhau tư thông, cho Hoàn quyền tạm làm công việc thay vua như Chu Công[4] khi trước Lê Hoàn cậy

Chb. I, 10

(1) Nay là huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định.

(2) Chữ "sách" đây là sách văn, không phải là quyển sách. Thời Tự Đức (1848 – 1883), trong bộ có tư cho các tỉnh làm một bản sách văn ghi rõ lịch sử trong tỉnh ; khi làm xong sách văn ấy, đệ trình vào bộ, tỉnh nào cũng phải đề rõ sách văn của tỉnh ấy. Thí dụ : *Ninh Bình tỉnh sư Hàn Lâm viện sách,* hoặc *Hà Nội tỉnh sư Hàn Lâm viện sách,* v.v... *Cương mục* viết tắt là *Ninh Bình sách* hoặc *Hà Nội sách* ...

(3) Chức quan đời Đinh, trông coi quân đội ở bên ngoài.

(4) Tên là Đán, em Chu Vũ vương. Khi Vũ vương mất rồi, con là Thành Vương còn thơ ấu, Chu Công phải tạm cầm chính quyền, sắp xếp mọi việc, cho đến khi Thành Vương khôn lớn thì trao trả.

có Thái hậu cưng yêu, không kiêng sợ chi cả. Bọn Nguyễn Bặc bàn với nhau : "Lê Hoàn sẽ bất lợi cho "nhụ tử"[1] ; chúng ta chịu ơn dày của nước, nếu không tính trước đi, giữ cho xã tắc được yên thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế[2] ở suối vàng nữa ?" Họ liền cùng nhau khởi binh, chia hai đường thuỷ bộ cùng tiến, định kéo thẳng đến kinh đô để giết Lê Hoàn. Thái hậu nghe tin, bảo Lê Hoàn : "Bọn Bặc nổi loạn, quan gia[3] hãy còn thơ ấu, cáng đáng sao nổi giữa lúc quốc gia lắm nạn này ! Ông nên tính đi". Lê Hoàn thưa : "Tôi đây làm Phó vương, quyền giữ việc nước, dù sống chết cũng xin gánh lấy trách nhiệm". Hoàn liền sắp xếp quân đội, đánh nhau với Nguyễn Bặc, Đinh Điền ở Ái Châu. Bặc, Điền thua rồi, lại đem quân thuỷ ra đánh. Lê Hoàn theo chiều gió, phóng lửa đốt cả thuyền chiến : Đinh Điền bị chết tại trận ; Hoàn bắt được Nguyễn Bặc, đưa về kinh đô. Trước mặt Nguyễn Bặc, Hoàn kể tội : "Đấng Tiên đế mắc nạn, thần và người đều căm giận, ngươi lại nhân lúc tang tóc rối ren, đứng đầu làm giặc ! Đạo tôi con đâu có như thế ?" Rồi Hoàn giết hại Bặc. Nguyễn Bặc, Đinh Điền đã chết rồi, quân của Phạm Hạp mất tinh thần, chạy lên Bắc Giang ; Lê Hoàn đem quân đuổi theo, bắt đưa về kinh đô, giết chết.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép Nguyễn Bặc, Đinh Điền cùng nhau dấy quân, định kéo đến thẳng kinh đô để giết Lê Hoàn, nhưng địa điểm dấy quân ở đâu thì bỏ qua không chép. Nay xét : Lê Hoàn với Bặc, Điền đánh nhau ở Tây Đô, Tây Đô tức là Ái Châu*[4]*. Hoặc giả khi đã bàn định về việc giết Hoàn, họ liền đến Ái Châu khởi binh, mà* Sử cũ *bỏ sót chăng ? Vậy hãy để lại, đợi khảo sau.* Chb. **I**, 11

Lời chua – *Ngoại giáp* : Tên chức quan.

---

(1) Con nít, đây chỉ Đinh Toàn.

(2) Chỉ Đinh Tiên Hoàng.

(3) Chỉ Đinh Toàn.

(4) Thanh Hoá.

Đinh Điền : Người động Hoa Lư[1], châu Đại Hoàng.

Phạm Hạp : Người Nam Sách[2] : bây giờ là phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Bắc Giang[3] : Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 28 - 29).

Ngô Nhật Khánh đem người Chiêm Thành vào cướp.

Nhật Khánh là dòng dõi Tiên chúa Ngô Quyền, trước kia xưng là An Vương, cùng với mười hai Sứ quân giữ đất, tranh hùng. Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp được Nhật Khánh rồi, lập mẹ y làm hoàng hậu, lấy em gái y cho Nam Việt vương Liễn, lại gả công chúa cho y. Nhưng Nhật Khánh vẫn không hết oán giận, bèn đem vợ trốn đi. Khi đến cửa biển Nam Giới, Khánh rút dao đeo bên mình ra rạch vào mặt vợ mà kể : "Cha mày lừa gạt hiếp tróc mẹ con ta. Ta đây há vì cớ mày mà quên được tội ác cha mày sao ? Thôi, mày trở về, một mình ta đi, ta cầu người nào cứu được ta đây !". Đoạn, Nhật Khánh chạy sang Chiêm Thành. Đến đây, nghe tin Tiên Hoàng mất rồi, Nhật Khánh dẫn người Chiêm đi đường biển vào cướp. Khi qua cửa Đại Nha và cửa Tiểu Khang gặp cơn phong ba, thuyền chìm đắm mất cả. Nhật Khánh chết đuối. Chúa Chàm (Chiêm Thành) may được thoát nạn, bèn thu thập những quân còn lại, rút về.

Lời chua – *Nhật Khánh* : Người xã Đường Lâm[4] ; bây giờ là xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây.

Chiêm Thành : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20 - 21). Chb. **I**, 12

Cửa biển Nam Giới : Ở chỗ giáp giới hai huyện Thiên Lộc[5] và Thạch Hà.

Cửa Đại Nha : (*a* bên chữ *điểu)* : Tức cửa Đại Nha *(nha* bên chữ *điểu)* Xem Lý Hậu đế năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

---

(1) Nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
(2) Nay là huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
(3) Nay là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang.
(4) Nay là xã Đường Lâm thuộc thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.
(5) Nay là huyện Can Lộc, Can Lộc và Thạch Hà đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Cửa Tiểu Khang : Ở địa phận huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình ; bây giờ là cửa Kiền (cũng gọi cửa Cờn hoặc cửa Quèn).

Canh Thìn năm thứ 11 (980). (Đế Toàn, vẫn theo niên hiệu Thái Bình. Từ tháng 7 năm Thái Bình thứ 11 trở về sau là triều Lê, Đại Hành hoàng đế, năm Thiên Phúc thứ 1. - Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Dương thị sai Lê Hoàn đem quân ra chống quân Tống. Lê Hoàn liền tự xưng là Hoàng đế, truất bỏ Đế Toàn lại làm Vệ vương. Nhà Đinh (968 - 980) mất.

Trước đây, viên quan giữ Ung Châu nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dâng thư nói bên Giao Châu đương có nội loạn, ta có thể đem một ít quân sang cũng đủ lấy được, xin cho mình về triều đình để trình bày về tình hình này. Vua Tống mừng lắm, toan cho chạy ngựa trạm triệu Nhân Bảo về ngay. Lư Đa Tốn nói : "Nước kia bên trong rối loạn, đó là cơ trời làm mất. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp. Thế gọi là "tiếng sét đánh mau, che tai không kịp". Nếu vời Nhân Bảo về trước, mưu sẽ tất lộ ; kẻ kia biết trước, chuẩn bị đề phòng, thì ta chưa dễ đã lấy được. Chi bằng mật sai Nhân Bảo lo liệu việc ấy, rồi sẽ xuất quân đánh tràn sang, thế tất ăn chắc mười mươi". Vua Tống cho là phải, liền cho Nhân Bảo làm chức Giao Châu thuỷ lục chuyển vận sứ, bọn Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trừng, Giả Thực đều cho làm chức Binh mã đô bộ thự, hẹn ngày cùng kéo quân sang xâm. Chb. I, 13

Viên quan giữ Lạng Châu đem sự đó tâu lên, Dương hậu sai Lê Hoàn lựa tuyển dũng sĩ để kháng chiến : cho Phạm Cự Lạng[1] làm Đại tướng quân, bày mưu kế đem quân ra đánh. Cự Lạng và các tướng đều mặc quân phục, vào thẳng điện đình, bảo mọi người rằng : "Nay, thưởng người có công mà phạt kẻ không vâng mạng, đó là phép hành binh. Bây giờ chúa thượng hãy còn

(1) Phạm Cự Lạng người Chí Linh (Hải Dương) ; ông nội là Chiêm, làm đồng giáp tướng quân đời Ngô Vương Quyền ; cha là Man, làm tham chính đô đốc đời Ngô Nam Tấn ; anh là Hạp, làm vệ uý đời Đinh Tiên Hoàng, cùng với Đinh Điền và Nguyễn Bặc dấy quân đánh Lê Hoàn, nhưng thất bại (theo Nguyễn Nghiễm trong *Đại Việt sử ký Bản kỷ*, 1, 14).

thơ ấu, bọn ta dẫu hết sức liều chết, may mà có chút công lao, thì ai biết cho ? Chi bằng trước hãy tôn ngay Thập đạo tướng quân lên làm thiên tử, sau sẽ ra quân ?" Quân sĩ đều tung hô "vạn tuế". Dương hậu thấy ai cũng một lòng hả hê mến phục, liền sai lấy áo long cổn khoác lên mình Lê Hoàn rồi chính Dương hậu khuyên mời Lê Hoàn làm vua. Hoàn bấy giờ mới lên ngôi, đổi niên hiệu, giáng chức Đế Toàn xuống làm Vệ vương như cũ.

Lời phê(1) – *Bờ cõi Bắc Nam tuy có khác, nhưng vận hội*(2) *vẫn như nhau : nhà Lê thì có chuyện khoác áo long cổn, nhà Lý thì lời sấm truyền ghi trên thân cây, sao mà giống chuyện với bên Tống*(3) *thế ! Hay là người làm sử thấy thế, gò ép gán gẩm vào với nhau để cho thần dị câu chuyện, chứ trời kia có ý làm ra như thế đâu ?*

Lời cẩn án – *Sử* Cương mục *(Trung Quốc nêu lệ chép năm tháng : Khi thiên tử nối đời nhau, thì cứ ở dưới dòng*(4) *viết tên thụy và tên hiệu bằng chữ đỏ. Chỗ "lời chua" trong Sử ấy nói rằng : "Về sau, nếu vua nào bị phế, không có thuỵ hiệu, thì chỉ chép là "Đế mỗ", chứ không dùng đến cái tước do người sau đã biếm truất mà đặt cho. Thí dụ như* Chb. **I**, 14

---

(1) Chỉ việc khuyên mời Lê Hoàn lên ngôi vua.

(2) Quy luật xoay vần, hết trị đến loạn, hết dở đến hay, theo tư tưởng xưa.

(3) Đời *Ngũ Đại* (907 - 959), Triệu Khuông Dận (tên Tống Thái Tổ) khi đem quân đóng ở Trần Kiều, say rượu, nằm ngủ, qua sáng hôm sau, được các tướng suy tôn làm thiên tử. Khuông Dận chưa kịp đáp ứng, thì họ khoác luôn cho chiếc hoàng bào, tung hô vạn tuế. Việc này giống việc Dương hậu đem áo long cổn khoác vào mình Lê Hoàn . Còn chuyện sau đây của Triệu Khuông Dận thì giống chuyện Lý Công Uẩn khi sắp lên thay nhà Lê có bài sấm ở thân cây gạo (x. Chb. 11, 4 - 5). Bấy giờ Khuông Dận còn làm quan với nhà Chu (951 - 959). Một hôm, Chu Thế Tông tìm trong hòm đựng văn thư, bắt được một mảnh gỗ dài 3 thước, trên có chữ "Kiểm điểm tác thiên tử" (quan kiểm điểm sẽ làm vua). Lúc ấy, Trương Vĩnh Đức đương giữ chức Kiểm điểm, Thế Tông lấy làm ngờ, bãi chức Trương Vĩnh Đức mà cho Triệu Khuông Dận làm Kiểm điểm. Được ít lâu quân sĩ lập Khuông Dận làm vua.

(4) Dòng đây là theo lối viết sách nho xưa : từ bên phải sang bên trái, và từ trên xuống dưới. Viết ở "dưới dòng" tức là chua thành hai dòng chữ nhỏ dưới dòng chính, tục gọi là chua "luỡng cước".

Hải Tây Công nhà Tấn bị Hoàn Ôn[1] *phế truất* Cương mục *chép chữ lớn là "Đế Dịch". Phép chép thẳng tên huý như thế là vì thấy không có tên thuỵ. Đó là lệ ngoại của* Cương mục. *Thế mà* Sử cũ *(của ta), đối với Đinh Toàn chép là Phế đế", nay xin sửa lại chép là Đế Toàn, cho hợp ý nghĩa* và *thể lệ trong sử* Cương mục *trên.*

Lời chua – *Ung Châu* : Theo *Thanh Nhất thống chí,* Ung Châu thuộc về Quảng Tây thống bộ.

Hầu Nhân Bảo : Sử *Cương mục tục biên* (Trung Quốc) chép Nhân Bảo là chồng em gái Triệu Phổ. Lư Đa Tốn có hiềm khích với Triệu Phổ, bèn bẩy Nhân Bảo ra làm Tri châu Ung Châu, chín năm không được đổi đi nơi khác. Nhân Bảo sợ rằng nay lần mai lữa sẽ chết già ở đất Lĩnh Ngoại, bấy giờ mới dâng thư nói việc Giao Châu, xin về tận triều đình tỏ bày sự trạng.

Giao Châu : Xem Thuộc Đường, Cao Tông, năm Điếu Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).

Lạng Châu : Nhà Lê, nhà Lý đặt làm lộ ; nhà Trần gọi là Lạng Giang lộ ; bây giờ là tỉnh Lạng Sơn.

Phạm Cự Lạng : Em Phạm Hạp.

Đây trở lên, nhà Đinh từ Tiên Hoàng, Mậu Thìn, năm thứ một (đến năm thứ ba mới đặt niên hiệu là Thái Bình) đến Đế Toàn, Canh Thìn, vẫn gọi là niên hiệu Thái Bình năm thứ 11, cộng hai đời vua, 13 năm (968 - 980) .

Truy tôn cha là Mịch là Trưởng Hưng vương, mẹ là Đặng thị làm Hoàng thái hậu.

Trước kia, mẹ ngài là Đặng thị đang có thai, chiêm bao thấy bụng nở ra hoa sen, rồi kết thành nhân sen ngay. Đặng thị đem chia cho mọi người, riêng mình lại không ăn. Lúc tỉnh dậy, lấy làm lạ lắm. Kịp khi sinh con, thấy con mặt mũi hình dáng khác thường, Đặng thị nói với người ta rằng : "Thằng cháu này mai sau chắc sẽ làm nên sang cả, Chb. I, 15

(1) Người đời Tấn (265 - 420), tên tự là Nguyên Tử. Khi Bắc phạt, thua trận, quay về Kiến Khang (nay ở phía nam Nam Kinh), phế bỏ Đế Dịch, lập Giản Văn đế, định làm việc thoán đoạt, nhưng rồi bị bệnh chết.

chỉ hiềm tôi không kịp hưởng lộc thôi !" Được vài năm, mẹ mất, rồi cha cũng chết. Viên quan sát họ Lê (không rõ tên) ở Ái Châu thấy ngài, cho là khác thường, nuôi làm con. Gặp tiết trời đông rét mướt, ngài nằm phục như hình cối úp : đang đêm, sáng rực cả nhà, có con rồng vàng ấp ở trên. Viên quan sát họ Lê, tỏ ra lấy làm lạ. Lớn lên, ngài giúp việc Nam Việt vương Liễn, càng tỏ ra lỗi lạc, có chí lớn. Tiên Hoàng khen là người có mưu trí và sức mạnh, giao cho cai quan hai nghìn quân, dần thăng đến chức Thập đạo tướng quân, Điện tiền chỉ huy sứ. Đến bấy giờ cướp ngôi nhà Đinh, truy tôn cha mẹ.

Lời cẩn án – *Chu Vũ vương dấy nghiệp vương thì truy tôn Thái vương. Vương Quý và Văn vương làm bậc vương. Tống Thái Tổ xưng hoàng đế thì tôn Hi Tổ và Dực Tổ làm bậc đế. Lê Đại Hành đã xưng đế, thế mà chỉ tôn cha làm vương, còn từ ông tổ giở lên đều không được dự : thực trái thường quá lắm ! Huống chi tôn cha làm vương mà mẹ lại làm Hoàng Thái Hậu : đảo ngược đến như thế ! Về sau, Lý Thái Tổ tôn cha làm Hiển Khánh vương, mẹ là Minh Đức thái hậu, cũng là do Lê Đại Hành nêu ra trước.*

Lời chua – *Ái Châu* : Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20 – 21).

Tháng 10, mùa đông, sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ vua Tống hạ chiếu xuất quân sai Lư Đa Tốn đưa thư sang ta khuyên dụ, đại lược nói : "*Rừng rực xứ nóng, khói toả, mù hun, ta hoá ra áng mây của vua Nghiêu, tưới cơn mưa ngọt. Sùng sục chướng khí, mây đốt đá nung, ta gảy khúc đàn của vua Thuấn, nổi cơn gió mát*"[1] lại nói : "*Hiện nay ta đã sửa sang binh xa và bộ tốt, hiệu lệnh chiêng*

Chb. **I**, 16

(1) Ý nói : Phương Nam khí nóng nung nấu, như lửa thiêu cháy, như hơi nước sôi : biển Nam khí độc bao bọc, trên thì mây mù phủ kín, dưới thì hơi đá bốc ra. Ta sẽ đem ơn đức của Nghiêu Thuấn là hai vị thánh quân thời xưa của Trung Quốc mà giúp đỡ cho. Vì Đế Nghiêu có đức độ thánh nhân, dân chúng nương nhờ không khác gì cây cối nhờ vào mưa móc ; Đế Thuấn thay Đế Nghiêu trị vì, gẩy đàn năm dây, hát bài Nam phong : "Gió nam mát mẻ có thể cởi mở được lòng buồn nản của dân ta, gió nam hợp thời, có thể làm cho dân ta được giàu của cải" . Bức thư của vua Tống về đoạn này, bằng giọng đạo đức giả, nói sẽ đem văn minh Trung Quốc sang khai hoá cho dân Giao Chỉ.

trống rất nghiêm minh ; nếu vâng theo giáo hoá thì được tha ; nếu chống lại mệnh lệnh thì sẽ bị trị tội".

Nhà vua tiếp được thư ấy, sai nha hiệu Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ đem thư sang nhà Tống, nói trá là tờ biểu của Đinh Toàn cầu nối ngôi cha, xin ban cho mệnh lệnh chính thức. Làm vậy, cốt để hoà hoãn tình thế.

Bấy giờ Tống đã dấy quân, nên không ưng thuận. Tống sai Trương Tôn Quyền đem thư sang dụ rằng : "Họ Đinh truyền nối đã được ba đời, trẫm muốn cho Đinh Toàn làm thống suý, khanh[1] thì làm phó. Nếu Đinh Toàn không đáng tướng tài, hãy còn tính khí trẻ con thì nên cho ngay mẹ con và thân thuộc y sang đây. Đợi khi vào chầu, tất sẽ được ban điển lễ ưu hậu. Khanh[1] sẽ được trao cờ tiết và cây việt. Có hai đường đấy, khanh nên xét kĩ mà chọn lấy một". Nhà vua đều ỉm đi, không trả lời.

Tân Tị (981). Lê Đại Hành hoàng đế năm Thiên Phúc thứ 2 (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Quân Tống sang xâm lược. Nhà vua tự làm tướng, đánh bại quân địch.

Bấy giờ quân Tống chia đường sang xâm lấn : Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng kéo đến Lạng Sơn ; Trần Khâm Tộ kéo đến Tây Kết, Lưu Trừng kéo đến sông Bạch Đằng.

Nhà vua tự làm tướng, ra kháng chiến : sai quân sĩ đóng cọc ở sông Bạch Đằng để ngăn cản địch. Chb. I, 17

Quan quân Tống đông lắm. Quan quân ta đánh bất lợi : hai trăm thuyền chiến đều bị địch lấy mất cả. Hầu Nhân Bảo đem tiền quân tiến lên trước. Tôn Toàn Hưng đóng quân lại, không đi ; Nhân Bảo thường phải thúc giục. Khi quân Tống kéo đến sông Chi Lăng, nhà vua sai người trá hàng, dụ bắt được Nhân Bảo, đem chém. Bọn Lưu Trừng rút lui. Khâm Tộ nghe tin, rút quân quay về. Nhà vua lại đem các tướng truy kích : quân Khâm Tộ thua to, chết mất quá nửa. Bên ta bắt được bộ tướng của địch là

(1) Chỉ Lê Hoàn.

bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân, điệu về kinh đô. Chuyển vận sứ nhà Tống là Hứa Trọng Tuyên đem tình hình thua trận tâu bày về triều, vua Tống xuống chiếu rút quân về.

Lời chua – *Lạng Sơn :* Xưa là bộ Lục Hải ; đời Hán thuộc về Giao Chỉ ; đời Đường thuộc về Giao Châu ; Đinh chia làm Lạng Sơn đạo, lại gọi là Lạng Châu ; Lê, Lý đặt làm lộ ; Trần gọi là Lạng Giang lộ ; Lê gọi là Lạng Sơn thừa tuyên. Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn.

Sông Bạch Đằng : X. thuộc Tấn, Cao Tổ, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb.5,19).

Chi Lăng : Tên xã, thuộc châu Ôn, phủ Trường Khánh, ở đầu địa giới Lạng Sơn.

Sông Chi Lăng : Con sông ở xã Chi Lăng.

Tây Kết : Không rõ ở đâu.

Bầy tôi dâng tôn hiệu[1]. Chb. **I**, 18

Nhà vua đã thắng được quân Tống, trong nước đâu đấy yên ổn. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Minh Kiền ứng vận thần vũ thăng bình chí nhân quảng hiếu hoàng đế.

Nhâm Ngọ, năm thứ 3 (982). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 7).

Lập Đinh thái hậu là Dương thị làm Đại thắng minh hoàng hậu.

Dương thị, trước kia lấy Đinh Tiên Hoàng, sinh ra Vệ vương Toàn. Toàn nối ngôi, hãy còn nhỏ tuổi. Thái hậu tư thông với nhà vua, mưu việc chuyển dời ngôi nhà Đinh. Đến đây lập Dương thị làm Đại thắng minh hoàng hậu. Lại lập Phụng Kiền chí lí hoàng hậu, Thuận Thánh minh đạo hoàng hậu, Trịnh quốc hoàng hậu và Phạm hoàng hậu, cộng năm Hoàng hậu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Đại thắng minh là tên hiệu của Đinh Tiên Hoàng. Đại Hành lấy hiệu vua cũ đặt cho*

(1) Xem chú giải ở Chb.I,3.

vợ mình : Thật là không còn kiêng nể chút gì cả ! Sử sách ghi chép, để cười nghìn thu !

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai sứ đi cống, nói thác là sứ giả của Đinh Toàn, vì sợ quân Tống lại sang. Chb. I, 19

Nhà vua tự mình cầm quân đi đánh nước Chiêm Thành : cả phá được quân địch.

Trước đây, nhà vua sai Từ Mục và Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm Thành giam giữ. Nhà vua nổi giận ; bèn sửa sang thuyền chiến và đồ giáp binh, tự làm tướng, đi đánh, chém được tướng nước ấy là Bề Mi Thuế tại trận và bắt được tù binh rất nhiều. Chúa Chàm bỏ thành chạy. Ta bắt được trăm người cung nữ và vàng bạc châu báu kể có hàng vạn, san phẳng cả thành trì[1], phá huỷ cả tông miếu[2] ; vừa đầy một năm mới về kinh đô.

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức nước Lâm Ấp. Xem Tiền biên, thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb III, 20-21).

Đói to.

Quý Mùi, năm thứ 4 (983). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 8).

Mùa xuân. Sai sứ sang Tống.

Sai sứ sang giao hảo với nhà Tống, báo cáo về tin đánh thắng Chiêm Thành.

Sông mới đã đào xong.

Khi nhà vua đi đánh Chiêm Thành, từ núi Đồng Cổ đến sông Bà Hoà : đường núi hiểm trở, khó đi, người ngựa đều nhọc mệt, bèn sai đào con sông mới ; đến bấy giờ hoàn thành, công và tư đều được tiện lợi. Chb. I, 20

(1) Thành và hào để phòng thủ của một nước.

(2) Nhà thờ tổ tiên các vua chúa của một nước.

Lời chua – *Núi Đồng Cổ :* Ở xã Đan Nê, huyện An Định, tỉnh Thanh Hoá.

Sông Bà Hoà : Ở huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Bây giờ là sông xã Đồng Hoà.

Giáp Thân, năm thứ 5 (984). (Tống, năm Ung Hi thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Đúc tiền Thiên Phúc.

Xây điện Bách bảo thiên tuế.

Làm điện ở núi Đại Vân, trang sức bằng vàng bạc, dùng làm nơi vua coi chầu. Phía đông là điện Phong Lưu ; phía tây là điện Tử Hoa ; bên tả là điện Bồng Lai ; bên hữu là điện Cực Lạc. Lại làm lầu Đại Vân và điện Trường Xuân làm chỗ ngự tẩm[1]. Bên điện Trường Xuân dựng điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc.

Lời chua - *Núi Đại Vân :* Ở thành Hoa Lư ; bây giờ là núi xã Trường Yên.

Ất Dậu, năm thứ 6 (985). (Tống, năm Ung Hi thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Ngày sinh nhật hoàng đế, đua thuyền.

Lấy tre làm thành núi giả ở trong thuyền gọi là núi "nam sơn", tổ chức cuộc bơi thuyền thi. Từ đấy, năm nào cũng giữ làm lệ thường.

Sai sứ sang Tống.

Bấy giờ nhân dịp có sứ nhà Tống đến nhà vua sai sứ ta đem vàng và ngà voi sang biếu nhà Tống để thỉnh cầu lãnh chức Tiết trấn.

Chb. I, 21

Bính Tuất, năm thứ 7 (986). (Tống, năm Ung Hi thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính thân quân.

Tuyển những người khoẻ mạnh, nhanh nhẹn bổ làm túc vệ gọi là thân quân : đều thích vào trán ba chữ "Thiên tử quân".

---

(1) Nơi nhà vua nghỉ và ngủ.

Tháng 10, mùa đông. Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sai tả bổ khuyết là Lý Nhược Chuyết và quốc tử giám bác sĩ là Lý Giác đem bài chế văn sang phong nhà vua làm kim tử quang lộc đại phu, kiểm hiệu thái uý, An nam đô hộ Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Kinh Triệu quận khai quốc hầu. Bài chế văn ấy đại lược nói : "... Trước kia Sĩ Nhiếp là người cứng cáp sáng suốt, biến đổi thói tục đất Việt khiến hết thảy đều vào khuôn phép. Úy Đà[1] hết lòng cung kính mềm dẻo, vâng theo chiếu chỉ nhà Hán, không dám trái nghịch. Bây giờ khanh phải vỗ yên bộ lạc man di, để tuyên dương ơn đức của thiên tử". Nhà vua tiếp nhận chế văn ấy với vẻ rất cung kính, thiết đãi sứ giả với lễ rất hậu. Rồi giao trả Tống bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân trước đây ta đã bắt được. Nhà vua lại bảo Nhược Chuyết và Lý Giác : "Chỗ chúng tôi là một nước nhỏ mọn, núi sông khơi diễn, hẻo lánh một nơi, cách thiên triều hàng muôn dặm. Sứ giả đi lại, trèo non vượt suối, chẳng cũng nhọc mệt lắm ru ?" Lý Giác thưa : "Bản triều[2] phân phong chư hầu, đất hàng muôn dặm, quận hàng bốn trăm, có chỗ bằng phẳng, cũng có nơi hiểm trở, chứ như một phương này, đã lấy gì làm xa ?" Chb. I, 22

Dùng Từ Mục là Tổng quản giữ việc quân và dân, ban cho tước hầu ; Phạm Cự Lạng làm Thái uý.

Lời chua – *Tổng quản :* Tên chức quan nhà Đường, chuyên giữ quân sự. Nhà Lê phỏng theo phép nhà Đường, đặt chức quan này, lại cho kiêm giữ cả dân sự.

Sai sứ sang Tống

Sai Ngô Quốc Ân đem sản vật địa phương sang biếu và nói về việc người Chàm là Bồ La Át đem hơn trăm người trong họ sang xin quy phụ nhà Tống.

Lời cẩn án : *Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép : "Bấy giờ nhà vua mới bình được Chiêm Thành, người Chiêm Thành sợ bị lấn lướt*

(1) Triệu Đà làm chức uý.

(2) Triều Tống, Lý Giác là người Tống, nên gọi Tống là bản triều.

bức bách, nên đem hơn trăm người trong họ cầu xin quy phụ nhà Tống. Nhà đương cục ở Đam Châu đem việc ấy tâu lên triều Tống. Việc này nhà làm sử nhận lầm là do sứ thần nước ta sang Tống tâu bày". Xét chỗ sử của Ngô [Thì] Sĩ này không giống với Sử cũ, *nay xin chép cả để làm tài liệu tham khảo.*

Lời chua – *Đam Châu :* Tức Đam Nhĩ. Xem Triệu Vương, năm Kiến Đức thứ 1 (Tb. II, 6).

Đinh Hợi, năm thứ 8 (987). (Tống, năm Ung Hi thứ 4).

Mùa xuân. Nhà vua cày ruộng tịch điền[1].

Ban đầu, nhà vua cày ruộng ở Đội Sơn[2], được một lọ vàng ; sau lại cày ở núi Bàn Hải, được một lọ bạc ; do đó đặt tên là "ruộng Vàng, ruộng Bạc". Chb. I, 23

Lời chua – *Đội Sơn :* Tên khác gọi là núi Long Đội, ở xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nội.[3].

Núi Bàn Hải : Không rõ ở đâu.

Đâu đấy được mùa cả.

Mậu Tí, năm thứ 9 (988). (Tống, năm Đoan Củng thứ 1).

Sứ nhà Tống sang.

Năm ấy, vua Tống đổi niên hiệu, sai viên ngoại lang bộ Hộ là Nguỵ Tường, trực sử quán là Lý Độ đem bài chế văn sang tiến phong nhà vua tước Khai quốc công. Nhà vua sai sứ sang Tống biếu sản vật địa phương để đáp lễ.

Lời cẩn án – *Theo sách* An Nam chí *của Cao Hùng Trưng và sách* Giao Chỉ di biên, *năm Ung Hi thứ 3 (986), Tống phong nhà vua làm kiểm hiệu thái uý Kinh Triệu quận Khai Quốc hầu ; đến năm Đoan Củng thứ 1 (988), tiến phong làm Khai Quốc công. Thế là có theo thứ tự từ thấp lên cao.* Sử cũ *trước thì chép phong Kinh Triệu Quận hầu, ở đây thì chép phong Kiểm hiệu thái uý : Như vậy là lầm. Nay đính chính lại.*

---

(1) Thửa ruộng chính thiên tử tự cày lấy, hoa lợi sẽ dùng vào việc cúng tế.

(2) Tục gọi núi Đọi.

(3) Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Kỷ Sửu, năm Hưng Thống thứ 1 (989). (Tống, năm Đoan Củng thứ 2).

Chb. I, 24

Tháng giêng, mùa xuân. Đại xá.

Ban ơn đại xá vì có đổi niên hiệu là Hưng Thống.

Lập con là Long Việt làm Nam Phong vương.

Phong con trưởng là Long Thâu làm Kình Thiên đại vương con thứ hai là Ngân Tích làm Đông Thành vương ; lập con thứ ba là Long Việt làm Nam Phong vương(1).

Dương Tiến Lộc đem dân châu Hoan và châu Ái nổi lên làm phản, bị bắt và bị giết chết.

Tiến Lộc, làm chức Quản giáp, vâng mệnh đi thu thuế ở châu Hoan và châu Ái. Nhân đó, Lộc cầm đầu hai châu ấy nổi lên làm phản, rồi xin theo về với nước Chiêm Thành ; nhưng người Chiêm Thành không nhận. Nhà vua đem quân đi đánh, bắt giết được Tiến Lộc và giết người hai châu ấy không biết bao nhiêu mà kể.

Lời chua – *Hoan Châu :* Tức Nghệ An.

Ái Châu : Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 20-21).

Chiêm Thành : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III, 20-21).

Quản giáp : Tên chức quan.

Canh Dần, năm thứ 2 (990). (Tống, năm Thuần Hoá thứ 1).

Sứ nhà Tống sang.

---

(1) Long Việt, Long Thâu và Ngân Tích đều là con Lê Hoàn. Sách *Cương mục* này, ở phần *Cương*, chép "Lập Long Việt làm Nam Phong vương", ở phần *Mục* lại chép thêm cả việc phong cho con trưởng và con thứ mà đều chép là phong. Vì, theo thể lệ chép sử đời phong kiến, đối với người nào sau này có nhiều phần quan hệ, thì chép một cách đặc biệt hơn người khác để có phân biệt. Long Việt sau này được lập làm thái tử và nối ngôi vua, nên ở đây, *Cương mục* mới riêng nêu lên ở phần *Cương* và chép là "lập".

Nhà Tống sai Tả chính ngôn là Tống Cảo và Hữu chính ngôn là Vương Thế Tấc đem bài chế văn sang gia phong nhà vua lên chức vị "đặc tiến"[1]. Nhà vua sai chỉ huy sứ Đinh Thừa Chinh đem chu sư[2] sang Thái Bình quân đón sứ nhà Tống, ròng rã nửa tháng trời đến sông Bạch Đằng, cứ theo nước thuỷ triều mà đi. Khi đến Trường Châu[3] nhà vua ra đón sứ giả ở phía ngoài đô thành, cùng nhau giong cương ngựa đi song song. Đến cửa Minh Đức, nhà vua đón lấy bài chế văn nhưng không lạy, nói vì năm mới rồi, đi đánh giặc Mán, ngã ngựa đau chân. Bọn Tống Cảo tin là thực. Ngày hôm sau, đặt tiệc đãi sứ, nhà vua bảo Tống Cảo rằng : "Đường sá xa khơi, núi sông hiểm trở, sau này nếu có quốc thư, xin cứ giao nhận ở đầu biên giới, khỏi phiền sứ giả đến đây". Tống Cảo đem việc này về tâu, vua Tống ưng thuận. Chb. I, 25

Theo lời chú giải trong sách *Đông tây dương khảo* của Trương Nhiếp nhà Minh, Tống Cảo đi sứ về, nói với vua Tống rằng : năm ngoái, đến Giao Châu, Lê Hoàn đem quân và dân bơi thuyền, gióng trống, hò reo ; những núi ở gần đô thành thì hư trương thanh thế : cắm rặt cờ trắng, làm như dáng vẻ bày binh bố trận. Kịp khi đến cửa kinh đô, Lê Hoàn nhận lấy tờ chiếu, nhưng không lạy. Có đưa đến sứ quán con rắn lớn và nói : nếu sứ giả ăn được thì sẽ làm thịt để thết. Lại trói hai con hổ đem đến sứ quán. Sứ giả đều từ chối, không nhận. Ba nghìn quân sĩ của Lê Hoàn đều có thích ở trán ba chữ "Thiên tử quân".

Lời chua – *Thái Bình quân :* Theo sách *Thanh Nhất thống chí,* Thái Bình quận, đời Tần, là đất Tượng Quận ; đời Hán là huyện Hợp phố ; nhà Đường đổi là Liêm Châu ; đến Tống, khoảng niên hiệu Thái bình hưng quốc[4] đặt làm Thái Bình quân, qua

(1) Một chức quan to, dưới hàng tam công. Chỉ vua chư hầu nào có công đức được triều đình kính trọng, mới được phong chức này.

(2) Quân thuỷ với các thuyền chiến.

(3) Tức châu Trường Yên.

(4) Một niên hiệu của Tống Thái Tông, từ năm 976 đến năm 983.

niên hiệu Hàm Bình[1] lại đặt là Liêm Châu. Bây giờ nhà Thanh vẫn theo tên cũ, cho thuộc Quảng Đông thống bộ.

Bạch Đằng Giang : Xem thuộc Tấn, Cao tổ, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb. V, 19-20). Chb. I, 26

Trường Châu : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).

Tân Mão, năm thứ 3 (991). (Tống, năm Thuần Hoá thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đào Cần đem biếu sản vật địa phương.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (992). (Tống, năm Thuần Hoá thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ngự điện Kiền Nguyên xem đèn.

Lập con là Long Đĩnh làm Khai Minh Vương.

Bấy giờ các con nhà vua đều theo thứ tự thụ phong, chia ở các châu quận : Khai Minh vương Long Đĩnh ở Đằng Châu ; Ngự Man vương Long Đinh ở Phong Châu ; Ngự Bắc vương Long Ngận ở Phù Lan ; Định Phiên vương Long Tung ở Ngũ Huyện Giang, Tư Doanh Thành phó vương Long Tương ở Đỗ Động ; Trung Quốc vương Long Kính ở Mạt Liên ; Nam Quốc vương Long Mang ở Vũ Lũng ; Hành quân vương Long Đề[2] ở Cổ Lãm ; Phù Đới vương (không rõ tên), con nuôi nhà vua, ở Phù Đái.

Lời chua – *Long Đĩnh :* Con thứ 5.

Long Đinh : Con thứ 4.

Long Ngận : Con thứ 6. Chb. I, 27

Long Tung : Con thứ 7.

Long Tương : Con thứ 8.

Long Kính : Con thứ 9.

Long Mang : Con thứ 10.

(1) Một niên hiệu của Tống Chân Tông, từ 998 đến 1003.

(2) Còn có tên nữa là Minh Đề.

Long Đề : Con thứ 11.

Đằng Châu : Xem thuộc Tống, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb.V,31).

Phong Châu : Xem Hùng vương (Tb.I.1).

Phù Lan : Tên trại ; nay là xã Phù Vệ thuộc huyện Đường Hào[1] tỉnh Hải Dương.

Ngũ Huyện Giang : Ở phía nam huyện Yên Lãng[2], tỉnh Sơn Tây, sông Ngũ huyện chảy qua huyện Kim Anh[3] và huyện Đông Ngàn[4], vòng quanh đến huyện Yên Phong[5] và huyện Tiên Du[6], rồi đổ vào sông Nguyệt Đức[7].

Tư Doanh Thành : Không khảo được.

Đỗ Động : Xem ngang với nhà Tống năm Kiền Đức thứ 4 (Tb.V,29).

Mạt Liên : Tên huyện, bây giờ là huyện Tiên Lữ[8] thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Vũ Lũng : Tên châu ; thuộc tỉnh Thanh Hoá ; nhiều lần phân chia ra sao và lệ thuộc vào đâu, bây giờ không khảo được.

Cổ Lãm : Tên châu ; bây giờ là huyện Đông Ngàn thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Phù Đái : Tên làng ; bây giờ là xã Phù Tải thuộc huyện Vĩnh Lại[9], tỉnh Hải Dương.

Tháng 6, mùa hạ. Thả những người Chiêm Thành bị bắt từ trước về nước.

---

(1) Nay Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

(2) Nay là huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

(3) Nay là huyện Sóc Sơn (Hà Nội) và một phần của huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc).

(4) Nay gồm huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và huyện Gia Lâm, Đông Anh (Hà Nội).

(5) Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

(6) Nay hợp nhất với huyện Từ Sơn thành huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh).

(7) Sông Cà Lồ.

(8) Nay huyện Tiên Lữ thuộc tỉnh Hưng Yên.

(9) Nay gồm huyện Ninh Giang (Hải Dương) và huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng).

Thả những người Chiêm ở thành cũ châu Địa Lý cho về châu Ô Lý, tất cả hơn ba trăm sáu mươi người.

Lời chua – *Địa Lý :* Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III,29).

Ô Lý : Xưa là đất Việt Thường ; đời Tần, thuộc Tượng quận ; đời Hán, thuộc Nhật nam ; đời Đường, là Cảnh Châu ; thời Tống, phía bắc Chiêm Thành gọi là châu Ô Lý. Nhà Trần, khoảng niên hiệu Hưng Long (1293 - 1313) được chúa Chàm dâng đất này, đổi là Thuận Châu và Hoá Châu. Hồi thuộc Minh, đặt là phủ Thuận Hoá, cho Thuận Châu và Hoá Châu lệ thuộc vào. Nhà Lê đặt làm Thuận Hoá thừa tuyên. Bây giờ huyện Đăng Xương, huyện Hải Lăng thuộc tỉnh Quảng Trị, và huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, huyện Hương Trà thuộc tỉnh Thừa Thiên, ấy là đất Thuận Châu xưa. Huyện Phú Lộc, huyện Phú Vinh thuộc tỉnh Thừa Thiên và huyện Diên Phước (phúc), huyện Hoà Vinh thuộc tỉnh Quảng Nam, ấy là đất Hoá Châu xưa. Chb. I, 28

Tháng 8, mùa thu. Sai mở đường bộ thông đến châu Địa Lý.

Sai phụ quốc Ngô Tử An đem ba vạn người mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới đến châu Địa Lý nước Chiêm Thành.

Lời chua – *Phụ quốc :* Tên chức quan.

Cửa biển Nam Giới : Xem nhà Đinh, năm Thái Bình thứ 10 (Chb. 1,12).

Quý Tị, năm thứ 5 (993). (Tống, năm Thuần Hoá thứ 4).

Mồng 1 tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ nhà vua sai sứ sang cống và dâng tờ biểu Đinh Toàn nhường ngôi. Vì sờn về nỗi Tôn Toàn Hưng đã bại trận, vua Tống cũng ưng thuận, mới sai Vương Thế Tắc và Lý Cư Giản đem bài chế văn sang phong nhà vua làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Giao Chỉ quận vương. Chb. I, 29

Sử *Cương mục tục biên* (Trung Quốc) chép : Năm Thuần Hoá thứ 4 (993), Lê Hoàn đưa lễ sang cống, phong cho Lê Hoàn làm Giao Chỉ quận vương. Bài "Phát minh" trong sử trên bàn rằng : Thiên tử sở dĩ được quý, là chỉ vì vâng mệnh trời, đánh

giết kẻ phản nghịch. Giao Châu là đất đã do họ Đinh giữ trước. Năm Khai Bảo thứ 6 (973), Đinh Liễn vào cống, vâng mạng chịu phong vương. Vậy thì con cháu nối nghiệp, là theo đúng lễ. Đinh Liễn mất rồi, em là Đinh Toàn nối ngôi. Bộ tướng là Lê Hoàn lừa gạt kiềm chế chủ mình, giành nắm quyền chính. Đó thực là kẻ loạn thần, tặc tử. Đối với pháp luật của vương giả, tất phải tru diệt. Nay vua Tống thấy Lê Hoàn cho sang tiến cống, cũng gia phong cho tước vương. Thế là tước vương ở Giao Chỉ có thể cứ dùng thế lực mà chiếm được, chứ có phải nhận lấy bằng lễ nghĩa đâu ! Nếu sau này bầy tôi của Lê Hoàn cũng bắt chước làm theo thói xấu ấy, thì vua Tống lấy gì mà chế trị được ? Than ôi ! làm vua mà không nắm được quyền đánh dẹp, thì kẻ loạn thần lấy gì để làm răn chừa ! Sử *Cương mục (tục biên),* ở trên, chép Lê Hoàn đưa lễ vào cống, đến dưới, chép ban chiếu phong cho tước vương. Thì ra hai bên đều trọng về lợi, chứ không trọng về nghĩa nữa. Công đạo bởi đâu mà giãi tỏ được ru ?

Giáp Ngọ, năm ứng Thiên thứ 1 (994). (Tống, năm Thuần Hoá thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai nha hiệu Phí Sùng Đức đem biếu sản vật địa phương.

Chế Cai nước Chiêm Thành vào chầu.

Trước đây, chúa Chàm[1] sai Chế Đông đến dâng sản vật địa phương. Nhà vua trách là vô lễ, gạt đi không nhận, chúa Chàm sợ, sai cháu là Chế Cai vào chầu. Chb. I, 30

Ất Mùi, năm thứ 2 (995). (Tống, năm Chí Đạo thứ 1).

Bính Thân, năm thứ 3 (996). (Tống, năm Chí Đạo thứ 2).

Tháng 2 mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ nhà vua dong túng dân nơi biên giới lấn cướp bờ cõi nhà Tống. Chuyển vận sứ Quảng Tây lộ là Trương Quan, và binh mã giám áp ở trấn Như Hồng là Vệ Chiêu Mỹ đem việc đó tâu về triều, vua Tống ý muốn vỗ về cho yên, nên cũng bỏ qua

(1) Tức Chiêm Thành.

không hỏi đến. Trương Quan lại dâng thư nói rằng nhà vua[1] bị họ Đinh xua đuổi, thu nhặt đám quân còn sót, ra ở nơi hải đảo, cướp bóc để độ thân, nay đã mất rồi. Vua Tống sai thái thường thừa là Trần Sĩ Long làm Thái phóng sứ, sang dò hư thực, mới biết những lời Trương Quan đều dối trá cả, bèn xuống chiếu nghị tội bọn Trương Quan. Lại bổ Trần Nghiêu Tẩu làm Quảng Tây Chuyển vận sứ, và sai Hải khang uý là Lý Kiến Trung đem chiếu thư sang ta.

Trước đây, bọn Văn Dũng, dân trấn Triều Dương, phạm tội[2], trốn sang trấn Như Tích thuộc Khâm Châu bên Tống, được trấn tướng nhà Tống là Hoàng Lệnh Đức chứa chấp. Nhà vua sai trấn tướng ta ở Triều Dương là Hoàng Thành Nhã đuổi bắt không được. Đến đây, Nghiêu Tẩu (người Tống) đến trấn Như Tích, hỏi biết rõ đầu đuôi về việc chứa giấu phạm nhân, mới đem giao trả ta tất cả trai, gái, già trẻ hơn trăm người mà trước đây Hoàng Lệnh Đức đã chứa chấp. Nhà vua lại bắt hai mươi bảy người Đãn không biết tiếng Trung Quốc đưa sang Quảng Tây giao cho Tống. Nhân tiện sai sứ sang tạ ơn Tống và nói đến việc đã bắt được giặc biển đưa sang rồi. Lại hứa hẹn sẽ răn cấm dân các miền khê động không được khuấy rối nữa. Chb. I, 31

Lời chua – *Như Hồng và Như Tích :* Sách *Thanh Nhất thống chí* chép : trấn Như Hồng và trấn Như Tích đều ở về phía tây Khâm Châu, thuộc phủ Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông.

Triều Dương : Tên trấn. Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb.II,23).

Người Đãn (Hồ di Đãn Man) : Theo sách *Lĩnh Ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi, người Đãn là giống người lấy thuyền làm nhà, coi ở nước như ở trên cạn, lênh đênh sống trên sông biển.

Sứ nhà Tống sang ban sắc mệnh.

Nhà Tống lại sai Lý Nhược Chuyết đem tờ chiếu và đai ngọc sang ban cho. Khi sứ thần đã đến nơi, nhà vua ra đón ở ngoài

(1) Chỉ Lê Đại Hành.
(2) Tội làm loạn, giết người.

đô thành, có ý ngạo mạn coi thường, không thi lễ, bảo Nhược Chuyết rằng : "Trước đây xảy việc cướp trấn Như Hồng là do giặc ở ngoài biên giới, chẳng hay hoàng đế có biết cho không ? Giả sử Giao Châu chúng tôi nổi lên chống lại, thì trước hết kéo sang Quảng Châu, rồi vào mọi quận ở Mân Châu, chứ có khi nào chỉ nhằm một trấn Như Hồng mà thôi ?" Nhược Chuyết ung dung nói : "Túc hạ xuất thân từ một nha tướng, được hoàng đế trao cho tiết việt, hết lòng cung thuận, hợp với lễ nghĩa, tất không có ý gì khác. Các đại thần bên tôi đều cho rằng giặc biển khuấy rối, một mình Giao Châu không chế trị nổi, xin đem quân ra hội tiễu, để dứt hẳn mối lo về sau. Nhưng hoàng đế lại lo Giao Châu không biết rõ được ý chí triều đình, lỡ sinh ra sợ hãi chăng, cho nên không đem quân sang hội tiễu nữa". Nhà vua ngạc nhiên nói : "Giặc biển xâm phạm biên giới, đó là lỗi tại người bầy tôi có trách nhiệm giữ biên cương. Từ nay xin kính theo giáo hoá triều đình, quét sạch chướng khí ngoài biển"[1]. Nói đoạn, cúi đầu tạ lỗi. Chb. I, 32

Lời chua – *Giao Châu :* Xem thuộc Đường, Cao tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 18).

Quảng Châu : Xem Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV. 2).

Mân Châu : Bây giờ thuộc Phúc Kiến thống bộ,

Đinh Dậu, năm thứ 4 (997). (Tống, năm Chí Đạo thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Tống gia phong nhà vua tước Nam Bình vương

Tống Chân tông lên ngôi, gia phong nhà vua tước Nam Bình vương. Trước đây, sứ Tống đến, thường nói về việc cống muối rồi dây dưa đến cả việc thuế khoá. Chân Tông nghe biết chuyện ấy, nên đến đây, chỉ sai viên quan ở biên cương triệu người sang để trao cho sắc chỉ, chứ không chuyên sai sứ thần mang sang như trước nữa.

(1) Chỉ bóng về giặc giã.

Sai sứ sang nhà Tống.

Năm ấy (Đinh Dậu, 997), nước Chiêm Thành cướp nơi biên giới. Nhà vua đi đánh, quân Chiêm thua chạy, mới đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống, nhân tiện dâng biểu đại lược nói : "Giao Châu chúng tôi giáp giới với Chiêm Thành, trong một hai năm nay, Chiêm Thành thường khuấy rối miền lân cận, cướp nhà thuế hộ, xâm lấn lương dân ; nước tôi thường phải dùng đến binh khí để ngăn cản chúng, nên mới đến nỗi trễ việc triều cống, thật là trái phép tắc của triều đình". Nhà Tống đáp lại một cách ưu hậu, ban cho đai ngọc, áo giáp và ngựa. Chb. I, 33

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi đánh giặc ở Đỗ Động, bắt được đồ đảng nó đem về.

Có thuỷ tai lớn.

Mậu Tuất, năm thứ 5 (998). (Tống, Chân Tông, năm Hàm Bình thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Mồng 1 tháng 5, mùa hạ. Nhật thực. Suốt từ tháng này đến tháng 6, không mưa.

Mồng 1, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Kỷ Hợi, năm thứ 6 (999). (Tống, năm Hàm Bình thứ 2).

Nhà vua thân đi đánh và dẹp yên được Hà Động.

Bốn mươi chín động vùng Hà Động đều dẹp yên cả. Từ đấy các châu, các động đâu đấy đều quy phục.

Lời chua – *Hà Động :* tức động Hà Man ; bây giờ là đất huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Canh Tí, năm thứ 7 (1000). (Tống, năm Hàm Bình thứ 3). Chb. I, 34

Bọn Trịnh Hàng ở Phong Châu làm loạn. Nhà vua xuống chiếu sai đi đánh.

Bọn Trịnh Hàng làm loạn, nhà vua điều khiển quân sĩ đi đánh. Trịnh Hàng chạy sang núi Tản Viên.

Lời chua – *Phong Châu :* X. Hùng vương (Tb.I,1).

Tản Viên : Tên núi. Ở huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây. Hình thế núi cao vọi như cái tán, nên gọi là Tản Viên.

Sai tướng chia nhau đi tuần các nơi biên thuỳ.

Sai Từ Mục đi tuần cõi Hà Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi phía bắc, để dò xét tình hình biên giới.

Tân Sửu, năm thứ 8 (1001). (Tống, năm Hàm Bình thứ 4). Vua nhà Đinh trước là Toàn mất ở Cử Long.

Nhà vua đi đánh Cử Long : Vệ vương Toàn theo đi. Bấy giờ quân giặc thấy nhà vua, chúng giương cung, chĩa tên, toan bắn, chiếc tên rơi xuống ; chúng lại giương cung, dây cung đứt. Chúng sợ, rút lui. Nhà vua đi thuyền ven sông đuổi theo. Quân giặc ở hai bên bờ đánh khép lại. Quan quân bị hãm ở sông. Vệ vương Toàn trúng phải mũi tên bay, mất tại trận. Nhà vua kêu trời ba tiếng, rồi thân ra đốc chiến : quân giặc thua.

Lời phê – *Lê Hoàn lợi dụng cơ hội, đã cướp lấy nước người ta, lại không khéo đối đãi chúa cũ, đẩy vào chỗ chết, thế nào mà Toàn chẳng đến tử vong ? Còn việc cất tiếng kêu trời, gieo mình xuống đất, chỉ là một ngón giả trá. Thật khó che đậy được công luận nghìn thu.*

Lời chua – *Cử Long :* Tên dân tộc Mán. Nhà Đinh, nhà Tiền Lê gọi là mán Cử Long, đến nhà Lý diệt được. Năm Thuận Thiên (1428 - 1433), nhà Lê đặt là huyện Lạc Thuỷ ; năm Quang Thuận (1460 - 1469), đổi lại Cẩm Thuỷ. Bây giờ vẫn theo tên cũ, thuộc phủ Quảng Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Chb. I, 35

Nhâm Dần, năm thứ 9 (1002), (Tống, năm Hàm Bình thứ 5).

Tháng 3, mùa xuân. Đặt luật lệ pháp lệnh.

Lựa tuyển chư quân.

Lựa tuyển trong dân đinh lấy những người khoẻ mạnh sung bổ vào các đội ngũ. Chia tướng hiệu làm hai ban. Chế mấy nghìn chiếc mũ đâu mâu, ban phát cho sáu quận.

Lời chua – *Mũ đâu mâu :* Xem Triệu Việt vương, năm thứ 1 (Tb. IV,8).

Đổi mười đạo trong nước làm lộ, phủ và châu.

Lời chua – *Lộ, phủ, châu :* Thay đổi và xếp đặt thế nào không rõ.

Quý Mão, năm thứ 10 (1003). (Tống, năm Hàm Bình thứ 6).

Nhà vua đi Hoan Châu, đào sông Đa Cái[1].

Bấy giờ đào sông Đa Cái, có kẻ ta oán nổi lên làm phản, nhà vua sai bắt chém đem rao đi khắp nơi để mọi người biết. Đầu mục dân thành Nhật Hiệu là bọn Hoàng Khánh Tập đem gia quyến của chúng hơn bốn trăm năm mươi người trốn sang Khâm Châu bên Tống. Người Tống yên ủi và bảo trở về. Bọn Khánh Tập sợ tội, không dám về, cứ trú ở nơi bờ biển.

Lời chua – *Hoan Châu :* Tức Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 21).

Chb. I, 36

Đa Cái : Tên xã. Bây giờ là xã Hương Cái, huyện Hưng Nguyên. Theo sách *Nghệ An chí,* Hương Cái cảng ở phía tây nam huyện Hưng Nguyên.

Thành Nhật Hiệu : Sách *An nam chí* chép là trường[2] Hiệu Thành. Nay không khảo được.

Khâm Châu : Bây giờ thuộc phủ Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông nhà Thanh. Theo sách *Giao Chỉ di biên,* Hoàng Khánh Tập vào ở tại thôn Ô Thổ bên sông Dũng bộ thuộc địa phận Khâm Châu.

Giáp Thìn, năm thứ 11 (1004). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập Nam Phong vương Long Việt làm Thái tử.

Trước đây, con trưởng là Kình Thiên đại vương Long Thâu mất, Ngân Tích, theo thứ tự, đáng được lập. Bấy giờ Long Đĩnh cầu xin làm Thái tử, ý nhà vua muốn cho ; đình thần bàn rằng không lập con trưởng mà lập con thứ thì không hợp lễ ; thành thử lại thôi. Đến đây, lập Long Việt làm Thái tử, gia phong Đông Thành vương Ngân Tích và Khai Minh vương Long Đĩnh làm đại vương.

---

(1) Nguyên văn là "Đa Cái cảng".

(2) Trường sở.

Sai Hành quân vương Minh Đề sang bên Tống.

Nhà vua sai Minh Đề, lấy tư cách là quyền chức Thứ sử Hoan Châu đi thăm hỏi nhà Tống. Chb. I, 37
Minh Đề đến Biện Kinh[1], khẩn cầu ban cho ân điển. Vua Tống y cho, vời vào tiện điện[2] vỗ về hỏi han, ban thưởng rất hậu, và phong làm Kim tử vinh lộc đại phu Kiểm hiệu Thái uý Hoan Châu thứ sử.

Lời chua – *Minh Đề :* Tức là Long Đề, con thứ hai Lê Đại Hành.

Xem đánh cá ở sông Đại Hoàng.

Lời chua – *Sông Đại Hoàng :* Bây giờ là con sông xã Đại Hữu huyện Gia Viễn (Ninh Bình).

Ất Tị, năm thứ 12 (1005). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua mất.

Nhà vua khi mới mất, gọi là Đại Hành[3] hoàng đế, rồi cứ để làm miếu hiệu, không đổi lại ; ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi.

Lời chua – *Hán thư chép :* Cao đế (nhà Hán) mới mất, triều thần gọi là Đại Hành hoàng đế. Tôn Dục nhà Nguỵ nói : "Phép đặt tên thuỵ, lúc sinh thời làm được sự nghiệp to tát hay là nhỏ mọn thì lúc mất tên thuỵ cũng theo như vậy. Khi tiên quân chưa có tên thuỵ, mà tự quân (vua nối ngôi) đã lên ngôi, kẻ thần hạ xưng hô nên có phân biệt ; vì vậy gọi là Đại Hành". Hiệu gọi : "Đại Hành" có lẽ gốc từ đấy.

Táng ở Sơn Lăng Hoa Lư.

---

(1) Kinh đô của nhà Bắc Tống (960 - 1126).

(2) Nhà riêng để nghỉ ngơi của vua chúa xưa.

(3) Theo chế độ phong kiến xưa, trong thời gian quá độ "vua trước mới chết chưa có tên thuỵ, vua sau đã lên ngôi", quần thần thường dùng danh từ chung chung mà gọi vua mới chết ấy là Đại Hành hoàng đế để cho phân biệt với vua mới. Về danh từ "Đại Hành", có hai nghĩa : 1 - Vua đã đi dài, không trở về nữa ; 2- Vua có đức hạnh to, tất phải được danh lớn. Về trường hợp Lê Hoàn này đáng lẽ, theo công thức phong kiến, chỉ gọi tạm là Đại Hành trong một thời gian như trên đã nói, nhưng vì không có tên thuỵ và tên miếu hiệu, nên cứ phải gọi là "Đại Hành" mãi mãi như trăm nghìn vua khác khi mới chết cũng gọi là "Đại Hành" (xem thêm *"Lời chua"* của *Cương mục).*

Tháng 10, mùa đông. Thái tử Long Việt lên ngôi.

Trước đó, Đông Thành vương Ngân Tích, Trung Quốc vương Long Kính và Khai Minh vương Long Đĩnh đều làm loạn ; Thái tử không lên ngôi được, cầm cự nhau đến 8 tháng, trong nước không ai làm chủ. Đến đây, Long Việt mới lên ngôi ; Ngân Tích phải chạy, bị người châu Thạch Hà giết chết. Chb. I, 38

Lời chua – *Thạch Hà :* Tên Châu. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là châu Thạch Hà ; nhà Lý đổi làm huyện Thạch Hà ; nhà Trần đổi gọi châu Nhật Nam ; hồi thuộc Minh gọi là châu Nam Tĩnh. Về sau, Lê lại gọi là huyện Thạch Hà. Bây giờ là huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Khai Minh vương Long Đĩnh giết vua Long Việt mà tự lập.

Vua Long Việt lên ngôi được 3 ngày ; Long Đĩnh sai kẻ trộm trèo tường vào trong cung, giết chết, rồi cướp ngôi, tự lập làm vua ; truy đặt tên thuỵ vua Long Việt là Trung Tông hoàng đế.

Dùng Lý Công Uẩn làm Tứ Sương quân phó chỉ huy sứ.

Khi vua Long Việt bị giết, bầy tôi đều chạy trốn cả, chỉ có điện tiền quân là Lý Công Uẩn ôm thây nhà vua mà khóc. Long Đĩnh cho là trung nghĩa, cất lên làm chức này.

Truy tôn mẹ làm Hưng Quốc quảng thánh Hoàng thái hậu.

Nhà vua đã cướp được ngôi, xưng tôn hiệu là Khai Thiên ứng vận thánh văn thần vũ tắc thiên sùng đạo đại thắng minh quang hiếu hoàng đế : truy tôn mẹ làm Hoàng thái hậu.

Lời chua – *Thái hậu :* Con gái quan Chi hậu tên là Diệu, không rõ họ là gì. Chb. I, 39

Lập bốn Hoàng hậu.

Nhà vua tự cầm quân đi đánh Ngự bắc vương Long Ngận và Trung Quốc vương Long Kính, dẹp yên được cả.

Bấy giờ nhà vua đã lên ngôi, Long Ngận và Long Kính giữ xã Phù Lan để chống lại. Nhà vua thân đi đánh : hai vương ấy

đóng chặt thành cố thủ. Vây đến vài tháng, trong thành cạn lương ; Long Ngận bắt Long Kính đem dâng nộp. Nhà vua sai chém Long Kính và tha tội cho Long Ngận. Nhân tiện, đem quân đi đánh Ngự Man vương Long Đinh ở Phong Châu ; Long Đinh phải đầu hàng. Từ đó các vương đều chịu phục cả.

Lời chua – *Phù Lan :* Xem năm Hưng thống thứ 4. (Chb. I, 27).

Phong Châu : Xem Hùng Vương (Tb. I, 1).

Đặt Đằng Châu lên làm phủ Thái Bình.

Nhân dịp đem quân về đến Đằng Châu, nhà vua sai đặt Đằng Châu lên làm phủ.

Lời chua – *Đằng Châu :* Xem ngang với Tống, Thái tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 28).

Thân đi đánh mán Cử Long.

Trước đây, nhà vua đóng ở xã Phù Lan, có tin chạy trạm đến tâu rằng mán Cử Long vào cướp, đã kéo đến cửa biển Thần Đầu. Khi đã dẹp yên Phong Châu, rút quân về đến sông Tham, nhà vua liền vào Ái Châu để đánh giặc mán Cử Long.

Lời chua – *Cử Long :* Tên một dân tộc Mán. Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34).

Cửa Thần Đầu : Ở địa giới huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Nhà Lê đổi là Thần Phù ; bây giờ là cửa Chính Đại. Chb. I, 40

Tham : Tên sông, chưa rõ ở đâu.

Ái Châu : Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Bính Ngọ, năm thứ 13 (1006).(Đế Long Đĩnh vẫn theo niên hiệu cũ : năm Ứng Thiên thứ 13. - Tống, năm Cảnh Đức thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Sạ làm Khai phong vương ; con nuôi là Thiệu Lý làm Sở vương, Thiệu Hưng làm Hán vương.

Lời cẩn án – *Long Đĩnh giết anh mà tự lập, hoang dâm thành bệnh, nằm mà coi chầu, nhân gọi là Ngoạ Triều.* Sử cũ *chép là "Ngoạ Triều hoàng đế", có lẽ là theo tên gọi thời bấy giờ, chứ không phải là tên thuỵ. Chép vậy thật là trái thường quá lắm ! Này, đã không có tên thuỵ, thì cứ chép thẳng tên thực, đó là biến lệ của* sử Cương mục *(Trung Quốc) . Nay đổi lại, chép là "Đế Long Đĩnh" để cho hợp với ý nghĩa và thể lệ của* Cương mục *dẫn trên.*

Đặt lại quan chế và triều phục.

Đặt lại quan chế văn vũ và triều phục, đều theo như kiểu mẫu của nhà Tống.

Lời chua – Triều phục nhà Tống thế này : có ba hạng mũ : l) Mũ tiến hiền, là phẩm phục hàng nhất phẩm và nhị phẩm ; 2) Mũ điêu thiền là phẩm phục hàng tam phẩm các ti, hàng tam phẩm ngự sử đài, và hàng ngũ phẩm hai sảnh ; 3) mũ giải trãi, là phẩm phục từ tứ phẩm đến lục phẩm. Công khanh trở lên mặc màu tía ; ngũ phẩm trở lên mặc màu đỏ ; thất phẩm trở lên mặc màu lục[1]; cửu phẩm trở lên mặc màu xanh. Chb. I, 41

Tháng 6, mùa hạ. Sứ nhà Tống sang.

Trước đây, các vương tranh nhau nối ngôi, trong nước rối loạn. Vua Tống nghe tin, sai Tri châu ở Quảng Châu là Lăng Sách cùng với An phủ sứ nơi duyên biên là Thiệu Việp tuỳ tiện liệu tính công việc rồi tâu bày. Bọn Lăng Sách dâng thư nói rằng : cứ như lời bọn Hoàng Khánh Tập, người Giao Chỉ, do nhà đương cục Liêm Châu đưa đến, thì các con Nam Bình vương[2] đến phân tán đóng giữ các trại, các sách, quan lại rời rạc chia lìa, nhân dân lo sợ. Vậy xin đem quân sang đánh dẹp ; Khánh Tập xin làm tiên phong hẹn ngày lấy được. Nếu triều đình y theo lời thỉnh cầu đó xin dùng đồn binh ở các châu Quảng Nam[3] rồi thêm vào đấy 5.000 quân Chb. I, 42

(1) Màu xanh lá cây

(2) Chỉ Lê Đại Hành.

(3) Xem "*Lời chua*" ở sau của *Cương mục.*

tinh nhuệ ở Kinh[1] Hồ[2], thuỷ bộ cùng tiến sang thì có thể lập tức bình định được. Song, vua Tống cho rằng họ Lê bấy lâu vẫn giữ lễ cống, nên không nỡ đem quân sang đánh, xuống chiếu bảo bọn Lăng Sách phải chiêu an vỗ về như cũ, cốt khiến cho yên. Rồi sai Thiệu Việp đem thư sang hiểu dụ. Nhà vua[3] sợ, xin sai em sang cống.

Lời chua – *Quảng Nam :* Theo sách *Thanh Nhất thống chí*, tỉnh Quảng Đông về đời Ngũ Đại (907 - 959), là nước Nam Hán , nhà Tống đặt làm Quảng Nam đông lộ và Quảng Nam tây lộ ; nhà Nguyên gộp lại đặt ra đạo Quảng Đông ; nhà Minh đổi làm tỉnh Quảng Đông ; nhà Thanh cũng để tên như thế.

Quảng Châu : Xem Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Minh Đề từ Tống trở về.

Từ cuối niên hiệu Ứng Thiên (1004), Minh Đề vâng mạng sang Tống, vì trong nước rối loạn, không về được, phải đóng lại Quảng Châu. Đến đây, vua Tống xuống chiếu bảo An phủ sứ là Thiệu Việp cấp người và thuyền để cho về. Thiệu Việp nhân dịp này, tính chiếm lấy nước ta, bèn dâng bức địa đồ thuỷ lục từ Ung Châu đến Giao Châu. Vua Tống đưa bức địa đồ ấy cho các cận thần xem và bảo : Giao Châu là nơi lam sơn chướng khí, nếu đem quân sang đánh, chắc sẽ tổn hại nhiều. Vậy ta chỉ nên cẩn thận giữ lấy đất đai của ông cha". Sự toan tính ấy vì thế mới thôi.

Lời chua – *Ung Châu :* Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb.I,14).

Giao Châu : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb.IV,20).

Đinh Mùi, năm thứ 14 (1007). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 4).

Mùa xuân. Sai em là Minh Sưởng sang nhà Tống.

---

(1) Giang Lăng phủ đời Tống, thuộc tỉnh Hồ Bắc.

(2) Hồ Châu đời Tống, thuộc tỉnh Chiết Giang.

(3) Chỉ Lê Ngoạ Triều.

Nhà vua sai Minh Sưởng và chưởng thư ký là Hoàng Thành Nhã đem con tê trắng sang biếu nhà Tống, dâng biểu xin cửu kinh[1] và kinh sách đại tạng. Nhà Tống ưng thuận cho cả. Nhà vua lại sai sứ đem biếu con tê đã nuôi quen. Vua Tống cho rằng con tê từ xa đến không quen thuỷ thổ, nên đợi khi sứ giả ta về, đem thả ra ngoài bãi biển. Nhà vua (Long Đĩnh) lại dâng biểu xin áo giáp và mũ trụ trang sức bằng vàng, đều được vua Tống ưng cho. Lại xin cho ta sang "hỗ thị" ở Ung Châu, mua bán đổi chác với người Tống ; nhưng vua Tống không nghe, chỉ cho mua bán đổi chác ở Liêm Châu và trấn Như Hồng thôi. Chb. I, 43

Lời chua – *Đại Tạng :* Kinh nhà Phật.

Hỗ thị : Đem chỗ có đến chỗ không đổi chác lẫn nhau ở chợ.

Liêm Châu : Tức Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 25 - 26).

Trấn Như Hồng : Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 3 (Chb. I, 31).

Tháng 8, mùa thu. Sứ nhà Tống sang.

Vua Tống phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, cho tên là Chí Trung. Theo như phép cũ, khi mới trao quyền ở Giao Châu thì chỉ ban tiết việt, chứ chưa phong tước vương. Đến Tống Chân Tông (998 - 1022) cho rằng Giao Châu ở xa, phải có ân điển triều đình mới có thể trấn phục được, nên đặc cách sai đúc ấn "Giao Chỉ quận vương" đem sang cho ; lại truy phong Đại Hành hoàng đế làm Nam Việt vương, và sửa lễ tế viếng. Chb. I, 44

(1) Chín kinh sách nhà nho. Có hai thuyết. Thuyết thứ nhất *Cửu kinh* gồm có : 1) *Chu lễ* ; 2) *Nghi lễ* : 3) *Lễ ký* ; 4) *Tả truyện* : 5) *Công dương* ; 6) *Cốc lương* ; 7) *Dịch* ; 8) *Thi* ; 9) *Thư*. Thuyết thứ hai : 1) *Dịch* ; 2) *Thi* ; 3) *Thư* ; 4) *Lễ* ; 5) *Xuân Thu* ; 6) *Hiếu kinh* ; 7) *Luận ngữ* ; 8) *Mạnh tử* ; 9) *Chu lễ*.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 2

Từ Mậu Thân (1008). Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 1 đến hết Kỷ Mão (1039), Lê Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 1, gồm 32 năm (1008 - 1039). Chb. II, 1

*

Mậu Thân (1008), Lê đế Long Đĩnh năm Cảnh Thuỵ thứ 1. (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 1).

Lập con nuôi của Hoàng hậu là Lê Ốc Thuyên làm Tam Nguyên vương.

Lời chua – *Hoàng hậu :* Cảm thánh hoàng hậu.

Tam Nguyên : *Sử cũ* chua "có chỗ chép là Nhị Nguyên".

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1009) : (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 2. Năm này nhà Lê mất).

Đào sông ở Ái Châu.

Đô đốc Kiểu Hành Hiến xin đào sông, đắp đường và lập đồn dựng mốc ở Ái Châu. Nhà vua nghe theo, xuống chiếu cho quân và dân châu ấy đào sông từ cửa ải Chi Long qua núi Đính Sơn đến sông Vũ Lũng.

Lời chua – *Ái Châu* : Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,20).

Cửa ải Chi Long : Theo *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư*, cửa ải Chi Long ở huyện Chi Nga, Chi Nga bây giờ là huyện Nga Sơn.

Vũ Lũng : Tên châu. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb.I,27).

Nhà vua đi Ái Châu, đến sông Vũ Lũng.

Tục truyền : Ai bơi lội qua sông Vũ Lũng thường hay bị hại, nhà vua sai đóng thuyền để chở người qua lại. Chb. II, 2

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua thân đi đánh châu Hoan Đường và châu Thạch Hà.

Nhà vua đến sông Hoàn Giang, sai phòng át sứ Hồ Thủ Ích đem hơn năm nghìn quân sửa sang mở mang đường sá, từ sông Châu Giáp đến cửa Nam Giới. Nhà vua đi thuyền ra ngoài biển bỗng dưng sóng gió sôi nổi, mây mưa mờ mịt, bèn sai quay thuyền trở lại, đi đường bộ về kinh đô.

Lời chua – *Hoan Đường :* Thuộc đất Hoan Châu. Nhà Đinh, nhà Lê (Lê Đại Hành) gọi là châu Hoan Đường ; khi thuộc Minh đổi là Thạch Đường ; về sau, nhà Lê đổi là huyện Nam Đường. Nay vẫn theo như tên cũ, thuộc phủ Anh Sơn tỉnh Nghệ An.

Thạch Hà : Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 38). *Cửa biển Nam Giới :* Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 10 (Chb,I.12).

Sông Hoàn Giang : Không khảo được.

Tháng 10, mùa đông. Lê đế Long Đĩnh mất.

Nhà vua có tính hiếu sát : Những súc vật dùng làm món ăn, tất phải chính tay mình đâm chết trước. Dùng nhiều hình phạt tàn ngược để giết người : hoặc quấn cỏ vào thân người rồi lấy lửa đốt ; hoặc sai Liêu Thủ Tâm, tên phường chèo người Tống, cầm con dao cùn lóc thịt người để cho không chết ngay được, thấy người bị hành hình ấy đau đớn kêu gào, Thủ Tâm nói khôi hài rằng nó không quen chịu chết, thì nhà vua ha hả cười. Đi đánh dẹp, bắt được tù binh, đều tống vào cái "thủy lao" để cho nước triều dâng lên thì sặc nước, há mồm mà chết ; có khi bắt họ trèo lên ngọn cây rồi ở dưới chặt cây, cây đổ, người ngã chết, thì khanh khách cười, lấy làm vui Chb. II, 3

thích. Hồi đi đánh Án Động, bắt được tù binh người Mán, nhà vua sai đánh bằng gậy ; người Mán đau đớn gào, nhiều lần xúc phạm đến tên huý vua Đại Hành, thì lấy làm hả hê lắm. Lại tự làm tướng đi đánh Hoan Châu, bắt được người Mán, đem nhốt vào cái vựa mà đốt.

Mỗi khi coi chầu, thể nào nhà vua cũng sai những kẻ khôi hài đứng hầu ở hai bên, nếu có ai nói gì thì chúng liến láu nói theo mà cười ồ, để làm át và đánh lạc những tiếng tâu bày việc nước của các quan.

Minh Sưởng từ bên Tống về, dụ được nàng Tiêu thị, người Tống, đem dâng, nhà vua cho vào cung làm cung nhân.

Nhà vua hoang dâm tửu sắc, dần mắc bệnh trĩ, nằm mà coi chầu, nên người ta gọi là "Ngoạ Triều". Ở ngôi 4 năm, thọ 24 tuổi.

Lời cẩn án – *Thể lệ chép sử* Cương mục *(Trung Quốc) : đối với những vua chính thống, lúc mất, lúc táng đều có chép cả.*

Sử cũ *(của ta) không chép táng Lê đế Long Đĩnh ; nay không khảo được.*

Lời chua – *Hoan Châu :* Tức là Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).

Đây trở lên, nhà Lê từ Đại Hành niên hiệu Thiên Phúc thứ 2, năm Tân Tị (981), đến Long Đĩnh niên hiệu Cảnh Thuỵ thứ 2, năm Kỷ Dậu (1009), cộng 3 vua, 29 năm (981-1009).

Tả thân Điện tiền chỉ huy sứ[1] Lý Công Uẩn tự lập làm vua.

Chb. II, 4

Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, thuộc Bắc Giang, tư chất thông sáng, hình dạng tuấn tú khác đời. Khi còn nhỏ, thường học nhà sư Vạn Hạnh. Sư Vạn Hạnh lấy làm lạ, nói rằng : "Người này không phải tầm thường, mai sau tất làm chúa cả nước". Kịp khi lớn lên, Công Uẩn khẳng khái có chí lớn. Khoảng giữa niên hiệu Ứng Thiên nhà Lê, làm cấm quân dưới triều Trung Tông. Ngoạ Triều khi đã

(1) Chức quan trông coi binh lính trực ban ở trước điện nhà vua.

cướp ngôi làm vua, thăng Công Uẩn lên điện tiền chỉ huy sứ. Trước đó, sét đánh vào cây gạo làng Diên Uẩn, vết hằn có bài thế này :

Thụ căn diểu diểu,
Mộc biểu thanh thanh
Hoà đao mộc lạc
Thập bát tử thành,
Đông A nhập địa,
Dị mộc tái sinh,
Chấn cung hiện nhật,
Đoài cung ẩn tinh,
Lục, thất niên gian,
Thiên hạ thái bình"[1].

Sư Vạn Hạnh tán riêng rằng : "Hoà đao mộc" là chữ Lê. "Thập bát tử" là chữ Lý. "Đông A" là họ Trần. "Nhập địa" là giặc Bắc phương vào lấn cướp. "Dị mộc tái sinh" là họ Lê lại nổi lên. Ý nói họ Lê đổ, họ Lý lên, trong khoảng sáu bảy năm, thiên hạ thái bình". Rồi Vạn Hạnh bảo Công Uẩn :"Gần đây suy đoán lời sấm, thì họ Lý chắc khởi nghiệp lớn". Sợ lời đó lộ liễu, Công Uẩn sai người giấu sư Vạn Hạnh đi ; nhưng cũng lấy thế làm tự phụ. Ngoạ triều thường ăn quả khế, thấy có hạt mận[2], lại ngẫm nghĩ đến lời sấm nên ngầm tìm dòng dõi họ Lý mà giết đi :

(1) Nghĩa đen từng chữ :
Rễ cây thăm thăm,
Ngọn cây xanh xanh,
"Hoà đao" (hoà = lúa ; đao = đao) tàn rụng.
"Thập bát" (thập = mười ; bát = tám) mọc thành cây.
Họ "Đông A" (Trần : một nửa là chữ "đông", một nửa là chữ "A" vào đất.
Cây khác lại mọc lên. .
Cung đằng đông (Chấn, một quẻ trong bát quái (kinh Dịch), thuộc về phương đông) có mặt trời mọc.
Cung đằng tây (Đoài : như trên, phương tây) có sao lờ mờ.
Sáu bảy năm đây
Cả nước thái bình.

(2) Chữ "lý" có nghĩa là cây mận.

nhưng Công Uẩn ở ngay bên mình, thế mà không biết. Kịp khi Ngoạ Triều mất, vua kế tự còn thơ ấu ; Chb.II, 5
Công Uẩn vào túc trực ở trong cung, chi hậu[1] Đào Cam Mộc nhân dịp, nói : "Mới đây, chúa thượng là người mờ tối, tàn bạo, lòng trời ghét bỏ. Con kế tự hãy còn trẻ thơ, không cáng đáng nổi lúc nước nhà lắm nỗi hoạn nạn. Dân tình đâu đấy nhao nhao, cũng muốn kiếm được một vị chân chúa. Quan thân vệ[2] sao không nhân lúc này, nghĩ ra mưu cao, quyết đoán sáng suốt, trông gương Thang, Vũ ngày xưa, theo lối Đinh, Lê gần đó, trên thuận lòng trời, dưới theo nguyện vọng của dân, còn khư khư giữ tiểu tiết làm chi nữa?". Công Uẩn thấy nói, trong bụng bằng lòng, nhưng bề ngoài vẫn cứ giả vờ trách móc Cam Mộc. Hôm sau, Cam Mộc lại nói : "Người trong nước bây giờ đều biết họ Lý chắc khởi nghiệp, lời sấm đã rõ rệt rồi, không còn che giấu được nữa. Đổi vạ ra phúc, chỉ ở chốc lát bây giờ. Quan thân vệ lại còn ngờ gì nữa ?". Công Uẩn nói : "Tôi biết ý ông không khác ý thày Vạn Hạnh. Nếu quả như lời, thì mưu tính sao ?" Cam Mộc nói : "Quan thân vệ là người công bằng, rộng lượng và nhân đức, được lòng mọi người. Hiện nay trăm họ kiệt quệ, mệt mỏi không chịu đựng nổi chính lệnh triều đình. Quan thân vệ nhân dịp này, đem ân đức vỗ về họ, chắc họ sẽ đổ xô theo về như nước chảy chỗ trũng, còn ai ngăn cản được ?" Cam Mộc sợ việc chậm lại, sẽ sinh biến chăng, mới đem việc đó nói với khanh sĩ và các quan, thì không ai dám có ý gì khác cả. Ngay hôm ấy, mọi người hội họp ở nhà triều đường, cùng nhau bàn rằng : Ngày nay, đối với nhà Lê, ức triệu người đều khác lòng, quan và dân đều lìa bỏ. Nếu không nhân dịp này, tôn quan thân vệ[2] lên làm thiên tử, lỡ có biến cố gì xảy ra, thì bọn ta liệu có giữ được khỏi mất không ? Chb. II, 6

(1) Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.
(2) Chỉ Lý Công Uẩn.

Bấy giờ các quan mới cùng nhau phò Công Uẩn đến nhà chính điện lên ngôi hoàng đế. Trăm quan thụp lạy, đâu đấy tung hô "vạn tuế". Công Uẩn đại xá cho cả nước, lấy sang năm làm năm đầu một niên hiệu mới. Đốt hết dò lưới[1], xoá bỏ việc tù ngục và kiện tụng ; xuống chiếu cho phép từ nay hễ ai có việc tranh giành thưa kiện, được đến tận triều đình mà tâu bày, nhà vua sẽ thân ra phân xử.

Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Bầy tôi dâng tôn hiệu đặt cho nhà vua là Phụng Thiên chí lý ứng vận tự tại thánh minh long hiện duệ văn anh vũ sùng nhân quảng hiếu thiên hạ thái bình khâm minh quang trạch chương minh vạn bang hiểu ứng phù cảm uy chấn phiên man duệ mưu thần trợ thánh trị tắc thiên đạo chính hoàng đế.

Lời phê – *Nhà Lý được nước*[2]*, cũng không phải chính nghĩa cho lắm, nhưng đương buổi Lê Ngoạ triều, lòng người lìa tan, sinh dân vô chủ, không về với Công Uẩn còn biết theo ai ? Cho nên, nhà Lý thì dường như được trời tựa, người theo ; nhà Lê thì rõ là thoán đoạt. Còn việc làm của hai nhà ấy, đằng nhân nghĩa, đằng bạo ngược, rõ rệt khác nhau ; mà các vua kế tự, bên hiền tài, bên hư hỏng, cũng sai biệt hẳn. Vì thế, một nhà thì ngắn ngủi, một nhà thì lâu dài : phải lắm !*

Lời phê – *Tôn hiệu phiền phức dài dòng quá lắm !*[3] *Rất trái với lẽ thường, cũng rất tỏ rõ cái thói bợ đỡ.*

Lời chua – *Bắc Giang :* Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, Quang Thuận năm thứ 10 (Chb.XXI,28).

Cổ Pháp : Tên châu. Từ Đinh về trước gọi là châu Cổ Lãm ; nhà Lê đổi là Cổ Pháp ; nhà Lý đặt lên làm phủ Thiên Đức ; nhà Trần đổi là huyện Đông Ngàn. Về sau, nhà Lê vẫn theo tên cũ. Bây giờ là huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Diên Uẩn : Tên làng, thuộc châu Cổ Pháp.

---

(1) Ý nói ơn đức vua mới nhuần thấm đến cả chim muông.

(2) Chỉ việc Lý thay Lê.

(3) Chỉ việc đặt tên hiệu cho Lý Thái Tổ.

Truy tôn cha làm Hiển Khánh vương, mẹ là Phạm thị làm Minh Đức hoàng thái hậu.

Mẹ ngài là Phạm thị, đi chùa Tiêu Sơn, gặp thần nhân giao cấu, do đấy có thai, sinh ngài năm Giáp Tuất, Thái Bình thứ 5 (974) đời Đinh. Khi ngài lên ba tuổi, sư chùa Cổ Pháp là Lý Khánh Văn nuôi làm con, nhân đấy lấy theo họ Lý. Chb. II, 7

Lời cẩn án – *Lý Thái Tổ làm con nuôi sư Lý Khánh Văn, còn bố đẻ không biết là ai. Sử cũ ở đây chép truy tôn cha mà không chép tên, lại không nói rõ là bố đẻ hay là bố nuôi, về sau chép phong cho anh, phong cho chú, lại không thấy nói họ tên.*

Vậy hãy tạm để lại, sẽ khảo sau.

Lời chua – *Chùa Tiêu Sơn* : Tức chùa Trường Liêu, ở xã Tiêu Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Chùa Cổ Pháp : Ở xã Đình Bảng, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Lập sáu Hoàng hậu.

Riêng người vợ cả gọi là Lập Giáo hoàng hậu. Những đồ ăn mặc và xe đi đều khác với các bà hậu kia.

Lập con là Phật Mã làm thái tử.

Phật Mã là con trưởng, thiên tư dĩnh ngộ, tinh thông Lục nghệ[1] và Lược thao[2]. Khi còn nhỏ, chơi với trẻ con, Phật Mã hay tập làm nghi vệ bách quan rước xách. Nhà vua nói bỡn rằng : "Con nhà tướng[3] nên tập quân sự, chứ chơi trò rước xách làm gì?" Phật Mã thưa : "Họ Lê lên thay họ Đinh, chẳng phải là nhà tướng đấy dư ? Chẳng qua là tự trời cho đó mà thôi !". Nhà vua lấy làm lạ. Đến đây lập làm thái tử. Chb. II, 8

Bấy giờ, các con đều phong tước hầu, 13 người con gái đều phong công chúa. Và phong anh làm Vũ Uy vương, phong chú

(1) Về lục nghệ có hai thuyết : 1. Lễ, nhạc, xạ, (bắn), ngự (cầm cương ngựa), thư (viết) số (tính) ; 2. Cũng gọi là Lục kinh : *Dịch, Lễ, Nhạc, Thi, Thư* và *Xuân thu*.

(2) Tức là binh thư *Tam Lược* và *Lục thao*, Tam lược có sách, theo như cũ đã đề, do Hoàng Thạch Công soạn - *Lục thao* là sách của Thái Công, gồm có Văn thao, Vũ thao, Long thao, Hổ thao, Báo thao, Khuyển thao.

(3) Lúc ấy Lý Công Uẩn giữ chức điện tiền chỉ huy sứ triều Lê.

làm Vũ Đạo vương. Lại phong Trưng Hiển, con Vũ Uy vương làm thái uý, và phong Phó, con Dực Thánh vương, làm tổng quản.

Lời chua – *Vũ Uy vương, Vũ Đạo vương, Dực Thánh vương :* đều không rõ tên là gì. Theo sách *Thiên Nam trung nghĩa lục* của Phạm Phi Hiển, Dực Thánh vương là con thứ hai Lý Thái Tổ.

Phong Đào Cam Mộc làm Nghĩa tín hầu.

Cam Mộc có công phò giúp lên ngôi, nhà vua phong cho tước hầu và gả cho công chúa An Quốc.

Ban áo mặc cho hàng tăng đạo.

Năm Canh Tuất (1010), Lý Thái Tổ hoàng đế năm Thuận Thiên thứ 1. (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân, sang chơi châu Cổ Pháp, ban tiền và lụa cho các kỳ lão có thứ bậc khác nhau.

Xa giá nhà vua đến châu Cổ Pháp, yết lăng Thái hậu, sai các quan đo đất vài mươi dặm đặt làm cấm địa thuộc sơn lăng ; nhân dịp ấy ban tiền và lụa cho các kỳ lão .

Lời chua – *Cổ Pháp :* Tên châu. Xem Lê Long Đĩnh năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb.II,7). Chb. **II**, 9

Sai sứ sang nhà Tống.

Sai viên ngoại lang là Lương [Nhậm] Văn và Lê Tái Nghiêm đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống. Các quan nhà Tống muốn từ chối, nhưng vua Tống nói : "Họ Lê thay nhà Đinh, họ Lý cũng bắt chước làm theo. Ta đối với Lê hay Lý, nào có khác gì !". Bèn nhận lễ sính.

Tháng 7, mùa thu, dời kinh đô đến thành Thăng Long.

Nhà vua cho rằng thành Hoa Lư trũng thấp, chật hẹp, nên muốn dời kinh đô đi chỗ khác, dụ bầy tôi rằng : "Xưa kia, nhà Thương năm lần thiên kinh đô, nhà Chu ba lần thiên kinh đô, thảy đều trên kính vâng mạng trời, dưới thuận theo lòng dân, để làm chước lâu dài hàng muôn đời. Gần đây, nhà Đinh, nhà Lê theo ý riêng mình, ở đâu yên đấy, không biết lo xa, nên hưởng nước không được lâu dài ; trẫm lấy làm đau lòng lắm !

Trẫm nay mở xem địa đồ, Đại La thành, kinh đô cũ của Cao Biền, ở trung tâm đất nước, có hình thế hiểm yếu như rồng bò hổ phục, bốn phương sum họp, người và vật đông nhiều, thực là chỗ kinh đô quý nhất của đế vương. Trẫm muốn nhân chỗ địa lợi ấy đóng làm kinh đô. Ý các khanh nghĩ thế nào ?" Bầy tôi đều thưa : "Bệ hạ nói đến việc ấy thực là lợi cho thiên hạ muôn đời".

Nhà vua bằng lòng lắm, mới từ Hoa Lư dời kinh đô đến Đại La thành. Thuyền ngự đến bên thành, có con rồng hiện ra. Nhà vua sai đổi tên là thành Thăng Long[1]. Chb. **II**, 10

Ở trong thành, khởi công xây dựng cung điện : phía trước là điện Kiền Nguyên, dùng làm chỗ coi chầu, hai bên tả, hữu làm điện Tập Hiền và điện Giảng Vũ, đều có thềm rồng. Lại mở ba cửa : cửa Phi Long thông với cung Nghinh Xuân ; cửa Đan Phụng thông với cửa Uy Viễn. Đằng sau điện Kiền Nguyên có điện Long An và điện Long Thuỵ, làm chỗ nhà vua nghỉ ngơi. Hai cung Thúy Hoa và Long Thuỵ để cho các phi tần ở. Lại lập kho đụn, xây thành, đào hào. Mở bốn cửa thành : phía Đông là cửa Tường Phù, phía Tây là cửa Quảng Phúc, phía Nam là cửa Đại Hưng, phía Bắc là cửa Diệu Đức.

Lời chua – *Hoa Lư thành :* Xem Nam tấn, Ngô Xương Văn, năm thứ 1 (Tb.V,24).

Đại La thành : Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb.V, 10).

Thăng Long thành : Theo *Hà Nội sách,* nhà Lý gọi là thành Thăng Long ; nhà Trần đổi làm Đông Đô, khi thuộc Minh gọi là Đông Quan thành ; nhà Lê gọi là Đông Kinh, năm Gia Long thứ 4, đổi là Thăng Long. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội.

Đổi thành Hoa Lư làm phủ Trường Yên. Đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ Thiên Đức.

(1) Chữ "Thăng Long" đời Lý là "Rồng lên" khác với nghĩa chức "Thăng Long" thời Gia Long là "Thịnh vượng".

Đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ Thiên Đức, lại đổi sông Bắc Giang làm sông Thiên Đức.

Lời chua – *Phủ Trường Yên :* Nhà Lý đặt làm phủ, nhà Trần, nhà Lê đều để theo tên cũ. Bây giờ là phủ Yên Khánh tỉnh Ninh Bình. Chb. II, 11

Châu Cổ Pháp : Xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb.II,6).

Sông Thiên Đức : Có tên nữa là sông Diên Uẩn hoặc sông Đông Ngàn. Đó là dòng sông do sông Nhị Hà tách ra, chảy qua huyện Đông Ngàn và huyện Quế Dương đổ vào sông Lục Đầu. Bây giờ là sông Chiêm Đức, tỉnh Bắc Ninh.

Dựng chùa ở phủ Thiên Đức.

Phát hai vạn quan tiền, dựng tám cảnh chùa, đều lập bia ghi công đức. Lại ở trong thành Thăng Long, dựng chùa Hưng Thiên ngự tự, cung Thái Thanh và chùa Vạn Tuế ; ở ngoài thành dựng chùa Thắng Nghiêm, chùa Thiên Vương, chùa Cẩm Y, chùa Long Hưng, chùa Thái Thọ, chùa Thiên Quang và chùa Thiên Đức, những đền chùa ở các làng mạc, có ngôi nào đổ nát, đều sai sửa chữa lại cả.

Lời phê – *Nịnh Phật quá chừng, gây nên mối tệ về sau, hay là Lý Thái Tổ mê hoặc là mình xuất thân từ cửa Phật chăng ? Dầu sao cũng không phải là chính đạo.*

Tháng 12, mùa đông. Cung Thuý Hoa làm xong. Đại xá.

Xá thuế ba năm cho cả nước. Phàm những thuế các năm trước còn thiếu đều xoá bỏ cho cả. Những người Mán bị bắt làm tù binh từ năm Cảnh Thuỵ[1] nhà Lê, đều phát quần áo, tha cho về.

Sứ nhà Tống sang. Chb. II, 12

Từ Đinh, Lê đến nay, sứ Tống sang sách phong, trước phong chức Kiểm hiệu Thái uý, rồi đến chức Tiết độ, đô hộ, sau mới phong là Quận vương. Đến đây, bắt đầu

(1) Niên hiệu Lê Ngoạ Triều (1008 - 1009).

phong ngay là Giao chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ. Việc này về sau trở thành lệ thường.

Đổi mười đạo làm hai mươi bốn lộ ; Ái Châu và Hoan Châu làm trại.

Lại lập trại Định Phiên ở Hoan Châu nam giới, dùng Lý Thai Giai làm chủ trại.

Lời cẩn án – *Nhà Đinh đặt thập đạo quân ; nhà Lê chia mười đạo làm lộ, phủ, châu ; đến nay nhà Lý lại chia mười đạo làm hai mười bốn lộ. Tên đạo và tên lộ ra sao,* Sử cũ *đều không chép rõ. Vả, ở đây chép đổi mười đạo làm hai mươi bốn lộ, đặt Hoan Châu và Ái Châu làm trại, thì bấy giờ các châu đều gọi là châu, hoặc giả đặt châu làm lộ, còn Hoan Châu và Ái Châu là đất biên viễn, nên lại gọi là trại để phân biệt đó chăng ?*

Lời chua – *Ái Châu* : Tức Thanh Hoá.

Hoan Châu : Tức Nghệ An. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,20-21).

Chb. **II**, 13

Hoan Châu nam giới : Theo *Nghệ An phong thổ ký* của Bùi Dương Lịch, Hoan Châu nam giới là ở đất huyện Kỳ Hoa. Bây giờ Kỳ Hoa là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tân Hợi, năm thứ 2 (1011). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh và diệt được mán Cử Long.

Mán Cử Long giữ nơi hiểm yếu, cậy sức kiên cố, từ Đinh, Lê đến nay vẫn không chinh phục được. Đến Lý bây giờ, Cử Long ngày càng quá rông rỡ, nhà vua thống suất sáu quân đi đánh : bắt được tên đầu sỏ của chúng, rồi rút về. Từ đó Cử Long mới bị diệt hẳn.

Lời chua – *Cử Long :* Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb.I, 34-35).

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Viên ngoại lang là Lý Nhân Nghĩa và Đào Khánh Văn sang Tống biếu sản vật địa phương. Khánh Văn lẩn trốn ở lại bên Tống ; người Tống bắt, giao trả lại. Nhà vua sai đánh bằng trượng giết chết.

Dựng điện Hàm Quang ở bến sông Phú Lương.

Làm điện ở bên sông Phú Lương là để dùng trong những lúc đi chơi, vãn cảnh.

Lời chua – *Sông Phú Lương :* Sông này trên liền với sông Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây, dưới thông với sông Đại Hoàng tỉnh Nam Định chảy suốt ra biển. Bây giờ là sông Nhị Hà thuộc Hà Nội.

Nhâm Tí, năm thứ 3 (1012). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 5). Chb. **II**, 14

Tháng 4, mùa hạ. Sửa lại hai điện Long An và Long Thuỵ.

Hai điện này làm từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) ; đến đây sửa lại.

Lập thái tử Phật Mã làm Khai Thiên vương.

Nhà vua thấy thái tử sinh trưởng ở nơi cung cấm, chưa am hiểu việc dân, nay phong cho tước vương và làm cung Long Đức ở ngoài thành để cho ở.

Lời cẩn án – *Thái tử là vị hoàng tử trong nước. Lý Thái Tổ lập Phật Mã làm thái tử thế là người trù bị nối ngôi đã định rõ rồi. Nếu muốn cho Thái tử biết khắp mọi việc dân gian thì nên chọn lấy những bậc sư phó có hiền đức mà dạy bảo chỉ dẫn cho thì hơn. Nay lại phong tước vương, cho ở ngoài thành, không khác gì các vương khác, như thế không phải đạo tôn trọng người nối dõi tông đường và thống nhất lòng dân. Về sau, Lý Thái Tông lập Thái tử Nhật Tôn làm Khai Hoàng vương, cũng bắt chước làm như thế, thực là trái thường lắm.*

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi xem bơi trải.

Bơi thuyền thi ở sông Phú Lương, nhà vua ngự điện Hàm Quang để xem. Suốt đời nhà Lý, việc xem bơi trải trở thành lệ thường.

Tháng 12, mùa đông. Nước Chân Lạp sang cống. Chb. II,15

Nước Chân Lạp ở phía nam nước Chiêm Thành, khoảng niên hiệu Thuận Thiên (1010 - 1026), tất cả bốn lần sang triều cống nước ta.

Lời chua – *Nước Chân Lạp* : Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12. (Tb. IV, 39).

Nhà vua thân đi đánh và dẹp được Diễn Châu.

Người Diễn Châu chống lại mệnh lệnh triều đình, nhà vua tự cầm quân đi đánh. Khi quân về đến cửa Biện, gặp cơn gió mưa mờ mịt, sấm chớp ầm ầm, mọi người đều sợ có sự bất trắc. Nhà vua đốt hương, khấn trời rằng : "Tôi là người ít đức, đứng đầu quan và dân, vẫn nơm nớp sợ hãi, như lo lỡ sa xuống vực sâu. Chỉ vì người Diễn Châu ngang ngạnh, không theo giáo hoá, nên bất đắc dĩ phải đi đánh dẹp. Trong vòng gươm giáo, chắc không khỏi có sự oan uổng tới dân lành, đến nỗi làm cho hoàng thiên nổi giận ; một mình tôi đây dù phải chịu nạn cũng không dám ân hận gì, nhưng còn sáu quân vô tội thì sao ? Kính xin lòng trời soi xét cho". Khấn vừa dứt lời, sấm gió yên ngay.

Lời phê – *Lời Lý Thái Tổ khấn trời, tỏ ra rất có đức độ đế vương ; thật chẳng khác Thành Thang nhà Thương đem sáu việc*[1]*, trách mình trong khi gặp nạn bảy năm hạn hán : thảo nào giữa người và trời có sự cảm ứng không sai.*

Lời chua – *Diễn Châu* : Tên phủ. Xem Thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

---

(1) Sáu việc mà Thành Thang nêu ra để xét mình khi trong nước bị đại hạn luôn bảy năm : 1) Chính sự không có chừng mực chăng ? 2) Dân chúng không có nghề nghiệp làm ăn chăng ? 3) Cung thất đồ sộ chăng ? 4) Nữ sắc quá nhiều chăng ? 5) Có tệ hối lộ và dân bị oan uổng nhiều chăng ? 6) Hay nghe lời nịnh hót, làm mất lẽ công bằng chăng ? *(Tăng bình lịch sử cương giám bổ,* quyển 1, tờ 12a).

Cửa Biện : Ở địa phận huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Bây giờ vẫn là cửa Biện.

Quý Sửu, năm thứ 4 (1013). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 6).

Chb. II, 16

Tháng 2 mùa xuân. Đặt thể lệ thuế khoá.

1) Thuế đầm, ao, ruộng đất ; 2) Thuế tiền bãi dâu ; 3) Thuế sản vật ở núi rừng ; 4) Thuế mắm muối dưới sự kiểm soát của các nơi quan ải ; 5) Thuế sừng tê, ngà voi và hương liệu ở nơi thổ mán ; 6) Thuế gỗ lạt, hoa quả ở miền núi. Thảy đều đặt rõ lệ ngạch để đánh thuế. Cho các vương, hầu và công chúa được quản lĩnh các thuế có từng thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, mùa hạ. Lập con là Bồ làm Khai Quốc vương.

Tháng 10, mùa đông. Châu mục Vị Long là Hà Trắc Tuấn làm phản. Nhà vua tự cầm quân đi đánh, Trắc Tuấn chạy trốn.

Trước đó, người Mán đến châu Vị Long đổi chác, mua bán ; nhà vua sai người đến bắt, tước được hơn một vạn con ngựa. Đến đây, Trắc Tuấn làm phản, lại ngả theo người Mán. Nhà vua thân đi đánh : Trắc Tuấn sợ, chạy trốn.

Bấy giờ tàu ngựa của vua có một con ngựa, hễ ngự giá sắp đi đâu thì nó thể nào cũng hí lên. Nhà vua đặt tên cho là Bạch Long thần mã.

Lời chua – *Vị Long* : Tên châu. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Vị Long nhà Lý, nhà Trần vẫn theo tên như thế. Khi thuộc Minh đổi là Đại Man. Về sau, nhà Lê vẫn để tên ấy. Bây giờ là đất châu Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Người Mán : Tức là mán Hạc Thác. Xem Năm Thuận Thiên, thứ 5 (Chb. II, 17). Theo *Ngu Hành chí* của Phạm Thành Đại nhà Tống, đất Nam Chiếu liền với rợ Tây Nhung, có sản nhiều ngựa ; ngựa ở đây là giống tốt nhất của tây nam phiên. Sách *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn cũng chép : Về miền Nam Chiếu sản nhiều ngựa tốt, nhân dân mua bán trao đổi với nhau lan tràn cả sang xứ lân cận.

Chb. II, 17

Giáp Dần, năm thứ 5 (1014). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Quân Mán vào cướp. Nhà vua sai Dực Thánh vương đi đánh, phá được giặc.

Tướng mán Hạc Thác là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí đem 20 vạn người vào cướp, đóng ở bến Kim Hoa, cắm dinh dàn đồn, gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục Bình Lâm là Hoàng Ân Vinh tâu việc ấy về triều. Nhà vua sai Dực Thánh vương (không rõ tên) đi đánh, phá được giặc, chém hàng vạn thủ cấp, bắt được quân và ngựa của địch, rồi rút về. Nhà vua sai bọn viên ngoại lang Phùng Chân đem một trăm con trong số ngựa đã bắt được ấy đưa biếu nhà Tống. Vua Tống hậu đãi họ, ban cho họ mũ, đai, đồ dùng và lụa có từng thứ bậc khác nhau.

Lời cẩn án – Sử cũ *ở đây chỉ chép là "người Mán" chứ không nói rõ là Mán nào. Nay theo sách* An Nam chí *của Cao Hùng Trưng, chép là mán Hạc Thác.*

Lời chua – *Hạc Thác* : Theo *Minh sử,* Nam Chiếu cũng có tên gọi nữa là Hạc Thác.

Bình Lâm : Theo *Độc sử phương dư kỷ yếu* của Cố Tổ Vũ, nhà Đường đặt châu Bình Lâm, rồi lại chia ra cho lệ thuộc vào các châu khác. Bây giờ là đất các huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng.

Tháng 10, mùa đông. Đắp thành đất ở Thăng Long. Chb. **II**, 18

Bốn bề xung quanh ngoài kinh thành đều sai đắp thành đất cả.

Đổi phủ Ứng Thiên làm Nam Kinh.

Lời chua – *Phủ Ứng Thiên* : Thuộc tỉnh Hà Nội. Nhà Lý gọi là Ứng Thiên ; khi thuộc Minh gọi là Ứng Bình ; nhà Lê lại gọi là Ứng Thiên. Bây giờ là phủ Ứng Hoà[1].

(1) Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Ất Mão, năm thứ 6 (1015). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào Cam Mộc mất.

Cam Mộc có công giúp Thái tổ lên ngôi, được phong tước hầu, đến đây mất, tặng phong thái sư.

Tháng 2. Hà Trắc Tuấn lại làm phản. Nhà vua sai đi đánh giết được Trắc Tuấn.

Trắc Tuấn lại nổi lên làm phản ở các châu Vị Long, Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên. Nhà vua sai Dực Thánh vương và Vũ Đức vương đi đánh, bắt được Trắc Tuấn điệu về kinh đô, chém đầu, bêu ở chợ Cửa Đông.

Lời chua – *Đô Kim* : theo *Đường thư Địa lý chí*, nhà Đường đặt châu Đô Kim, rồi lại chia ra, cho lệ thuộc vào các châu khác. Bây giờ là đất tổng Đô Kim, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Bình Nguyên : Từ khi thuộc Minh trở về trước gọi là châu Bình Nguyên. Nhà Lê ban đầu vẫn để tên cũ, rồi đổi là Vị Xuyên. Bây giờ là châu Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

Châu Thường Tân : Không khảo được.

Bính Thìn, năm thứ 7 (1016). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 9). Tháng 3, mùa xuân. Lại lập ba hoàng hậu. Chb. II, 19

Ba hoàng hậu là : Tá quốc, Lập nguyên và Lập giáo.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép Lý Thái Tổ trước đây đã lập sáu hoàng hậu. Lập Giáo hoàng hậu đứng đầu : đồ mặc và xe đi đều khác với các hoàng hậu kia. Đến đây lại chép lập ba hoàng hậu, mà Lập Giáo thì ở sau cùng. Điều này* Sử cũ *chắc có lầm lẫn ; nhưng hãy cứ chép lại đó, sẽ khảo sau.*

Động đất.

Sứ nhà Tống sang.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Đâu đấy được mùa cả.

Tha tô thuế 3 năm cho cả nước.

Đinh Tị, năm thứ 8 (1017). (Tống, năm Thiên Hi thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Điện Kiền Nguyên bị sét đánh.

Vì điện Kiền Nguyên bị sét đánh, nhà vua coi chầu ở điện phía đông.

Lời chua – *Điện phía đông* : Tức điện Tập Hiền.

Mậu Ngọ, năm thứ 9 (1018). (Tống, năm Thiên Hi thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Mới truy tôn và đặt tên thuỵ cho bà của nhà vua.

Lời phê – *Gốc tích họ Lý lờ mờ không khảo được, còn làm thế nào được việc truy tôn ? Nhưng ý trời chung đúc cho thì có khi người thường không thể lường biết được.*

Lời cẩn án – *Những đời trước của vua Lý Thái Tổ, thế thứ ra sao, tên và hiệu là gì đều không rõ cả. Ở đây chép truy tôn bà mà không nói đến ông. Ngô [Thì] Sĩ bảo "bà" đây là mẹ của thái hậu. Đối với những điều không lấy gì làm bằng cứ được, xin hãy chép lại để sẽ khảo sau.* Chb. **II**, 20

Tháng 6, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống xin kinh Tam tạng.

Sai viên ngoại lang Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc Như sang nhà Tống dâng biểu xin kinh Tam tạng ; vua Tống ưng cho. Kịp khi sứ bộ quay về, nhà vua xuống chiếu cho Phí Trí sang tỉnh Quảng Tây đón kinh về để kho ở Đại Hưng.

Lời chua – *Kinh Tam Tạng :* Kinh Phật. Tam tạng của nhà chùa gồm có Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

Tháng 10, mùa đông. Lập con là Lực làm Đông Chinh vương.

Tha một nửa tô ruộng cho cả nước.

Kỷ Mùi, năm thứ 10 (1019). (Tống, năm Thiên Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng nhà thái miếu ở lăng Thiên Đức.

Lời cẩn án – *Cổ giả lập kinh đô : phía trước là triều đình, phía sau là đô thị*[1], *bên tả là miếu thờ tổ, bên hữu là nền tế xã. Tổ miếu sở dĩ ở bên tả quốc đô, là cốt để hết lòng tôn kính về việc tế lễ thờ cúng. Đời sau, như Hán, Đường, Tống, nhà thái miếu đều dựng ở kinh đô, chứ chưa có đời nào lập thái miếu ở chỗ lăng tẩm. Lý Thái Tổ được nước mười năm rồi mà không thấy sử chép xây dựng nhà thái miếu ở kinh thành ; đến đây, mới thấy chép lập nhà thái miếu ở lăng Thiên Đức. Có lẽ vì bấy giờ những người bàn định lễ nghi chưa khảo kỹ được pháp chế đời xưa, hay là* Sử cũ *bỏ sót không chép việc dựng thái miếu ở kinh đô, mà lại nhận lầm tẩm miếu ở lăng Thiên Đức là thái miếu chăng ? Nay hãy chép lại đó để sẽ khảo sau.* Chb.**II**, 21

Lời chua – *Thiên Đức* : Tên phủ, Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ ; bây giờ là huyện Đông Ngàn[2]. Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng các vua triều Lý đưa về táng ở phủ Thiên Đức đều gọi là Thọ Lăng.

Độ dân trong nước làm thày chùa.

Trước đó, độ dân ở kinh đô ; đến đây, lại độ dân trong cả nước, lập đàn giới ở chùa Vạn Thọ, sai các tăng đồ đến thụ giới. Phát vàng đúc chuông lớn để ở các chùa Hưng Thiên, Đại Giáo và Thắng Nghiêm.

Canh Tân, năm thứ 11 (1020). (Tống, năm Thiên Hi thứ 4).

Tháng 12 mùa đông. Sai Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh và phá được nước Chiêm Thành.

Nhà vua sai Khai Thiên vương và Đào Thạc Phụ đem quân đi đánh Chiêm Thành ở trại Bố Chính, tiến thẳng đến núi Long Tị, chém được tướng Chiêm là Bố Lệnh tại trận ; người Chiêm chết mất quá nửa. Chb. **II**, 22

(1) Phố xá, chợ búa.

(2) Huyện Đông Ngàn nay không còn. Đất huyện Đông Ngàn cũ nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm (Hà Nội).

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức nước Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III,20-21).

Bố Chính : Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Long Tị : Ở địa phận xã Thuần Chất, huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình. Hình thế núi này nhô lên như vòi rồng, nên gọi là "Long Tị".

Điện phía đông bị sét đánh.

Vì điện phía đông bị sét đánh, nhà vua coi chầu ở điện phía tây. Lại dựng lên ba ngôi điện : điện ở đằng trước dùng làm nơi để coi chầu, hai điện ở đằng sau dùng để làm việc chính trị.

Lời chua – *Điện phía tây* : Tức là điện Giảng Vũ.

Điện phía đông : Xem năm Thuận Thiên thứ 8 (Chb. II, 19)

Tân Dậu, năm thứ 12 (1021). (Tống, năm Thiên Hi thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Ngày tiết Thiên Thành, thết yến tiệc các bầy tôi.

Đặt ngày sinh nhật nhà vua làm tiết Thiên Thành. Ngoài cửa Quảng Phúc kết trúc làm núi, gọi là Vạn Thọ nam sơn ; trên núi làm nhiều hình trạng chim bay, thú chạy, lắm vẻ ly kỳ. Nhân đó ban yến cho bầy tôi để mua vui.

Lời chua – *Cửa Quảng Phúc* : Cửa Tây kinh thành Thăng Long. Chb. II, 23

Nhâm Tuất, năm thứ 13 (1022). (Tống, năm Kiền Hưng thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Bỏ việc kết trúc làm núi giả.

Nhà vua thấy việc kết trúc làm núi, nhọc sức nhân dân nên bãi bỏ. Ngày tiết Thiên Thành chỉ đặt tiệc thôi.

Sai Dực Thánh vương đi đánh và phá được mán Đại Nguyên Lịch.

Mán Đại Nguyên Lịch khuấy nhiễu nơi biên giới, nhà vua sai Dực Thánh vương đi đánh, phá được giặc. Quan quân ta vượt bờ cõi, tràn sang đất Tống, đến trại Như Hồng, thiêu đốt kho đụn ở đấy rồi rút về.

Lời chua – *Đại Nguyên Lịch* : *Sử cũ* chua là tên một dân tộc Mán, ở khoảng giữa trại Như Hồng và trấn Triều Dương. Theo sách *Khâm Châu chí* nhà Thanh, trại Như Hồng ở về phía tây Khâm Châu, giáp giới với trấn Như Tích, cách châu Vĩnh An thuộc Giao Chỉ 20 dặm.

Quí Hợi, năm thứ 14 (1023). (Tống, Nhân Tông, năm Thiên Thánh thứ 1).

Tháng 9, mùa thu. Đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An.

Lời chua – *Triều Dương* : Xa là bộ Ninh Hải ; nhà Đinh, nhà Lê gọi là trấn Triều Dương ; nhà Lý đổi làm châu Vĩnh An ; nhà Trần đổi làm lộ Hải Đông ; khi thuộc Minh gọi là châu Tĩnh An ; nhà Lê cho lệ thuộc vào An Bang. Bây giờ là đất các châu Tiên Yên và Vạn Ninh, tỉnh Quảng yên. Chb. II, 24

Giáp Tý, năm thứ 15, (1024). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 2).

Mùa xuân. Xuống chiếu sai Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh Phong Châu. Khai Quốc vương đi đánh châu Đô Kim.

Lời chua – *Phong Châu* : Xem Hùng Vương (TbI,1- 2)

Đô Kim : Xem năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb.II,18).

Sửa sang kinh thành Thăng Long.

Thành Thăng Long khởi đắp từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) đến đây sửa lại.

Tháng 9, mùa thu. Dựng chùa Chân Giáo.

Làm chùa Chân Giáo ở trong thành, sai thày chùa tụng kinh, nhà vua ngự đến vãn cảnh.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Lý Thái Tổ xây dựng chùa này và sai tụng kinh ở đây ; Lý Huệ Tông xuất gia đi tu cũng ở chùa này. Sách* Tả truyện *có câu rằng : "Quân dĩ thử thuỷ, diệc dĩ thử chung"*[1] *nghĩa là lúc bắt đầu xuất phát từ việc gì, thì lúc cuối cùng lại kết quả bằng việc ấy. Câu này thật đáng tin lắm.*

(1) Lời của Khuất Đãng nói với Tấn Cảnh Công (*Xuân thu đại toàn,* quyển 4). Ở đây ý nói vua sáng nghiệp nhà Lý dựng chùa Chân Giáo, đến vua cuối cùng nhà Lý lại kết quả bằng việc thắt cổ ở chùa này (xem thêm Chb.VI,3 chép việc Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông).

Ất Sửu, năm thứ 16 (1025). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Định danh hiệu binh làm giáp, đổi chức hoả đầu làm chánh thủ.

Mỗi giáp 15 người, dùng một người làm quản giáp. Lại đặt các sắc mục quản giáp. Con hát cũng gọi là quản giáp. Chb. II, 25

Lời chua – *Hoả Đầu* : Sách *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn chép rằng : Hoả đầu cũng như đội trưởng đời Lê. Không rõ đặt ra từ đời nào.

Bính Dần, năm thứ 17 (1026). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa Ngọc Điệp[1].

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu cho Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh Diễn Châu.

Đinh Mão, năm thứ 18 (1027). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 5).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Tháng 8, mùa thu. Xuống chiếu cho Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh châu Thất Nguyên, Đông Chinh vương Lực đi đánh Văn Châu.

Lời chua – *Châu Thất Nguyên* : Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nhà Lý gọi là Thất Nguyên ; nhà Lê gọi là Thất Tuyền. Nay là huyện Thất Khê.

Văn Châu : Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nhà Lý gọi là Văn Châu ; khi thuộc Minh gọi là châu Thượng Văn và châu Hạ Văn , nhà Lê gọi là châu Văn Uyên. Nay vẫn là châu Văn Uyên.

Mậu Thìn, năm thứ 19 (1028) : (Từ tháng 3 trở đi là niên hiệu của Lý Thái Tông hoàng đế năm Thiên Thành thứ 1) .

(Tống, năm Thiên Thánh thứ 6).

(1) Gia phả của họ nhà vua.

Mồng 1, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Lý Thái Tổ mất. Chb. II, 26

Nhà vua ở ngôi 19 năm, thọ 55 tuổi.

Đông Chinh vương Lực cùng Dực Thánh vương và Vũ Đức vương làm loạn. Bọn nội thị Viên ngoại lang[1] là Lý Nhân Nghĩa và Vũ vệ tướng quân[2] là Lê Phụng Hiểu đánh dẹp được yên : Vũ Đức vương phải chịu giết chết.

Khi Lý Thái Tổ mới mất, bầy tôi đều đến cung Long Đức đón Thái tử Phật Mã, vâng theo lời di chiếu, lên ngôi. Hay tin ấy, Đông Chinh vương Lực cùng Dực Thánh vương và Vũ Đức vương đều kéo quân của phủ mình vào Cấm Thành. Đông Chinh vương Lực phục quân ở phía trong Long Thành, Dực Thánh vương và Vũ Đức vương phục quân ở phía trong cửa Quảng Phúc, đợi Thái tử đến thì đổ ra tập kích. Một lát, Thái tử từ cửa Tường Phù vào, đến điện Kiền Nguyên, thấy động, cho đóng các cửa điện lại, sai các vệ sĩ bố trí phòng bị. Thái tử bảo những người ở bên mình rằng : "Ta đây ở với anh em không phụ ai một tí nào, thế mà bây giờ các vương ấy làm sự bất nghĩa để nguy hại đến xã tắc ! Vậy ý các khanh nghĩ sao ?" Lý Nhân Nghĩa thưa : "Tình nghĩa anh em là ở chỗ trong có thể hiệp mưu với nhau, ngoài có thể cùng nhau chống kẻ khinh thường nhà mình. Nay các vương ấy như thế thì còn gọi là anh em được nữa không ? Tôi xin được phép ra đánh một trận để quyết định sự được thua". Thái tử nói : "Tiên đế mới nằm xuống, chưa kịp táng ; mà bây giờ anh em ruột thịt hại lẫn nhau, để thiên hạ và đời sau chê cười thì sao ?". Nhân Nghĩa thưa lại rằng : "Tôi nghe nói, người lo việc xa thì phải bỏ sự gần, kẻ giữ đạo công thì phải Chb. II, 27

(1) Chức quan được đặt từ thời Lý. Thường dùng để đi sứ, ngoại giao.

(2) Chức quan chỉ huy quân đội đứng đầu một vệ ở thời Lý, khoảng 2000 người.

cắt đứt tình riêng. Xưa kia Chu Công[1] giết Quản[2], Thái[3] để yên nhà Chu; Đường Thái Tông[4] giết Kiến Thành[5] và Nguyên Cát[6] để giữ vững nhà Đường. Nay điện hạ[7] nếu làm được như Chu Công và Đường Thái tông ngày trước để yên xã tắc, thì người ta khen ngợi còn không ngớt, chứ còn chê cười nỗi gì ?" Thái tử hãy còn chần chừ chưa quyết định, Nhân Nghĩa lại nói thêm : "Tiên đế thấy điện hạ là người hiền có thể nối được chí, tài có thể làm nên được việc lớn, cho nên phó thác thiên hạ cho điện hạ, nay giặc đã đến sát cửa cung, mà điện hạ còn trùng trình chịu nhịn như vậy, thì sự phó thác của Tiên đế ra sao ?" Thái tử lặng thinh hồi lâu rồi nói : "Ta đây không phải không nghĩ đến thế đâu, nhưng chỉ muốn cho các vương ấy tự ý rút lui, khỏi lộ tội lỗi, để cho vẹn toàn ân tình máu mủ anh em đó thôi".

Bấy giờ quân ba phủ các vương hành động đã gấp rút. Thái tử liệu thế không thể kìm lại được nữa, mới bảo bọn Nhân Nghĩa : "Bây giờ sự thể đã đến thế này, ta đây chỉ biết thờ phụng Tiên đế, còn ngoài ra phó mặc các khanh, ta không biết đến" . Bọn Nhân Nghĩa lạy hai lạy, nói : "Chết vì hoạn nạn của vua, là phận sự của chúng tôi ; ngày nay nếu được chết cũng là chết đúng chỗ".

---

(1) Tên là Đán, em Chu Vũ vương, giúp Chu Thành vương, giết Vũ Canh, con chúa Trụ, là kẻ đã cùng Quản Thúc và Thái Thúc nổi dậy làm phản nhà Chu.

(2) Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ đều là em Chu Vũ vương, nhưng dựa vào thế Vũ Canh, con chúa Trụ, phản lại nhà Chu. Chu Công Đán phải đi đánh dẹp, diệt Vũ Canh, giết Quản Thúc, bỏ tù Thái Thúc ; loạn mới yên.

(3) - nt -

(4) Tên gọi Thế Dân, là con thứ Đường Cao Tổ và là em Kiến Thành và Nguyên Cát ; trị vì từ năm 627 đến năm 649.

(5) Kiến Thành và Nguyên Cát đều là anh Thế Dân (Đường Thái Tông). Cả hai đều mưu giết em vì lòng ghen ghét ; nhưng lại bị Trưởng Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức là bộ hạ của Thế Dân giết chết *(Tăng bình lịch sử cương giám bổ,* quyển 19, tờ 6.)

(6) - nt -

(7) Chỉ Lý Thái Tông

Nói đoạn, liền mở cửa thành, kéo ra đánh, ai nấy hăng hái sẵn sàng hy sinh : một người có thể địch được trăm người. Lê Phụng Hiểu tuốt gươm thẳng xông đến cửa Quảng Phúc, hô to lên rằng : "Bọn Vũ Đức vương trong bụng ngấm ngầm làm điều phản trắc, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con ; Phụng Hiểu đây xin dâng lưỡi gươm này". Đoạn, xông thẳng đến bên ngựa Vũ Đức vương : ngựa bị đánh quỵ, bắt sống được Vũ Đức vương, giết chết tại trận. Quân của ba vương phủ thua chạy. Quan quân đuổi chém hầu không còn sót một mống nào. Riêng Đông Chinh vương và Dực Thánh vương chạy được thoát thân thôi. Chb. II, 28

Phụng Hiểu quay về báo tin với Thái tử. Thái tử yên uỷ rằng : "Ta sở dĩ gánh vác được cơ nghiệp của Tiên đế, là nhờ sức của các khanh đấy. Ta xem sử nhà Đường thấy có Uất Trì Kính Đức[1] giúp vua qua cơn hoạn nạn, vẫn nghĩ bụng rằng người làm tôi đời sau không còn ai sánh bằng. Thế mà Phụng Hiểu ngày nay lại còn trung dũng hơn Uất Trì Kính Đức".

Phụng Hiểu lại hai lạy, nói : "Đức độ điện hạ cảm động được đến trời đất, hễ kẻ nào dám manh tâm toan tính gì khác thì các vị thần linh trong thiên hạ đều làm hết chức phận mà tru diệt đi, chứ như lũ tôi nào có công gì !".

Lời phê – *Lúc nối ngôi vua mà gặp chỗ phải đối xử với anh em ruột thịt khó khăn như thế này, thật rất rầy rà ! Bấy giờ danh vị của thái tử đã được ổn định từ lâu, mà công đức thái tử trước đây vốn đã rõ rệt, vậy mà còn xảy ra biến loạn đến như thế ; huống chi những đám khác ư ? Lời bình luận của* Sử cũ[2] *chỉ là câu nệ ở việc phong vương mà không xét kỹ.*

---

(1) Uất Trì Kính Đức giết được Nguyên Cát để cứu cho chủ là Thế Dân (Đường Thái Tông).

(2) Chỉ lời bình luận của sử thần Lê Văn Hưu, đại ý thế này : chế độ nhà Lý, con vợ cả phong tước vương, con vợ thứ đều phong là Hoàng Tử, mà không định rõ danh vị của hoàng thái tử, đến lúc vua cha ốm nặng, mới chọn một người trong hàng các con đứng ra nối ngôi. Chế độ như thế không rõ dụng ý thế nào, nhưng danh vị của ngôi hoàng tử không định rõ từ trước, đến lúc vội vàng mới chọn người nối ngôi, thì khó có thể giữ cho khỏi xảy biến loạn *(Toàn thư* quyển 3, tờ 13).

Lời chua – *Phụng Hiểu* : Người làng Băng Sơn, thuộc Ái Châu, có sức khoẻ ; Lý Thái Tổ nghe tiếng vời ra làm tướng, thăng đến Vũ Vệ tướng quân : đến đây vì có công dẹp loạn, được phong đô thống thượng tướng quân, tước hầu. Làng Băng Sơn bây giờ là xã Dương Sơn thuộc huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Chb. **II**, 29

Cung Long Đức : Ở ngoài kinh thành Thăng Long, dựng lên từ năm Thuận Thiên thứ 3 (1012).

Cửa Quảng Phúc[1] : Xem năm Thuận Thiên thứ 12 (Chb. II, 23).

Cửa Tường Phù : Cửa Đông Kinh thành Thăng Long.

Thái tử Phật Mã lên ngôi. Đổi niên hiệu. Đại xá.

Ngày Mậu Tuất, Lý Thái Tổ mất ; ngày Kỷ Hợi, Thái tử Phật Mã lên ngôi, bầy tôi dâng tôn hiệu : *Khai Thiên thống vận tôn đạo quý đức thánh văn quảng vũ sùng nhân thượng thiện chính lý dân an thần phù long hiện thể nguyên ngự cực ức tải công cao ứng chân bảo lịch thông huyền chí ảo hưng long đại định thông minh từ hiếu hoàng đế (tức là Lý Thái Tông).*

Tôn mẹ là Lê thị là Linh Hiển hoàng thái hậu.

Tha tội cho Đông Chinh vương và Dực Thánh vương, lại cho khai phục vương tước.

Hai vương đến cửa cung khuyết xin chịu tội. Nhà vua xuống chiếu tha cho.

Ban tiền và lụa cho thiên hạ.

Nhà vua vì mới lên ngôi, muốn ra ơn cho thiên hạ, nên xuống chiếu ban phát tiền và lụa trong kho Nội phủ cho trong nước.

Hội họp bầy tôi tuyên thệ ở miếu thần Đồng Cổ.

Trước đây, các vương âm mưu làm loạn, triều đình không ai biết cả, nhà vua đêm chiêm bao thấy thần núi Đồng Cổ báo mộng rằng : Các vương Vũ Đức Đông Chinh và Dực Thánh nổi loạn đấy, nên kíp điều khiển quân lính để đánh dẹp ! Lúc tỉnh

(1) Cửa Tây kinh thành Thăng Long.

dậy, nhà vua sai người bố trí phòng bị ; quả đúng như thế. Đến đây, xuống chiếu lập miếu thờ thần Đồng Cổ ở bên hữu thành Thăng Long, xây đàn ở giữa miếu, hội họp bầy tôi, giết con sinh vật, cùng nhau uống máu ăn thề, tuyên thệ rằng : *"Làm con mà bất hiếu, làm tôi mà bất trung, thì thần linh chu diệt"*. Từ đấy về sau, năm nào cũng đặt làm lệ thường. Người nào lẩn tránh không đến dự lễ tuyên thệ thì phải phạt 50 trượng. Chb. **II**, 30

Lời phê – *Đế vương đã có mạng trời xếp đặt, bách thần cũng phải đem hết anh linh ra giúp đỡ. Việc biến loạn ở triều Lý, nếu bảo rằng Thái tử nhân chiêm bao mà biết trước, thì sao khi đã vào đến cung điện mới nghe biết tin biến động. Vậy việc lập miếu thờ đã là bậy rồi, đến việc hội họp thề nguyền lại càng hỏng nữa !*

Lời chua – *Núi Đồng Cổ* : Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb.I, 20).

Miếu thần Đồng Cổ : Ở thôn Đông, phường Yên Thái[1], huyện Vĩnh Thuận, bây giờ vẫn còn.

Khai Quốc vương Bồ làm phản. Tháng 4, mùa hạ nhà vua thân đi đánh : Khai Quốc vương ra hàng.

Trước đây, Bồ ở phủ Trường Yên, cậy đó là nơi hiểm trở kiên cố, chiêu nạp những kẻ vong mạng, đi cướp bóc dân ; người xung quanh không ai dám nói gì cả. Kịp khi Vũ Đức vương đã bị giết. Bồ có ý bất bình, mới đem quân trong phủ mình nổi dậy làm phản. Nhà vua giao Lý Nhân Nghĩa giữ kinh đô, tự cầm quân đi đánh. Khi quân kéo đến phủ Trường Yên, Bồ xin hàng, nhà vua ưng thuận, ra lệnh : "Hễ kẻ nào cướp bóc của nả của dân thì chém !". Quân sĩ răm rắp nghiêm giữ kỷ luật, không dám tơ hào của dân. Khi vào trong thành, dân chúng ganh nhau dâng bò, biếu rượu ; nhà vua vỗ về yên uỷ, dân rất hả hê.

(1) Tức làng Đông, vùng các làng Bưởi, nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.

Rồi rút quân về, xuống chiếu đổi bọn Bồ và liêu thuộc của hắn về kinh thành Thăng Long.

Nhà vua từ Trường Yên về triều, tha tội cho Khai Quốc vương Bồ và cho khai phục lại vương tước. Chb. **II**, 31

Tháng 5. Lập con là Nhật Tôn làm Thái tử.

Bầy tôi xin với nhà vua rằng : Thái tử là căn bản của nước, nên sớm lập người con có thánh đức chính vị đông cung để yên lòng mong muốn của thiên hạ. Nhà vua theo lời, lập Nhật Tôn làm Thái tử.

Lập bảy hoàng hậu.

Cho những thân phụ các Hoàng hậu là bọn Mai Hựu, Vương Đỗ, Đinh Ngô Thượng làm Thượng tướng(1).

Thân phụ bà Mai hậu là Hựu làm An quốc thượng tướng ; thân phụ bà Vương hậu là Đỗ làm Phụ quốc thượng tướng, thân phụ bà Đinh hậu là Ngô Thượng làm Khuông quốc thượng tướng.

Lời chua – *Mai Hựu, Vương Đỗ, Đinh Ngô Thượng* : Đều không rõ lý lịch ra sao.

Dùng Đàm Toái Trạng làm Đô thống, Nguyễn Khánh làm Định thắng đại tướng.

Đặt mười vệ cấm quân (2)

Một là vệ Quảng Thánh, hai là Vệ Quảng Vũ, ba là vệ Ngự Long, bốn là vệ Phủng Nhật, năm là vệ Trừng Hải : mỗi vệ đều chia ra tả và hữu, để bảo vệ cấm thành.

Tháng 6. Gặp tiết Thiên Thánh, ban yến cho bầy tôi. Chb. **II**, 32

---

(1) Chức quan chỉ huy quân đội ở các đạo, vệ thời Đinh, Lý, Trần. Từ thời Lê trở đi chỉ còn là danh hiệu, phẩm hàm.

(2) Quân bảo vệ thành nội ở kinh đô. Được đặt từ thời Lý. Mỗi quân có 30 đô, mỗi đô 80 người.

Đặt ngày sinh nhật nhà vua làm tiết Thiên Thánh. Kết trúc làm núi Vạn Thọ nam sơn, núi có 5 ngọn : ngọn giữa gọi là núi Trường Thọ, còn 4 ngọn bên gọi là núi Bạch Hạc, làm nhiều hình trạng chim bay muông chạy. Sườn núi cắm đầy cờ xí, treo xen vàng ngọc ; cho phường chèo đến trong núi, thổi kèn, thổi sáo, múa hát để mua vui. Ban yến cho bầy tôi. Lối chơi núi 5 ngọn bắt đầu từ đấy.

Lời phê – *Chưa an táng cha, còn đang có trở đã vội yến tiệc vui chơi như thế, thật thất lễ quá !*

Tháng 10, mùa đông. An táng Lý Thái Tổ ở Thọ lăng, phủ Thiên Đức.

Đặt tên Thuỵ là Thần Vũ hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tổ (1010- 1028).

Năm Kỷ Tị (1029). Lý Thánh Tông hoàng đế năm Thiên Thánh thứ 2. (Tống, năm Thiên Thánh thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Làm xong miếu thờ Lý Thái Tổ.

Tháng 3. Gả công chúa Bình Dương cho Châu mục Lạng châu là Thân Thiệu Thái.

Thời bấy giờ không đặt tiết trấn ; các việc quân sự và dân sự ở các châu đều do châu mục coi quản. Các châu miền thượng du lại giao cho bọn tù trưởng địa phương quản lĩnh. Nhà vua sợ khó khống chế được họ, nên mới kết mối giao hảo bằng cuộc hôn nhân để ràng buộc họ. Lại gả công chúa Kim Thành cho châu mục Phong Châu là Lê Tông Thuận, và gả công chúa Trường Ninh cho châu mục Thượng Oai là Hà Thiện Lãm. Từ đó việc gả công chúa cho châu mục trở thành lệ thường của nhà Lý. Chb. II, 33

Lời chua – *Lạng Châu* : Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb.I, 14).

Phong Châu : Xem Hùng Vương (Tb.I, 1-2).

Châu Thượng Oai : Không khảo được.

Giáp Đãn Nãi thuộc Ái Châu nổi loạn. Tháng 4, mùa hạ, nhà vua thân đi đánh, dẹp yên được.

Nhà vua sai Thái tử coi việc nước, tự cầm quân đi đánh, phá tan được giáp Đãn Nãi. Rồi sai Trung sứ đôn đốc nhân dân trong giáp ấy đào sông, gọi là sông Đãn Nãi, nhà vua kéo quân về.

Lời chua – *Ái Châu* : Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,20-21).

Đãn Nãi : Tên một giáp, không rõ nay ở đâu.

Tháng 6. Dựng điện Thiên An.

Bấy giờ điện Kiền Nguyên đã bỏ, bỗng có con rồng hiện ở nền điện ; nhà vua bảo những người ở xung quanh rằng : "Nền điện đã bỏ mà nay có rồng hiện, ý chừng đất ấy là nơi quý địa dựng lên cơ nghiệp đế vương[1] chăng ?" Rồi sai ở chỗ đó dựng điện Thiên An, hai bên tả hữu làm điện Tuyên Đức và điện Diên Phúc. Sân đằng trước gọi là sân rồng ; phía đông và phía tây sân rồng làm điện Văn Minh và điện Quảng Vũ ; hai bên tả hữu sân rồng dựng gác chuông ; bốn xung quanh sân rồng đều làm hành lang và giải vũ. Phía trước làm điện Phụng Tiên, trên điện có lầu Chính Dương, người giữ thẻ đồng hồ[2] và báo canh, báo khắc ở tại đó. Phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện có gác Long Đồ. Ngoài đó đắp một lần thành bao xung quanh gọi là Long Thành. Chb. **II**, 34

Lời phê – *Bậy*[3].

Mồng 1, tháng 10, mùa đông. Trời mưa ra gạo.

Trước chùa Vạn Tuế, mưa xuống thành đống gạo trắng.

Lời chua – *Chùa Vạn Tuế* : Ở trong thành Thăng Long.

---

(1) Do chữ "long hưng " (rồng lên) trong bài phú của Ban Cố : chỉ bóng về việc khởi nghiệp của đế vương xưa.

(2) Dụng cụ cổ dùng để ghi thì giờ.

(3) Chỉ việc rồng hiện ở nền điện Kiền Nguyên.

Sứ nhà Tống sang.

Sứ Tống là Chương Dĩnh sang làm lễ tế viếng Lý Thái Tổ, sách phong nhà vua (Lý Thái Tông) làm Giao Chỉ quận vương.

Canh Ngọ, năm thứ 3 (1030). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 8).

Tháng 2, mùa xuân. Dựng điện Thiên Khánh.

Dựng điện Thiên Khánh ở phía trước điện Trường Xuân làm nơi làm việc chính trị. Điện này làm kiểu bát giác ; phía trước và phía sau điện đều bắc cầu, gọi là cầu Phượng Hoàng.

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai đại liêu ban là Lê Ốc Thuyên và Viên ngoại lang là Nguyễn Viết Thân đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Lời chua - *Đại liêu ban* : *Sử* của Ngô [Thì] Sĩ chua là tên một tước phong. Chb. II, 35

Đặt ra các kiểu áo mũ tước công, tước hầu, quan văn, quan võ.

Tháng 10, mùa đông. Đâu đấy được mùa cả.

Nhà vua đi thăm đồng Ô Lộ, xem xét việc gặt, nhân đó đổi tên xứ đồng ấy là Vĩnh Hưng.

Lời chua – *Ô Lộ, Vĩnh Hưng* : Chưa rõ đích xác ở đâu, nhưng xét huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên, có tổng Vĩnh Hưng, có lẽ là đấy chăng.

Tân Mùi, năm thứ 4 (1031). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Người Hoan Châu làm phản. Tháng 2, nhà vua thân đi đánh và hàng phục được họ.

Giao cho Thái tử trông coi việc nước, nhà vua tự làm tướng đi đánh. Quân kéo đến Hoan Châu : người Hoan Châu xin hàng. Ban chiếu tha tội cho các viên thú mục ở châu ấy, sai sứ đi vỗ về hiểu dụ nhân dân, rồi trở về.

Lời chua – *Hoan Châu* : Tức Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 21, 23).

Tháng 8, mùa thu. Các đền, chùa làm xong. Đại xá.

Trước đó, nhà vua từ Hoan Châu về, sai làm chín trăm năm mươi cảnh chùa và đền. Đến đây làm xong, mở hội chùa. Đại xá cho cả nước. Chb. **II**, 36

Tháng 10, mùa đông. Cho các đạo sĩ nhận ký lục[1] ở cung Thái Thanh.

Đó là theo lời đạo sĩ Trịnh Trí Không.

Lời chua – *Cung Thái Thanh* : Ở trong thành Thăng Long.

Nhâm Thân, năm thứ 5 (1032). (Tống, năm Minh Đạo thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua chính mình đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi Đỗ Động Giang, cày ruộng tịch điền[2]. Có người nông dân dâng lúa có điềm lạ : một rò được chín bông. Nhà vua hạ chiếu đổi gọi ruộng ấy là Ứng Thiên.

Lời chú – *Đỗ Động Giang* : Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua đi Lạng châu xem bắt voi.

Lời chua – *Lạng Châu* : Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Tháng 11, mùa đông. Ban yến cho bầy tôi ở điện Thiên An.

Quý Dậu, năm thứ 6 (1033). (Tống, năm Minh Đạo thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ đến triều cống.

Lời chua – *Chân Lạp* : Xem thuộc Đường, Tuyên tông, năm Thái Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Châu Định Nguyên làm phản. Tháng 2, nhà vua thân đi đánh dẹp yên.

---

(1) Một bức viết và vẽ bằng nét trắng, có phù chú, chứng nhận một đạo sĩ đã được vào giới tu đạo.

(2) Xem chú giải ở Chb, 22 – 23.

Nhà vua giao cho thái tử trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được châu Định Nguyên, rồi kéo quân về. Lúc mới ra quân từ kinh đô, đóng ở châu Chân Đăng, có Đào thị đem con gái mình dâng tiến, nhà vua nhận lấy làm cung phi. Chb. II, 37

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ : *Đem quân đi, đem gái về, binh uy vũ lực như thế thành ra nhảm nhí !*

Lời chua – *Châu Chân Đăng* : Thuộc tỉnh Sơn Tây, tức là phủ Lâm Thao[1] bây giờ.

Châu Định Nguyên : không khảo được.

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ đi tìm ngọc trai.

Châu mục châu Vĩnh An là Sư Dụng Hoà nói ở châu ấy có vực sản ngọc trai ; nhà vua sai sứ giả kiếm và lấy được.

Lời chua – *Vĩnh Yên* : Tức là trấn Triều Dương. X. Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb.II,23-24).

Vực sản ngọc trai ; Theo *Minh Nhất thống chí,* trong biển thuộc châu Vĩnh An ở An Nam sản ngọc trai. Những người lái buôn ngoài biển nói rằng hễ năm nào trăng rằm tháng tám mà sáng tỏ thì năm ấy nhiều ngọc trai.

Tháng 8. Lập thái tử Nhật Tôn làm Khai Hoàng vương.

Tháng 9. Châu Trệ Nguyên làm phản. Tháng 10, mùa đông nhà vua thân đi đánh, dẹp yên

Nhà vua giao cho Khai Hoàng vương trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được châu Trệ Nguyên rồi kéo quân về. Chb. II, 38

Lời chua – *Châu Trệ Nguyên* : Bây giờ ở đâu, không khảo được.

Giáp Tuất, năm Thông Thuỵ thứ 1 (1034). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 1).

---

(1) Nay gồm đất các huyện Sông Thao, Thanh Hoà, Phong Châu, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ.

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu cho bầy tôi tâu việc phải gọi vua là "Triều đình".

Phàm ai tâu việc gì ở trước vua thì phải gọi vua là "Triều đình".

Lời bàn của Lê Văn Hưu : – *Bầy tôi gọi vua là "Bệ hạ"*(1) *lấy nghĩa rằng do người thấp đề đạt lên người cao. Lý Thái Tông bắt bày tôi gọi là "Triều đình", sau này, Lý Thánh Tông tự xưng là "Vạn thặng"*(2)*, Lý Cao Tông bắt người ta gọi mình là "Phật", đều không có phép tắc ở Kinh điển nào cả, thực lầm lẫn quá !*

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai Viên ngoại lang là bọn Hà Thụ và Đỗ Khoan đem biếu nhà Tống con voi đã thuần thục. Nhà Tống tặng bộ kinh *Đại tạng* để đáp lễ lại.

Bấy giờ có sư Nghiêm Bảo Tính và sự Phạm Minh Tâm đều làm lễ thiêu mình : xá lị(3) thành thất bảo(4). Nhà vua cho thế là điềm tốt lành, sai đem thất bảo ấy để thờ ở chùa Trường Thánh ; nhân đó đổi niên hiệu là Thông Thuỵ. Chb. II, 39

Lời phê – *Lầm lỗi quá lắm !*

---

(1) Chữ "bệ" nghĩa đen là cái thềm. Thiên tử bao giờ cũng có thân thần cầm binh khí đứng dưới thềm, để phòng sự bất trắc. Bầy tôi tâu bày sự việc lên thiên tử, không dám nói thẳng nên dùng danh từ "bệ hạ" ý nói do người thấp đề đạt lên người cao. Nguyên văn sử *Cương mục* chép là "do tôn đạt ti" thì không đúng, nên ở đây chúng tôi theo trong *Từ Hải* chép là "do ti đạt tôn" mà dịch nghĩa là do người thấp đề bạt lên người cao cho đúng nghĩa chữ "bệ hạ".

(2) Chữ "thặng", nghĩa đen là binh xa. Dùng chữ "vạn thặng" để xưng hô vua, ý nói vua có hàng vạn cổ binh xa.

(3) Chất còn lại của xương cốt người ta ở trong tro tàn sau khi thiêu xác.

(4) Bảy thứ quý giá. Theo sách nhà Phật, "thất bảo" có đến bốn thuyết hơi khác nhau, nhưng thuyết nào cũng trình bày đủ bảy thứ và đều là những thứ sáng sủa, cứng rắn, như vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách, san hô hoặc pha lê, trân châu...

Lời chua – *Kinh Đại tạng ;* Xem Lê Long Đĩnh, năm Ứng Thiên thứ 14 (Chb.I, 43).

Ất Hợi, năm thứ 2 (1035). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Làm lễ sách lập[1] bà Thiên Cảm hoàng hậu.

Hoàng hậu này là người vợ lẽ yêu của nhà vua, không rõ họ gì. Bây giờ phong 13 người làm hậu phi, 18 người làm ngự nữ, hơn 100 người làm ca nữ.

Lập con là Nhật Trung làm Phụng Kiền vương.

Nhật Trung được phong tước vương, còn các con khác đều phong tước hầu.

Tháng 9. Ái Châu làm phản. Tháng 10, mùa đông, nhà vua thân đi đánh, dẹp yên

Cho Phụng Kiền vương Nhật Trung làm kinh sư lưu thủ, nhà vua tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được Ái Châu ; trị tội các mục trưởng châu ấy, sai sứ phủ dụ nhân dân rồi về.

Lời chua – *Ái Châu :* Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XI,20,21).

Tháng 11. Nhà vua từ Ái Châu về, đặt tiệc linh đình khao các tướng sĩ.

Bọn tướng quân Nguyễn Khánh mưu làm phản, đều bị giết.

Chb. **II**, 40

Trước đó, Khánh cùng với em nuôi là Đô thống Đàm Toái Trạng, nhà sư là họ Hồ và em vua là bọn Thắng Kiền, Thái Phúc mưu làm phản. Kịp khi nhà vua đi đánh Ái Châu, Khánh bấy giờ là Định thắng đại tướng cũng theo đi. Việc mưu phản bị phát giác. Phụng Kiền vương Nhật Trung đem tình trạng việc ấy tâu lên, nhà vua xuống chiếu bắt bọn Nguyễn Khánh, đóng cũi đưa về kinh đô.

(1) Lễ lập một người vợ vua lên làm hoàng hậu.

Đến đây, nhà vua ngự ở điện Thiên Khánh, tra xét, bọn Nguyễn Khánh, Toái Trạng và nhà sư họ Hồ đều bị giết, còn thì xử phạt có khác nhau tuỳ theo tội nặng hay nhẹ. Trước đây, nhà vua đi đến hành doanh ở Ái Châu, mở tiệc khao tướng sĩ, Nguyễn Khánh có dự. Nhà vua ngầm trỏ Nguyễn Khánh mà bảo các phi tần : "Nguyễn Khánh trong lòng xao xuyến, trông thấy trẫm, y có vẻ thẹn, cử động thất thố, thế nào y cũng làm phản đấy". Kịp khi có tin báo đến, các phi tần đều lạy hai lạy mà tâu : "Thiếp nghe danh ngôn xưa có câu : "Bậc thánh nhân ngầm thấy được việc từ lúc chưa bộc lộ đoán trước được việc từ lúc chưa nảy ra". Ngày nay chính mắt bọn thiếp được thấy rõ nghĩa câu nói ấy".

Bính Tí, năm thứ 3 (1036). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 3). Tháng giêng, mùa xuân. Tượng Phật làm xong. Đại xá.

Pho tượng Phật Đại nguyện đã tô xong, mở hội ăn mừng ở sân rồng ; đại xá cho cả nước.

Tháng 4, mùa hạ. Đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại.

Nhà Tuỳ đặt là Hoan Châu ; nhà Đinh, nhà Lê vẫn theo như trước. Đến đây, vì đặt hành doanh, nên đổi tên như vậy. Lại đặt ra những kho như Tư Thành, Lợi Nhân và Vĩnh Phong tất cả 50 sở.

Lời chua – *Hoan Châu* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,21, 23).

Đinh Sửu năm thứ 4 (1037). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi đánh Lâm Tây, dẹp yên được. Tháng 3, trở về cung. Chb. II, 41

Trước đây, đạo Lâm Tây cùng với các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên làm phản, xâm lấn châu Tư Lăng nhà Tống, cướp lấy trâu ngựa của dân sở tại đem về. Đến đây, nhà vua sai Phụng Kiền vương Nhật Trung coi giữ kinh đô, cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn làm đại nguyên soái, đi đánh các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên, nhà vua thì tự đem quân đến đạo Lâm Tây đánh phá được địch rồi kéo quân về.

Lời chua – *Lâm Tây* : Thuộc tỉnh Hưng Hoá, nhà Lý gọi là đạo Lâm Tây, nhà Trần gọi là đạo Đà Giang, khi thuộc Minh gọi là châu Gia Hưng ; nhà Lê đổi là phủ Gia Hưng, tức là phủ Gia Hưng bây giờ.

Hai châu Đô Kim, Bình Nguyên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb.II,18).

Tư Lăng : Theo *Thanh Nhất thống chí,* châu Tư Lăng thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây.

Tháng 7, mùa thu. Xem bơi trải.

Nhà vua ngự điện Hàm Quang, xem bơi thuyền thi. Từ đó năm nào cũng đặt làm lệ thường.

Có nạn thuỷ tai lớn.

Mậu Dần, năm thứ 5 (1038). (Tống, năm Bảo Nguyên thứ 1). Chb. II, 42

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi ra cửa Bố Hải, sai quan tư đắp đàn tế Thần nông, chính mình tự tay cầm cày, làm lễ cung canh[1]. Những người ở tả hữu ngăn rằng : "Đó là việc của nông phu, bệ hạ cần chi phải làm ?". Nhà vua nói : "Trẫm mà không chính mình cày ruộng thì lấy đâu có gạo làm tế phẩm để thờ cúng nhà tông miếu và lấy gì để nêu gương cho thiên hạ ?" Bấy giờ nhà vua mới cày ba luống rồi thôi.

Lời chua – *Cửa Bố Hạ :* Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Tháng 11, mùa đông. Làm kho ngự khố.

Tháng 12. Thủ lĩnh châu Thảng Do là Nùng Tồn Phúc làm phản.

Trước đây, Tồn Phúc làm thủ lĩnh châu Thảng Do, cùng với em là Tồn Lộc, thủ lĩnh châu Vạn Nhai, và em vợ là Đương Đạo,

(1) Chính mình cày ruộng.

thủ lĩnh châu Vũ Lặc, đều thuộc châu Quảng Nguyên, hằng năm vẫn nộp đồ tiến cống bằng sản vật địa phương. Sau, Tồn Phúc giết Tồn Lộc và Đương Đạo, chiếm lấy cả đất của họ, tiếm xưng hoàng đế, lập vợ làm hoàng hậu, phong tước vương cho con, đổi châu Thảng Do làm nước Trường Sinh, sửa đồ giáp binh, xây đắp thành trì, làm kế tự thủ ; từ bấy giờ không tiến cống nữa.

Lời chua – *Tồn Phúc :* Người làng Tượng Cần, châu Thạch An.

Châu Vạn Nhai : Thuộc tỉnh Thái Nguyên. Xưa gọi là châu Vạn Nhai (nhai là sườn núi) ; nhà Lý gọi là Vạn Nhai (nhai là bến nước) ; khi thuộc Minh gọi là Vũ Lễ ; nhà Lê gọi là Vũ Nhai, tức là châu Vũ Nhai ngày nay. Chb. **II**, 43

Quảng Nguyên : Thuộc tỉnh Cao Bằng. Nhà Lý gọi là Quảng Nguyên ; khi thuộc Minh gọi là Uyên huyện ; nhà Lê gọi là Lộng Nguyên, tức là châu Quảng Uyên bây giờ.

Thảng Do : Theo sách *Độc sử phương dư kỷ yếu* của Cố Tổ Vũ, châu Thảng Do giáp giới với châu Quảng Nguyên.

Vũ Lặc : Theo *Đường thư Địa lý chí* nhà Đường đặt ra Lung Châu, quản lĩnh huyện Vũ Lặc. Thế thì Thảng Do và Vũ Lặc có lẽ ở vào địa hạt tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn ; các triều đại phân chia ra sao và cho lệ thuộc thế nào, không khảo được.

Sứ nhà Tống sang.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Kỷ Mão, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (1039). (Tống, năm Bảo Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi đánh dẹp và giết chết Tồn Phúc.

Hà Văn Trinh, thủ lĩnh châu Tây Nông, đem tình trạng làm phản của Tồn Phúc tâu lên. Nhà vua giao cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn trông coi việc nước, chính mình tự làm tướng, đi đánh dẹp. Khi quân kéo đến Chb. **II**, 44

châu Quảng Nguyên, Tồn Phúc đem cả bộ lạc trốn, nhà vua tung quân ra đuổi, bắt được Tồn Phúc và con hắn là bọn Trí Thông 5 người. Còn vợ Tồn Phúc là Ả Nùng và con hắn là Trí Cao đều chạy thoát được. Nhà vua sai san phẳng cả thành trì của Tồn Phúc, chiêu an vỗ về nhân dân ; đóng cũi bọn Tồn Phúc điệu về kinh đô, xuống chiếu rằng : "Trẫm có thiên hạ, khắp trên đất, đâu đấy đều là tôi con, các phiên thần đều dâng lễ cống. Thế mà Tồn Phúc ở châu Thảng Do dám tự tôn tự đại, dựng nước riêng, tiếm xưng tôn hiệu, khuấy rối dân lành ở nơi biên giới. Trẫm nay kính vâng mạng Trời, phải đi đánh dẹp. Khi kéo quân đến Quảng Nguyên, bắt được bọn Tồn Phúc 5 người, dẹp yên đất ấy." Rồi đem chém cả ở chợ trong kinh đô.

Lời chua – *Tây Nông :* Thuộc tỉnh Thái Nguyên, tức là huyện Tư Nông bây giờ.

Tháng 6, mùa hạ. Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Bấy giờ giặc Nùng đã yên, 5 người nước Chiêm Thành lại quy phụ ; động Vũ Kiến dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng ; châu Lộng Thạch và châu Định Biên đều nói ở hai châu ấy có hiện ra khí sắc trắng như bạc. Bầy tôi đặt tôn hiệu gồm 8 chữ dâng lên nhà vua : "Kim dũng, ngân sinh, Nùng bình, Phiên phục"[1]. Nhân đó xin đổi lại niên hiệu. Nhà vua nói : "Về đời Đường[2] Ngu[3] chỉ vẽ ra hình tượng mà người không dám trái[4], không cần đánh dẹp mà binh lính người ngoài phải khuất phục ; đời bấy giờ nhà nào cũng

Chb. **II**, 45

(1) Vàng phun lên, bạc nảy ra, giặc Nùng yên, người Phiên phục.

(2) Khoảng năm 2357 đến năm 2256 trước Công nguyên

(3) Khoảng năm 2255 đến năm 2206 trước Công nguyên.

(4) Câu này trích trong tờ chiếu của Vũ đế nhà Tây Hán cầu người hiền lương. Nguyên văn : "Đường Ngu hoạch tượng nhi dân bất phạm". Có hai thuyết giải nghĩa : 1. Nghiêu, Thuấn chỉ vẽ màu sắc và kích thước của áo mũ, mà không ai dám chế áo trái với hình dáng đã vẽ (Ung Thiệu) ; 2. Đồ mặc có vẽ hình dạng năm thứ hình phạt (Nhan Sư Cổ).

lương thiện đáng khen, nhân dân tận nơi góc biển đâu cũng vui theo. Có hiện tượng mây lành, sao đẹp ; có chim phượng hoàng đến múa chầu. Người làm vua chỉ rũ áo chắp tay, không cần bày vẽ gì mà thiên hạ cũng rất bình trị. Nếu không phải là bậc có đạo đức cao lắm thì sao được như thế ? Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, vẫn nơm nớp lo sợ, chỉ e không gánh nổi việc nước, đâu dám mong như Nghiêu Thuấn xưa ? Ngày nay, giặc Mán đã yên, vàng bạc nảy ra, đó là trời đất tựa cho chăng ? hay là răn dạy đấy chăng ? Trẫm lấy làm sợ hãi lắm, chứ đâu dám đương nổi danh hiệu đẹp đẽ ấy ?" Bầy tôi cố nài mãi, nhà vua mới nghe theo.

Lời phê – *Đối với những đám giặc cỏ ở trong nước, có gì đáng khoe là "bình" thế mà vội tự tôn, tự đại xằng ! Bầy tôi thì dâng lời bợ đỡ, nhà vua thì giả đò khiêm nhường, trên dưới đều trái cả !*

Lời chua – *Chiêm Thành :* Tức Lâm ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20, 21).

Động Vũ Kiến : Thuộc châu Quảng Nguyên, bây giờ đổi lại là gì, không rõ.

Lộng Thạch : Theo sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư*, châu Lộng Thạch thuộc tỉnh Lạng Sơn. Bây giờ phân chia và lệ thuộc ra sao, không khảo được.

Định Biên : Theo *Đại Thanh nhất thống chí, An Nam cổ tích*, châu Định Biên có tên nữa là Minh Tế. Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, Định Biên thuộc tỉnh Cao Bằng. Bây giờ đổi lại là gì, chưa rõ.

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đại liêu ban là Sư Dụng Hoà và Thân vương ban là Đỗ Hưng đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Lời chua – *Đại liêu ban :* Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Thân vương ban : *Sử* của Ngô [Thì] Sĩ chua là tên một tước phong.

Sư Dụng Hoà : Châu mục châu Vĩnh An, vừa mới được phong tước này.

Tháng 10, mùa đông, sửa lại miếu Lý Thái Tổ. Chb. **II**, 46

Miếu này làm từ năm Thiên Thành thứ 1 (1028), đến đây sửa lại.

Tháng 12. Nước Chân Lạp sai sứ đến triều cống.

Năm Thiên Thành thứ 6 (1033), Chân Lạp đã sai cống đến đây lại sang cống nữa.

Người Chiêm Thành giữ trại Bố Chính là bọn Bố Lệnh, Bố Kha, Lan Đà Tinh đem bộ thuộc hơn trăm người sang theo ta.

Lời chua – *Nước Chân Lạp* : Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb, IV, 39).

Bố Chính : Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 3

Từ Canh Thìn (1040), Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 2 đến Tân Mùi (1091), Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 7, gồm 52 năm (1040 - 1091). Chb. **III**, 1

Canh Thìn, năm thứ 2 (1040). (Tống, năm Khang Định thứ 1).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2, phát gấm vóc, hàng của nhà Tống, cho bầy tôi.

Trước đó, nhà vua sai cung nữ dệt gấm vóc, họ đã dệt được thành những tấm hàng rồi ; đến đây, sai đem những gấm vóc, hàng của nhà Tống, vẫn chứa trong kho, ban phát cho bầy tôi : từ ngũ phẩm trở lên thì áo gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo vóc, tỏ ý không dụng gấm vóc của Tống nữa.

Lời phê – *Được !*

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu : phàm các việc kiện tụng đều giao cả cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn xét xử, định đoạt rồi tâu lên.

Dùng điện Quảng Vũ làm nơi xử kiện. Phàm các việc kiện tụng trong nước đều do nơi đó xử đoán rồi tâu lên vua.

Lời chua – *Điện Quảng Vũ* : Ở phía tây sân rồng điện Thiên An.

Tháng 10, mùa đông. Tượng Phật đã tô xong. Đại xá.

Trước đây, nhà vua sai tạc hơn một nghìn pho tượng Phật và vẽ hơn một nghìn bức tranh Phật ; lại làm hơn một vạn chiếc

bảo phan[1] ; đến đây, làm xong, mở hội, đại xá, tha cho những người phạm tội đồ lưu ; xá một nửa tiền thuế cho cả nước.

Tân Tị, năm thứ 3 (1041). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Điện Tiền chỉ huy sứ là bọn Đinh Lộc và Phùng Luật mưu làm phản, đều bị giết. Chb. III, 2

Lộc và Luật âm mưu làm phản, việc phát giác.

Nhà vua hạ chiếu bắt Đinh Lộc, Phùng Luật và đồ đảng chúng giao cho quan lại trị tội. Bọn Lộc, Luật đều bị giết cả.

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu cho Uy Minh hầu Nhật Quang làm Tri châu Nghệ An.

Nhật Quang là con thứ 8 Lý Thái Tổ ; khi nhậm chức ở Nghệ An, làm chính sự có ân huệ với dân. Đến lúc mất, người trong châu ấy lập đền thờ.

Lời chua – *Đền Nhật Quang* : Ở xã Bạch Đường và xã Hội Thống thuộc tỉnh Nghệ An ; bây giờ vẫn còn.

Nùng Trí Cao làm phản. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao, lại cho làm châu mục châu Quảng Nguyên.

Trí Cao trốn ở động núi, đến đây cùng với mẹ là Ả Nùng từ động Lôi Hoả, lại ra giữ châu Thảng Do, đổi châu ấy là nước Đại Lịch. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao điệu về kinh đô. Nhà vua thương tình vì cha và anh đều đã bị giết, nên tha tội và cho hắn làm chức châu mục Quảng Nguyên ; lại lấy các động Lôi Hoả và châu Tư Lang cho phụ thêm vào địa hạt Trí Cao cai trị.

---

(1) Ta gọi cây phướn, làm bằng vải hoặc bằng tơ, thân phướn hình chữ nhật đứng, nhỏ bản mà dài, lòng phướn có những chữ như "Nam vô A di đà phật", đuôi phướn có mấy dải dài lê thê trông như đuôi diều. Có hai hạng : hạng lớn, treo ở gian giữa chùa thẳng từ dưới cái nóc rủ xuống ; hạng nhỏ, mắc vào cán tre để các bà vãi cầm trong những khi đi rước Phật hoặc đi đưa đám tang, niệm Phật.

Lời chua – *Hai châu Quảng Nguyên, Thảng Do* : Xem năm Thông Thuỵ thứ 5 (Chb. II, 43).

Động Lôi Hoả : Theo sách *Độc sử phương dư kỷ yếu* của Cố Tố Vũ, động Lôi Hoả ở phía tây bắc phủ Lạng Sơn, khoảng giữa châu Quảng Nguyên và châu Thảng Do. Bây giờ đổi lại ra sao, chưa rõ. Chb. **III**, 3

Tư Lang : Trước thuộc tỉnh Thái Nguyên, bây giờ thuộc tỉnh Cao Bằng. Nhà Lý gọi là Tư Lang ; nhà Trần vẫn theo như trước ; khi thuộc Minh chia làm Thượng Tư Lãng và Hạ Tư Lãng ; nhà Lê đổi làm Thượng Lang và Hạ Lang, tức là huyện Thượng Lang và huyện Hạ Lang bây giờ.

Nhâm Ngọ năm Minh Đạo thứ 1 (1042). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua đi Kha Lãm chính mình cày ruộng tịch điền.

Lời phê – *Trước đó*[1], *nhà Tống đã có niên hiệu là Minh Đạo*[2], *có lẽ nào vua Lý không biết mà lại đặt trùng ? Thật đáng khinh bỉ !*

Lời chua – *Kha Lãm* : Tên đất, bây giờ không khảo được.

Tháng 9, mùa thu. Động đất.

Tháng 9 nhuận. Cấm quan lại thu thuế phù lạm.

Khi dân đóng thuế, ngoài mười phần phải nộp vào kho công rồi, quan lại được phép lấy một phần mười nữa, gọi là "hoành đầu". Nếu kẻ nào thu quá số ấy, thì bị xử theo tội ăn trộm. Quản giáp, chủ đô và người thu thuế nếu thu quá lệ đều bị xử tội giống thế cả. Nhà dân nào cáo tỏ sự thu thuế phù lạm thì nhà ấy được miễn dao dịch ba năm ; người nào ở kinh thành mà cáo giác ra thì có thưởng. Chb. **III**, 4

(1) Chỉ niên hiệu Minh Đạo

(2) Một niên hiệu của Tống Nhân Tông, từ 1032 đến 1033.

Khố ti[1] thu thuế lụa, nếu ăn lễ lấy lụa của người ta thì cứ mỗi thước lụa phạt 100 trượng ; mỗi tấm lụa phạt phối dịch một năm. Còn trên số ấy trở lên thì cứ chiếu theo số tấm lụa đã lấy mà tăng thêm số năm phối dịch.

Lời chua – *Quản giáp* : Tên quan. Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), định ra các sắc mục quản giáp.

Chủ đô : Không rõ.

Hoành đầu : Theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn, quản giáp, chủ đô và người thu thuế, ngoài mười phần thu thuế, được lấy một phần mười để làm bổng lộc, gọi là "hoành đầu". *Sử* của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng : "Hoành đầu cũng như thể lệ thu thuế ở triều Lê, ngoài tiền thuế, có tiền giấy bút".

Văn Châu làm phản. Tháng 10, mùa đông. Nhà vua sai Khai Hoàng vương Nhật Tôn đi đánh.

Phong Khai Hoàng vương làm đô thống đại nguyên suý đem quân đi đánh.

Ban Hình thư.

Bấy giờ, việc kiện tụng bề bộn. Quan lại giữ pháp luật cứ câu nệ theo thành văn trong luật lệ, hay làm những điều quá khắc nghiệt ; vì vậy có nhiều người bị oan uổng quá đáng. Nhà vua thấy thế động lòng thương, mới sai viên Trung thư sửa định lại luật lệnh. Việc sửa định này phải tham bác châm chước cho thích hợp với thời thế, đặt ra từng môn, từng loại, phân ra từng điều, từng khoản, làm hẳn thành bộ *Hình thư* của một triều đại. Khi sách làm xong, nhà vua xuống chiếu cho ban hành : ai cũng khen là tiện lợi. Nhân đó đổi niên hiệu là Minh Đạo. Chb. III, 5

Bấy giờ lại định rõ điều mục về các lệnh cấm :

(1) Người coi kho.

Phàm ai bán kẻ hoàng nam ở dân gian làm nô bộc tư gia, nếu đã bán rồi thì phạt 100 trượng và thích 20 chữ vào mặt ; chưa bán mà đã phục dịch người ta thì phạt 100 trượng và thích 10 chữ vào mặt. Kẻ tri tình mà cứ mua, cũng phạm tội, nhưng giảm xuống một bậc.

Phàm ăn trộm trâu của công phải phạt 100 trượng ; ăn trộm một con bắt phạt thành hai.

Đương đêm vào nhà người gian dâm với vợ cả hay vợ lẽ người ta nếu chủ nhân giết chết ngay lúc bấy giờ thì không bị luận tội.

Kẻ trộm dùng sức mạnh để lấy được của người ta, phạt 100 trượng ; nếu chưa lấy được của mà làm người ta bị thương thì phải tội lưu.

Lời chua – *Hình thư* : Theo *Lịch triều hiến chương, Văn tịch chí*, của Phan Huy Chú, sách *Hình thư* đời Lý Thái Tông, 3 quyển, bây giờ thất truyền.

Hoàng nam : *Sử* của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng : Triều Lý, dân đinh đến 18 tuổi, ghi tên vào *hoàng sách*(1), gọi là "hoàng nam" ; đến 20 tuổi trở lên gọi là "đại hoàng nam". Ai nuôi nô bộc riêng, chỉ được nuôi người nào chưa đến tuổi hoàng nam(2).

Tháng 11. Định rõ thể lệ cho chuộc tội.

Phàm nhân dân, người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, người có nhược tật(3) và người có họ thân với nhà vua phải để tang nhau từ chín tháng trở lên, nếu phạm tội thì đều được cho chuộc tội, chỉ trừ người nào phạm vào tội thập ác(4) thì không tha.

---

(1) Sổ bìa vàng.

(2) Tức dưới 18 tuổi.

(3) Người bị bệnh hao mòn, thân thể gầy yếu, đi đứng không vững.

(4) Hình luật cũ có mười tội ác sau đây hễ ai phạm vào thì không được tha : 1) âm mưu phản quốc ; 2) âm mưu làm việc đại nghịch (giết vua, giết cha) ; 3) âm mưu phản bội ; 4) hung ác bạo nghịch ; 5) bất đạo đức ; 6) đại bất kính ; 7) bất hiếu với cha mẹ ; 8) không hoà thuận với anh em ; 9) bất nghĩa ; 10) loạn luân.

Đói lớn. Chb. **III**, 6

Quý Mùi, năm thứ 2 (1043). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Sai Khai Hoàng vương Nhật Tôn đi đánh Ái Châu, Phụng Kiền vương Nhật Trung đi đánh Văn Châu.

Bấy giờ Ái Châu và Văn Châu đều làm phản ; nhà vua cho Khai Hoàng vương làm đô thống sứ đại nguyên suý, đi đánh Ái Châu, Phụng Kiền vương làm đô thống nguyên suý đi đánh Văn Châu. Khi Văn Châu đã dẹp yên, Phụng Kiền vương đem dâng bốn con ngựa ấy là : Tái Thiên, Quảng Thắng, Truy Phong và Nhật Ngự.

Lời chua – *Ái Châu* : Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Văn Châu : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Tháng 9, mùa thu. Gia phong Nùng Trí Cao làm Thái bảo(1).

Trí Cao đã được làm Châu mục, đến đây, lại gia phong làm Thái bảo và ban cho quả ấn.

Đóng thuyền chiến.

Bấy giờ Chiêm Thành chống lại mệnh lệnh, nhà vua muốn đi đánh có bảo những người ở tả hữu rằng : "Chiêm Thành mười sáu năm, không giữ lễ cống, ý chừng uy đức của trẫm không tràn thấm đến chúng ?" Mọi người đều nói : "Bệ hạ từ khi lên ngôi đến nay, nước kia chống lại mệnh lệnh, không đến triều cống mà triều đình chỉ ban ân đức để vỗ về thôi, chứ chưa hề dương uy diễu vũ, làm như thế, không phải Chb. **III**, 7

(1) Theo quan chế nhà Chu, Thái bảo thuộc hàng tam công. Thời Lý đặt ra để làm danh hiệu gia thêm cho các trọng thần, không phải là những chức làm việc.

cách để cho người phương xa phải sợ được. Chúng tôi chỉ e trong nước lại có chư hầu khác họ nào đó cũng như Chiêm Thành thì Bệ hạ sẽ dùng cách gì mà chế trị được ?" Bấy giờ nhà vua bèn quyết chí đi đánh. Đến đây, xuống chiếu cho đóng các thuyền chiến hơn vài trăm chiếc mang các tên như Rồng, Phượng, Cá, Rắn, Hổ, Báo và Anh Vũ để chuẩn bị dùng vào việc điều bát đi trận.

Lời phê(1) – *Khơi gợi cái tính ưa nịnh thật quá lắm ! Về việc dưới đây*(2) *cũng thế.*

Tháng 12, mùa đông. Ban chiếu cho chư quân sửa binh khí và áo giáp.

Bấy giờ, ở điện Trường Xuân, cái mộc của vua tự nhiên rung động (vô cớ, tự nó động đậy). Nhà vua đem việc đó ra hỏi. Bầy tôi đều nói : "Trước khi có gió, chim loan bay liệng, trước khi có mưa, đá đổ mồ hôi, là cơ màu cảm thông đáp ứng lẫn nhau. Nay sắp dấy quân, binh khí tự nhiên rung động, thì còn có gì đáng nghi ngờ ?" Nhà vua cho là phải, xuống chiếu cho chư quân sửa áo giáp và binh khí, hẹn đến mùa xuân sang năm, đi đánh Chiêm Thành.

Ban tiền Minh Đạo cho các quan.

Giáp Thân, năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 1 (1044). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh và thắng được nước Chiêm Thành, chém chúa Chiêm là Sạ Đẩu. Vợ chúa Chiêm là Mị Ê gieo mình xuống sông tự tử.

Giao cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn trông coi việc nước, nhà vua thân đốc chư quân, hàng vạn chiếc thuyền cùng xuất phát. Khi thuyền đến cửa biển Đại Ác, gió êm sóng

(1) Chỉ việc trình bày ý kiến đi đánh Chiêm Thành.

(2) Xem đoạn sử sau đây chép việc quân thần tâu bày về cái mộc của Lý Thái Tông tự nhiên rung động

lặng, nhà vua sai đổi tên Đại Ác là Đại An. Khi đến núi Ma Cô, có đám mây tía đỡ lấy mặt trời. Khi qua vũng Hà Não, có một đám mây che trên thuyền vua, hễ thuyền đi thì đám mây cũng đi, thuyền đứng lại thì đám mây cũng đứng lại. Một ngày thuận gió, vượt qua bãi Đại Trường Sa và Tiểu Trường Sa, thẳng đến cửa biển Ô Long. Chúa Chiêm đem cả quân và voi bày trận ở bờ bên nam sông Ngũ Bồ để chống cự quan quân ta. Nhà vua ở bên bờ bắc sông ấy chia tướng sĩ ra từng bộ phận, mở cờ, giống trống, đi tắt sang sông, đánh địch. Chưa giao chiến, quân Chiêm đã tự vỡ ngay. Quan quân đuổi đánh, chém được ba vạn thủ cấp. Quách Gia Di chém đầu chúa Chiêm Sạ Đẩu tại trận, đem dâng ; bắt sống tướng sĩ địch hơn năm nghìn người và tước được hơn ba mươi thớt voi đã luyện tập thuần thuộc. Người Chiêm bị quan quân ta giết chết xác chất đầy nội. Nhà vua động lòng thương, ra lệnh cấm giết càn. Đoạn, kéo quân vào thành Phật Thệ, bắt được vợ cả, vợ lẽ của chúa Chiêm và những cung nữ giỏi ca múa khúc điệu Tây Thiên. Nhà vua sai sứ đi khắp các làng xóm, phủ dụ nhân dân.

Tháng 8, kéo quân về, đến hành doanh Nghệ An, vời Uy minh hầu Nhật Quang ra yên uỷ, trao cho quyền tiết việt ở châu Nghệ An, lại gia phong tước vương. Trước đấy, nhà vua giao việc vận tải quân lương cho Nhật Quang ; Nhật Quang đặt ra trại Bà Hoà, lại tuỳ từng nơi đặt ra những đồn bằng đất, thu tô thuế ở Nghệ An chứa đầy vào đó, nên khi nhà vua hành quân, việc tiếp tế lương ăn được đầy đủ, không thiếu ; nhà vua khen lắm, nên có việc phong thưởng này. Chb. **III**, 9

Tháng 9, đến hành điện Lỵ Nhân, nhà vua cho vời vợ Sa Đẩu, chúa Chiêm, là Mị Ê, lên hầu thuyền ngự. Mị Ê khôn xiết uất ức căm hờn, lẳng lặng quấn cái chiên vào người rồi gieo mình xuống sông tự tử. Nhà vua khen là trinh tiết, phong làm Hiệp Chính hựu thiện phu nhân.

Lời phê[1] – *Bây giờ không nghe nói có việc người Chiêm vào lấn cướp thì không phải là bất đắc dĩ mà dùng binh, thế mà muốn phô sức mình, thích lập công nghiệp, buông thả lòng dục, giết hại mạng người ! Thậm chí cướp bắt phụ nữ để chứa đầy vào hậu cung : việc này lại càng thất đức ! So với Mị Ê, thật đáng thẹn chết ! Huống chi khúc điệu Tây Thiên là thanh âm mất nước, gây nên sự mê muội cho con cháu đời sau*[2] *! Thế thì trong sự thất đức lại càng thất đức hơn nữa ! Thái Tông là bậc vua hiền mà làm như thế, thực đáng tiếc ! Về phần bày tôi bấy giờ cũng không sao tránh khỏi cái tội nống ác của vua !*

Lời chua – *Đại Ác* : Tức là Đại Nha. Xem Lý Hậu đế, năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Núi Ma Cô : Có tên nữa là Lễ Đễ, ở ngoài biển thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Cửa biển Ô Long : Ở phía đông nam huyện Phú Vinh, thuộc Thừa Thiên. Nhà Lý gọi là Ô Long ; nhà Trần gọi là Tư Dung ; nhà Mạc đổi là Tư Khách ; nhà Lê gọi là Tư Dung, tức là cửa biển Tư Hiền bây giờ.

Thành Phật Thệ : Theo sách *Thanh Nhất thống chí*, mục *An Nam cổ tích*, thành Phật Thệ là kinh đô cũ của vua Chiêm, bây giờ ở về địa phận xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thuỷ, Thừa Thiên.

Lỵ Nhân : Tức là Lợi[3] Nhân. Xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 6 (Chb. IV, 14). Chb. **III**, 10

Đại, tiểu Trường Sa : Sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn chép rằng : Theo ven biển, từ phía nam cửa Nhật Lệ đến cửa Minh Linh gọi là Đại Trường Sa ; từ phía nam cửa Việt Hải đến cửa Tư Dung gọi là Tiểu Trường Sa.

Sông Ngũ Bồ, vũng Hà Não : Đều không khảo được.

---

(1) Chỉ việc đi đánh Chiêm Thành, giết người, bắt phụ nữ.

(2) Chỉ Lý Cao Tông. Xem thêm Chb. V, 28.

(3) Chữ "lợi", theo Hán văn, cũng âm là "lỵ", nhưng vì kiêng huý lâu ngày, đọc quen là "lợi", nên nay cũng phiên âm là "lợi", cho dễ hiểu.

Trại Bà Hoà : Ở sông Bà Hoà. Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua đi đánh Chiêm Thành về, làm lễ cáo nhà thái miếu về việc thắng trận.

Đem việc chiến thắng Chiêm Thành cáo nhà thái miếu, nhà vua ngự ở điện Thiên An, làm lễ "ẩm chí"[1]. Bầy tôi dâng hơn năm nghìn người Chiêm bị bắt làm tù binh. Nhà vua xuống chiếu lấy trấn Vĩnh Khang và Đăng Châu đặt ra làng xóm phỏng theo như tên gọi cũ của Chiêm Thành, để họ cứ chiếu theo bộ thuộc, nhận lấy mà ở. Lại làm ra cung riêng để cho cung nữ Chiêm Thành ở.

Tuyên dương công lao bình Chiêm : Từ lục phẩm trở lên ban cho áo gấm, từ thất phẩm trở xuống ban cho áo the.

Bấy giờ các nước ở xa đến chầu, đặt ra trạm Hoài Viễn để cho họ tạm nghỉ. Lại đặt trấn Vọng Quốc và bảy trạm là Tuyên Hoá, Vĩnh Thông, Thanh Bình, Quy Đức, Bảo Ninh, Cảm Hoá và An Dân, mỗi trạm đều lập mốc tiêu đề để làm chỗ hành khách nghỉ ngơi.

Lời chua – *Vĩnh Khang* : Thuộc Nghệ An. Bây giờ là huyện Vĩnh Hoà, phủ Tương Dương.

Đăng Châu : thuộc tỉnh Hưng Hoá. Nhà Lý gọi là Đăng Châu ; nhà Trần gọi là trấn Thiên Hưng ; khi thuộc Minh gọi là châu Quy Hoá ; nhà Lê đổi làm phủ, tức là phủ Quy Hoá bây giờ. Chb. **III**, 11

Trấn Vọng Quốc : Không khảo được.

Tháng 11, mùa đông. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Dâng tôn hiệu nhà vua là Thánh Đức Thiên Cảm Tuyên Hoá Thánh Vũ. Nhân đó xin đổi niên hiệu. Nhà vua nghe theo.

Xuống chiếu xá cho dân một nửa tiền thuế năm nay.

---

(1) Mỗi lễ thời xưa : sau khi thắng trận, về uống rượu ăn mừng ở nhà thờ tổ tiên.

Tờ chiếu rằng : "Mới rồi, vì có việc hành quân, trở ngại đến công việc canh nông ; ngờ đâu vụ đông năm nay mùa màng lại được phong đăng. Trăm họ no đủ thì trẫm còn thiếu thốn với ai ? Vậy xá cho dân một nửa tiền thuế".

Tháng 12. Định rõ lại pháp luật về tội đào ngũ.

Theo luật lệ định trước : phàm các quan chức hễ ai bỏ trốn, phạt 100 trượng, thích 50 chữ vào mặt, và phải tội đồ. Quân lính đào ngũ mà cướp của cải đồ vật của người khác, phạt 100 trượng, thích 30 chữ vào mặt. Chb. **III**, 12
Người giữ trấn hay trại mà bỏ trốn, cũng bắt tội như vậy. Quân lính bỏ trốn hơn một năm, phạt 100 trượng, thích 50 chữ vào mặt. Người nào bỏ trốn không theo xa giá khi vua đi chơi, phạt 100 trượng, thích 10 chữ vào mặt.

Nay định rõ lại điều lệ về lệnh cấm : Quân lính bỏ trốn thì phải khép vào một tội trong ba hạng tội lưu[1]. Kẻ coi ngục không được sai khiến tù nhân làm việc riêng của mình, nếu kẻ nào vi phạm, phạt 80 trượng và bắt đi phối dịch.

Ất Dậu, năm thứ 2 (1045). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 5). Chế xe Thái Bình.

Dùng voi kéo xe ; bộ bành voi kiểu Chiêm Thành (gọi là bồng la nga) thì trang sức bằng vàng. Lại đặt ra toán long quân theo hầu xe, dùng kiêu kỵ tướng quân Trần Nẫm quản lĩnh toán quân ấy.

Lời chua – *Bồng la nga* : *Sử cũ* chua "bồng la nga là cái yên voi (tượng yên) kiểu Chiêm Thành". *Sử* của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng : "La nga là cái bành có mui đặt trên mình voi, chứ không phải yên voi".

Bính Tuất, năm thứ 3 (1046). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 6).

---

(1) Ba hạng tội lưu : 1) Đày đi cận châu (như Nghệ An, Thanh Hoá...) ; 2) Đày đi ngoại châu (như châu Bố Chính) ; 3) Đày đi viễn châu (như châu Tân Bình...).

Đinh Hợi, năm thứ 4 (1047). (Tống, năm thứ Khánh Lịch thứ 7).

Chb. **III**, 13

Mậu Tí, năm thứ 5 (1048). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 8).

Tháng 9, mùa thu. Sai tướng quân Phùng Trí Năng đi đánh Ai Lao và thắng được.

Trí Năng bắt được người và súc vật Ai Lao đưa về.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9)

Nùng Trí Cao lại làm phản. Sai Quách Thịnh Dật đi đánh không được. Trí Cao tấn công sang đất Tống, đánh phá được Ung Châu.

Trí Cao giữ động Vật Ác, làm phản, tiếm xưng là nước Đại Nam, đổi niên hiệu là Cảnh Thuỵ. Nhà vua sai thái uý Quách Thịnh Dật đi đánh, không được, phải rút về. Nhân dịp đó, Trí Cao xin phụ theo nhà Tống ; vua Tống không cho. Trí Cao bèn cùng đồ đảng định mưu lấn cướp bờ cõi nhà Tống. Một hôm, hắn đốt ngay chỗ ở, nói gạt mọi người rằng : "Của nả của chúng ta chứa chất từ bao lâu nay đều bị lửa trời đốt cháy mất cả, sinh kế cùng quẫn rồi ! Bây giờ chỉ có cách là chi bằng sang đánh Ung Châu và Quảng Châu của Tống, tự lập làm vua". Mọi người đều vâng theo. Trí Cao liền đem năm nghìn quân, theo ven sông, đổ xuống miền đông, đánh hãm được Ung Châu nhà Tống.

Lời cẩn án – *Ở đây,* Sử cũ *chép rằng Trí Cao xin hàng nhà Lý. Nhưng nay xét Trí Cao bấy giờ đặt quốc hiệu, đổi niên hiệu, khí thế đang quá rông rỡ, một cánh quân của Thịnh Dật không thể hạ nổi. Nếu quả phải đầu hàng, Trí Cao sao lại xin theo về với nhà Tống để chống lại triều đình ? Sử của Ngô [Thì] Sĩ sửa lại, chép là "đánh không được" nay cũng theo như vậy.*

Chb. **III**, 14

Lập đàn Xã và đàn Tắc[1].

Lập đàn ở ngoài cửa Trường Quảng, bốn mùa cầu đảo cho được mùa.

Tháng 12, mùa đông. Mới làm lễ nghinh xuân.

Ngày lập xuân. Nhà vua sai các quan làm lễ nghinh xuân.

Kỷ Sửu, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 1 (1049). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 1).

Tháng 10, mùa đông. Dựng chùa Diên Hựu.

Trước đây, nhà vua chiêm bao thấy phật Quan Âm ngồi trên toà sen, dắt ngài cùng lên. Kịp lúc tỉnh dậy, vời bầy tôi đến nói chuyện mộng ấy và cho là không lành. Bấy giờ có nhà sư khuyên vua làm chùa. Ngài nghe theo, sai lập một cái cột đá, trên đó làm toà sen thờ phật Quan Âm, rồi họp các sư tụng kinh để cầu cho nhà vua được sống lâu, gọi là chùa Diên Hựu.

Lời chua – *Chùa Diên Hựu* : Ở thôn Thanh Bảo, huyện Vĩnh Thuận, tức chùa Một Cột bây giờ.

Canh Dần, năm thứ 2 (1050). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành cống voi trắng.

Tháng 6, mùa hạ có nạn thuỷ tai lớn.

Tân Mão, năm thứ 3 (1051). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Định phép khảo hạch các quan lại. Chb. **III**, 15

Các quan văn vũ, người nào làm việc lâu năm, không có lỗi gì, thì được thăng trật có thứ bậc khác nhau.

---

(1) Xã là thần Đất hay nền tế thần Đất. Tắc là thần Ngũ Cốc hay nền tế thần Ngũ Cốc. Xưa, người ta thường gọi quốc gia là xã tắc. Cho nên, xã tắc, ngoài việc dùng để thờ cúng, còn có tác dụng làm tượng trưng cho một nước.

Tháng 8, mùa thu. Cử hành lễ cho toàn dân được uống rượu mừng.

Cho dân được uống rượu nhân dịp trong nước có việc vui mừng. Lại ban cho vải lụa tiền bạc nhiều ít khác nhau.

Tháng 11, mùa đông. Khai sông Lẫm.

Lời chua – *Lẫm Cảng* : Ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (1052). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Đặt quả chuông lớn ở sân rồng.

Đúc chuông lớn để ở sân rồng điện Thiên An, cho dân hễ ai có điều gì oan ức không thông đạt được lên trên thì đánh chuông để thấu đến nhà vua.

Quý Tị, năm thứ 5 (1053). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Rồng vàng hiện ra.

Rồng hiện ở gác Đoan Minh. Bầy tôi đều mừng. Riêng có sư Pháp Ngữ nói : "Rồng bay ở trên trời, bây giờ lại hiện ra ở dưới, đó là điều chẳng lành".

Chb. **III**, 16

Tháng 7, mùa thu. Nạn thuỷ tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Trí Cao sai người đến xin giúp quân.

Nhà vua xuống chiếu cho Chỉ huy sứ[1] Vũ nhị đem quân đi cứu viện.

Trước đó, Trí Cao lấn cướp bờ cõi nhà Tống, quân Tống họp lại đánh. Nhà vua dâng biểu xin đem quân sang đánh giúp. Vua Tống ưng thuận. Nhà vua bèn sai tướng đem hai vạn quân theo đường thuỷ tiến sang. Khi quân ta sắp kéo vào cửa ải thì Địch Thanh nói với vua Tống : "Mượn quân nước ngoài để trừ giặc bên trong, không phải là điều lợi cho ta đâu. Đối với một

(1) Một chức quan chỉ huy trong quân đội, đứng ở hàng tam phẩm.

Trí Cao, sức quân hai tỉnh Quảng[1] còn không đủ chế trị ? Thế mà phải mượn đến quân nước ngoài ! Nếu nhân dịp đó nó nổi loạn, thì ta lấy gì ngăn cản được ?". Theo lời Địch Thanh bàn, vua Tống xuống chiếu bảo quân ta thôi đừng sang nữa. Đến đây, Trí Cao xin giúp quân. Nhà vua y theo như lời Trí Cao cầu xin.

Theo *Cương mục tục biên* (Trung Quốc), Trí Cao đánh hãm Ung Châu, tới chốn châu lỵ, tự xưng là Nhân Huệ hoàng đế, đổi niên hiệu là Khải Lịch, rồi tung quân ra cướp bóc. Chúng kéo đến châu huyện nào thì châu huyện ấy bỏ thành, chạy cả. Chúng phá luôn được tám châu là Hoành, Quý, Đăng, Ngô, Khang, Đoan, Cung và Tầm ; tiến vây Quảng Châu, đến sát chân thành, đánh mãi không hạ được, lại kéo vào Ung Châu. Vua Tống nghe biết việc ấy, bèn dùng bọn Dư Tĩnh, Dương Điền, Tôn Miện trù tính việc chống lại Trí Cao. Bây giờ Trí Cao ngày càng cướp bóc nhiễu loạn, mà bọn Dương Điền mãi không làm được công trạng gì, vua Tống lấy làm lo lắng. Trí Cao đưa thư xin làm Tiết độ sứ ở Ung Châu và Quế Châu. Vua Tống đã toan nhận cho Trí Cao đầu hàng, thì bấy giờ Xu mật phó sứ Địch Thanh dâng biểu xin đi đánh, vua Tống bèn cho Địch Thanh làm Tuyên phủ sứ, quản đốc các quân đi đánh dẹp. Địch Thanh đến Quảng Nam[2], hợp lại với quân Tôn Miện và Dư Tĩnh, tiến đóng Tân Châu, dặn các tướng tá không được liều lĩnh đánh nhau với địch. Bấy giờ, Trần Thự, kiểm hạt tỉnh Quảng Tây, tự tiện đem tám nghìn bộ binh ra đánh, bị tan vỡ ở cửa ải Côn Luân. Địch Thanh hội họp các tướng, xử tội Thự, đem chém. Rồi đóng binh, giữ vững dinh trại, cho quân nghỉ 10 ngày. Mọi người không ai lường biết

Chb. **III**, 17

(1) Quảng Đông và Quảng Tây.

(2) Xem chú thích ở Chb. I, 42.

ra sao. Quân do thám của địch về báo rằng quân Tống hãy còn chưa tiến ngay. Đến ngày hôm sau, Địch Thanh lập tức sắp quân qua cửa Côn Luân ; Trí Cao dốc hết quân ra chống đánh. Địch Thanh phất cờ, thúc hai cánh tả hữu của đội kỵ binh xông ra đánh : Trí Cao thua chạy. Quân Tống đuổi theo năm mươi dặm, chém vài nghìn thủ cấp. Đồ đảng của Trí Cao là bọn Hoàng Sư Mật hơn một trăm năm mươi người đều tử trận cả. Trí Cao đốt thành, đang đêm lẩn trốn, chạy sang Đại Lý[1]. Hai năm sau, Dư Tĩnh sai Đô giám Tiêu Chú vào đạo Đặc Ma, bắt sống được mẹ Trí Cao và em y là Trí Quang, con y là Kế Phong v.v... Lại mộ những kẻ cảm tử cho vào Đại Lý để lùng tìm Trí Cao, nhưng bấy giờ Trí Cao đã chết rồi. Người Tống lấy đầu Trí Cao, đóng vào hòm đem về kinh đô, rồi giết mẹ y luôn với em và con y. Họ Nùng bị diệt từ đấy.

Lời phê[2] *Ngang trái quá !*

Lời cẩn án – Sử cũ *chỉ chép : "Tháng 10, mùa đông, Quý Tị, năm thứ 5 (1053), Lương Châu*[3] *lại xin quân đi cứu. Nhà vua xuống chiếu cho Vũ Nhị đem quân đi cứu viện", nhưng không chép rõ là có hay không đánh nhau với quân Tống, hoặc vì cớ gì mà bãi binh. Nay xét sử* Cương mục tục biên *(Trung Quốc) chép rằng : "Tháng giêng, mùa xuân, năm Quý Tị (1053), Địch Thanh đánh cho Trí Cao đại bại, Trí Cao phải chạy vào Đại Lý. Sau đó hai năm, Trí Cao chết". Còn từ tháng 10, mùa đông, năm Quý Tị (1053) trở về sau, không hề thấy chép việc Trí Cao xin quân cứu và quân nhà Lý đi cứu. Như thế, hoặc giả Trí Cao sau khi chạy đến Đại Lý, muốn nhờ quân Lý giúp mình, còn quân Lý sở dĩ đi cứu Trí Cao, chừng vì là giận người Tống, trước đó, từ chối không nhận cho quân* Chb. **III**, 18

(1) Nay là Vân Nam.

(2) Chỉ việc cho quân đi cứu viện Trí Cao.

(3) Người của Nùng Trí Cao.

mình đánh giúp, nên muốn nhân dịp để cầu lợi ; kịp khi nghe biết Trí Cao không đủ sức chống được quân nhà Tống, nên quân cứu mới nửa vời ngừng lại mà không quả quyết cho đi nữa. Chứ nếu quả nhà Lý đã đem quân ra ngoài biên giới đánh nhau với Tống thì việc biên cương là trọng đại, người Tống há lại dìm đi được sao ? Đoạn này Sử cũ *ghi chép không rõ, vậy hãy để đó, sẽ khảo sau.*

Lời chua – *Ung Châu* : Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14)

Quảng Châu : Xem thuộc Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Ngô Châu : Tức Thương Ngô. Xem Triệu Vương[1], năm Kiền Đức thứ 1 (Tb. II, 4).

Đằng Châu[2]: Xem ngang với Tống Thái Tổ, Chb. **III**, 19 năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. III, 30).

Tầm Châu, Quý Châu, Cung Châu, Hoành Châu : Theo sách *Thanh Nhất thống chí*, mấy châu này đều thuộc tỉnh Quảng Tây : Quý Châu và Cung Châu thuộc phủ Tầm Châu ; Quý Châu tức là Quý huyện bây giờ ; Cung Châu tức là huyện Bình Nam bây giờ ; Hoành Châu thuộc phủ Nam Ninh.

Quế Châu : Nay thuộc phủ Quế Lâm.

Đoan Châu, Khang Châu : Đều thuộc tỉnh Quảng Đông : Đoan Châu tức là phủ Triệu Khánh bây giờ ; Khang Châu thuộc phủ Triệu Khánh bây giờ là lộ Đức Khánh.

Tầm Châu : Thuộc phủ Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây.

Cửa ải Côn Luân : Ở phía đông bắc huyện Tuyên Hoá, phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây. Xưa có cửa ải ở núi Côn Luân, nên gọi tên như vậy.

---

(1) *Cương mục* in là "Triệu Việt vương" (thừa chữ *Việt*).

(2) Đằng Châu đây là đất Trung Quốc, nay là Đằng huyện thuộc Quảng Tây chứ không phải là Hưng Yên ở Việt Nam như sử *Cương mục* đã chua lầm.

Đạo Đặc Ma : Thuộc tỉnh Vân Nam, tức là phủ Quảng Nam bây giờ.

Đại Lý : Tên nước. Theo *Minh sử, Vân Nam thổ ti truyện*, nước Đại Lý là đất huyện Diệp Du nhà Đường. Cuối niên hiệu Khai Nguyên (713-741), Bì La Các, người Mông Chiếu, đóng đô ở đấy, là Nam Chiếu, đặt quốc hiệu là Đại Mông, rồi lại đổi là Đại Lễ. Đến triều Tấn (936 - 946) đời Ngũ đại (907-959), Đoàn Tư Bình lên cầm quyền chính trong nước, đổi gọi là nước Đại Lý. Khoảng niên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) nhà Minh, Đoàn Thế bị bắt, nhà Minh đổi nước của y làm phủ Đại Lý, đặt Vệ quân và Chỉ huy sứ ti, cho thuộc vào tỉnh Vân Nam.

Giáp Ngọ, năm thứ 6 (1054). (Tháng 10 trở về sau, là triều Lý Thánh Tông hoàng đế, niên hiệu Long Thuỵ Thái Bình năm thứ 1. Tống, năm Chí Hoà năm thứ 1). Chb. III, 20

Tháng 7, mùa thu.

Xuống chiếu cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn thay vua ra ngự triều, nghe quần thần tâu bày chính sự.

Bấy giờ nhà vua se mình nên có mệnh lệnh này.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua mất.

Nhà vua mất ở điện Trường Xuân, miếu hiệu là Thái Tông, ở ngôi 27 năm, thọ 55 tuổi.

Lời cẩn án – *Theo lệ trong sử* Cương mục *(Trung Quốc) thì đối với một ông vua, lúc chết, lúc táng đều có chép cả*, Sử cũ *về các vua triều Lý, chỉ có Thái Tổ và Nhân Tông là có chép an táng, còn thì không thấy chép.* Sử *của Ngô [Thì] Sĩ nói rằng các vua Lý khi mất, đem về táng ở phủ Thiên Đức, đều gọi là Thọ Lăng, nhưng không nói táng vào tháng nào, năm nào. Nay không khảo được.*

Thái tử Nhật Tôn lên ngôi, đổi lại niên hiệu (tức Lý Thánh Tông).

Đổi quốc hiệu là Đại Việt.

Trước kia, Đinh Tiên Hoàng thống nhất đất nước, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Các triều đại sau vẫn theo như thế ; đến đây mới đổi lại.

Tôn mẹ là Mai thị làm Kim Thiên hoàng thái hậu.

Ban quan tước cho các cựu thần ở đông cung[1] có thứ bậc khác nhau. Chb. III, 21

Năm Ất Mùi (1055). Lý Thánh Tông hoàng đế niên hiệu Long Thuỵ Thái Bình thứ 2. (Tống, năm Chí Hoà thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Tháng 10, mùa đông. Ban ơn chẩn tế cho những tù bị giam trong ngục.

Bấy giờ rét dữ, nhà vua bảo những người ở tả hữu rằng : "Trẫm ở chốn cung sâu, sưởi thứ than chế bằng xương loài thú, mặc áo hồ cừu, mà còn rét thế này. Trẫm rất thương xót những người tù bị giam trong ngục kia : cơm không đủ no lòng, áo không đủ che cật, thì bị gió rét dằn vặt đến đâu ! Vậy hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm phát chăn, chiếu cho họ và mỗi ngày cho ăn hai bữa.

Lời phê – *Còn dân lành thì sao ?*

Sứ nhà Tống sang.

Trước đó nhà vua sai sứ sang cáo phó với nhà Tống. Đến đây, sứ Tống sang làm lễ tế viếng Lý Thái Tông và sách phong Lý Thánh Tông làm Giao Chỉ quận vương.

Bính Thân, năm thứ 3 (1056). (Tống, năm Gia Hựu thứ 1).

---

(1) Chỗ ở của một người con vua được lập làm thái tử, sau sẽ lên ngôi vua. Theo *Thần dị kinh*, ngoài Biển Đông, có núi Đông Minh, trên núi có cung điện xây bằng đá xanh, có biển đề sáu chữ "Thiên địa trưởng nam chi cung", (cung điện con trai trưởng của trời đất), vì thế mới gọi thái tử là "đông cung".

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ sang cống.

Lời chua – *Chân Lạp* : Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39). Chb. **III**, 22

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu khuyến nông.

Dựng chùa Sùng Khánh.

Làm chùa ở phường Báo Thiên, xây tháp 12 tầng, cao vài mươi trượng, trích trong kho lấy một vạn hai nghìn cân đồng, đúc quả chuông lớn. Chính nhà vua làm bài minh khắc vào chuông.

Lời chua – *Phường Báo Thiên* : Ở thôn Tiên Thị, huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội, dấu vết chùa vẫn còn.

Đinh Dậu, năm thứ 4 (1057). (Tống, năm Gia Hựu thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Đem con thú lạ sang tặng nhà Tống, nói gạt là con lân. Xu Mật sứ nhà Tống là Điền Huống nói rằng : "Đó chỉ là con thú lạ, chứ không phải con lân". Tư Mã Quang nói : "Nếu quả là con lân thực, mà xuất hiện không đúng lúc, cũng không phải là điềm lành ; nếu lại là con lân giả thì chỉ tổ cho người phương xa cười thôi". Thế rồi nhà Tống tặng tiễn ưu hậu, bảo sứ giả về.

Mậu Tuất, năm thứ 5 (1058). (Tống, năm Gia Hựu thứ 3).

Mùa xuân. Sửa lại cửa Tường Phù.

Cửa Tường Phù là cửa Đông kinh thành, dựng lên từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) ; đến đây sửa lại.

Kỷ Hợi, năm Chương thánh gia khánh thứ 1 (1059). (Tống, năm Gia Hựu thứ 4). Chb. **III**, 23

Tháng 3, mùa xuân. Sang đánh Tống, quân ta kéo đến Khâm Châu lại trở về.

Quân ta kéo đến Tư Lẫm doanh thuộc Khâm Châu, diễu võ dương uy rồi trở về. Việc hành quân này vì ghét nhà Tống tráo trở.

Lời cẩn án - Sử *của Ngô [Thì] Sĩ chép : "Bấy giờ sứ Tống sang sách phong, sứ ta sang đáp lễ, chưa nghe có việc gì tráo trở, hoặc giả việc xuất quân sang Khâm Châu là ý của Lý Thái Tông định làm từ trước, mà Lý Thánh Tông nối theo ý cha, muốn thử giở võ với Tống, nhưng chưa làm được đấy thôi". Nay xét :* Sử *họ Ngô chép thế, không giống với* Sử cũ, *nhưng cũng chép cả để tham khảo.*

Lời phê[1] - *Vô lý !*

Lời chua - *Khâm Châu* : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. I, 36).

Tháng 8, mùa thu. Đặt ra kiểu mẫu triều phục.

Nhà vua ngự ở điện Thuỷ Tinh, sai các quan đội mũ phốc đầu[2], đi giày và bí tất vào chầu. Tục đội mũ phốc đầu là trước từ đấy.

Sách *Giao Chỉ di biên* (không rõ họ tên người làm sách) chép : An Nam lúc mới dựng nước, mọi việc hãy còn đơn giản sơ sài ; đến nhà Lý mới làm ra cung thất. Cung điện thì có điện Thuỷ Tinh, điện Thiên Quang. Quan trong và quan ngoài thì có những chức như phụ quốc thái uý, gián nghị đại phu, tả hữu ti lang trung, viên ngoại lang, xu mật sứ, kim ngô, lĩnh binh sứ. Lễ nhạc văn vật xem ra cũng đã đầy đủ.

Quy định quân hiệu.

---

(1) Phê phán câu trong sử Ngô Thì Sĩ nói việc này là do Lý Thánh Tông làm theo chí trước của cha.

(2) Thứ mũ có từ đời Đường : Ban đầu làm bằng the lượt, sau vì thấy nó mềm nát, nên làm cốt bằng nan gỗ. Kiểu mũ phốc đầu, người ta cho là do Ngư Triều Ân (hoạn quan đời Đường Đại Tông, 763 - 779) chế ra trước : ban đầu bốn góc mũ có tai, hai tai vểnh về phía trước và hai tai vểnh về phía sau. Về sau, làm hai tai ngang ra, có dây thép đỡ cho cứng (tức là kiểu mũ cánh chuồn).

Quân hiệu có : Ngự Long, Vũ Thắng, Long Dực, Thần Điện, Phủng Thánh, Bảo Thắng, Hùng Lược, Vạn Tiệp, đều chia ra tả và hữu, trên trán đều thích chữ "Thiên tử quân". Chb. III, 24

Sách *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn có trích dẫn truyện *Thái Diên Khánh* nhà Tống : "Diên Khánh từng phỏng theo phép hành quân của An Nam : bộ đội chia ra chín tướng, gồm có các binh chủng như chính binh(1), tay cung tên(2), đoàn người ngựa(3). Mỗi tướng, từ quân bộ đến quân kỵ và khí giới, đều như nhau. Lại chia ra bốn bộ là Tả, Hữu, Tiền, Hậu, gộp lại là 100 đội. Mỗi đội đều có quân trú chiến(4) và quân thác chiến(5). Còn người và ngựa của quân Phiên thì chia riêng làm đội khác, không cho lẫn lộn với quân khác để phòng sự biến loạn, gần đâu thì cho họ lệ thuộc vào đó. Hạng quân già yếu thì cho đóng ở thành trại. Diên Khánh đem binh pháp ấy trình bày tường tận trong bức thư dâng lên vua Tống. Tống Thần Tông (1068-1085) khen là hay". Binh pháp triều Lý được Trung Quốc phỏng theo là thế đấy. Nhà Lý, phía bắc, phá được châu Ung, châu Liêm, phía nam, bình được Chiêm Thành, Chân Lạp, đánh đâu được đấy, thật là có cớ thế chứ !

Nay xét : quân hiệu triều Lý chỉ thấy tản mát trong sách, còn binh chế ra sao, không khảo được.

Lời phê(6) – *Gần như khoác lác !*

---

(1) Quân chính quy.

(2) Quân chuyên bắn cung.

(3) Đoàn quân kỵ.

(4) Chiến đấu trong khi đóng giữ.

(5) Chiến đấu trong khi tấn công.

(6) Chỉ việc nhà Tống phỏng theo binh pháp nhà Lý.

Canh Tí, năm thứ 2 (1060). (Tống, năm Gia Hựu thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ sang Ung Châu nhà Tống.

Trước đó, châu mục Lạng Châu, Thân Thiệu Thái, đuổi bắt những kẻ trốn tránh, vượt sang đất Tống, bắt chỉ huy sứ Tống là Dương Bảo Tài đem về. Quân Tống tràn sang xâm lấn bên ta, nhưng thất bại. Đến đây, Tống sai Lại bộ thị lang Dư Tĩnh đến Ung Châu để hội nghị. Nhà vua sai Phí Gia Hựu sang dự hội. Dư Tĩnh lại đưa hậu lễ tặng biếu Gia Hựu, nhân tiện đưa thư xin ta trả lại Bảo Tài cho Tống, nhưng nhà vua không nghe. Chb. III, 25

Lời phê[1] – *Không tin được !*

Lời chua – *Lạng Châu, Ung Châu* : Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 14).

Tháng 8. Làm hành cung ở bên hồ Dâm Đàm.

Làm hành cung ở bên hồ Dâm Đàm, để dùng khi ngự xem đánh cá.

Lời chua – *Dâm Đàm* : Còn tên nữa là hồ Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 12).

Tân Sửu, năm thứ 3 (1061). (Tống, năm Gia Hựu thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển con gái dân gian đưa vào cung.

Tuyển 12 người con gái sung vào hậu cung.

Nhâm Dần, năm thứ 4 (1062). (Tống, năm Gia Hựu thứ 7).

Quý Mão, năm thứ 5 (1063). (Tống, năm Gia Hựu thứ 8).

Giáp Thìn, năm thứ 6 (1064). (Tống, Anh Tông, năm Trị Bình thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

---

(1) Chỉ việc nhà Lý bắt chỉ huy sứ của Tống mà không thả về.

Sang mừng Tống Anh Tông lên ngôi.

Tháng 4, mùa hạ. Dụ bảo các viên quan coi việc hình ngục nên rộng tha cho những tội phạm lầm lẫn.

Nhà vua ngự điện Thiên Khánh, xử kiện. Công chúa Động Thiên hầu bên cạnh. Nhà vua trỏ vào công chúa mà bảo ngục lại : "Ta đem lòng làm cha mẹ đối với dân, cũng như lòng thương con ta đấy. Dân không biết gì, tự mình làm mình mắc phải tội lỗi, ta xót xa lắm. Từ nay, không cứ tội nặng hay nhẹ, cốt phải xét một cách rộng rãi, tha cho tội phạm lầm lẫn". Chb. **III**, 26

Lời phê – *Thế cũng không phải.*

Ất Tị, năm thứ 7 (1065). (Tống, năm Trị Bình thứ 2).

Bính Ngọ, năm Long Chương Thiên Tự thứ 1 (1066). (Tống, năm Trị Bình thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Kiền Đức làm thái tử. Đại xá.

Nhà vua 40 tuổi, chưa có con trai, thường đi các đền chùa để cầu tự ; ngự giá đến đâu, người xem chật đường. Khi đến làng Thổ Lỗi, có người con gái hái dâu đứng tựa vào khóm cỏ lan, nhà vua lấy làm lạ, cho vời vào cung, lập làm Ỷ Lan phu nhân. Đến khi có mang, sinh hoàng tử Kiền Đức, nhà vua mừng lắm. Ngày hôm sau lập làm thái tử, đổi niên hiệu, đại xá, phong Ỷ Lan phu nhân làm Thần phi[1], lại gọi là Nguyên phi[2], đổi làng Thổ Lỗi làm làng Siêu Loại, vì là sinh quán của Nguyên phi.

---

(1) Thần phi là quý phi của vua : Nguyên phi là một người phi đứng đầu các hàng phu nhân. Theo chế độ phong kiến, trong các vợ của vua có nhiều cấp bậc : vợ cả gọi là hoàng hậu, dưới hoàng hậu có ba người vợ nữa gọi "phi" hoặc "phu nhân" v.v...

(2) - nt -

Lời chua - *Làng Siêu Loại* : Ở huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh, tức là xã Thuận Quang bây giờ.

Đinh Mùi, năm thứ 2 (1067). (Tống, năm Trị Bình thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Ngưu Hống và Ai Lao đều tiến cống.

Lễ cống gồm có vàng, bạc, trầm hương, sừng tê, ngà voi. Chb. **III**, 27

Lời chua – *Ngưu Hống* : Tên một dân tộc Mán. Theo *Hưng Hoá phong thổ ký* của Hoàng Trọng Chính(1), ngôn ngữ và văn tự của Ngưu Hống cũng giống của Ai Lao, Ngưu Hống bây giờ thuộc vào bản đồ nước ta, tức là Yên Châu, tỉnh Hưng Hoá.

Ai Lao : Xem Triệu Việt vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Sứ nhà Tống sang.

Trước đó, Tống gia phong nhà vua làm Khai phủ nghi đồng tam ti ; đến đây, phong làm Nam Bình vương.

Cấp lương bổng cho những quan lại giữ việc hình ngục.

Dùng Nguỵ Trọng Hoà và Đặng Thế Tư làm quan Đô hộ phủ sĩ sư, đổi mười người thư gia(2) làm án ngục lại(3). Cho Trọng Hoà và Thế Tư mỗi năm mỗi người là năm mươi quan tiền, trăm bó lúa, cá và muối đủ dùng. Các ngục lại, mỗi người hai mươi quan tiền và trăm bó lúa. Việc cấp lương bổng này cốt để gây nuôi lòng thanh liêm của họ.

Theo *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, dưới triều Lý, các quan trong triều và ngoài các lộ đều không có lương bổng : quan trong, thỉnh thoảng được vua ban thưởng ; quan ngoài, được giao phó cho dân một làng để thu thuế ruộng đất, đầm, ao mà tự cung cấp cho mình. Đến đây, các quan lại giữ việc ngục tụng mới có lương bổng thường. Chb. **III**, 28

(1) Hoàng Trọng Chính, người đời Hậu Lê, làm đến Đốc đồng (theo lời *Tựa* của Phạm Thận Duật trong quyển *Hưng Hoá ký lược*).

(2) Người giữ việc biên chép giấy tờ sổ sách công.

(3) Người giúp việc xét hỏi về các ngục tụng.

Lời chua – *Đô hộ phủ sĩ sư* : Theo phép nhà Đinh trước. Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 4).

Mậu Thân, năm Thiên Huống Bảo Tượng thứ 1 (1068). (Tống, Thần Tông, năm Hi Ninh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Châu Chân Đăng dâng con voi trắng.

Nhà vua thấy dâng hai con voi trắng, tự cho là điềm lành, do đó đổi lại niên hiệu.

Lời chua – *Châu Chân Đăng* : Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 6 (Chb. II, 37).

Kỷ Dậu, năm Thần Vũ thứ 1 (1069). (Tống, năm Hi Ninh thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành, bắt được chúa Chiêm là Chế Củ đem về.

Bây giờ Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới, nhà vua giao cho Nguyên phi trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, lâu mãi không hạ được, mới rút quân về. Khi đến châu Cư Liên, hay tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân vui vẻ, trong nước được yên, nhà vua khảng khái nói : "Kìa, một người đàn bà còn làm được như thế, ta là tài trai mà không hạ được nước Chiêm Thành nhỏ xíu, chả hoá ra xoàng lắm ru ?". Nhà vua bèn quay lại đánh nữa, kết quả thắng trận, bắt chúa Chiêm là Chế Củ đem về.

Lời phê[1] – *Bấy giờ há lại không có đại thần để cho ở lại giữ nước hay sao ? Mà phải đến đàn bà can dự chính sự, để chuốc lấy tiếng khen ! Sử nói không đúng sự thực, đại loại như thế đấy !*

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi đánh Chiêm Thành về, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu, đổi lại niên hiệu. Chb. III, 29

(1) Chỉ việc Nguyên phi trông coi việc nước.

Chúa Chiêm Thành là Chế Củ dâng đất ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để xin về nước : nhà vua ưng thuận.

Lời chua – *Địa Lý* : Xưa là đất Việt Thường ; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam ; đời Tống, là châu Địa Lý thuộc Chiêm Thành ; nhà Lý đổi là Lâm Bình, nhà Trần đổi là Tân Bình ; khi thuộc Minh vẫn để tên như thế ; nhà Lê đổi là Tiên Bình. Bấy giờ là đất phủ Quảng Ninh thuộc tỉnh Quảng Bình.

Ma Linh : Xưa là đất Việt Thường ; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam ; đời Tống, là châu Ma Linh thuộc Chiêm Thành ; nhà Lý đổi là Minh Linh ; nhà Trần vẫn để tên như thế ; thuộc Minh, đổi là châu Nam Linh ; nhà Lê đặt làm huyện. Bây giờ là đất đai huyện Minh Linh và Do Linh thuộc tỉnh Quảng Trị.

Bố Chính : Xưa là châu Bố Chính ; đời Hán là đất huyện Thọ Lãnh thuộc quận Nhật Nam ; đời Tống là châu Bố Chính thuộc Chiêm Thành ; nhà Lý vẫn để tên như thế ; thuộc Minh đổi là châu Trấn Bình ; nhà Lê chia làm hai châu Nội Bố Chính và Ngoại Bố Chính. Bây giờ là đất ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bố Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình.

Canh Tuất, năm thứ 2 (1070). (Tống, năm Hi Ninh thứ 3).

Mùa xuân. Dựng điện Tử Thần.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Đem tiền và thóc phát chẩn cho dân nghèo.

Tháng 8, mùa thu. Mới lập nhà Văn Miếu.

Tạc tượng Chu Công, Khổng Tử và Tứ Phối[1] vẽ hình tượng Thất thập nhị hiền[2] bày ở Văn Miếu, bốn mùa tế lễ. Sai Hoàng thái tử tới đó học tập. Chb. **III**, 30

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Họ Lý làm vua đến đây đã năm mươi nhăm năm, thế mà bây giờ mới thấy tôn thờ thánh hiền, thế chẳng phải là trước trọng đạo Phật rồi sau mới đến đạo Nho đó dư ?*

---

(1) Bốn vị được phối hưởng trong khi cúng tế : Nhan tử, Tăng tử, Tử tư Mạnh tử, đều là bậc hiền triết xưa của Trung Quốc, nối tiếp truyền thống đạo Nho.

(2) Bảy mươi hai người học trò của Khổng Tử đều có tiếng hiền tài.

Lời chua – *Văn Miếu* : Ở phía nam thành Thăng Long, tức là Văn Miếu Hà Nội bây giờ.

Tân Hợi, năm thứ 3 (1071). (Tống, năm Hi Ninh thứ 4).

Từ mùa xuân đến mùa hạ, không mưa.

Nước Chiêm Thành đến dâng lễ cống.

Quy định lễ nộp tiền chuộc tội nhiều ít khác nhau.

Trước đó, Lý Thái Tông đặt ra pháp lệnh : phàm kẻ phạm tội, nếu là dân mà là người già hay trẻ con, nếu là người họ thân nhà vua mà còn phải để tang nhau từ 9 tháng trở lên, đều được nộp tiền chuộc cả[1]. Đến đây, định lệ lại : phàm người được nộp tiền chuộc tội phải tuỳ theo tội nặng hay nhẹ mà bắt nộp tiền nhiều hay ít khác nhau.

Nhâm Tí, năm thứ 4 (1072). (Tháng giêng trở về sau, là triều Lý Nhân Tông hoàng đế, niên hiệu Thái Ninh năm thứ 1. (Tống, năm Hi Ninh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Lý Thánh Tông mất.

Nhà vua mất ở điện Hội Tiên ; đặt tên thuỵ là Ứng Thiên sùng nhân chí đạo uy khánh long tường minh văn duệ vũ hiếu đức thánh thần hoàng đế, miếu hiệu là Thánh Tông, ở ngôi 17 năm, thọ 50 tuổi. Chb. **III**, 31

Thái tử Kiền Đức lên ngôi, đổi niên hiệu mới (tức là Lý Nhân Tông).

Tôn mẹ già (đích mẫu) là Thượng Dương thái hậu Dương thị làm hoàng thái hậu, mẹ đẻ là Ỷ Lan nguyên phi (không rõ họ là gì) làm hoàng thái phi. Thái hậu buông mành[2], ngồi bên trong, nghe bầy tôi tâu bày và quyết đoán mọi việc chính sự.

---

(1) Xem thêm Chb. III, 5.

(2) Nguyên văn là "thuỷ liêm". Chế độ phong kiến, lúc vua nối ngôi còn bé, thì ở triều đường có buông bức mành, thái hậu ngồi trong mành, nghe quần thần tâu bày và quyết đoán chính sự trong nước. Vì theo lễ giáo phong kiến đàn bà không được ra triều đường, hội kiến quần thần, nên phải ngồi che khuất bằng tấm mành mành.

Nhà vua mới bảy tuổi, thái hậu buông mành cùng tham dự chính sự. Thái sư Lý Đạo Thành làm phụ chính.

Lời chua – *Đạo Thành* : Người huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 4, mùa hạ. Tha cho tù phạm còn bị giam cứu.

Nhà vua bắt đầu ra coi chầu, hạ lệnh thả cả những tù binh còn giam ở Đô hộ phủ.

Lời chua – *Đô hộ phủ* : Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 4).

Năm Quý Sửu (1073). Lý Nhân Tông hoàng đế, năm Thái Ninh thứ 2. (Tống, năm Hi Ninh thứ 6). Mưa dầm mãi không tạnh (không rõ tháng nào).

Nhà vua sai làm lễ ở chùa Pháp Vân và đền thờ núi Tản Viên để cầu được tạnh nắng.

Lời chua – *Chùa Pháp Vân* : Ở thôn Văn Giáp, huyện Thượng Phúc thuộc Hà Nội[1]. Tương truyền một hôm, mưa gió sấm sét ầm ầm, cây đa bị đổ ; người thôn ấy lấy gỗ đa tạc tượng[2] rồi dựng chùa thờ, nên gọi là chùa Pháp Vân. Chb. **III**, 32

Núi Tản Viên : Ở huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây. Đền thờ thần Tản Viên ở trên đỉnh núi. Tương truyền : Thần núi ấy là Hương Lang, tức là một trong năm mươi con Lạc Long Quân theo mẹ về miền núi.

Giam cầm rồi giết chết hoàng thái hậu Dương thị ; tôn hoàng thái phi làm Linh nhân hoàng thái hậu.

Thái phi thấy một mình Dương thái hậu được tham dự chính sự, đem lòng bất bình, nói với vua rằng : "Mẹ đây khó nhọc mới có ngày nay, bây giờ để cho người khác ngồi hưởng phú quý, thì đặt mẹ ở địa vị nào ?" Nhà vua còn nhỏ tuổi, không

---

(1) Chùa Pháp Vân (còn gọi là chùa Dâu) ở xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, nay là xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Còn chùa Pháp Vũ (còn gọi là chùa Đậu) ở thôn Gia Phúc, huyện Thượng Phúc, nay là thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

(2) Tục gọi là "tượng Tứ Pháp": Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

biết phân biệt thế nào là phải, bèn giam cầm Dương thị ở cung Thượng Dương, bắt ép phải chết để chôn theo ở lăng vua Thánh Tông, rồi tôn Thái phi làm hoàng thái hậu.

Lời phê – *Xem thế thì biết trước đây nói Nguyên phi giúp được việc nội trị, rõ không phải là Ỷ Lan. Còn Dương thị, dưới thời Thánh Tông, cũng không thấy được lập làm hoàng hậu ; hoặc giả là do sử chép thiếu sót ? Danh phận vợ cả với vợ thứ không được phân minh : thực đáng giận !*

Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sách phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương.

Giáng truất Thái sư Lý Đạo Thành xuống làm Tả gián nghị đại phu[1], cho ra làm Tri châu Nghệ An.

Đạo Thành đến châu Nghệ An, lập viện Địa Tạng, đặt thần vị Lý Thánh Tông, sớm hôm thờ cúng. Chb. **III**, 33

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Giam cầm giết chết Dương hậu là một tội lớn. Đạo Thành bị giáng ra trấn thủ ở ngoại châu, biết đâu không phải vì cớ đã nói đến việc đó !*

Lời phê[2] – *Lời nói đoán chừng !*

Giáp Dần, năm thứ 3 (1074). (Tống, năm Hi Ninh thứ 7).

Mùa xuân. Chim sẻ trắng đậu sân cung cấm.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm ở Tiên Điền – *Chim sẻ trắng là vật nhỏ mọn, thế mà sử thần cũng chép. Đó chừng bấy giờ có ý khoe khoang về sự này. Về sau, nào rồng vàng, nào hươu đen, nào phượng đẹp, nào rùa lạ, nảy ra nhan nhản đều mở đầu từ đây*[3].

---

(1) Chức quan ở chính sảnh, có nhiệm vụ can gián, nói thẳng với nhà vua.

(2) Chỉ lời bàn của Ngô Sĩ Liên về việc Lý Đạo Thành.

(3) Trên chỗ lời bàn của Nguyễn Nghiễm, *Cương mục* có nêu hai chữ "ngự điểm", nghĩa là Tự Đức điểm những chấm son bên bài bàn của Nguyễn Nghiễm để tỏ ý tán thưởng.

Lại dùng Lý Đạo Thành làm Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự[1].

Đạo Thành là người thẳng thắn, mỗi khi dâng tấu sớ thì thể nào cũng nói đến sự lợi hay hại ở dân gian. Đối với quan lại nào là người hiền tài, ông đều cất dùng. Đời bấy giờ rất kính trọng ông.

Xuống chiếu cho các công thần từ tám mươi tuổi trở lên khi vào chầu, được chống gậy và ngồi ghế.

Ất Mão, năm thứ 4 (1075). (Tống, năm Hi Ninh thứ 8).

Bắt đầu khảo thi học trò bằng ba kỳ thi[2].

Tuyển lấy những người minh kinh bác học và thi nho học bằng ba kỳ thi[3]. Lê Văn Thịnh đỗ đầu, được lựa vào hầu vua học tập. Khoa cử nước ta bắt đầu từ đấy. Chb. **III**, 34

Theo sách *Danh tiết lục* của Trần Ký Đằng, Văn Thịnh người làng Đông Cứu, huyện Gia Định, tính ham học. Bấy giờ chưa có khoa cử, dầu ai thông minh lanh sáng đến đâu cũng phải do đường Phật giáo mà được lựa chọn để bạt ; riêng có Văn Thịnh chăm đọc các sách. Đến đây, mở khoa thi, hơn 10 người trúng tuyển, Văn Thịnh đỗ đầu. Đời truyền rằng họ Lê (Văn Thịnh) là người khai khoa đầu tiên.

Lời chua - *Gia Định* : Bây giờ là huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Ba kỳ thi (tam trường) : Thể thức văn thi thế nào, không khảo được.

Mồng 1, tháng 8, mùa thu. Nhật thực.

Sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành, không được, kéo quân về.

---

(1) Tức Tể tướng, nhưng được trọng hơn.

(2) Nguyên văn là "tam trường".

(3) Câu này nguyên văn *Cương mục*, không được sáng nghĩa, chúng tôi phải dựa theo *Sử ký, Bản kỷ 3*, 13 mà dịch cho lọn.

Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới. Nhà vua sai Thường Kiệt đi đánh, không được. Thường Kiệt vẽ bản đồ hình thế núi sông ở ba châu Bố Chính, Ma Linh, và Địa Lý, rồi kéo quân về.

Lời chua – *Thường Kiệt* : Người phường Thái Hoà, thành Thăng Long.

Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý : Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Lời phê : *Thì ra bấy giờ Chiêm Thành tuy đã dâng đất ba châu, nhưng triều Lý chưa đặt quan cai trị hay sao ?*

Đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, mộ dân đến ở.

Địa Lý và Ma Linh là đất mà Chế Củ đã hiến. Chb. **III**, 35

Dùng Lý Thường Kiệt làm Thái uý.

Tháng 11, mùa đông. Sai bọn Lý Thường Kiệt đem đại binh sang đánh nhà Tống, phá được Khâm Châu và Liêm Châu.

Nhà Tống từ khi Vương An Thạch lên cầm quyền, thường muốn lập công ở ngoài biên giới. Tiêu Chú, tri châu Ung Châu, đón biết ý An Thạch, dâng thư nói Giao Châu dầu giữ lễ triều cống, nhưng thực vẫn hai lòng, nếu nay bỏ lỡ không đánh lấy đi, chắc sẽ để lo về sau. Vua Tống tin lời, liền xuống chiếu cho Tiêu Chú lo việc ấy. Tiêu Chú lấy làm khó. Gặp bấy giờ có độ chi phán quan là Trầm Khởi dâng thư nói không có lý gì không thể lấy được Giao Châu. Nhà Tống mới cho Trầm Khởi làm tri châu Quế Châu. Trầm Khởi nhận lĩnh ý chỉ do An Thạch dặn bảo, chuyên để ý tấn công khuấy rối nước ta. Khi Trầm Khởi bị bãi, Lưu Di lên thay, biên xét hộ tịch các dân ở khê động, sửa qua thuyền[1], để mưu sang lấn cướp. Nhà Tống lại nghiêm cấm các châu, các huyện không được trao đổi mua bán với ta. Nhà vua đưa thư sang Tống, thì Lưu Di lại dìm đi. Ngài giận lắm,

(1) Có hai thuyết : 1) Thứ thuyền dưới đáy có đặt đồ binh khí để chống loài giao long làm hại ; 2) Thứ thuyền để chở đồ can qua, như giáo, mác, lá mộc...

sai bọn Lý Thường Kiệt, Tôn Đản thống lĩnh hơn 10 vạn quân, chia đường sang đánh Tống.

Quân Thường Kiệt đến Khâm Châu, Liêm Châu : tấn công và phá được. Quân Tống chết mất tám nghìn (8.000) người.

Bấy giờ Tôn Đản sang đánh Ung Châu, đô giám tỉnh Quảng Tây là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu, Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Luân, phá tan được địch, chém Thủ Tiết tại trận.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép tháng 2 năm ấy (Ất Mão, 1075), Thường Kiệt sang đánh nhà Tống, phá được Khâm, Liêm. Tôn Đản vây Ung Châu hơn 40 ngày, phá được thành, nay theo sử* Cương mục tục biên *(Trung Quốc) thì tháng 11 mùa đông năm Ất Mão (1075), Giao Chỉ đem đại binh vào lấn cướp, phá Khâm Châu và Liêm Châu. Tháng giêng, mùa xuân, năm Bính Thìn (1076) phá Ung Châu. Như vậy thì việc sang đánh Tống là bắt đầu từ mùa đông, năm Ất Mão (1075) ; việc phá được Khâm, Liêm là vào tháng 11, việc phá được Ung Châu là vào tháng giêng năm Bính Thìn (1076).* Sử cũ *chép lầm, nay xin đính chính. Lại xét : theo sử* Cương mục tục biên *và sách* Giao Chỉ di biên *thì tháng 11 mùa đông, năm Ất Mão (1075), đi đánh Tống, kể tội nhà Tống. Thế thì việc kể tội nhà Tống là việc năm Ất Mão ấy, chứ không phải việc năm Đinh Tị (1077).* Sử cũ, *ở chỗ tháng 2, mùa xuân, năm Đinh Tị, chép : lại đem đại binh sang đánh Tống và kể tội của Tống. Thế là một việc mà chép làm hai, việc ở năm này chép lẫn sang năm sau. Nay xin đính chính.* Chb. **III**, 36

Lời chua – *Ung Châu* : Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Giao Châu : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).

Quế Châu : Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Khâm Châu : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng thiên thứ 10 (Chb. III, 36).

Liêm Châu : Tức Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 43). Chb. **III**, 37

Cửa Côn Luân : Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Bính Thìn, năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 1 (1076). (Tống, năm Hi Ninh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Tôn Đản phá được thành Ung Châu nhà Tống, giết sạch cả dân trong thành.

Tôn Đản vây Ung Châu hơn bốn mươi ngày ; Tri châu Tô Giám đóng cửa thành cố giữ. Đến đây, quan quân xếp bao đất sát vào thành làm bậc thang mà leo lên : thành bị hạ. Tô Giám bắt ba mươi sáu người trong nhà hắn phải chết trước, hắn đem xác vùi cả xuống hố, rồi tự mình chết. Người trong thành cảm phục cao nghĩa của Tô Giám, không một ai chịu đầu hàng. Quan quân giết sạch số dân trong thành đến hơn năm vạn tám nghìn người cộng với số người bị chết ở Khâm, Liêm, tất cả tới mười vạn. Bọn Thường Kiệt bắt lấy người ba châu làm tù binh rồi kéo quân về. Việc này lên đến vua Tống, vua Tống truy tặng Tô Giám là Phụng quốc Tiết độ sứ.

Tháng 4, mùa hạ. Có ân xá.

Vì cớ đổi niên hiệu là Anh Vũ Chiêu Thắng.

Hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng.

Lập nhà Quốc Tử Giám ; tuyển trong các văn thần lấy những người có văn học, bổ vào đó.

Lựa chọn nhân sĩ trong nước lấy những người có tài văn, võ, phân phối đi cai quản quân và dân. Chb. **III**, 38

Tháng 12, mùa đông. Quân nhà Tống sang xâm lược, chiếm lấy các châu ở Quảng Nguyên rồi rút về.

Trước đó, bọn Thường Kiệt đem quân sang đánh nhà Tống, có làm bài lộ bố[1], đại ý nói : Nhà Tống thi hành phép thanh miêu[2] và trợ dịch[3] làm cho dân Tống phải ngậm đắng nuốt cay ! Ta nay dấy quân là cốt để sang cứu vớt dân chúng". Phàm những thành ấp nào mà quân của Thường Kiệt đi qua, đều được niêm yết bài lộ bố ấy ở bên đường. Kịp khi Ung Châu và Liêm Châu bị phá, An Thạch hay tin, giận lắm, bèn dùng Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm Phó sứ, cầm đầu chín tướng quân, ước hẹn các nước Chiêm Thành và Chân Lạp cùng sang lấn cướp.

Nhà vua sai Thường Kiệt đem quân đón đánh, đến sông Như Nguyệt, đánh nhau kịch liệt, Thường Kiệt cả phá được địch : quan Tống chết đến hơn nghìn người, phải rút lui. Đến đây, bọn Quách Quỳ lại đem quân tiến về phía tây, kéo thẳng đến sông Phú Lương. Quan quân ta bơi thuyền đón đánh : quân Tống không sang được, mới chặt gỗ làm chiến cụ, đặt máy bật đá, liệng xuống như mưa. Thuyền bên ta đều bị hư nát, quan quân ta lại bị quân Tống đánh úp, chết đến vài nghìn người. Do đấy nhà vua phải sai sứ đến doanh trại quân Tống xin hoà để cầu nhà Tống hoãn lại việc binh. Lúc ấy người Tống đi sâu vào nơi lam chướng, tám vạn quân sĩ chết mất quá nửa, lại thêm nỗi đóng quân mãi ở bờ sông, không vượt sang sông được, bèn ưng theo lời xin, rút lui, chiếm

Chb. **III**, 39

(1) Bài hịch kể rõ tội ác của bên địch và nêu nghĩa vụ mình phải đi đánh dẹp để cứu dân.

(2) Phép "Thanh miêu" do Vương An Thạch đặt : nhà nước bỏ tiền cho nông dân vay trong khi lúa hãy còn xanh, đến lúc được gặt thì phải trả và chịu lãi hai phân. Hàng năm, cứ tháng giêng cho vay thì mùa hạ phải trả, tháng năm cho vay thì mùa thu phải nộp.

(3) Phép "trợ dịch" cũng do Vương An Thạch đặt : những nhà có con vị thành niên, hoặc con một, hoặc nhà đàn bà không có con, hoặc người ở chùa, hoặc người có quan chức, v.v..., những người này trước kia không phải đóng góp làm tạm dịch, nay cũng đóng tiền "miễn dịch" theo với các người khác.

lấy các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Tô Châu, Mậu Châu và huyện Quang Lang rồi kéo quân về.

Lời cẩn án - *Theo sử* Cương mục tục biên *(Trung Quốc), tháng 2 năm ấy*[1], *nhà Tống dùng Quách Quỳ làm chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm phó sứ. Tháng 12, mùa đông, quân Tống kéo đến sông Phú Lương, chiếm lấy các châu ở Quảng Nguyên. Thế thì Triệu Tiết là phó tướng của Quách Quỳ. Còn việc kéo quân đến sông Phú Lương, chiếm lấy châu Quảng Nguyên là việc ở tháng 12, năm Bính Thìn (1076).* Sử cũ *lại chép vào tháng 3 ; đến tháng 12, năm Đinh Tị (1077) lại chép Triệu Tiết nhà Tống sang xâm lấn, không đánh được, rút về. Thế là* Sử cũ *cho việc tháng 12 năm Bính Thìn (1076) làm việc tháng 12 năm Đinh Tị (1077), lại cho việc tháng 12 làm việc tháng 3 : trước sau lầm lẫn như vậy đó. Nay xin đính chính.*

Lời chua – *Quảng Nguyên* : Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 5 (Chb. II, 43).

Chiêm Thành : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Chân Lạp : Xem thuộc Đường Tuyên Tông, Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Sông Như Nguyệt : Ở phía đông bắc huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Gần đấy có xã Như Nguyệt nên gọi tên như vậy.

Sông Phú Lương : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. III, 13).

Tư Lang : Xem Lý Thái Tông, năm Kiến Phù hữu đạo thứ 3 (Chb. II, 3)

Chb. **III**, 40

Tô Châu, Mậu Châu : Chừng ở địa phận hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng ngày nay, nhưng thay đổi ra sao, không khảo được.

Quang Lang : Tên huyện. Nhà Lý gọi là huyện Quang Lang ; nhà Trần gọi là châu Khưu Ôn; khi thuộc Minh gọi là Ôn Huyện ; nhà Lê gọi là Ôn Châu, tức là Ôn Châu tỉnh Lạng Sơn bây giờ.

---

(1) Bính Thìn (1076).

Đinh Tị, năm thứ 2 (1077). (Tống, năm Hi Ninh thứ 10).

Tháng 2, mùa xuân. Thi lại viên.

Thi bằng phép viết, phép tính và hình luật. Ai trúng tuyển thì được bổ.

Mậu Ngọ, năm thứ 3 (1078). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 1)

Thành này đắp từ năm Thuận Thiên thứ 5 (1014) , đến đây sửa lại .

Lời cẩn án – *Đại La là tên thành cũ từ thời Cao Biền, Lý Thái Tổ đã đổi gọi là Thăng Long.* Sử cũ *cứ theo tên cũ chép là, "thành Đại La" thì nhầm, nay xin đính chính.*

Lời chua – *Thành Thăng Long* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).

Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đào Nguyên đem năm thớt voi thuần thuộc sang tặng nhà Tống ; lại dâng biểu xin những châu huyện bị mất và những dân bị bắt ngày trước, vua Tống không cho. Nhà vua hẹn sẽ trả lại nhà Tống số người ba châu mà trước đây đã bị ta bắt, vua Tống bấy giờ mới y theo lời thỉnh cầu. Chb. **III**, 41

Lời chua – *Ba Châu* : Khâm, Liêm và Ung, đều thuộc tỉnh Quảng Đông.

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1079). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 2).

Mùa xuân. Thả cho về nước những người Tống đã bị bắt làm tù binh.

Trước đó, nhà Tống đòi ta giao trả một nghìn người bị bắt ; đến đây, ta thả cho về hai trăm hai mươi mốt người mà thôi. Đàn ông từ 15 tuổi trở lên thì thích vào trán là : "Thiên tử binh"[1] 20 tuổi trở lên thì thích là "Đầu Nam Triều[2] ; phụ nữ

(1) Quân lính của thiên tử.

(2) Theo về với Nam triều.

thì thích vào tay trái là "Quan khách". Dùng thuyền chở đi, nhưng trát bùn kín cả cửa và cửa sổ, trong thuyền thắp đèn đuốc, mỗi ngày chỉ đi độ một hai dặm thôi ; vài tháng trời mới đến nơi. Có ý tỏ rằng đường biển xa khơi là thế .

Lời cẩn án – *Sử* Cương mục tục biên *(Trung Quốc) chép rằng : Tháng 9, mùa thu, năm Nguyên Phong thứ 1 (Mậu Ngọ, 1078) triều Tống ; Giao Chỉ dâng biểu xin lại những đất đã mất, nhà Tống không ưng thuận.* Chb. **III**, 42

Chưa được bao lâu, Kiền Đức(1) *trả lại những dân bị bắt ngày trước. Tống bèn ban cho Thuận Châu*(2) *Sách* An Nam chí *của Cao Hùng Trưng chép rằng : năm Nguyên Phong thứ 1(1078), Giao Chỉ vào cống, thỉnh cầu trả lại các châu Quảng Nguyên ; nhà Tống hẹn rằng hễ trả lại số dân bị bắt trước đó thì sẽ làm theo lời xin. Qua năm sau, nhà Lý đem trả lại những người ba châu*(3) *; nhà Tống mới trả lại Thuận Châu. Như thế thì việc giao trả những người ba châu bị bắt là việc đáng phải ở vào năm này (Kỷ Mùi 1079), mà việc nhà Tống trả châu Quảng Nguyên lại ở vào sau việc ta giao trả tù binh của Tống. Nhà Tống bấy giờ dẫu suy yếu, nhưng đâu có chịu trước trả đất cho ta để cầu xin ta trả lại tù binh ?* Sử cũ *chép năm ấy (Kỷ Mùi 1079), nhà Tống trả lại Thuận Châu : đến Tân Dậu, năm thứ 6*(4) *chép rằng trao trả nhà Tống quân và dân ba châu đã bị ta bắt, vì cớ Tống đã trả lại cho ta châu Quảng Nguyên rồi. Thế thì ghi chép thất thực, nay xin đính chính.*

Mưa đá.

Được mùa.

Nhà Tống trả lại châu Quảng Nguyên.

---

(1) Tên Lý Nhân Tông.

(2) Tức là Quảng Nguyên. Thuận Châu là tên người Tống đổi gọi trong khi tạm chiếm Quảng Nguyên.

(3) Khâm, Liêm, Ung.

(4) Lý Nhân Tông năm Anh Vũ chiêu thắng thứ 6 (1081).

Trước đây, bọn Quách Quỳ sang xâm lấn các châu Quảng Nguyên đều mất về tay nhà Tống, Tống đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu, sai quan sang cai trị, hằng năm, trong số ba nghìn lính thú, chết đến năm sáu phần mười. Kịp khi ta trả lại tù binh ba châu cho Tống thì vua Tống nói : "Thuận Châu là nơi lam chướng, dẫu được cũng không lợi gì, há lại nên dồn quân lính vào chỗ chết ư?" Bèn trả lại ta.

Châu Quảng Nguyên sản nhiều vàng. Người Tống có câu thơ rằng : *"Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim* [1] !"

Canh Thân, năm thứ 5 (1080). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua xem bơi trải. Chb. **III**, 43

Tân Dậu, năm thứ 6 (1081). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 4).

Tháng 10, mùa đông. Thái phó Lý Đạo Thành mất.

Đạo Thành lấy tư cách là đại thần cùng họ với nhà vua, giúp chúa thơ ấu, từ chính sự trong triều đình đến kế hoạch nơi biên giới, ông có nhiều điều xây dựng sáng suốt ; đến đây, ông mất, ai cũng thương tiếc.

Nhâm Tuất, năm thứ 7 (1082). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 5).

Mùa xuân. Gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long là Hà Di Khánh.

Lời chua – *Châu Vị Long* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 4 (Chb. II, 16).

Quý Hợi, năm thứ 8 (1083). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 6).

---

(1) "Tham voi Giao Chỉ, mất vàng Quảng Nguyên" (*Đại Nam quốc sử diễn ca*)

Mùa xuân. Tuyển lính.

Tuyển trong hạng hoàng nam lấy những người khoẻ mạnh, can đảm, đặt làm ba bậc.

Lời chua – *Hoàng nam* : Xem Lý Thái Tông, năm Minh Đạo thứ 1 (Chb. III, 5).

Giáp Tí, năm thứ 9 (1084). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 7).

Tháng 6, mùa hạ. Sai Lê Văn Thịnh sang bên Tống, bàn định việc cương giới.

Bấy giờ, bờ cõi giữa nước ta và nhà Tống chưa được ngã ngũ. Nhà vua sai Binh Bộ thị lang [1] Lê Văn Thịnh sang Tống để hội nghị, nhà Tống trả lài ta 6 huyện và 3 động.

Theo *Danh tiết lục* của Trần Ký Đằng, Lê Văn Thịnh sang Quảng Tây, hội nghị với tuần kiểm ti nhà Tống, là Thành Trác. Vấn Thịnh thường giữ thái độ mềm dẻo, từ từ lấy lý lẽ mà giải thích, và nói "kẻ bồi thần[2] này không dám tranh giành". Vua Tống khen là biết cung kính, biết lẽ phải, bèn hạ chiếu trả lại cho ta 6 huyện Bảo Lạc và 6 động Túc Tang. Chb. **III**, 44

Lời cẩn án – *Theo sử* Cương mục tục biên *(Trung Quốc) và sách* Giao Chỉ di biên, *quân Tống sang xâm lược, chiếm lấy các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Tô Châu, Mậu Châu và huyện Quang Lang, rồi đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu. Kịp khi nhà Lý trả lại những dân bị bắt thì mới trao trả Thuận Châu. Về sau, khi định lại cương giới, Tống trả lại ta 6 huyện, 3 động. So với* Sử cũ *trên chép nhà Tống trả Thuận Châu, đến đây chép nhà Tống trả 6 huyện 3 động, mà không nói rõ huyện nào động nào, thì hai chỗ chép cũng hơi giống nhau. Nay xét : Về châu*

(1) Như Thứ trưởng Bộ Quốc phòng bây giờ.

(2) Tiếng bầy tôi của chư hầu tự xưng đối với thiên tử.

Tư Lang và huyện Quang Lang không thấy các sách nói đến việc trả lại, mà từ đời Tống Thần Tông (1069 - 1085) trở về sau, hai châu ấy đã thuộc về đất nhà Lý rồi, hay là sau khi nhà Tống đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu, thì gộp cả Tư Lang và Quang Lang mà chia đặt làm huyện, làm động, vậy 6 huyện và 3 động nói đó đều là đất ấy chăng ? Ban đầu, Tống chỉ trả Thuận Châu, đến đây, định rõ cương giới, bấy giờ mới trả lại hết, thế còn có lý, chứ nếu cứ trỏ vào 6 huyện Bảo Lạc và 6 động Túc Tang, thì người Tống chưa hề xâm chiếm, việc gì mà phải trả lại ta ? Huống chi trả lại chỉ có 3 động, mà Trần Kỳ Đằng lại cho là 6 động, không biết bằng cứ vào đâu ! Vậy hãy cứ chép lại đây để sẽ khảo sau.

Lời chua – *Bảo Lạc* : Thuộc tỉnh Tuyên Quang ; tức là huyện Vĩnh Điện và huyện Để Định bây giờ. Chb. **III**, 45

Sáu động Túc Tang : Không khảo được.

Ất Sửu, năm Quảng Hựu thứ 1 (1085). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 8).

Gia phong Lê Văn Thịnh làm Thái sư.

Bính Dần, năm thứ 2 (1086). (Tống Triết Tông, năm Nguyên Hựu thứ I).

Mùa xuân. Nguyễn Viễn dâng con rùa sáu chân.

Trên lưng con rùa này có hình đồ thư. Sau việc này, có nhiều người hay đem rùa lạ đến dâng.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lấy những người có văn học, sung vào Hàn lâm viện.

Thi những học trò có văn học trong cả nước. Ai đậu thì được bổ dùng. Mạc Hiển Tích đỗ đầu, được bổ làm Hàn lâm học sĩ.

Lời chua – *Hiển Tích* : Người làng Long Động, huyện Chí Linh[1].

(1) Nay là xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Đinh Mão, năm thứ 3 (1087). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Bắt đầu làm Bí thư các.

Sứ nhà Tống sang.

Tống Triết Tông mới lên ngôi, gia phong nhà vua làm Nam bình vương.

Tháng 10, mùa đông. Mở yến tiệc thết các bầy tôi tại chùa Lãm Sơn.

Năm Quảng Hựu thứ 2 (1086), làm chùa này ; đến đây ngự giá đến chơi, đêm mở yến tiệc thết quần thần. Nhà vua có làm thơ "Lãm Sơn dạ yến".

Bấy giờ lại chia đặt ra các chùa trong nước Chb. **III**, 46 làm ba hạng : đại danh lam, trung danh lam, tiểu danh lam. Chùa thì có điền nô[1] kho chứa đồ vật. Dùng quan văn cấp cao kiêm làm chức Đề cử[2].

Lời chua – *Chùa Lãm Sơn* : Ở xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương tỉnh Bắc Ninh.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1088). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 3).

Ban hiệu quốc sư cho thày chùa là Khô Đầu.

Nhà vua sùng đạo Phật, tôn thày chùa làm quốc sư, thường bàn hỏi về việc nước. Ấy cũng như Lê Đại Hành đối với Ngô Khuông Việt.

Lời chua – *Khô Đầu* : Không rõ là tên hay hiệu của nhà sư.

Kỷ Tị, năm thứ 5 (1089). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Quy định các chức của bách quan.

---

(1) Nô bộc làm ruộng.

(2) Chức quan coi quản về việc đền chùa.

Đặt rõ tên gọi các chức của quan văn, quan võ, quan phụ thuộc và các tạp lưu.

Lời cẩn án – *Sách* Lịch triều hiến chương, Chức quan chí, *của Phan Huy Chú, chép rằng* : Chb. **III**, 47

Xét quan chế triều Lý, đại lược thế này : Phẩm trật các hàng quan văn quan võ đều có chín bậc. Tam thái(1), *tam thiếu*(2) *Thái uý, nội ngoại hành điện đô trị sự, Kiểm hiệu Bình chương sự, đều là trọng chức về văn võ đại thần cả. Hàng quan văn thì có : bộ thượng thư, tả hữu tham tri, tả hữu gián nghị, trung thư, thị lang, bộ thị lang, tả hữu Ti lang trung, Thượng thư sảnh viên ngoại lang, đông tây cáp môn sứ, tả hữu phúc tâm, Nội thường thị, Phủ sĩ sư, Điện học sĩ, Hàn lâm học sĩ, vệ đại phu, chư hoả thư gia*(3), *Thừa trực lang, Thừa tín lang, đều là các chức quan trong. Lại có Tri phủ, Phán phủ, Tri châu đều là các chức quan ngoài. Hàng võ thì có : Đô thống, Nguyên suý, Tổng quản, Xu mật sứ, Xu mật tả hữu sứ, Tả hữu kim ngô, Thượng tướng, Đại tướng, Đô tướng, tướng quân các vệ*(4), *chỉ huy sứ, vũ vệ, hoả đầu, các binh tào Vũ Tiệp và Vũ Lâm, đều là những chức quan trong. Lại có quan binh và Trấn thủ các lộ, các trấn, các trại ; đó đều là những chức quan ngoài. Còn như phẩm trật và cấp bậc ra sao không thể khảo tường tận được.*

Lời chua – *Chư hoả thư gia* : Tên chức quan, như là Nội hoả thư gia, Chi hậu thư gia, Nội thư gia, Lệnh thư gia, vân vân... Còn "Chư hoả" thì chưa rõ.

Các vệ : Uy vệ, Kiêu vệ, Định Thắng vệ.

Đào sông Lãnh Kinh.

---

(1) Thái Sư, Thái bảo, Thái phó.

(2) Thiếu sư, thiếu bảo, thiếu phó.

(3) Xem "Lời chua" ở dưới của *Cương mục*

(4) Xem "Lời chua" ở dưới của *Cương mục*

Lời chua – *Lãnh Kinh* : Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, sông Lãnh Kinh thuộc tỉnh Thái Nguyên nay chưa biết đích ở chỗ nào. Chb. **III**, 48

Canh Ngọ, năm thứ 6 (1090). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 5). Làm cung Hợp Hoan.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Lý Nhân Tông xây dựng cung điện lâu đài đến năm lần*(1), *cung Hợp Hoan này là một, chắc không khỏi làm nhọc sức dân.*

Tân Mùi năm thứ 7 (1091). (Tống, Nguyên Hựu thứ 6). Mùa xuân. Nhà vua lên Lạng Sơn, xem săn voi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Lý Nhân Tông xem bắt voi đến ba lần : Năm* này(2) *đi Lạng Sơn ; năm Hội Tường thứ 10*(3) *đi Khoái Trường ; năm Thiên Phù duệ vũ thứ 4*(4) *đi Long Thuỷ Hiệp : đều là đi du ngoạn cả.*

Lời chua – *Lạng Sơn* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Núi Long Thuỷ Hiệp : Ở châu Đà Bắc thuộc Hưng Hoá, tức là núi Long Môn bây giờ.

---

(1) Năm lần xây dựng cung điện ;
- Cung Hợp Hoan dựng năm Quang Hựu thứ 6 (1090).
- Đài Động Linh dựng năm Long Phù thứ 9 (1109).
- Đài Chúng Tiên dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 1 (1120).
- Đài Tử Tiêu dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 4 (1123).
- Đài Uất La dựng năm Thiên phù duệ vũ thứ 5 (1124)

(2) Năm Tân Mùi, 1091

(3) Tức là Hội Tường đại khánh thứ 10 (Kỷ Hợi, 1119).

(4) Năm Quý Mão 1123.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 4

Từ Nhâm Thân (1092), Lý Nhân Tông năm Hội Phong thứ nhất đến Kỷ Tỵ (1149), Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 10, gồm 58 năm. Chb. IV, 1

*

Nhâm Thân, năm Hội Phong thứ 1 (1092). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 7). Quy định phép thu tô.

Năm ấy, khắp trong nước được mùa ; định rõ thể lệ thu tô : mỗi mẫu ruộng thu 3 thưng lúa để cung cấp lương thực cho quân đội.

Quý Dậu, năm thứ 2 (1093). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 8).

Giáp Tuất, năm thứ 3 (1094). (Tống, năm Thiệu Thánh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nước Chiêm Thành.

Chiêm Thành không tiến cống. Nhà vua sai Hàn lâm học sĩ Mạc Hiển Tích đi trách hỏi.

Ất Hợi năm thứ 4 (1095). (Tống, năm Thiệu Thánh thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán. Thả tù phạm bị giam cứu ; tha tô thuế, trời mưa.

Bính Tý, năm thứ 5 (1096). (Tống, năm Thiệu Thánh thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Thái sư Lê Văn Thịnh mưu phản nghịch, bị bắt đi an trí ở Thao Giang.

Trước kia, Văn Thịnh có một tên gia nô người nước Đại Lý. Tên này có phép thuật lạ. Nhân thế, Văn Thịnh manh lòng toan sự kia khác. Bấy giờ vua chơi hồ Dâm Đàm, đi chiếc thuyền con xem đánh cá. Bỗng nhiên nổi đám sương mù, có chiếc thuyền từ đám sương mù ấy vụt tới, sát đến thuyền ngự. Nhà vua cầm giáo lao theo, thì đám sương mù tan đi, trong thuyền hiện ra một con hổ. Mọi người sợ hãi. Ông chài Mục Thận quăng lưới chụp lấy, té ra là thái sư Lê Văn Thịnh. Nhà vua cho rằng Văn Thịnh là bậc đại thần có công lao, nên không nỡ giết, bắt đi an trí ở trại Thao Giang, thưởng quan tước cho Mục Thận và ban cho đất Dâm Đàm để làm thái ấp. Chb. **IV**, 2

Lời phê – *Văn Thịnh do văn học được đỗ đầu, làm quan đến cực phẩm, mà hành vi còn thế, thì lòng người còn lường biết thế nào được !*

Lời chua – *Sông Thao* : Ở phía Bắc huyện Tam Nông, tỉnh Hưng Hóa.

Đại Lý : Xem Lý Thái Tông năm Sùng Hưng Đại Bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Dâm Đàm : Có tên nữa là Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Đinh Sửu, năm thứ 6 (1097). (Tống, năm Thiệu Thánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu định ra hội điển[1].

Nhà vua hạ chiếu cho các quan kiểm điểm hiệu đính các điều lệ về điển chương cũ, biên tập và quy định lại rồi cho thi hành.

Tháng 8, mùa thu. Sao mọc ban ngày.

Mậu Dần, năm thứ 7 (1098). (Tống, năm Nguyên Phù thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Động đất.

Có sao chổi mọc.

(1) Một loại sách chép thể lệ công việc về điển chương chính sự của một đời.

Lời chua – *Sao chổi* : Theo sách *Tinh kinh*, sao chổi là do yêu khí sao Thái Bạch sinh ra, hình dáng giống như cái chổi, nên gọi là "sao chổi".

Kỷ Mão, năm thứ 8 (1099). (Tống, năm Nguyên Phù thứ 2).

Canh Thìn, năm thứ 9 (1100). (Tống, năm Nguyên Phù thứ 3).

Tháng 12, mùa đông. Phát sinh bệnh dịch dữ dội.

Tân Tỵ, năm Long Phù thứ 1 (1101). (Tống, Huy Tông, năm Kiến Trung tĩnh quốc thứ 1). Chb. IV, 3

Tháng Giêng, mùa xuân. Dùng Lý Thường Kiệt kiêm chức Nội thị phán thủ đô áp nha, Hành điện nội ngoại đô tri sự.

Lời chua – Theo sách *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn, Hành điện nội ngoại đô tri sự là trọng chức của bậc đại thần. Còn Phán thủ đô áp nha thì chức chế ra sao chưa rõ.

Sửa lại chùa Diên Hựu.

Chùa này do Lý Thái Tông làm ra để cầu trường thọ ; đến đây tu sửa lại. Lại đúc quả chuông lớn. Đúc xong, đánh thử, chuông không kêu, đem bỏ ở ngoài ruộng. Ruộng ấy sản nhiều rùa, nên người ta gọi là "chuông Quy điền"[1].

Lời chua – *Chùa Diên Hựu* : Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng Đại Bảo thứ 1 (Chb. III, 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 2 (1102). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Có nạn nước lớn.

Quý Mùi, năm thứ 3 (1103). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 2).

---

(1) Được kể là An Nam tứ khí (bốn thứ đồ của Việt Nam) : 1. Chuông Quy Điền ; 2. Tháp Báo Thiên ; 3. Vạc Phổ Minh ; 4. Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm.

Tháng 10, mùa đông. Lý Giác ở Diễn Châu làm phản. Nhà vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh. Giác thua, chạy sang Chiêm Thành.

Lý Giác vì học được phép thuật kỳ lạ, kết cỏ buộc cây làm thành hình người, có thể sai khiến chúng nó bay nhảy đâm đánh được, gọi là quân tướng nhà trời. Nhiều người Diễn Châu theo về với hắn. Giác bèn giữ Diễn Châu, làm phản. Việc ấy lên đến triều đình. Nhà vua hỏi ai có thể làm tướng đi dẹp được. Bầy tôi cử Lý Thường Kiệt. Nhà vua nói : "Giác là tay giặc kiệt hiệt, ta cần phải chọn lấy người khoẻ mạnh để đối địch. Thường Kiệt giữ việc binh đã lâu, nay già rồi ; nếu lại giao cho việc quân, thì không phải cách mà trẫm dùng để đối xử với bậc lão thần". Thường Kiệt khấu đầu, nói : "Tôi, trước kia chưa thông thạo mưu lược làm tướng, bình Chiêm, đánh Tống, may mà thành công, đó là đều nhờ oai linh của bệ hạ và sức lực của các tướng thần. Ngày nay nhờ ơn nước, tôi được hưởng ngôi cao lộc hậu đến thế này, nếu tôi ngồi nhìn để cho đứa giặc là Giác kiêu rông thì chết không nhắm mắt được". Thường Kiệt xin đi đánh. Nhà vua khen và ưng cho. Quân kéo đến Diễn Châu, đánh kịch liệt, cả phá được giặc. Lý Giác chạy sang Chiêm Thành, còn dư đảng thì quan quân dẹp yên được cả.

Chb. **IV**, 4

Lời chua – *Diễn Châu* : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Chiêm Thành : Tức Lâm ấp thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20, 22).

Nước Chiêm Thành xâm lược châu Lâm Bình, châu Bố Chính và châu Minh Linh, rồi chiếm giữ ba châu ấy.

Lý Giác trốn sang Chiêm Thành, nói hết cả tình hình nước ta hư thực ra sao ; chúa Chiêm là Chế Ma Na tin lời, bèn cất quân vào lấn cướp, chiếm lấy ba châu Bố Chính... là những đất mà Chế Củ đã dâng trước.

Lời chua - *Việc Chế Củ dâng đất ba châu.* Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29). Đến năm Thái Ninh thứ 4 (1075), đổi châu Địa Lý làm Lâm Bình, châu Ma Linh làm Minh Linh.

Giáp Thân, năm thứ 4 (1104). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành thua, chúa Chiêm phải trả lại đất ba châu mà hắn đã xâm chiếm. Chb. IV, 5

Thường Kiệt đánh bại được quân Chiêm ; Chế Ma Na sợ, phải trả lại đất ba châu đã chiêm.

Ất Dậu, năm thứ 5 (1105). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 4).

Mùa xuân, tế thần Cao Môi[1].

Tháng 6, mùa hạ. Thái úy Lý Thường Kiệt mất.

Thường Kiệt có tướng tài, tinh thông thao lược, ban đầu sung làm Hoàng môn chi hậu[2], rồi thăng đến Thái uý, trải làm quan với ba triều, đánh Tống, bình Chiêm, công danh ngày càng cao, được nhà vua cưng yêu không ai sánh bằng. Đến đây, ông mất, được tặng phong Kiểm hiệu Thái uý Bình chương quân quốc trọng sự Việt quốc công ; cho em là Thường Hiến nối phong tước hầu.

Tháng 9, mùa thu. Lại sửa chùa Diên Hựu.

Phía trước chùa xây ngọn bảo tháp, đào ao bích trì, trồng hoa sen ; xung quanh có hành lang chạy dài, bắc cầu lượn vào. Hằng tháng, cứ mồng một và ngày rằm, ngự giá đến vãn cảnh.

Bính Tuất, năm thứ 6 (1106). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 5).

Tháng Giêng, mùa xuân. Sao Chổi hiện ra ở phương tây, chuôi sao dài suốt một góc trời. Sao Thái Bạch mọc ban ngày. Nhà vua hạ chiếu ân xá.

Duy những người bè đảng với kẻ phản nghịch thì không được tha.

Đinh Hợi, năm thứ bảy (1107). (Tống, năm Đại Quan thứ nhất). Chb. IV, 6

Mùa hạ. Động đất.

---

(1) Vi thần chuyên chủ về việc để người cầu con.

(2) Hầu cận nhà vua ở cửa Hoàng cung.

Mậu Tý, năm thứ 8 (1108). (Tống, năm Đại Quan thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Đắp đê ngăn nước sông ở phường Cơ Xá.

Lời chua – *Phường Cơ Xá* : bây giờ thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội.

Mùa hạ. Không mưa.

Kỷ Sửu, năm thứ 9 (1109). (Tống, năm Đại Quan thứ 3).

Mùa xuân, dựng đài Động Linh.

Dựng đài Động Linh để cầu đảo.

Canh Dần, năm Hội tường đại khánh thứ 1 (1110). (Tống, năm Đại Quan thứ 4).

Tháng 8, mùa thu. Nước Chiêm Thành đến tiến cống.

Tân Mão, năm thứ 2 (1111). (Tống, năm Chính Hoà thứ 1).

Mùa thu. Đâu đấy được mùa cả.

Nhâm Thìn, năm thứ 3 (1112). (Tống, năm Chính Hoà thứ 2).

Quý Tỵ, năm thứ 4 (1113). (Tống, năm Chính Hoà thứ 3).

Giáp Ngọ, năm thứ 5 (1114). (Tống, năm Chính Hoà thứ 4)

Ất Mùi, năm thứ 6 (1115). (Tống, năm Chính Hoà thứ 5).

Tháng Giêng, mùa xuân. Lập ba Hoàng hậu.

Lập ba hoàng hậu là Lan Anh, Khâm Thiên và Chấn Bảo ; lại lập 36 cung nhân. Bấy giờ nhà vua nóng lòng cầu tự, thường lập đàn tràng cầu đảo. Thái hậu thì làm hơn một trăm cảnh chùa ; lại phát tiền kho nội phủ chuộc những gái nghèo đã bị cầm đợ mà gả cho người không có vợ. Chb. IV, 7

Bính Thân, năm thứ 7 (1116). (Tống, năm Chính Hoà thứ 6).

Đinh Dậu, năm thứ 8 (1117). (Tống, năm Chính Hoà thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua đi Ứng Phong xem xét việc cày ruộng.

Mùa xuân, dân cày ruộng công. Nhà vua đến hành cung Ứng Phong để xem xét. Từ đấy, xem cày, thăm gặt là việc thường hằng năm.

Thái hậu nói với nhà vua rằng : "Luật lệnh về việc trộm trâu thi hành đã lâu. Gần đây, những người trốn tránh ở kinh thành, hương ấp, phần nhiều làm nghề trộm trâu ; mà sự giết thịt trâu lại càng quá lắm. Hiện nay, vài nhà nông dân mới có một con trâu, thì nhờ vào đâu mà đủ sinh sống ?" Nhà vua cho là phải ; xuống chiếu, phàm những kẻ trộm trâu hay là giết trâu thì cả vợ lẫn chồng đều phải phạt 80 trượng, bị tội đồ và bồi thường trâu ; người láng giềng không cáo tố phải phạt 80 trượng.

Lời chua – *Ứng Phong* : Thuộc tỉnh Nam Định. Xưa là huyện Hiển Khánh, nhà Lý đổi làm Ứng Phong ; nhà Trần đổi làm Kiến Hưng, khi thuộc Minh đổi làm phủ Kiến Bình ; nhà Lê gọi là phủ Nghĩa Hưng, tức là phủ Nghĩa Hưng bây giờ.

Tháng 6, mùa hạ. Không mưa. Làm lễ đảo vũ ở hành cung Ứng Phong.

Bấy giờ ngự giá đến Ứng Phong xem xét việc cày ruộng ; nhân tiện, làm lễ đảo vũ.

Tháng 7, mùa thu. Linh Nhân hoàng thái hậu mất. Chb. **IV**, 8

Tháng 8. Làm lễ an táng Phù Thánh Linh Nhân hoàng thái hậu.

Làm lễ hoả táng. Lấy ba người hầu gái đem tuận táng[1]. Đặt tên thuỵ cho Hoàng thái hậu là Phù Thánh.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Khải Thuỵ xem xét việc gặt lúa.

Lời chua – *Khải Thuỵ* : Tên đất. Bấy giờ đặt hành cung ở đấy. Nay không biết đích là chỗ nào.

---

(1) Lối xưa có tục đem đồ vật hoặc người thật mà chôn theo kẻ chết gọi là "tuận táng".

Lập Dương Hoán làm Thái tử.

Dương Hoán là con của Hoàng đệ Sùng Hiền hầu (không rõ tên). Bấy giờ nhà vua đã nhiều tuổi, chưa có kế tự mới xuống chiếu chọn lấy những con cái trong họ tôn thất để nuôi làm con. Kịp khi Dương Hoán sinh, nhà vua cho nuôi ở trong cung ; năm này lên hai tuổi, nhà vua yêu là người thông minh lanh lẹn, lập làm Thái tử.

Mậu Tuất, năm thứ 9 (1118). (Tống, năm Tuyên Hòa[1] thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ đến tiến cống.

Bấy giờ khánh thành ngọn Bảo tháp, nhà vua sai bày đồ nghi trượng ở trước điện Linh Quang, cho dẫn sứ giả Chân Lạp đến xem.

Lời chua – *Chân Lạp* : Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Tháng 3. Tuyển lính cấm quân.

Trước đó, tuyển những hoàng nam[2] khỏe mạnh làm binh lính, đến đây quy định hiệu quân cấm vệ, bèn tuyển 350 người đại hoàng nam[3] sung vào các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Vũ Đô và Ngự Long. Lại cấm những nô bộc tư gia không được xăm mực vào ngực, vào chân làm mạo theo hình dạng của cấm quân. Chb. **IV**, 9

Lời chua – *Xăm mực vào ngực và chân* : Thích hình dạng văn hoa vào ngực và chân rồi đồ mực.

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán. Hạ chiếu đảo vũ. Trời mưa.

Tháng 7, mùa thu. Chiêm Thành đến tiến cống.

---

(1) Chính thực là "Trọng Hoà" mới đúng. Đến năm sau, tức năm Kỷ Hợi (1119), Tống Huy Tông mới đổi niên hiệu làm Tuyên Hoà thứ 1. Đây chắc là sử *Cương mục* in lầm.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển III tờ 5.

(3) Xem thêm *Chính biên* quyển III tờ 5.

Bấy giờ nước Chiêm Thành sai sứ đến dâng lễ cống. Gặp dịp khánh thành chùa Thắng Nghiêm thánh thọ, bèn mở hội thiên phật để cho sứ Chiêm Thành xem.

Kỷ Hợi, năm thứ 10 (1119). (Tống, năm Tuyên Hoà thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Chức Đô tào là Phan Điển dâng con hươu trắng, được nhà vua chấp nhận.

Lời cẩn án – Sử *của Ngô Thì Sĩ chua rằng* : *Xét* : *đoạn sử về đời Lý Nhân Tông.* Sử cũ *chép rằng hươu trắng 6 lần, chương trắng*(1) *2 lần* ; *chim sẻ trắng và rùa lạ mỗi thứ 4 lần, hươu đen, phượng non, ngựa trắng mọc cựa và ngựa hồng mọc cựa mỗi thứ 1 lần; đều được nhận cả.*

Lời chua – *Đô tào* : Tên một chức quan.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua xem bơi trải, thết yến các bầy tôi.

Nhà vua ngự ở điện Linh Quang, để xem bơi thuyền thi ; thết bầy tôi ăn yến. Tự đấy, hằng năm đặt làm lệ thường.

Lời chua – *Điện Linh Quang* : Ở đầu bến sông Phú Lương(2). Chb. **IV**, 10

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng đi đánh động Ma Sa, bắt được động trưởng động ấy là Nguỵ Bàng. Tháng 12, hoàn cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu.

Bấy giờ động Ma Sa không giữ lễ cống, nhà vua sửa soạn đi đánh, sai đóng hai chiếc thuyền Cảnh Hưng và Thanh Lan ; lại hạ chiếu cho chư quân đóng thuyền chiến, sửa võ khí. Đến đây, trước khi xuất quân, duyệt lấy những người khoẻ mạnh trong các quân Vũ Tiệp, Vũ Lâm bổ vào các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Phù Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô và Ngự Long : hạng giỏi cho làm hoả đầu, hạng kém cho làm binh lính. Rồi hội họp chư quân ăn thề ở sân rồng, hiểu dụ cho biết ý nghĩa xuất quân. Đoạn, ban phát khí giới cho tướng sĩ. Nhà vua ngự thuyền

(1) Một loại thú giống con hươu, mà nhỏ hơn, không có sừng

(2) Tức sông Nhị Hà.

Cảnh Hưng, thân đốc sáu quân, ra đi từ bến Thiên thu ; đánh trống hò reo thẳng tiến. Tinh thần quân sĩ hăng hái gấp trăm lần. Quân kéo đến động Ma Sa, đánh kịch liệt, phá tan được địch, bắt được động trưởng là Nguỵ Bàng và vài trăm đồ đảng, rồi sai người đi chiêu dụ nhân dân động ấy khiến cho lại trở về yên nghiệp làm ăn. Nhà vua rút quân về, làm lễ dâng tù binh ở nhà Thái miếu, khao thưởng tướng sĩ linh đình, ban cho tiền và lụa, kẻ nhiều người ít khác nhau.

Lời phê[1] – *Tóm lại, đời Lý, những sự gọi là đánh dẹp, ngay như Chiêm Thành tuy là một "nước" cũng chẳng qua cùng hạng với Tiêm La, Cao Miên vậy thôi, còn thì đều là những đám mán mọi phụ thuộc ở trong nước cũng như là mán Thạch Bích*[2] *ngày nay, chứ không phải là hạng nước kình địch hay nước lân cận hùng cường đáng lo ngại gì đâu, thế mà thường cứ khoe khoang rối rít : nào đặt tôn hiệu, nào đổi năm đầu ; vua tôi đương thời kể đã hiếu danh và khéo nịnh nhau lắm nhỉ !*

Lời chua – *Ma Sa* : Tên một động. Nay là đất châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hoá.

Sân rồng : Sân rồng trước điện Thiên An.

Bến Thiên thu : Không khảo được. Chb. **IV**, 11

Canh Tý, năm Thiên Phù duệ vũ thứ 1 (1120). (Tống, năm Tuyên Hoà thứ 2).

Tháng Giêng, mùa xuân. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu lên nhà vua.

Dâng tôn hiệu là Thiên Phù duệ vũ ; nhân dịp đó xin đổi niên hiệu. Nhà vua y theo.

Đâu đấy được mùa cả.

---

(1) Về việc dâng tù binh và khảo thưởng quân lính.

(2) Thạch Bích : một dân tộc mán ở miền núi Thạch Bích tỉnh Quảng Ngãi (Trung Bộ). Dưới triều Gia Long (1802 -1819). Lê Văn Duyệt có đi đánh dẹp mán này.

Tân Sửu, năm thứ 2 (1121). (Tống, năm Tuyên Hoà thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Có người dâng cây cau một gốc đẻ bảy mầm ; nhà vua từ chối không nhận.

Nhà sư Vương Ái dâng cau một gốc đẻ bảy mầm. Thái sử Trần Độ nói : "Thứ này không đáng kể là điều lành". Do đó, nhà vua không nhận.

Lời phê – *Đáng khinh bỉ* !(1)

Lời chua – *Cây cau :* Theo sách *Bản thảo,* cây cau thẳng gióng, không cành, lá mọc ở ngọn cây, buồng ra từ nơi bẹ lá, mỗi một buồng cau hàng vài trăm quả, hình dạng như quả trứng gà.

Tháng 5, mùa hạ. Có nạn nước lớn.

Nước tràn đến ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua – *Cửa Đại Hưng* : Cửa Nam kinh thành.

Tháng 7, mùa thu. Phát sinh nhiều hoàng trùng(2).

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1122). (Tống, năm Tuyên Hoà thứ 4).

Quý Mão, năm thứ 4 (1123). (Tống, năm Tuyên Hoà thứ 5).

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Ứng Phong, xem xét việc gặt lúa. Tháng 11, về cung.

Chb. IV, 12

Năm ấy, được mùa. Nhà vua đi xem gặt về ; các nhà thuộc ngành đạo Nho, đạo Lão và đạo Phật đều dâng thơ mừng.

Nhà vua cho rằng trâu bò là loài giúp ích cho việc cày cấy, có lợi cho người ta không phải là ít, bèn xuống chiếu : Dân gian cứ 10 nhà là một bảo, phải giữ lẫn cho nhau, không được giết trâu, nếu ai vi phạm sẽ bị xử theo pháp luật.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1124). (Tống, năm Tuyên Hoà thứ 6).

Tháng Giêng, mùa xuân. Nhà vua đi Ứng Phong xem dân cày ruộng. Tháng 2, về cung.

---

(1) Chỉ việc dâng cây cau. Ý nói nhà sư ấy đáng khinh bỉ.

(2) Sâu cắn lúa.

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán.

Tháng 10, mùa đông. Xây đài Uất La.

Trước đây, xây đài Chúng Tiên và đài Tử Tiêu ; đến đây, xây đài Uất La, đều làm vào tháng mạnh đông[1] cả.

Tháng 12. Lại dùng Lê Bá Ngọc làm Lễ bộ thị lang.

Bá Ngọc, ban đầu, do chân nho học được vào hầu vua, dần thăng đến Lễ bộ thị lang. Năm Hội tường [2] thứ 9 (1118), bị bãi chức và giáng làm Nội nhân thư gia ; năm Thiên Phù[3] thứ 2 (1121), thăng Nội thường thị ; đến đây, lại làm Thị lang.

Lời chua – *Thư gia*. Xem Lý Nhân Tông năm Quảng Hựu thứ 5. (Chb. III, 47). Chb. **IV**, 13

Ất Tỵ, năm thứ 6 (1125). (Tống, năm Tuyên Hoà thứ 7).

Tháng Giêng, mùa xuân. Thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Mạc Hiền phạm tội, bị phát lưu đi châu Nghệ An.

Mạc Hiền đem cả gia quyến trốn sang Cống Động thuộc Ung Châu nhà Tống ; người Tống bắt lấy, đưa đến Giang Nam giao trả nước ta. Nhà vua sai Trung thư Lý Hiến sang nhận, giải về, phạt Mạc Hiền tội lưu, đày đi châu Nghệ An, vợ và con phải sung công.

Lời chua – *Quảng Nguyên* : Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 5 (chb. II, 43).

Nghệ An : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21–23).

Ung Châu : Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Điện Sùng Dương làm xong ; mở tiệc lớn để khánh thành.

Trước đó làm điện Sùng Dương, đến đây mới làm xong, mở yến tiệc ba ngày đêm.

---

(1) Tháng đầu mùa đông, tức là tháng 10 âm lịch.

(2) Tức Hội tường đại khánh.

(3) Tức Thiên Phù duệ vũ.

Tháng 6, mùa hạ. Rồng vàng hiện ra ở hành cung Lợi Nhân. Chb. **IV**, 14

Nhà vua đi Ứng Phong, ngự giá đến Lợi Nhân, có con rồng vàng hiện ở nơi bí các nhà hành cung ; cung nữ và hoạn quan đều trông thấy cả. Có chiếu chỉ tuyên bảo cho bầy tôi biết.

Nhà vua có tính thích những điềm tốt lành. Bấy giờ những hạt sương móc trên không sa xuống có vị ngọt[1], chính tay ngự viết tám chữ "Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế" (Cả nước yên ổn, nhà vua muôn năm) rồi cho tạc vào bia.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ. *Đoạn sử về đời Lý Nhân Tông*, Sử cũ *chép rồng vàng hiện ra đến 10 lần, nhưng đến rồng vàng hiện ra ở hành cung Lợi Nhân năm nay, là việc tự dối mình một cách quá đáng.*

Lời phê – *Những điềm tốt lành, ngòi bút* Sử cũ *ghi chép không ngớt, nhưng đồng thời những việc dữ điềm dở nào có ít đâu, như thế phỏng có ích gì !*

Lời chua – *Lợi Nhân* : Tên một châu. Bây giờ là phủ Lý Nhân thuộc Hà Nội[2]. Theo *Hà Nội sách*[3] thì từ khi thuộc Minh trở về trước, gọi là châu Lợi Nhân ; đến nhà Lê, niên hiệu Quang thuận (1460 -1469), đổi là phủ Lỵ Nhân ; khoảng năm Minh Mạng (1820-1840), đổi là Lý Nhân. Như thế thì gọi là Lỵ Nhân đến Lê mới đổi. *Sử cũ* ở đây chép lầm là Lỵ Nhân ; nay xin đính chính.

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu quy định : phàm kẻ nào đánh người đến chết bị phạt 100 trượng và phải tội đồ.

Trước kia, có chiếu chỉ định rõ : dân không được đánh nhau bằng tre gỗ và những đồ sắc bén ; đến đây nhắc lại điều lệ nghiêm cấm đã định : phàm kẹ nào đánh giết người thì bị phạt 100 trượng, thích 50 chữ và phải tội đồ.

(1) Nguyên văn là "cam lộ" (móc ngọt).

(2) Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(3) Xem chú giải ở Chb. I, 9.

Dùng bọn Lý Phụng 20 người làm quan lại coi việc hình ngục để xét xử những kiện tụng dân gian. Triều đình lại nhận thấy những giặc cướp trốn tránh phần nhiều được nhà quyền thế giấu giếm che chở, mà những lại viên đi truy nã cũng không tố giác ra, nên xuống chiếu : phàm ai mà ẩn giấu những kẻ trốn tránh cũng phải tội như người trốn tránh ; lại viên nào không đem việc ấy cáo tỏ với quan trên thì phạt 80 trượng. Chb. **IV**, 15

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ – *Giết người thì phải tử hình, đó là pháp luật từ xưa, chứ đâu chỉ có đánh người đến chết mà chỉ xử vào tội phạt trượng và tội đồ ? Chính sự và hình phạt quá hỏng đến thế !*

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1126). (Tống, Khâm Tông, năm Tĩnh Khang thứ 1).

Tháng Giêng, mùa xuân. Tha tù phạm bị giam cứu.

Bấy giờ mở hội quảng chiếu đăng[1] 7 ngày đêm. Những tù giam ở đô hộ phủ đều được tha cả. Lại xuống chiếu : đương mùa xuân không được đẵn cây.

Lời chua – *Đô hộ phủ* : Xem Lý Thánh Tông (Chb. III, 28), năm Long chương thiên tự thứ 2.

Tháng 2. Nhà vua ngự điện Thiên An, xem đá cầu.

Cho các vương, hầu đánh cầu, nhà vua ngự xem ở điện Thiên An.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán mãi đến tháng 7, mùa thu.

Tháng 11 nhuận, mùa đông. Sai sứ sang nhà Tống, sứ bộ đi đến Quế Châu, lại trở về.

Trước đó, người Tống trao trả Mạc Hiền, nhà vua cho là một việc có nghĩa ; đến đây, sai bọn Lệnh thư gia Nghiêm Thường và Ngự khố thư gia Từ Diên đem vàng, bạc, sừng tê, ngà voi sang tặng nhà Tống. Bọn Nghiêm Thường đi đến Quế Châu thì ty Kinh lược nhà Tống bảo rằng : Chb. **IV**, 16

(1) Hội chơi đèn.

"Năm nay, ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam, Đỉnh Phong đều có việc điều động binh mã để đánh người Kim, cho nên dọc đường những ngựa tải và phu trạm đâu đâu cũng hiếm. Vậy sứ giả hãy đi về". Bấy giờ bọn Nghiêm Thường mới trở về nước. (Năm ấy, người Kim vào vây Biện Kinh[1], bắt hai vua Tống[2] đem về đất bắc. Nhà Tống loạn to).

Lời chua – *Quế Châu* : Xem Lý Thái Tông năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Đinh Mùi, năm Thiên Phù Khánh thọ thứ 1 (1127). (Tống, Cao Tông, năm Kiến Viêm thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Dâng 4 chữ Khoan Từ Thánh Thọ làm tôn hiệu.

Mưa dầm từ tháng giêng mãi đến tháng này (tháng 2).

Tháng tư, mùa hạ. Trời mưa ra thóc.

Bấy giờ ngự giá đến Ứng Phong xem xét việc gặt lúa. Trời mưa.

Tháng 10, mùa đông. Sao Thiên Cẩu ở trên không sa xuống : tiếng vang như sấm sét.

Lời chua – *Thiên cẩu* : Theo sách *Tinh kinh*, bảy vì sao Thiên cẩu ở về phía tây nam sao Quỷ, nằm ngang giữa sông Ngân Hà. Sử *Cương mục tục biên* (Trung Quốc) chép rằng : Thiên cẩu là một vì ác tinh. "Sa"[3], là từ trời rơi xuống lưng chừng khoảng không mà không xuống đến tận đất. Chb. **IV**, 17

Nhà vua mất. Di chiếu trối trăng rằng ba ngày thì trừ phục[4], không xây dựng lăng tẩm.

Nhà vua se mình, cho vời bọn Thái uý Lưu Khánh Đàm và Thị lang Lê Bá Ngọc đến nhận di chiếu. Ngày Đinh Mão, nhà

(1) Kinh đô nhà Tống.

(2) Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông.

(3) Nguyên văn là "vẫn", ta thường gọi là "sao sa" hay "đổi ngôi".

(4) Bỏ đồ trở.

vua mất ở điện Vĩnh Quang, tên thuỵ là Hiếu từ thánh thần văn vũ hoàng đế, miếu hiệu là Nhân Tông ; ở ngôi 56 năm, thọ 63 tuổi.

Tờ di chiếu đại lược nói : "Trẫm xót xa trong lúc tuổi thơ, lên nối ngôi báu, đứng trên các vương hầu, năm mươi sáu năm nay lúc nào cũng kính cẩn sợ hãi. Nhờ tổ tông khôn thiêng, hoàng thiên phù hộ, trong nước được yên hàn, biên giới không có giặc giã, khi chết, bài vị được bày dưới bài vị đấng tiên quân, thế là may rồi. Thái tử Dương Hoán có thể noi theo điển lệ cũ, lên ngôi hoàng đế. Bọn các ngươi là Khánh Đàm và Bá Ngọc phải cùng nhau ở bên cạnh vua, hết lòng giúp đỡ, để cho vua các ngươi trở nên có hiền đức. Lại phải sửa sang giáo mác, đề phòng sự không ngờ. Đó là mệnh lệnh của trẫm, không được bỏ qua. Lễ tang thì xong ba ngày cho bỏ tang phục, thôi hẳn khóc thương. Lễ an táng thì theo lối tiết kiệm của Hán Văn đế, không xây lăng tẩm riêng mà chỉ nên chôn cất ở bên cạnh lăng đức Tiên đế để trẫm được hầu hạ Tiên đế".

Thái tử Dương Hoán lên ngôi (tức là Lý Thần Tông). Chb. IV, 18

Ngày hôm ấy, truyền bảo các vương hầu và bách quan đều ở cả ngoài cửa Đại Hưng để đợi mệnh lệnh. Còn các cửa thành thì đóng lại, cấm người đi lại ra vào. Sai các vệ sĩ bày khí giới và nghi trượng ở dưới điện Thiên An. Một lát, mở cửa nách bên hữu. Thái tử cho vời bầy tôi vào, hiểu dụ rằng : "Ngôi trời không thể để trống mãi được ; ta còn thơ ấu lên nối ngôi, chỉ sợ không làm nổi. Các người phải hết tâm lực, giúp đỡ nhà vua, ngõ hầu không phụ tấm lòng Tiên đế đã phó thác, mà con cháu các người cũng được đời hưởng lộc trời". Bầy tôi đều khấu đầu lễ tạ.

Xuống chiếu cho bầy tôi bỏ đồ tang phục.

Lời phê[1] – *Trái rồi !*

Ngày Quý Mùi, quần thần chịu tang phục ở ngoài các Vĩnh Bình ; ngày Giáp Thân, bầy tôi dâng biểu xin nhà vua ngự ở

(1) Về việc sớm bỏ tang phục.

chính điện ; ngày Ất Dậu, nhà vua ngự ở điện Thiên An, coi chầu, xuống chiếu cho bầy tôi bỏ đồ trở. Ngày hôm ấy, ngự giá đi Na Ngạn xem cung nữ lên đàn thiêu tuận táng.

Lời chua – *Na Ngạn* : Bây giờ là huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh[1].

Mậu Thân (1128), Lý Thần Tông hoàng đế, năm Thiên Thuận thứ 1 (Tống, năm Kiến Viêm thứ 2).

Tháng Giêng, mùa xuân. Đại xá.

Phàm ruộng đất của dân bị sung công đều được trả lại hết ; những tội phối dịch thuộc hạng điền nhi và lộ ông đều được tha cả. Chb. **IV**, 19

Lời chua – *Điền nhi, lộ ông* : *Sử* của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng : Điền nhi và lộ ông đều là những tội đồ dịch. Còn phép phối dịch ra sao, bây giờ không thể khảo được.

Tôn Thần anh phu nhân làm Hoàng thái hậu.

Lời chua – *Thần anh phu nhân* : *Sử cũ* chép là mẹ nuôi, nhưng ghi chép không được kỹ càng, vậy chưa biết có phải không.

Xuống chiếu cho sáu quân thay phiên nhau về làm ruộng.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ – *Phép phủ vệ*[2] *nhà Đường là ngụ binh ư nông*[3]. *Nhà Lý, ban đầu đã làm theo phép ấy, về sau thay đổi thất thường ; đến đây mới trở lại làm theo phép cũ. Đó là một chính sự tốt của Lý Thần Tông khi mới cầm quyền.*

Bắt đầu ra ngự ở toà Kinh Diên[4].

---

(1) Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

(2) Nhà Đường, chia trong nước làm 10 đạo, đặt các phủ lệ thuộc vào các vệ. Mỗi phủ, đặt một người làm chức chiết xung đô uý. Từ việc đi trận đến việc túc vệ, phủ binh tuỳ theo đường xa hay gần mà chia phiên nhau.

(3) Đặt quân đội ở ngay trong đám nông dân : khi vô sự thì làm ruộng, khi có việc thì ra chiến đấu.

(4) Nơi nhà vua học tập.

Xét những người có công giúp đỡ khi vua lên ngôi ; gia phong quan tước cho bọn Lê Bá Ngọc.

Dùng Lê Bá Ngọc làm Thái uý, gia phong tước hầu ; Nội nhân hoả đầu Dương Anh Nhị và Lưu Ba làm Thái phó, tước Đại liêu ban ; Lý Khánh, Nguyễn Phúc và Cao Y làm Thái bảo, tước nội thượng chế ; Trung thừa Mâu Du Đô làm Gián nghị đại phu ; Ngự khố thư gia Từ Diên làm ngoại lang ; chi hậu quản giáp Lý Sơn làm điện tiền chỉ huy sứ, tước đại liêu ban ; Linh nhân[1] Ngô Toái được phong tước thượng chế. Lại ban tiền lụa cho bọn Lưu Khánh Đàm, Lê Bá Ngọc, Lưu Ba, Mâu Du Đô, và thưởng vàng, lụa cho trăm quan có từng đẳng hạng khác nhau. Chb. **IV**, 20

Lời chua – *Hoả đầu* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 25).

Đại liêu ban : Xem Lý Thái Tông, Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Thượng chế : Một tước cao ở thời bấy giờ, để phong cho những người có công.

Quản giáp : Đặt từ Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 24–25).

Thư gia : Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 5 (Chb. III, 47).

Chân Lạp vào cướp. Tháng 2, sai Lý Công Bình đi đánh bại được quân địch.

Nước Chân Lạp đem hơn hai vạn người vào cướp Nghệ An. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai Công Bình đi đánh, đánh bại quân địch, bắt được tướng và quân của địch gồm một trăm sáu mươi chín người. Tin thắng trận báo về đến kinh đô, nhà vua cho là nhờ công đức Phật phù hộ, thân đến lễ tạ ở cung Thái Thanh, cung Cảnh Linh và các đền chùa trong thành.

Lời chua – *Thái Thanh, Cảnh Linh* : Tên riêng hai cung. Cung Thái Thanh. Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 4 (Chb. II, 36). Cung Cảnh Linh ở trong kinh thành. Chb. **IV**, 21

(1) Chức quan coi về việc nhạc.

Ân xá.

Những tội nhân ở Đô hộ phủ đều được tha ; lại xá tội cho 130 người bị biếm truất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Lý Nhân Tông thường nhân dịp mở hội mà tha tội nhân, đã là không phải, song còn mượn tiếng là vì gặp dịp hội chùa, còn ở đây thì không nhân có việc gì mà tự nhiên xá tội. Nói chung ra, tội nhân phạm pháp, có nặng, có nhẹ khác nhau, nếu nhất khái tha cả thì may mắn cho bọn tiểu nhân, nhưng không phải phúc cho người lương thiện.*

Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Đặt tôn hiệu là Thuận Thiên quảng vận Khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

Nhà vua bảo bầy tôi rằng : "Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, may được thiên hạ vô sự, nước ngoài sợ oai, đó là công sức của các khanh. Vậy các khanh nên cẩn thận chăm lo chức phận, chớ có biếng nhác để giúp những điều trẫm còn thiếu sót". Gián nghị đại phu Mâu Du Đô tiến lên nói : "Bệ hạ nói đến điều ấy là phúc cho xã tắc đấy, nếu giữa được trước sao sau vậy thì bọn tôi còn ai dám không hết lòng hết sức để đáp lại ý chí của thánh thượng ?". Nhà vua ngợi khen câu trả lời ấy lắm. Chb. **IV**, 22

Lập Lý Thị làm Lệ Thiên Hoàng hậu.

Lập con gái của Chỉ huy sứ Lý Sơn làm Hoàng hậu ; lại lập con gái của Lê Xương, và là cháu của Lê Bá Ngọc, làm Minh Bảo phu nhân. Thăng thưởng cho Lý Sơn lên tước hầu, giữ việc quân dân ở Lạng Sơn ; ban cho Lê Xương tước đại liêu ban.

Lời chua – *Lạng Sơn* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Đại liêu ban : Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Mưa dầm mãi không tạnh.

Hội họp các bầy tôi tuyên thệ ở điện Thiên An.

Hội thề ở sân rồng ; nhà vua ngự xem ở điện Thiên An ; ban xiêm, áo, tiền, lụa cho quần thần từng bậc từng hạng khác nhau.

Lời chua – Hồi Lý Thái Tông mới lên ngôi, có cuộc hội thề ở Thần miếu[1], đọc lời tuyên thệ rằng : "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thì thần minh chu diệt". Vậy cuộc hội thề ở điện Thiên An dưới triều Lý Thần Tông này và hai triều Lý Anh Tông, Lý Cao Tông sau đây có lẽ cũng là phỏng theo cái ý hội minh từ đời Lý Thái Tông còn sót lại.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Nhà vua thân đi đảo vũ. Trời mưa. Chb. IV, 23

Tháng 6, hội họp các bầy tôi, tuyên thệ ở cửa Đại Hưng.

Vì có sắp lễ an táng Lý Nhân Tông hoàng đế.

Lời chua – *Cửa Đại Hưng*. Xem Lý Nhân Tông[2] năm Thiên Phù duệ vũ thứ 2 (Chb. IV, 11).

Táng ở lăng Thiên đức.

Trước đây, sai Mâu Du Đô xem đất để xây lăng ; đến đây, làm lễ an táng.

Lời chua – *Lăng Thiên Đức* : Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 10 (Chb. II, 20, 21).

Tháng 8, mùa thu. Nước Chân Lạp vào cướp. Nhà vua sai bọn Nguyễn Hà Viêm và Dương Ổ đi đánh bại được quân địch.

Giặc kéo hơn bảy trăm chiếc thuyền đến Nghệ An. Nhà vua sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở phủ Thanh Hoá và Dương Ổ ở châu Nghệ An đem quân đi đánh, đánh bại được địch. Chân Lạp lại đưa thư xin triều đình sai người sang sứ nước Chân Lạp, nhưng nhà vua không trả lời.

Lời chua – *Chân Lạp* : Xem thuộc Đường, Tuyên tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

---

(1) Miếu thần núi Đồng Cổ.

(2) Cương mục Chb. IV, 23 in lầm là Thánh Tông.

Nghệ An, Thanh Hoá : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20–23).

Tháng 11, mùa đông. Gia phong Trương Bá Ngọc làm Thái sư.

Bá Ngọc họ Lê, đến đây đổi làm họ Trương.

Kỷ Dậu, năm thứ 2, (1129). (Tống, năm Kiến Viêm thứ 3). Tháng Giêng, mùa xuân. Lý An Dậu dâng con hươu trắng, nhà vua ban cho tước đại liêu ban.

An Dậu dâng con hươu trắng, nhà vua ban cho tước đại liêu ban. Về sau lại có Lý Lộc dâng thư nói núi Tản Viên có hươu trắng ; Lý Tử Khắc nói huyện Để Giang có hươu trắng ; nhà vua sai người đến săn, bắt được. Ban cho Lý Lộc tước đại liêu ban, dùng Tử Khắc làm Xu mật sứ. Từ đó những kẻ bon chen danh lợi hay đem vật lạ đến dâng. Chb. IV, 24

Lời chua – *Tản Viên* : Tên núi. Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 7.

Để Giang : Tên huyện ; thuộc tỉnh Sơn Tây. Từ thời Trần trở về trước gọi là Để Giang ; nhà Lê đổi là Sơn Dương, tức là huyện Sơn Dương bây giờ.

Tôn cha là Sùng hiền hầu làm Thái thượng hoàng, mẹ là Đỗ thị làm Hoàng thái hậu.

Lời bàn của sử thần Lê Văn Hưu – *Lý Thần Tông là con họ Tôn Thất, được Lý Nhân Tông nuôi làm con để nối ngôi báu, đáng lẽ phải nhận Lý Nhân Tông là cha, mà gọi chính cha sinh Sùng hiền hầu là hoàng thúc, phong sinh mẫu Đỗ Thị làm vương phu nhân, như lối Tống Hiếu Tông với Tú An Hy Vương và với phu nhân Trương Thị, để căn bản được thống nhất mới phải ; thế mà, nay lại đi tôn Sùng hiền hầu làm Thái thượng hoàng, Đỗ Thị làm Hoàng thái hậu, chả hoá chia ra "hai gốc" đấy dư ? Có lẽ vì cớ bấy giờ Lý Thần Tông hãy còn thơ ấu mà các công khanh ở triều đình như* Chb. IV, 25

Lê Bá Ngọc, Mâu Du Đô lại là người không biết lễ, nên mới như thế ?

Tháng 2. Không mưa. Ân xá.

Nhà vua trai giới để cầu đảo ; hạ chiếu tha những người có tội trong nước.

Danh tiết lục của Trần Ký Đằng chép rằng : từ tháng 2 năm ấy đến mãi tháng 3 không mưa, nhà vua thân đi đảo vũ, không linh ứng, nhân bảo các quan hầu : "Trẫm là người ít đức, can phạm đến Trời, làm mất hoà khí : mùa xuân năm ngoái mưa dầm, mùa xuân năm nay đại hạn ; Trẫm thấy lo quá ! Các khanh nên nghĩ xem trẫm có điều gì lầm lỗi thì bổ cứu lại cho". Viên ngoại lang Trần Ngọc Khánh tiến lên nói rằng : "Ba tháng xuân là mùa xuân sinh nở muôn vật, trời không mưa xuống thì sự sinh sống của các loài sao cho được thoả thuê ? Hoặc giả hình ngục có sự oan uổng không đúng, hại đến khí hoà ? *Kinh thư* có câu : "Tiếm hằng dương nhược"(1), nghĩa là chính lệnh của nhà vua mà sai lệch vì quá nghiêm khắc, thì điềm dữ sẽ phản ứng lại là nắng nhiều. Vậy xin bệ hạ nghĩ lại". Nhà vua cho là phải, xuống chiếu tha các tội nhân trong nước. Tháng 4, mưa. Người ta gọi Trần Ngọc Khánh là "Trần Thiện Gián"(2).

Tháng 8, mùa thu. Mới chế thần chủ Lý Nhân Tông ; đến tháng 8 nhuận, làm lễ phụ(3) rước thần chủ tế ở nhà Thái thất.

Canh Tuất, năm thứ 3 (1130). (Tống, năm Kiến Viêm thứ 4).

Tháng Giêng, mùa xuân. Tuyển con gái nhà các quan sung vào hậu cung.

Con gái nhà các quan không được gả chồng vội, đợi sau cuộc tuyển, khi không được lựa vào Chb. **IV**, 26

(1) Một trong năm cữu trưng chép trong thiên *Hồng phạm*. Lời Cơ Tử trình bày với Chu Vũ vương.

(2) Ông họ Trần khéo can gián.

(3) Sau ngày chết một trăm ngày, rước thần chủ đến tế ở thái miếu gọi là "lễ phụ".

hậu cung mới được đi lấy chồng.

Xuống chiếu bảo con gái dân gian không được bắt chước lối trang sức trong cung ; tư nô nhà các quan không được lấy ép con gái nhà dân ở kinh đô ; nô tỳ nhà vương hầu và bách quan không được cậy thế hiếp đáp đánh đập quân và dân, nếu ai phạm cấm thì chủ nhà phải tội đồ, còn nô bộc thì bị sung công.

Lời phê[1] – *Trái lẽ !*

Tháng 5, mùa hạ. Thái thượng hoàng mất[2].

Đặt tên thuỵ là Cung hoàng.

Tháng 6, Hạn hán.

Tháng 9, Mùa thu. Mưa dầm mãi không tạnh. Tha các tù phạm bị giam cứu.

Nhà vua sai làm lễ kỳ tình[3]. Tha hết tù ở Đô hộ phủ.

Nhà vua xem bơi trải.

Nhà vua ở điện Linh Quang xem bơi thuyền thi. Từ đó năm nào cũng giữ làm lệ thường.

Tháng 10, mùa đông. Có cuộc duyệt binh lớn.

Khi mới lên ngôi, nhà vua sai Mâu Du Đô tuyển trong quân Long Dực lấy những người khoẻ mạnh bổ vào các quân Tả Ngọc Giai, Hữu Ngọc Giai, Tả Hưng thánh, Hữu Hưng thánh, Tả Quảng thành, Hữu Quảng thành, Tả Vũ đô, Hữu Vũ đô. Đến đây, ra ngự ở điện Thiên Linh, duyệt sáu quân, chia định cấp bậc.

Sứ nhà Tống sang.

Chb. IV, 27

Bấy giờ nhà Tống tránh nạn người Kim uy hiếp, phải qua sông Trường Giang, đóng kinh đô ở Lâm An. Nhà vua sai sứ sang nhà Tống báo cáo về việc lên kế vị. Nhà Tống sách phong làm Giao Chỉ quận vương. Nhà vua sai Viên

(1) Chỉ việc bắt con gái nhà các quan đợi sau cuộc tuyển, không được vào cung, mới cho đi lấy chồng.

(2) Sùng hiền hầu.

(3) Cầu hửng tạnh.

ngoại lang Lý Phụng Ân và Lệnh thư gia Doãn Anh Khái sang nhà Tống đáp lễ.

Lời chua – *Lâm An* : Tên phủ. Theo sách *Thanh Nhất thống chí*, phân phủ Lâm An thuộc tỉnh Chiết Giang ; đầu đời Tống gọi là Hàng Châu ; đến năm Kiến Viêm thứ 3 (1129), đặt sở hành tại[1] ở đấy, đổi lên làm phủ Lâm An, tức là phủ Hàng Châu bây giờ.

Tháng 12. Nhà vua đánh cầu ở điện Thiên An.

Bấy giờ nước Chiêm Thành sang cống, nhà vua đánh cầu ở sân rồng điện Thiên An, cho sứ Chiêm Thành dự xem.

Tân Hợi, năm thứ 4 (1131). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 1).

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán. Xuống chiếu cầu đảo. Trời mưa.

Tháng 7, mùa thu. Bầy tôi dâng biểu mừng năm được mùa.

Lời phê – *Trước sau vừa đây, nào hạn hán, nào mưa dầm, thế mà ở đây chép mừng năm được mùa, như vậy có đáng tin được không hay chỉ là dua nịnh ?*

Tháng 9. Mưa dầm mãi không tạnh.

Tháng 12, mùa đông. Có người dâng cá xương[2], cá công[3]. Nhà vua xuống chiếu cho bầy tôi chúc mừng. Chb. IV, 28

Nhà vua rất thích những vật kỳ lạ. Phàm có hươu trắng, hươu đen, chim sẻ trắng, rùa trắng, đều đem dâng cả. Lúc ấy Đỗ Khánh, Tả Vũ tiệp binh, dâng cá xương và cá công sắc vàng ; nhà vua lấy là điềm lành, xuống chiếu cho bầy tôi chúc mừng. Cáp môn sứ Lý Phụng Ân nói rằng : "Cá này là vật nhỏ mọn, mà bệ hạ lấy làm điềm lành. Vậy nếu có người đem con lân, con

(1) Chỗ để thiên tử ở khi đi tuần du.

(2) Nguyên văn là "xương". Theo *Từ Nguyên tập* "hợi" trang 58, "xương" là thứ cá biển dài hàng một thước (thước Trung Quốc), mình dẹp mà tròn, đầu nhỏ, cổ rụt, đầu, lưng và vây đều màu xanh da trời, bụng màu nhàn nhạt, vảy rất nhỏ, thịt trắng, xương mềm, nhiều mỡ. Xem thêm Lời chua ở dưới *Cương mục*.

(3) Nguyên văn là "công". Theo *Khang Hy tự điển*, "công" là tên một thứ cá. Xem thêm Lời chua ở dưới của *Cương mục*.

phượng đến dâng, thì nên như thế nào ?". Do đấy, việc này mới thôi. Bấy giờ Vương Cửu, Tả Hưng vũ binh, dâng con rùa, trên mai rùa có những vết thành nét chữ, bèn xuống chiếu cho các học sĩ, các thầy chùa, các đạo sĩ theo hình vết ấy mà suy đoán, thì tán ra tám chữ "Thiên thư hạ thị, Thánh nhân vạn tuế"[1].

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Vằn vết con rùa đen trắng xen lẫn, bấy giờ nhân đấy mà tán ra hình chữ để làm đẹp lòng nhà vua đấy thôi, chứ có văn tự thực đâu.*

Lời chua – *Xương* : Cá hầu. Theo sách *Chính tự thông*, nó sinh ở biển nam, phần trên đầu gồ lên liền với sống lưng, mình tròn, thịt dày, chỉ có một xương sống, thịt mềm, ăn được.

Công : Con cá chiết. Theo sách *Loại thiên*, giống cá này sinh ở trong biển, giống như con cua, ăn được.

Chb. IV, 29

Nhâm Tý, năm thứ 5 (1132). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Rồng vàng hiện ra ở cung Lệ Quang.

Tháng 5. Có nạn gió to.

Tháng 8, mùa thu. Chân Lạp và Chiêm Thành cùng vào cướp. Nhà vua sai Dương Anh Nhị đi đánh bại được quân địch.

Giặc đến Nghệ An. Nhà vua sai Thái uý Anh Nhị hội quân với nhân dân Thanh Hoá và Nghệ An đánh kịch liệt phá tan quân địch.

Tháng 12, mùa đông. Nhà vua làm lễ nghênh xuân ở đình Quảng Văn.

Khánh thành điện Cảm Linh, ban yến cho bầy tôi.

Giết Thượng thư Lý Nguyên.

Thứ phi Chương Anh là con gái Lý Nguyên có lỗi, do đấy Nguyên bị tội, chết ở trong ngục.

Sứ nhà Tống lại sang.

---

(1) Sách nhà trời bảo cho hạ giới biết : thánh nhân (chỉ nhà vua) muôn năm.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Lời cẩn án – *Từ đầu đời Lý đến đây, sứ nhà Tống sang sách phong, trước phong là Quận vương, rồi gia phong là Nam Bình vương. Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 3 (1130), nhà Tống mới phong làm Giao Chỉ quận vương*[1] *như thế thì ở đây đáng phải gia phong là Nam Bình vương mới đúng. Về việc này,* Sử cũ *chép phong là Giao Chỉ quận vương thì lầm ; nay xin đính chính.* Chb. **IV**, 30

Năm Quý Sửu, niên hiệu Thiên chương bảo tự thứ 1 (1133). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 3).

Giáp Dần, năm thứ 2 (1134). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa dầm mãi không tạnh.

Tháng 12, mùa đông. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu lên nhà vua. Đại xá.

Đặt tôn hiệu là Thuận thiên duệ vũ tường linh cảm ứng khoan nhân quảng hiếu hoàng đế.

Ất Mão, năm thứ 3 (1135). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Chân Lạp và Chiêm Thành đều đến tiến cống.

Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Tháng 4, mùa hạ, xuống chiếu cho Lý Công Tín được vào trong cung cấm tâu bày các công việc.

Công Tín vốn họ Phí, trước kia, do chức Phụng ngự thư gia thăng lên đến Tả ty lang trung, rồi được cho đổi là họ Lý ; đến đây nhà vua tin dùng, cho phép được vào thẳng trong cung cấm tâu bày mọi việc, không bị ngăn cấm khi lui tới.

Tháng 7, mùa thu. Thái sư Trương Bá Ngọc mất.

---

(1) Xem *Cương mục* Chb. IV, 27.

Bá Ngọc, trước đây, do chân nho học, vào hầu, dần thăng đến Lễ bộ thị lang. Từ chính sự trong triều đến kế hoạch ngoài biên, phần nhiều đều do ông xếp đặt quy định. Chb. **IV**, 31

Khi Lý Nhân Tông mất, chính ông nhận lĩnh mệnh lệnh của nhà vua dặn lại. Ông làm đến ngôi sư phó, công lao to, danh vọng lớn, công đức hơn cả mọi người trong triều. Ông là bậc đại thần có đức tính hiền lương ở đời bấy giờ.

Tháng 12, mùa đông. Điện Diên Sinh làm xong.

Khởi công làm từ mùa đông năm trước, đến đây mới xong, nhân thế mở đàn tiếu[1] linh đình.

Bính Thìn, năm thứ 4 (1136). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Thái uý Lưu Khánh Đàm mất.

Khánh Đàm là bậc cố mệnh[2] đại thần, có công giúp đỡ nhà vua, đến đây Khánh Đàm mất.

Nhà vua đã khỏi tật ; ban hiệu quốc sư cho Minh Không.

Nhà vua có tật, thầy thuốc chữa không công hiệu ; Minh Không chữa khỏi ; được ban hiệu quốc sư. Lại miễn tô dịch cho vài trăm hộ để cho Minh Không được quyền sử dụng[3].

Lời chua – *Minh Không* : Người huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, làm sư chùa Giao Thuỷ[4].

Tháng 10, mùa đông. Thái uý Dương Anh Nhị mất.

Anh Nhị là bậc đại thần có công giúp đỡ nhà vua, nhiều lần đã đánh bại được Chiêm Thành và Chân Lạp, công danh ngày một lẫy lừng. Đến đây, ông mất.

Tháng 12. Nhà vua đi Thanh Hoá, xem bắt voi.

Đinh Tỵ, năm thứ 5 (1137). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 7).

---

(1) Đàn cúng do đạo sĩ cúng để cầu chúc cho nhà vua sống lâu.

(2) Người vâng nhận mệnh lệnh của nhà vua dặn lại khi sắp chết.

(3) Nghĩa là cho Minh Không một số làng xã gồm có vài trăm gia đình để Minh Không được lấy tô thuế mà ăn lộc và được có người phục vụ công việc ở chùa mình tu ; vài trăm họ ấy không phải đóng tô thuế và cùng sưu dịch cho nhà nước nữa.

(4) Tức chùa Keo thuộc huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

Tháng Giêng, mùa xuân. Chân Lạp vào cướp. Nhà vua sai Lý Công Bình đi đánh bại được quân địch.

Được tin nước Chân Lạp đến cướp Nghệ An do trạm tâu về, nhà vua xuống chiếu cho Thái uý Công Bình đem quân đi đánh ; quân Chân Lạp bị thua. Chb. IV, 32

Tháng 2. Nghệ An động đất. Nước sông đỏ như máu.

Tháng 3. Không mưa. Nhà vua cầu đảo chùa Báo Thiên. Tối hôm ấy mưa.

Lời chua – *Chùa Báo Thiên* : Tức chùa Sùng Khánh, ở phường Báo Thiên. Chùa này mới làm từ đời Lý Thánh Tông, năm Long Thuỵ thứ 3 (1056).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Tháng 9, mùa thu. Chùa Linh Cảm làm xong. Ân xá.

Trước đây, chùa Quảng Nghiêm tư thánh làm xong, mở hội phật pháp, tha người phạm tội ; đến đây chùa Linh Cảm làm xong, lại tha tội nhân trong nước.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Lợi Nhân, xem xét gặt lúa. Tháng 12 về cung.

Mậu Ngọ, năm thứ 6 (1138). (Từ tháng 10 trở về sau, là triều Lý Anh Tông hoàng đế, năm Thiệu Minh thứ 1. Tống, năm Thiệu Hưng thứ 8).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán. Nhà vua xuống chiếu cho bầy tôi hội nghị.

Sai tả ty lang trung Nguỵ Quốc Bảo triệu tập các bầy tôi đến họp bàn về việc đại hạn. Phạm Tín xin đến đảo vũ ở đàn vu[1]. Nhà vua y theo lời, bèn sai quan lại làm lễ đảo vũ ở đàn vu và chùa Báo Thiên. Chb. IV, 33

(1) Đàn tế chuyên dùng khi có hạn hán thì làm lễ cầu mưa. Theo truyện *Công dương* trong kinh *Xuân thu*, vua thân hành đến đàn Nam Giao cầu đảo, cho đồng nam, đồng nữ mỗi bên tám người vừa múa vừa hô to "vu ! vu...". Vì thế gọi là đàn vu.

Tháng 9, mùa thu. Lập con là Thiên Tộ làm Thái tử, đổi phong Thái tử cũ là Thiên Lộc làm Minh Đạo vương.

Trước đây, nhà vua đã lập Thiên Lộc làm con kế tự, kịp lúc nhà vua bị đau, ba phu nhân là Cảm Thánh, Nhật Phụng và Phụng Thánh mưu với nhau muốn đổi lập người khác ; họ ngầm đưa lễ đút lót viên Tham tri chính sự Từ Văn Thông. Đến đây, bệnh kịch quá, nhà vua sai Văn Thông thảo tờ di chiếu ; Văn Thông không dám xin thay đổi, cứ cầm bút chần chừ không viết. Giây lát, ba phu nhân đến, cùng khóc lóc, nói : "Chúng tôi nghe : cổ giả lập con kế tự bao giờ cũng dùng con vợ cả, chứ không dùng con vợ thứ. Thiên Lộc là con của người thiếp được vua yêu, nếu cho nối ngôi, chắc rồi mẹ hắn kiêu rông, bọn chúng tôi thoát sao khỏi nạn ?". Nhà vua bèn xuống chiếu rằng : "Thiên Tộ dầu còn nhỏ, nhưng là con vợ đích, thiên hạ ai cũng biết cả rồi. Vậy cho Thiên Tộ nối ngôi của Trẫm". Do đấy, mới đổi lập lại Thái tử.

Lời phê[1] – *Thế là gây loạn từ gốc !*

Lời cẩn án – Sử cũ chép *"Trước kia đã lập Thiên Lộc làm con kế tự". Rồi dưới lại chép rằng "phong Thái tử Thiên Lộc làm Minh Đạo vương". Thế là Thiên Lộc đã chính thức ở ngôi đông cung từ lâu rồi, duy được lập từ năm nào.* Sử cũ *bỏ sót không chép. Thiên Tộ là con phu nhân họ Lê, mà trong tờ chiếu ở đây lại bảo là con vợ đích, thế là sử chép không rõ ; xin hãy để lại, sẽ khảo sau.* Chb. **IV**, 34

Lời chua – *Thiên Tộ* : Bấy giờ mới lên ba tuổi.

Vua Lý Thần Tông mất.

Đặt tên thuỵ là : Quảng nhân sùng hiếu văn vũ hoàng đế, miếu hiệu là Thần tông, ở ngôi 11 năm, thọ 23 tuổi.

Tháng 10, mùa đông. Thái tử Thiên Tộ lên ngôi (tức Lý Anh tông), đổi niên hiệu mới. Đại xá.

---

(1) Chỉ việc trước đó bỏ đích lập thứ, sau lại bỏ con lớn lập con bé.

Tôn mẹ là Cảm thánh phu nhân Lê Thị làm hoàng thái hậu.

Hội họp bầy tôi tuyên thệ ở điện Thiên An.

Năm Kỷ Mùi, Lý Anh Tông hoàng đế, niên hiệu Thiệu Minh thứ 2 (1139). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 9). Sứ nhà Tống sang.

Sách phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương.

Năm Canh Thân, niên hiệu Đại Định thứ 1 (1140). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Dùng Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh quản lĩnh cả công việc trong và ngoài.

Anh Vũ là em Đỗ thái hậu, được Lê thái hậu tin yêu nên bổ dụng cho chức này. Chb. **IV**, 35

Lời chua – *Đỗ thái hậu* : Mẹ Lý Thần Tông.

Lê thái hậu : Mẹ Lý Anh Tông. *Sử* của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng : Anh Vũ, trạng mạo đẫy đà, đẹp đẽ, múa khéo, hát hay, lên 8 tuổi, được tuyển làm thượng lâm tử đệ ; 16 tuổi, Lý Thần Tông cho vào trong nội, hầu nơi màn trướng. Gặp Anh Vũ, Lê Hậu phải lòng.

Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Tháng 10, mùa đông. Đâu đấy được mùa cả.

Người thầy bói là Thân Lợi nổi loạn[1].

Tân Dậu, năm thứ 2 (1141). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 11).

Tháng 2, mùa xuân. Sai bọn Lưu Vũ Xứng đi đánh Thân Lợi ở Bồ dinh, bị thua trận.

Trước đây, Thân Lợi tự xưng là con Lý Nhân Tông, đem đồ đảng đến châu Thái Nguyên, từ Tây Nông kéo ra, qua đất Lục Lệnh, vào giữ châu Thượng Nguyên và châu Hạ Nông, tụ tập những kẻ vong mạng, chiêu mộ thổ binh, định mưu nổi loạn ; đến đây, tự xưng là Bình vương, Chb. **IV**, 36

(1) VSL III 3a viết là Ông Thân Lợi.

lập hậu phi, phong vương hầu, ban quan tước cho bè đảng. Bấy giờ đồ đảng Thân Lợi chỉ chừng độ hơn một nghìn người, đi đến đâu cũng nói phao lên rằng Thân Lợi giỏi thuật dụng binh, để truật những dân ở các khê động nơi biên giới. Đâu đấy đều sợ hãi, không ai dám chống cự lại. Khi tin từ biên giới cáo cấp về, nhà vua sai Gián nghị đại phu Lưu Vũ Xứng đi đường bộ, Thái phó Hứa Viêm đi đường thuỷ, đem quân đến đánh. Bộ tướng của Vũ Xứng là bọn Tô Tiệm và Trần Thiềm kéo quân đi trước ; gặp thuỷ quân của Thân Lợi, hai bên giao chiến, Tô Tiệm thua, bị chết tại trận. Thân Lợi đắp ải Bác Nhự để chống lại quan quân. Vũ Xứng hết sức đánh mới hạ được. Khi Vũ Xứng kéo quân về đất Bồ Đinh, Thân Lợi tung cả thuỷ quân ra đánh. Vũ Xứng thua, tướng sĩ chết đến quá nửa, phải rút về.

Lời bàn của Ngô (Thì) Sĩ – *Nay xét : Năm Thiệu Hưng thứ 9 (1139) nhà Tống, Quảng Tây suý ty nói rằng : "Thời Lý Nhân Tông có người cung thiếp*[1] *sinh được con trai, vua Nhân Tông không nhận. Khi Lý Thần Tông lên ngôi, người con ấy chạy sang nước Đại Lý, đổi họ là Triệu, lấy tên là Trí Chi, tự xưng là Nam Bình vương. Kịp khi Thần Tông mất rồi, hắn quay về nước, muốn tranh ngôi với Lý Anh Tông. Anh Tông đem quân chống lại, Trí Chi cầu xin nhà Tống xuất quân cứu giúp. Suý ty đem sự đó tâu lên, nhưng vua Tống xuống chiếu từ chối". Vậy có lẽ Trí Chi với Thân Lợi cùng là một người : Khi tự giới thiệu ở Quảng Tây để xin Tống cứu viện thì lấy tên là Trí Chi, và nói dối là con vợ lẽ của Lý Nhân Tông để lừa gạt nhà Tống đấy thôi. Còn như xưng hiệu Nam Bình vương cũng là chứng cớ hợp với sử chép Thân Lợi tiếm hiệu là Bình vương ; nhưng không biết rõ được gốc ngọn của Thân Lợi ra sao.* Chb. **IV**, 37

Lời chua – *Thái Nguyên* : Tức là Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

(1) Vợ lẽ ở trong cung nhà vua.

Tây Nông : Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (Chb. II, 44).

Hạ Nông : Thuộc tỉnh Thái Nguyên, tức là tổng Thượng Nông và tổng Hạ Nông thuộc châu Bạch Thông bây giờ.

Lục Lệnh, Thượng Nguyên, Bồ Đình, Bác Nhự : Đều không khảo được.

Tháng 4, mùa hạ. Thân Lợi phá phủ Phú Lương. Nhà vua sai Đỗ Anh Vũ đi đánh : Thân Lợi thua chạy, Tô Hiến Thành đuổi bắt được Lợi.

Chb. **IV**, 38

Thân Lợi ra giữ Tây Nông, đem người các xứ Thượng Nguyên, Tuyên Hoá, Cảm Hoá, Vĩnh Thông... đánh phá được phủ Phú Lương, chiếm đóng phủ lỵ, rồi cùng với đồ đảng mưu cướp kinh đô. Nhà vua sai Anh Vũ đem quân đi đánh. Bấy giờ quân Thân Lợi tiến đóng ở Quản Dịch, gặp quân Anh Vũ đánh kịch liệt, quân Lợi bị thua, chết không biết bao nhiêu mà kể. Đảng nó là Dương Mục thủ lĩnh châu Vạn Nhai , và Chu Ái, thủ lĩnh động Kim Kê, đều bị bắt. Thân Lợi trốn thoát, chạy sang châu Lục Lệnh. Nhà vua lại sai Anh Vũ đi đánh, bắt được đảng Thân Lợi hơn hai nghìn người làm tù binh. Thân Lợi chạy sang Lạng châu. Nhà vua xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đem quân đuổi đánh, bắt được Thân Lợi đưa sang đến quân doanh Anh Vũ, đóng cũi đem về kinh đô ; giao cho quan lại trị tội : chém Thân Lợi và những kẻ đồng mưu 20 người, còn thì cứ theo nặng nhẹ mà luận tội.

Lời chua – *Phú Lương, Tuyên Hoá, Cảm Hoá, Vĩnh Thông* : Đều thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Phú Lương : Nhà Lý gọi là phủ, nhà Trần cũng theo như vậy ; nhà Lê đổi làm huyện, tức là huyện Phú Lương bây giờ.

Tuyên Hoá : Nhà Lý gọi là huyện, nhà Trần cũng theo như vậy ; nhà Lê đổi là châu Định Hoá, tức là Định Châu bây giờ.

Cảm Hoá, Vĩnh Thông : Xem Lý Thái Tông, năm Thiên cảm thánh vũ thứ 1 (Chb. III, 11).

Tây Nông : Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (Chb, II, 44).

Vạn Nhai : Xem Lý Thái Tông, năm Thông thuỵ thứ 5 (Chb. II, 42, 43).

Quảng Dịch, động Kim Kê : Không khảo được.

Lạng Châu : Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1142). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 12).

Tháng 10, mùa đông. Sai Dương Tự Minh đi quảng Nguyên, chiêu tập người trong châu trước kia bị xiêu giạt tan tác.

Quảng Nguyên là đất thượng du, năm Anh Vũ chiêu thắng thứ 1 (1076), bị nhà Tống xâm lấn, đổi tên là Thuận Châu, đến năm thứ 4 (1079) trả về ta ; đến đây, nhà vua sai Tự Minh đến châu lỵ chiêu tập những người trong châu đã bị xiêu giạt hay đi trốn tránh. Chb. **IV**, 39

Tháng 12, quy định thể lệ cầm bán ruộng đất.

Phàm ai cầm cố những ruộng thực điền thì trong hạn 20 năm được phép chuộc lại ; phàm những ruộng hoang bị người khác cày cấy rồi thì trong hạn một năm được phép thưa kiện mà nhận lại, quá hạn ấy đều cấm chỉ. Những ruộng đất đã bán đứt rồi hiện có văn khế và khoán ước thì không được chuộc nữa. Kẻ nào vi phạm sẽ bị phạt 80 trượng. Tranh nhau ruộng ao, mà đem đồ binh khí[1] đánh nhau đến tử thương thì phạt 80 trượng, và phải tội đồ ; còn ruộng, ao thì trả cho phía người bị tử thương.

Nhà vua lại xuống chiếu : phàm tranh nhau ruộng, ao, tài vật, không được chạy vạy nhờ cậy nhà quyền thế, kẻ nào vi phạm thì phạt 80 trượng và bị tội đồ. Lại hạ chiếu : các vụ xử

(1) Như gươm, dao v.v...

việc ngục tụng là theo luật lệ đã đặt, nếu ai tranh giành một cách cưỡng ép thì phạt 60 trượng.

Tha tội cho đảng Thân Lợi.

Trước đây, quan quân bắt được đảng Thân Lợi hơn hai nghìn người, đưa về kinh đô. Nhà vua ngự điện Thiên Khánh, tra hỏi, đã đem chém 20 kẻ đồng mưu và tha cho những người bị ức hiếp mà phải theo, còn hơn 400 người thì bắt đi lưu đày. Đến đây, Tô Hiến Thành nói với nhà vua rằng : "Đảng Thân Lợi nổi loạn, giết nhiều quan quân, bệ hạ chỉ hành hình có 20 người, thực là có lòng nhân đức. Nhưng, xưa kia, vua Nghiêu, vua Thuấn tuyển nối trong vòng hơn trăm năm, thế mà số người bị tội chết và bị tội lưu chỉ có bốn tên đầu sỏ gian ác[1] ; ngày nay phát lưu đến hàng hơn trăm [2]người, có phải là bản tâm bệ hạ đâu ? Tôi xin tha tội cho chúng, để mọi người được nhuần thấm ơn vua, thì lòng nhân đức của bệ hạ không khác gì Nghiêu Thuấn". Nhà vua y theo lời, xuống chiếu tha tội phóng trục và lưu đày cho đồ đảng Thân Lợi. Chb. **IV**, 40

Quý Hợi, năm thứ 4 (1143). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 13). Từ mùa xuân đến mùa hạ hạn hán. Nhà vua thân làm lễ đảo vũ. Tháng 6, mưa.

Giáp Tý, năm thứ 5 (1144). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Gả công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh.

Tự Minh là thủ lĩnh phủ Phú Lương, vâng mạng đi chiêu an những người trong châu Quảng Nguyên, rồi được cai quản các

(1) Cung Công bị tội lưu. Hoan Đâu bị đem đi an trí, Tam Miêu bị phóng trục ; Cổn bị giam cầm đến chết.

(2) Ý nói một số nhiều, chứ không cứ phải đúng một trăm.

khê động ở nơi biên giới ; đến đây, lấy công chúa, được phong phò mã lang.

Tháng 5, mùa hạ. Mâu Du Đô dâng chim sẻ trắng, được phong làm Thái sư.

Trước đây Du Đô là Gián nghị đại phu, bị bãi chức ; đến đây được phong Thái sư, được đóng ở nơi xa[1] mà quản lĩnh các công việc khê động ở miền biên giới.

Lời phê – *Hạng người gọi là có tài năng*[2] *mà còn như vậy*[3]*, đủ biết thói đời bấy giờ là thế nào, mà tước lộc cũng chẳng có gì đáng quý.*

Ất Sửu, năm thứ 6 (1145). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 15).

Tháng 4, mùa hạ. Mưa dầm mãi không tạnh.

Tháng 8, mùa thu. Người Thổ nhà Tống là Đàm Hữu Lượng vào cướp châu Quảng Nguyên. Nhà vua sai bọn Dương Tự Minh đi đánh bại được giặc.

Hữu Lượng trốn sang châu Tư Lang nước ta, nói dối là vâng sứ mạng nhà Tống đi chiêu dụ dân chúng ở biên thuỳ. Dân các khê động ở duyên biên theo về với hắn nhiều lắm. Hắn bèn chiếm giữ đất Thông Nông, đem đồ đảng cướp bóc Quảng Nguyên. Gặp lúc ấy kinh lược suý ty tỉnh Quảng Tây nhà Tống đưa thư sang bảo ta đánh giúp để bắt Hữu Lượng. Nhà vua xuống chiếu cho bọn Dương Tự Minh, Nguyễn Nhữ Mai và Lý Nghĩa Vinh đi đánh. Lại sai Thái sư Mâu Du Đô đem quân kế tiếp tiến lên. Tự Minh đánh phá được Thông Nông, Hữu Lượng thua chạy. Ta bắt được

Chb. **IV**, 41

(1) Nguyên văn là "dao lĩnh" nghĩa là chịu trách nhiệm giữ chức cai trị ở một nơi nào đó, nhưng bản thân lại đóng ở một nơi xa, chứ không đến làm việc tại chỗ.

(2) Chỉ Mâu Du Đô.

(3) Chỉ việc dâng chim sẻ trắng.

đồ đảng nó là lũ Bá Đại 21 người, trao trả cho nhà Tống. Nhà cầm quyền ở Ung Châu (Tống) làm ra cáo sắc giả để đón Hữu Lượng về. Hữu Lượng liền cùng với đồ đảng hơn 20 người, đem dâng ấn đồng và địa đồ. Khi đến trại Dương Sơn, viên tri châu Ung Châu là Triệu Nguyện bắt lấy đưa đến suý ty chém chết.

Lời chua – *Quảng Nguyên :* Tên châu. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 5 (Chb. II. 43).

Tư Lang : Tên châu. Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 3 (Chb. III, 3).

Thông Nông : Bây giờ là tổng Thông Nông, châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Ung Châu : Xem Đinh Đế Toàn năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Cáo sắc : Sử của Ngô (Thì) Sĩ chép là "quan cao thân". Ý nói lấy quan tước để chiêu dụ Hữu Lượng. Chb. **IV**, 42

Dựng chùa Vĩnh Long phúc thánh.

Bính Dần, năm thứ 7 (1146). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 16).

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán, xuống chiếu đảo vũ ; trời mưa.

Sao chổi mọc.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính cấm quân.

Xuống chiếu cho quản giáp và chủ đô : tuyển lính cấm quân, nên lựa lấy ở những nhà đông con chứ không được bắt con nhà cô độc.

Đinh Mão, năm thứ 8 (1147). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 17).

Tháng 10, mùa đông khảo sát ngạch quan lại ở phủ Phú Lương và làm lại hộ tịch[1].

(1) Sổ kê khai từng hộ.

Phủ Phú Lương, trước kia, bị Thân Lợi chiếm đóng ; đến đây, sai Đỗ Anh Vũ khảo sát ngạch quan lại và làm sổ hộ tịch để tâu lên.

Tháng 11. Hoàng thái hậu Đỗ Thị mất.

Đặt tên thuỵ là Chiêu Hiếu.

Mậu Thìn, năm thứ 9 (1148). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi Lợi Nhân, làm lễ cày tịch điền, sau đến Ứng Phong, xem xét dân cày ruộng rồi về cung.

Tháng 10, mùa đông. Cung Quảng Từ làm xong. Chb. **IV**, 43

Cung này là chỗ ở của Lê Thái hậu, làm từ năm Đại Định thứ 5 (1144) ; đến đây mới xong.

Kỷ Tỵ, năm thứ 10 (1149). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 19).

Tháng 2, mùa xuân. Thiết lập Vân Đồn trang[1].

Bấy giờ các nước Qua Oa[2] và Tiêm La có nhiều thuyền buôn đóng ở Hải Đông. Ta bèn lập trang ở trên cù lao để cho họ ở, gọi là Vân Đồn trang.

Lời chua – *Hải Đông* : Tức là An Bang. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (chb. 21, 19).

Vân Đồn : Thuộc Hải Đông. Nhà Lê đổi làm châu Vân Đồn, bây giờ là tổng Vân Hải, huyện Nghiêu Phong, tỉnh Quảng Yên.

---

(1) Trang cũng như bây giờ gọi là phố xá, nơi tập trung nhiều hàng hoá để tiêu thụ đi các nơi.

(2) Sách ta cũng như một số sách Trung Quốc phần nhiều viết Qua Oa nhưng theo *Từ nguyên* (trang 954), thì là Trảo Oa (Java).

Qua Oa : Theo *Minh sử,* nước Qua Oa ở về phía tây nam nước Chiêm Thành có tên khác là Hạ Cảng hoặc Thuận Tháp, tính người hung tợn, kẻ bé người lớn đều đeo dao, hễ trái ý nhau một chút thì liền đánh giết nhau ngay. Sách *Việt chí* chép rằng : trong kinh Phật gọi là "Quỷ quốc" tức là nước này. Chb. **IV**, 44

Tiêm La : theo sách *Thanh Nhất thống chí,* Tiêm La, về đời Tuỳ Đường gọi là nước Xích Thổ, ở về phía Tây Nam nước Chiêm Thành là một tộc loại của nước Phù Nam ; sau chia làm hai : nước Tiêm và nước La Hộc. Hồi đầu niên hiệu Nguyên Trinh (1295–1296) đời Nguyên, vào cống nhà Nguyên. Về sau, nước La Hộc mạnh hơn, thôn tính cả đất Tiêm, mới đặt tên nước là Tiêm La Hộc. Dưới triều Hồng Vũ (1368–1398) nhà Minh, Tiêm La Hộc vào chầu, vua Minh ban cho ấn "Tiêm La quốc vương". Từ đó mới gọi là nước Tiêm La.

Tháng 4, mùa hạ. Đại xá.

Mở hội phật pháp ở trước sân rồng. Đại xá các tội nhân.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 5

Từ năm Canh Ngọ (1150) Lý Anh Tông, niên hiệu Đại Định thứ 11 đến năm Ất Dậu (1225), Lý Chiêu Hoàng, niên hiệu Thiên Chương hữu đạo thứ 2, gồm 76 năm. Chb. V, 1

*

Canh Ngọ, năm thứ 11 (1150). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 20).

Tháng 3, mùa xuân. Hạn hán.

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán.

Tháng 9, Chân Lạp vào cướp Nghệ An.

Quân Chân Lạp vào cướp, đến núi Vụ Thấp tỉnh Nghệ An gặp nắng, mưa bất thường, nhiều người bị chết vì chướng khí ; chúng tự tan vỡ.

Lời chua – *Chân Lạp :* Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb.4,39).

Nghệ An : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.21,21–23).

Núi Vụ Thấp : Theo *Đường thư Địa lý chí,* từ Hoan Châu đi về phía tây ba ngày, đến núi Vụ Thấp. Sách Nghệ An chí chép *:* Núi Vụ Thấp còn tên nữa là Vụ Ôn. Sách *Thoái thực ký văn* của Trương Quốc Dụng chép rằng : "Núi Vụ Ôn ở về địa phận huyện Hương Sơn, Nghệ An, tức là một nhánh núi Vũ Môn.

Đỗ Anh Vũ có tội, giao xuống cho quan lại xét xử trị tội. Viên Hoả đầu[1] trong hiệu quân Tả Hưng Thánh là Nguyễn Dương cầm giáo chực đâm Anh Vũ không được. Nguyễn Dương tự sát.

Khi nhà vua mới lên ngôi, không cứ việc lớn hay nhỏ, đều do Anh Vũ quyết định cả. Hắn ra vào nơi cung cấm, tư thông với Lê Hậu[2]. Nhân thế, Anh Vũ lại càng kiêu rông : Ở triều đình hắn vén tay, quát tháo, chỉ huy người bằng cách hất hàm, sai bảo người bằng khí sắc. Mọi người đều hé mắt sợ sệt, không ai dám nói gì. Bọn Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đái cùng với bọn Trí Minh vương (không rõ tên), Bảo Ninh hầu (không rõ tên) và Phò mã lang Dương Tự Minh mưu bắt giam Anh Vũ. Mưu kế đã định rồi, bọn Vũ Đái đem quân thẳng đến cửa thành, hô lớn : "Anh Vũ ra vào cung cấm, tiếng xấu ầm cả ra ngoài, còn tội gì lớn hơn nữa ! Chúng tôi xin trừ khử ngay nó đi !". Lúc ấy liền có chiếu chỉ cho lính cấm quân bắt Anh Vũ trói ở hành lang Tả Hưng thánh, giao xuống cho đình uý xét xử việc này. Thái hậu sai người đem rượu cơm đến cho Anh Vũ và giấu vàng ở trong đồ đựng món ăn, để Anh Vũ dùng đút lót cho bọn Vũ Đái và người canh giữ. Viên hoả đầu ở hiệu quân Tả Hưng thánh là Nguyễn Dương nói rằng : "Các anh tham của đút lót, rồi đây tôi với các anh chắc không thoát khỏi tay thằng Anh Vũ đâu, chi bằng giết nó trước đi, để khỏi lo về sau". Dương liền phăm phăm cầm giáo chực đến đâm chết Anh Vũ. Tả Hưng đô là Đàm Dĩ Mông giật lấy cây giáo, ngăn lại, rằng : "Quan Điện tiền[3] cho tội Anh Vũ là đáng chết thật đấy, nhưng phải đợi mệnh lệnh của vua chứ không được tự tiện giết chết". Nguyễn Dương nổi giận,

Chb. V, 2

Chb. V, 3

(1) Một chức quan loại vừa trong quân đội, tương đương với đội trưởng sau này. Ở đây đáng ra phải gọi là Chánh thủ mới phải, vì từ năm Thuận Thiên 16 (1025) đã đổi chức Hoả đầu thành Chánh thủ.

(2) Mẹ của Lý Anh Tông (Xem. Chb.IV,35).

(3) Quan chức của Vũ Đái.

mắng : "Vũ Đái kia ! sao lại tham của lót của người ta mà không tiếc đến mạng mình ?" Nói xong, liệu mình không thoát được, liền nhảy xuống giếng tự tử.

Lời chua – *Hưng Thánh :* Hiệu lính cấm quân. Xem. Lý Nhân Tông, năm Hội Tường đại khánh thứ 9 (Chb. IV,8–9).

Hoả đầu : Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II,24–25).

Tả Hưng đô : Chưa rõ chức quan này.

Tha tội Đỗ Anh Vũ và cho phục lại quan chức.

Trước đây, nhà vua xét án Anh Vũ, bắt chịu tội đồ làm điền nhi. Thái hậu lo buồn, nghĩ cách làm cho Anh Vũ được trở lại như cũ, nên thường mở hội to, tha tội nhân, mong Anh Vũ cũng được dự ân xá. Anh Vũ vì nhiều lần được ân xá thành ra khỏi tội, cuối cùng lại được làm thái uý, phụ chính như trước. Từ đó, càng được cưng yêu, hắn nắm hết quyền hoạ phúc sinh sát trong tay, ngày ngày chăm làm những việc báo oán.

Lời chua – *Điền nhi :* Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chb. IV, 18–19).

Giết bọn điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đái và Ngọc giai hoả đầu Đồng Lợi 28 người ; phát lưu bọn phò mã Dương Tự Minh 30 người.

Chb. V, 4

Anh Vũ chực lật đổ bọn Vũ Đái, bèn tự ý tiến cử hơn một trăm thủ hạ làm quân phụng quốc vệ đô, giao cho giữ việc đi bắt phạm nhân. Anh Vũ nói kín với nhà vua rằng : "Trước đây, bọn Vũ Đái tự tiện đem lính cấm quân, xông vào nơi khuyết đình, còn tội nào lớn hơn nữa. Nếu không sớm trừ đi, e mai kia sinh biến, thì không thể trị được !" Nhà vua không xét kỹ, vội y theo lời hắn tâu, liền sai quân phụng quốc vệ đô đi lùng bắt bọn Vũ Đái, giao xuống cho quan lại trị tội : Giáng Trí Minh vương xuống tước hầu, Bảo Ninh hầu xuống tước Minh tự, Bảo Thắng hầu làm phụng chức ; bọn Vũ Đái 20 người bị chém, bêu thủ cấp ở đầu sông ; bọn Đồng Lợi

8 người bị chém ở chợ cửa tây ; bọn Tự Minh 30 người bị phát lưu đi các nơi nước độc ở viễn châu ; còn những người dự mưu đều bắt tội đồ.

Lời chua – *Ngọc Giai :* hiệu lính cấm quân. Xem. Lý Nhân Tông, năm Hội Tường đại khánh thứ 9 (Chb. IV,9).

Minh Tự : Theo *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, Minh Tự là một tước để phong cho những người có công.

Nghiêm định những điều cấm ở trong cung phủ.

Cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào nơi cung cấm ; ai vi phạm cấm thì bị tội chết ; kẻ nào canh giữ không cẩn, để cho người khác vào cung cũng sẽ bị tội như vậy. Các quan triều không được đi lại các nhà vương hầu ; ở trong cung cấm không được hội họp, bàn bạc, chê bai. Không được qua lại ngoài địa đầu hành lang là chỗ để khí giới của quân phụng quốc vệ đô ; ai can phạm sẽ phải phạt 80 trượng và bắt tội đồ ; người nào vào trong hành lang ấy, thì bắt tử hình. Người giữ việc phòng vệ ở hành lang nếu không có chiếu chỉ mà tự tiện cầm khí giới qua địa đầu hành lang thì cũng đồng tội. Chb. V, 5

Tân Mùi, năm thứ 12 (1151). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 21).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi Long Thuỷ hiệp xem bắt voi.

Bắt được con voi trắng, bầy tôi dâng biểu mừng.

Lời chua – *Long Thuỷ hiệp :* Xem. Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 7 (Chb. III, 48).

Tháng 8, mùa thu. Xem bơi trải.

Nhà vua ra chơi cung Quảng Từ để xem bơi thuyền thi.

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1152). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 22).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Tháng 5. Mưa ra những viên sỏi nhỏ, sắc vàng.

Tháng 8, mùa thu. Mưa ra những viên sỏi nhỏ, sắc vàng.

Tháng 10, mùa đông. Mở kỳ điện thí.

Lời chua – *Sử của Ngô (Thì) Sĩ* chua rằng : Bấy giờ phép khoa cử chưa có thể thức nhất định. Chb. V, 6
Hoặc giả đương thời có chiếu cử những kẻ sĩ trong nước vào thi ở trong sân điện mà *Sử cũ* không chép kỹ chăng. Nay không thể khảo được.

Sai Thượng chế là Lý Mông đem quân đưa Ung Minh Ta Điệp về để lập làm vua nước Chiêm Thành, công việc không làm xong, hai người đều bị giết.

Người Chiêm Thành, Ung Minh Ta Điệp, đến cửa cung quyết xin cho được làm vua. Nhà vua xuống chiếu cho thượng chế là Lý Mông đem quân Thanh Hoá, Nghệ An hơn năm nghìn người, đưa về nước để lập làm vua. Bọn Lý Mông đến Chiêm Thành, bị chúa Chiêm là Chế Bì La Bút chống lại. Lý Mông và Ung Minh Ta Điệp đều bị chết cả.

Lời chua – *Thượng chế :* Tên một tước phong. Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chb. IV, 20).

Chiêm Thành : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III,20–22).

Thanh Hoá, Nghệ An : Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20–23).

Ung Minh Ta Điệp : Sử cũ chép là người nước Chiêm Thành, không rõ lai lịch.

Quý Dậu, năm thứ 14 (1153). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 23).

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1154). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 24).

Tháng 9, mùa thu. Đắp đàn Viên Khưu[1]. Nhà vua ra xem làm việc.

(1) Đàn để tế trời trong tiết đông chí.

Tháng 10, mùa đông. Chúa Chiêm Thành Chế Bì La Bút, đem dâng con gái, được nhà vua thu nạp. Chb. V, 7

Tháng 11. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh đám Sơn Lạo[1] ở châu Đại Hoàng, dẹp yên được.

Trước đó, Sơn Lạo châu Đại Hoàng là Nông Khả Lai làm phản. Đến đây, nhà vua thân đi đánh. Ngày Canh Tuất, xuất quân ; ngày Giáp Dần đánh được, ngày Kỷ Mùi, về kinh đô.

Lời chua – *Đại Hoàng :* tên một châu. Xem Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Chb. I,2).

Ất Hợi năm thứ 16, (1155). (Tống năm Thiệu Hưng thứ 25).

Tháng 8, mùa thu. Có nạn nước lớn.

Động đất.

Tháng 10, mùa đông. Sao Mộc tinh phạm vào sao Kim tinh.

Lời chua – *Mộc tinh :* Sao Thái tuế.

Kim Tinh : Sao Thái bạch. Theo sách *Thiên nguyên lịch lý* của Từ Phát nhà Thanh, phàm các vì sao cách nhau độ vừa một tấc, gọi là "phạm", đóng ở lại đấy mà không dời đi, gọi là "thủ".

Tháng 12. Động đất.

Làm cung Lệ Thiên

Dựng cung Lệ Thiên và hành lang để triều cận ở điện Long Khánh.

Bính Tí, năm thứ 17 (1156). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 26).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa ra sỏi nhỏ, sắc vàng. Chb. V, 8

Tháng 12, mùa đông. Kho tàng của vua bị cháy.

Làm hành cung ở Ngự Thiên.

(1) Một dân tộc miền núi. Tục gọi là "Lao".

Dựng hành cung ở Ngự Thiên : làm điện Thuỵ Quang, gác Chiếu vân, cửa Thanh hoà, thềm Nghi phượng, gác Diên phú, đình Thưởng hoa, thềm Ngọc hoa ; lại đào ao Kim Liên, bắc cầu Minh nguyệt, để dùng trong những lúc nhà vua đi du ngoạn.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Xét đời Lý Anh Tông.* Sử cũ *chép hai lần dựng miếu, ba lần làm đền thờ, sáu lần đóng thuyền, còn làm chùa, chữa chùa, đắp đàn tế, xây cổng thành, làm kho, bắc cầu mỗi thứ một lần, còn công việc làm cung điện, dinh thự thì đến mười lần ; mà đài các nguy nga, hồ đình rộng rãi, không có lần nào phiền phí bằng lần này. Ơn trạch họ Lý đối với dân đến đây tiêu ma hết cả.*

Lời chua – *Ngự Thiên :* Tên huyện. Nhà Lý gọi là Ngự Thiên, khi thuộc Minh gọi là Tân Hoá, nhà Lê lại gọi là Ngự Thiên, tức là huyện Hưng Nhân tỉnh Hưng Yên bây giờ.(1)

Lập miếu thờ Khổng Tử.

Hồi đầu đời Lý, Văn Miếu thờ chung cả Chu Công và Khổng Tử ; đến đây, Tô Hiến Thành xin lập miếu riêng để thờ Khổng Tử, nhà vua y nghe theo lời : lập miếu Khổng Tử ở phía Nam thành Thăng Long. Chb. V, 9

Đói to.

Năm này đói to : mỗi một thưng gạo trị giá 70 đồng tiền.

Đinh Sửu, năm thứ 18 (1157) (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 27). Xuống chiếu quy định luật lệnh.

Mậu Dần, năm thứ 19 (1158). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 28).

Tháng 2, mùa xuân. Đỗ Anh Vũ giết Nguyễn Quốc.

Trước kia, Nguyễn Quốc đi sứ Tống về, nói nhà Tống đặt cái hòm đồng ở sân điện để nhận những tờ sớ tâu của bốn phương. Vậy ở ta, để thông đạt tình hình kẻ dưới, cũng xin phỏng theo mà làm như thế. Nhà vua y theo lời, cho đặt cái hòm ở sân rồng,

(1) Nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

để những ai có bàn nói việc gì thì bỏ thư vào trong ấy. Bấy giờ có bức thư nặc danh nói Anh Vũ làm loạn. Tìm bắt người viết thư ấy không được, Anh Vũ nghi cho Nguyễn Quốc, bèn vu cáo cho Nguyễn Quốc làm việc này, rồi buộc vào tội, phát lưu đi trại Thanh Hoá. Chưa được bao lâu, nhà vua cho Nguyễn Quốc về. Anh Vũ lại lấy rượu chế thuốc độc đưa cho Nguyễn Quốc. Nguyễn Quốc biết mình không thoát, liền uống thuốc độc chết.

Lời chua – *Nguyễn Quốc :* không rõ lý lịch.

Duyệt sổ dân đinh.

Nhà vua sai Lý Công Tín tuyển lựa dân đinh, quy định các sắc mục, và lấy người sung vào nhà Thái miếu hầu việc thờ tự.

Tháng 8, mùa thu, Đỗ Anh Vũ chết. Chb. V, 10

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1159). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 29).

Mùa xuân. Cột chùa Thiên Phù chảy ra huyết.

Tháng 5, mùa hạ. Ngưu Hống và Ai Lao vào cướp. Nhà vua sai Tô Hiến Thành đi đánh bại được quân địch.

Hiến Thành đem quân đi đánh, bắt được người, súc vật và của báu của địch, rồi kéo về.

Lời chua – *Ngưu Hống :* Xem. Lý Thánh Tông, năm Long chương thiên tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Ai Lao : Xem. Triệu Việt vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9).

Dùng Tô Hiến Thành làm Thái uý.

Hiến Thành, trước kia, làm Thái phó, tham dự việc giữ binh quyền ; đến đây, vì có công được làm Thái uý.

Canh Thìn, năm thứ 21 (1160). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 30).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lính.

Sai Tô Hiến Thành và Lý Công Tín tuyển lấy những dân đinh khoẻ mạnh sung vào quân đội, chọn lấy những tướng hiệu thông binh pháp, biết vũ nghệ, chia ra cai quản.

Tân Tị, năm thứ 22 (1161). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 31).

Mùa xuân, sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ lễ cống sính đều dùng voi đã tập thuần thuộc, nay đến kỳ đưa lễ cống hàng năm, vua Tống thấy đem thú vật đi đường xa, làm người phải nhọc nhằn, mới sai suý thần bảo rõ là được bãi bỏ lễ ấy. Từ đó không đem voi sang cống nữa. Chb. V, 11

Tháng 10, mùa đông. Thái phó Hoàng Nghĩa Hiền mất.

Nghĩa Hiền có công giúp vua ; đến đây, ông mất ; nhà vua nghỉ thiết triều năm ngày.

Tháng 11. Sai bọn Thái uý Tô Hiến Thành đi tuần vùng biên giới.

Dùng Hiến Thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó tướng, đem hai vạn quân, đi tuần hành, phòng bị mọi xứ ở biên giới Tây Nam và miền ven biển. Nhà vua thân đi tiễn quân đến cửa biển Thần Đầu mới về.

Bấy giờ những lính đào ngũ cùng nhau quần tụ, cướp bóc cư dân. Nhà vua sai Lý Công Tín đi đánh, dẹp yên được.

Lời chua – *Cửa biển Thần Đầu :* Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1162). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 32).

Tháng 3, mùa xuân. Cấm không ai được tự thiến mình.

Ai tự thiến mình thì phạt 80 trượng và thích vào cánh tay bên tả 23 chữ.

Động đất.

Tháng 2. Định rõ lại phép xét công trạng các quan.

Chín năm một lần xét công. Các quan văn vũ ai đủ niên lệ mà không có lỗi gì thì được thăng trật. Chb. V, 12

Quý Mùi, năm Chính Long bảo ứng thứ 1 (1163). (Tống, Hiếu Tông, năm Long Hưng thứ 1).

Giáp Thân, năm thứ 2 (1164). (Tống, năm Long Hưng thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành đến tiến cống.

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Tống phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Nhà Tống sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, đổi Giao Chỉ làm An Nam quốc.

Theo *Nguyên sử loại biên*, An Nam, trước đây, gọi là Giao Chỉ ; Đường Cao Tông đặt làm An Nam Đô hộ phủ. Tên gọi là An Nam bắt đầu từ đấy. Tống Hiếu Tông phong Thiên Tộ[1] là An Nam quốc vương, An Nam gọi là "nước" bắt đầu từ đó.

Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép rằng : "Nhà Tống từ khi rút sang phía nam, mỗi khi sứ ta sang cống, vẫn giao nhận cống phẩm ở tỉnh Quảng Tây, chứ chưa từng đến kinh đô của Nam Tống bao giờ ; năm này là kỳ đưa lễ cống, nhà vua đưa thư sang Tống, xin cho sứ giả đến tận cung khuyết ; vua Tống ưng thuận. Lệ cũ : việc cống sính chưa lần nào đi đủ ba sứ thần ; kỳ này, nhà vua dùng Trung vệ đại phu Doãn Tử Tư làm đại sứ, lại cho Thừa nghị lang Lý Bang Chính là chánh sứ, Trung dực lang Nguyễn Văn Hiến làm phó sứ. Từ người dẫn đầu đến người tuỳ hành đều đủ số. Khi đến nơi, vua Tống khen là có lòng thành khẩn, lại thấy nhân vật của ta ôn hoà, văn phép, áo mũ chững chạc đàng hoàng, rất lấy làm ưng ý. Vua Tống hạ chiếu cho đình thần bàn định về việc ban cho tên nước, bèn cho tên là "An Nam quốc" và gia phong nhà vua làm An Nam quốc vương. Chb. V, 13

Ất Dậu, năm thứ 3 (1165). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 1).

(1) Tên Lý Anh Tông.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán. Nhiều nơi phát sinh bệnh dịch. Dân bị đói.

Nhân dân mắc bệnh dịch dữ dội. Trâu bò chết nhiều. Giá gạo cao vọt.

Tháng 8, mùa thu. Thi học sinh.

Bính Tuất, năm thứ 4 (1166). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 2).

Đinh Hợi, năm thứ 5 (1167). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 3).

Tháng 7, mùa thu. Sai Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Trước đây, sứ giả Chiêm Thành đem lễ cống sang nước ta, khi đi đến châu Ô Lý, thì sứ Chiêm Thành đem phong thuỷ quân vượt biển cướp bóc những cư dân ở miền ven biển rồi trở về ; đến đây, nhà vua sai Hiến Thành đi đánh. Hiến Thành đem quân đến nước Chiêm, đưa thư cho chúa Chiêm, quở trách về việc không giữ lễ phiên thần, lại tỏ bày sự lợi hại để chiêu dụ. Chúa Chiêm sợ, sai sứ sang dâng châu báu và những sản vật địa phương để xin hoà. Nhà vua y cho, hạ chiếu bảo Hiến Thành đem quân về.

Lời chua – *Chiêm Thành :* Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20–22).

Ô Lý : Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I,27–28). Chb.V, 14

Phong thuỷ quân : Sử cũ chua là "Tăng ma". Bây giờ không thể khảo được.

Mậu Tí, năm thứ 6 (1168). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 4).

Tháng 8, mùa thu. Sứ nhà Tống và sứ nước Kim cùng sang ta.

Sứ thần hai nước đồng thời cùng đến, ta đều lấy lễ mà tiếp đãi cả, nhưng không cho họ gặp nhau.

Lời cẩn án – Sử cũ, *ở đây, chép rằng "sứ Thát đát cũng đến". Thát đát tức là nhà Nguyên. Nhưng xét bấy giờ nước Kim còn mạnh, mà nhà Nguyên mới nổi lên ở Mạc bắc*(1), *người Kim vào Biện Kinh*(2), *nhà Tống phải thiên đô sang Lâm An, lẽ nào người Nguyên vượt qua địa bàn của người Kim mà đến nước ta được ?* Sử *của Ngô (Thì) Sĩ cải chính mà chép là sứ thần nước Kim. Nay theo như vậy.*

Kỷ Sửu, năm thứ 7 (1169). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 5).

Ngày rằm, tháng 3, mùa xuân. Nguyệt thực. Cá biển chết nhiều.

Nhà vua sai thầy chùa và đạo sĩ ở các đền chùa tụng kinh cầu đảo.

Tháng 4, mùa hạ. Làm điện Thanh Hoà.

Đặt thần vị Tiên đế(3) ở điện này, bốn mùa cúng tế.

Sửa lại chùa Chân Giáo.

Chùa này từ đời Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 15 (1024) ; đến đây sửa lại.

Canh Dần, năm thứ 8 (1170). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 6). Nhà vua tập cưỡi ngựa và bắn cung ở phía nam thành.

Nhà vua xem xét và tập dượt ở phía Nam Kinh thành, đặt tên chỗ ấy là sân bắn sai các quan võ ngày ngày rèn tập những phép đánh trận và phá trận. Chb.V, 15

Tân Mão, năm thứ 9 (1171). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Sửa lại miếu thờ Khổng Tử.

Miếu làm từ năm Đại Định thứ 17 (1156) ; đến đây, sửa lại.

Nhà vua đi tuần đường biển.

---

(1) Tức Ngoại Mông Cổ.

(2) Kinh đô của Bắc Tống, tức huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam bây giờ.

(3) Lý Thần Tông.

Muốn biết dân tình đau khổ ra sao, đường sá xa gần thế nào, nhà vua đi tuần đường biển, xem khắp hình thế núi sông rồi về.

Nhâm Thìn, năm thứ 10 (1172). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 8).

Tháng 2, mùa xuân. Lại đi tuần đường biển và biên giới phía Nam, phía Bắc.

Nhà vua đi tuần đường biển và biên giới phía nam, phía bắc, vẽ và ghi phong cảnh, sản vật, rồi chở về.

Lời chua – *Nam Bắc phiên giới đồ :* Theo *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, sách *Nam Bắc phiên giới địa đồ*, một quyển, của Lý Anh Tông, nay không truyền.

Quý Tị, năm thứ 11 (1173). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 9).

Mùa thu. Đóng thuyền Ngoạn thuỷ.

Trước đó, đóng thuyền Vĩnh Long, thuyền Thanh Lan, thuyền Tường Quyết, thuyền Phụng Tiên, thuyền Vĩnh Diệu, thuyền Vĩnh Thanh, thuyền Nhật Long, đến đây, đóng thuyền Ngoạn Thuỷ, để chuẩn bị đi chơi.

Giáp Ngọ, năm Thiên cảm chí bảo thứ 1 (1174). (Tống, năm Thuần Hi thứ 1).

Tháng Giêng, mùa xuân. Động đất.

Tháng 9, mùa thu. Thái tử Long Sưởng có tội, truất bỏ làm kẻ dân thường. Chb. V, 16

Long Sưởng tư thông với cung phi, nhà vua không nỡ bắt tội chết, truất bỏ làm kẻ thường dân và cầm tù.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép "Thái tử Long Sưởng", thế thì Long Sưởng đã được ở ngôi đông cung rồi ; duy sự được lập vào năm nào Sử cũ bỏ sót không chép.*

Tháng 11, mùa đông. Động đất.

Tháng 12. Sao chổi mọc ở phương nam.

Ất Mùi, năm thứ 2 (1175). (Tống, năm Thuần Hi thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Long Cán làm thái tử.

Trước đây, nhà vua cho vời tể thần[1], bảo rằng : "Thái tử là cội gốc của nước. Long Sưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn cho Long Cán được nối ngôi báu, nhưng hắn còn nhỏ tuổi, e chưa gánh vác nổi ; nếu đợi lúc lớn lên thì trẫm đã già rồi, biết làm thế nào ?" Bỗng lúc ấy người trong nội bế Long Cán ra, Long Cán khóc, đòi lấy cái khăn của nhà vua đang đội. Ngài chưa kịp cho, hắn càng khóc già ; trật khăn đưa cho, hắn cười ngặt nghẽo. Ngài lấy làm lạ, bấy giờ cái ý sách lập Long Cán mới thật quyết định. Đến đây, lập làm Thái tử, Long Cán mới lên ba tuổi. Chb. V, 17

Dùng Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự[2], gia phong tước vương.

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu cho Tô Hiến Thành giúp Thái tử tạm quyền coi giữ chính sự.

Bấy giờ nhà vua bị bệnh, nên mới có mệnh lệnh này.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua mất, để tờ di chiếu cho Tô Hiến Thành làm Phụ chính.

Nhà vua mất ở điện Thuỵ Quang, miếu hiệu là Anh Tông, ở ngôi 37 năm, thọ 40 tuổi. Trước đây, nhà vua bệnh kịch, Hoàng hậu xin lập lại Long Sưởng. Ngài nói : "Long Sưởng làm con đã bất hiếu còn cai trị dân thế nào được !". Rồi ngài di chúc cho Hiến Thành giúp đỡ dẫn đạo Thái tử, còn mọi việc nhà nước thì cứ theo như hiến chương cũ. Kịp khi Anh Tông mất, Thái hậu lại mưu tính bỏ con nọ, lập con kia : sợ Hiến Thành không theo, bèn đem vàng đút lót cho vợ Hiến Thành là Lữ Thị. Hiến Thành nói : "Ta là đại thần, nhận mệnh lệnh Chb. V, 18

(1) Bầy tôi làm tể tướng, đứng đầu cả triều đình.

(2) Tức Tể tướng, quan đứng đầu triều.

để lại của tiên đế, phò giúp ấu chúa, nếu nay nhận của lót mà làm việc phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới suối vàng ?". Thái hậu lại vời Hiến Thành đến khuyên dỗ trăm chiều. Hiến Thành thưa lại rằng : "Làm điều bất nghĩa mà được giàu sang, có lẽ nào hạng trung thần, nghĩa sĩ lại vui lòng mà làm được, huống chi lời tiên đế hãy còn văng vẳng bên tai ! Thái hậu chẳng nghe nói về chuyện Y Doãn[1] và Hoắc Quang[2] đấy ư ? Tôi đây không dám vâng lời". Do đấy việc này mới thôi.

Lời cẩn án – *Về việc này* Sử cũ *trên chép là "hoàng hậu" dưới chép là "thái hậu", cùng với "Chiêu linh thái hậu" đã chép ở năm Trinh Phù thứ 3 (1178) đều không có họ, có lẽ cùng là một người mà* Sử cũ *không chép được kỹ đó thôi.*

Thái tử Long Cán lên ngôi (tức là Lý Cao Tông).

Tôn mẹ là Đỗ Thị làm Chiêu thiên chí lý hoàng thái hậu.

Dùng cậu là Đỗ An Di làm Thái sư đồng Bình chương sự[3], Tô Hiến Thành làm Thái uý[4].

Lời cẩn án – *Năm Đại Định thứ 20 (1159),* Sử cũ *chép dùng Tô Hiến Thành làm Thái uý, ở đây lại chép như thế, nghi rằng có lầm.*

Lời chua – *An Di :* Em của Đỗ thái hậu.

---

(1) Bầy tôi nhà Ân, sau khi Thành Thang nhà Ân mất, cháu là Thái Giáp lên nối ngôi vua, vì Thái Giáp thất đức, nên Y Doãn truất bỏ đi, cho ra ở Đông Cung, sau Thái Giáp biết bỏ điều tà theo điều chính. Y Doãn lại rước về lập làm vua.

(2) Bầy tôi nhà Hán, sau khi Hán Chiêu đế mất. Xương Ấp vương lên nối ngôi, vì Xương Ấp vương là người hoang dâm vô đạo. Hoắc Quang truất bỏ đi mà lập người cháu Hán Vũ đế tên là Tuân tức là Hán Tuyên đế. Sau Quang bị Tuyên đế buộc vào tội phản nghịch, phải tội giết cả họ.

(3) Chức quan tương đương với Tể tướng và làm nhiệm vụ của Tể tướng.

(4) Chức quan võ đứng đầu quân đội.

Hội họp quần thần, tuyên thệ ở điện Thiên An.

Bính Thân, Lý Cao Tông hoàng đế, năm Trinh phù thứ 1 (1176). (Tống, năm Thuần Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đổi niên hiệu mới. Đại xá. Chb.V, 19

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Cao Tông lên ngôi từ tháng 7 năm trước, đến đây mới đổi niên hiệu, đó chính vì có Tô Hiến Thành làm phụ chính, nên mới giữ được lễ xưa.*

Đinh Dậu, năm thứ 2 (1177). (Tống Thuần Hi thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành cướp châu Nghệ An.

Mậu Tuất, năm thứ 3 (1178). (Tống, năm Thuần Hi thứ 5). Chiêu Linh thái hậu ban yến cho bầy tôi ở điện riêng của mình.

Bấy giờ quốc tang[1] đã mãn. Chiêu Linh thái hậu thết yến các bầy tôi, nhân bảo họ rằng : "Bấy giờ Chiêm Thành đang vào lấn cướp, người Mán quấy rối ở nơi biên thuỳ. Tự Vương[2] hãy còn thơ ấu, chưa cáng đáng nổi trong lúc nước nhà lắm việc. Các khanh đội ơn dày của nước, nên lo toan việc nước. Tính chước bây giờ chi bằng lại lập Long Sưởng để yên định xã tắc, mà thống nhất lòng dân. Các khanh nghĩ thế nào ?". Bầy tôi đều khấu đầu nói : "Quan Thái phó[3] là bậc cố mệnh đại thần[4], bệ hạ[5] đã nhiều lần khuyên dụ rồi đấy. Bọn tôi không ai dám trái ý". Nói xong, họ đều lạy tạ rồi lui gót. Bấy giờ

(1) Tang Lý Anh Tông. Theo lễ giáo phong kiến, khi vua mất, thần dân cả nước đều phải để tang, nên gọi là "quốc tang".

(2) Vua nối ngôi, chỉ Lý Cao Tông.

(3) Chỉ Tô Hiến Thành.

(4) Bậc đại thần vâng mệnh lệnh nhận lãnh tờ chiếu của vua để lại khi vua sắp mất.

(5) Chỉ Chiêu Linh thái hậu.

Hiến Thành coi quản cấm binh, hiệu lệnh nghiêm túc, thưởng phạt phân minh, không ai dám có ý nghĩ gì khác. Long Sưởng vì không được lập lên làm vua, rồi cầm đầu đám gia nhân thân thuộc, cho đi trộm cướp nhiều nơi, có ý chực nổi loạn.

Kỷ Hợi, năm thứ 4 (1179). (Tống, năm Thuần Hi thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính. Chb.V, 20

Tuyển trong đinh nam lấy những người khoẻ mạnh sung vào quân đội.

Tháng 2. Động đất.

Tháng 3. Xét công trạng các quan lại.

Văn học tài cán, là một hạng ; không thông chữ nghĩa mà làm việc cần mẫn, là một hạng ; nhiều tuổi mà thuần cẩn, thông hiểu việc xưa nay, là một hạng. Các hạng người kể trên cứ theo thứ bậc trao cho quan chức để cai trị dân, cai quản quân đội. Từ đó, trăm quan tài năng xứng đáng với chức vụ, không có người thừa hoặc người vô dụng.

Lời phê[1] – *Có lẽ nào đã là người nhiều tuổi, thuần cẩn, thông hiểu việc xưa việc nay, mà lại không thông chữ nghĩa bao giờ, mà hạng gọi là văn học tài cán là hạng thế nào ? Chia bậc phân hạng như vậy, nghĩ cũng tức cười ! Thế mà bảo rằng trăm quan xứng chức, không có người thừa hoặc người vô dụng, cũng là lời quá đáng.*

Tháng 6, mùa hạ. Hai mặt trời cùng xuất hiện một lúc.

Thái uý Tô Hiến Thành mất.

Hiến Thành là bậc đại thần gánh vác việc nước, trong nước bấy giờ chỉ trông cậy vào ông mới được vững vàng. Đến đây, ông mất, nhà vua bớt thức ăn ba ngày, nghỉ lễ thiết triều sáu ngày.

(1) Về việc xét công trạng các quan lại.

Trước đây, Hiến Thành bị bệnh, Tham tri chính sự[1] Vũ Tán Đường ngày đêm săn sóc ở bên, còn Gián nghị đại phu[2] Trần Trung Tá thì không có mặt ở đấy vì bấy giờ bận việc khác. Kịp lúc ông đau nặng, thái hậu đến thăm, hỏi ai có thể lên thay làm tướng quốc. Hiến Thành đáp : "Trần Trung Tá có thể làm được". Thái hậu nói : "Tán Đường ngày hầu thuốc thang, sao ông không nói đến ?". Hiến Thành thưa : "Bệ hạ hỏi người có thể thay tôi, nên tôi mới cử Trần Trung Tá ; nếu hỏi người săn sóc nuôi dưỡng tôi thì không phải Tán Đường thì còn ai nữa ?" Thái hậu khen Hiến Thành là trung, nhưng cuối cùng vẫn không làm theo lời của Hiến Thành.

Lời phê[3] – *Sau Gia cát Vũ hầu, chỉ có một người ấy thôi.*

Dùng cậu là Đỗ An Di làm Phụ chính.

Quy định thể lệ cấm việc mua bán muối và sắt.

Muối, mắm và đồ sắt không được đem lên trao đổi ở miền ngọn nguồn.

Canh Tí, năm thứ 5 (1180). (Tống, năm Thuần Hi thứ 7).

Tháng 8, mùa thu. Có nạn nước lớn. Chb.V, 21

Động đất ở hai điện Vĩnh Nguyên và Hội Tiên.

Tân Sửu, năm thứ 6 (1181). (Tống, năm Thuần Hi thứ 8).

Tháng 4, mùa hạ. Sao Huỳnh hoặc[4] phạm vào phận sao Nam đẩu.

Lời chua - *Nam đẩu :* Theo *Tinh kinh,* chòm Nam đẩu có 6 vì sao, hình trạng như sao Bắc đẩu, ở về phía đông nam sao Thiên thị. Phần "khảo yếu" sách ấy chép rằng *:* vì sao này cứ đến khoảng mùa hạ và mùa thu, mọc ở phương nam, nên gọi là Nam đẩu.

---

(1) Chức quan đứng hàng thứ hai ở trong triều, dưới Tể tướng.

(2) Chức quan đứng hàng thứ hai ở đài Ngự sử, có nhiệm vụ đàn hặc, can gián nhà vua.

(3) Về Tô Hiến Thành.

(4) Một tên khác của Hoả tinh.

Đói to.

Nhâm Dần, năm thứ 7 (1182). (Tống, năm Thuần Hi thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu cầu người hiền lương.

Cho Lý Kính Tu hiệu là đế sư(1).

Kính Tu trong thì hầu vua ở nơi màn trướng, ngoài thì dạy dân theo đạo trung hiếu. Từ đó, Chiêu Linh thái hậu không dám manh tâm tính chuyện phế lập nữa. Chb. V, 22

Lời chua – *Kính Tu :* Người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm(2), nguyên họ Đỗ, được ban quốc tính(3), cuối đời Lý Anh Tông, từng giữ chức Binh tào, cùng với Hiến Thành cùng làm Phụ chính, đến đây được hiệu là đế sư.

Nước Tiêm đến tiến cống.

Lời chua – *Nước Tiêm (Tiêm quốc) :* Xem. Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV,33-34).

Quý Mão, năm thứ 8 (1183). (Tống, năm Thuần Hi thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Ngô Lý Tín đi đánh Ai Lao.

Lời chua – *Ai Lao :* Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV,9).

Mồng 1, tháng 11, mùa đông. Nhật thực.

Giáp Thìn, năm thứ 9 (1184). (Tống, năm Thuần Hi thứ 11).

Ất Tị, năm thứ 10 (1185). (Tống, năm Thuần Hi thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Thi các sĩ tử để sung vào hầu vua học tập.

---

(1) Thày của vua.

(2) Nay thuộc xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

(3) Họ được đặt theo họ của nhà vua, tuỳ từng triều đại, như đời Lý thì Lý là quốc tính. Đó vì theo chế độ quân chủ chuyên chế, "vua tức là nước" , nên gọi họ của vua là "quốc tính".

Thi các học trò, trạc 15 tuổi, người nào thông hiểu *Thi, Thư,* sung vào toà Kinh diên, hầu vua học tập. Bọn Bùi Quốc Khái và Đặng Nghiêm 30 người trúng tuyển.

Lời chua – *Quốc Khái :* Người làng Bình Lãng, huyện Cẩm Giàng[1].

Đặng Nghiêm : Người làng An Để, huyện Thư Trì[2].

Bính Ngọ, năm Thiên tư gia thuỵ thứ 1 (1186). (Tống, năm Thuần Hi thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sứ nhà Tống sang.

Hồi đầu triều Lý Anh Tông, nhà Tống sai sứ sang sách phong, còn theo lối cũ : trước phong là Quận vương, rồi phong là Nam Bình vương, mãi sau mới có sắc mệnh phong là Quốc vương. Đến đây, sứ Tống sang sách phong ngay làm An Nam quốc vương. Bài chế văn đại lược nói : "Ngay lúc bắt đầu phong cho thống trị một nước yên vui, đã được theo thể lệ cha truyền con nối ; bây giờ ban sắc mệnh thực thụ ngay tước vương có cần gì phải đợi theo dần từng bậc mà thăng lên ?". Lễ này có lẽ do nhà Tống đối đãi với nhà Lý một cách đặc biệt. Chb. V, 23

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Lê Hoè Khanh đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Bấy giờ bắt được con voi trắng, nhà vua cho là điềm tốt, đặt tên cho nó là Thiên tư ; nhân thế đổi niên hiệu mới.

Lời phê [3] – *Noi theo cái thói lừa dối : đáng khinh bỉ cả !*

Đinh Mùi, năm thứ 2 (1187). (Tống, năm Thuần Hi thứ 14).

---

(1) Nay là thôn Thu Lãng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(2) Nay là xã Hiệp Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(3) Về việc điềm lành và đổi niên hiệu.

Tháng 4, mùa hạ. Sét đánh nhà Thái miếu.

Mậu Thân, năm thứ 3 (1188). (Tống, năm Thuần Hi thứ 15).

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán.

Nhà vua đến chùa Pháp Vân, chính mình làm lễ đảo vũ. Lại rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân về chùa Báo Thiên để cầu đảo.

Nhà vua đi chơi khắp các núi sông, ngự giá đến đâu đều ban phong hiệu cho thần linh ở đó, và cho dân lập miếu thờ.

Lời chua – *Chùa Pháp Vân :* Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chb.III,32).

Chùa Báo Thiên : Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thuỵ thái bình thứ 3 (Chb.III,22).

Tháng 6. Động đất. Chb.V, 24

Gió bão to.

Mồng một, tháng 7, mùa thu. Nhật thực.

Đỗ An Di mất, dùng Thái phó Ngô Lý Tín làm Phụ chính.

Kỷ Dậu, năm thứ 4 (1189). (Tống, năm Thuần Hi thứ 16).

Mồng một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực. Mặt trời, mặt trăng sắc đỏ như tiết.

Động đất.

Canh Tuất, năm thứ 5 (1190). (Tống Quang Tông, năm Thiệu Hi thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Hoàng thái hậu Đỗ Thị mất.

Tân Hợi, năm thứ 6 (1191). (Tống, năm Thiệu Hi thứ 2).

Tháng 11, mùa đông. Sao Huỳnh hoặc[1] phạm vào phận sao Thái bạch.

Nhâm Tí, năm thứ 7 (1192). (Tống, năm Thiệu Hi thứ 3).

---

(1) Xem chú giải ở Chb.V, 21.

Tháng 6, mùa hạ. Động đất.

Tháng 7, mùa thu. Sét đánh điện Vĩnh Ninh.

Người giáp Cổ Hoằng, Thanh Hoá làm loạn. Dẹp yên được.

Trước đây, người giáp Cổ Hoằng thấy vết chân trâu ở trên cây muỗm (amla). Lê Văn, người trong giáp, xem bói đoán rằng : "Con trâu là vật ở dưới, bây giờ lại ở trên cây, đó là cái điềm người dưới lên ở trên". Do đó, họ cùng nhau mưu làm loạn ; đến đây, dẹp yên được.

Lời chua – *Thanh Hoá :* Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,20-21).

Cổ Hoằng : Tên một giáp. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Cổ Hoằng ; nhà Lý đổi là Cổ Đằng ; nhà Trần đặt làm huyện ; nhà Lê đổi làm huyện Hoằng Hoá, tức là huyện Hoằng Hoá tỉnh Thanh Hoá bây giờ. Chb. V, 25

Amla : Theo *Thanh Nhất thống chí,* đất An Nam có sản cây amla, tục gọi là cây "bương cái" (ta gọi cây muỗm), quả nó như quả lê tàu (bắc lê), chín vào mùa tháng 4, tháng 5.

Khơi sâu sông Tô Lịch.

Lời chua – *Sông Tô Lịch :* Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31-32).

Quý Sửu, năm thứ 8 (1193). (Tống, năm Thiệu Hi thứ 4).

Giáp Dần, năm thứ 9 (1194). (Tống, năm Thiệu Hi thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Sách lập nguyên phi Đàm Thị làm An toàn hoàng hậu. Đại xá.

Sinh con trai là Sảm, nguyên phi được sách lập làm hoàng hậu. Đại xá cả nước ; ban cho kỳ lão, hạng 70 tuổi trở lên, mỗi người một tấm lụa ; ban tiệc ăn uống ba ngày.

Lời chua – *Đàm Thị :* Con gái tướng quân Đàm Phụng, năm Trinh Phù thứ 11 được sách lập làm Nguyên phi.

Tháng 10, mùa đông. Mưa đá, có tảng lớn bằng đầu ngựa. Chb.V, 26

Đóng thuyền Thiên Long,

Trước kia, đã đóng thuyền Ngoạn Dao, đến đây đóng thuyền Thiên Long dùng để đi chơi.

Ất Mão, năm thứ 10 (1195). (Tống, Ninh Tông, năm Khánh Nguyên thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Động đất.

Sét đánh các Ly Minh.

Bắt đầu thi tam giáo.

Đem Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo để thi kẻ sĩ. Ai đỗ thì cho xuất thân[1].

Bính Thìn, năm thứ 11 (1196). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 2).

Đinh Tị, năm thứ 12 (1197). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 3).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Làm cung Nghênh Thiềm.

Mậu Ngọ, năm thứ 13 (1198). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu sa thải các thầy chùa.

Theo lời tâu của Đàm Dĩ Mông.

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Bọn Ngô Công Lý ở Diễn Châu và Đinh Khả, Bùi Đô ở Đại Hoàng nổi loạn. Nhà vua xuống chiếu sai người đi đánh dẹp.

---

(1) Ra làm quan.

Ngô Công Lý, người làng Cao Xá thuộc Diễn Châu, chiêu tập những kẻ vô lại, cùng với bọn Đinh Khả và Bùi Đô, người châu Đại Hoàng, đồng thời nổi loạn. Khả tự xưng là con cháu Đinh Tiên Hoàng, trương thanh thế để dụ tiểu dân, nhiều người nghe theo. Nhà vua xuống chiếu cho xuất quân đi đánh. Chb. V, 27

Lời chua – *Diễn Châu :* Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Cao Xá : Bây giờ là xã Cao Xá, huyện Đông Thành[1].

Đại Hoàng : Xem Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Chb. I, 2).

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1199). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Đói to.

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang phong vương cho vua nước Chiêm Thành.

Trước đó, sứ Chiêm Thành sang cầu phong ; đến đây, nhà vua đi Thanh Hoá, nhân tiện sai sứ sang tận nơi phong vương cho Chiêm Thành.

Canh Thân, năm thứ 5 (1200). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Đem thóc phát chẩn cho dân nghèo.

Tháng 7, mùa thu. Chiêu Linh thái hậu mất.

Tân Dậu, năm thứ 6 (1201). (Tống, năm Gia Thái thứ 1).

Nhâm Tuất, năm Thiên gia bảo hựu thứ 1 (1202). (Tống, năm Gia Thái thứ 2). Chb. V, 28

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

(1) Thuộc Nghệ An.

Tháng 8, mùa thu. Đặt ra nhạc khúc Chiêm Thành.

Sai nhạc công đặt ra nhạc khúc gọi là "Chiêm Thành âm". Nhạc khúc này giọng sầu oán não nùng, ai nghe cũng rỏ nước mắt. Nhà sư Nguyễn Thường nói rằng : "Tôi nghe nói : thanh âm của nước loạn thì ai oán giận hờn. Nay chúa thượng rong chơi vô độ, kỷ cương triều đình rối ren, lòng dân ngày một ly tán. Tiếng nhạc ai oán làm não lòng người ! Đó là triệu chứng bại vong".

Lời phê – *Dùng người không xứng đáng, chính sự ngày một quấy, muốn không bại vong, còn đợi nỗi gì ? Chứ không phải tại việc đặt ra Chiêm Thành nhạc khúc.*

Quý Hợi, năm thứ 2 (1203). (Tống, năm Gia Thái thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Kiến thiết rất nhiều cung điện.

Bấy giờ đem công sức của dân ném hết vào việc thổ mộc : cung điện này chưa xong đã làm luôn cung điện khác. Gác Kính Thiên sắp làm xong, thì có con chim bồ các đến làm tổ. Các bầy tôi đều nói : "Xưa Nguỵ Minh đế[1] làm gác Lăng tiêu, có chim bồ các đến làm tổ ; Cao Đường Long có nói về việc "Bồ các làm tổ, tu hú đến ở". Bây giờ trên gác có chim bồ các đến làm tổ, chúng tôi sợ một ngày kia, chắc sẽ có người họ khác đến ở đấy. Vậy xin bệ hạ nên nghĩ đến lời nói của Cao Đường Long. Trước hết cần phải tu đức, thì may cho thiên hạ lắm" . Nhưng nhà vua riêng nghe lời nói của hoạn quan Phạm Bỉnh Di, đốc giục thợ làm càng gấp rút. Trăm họ bị khổ sở vì việc này.

Lời chua – *Bồ các :* Hán văn là "thước". Sách *Bản thảo* chép rằng *:* Chim bồ các làm tổ, quay lưng về phương có sao Thái tuế mà hướng mặt về phương có sao Thái Ất. Khi nó biết rằng năm sau có nhiều gió bão thì tất làm tổ thấp xuống.

(1) Tào Duệ, con Tào Phi, làm vua từ năm 226 đến 240.

Tháng 7, mùa thu. Tri châu Nghệ An là Đỗ Thanh và Châu mục là Phạm Diên định mưu đánh úp Bố Trì, người Chiêm Thành, nhưng bị nó giết chết.

Bố Trì, người Chiêm Thành, đỗ thuyền ở biển Cơ La, nói dối rằng bị người chú là Bố Điền đuổi, nên đem cả vợ con đến đây cầu xin cứu giúp. Bọn Thanh, Diên tưởng thực, đem việc ấy tâu lên triều đình. Nhà vua sai Đàm Dĩ Mông và Đỗ An đi liệu lý việc ấy. Khi hai người sắp đến cửa Cơ La, Đỗ An nói : "Nó đem quân đến đây, binh tình thế nào, biết đâu mà tin được. Ngạn ngữ có câu : "Tổ kiến làm vỡ đê, tàn lửa đốt cháy nhà", ngày nay Bố Trì có phải chỉ là tổ kiến và tàn lửa thôi đâu !". Dĩ Mông đem lời đó nói với Thanh, Diên và bảo phải phòng bị trước. Bọn Đỗ Thanh nói : "Nó bị nạn, đến đây cầu cứu, lại còn nghi gì ?". Dĩ Mông giận lắm, rút quân về. Thanh, Diên bấy giờ mới đem lòng ngờ vực Bố Trì và ăn năn về việc không nghe Đỗ An. Họ bèn định mưu đánh úp Bố Trì để gỡ lấy mình ; mưu tiết lộ, bị địch giết chết. Dân Nghệ An kinh sợ, tan vỡ, chết mất không biết bao nhiêu mà kể. Bố Trì tha hồ cướp bóc rồi rút về. Chb. V, 29

Lời chua – *Cửa biển Cơ La :* Tức là cửa Nhượng thuộc huyện Kỳ Anh bây giờ[1] .

Tháng 9. Người châu Đại Hoàng là Phí Lang và Bảo Lương nổi loạn. Nhà vua sai Chi hậu[2] Trần Lệnh Hinh và Thượng thư[3] Từ Anh Nhị đi đánh, không thắng được, đều bị chết.

---

(1) Theo *Đại Nam nhất thống chí*, quyển 13, tờ 27, cửa Nhượng ở xã Nhượng bạn về phía nam huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

(2) Quan phụ trách việc truyền lệnh và dẫn người ra vào trong cung.

(3) Chức quan đứng đầu một bộ trong sáu bộ thời xưa, tương đương với Bộ trưởng bây giờ.

Trước kia, Phí Lang và Bảo Lương đến cửa cung khuyết, dâng thư nói về việc Đàm Dĩ Mông mọt nước, hại dân. Dĩ Mông nổi giận, đem bọn ấy phạt đánh bằng roi. Vì thế bọn Phí Lang đem lòng căm phẫn, bèn nổi loạn. Chb. V, 30

Nhà vua dùng Lệnh Hinh làm nguyên soái, đem quân đi đánh, lại sai Từ Anh Nhị đem người Thanh Hoá kế tiếp ra trận, đánh nhau với Phí Lang ở lộ Bố Giang : Quan quân thua trận, Lệnh Hinh và Anh Nhị đều bị chết cả.

Lời chua – *Lộ Bố Giang :* Theo sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư,* Lộ Bố Giang thuộc về địa phận huyện Ý Yên[1], bây giờ chưa tường đích xác ở chỗ nào.

Giáp Tí, năm thứ 3 (1204). (Tống, năm Gia Thái thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Lý Kính Tu đi đánh châu Đại Hoàng, không hạ được.

Ất Sửu, năm Trị bình long ứng thứ 1 (1205). (Tống, năm Khai Hi thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Quân Thổ mán nhà Tống sang cướp ở vùng biên giới.

Thổ mán sang cướp ở vùng biên giới ; quan quân lên đánh, nhân dân nhọc mệt vì phục dịch. Bấy giờ nhà vua vẫn cứ tiến hành mọi việc thổ mộc không ngừng, nghe nói ngoài thành có giặc cướp, cũng giả vờ làm ngơ để bưng bít đi, chỉ ham thích của cải. Các bầy tôi đều bắt chước, tranh nhau bán quan buôn ngục, ngoài ra không còn nghĩ đến việc gì.

Nhà vua có tính sợ sấm sét, động nghe có tiếng sấm sét thì kinh hãi. Kẻ tôi cưng là Nguyễn Dư nói mình có phép ngăn cấm sấm sét. Gặp khi có sấm ù ù, nhà vua sai hắn làm phép ngăn

(1) Ý Yên nay thuộc tỉnh Nam Định.

cấm ; Nguyễn Dư ngửa cổ lên trời đọc thần chú, sấm sét lại càng dữ thêm. Nhà vua trách hỏi ; Nguyễn Dư đáp : "Tôi răn cấm lâu rồi, trời đã cao mà sấm sét còn dữ dội đến thế". Bấy giờ nhà vua trong thì yêu vợ cưng, ngoài thì tin tôi nịnh, hàng ngày chăm sự vui chơi, không nghĩ gì đến việc nước. Do đó, giặc cướp nổi lên như ong, không sao còn trị nổi, rồi đến mất nước. Chb. V, 31

Bính Dần, năm thứ 2 (1206). (Tống, năm Khai Hi thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Dùng Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo.

Dĩ Mông đã làm đến Thái phó, đến đây, lại thăng lên Thái bảo, đội mũ củng thần.

Lời chua – *Mũ củng thần* : Kiểu mũ thế nào chưa rõ.

Đinh Mão, năm thứ 3 (1207). (Tống, năm Khai Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính.

Bấy giờ cướp nổi lên như ong. Nhà vua xuống chiếu tuyển trong nam đinh lấy những người khoẻ mạnh sung vào quân đội, đặt dưới quyền cai quản của quan các lộ để đi dẹp giặc.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1208). (Tống, năm Gia Định thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Sảm làm Thái tử.

Đói to.

Phạm Du, tri Nghệ An quân, làm phản. Nhà vua sai hoạn quan Phụng ngự[1] Phạm Bỉnh Di đi đánh.

Phạm Du ở Nghệ An, chiêu nạp những kẻ vong mạng, chia nhau đi cướp bóc các nơi ; vì thế đường sá đi lại không được

(1) Một chức quan ở điện Trung sảnh, có ba phẩm là thượng, trung, hạ. Có nhiệm vụ giữ chính lệnh và các điển chương nghi thức của triều đình và Thiên tử.

thông đồng. Nhà vua sai Bỉnh Di đem quân người Đằng Châu và Khoái Châu đi đánh.

Lời chua – *Phụng ngự* : Tên chức quan.

Nghệ An : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23). Chb. V, 32

Đằng Châu : Xem thuộc Tống, Thái Tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb.V,30).

Khoái Châu : Nguyên là đất Đằng Châu ; nhà Lý chia làm Khoái Châu ; nhà Trần gọi là Khoái Lộ, nhà Lê gọi là Khoái Châu, tức là phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên bây giờ.

Kỷ Tị, năm thứ 5 (1209). (Tống, năm Gia Định thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Giết Thượng phẩm Phụng ngự Phạm Bỉnh Di. Quách Bốc, bộ tướng của Bỉnh Di, nổi loạn. Nhà vua lánh đi Quy Hoá giang.

Bấy giờ Bỉnh Di tiến quân đánh Phạm Du. Du thua, chạy sang Hồng Châu. Bỉnh Di tịch thu nhà của Du rồi đốt hết cả. Phạm Du mới ngầm sai người đến kinh đô đem vàng đút lót cho người trong nội, nói rõ Bỉnh Di tàn khốc, giết hại những người vô tội. Du lại kể lể nỗi oan của mình, xin về kinh đô để đợi chịu tội. Nhà vua tin lời, cho đòi Du và vời Bỉnh Di đem quân về. Bỉnh Di về tới kinh, toan vào tâu bày, thì có người ngăn lại, bảo : "Lời của Phạm Du đã lọt vào trước, nhà vua còn chưa nguôi giận !" Bỉnh Di nói : "Ta đây thờ vua hết lòng trung thành, lại bị tên giặc gian ác nó gièm pha ư ? Huống chi, lại có mạng lệnh vua vời, ta còn trốn tránh đi đâu ?" Thế rồi Bỉnh Di cứ vào chầu. Nhà vua sai bắt luôn, rồi giam cả với con là Phụ tại nhà Thuỷ viện, toan đem giết chết.

Bộ tướng của Bỉnh Di là bọn Quách Bốc hay tin ấy, đem quân reo hò kéo vào, xông đến cửa thành, bị kẻ canh cổng cản lại. Chúng phá cửa mà vào. Nhà vua thấy động, kíp sai đem cha con Bỉnh Di đến thềm Kinh tinh đâm chết, rồi cùng Thái tử

chạy trốn. Bọn Quách Bốc xông vào, lấy chiếc chiếu của vua bó xác Bỉnh Di và lấy xe của vua chở xác Bỉnh Di, vượt qua cửa thành, rút ra bến Đông Bộ Đầu ; rồi lại quay vào cung Vạn Diên, lập con thứ vua là Thầm lên làm hoàng đế. Bọn Đàm Dĩ Mông và Nguyễn Chính Lại đều nhận chức nguỵ quan cả. Chb. V, 33

Lời chua - *Quy Hoá giang :* Còn một tên khác là Thao Giang, ở về phía bắc huyện Tam Nông, tỉnh Hưng Hoá.

Hồng Châu : xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. 5,14).

Đông Bộ Đầu : Tức là bến Đông Tân sông Nhị Hà bấy giờ.

Bỉnh Di : Hoạn quan mà có con. *Sử cũ* ghi chép không tường tận.

Thái tử Sảm lấy con gái Trần Lý ; tự phong tước Minh tự cho Trần Lý và bổ Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Thái tử đi đến thôn Lưu Gia ở Hải ấp, gặp con gái Trần Lý, lấy làm vợ. Nhà Trần Lý làm nghề đánh cá, trở nên giàu có, được nhiều người theo ; do đấy có quân gia, lúc ấy cũng nổi lên làm giặc. Khi đã lấy con gái Trần Lý, Thái tử phong cho Trần Lý tước Minh tự, bổ cậu vợ là Tô Trung Từ làm Chỉ huy sứ. Anh em họ Trần mới chiêu tập quân hương dũng dẹp yên đảng loạn, rước nhà vua ở Quy Hoá về cung. Chb. V, 34

Lời chua – *Minh tự* : tên tước phong. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 11 (Chb.V,4).

Thôn Lưu Gia : bây giờ là xã Lưu Xá, huyện Hưng Nhân[1].

Trần Lý : Người làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường. Xem Trần Thái Tông năm Kiến Trung thứ 2 (Chb.6,4).

Tô Trung Từ : Người thôn Lưu Gia.

Nhà vua trở về cung.

(1) Nay thuộc xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngự giá hoàn cung. Nhà vua dẹp yên loạn Quách Bốc, xét tội tuỳ theo nặng nhẹ có sai biệt. Rồi sai Phụng ngự Đỗ Quảng đi thôn Lưu Gia, đón Thái tử về kinh đô.

Bấy giờ Đàm Dĩ Mông vẫn tại chức như cũ. Đỗ Anh Triệt kể tội hắn rằng : "Ngươi làm đại thần, đem lòng vô quân[1], nhận quan tước của giặc, nay lại ngang hàng với ta ! Ta đây dẫu bất tài, nhưng còn mặt mũi nào đối nhìn nhau nữa !". Dĩ Mông thẹn và sợ, phải lui ra.

Lời chua – *Đỗ Anh Triệt* : Làm chức gì không rõ.

Canh Ngọ, năm thứ 6 (1210) (Tống, năm Gia Định thứ 3).

Tháng 7, mùa thu. Sao chổi mọc.

Tháng 10, mùa đông. Lý Cao Tông mất.

Trước đó, nhà vua bị bệnh, vời Lý Kính Tu vào giao cho mệnh lệnh lãnh di chiếu ; đến đây, mất ở cung Thánh Thọ, miếu hiệu là Cao Tông, ở ngôi 35 năm thọ 38 tuổi.

Lời phê – *Sự nghiệp của Lý Kính Tu như thế, vậy mà gọi là "thầy vua"*[2], *chẳng qua chỉ có danh hão đấy thôi*[3].

Thái tử Sảm lên ngôi (tức Lý Huệ Tông). Chb. V, 35

Tôn mẹ là An Toàn hoàng hậu làm Thái hậu.

Bấy giờ nhà vua mới 16 tuổi. Hoàng thái hậu cùng giúp xét xử chính sự.

Tân Mùi (1211) Lý Huệ Tông hoàng đế, năm Kiến Gia thứ 1 (Tống, năm Gia Định thứ 4).

---

(1) Không biết có vua.

(2) Xem thêm *Cương mục* Chính biên quyển V tờ 22 về việc Lý Cao Tông phong hiệu cho Kính Tu là đế sư.

(3) Lời phê này có ý chê Lý Kính Tu nhận di chiếu của Cao Tông giúp Huệ Tông, mà không giúp đỡ được việc gì đáng khen để cho Huệ Tông làm nhiều điều không chính đáng, rồi cơ nghiệp nhà Lý phải tan, thì Lý Kính Tu không xứng đáng với cái danh hiệu "đế sư" ; nhưng câu văn viết không được rõ.

Tháng 2, mùa xuân. Sách lập Trần Thị là Nguyên phi ; dùng cậu Nguyên phi là Tô Trung Từ làm Thái uý Phụ chính ; phong anh Nguyên phi là Trần Tự Khánh làm Chương Tín hầu.

Trước đây, lúc thái tử Sảm ở thôn Lưu Gia trở về kinh đô, thì Trần Thị về ở nhà bố đẻ. Khi lên ngôi rồi, cho thuyền đi đón, nhưng Trần Thị chưa đi ngay ; đến đây, sai Trung Từ và Phụng ngự Phạm Bố đón về cung, sách lập làm Nguyên phi. Bấy giờ Trần Lý bị giặc giết chết, con thứ 2 là Tự Khánh lên thay, cai quản quân gia. Nhà vua phong tước hầu cho Tự Khánh và dùng Tô Trung Từ làm Thái uý, phong Thuận Lưu bá.

Nhâm Thân, năm thứ 2 (1212). (Tống, năm Gia Định thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Đoàn Thượng giữ Hồng Châu để làm phản.

Nhà vua mới lên ngôi, đem việc nước giao cho Đàm Dĩ Mông. Dĩ Mông là người vô học, không có mưu thuật. *Chính sự ngày một đổ nát, đói kém xảy ra luôn luôn* ! Nhân dân cùng quẫn khốn khổ, giặc cướp nổi lên lung tung. Nhà vua sai Đoàn Thượng chiêu mộ dân vùng Hồng Châu để đi tuần tiễu bắt bớ. Đoàn Thượng nhân dịp ấy, tự tiện làm uy làm phúc, không ai dám nói gì. Đến khi tội ác của Thượng dần dần rõ rệt, bị các quan đàn hặc và tống ngục để xét hỏi, Đoàn Thượng tuốt gươm, khoả thân chạy về Hồng Châu, tụ họp đồ đảng, đắp thành luỹ, xưng vương, nghiễm nhiên thành một nước đối địch. Chb. V, 36

Lời chua – *Đoàn Thượng :* Người làng Thung Độ, huyện Gia Lộc[1].

Quý Dậu, năm thứ 3 (1213). (Tống, năm Gia Định thứ 6).

(1) Thuộc Hải Dương.

Tháng 2, mùa xuân. Trần Tự Khánh đem quân phạm vào cửa cung khuyết.

Giáp Tuất, năm thứ 4 (1214). (Tống, năm Gia Định thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua lánh đi Lạng Châu.

Bấy giờ Tự Khánh thấy Nguyên phi Trần Thị bị Thái hậu hành hạ khổ sở, bèn đem quân phạm cửa cung khuyết, xin đón ngự giá. Nhà vua đem lòng nghi ngờ, xuống chiếu lấy quân các đạo để đuổi bắt Tự Khánh, truất Trần Thị xuống làm Ngự nữ. Hay tin đó, Tự Khánh thân đến cửa quân tạ tội, xin đón ngự giá. Nhà vua lại càng ngờ vực, vội rước thái hậu đi Lạng Châu. Tự Khánh lại đem quân đến, xin đón như trước. Nhà vua cũng vẫn chưa tin, lại rước Thái hậu đi huyện Binh Hợp.

Lời chua – *Lạng Châu* : Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb.I, 17). Chb. V, 37

Huyện Binh Hợp : Không khảo được.

Ất Hợi, năm thứ 5 (1215), (Tống, năm Gia Định thứ 8).

Bính Tí, năm thứ 6 (1216), (Tống, năm Gia Định thứ 9).

Tháng 12, mùa đông. Lập Trần Thị làm hoàng hậu. Dùng anh hoàng hậu là Tự Khánh làm Thái uý và Trần Thừa làm Nội thị phán thủ[1].

Trước đây, nhà vua sách lập Trần Thị làm Thuận Trinh phu nhân. Thấy Tự Khánh là người phản trắc, Thái hậu nhiều lần chỉ vạch phu nhân là bè đảng của giặc, khuyên nhà vua ruồng bỏ, nhưng nhà vua không nghe. Thái hậu bắt phu nhân phải tự sát, nhưng nhà vua ngăn cản lại. Thái hậu lại bỏ thuốc độc vào các món ăn, thức uống của phu nhân. Cứ mỗi bữa ăn, nhà vua lại chia sẻ cho phu nhân một nửa và cho cùng ở

(1) Một chức quan ở Nội thị sảnh, giữ chức hầu hạ trong cung, vâng tuyên chế lệnh.

chung, chứ không để rời khỏi bên mình. Rồi đang đêm, nhà vua cùng với phu nhân vi hành lén đi ; đến sáng, vào trú tại nhà tướng quân Lê Mịch ở huyện An Duyên. Nhân bấy giờ Tự Khánh sai bộ tướng Vương Lê đem chu sư[1] đến đón, nhà vua mới đóng ở Cứu Liên châu[2], vời Tự Khánh đến chầu. Đến đây, lập Trần Thị làm hoàng hậu, dùng Tự Khánh làm Phụ chính, lại bổ Trần Thừa, là anh của Trần Tự Khánh, làm Nội thị phán thủ. Bấy giờ Tự Khánh và Thượng tướng quân Phan Lân điều động bổ sung quân đội, chế tạo chiến cụ, rèn tập võ nghệ ; thanh thế quân đội mới hơi phấn chấn.

Lời chua – *An Duyên và Cứu Liên châu :* nay không khảo được.

Chb. V, 38

Nhà vua có chứng điên.

Nhà vua bị trúng gió, thuốc chữa không công hiệu, từ đó dần dần sinh chứng cuồng dịch : khi thì xưng là thiên tướng giáng hạ, tay cầm giáo và mộc, trên búi tóc cắm lá cờ nhỏ, đùa giỡn múa may suốt ngày ; khi thì toát mồ hôi, trong người ráo khát, uống rượu say, ngủ li bì đến mãi hôm sau mới tỉnh, không làm việc được ; phải giao hết cả chính sự cho Trần Tự Khánh. Quyền bính trong nước về cả tay họ Trần.

Lời chua – *Cuồng dịch :* Sách *Thông giám cương mục* (Trung Quốc) chép rằng : Hán Ai đế năm Kiến Bình thứ 1, Trung Sơn vương, tên là Cơ, vốn có chứng cuồng dịch, khi bệnh phát ra. Cơ về miền Tây nghỉ. Cuồng dịch là bệnh cuồng, đổi khác cả tính tình.

Đinh Sửu, năm thứ 7 (1217). (Tống, năm Gia Định thứ 10).

Mậu Dần, năm thứ 8 (1218). (Tống, năm Gia Định thứ 11).

---

(1) Quân thuỷ, sử dụng thuyền chiến.

(2) Về địa điểm Cứu Liên này, sử *Cương mục* chép là "Cứu Liên châu" và in chữ "châu" là châu quận : nhưng *Toàn thư* quyển 4, tờ 29b và *Đại Việt sử ký* quyển 4 tờ 41b đều in chữ "châu" có chấm thuỷ bên, nghĩa là "bãi sông". Vậy có thể nói Cứu Liên chỉ là tên một cái bãi ở bên sông.

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Sao chổi mọc ở phía tây nam.

Tháng 10, mùa đông. Người Mán ở châu Quảng Oai làm phản. Trần Tự Khánh đi đánh, không dẹp được.

Lời chua – *Quảng Oai* : Xưa là đất quận Giao Chỉ ; nhà Lý gọi là châu Quảng Oai, nhà Trần đặt làm trấn, khi thuộc Minh đổi làm châu ; nhà Lê đặt làm phủ, tức là phủ Quảng Oai tỉnh Sơn Tây bây giờ. Chb. V, 39

Chiêm Thành và Chân Lạp vào cướp châu Nghệ An. Lý Bất Nhiễm đánh bại được quân địch.

Bất Nhiễm giữ chức bá trưởng châu Nghệ An. Năm Kiến Gia thứ 6 (1216), Chiêm Thành và Chân Lạp vào cướp, Bất Nhiễm đã đánh bại rồi ; đến đây lại đánh được lần nữa. Vì có công như thế, Bất Nhiễm được phong tước hầu, ban thái ấp, được hưởng lộc đúng với thực số 1500 hộ.

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III,20-22).

Chân Lạp : Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12. (Tb.IV,39).

Nghệ An : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 21-23).

Kỷ Mão, năm thứ 9 (1219). (Tống, năm Gia Định thứ 12).

Canh Thìn, năm thứ 10 (1220). (Tống, năm Gia Định thứ 13).

Tháng 3, mùa xuân. Nguyễn Nộn giữ làng Phù Đổng[1], tự xưng là Hoài Đạo vương.

Nộn là cư sĩ chùa Phù Đổng, vì bắt được vàng và ngọc, không đem dâng triều đình, nên nhà vua hạ chiếu cho bắt. Tự Khánh xin cho Nguyễn Nộn tòng quân đánh giặc để chuộc tội ; nhà vua ưng Chb. V, 40

(1) Tục gọi làng Gióng.

thuận, sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh Mán Quảng Oai. Đến đây, Nguyễn Nộn tự xưng vương, dâng biểu xưng thần, xin đi dẹp giặc để chuộc tội ; nhà vua sai người đem sắc đến dụ bảo Nộn.

Lời chua – *Phù Đổng* : tên làng. Nay là xã Phù Đổng huyện Tiên Du[1].

Nguyễn Nộn : người làng Phù Minh, huyện Tiên Du[2].

Tân Tị, năm thứ 11 (1221). (Tống, năm Gia Định thứ 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 12 (1222). (Tống, năm Gia Định thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Chế tạo binh khí và thuyền chiến.

Quý Mùi, năm thứ 13 (1223). (Tống, năm Gia Định thứ 16).

Tháng 10, mùa đông. Hạn hán. Hoàng trùng.

Tháng 12, Trần Tự Khánh mất. Dùng anh Hoàng hậu là Trần Thừa làm Phụ quốc Thái uý.

Lời chua – *Phụ quốc Thái uý* : Theo sách *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi, viên quan đứng đầu hàng các quan của An Nam gọi là Phụ quốc thái uý, cũng như Tể tướng vậy.

Giáp Thân, năm thứ 14 (1224). (Tháng 10 trở về sau, là triều Lý Chiêu Hoàng, niên hiệu Thiên Chương hữu đạo thứ 1. (Tống, năm Gia Định thứ 17). Dùng em họ của Hoàng hậu là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ. Chb. V, 41

Chứng bệnh nhà vua ngày càng nặng, thuốc chữa mãi cũng không công hiệu. Thủ Độ quản lĩnh điện tiền chư quân hộ vệ cấm đình, xét xử tất cả mọi việc. Bấy giờ hoàng hậu Trần Thị sinh được hai công chúa. Công chúa thứ hai là Phật Kim,

(1) Nay là thôn Phù Đổng thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(2) Nay là thôn Phù Dực, thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

nhà vua yêu lắm, định lập làm con kế tự, bèn ban cho nàng 24 lộ trong nước để làm ấp thang mộc[1].

Tháng 10, mùa đông. Lập con gái là Phật Kim làm Thái tử.

Nhà vua không khỏi bệnh, lại chưa có con trai thừa tự, trong cung duy có hai nàng công chúa : Con lớn là Thuận Thiên, con bé là Chiêu Thánh, đều do Trần Thị sinh ra. Hiện nay, Thuận Thiên đã lấy Trần Liễu, nên nhà vua lập Chiêu Thánh làm Thái tử.

Lời chua – *Trần Liễu :* Con cả của Trần Thừa.

Truyền ngôi cho con gái là Phật Kim, nhà vua ra ở chùa Chân Giáo.

Phật Kim bấy giờ mới 7 tuổi, lên nối ngôi, đổi niên hiệu. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Chiêu Hoàng.

Nhà vua ở ngôi 14 năm, rồi truyền cho Chiêu Hoàng, về sau, bị Trần Thủ Độ giết, thọ 33 tuổi.

Lời chua – *Chùa Chân Giáo* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 15 (Chb. II, 24).

Ất Dậu (1225). (Lý Chiêu Hoàng, năm Thiên chương hữu đạo thứ 2 – Từ tháng 12 trở về sau là triều Trần Thái Tông hoàng đế, năm Kiến Trung thứ 1, – Tống, Lý Tông, năm Bảo Khánh thứ 1 – năm này nhà Lý mất).

Tháng 10, mùa đông. Dùng Trần Cảnh làm Nội thị chính thủ[2].

---

(1) Chữ "thang mộc" nghĩa đen là gội tắm, nghĩa bóng là trai giới cho được thanh khiết. Cổ giả, thiên tử đem một khu đất ở gần kinh kỳ phong cho vua chư hầu, gọi là "thang mộc ấp". Mỗi khi vua chư hầu vào chầu thiên tử thì dùng khu đất ấy làm khu nghỉ ngơi và lấy hoa lợi đất ấy để dùng vào việc trai giới thanh khiết. Từ đời Hán về sau, thiên tử lấy cả đất xa ngoài kinh kỳ phong cho công thần, hoàng hậu và công chúa. Ai được phong thang mộc ấp ở nơi nào, thì có quyền sử dụng số thu nhập của ấp ấy chi phí vào mọi việc để bồi dưỡng lòng liêm khiết của mình.

(2) Tức Nội thị chánh thủ. Do chức Hoả đầu ở đời Thuận Thiên đổi sang. Ở đây là một chức quan ở Nội thị sảnh phụ trách một đội có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

Chiêu Hoàng mới lên ngôi, Thái hậu Trần Thị cùng với em họ là Trần Thủ Độ ngày đêm bàn bạc mưu tính, xuống chiếu tuyển lựa con em các quan trong ngoài, sung làm nội sắc dịch[1] thay phiên lên hầu. Thủ Độ thì tự nắm giữ các việc quân sự trong triều và ngoài lộ ; dùng cháu họ là Trần Bất Cập làm Cận thị thự lục cục[2] Chi hậu ; Trần Thiêm làm Chi hậu cục[3] ; Trần Cảnh làm Chính thủ[4]. Chb. V, 42

Lời chua – *Trần Cảnh* : Con thứ Trần Thừa và là cháu họ Thủ Độ.

Chính thủ : Tên chức quan. Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 16, đổi Hoả đầu làm Chính thủ.

Tháng 12. Nội thị chính thủ Trần Cảnh xưng Hoàng đế (tức là Trần Thái Tông).

Trần Cảnh lên 8 tuổi, đến phiên vào hầu, Chiêu Hoàng thấy Cảnh, đem lòng ưa thích, đêm đến, thường vời vào hầu, nô nghịch cười đùa. Trần Cảnh đem việc đó mách bảo Thủ Độ. Thủ Độ nói : "Nếu quả vậy, thì họ ta sẽ là họ nhà vua hay là cả họ sẽ bị giết sạch ? "Một hôm, Chiêu Hoàng lại lấy cái khăn trầu[5] ném cho Trần Cảnh. Trần Cảnh lạy, nhận lấy, rồi mách với Thủ Độ. Thủ Độ liền đem gia thuộc và họ hàng vào trong cung cấm, sai đóng các cửa thành lại. Trăm quan tiến triều không vào được. Thủ Độ nhân thế, loan báo cho mọi người : "Bệ hạ đã có chồng rồi !". Các quan đều vâng lời và xin chọn ngày vào chầu để làm lễ yết kiến. Ngày 21 tháng 12, bầy tôi tiến triều, lạy mừng. Nhà vua xuống chiếu, truyền ngôi cho Trần Cảnh. Chb. V, 43

(1) Người hầu cận trong nội để làm những việc vặt như lấy nước rửa mặt, cầm khăn trầu v.v...

(2), (3), (4) Đều là các chức quan trong Nội thị sảnh, có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

(5) Ngày trước, ta thường dùng một mảnh vải vuông làm khăn đựng các đồ ăn trầu, cau, vỏ, ống vôi gọi là "khăn trầu".

Tờ chiếu ấy đại lược thế này :

"Họ Lý ta vâng mệnh cao sáng từ trời, có cả bốn biển. Liệt thánh[1] kế tiếp làm vua hơn hai trăm năm, chẳng may gặp vận gian truân, giặc cướp nổi lên như ong, nhân dân không được yên ổn. Thượng hoàng mắc bệnh, không người nối dõi, trẫm phải vâng theo thánh chỉ, gượng gạo nối ngôi. Trẫm xét thấy ngôi báu rất là trọng đại mà trẫm là vua đàn bà, phải gánh vác lịch số do trời giao cho, riêng những nơm nớp lo sợ, như sắp sa xuống vực sâu. Nghĩ sao tìm được hiền nhân quân tử để giúp đỡ về chính trị. Duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, uy nghi đường hoàng, thực có phong độ bậc quân tử, có thể nhường cho ngôi báu để chống đỡ trong buổi gian nguy. Vậy rất mong Trần Cảnh đồng lòng hợp sức, dẹp yên loạn lạc, cứu vớt sinh dân, để cùng hưởng phúc thái bình".

Trần Cảnh lên ngôi ở điện Thiên An, đổi niên hiệu ; đại xá. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu là Khải thiên lập cực chí nhân chương hiếu hoàng đế. Dùng Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, xếp đặt mọi việc cai trị trong nước. Thủ Độ nói : "Bây giờ giặc cướp đang đồng thời nổi dậy, tai hoạ và biến loạn ngày càng thêm nhiều : Đoàn Thượng còn giữ mặt Đông, Nguyễn Nộn đang chiếm mặt Bắc ; giặc Quảng Oai và giặc Đại Hoàng cũng chưa dẹp yên. Bệ hạ tuổi còn trẻ, chính sự chưa quen. Vả, đương buổi vận nước mới mở mang, lòng dân chưa thống nhất, tai vạ không phải nhỏ đâu. Tôi dẫu là chú, nhưng không biết chữ, mà lại còn phải đánh đông dẹp bắc để trị giặc cướp. Chi bằng mời Thánh phụ[2] quyền tạm coi giữ quốc chính, đợi một vài năm nữa nước nhà thống nhất, sẽ lại giao trả quyền chính cho vua, cùng hưởng phúc thăng bình". Bầy tôi đều khen là phải. Bấy giờ Trần Thừa mới xưng là Thượng hoàng, tạm cầm chính quyền.

---

(1) Các vua Lý.

(2) Cha của vua. Đây chỉ Trần Thừa.

Lời phê – *Thực là việc lạ, suốt nghìn xưa chưa hề có. Các triều đại Bắc phương chưa từng có chuyện được nước như vậy bao giờ. Kìa như họ Sài nối nhà Chu*[1] *đã là chuyện lạ, nhưng cũng chưa lạ đến như thế. Xem ra cũng chẳng qua như bọn Vương Mãng*[2] *và Dương Kiên*[3] *đó thôi. Dầu chẳng mượn danh nghĩa là "bệ hạ có chồng", thiên hạ thế nào chắc cũng về tay họ Trần. Họ Trần lấy được nước, đều là nhờ công sức Thủ Độ, cũng như vua Thuận Trị nhà Thanh với Đa Nhĩ Cổn*[4]*, chứ Trần Thái Tông có gì đáng khen đâu ? Cho nên nhà Trần không có miếu hiệu là Thái tổ. Cái cớ làm cho nhà Trần được hưởng nước lâu dài là nhờ công đức Thánh Tông và Nhân Tông đấy chăng ?*

Đây trở lên, nhà Lý từ Thái Tổ năm Canh Tuất (1010) đến Huệ Tông năm Giáp Thân (1224) gồm tám đời vua, cộng với Chiêu Hoàng một năm, tất cả là 216 năm[5].

---

(1) Người Long Cương, Sài Vinh là con người anh của Sài Thị, vợ Chu Thái Tổ, đời Ngũ đại (923 - 959) ; được làm con nuôi nhà vua, sau Sài Vinh lên nối ngôi Chu Thái Tổ, Vinh làu thông kinh sử, có tài chính trị ; khi cầm quyền rồi lấy được Tần Lũng, dẹp yên Hoài Hữu, oai danh lừng lẫy khắp nơi. Vinh lại sửa lễ nhạc, đặt chế độ, có nhiều chính sách khả quan. Khi mất, miếu hiệu là Chu Thế Tông.

(2) Vương Mãng là cháu Hiếu Nguyên hoàng hậu nhà Hán, sau giết Hán Bình đế, đưa Nhụ Tử Anh lên ngôi được hai năm, rồi cướp ngôi nhà Hán.

(3) Dương Kiên thời Nam Bắc triều : Con gái Dương Kiên là hoàng hậu của Tuyên Đế nhà Hậu Chu (951 - 959). Sau khi Tuyên đế mất, Dương Kiên bỏ con Tuyên đế là Tĩnh đế, tự lập làm vua, tức là Tuỳ Văn đế.

(4) Đa Nhĩ Cổn là chú ruột Thanh Thế tổ (Thuận Trị, 1644 – 1661), phá Lý Tự Thành, dẹp yên kinh đô, đón Thế tổ vào trong quan ải. Khi Thế tổ còn nhỏ, Đa Nhĩ Cổn phải tạm cầm chính quyền, xưng là nhiếp chính vương.

(5) Nguyên văn sử *Cương mục* in là "tam bách thập lục niên" (316 năm). Thế là in lầm chữ "nhị" làm chữ "tam".

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 6

Từ Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2, đến Mậu Ngọ (1258), Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 8, gồm 33 năm.

*

Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông hoàng đế năm Kiến Trung thứ 2 (Tống, năm Bảo Khánh thứ 2). Chb. VI, 1

Tháng giêng, mùa xuân. Sách phong Lý Chiêu Hoàng làm Chiêu thánh hoàng hậu.

Phong Trần Thủ Độ làm Thái sư, giữ tất cả việc hành quân đánh dẹp trong nước.

Thủ Độ là chú họ nhà vua. Nhà Trần lấy được thiên hạ đều do mưu mô của Thủ Độ ; khi nhà vua mới được Chiêu Hoàng truyền ngôi cho, đã phong Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, giữ việc cai trị thiên hạ, đến đây, lại hạ lệnh phong làm thái sư.

Giáng truất Thượng hoàng nhà Lý[1] làm Huệ Quang Đại sư.

Thượng hoàng nhà Lý đã truyền ngôi cho Chiêu Hoàng, ra ở chùa Chân Giáo, do đấy Thủ Độ và vợ vua Huệ Tông mới tự tiện chuyên quyền, để ngầm chuyển dời ngôi vua nhà Lý. Đến đây, truất bỏ danh hiệu Thượng hoàng đi, cho làm thầy chùa.

---

(1) Tức vua Huệ Tông nhà Lý.

Lời cẩn án – *Lý Huệ Tông đã truyền ngôi cho con gái, liền ra ở chùa Chân Giáo. Về việc này,* Sử cũ *chép rằng truất ngôi, cho ra ở chùa Chân Giáo, sau lại chép dời đến ở chùa Chân Giáo, như thế có phần sai lầm, nay cải chính lại.*

Lời chua – *Chùa Chân Giáo* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 15 (Chb. II, 24).

Tháng 2. Định ra luật lệnh.

Sai Trần Thủ Độ đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng, nhưng không thắng được. Chb. **VI**, 2

Bấy giờ nhân triều Lý suy yếu, trộm giặc quần tụ, những người Mán trong núi thuộc Quảng Oai liên kết với nhau quấy nhiễu. Thủ Độ điều khiển quân đi dẹp yên được ; duy còn Nguyễn Nộn giữ ở Bắc Giang, Đoàn Thượng giữ ở Hồng Châu, thế lực còn mạnh, đánh mãi chưa được. Thủ Độ mới xin phong cho Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo vương và chia cho đất ở Bắc Giang ; Thủ Độ cũng hẹn phong tước cho Đoàn Thượng, định ngày hội họp, làm lễ minh thệ, nhưng Đoàn Thượng không đến họp.

Lời chua – *Quảng Oai* : Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb. V, 38).

Bắc Giang : Tức Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18).

Hồng Châu : Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Tháng 5, mùa hạ. Phong cho em là Nhật Hiệu tước Quận vương.

Nhật Hiệu bấy giờ mới 2 tuổi, vì là em cùng mẹ với nhà vua, nên được phong tước Quận vương.

Xét công trạng những người giúp sức trong khi nhà vua lên ngôi ; gia phong phẩm trật cho các quan văn võ tuỳ tùng, có từng đẳng hạng khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Trần Thủ Độ giết Thượng hoàng nhà Lý ở chùa Chân Giáo.

Thượng hoàng nhà Lý ở chùa Chân Giáo, thường ngồi xổm nhổ cỏ ở trước cửa chùa. Thủ Độ đi qua trông thấy, nói : "Nhổ cỏ phải nhổ hết rễ sâu". Thượng hoàng đứng dậy, xoa tay, nói : "Lời của anh nói, ta đây biết rồi". Chb. **VI**, 3

Sau Thượng hoàng ra chơi chợ cửa Đông, nhân dân ganh nhau chạy ra xem, có người động lòng thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người tưởng nhớ đến vua cũ, sẽ sinh ra sự biến loạn chăng, nên lại càng canh giữ dò xét nghiêm mật hơn trước. Đến nay, Thủ Độ sai người đem hương hoa đến dâng và nói rằng : "Quan Thượng phụ[1] có lời trần thỉnh". Lý Thượng hoàng giận lắm, nói rằng : "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử". Rồi vào buồng ngủ, khấn rằng : "Thiên hạ nhà ta đã bị mày cướp mất, nay lại còn hãm hại ta, mai sau con cháu nhà mày cũng phải chịu như thế". Nói rồi liền thắt cổ ở vườn sau chùa. Thủ Độ bắt các quan đến khóc viếng, đào tường phía nam thành để làm cửa, di chuyển cữu ra phường An Hoa[2], dùng phép hoả hoá, còn hài cốt thì đem chôn cất ở tháp chùa Bảo Quang.

Truất ngôi Thái hậu nhà Lý là Trần Thị[3] xuống làm Thiên Cực công chúa, rồi đem gả cho Trần Thủ Độ.

Thái hậu là con gái Trần Lý, khi Lý Huệ Tông làm Thái tử, vì tránh quốc nạn, phải chạy ra miền Hải Ấp, Thái tử trông thấy Trần Thị, tỏ ý hài lòng, rồi lấy làm vợ, sau sách phong làm Hoàng hậu. Gặp lúc ấy trong nước loạn lạc, Hoàng hậu mới cùng với Thủ Độ tư thông, rồi bàn mưu ở trong cung làm tờ chiếu để vua nhà Lý truyền ngôi cho nhà Trần, vì thế mà nhà Lý mất ngôi vua.

Lời phê – *Thủ Độ là công thần nhà Trần, tức là tội nhân nhà Lý. Huống chi làm những nết xấu như chó lợn, dạ độc như*

(1) Chỉ Trần Thủ Độ.

(2) Nay là Yên Phụ, thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội (Xem thêm Chb.VIII, 39).

(3) Vợ Lý Huệ Tông, mẹ Chiêu Hoàng và là chị họ Trần Thủ Độ.

hùm beo, dựng nước mà như thế thì làm thế nào mà lâu dài được ? Nhưng chẳng qua cũng bởi nhà Lý tự rước lấy tai vạ, lại còn trách gì nữa !

Đem bọn cung nhân và con gái tôn thất nhà Lý gả cho các tù trưởng người Mán.

Tháng 10, mùa đông. Suy tôn bố đẻ là Thừa làm Thượng hoàng ; mẹ là Lê thị làm Quốc Thánh hoàng thái hậu. Chb. VI, 4

Tổ phụ Trần Thừa tên là Kinh, người làng Tức Mặc, sinh con là Hấp, Hấp sinh con là Lý, Lý sinh ra Thừa, đời nào cũng chuyên nghề đánh cá ; Thừa lấy vợ là Lê Thị sinh ra nhà vua. Vì Thừa là anh vợ Lý Huệ Tông, nên Huệ Tông cho làm chức Nội thị phán thủ, rồi gia phong làm Phụ quốc thái uý. Khi nhà vua được Chiêu Hoàng truyền ngôi cho, thì Trần Thừa xưng là Thượng hoàng, thay nhà vua giữ chính quyền trong nước.

Đến nay, suy tôn làm Thượng hoàng, ở cung Phụ Thiên, nếu trong nước có việc gì to lớn thì Thượng hoàng ở trong cung nghe lời tâu bày để quyết đoán.

Lời chua – *Tức Mặc* : Tên làng, bây giờ đổi làm xã, thuộc huyện Mỹ Lộc, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Cung Phụ Thiên : Ở phường Hạc Kiều, thành Thăng Long.

Định thể lệ tiền tệ.

Dân gian nộp tiền thượng cung, thì cứ mỗi một tiền là 70 đồng, còn như tiền ở dân gian tiêu dùng, thì mỗi một tiền chỉ có 69 đồng, gọi là tiền "tỉnh mạch" (mỗi tiền bớt đi một đồng).

Lời chua – *Thượng cung* : Dân cung nộp lên trên.

Tuyển con gái dân gian sung vào hậu cung.

Dùng Phùng Tá Chu Tri phủ Nghệ An.

Tá Chu trước làm quan triều Lý, vào bè đảng với họ Trần, thường được vua nhà Trần tin dùng. Đến đây, cho làm Tri phủ Nghệ An, được quyền tự ban Chb. VI, 5

tước cho người khác : những phẩm trật từ tá chức Xá nhân[1] trở xuống, được phép trước ban cho rồi sau sẽ tâu lên cho vua biết.

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1227). (Tống, năm Bảo Khánh thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Họp các quan làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ.

Ngày hôm ấy, nhà vua ngự ở điện Đại Minh, viên Tể tướng và trăm quan tiến triều xong rồi, đều phải sửa soạn đủ đội ngũ, nghi trượng, người cưỡi ngựa đi hộ vệ, kéo ra cửa phía Tây kinh thành, đến đền thờ thần Đồng Cổ, để uống máu ăn thề ; viên Trung thư kiểm chính tuyên đọc thệ thư rằng : "Người làm tôi phải hết lòng trung với vua, người làm quan phải giữ phẩm hạnh trong trắng, nếu ai trái lời thề này, xin thần linh làm hại người ấy". Tuyên đọc xong, viên Tể tướng đóng cửa đền lại, kiểm điểm trăm quan, người nào vắng mặt phạt 5 quan tiền. Việc này là theo thể lệ cũ của triều Lý. Từ năm nay trở đi, năm nào cũng cử hành lễ này. Ngày hôm ấy, con trai con gái kéo nhau ra xem kín cả hai bên đường, họ nhận đấy là việc tốt.

Lời phê – *Nhà Lý, nhà Trần lấy được nước, đều không theo chính nghĩa, nên sợ lòng người không ủng hộ, mới phải dùng đến thề nguyền. Không khác gì Mạnh Tử nói : "Không đo từ dưới gốc, mà chỉ đo trên ngọn để lấy cho bằng". Việc làm như thế, cũng đã là thấp kém !*

Lời chua – *Đền Đồng Cổ* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 19 (Chb. II, 30).

Mậu Tí, năm thứ 4 (1228). (Tống, năm Thiệu Định thứ 1). Chb. VI, 6

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Nhật Hiệu làm Khâm Thiên đại vương.

Tháng 2. Thi lại viên.

(1) Chức quan giúp việc như thư ký ngày nay, có nhiệm vụ thảo công văn giấy tờ theo mệnh lệnh cấp trên.

Thể lệ thi bằng cách thảo thiện giấy tờ về việc quan, gọi là bạ đầu ; ai trúng tuyển, được sung bổ làm thuộc viên ở sảnh, ở viện.

Lời chua – *Sảnh, viện* : Quan chế nhà Trần có Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh, Hàn lâm viện, Thẩm hình viện và Thái y viện, Thái chúc viện.

Tháng 8, mùa thu. Phong cho anh là Liễu làm Thái uý.

Liễu, đối với nhà vua, là hàng anh cả. Triều nhà Lý trước, Liễu lấy công chúa, được phong là Phụng Kiền vương, nay phong là Thái uý.

Lời chua – Quan chế nhà Trần : chức Thái uý đứng trên hàng thân vương họ tôn thất. Người giữ chức này kiêm cả Tể tướng giúp vua làm chính trị.

Xét trướng tịch ở Thanh Hoá.

Theo chế độ nhà Lý, hằng năm sai xã quan[1] khai báo số người, gọi là đơn số, căn cứ vào trướng tịch làm chuẩn định, khai đủ các hạng sau này : cấp bậc quan văn, quan võ, quan tuỳ tùng, quân nhân, tạp lưu, hoàng nam, lung lão, người tàn tật bất cụ, người biên tên trong sổ phụ, người phiêu tán, v.v... Ai có quan tước mà con cháu tập ấm mới được ra làm quan ; còn nếu người nào nhà giàu, khoẻ mạnh mà không có quan tước, thì cũng chỉ đời đời làm lính. Việc này, triều nhà Trần cũng thi hành theo như phép triều Lý trước. Chb. **VI**, 7

Lời chua – *Thanh Hoá* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16).

Trướng tịch : Sổ trình bày việc kế toán. Sách *Hán thư*, về niên kỷ đời Vũ đế có chép rằng : "Nhận sổ kế toán của các quận quốc". Sách ấy lại chua thêm : "kế" cũng như số mục kế toán ở các châu bây giờ.

Xã quan : Xem năm Thiên Ứng chính bình thứ 11 (Chb. VI, 22).

(1) Tức là Lý trưởng sau này.

Tháng 10, mùa đông. Nước Chiêm Thành sai người đến cống hiến.

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20 – 21).

Nguyễn Nộn đánh giết được Đoàn Thượng. Nhà vua đem Ngoạn Thiềm công chúa gả cho Nộn.

Đoàn Thượng chiếm cứ huyện Đường Hào thuộc Hồng Châu, đắp luỹ ở xã Yên Nhân, biên tên những quân dân ở các làng ấp bên cạnh sung vào việc phòng thủ. Nộn đem quân đến đánh, Đoàn Thượng thua, bị chết ; nhân đấy, Nộn thống lĩnh cả quân của Đoàn Thượng, rồi cướp bóc con trai, con gái và của cải ở Hồng Châu. Con Đoàn Thượng tên là Văn, cũng đem gia thuộc ra hàng Nguyễn Nộn. Bấy giờ uy thanh Nguyễn Nộn lừng lẫy, Thủ Độ lấy làm lo lắm, chia quân phòng giữ các nơi, và xin nhà vua sai người đem thư đến mừng, gia phong tước là Hoài Đạo hiếu vũ vương, lại đưa Ngoạn Thiềm công chúa gả cho Nộn để ngầm thám thính sự động tĩnh của Nộn, nhưng Nộn cũng để công chúa ở riêng phòng tại doanh trại, phàm các việc của Nộn không cho công chúa được biết gì cả. Chb. **VI**, 8

Lời chua – *Đường Hào* : Tên huyện[1].

Yên (An) Nhân : Tên xã, thuộc tỉnh Hải Dương bây giờ[2].

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1229). (Tống, năm Thiệu Định thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Nguyễn Nộn chết.

Nộn đã thống lĩnh cả quân của Đoàn Thượng, tự xưng là Đại Thắng vương, ăn chơi quá độ, tự biết mình không thể đối lập với nhà Trần được, nên dự định tháng 10 sẽ đến chầu,

(1) Đường Hào bây giờ là huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

(2) Nay là thị trấn Bần Yên Nhân thuộc Mỹ Văn, Hưng Yên, vùng này làm tương khéo nên có tiếng là "tương bần". Vùng này có đến 70 làng đều có đền thờ Đoàn Thượng, gọi là Đông Hải đại vương.

nhưng liền bị bệnh, nhà vua sai viên chức trong nội điện đến yên uỷ thăm hỏi, Nộn cố gắng ăn cơm và nhảy lên mình ngựa, để tỏ ra mình vẫn còn khoẻ, nhưng chưa được bao lâu thì chết. Tự bấy giờ trong nước mới ổn định được cuộc thống nhất.

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua đã được nhà Lý truyền ngôi cho, nên mới sai sứ sang báo cáo với nhà Tống và xin phong tước.

Canh Dần, năm thứ 6 (1230). (Tống, năm Thiệu Định thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Định thể lệ làm ra sách *Thông chế* và các sách chép về việc hình, việc lễ.

Khảo cứu các lệ luật đời trước, định thể lệ làm ra sách *Thông chế*, và sửa đổi quy định các sách hình luật, lễ nghi, tất cả 20 quyển.

Chb. VI, 9

Định thể lệ làm việc cho những người phải tội đồ.

Những người can tội thường phạm : ai phải đày đi làm người "hoành" ở Tảo xã, thì thích sáu chữ vào mặt, mỗi người phải cày cấy 3 mẫu ruộng công, mỗi năm nộp 300 thăng lúa. Ai phải đày làm lính Lao thành, thì thích bốn chữ vào trán, làm việc phát bỏ cỏ rậm ; hạng người này phụ thuộc vào bốn đội tương quân.

Lời chua – *Tảo xã* : Xã Nhật Tảo, huyện Từ Liêm bây giờ.

Hoành : Danh từ gọi người nô lệ.

Tương quân : Những người dùng để canh giữ cửa thành, hạng quân này không ví được như quân Cấm vệ.

Lao thành : Tức La Thành.

Đắp thành Thăng Long cho được kiên cố thêm.

Nhân nền thành cũ của nhà Lý mà đắp thêm cho được kiên cố. Trong thành dựng cung điện lâu các, phía đông, phía tây làm hàng lang, giải vũ ; bên tả là cung Thánh Từ, bên hữu là

cung Quan Triều. Ngoài thành, bốn cửa có bốn đội Tương quân thay phiên nhau canh giữ ; bên tả và bên hữu thành chia làm sáu mươi mốt phường, có đặt ti Bình Bạc.

Lời chua – *Thành Thăng Long* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 9 – 10).

Thánh Từ, Quan Triều : Tên hai cung. Cung Thánh Từ, chỗ Thượng hoàng ở ; cung Quan Triều, chỗ Hoàng đế ở.

Ti Bình Bạc : Tức chức quan đứng đầu địa phương trong kinh thành ; vì giữ việc xét đoán hình ngục, kiện tụng, nên gọi là Bình Bạc. Mục *Chức quan chí* trong *Tấn thư* chép rằng : Quan Đình uý giữ việc hình ngục, kiện tụng, viên chức phụ thuộc có chức Chánh Giám bình. Chb. VI, 10

Đặt chức An phủ sứ[1] ở các lộ.

Mỗi lộ đặt hai viên, Chánh và Phó, phàm việc hộ khẩu, tiền thóc, ngục tụng đều giữ hết quyền bính ở trong tay. Chức này là chức chịu mệnh lệnh vua phó thác cho trấn trị nơi biên khổn.

Tháng 9, mùa thu. Quốc Thánh Hoàng Thái hậu là Lê Thị mất, truy tôn là Thuận Từ Hoàng Thái hậu.

Tân Mão, năm thứ 7 (1231). (Tống, năm Thiệu Định thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào các con sông ở Thanh Hoá và Diễn Châu.

Lúc ấy, các đường sông bị úng tắc, nên nhà vua sai hoạn quan là Nguyễn Bang Cốc đem quân bản phủ đào sông Trầm, sông Hào, từ phủ Thanh Hoá đến địa giới phía nam Diễn Châu. Khi công việc đã làm xong, Bang Cốc được thăng tước Phụ quốc Thượng hầu.

Lời chua – *Diễn Châu* : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

---

(1) Chức quan đứng đầu một lộ ở thời Trần, có toàn quyền quyết định mọi việc về quân dân ở lộ ấy.

Trầm và Hào : Tên hai con sông thuộc huyện Ngọc Sơn, Thanh Hoá.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua về thăm làng Tức Mặc, ban yến và thưởng cho những người phụ lão, tuỳ theo đẳng cấp khác nhau.

Hạ lệnh cho các nơi dịch đình đều đắp tượng phật để thờ.

Tục nước ta khi trước, nhiều chỗ làm đình để cho người đi đường ngồi nghỉ, trát bằng vôi trắng, gọi là "dịch đình". Thượng hoàng lúc còn hàn vi, thường ngồi nghỉ ở dịch đình ; một hôm, gặp một nhà sư bảo rằng : "Người thiếu niên này, mai sau có thể quý hiển to". Nói đoạn, nhà sư ấy biến mất, không thấy đâu nữa. Vì thế nên nay nhà vua hạ chiếu : phàm ở đâu có dịch đình đều đắp tượng phật để thờ. Chb. **VI**, 11

Nhâm Thìn, năm Thiên Ứng chính bình thứ 1 (1232). (Tống, năm Thiệu Định thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Mới sắp xếp nghi lễ trong triều. Phong cho em là Bà Liệt tước Hoài Đức vương.

Thượng hoàng lúc còn hàn vi, có lấy một người con gái ở thôn Bà Liệt, huyện Tây Chân, khi đã có thai thì bỏ, sau sinh con trai, Thượng hoàng không nhìn nhận gì hết. Người con trai ấy lúc lớn lên, mặt mũi khôi ngô, giỏi nghề võ, sung vào đội đánh vật. Một hôm, cùng với người trong đội đánh cầu, rồi lại cùng nhau đánh vật, người kia vật người con trai ấy ngã, chẹn lấy cổ, gần tắt thở. Thượng hoàng tự nhiên quát to lên rằng : "Nó là con ta đấy !" Anh kia sợ, buông ra, nhân thế gọi tên là Bà Liệt. Nay có lệnh phong tước cho.

Lời chua – *Tây Chân* : Từ đời Trần trở về trước là tên huyện ; đến nhà Lê đổi là Nam Chân[1] ; nay vẫn giữ tên ấy, thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Bà Liệt : Tên thôn.

Tháng 2. Thi khoa Thái học sinh.

(1) Nam Chân sau đổi là huyện Nam Trực. Nay thuộc tỉnh Nam Định.

Trước kia, nhà Lý kén chọn học trò, chưa phân ra cấp bậc. Nay mới định người đỗ cao đỗ thấp theo cấp bậc tam giáp. Khoa ấy lấy Trương Hanh, Lưu Diễm đỗ đệ nhất giáp ; Đặng Diễn, Trịnh Phẫu đỗ đệ nhị giáp ; Trần Chu Phổ đỗ đệ tam giáp. Nhưng phép tuyển cử cũng chưa được tường tận. Chb. VI, 12

Lời chua – *Thái học sinh* : Tức khoa Tiến sĩ, nhưng lúc bấy giờ ai đỗ chỉ gọi là Thái học sinh, đến khoa Giáp Dần, Trần Duệ Tông năm Long Khánh thứ 2 (1374) mới gọi là Tiến sĩ.

Trương Hanh : Người ở Trường Tân thuộc Hồng Châu.

Chu Phổ : Người ở Tế Giang thuộc Bắc Giang. Còn các người khác không rõ ở đâu.

Tháng 4 mùa hạ. Ban chữ huý về tiên tổ nhà vua thờ ở các miếu cho trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết.

Ông tổ nhà vua tên huý là Lý, vì thế đổi họ Lý làm họ Nguyễn, lại có ý dập tắt hẳn lòng dân còn tưởng nhớ đến họ Lý.

Tháng 8, mùa thu. Gió bão to. Dân gian phát sinh bệnh dịch.

Mùa đông. Giết hết tôn thất nhà Lý.

Thủ Độ đã giết vua Huệ Tông, bọn tôn thất nhà Lý nhiều người ấm ức thất vọng. Nay nhân lúc họ làm lễ tế tiên tổ ở thôn Thái Đường xã Hoa Lâm, Thủ Độ cho người ngầm đào cái hố sâu, dựng nhà lên trên, rồi giật máy cho nhà đổ, chôn sống hết tôn thất nhà Lý.

Lời phê – *Thảm quá ! nhưng giết hết thế nào được ? Nơi đồng ruộng cũng có anh hùng, cứ gì họ Lý ?* Chb. VI, 13

Lời chua – *Hoa Lâm* : Tên xã.

Thái Đường : Tên thôn, thuộc huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh ; chỗ này là hành cung nhà Lý trước.

Quý Tị, năm thứ 2 (1233). (Tống, năm Thiệu Định thứ 6).

Sai Phùng Tá Chu xét định các hạng danh sắc ở Nghệ An.

Lời chua – *Danh sắc* : Các hạng người sắc mục.

Có thuỷ tai lớn.

Giáp Ngọ, năm thứ 3 (1234). (Tống, năm Đoan Bình thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Thượng hoàng mất.

Tháng 8, mùa thu. An táng ở Thọ Lăng.

Tôn thuỵ hiệu là Khai Vận lập cực hoằng nhân ứng đạo thuần chân chí đức thần vũ thánh văn thuỳ dụ chí hiếu Hoàng đế, miếu hiệu là Huy Tông, hưởng thọ 51 tuổi.

Lời chua – *Thọ Lăng* : Ở làng Tinh Cương, phủ Long Hưng.

Sách phong Thái uý là Liễu làm Hiển hoàng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Trần Thái Tông đối với anh là Liễu, có ý muốn tôn kính hơn người, nên làm sự quá đáng như vậy, sách phong làm Hiển hoàng, danh nghĩa không được chính đáng ; sau này Trần Liễu manh tâm làm loạn, chả phải là do việc này gây ra đấy dư ?*

Phong cho Phùng Tá Chu tước Hưng Nhân vương và bổ dụng Phạm Kính Ân làm Thái phó, phong tước là Bảo Trung hầu.

Triều nhà Lý, Tá Chu làm Thái phó, Kính Ân tước Quan nội hầu. Khi nhà vua được Chiêu hoàng truyền ngôi cho, hai người này có công suy tôn giúp đỡ, nên nay mới được phong tước. Sau này lại gia phong Tá Chu làm Đại vương, Kính Ân làm Thái uý và ban cho mũ áo Đại vương. Chb. **VI**, 14

Ất Mùi, năm thứ 4 (1235). (Tống, năm Đoan Bình thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sét đánh 30 chỗ ở trong kinh thành. Nhà vua hạ chiếu đại xá.

Bính Thân, năm thứ 5 (1236). (Tống, năm Đoan Bình thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Định quan hàm các bậc đại thần.

Phàm những người tôn thất vào làm quan trong chính phủ, hoặc là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Thái uý hoặc là Tư đồ, tả hữu Tướng quốc, đều được kiêm lĩnh hàm Kiểm hiệu Đặc tiến nghi đồng Tam ti Bình chương sự.

Lời cẩn án – *Sách* Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú chép : Quan chế nhà Trần, đại yếu lấy tam công*(1)*, tam thiếu*(2) *Thái uý, Tư mã, Tư đồ và Tư không làm văn võ Đại thần ; còn như Tể tướng thì gia phong tả hữu Tướng quốc Bình chương sự : Thứ tướng thì gia phong Tham tri chính sự nhập nội hành khiển, hoặc gia phong Tả phụ hữu bật tham dự triều chính.*

Về hàng quan văn ở kinh thì có : các viên chức sáu bộ, như : Thượng thư, Thị lang, Lang trung, Viên ngoại lang, Trung thư thị lang, Trung thư lệnh Thượng thư, Tả hữu bộc xạ hành khiển, Tả hữu ti lang trung, Tả hữu chính ngôn tham nghị, Ngự sử đài Thị ngự sử, Giám sát ngự sử, Chủ thư thị ngự sử, Ngự sử trung tán, Ngự sử trung tướng, Ngự sử đại phu, Thị kinh diên đại học sĩ, Thiên chương học sĩ, Nhập thị học sĩ, Trung thị đại phu, Trung lượng đại phu, Trừ cung giáo thụ, Thái sử lệnh, Đại tông chính, Đình uý, Tự khanh, Thiếu khanh, Kinh sư Đại doãn. Chb. **VI**, 15

Về quan chức ở ngoài thì có : An phủ sứ, Tri phủ, Thông phán, Thiêm phán, Tào vận, Lệnh uý, Chủ bạ, Tư xã và Chánh phó sứ Hà đê, Chánh phó sứ đồn điền ở các lộ.

Hàng quan võ ở trong kinh thì có : Phiêu kỵ Thượng tướng quân, Cấm vệ Thượng tướng quân, Kim ngô vệ Đại tướng quân, Vũ vệ Đại tướng quân, Phó Đô tướng quân, Điện suý, Đô áp nha Quản quân tiết độ sứ, Đô thống chế.

---

(1) Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

(2) Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo.

Chức quan võ ở ngoài các lộ thì có : Kinh lược sứ, Phòng ngự sứ, Thủ ngự sứ, Quan sát sứ và quan ở Phủ đô hộ, phủ Đô Thống, phủ Tổng Quản.

Nay xét : tên các quan chức triều Trần, so với triều Lý dầu có phần nhã nhặn hơn, nhưng chức việc nào theo cũ, chức việc nào đổi mới, phần nhiều không thể hiểu rõ. Nói chung, quan chức triều Trần, phức tạp không phân minh, chưa thể gọi là quan chế hoàn bị của một triều đại được.

Tháng 6, mùa hạ. Nước to, chảy tràn vào cung Lệ Thiên. Hiển hoàng Liễu bị giáng tước là Hoài vương.

Trần Liễu giữ công việc cung Thánh Từ, nhân nước to, đi thuyền vào chầu, khi thuyền qua cung Lệ Thiên, Liễu trông thấy cung phi triều Lý trước, ghé thuyền vào hãm hiếp. Triều thần hặc tấu, vì thế nên bị giáng truất. Chb. VI, 16

Tháng 8, mùa thu. Tuyển nho sinh đã thi đỗ vào hầu vua.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Phạm Ứng Thần làm Thượng thư, kiêm giữ chức Đề điệu viện Quốc tử, cho con em các quan văn vào viện học.

Sứ nhà Tống sang phong vương.

Lời cẩn án – *Sách* Cương mục tục biên *[Trung Quốc] chép : Năm ấy vua Tống sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, thế mà* Sử cũ *lại chép lầm việc này vào năm Kiến Trung thứ 5. Nay cải chính lại.*

Đinh Dậu, năm thứ 6 (1237). (Tống, năm Gia Hy thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập vợ Hoài vương là Lý thị làm Hoàng hậu, phế Chiêu Thánh hoàng hậu làm công chúa.

Lúc ấy Chiêu Thánh chưa có con, mà Lý thị đã có mang được 3 tháng. Thủ Độ cùng Thiên Cực công chúa bày mưu riêng với nhà vua nên nhận liều lấy để có lợi về sau, vì thế mới đem Lý thị vào ở cung. Trần Liễu tức giận, Chb. VI, 17

tụ tập nhiều người ở sông Cái, nổi loạn. Nhà vua lấy làm áy náy không yên lòng, đêm lẻn sang núi Yên Tử, vào ở nhà thờ Phật của Phù Vân Quốc sư. Ngày hôm sau, Thủ Độ đem bầy tôi đến đón xa giá về kinh. Nhà vua nói : "Trẫm hãy còn thơ ấu, chưa đảm đang được việc trọng đại, vua cha[1] lại vội từ trần, thành ra trẫm sớm mất người nương tựa, không dám để nhơ nhuốc đến xã tắc[2]". Thủ Độ cố mời, nhưng vua vẫn chưa nhận lời. Thủ Độ ra bảo với mọi người rằng : "Xa giá vua ở đâu, tức là triều đình ở đấy". Nói rồi, liền cắm mốc chăng dây chia thành hàng ngũ ở trong núi, phỏng theo kích thước cung điện ở kinh thành, bắt thợ xây dựng. Quốc sư thấy thế, xin với nhà vua rằng : "Bệ hạ nên sớm quay loan giá về kinh thành, không nên để họ làm hại đến núi rừng của đệ tử này". Bấy giờ nhà vua mới trở về kinh thành. Trần Liễu ở ngoài biển được hai tuần[3], tự biết việc mình làm không thể thành công được, nhân khi nhà vua ra chơi thuyền ở ngoài sông, Liễu giả dạng làm người đánh cá, lẻn đi thuyền độc mộc đến thuyền nhà vua xin hàng, nhà vua cùng Liễu đối diện nhau mà khóc. Thủ Độ nghe tin, đến thẳng thuyền nhà vua, tuốt gươm quát lên rằng : "Giết thằng giặc là Liễu". Nhà vua thấy thế, vội vàng đẩy Trần Liễu ẩn vào trong thuyền rồi bảo Thủ Độ rằng : "Phụng Kiền vương[4] đến xin đầu hàng đấy". Miệng nói, nhưng lấy mình che đỡ cho Trần Liễu. Thủ Độ giận lắm, vất gươm xuống sông, nói rằng : "Tao thật là con chó săn, biết đâu anh em mày hoà thuận với nhau hay trái ý nhau". Nhà vua đứng ra hoà giải, dụ dỗ Trần Liễu phải bãi binh, rồi lấy đất An Phụ, An Dưỡng, An Sinh và An Bang ban cho Liễu để thu lấy tô thuế làm bổng lộc, lại nhân tên đất đã phong ấy cho Trần Liễu hiệu là An Sinh vương, còn những người theo Trần Liễu khởi loạn ở sông Cái đều bị giết.

(1) Bố đẻ của ông vua, chỉ vào Trần Thừa.

(2) Một danh từ để gọi thay cho quốc gia.

(3) Mười ngày là một tuần.

(4) Một tước phong của Trần Liễu (xem thêm *Chính biên* quyển VI tờ 6).

Lời phê – *Phong hoá nhà Trần không nghiêm chỉnh, lại tệ hơn phong hoá nhà Đường*(1) *ở Trung Quốc. Nhưng bấy giờ Thái Tông hãy còn thơ ấu, mà Thủ Độ là người rất ngoan cố, phàm việc gì cũng do hắn chỉ sử, Thái Tông không theo cũng không được. Thế mà sử thần cứ chỉ trích riêng Thái Tông, như thế chưa phải là lời phê công bằng. Vả lại, lúc mới khai quốc, vua còn thơ ấu, lòng người còn nghi ngờ, Thủ Độ lại vốn là người không biết chữ, thế mà một mình kinh doanh, dựng lên được nghiệp lớn, thì thực là cương quyết, hiểm giảo, xưa nay ít có mấy người. Có lẽ vì lòng trời giúp ngầm nhà Trần mà được như thế chăng ?*

Lời bàn của Phan Phu Tiên – *Tam cương*(2) *ngũ thường*(3), *đó là luân lý trọng đại của loài người. Thái Tông là vua sáng nghiệp, đáng nên lập ra phép tốt để cho đời sau theo, thế mà lại nghe mưu gian tà của Thủ Độ, cướp vợ anh làm vợ mình, như thế chả phải tự mình làm trái luân thường để mở đầu cái mối dâm loạn đấy ư ? Trần Liễu khởi loạn, chính là do Thái Tông gây nên. Có người nói : "Thái Tông không giết anh, thế là người có nhân". Thử hỏi cướp lấy chị dâu mà không giết anh, như thế có thể bảo là nhân được không ? Suốt đời nhà Trần, quen thói dâm loạn chung chạ lẫn nhau, không phải là không do Thái Tông đã làm đầu tên từ trước.* Chb. **VI**, 18

---

(1) Đường Thái Tông Thế Dân sau khi đã giết em ruột là Nguyên Cát, thì lấy luôn vợ Nguyên Cát là Dương Thị làm vợ mình, sau đẻ con tên là Minh cho thừa tự Nguyên Cát.

Đường Thái Tông mất, con là Trị lên nối ngôi, tức Đường Cao Tông, lại lấy Tài Nhân của Thái Tông là Vũ Chiếu, rồi lập làm Hoàng hậu, tức là Vũ Tắc Thiên.

Dương Thái Chân là vợ Thọ vương, con trai Đường Huyền Tông, Huyền Tông đem vào trong cung rồi lập làm quý phi.

(2) Tam cương : Vua tôi, cha con, chồng vợ.

(3) Ngũ thường : Có nhiều thuyết, nhưng có hai thuyết phổ biến hơn. Một thuyết nói : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín ; một thuyết nói : vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em và bè bạn.

Lời chua – *Núi Yên Tử* : Ở huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương ; trên núi có ngọn Tử Tiêu và am Ngoạ Vân, tương truyền vì trước kia ông Yên Kỳ tu luyện ở đây, nên gọi là Yên Tử.

An Phụ, An Dưỡng, An Sinh : Ba xã này đều thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

An Bang : Tên trại xưa, bây giờ thuộc huyện An Hưng, tỉnh Quảng Yên.

Phù Vân Quốc sư : Bạn cũ của Thái Tông, họ tên không rõ.

Bầy tôi dâng tôn hiệu lên nhà vua.

Bầy tôi xin dâng tôn hiệu là : Thống thiên ngự cực long công hậu đức hiển hoà hựu thuận thánh văn thần vũ Hiếu nguyên hoàng đế. Lời xin ấy được vua chuẩn y. Chb. **VI**, 19

Mậu Tuất, năm thứ 7 (1238). (Tống, năm Gia Hi thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Trần Thủ Độ lại xét định trướng tịch ở Thanh Hoá.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Năm Kiến Trung thứ 4 (1228) đã xét định trướng tịch Thanh Hoá, đến nay lại giao việc ấy cho Thủ Độ đứng làm, ngoài ra chỉ có một lần sai Tá Chu duyệt các danh sắc ở Nghệ An, còn sổ dân đinh các lộ khác đến năm [Thiên Ứng Chính bình] thứ 12 (1243) mới làm. Việc làm trướng tịch, duy có Thanh Hoá là làm trước và tường tận hơn, lại giao việc ấy cho viên quan thân tín trông coi. Như thế, có lẽ vì cuối triều Lý, việc sắp xếp trướng tịch ở Thanh, Nghệ hãy còn sơ lược, đến nay mới một phen sắp xếp lại, nên không thể không làm cẩn thận như thế chăng ?*

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Tháng 8. Định quy chế dùng thuyền và xe cho vương hầu tôn thất và các hàng quan văn quan võ.

Kỷ Hợi, năm thứ 8 (1239). (Tống, năm Gia Hy thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng cung điện ở làng Tức Mặc.

Nhà vua nghĩ Tức Mặc là nơi làng cũ của mình, nên hạ lệnh cho Phùng Tá Chu làm quan Nhập nội thái phó, dựng hành cung ở đấy để thời thường đến chơi thăm. Chb. VI, 20

Tháng 3. Tuyển lính.

Tuyển dân đinh người nào khoẻ mạnh làm lính, định làm ba hạng : thượng, trung và hạ.

Canh Tý, năm thứ 9 (1240). (Tống, năm Gia Hy thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng hành cung[1] ở Thanh Hoá.

Việc này giao cho Phùng Tá Chu đứng làm. Xây dựng tất cả năm sở.

Tháng 7, mùa thu. Mưa to, gió lớn ; nước tràn lên cao ; đất động.

Tháng 9. Lập con là Hoảng lên làm Thái tử. Đại xá.

Lúc Lý thị [2] có thai, nhà vua đem vào cung nhận làm vợ, sinh con là Quốc Khang, phong cho tước vương. Đến nay, lại sinh con là Hoảng, mới lập làm Hoàng thái tử.

Tháng 10, mùa đông. Sai thị thần là Bùi Khâm chỉnh lý công việc biên thuỳ ở mặt bắc.

Viên thủ thần ở Lạng Giang chạy trạm về triều tâu rằng : bản bộ của viên ấy bị người Thổ Mán nhà Tống sang cướp bóc của cải ở dân gian. Vì thế, nhà vua sai Bùi Khâm đi trù liệu sắp xếp việc này.

Lời chua – *Lạng Giang* : Tức Lạng Sơn bây giờ. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Tân Sửu, năm thứ 10 (1241). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 1).

---

(1) Theo chế độ phong kiến, những địa phương ở ngoài kinh sư, có dựng cung điện, để mỗi khi vua đi kinh lý đến địa phương nào, đã sẵn có cung điện để ở, gọi là hành cung.

(2) Lý thị nguyên là vợ Trần Liễu (anh ruột Thái Tông).

Tháng 3, mùa xuân. Tuyển người có sức khoẻ, am hiểu võ nghệ, bổ sung vào quân túc vệ[1]. Chb. VI, 21

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn ; núi sụt ; đất nứt ra. Tháng 8, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Núi ở các lộ sụt xuống ; đất liền ở phường Thịnh Quang ngoài kinh thành bị rạn tách ra.

Tháng 10, mùa đông. Người Thổ, Mán nhà Tống sang cướp ở biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho viên Đốc tướng là Phạm Kính Ân đem quân đi đánh tan được.

Nhà vua đi tuần ngoài biên thuỳ, nhân tiện đi luôn vào đất nhà Tống.

Nhà vua thân đem quân chèo thuyền từ trại Vĩnh Bình qua châu Khâm, châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, rồi cắm thuyền lại ở trong cõi đất ấy, chỉ đi bằng mấy chiếc thuyền Kim Phụng, Nhật Quang và Nguyệt Quang. Ban đầu, người ở châu ấy không biết tình hình thế nào, đều sợ chạy cả ; lúc biết ra, họ mới giăng xích sắt ở giữa sông để ngăn cản đường thuỷ. Nhà vua sai nhổ lấy vài mươi chiếc neo bằng sắt đem về.

Lời phê – *Việc này là việc làm nguy hiểm cầu may, không theo đạo điển thường như cổ nhân đã nói "thánh chúa bất thừa nguy[2]".*

Lời chua – *Vĩnh Bình* : tên trại, thuộc châu Liêm.

Khâm : Tên châu, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. I, 36).

Liêm : Tên châu, tức là Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chb, I.25).

---

(1) Người lính ngày đêm túc trực trong cung điện nhà vua.

(2) Viên Áng, Trung lang tướng nhà Hán, can Hán Văn Đế rằng : "Thánh chúa bất thừa nguy", nghĩa là ông vua thánh triết không đi vào nơi nguy hiểm.

Nhâm Dần, năm thứ 11 (1242). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Chia trong nước làm mười hai lộ.

Các lộ đều đặt hai viên An phủ sứ, chánh và phó, để giữ việc cai trị. Ở xã và sách, thì đặt chức đại tiểu tư xã : ngũ phẩm trở lên làm quan đại tư xã, lục phẩm trở xuống làm quan tiểu tư xã, hoặc có người kiêm hai ba bốn xã. Lại đặt chức Xã chính, Sử giám gọi là xã quan. Làm sổ kê hết số hộ khẩu : con trai, người lớn tuổi là đại hoàng nam ; người nhỏ tuổi là tiểu hoàng nam ; người 60 tuổi là hạng lão ; già hơn nữa là long lão[1]. Chb. **VI**, 22

Về thuế : nhân đinh, ai có ruộng đất thì phải nộp tiền, thóc : một mẫu hoặc hai mẫu nộp một quan tiền, ba mẫu hay bốn mẫu nộp 2 quan, năm mẫu trở lên nộp 3 quan. Thuế ruộng : cứ mỗi mẫu nộp 100 thăng lúa, ai không có ruộng đất thì được miễn cả.

Lời cẩn án – *Sách* An Nam chí nguyên *của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép : Ruộng công điền nhà Trần có hai hạng ; mỗi hạng chia ra làm ba đẳng :*

1) Ruộng quốc khố : *nhất đẳng, mỗi mẫu thu sáu thạch và tám mươi thăng thóc ; nhị đẳng, mỗi mẫu thu bốn thạch thóc ; tam đẳng, thu mỗi mẫu ba thạch thóc.*

2) Ruộng thác đao : *nhất đẳng, mỗi mẫu thu một thạch thóc ; nhị đẳng, ba mẫu thu một thạch thóc ; tam đẳng, bốn mẫu thu một thạch thóc. Còn như ruộng, ao của dân thì cứ mỗi mẫu thu ba thăng thóc. Ruộng muối thu bằng tiền.*

Lại tham khảo lời chua tập thơ An Nam tức sự *của Trần Cương Trung nhà Nguyên : Chế độ nhà Trần, các thứ cây như cây cau và gỗ an tức chịu thuế rất nặng ; vàng bạc ở dân gian dầu có từng phân, từng lạng cũng phải đem nộp vào quan, nếu người nào sử dụng riêng sẽ* Chb. **VI**, 23

(1) Long lão là hạng già yếu mỏi mệt, có nhiều bệnh tật.

phải tội tử hình ; đến như các loài cá, tôm, rau, quả... cũng phải nộp thuế. Cứ theo như lời chép trong hai sách đã dẫn ở trên, thì phép đánh thuế của nhà Trần thực là quá nặng. Nhưng đây cũng chỉ biết đại lược mà thôi, còn chi tiết rõ ràng thế nào, thì không thể khảo cứu được.

Lời chua – *Mười hai lộ* : Sử cũ không chép rõ, nhưng căn cứ những tài liệu ghi chép từ trước, thì thấy các lộ sau này : Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hoá, Hoàng Giang, Diễn Châu. Lại có phủ, châu, trấn như Tân Bình, Nghệ An, Thái Nguyên, Lạng Giang. Có lẽ quy chế nhà Trần, những phủ, châu, trấn thì thống thuộc cả vào lộ.

Hoàng nam : 18 tuổi là tiểu hoàng nam, 20 tuổi là đại hoàng nam.

Ruộng thác đao : Đời Lý, Thái Tông đi đánh Chiêm Thành, Lê Phụng Hiểu làm tiên phong, phá tan được quân giặc, tiếng vang cả phiên quốc[1]. Khi khải hoàn, nhà vua xét thưởng cho người có công đánh giặc. Phụng Hiểu nói : Không muốn thưởng quan tước, chỉ xin đứng trên núi Băng Sơn ném thanh kiếm đeo trong mình, rồi xét xem hễ thanh kiếm ấy rơi xuống địa phận nào, thì xin cho địa phận ấy để làm biệt nghiệp[2]. Lý Thái Tông nhận lời. Phụng Hiểu lên núi, ném một cái, thanh kiếm đi được hơn mười dặm, rơi xuống địa phận làng Đa My. Lý Thái Tông liền đem đất làng Đa My ban cho Phụng Hiểu, tha thuế thóc ruộng thác đao. Vì thế, nên ở Ái Châu, ruộng thưởng công có tên là "thác đao". Chb. **VI**, 24

Xã, sách : Cũng như xã, thôn.

Lời phê[3] – *Nói rất mơ hồ.*

Tháng 4, mùa hạ. Sai Thân vệ Tướng quân Trần Khuê Kính đem quân trấn ngữ biên giới phía bắc.

Khi ấy, nước Mông Cổ lấy được Vân Nam, quân của Mông Cổ đi tuần hành đến châu Ung, châu Quảng nhà Tống, thành ra

(1) Chữ "phiên" nghĩa đen là cái phên hay cái giậu. Thời đại phong kiến, nước lớn phong đất cho nước nhỏ làm chư hầu, coi như cái phên, cái giậu ở ngoài để bảo vệ cho nước lớn ở trong, nên gọi chư hầu của mình là phiên quốc.

(2) Xây dựng nhà cửa và có quyền sở hữu ruộng đất làm cơ nghiệp riêng của mình.

(3) Chỉ việc Phụng Hiểu đứng trên núi, ném thanh kiếm đi được mười dặm.

nơi quan ải bị nghẽn đường. Sứ bộ nhà Trần phái sang bên Tống, được đi độ bốn người, chỉ được đem giấy tờ đi theo, còn lễ cống thì niêm phong lại đưa đến biên giới, do quan địa phương chuyển đệ về triều, nhưng cũng không lần nào đệ về được đầy đủ. Vì thế, nhà vua sai Khuê Kình đem quân đi trấn ngự, đánh chiếm đất Bằng Tường, để lấy đường thông sang nhà Tống.

Lời chua – *Ung Châu* : Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 14).

Quảng Châu : Xem thuộc Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. VI, 2).

Châu Bằng Tường : Thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây nhà Thanh.

Đại hạn từ tháng 5 đến tháng 6. Nhà vua hạ lệnh xét lại tội trạng những tù nhân đương bị giam, và đại xá cho thiên hạ. Tháng 7. Mưa. Hạ chiếu xá cho trong nước một nửa thuế ruộng.

Ngày mồng một, tháng 9. Nhật thực.

Quý Mão, năm thứ 12 (1243). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho các lộ làm sổ dân đinh. Chb. VI, 25

Tháng 2. Xây thành Long Phụng ; sửa lại Quốc Tử Giám.

Lời chua – *Thành Long Phụng* : Ở trong thành Thăng Long.

Quốc Tử Giám : Dựng đời Lý Nhân Tông.

Tháng 6, mùa hạ. Sai Viên ngoại lang là Trương Thất xét xử phán đoán các việc hình ngục ở phủ Đô Vệ.

Tháng 8, mùa thu. Nước to, chảy tràn vào kinh thành.

Giáp Thìn, năm thứ 13 (1244). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ quan văn đi cai trị các lộ và phủ.

Nhà vua hạ lệnh cho quan văn chia nhau đi cai trị 12 lộ. Ở lộ có chức Thông phán, ở phủ có chức Tri phủ ; ở châu có chức Tào vận sứ, giữ việc vận tải.

Định hình luật

Lời cẩn án – *Sách* Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú chép : Hình pháp nhà Trần, điều mục danh lệ thế nào nay không thể biết rõ được. Theo Trần Cương Trung nhà Nguyên, hình pháp nhà Trần rất thảm khốc, kẻ trộm và người trốn tránh đều phải chặt ngón chân hay là cho voi giày chết. Xét ra nhà Trần được nước là do cướp ngôi vua nhà Lý, về hình pháp không lập ra kỷ cương phép tắc gì, chỉ tuỳ ý mình mà buộc tội nặng nhẹ ; hình phạt thảm khốc đến thế là cùng !*

Tháng 3. Ban cho Phùng Tá Thang chức Tả giai[1] Đạo lục[2], được tước là Tản lang[3].

Phàm các vương hầu được vua ban cho quan hàm về tăng đạo đều gọi là Tả giai. Chức này tuy không được liệt vào hàng quan trong triều, nhưng đối với tăng đạo thì là phẩm trật cao nhất. Nếu không phải là người thông thuộc đạo giáo của tông phái mình thì không được dự. Nay nhà vua đem chức ấy ban cho Tá Thang, là đãi ngộ một cách đặc biệt. Chb. **VI**, 26

Lời chua – *Tá Thang* : Là thân phụ Tá Chu.

Tháng 10, mùa đông. Định lương bổng cho các quan.

Trước đây đã định thể lệ lương bổng cho các quan văn quan võ trong kinh sư, ngoài phiên trấn và các quan coi cung điện,

---

(1) Viên quan giữ về đạo giáo – Văn Tông nhà Đường đặt ra tả giai và hữu giai tăng lục. Theo sách *Hội điển sử lệ* nhà Thanh thì, ở kinh sư, gọi là đạo lục ti ; ở phủ gọi là đạo kỷ ti ; ở châu gọi là đạo chính ti ; ở huyện, gọi là đạo hội ti. Những người sung vào chức này chuyên giữ việc cai quản tăng đạo trong nước, bắt phải giữ kỷ luật thanh giới.

(2) -nt-

(3) Chức quan giữ nhiệm vụ nhàn tản, không như những chức giữ về hành chính, quân sự, hình ngục phải hoạt động một cách ráo riết.

lăng miếu. Lương bổng ấy lấy vào tiền thuế và theo thứ tự cấp phát. Đến nay, định lại ngạch lương bổng có người hơn người kém khác nhau.

Ất Tị, năm thứ 14 (1245). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 5). Tháng 7, mùa thu. Nước lên to, vỡ đê Long Đàm.

Lời chua - *Long Đàm :* Tên huyện về đời nhà Trần ; thuộc Minh đổi là Thanh Đàm ; đời Lê đổi là Thanh Trì ; rồi lại đổi chữ "thanh" (trong) làm chữ "thanh" (xanh) ; bây giờ cũng theo như trước, thuộc tỉnh Hà Nội[1].

Tháng 12, mùa đông. Mưa to, gió lớn luôn ba ngày ; nước sông lên to.

Bính Ngọ, năm thứ 15 (1246). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Định danh hiệu quân đội.

Tuyển lấy những người khoẻ mạnh sung vào quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần. Lộ Thiên Trường và lộ Long Hưng, hiệu quân là Thiên Thuộc, Thiên Cương, Chương Thánh và Củng Thần ; Hồng Lộ và Khoái Lộ, hiệu quân là Tả Thánh Dực và Hữu Thánh Dực ; lộ Trường An và lộ Kiến Xương, hiệu quân là Thánh Dực và Thần Sách. Còn các quân lính khác thì sung vào cấm quân ở trong cấm vệ. Hạng thứ ba là đoàn đội chèo thuyền. Chb. **VI**, 27

Lời cẩn án – *Sách* Lịch triều Hiến chương *của Phan Huy Chú chép : Số quân triều nhà Trần lúc trước, mỗi đội quân hai ngàn bốn trăm người, quân ở trong Cấm vệ và quân ở đơn vị thuộc các lộ không đầy mười vạn người. Nay xét : về khoảng niên hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông (1279 – 1284), lúc quân nhà Nguyên sang xâm lấn, các vương đem quân hội họp đến hai mươi vạn. Có lẽ vì chế độ nhà Trần, các tước vương*

(1) Nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội.

cũng được chiêu mộ dân tráng làm lính. Nhưng số quân điều động lúc ấy cũng chỉ mới có mấy lộ về mặt đông nam, còn từ Thanh Hoá trở vào nam chưa hề trưng triệu xuất phát. Đến năm Long Khánh thứ 2 (1374) đời Trần Duệ Tông mới biên định danh hiệu cho quân ngũ[1]*. Như vậy thì lúc bấy giờ thế quân cường thịnh cũng có thể biết được đại khái. Đại để khi trong nước không có việc, thì cho quân lính về làm ruộng ; khi có việc chinh chiến, thì hết thảy mọi người dân đều là quân lính. Danh hiệu quân lính nhà Trần sau này cũng thường có thay đổi, nhưng số quân nhiều hay ít, chế độ quân đội theo cũ hay đổi mới, không thể khảo cứu cho tường tận được.*

Lời chua – *Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần* : Đều là tên quân túc vệ, tức là hiệu quân Thiên thuộc, Thánh dực và Thần sách. Nhà Trần khởi lên từ lộ Thiên Trường, cho nên lấy quân ở bản lộ của mình và những lộ phụ cận đấy làm quân cấm vệ. Chữ "tứ" (bốn) có lẽ là do sự chia mỗi hiệu quân ra làm bốn vệ, nhưng *Sử cũ* chép không rõ. Chb.VI, 28

Thiên Trường : Nguyên là địa phận làng Tức Mặc, vì chỗ đất ấy là cố hương của nhà Trần, nên đổi làm phủ Thiên Trường, rồi lại dùng hai chữ "Thiên Trường" đứng đầu lộ ấy gọi là Thiên Trường lộ ; đến nhà Lê gọi là phủ ; nay theo tên gọi của nhà Lê, thuộc tỉnh Nam Định[2].

Long Hưng : Trước là địa phận làng Đa Cương, mộ tổ nhà Trần táng ở đấy, vì thế mới đổi là phủ Long Hưng ; đời nhuận Hồ[3] đổi là

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển X tờ 6.

(2) Phủ Thiên Trường nay gồm một phần các huyện Xuân Thuỷ, Nam Trực, Trực Ninh và T.P. Nam Định, tỉnh Nam Định. Làng Tức Mặc bây giờ thuộc T.P. Nam Định.

(3) Chữ "nhuận" nghĩa là thừa, ta thường gọi là tháng nhuận, tức là tháng thừa, không phải tháng chính. Hồ Quý Ly cướp ngôi vua nhà Trần, sử phong kiến không liệt vào chính thống, nên gọi triều nhà Hồ là "nhuận Hồ".

Tân Hưng ; nhà Lê đổi là Tiên Hưng ; bây giờ cũng theo gọi như trước, thuộc tỉnh Hưng Yên[1].

Hồng Lộ : Tức Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb.V,14)

Trường An : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1. (Chb.II,11)

Kiến Xương : Chưa rõ đặt ra từ đời nào. Nhà Trần gọi là lộ ; đời nhuận Hồ đổi làm phủ Kiến Ninh ; nhà Lê lại gọi là phủ Kiến Xương ; bây giờ cũng theo tên gọi trước ; thuộc tỉnh Nam Định[2].

Khoái Lộ[3] : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long ứng thứ 4 (Chb.V,32). Tên Khoái Lộ[4] mới đặt ra từ năm Trùng Hưng thứ 5 đời Trần Nhân Tông (xem Chb.VIII,12-13), tên Thiên Trường mới đặt từ năm Thiệu Long thứ 5 đời Trần Thánh Tông (xem Chb.VII,4), thế mà ở đây *Sử cũ* đã chép theo tên mới đặt sau, như thế là lầm.

Tháng 3. Xét lý lịch quan văn, quan võ trong triều và ngoài các lộ. Chb.**VI**, 29

Bấy giờ trong nước thái bình vô sự, nhân dân yên vui. Người làm quan chức nào cứ giữ mãi chức ấy. Theo thể lệ, cứ mười lăm năm mới xét lý lịch một lần : ai làm việc mười năm sẽ được thăng tước một cấp ; làm việc mười lăm năm sẽ được thăng chức một bậc. Chức quan nào khuyết, thì đem người chánh kiêm làm công việc người phó ; nếu chánh phó đều khuyết, thì đem viên quan ở ngạch khác kiêm quản sang, đợi khi nào xét thấy đủ niên hạn mới thực bổ đúng với chức vụ của mình. Ai làm quan ở quán, ở các thì mười năm sẽ được thăng hoặc thuyên chuyển ; ai làm quan ở sảnh, ở cục thì mười lăm năm sẽ được thăng hoặc thuyên chuyển. Còn về chức tể tướng thì chọn những người trong họ tôn thất lấy người nào hiền tài, có đức hạnh, biết lục nghệ[5] và thông hiểu kinh Thi, kinh Thư để bổ dụng.

---

(1) Bây giờ thuộc tỉnh Thái Bình.

(2) Bây giờ thuộc tỉnh Thái Bình.

(3) Hai chữ "khoái" theo âm Việt thì giống nhau, nhưng theo chữ Hán thì tự dạng và nghĩa khác hẳn. Chữ "khoái" số 2 là khoái lạc ; chữ "khoái" số 3 là cỏ khoái.

(4) - nt-

(5) Lễ nghi, âm nhạc, cỡi ngựa, bắn cung, viết chữ và tính toán.

Lời phê - *Nói quá đáng, không đủ tin*[1]. *Vả lại, định niên hạn quá lâu*[2], *như thế không khỏi làm cho người ta phàn nàn về việc phải chìm đắm mãi ở chức dưới.*

Lời chua – *Quán, các : Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chua rằng "như sáu bộ và phủ tôn chính". Nhưng lời chua ấy chưa lấy gì làm chính xác.

Sảnh : Như Thượng thư môn hạ sảnh.

Cục : Như Nội thư Hoả cục và Chi hậu cục.

Tháng 7, mùa thu. Mới định niên hạn thi đại tị[3].

Bấy giờ thi đại tị chưa định niên hạn, nay chuẩn định 7 năm một lần thi. Việc định niên hạn về khoa thi bắt đầu từ đấy.

Đinh Mùi, năm thứ 16 (1247). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Thi Thái học sinh.

Trước đây, thi lấy học trò đỗ, chỉ chia ra hạng giáp, hạng ất để phân biệt người đỗ cao, đỗ thấp. Nay mới đặt ra tam khôi[4], lấy Nguyễn Hiền đỗ Trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhỡn, Đặng Ma La đỗ Thám hoa. Còn 48 người đỗ Thái học sinh đều được xuất thân[5] theo thứ tự trên dưới khác nhau. Chb. VI, 30

Lời chua – *Nguyễn Hiền* : Người ở Thượng Hiền, lộ Thiên Trường.

---

(1) Chỉ vào câu nói trong nước thái bình vô sự, nhân dân yên vui.

(2) Chỉ vào việc mười năm, mười lăm năm mới cho thăng chức và thuyên chuyển.

(3) Theo sách *Chu Lễ*, những người giữ chức khanh, đại phu, cứ 3 năm một lần đại tị, để xét về đức hạnh, đạo nghệ, người nào hiền tài thì được cất nhắc. Đời sau gọi khoa thi hương ở các tỉnh là "đại tị".

(4) Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa.

(5) Xuất thân nghĩa là con đường để ra làm quan. Sách *Tống sử* chép : Tống Chân Tông định điều lệ thi tiến sĩ, chia người đỗ làm 5 bậc : Bậc nhất, bậc nhì là cập đệ ; bậc ba là xuất thân ; bậc bốn, bậc năm là đồng xuất thân.

Lê Văn Hưu[1] : Người Đông Sơn, Thanh Hoá.

Đặng Ma La : Người ở Chương Đức[2] thuộc Sơn Nam.

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Tháng 8, mùa thu. Thi tam giáo.

Trước đây, những nhà theo Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo mà có con nối được nghiệp nhà đều cho vào thi. Nay lại thi những người thông hiểu cả các khoa về ba tôn giáo. Khoa thi này cũng định ra bậc "giáp" và bậc "ất" để phân biệt người đỗ cao, đỗ thấp. Năm ấy, lấy Ngô Tần đỗ giáp khoa ; Đào Diễn, Hoàng Hoan, Vũ Vị Phủ đỗ ất khoa.

Lời chua - *Ngô Tần* : Người ở Trà Lộ.

Đào Diễn, Hoàng Hoan : Người ở Thanh Hoá.

Vũ Vị Phủ : Người ở Hồng Châu.

Mậu Thân, năm thứ 17 (1248). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn miếu hiệu[3] Huy Tông[4] làm Thái tổ, đổi Thọ Lăng làm Huy Lăng.

Lời phê – *Truy tôn không xứng đáng, dầu có cũng như không.*

Tháng 3. Bắt đầu đắp đê Đỉnh Nhĩ[5].

Nhà vua hạ lệnh cho các lộ đắp đê tự đầu nguồn đến bãi biển, để đề phòng nước sông lên to, gọi là đê Đỉnh Nhĩ ; đặt chức Hà đê chánh sứ và phó sứ để trông coi đốc thúc việc đắp đê. Nếu có chỗ nào đắp vào ruộng đất của dân, sẽ tính trả tiền lại. Việc đắp đê Đỉnh Nhĩ bắt đầu từ đây. Chb. VI, 31

(1) Tác giả bộ *Đại Việt sử ký*, cộng 30 quyển.

(2) Nay là huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây.

(3) Vị hiệu thờ ở nhà Thái miếu.

(4) Huy Tông là miếu hiệu Trần Thừa, thân phụ Trần Cảnh. Xem thêm *Chính biên* quyển VI tờ 13.

(5) Tục gọi đê tai vạc.

Lời phê – *Một lần thất sách, để tai hại về sau không biết chừng nào !*

Tháng 4, mùa hạ. Dựng cầu Lâm Ba.

Dựng cầu ở chùa Chân Giáo. Cầu bắc qua ao Ngoạn Thiềm đến cung Cảnh Linh và quán Thái Thanh, gọi là cầu Lâm Ba.

Tháng 6. Hoàng hậu Lý thị mất, truy tôn là Hiển Từ Hoàng Thái hậu.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm – *Hoàng hậu Lý Thị nguyên là vợ An Sinh vương Liễu, Thái Tông nhân khi Lý thị đã có thai, cướp lấy làm vợ mình, như thế đã thương luân bội lý lắm rồi, lúc mất lại tôn là Thái hậu, thì còn có nghĩa lý gì ? Có lẽ sau này Thánh Tông lên nối ngôi vua, mới truy tôn Lý Thị là mẹ đẻ của mình*[1], *mà nhà làm sử đem chép lầm ở đây, cũng chưa biết chừng. Nếu không thế thì cướp chị dâu làm vợ, tôn vợ lên như mẹ, lại còn có nhân đạo gì nữa dư ?*

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - *Cả một đời nhà Trần vẫn gọi là đời không có nghi lễ. Việc truy tôn Lý hậu làm Hoàng Thái hậu dễ thường cũng có ; hành động sai lầm như vậy, thật đáng chê cười !* Chb. VI, 32

Sai thuật sĩ[2] **đi trấn yểm các núi sông.**

Thủ Độ sai những người tinh nghề phong thuỷ[3] xem xét núi sông khắp trong nước, hễ thấy chỗ nào có vượng khí[4], như núi Chiêu Bạc, sông Bà và sông Lễ ở Thanh Hoá đều bị đục phá,

---

(1) Lý Thị (không có tên), nguyên là công chúa triều nhà Lý, trước lấy Trần Liễu, khi đã có mang, bị Trần Cảnh (Thái Tông) cướp lấy làm vợ, đẻ ra Trần Quốc Khang ; sau mới có mang với Trần Cảnh, sinh ra Trần Hoảng, tức Trần Thánh Tông. Xem thêm *Chính biên* quyển VI tờ 16 và 20.

(2) Người theo về Đạo giáo, họ tự nhận tông phái của họ có nhiều pháp thuật, như cầu thần tiên, nguyền rủa, cầu cúng, giải hạn và làm bùa trấn yểm ma quỷ v.v...

(3) Người làm nghề địa lý, tìm đất tốt để mồ mả, cắm hướng nhà.

(4) Chỗ đất đẹp, có khí thế hưng vượng, có thể khởi được nghiệp đế vương.

lại lấp các khê cừ, mở ra đường ngang, đường dọc không biết bao nhiêu mà kể.

Lời phê – *Trần Thái Tông làm việc này, cũng một lối như Thuỷ Hoàng nhà Tần*[1] *đã làm ở Trung Quốc, đều do từ chỗ không có học vấn, nên hành động không có trí thuật gì cả.*

Lời chua – *Thanh Hoá* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI,20).

Núi Chiêu Bạc : Không rõ ở đâu, có lẽ là núi Chiếu Bạch ở huyện Nga Sơn.

Sông Bà Mã[2] : Ở huyện Đông Sơn.

Sông Lễ (2) : Tên riêng của sông Mã, phát nguyên từ nước Lão Qua[3], hạ lưu hợp với sông Lương, rồi chảy ra biển.

Kỷ Dậu, năm thứ 18 (1249). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa lại chùa Diên Hựu ; nhà vua hạ chiếu đại xá.

Chùa này làm từ đời Lý Thái Tông cốt để cầu phúc, nên gọi là Diên Hựu[4], nay sửa chữa lại.

Ngày mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Mưa đá dữ dội.

Canh Tuất, năm thứ 19 (1250). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

---

(1) Tần Thuỷ Hoàng ngờ ở phương Đông Nam có khí sắc linh tú, có thể phát sinh ra Thiên tử ; vì thế Thuỷ Hoàng thường đi tuần du về mặt đông để trấn áp.

(2) Nguyên văn về phần *mục* chép "Bà Lễ Giang", về *lời chua* lại chua "Bà mã Giang" và "Lễ Giang". Chúng tôi đã tham khảo sách *Đại Nam nhất thống chí,* về phần sông ngòi tỉnh Thanh Hoá, thấy chép Mã Bà Giang thuộc huyện Sơn Đông. Vậy không rõ con sông này tên là Bà Mã hay Mã Bà, sẽ khảo cứu sau. Còn sông Lễ là một tên riêng của sông Mã thuộc huyện Vĩnh Lộc.

(3) Tức nước Ai Lao.

(4) Xem thêm *Chính biên* quyển III tờ 4.

Vì có nạn động đất, nên hạ chiếu cho thiên hạ gọi vua là "quốc gia" ; đổi phủ Đô Vệ làm ba ty viện Phụng Tuyên, Thanh Túc và Hiến Chính, cho Lê Phụ Trần giữ việc trong các viện ấy. Lại hạ chiếu phàm những việc kiện tụng đã thành án rồi, thì cùng với quan trong viện Thẩm hình hội đồng với nhau để định tội. Chb. **VI**, 33

Lời chua – *Phủ Đô Vệ* : Tức phủ Đô hộ triều nhà Lý, phủ này giữ việc xét đoán kiện tụng, trước đây đã uỷ cho Trương Thất giữ việc này[1].

Lê Phụ Trần : Tên cũ là Lê Tần, người ở Ái Châu.

Tân Hợi, năm Nguyên Phong thứ 1 (1251). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 11).

Tháng 2, mùa xuân. Ban bố bài minh[2] cho các Hoàng tử.

Nhà vua tự tay viết bài minh ban cho các Hoàng tử, dạy những điều trung, hiếu, hoà, tốn, ôn, lương, cung, kiệm[3].

Đem Thiên Thành công chúa gả cho Trung Thành vương. Sau công chúa lại về với Quốc Tuấn.

Đã hứa gả công chúa cho Trung Thành vương, định đến ngày rằm tháng này (tức tháng 2) làm lễ "hợp kết", nhà vua nhân việc này mở hội bảy ngày đêm, bày các đồ quý báu và nhiều trò chơi vui để cho trong triều đình, ngoài dân gian được chơi xem. Trước ngày cưới, nhà vua cho công chúa sang ở nhà của Nhân Đạo vương ; đương đêm, Quốc Tuấn lẻn vào tư thông với công chúa. Thuỵ Bà biết tin, liền gọi cửa cáo cấp ; nhà vua hỏi, Thuỵ Bà nói rằng : "Không ngờ Quốc Tuấn là người càn dỡ, đương đêm lẻn vào chỗ ở của Chb. **VI**, 34

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển VI tờ 25.

(2) Chữ "minh" nghĩa đen là ghi. Dùng văn tự ghi chép những điều hay lẽ phải vào một vật gì để tự răn mình, hoặc khuyên răn người khác, dầu lâu ngày cũng không thể quên được.

(3) *Trung hiếu* : Trung với vua, hiếu với cha mẹ. *Hoà tốn* : Hoà nhã và khiêm tốn đối với mọi người. *Ôn lương* : Ngôn ngữ, cử động lúc nào cũng dịu dàng mềm mỏng mà không nghiêm khắc, bình thường giản dị mà không nham hiểm. *Cung kiệm* : Giữ mình nghiêm trang kính cẩn, tiêu dùng sẻn nhặt mà có tiết độ.

Thiên Thành công chúa, nên Nhân Đạo vương đã bắt được giữ lại rồi". Nhà vua sai ngay người hầu cận đến nhà tư Nhân Đạo vương, thì không nghe được tin tức gì cả ; họ liền vào chỗ công chúa ở, thì thấy Quốc Tuấn ở đấy. Lúc bấy giờ Nhân Đạo vương mới biết chuyện ấy. Đến ngày hôm sau, Thuỵ Bà dâng mười mâm vàng sống và nói rằng : "Vội vàng không kịp sửa lễ". Nhà vua bất đắc dĩ đem Thiên Thành công chúa gả cho Quốc Tuấn, rồi cho Trung Thành vương hai ngàn khoảnh (?) ruộng.

Lời phê - *Trần Quốc Tuấn là người văn võ toàn tài, đủ cả trung lẫn hiếu, duy phải một vết xấu này, nên không được là người hoàn toàn. Có lẽ cái thói chung chạ của nhà Trần đã ăn sâu vào đầu óc người ta, đến nỗi họ cho việc ấy là tự nhiên không có gì là quái lạ.*

Lời chua - *Thiên Thành*[1] : Con gái Thượng hoàng[2].

Quốc Tuấn[3] : Con An Sinh vương Liễu[4].

Thuỵ Bà[5] : Chị Thiên Thành và là mẹ nuôi Quốc Tuấn.

Trung Thành : Con của Nhân Đạo là thân vương nhà Trần, nhưng không rõ danh hiệu và thế thứ như thế nào.

Hợp kết : Búi tóc. Theo sách *Đông Kinh mộng hoa lục,* phàm làm lễ cưới, sau khi vợ chồng đã giao bái rồi, để xoã riêng một ít tóc không búi lại, lúc ấy hai họ đều đưa ra những đồ vóc, lụa, trâm cài tóc và lược chải đầu, gọi là "hợp kết".

Ban yến cho bầy tôi ở trong nội điện.

Bầy tôi vào hầu vua ăn yến, khi uống rượu say rồi, đều đứng dậy dắt tay nhau mà hát, Ngự sử trung tướng là Trần Chu Phổ cũng theo người ta dắt tay để hát, nhưng chỉ nói câu "sử quán

---

(1) Thượng hoàng tức Trần Thừa. Thiên Thành Công chúa, An Sinh vương Liễu, Thuỵ Bà và Trần Thái Tông đều là con Trần Thừa.

(2) - nt -

(3) Quốc Tuấn là con An Sinh vương Liễu, Quốc Tuấn đối với Thiên Thành công chúa là cô cháu ruột.

(4) Thượng hoàng tức Trần Thừa. Thiên Thành công chúa, An Sinh vương Liễu, Thuỵ Bà và Trần Thái Tông đều là con Trần Thừa.

(5) - nt-

hát" thế thôi. Về việc yến tiệc, sau lại bày trò có người đội mo nang, cầm dùi đục, đứng chỉ huy hiệu lệnh uống rượu nữa. Chb.VI, 35

Tháng 4, mùa hạ. An Sinh vương Liễu mất.

Nhâm Tí, năm thứ 2 (1252). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành. Tháng 12, mùa đông. Chấn chỉnh đội ngũ trở về nước.

Từ khi họ Lý suy yếu, nước Chiêm Thành thường dùng những chiếc thuyền nhỏ sang cướp bóc dân ở ven biển. Khi nhà vua lên ngôi, sai sứ sang dụ, Chiêm Thành dẫu thường vào cống, nhưng vẫn đòi lại đất cũ[1], lại có ý dòm dỏ nước ta. Nhà vua giận lắm, hạ lệnh cho Khâm Thiên vương là Nhật Hiệu giữ Kinh thành, rồi thân đem quân đi đánh, bắt được vợ vua nước ấy là Bố Gia La và những thần thiếp nhân dân đem về.

Quý Sửu, năm thứ 3 (1253). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Khâm Thiên đại vương Nhật Hiệu làm Thái uý.

Tháng 6. Lập viện Quốc học.

Khi viện Quốc học làm xong, nhà vua bắt đắp tượng Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử và vẽ tượng bảy mươi hai người hiền[2] để thờ. Chb. VI, 36

Tháng 8, mùa thu. Lập nhà giảng vũ.

Tháng 9. Hạ chiếu cho học trò trong nước vào viện Quốc Tử để giảng luận nghĩa lý *Ngũ Kinh*[3] và *Tứ thư*[4].

---

(1) Tức đất ba châu Địa Lý, Ma linh và Bố Chính do chúa Chiêm Thành là Chế Củ đã dâng cho Lý Thánh Tông năm Thần Vũ thứ nhất (1069) (xem thêm *Chính biên* quyển III tờ 29).

(2) Những học trò vào bậc cao đệ của Khổng Tử.

(3) Kinh *Dịch,* kinh *Lễ*, kinh *Thi,* kinh *Thư* và kinh *Xuân thu.*

(4) *Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học và Trung dung.*

Giáp Dần, năm thứ 4 (1254). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Định quy chế dùng kiệu, dùng ngựa và quân hầu cho họ tôn thất và các quan văn, quan võ.

Phép nhà Trần, từ họ tôn thất đến quan ngũ phẩm đều được dùng kiệu, ngựa và võng (chỉ nha) : Họ tôn thất thì kiệu hình đầu chim phượng, sơn son ; quan tướng quốc thì kiệu hình chim anh vũ, sơn then, lọng dùng sắc tía hoặc sắc xanh, quân hầu nhiều nhất là ngàn người, ít nhất là trăm người.

Lời chua – *Chỉ nha* : Sách *An Nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép là "để nha" (cái võng). Cách thức chế cái võng này như sau : dùng một bức vải dài treo lên hai đầu cái đòn gỗ cong, nhưng treo cho bức vải và đòn gỗ hơi gần với nhau, trên đòn che một cái chiếu lớn ; người sang trọng ngồi bên trong, hai người khiêng hai đầu võng mà đi. Cái cáng bây giờ là hình dáng cái võng ngày trước còn sót lại.

Tháng 6. Bán ruộng công cho dân.

Cứ mỗi diện ruộng, cho phép dân được bỏ ra 5 quan tiền, mua làm ruộng tư. Chb. **VI**, 37

Lời chua – *Diện* : Thời sau này gọi là mẫu.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua bắt Phạm Ứng Mộng tự thiến mình để vào hầu trong cung cấm.

Nhà vua chiêm bao thấy mình đi chơi, gặp thần nhân trỏ vào một người mà bảo vua rằng : "Người này có thể làm hành khiển được". Lúc tỉnh dậy, nhà vua ghi lấy việc ấy. Một hôm, sau khi tan chầu rồi, vua ra chơi ngoài thành, thấy một người con trai đi từ phía nam lại, trông hệt như người mà mình đã thấy trong lúc chiêm bao. Gọi lại hỏi, người ấy đối đáp cũng như những lời đã nói trong lúc chiêm bao. Ý nhà vua muốn cho làm Hành khiển, nhưng nghĩ khó khăn không biết làm thế nào cho hợp lệ, liền ban cho bốn trăm quan tiền để tự thiến mình, đặt tên cho là Ứng Mộng, sau thăng dần lên đến chức hành khiển. Việc này

có lẽ bắt chước như việc dùng Lý Thường Kiệt, Lý Thường Hiến ở triều nhà Lý.

Lời phê – *Huyền hoặc ! Ví thế nào được như việc Thượng đế cho người hiền thần giúp việc ở đời nhà Ân*[1] *!*

Lời chua – *Hành khiển* : Chức Tể tướng thứ hai. Theo chế độ cũ, chỉ có trung quan[2] mới được sung vào chức này.

Phạm Ứng Mộng : Người huyện Thanh Miện, thuộc Hồng châu[3].

Ất Mão, năm thứ 5 (1255). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Lưu Miễn đi bồi đắp đê ở sông thuộc lộ Thanh Hoá.

Tháng 4, mùa hạ. Đặt chức Hà đê sứ.

Các lộ có đê điều đều đặt hai chức chánh sứ và phó sứ, lấy các quan giữ chức nhàn tản sung bổ ; hằng năm cứ khi nào làm ruộng xong, các viên ấy đốc quân đắp sườn đê và khơi các khe cừ, để đề phòng khi thuỷ tai hoặc đại hạn. Chb. **VI**, 38

Tháng 8, mùa thu. Nước to, nhà vua ra chơi Hồ Tây.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm – *Nước với đất bản chất đều thuộc về phần âm, nước lớn, đất động, đều là khí âm không điều hoà. Suốt đời Thái Tông, 6 lần nước to*[4]*, 3 lần động đất*[5]*, một lần đất nứt ra*[6]*, đó là bởi cái lỗi trên dưới loạn dâm làm cho*

(1) Cao tông nhà Ân là một vị vua hiền, muốn tìm được người hiền tài để giúp việc trị nước. Một hôm, chiêm bao thấy Thượng đế cho một hiền thần, mới vẽ hình dạng người đã trông thấy trong lúc chiêm bao, rồi sai người đi tìm, sau tìm được Phó Duyệt đương đắp tường đất ở Phó nham, mời về giúp việc, quả nhiên Phó Duyệt là bậc hiền tài giúp Cao tông trị nước, làm cho nhà Ân được thịnh trị.

(2) Trung quan tức hoạn quan.

(3) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

(4) Sáu lần nước lớn : Năm Thiên Ứng Chính bình thứ 2, thứ 5, thứ 7, 12, 14 và năm Nguyên Phong thứ 5.

(5) Ba lần động đất : Năm Thiên Ứng Chính bình thứ 9, 16, 19.

(6) Một lần đất nứt : Năm Thiên Ứng Chính bình thứ 10.

khí dương mất tiết độ mà khí âm tự phóng túng, thế mà bấy giờ không hề thấy có làm việc gì tỏ ra sợ hãi, tự sửa lấy mình. Tai biến hiện ra luôn mà vẫn coi là việc thường, vua thì nhân khi nước to mà ra chơi Hồ Tây, bầy tôi thì nhân khi nước to mà hiếp cung nữ(1). *Lấy tai biến làm vui, chỉ dâm dục cho thoả thích, chưa có bao giờ quá độ đến như thế !*

Lời chua – *Hồ Tây* : Một tên nữa là hồ Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb.II,11).

Bính Thìn, năm thứ 6 (1256). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Thi Thái học sinh.

Trước kia, thi lấy sĩ tử, chỉ lấy đỗ có một Trạng nguyên, nay mới chia ra kinh và trại : Từ Thanh Hoá trở vào trong gọi là trại ; từ Thanh Hoá trở ra ngoài gọi là kinh. Chb. **VI**, 39
Khoa thi này, lấy Trần Quốc Lặc đỗ kinh Trạng nguyên ; Trương Xán đỗ trại Trạng nguyên, Chu Hinh đỗ bảng nhãn, Trần Uyên đỗ thám hoa ; còn 43 người đỗ thái học sinh, đều được xuất thân(2) tuỳ theo cấp bậc cao thấp khác nhau.

Lời chua – *Quốc Lặc* : Người huyện Thanh Lâm thuộc Hồng Châu(3).

Trương Xán : Người ở Hoành Sơn thuộc Bố Chính.

Chu Hinh : Người ở Tế Giang thuộc Bắc Giang(4).

Trần Uyên : Người ở Đường Hào thuộc Hồng Châu(5).

---

(1) Chỉ việc Trần Liễu nhân nước to, đi thuyền vào chầu, rồi ghé thuyền vào cung Lệ Thiên hiếp dâm phi tần cũ nhà Lý. (Xem thêm *Chính biên* quyển VI, tờ 16).

(2) Xem Thái học sinh và xuất thân chua ở *Chính biên* quyển VI tờ 30.

(3) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

(4) Tế Giang : sau là Văn Giang thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

(5) Nay là huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

Tháng 3 nhuận. Đúc 330 quả chuông bằng đồng.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Đúc một lúc 330 quả chuông, lãng phí đồng để ném vào việc vô dụng, xét ra nhà Trần sùng đạo Phật lại có phần hơn nhà Lý nhiều.*

Tháng 5, mùa hạ. Sét đánh điện Thiên An và cung Thái Thanh, tượng Thiên Tôn đổ nằm phục xuống đất.

Lời chua – *Điện Thiên An* : Tức điện Kiền Nguyên, là nơi để vua ra coi triều, điện này dựng lên thời nhà Lý[1], Nhà Trần cũng giữ như cũ.

Cung Thái Thanh : Ở bên tả điện Thiên An, trong cung thờ tượng Thiên Tôn.

Đào sông Tô Lịch.

Lời chua – *Sông Tô Lịch* : Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb.IV,31).

Tháng 7, mùa thu. Vũ Thành vương tên là Doãn chạy sang đất nhà Tống, bị viên quan bản thổ ở Tư Minh là Hoàng Bính bắt được đưa trả lại.

Doãn là con An Sinh vương Liễu, do Lý Thị sinh ra, từ khi nhà vua chiếm lấy Lý Thị lập làm Hoàng hậu, An Sinh vương đối với quốc gia có sự hiềm khích, đến khi Lý hậu mất, tên Doãn bị thất thế, nên đem cả gia quyến chạy sang đất nhà Tống, bị viên quan bản thổ ở Tư Minh là Hoàng Bính bắt được đưa trả lại, nhà vua ban vàng lụa thưởng cho Hoàng Bính. Từ bấy giờ việc xét hỏi quan ải ngày thêm nghiêm mật. Chb. **VI**, 40

Lời chua – *Tư Minh* : Tên phủ(?), thuộc phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây, giáp với tỉnh Lạng Sơn nước ta.

Đinh Tị, năm thứ 7 (1257). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 5).

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển II tờ 19.

Tháng 2, mùa xuân. Lấy con gái viên Thổ quan nhà Tống là Hoàng Bính sung vào hậu cung sách phong làm Huệ Túc phu nhân.

Lúc ấy nước Mông Cổ ngày càng mạnh, Hoàng Bính biết nhà Tống sắp mất, nên đem cả gia quyến đến khuyết đình và tiến con gái lên cho vua, vua cho sung vào hậu cung. Sau Hoàng Bính lại đem dâng phẩm vật ở địa phương và đem một ngàn hai trăm người bộ thuộc đến nước ta xin quy phụ.

Tháng 9. Hạ mệnh lệnh cho Quốc Tuấn đem quân trấn ngự biên thuỳ phía bắc.

Chủ trại Quy Hoá là Hà Khuất chạy trạm về triều tâu việc quân Mông Cổ sang xâm lấn, nhà vua hạ lệnh cho Quốc Tuấn đốc suất tả hữu tướng quân đem quân đi trấn ngữ.

Lời chua – *Quy Hoá :* Xưa thuộc bộ Tân Hưng, nhà Lý gọi là Đăng Châu ; nhà Trần gọi là trại Quy Hoá ; nhà Lê đổi làm phủ ; bây giờ cũng theo như cũ, thuộc tỉnh Hưng Hoá[1]. Chb. **VI**, 41

Tháng 12. Quân của Mông Cổ xâm phạm đến địa phận sông Thao, nhà vua tự làm tướng đem quân đi chống cự, bị thua.

Tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai đã chiếm lấy được nước Đại Lý[2], liền kéo quân xâm phạm đến địa phận sông Thao nước ta. Nhà vua làm tướng ra đốc chiến, tự đi dẫn đầu xông vào mũi tên hòn đạn ; quan quân cứ dần dần rút lui.

---

(1) Theo *Hưng hoá chí lược* của Phạm Thận Duật thì : Phủ Quy Hoá thống lĩnh 3 huyện là Yên Lập, Văn Chấn, Trấn Yên và 2 châu là Văn Bàn, Thuỷ Vĩ. Nay huyện Yên Lập thuộc tỉnh Phú Thọ, còn 2 huyện và 2 châu kia thuộc tỉnh Yên Bái.

(2) Nước Đại Lý bị Hốt Tất Liệt nhà Nguyên diệt từ năm 1252, đặt là Đại Lý lộ, bây giờ thuộc địa phận tỉnh Vân Nam.

Nhà vua ngoảnh trông 2 bên, chỉ thấy có Lê Phụ Trần một mình cưỡi ngựa ra vào trong trận giặc, nhan sắc bình tĩnh như thường. Bấy giờ có người khuyên nhà vua đóng quân ở đấy để chỉ huy việc đánh giặc. Lê Phụ Trần can rằng : "Nếu bây giờ bệ hạ làm như thế, thì chỉ như người dốc hết túi tiền để đánh nốt tiếng bạc mà thôi. Tôi tưởng hãy nên lánh đi, không nên khinh thường mà nghe người ta được". Nhà vua nghe lời, lui quân đóng ở sông Phú Lương, Phụ Trần đi sau cùng để vén quân. Lúc ấy quân Mông Cổ đuổi gấp, bắn tứ tung, Phụ Trần lấy cái sạp thuyền che đỡ cho nhà vua được thoát nạn.

Bấy giờ thế giặc mạnh lắm, kéo quân sát thẳng đến Đông Bộ Đầu mới đóng lại, nhà vua lại phải lui xuống giữ sông Thiên Mạc. Có lúc nhà vua ngự chiếc thuyền nhỏ, tới thuyền của Thái uý Nhật Hiệu để hỏi kế hoạch. Nhật Hiệu đương ngồi tựa vào thuyền, không thể đứng dậy được, chỉ lấy nước viết ở bên mạn thuyền hai chữ "nhập Tống"[1]. Nhà vua hỏi đội quân Tinh Cương ở đâu. Nhật Hiệu thưa rằng : "Đã cho triệu tập, nhưng không thấy đến". Nhà vua lập tức dời thuyền đến hỏi Thái sư là Thủ Độ, Thủ Độ thưa rằng : "Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo nghĩ đến chuyện khác cho phiền lòng." Chb. **VI**, 42

Lời chua – *Sông Thao* : Xem Lý Nhân Tông, năm Hội Phong thứ 5 (Chb. IV,2).

Sông Phú Lương : Tức sông Nhị Hà bây giờ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb.II,13)

Sông Thiên Mạc : Tức hạ lưu sông Phú Lương, ở Mạn Trù Châu, huyện Đông Yên, thuộc địa giới tỉnh Hưng Yên.

---

(1) Nhật Hiệu viết hai chữ "nhập Tống" ý nói nên chạy sang Trung Quốc nương nhờ vào nhà Tống.

Quân Tinh Cương : Tức quân tuyển trong những người ở làng Tinh Cương do Nhật Hiệu thống lĩnh.

Nhà vua đánh tan được quân Mông Cổ ở Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cổ phải rút lui.

Nhà vua cùng Thái tử lại tiến quân đến Đông Bộ Đầu đánh quân Mông Cổ, thu được toàn thắng. Quân Mông Cổ rút lui, khi rút đến trại Quy Hoá, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Mán đánh úp, lại thắng được một trận lớn. Lúc ấy quân Mông Cổ mới lấy được Vân Nam, quân tuần tiễu mới đến, không có ý đánh để chiếm lấy, nên lúc ấy người ta gọi toán quân ấy là "giặc bụt". Sau khi giặc đã lui rồi, nhà vua thưởng cho Hà Bổng tước hầu.

Lời cẩn án – *Trận này thế giặc rất mạnh, thế mà* Sử cũ *chỉ chép rằng nhà vua tiến quân đánh được giặc, không chép rõ cái cớ sở dĩ đánh được như thế nào cả. Tham khảo sách* Nguyên sử loại biên *và sách* Cương mục tục biên *(Trung Quốc) đều chép rằng : Ngột Lương Hợp Thai đã bình được nước Đại Lý, kéo quân sang nước ta, ba lần sai sứ đến dụ nhà vua đầu hàng, đều không thấy sứ thần trở về, bấy giờ mới chia đường tiến quân, nhân thế thắng, kéo vào đô thành nước ta, khi vào, thấy ba người sứ sai sang trước còn bị giam ở trong ngục, người nào cũng bị những thanh tre bó chặt vào mình sát hẳn đến da, khi cởi trói ra, thì một người đã bị chết, họ liền giết hết cả dân trong thành. Đóng quân ở đây được 9 ngày, vì không chịu được nóng nực, phải rút về. Lại sai sứ giả đến chiêu an, vua Thái Tông giận họ tàn phá, nên lại sai trói hai sứ giả đưa trả lại. Việc chép ở hai sách này so với việc chép ở* Sử cũ *không hợp với nhau, nhưng cũng ghi cả để tiện tham khảo.*

Chb. **VI**, 43

Lời chua – *Đông Bộ Đầu* : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 5 (Chb.V,33).

Ngột Lương Hợp Thai : Sách *Cương mục tục biên* (Trung Quốc) chép là Ô Lan Cáp Đạt ; sách *Thông giám tập lãm* (Trung Quốc) chép là Ô Đặc Cáp Lý Đạt.

Tha tội cho người tiểu hiệu là Hoàng Cự Đà.

Trước kia, nhà vua ban quả muỗm cho những người hầu cận, mà không cho Cự Đà. Khi quân Mông Cổ kéo đến Đông Bộ Đầu, Cự Đà chèo thuyền đi trốn, thuyền đến sông Hoàng Giang, gặp thuyền của Thái tử đương từ hạ lưu đi ngược lên. Cự Đà trông thấy, tránh thuyền sang bờ sông bên kia, thuyền đi rất nhanh. Quan quân ở bờ bên này sông hô to lên hỏi : "Quân Mông Cổ bây giờ ở đâu ?" Cự Đà trả lời : "Tôi không biết, các anh nên hỏi những người nào được ăn muỗm ấy". Đến nay, Thái tử xin luận tội Cự Đà thật nặng để răn bảo người làm tôi bất trung. Nhà vua nói : "Kể tội Cự Đà đáng lẽ phải giết cả họ, nhưng đời trước cũng có việc tên Dương Châm, vì không được ăn thịt dê, làm cho quân nhà Tống đến nỗi bị thua[1] ; thế thì cái tội Cự Đà tức là lỗi ở quả nhân, nghĩ nên tha tội chết cho nó, và cho đi đánh giặc để chuộc tội". Chb. **VI**, 44

Lời phê[2] – *Đây cũng chỉ là hiếu danh mà thôi, không được chính đáng bằng ý kiến của thái tử.*

---

(1) Thời Xuân Thu, nước Tống đánh nhau với nước Trịnh, khi sắp đánh nhau, tướng nước Tống là Hoa Nguyên giết dê cho quân sĩ ăn, người cầm cương xe ngựa tên là Dương Châm không được ăn. Lúc đánh nhau, Dương Châm bảo Hoa Nguyên rằng "việc chia thịt dê hôm trước quyền ở ông, còn việc ngày nay là quyền ở tôi", rồi hấn đánh xe xông thẳng vào hàng ngũ quân Trịnh, thành ra Hoa Nguyên bị quân Trịnh bắt, quân Tống bị thua. *(Xuân Thu đại toàn* quyển XIX tờ 13).

(2) Chỉ việc Trần Thái Tông nhận lỗi về mình để tha tội cho Cự Đà.

Lời chua – *Hoàng Giang* : Ở địa giới huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân bây giờ, phía trên tiếp giáp sông Thiên Mạc, phía dưới thông với sông Giao Thuỷ.

Mậu Ngọ, năm thứ 8 (1258). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc niên hiệu Thiệu Long thứ 1 đời Thánh Tông – Tống, năm Bảo Hựu thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Đem Hoàng hậu cũ là Lý Thị[1] gả cho Ngự sử Đại phu Lê Phụ Trần.

Quân Mông Cổ đã rút lui, trăm họ lại yên nghiệp làm ăn như trước, sáng ngày mồng một tết, nhà vua ngự triều ở chính điện, định công đánh giặc để ban thưởng, phong cho Lê Phụ Trần chức Ngự sử đại phu, lại gả Chiêu Thánh công chúa cho. Nhà vua bảo Lê Phụ Trần rằng : "Nếu trẫm không có nhà ngươi giúp sức, thì làm gì được có ngày nay, nhà ngươi nên cố gắng để cùng làm tròn sự nghiệp sau này".

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua đã thu phục được kinh thành, toan truyền ngôi cho Thái tử, nên sai sứ sang báo cáo với nhà Tống và đưa dâng hai con voi. Chb. **VI**, 45

Bấy giờ Mông Cổ cũng sai sứ sang nước ta, đòi hằng năm phải cống nạp, vì thế nhà vua mới sai Lê Phụ Trần sang sứ Mông Cổ, và cho Chu Bác Lãm làm Phó sứ, định cứ 3 năm một lần sang cống.

Tháng 2. Nhà vua truyền ngôi cho Hoàng Thái tử là Hoảng. Sau khi Thái tử lên ngôi, tôn nhà vua làm Hiển Nghiêu Thánh thọ Thái thượng hoàng đế.

---

(1) Tức Chiêu Hoàng nhà Lý, lấy Trần Thái Tông, sách phong là Chiêu Thánh Hoàng hậu, sau Thái Tông lấy vợ Trần Liễu, truất Chiêu Thánh Hoàng hậu làm công chúa. (Xem thêm *Chính biên* quyển VI, tờ 16).

Thái tử đã lên ngôi, xưng hiệu là Nhân Hoàng ; bầy tôi dâng tôn hiệu là Kiến Thiên thể đạo Đại Minh, Quang Hiếu Hoàng đế (tức là Thánh Tông).

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Gia pháp họ Trần, khi Thái tử đã khôn lớn thì cho nối ngôi chính thống ngay, mà vua cha thì lui về ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cha con vẫn cùng nhau giữ chính quyền trong nước. Thực ra, chỉ truyền ngôi vua để phòng nếu khi vội vàng thì ngôi vua sau này đã được ổn định đó thôi, còn các công việc đều do Thượng hoàng quyết đoán. Khi Thượng hoàng còn thì ông vua nối ngôi sau này cũng không khác gì Thái tử. Việc này có lẽ theo nghĩa trong kinh* Dịch *là quẻ Kiền lui về tây bắc mà quẻ Chấn tiến lên phương đông vậy*[1].

Lời phê – *Phép truyền ngôi vua này của nhà Trần cũng hay, có thể bắt chước được.*

Tháng 8, mùa thu. Gió dữ tợn quá, ngọn tháp Báo Thiên bị đổ.

Lời chua – *Tháp Báo Thiên* : Dựng từ năm Long thuỵ thái bình thứ 4 đời Lý Thánh Tông (1057). Ngọn tháp cao vài mươi trượng, xây thành 12 tầng.

Lập Trần Thị làm Hoàng hậu.

Trần Thị là con gái An Sinh vương Liễu, nhà vua lấy làm vợ, phong là Thiên cảm phu nhân, rồi lại sách lập làm Hoàng hậu. Chb. VI, 46

(1) Quẻ Kiền tượng trưng người cha : nói về vị trí thì ở về Tây Bắc ; nói về thời tiết là lúc mùa thu mùa đông giao tiếp nhau, lúc ấy muôn vật tiềm tàng khô héo.

Quẻ Chấn tượng trưng người con trai trưởng : nói về vị trí thì ở về phương đông ; nói về thời tiết là mùa xuân, lúc ấy muôn vật đều sinh trưởng.

Tháng 11, mùa đông. Phong cho em là Quang Khải làm Chiêu Minh đại vương.

Quang Khải là con thứ 3 của Thượng hoàng[1], em cùng mẹ với nhà vua.

Lời chua – Theo quy chế nhà Trần, phong các Hoàng tử, người trưởng được tước Đại vương, người thứ được tước vương, người thứ nữa được phong là Thượng vị hầu ; về phần con các tước vương thì người trưởng được phong tước vương, người thứ phong Thượng vị hầu.

(1) Thượng hoàng đây là Trần Cảnh, tức Trần Thái Tông.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 7

Từ năm Kỷ Mùi, Trần Thánh Tông, niên hiệu Thiệu Long thứ 2 (1259) đến năm Bính Tuất, Trần Nhân Tông, niên hiệu Trùng Hưng thứ 2 (1294), gồm 28 năm. Chb. VII, 1

*

Kỷ Mùi, Thánh Tông hoàng đế năm Thiệu Long thứ 2 (1259) (Tống, năm Khai Khánh thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Phong cho Nguyễn Giới Huân làm Đại hành khiển thượng thư Tả Phụ ; Lê Phụ Trần làm Thuỷ quân đại tướng quân.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi bái yết sơn lăng.

Đặt quan để coi giữ sơn lăng.

Canh Thân, năm thứ 3 (1260). (Tống, năm Cảnh Định thứ 1 ; Mông Cổ, Thế tổ Hốt Tất Liệt năm Trung Thống thứ 1).

Ngày Mậu Thìn, mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực. Ngày Nhâm Thìn, xung quanh mặt trời có hai vòng sắc sáng.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1261). (Tống, năm Cảnh Định thứ 2 ; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lính.

Tuyển dân đinh các lộ, người nào khoẻ mạnh sung làm lính ; ngoài ra sung làm người sắc dịch ở sảnh, ở viện, ở cục và sung vào đội tuyển phong ở lộ, phủ, huyện.

Thi lại viên.

Thi bằng phép viết và phép tính, người nào trúng tuyển được bổ làm duyện lại[1] ở nội lệnh sử[2]. Còn ti Thái Y[3], ti Thái Chúc[4] thì thi những người tinh thông nghề nghiệp chuyên môn, người nào trúng tuyển về môn gì, sẽ được sung bổ vào chức việc ti ấy.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ thần nước Mông Cổ sang. Chb. VII, 2

Trước đây Hiến Tông nước Mông Cổ sai Nạp Thích Đinh sang dụ nhà vua rằng : "Ngày trước nước Mông Cổ sai sứ sang thông hiếu, thì sứ thần bị bắt không được trở về, vì thế mới có cuộc hành quân năm trước ; đến khi sai hai sứ thần sang chiêu an, lại bị trói đưa trả lại, nay đặc phái sứ thần sang hiểu dụ một lần nữa, nếu quyết lòng xin phụ thuộc vào Trung Quốc thì vua phải thân hành sang chầu". Nhà vua tiếp được thư, trả lời rằng : "Đợi khi nào có chiếu chỉ của Thiên tử, lúc ấy sẽ cho ngay con sang làm con tin". Đến đây, Thế Tổ nước Mông Cổ mới lên ngôi, lại sai Lễ bộ lang trung là Mạnh Giáp, Viên ngoại lang là Lý Văn Tuấn sang dụ rằng : "Quan lại, sĩ thứ nước An Nam, phàm áo mũ lễ nghi đều được theo chế độ cũ nước mình. Trung Triều[5] đã hạ lệnh răn bảo quan lại ở ngoài biên giới không được thiện tiện đem quân xâm nhiễu, vậy hai bên đều nên giữ

(1) Một chức trong hàng lại điển, giữ việc từ hàn ở trong cơ quan.

(2) Cơ quan hành chính.

(3) Giữ việc thuốc thang điều trị cho vua chúa.

(4) Giữ nghi lễ tế tự.

(5) Triều đình Trung Quốc.

việc trị an như cũ". Khi bọn Mạnh Giáp đã đến nơi, nhà vua ban yến ở cung Thánh Từ. Sau nhà vua sai viên Thông thị đại phu là Trần Phụng Công, viên ký ban các vệ là Nguyễn Thám và Viên ngoại lang là Nguyễn Diễn sang Mông Cổ đáp lễ, vua Mông Cổ ban sách phong và cho ba súc gấm tây cẩm, sáu súc gấm vàng. Lại định lệ ba năm một lần sang cống kể bắt đầu từ năm Trung Thống thứ 4 (1263) và bắt phải tuyển những học trò, thầy thuốc, thầy số, thầy bói và các thợ, mỗi hạng ba người, cùng với trầm hương, tê giác, đồi mồi, trân châu, ngà voi, chén, các hạng kể trên, phải đưa sang cùng một lúc.

Vua Mông Cổ cho Nạp Thích Đinh sung làm quan Đạt lỗ hoa xích, đi lại giám sát việc cai trị, nhà vua sai Dương An Dưỡng sang tạ ơn, vua Mông Cổ đáp lại bằng đai ngọc, the lụa, thuốc bắc và yên ngựa, cương ngựa. Chb. **VII**, 3

Lời chua – *Đạt lỗ hoa xích* : Tên chức quan của Mông Cổ, dịch ra nghĩa là quan trưởng ấn, chức quan này giám sát việc cai trị quận huyện.

Bổ dụng Chiêu Minh đại vương là Quang Khải làm Thái uý.

Người anh nhà vua là Quốc Khang nhiều tuổi, nhưng vì tài trí tầm thường không dùng được, nên dùng Quang Khải làm tướng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Chế độ nhà Trần, tước vương, tước hầu đều ở dinh thự riêng tại các làng. Khi triều yết thì về kinh, khi xong việc lại trở về dinh thự riêng của mình. Đến lúc vào làm Tể tướng trong triều mới thống lĩnh hết cả công việc trong nước, nhưng cũng chỉ giữ đại cương mà thôi, còn quyền xếp đặt thì thuộc chức Hành khiển, như thế thì người chức nhỏ lại giữ việc nặng, người chức lớn lại giữ việc nhẹ. Bởi vì muốn bảo toàn cho Tể tướng, nên không muốn để Tể tướng phải phiền lòng về nhiều việc. Vả lại, xem như năm Nguyên Phong*[1], *giặc Nguyên sang cướp, các vương hầu đều đem hương binh và thổ*

(1) Niên hiệu đời Trần Thái Tông.

hào sung vào đội quân cần vương ; việc chính biến năm Đại Định[1], *vương hầu lại đem dân các thôn trang sắm sửa nghi trượng (tử tú long đại) để đón vua mới. Như thế thì chế độ nhà Trần cũng làm tăng được sức mạnh của khí thế "duy thành"*[2].

Lời chua – *Đại Định* : Niên hiệu tiếm thiết của Dương Nhật Lễ.

Long Đại : Tức là Nghi trượng khi thiên tử đi ra ngoài cung điện. Theo mục "Nghi vệ chí" trong *Tống thư, tử tú long đại* là nghi trượng của thiên tử. Chb. **VII**, 4

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1262). (Tống, năm Cảnh Định thứ 3 ; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Đem làng Tức Mặc thăng lên làm phủ Thiên Trường, dựng cung Trùng Quang, Trùng Hoa và chùa Phổ Minh ở phủ ấy.

Thượng hoàng đến chơi hành cung ở Tức Mặc, ban yến tiệc cho dân. Các ông già trong làng người 60 tuổi trở lên, cho quan tước hai tư[3], đàn bà thì cho hai tấm lụa. Nhân đấy đổi làng Tức Mặc làm phủ Thiên Trường ; dựng cung gọi là Trùng Quang để cho các vua đã nhường ngôi rồi về ở, phía tây cung dựng chùa Phổ Minh ; lại dựng một cung riêng để cho tự quân[4]

---

(1) Dương Nhật Lễ cướp ngôi vua nhà Trần (1369), tôn thất nhà Trần đem quân đón Trần Húc (con Trần Minh Tông) ở Đà Giang về giết được Nhật Lễ, khôi phục ngôi vua nhà Trần, tức Trần Nghệ Tông.

(2) Thơ Bản trong thiên *Tiểu nhã kinh Thi* có câu "tông tử duy thành", người tôn thất như cái thành bảo vệ triều đình. Người làm vua nên lấy đạo nghĩa đối đãi tôn thất, thì cái thành mới vững.

(3) *Tư* : Tư cách. Có những điểm như sau : mục "Bách quan chí" trong *Đường thư* chép : Xét công trạng các quan chia ra nhiều tư : thượng tư, thứ tư và hạ tư, người bạch đinh và vệ sĩ không có tư (*Từ Hải* trang 26). Mục "Tuyển cử chí" trong *Đường thư* chép : Lại bộ thượng thư Bùi Quang Đỉnh mới đặt thể lệ theo tư cách, các viên chức không kể người hiền người ngu, tất phải hợp tư cách mới được bổ dụng, nghĩa là theo địa vị để tuyển dụng có một cách thức nhất định. (*Từ Hải*, tờ 1274 và *Từ Nguyên*, Dậu tập, tờ 97).

Nước ta về triều Lê, các quan chức có 24 thông tư, bậc thấp nhất là tùng cửu phẩm, một tư, bậc cao nhất là quốc công đủ 24 tư (*Cương mục thông giám Chính biên* quyển XXII tờ 25).

(4) Hoàng tử nào được vua cha truyền ngôi cho lên làm vua gọi là tự quân.

khi đến chầu Thượng hoàng thì ngự ở đó, gọi là cung Trùng Hoa ; đặt người chức dịch ở hai cung ấy để phòng khi sai khiến hầu hạ, và đặt chức Lưu thủ để trông coi.

Lời chua – *Tức Mặc* : Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2 (Chb.VI,4).

Tháng 3. Hạ chiếu cho các quân đội tập trận.

Quân thuỷ và quân bộ đều phải sửa soạn chiến khí, chiến thuyền, diễn tập chiến trận ở bãi phù sa sông Bạch Hạc.

Lời chua – *Sông Bạch Hạc* : Ở địa phận huyện Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây[1]. Sông này phía trên giáp với sông Thao, sông Đà, phía dưới thông với sông Phú Lương.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ thần nhà Tống sang.

Nhà Tống thấy nhà vua đã được Thượng hoàng truyền ngôi cho rồi, nên hạ chiếu cho tập phong làm An Nam quốc vương và gia phong vua Thái Tông làm Đại vương. Chb. VII, 5

Tháng 9, mùa thu. Xét tình trạng những người bị tội.

Người bị tội dầu nặng dầu nhẹ đều được tha bổng, duy lúc quân Mông Cổ sang xâm lược mà ai hàng giặc thì không được tha.

Quý Hợi, năm thứ 6 (1263). (Tống, năm Cảnh Định thứ 4 ; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa đá.

Tháng 3. Sét đánh điện Thiên An.

Lời chua – *Điện Thiên An* : Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 2 (Chb, II, 33).

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh bệnh dịch.

Tháng 12, mùa đông. Mưa to, gió lớn.

---

(1) Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Giáp Tí, năm thứ 7 (1264). (Tống, năm Cảnh Định thứ 5 ; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 1).

Tháng Giêng, mùa xuân. Trần Thủ Độ mất.

Thủ Độ dầu không có học vấn gì, nhưng có tài lược. Thái Tông được thiên hạ là do mưu sức của Thủ Độ cả, cho nên Thủ Độ là một chỗ dựa vững chắc của nhà Trần, quyền bính lấn át cả vua. Bấy giờ có người đã hặc[1] Thủ Độ, khi người ấy trông thấy Thái Tông, liền chảy nước mắt mà tâu rằng : "Bệ hạ còn thơ ấu, mà quyền bính của Thủ Độ to quá, thế thì xã tắc sẽ ra thế nào ?" Thái Tông lập tức đi xe đến chơi nhà riêng Thủ Độ và đem cả người ấy đi theo, rồi đem lời hặc ấy bảo cho Thủ Độ biết. Thủ Độ thưa rằng : "Câu nói ấy đúng sự thực", nói xong liền đem tiền lụa thưởng cho người ấy. Chb. VII, 6

Thái Tông thường có ý muốn cho anh ruột Thủ Độ là An Quốc làm Tể tướng, Thủ Độ từ chối, nói rằng : "An Quốc là anh tôi, nếu bệ hạ nhận thấy là người hiền tài thì tôi xin từ chức để nhường cho anh tôi, nếu bệ hạ nhận thấy không phải hiền tài thì không nên dùng, chứ nếu cả hai anh em đều làm tướng, thì đối với thiên hạ còn ra thế nào ?" Do đấy Thái Tông mới bỏ ý nghĩ ấy.

Thủ Độ dầu làm quan đến Tể tướng, mà không việc gì là không để ý đến, vì thế mới giúp nhà Trần dựng nên cơ nghiệp đế vương, mà cũng giữ trọn vẹn được thân mình. Thái Tông có làm văn bia ở sinh từ Thủ Độ để tỏ ý quý mến hơn người khác.

Nhưng xét ra, những việc giết vua triều trước[2] và thông dâm với vợ vua[3], việc gì Thủ Độ cũng nhẫn tâm làm cả. Như

---

(1) Vạch trần tội lỗi của người khác cho mọi người biết.

(2) Chỉ việc Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo.

(3) Chỉ việc Thủ Độ thông dâm với Thiên Cực công chúa là vợ Lý Huệ Tông, sau lại lấy làm vợ mình.

thế Thủ Độ là bầy tôi có công với triều Trần, mà là người có tội với triều Lý.

Tháng 3. Bổ dụng Khâm Thiên đại vương là Nhật Hiệu làm Tướng quốc Thái uý.

Nhà vua muốn dùng Nhật Hiệu làm Thái sư, nhưng Nhật Hiệu cố ý từ chối không nhận, có lẽ hắn thẹn về việc viết chữ vào mạn thuyền khi trước ; vì thế quan chức của hắn mới thêm hai chữ "tướng quốc", và phong hắn làm Tướng quốc Thái uý thống lĩnh mọi công việc trong nước.

Lời chua – *Việc viết chữ vào mạn thuyền* : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7. (Chb. VI, 41). Chb. **VII**, 7

Tháng 7, mùa thu. Sao chổi mọc ở phương Đông Bắc.

Thượng hoàng ban yến cho bầy tôi ở điện Diên Hiền, chợt thấy sao chổi mọc về phương Đông Bắc, dài suốt một phương trời, Thượng hoàng ra coi, rồi bảo rằng : "Ta xem ngôi sao này tia sáng rất lớn, đuôi mọc rất dài, chắc không phải sự tai biến ứng về nước ta", rồi lại cho ăn yến đến xong tiệc. Tháng 10 năm ấy, vua nhà Tống mất.

Lời phê – *Câu nói này cũng may mà trúng, vì chính Thái Tông thấy rõ được công việc nhà Tống lúc bấy giờ, nên nói khiên cưỡng mà thôi, chứ biết thế nào được đạo trời.*

Ất Sửu, năm thứ 8 (1265). (Tống, Độ Tông, năm Hàm Thuần thứ 1 ; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ thần sang cống.

Nước Chiêm Thành từ khi bị Thái Tông sang đánh đến nay, sợ oai, phải một lòng thần phục, nên trong một đời nhà vua sáu lần sang cống[1].

---

(1) Năm Thiên Long thứ 8, 9, 10, 12, 13 và năm Thiệu Bảo thứ nhất. Trong sáu lần cống, có hai lần cống voi trắng.

Tháng 3. Đổi ti Bình Bạc[1] ở kinh sư làm Đại an phủ sứ.

Viên quan nào giữ chức An phủ ở các lộ, sau khi mãn lệ khảo công, thì được cất nhắc lên giữ chức An phủ ở Thiên Trường, lại qua một lần khảo công nữa, được cất nhắc lên Thẩm hình viện, rồi mới được thực thụ chức Đại an phủ ở kinh sư. Cách đề bạt như thế, là có ý coi trọng chức quan đứng đầu địa phương trong kinh thành.

Tháng 7, mùa thu. Nước to, nhà vua hạ chiếu ân xá.

Nước lên to, tràn vào phường Cơ Xá, người và súc vật phần nhiều bị chết đuối, vì thế mới hạ chiếu ân xá.

Lời chua – *Cơ Xá* : Xem Lý Nhân Tông, năm Long Phù thứ 8. (Chb. VI, 6).

Bính Dần, năm thứ 9 (1266). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 2 ; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang Mông Cổ.

Sứ thần Mông Cổ sang nước ta ban hành tờ chiếu đổi niên hiệu mới và trao cho niên lịch năm Bính Dần, vì thế nhà vua sai Dương An Dưỡng đem thư sang Mông Cổ : 1) Xin định lại những phẩm vật địa phương phải cống nạp ; 2) Xin miễn việc phải nộp học trò, thầy thuốc và thợ thuyền ; 3) Xin cho Nạp Thích Đinh làm Đạt lỗ hoa xích dài hạn. Mông Cổ dầu nhận lời, nhưng không được bao lâu lại đòi nước ta phải nhận 6 việc : 1) vua phải thân sang chầu ; 2) cho con em sang làm con tin ; 3) phải kê nộp số dân trong nước ; 4) phải nộp một số quân ; 5) phải nộp tô thuế ; 6) vẫn đặt quan để giám sát việc cai trị. Chb. VII, 8

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu cho vương hầu được phép đặt điền trang.

---

(1) Chức quan đứng đầu địa phương ở kinh sư : Chức quan này giữ việc xét xử quyết đoán các việc kiện tụng, nên gọi là bình bạc (Xem thêm Chb.VI,10).

Tước vương, tước hầu, công chúa, phò mã và cung tần đều được phép chiêu mộ những người phiêu tán nghèo đói làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành trang hộ. Vương, hầu có điền trang bắt đầu từ đây trước.

Đinh Mão, năm thứ 10 (1267). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 3 ; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Định thể lệ phong ấm cho những người trong tôn thất.

Con các vương, hầu, công chúa trong hoàng tông thuộc về dòng chính được phong ấm, gọi là "kim chi ngọc diệp" (cành vàng lá ngọc) ; cháu ba đời những người ấy phong là quận vương, cháu bốn đời ban cho tước minh tự, cháu năm đời ban cho tước thượng phẩm, theo với thế thứ ở "ngũ phục đồ"[1]. Chb. VII, 9

Lời cẩn án – *Thể lệ phong ấm triều nhà Trần, theo* Sử cũ *chép lại, phần nhiều không hiểu rõ được, như con thứ của vua phong là thượng vị hầu, mà con trưởng của các tước vương thì phong vương, con thứ cũng phong là thượng vị hầu, như thế đã không theo thế thứ. Đến như việc tập ấm, mà cháu ba đời của vương, hầu, công chúa cũng phong đến quận vương, thì thật là lộn xộn. Việc này sẽ khảo cứu sau.*

---

(1) Ngũ phục là những người cùng một tông tộc, theo thế thứ trong họ, mặc tang phục để tang nhau, chia ra 5 hạng.

1 - Trảm thôi : mặc áo xổ gấu để tang 3 năm ;

2 - Tư thôi hay là cơ niên : mặc áo vén gấu để tang 1 năm ;

3 - Đại công : để tang 9 tháng ;

4 - Tiểu công : để tang 5 tháng ;

5 - Ti ma : để tang 3 tháng ;

Năm thứ tang phục này, có hình vẽ ở trong luật, nên gọi là "ngũ phục đồ".

Tháng 4, mùa hạ. Kén chọn học trò lấy người nào có tài năng văn học sung bổ vào giữ việc ở quán, các, sảnh và viện.

Theo quy chế cũ, chức Hành khiển chưa bao giờ dùng người văn học, chỉ có người hầu cận trong nội[1] mới được làm. Lúc ấy Đặng Kế giữ chức Hàn lâm viện học sĩ[2], Đỗ Quốc Tá giữ chức Trung thư sảnh trung thư lệnh[3]. Người có văn học được giữ quyền bính bắt đầu từ đây trước.

Tháng 5. Phong cho em là Ích Tắc tước Chiêu Văn Vương.

Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng, thông minh, chăm học, am hiểu kinh truyện và lục nghệ, lại có tài làm văn chương ; những nghệ thuật nhỏ như đá cầu, đánh cờ, không việc gì là không tinh hiểu. Thường mở trường học ở bên hữu chỗ nhà riêng, họp tập những người văn sĩ bốn phương, cấp cho cơm áo để cùng nhau giảng tập, như các ông Mạc Đĩnh Chi, Bùi Phóng, đến 20 người, đều là những người sau này có giúp ích cho đời cả. Chb. VII, 10

Lời chua – *Đĩnh Chi* : Người ở Chí Linh thuộc Hải Dương.

Bùi Phóng : Người ở Hải Dương, không rõ về huyện nào.

Tháng 8, mùa thu. Định đội ngũ trong quân lính

Mỗi quân chia ra 30 đô, mỗi đô 80 người, chọn những người trong tôn thất hiểu vũ nghệ, thông binh pháp, đứng ra cai quản.

Lời chua – *Sách Ngũ đại sử chép* : Quân lính nhà Hậu Đường có "Phủng thánh đô". Sách ấy chua rằng : "Đô, là tên quân ngũ".

Phong cho em là Nhật Duật tước Chiêu Văn Vương.

---

(1) Tức bọn hoạn quan.

(2) Chức quan đứng đầu Viện Hàn lâm có nhiệm vụ trông coi việc soạn thảo những chế, cáo, chiếu, chỉ của vua.

(3) Chức quan có nhiệm vụ giúp vua ý kiến lời khuyên về các việc trọng đại trong triều.

Nhật Duật là con thứ sáu của Thượng hoàng, lúc sinh ra, ở hai bắp cánh tay có viết chữ "chiêu văn", vì thế lấy chữ ấy làm hiệu phong vương.

Mậu Thìn, năm thứ 11 (1268). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 4 ; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho tước vương, tước hầu thuộc họ tôn thất vào chầu trong Nội Điện.

Nhà vua thường bảo các người trong tôn thất rằng : "Thiên hạ này là thiên hạ của tổ tông, người nối cơ nghiệp tổ tông nên cùng anh em trong tôn thất cùng hưởng phú quý. Dầu rằng cả thiên hạ cùng phụng thờ một người[1], đó là sự tôn kính điển thường theo về danh phận, nhưng anh em là xương thịt rất thân, gặp lúc lo thì cùng lo, gặp lúc vui thì cùng vui. Trẫm với các khanh, nói về tình thân cũng như thân thể một người không thể chia cắt được. Các khanh nên đem lời nói này của trẫm truyền bá cho con cháu, để ghi nhớ không bao giờ quên, thế là phúc trạch muôn đời của tông miếu, xã tắc nhà ta đấy". Đến nay nhà vua hạ chiếu cho tước vương, tước hầu trong họ tôn thất, sau khi bãi trào thì vào chầu trong Nội Điện và Lan Đình, cùng nhau ăn uống ; có khi trời tối không về được, thì trải gối dài, chăn rộng, kê giường liền sát vào nhau để cùng nằm chung, yêu kính nhau về đủ mọi mặt. Nhưng đến khi có lễ lớn, như thiết triều, khánh hạ, ban yến, tế tự, thì thứ vị người tôn người ti rất nghiêm chỉnh rõ ràng. Vì thế lúc bấy giờ vương hầu ai cũng hoà mục, kính sợ, không người nào có thái độ khinh nhờn kiêu căng. Chb.VII, 11

Lời phê – *Nhà Trần thu được nhiều hiệu lực của tôn thất là do ở việc này, cũng do việc này mà thân mật với nhau quá, rồi đi đến chỗ chung chạ loạn luân. Thế mới biết "thiên hạ không có việc gì toàn lợi, cũng không có việc gì toàn hại", câu cổ nhân nói*

(1) Trỏ vào ông vua đương thời.

thật là đúng lắm. Còn như câu vua Trần nói "nên cùng anh em trong tôn thất cùng hưởng phú quý", thì trái với cái ý "nuôi người hiền tài, cầu người tuấn kiệt" của đế vương đời xưa.

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

Tướng quốc Thái uý là Nhật Hiệu mất.

Dân bị nạn đói lớn.

Tháng 12, mùa đông. Sứ thần Mông Cổ sang.

Mông Cổ sai Hốt Lung Hải Nha sang thay Nạp Thích Đinh làm Đạt lỗ hoa xích, Trương Đình Trân làm chức phó. Khi hai người đến nơi, nhà vua nhận tờ chiếu, không lạy, bảo bọn Đình Trân rằng : "Các ông làm quan một triều, tôi đây là vua một nước, có lẽ nào các ông làm lễ ngang hàng với tôi được ?" Đình Trân nói : "Sứ thần của thiên vương dầu nhỏ, nhưng theo thứ tự, được đứng trên hàng các vua chư hầu". Sau việc này, vua Mông Cổ sai trung thư gửi công điệp sang nói về việc nhà vua nhận tờ chiếu không lạy, không dùng lễ "vương nhân"(1) đối đãi với sứ thần, trong công điệp lại viện dẫn nghĩa trong kinh *Xuân thu*(2) để trách móc. Nhà vua sai phúc đáp lại rằng : "Sứ thần không nên làm lễ ngang hàng với vua một nước. Vả lại, trước đây thiên triều đã có dụ cho mọi việc trong nước tôi cứ được theo tục cũ của bản quốc. Thế thì việc nhận chiếu chỉ của thiên triều đem kính để tại chính điện, còn vua thì lui xuống ở nhà riêng, đấy là điển lệ cũ của nước tôi đấy". Trung thư nước Mông Cổ lại gửi công điệp sang, lấy cớ rằng sứ thần của triều đình dầu chức nhỏ, nhưng Chb.**VII**, 12

(1) Người của thiên tử sai đem mệnh lệnh đến ban bố cho vua chư hầu.

(2) Thời Xuân thu, thiên tử nhà Chu suy yếu, không còn uy quyền gì đối với chư hầu, nhưng nếu có khi nào thiên tử nhà Chu sai người đến hội họp với các chư hầu, thì người sai đi ấy quan chức dầu nhỏ, trong kinh *Xuân thu*, Khổng Tử vẫn chép chữ "vương nhân" đứng trên các chư hầu, dầu chư hầu ấy là nước lớn như nước Tề, nước Tấn, nước Tống v.v... vẫn phải ở dưới ; đấy là một lệ trong mười lệ chép kinh *Xuân thu*.

phải coi mệnh lệnh của thiên tử là trọng hơn cả. Trước kia vì triều đình nhận thấy nước nào cũng đều có tập tục riêng, không bắt phải thay đổi vội, nên hạ chiếu cho được theo tục nước ấy, chứ có lẽ nào lấy việc không lạy chiếu chỉ của triều đình mà bảo là theo tục cũ được hay sao ?" Nhà vua không thuận theo những lời trong công điệp ấy, rồi sai Lê Đà và Đinh Củng Viên sang Mông Cổ biện bạch về việc này.

Kỷ Tị, năm thứ 12 (1269). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 5 ; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 6).

Tháng 5, mùa hạ. Đất nứt ra. Sao đổi ngôi.

Tháng 6. Đại hạn. Xét những tù phạm tội. Mưa.

Tháng 8. Nước to.

Tháng 9. Cho Tĩnh quốc vương là Quốc Khang làm Phiêu kỵ đô thượng tướng quân[1], giữ việc cai trị Diễn Châu.

Nhà vua với Quốc Khang thường đùa bỡn ở trước mặt Thượng hoàng. Quốc Khang múa điệu múa của người rợ mọi, Thượng hoàng cởi áo bông trắng đương mặc ban cho. Nhà vua thấy thế, cũng múa điệu múa người rợ mọi để đòi thưởng áo bông. Quốc Khang nói : "Quý nhất là ngôi hoàng đế, tôi đã không tranh với chú hai rồi, nay vua cha cho tôi vật nhỏ mọn này mà chú hai lại muốn cướp lấy hay sao ?" Thượng hoàng cười ầm lên, vẫn để cho Quốc Khang cái áo ấy, rồi cùng nhau vui đùa chán mới thôi. Quốc Khang đi nhận chức Tri Diễn Châu mới được 6 tháng, liền lập nhà riêng ở Diễn Châu, xung quanh làm hành lang giải vũ rất là lộng lẫy. Nhà vua nghe tin, cho người đi dò xét, Quốc Khang sợ, mới dùng nhà riêng ấy làm nơi thờ phật. Chb. **VII**, 13

Lời chua – *Diễn Châu* : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất. (Tb. IV, 20).

---

(1) Chức quan võ, chỉ phong cho hoàng tử. Thống lĩnh quân đội toàn quốc. Tuy nhiên không thực quyền. Thời Trần khi có ngoại xâm, chức chỉ huy quân đội toàn quốc thường giao cho người có tài năng trong hoàng tộc như trường hợp của Trần Quốc Tuấn.

Canh Ngọ, năm thứ 13 (1270). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 6 ; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 7).

Tháng 7, mùa thu. Nước ngập đầy kinh thành.

Tháng 9. Nhà vua đi du lịch, đến hành cung phủ Thiên Trường.

Tân Mùi, năm thứ 14 (1271). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 7 ; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Xét các tù phạm tội.

Ngày mồng một, tháng 2. Đất động.

Tháng 3. Bổ dụng Chiêu Minh đại vương là Quang Khải làm Tướng quốc Thái uý[1], thống lĩnh mọi việc trong nước.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nước Mông Cổ sang.

Năm ấy, Mông Cổ đổi quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ thần sang dụ nhà vua vào chầu ; nhà vua từ chối là có bệnh.

Nhâm Thân, năm thứ 15 (1272). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 8 ; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 9). Chb. **VII**, 14

Tháng giêng, mùa xuân. Sách *Đại việt sử ký* đã biên soạn xong.

Trước đây, Hàn lâm học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu là Lê Văn Hưu vâng mệnh biên chép sách Quốc sử từ đời Triệu Vũ đế đến đời Lý Chiêu Hoàng, nay sách ấy đã biên soạn xong, tất cả 30 quyển, đem dâng ; nhà vua hạ chiếu ban khen.

Tháng 4, mùa hạ. Sai viên ngoại lang là Lê Kính Phu sang hội với người nhà Nguyên, biện luận việc cương giới.

Nhà Nguyên sai Ngột Lương sang hỏi giới mốc đồng trụ ngày trước, nhà vua phái Lê Kính Phu đi hội đồng khám xét.

---

(1) Quan đứng đầu triều, như Tể tướng nhưng được coi trọng hơn.

Kính Phu nói với người nhà Nguyên rằng : "Chỗ cột đồng do Mã Viện dựng lên lâu ngày bị chìm lấp, nay không thể biết ở chỗ nào được". Việc đó sau cũng thôi. Khi bấy giờ nhà Tống giữ được một xó đất ở Lâm An, thường bị người nhà Nguyên sang đánh ; người nhà Tống có kẻ dùng 30 chiếc thuyền đem gia quyến vượt biển sang xin phụ thuộc với nước ta ; nhà vua cho những người ấy ở phường Giai Tuân ngoài kinh thành.

Lời chua – Dưới chữ "Ngột Lương" có lẽ còn có chữ bị mất. Trong *Nguyên sử* không chép rõ.

Đồng trụ : Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ 19 (Tb. II, 13-14).

Tháng 6. Mặt trời dao động.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua hạ chiếu trưng cầu người hiền lương[1] minh kinh[2]. Chb.VII, 15

Những người này được vào hầu vua ở Kinh Diên[3] và bổ sung chức Tư nghiệp ở Quốc Tử Giám.

Quý Dậu, năm Bảo Phù thứ 1 (1273). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 9 ; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Sét đánh 7 chỗ ở ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua – *Cửa Đại Hưng* : Xem Lý Nhân Tông, năm Duệ Vũ thứ nhất (Chb. IV, 11).

Tháng 11, mùa đông. Bổ Nhân Túc vương là Toàn làm Nhập nội phán Đại tôn chính phủ đại tôn chính[4].

Giáp Tuất, năm thứ 2 (1274). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 10 ; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 11).

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

---

(1) Người có văn học tài trí.

(2) Người thông hiểu nghĩa Ngũ Kinh, Tứ thư.

(3) Nơi vua chúa đến ngự để đọc sách.

(4) Chức quan đứng đầu Tôn chính phủ, có nhiệm vụ soạn gia phả, giữ sổ sách ghi chép về họ hàng của nhà vua và hoàng tộc.

Tháng 12, mùa đông. Lập con trưởng là Khâm làm Hoàng thái tử.

Tuyển học trò người có đức hạnh vào hầu đông cung[1], cử Lê Phụ Trần làm Thiếu sư kiêm chức Trừ cung giáo thụ ; Nguyễn Thánh Huấn, Nguyễn Sĩ Cố sung chức Nội thị học sĩ. Nhà vua thân thủ viết thơ để dạy Thái tử, lại làm hai quyển *Di hậu lục* ban cho. Chb. **VII**, 16

Lời chua – *Di hậu lục* : Nay thất truyền.

Ất Hợi, năm thứ 3 (1275). (Tống, Cung đế, năm Đức Hựu thứ 1 ; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 12).

Mùa xuân, tháng giêng. Thi Thái học sinh.

Trước đây, thi lấy học trò, chia ra kinh trạng nguyên và trại trạng nguyên[2] ; đến nay, lại hợp lại một. Khoa thi này Đào Tiêu đỗ Trạng nguyên, Quách Nhẫn đỗ Thám hoa và 27 người đỗ Thái học sinh[3] xuất thân[4] có đẳng hệ khác nhau.

Lời chua – Khoa này khuyết tên người đỗ bảng nhãn.

Đào Tiêu : Người huyện Đông Sơn, Thanh Hoá.

Quách Nhẫn : Người huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

Ngày mồng một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực đến hết.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Trước đây, nhà Nguyên lại sai Diệp Thức Nghễ sang thay làm Đạt lỗ hoa xích. Nhà vua sai đáp thư cho nhà Nguyên rằng : "Chức Đạt lỗ hoa xích chỉ có thể đặt ở các nước man di ngoài biên giới, còn nước tôi như cái phên cái giậu che chở cho một phương, mà lại đặt chức quan ấy để kiểm Chb. **VII**, 17

(1) Xem chua đông cung ở Chb.V,16.

(2) Xem thêm kinh, trại trạng nguyên ở Chb.VI, 38.

(3) Xem chua ở Chb.VI, 30.

(4) Nt

soát công việc, thì chả bị nước khác chê cười hay sao ? Xin đổi quan chức ấy làm dẫn tiến sứ". Vua Nguyên không nghe, lại đem sáu việc yêu sách trước ra trách vấn, có ý muốn kiếm cớ để gây mối binh đao. Không những thế, thỉnh thoảng lại sai quân đi tuần ngoài biên giới để xem xét địa thế nữa. Viên thủ thần ở biên giới phía Bắc cho chạy trạm về tâu, vì thế nhà vua mới sai bọn Lê Khắc Phục và Lê Tuý Kim sang công cán bên nhà Nguyên, là có ý muốn dập tắt mối binh lửa.

Lời chua – *Tuý Kim* : Trong *Nguyên sử* chép là Văn Tuý.

Bính Tí, năm thứ 4 (1276). (Tống, năm Đức Hựu thứ 2 ; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Đào Thế Quang sang Long Châu.

Khi ấy nhà Nguyên muốn gây sự khiêu khích ở ngoài biên giới, cho nên nhà vua sai Thế Quang sang Long Châu, mượn tiếng là đi mua thuốc để dò xem hư thực thế nào.

Lời chua – *Long Châu* : Thuộc tỉnh Quảng Tây, giáp giới với tỉnh Lạng Sơn nước ta.

Tháng 3. Mặt trời dao động, hai vì sao va chạm nhau.

Trong mặt trời có vết đen lớn bằng quả trứng gà, xô đi xô lại một hồi lâu ; lại có hai vì sao va chạm nhau ở giữa trời, một vì sao sa xuống.

Đinh Sửu, năm thứ 5 (1277). (Tống, năm Cảnh Viêm thứ 2 ; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Nhẫm Bà la, bắt được bộ đảng của bọn ấy hơn ngàn người rồi trở về.

Lời chua – *Nhẫm Bà la* : Động của người Mán. Sách *Thanh Nhất thống chí* chép là Ổn Bà la, thuộc một lộ trong phủ Bố Chính, nay chưa biết rõ chỗ nào. Chb. **VII**, 18

Tháng 4, mùa hạ. Thượng hoàng mất.

Truy tôn tên thuỵ là Thống thiên ngự cực long công mậu đức hiển hoà hựu thuận thần văn thánh vũ nguyên hiếu hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông. Thượng hoàng làm vua 33 năm, nhường ngôi 19 năm, hưởng thọ 60 tuổi.

Trước đây, Thượng hoàng sang nhà ngự đường, bỗng thấy con rết leo vào áo mặc, sợ hắt đi, nó rơi xuống đất, có tiếng lạch cạch, trông ra thì là cái đinh sắt. Thượng hoàng bói một quẻ và đoán rằng : "Điềm này ứng với năm đinh". Đến nay đúng như quẻ đã bói[1]. Ngày hôm ấy Thiều Dương công chúa vừa ở cữ chợt nghe tiếng chuông liên thanh ở điện đình, công chúa nói : "Đó chả phải là báo hiệu không lành đó sao ?". Những người bên cạnh nói dối thế nào cũng không nghe, oà lên khóc thảm thiết, rồi chết. Người trong nước lấy làm thương tiếc.

Lời chua – *Thiều Dương công chúa* : Con gái thứ của Thượng hoàng.

Tiếng chuông : Theo thể lệ nhà Lý, nhà Trần, gặp lúc vua mất, thì chuông ở triều đình khua vang lên để báo hiệu.

Tháng 5. Nước to. Đất rạn nứt ra.

Tháng 10, mùa đông. An táng Thượng hoàng ở Chiêu Lăng.

Lời chua – *Chiêu Lăng* : Ở phủ Long Hưng.

Mậu Dần, năm thứ 6 (1278) (Tống, Đế Bính, năm Tường Hưng thứ 1 ; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 15). Chb. VII, 19

Tháng 2, mùa xuân. Phát sinh chứng tật dịch ; kinh thành bị hoả tai.

Đương đêm, nhà dân ở ngoài kinh thành bị hoả tai ; nhà vua ra ngoài thành, sai Nội thư gia[2] là Đoàn Khung kiểm

(1) Vì năm nay là Đinh Sửu.

(2) Tên quan, xem thêm Chb. III, 47.

điểm những người đến cứu chữa. Khung kiểm điểm xong, tâu bày người đến trước đến sau để vua nghe. Nhà vua hỏi : "Sao nhà người biết ?" Khung thưa rằng : "Người nào đầu tóc ướt mà bám đầy tro bụi, đó là người đến trước mà cố sức cứu chữa ; người nào không có mồ hôi mà tro bụi phất phơ, đó là người đến sau mà không kịp cứu chữa." Nhà vua khen là phải.

Phong cho con là Đức Việp tước Tá Thiên đại vương.

Tháng 6. Có vì sao lớn sa xuống.

Vì sao lớn đổi ngôi sang phương Nam, sa xuống giữa biển, hơn ngàn vì sao nhỏ theo sau, tiếng ầm ầm như sấm, đến vài khắc mới thôi. Đó là cái điềm nhà Tống mất nước.

Tháng 8, mùa thu. Đất động.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua truyền ngôi cho Thái tử là Khâm.

Thái tử lên ngôi, xưng là Hiếu Hoàng. Bầy tôi dâng tên hiệu là : Pháp thiên ngự cực anh liệt vũ thánh minh nhân hoàng đế (tức là Nhân Tông). Tôn vua cha làm Quang Nghiêu từ hiếu Thái thượng hoàng đế, và tôn Thiên Cảm hoàng hậu làm Nguyên thánh thiên cảm hoàng thái hậu. Chb. **VII**, 20

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Nhà Nguyên nghe tin Thái Tông mất, muốn nhân trong nước có tang, đem quân sang đánh, mới sai Lễ bộ thượng thư là Sài Xuân từ Giang Lăng đi thẳng đến Ung Châu để sang địa giới nước ta. Khi Sài Xuân đã đến nơi, viện lẽ là nhà vua không xin mệnh lệnh Trung Quốc mà tự lập để chất vấn và dụ phải vào chầu. Nhà vua theo lệ cũ, đặt tiệc thiết đãi ở hành lang, Sài Xuân không đến dự tiệc. Ngày hôm sau, đổi lại thết tiệc ở điện Tập Hiền. Nhân khi ấy, nhà vua nói với

Sài Xuân là vì mình sinh trưởng ở nơi cung cấm thâm nghiêm, chưa quen phong thổ, không thể vào chầu được. Sài Xuân trở về. Nhà vua sai Trịnh Đình Toản và Đỗ Quốc Kế đem thư sang nhà Nguyên. Các quan nhà Nguyên cho là trang sức lời lẽ để che tội lỗi, họ bàn nhau muốn tiến quân sang biên giới nước ta, nhưng vua nhà Nguyên chưa quyết định, rồi giữ bọn Đình Toản lại, không cho về.

Lời cẩn án – *Theo* Nguyên sử loại biên, Chb. **VII**, 21 *trước đây đường đi của sứ thần chỉ do cửa quan Lê Hoá, phủ Thiện Xiển (thuộc Vân Nam). Đến nay sai Sài Xuân đi từ Giang Lăng đến Ung Châu, lại theo đường khác, yêu sách nhiều thứ, đòi hỏi nhiều khoản, có ý muốn gây hấn. Thế mà* Sử cũ *lại chép sứ thần nước ta là Lê Khắc Phục trở về nước, gặp quân Nguyên dẹp yên được nhà Tống, nên đổi đi theo đường Hồ Quảng, Sài Xuân cùng đi với Khắc Phục sang nước ta. Chép như thế có phần sai lầm, nay theo* Nguyên sử *cải chính lại.*

Kỷ Mão, Nhân Tông hoàng đế, năm Thiệu Bảo thứ 1 (1279). (Tống, năm Tường Hưng thứ 2 ; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sang cống.

Nhà vua mới lên ngôi, nước Chiêm Thành cho bầy tôi là Chế Năng và Cha Diệp sang cống. Bọn Chế Năng xin ở lại làm nội thần, nhà vua không nhận.

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III, 20-21).

Lập Trần thị làm hoàng hậu.

Hậu là con gái lớn Hưng Đạo vương Quốc Tuấn, trước nạp vào cung làm hậu phi, nay sách lập làm hoàng hậu.

Canh Thìn, năm thứ 2 (1280). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 17).

Tháng giêng, mùa xuân. Ban hành thước công.

Thước đo gỗ, thước đo vải cùng một kích thước.

Tháng 2. Duyệt sổ dân đinh.

Tháng 10, mùa đông. Được mùa to. Chb. **VII**, 22

Năm ấy được mùa, ruộng lúa ở làng Trà Kiều một rò lúa nở hai bông.

Lời chua – *Trà Kiều* : Tên làng, thuộc Khoái Lộ, nay thay đổi không rõ chỗ nào.

Sai hoạn quan là Trần Hùng Thao kiêm giữ chức quan Kiểm pháp[1].

Em Chi hậu cục thủ Đỗ Khắc Chung là Thiên Thữ kiện nhau với người ta. Nói về tình và lý, thì Thiên Thữ đều đuối cả. Nhưng viên quan xử kiện có ý bênh vực, cố làm thiên lệch đi ; gặp lúc nhà vua ra chơi ngoài thành, người kia đón xe vua, tâu bày. Nhà vua nói "đó là họ sợ nể Khắc Chung đấy thôi", liền sai Nội thư hỏa chính chưởng là Trần Hùng Thao kiêm giữ chức quan kiểm pháp, để xét hỏi lại việc này, quả nhiên Thiên Thữ trái lý. Bọn "thanh sam" được giữ chức Kiểm pháp bắt đầu từ đây.

Lời phê – *Được đằng này, hỏng đằng khác, chỉ gây ra mầm hoạ loạn.*

Lời chua – *Khắc Chung* : Người ở Giáp Sơn thuộc Hải Dương sau được ban cho quốc tính.

Thanh sam : Đồ mặc của hoạn quan, nên mới dùng, để chỉ hoạn quan.

---

(1) Chức quan coi về việc xử kiện như Chánh án, Thẩm phán ngày nay.

Trịnh Giốc Mật ở Đà Giang làm phản, Chiêu Văn vương Nhật Duật đi dụ, Giốc Mật ra đầu hàng.

Thổ tù ở Đà Giang là Trịnh Giốc Mật tụ họp dân chúng cướp bóc. Nhà vua sai Nhật Duật đi đánh. Nhật Duật dẫn quân đến Đà Giang, Giốc Mật sai người đến doanh trại quân nộp thệ từ và nói : "Giốc Mật không dám trái mệnh lệnh triều đình, nếu ân chủ đi một người một ngựa đến, thì Giốc Mật xin ra hàng ngay". Nhật Duật nhận lời, rồi đem năm sáu tiểu đồng cùng đi. Các tướng tá đều can ngăn ; Nhật Duật nói : "Nếu y phản trắc với ta, thì triều đình đã có người khác đến, không cần phải lo". Kịp khi Nhật Duật đến nơi, người Mán đứng vây bọc hai ba lần, đều cầm gươm giáo quay đầu vào trong doanh trại. Nhật Duật cứ vào thẳng. Giốc Mật mời ngồi. Nhật Duật thông hiểu tiếng Mán, lại am hiểu cả phong tục của họ, cùng họ ăn bằng tay, uống bằng mũi. Người Mán thích lắm. Giốc Mật liền đem cả gia thuộc đến trại Nhật Duật xin hàng. Mọi người thấy thế, đều vui vẻ kính phục. Khi Nhật Duật về kinh, dẫn Giốc Mật và vợ con hắn vào yết kiến, nhà vua khen ngợi. Sau cho Giốc Mật về, để con hắn ở lại kinh sư, Nhật Duật hết lòng yêu thương giáo dục, lại xin phong tước cho, triều đình ban cho con hắn tước thượng phẩm, sau cũng cho về. Chb. **VII**, 23

Lời chua – *Đà Giang* : Tức Hưng Hoá, xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Tân Tị, năm thứ 3 (1281). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập nhà học ở phủ Thiên Trường.

Chế độ nhà Trần khi trước, không cho hiệu quân Thiên Thuộc được học tập văn nghệ, là cốt chú trọng về sức khoẻ. Đến đây, lập nhà học ở phủ Thiên Trường, nhưng vẫn cấm người làng Thiên Thuộc không được vào học.

Lời chua – *Thiên Trường* : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb.VI, 28).

Quân Thiên Thuộc : Nhà Trần đem làng Tức Mặc là làng cũ của mình đặt tên là làng Thiên Thuộc, những binh sĩ do làng ấy ứng tuyển gọi là quân Thiên Thuộc.

Nhâm Ngọ, năm thứ 4 (1282). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 19). Chb. VII, 24

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Chúa Chiêm Thành sai bầy tôi là Bố Bà Ma đem cống con voi trắng.

Tháng 6, mùa hạ. Bọn Trần Di Ái phạm tội, xử vào tội đồ.

Trước đây, nhà Nguyên nhiều lần sai sứ sang dụ nhà vua vào chầu, nhà vua đều không theo. Sau nhà Nguyên lại sai Thượng thư là Lương Tăng sang dụ rằng : Nếu thật vua không thân sang chầu được thì phải đem đủ vàng ngọc sang để thay mình. Thêm vào đấy phải nộp người hiền tài, người làm thợ và người phương kỹ[1], mỗi hạng hai người. Vì thế nhà vua mới cho chú họ là Di Ái và bọn Lê Tuân, Lê Mục đi thay mình. Lúc ấy nhà Nguyên lại lập ti tuyên phủ ở nước ta, cho Bốc Nhan Thiếp Mộc Nhi giữ sứ mạng, đặt liêu thuộc riêng ; nhà vua cũng không nhận. Nhà Nguyên lấy làm căm giận, bèn lập Di Ái làm vua, phong Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuân làm Trung thư lệnh, rồi sai Sài Xuân đem một nghìn quân hộ tống về nước. Nhà vua sai người đón đường giết chết. Bọn Di Ái trốn về nước ; nhà vua hạ chiếu trị tội, bắt chịu tội đồ làm lính.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép : "Sài Xuân đem quân đưa Di Ái về nước ta, thái độ ngạo mạn không giữ lễ phép, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, lính canh cửa ngăn lại, Sài Xuân*

(1) Những người làm nghề thầy thuốc, thầy bói, xem tướng, xem số... đều gọi là hạng phương kỹ.

cầm roi ngựa đánh vào đầu người lính ấy bị thương ; khi đi đến điện Tập Hiền, thấy màn trướng trần thiết, hắn mới xuống ngựa. Nhà vua sai Quang Khải đến quán sứ tiếp kiến, hắn nằm yên không ra tiếp, Quang Khải đi thẳng vào chỗ nằm, cũng không chịu dậy. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn được tin ấy, liền cắt tóc, mặc áo vải, hoá trang làm hình dạng người sư Trung Quốc, rồi tâu với vua xin đến quán sứ để xem xét hành động của Sài Xuân. Khi đến nơi, Sài Xuân đứng dậy, vái chào và mời ngồi, pha trà cùng uống, khi ra về, Sài Xuân tiễn ra tận cửa ; mọi người đều lấy làm kinh dị". Chb. **VII**, 25

Nay tham khảo sách Nguyên sử loại biên *và sách* Thiên nam hành kỷ *(của Từ Minh Thiện nhà Nguyên) chép về phần dụ, chiếu, cũng nói rằng : "[Vua An nam] tiếng nói là khâm mộ phong hoá Trung Quốc, mà thực ra chưa đến triều yết lần nào. Đến khi cho chú về tạm giữ giới nước ấy, thì lại ngang nhiên kháng cự, làm việc chém giết một cách càn rỡ".*

Cứ như thế thì khi Sài Xuân đem quân sang nước ta, đã bị quân ta đón đánh giết chết ở trên biên giới rồi, có lẽ nào lại đến cửa Dương Minh mà kiêu ngạo càn rỡ được nữa ? Hay là việc này xảy ra lúc Sài Xuân sang dụ Thánh Tông vào năm Bảo Phù thứ 6, mà Sử cũ *chép lầm vào đoạn sách này, nay theo* Nguyên sử *cải chính lại.*

Lời chua – *Di Ái* : Còn một tên nữa là Trần Ái.

Tháng 8, mùa thu. Có cá sấu đến sông Phú Lương.

Nhà vua sai quan Hình bộ thượng thư là Nguyễn Thuyên làm bài văn thả xuống sông, cá sấu tự nhiên bỏ đi ; nhà vua thấy việc đó giống như việc Hàn Dũ[1], cho Nguyễn Thuyên được đổi họ là họ Hàn. Chb. **VII**, 26

(1) Hàn Dũ, một văn hào đời Đường. Năm Nguyên Hoà thứ 14 đời Đường Hiến tông (819), Hàn Dũ làm thứ sử Triều Châu, biết được sông ở Triều Châu có cá sấu làm hại dân. Hàn liền đem dê lợn và làm bài văn tế cá sấu vứt xuống sông, tự nhiên sấm gió nổi lên, cách mấy hôm sau không thấy bóng cá sấu nữa.

Lời phê [1]– *Việc này quyết nhiên không có, chẳng qua do tính hiếu kỳ mà phụ hội xằng xiên.*

Lời chua – *Sông Phú Lương* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Nguyễn Thuyên : Người Thanh Lâm, thuộc Hải Dương, có tài làm thơ phú bằng Quốc ngữ, nhiều người bắt chước. Vì thế sau này làm thơ Quốc âm gọi là Hàn luật[2] .

Tháng 10, mùa đông. Có tin ở ngoài biên báo về kinh rằng : nhà Nguyên đem quân sang nước ta. Nhà vua ra bến đò Bình Than. Khởi phục[3] Trần Khánh Dư cho giữ chức Phó đô tướng quân.

Nhà Nguyên sai bọn Toa Đô, Đường Ngột Ngại đem quân sang đánh Chiêm Thành. Một mặt khác lại bàn định cho thái tử Thoát Hoan làm Trấn Nam vương, cùng với Tả thừa là Lý Hằng đem năm mươi vạn quân, nói mượn đường nước ta để hội họp quân đi đánh Chiêm Thành và trưng thu lương thực nước ta để tiếp tế cho quân ăn. Mặt ngoài nói thế, nhưng kỳ thực là sang xâm lấn. Viên quan trấn thủ ở Lạng Giang là Lương Uất được tin, cho ngay người đem việc ấy về triều tâu bày. Nhà vua sai sắp xe đi ra bến Bình Than, hội họp vương hầu trăm quan lại để bàn kế đánh giữ.

Nói về Trần Khánh Dư. Lúc đầu năm Nguyên Phong[4], Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư từng có công đánh giặc, được phong chức Phiêu kỵ đại tướng quân rồi thăng đến tử phục[5] thượng vị hầu ; sau vì tư thông với Thiên Thuỵ công chúa, phải tội cách hết quan tước và tịch thu tài sản. Khánh Dư phải lui về ở Chí Linh, làm nghề bán

Chb. **VII**, 27

(1) Chỉ việc cá sấu.

(2) Luật thơ do họ Hàn (Hàn Thuyên) đặt ra.

(3) Được trả lại chức cũ mà trước đã bị cách.

(4) Niên hiệu Trần Thái Tông (1251- 1258).

(5) Chức quan mặc áo màu tía. Quan chế nhà Trần, phẩm phục màu tía là quan chức bậc cao. Xem thêm *Chính biên* quyển IX, tờ 14

than, cùng chung sức với bọn tôi đòi, làm việc nặng nhọc. Lúc ấy Khánh Dư chở thuyền qua bến Bình Than, người chân sào đều đội nón cói, mặc áo cánh bằng vải gai. Nhà vua trông thấy, trỏ vào thuyền Khánh Dư bảo với các quan hầu cận rằng : "Người kia chả phải Nhân Huệ vương đấy ư ?" Nói xong liền cho quân sĩ bơi chiếc thuyền nhỏ đuổi theo. Khi quân sĩ theo kịp, hô lên rằng : "Có mệnh lệnh vua cho triệu ông đấy !" Khánh Dư nói : "Lão già này là người bán than, có việc chi mà vua triệu ?" Quân sĩ đem câu nói ấy về tâu. Nhà vua nói : "Đúng là Nhân Huệ vương rồi, người thường chắc không dám nói thế". Lại sai nội thị đến triệu. Khi Khánh Dư đến, mặc áo cánh bằng vải gai và đội nón cói vào yết kiến. Nhà vua nói : "Không ngờ người nam nhi như thế mà lưu lạc đến như thế ?" liền hạ chiếu tha tội cho. Khánh Dư tiến lên thuyền vua vái tạ. Vua ban cho áo của vua thường mặc và cho ngồi ở dưới hàng các tước vương. Những lời nghị luận của Khánh Dư đều hợp ý vua. Nhà vua cho phục chức và phong làm Phó đô tướng quân.

Nói về Trần Quốc Toản. Lúc ấy có Hoài Văn hầu là Quốc Toản, cũng theo xa giá. Vì còn ít tuổi, không được dự bàn việc quân, Quốc Toản lấy làm hổ giận lắm, trong tay cầm quả cam, không biết bóp nát ra lúc nào ; khi đã lui về, cùng với hơn ngàn người gia đồng và thân thuộc sắm sửa binh khí, chiến thuyền, kéo cờ đề sáu chữ "Phá cường tặc báo hoàng ân"[1]. Kịp lúc quan quân đánh nhau với quân Nguyên, Quốc Toản thường xông pha đi trước quân lính, quân giặc trông thấy là phải tránh lui, không ai dám đối địch. Chb. **VII**, 28

Lời chua – *Bình Than* : Tên bến đò, ở địa phận xã Trần Xá, huyện Chí Linh.

(1) Phá tan giặc mạnh, báo đáp ơn vua.

Chí Linh : Đất Bàng Châu xưa, một tên nữa là Bàng Hà ; thuộc Minh đổi là huyện Chí Linh ; nhà Lê cũng theo tên ấy ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Thoát Hoan : Sách *Cương mục tục biên* (Trung Quốc) chép là Thác Hoan.

Thiên Thuỵ công chúa : vợ Quốc Nghiện, con trai Hưng Đạo vương.

Khánh Dư, Quốc Toản : Đều là tôn thất nhà Trần.

Bổ dụng Chiêu Minh vương Quang Khải làm Thượng tướng Thái sư[1] Đinh Củng Viên làm Hàn lâm học sĩ phụng chỉ[2].

Quý Mùi, năm thứ 5 (1283).(Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Trần Lão có tội, phải luận vào tội đồ.

Trần Lão là họ tôn thất, được phong thượng vị hầu, vì làm thư nặc danh nói xấu chính sự trong nước, nhà vua hạ chiếu luận tội, nhưng cho chép nộp một ngàn quan tiền để chuộc tội và bắt đi đày làm binh lính.

Mưa đá to.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Hưng Đạo vương Quốc Tuấn làm Quốc công, tiết chế[3] thống lĩnh tất cả các quân.

Lúc ấy, Trung phẩm là Hoàng Ư Lệnh và Nội thư gia là Nguyễn Chương sang sứ bên nhà Nguyên trở về, nói : Nhà Nguyên sai Thái tử là A Thai và Bình chương là A Thích hội họp 50 vạn quân ở Hồ Quảng, định đến sang năm kéo sang cướp nước ta. Bấy giờ nhà vua thân hành đem các vương hầu điều động tất cả quân thuỷ quân bộ, thao, diễn chiến trận, hạ lệnh cho Quốc Tuấn làm Quốc công, Chb. **VII**, 29

(1) Quan đứng đầu triều, cai quản cả hai ban văn võ

(2) Quan đứng đầu Viện Hàn lâm trông coi việc soạn thảo những chế, cáo, chiếu, chỉ của nhà vua.

(3) Như chức Tổng tư lệnh quân đội ngày nay

tiết chế thống lĩnh tất cả các sắc quân ; chọn trong hàng tướng tá nếu người nào có tướng tài thì phân phối cho thống lĩnh đội ngũ của từng bộ phận.

Lời cẩn án – *Khi quân Nguyên kéo sang nước ta, thống tướng là Thái tử Thoát Hoan, thế mà sứ thần nước ta về lại nói thái tử là A Thai, và nói quân Nguyên nhiều đến 50 vạn. Có lẽ sứ thần cũng chỉ nghe lời đồn đại ở ngoài, cho nên không thể nào khỏi sai lầm được.*

Lời chua – Chế độ nhà Trần, người nào lấy tư cách là thân vương vào triều làm tướng văn thì xưng là "công" . Quốc Tuấn lấy tư cách thân vương làm tướng võ, nên cũng xưng là "quốc công".

Giáp Thân, năm thứ 6 (1284). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào sông Tô Lịch.

Lời chua – *Sông Tô Lịch* : Xem thuộc Đường, Mục tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb.IV, 31).

Tháng 2. Đất ở đàn tế thần xã[1] bị nứt ra.

Chỗ đất nứt dài bảy thước, rộng bốn tấc, sâu không biết chừng nào.

Tháng 8, mùa thu. Duyệt binh một cách to lớn.

Nhà vua hạ lệnh cho Hưng Đạo vương Quốc Tuấn điều khiển các sắc quân của vương, hầu, mở cuộc duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu, rồi chia quân ra đóng giữ bến Bình Than và các nơi xung yếu. Chb. **VII**, 30

Lời chua – *Đông Bộ Đầu* : Xem Lý Cao Tông, năm Trị bình long ứng thứ 5 (Chb.V, 38).

Ngày mồng 4, tháng 9. Mặt trăng và sao Kim tinh xuất hiện lúc ban ngày.

Xuất hiện về phương Tây – Nam, cách nhau hơn một thước.

(1) Đàn thờ thần thổ địa.

Lời chua – *Kim Tinh* : Sao Thái Bạch.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhà Nguyên họp quân sĩ ở Hồ Quảng[1], hẹn ngày sang xâm lấn nước ta. Nhà vua sai trung đại phu là Trần Phủ sang, hành tỉnh[2] Kinh Hồ bên Nguyên xin hoãn quân, nhà Nguyên không bằng lòng, sai Thái tử Thoát Hoan thống lĩnh các quân, nói thác là sang đánh Chiêm Thành, mà thực là chia đường sang cướp nước ta. Nhà vua cho triệu những kỳ lão trong nước vào thềm điện Diên Hồng mời ăn uống, hỏi mưu kế, các kỳ lão đều nói rằng : "Phải đánh !" Không có một người nào nói khác cả.

Tháng 12. Quân Nguyên xâm phạm vào cửa ải nước ta. Quân quan của ta đánh với quân Nguyên, bị thất bại, nhà vua chạy sang Hải Đông.

Thoát Hoan nhà Nguyên kéo quân đến cửa ải nước ta, đưa thư sang mượn đường ; nhà vua đưa thư trả lời rằng : "Từ nước tôi đến Chiêm Thành, đường thuỷ, đường bộ đều không tiện cả". Rồi liền hạ lệnh cho Hưng Đạo vương Quốc Tuấn chia quân ra chống cự phòng thủ. Quân Nguyên kéo đến Lộc Châu, lại sai Bả tổng[3] là A Lý sang nói rõ về lý do cất quân là cốt sang đánh Chiêm Thành, chứ không có ý gì khác. Quan quân ta ngăn cản ở núi Kheo Cấp, quân Nguyên không tiến sang được. Chúng liền tiến theo cửa ải Khả Ly, quan quân ta chống cự lại không được ; chúng bèn vào cửa Chi Lăng, quan quân ta lui về giữ bến Vạn Kiếp. Nhà vua ngự

Chb. **VII**, 31

(1) Triều nhà Nguyên đặt hành trung thư tỉnh ở Hồ Quảng, thống lĩnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Đông, Quảng Tây (*Từ Nguyên*, tị tập tờ 126).

(2) Triều nhà Nguyên đặt hành trung thư tỉnh ở các lộ, gọi là hành tỉnh, đời sau mới dùng danh từ "hành tỉnh" làm tên gọi khu vực hành chính, còn gọi tắt là, tỉnh (*Từ Hải*, trang 1204).

(3) Một chức về hàng quan võ của Mông Cổ.

chiếc thuyền nhỏ sang Hải Đông, lúc ấy trời đã chiều mà chưa ăn cơm sáng, có tiểu tốt là Trần Lai đem cơm gạo hẩm dâng lên, nhà vua khen là người trung nghĩa, cho tước Thượng phẩm.

Lời chua – *Vạn Lại* : Tên xã, nay đổi là Vạn An thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang .

Hải Đông : Tức An Bang. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19).

Lộc Châu : Nguyên trước thuộc lộ Tư Minh (Trung Quốc), đến năm Tuyên Đức thứ nhất (1426) triều Minh, mới thuộc vào nước ta. Triều nhà Lê nhân đấy hợp với đất châu Bình Tây đổi tên là châu Lộc Bình, nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Núi Kheo Cấp : Nay là phố Kỳ Lừa, châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

Cửa ải Khả Ly : Nay không biết ở đâu.

Cửa Chi Lăng : Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb.I, 17).

Hưng Đạo vương Quốc Tuấn hội họp quân các lộ ở Vạn Kiếp.

Nhà vua sang Hải Đông, hạ lệnh cho Quốc Tuấn điều khiển quân dân các lộ Vân Trà, Ba Điểm, chọn người nào khoẻ mạnh cho làm tiền phong, vượt biển kéo vào mặt nam, thế quân dần dần phấn chấn ; quân các đạo khác được tin đều đem nhau đến hội họp. Hưng Vũ vương Nghiện, Hưng Nhượng vương Tảng, Hưng Trí vương Nghiễn, thân đốc suất các đạo quân ở Bàng Hà, Na Ngạn, Vân Trà, Long Nhỡn, số quân tất cả có hai mươi vạn. Các tướng đến hội họp ở Vạn Kiếp, đều chịu dưới quyền tiết chế của Hưng Đạo vương. Chb. **VII**, 32

Trước đây, Quốc Tuấn có gia nô là Dã Tượng và Yết Kiêu. Quốc Tuấn đối đãi với hai người này rất hậu. Khi quân Nguyên kéo đến nơi, Yết Kiêu chịu trách nhiệm giữ thuyền ở bến Bãi, còn Dã Tượng thì đi theo Hưng Đạo vương. Lúc quan quân bị

thua, chu sư[1] đều tan vỡ, ý Hưng Đạo vương muốn theo đường núi rút lui, Dã Tượng nói : "Yết Kiêu chưa gặp chúa công, tất không dời thuyền đi nơi khác". Hưng Đạo vương vội vàng đi đến bến Bãi, quả nhiên thấy một mình thuyền Yết Kiêu còn đỗ ở đấy, ông mừng nói : "Chim hồng hộc sở dĩ bay cao được, tất phải nhờ có sáu cái xương trụ ở cánh, nếu không có sáu cái xương trụ cứng rắn, thì chim hồng hộc cũng như loài chim thường thôi". Bấy giờ, nhân chiều gió, thuyền chèo đi như bay, quân Nguyên đuổi theo không kịp. Khi đến Vạn Kiếp, mới hội quân các lộ lại, rồi chia ra đóng ở Bắc Giang để chống cự.

Lời chua – *Vân Trà, Bà Điểm* : Đều tên xã, thuộc lộ Hải Đông.

Na Ngạn : Tên huyện. Xem Lý Nhân Tông, năm Thiên phù khánh thọ thứ nhất (Chb.IV, 18).

Long Nhỡn : Tên huyện, nhà Lê đổi là Phượng Nhỡn ; nay theo tên ấy, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Chb. **VII**, 33

Bến Bãi : Nay không rõ chỗ nào.

Bổ dụng Đinh Củng Viên quyền giữ việc Nội mật ở cung Thánh Từ.

Ất Dậu, năm Trùng Hưng thứ 1 (1285). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Chi hậu cục thủ[2] là Đỗ Khắc Chung sang doanh trại quân Nguyên.

Quân Nguyên đã lấy được các cửa ải ở Lạng Sơn, tiến đến sông Vạn Kiếp, Quốc Tuấn đem thuyền chiến bày trận cách sông Vạn Kiếp mười dặm, gọi là trận "dực thuỷ" ; Thoát Hoan tung quân ra đánh, quân ta phải rút lui, thuyền chiến của ta bị quân Nguyên bắt. Chúng bèn ra sức cướp bóc ở Gia Lâm, Vũ Ninh và Đông Ngàn. Bắt được quan quân, thấy người nào cánh

(1) Quân Thuỷ, chiến đấu ở dưới sông.

(2) Quan hầu cận ở bên cạnh vua.

tay cũng có hai chữ "sát Thát[1] thích bằng mực đen, chúng giận lắm, đem giết hết cả ; rồi tiến đến bến Đông Bộ Đầu, kéo lên một lá cờ lớn.

Nhà vua muốn sai người đi dò xem tình hình quân giặc hư thực thế nào, mà khó tìm được người đương nổi việc ấy. Lúc ấy, Chi hậu cục thủ là Đỗ Khắc Chung tình nguyện đi ; nhà vua ngợi khen, nói : "Ai ngờ trong đám ngựa kéo xe muối, lại có ngựa kỳ, ngựa ký[2] như thế", bèn sai Khắc Chung sang doanh trại quân Nguyên xin hoà.

Khi Khắc Chung đến nơi, Ô Mã Nhi trách móc về hai chữ "sát Thát" và nói : "Nước anh dám khinh lờn đại binh của thiên triều, cái lỗi ấy to lắm đấy !" Khắc Chung trả lời : "Con chó trong nhà cắn người lạ, là vì không phải chủ của nó. Việc thích chữ vào cánh tay là do lòng trung phẫn của người nước tôi, tự ý thích vào đấy". Ô Mã Nhi nói : "Đại binh từ phương xa đến đây, sao không theo lễ nghi nghênh tiếp, mà lại dám kháng cự lại mệnh lệnh ?" Khắc Chung nói : "Hiền tướng không bắt chước sách lược bình định nước Yên[3] ngày trước, đóng quân ở địa đầu quan ải, trước hết đưa thư báo tin ; hiền tướng không đem lòng tốt đến với nước tôi, đấy là lỗi của hiền tướng ; nay tự đem quân đến ức hiếp nhau thì, dầu con thú đến lúc cùng tất phải đánh lại, con chim đến lúc cùng tất phải mổ lại, huống chi là người ?". Ô Mã Nhi nói : "Đại binh chỉ mượn đường sang đánh Chiêm Thành, nếu vua nước anh thân đến đây cùng nhau hội kiến, thì trong nước được yên, không

Chb. VII, 34

---

(1) Nước Mông Cổ có tên riêng là Thát Đát. "Sát Thát" là giết quân Thát Đát, tức quân Mông Cổ xâm lược.

(2) Tên hai thứ ngựa khoẻ nhất, hay nhất, bền bỉ nhất trong các loại ngựa, một ngày có thể chạy được ngàn dặm. Câu này ý nói người ở hàng quan nhỏ mà có lòng trung nghĩa, có can đảm, có tài năng lỗi lạc.

(3) Thời đại Hán Sở, nước Yên, nước Triệu là hai nước vừa lớn vừa mạnh ở gần nhau. Đại tướng nhà Hán là Hàn Tín sau khi đã phá được nước Triệu, thế quân lừng lẫy. Hàn Tín đem quân đóng ở địa đầu nước Yên, đưa thư hiểu dụ ; vua Yên sợ, xin hàng.

xâm phạm tơ hào gì cả. Nếu trái lại, thì chỉ trong khoảng giây phút, non sông đều bị san phẳng, đến lúc ấy, dầu có muốn hối lại cũng không được nữa".

Khắc Chung cáo từ ra về. Mã Nhi bảo với tướng tá rằng : "Người này trong lúc bị uy hiếp mà lời lẽ và khí sắc vẫn bình tĩnh như thường, không hạ thấp vua mình là chú Chích[1], không tâng bốc ta là vua Nghiêu[2], chỉ nói "chó trong nhà cắn người lạ", ứng đối thật là khéo léo, người này có thể nói là "không làm nhục mệnh lệnh của vua phó thác cho"[3]. Trong nước họ có người như thế, chưa dễ đã làm gì họ được".

Khắc Chung về đến hành doanh bên ta, thì quân Nguyên cũng theo chân kéo đến đánh nhau với quân ta.

Lời chua – *Gia Lâm* : Tên huyện.

Vũ Ninh : Tên châu, nhà Lê đổi là huyện Vũ Giàng ; nay vẫn theo tên ấy. Hai huyện này đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Ngàn : Tức châu Cổ Pháp. Xem Lê Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb. II, 6).

Quân Nguyên xâm phạm vào kinh thành. Chb. **VII**, 35

Thoát Hoan đã lấy được Bắc Giang, quân ta lập đồn trại theo bờ sông phía nam để phòng ngự. Quân Nguyên bắn súng, hô to thách đánh. Nhà vua sai Nguyễn Hiệu Nhuệ sang doanh trại quân Nguyên xin tướng nhà Nguyên rút quân ; Thoát Hoan không nghe, bèn bắc cầu phao qua sông, đóng doanh luỹ sát chân thành. Ngày hôm sau, kéo quân

---

(1) *Chích* : có nhiều thuyết khác nhau : ***Sử ký chính nghĩa*** nói : Chích là một người đại bợm ở thời Hoàng đế ; Trang tử nói : em Liễu Hạ Huệ (thời Xuân Thu) tên là Đạo Chích ; Lý Kỳ chua sách ***Hán thư*** nói : Chích là một đại đạo thời nhà Tần.

(2) Nghiêu, một ông vua thời đại thượng cổ Trung Quốc, tương truyền là một thánh quân. *Chiến quốc sách* chép : con chó của Chích cắn ông Nghiêu, không phải con chó ấy quý Chích mà ghét Nghiêu đâu, nó chỉ cắn cái người không phải chủ của nó.

(3) Câu của Khổng Tử trả lời học trò là Tử Công chép trong thiên "Tử lộ" sách *Luận ngữ*.

vào thành, thì lúc bấy giờ nhà vua đã chạy ra ngoài rồi, Thoát Hoan cho quân đuổi theo.

Lời chua – *Bắc Giang* : Tức Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 28).

Nhà vua sai Thượng tướng Quang Khải đem quân đóng giữ Nghệ An.

Tướng nhà Nguyên là Toa Đô trước kia đem thuyền chiến ra Quảng Châu, vượt biển sang đánh Chiêm Thành, nhưng đánh không được. Vua nhà Nguyên hạ chiếu cho Toa Đô do đường bộ đem quân về phối hợp với quân của Thoát Hoan. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn nghe được tin ấy, xin nhà vua sai Quang Khải đem quân vào đóng ở Nghệ An. Việc này là cốt để chẹn lối đường xung yếu mà Toa Đô sẽ đi qua.

Lời cẩn án – *Đạo quân của Toa Đô :* Sử cũ *chép là từ Vân Nam sang Lão Qua đến Chiêm Thành. Nhưng xét con đường ấy vừa xa vừa hiểm trở, không phải lối đường đem quân đi được. Tra trong truyện Toa Đô ở* Nguyên sử *thì chép là "Toa Đô do đường biển tiến quân". Nay theo* Nguyên sử.

Lời chua – *Nghệ An* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,21).

Tháng 2. Trần Kiện đầu hàng nhà Nguyên, bị Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Địa Lô đón đường bắn giết đi. Chb. VII, 36

Quân của Toa Đô kéo về đến Nghệ An, đi đến đâu đánh tan đến đấy, quân của Quang Khải không thể chống lại được. Trần Kiện cùng với thuộc hạ là Lê Trắc đem gia quyến đón đường đầu hàng ; Toa Đô sai người đưa bọn Trần Kiện về Yên Kinh. Khi đến Lạng Giang, thổ hào ở đấy là Nguyễn Thế Lộc và Nguyễn Lĩnh đánh bọn Trần Kiện ở trại Ma Lục. Người gia nô của Hưng Đạo vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Trần Kiện. Lê Trắc, phải cõng

xác Trần Kiện, ở trên mình ngựa, đương đêm chạy trốn, chạy được vài mươi dặm, đến Kheo Ôn, Trắc mới chôn xác Trần Kiện ở đấy.

Lời chua – *Lạng Giang* : Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 31).

Trại Ma Lục : Thuộc Lạng Giang, nay không rõ đích xác chỗ nào.

Kheo Ôn : Tên huyện, nhà Lê đổi là châu Ôn ; nay vẫn theo tên ấy, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Kiện : Con vợ lẽ của Tĩnh Quốc vương Quốc Khang, trước kia Quốc Khang cai trị Nghệ An, nên con cháu đều ở đấy.

Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng đánh nhau với quân nhà Nguyên ở bãi Tha Mạc, bị bại trận. Bình Trọng bị giết chết.

Quân nhà Nguyên đóng ở bãi Tha Mạc, Bình Trọng kéo quân đến đánh với quân giặc, bị thua to và bị bắt, Bình Trọng không chịu ăn uống gì. Tướng Nguyên tra hỏi về việc nước, Bình Trọng không trả lời. Tướng Nguyên hỏi : "Có muốn nhận tước vương đất Bắc không ?" Bình Trọng quát to, nói : "Ta thà làm con ma ở đất Nam, không thèm nhận tước vương đất Bắc". Vì thế, Bình Trọng bị giết chết. Nhà vua được tin này, vật vã thương khóc. Chb. **VII**, 37

Lời chua – *Trần Bình Trọng* : Con cháu Lê Đại Hành, ông cha Bình Trọng làm quan triều Trần Thái Tông, được ban cho quốc tính (họ của nhà vua) .

Tha Mạc : Tức sông Thiên Mạc, xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb.VI, 42).

Tháng 3. Nhà vua rước Thượng hoàng chạy vào Thanh Hoá.

Lúc ấy quân Nguyên đuổi theo riết, nhà vua phải mời Thượng hoàng cùng ngự vào một chiếc thuyền con, chạy ra nguồn Tam Trĩ ; một mặt khác, sai người kéo chiếc thuyền của vua vẫn ngự đi ra ngả núi Ngọc Sơn để đánh lừa quân Nguyên. Tướng Nguyên do thám biết được mưu ấy, mới sai Hữu thừa là

Khoan Triệt, Tả thừa là Lý Hằng chia đường đuổi theo. Nhà vua phải đổi đi đường bộ đến xã Thuỷ Chú, rồi lại đi thuyền đến sông Nam Triệu, qua cửa biển Đại Bàng vào Thanh Hoá.

Khi bấy giờ nhà vua phải chạy loạn long đong, mà Hưng Đạo vương Quốc Tuấn vốn có danh vọng và tài trí lỗi lạc khác thường, lại còn hiềm khích về việc An Sinh vương ngày trước[1], vì thế nên nhiều người có lòng nghi ngờ ; hơn nữa, khi Quốc Tuấn đi theo vua thường cầm cái trượng bằng gỗ, đầu trượng có cắm mũi sắt nhọn, nên ai cũng liếc mắt trông. Quốc Tuấn liều rút bỏ cái đầu sắt nhọn ấy, chỉ cầm cái trượng trơ những gỗ mà đi, bấy giờ người ta mới yên tâm.

Lời chua – *Thanh Hoá* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Nguồn Tam Trĩ : Nay ở xã Tam Trĩ, châu Tiên Yên, tỉnh Quảng Yên. Chb. **VII**, 38

Cửa biển Ngọc San : Nay ở châu Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên, về phía đông biển thông với đường đi Khâm Châu (Trung Quốc).

Thuỷ Chú : Tên xã.

Sông Nam Triệu : Tức sông Bạch Đằng. Xem thuộc Tấn, năm Thiên phúc thứ 3 (Tb.V, 20).

Cửa biển Đại Bàng : Nay ở xã Đại Bàng, huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương[2].

Trần Ích Tắc đầu hàng nhà Nguyên.

Lời phê – *Người ta có tài văn học mà như thế, thì văn học làm gì*[3] *!*

---

(1) Quốc Tuấn là con An Sinh vương Trần Liễu, Trần Cảnh (Thái Tông) cướp vợ của Trần Liễu, Trần Liễu vẫn căm giận, đã một lần khởi binh phản lại Thái Tông. Khi Trần Liễu mất, có dặn lại Quốc Tuấn cướp lấy thiên hạ để báo thù.

(2) Nay thuộc huyện Kiến Thuỵ, T.P. Hải Phòng.

(3) Xem thêm tiểu sử Ích Tắc chép ở *Chính biên* quyển VII, tờ 9.

Ích Tắc tự phụ là người thông minh mà không được thoả mãn nguyện vọng, thường đem thư riêng gửi khách buôn ở Vân Đồn xin nhà Nguyên đem quân sang nước Nam. Nay quân Nguyên sang xâm lấn, Tắc đầu hàng ngay, cốt mong cho mình được làm vua trong nước. Muốn cơ mi Ích Tắc, nhà Nguyên phong cho hắn tước An Nam quốc vương. Lúc ấy Văn Chiêu hầu là Văn Lộng, Văn Nghĩa hầu là Tú Hoãn và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long cũng đều đem cả gia quyến đầu hàng nhà Nguyên.

Lời chua – *Vân Đồn* : Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb.IV, 43).

Văn Lộng, Tú Hoãn : Đều là tôn thất nhà Trần.

Tháng 4, mùa hạ. Chiêu Văn vương Nhật Duật đánh thắng được quân Nguyên ở cửa Hàm Tử.

Quân Toa Đô từ Chiêm Thành kéo về, cướp bóc ở dọc đường, trèo non xuống dốc ở khoảng châu Ô, châu Lý, châu Hoan, châu Ái, nay tiến về đóng ở Tây Kết. Nhà vua bàn với quần thần rằng : "Quân giặc đi muôn dặm đường để đánh úp nước người ta, vì không đánh được mà phải bỏ đi, bây giờ nhân lúc chúng mỏi mệt, mà đem quân đã được nghỉ ngơi dưỡng sức của ta để đối địch với quân mỏi mệt của chúng, đánh ngày một trận phủ đầu cho chúng mất hết nhuệ khí, thì tất nhiên phá tan được". Bàn luận xong rồi, nhà vua liền hạ lệnh cho Chiêu Văn vương Nhật Duật, Chiêu Thành vương (không rõ tên), Hoài Văn hầu Quốc Toản và tướng quân Nguyễn Khoái đem quân tinh nhuệ đón đánh. Khi quân ta đến cửa Hàm Tử, hai bên đánh nhau kịch liệt. Trong toán quân của Nhật Duật có người nhà Tống mặc áo bên Tống, cầm cung tên theo quân ta đi đánh. Thượng hoàng tự nghĩ quần áo và tiếng

Chb. **VII**, 39

nói người Tống với người Thát[1] giống nhau, sợ quân ta không phân biệt được, mới sai người đi thông báo rằng : "Đấy là quân Thát của Chiêu Văn vương đấy, nên nhận cho kỹ". Quân Toa Đô ở phương xa đến, thấy trong toán quân có mặc quân phục nhà Tống, đều sợ, chúng ngờ là có quân Tống sang giúp quân ta, vì thế mà quân Nguyên bị tan vỡ lớn. Toa Đô phải lui quân đóng ở cửa biển Thiên Trường để tìm lương ăn.

Nguyên trước đây, lúc nhà Tống bị mất, nhiều người bên Tống chạy sang nước ta, Nhật Duật đều thu dụng được, có một người tên là Triệu Trung, rất khoẻ mạnh, Nhật Duật dùng làm gia tướng, vì thế, kể công đánh thắng được quân Nguyên, Nhật Duật đóng góp rất nhiều.

Lời chua – *Cửa Hàm Tử* : Ở bãi Hàm Tử, huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên.

Ô, Lý : Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Châu Hoan, Châu Ái : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-22).

Tây Kết : Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb.I, 18) . Chb. **VII**, 40

Tháng 5. Nhà vua mời Thượng hoàng tự làm tướng đánh quân Nguyên, phá tan quân Toa Đô ở Tây Kết, chém được Toa Đô.

Trước đây, Thượng tướng Quang Khải, Hoài Văn hầu Quốc Toản đem quân dân các lộ đánh bại được quân Nguyên ở Chương Dương, thu phục được kinh thành ; bọn Thoát Hoan, A Thích nhà Nguyên phải vượt qua sông Phú Lương để chạy. Khi ấy, nhà vua mời Thượng hoàng từ Thanh Hoá tiến quân ra, lại thắng được quân Nguyên ở phủ Trường Yên. Về phần quân Nguyên : quân của Toa Đô và quân của Thoát Hoan đóng cách nhau đến hai trăm dặm, lúc Thoát Hoan phải rút quân lui, Toa Đô

(1) Thát, tức Thát Đát, tên riêng của Mông Cổ. Xem thêm lời chua "sát thát" ở *Chính biên* quyển VII, tờ 33.

vẫn chưa biết, nên Toa Đô và Ô Mã Nhi đem quân từ đường biển ra đánh ở sông Thiên Mạc, định phối hợp với cánh quân Thoát Hoan để nương tựa lẫn nhau.

Quân tuần tiễu nhà Nguyên đi đến huyện Phù Ninh, gặp viên Phụ đạo tử là Hà Đặc đặt mưu kế để lừa, rồi đem toàn lực ra đánh, đuổi quân giặc chạy đến đất A Lạp. Vì đánh hăng quá, nên Hà Đặc bị tử trận, quân chúng của Hà Đặc đều mất về tay giặc. Em Hà Đặc là Chương[1] nhân khi giặc sơ hở, lấy trộm được áo giáp và cờ hiệu của giặc, chạy về dâng nộp quân ta. Quân ta liền dùng quân trang ấy đánh vào dinh trại giặc, quân Nguyên không phòng bị, tan vỡ.

Quân ta[2] tiến đến bến đò Đại Mang, Tổng quản nhà Nguyên là Trương Hiển đầu hàng, lại đánh cho quân Nguyên bị thua to ở Tây Kết, chém được nguyên soái là Toa Đô. Ô Mã Nhi nhân đêm trốn chạy vào Thanh Hoá ; quan quân đuổi theo, bắt sống được hơn năm vạn người. Mã Nhi dùng một chiếc thuyền vượt ra biển chạy thoát được. Lúc nhà vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, có lòng thương, nói : "Đạo làm tôi nên như thế", liền cởi cái áo đương mặc, sai quan gói thủ cấp đem chôn. Chb. **VII**, 41

Lời cẩn án – *Trận đánh thắng được giặc ở Chương Dương, thu phục được kinh thành, là chiến công to nhất lúc bấy giờ.* Sử cũ *chép việc này không được rõ ràng.*

Lại xét : Sử cũ *chép : "Quân tuần tiễu của nhà Nguyên đến Phù Ninh, Hà Đặc đan tre làm hình người, cắm tên vào cây để lừa giặc"* [3]. *Nhưng huyện Phù Ninh thuộc thượng du tỉnh Sơn Tây*[4] *ngày nay, Toa Đô từ đường biển tiến quân ra đánh*

(1) Em Hà Đặc là Chương bị quân Nguyên bắt (*Đại Việt Sử ký* quyển V tờ 65).

(2) Đạo quân này do Thánh Tông và Nhân Tông chỉ huy, từ Thanh Hoá tiến đến bến đò Đại Mang (sử dẫn trên).

(3) Hà Đặc dùng tre đan thành hình người to lớn, ngoài mặc áo, đêm đến, cho đem ra đem vào. Lại dùi những cây to thành lỗ, rồi lấy những mũi tên lớn cắm vào lỗ ấy, để giặc trông thấy tưởng là sức bắn suốt được cây (*Đại Việt sử ký toàn thư* quyển V, tờ 49 và *Đại Việt sử ký* quyển V, tờ 65).

(4) Nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

vào sông Thiên Mạc, thế mà quân tuần tiễu lại đến huyện Phù Ninh, xa cách nhau hàng ba bốn ngày đường, tất nhiên không có lẽ như thế. Việc này ngờ là Sử cũ *chép lầm, sẽ nghiên cứu sau.*

Lời chua – *Chương Dương* : Tên bến đò, ở xã Chương Dương, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội ngày nay[1] .

A Lạp : Tên đất. Nay không rõ chỗ nào.

Đại Mang : Tên bến đò. Nay không rõ chỗ nào.

Phụ đạo tử : Chức tù trưởng ở phiên trấn, cũng như thổ Tri châu thổ Tri huyện bây giờ.

Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đánh cho quân Nguyên phải thua to ở Vạn Kiếp, Thoát Hoan trốn về nước.

Lời phê – *Một mình nguyên soái rút lui sau cùng !*

Quân Nguyên nhiều lần bị thua, lại gặp mùa hè mưa nắng thất thường, quân sĩ chết hại rất nhiều, mới quyết kế rút lui về nước. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn dự bị đặt quân mai phục để đón đường ra đánh. Khi quân Nguyên đến sông Vạn Kiếp, chưa kịp sang đò, quân mai phục liền nổi lên đánh, quân sĩ nhà Nguyên chết mất quá một nửa, tướng sĩ phải liều chết chống cự, mới hộ vệ Thoát Hoan được khỏi chết. Chb. **VII**, 42

Lời phê – *Lúc bấy giờ nhà Nguyên mới nổi lên, khí thế rất ngang ngược ; nhà Trần cũng may gặp lúc mới nổi lên, được các vua Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông và tướng văn tướng võ phần nhiều người tài, mới có thể đánh bại được giặc, giữ được nước, chứ nếu gặp người khác thì chưa biết thế nào*[2].

---

(1) Nay thuộc xã Chương Dương, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

(2) Lời phê kết thúc bằng tám chữ "nhược ngộ kỳ tha, vi khả chi dã". Tám chữ này nghĩa không được rõ cho lắm, vì chữ "tha" có thể là người khác hoặc lúc khác. Vậy tám chữ này ý nói nếu gặp vua tôi khác không anh dũng được như vua tôi nhà Trần, hoặc lúc khác không được hưng thịnh như lúc nhà Trần mới nổi lên, thì chưa biết tình thế sẽ biến chuyển ra sao.

Lời chua – *Tư Minh* : Tên phủ, xem Trần Thái Tông năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb.VI, 40).

Tháng 6. Nhà vua rước Thượng hoàng trở về hoàng cung.

Có thuỷ tai lớn.

Đưa trả tù binh Chiêm Thành trở về nước họ.

Tướng nước Chiêm Thành là bọn Ba Lậu Kê, Na Liên, vì đi theo Toa Đô, bị quân ta bắt được. Nay nhà vua sai viên trung phẩm phụng ngự là Đặng Du Chi đưa trả họ về nước.

Tháng 8, mùa thu. Phong quan tước cho những bầy tôi có công, tuỳ theo công trạng mà phong cấp bậc cao thấp khác nhau. Lại trị tội những kẻ đã đầu hàng giặc.

Tháng 9. Đổi lại niên hiệu ; Đại xá cho trong nước ; Gia tôn huy hiệu cho tiên đế và tiên hậu.

Chb. VII, 43

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu xét duyệt sổ hộ khẩu[1] trong nước.

Bầy tôi trong triều can ngăn, lấy cớ rằng nhân dân vừa bị khó nhọc khổ sở, việc xét định số hộ khẩu không phải là việc cần kíp lúc này. Nhà vua nói : "Chỉ có thể nhân lúc này xét định hộ khẩu, không nên để nước ngoài có ý dòm dỏ cho là dân ta điêu tàn". Bầy tôi đều xưng tụng và kính phục.

Lời phê[2] – *Nói khiên cưỡng, vô lý.*

Bính Tuất, năm thứ 2 (1286). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 23).

Tháng giêng, mùa xuân. Tha cho tù binh nhà Nguyên được trở về nước.

Tháng 6, mùa hạ. Hạ chiếu cho các vương hầu trong tôn thất chiêu mộ binh lính.

---

(1) Hộ là tính theo từng bếp ; khẩu là tính theo đầu người.

(2) Chỉ vào câu nói của Trần Nhân Tông.

Thoát Hoan bị thua chạy về nước, vua nhà Nguyên giận lắm, hạ chiếu bãi đạo quân sang đánh Nhật Bản, rồi sai đóng ba trăm chiếc thuyền, định đến tháng 8, kéo ra Khâm, Liêm hội với quân 3 tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây, mượn tiếng là đưa Trần Ích Tắc về nước Nam để đem đại binh sang xâm lấn. Thượng thư là Lưu Tuyên can rằng : "Mới rồi dụng binh không thành công, hiện nay những người đau thương chưa khỏi, nay lại đem đại binh sang đánh, sự đó không nên". Tỉnh thần Hồ Nam là Tuyến Ca cũng dâng sớ nói : "Dụng binh luôn mấy năm, quân sĩ chết mất nhiều, bốn hạng dân[1] bỏ cả nghề nghiệp, nay lại động dụng đến số quân hàng trăm vạn, như thế không phải là đạo thương yêu sĩ dân". Vua nhà Nguyên y theo lời tâu, hạ chiếu cho năm nay hãy tạm nghỉ và cho Ích Tắc ở tại Ngạc Châu. Nhà vua được tin, đem việc ấy hỏi Hưng Đạo vương. Quốc Tuấn thưa rằng : "Nước ta lâu nay thái bình, dân không biết việc binh bị, vì thế năm mới rồi quân Nguyên sang ăn cướp, hoặc cũng có kẻ hàng giặc, hay trốn tránh ; nhờ được oai linh của tổ tông, thần vũ của bệ hạ, nên đánh đâu được đấy, trong nước mới được thái bình. Nếu bây giờ giặc lại kéo sang thì ta đã luyện tập về việc chiến đấu, quân địch đi xa mỏi mệt, vả lại chúng vẫn sợ về việc Toa Đô, Lý Hằng, Lý Quán bị thua, không sẵn lòng chiến đấu. Theo ý tôi nhận xét, tất thế nào cũng phá tan được". Nhà vua khen là phải, bèn hạ lệnh cho Quốc Tuấn đốc suất các vương hầu, chiêu mộ binh lính, sắm sửa binh khí, để phòng khi chiến đấu hoặc phòng thủ. Chb. **VII**, 44

Ban cho Đinh Củng Viên tước Nội minh tự.

Củng Viên xin thôi không nhận tạm giữ công việc trong cung Thánh Từ nữa, nhà vua y cho, nên có lệnh ban tước này.

(1) Sĩ, nông, công, thương.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 8

Từ Đinh Hợi (1287) Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 3 đến Đinh Tỵ (1307) Trần Anh Tông năm Hưng Long thứ 15 gồm 21 năm. Chb. VIII, 1

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1287). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 24).

Tháng 2, mùa xuân. Nguyên Thánh Thiên cảm Hoàng Thái hậu Trần Thị mất.

Nhà Nguyên lại sai Thoát Hoan, A Bát Xích[1] đem quân sang xâm lược.

Nhà Nguyên lấy quân ở ba tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây tất cả bảy vạn người, và năm trăm chiếc thuyền ; quân ở tỉnh Vân Nam sáu nghìn người, và quân giống người Lê ở bốn châu hải ngoại một vạn năm ngàn người ; sai viên vạn hộ hải đạo là Trương Văn Hổ tải mười bảy vạn hộc lương (*Sử cũ* chép là bảy mươi vạn) để tiếp tế cho quân ăn ; phong cho A Bát Xích giữ chức Hành tỉnh tả thừa ; Áo Lỗ Xích làm Bình chương chính sự, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp làm Tham tri chính sự, đều ở dưới quyền chỉ huy của Thoát Hoan (*Nguyên sử* chép là Thác Hoan). Các tướng Nguyên chia đường đem quân sang xâm lấn. Tin ấy từ nơi biên giới báo về triều. Các quan trong triều xin tuyển người khoẻ mạnh bổ sung làm quân, để cho quân số được nhiều. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn nói : "Quân lính cốt phải

(1) Có người đọc là A Nhập Xích.

tinh nhuệ, không cần phải nhiều, cứ xem như Bồ kiên ở Trung Quốc có quân hàng trăm vạn[1] cũng có làm gì được đâu. Vì thế nên không tuyển thêm quân nữa. Chb. **VII**, 2

Lời chua – *Quân người Lê ở bốn châu* : Tức là các châu Nhai, Quỳnh, Đam và Vạn, nay thuộc tỉnh Quảng Đông nhà Thanh. Địa điểm này có động Mán chủng tộc người Lê. Nhà Nguyên đặt mười hai cánh Lê Binh, có phủ Thiên Hộ quản lĩnh những cánh quân ấy.

Tháng 3. Hạ chiếu ân xá.

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Tá Thiên đại vương là Đức Việp quyền giữ việc tướng quốc.

Ngày mồng một, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Tháng 11. Mặt trời xô động.

Mặt trời xô động thành ra bốn góc.

Thoát Hoan nhà Nguyên đem quân xâm phạm vào cửa ải, nhà vua hạ chiếu cho các tướng đem quân chống cự lại.

Quân Thoát Hoan kéo đến Tư Minh, để lại đấy hai nghìn người, giao cho vạn hộ là Hạ Chỉ và Trương Ngọc thống lĩnh để coi giữ các xe thuốc đạn, lương thực và quần áo của binh sĩ, rồi sai Trình Bằng Phi, Áo Lỗ Xích mỗi người đem một vạn quân đi đường bộ, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đem quân đi thuyền theo đường biển, hai đường đều tiến sang biên giới nước ta. Viên quan giữ ngoài biên giới đem việc đó tâu về triều Nhà vua hỏi Hưng Đạo vương rằng : "Bây giờ giặc đến thì mưu tính thế nào?" Hưng Đạo vương thưa rằng : "Năm nay đánh thắng giặc

(1) Thời đại Đông Tấn, Tam Tần vương là Bồ Kiên có số quân đến trăm vạn (quân chiến đấu bằng cung tên dáo mác hơn 60 vạn, quân cưỡi ngựa gần 30 vạn). Năm 383, Bồ Kiên đem quân đóng ở dọc sông Phì Thuỷ để đánh nhà Tấn, tướng nhà Tấn là Tạ Thạch đánh cho quân Bồ Kiên chết đến 7,8 phần mười. Bồ Kiên trúng tên, phải bỏ chạy.

có phần dễ hơn trước". Nhà vua liền hạ lệnh cho các tướng chia nhau đem quân chống cự.

Quân nhà Nguyên xâm phạm vào kinh thành. Nhà vua rước Thượng hoàng chạy đến đồn Hám Nam.

Quân nhà Nguyên do hai đường thuỷ và bộ kéo sang, quân ta không chống giữ được. Thoát Hoan sai Trình Bằng Phi đem hai vạn quân đánh vào Vạn Kiếp, lập doanh trại ở núi Phả Lại và núi Chí Linh, chia quân ra đóng giữ ; dân ở Bàng Hà và Ba Điểm đều ra hàng. Lại sai bọn Ô Mã Nhi, A Bát Xích hội họp quân tiến thẳng qua sông Phú Lương, xâm phạm vào kinh thành. Nhà vua liền rước Thượng hoàng chạy đến đồn Hám Nam, rồi lại dùng chu sư[1] đi theo đường ra biển để tránh nạn. Quân nhà Nguyên đuổi theo không kịp. Chb. **VIII**, 3

Lời cẩn án – *Việc này* Sử cũ *không chép, chỉ chép : "Thái tử nhà Nguyên là A Thai dùng 30 vạn quân xâm phạm vào Vạn Kiếp". Chép như thế thì tên người (A Thai) và số quân (30 vạn) đều không đúng sự thực. Nay căn cứ vào sách* Nguyên sử loại biên, *chép thêm vào và cải chính lại.*

Lời chua – *Hám Nam* : Tên một đồn, chưa rõ đích xác ở chỗ nào.

Núi Phả Lại : Nay ở xã Phả Lại, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Núi Chí Linh : Nay ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Mậu Tí, năm thứ 4 (1288). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 25).

Tháng giêng, mùa xuân. Ô Mã Nhi nhà Nguyên xâm phạm đến phủ Long Hưng.

Lời chua - *Long Hưng* : Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb.VI, 28).

---

(1) Tên một binh chủng, tức là quân thuỷ, dùng thuyền để chiến đấu ở dưới nước.

Nhân Huệ vương Khánh Dư đón đánh tướng nhà Nguyên là Trương Văn Hổ ở Vân Đồn, được thắng trận lớn. Chb. **VIII**, 4

Khánh Dư làm phó tướng ở Vân Đồn, Hưng Đạo vương giao phó cho giữ hết công việc ngoài biên giới. Gặp lúc Ô Mã Nhi đem chu sư[1] ra cửa biển Đại Bàng đón thuyền tải lương của Văn Hổ, Khánh Dư đánh nhau với quân Ô Mã Nhi bị thua, Thượng hoàng nghe tin ấy, sai trung sứ[2] đến bắt Khánh Dư, đóng xiềng giải về hành tại[3]. Khánh Dư nói với trung sứ rằng: "Kỷ luật quân ngũ, tôi xin cam chịu, nhưng xin thư thả cho vài hôm nữa, để tôi tìm kế lập công sau này, rồi sẽ về chịu tội búa rìu, tưởng cũng chưa muộn". Viên trung sứ nhận lời. Khánh Dư đoán chắc thuyền của giặc đã đi qua rồi, thì thuyền tải lương tất đi theo sau, liền thu thập tàn quân, sẵn sàng chờ đợi. Một lát sau, quả nhiên thuyền tải lương của Văn Hổ đến, Khánh Dư đón đánh, quân Nguyên bị thua to. Khi đi đến biển Lục Thuỷ, thuyền của quân Nguyên bị mắc cạn, sa lầy, không chở đi được, lương thực chìm cả xuống biển. Khánh Dư bắt được quân nhu, khí giới rất nhiều. Văn Hổ chỉ thoát được một mình, vội vàng chạy về Quỳnh Châu. Khánh Dư cho người phi báo tin về hành tại, Thượng hoàng tha cho tội trước không hỏi nữa và nói : "Quân Nguyên chỉ nhờ lương thảo, khí giới, nay đã bị ta bắt được, nếu chúng chưa biết rõ việc ấy, hoặc còn hung hăng quấy nhiễu chăng?" Nói rồi bèn thả những người mà ta đã bắt được đến thẳng dinh quân Nguyên để nói rõ sự thể cho chúng biết. Quân Nguyên từ đấy thiếu lương ăn ; mỗi ngày một quẫn bách thêm, quân sĩ ai cũng muốn về, không ai có lòng chiến đấu, cho

(1) Tên một binh chủng tức là quân thuỷ, dùng thuyền để chiến đấu ở dưới nước.

(2) Người hầu cận ở bên cạnh vua chúa.

(3) Khi nào vua ra ngoài hoàng thành đóng ở chỗ nào, chỗ ấy gọi là hành tại.

nên năm bấy giờ quân Nguyên lại kéo sang mà dân ta bị hại không đến nỗi thảm khốc như năm trước, Khánh Dư thực đã dự một phần công lao. Chb. **VIII**, 5

Trước kia Khánh Dư trấn thủ Vân Đồn, tục ở đây chỉ có nghề buôn bán sinh nhai ; đồ ăn thức mặc đều mua của khách buôn Trung Quốc, cho nên đồ dùng và ăn vận rập theo như phong tục Trung Quốc. Khánh Dư đi kiểm duyệt quân các trang hộ, rồi hạ lệnh rằng : Quân sĩ trấn thủ Vân Đồn là cốt để ngăn ngừa giặc phương Bắc tràn sang, quân ta không nên đội nón của phương Bắc, vì sợ khi vội vàng, khó lòng mà phân biệt được, cần phải đội nón "ma lôi" (Ma Lôi là tên một làng ở Hồng Lộ, làng này có tài khéo chế nón bằng trúc thanh bì, nên lấy tên làng để gọi tên nón), ai trái lệnh sẽ bị phạt. Thế rồi, Khánh Dư trước hết cho người nhà đi mua nón ma lôi chứa đầy vào một thuyền đậu ở trong cửa sông. Sau khi đã hạ lệnh rồi, Khánh Dư sai người lẻn đi bảo nhỏ với các người ở trang hộ rằng : "Mới đây, thấy có thuyền chứa nón ma lôi đậu ở vùng biển đằng trước mặt này". Do đấy người trong các trang tranh nhau ra mua ; lúc mới mỗi chiếc chẳng quá một tiền, sau bán một giá cao hơn, mỗi chiếc trị giá bằng một tấm vải, thành ra thu được số vải kể hàng nghìn tấm. Bài thơ của người phương Bắc mừng Khánh Dư có câu rằng : "Vân Đồn kê khuyển diệc giai kinh" (gà, chó ở Vân Đồn cũng đều sợ). Câu thơ này thác ra giọng sợ phục uy danh Khánh Dư, mà kỳ thực mỉa mai ngấm ngầm. Khánh Dư có tính tham lam, phàm giữ chức trấn thủ ở nơi nào, người trong hạt đều oán ghét. Chỉ vì nhà vua tiếc ông ta là tướng tài, nên không nỡ bỏ mà thôi.

Lời chua – *Biển Lục Thuỷ* : Nay ở phía đông nam huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Yên, cách huyện 17 dặm. Chb. **VIII**, 6

Tháng 2. Quân Nguyên xâm phạm đến trại An Hưng.

Ô Mã Nhi đợi mãi không thấy thuyền tải lương của Văn Hổ đến, bèn đánh phá trại An Hưng, rồi lại đem quân về Vạn Kiếp, chia ra đóng giữ các núi Chí Linh và Phả Lại, để làm kế cố thủ.

Lời chua – *An Hưng* : Tên trại, nhà Lê đổi làm huyện ; nay cũng theo tên ấy, thuộc tỉnh Quảng Yên.

Tháng 3. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đánh phá tan được thuỷ quân nhà Nguyên ở sông Bạch Đằng, bắt được tướng Nguyên là bọn Ô Mã Nhi. Thoát Hoan phải theo đường bộ chạy trốn về nước.

Lời phê – *Nhà Nguyên hai lần đem quân xâm lấn, những tướng sai sang đều không phải là tướng giỏi, đấy cũng là may cho nhà Trần.*

Quân Nguyên thiếu lương ăn, chia ra từng toán để đi tìm lương, các tướng đều nói : "Ở đây không có thành trì để giữ, không có kho tàng để ăn. Vả lại, đương lúc cuối xuân đầu hè, khí trời nồng nực ; những chỗ hiểm trở xung yếu đã chiếm được nay đều bị mất, chi bằng đem quân về". Thoát Hoan y theo, hạ lệnh cho bọn Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp đem chu sư theo đường thuỷ đi trước. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn biết quân Nguyên sắp rút lui, bèn trước hết cho người đóng cọc gỗ ở sông Bạch Đằng, lấy cỏ phủ lên đầu cọc, sẵn sàng chờ đợi. Khi bọn Ô Mã Nhi về đến Bạch Đằng, Quốc Tuấn nhân lúc nước thuỷ triều lên, cho quân ra khiêu chiến, giả vờ thua chạy, bên Nguyên đem cả quân đuổi theo. Lúc ấy nước thuỷ triều xuống rất mau. Tướng Nguyễn Khoái thống lĩnh vệ quân Thánh Dực tung quân ra đánh quật lại, phá tan được quân Nguyên. Gặp lúc ấy đại quân của nhà vua kế tiếp tiến đến. Ô Mã Nhi phải thu thập những thuyền còn sót lại để chạy, không ngờ thuyền mắc trên cọc gỗ đều bị đổ nhào xuống nước, quân Nguyên chết không biết chừng nào mà kể, quân ta bắt được hơn bốn trăm chiếc thuyền. Tước nội minh tự là Đỗ Hành

Chb. **VIII**, 7

bắt được Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc đem dâng nộp Thượng hoàng. Viên hữu thừa nhà Nguyên là Trình Bằng Phi chọn lấy những quân khoẻ mạnh, theo đường bộ, bảo vệ cho Thoát Hoan trốn về nước. Khi về đến cửa ải Nội Bàng, bị quân ta hội hợp chặn đánh, chức vạn hộ nhà Nguyên là Trương Quân phải dùng ba nghìn quân liều chết để đánh, mới thoát ra được khỏi cửa ải. Lại có gián điệp nói : Quân ta phân ra giữ cửa ải Nữ Nhi và núi Kheo Cấp, rải rác hơn trăm dặm để chặn đường, quân Nguyên lại càng sợ, vừa đánh vừa chạy. Quân ta nhân ở trên cao bắn tên thuốc độc xuống, bọn Trương Ngọc, A Bát Xích đều bị chết, tướng sĩ nhà Nguyên phải buộc vết thương để chống cự, thây chết nằm chồng chất lên nhau. Thoát Hoan phải do đường huyện Đan Dĩ chạy sang Lộc Châu, rồi đi đường tắt về Tư Minh, sai Áo Lỗ Xích thu thập tàn quân trở về nước.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép : "Quân nhà Nguyên hội họp ở sông Bạch Đằng, đón thuyền lương của Văn Hổ, nhưng không gặp, bị Quốc Tuấn đánh cho bị thua. Lúc thuyền của Văn Hổ đến, lại bị thua, thuyền lương mắc trên đầu cọc gỗ, đổ nhào xuống nước gần hết. Nguyễn Khoái đánh nhau với quân Nguyên, bắt được bình chương là Áo Lỗ Xích. Còn Thoát Hoan và A Thai đem quân chạy trốn về nước, viên thổ quan ở Tư Minh là Hoàng Nghệ bắt được đem dâng nộp". Nay tra cứu sách* Nguyên sử loại biên *thì, sau khi thuyền lương của Trương Văn Hổ đã bị quân ta phá mất rồi, Thoát Hoan vì có thiếu lương ăn, nên mới nghĩ kế đem quân về nước. Thế thì Văn Hổ bị thua là trận đánh ở Vân Đồn, còn trận này (trận Bạch Đằng) là đón đánh quân Nguyên lúc rút lui về nước. Đến như Áo Lỗ Xích là bộ tướng*[1] *nhà Nguyên cùng với Thoát Hoan đem quân đi đường bộ trở về nước, chứ có đến sông Bạch Đằng đâu mà bị Nguyễn Khoái bắt được. Sau khi Thoát Hoan đã trở về, vua nhà Nguyên lấy cớ là Thoát Hoan không lập được*

Chb. **VIII**, 8

(1) Tướng cầm quân đánh ở trên đường bộ.

công trạng gì, cho ra trấn thủ Dương Châu, không cho vào triều kiến. Thế thì viên thổ quan ở Tư Minh bắt thế nào được Thoát Hoan? Vả lại, ngày làm lễ "hiến phu"(1), *chỉ thấy nói đến bọn Ô Mã Nhi mà không nói đến Thoát Hoan. Vậy thì có lẽ nào bắt được nguyên soái của giặc mà lại không đem "hiến phu" hay sao? Lại một việc nữa, là năm ấy tướng nhà Nguyên được sai sang nước ta không có người nào tên là A Thai cả. Những việc tương tự như thế* Sử cũ *chép đều sai sự thực, nay căn cứ vào* Nguyên sử *và tham khảo sách* Cương mục *tục biên (Trung Quốc) cải chính lại.*

Lời chua – *Sông Bạch Đằng* : Xem thuộc Tấn, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb.V, 19-20). Chb. **VIII**, 9

Cửa ải Nội Bàng, cửa ải Nữ Nhi : Đều thuộc Lạng Sơn.

Đan Dĩ : Tên huyện. Có chỗ chép là Đan Ba, thuộc Lạng Sơn ; nay không rõ chỗ nào.

Nhà vua rước Thượng hoàng về Long Hưng, làm lễ hiến phu ở Chiêu Lăng.

Trước đây, quân Nguyên xâm phạm đến Long Hưng, đào bới ở Chiêu Lăng mà không động chạm đến tử cung(2). Nay Nhà vua rước Thượng hoàng về Long Hưng, đem tù binh nhà Nguyên là bọn Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc đến hiến tiệp(3). Nhà vua trông thấy ngựa đá ở trước lăng, chân đều dính bùn, có làm hai câu thơ : *"Xã tắc*(4) *lưỡng hồi lao thạch mã ; san hà*

(1) *Phu* : danh từ gọi những binh lính của giặc bắt được trong khi đánh nhau, tức là tù binh bấy giờ. Thời đại phong kiến, sau khi thắng trận trở về, đem tù binh báo cáo lên nhà Thái miếu, gọi là là hiến phu.

(2) *Tử* : gỗ tử. Cung : cung điện. Tử cung : chỉ cái quan tài của bọn vua chúa, vì vua chúa lúc sống ở cung điện, nên khi chết, cái quan tài để xác đóng bằng gỗ tử, gọi là tử cung.

(3) Dâng tâu chiến công đã đánh được giặc, cũng nghĩ như hiến phu.

(4) *Xã* : nơi thờ thần thổ địa. *Tắc* : nơi thờ thần bách cốc. Nhân dân trong một nước, cần thiết nhất là ruộng đất và thóc lúa, nên đời xưa dùng chữ "xã tắc" để tượng trưng quốc gia.

thiên cổ điện kim âu[1]. (Xã tắc hai lần bị xâm phạm làm cho ngựa đá cũng phải khó nhọc ; từ nay giang san sẽ được ngàn đời vững bền như chiếc kim âu). Hai câu thơ này là có ý chỉ vào việc chân ngựa đã dính bùn.

Lời phê - *Đã là bọn tàn bạo, thì không có lý nào như thế*[2], *hoặc giả kiêng kỵ mà không nói rõ ra đấy thôi.*

Lời chua – *Long Hưng* : Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb.VI, 28).

Chiêu Lăng : Lăng tẩm Trần Thái Tông.

Nhà vua rước Thượng hoàng về cung điện.

Tháng 4, mùa hạ. Đại xá.

Lúc ấy, cung điện bị giặc đốt phá, nhà vua ngự ở hành lang thị vệ, hạ chiếu đại xá cho thiên hạ : phàm chỗ nào bị quân Nguyên tàn phá cướp bóc nhiều lần, thì được tha hết tô thuế và dao dịch, còn những chỗ khác thì tha cho hoặc nhiều hoặc ít tuỳ theo sự thiệt hại của từng nơi.

Theo chế độ cũ, mỗi khi có chiếu ân xá, thì viên trung quan [hoạn quan] giữ chức Hành khiển tuyên đọc chiếu thư, còn việc nghĩ soạn chiếu thư thì do viện Hàn Lâm phụ trách. Sau khi viện Hàn Lâm nghĩ soạn xong rồi, đưa bản thảo cho viên trung thư học tập trước, để chuẩn bị đến lúc tuyên đọc cho đúng. Lúc bấy giờ, Lê Tòng Giáo giữ chức Hành khiển, cùng với Hàn Lâm phụng chỉ là Đinh Củng Viên vốn không hoà hợp với nhau. Gặp khi ấy có chiếu đại xá, Củng Viên cố ý không đưa bản thảo trước, đến ngày tuyên chiếu mới đưa cho ; vì thế Tòng Giáo tuyên đọc không thông. Chb. **VIII**,10

(1) *Âu* : cái chậu, cái ang hay cái bình. *Kim âu* : Cái âu đúc bằng loài kim, tượng trưng cho sự kiên cố không bao giờ sứt mẻ được.

(2) Ý nói quân Nguyên là bọn tàn bạo thì không có lý gì chúng không xâm phạm đến quan tài ở Chiêu Lăng.

Nhà vua phải bảo Củng Viên đứng bên nhắc. Tiếng nhắc của Củng Viên to, mà tiếng tuyên đọc của Tòng Giáo lại nhỏ, Tòng Giáo tỏ nét mặt hổ thẹn. Sau khi lễ tuyên chiếu xong rồi, nhà vua cho triệu Tòng Giáo đến bảo rằng : "Củng Viên là văn quan, nhà ngươi là trung quan, có việc gì mà không hoà hợp với nhau đến thế ! Nhà ngươi làm lưu thủ ở Thiên Trường, rươi có, quýt có ; đi lại tặng biếu cho nhau thì có hại gì ?" Từ bấy giờ Tòng Giáo với Củng Viên tình giao kết với nhau trở nên thân mật.

Lời phê – *Ông vua này có thể gọi là "thiên tử hoà giải.*

Lời chua – *Thiên Trường* : Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb.VI, 28). Thổ sản ở Thiên Trường có rươi và quýt. Bài thơ *"Thiên trường ký sự"* của Phạm Sư Mạnh có câu : "Lưỡng ngạn tân sương kim quất quốc, mãn thành tế vũ thổ hà thiên" Tiết trời mới có sương, trông hai bên bãi tưởng là một nước toàn quýt vàng ; gặp lúc mưa nhỏ, thì khắp nơi trong thành chỉ thấy trên là trời, dưới có rươi(1).

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Quân Nguyên đã rút lui, nhà vua sai Đỗ Thiên Thữ sang nhà Nguyên trần tạ. Thiên Thữ là em Khắc Chung, Khắc Chung trước đây đã sang sứ bên dinh trại quân Nguyên, có công(2), nay tiến cử người em, nên nhà vua mới cho sang sứ.

Lời cẩn án - *Sách* Thiên nam hành kỷ *của Từ Minh Thiện nhà Nguyên nói : "Đại quân mới về nước, thiên sứ chưa sang, nhà Trần đã sai bọn trung đại phu Trần Khắc Dụng và tòng nghĩa lang Nguyễn Mạnh Thông dâng lễ vật trần tạ". Đoạn văn chép ở* Thiên nam hành kỷ *kể trên có lẽ chỉ vào việc đi sứ này của Đỗ Thiên Thữ, nhưng họ tên hơi khác, vậy chép ra đây để tiện tham khảo.* Chb. **VIII**, 11

(1) Ý nói về tiết tháng 9, ở Thiên Trường có nhiều quýt và rươi.

(2) Xem thêm việc Khắc Chung sang sứ bên dinh trại quân Nguyên (Chb. VII, 33- 34).

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1289). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 26). Tháng 2, mùa xuân. Đưa trả tù binh nhà Nguyên là Ô Mã Nhi về nước, rồi ngầm lập mưu giết đi.

Trận chiến thắng ở Bạch Đằng, quân ta bắt được tướng nhà Nguyên là Ô Mã Nhi và bọn Tích Lệ Cơ Ngọc và Phàn Tiếp, sau nhà vua sai tòng nghĩa lang là Nguyên Thịnh đưa Cơ Ngọc về trước, còn Phàn Tiếp bị bệnh chết, dùng phép hoả táng rồi cấp cho một đôi ngựa sai vợ con hắn chở hài cốt mang về ; những đầu mục quân sĩ cũng cho về cả. Duy có Ô Mã Nhi chém giết cướp bóc dân ta một cách tàn khốc, nhà vua căm giận lắm, nên theo kế của Quốc Tuấn, sai Nội thư gia Hoàng Tá Thốn đưa trả về nước, dùng người tài lội nước sung làm phu chèo thuyền, nhân đêm dùi thủng thuyền cho đắm, Ô Mã Nhi bị chết đuối. Nhân đấy, nhà vua phúc thư với nhà Nguyên rằng : "Vì thuyền rỉ nước bị đắm, quan tham chính[1] sức vóc to lớn, không sao cứu vớt được, thành ra chết đuối". Nhà Nguyên cũng không tra cứu gì đến việc này.

Lời phê[2] – *Bất nhân phi nghĩa !*

Lời cẩn án – *Đoạn văn này* Sử cũ *chép là bọn Ô Mã Nhi đều bị chết đuối, còn về việc Cơ Ngọc và Phàn Tiếp thì không trình bày rõ ràng. Như thế có phần sai sự thực. Nay tham khảo sách* Thiên nam hành kỷ *của Từ Minh Thiện nhà Nguyên, cải chính lại.* Chb. **VIII**, 12

Ngày mồng một, tháng 3. Nhật thực.

Tháng 4, mùa hạ. Xét định công trạng những người đã đánh được quân Nguyên.

Tiến phong Hưng Đạo vương Quốc Tuấn làm Đại vương ; Hưng Vũ vương Nghiện làm Khai quốc công ; Hưng Nhượng vương Tảng làm tiết độ sứ. Ngoài ra người nào có công lớn đều

(1) Chỉ Ô Mã Nhi

(2) Chỉ việc dùi thuyền làm cho Ô Mã Nhi chết đuối.

được tứ quốc tính[1], Khắc Chung cũng được dự ân tứ này và vẫn giữ chức Đại hành khiển ; Nguyễn Khoái làm liệt hầu và được ban cho một "hương" (làng) gọi tên là Khoái lộ. Người Man trưởng ở Lạng Giang là bọn Lương Uất, Hà Tất Năng vì biết đốc suất dân đánh giặc, nên Lương Uất được phong làm chủ trại Quy Hoá ; Tất Năng được phong tước quan phục hầu ; Đỗ Hành vì khi bắt được Ô Mã Nhi, không đem nộp nhà vua[2], nên chỉ được phong tước quan nội hầu ; Hưng Trí vương Nghiễn vì trái tướng lệnh, ngăn cản đường quân Nguyên rút về nước, nên không được thăng trật.

Sau khi tước thưởng đã ban hành rồi, còn có người thắc mắc, Thượng hoàng phủ dụ rằng : "Nếu các ngươi biết chắc rằng giặc Nguyên không sang nữa, thì dầu phong đến cực phẩm, trẫm cũng không tiếc gì, nhưng nếu một mai giặc lại kéo sang, mà lúc ấy các ngươi lại có chiến công, thì trẫm biết hậu đãi các ngươi thế nào để khuyến khích thiên hạ được?" Mọi người đều bằng lòng. Chb. **VIII**, 13

Lại định những bầy tôi đã có công đánh giặc hai lần, người nào đã xung phong trước phá được trận tuyến của giặc, lập được chiến công đặc biệt, nay được chép vào tập *Trùng hưng thực lục* và sai thợ vẽ hình dạng vào tập sách ấy.

Mỗi khi nhà vua ra chơi đâu, trông thấy gia đồng các vương hầu ở ngoài đường tất gọi rõ tên và hỏi : "Chủ mi làm gì?" Nhà vua thường răn bảo vệ sĩ không được quát mắng gia đồng ; lại bảo với các hầu cận rằng : "Ngày thường thì bao nhiêu người hầu hạ xung quanh, đến khi nước nhà gặp hoạn nạn, thì chỉ thấy có bọn ấy thôi". Câu nói ấy có ý cảm động công lao gia đồng đã theo hầu khó nhọc trong khi mình đi lánh nạn.

---

(1) Ban ân cho được mang họ cùng một họ với vua lúc đương thời.

(2) Đỗ Hành, khi bắt được Ô Mã Nhi không dâng nộp Trần Nhân Tông mà đem nộp thẳng lên Thượng hoàng (Thánh Tông) nên chỉ được phong tước quan nội hầu. (*Đại Việt sử ký toàn thư* quyển V tờ 57), xem thêm *Chính biên* quyển VIII tờ 7.

Lời phê[1] – *Như thế cũng không đúng.*

Lời chua – *Lạng Giang* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Quy Hoá : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 41).

Khoái Lộ : Xem Lý Cao Tông, năm Trị bình long ứng thứ 4 (Chb .V, 32).

Tháng 5. Dùng Phùng Sĩ Chu làm Hành khiển.

Lúc quân Nguyên sang xâm lược, nhà vua sai Sĩ Chu bói, Sĩ Chu gieo quẻ rồi đoán rằng : "Chắc chắn đại thắng" Nhà vua nói: "Nếu quả như lời, sẽ có trọng thưởng". Nay quân Nguyên đã rút lui, nhà vua nói : "Thiên tử không nói bỡn", vì thế nên có lệnh này.

Lời chua – *Sĩ Chu* : Người Cổ Liễu, thuộc Trà Hương.

Xét xử tội những người đầu hàng quân Nguyên. Chb. **VIII**, 14

Trước đây, quân Nguyên sang xâm lấn, bọn vương, hầu và các quan có nhiều người đưa giấy tờ sang dinh quân giặc ; khi quân Nguyên rút lui, quân ta bắt được một tráp đựng các biểu xin hàng, thượng hoàng sai đốt đi, để cho những kẻ phản bội được yên tâm.

Nay chỉ xét tội người nào trước đã đầu hàng giặc, thì bây giờ dầu ở đất của giặc, cũng vẫn kết án vắng mặt về tội lưu hoặc tội xử tử, tịch thu điền sản sung công. Bọn Trần Kiện và Trần Văn Lộng bắt phải đổi họ là Mai, duy Ích Tắc[2] là họ thân với nhà vua, không nỡ bắt đổi họ, mà chỉ gọi là "Ả Trần", có ý mỉa mai là nhu nhược như đàn bà. Vì thế nên việc ghi chép lúc bấy giờ có tên gọi là "Ả Trần", Mai Kiện". Đặng Long là bầy tôi hầu cận,

(1) Chỉ việc Trần Nhân Tông đối với gia đồng.

(2) Ích Tắc là con Trần Thái Tông, chú ruột Trần Nhân Tông.

trước nhà vua muốn cho làm Hàn lâm học sĩ, nhưng Thượng hoàng ngăn cản đi, Long oán giận, đầu hàng giặc ; khi bắt được, đem xử tử. Về phần quân dân thì được miễn tội chết, duy hai làng Bàng Hà và Bà Điểm, khi giặc mới đến đã đầu hàng ngay, nay bắt dân hai làng ấy phải tội đồ làm "sai sử hoành" không được dùng làm quan.

Lời chua – *Hoành* : Tên riêng gọi những người nô lệ. Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 6 (Chb.VI, 9).

Thượng hoàng về chơi cung điện ở phủ Thiên Trường.

Quân Nguyên đã rút lui, thượng hoàng về phủ Thiên Trường, nhân làm bài thơ cảm hoài[1] để ghi sự thực.

Đại hạn từ tháng 6 đến mãi tháng 10 mùa đông.

Canh Dần, năm thứ 6 (1290). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 27).

Chb. **VIII**, 15

Tháng 2, mùa xuân. Cử các quan văn chia nhau đi cai trị các lộ.

Nhà vua tự làm tướng đi đánh Ai Lao.

Bầy tôi can rằng : Giặc Nguyên mới rút lui, vết thương chưa hàn gắn được, không nên gây việc binh đao. Nhà vua nói : "Chỉ có thể nhân lúc này mà khởi binh thôi, vì sau khi giặc rút lui, các nước bên cạnh tất bảo là quân mã nước ta mỏi mệt, có ý coi thường, cho nên cần phải khởi đại binh để ra oai với nước khác". Bầy tôi đều nói : "Thánh nhân lo xa như thế, bọn chúng tôi không thể nào nghĩ thấu được".

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Bấy giờ triều thần can ngăn về việc thân chinh, không phải là trái lẽ, thế mà khi nghe lời nói của Nhân Tông đã vội tán dương là "thánh nhân lo xa" thì lời tán dương ấy hầu như bợ đỡ.*

---

(1) Bài thơ này có chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Hoàng việt thi tuyển*, được nhiều thi gia thưởng thức.

Lời chua – *Ai Lao* : Tên nước. Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb.IV, 9-10).

Tháng 3. Gia phong Tá Thiên đại vương là Đức Việp chức Nhập nội kiểm hiệu Thái uý.

Tháng 5, mùa hạ. Thượng hoàng mất.

Đặt tên thuỵ là : Huyền công thịnh đức nhân minh văn vũ tuyên hiếu hoàng đế. Miếu hiệu là Thánh Tông, làm vua 21 năm, nhường ngôi 13 năm, hưởng thọ 51 tuổi.

Bổ dụng Phạm Ngũ Lão quản lĩnh quân Thánh Dực. Chb. **VIII**, 16

Ngũ Lão là gia thần Quốc Tuấn. Quốc Tuấn nhận thấy Ngũ Lão tài năng khí độ vượt hơn mọi người, gả con gái nuôi cho, nhân đó tiến cử lên triều đình. Ngũ Lão theo Quốc Tuấn đi đánh giặc Nguyên, có công, nên có lệnh bổ dụng này.

Lời chua – *Phạm Ngũ Lão* : Người Đường Hào thuộc Hồng Châu[1].

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Sai Ngô Đình Giới sang nhà Nguyên báo tin Thượng hoàng mất và xin phong tước.

Lời chua – *Đình Giới* : Chưa rõ giữ quan chức gì. Sách *Nguyên sử* chép là Nghiêm Trọng La và Trần Tử Lương, chưa rõ sách nào chép đúng.

Dân bị đói to, nhà vua hạ chiếu xá thuế và phát chẩn.

Năm ấy dân bị đói to, một thăng gạo trị giá một quan tiền, nhiều người dân phải bán ruộng đất và con trai, con gái, để lấy lương ăn. Nhà vua hạ chiếu cho miễn thuế nhân đinh, lại phát thóc công chẩn cấp cho dân nghèo.

Tháng 12, mùa đông. An táng Thượng hoàng ở Dụ Lăng.

Lời chua – *Dụ Lăng* : Ở phủ Long Hưng.

---

(1) Người xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên bây giờ.

Tân Mão, năm thứ 7 (1291). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 28). Dân lại bị đói to.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nhà Nguyên sang. Chb. VIII, 17

Bọn Thoát Hoan rút về rồi, vua nhà Nguyên vẫn còn căm giận, muốn lại khởi binh sang đánh ; Bác Quả Mật[1] tâu với vua nhà Nguyên nên sai sứ sang dụ, thì thể nào họ cũng phải theo. Vì thế vua Nguyên mới sai Thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ nhà vua vào chầu.

Nhâm Thìn, năm thứ 8 (1292). (Nguyên, Chí Nguyên thứ 29).

Ngày mồng một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Bổ dụng Phí Mãnh làm An phủ sứ Diễn Châu.

Phí Mãnh ở quận lỵ chưa được bao lâu, có tai tiếng là người tham ô ; nhà vua triệu về bắt phạt trượng để răn bảo, rồi lại cho đi nhận chức cũ. Từ đấy, Phí Mãnh trở thành người có tiếng là công bằng thanh liêm. Vì thế người Diễn Châu có câu "Diễn Châu an phủ thanh như thuỷ", (quan An phủ Diễn Châu trong sạch như nước).

Lời phê – *Đem so sánh với việc phong thưởng đại phu đất Mặc, mổ bụng đại phu đất A*[2]*, thì Trần Nhân Tông xử trí việc này có phần hơn nhiều.*

---

(1) *Đại Việt sử ký* chép tên là Bất Hốt Truật.

(2) Lời phê, nguyên văn chép "thắng ư phanh Mặc, phong A đa hĩ" Chép thế là lầm, đáng lẽ là "phong Mặc, phanh A" mới đúng. Vì thế chúng tôi dịch đúng với điển cũ như thế này:

Thời đại Chiến quốc, nước Tề có hai quan đại phu, một là Tống Thượng Hiền, đại phu ở đất Tức Mặc (nay thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc), và một là Mao Thức, đại phu ở đất A (tức huyện Chúc A, ở phía đông bắc tỉnh Sơn Đông). Thượng Hiền thường bị những người hầu cận vua Uy vương nước Tề gièm pha, Uy vương cho dò xét thì đất Tức Mặc ruộng đất được mở mang, nhân dân được no ấm. Uy vương xét thấy như thế là Thượng Hiền không chịu mua chuộc những người hầu cận nên bị gièm pha, liền phong cho một vạn nhà để ăn lộc. Mao Thức thường được những người hầu cận vua khen ngợi, Uy vương cũng cho dò xét, thì thấy đất Chúc A ruộng đất bỏ hoang, nhân dân nghèo đói. Uy vương xét thấy như thế là vì Mao Thức đút lót người hầu cận để mua lấy tiếng khen, liền bắt mổ bụng Mao Thức và người nào trước kia đã tán dương Mao Thức (*Tăng bình lịch sử cương mục bổ*, III. 3- 4).

Lời chua - *Diễn Châu* : Xem thuộc Đường, Cao Tông năm Điều Lộ thứ nhất (Tb.IV, 20).

Bổ dụng Trần Kiến làm An phủ sứ lộ Yên Khang.

Trần Kiến là môn khách của Hưng Đạo vương, nên Hưng Đạo vương tiến cử, khi quân Nguyên mới sang xâm lấn, nhà vua sai Trần Kiến bói Dịch, bói được quẻ "Dự" biến ra quẻ "Chấn". Trần Kiến đoán : "Mùa hạ sang năm, quân Nguyên tất phải thua". Đến lúc quân Nguyên kéo sang lần thứ hai, nhà vua lại sai Trần Kiến bói, được quẻ "Quan" biến ra quẻ "Hoán", liền đoán rằng : "Đó là triệu chứng ly tán, quân Nguyên tất phải thua". Lời đoán của Trần Kiến trước sau đều đúng cả. Nhà vua khen là có tài, nên đặc cách bổ dùng. Chb. **VIII**, 18

Lời chua – *Trần Kiến* : Người ở Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

Yên Khang : Tên lộ. Xưa là Yên Ninh ; nhà Lê đổi là phủ Yên Khang ; nay đổi là Yên Khánh thuộc tỉnh Ninh Bình.

Tháng 2. Lập con là Thuyên làm Hoàng thái tử.

Bổ dụng Đinh Củng Viên làm Thái tử thiếu bảo, phong tước quan nội hầu.

Sai Nguyễn Đại Phạp sang sứ nhà Nguyên.

Vua Nguyên sai Trương Lập Đạo sang nói với nhà vua rằng: "Trước đây, Thoát Hoan không dùng người đưa đường, mà đem quân đi sâu mãi vào nước Nam, thành ra không đánh nhau mà tự nhiên bị tan vỡ ; đấy là vì nước Nam nhờ có địa thế hiểm trở. Nay người Vân Nam và Lĩnh Nam phong tục giống nhau, mà tài nghệ sức khoẻ cũng ngang nhau, nếu đem những người ấy dùng vào chiến đấu, rồi quân tinh nhuệ ở phương Bắc lại tiếp tục gửi sang, thì nước Nam có thể nào chống cự lại được không ? Vả lại, việc xuất chinh năm mới rồi, không phải tự ý thiên tử,

mà là do bầy tôi ở biên cương gièm pha đấy thôi. Vậy ngài nên sang chầu thiên tử ngay". Nhà vua từ tạ vì đương có tang, rồi sai Đại Phạp cùng Hà Duy Nham sang sứ nhà Nguyên.

Đại Phạp đến Ngạc Châu, người bên Nguyên gọi là "lão lệnh công" [ông quan già]. Khi Đại Phạp vào yết kiến các viên bình chương hành tỉnh(1), thấy Ích Tắc cũng ngồi đấy, Đại Phạp không chào hỏi. Ích Tắc hỏi rằng : "Có lẽ anh là thư nhi(2) nhà Chiêu Đạo vương thì phải ?". Đại Phạp trả lời : "Cuộc đời thay đổi, Đại Phạp này, trước là thư nhi của Chiêu Đạo vương, nhưng nay là sứ thần một nước, cũng như bình chương trước là con vua một nước, mà bây giờ lại là người đi đầu hàng địch !". Ích Tắc nghe Đại Phạp nói, tỏ nét mặt hổ thẹn. Tự đấy hễ khi nào có sứ thần nước ta đến, Ích Tắc không ngồi ở sảnh đường nữa. Chb. **VIII**. 19

Lời chua – *Chiêu Đạo vương* : Tên là Quang Sưởng, con vợ thứ của Trần Thái Tông, anh cùng mẹ với Ích Tắc.

Bình chương : Quan chức bên Nguyên phong cho Ích Tắc. Trước kia nhà Nguyên cho quân đưa Ích Tắc về nước ta, nhưng không được, sau cho ở Ngạc Châu, ban cho chức bình chương chính sự tỉnh Hồ Quảng, cấp cho ruộng ở Hán Dương để tự nuôi thân.

Tháng 3. Hạ chiếu : phàm những người nào đã mua dân lương thiện làm nô tì, nay cho người bán được chuộc lại.

Khi bấy giờ mấy năm đói kém luôn, nhân dân phần nhiều đem bán rẻ con giai, con gái để tự sinh sống, nên nay hạ lệnh này, duy ruộng đất đã bán rồi thì không cho chuộc lại.

Quý Tỵ, năm thứ 9 (1293).(Từ tháng 3 trở về sau, thuộc về Anh Tông năm Hưng Long thứ I. - Nguyên năm Chí Nguyên thứ 30).

---

(1) Xem chữ "hành tỉnh" chua ở *Chính biên* quyển VII tờ 30.

(2) Thư nhi, có lẽ là một tiểu đồng chép sách hoặc giữ sách.

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua truyền ngôi cho Thái tử là Thuyên.

Chb. **VIII**, 20

Thái tử đã lên ngôi, xưng là Anh Hoàng, bầy tôi dâng tôn hiệu là Ứng Thiên quảng vận nhân minh thánh hiếu hoàng đế (tức là Anh Tông), tôn vua cha làm Hiếu nghiêu quang thánh thái thượng hoàng đế và tôn Bảo Thánh hoàng hậu làm Khâm Từ bảo thánh hoàng thái hậu.

Tháng 9, mùa thu. Khâm Từ bảo thánh hoàng thái hậu là Trần Thị mất.

Thái hậu hiền hoà, thông sáng, đối với người dưới, có lòng nhân từ. Thượng hoàng thường khi ngự ở vọng lâu để xem quân sĩ bắt hổ, thái hậu cùng các phi tần theo hầu. Bất thình lình con hổ xổng ra ngoài chuồng, chực nhảy lên lầu, mọi người đều sợ chạy ; duy thái hậu vẫn ngồi tại chỗ, thượng hoàng lấy làm khen ngợi.

Sao chổi xuất hiện.

Sao chổi xuất hiện ở vị trí sao Tử vi, sang đến đẩu khôi[1], ánh sáng toả ra hơn một thước, một trăm ngày mới lặn.

Nhà Nguyên lại sai sứ thần sang.

Trước đây, Đại Phạp sang nhà Nguyên đính ước đến năm sau nhà vua sẽ sang chầu, nhưng nhà vua không quả quyết đi, nên nay nhà Nguyên lại sai Lại Bộ thượng thư Lương Tăng, Lễ bộ thượng thư Trần Phu sang nước ta. Khi đến nơi, nhà vua muốn cho sứ bộ đi theo cửa bên cạnh vào triều, Lương Tăng không nghe, trở đi trở lại đến ba lần, sau mới cho đi cửa giữa. Lương Tăng trách nhà vua chỉ có giấy tờ suông trang sức những lời xảo trá, và khuyên vào chầu, nhưng nhà vua không theo, rồi sai Đào Tử Kỳ đem phẩm vật địa phương sang cống. Bầy tôi nhà Nguyên lấy cớ rằng nhà vua

Chb. **VIII**, 21

(1) Bảy vì sao tụ họp thành sao Bắc đẩu, từ vì sao thứ nhất đến thứ tư là "đẩu khôi", từ vì sao thứ năm đến thứ bảy là "đẩu bính" *(Từ Hải* tờ 203).

nhất định không chịu sang chầu, nên người nào cũng bàn đem quân sang đánh, họ bắt giam giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng[1] rồi hạ lệnh cho Lưu Quốc Kiệt cùng các tước vương là bọn Y Lặc, Cát Đại chỉnh bị binh lương, chia đường cùng tiến, lại sai Ích Tắc đi theo. Khi quân đến Trường Sa, thì gặp lúc Thế Tổ nhà Nguyên mất, Thành Tông lên làm vua, bèn bãi binh mà cho Tử Kỳ về nước.

Phong cho em là Quốc Trấn[2] tước Huệ Vũ vương.

Giáp Ngọ, Anh Tông hoàng đế năm Hưng Long thứ 2 (1294) (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 31).

Tháng 7, mùa thu. Tước Chiêu Minh đại vương Quang Khải mất.

Quang Khải có học thức, thông hiểu tiếng nói các dân tộc người Phiên[3], mỗi khi có sứ thần Trung Quốc đến, được sung vào công việc giao tiếp. Trước kia, Thánh Tông thân đem quân đi đánh Mán Bà La, Quang Khải đi theo. Gặp khi ấy sứ thần Trung Quốc đến, Thái tông triệu Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đến bảo rằng : "Thượng tướng[4] theo quan gia[5] đi đánh giặc, trẫm muốn phong cho nhà ngươi làm Tư đồ, sung vào việc ứng tiếp". Quốc Tuấn thưa rằng: "Việc ứng tiếp sứ thần Trung Quốc, tôi xin đảm nhận, còn việc phong chức tư đồ, tôi không dám nhận. Nay quan gia[4] đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu, mà bệ hạ tự ý tư phong chức tước, tôi e rằng đối với tình nghĩa trên dưới chưa được ổn thoả". Việc ấy mới thôi. Chb. **VIII**, 22

(1) Tên huyện, bây giờ thuộc tỉnh Hồ Bắc.

(2) Có âm nữa là "điền".

(3) Trước kia ở Trung Quốc, những dân tộc ở biên giới các tỉnh Tứ Xuyên, Cam Túc, Vân Nam, Quý Châu,... đều gọi chung là người Phiên. Ở nước ta thì có lẽ trước kia gọi những dân tộc miền núi là người Phiên ; vì họ nói một thứ thổ âm riêng, nên gọi là "Phiên ngữ".

(4) Chỉ Trần Quang Khải.

(5) Tiếng đời Trần dùng chỉ nhà vua, Đây chỉ Trần Thánh Tông.

Quang Khải với Quốc Tuấn trước vốn không hoà hiệp với nhau, sau đó một hôm, Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp về, Quang Khải cùng Quốc Tuấn đánh cờ chơi đùa suốt ngày. Quang Khải tính không hay gội tắm, Quốc Tuấn cởi áo và lau rửa giúp Quang Khải, rồi nói : "Hôm nay được tắm cho Thượng tướng". Quang Khải cũng nói : "Hôm nay được Quốc công tắm rửa cho". Tự bấy giờ hai người chơi với nhau thân mật lắm.

Quang Khải lúc làm tướng võ, lúc làm tướng văn, giúp vương nghiệp nhà Trần, uy danh ngang với Quốc Tuấn. Khi mất, hưởng thọ 54 tuổi, có sáng tác tập thơ *Lạc đạo* lưu hành ở đời. Con là Văn Túc vương Đạo Tái cũng có tiếng là người văn hay, cháu là Uy Túc hầu Văn Bích từng làm quan đến thái bảo ; chắt là Chương Túc hầu Nguyên Đán (danh vọng cũng lừng lẫy. Xem như thế thì phúc đức của gia đình Trần Quang Khải sâu rộng bền bỉ, từ trước đến sau lúc nào cũng gắn liền với cơ nghiệp nhà Trần.

Lời phê – *Tiếp tân mà tất phải dùng đến tướng văn tướng võ, thì không phải là tôn trọng quốc thể, xem việc này cũng có thể biết được lúc bấy giờ hiếm nhân tài.*

Thượng hoàng tự làm tướng đi đánh nước Ai Lao.

Trung Thành vương (không rõ tên) đem quân đi tiên phong bị giặc vây hãm, gặp khi ấy Phạm Ngũ Lão chợt đem quân đến, hai bên giáp lại đánh, giải được vòng vây, liền tung quân ra đón đánh tan được quân giặc, bắt được người và súc vật rất nhiều. Khi đem quân về, nhà vua ban cho Ngũ Lão được kim phù[1].

Tháng 9. Thiếu bảo Đinh Củng Viên mất.

---

(1) Binh phù bằng loài kim. Riêng chữ "phù" còn có nghĩa là điềm lành phản chiếu. Ban cho kim phù là có ý mong cho được bền bỉ cứng rắn như loài kim.

Củng Viên học rộng văn hay, nhà vua rất kính trọng, không bao giờ gọi thẳng tên; lúc mất, truy tặng thiếu phó. Chb. **VIII**, 23

Ất Mùi, năm thứ 3 (1295). (Nguyên, Thành Tông, năm Nguyên Trinh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Sứ thần nhà Nguyên sang.

Thành Tông nhà Nguyên mới lên làm vua, sai thị lang Lý Khản và Tiêu Thái Đăng đem thư sang nước ta, đại lược nói : "Thiên tử mới lên ngôi, ra ơn đại xá, đã hạ lệnh cho các quan có trách nhiệm phải bãi binh. Vậy tự nay về sau nên nhớ kỹ đến cái đạo sợ uy trời, thờ nước lớn"(1). Nhà vua sai Viên ngoại lang là Trần Khắc Dụng và Phạm Thảo sang bên Nguyên đáp lễ.

Tháng 6, mùa hạ. Thượng hoàng từ Ai Lao về nước.

Thượng hoàng từ Ai Lao trở về, rồi xuất gia ở hành cung Vũ Lâm, sau lại trở về kinh sư. Khi bấy giờ Khâm Từ thái hậu đã mất rồi, Tuyên Từ thái hậu tính nóng nảy, ráo riết dạy bảo có phần nghiêm ngặt, nhà vua chỉ một mực kính cẩn tuân theo. Thượng hoàng khen là người có hiếu, nói rằng : "Trẫm không xứng đáng xưng là "Hiếu hoàng"(2) nên đem danh hiệu ấy xưng hô quan gia mới phải".

Lời chua – *Tuyên từ* : Em gái Khâm từ, tức là dì ruột nhà vua.

Vũ Lâm : Ở xã Vũ Lâm, huyện An Khánh, tỉnh Ninh Bình, ở đây núi non trùng điệp, trong ruột núi có hang, chu vi núi non rộng đến vài mươi mẫu, bên ngoài có con sông nhỏ quanh co khuất khúc, thông vào trong hang núi, thuyền nhỏ có thể chở vào được. Chb. **VIII**, 24

(1) Nguyên văn là "uý thiên, sự đại". Bốn chữ này dùng điển trong sách *Mạnh tử*, nghĩa là : Giữ bổn phận mình là nước nhỏ mà phụng thờ nước lớn, là sợ uy trời.

(2) Xem thêm chữ "hiếu hoàng" chép ở *Chính biên* quyển VII tờ 20.

Nhà vua biểu dương người đàn bà có tiết nghĩa là Lê Thị.

Chồng Lê Thị Ta là Phạm Mưu, sang sứ bên Nguyên, bị bệnh mất, Thị Ta nghe tin, thương khóc ba ngày không ăn uống gì rồi chết. Sự đó tâu về triều, nhà vua ban cho bạc và lụa để biểu dương tiết nghĩa.

Lời chua – Lê Thị người ở phường Tây Nhai trong kinh thành.

Tháng 8, mùa thu. Mở kỳ thi con các quan văn.

Quan văn từ hàng "miện, sam" trở xuống, các con trai đều được vào thi, ai trúng tuyển được sung bổ vào nha thuộc An Hoa.

Lời chua – *Miện* : Quyền miện (?), phẩm phục của người giữ chức Hiệu thư. *Sam* : Mạo sam (?), phẩm phục của người giữ chức Bạ thư. Những người được dùng phẩm phục này, đều vào hàng quan văn, danh vị hơi cao một chút.

Bính Thân, năm thứ 4 (1296). (Nguyên, năm Nguyên Trinh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nguyễn Hưng, tước thượng phẩm, có tội, phạt đánh bằng trượng cho chết.

Chế độ cũ nhà Trần, các quan viên đánh bạc phải xử vào tội nặng. Nguyễn Hưng cố ý phạm pháp, nên nhà vua bắt đánh bằng trượng cho đến chết.

Lời bàn của Phan Phu Tiên – *Pháp luật nhà Trần nghiêm cấm sự đánh bạc như vậy, thế mà đến đời Dụ Tông*[1] *lại còn đánh bạc công khai, thậm chí chiêu tập người nhà giàu vào trong cung đánh bạc, rồi người trong nước cũng bắt chước, thành ra vì tệ hại đánh bạc mà đến nỗi bại vong !* Chb. **VIII**, 25

Tháng 10, mùa đông. Năm ấy được mùa.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển X tờ 15 việc Trần Dụ Tông gá bạc.

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1297). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 1). Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại quy chế binh lính.

Tuyển dân đinh người nào khoẻ mạnh phải suốt đời làm lính, không được làm quan, theo như phép cũ. Các châu chỗ nào trước gọi là *giáp*, nay đổi làm *hương*.

Nước Ai Lao đem quân xâm phạm đến sông Chàng Long, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, phá tan được.

Nước Ai Lao đem quân xâm phạm, chiếm giữ sông Chàng Long, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão kéo quân đến đánh úp, quân Ai Lao bị thua chạy. Tin thắng trận báo về triều, nhà vua ban cho Ngũ Lão được vân phù[1].

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Trần Kiến làm Đại an phủ sứ ở kinh sư, kiêm chức quan Kiểm pháp.

Trần Kiến là người cương trực, trước làm quan An phủ ở Thiên Trường, có người đưa biếu món ăn, Trần Kiến hỏi : "Có việc gì mà biếu ?" Người ấy nói : "Vì ở gần lỵ sở". Mấy hôm sau, người ấy đem việc đến thỉnh thác. Trần Kiến giận lắm, móc cổ họng cho thổ ra. Đến nay được cất nhắc lên làm quan kiểm pháp, xét xử kiện tụng một cách công bằng thoả đáng, người ta đều nói Trần Kiến có thể quyết đoán hình ngục được.

Chb. **VIII**, 26

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho phủ tông chính khảo xét đính chính thế hệ trong gia phả họ tôn thất.

Mậu Tuất, năm thứ 6 (1298). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 2).

Tháng 9, mùa thu. Mưa gió to.

Tháng 10, mùa đông. Đặt thêm quân hiệu.

Đặt thêm các quân hiệu : Thượng chân đô, Thuỷ dạ thoa đô và Chân kim đô ; quân sĩ đều thích chữ ở trán. Nhà vua hạ lệnh

(1) Xem chữ "phù" chua ở *Chính biên* quyển VIII tờ 22. Vân Phù : binh phù có hình sắc mây.

cho Phạm Ngũ Lão làm Kim ngô hữu vệ đại tướng quân để thống lĩnh.

Tháng 12. Sao chổi xuất hiện ở phương Đông. Nhà vua không dám ngự ở chính điện và giảm bớt sự ăn uống[1].

Bổ dụng Trần Kiến là Nhập nội Hành khiển hữu gián nghị đại phu, Trần Khắc Chung làm Đại an phủ sứ ở kinh sư.

Nhà vua thấy Trần Kiến là người cương trực, ban cho cái hốt[2] và làm bài minh vào cái hốt rằng : "Thái sơn trinh cao, tượng hốt trinh liệt, linh trĩ trãi[3] giốc, vì hốt nan chiết". Núi Thái Sơn vừa kiên trinh vừa cao, hốt ngà voi vừa kiên trinh vừa sáng, ngà voi có linh tính như ngà giải trãi, dùng làm hốt, khó sức mạnh nào chiết phục được.

Kỷ Hợi, năm thứ 7 (1299). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Phạm Ngũ Lão làm Thân vệ tướng quân, kiêm quản lĩnh quân Thiên Thuộc.

Tháng 5. Bổ dụng Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán[4].

Chb. **VIII**, 27

---

(1) Theo quan điểm phong kiến, vua là con của trời (thiên tử), vua thất đức, thì trời hiển hiện ra điềm tai dị để răn bảo, nếu trời đã răn bảo mà vua còn không tu tỉnh, thì trong nước sẽ xảy ra tai hoạ. Vì thế, mỗi khi gặp nhật thực, nguyệt thực, hoặc sao sa, sao chổi... thì vua sợ oai trời, lánh mình đến ở một cung bé nhỏ, không dám nghênh ngang ngự ở chính điện, và giảm bớt sự ăn uống, không dám xa xỉ. Làm như thế là để được trai khiết mà hối tội của mình, mong được lòng trời thương lại.

(2) Cái hốt có tên riêng là "thủ bản", vua quan cầm trong lúc triều yết, có việc gì thì ghi chép vào hốt để khỏi quên. Đời cổ, hốt của thiên tử bằng ngọc, của vua chư hầu bằng ngà voi, từ đại phu đến sĩ làm bằng tre hoặc gỗ ; về sau, đại phu và sĩ đều có thể được dùng hốt bằng ngà voi cả. Chiều dài chiều rộng cái hốt của từng cấp bậc đã có kích thước nhất định.

(3) *Trãi* : Tên riêng một giống thú rừng, có sách giải nghĩa là thần dương, giống thú này có một cái sừng thẳng ở giữa trán. Đời cổ dùng nó để húc đánh những người gian tà nham hiểm, vì nó có linh tính phân biệt được người ngay, người gian.

(4) Tức Ngự sử Trung thừa, chức quan đứng hàng thứ 2 ở đài Ngự sử có nhiệm vụ can gián, đàn hặc nhà vua.

Khi bấy giờ Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường về kinh, các quan trong triều đều không ai biết cả. Nhà vua uống rượu xương bồ, say, nằm ngủ, đánh thức mãi không dậy. Thượng hoàng đi thong thả, xem khắp các cung điện một hồi lâu. Lúc người hầu nội dâng cơm, Thượng hoàng không thấy nhà vua, lấy làm lạ, liền hỏi, sau khi biết chuyện, Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường, hạ chiếu cho trăm quan đến ngày mai phải tề tập để nghe chỉ dụ. Đến quá trưa, nhà vua mới tỉnh dậy. Cung nhân đem việc đó tâu bày, nhà vua sợ quá, đi bộ ra ngoài cửa cung. Khi đi qua chùa Tư Phúc, gặp người học trò là Đoàn Nhữ Hài, nhà vua ban hỏi. Nhữ Hài vội vàng cúi rạp xuống đất thưa là "học trò đi học". Nhà vua cho theo vào cung, bảo rằng : "Mới đây trẫm say rượu, bị Thượng hoàng hỏi tội, nay muốn dâng biểu tạ tội, nhà ngươi nên thảo giúp ta tờ biểu ấy". Nhữ Hài vâng lời, thảo xong ngay. Nhà vua liền dùng chiếc thuyền nhỏ, cho Nhữ Hài đi theo, đêm đi đến Thiên Trường. Sớm hôm sau, sai Nhữ Hài đội tờ biểu dâng lên, Thượng hoàng hỏi "Người dâng biểu là người nào ?" Người hầu cận thưa rằng : "Đấy là người của quan gia[1] sai dâng biểu tạ tội". Thượng hoàng không nói gì cả. Trời gần tối, gió mưa kéo đến ầm ầm, Nhữ Hài vẫn quỳ yên không di chuyển. Thượng hoàng bèn cho người lấy tờ biểu vào xem, thấy lời lẽ ý tứ trong tờ biểu thành khẩn thiết tha, mới cho triệu nhà vua vào dạy rằng : "Trẫm không còn có người con nào nữa để nối ngôi vua hay sao ? Nay trẫm còn sống mà còn như thế, nếu sau này sẽ ra thế nào ?" Nhà vua cúi đầu tạ tội. Thượng hoàng hỏi : "Ai soạn tờ biểu này ?" Nhà vua tâu : "Tên học trò là Đoàn Nhữ Hài".

Chb. **VIII**, 28

Thượng hoàng lại cho triệu Nhữ Hài vào, dụ bảo rằng : "Tờ biểu của nhà ngươi soạn, thực hợp ý trẫm". Sau đó, Thượng hoàng cho nhà vua lại được làm vua và trăm quan trở về triều

(1) Chỉ Trần Anh Tông.

như trước. Nhà vua ở phủ Thiên Trường về, cho Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán. Khi bấy giờ Nhữ Hài mới 20 tuổi, có kẻ ghen ghét cho là ít tuổi đã làm quan, họ có câu thơ mỉa mai rằng : "Phong hiến luận đàm truyền cổ ngữ, khẩu tồn nhũ xú Đoàn trung tán". (Trong ngự sử đài người ta truyền tụng câu cổ ngữ "khẩu tồn nhũ xú"[1] để đàm luận quan trung tán họ Đoàn).

Lời phê[2] – *Xem việc này có thể biết thời đại ấy hãy còn giữ được thói giản dị sơ lược, nên vua tôi tin tưởng với nhau một cách dễ dàng.*

Lời chua – *Đoàn Nhữ Hài* người ở Trường Tân, thuộc Hồng Châu.

Nhà vua đi bái yết sơn lăng.

Tháng 6. Sai các quan đi tế khắp cả thần kỳ ở núi sông.

Tháng 7, mùa thu. Thượng hoàng lên núi Yên Tử, xả thân[3] **ở am Ngoạ Vân.**

Trước kia, Thượng hoàng ở Vũ Lâm, thời thường đi lại kinh sư và phủ Thiên Trường ; đến nay, lại xuất gia, đến núi Yên Tử, ở am Ngoạ Vân. Cung tần, thị nữ, người nào không muốn về thì cấp ruộng và nhà cho ở dưới chân núi. Thượng hoàng thỉnh thoảng có về phủ Thiên Trường, ngự ở cung Trùng Quang. Lúc nhà vua đến chầu, Thượng hoàng bảo: "Nhà ta khởi nghiệp từ bãi biển, cho nên thích hình con rồng vào vế đùi, là có ý tỏ ra rằng không bao giờ vong bản". Lúc ấy người thợ thích hình rồng đã chực ở ngoài cửa cung, nhà vua rình khi Thượng hoàng quay mặt đi chỗ khác, liền lánh sang

Chb. **VIII**, 29

(1) Lời Hán Cao tổ bình luận đại tướng nước Ngụy là Bá Trực "miệng còn hơi sữa" không thể địch được với Hàn Tín (đại tướng nhà Hán).

(2) Chỉ việc Trần Anh Tông đi bộ ra ngoài cửa cung thành nói chuyện với một người học trò.

(3) Tự nguyện đem thân mình quy y cửa Phật một cách khổ hạnh gọi là "xả thân". Phong tục này thịnh hành ở thời đại Lục Triều (Trung Quốc), Lương Vũ đế, Trần Vũ đế đều xả thân làm nô bộc cho nhà chùa. Lại cũng có người tự thiêu thân để cúng giàng vào chùa nữa (*Từ nguyên*, tập mão, tờ 117).

cung Trùng Hoa. Thượng hoàng biết ý, không bắt ép nữa. Cái tục thích hình dáng loài vật vào vế đùi của nhà Trần từ đây mới bỏ đi được.

Lời chua – *Yên Tử, Ngoạ Vân* : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Thích hình dáng loài vật vào vế đùi : Tục nhà Trần khi xưa, quân dân đều thích vẽ rồng ở trước bụng, sau lưng và hai bên vế đùi, người Trung Quốc gọi là "thái long" (rồng vẽ). Sở dĩ thích hình con rồng như thế, là có ý nghĩa rằng giống thuồng luồng sợ rồng, lưng có vằn rồng, thì khi lội xuống nước, thuồng luồng không dám xâm phạm đến.

Nhà vua đi chơi ngoài thành một cách vi hành[1].

Tính nhà vua thích vi hành, đêm đến, thường ngồi trên chiếc kiệu do người khiêng, cùng đi với vài chục người, dạo chơi khắp kinh thành, đến gà gáy mới trở về cung. Lại thường ra chơi chỗ quân phường (?). Một hôm, có đứa vô lại[2] ném gạch phạm phải ; người theo hầu quát lên rằng : "Xa giá nhà vua đấy !" Mọi người mới sợ chạy. Sau, Thượng hoàng thấy vết thương, hỏi vì cớ gì. Nhà vua cứ thực tâu bày, Thượng hoàng chép miệng "chạch chạch" một hồi lâu.

Lời phê – *Cái lỗi này lại nặng hơn cái lỗi uống rượu say nằm ngủ[3], mà sao không thấy Nhân Tông quở trách gì ?*

Ban phát khoa giáo nhà Phật cho trong kinh thành và ngoài các lộ. Chb. **VIII**, 30

Trước đây, Trần Khắc Dụng sang sứ bên nhà Nguyên, xin được kinh *Đại Tạng*[4]. Khi đem về, bản chính để ở phủ

(1) Vua chúa đi ra ngoài cung điện, không muốn cho người ngoài biết, nên không có nghi trượng đón rước, chỉ đi với một số ít người dạo chơi nơi này nơi khác, gọi là "vi hành".

(2) Vô lại có nhiều nghĩa, nhưng ở đây là chỉ hạng người chơi bời lêu lổng hoặc láu lỉnh giảo quyệt.

(3) Xem thêm *Chính biên* quyển VIII tờ 27, việc Trần Anh Tông say rượu.

(4) Tên gọi chung các kinh điển về Phật giáo do Hán nho dịch chữ Phạn ra chữ Hán hoặc những sách do các cao tăng ở phương Đông trứ tác ra (*Từ Hải*, trang 353).

Thiên Trường và viết ra bản khác giao khắc để lưu hành. Đến đây, nhà vua lại sai in quyển *Phật giáo, pháp sự đạo tràng công văn cách thức*, ban bố khắp nước.

Bổ dụng hoạn giả Trần Hùng Thao làm Tham tri chính sự, kiêm giữ việc tả ty ở cung Thánh Từ.

Hùng Thao giữ chức chưa được bao lâu, vì phê phó vào sổ tha tội người này, buộc tội người kia, nên bị bãi.

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Trước đây, nhà vua sai Đặng Nhữ Lâm sang giao hảo với nhà Nguyên, khi Nhữ Lâm đến kinh đô nhà Nguyên, bí mật làm những việc sau này :

- Vẽ đồ bản cung điện và vườn tược.

- Đem riêng trong mình bản đồ địa dư và sách đã bị cấm.

- Ghi chép vào sổ riêng những núi rừng và tình hình quân sự ở Bắc phương.

Thừa tướng nhà Nguyên là Hoàn Trạch đem việc ấy tâu bày, vua Nguyên sai Thượng thư Mã Hợp, Thị lang Kiều Tôn Lượng sang nước ta dụ bảo nhà vua về việc Nhữ Lâm làm trái pháp, đáng lẽ tra xét kỹ để trị tội, nhưng thiên tử lấy độ lượng bao dong, nên đã hạ lệnh tha cho về nước. Vậy từ nay cử sứ thần cần phải lựa chọn cẩn thận, nếu có tâu bày thỉnh thác việc gì, phải hết lòng thành thực, chứ nếu chỉ trang sức văn từ khéo léo bề ngoài, thì không ích gì cả.

Canh Tí, năm thứ 8 (1300). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 4). Chb. **VIII**, 31

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Động đất ba chỗ, từ giờ tí đến giờ thân[1] mới yên.

(1) Phỏng từ một giờ đến mười bảy giờ.

Tháng 4, mùa hạ. Mặt trời dao động.

Người đàn bà ở Hồng Lộ sinh con trai hai đầu.

Tháng 6. Sao sa.

Tháng 8, mùa thu. Tiết chế thống lĩnh chư quân, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, mất.

Trước đây, Quốc Tuấn bị bệnh, nhà vua đến nhà riêng thăm và hỏi rằng : "Nếu có sự không lành xảy ra[1], mà quân nhà Nguyên lại sang xâm lấn, thì chống cự lại bằng cách gì ?" Quốc Tuấn thưa : "Ngày trước Triệu Võ (Triệu Đà) dựng nước, vua nhà Hán sai quân sang đánh, lúc ấy, về phần tiểu dân thì phá hết hoa mầu ở đồng nội ; về phần quân lính thì đại binh kéo sang châu Khâm, châu Liêm, đánh quận Trường Sa, dùng đoản binh[2] đánh tập hậu, đấy là một thời kỳ. Đến đời nhà Đinh, nhà Lê dùng được người hiền tài, lúc ấy phương Nam đương mạnh, phương Bắc đương suy, trên dưới một lòng, dân không có lòng ly tán, đắp thành Bình Lỗ mà phá được quân nhà Tống, đấy lại là một thời kỳ. Nhà Lý dựng cơ nghiệp, người nhà Tống sang xâm lấn ; lúc ấy dùng Lý Thường Kiệt đánh châu Khâm, châu Liêm, nhiều lần tiến quân đến Mai Lĩnh[3], đấy là có thế lực mạnh. Mới rồi, Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt đánh phá bao vây ; lúc ấy vua tôi cùng lòng, anh em hoà thuận, cả nước góp sức chiến đấu, nên giặc phải bó tay, đấy là lòng giời xui khiến. Chb. **VIII**, 32

Đại khái quân giặc cậy vào trường trận[4], quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận, là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét : nếu thấy quân giặc tràn

(1) Ý nói Quốc Tuấn mất.

(2) Một binh chủng chuyên dùng giáo mác đánh giặc, khác với trường binh là hạng binh lính đánh giặc bằng cung tên.

(3) Ở địa phận tỉnh Giang Tây, tức là núi Đại Dũ, nơi xung yếu giữa hai tỉnh Giang Tây và Quảng Đông, trên núi trồng nhiều cây mai, nên gọi tên là Mai Lĩnh (*Từ Nguyên*, Thìn tập, tờ 138 và Sửu tập, tờ 203).

(4) Trường trận cũng như trường binh, xem chú thích trường binh, đoản binh ở trên.

sang như gió, như lửa, thì thế giặc có thể dễ chống cự được ; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tằm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì mình phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ, tuỳ theo thời cơ mà chế biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh lính như cha con một nhà, mới có thể dùng để chiến thắng được. Vả lại, phải bớt dùng sức dân để làm cái kế thâm căn cố đế, đó là thượng sách giữ nước không còn gì hơn". Nhà vua rất phục lời trình bày của Quốc Tuấn là đúng.

Khi Quốc Tuấn mới sinh ra, có người xem tướng trông thấy, nói : "Mai sau có thể kinh bang tế thế được". Lúc lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh khác thường, xem rộng các sách, có tài văn vũ. Thân phụ Quốc Tuấn là An Sinh vương, trước đây, có hiềm riêng với Thái Tông[1], đem lòng oán giận, đi tìm khắp những người có tài nghệ giỏi để dạy bảo Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, cầm tay Quốc Tuấn trối trăng lại rằng : "Con không vì cha mà lấy được thiên hạ, thì cha dầu chết cũng không nhắm mắt được !" Trong bụng Quốc Tuấn vẫn không cho câu nói ấy là đúng. Khi quân Nguyên sang xâm lấn, một mình nắm hết quyền bính trong nước trong quân, có lần Quốc Tuấn đem câu trối trăng của cha hỏi hai người gia nô là Dã Tượng và Yết Kiêu. Hai người can ngăn, nói : "Nếu thi hành kế ấy, dầu có giàu sang được một lúc, mà tiếng xấu để mãi đến ngàn đời. Đại vương bây giờ chả phải đã giàu sang rồi ư ? Chúng tôi tình nguyện chết già làm người nô bộc, chứ không muốn làm sự bất trung bất hiếu để cầu may mà được một chức quan, chúng tôi mong học được như người mổ dê tên là Duyệt ở thời Xuân Thu ngày trước". Quốc Tuấn nghe hai người gia nô nói, vừa cảm động ứa nước mắt vừa khen ngợi. Chb. **VIII**, 33

Có lần Quốc Tuấn giả vờ hỏi dò ý con là Hưng Vũ vương Quốc Nghiện rằng : "Cổ nhân giàu có cả thiên hạ, để truyền cho con cháu về sau, việc ấy ý con nghĩ thế nào ?" Quốc Nghiện

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển VI tờ 16, 18.

thưa rằng : "Việc ấy đối với người khác họ cũng không nên làm, huống chi là người cùng một họ". Quốc Tuấn rất lấy làm phải ; sau lại đem câu ấy hỏi con thứ là Hưng Nhượng vương Quốc Tảng, Quốc Tảng tiến thẳng đến, nói : "Tống Thái Tổ là một người làm ruộng, chỉ nhờ gặp thời vận mà lấy được thiên hạ". Quốc Tuấn liền tuốt gươm ra kể tội rằng : "Những người bầy tôi phản loạn chính là do những đứa con bất hiếu mà ra". Nói rồi có ý muốn giết đi. Quốc Nghiện vội chạy ra kêu khóc xin nhận tội thay, mãi sau mới được Quốc Tuấn tha cho. Khi Quốc Tuấn sắp mất, bảo Quốc Nghiện rằng : "Sau khi ta chết, đậy nắp áo quan đâu đấy xong rồi, sẽ cho Quốc Tảng vào viếng khóc".

Vào khoảng đầu niên hiệu Thiệu Bảo, quân Nguyên rầm rộ kéo sang, khí thế rất hung hãn. Vua Thái Tông bảo rằng : "Lực lượng của giặc mạnh như thế, có lẽ ta hãy tạm xin hàng". Quốc Tuấn nói : "Trước hết hãy chặt đầu tôi đã, rồi sẽ hàng".

Xem những việc trên, thì Quốc Tuấn hết lòng với nhà Trần, trung nghĩa bộc lộ ra như thế, cho nên dẹp tan được giặc Nguyên, dựng nên công nghiệp phi thường, tiếng vang đến Trung Quốc. Người nhà Nguyên thường gọi là An Nam Hưng Đạo vương mà không dám gọi rõ tên. Thánh Tông có làm bài văn bia ở sinh từ, sánh Quốc Tuấn với Thượng Phủ[1]. Vì có công lao to, nên gia phong là Thượng Quốc Công, được quyền tự ban thưởng phẩm tước cho người khác, nhưng Quốc Tuấn chưa hề tự ban thưởng cho một ai cả, ấy cẩn trọng giữ gìn như vậy. Lại còn một việc nữa là thường tiến cử người hiền tài để giúp nước, như các ông Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu đều là môn khách của Quốc Tuấn cả.

Chb. **VIII**, 34

(1) Thượng phủ là một danh hiệu tôn xưng Thái Công Vọng. Thái Công Vọng họ Khương tên Thượng, là một hiền thần nhà Chu. Vũ Vương nhà Chu tôn làm sư - thượng phủ. Vũ vương diệt chúa Trụ nhà Thương, lấy được thiên hạ phần nhiều là nhờ ở mưu lược của Khương Thượng, sách *Binh thư* có 6 quyển nói về lục thao, tương truyền do Khương Thượng soạn.

Đương lúc quân Nguyên sang xâm lấn, Quốc Tuấn thân hành soạn ra sách *Binh gia diệu lý yếu lược*[1] và làm bài hịch[2] trao cho các tì tướng. Bài hịch đại lược[3] như sau :

"Kỷ Tín liều mình chết thay để giải vây cho Cao đế[4], Do Vu lấy lưng đỡ giáo để che chở cho Chiêu vương[5], Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ[6], Thân Khoái[7] chặt tay để chết theo nạn nước, Kính Đức[8] là một viên tướng nhỏ mà giúp đỡ Thái Tông thoát khỏi vòng vây của Thế Sung, Nhan Khanh[9] là một

---

(1) Cuốn sách nói về phương lược cốt yếu, lý lẽ màu nhiệm của nhà binh.

(2) Đem lý lẽ phải trái viết thành văn để hiệu triệu, để khuyên nhủ, để cổ động lòng trung nghĩa của người ta, gọi là bài hịch.

(3) Bài hịch còn dài, nhưng *Cương mục* rút bớt đi.

(4) Kỷ Tín : Bầy tôi Hán Cao tổ (Lưu Bang), khi Lưu Bang bị Hạng Vũ vây hãm ở Huỳnh Dương rất nguy cấp, Kỷ Tín phải ăn mặc giả làm Lưu Bang xông ra mặt trận, sau khi Hạng Vũ bắt được Kỷ Tín (Lưu Bang giả) rồi, mới giải vây thành Huỳnh Dương, nên Lưu Bang được thoát nạn, còn Kỷ Tín bị Hạng Vũ thiêu chết. (*Thông giám tập lãm*, quyển XII tờ 5).

(5) Do Vu tức Vương tôn Do Vu, người thời Xuân thu, bầy tôi nước Sở. Khi nước Sở bị chúa nước Ngô là Hạp Lư đánh, Chiêu vương nước Sở phải chạy đến Vân Mộng, trong lúc Chiêu vương nằm ngủ, có thích khách cầm giáo vào đâm, lúc ấy. Do Vu ở bên cạnh, phải lấy thân mình chịu giáo thay thế. Do Vu bị ngọn giáo đâm trúng vai, mà Chiêu vương được thoát nạn. (*Xuân thu ngũ truyện*, quyển XVI tờ 22).

(6) Dự Nhượng người thời Chiến quốc, bầy tôi Trí Bá, Trí Bá bị Triệu Tương tử giết, Dự Nhượng lập mưu giết Tương Tử để báo thù cho Trí Bá : Hành thích lần đầu bị bắt, sau được tha. Dự Nhượng lấy sơn trát vào mình làm người hủi, nuốt than cho tiếng nói khác đi. Hành thích lần sau lại bị bắt, Dự Nhượng xin Tương tử cho đánh vào cái áo để trả thù. Khi người nhà đem cái áo của Tương Tử ra, Dự Nhượng nhảy lên kêu trời ba lần, vừa kêu vừa đánh vào cái áo, rồi tự sát, (*Bổ chính thiếu vi*, quyển 111 tờ 5).

(7) Thân Khoái người thời Xuân thu, một viên quan coi giữ ao cá của Tề Trang Công. Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái tự chết theo. (*Xuân thu ngũ truyện*, quyển XI, tờ 64).

(8) Kính Đức tức Uất Trì Kính Đức, người đời Tuỳ Đường, một tướng mạnh của Đường Thái Tông (Thế Dân). Kính Đức có biệt tài tránh gươm giáo, thường một mình một ngựa xông vào trận địa của giặc, giặc tập trung giáo lại đâm, Kính Đức đã không bị thương, lại còn cướp giáo giặc để đâm giặc. Khi Đường Thế Dân đem năm trăm quân ra trận địa, bị Vương Thế Sung đem hơn vạn quân ập đến bao vây, Đơn Hùng Tín cầm giáo đuổi đâm Thế Dân, Kính Đức phóng ngựa lại đâm Hùng Tín ngã ngựa, làm cho quân của Thế Sung bị tan vỡ và Đường Thế Dân thoát khỏi vòng vây (*Lịch sử cương mục bổ*, quyển XIX, tờ 3).

(9) Nhan Cảo Khanh, bầy tôi nhà Đường. Thời đại Đường Minh hoàng, An Lộc Sơn làm phản, lúc ấy Cảo Khanh làm thái thú ở Thường Sơn khởi binh đánh Lộc Sơn, quân thua bị bắt, Lộc Sơn có ý muốn dụ Cảo Khanh đầu hàng, Cảo Khanh mắng lại rằng : "Ta là bầy tôi nhà Đường, vì nước đánh bọn phản nghịch, ta giận rằng không chém được đầu mày". Lộc Sơn sai đem hành hình, đến lúc gần tắt thở, Cảo Khanh vẫn còn mắng chửi Lộc Sơn. (*Thông giám tập lãm*, quyển 55 tờ 37).

bầy tôi ở biên viễn mà mắng chửi Lộc Sơn không chịu theo bọn nghịch tặc ; xem như thế thì xưa kia những người trung thần, nghĩa sĩ, vì nước liều mình, đời nào chả có ; nếu những người ấy chỉ bo bo giữ thói thường tình, thì làm gì có danh thơm ghi trong sử sách, cùng với trời đất không bao giờ mai một được ?

"Các ngươi ! Xuất thân là dòng dõi nhà tướng, không hiểu rõ nghĩa lý trong sách, nay đã được nghe chuyện cổ, trong bụng nửa tin nửa ngờ. Nay ta đem ngay việc nhà Tống, nhà Nguyên mới đây nói cho mà nghe : Vương Công Kiên[1] là người thế nào ? Tỳ tướng của ông ta là Nguyễn Văn Lập[2] lại là người thế nào ? Giữ thành Điếu ngư nhỏ mọn và đương đầu với trăm vạn quân oanh liệt của Mông Kha, làm cho nhân dân nhà Tống đến nay vẫn còn đội ơn. Cốt Ngại Ngột Lang[3] là người thế nào ? Tỳ tướng của ông ta là Cân Tu Tư[4] lại là người thế nào ? Xông vào nơi đường xa nước độc, mà trong khoảng vài tuần đánh bại được quân Nam Chiếu, làm cho vua quan Thát Đát, tiếng thơm mãi đến bây giờ. Huống chi, ta với các ngươi, sinh ra trong buổi nhiễu nhương, trưởng thành trong lúc đau khổ, nay trông thấy sứ thần của giặc đi rộn rịp ở ngoài đường, uốn giọng lưỡi cú vọ mà sỉ nhục triều đình[5], đem cái thân chó dê mà khinh nhờn tể phụ[6] ; dựa vào mệnh lệnh Hốt Tất Liệt[7] để đòi hỏi ngọc lụa[8], sách nhiễu không biết thế nào

Chb. VIII, 35

(1) Xem "lời chua" của *Cương mục*.

(2) Nt

(3) Nt

(4) Nt

(5) Bài hịch nhắc lại việc sứ nhà Nguyên là Sài Xuân, khi vào đến cửa Dương Minh vẫn ngạo nghễ không xuống ngựa ; khi Thượng tướng Trần Quang Khải đến sứ quán tiếp, Sài Xuân vẫn nằm dài không dậy.

(6) - Tể phụ là những viên quan quyền cao chức trọng, giúp vua điều khiển công việc trong cả nước.

(7) Thế tổ nhà Nguyên tên là Hốt Tất Liệt.

(8) Bài hịch nhắc lại việc Mông Cổ sai sứ sang bắt nước ta phải hằng năm cống nộp tiền tệ ; sau lại sai sứ thần là Lương Tăng sang dụ vua Nhân Tông sang chầu, nếu không sang phải nộp vàng ngọc thay thế và cống nộp người hiền tài, người thợ v.v...

là cùng ; mượn uy quyền Vân Nam vương để bắt nộp bạc vàng, làm khánh kiệt kho tàng hữu hạn ; không khác gì ném thịt cho hổ đói, làm thế nào mà thoát được tai nạn về sau !

"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm quên ngủ, nước mắt chứa chan, ruột đau như cắt, lúc nào cũng tức bực rằng chưa sao sả thịt, lột da, ăn gan, uống máu chúng được.

"Nay ta soạn những binh pháp các nhà, làm ra một bộ sách đặt tên là *Binh pháp yếu lược*. Các người ! nếu người nào biết chuyên tâm học tập sách này, Chb. **VIII**, 36 nghe lời ta dạy bảo, thế là tình nghĩa thầy trò muôn đời ; nếu người nào vứt bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo, tức là kẻ thù muôn đời. Tại sao vậy ? Bởi vì giặc Mông Thát với nước ta là cái thù không thể đội trời chung được, nếu các ngươi cứ lơ là không nghĩ đến việc rửa nhục cho nước, lại không luyện tập quân lính, như thế là quay giáo xin hàng, tay không chịu chết, để sau khi bình lỗ, xấu xa để đến muôn đời, thì còn mặt mũi nào mà đứng ở trong vòng trời che đất chở này được ?"

Quốc Tuấn lại tập hợp binh pháp các nhà làm ra trận đồ bát quái cửu cung[1], gọi là sách *Vạn Kiếp tông bí truyền*, sách ấy Nhân Huệ vương Khánh Dư có đề tựa.

Đến nay Quốc Tuấn mất, được tặng tước Thái sư thượng phụ thượng quốc công Nhân vũ Hưng Đạo đại vương. Nhân dân ở châu Lạng Giang lập đền thờ.

Lời chua - *Đền thờ Hưng Đạo vương* : Nay ở xã Vạn An, huyện Lục Ngạn, phủ Lạng Giang[2].

---

(1) Bát quái : tám quẻ trong kinh *Dịch* : Càn, khôn, tốn, khảm, chấn, đoài, ly, cấn. Các danh tướng đời cổ như Khương Thượng, Tôn Tẫn, Hàn Tín, Khổng Minh, Lý Tĩnh dựa vào tám quẻ bày ra trận đồ, mỗi quẻ là một cung theo hướng tám phương, còn trung ương là cung của thần Thái Ất đóng, hợp lại thành cửu cung.

(2) Tức đền Kiếp Bạc, nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Thành Bình Lỗ : Không thấy chép trong *Sử cũ*, duy sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi chua rằng : "Triều nhà Lý đào sông Bình Lỗ, để tiện đường đi lại Thái Nguyên". Như thế thành Bình Lỗ có lẽ thuộc địa phận Thái Nguyên.

Người mổ dê tên là Duyệt : Thiên "Nhượng vương" trong sách Trang tử chép : Chiêu vương nước Sở phải tránh nạn, người mổ dê tên là Duyệt đi theo. Khi Chiêu vương trở về nước, định thưởng công cho những người theo mình, trong ấy có kể cả đến người mổ dê tên là Duyệt. Duyệt nói : "Trước kia đại vương mất nước, Duyệt này mất nghề nghiệp mổ dê, nay đại vương trở về nước, Duyệt này lại trở về nghề nghiệp mổ dê, như thế là tước lộc của tôi đã được khôi phục lại rồi, còn việc gì lại ban thưởng nữa".

Thành Điếu ngư : Tức thành Hợp Châu, vì thành này ở núi Điếu ngư, nên nhân tên núi mà gọi tên thành, nay thuộc phủ Trùng Khánh tỉnh Tứ Xuyên nhà Thanh. Khi Mông Kha nhà Nguyên đánh nhà Tống, đem quân vây hãm thành này, viên Tri châu là Vương Kiên cố sức chống giữ trong năm tháng trời, quân nhà Nguyên không sao phá được thành, phải giải vây kéo về. Chb.**VIII**, 37

Vương Công Kiên : Trong *Nguyên sử* chép là Vương Kiên.

Nguyễn Văn Lập : Có bản khác chép là Nguyễn Sơn Lập.

Nam Chiếu : Xem thuộc Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 6 (Tb.IV.35).

Cốt Ngại Ngột Lang : Nguyên sử chép là Ngột Lương Hợp Thai ; sách *Thông giám tập lãm* chép là Ô Đặc Lý Cáp Đạt.

Vân Nam vương : Sau khi nhà Nguyên bình định được đất đại Lý, chia đất ấy làm quận huyện, Thế tổ nhà Nguyên phong cho con là Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương để trấn trị.

Tháng 10, mùa đông. Định thể lệ áo mũ quan văn, quan võ.

Theo thể lệ trước, quan văn đội khăn màu thâm, kiểu chữ "đinh" ; tụng quan[1] đội khăn "thanh toàn hoa"[2]. Đến nay, nhà vua hạ lệnh chế thứ khăn kiểu mới cho quan võ đội để có phân biệt. Về áo mặc, kích thước tay áo của quan văn quan võ từ một thước đến chín tấc. Quan văn quan võ không được mặc thứ "áo phủ phía trước" ; tụng quan không được mặc xiêm. Về khăn đội, sau lại cho phép các quan đều đội khăn chữ "đinh", đội thêm cái hộ cân mầu tía pha màu biếc ; tước vương, tước hầu người nào tóc dài đội khăn "triều thiên"[3], người nào tóc ngắn đội "bao cân"[4]. Chb.**VIII**, 38

Lời chua – *Khăn chữ đinh* : Kiểu khăn này rất quê, sở dĩ gọi tên như thế, vì hình dáng khăn này giống như chữ "đinh". Cuối đời nhà Lê phần nhiều còn dùng kiểu khăn này.

Thanh toàn cân : Khăn này có hai vòng vàng đính vào hai bên khăn.

Áo phủ phía trước : nguyên văn : (*thiếm*) : thứ áo che ở đằng trước ; lại có nghĩa là dưới nách áo.

Cái hộ cân màu tía pha màu biếc (nguyên văn : tử tu gián bích) : Chữ "tu" nghĩa là cái dải bằng lụa, dùng để buộc ở chân tóc, bỏ rủ cái giọt thừa ra đằng sau. Còn các khăn khác, kiểu chế như thế nào, không rõ.

Tân Sửu, năm thứ 9 (1301). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Trần Kiến làm Tham tri chính sự.

---

(1) Các viên quan chầu chực trong cung điện, các viên quan có văn học ở liền gần với vua.

(2) Ba thứ khăn này không rõ kiểu chế thế nào, chúng tôi đã tra trong các từ thư đều không thấy có, nên cứ dịch theo nguyên âm của nguyên văn : Thanh toàn hoa cân, triều thiên cân, - bao cân.

(3) Nt.

(4) Nt.

Trước đây, Trần Kiến làm Gián nghị, can tội ẩn lậu dân đinh, bị bãi chức ; nhà vua nghĩ việc ấy không phải cố ý phạm tội, nên đến nay lại bổ dụng.

Tháng 3. Thượng hoàng sang chơi Chiêm Thành.

Thượng hoàng xuất gia ở núi Yên Tử, thường muốn đi chơi xem khắp núi sông trong nước, nhân du lịch đến một địa phương, tiện đường sang chơi Chiêm Thành.

Nước Ai Lao đem quân sang cướp ở Đà Giang, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, phá tan được.

Ngũ Lão đem quân đánh nhau với giặc ở động Mường Mai, bắt được rất nhiều tù binh. Chb. **VIII**, 39

Khi Ngũ Lão đem quân về, nhà vua phong làm Thân vệ đại tướng quân và ban cho quy phù[1].

Lời chua : *Đà Giang* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Mường Mai : Tên một động của người Mán xưa, nay đổi là châu Mai thuộc tỉnh Hưng Hoá[2].

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Xét tội các tù phạm. Mưa.

Tháng 11, mùa đông. Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về.

Dân bị nạn đói to.

Nhâm Dần, năm thứ 10 (1302). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Chiêu Văn vương Nhật Duật là Thái uý quốc công.

Theo chế độ cũ, người nào là thân vương mà vào triều làm tướng quốc, lại xưng là quốc công ; người nào là thượng vị hầu

(1) Binh phù hình con rùa. Có ý mong cho được phù thuỵ sống lâu.

(2) Nay là huyện Mai Châu tỉnh Hoà Bình.

mà vào làm quan trong nội đình, được gia phong tước quan nội hầu. Nhật Duật lấy danh nghĩa là Thái uý vào làm tướng quốc trong triều, nên được phong là Quốc công.

Nhà vua cho phép người đạo sĩ[1] Trung Quốc là Hứa Tôn [Tông] Đạo đến ở phường An Hoa.

Tôn (Tông) Đạo từ Trung Quốc theo thuyền buôn đến nước ta ; nhà vua cho phép cư trú ở phường An Hoa. Các khoa cúng về phù thuỷ[2] và làm chay làm tiếu[3] thịnh hành ở nước ta bắt đầu từ đây.

Lời chua – *Phường An Hoa* : Bây giờ là phường Yên Phụ thuộc huyện Vĩnh Xương, tỉnh Hà Nội[4].

Quý Mão, năm thứ 11 (1303). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Thượng hoàng đến cung Trùng Quang, làm tiếu ở chùa Phổ Minh.

Thượng hoàng từ Chiêm Thành về đến phủ Thiên Trường, nhân mở hội vô lượng phật pháp ; phát vàng, bạc, tiền, lụa chẩn cấp cho dân nghèo các nơi và trao cho kinh Giới thí. Chb. **VIII**, 40

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Trần Khắc Chung làm Nhập nội Hành khiển[5].

Chức Nhập nội Hành khiển chỉ bổ dụng hoạn quan, là theo chế độ nhà Lý. Thời đại Trần Thánh Tông, Quang Khải lấy danh nghĩa là thân vương được kiêm giữ chức ấy. Quang Khải

---

(1) Những người tôn sùng đạo giáo Lão Đam gọi là đạo sĩ.

(2) Những đạo sĩ tự xưng là có pháp thuật sai sử được quỷ thần, họ dùng mực và son viết thứ chữ riêng của đạo Lão theo lối chữ triện, chữ trựu, tục gọi là phù. Khi chữa bệnh thì họ cầm nén hương đã châm lửa viết thứ chữ ấy lên trên miệng cái bát có đựng nước, gọi là thư phù, rồi cho bệnh nhân uống nước ấy, gọi là phù thuỷ.

(3) *Trai* : Chay khiết. *Tiếu* : Cúng bái. Trước khi cúng bái để cầu đảo việc gì, người chủ sự phải ăn chay, ở riêng một nhà tĩnh mịch, răn chừa những việc dâm tà... đến ngày cúng, người đạo sĩ đặt đàn tràng cúng bái cầu đảo, gọi là trai tiếu.

(4) Nay thuộc quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

(5) Tức là Tể tướng.

tâu rằng : tôi là quan ở ngoài vào triều làm tướng, nên thêm hai chữ "nhập nội", còn như trung quan[1] giữ chức ấy thì xin bỏ chữ "nhập" đi, để có phân biệt. Thánh Tông y theo. Tự đấy chỉ gọi là nội Hành khiển, nhưng cũng chỉ có trung quan được bổ dụng. Đến nay Thượng hoàng bổ Khắc Chung làm Hành khiển, lại thêm chữ "nhập" như cũ. Từ nay chức Hành khiển mới bổ xen cả những người trong hàng sĩ phu.

Bổ Đoàn Như Hài làm Tham tri chính sự.

Như Hài vâng mệnh lệnh vua sang sứ Chiêm Thành. Đến yết kiến thượng hoàng ở chùa Yên Tử, Thượng hoàng cùng Như Hài nói chuyện, rất lấy làm hài lòng, bảo với tả hữu rằng : "Như Hài là người có phẩm hạnh, nên được quan gia tin dùng là phải". Trước đây sứ thần nước ta sang sứ, đều lạy chúa Chiêm Thành trước, rồi mới mở đọc chiếu thư ; lần này khi Như Hài sang đến nơi, vào thẳng trước án để tờ chiếu yên ổn xong, nhân bảo chúa Chiêm Thành rằng : "Từ khi tôi vâng mệnh triều đình đem thiên chiếu[2] sang đây, đã lâu không được chiêm vọng thanh quang[3] nay mở chiếu thư ra, không khác gì đứng trước thiên nhan"[4]. Nói xong, liền lạy thẳng vào tờ chiếu thư, dầu chúa Chiêm Thành có đứng ở bên cạnh, nhưng lấy danh nghĩa là lạy chiếu thư, để tỏ rõ ý không chịu khuất. Sau này, các sứ thần sang sứ Chiêm Thành mà không phải lạy chúa Chiêm, là từ Như Hài trước. Khi Như Hài trở về nước, nhà vua rất khen ngợi, nên cho giữ chức này.

Chb. **VIII**, 41

Giáp Thìn, năm thứ 12 (1304). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Người đàn bà ở kinh thành sinh con gái hai đầu.

---

(1) Tức hoạn quan.

(2) Theo chế độ đẳng cấp thời phong kiến, vua nước lớn đối với vua nước nhỏ tự xưng là thiên tử (con trời), nên tờ chiếu của nước lớn đưa đến nước nhỏ cũng xưng là thiên chiếu (tờ chiếu của trời).

(3) Bóng sáng trong trẻo mát mẻ, ví như nghi dung đức độ của vua mình.

(4) Mặt trời, tượng trưng dung nhan thiên tử.

Tháng 3. Bổ dụng Bùi Mộc Đạc làm Chi hậu bạ thư chính chưởng.

Mộc Đạc nguyên họ là Phí, tên là Mộc Lạc, Thượng hoàng thấy họ Phí không phải là họ có danh vọng, và tên gọi có điềm không hay[1], nhân đổi lại, để sớm hôm chầu chực ; đến nay nhà vua bổ sung chức này, để hầu hạ ở cung Thánh Từ[2].

Tháng 3. Mở khoa thi Thái học sinh[3].

Phép thi : Trước hết cho ám tả truyện *Mục thiên tử*[4] *và thiên Y quốc*[5] để rũ bớt những kẻ học kém ; thứ hai thi kinh nghi[6], kinh nghĩa[7] và thơ phú[8] ; thứ ba thi chiếu[9], chế[10], biểu[11] ; sau cùng thi một bài văn sách[12], để định thứ tự đỗ cao, đỗ thấp. Khoa này lấy đỗ thái học sinh 44 người ; ba người đỗ đầu được từ cửa Phượng Thành ra đi du lịch phố xá ba ngày. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi ban cho Thái học sinh hoả dũng thủ, sung chức Nội thư gia ; bảng nhỡn Bùi Mộ ban cho mạo sam Chi hậu bạ thư và được sung chức Nội lệnh thư gia ; Thám hoa Trương Phóng ban cho mũ quyền miện hiệu thư và được sung chức Nhị tư. Còn từ Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn trở xuống đều được bổ quan chức, tuỳ theo thứ tự đỗ cao hay thấp. Chb. **VIII**, 42

---

(1) "Mộc lạc" nghĩa đen là cây rụng, cây đổ, nên cho là tên có điềm không hay.

(2) Cung điện thượng hoàng ở. Xem thêm *Chính biên* quyển VI, tờ 9.

(3) Tức khoa tiến sĩ, xem thêm *Chính biên*, quyển VI, tờ 12.

(4) Xem "lời chua" của *Cương mục*.

(5) Nt.

(6) Nt.

(7) Quan trường lấy một câu trong *ngũ kinh* hoặc *tứ thư* ra đầu đề, thí sinh theo đầu đề ấy mà phô bày rộng ra cho rõ nghĩa, sau cũng gọi là bát cổ hoặc chế nghệ.

(8) Xem "lời chua" của *Cương mục*.

(9) Chiếu chỉ : như tờ chiếu cầu hiền, tờ chiếu ân xá, v.v... thí sinh phải làm thay lời của vua ban chiếu chỉ trong cả nước.

(10) Chế sách : như chế sách hỏi về việc binh (khoa Quý Sửu đời Lê Hồng Đức) ; chế sách hỏi về mệnh lệnh, chính sự (khoa Mậu Thìn đời Lê Cảnh Hưng). Đầu đề chế sách tất phải có chữ "Hoàng đế chế sách viết" đứng ở trên đầu.

(11) Bài biểu của bầy tôi dâng lên vua : như biểu tạ ân vua đã ban ân cho mình, biểu dâng sách đã biên soạn xong hoặc dâng phẩm vật địa phương, v.v... Thí sinh phải theo đầu bài làm thay lời người đứng tên dâng biểu.

(12) Quan trường dùng một đề mục nào đó trong thư tịch, rồi viện dẫn những sự việc cổ đại, cận đại và hiện đại đặt ra nhiều nghi vấn để thí sinh trả lời. Đầu bài nào cũng hỏi cả cổ văn, kim văn, sự việc nước ngoài và sự việc bản quốc.

Lời chua – *Truyện Mục thiên tử* : Sách đào được ở một ngôi mộ thuộc huyện Cấp, sách này do Tuân Húc nhà Tấn hiệu đính và Quách Phác chú thích.

Y quốc thiên : Chưa rõ lai lịch và nội dung thế nào.

Kinh nghi : Hỏi những nghĩa có nghi ngờ trong năm kinh, cách thức hành văn theo như cổ văn.

Thơ : Theo thể thơ ngũ ngôn trường thiên.

Phú : Dùng thể phú tám vần.

Mạc Đĩnh Chi : Người ở Chí Linh thuộc Sách Giang[1].

Bùi Mộ : Người ở Thanh Oai thuộc Sơn Nam[2].

Trương Phóng : Người Thanh Hoá.

Nguyễn Trung Ngạn : Người Thiên Thi thuộc Khoái Châu[3].

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu dùng bảy khoa để thi học trò.

Lời chua – *Bảy khoa* : Không rõ cách thức thi thế nào.

Tháng 12. Sao chổi xuất hiện.

Bổ Đoàn Nhữ Hài giữ việc viện Xu Mật.

Từ năm Kiến Trung[4] đến nay, người đại thần cầm quyền trong chính phủ đều dùng họ tôn thất. Nay Nhữ Hài xuất thân là học trò, được cất lên một chức quan trọng trong chính phủ, do đấy con đường dùng người không phân biệt kẻ thân, người sơ nữa. Chb. **VIII**, 43

Ất Tỵ, năm thứ 13 (1305). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Mạnh làm Đông cung[5] thái tử.

Trước đây, những người con do phi tần hậu cung sinh ra, phần nhiều không nuôi được. Đến khi sinh con thứ tư tên là Mạnh, nhà vua nhờ Thuỵ Bảo công chúa nuôi giúp, Thuỵ Bảo lại ký thác Nhật Duật nuôi, Nhật Duật hết lòng nuôi nấng. Nay

(1) Nay là thôn Lũng Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách, Hải Dương.
(2) Nay là thôn Hưng Giáo, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Tây.
(3) Nay là xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
(4) Niên hiệu Trần Thái Tông (1225 - 1232).
(5) Xem thêm chữ "đông cung" chua ở *Chính biên* quyển V tờ 16.

lập làm Đông cung thái tử, nhà vua thân làm bài "Dược thạch châm"[1] ban cho.

Lời chua – *Thuỵ Bảo* : Là con gái Thái Tông, và là em gái Nhật Duật.

Bính Ngọ, năm thứ 14 (1306). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Tá Thiên đại vương là Trần Đức Việp mất.

Tháng 6, mùa hạ. Gả Huyền Trân công chúa cho chúa Chiêm Thành là Chế Mân, Chế Mân đem dâng đất châu Ô và châu Lý.

Trước đây, Thượng hoàng du lịch đến một địa phương, nhân tiện sang chơi Chiêm Thành, hẹn gả con gái cho chúa Chiêm. Sau Chế Mân sai bầy tôi là bọn Chế Bồ Đài đệ tờ biểu dâng vàng, bạc, kỳ hương và các phẩm vật lạ để xin cưới. Quần thần trong triều đều nói là không nên gả, chỉ có Văn Túc vương Đạo Tái chủ trương nên gả, và Trần Khắc Chung tán thành. Chế Mân lại xin đem châu Ô, châu Lý để làm lễ cưới, lúc ấy ý vua mới quả quyết cho Huyền Trân công chúa về với chúa Chiêm. Về việc này, có nhiều văn nhân mượn chuyện nhà Hán gả con gái cho Hung Nô và Ô Tôn[2] làm thơ để chế giễu. Chb. VIII, 44

Hạ lệnh cho Thiên chương học sĩ là Nguyễn Sĩ Cố giảng dạy năm kinh[3].

---

(1) Nguyên văn là "dược thạch châm". *Dược* : Vị thuốc bằng loại thảo mộc. - *Thạch* : Vị thuốc bằng chất kim thạch. - *Châm* : Tên một thể văn. Nội dung bài châm trình bày lời hay lẽ phải để khuyên răn, cũng như vị thuốc để chữa bệnh nên gọi là "Dược thạch châm"

(2) Tế quân là con gái Giang Đô vương, Hán Vũ đế đem vào trong cung trang sức làm công chúa, để gả cho chúa Ô Tôn là Côn Mạc. Vương Tường tên tự là Chiêu quân, cung nữ của Hán Nguyên đế. Nguyên đế đem gả cho chúa Hung Nô. Hai việc này đều cốt cầu hoà thân với hai nước kia để khỏi quấy nhiễu. Theo quan điểm thời phong kiến, con gái Trung Quốc mà gả cho Hung Nô, Ô Tôn là những nước mọi rợ, vì thế nên bị học giả phong kiến mỉa mai là kết hôn với bọn không phải loài giống mình là nhục nhã.

(3) Kinh *Dịch*, kinh *Lễ*, kinh *Xuân thu*, kinh *Thư* và kinh *Thi*.

Sĩ Cố khéo khôi hài, người ta thường ví với Đông Phương Sóc[1], Sĩ Cố lại tài làm thơ phú bằng quốc âm ; nhiều người bắt chước.

Đinh Mùi năm thứ 15 (1307). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Đổi tên châu Ô, châu Lý là Thuận Châu, Hoá Châu. Sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đi phủ dụ dân hai châu ấy.

Chế Mân đã dâng đất hai châu, người các thôn La Thuỷ, Tác Hồng và Đà Bồng không chịu thần phục. Nhà vua sai Nhữ Hài đi tuyên dương uy đức ý chí của nhà vua, kén chọn lấy người của họ bổ cho làm quan, cấp ruộng đất cho dân như cũ và xá tô thuế cho ba năm.

Tháng 3. Mặt trời có hai ánh sáng chập chồng với nhau.

Hình dáng như hai cầu vồng giao lại với nhau.

Chb. **VIII**, 45

Tháng 9, mùa thu. Nước to.

Sứ thần Chiêm Thành sang nước ta.

Chúa Chiêm là Chế Mân mất, thế tử là Chế Đa Gia sai bầy tôi là Bảo Lộc Kê sang dâng voi trắng và báo cáo tin buồn.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho Hành khiển Trần Khắc Chung sang Chiêm Thành, đưa Huyền Trân công chúa về nước.

Theo tục Chiêm Thành, mỗi khi chúa trong nước mất, thì vợ chúa phải lên đàn thiêu để chết theo. Nhà vua được tin đó, sai Trần Khắc Chung mượn cớ sang thăm, và nói rằng : "Công chúa hoả táng, thì không có ai làm chủ đàn chay, chi bằng công chúa ra ngoài bãi biển chiêu hồn chúa công cùng về, lúc ấy sẽ lên đàn thiêu là tiện hơn cả". Người Chiêm Thành nhận lời. Khi đã ra ngoài biển rồi, Khắc Chung dùng chiếc thuyền nhỏ cướp lấy công chúa đưa về. Sau hai người tư thông với nhau, trùng trình ở trên mặt biển, lâu lắm mới về đến kinh sư. Hưng Nhượng vương Quốc Tảng lấy làm ghét lắm, hễ thấy Khắc Chung liền mắng rằng : "Họ tên người này là "Trần Khắc Chung", đối với nước nhà có điều không tốt, có lẽ nhà Trần sẽ mất về người này chăng ?" Khắc Chung thường phải sợ mà lánh mặt.

(1) Người thời Hán Vũ đế, có tài biện luận, nói khôi hài, làm nhiều người thích nghe.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 9

Từ Mậu Thân, Trần Anh Tông, Năm Hưng Long thứ 16 (1308), đến Kỷ Sửu, Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 9 (1349), gồm 42 năm. Chb. IX, 1

*

Mậu Thân, năm thứ 16 (1308). (Nguyên, Vũ Tông, năm Chí Đại thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Trương Hán Siêu làm Hàn Lâm học sĩ.

Hán Siêu trước kia là môn khách[1] Hưng Đạo vương, được Hưng Đạo vương tiến cử. Nhà vua vẫn nhận thấy là người có văn học, nên bổ dụng vào chức này.

Lời chua - *Hán Siêu* : Người làng Phúc Am, huyện An Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 11, mùa đông. Mặt trời có hai quầng.

Thượng hoàng mất ở chùa núi Yên Tử.

Thượng hoàng sau khi xuất gia, lên ở trong am Ngoạ Vân trên ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ[2].

---

(1) Người tân khách nuôi ở trong nhà để bàn hỏi về mưu kế. Còn có một nghĩa nữa : nuôi người văn học để dạy bảo con cháu trong nhà cũng gọi là môn khách.

(2) Sau này truyền đến Pháp Loa và Huyền Quang gây thành Thiền tông Trúc Lâm, đời gọi là Trúc Lâm tam tổ :

- Đệ nhất tổ : Trần Thái Tông là Tái Thế Thích Ca ;
- Đệ nhị tổ : Pháp Loa là Ca Diếp ;
- Đệ tam tổ : Huyền Quang là Át Nan.

Lúc Thiên Thuỵ công chúa bị bệnh nặng, Thượng hoàng xuống dưới núi để thăm, khi trở về núi, đem công việc sau khi mất dặn lại người thị giả[1] là Pháp Loa, dặn xong thì mất. Pháp Loa dùng phép hoả hoá. Tôn thuỵ hiệu là Pháp Thiên Sùng Đạo Ứng Thế Hoa Dân Long Từ Hiển Huệ Thánh Văn Thần Vũ Nguyên Minh Duệ Hiếu Hoàng đế. Thượng hoàng ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 13 năm, hưởng thọ 51 tuổi. Chb. IX, 2

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - *Nhân Tông mất ở Sơn Am*[2], *là một việc trọng đại trong nước, thế mà chỉ có một nhà sư đảm nhận, còn bấy giờ người làm con, người làm tôi cũng đều điềm nhiên như không ! Xem thế thì việc Anh Tông thờ cha và việc nhà Trần sùng bái đạo Phật, chả phải là một sự đáng lấy làm kỳ dị lắm sao ?*

Lời chua – *Yên Tử* : Tên núi. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 (Chb. VI, 18).

Thiên Thuỵ công chúa : Chị ruột của Thượng hoàng.

Pháp Loa : Tên thầy chùa, người ở Chí Linh thuộc Hải Dương.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Vũ Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Thượng thư là An Lỗ Uy sang báo cáo. Nhà vua sai Mạc Đĩnh Chi sang chúc mừng.

Lời chua - *An Lỗ Uy : Nguyên sử* chép là A Lý Hôi.

Kỷ Dậu, năm thứ 17 (1309). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Mạnh là Hoàng thái tử. Lập Hoàng hậu là Trần Thị. Hạ chiếu đại xá.

---

(1) Theo tục nhà chùa, vị tăng nào ở liền với sư trưởng, để sư trưởng sai phái, gọi là thị giả.

(2) Cái nhà nhỏ trên núi. Nhà nhỏ thờ Phật thông thường đều gọi là "am".

Hậu là con gái Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng, khi mới lấy gọi là Thánh Tư phu nhân ; đến đây lập làm Thuận Thánh Hoàng hậu. Chb. **IX**, 3

Truy tôn Khâm Từ Bảo Thánh Thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *"Thái hoàng thái hậu" là danh hiệu để tôn xưng bà nội khi còn sống. Khâm Từ là Hoàng hậu của Nhân Tông, thế mà Anh Tông lại truy tôn là Thái hoàng thái hậu, danh vị không chính đáng đến như thế dư ! Huống hồ linh cữu Nhân Tông còn quàn chưa chôn, mà nào là lập thái tử, lập hoàng hậu, cử hành một cách tự nhiên, thật là không biết lễ nghĩa gì cả.*

Canh Tuất, năm thứ 18 (1310). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 3).

Tháng 9, mùa thu. An táng linh cữu Nhân Tông ở Đức Lăng.

Lời chua – *Đức Lăng* : Ở phủ Long Hưng.

Có nạn thuỷ tai. Dân bị đói.

Tân Hợi, năm thứ 19 (1311). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 4).

Đặt thêm quân hiệu.

Đặt thêm quân hiệu gọi là đô Toàn Kim Cương, thích ba chữ ấy vào trán, theo như thể lệ đô Chân Thượng ; lại chia quân Thiên Thuộc ra làm hai đô : Thượng Phù Đồ và Hạ Phù Đồ.

Lấy con gái người Hồ tăng là Du Chi Bà Lam sung vào hậu cung.

Về triều đại Nhân Tông, người thầy chùa này đã thường đến nước ta, dung mạo cổ kính. Ông ta tự nói đã sống ba trăm tuổi, có thể xếp chân vòng tròn ngồi nổi trên mặt nước ; lại có thể co rút ngũ tạng[1] vào khoảng chỗ dưới Chb. **IX**, 4

(1) Tim, gan, lá lách, phổi và trái cật.

ngực và trên hoành cách mô[1] làm cho bụng trống rỗng ; chỉ ăn lưu hoàng, rau cải, rau hẹ. Ông ta ở nước ta được vài năm rồi trở về, đến nay lại sang, nhà vua cho đem người con gái của ông ta là Đa La Thanh sung vào hậu cung. Sau người thầy chùa ấy chết ở kinh sư nước ta.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - *Nhà Trần sùng Phật kính sự để cầu được phúc, sự mê hoặc không cần phải nói. Nay Anh Tông lấy con gái thầy chùa sung làm phi tần thì nhảm nhí quá !*

Lời chua - *Hồ Tăng* : Người thầy chùa này ở Trung Quốc, vì nhà Trần gọi nhà Nguyên là Hồ, nên gọi người thầy chùa là Hồ tăng.

Tháng 12, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng sang đánh Chiêm Thành.

Nước Chiêm Thành từ khi Chế Mân mất, Chế Chí lên thay, thường hay phản trắc, nên nhà vua mới đem quân sang đánh.

Nhâm Tí, năm thứ 20 (1312). (Nguyên, Nhân Tông, năm Hoàng Khánh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Mặt trời dao động.

Tháng 5, mùa hạ. Sai người dụ bắt được chúa Chiêm Thành là Chế Chí đưa về nước ta và phong cho em Chế Chí là Chế Đà A Bà Niêm làm Á Hầu trấn thủ đất Chiêm, rồi đem quân về.

Trước đây, Chế Chí sai chủ trại (không có tên) Chb. IX, 5 Câu Chiêm sang dâng lễ cống, nhà vua bảo Nhữ Hài bí mật hẹn với chủ trại dụ chúa Chiêm đầu hàng. Đến nay nhà vua thân làm tướng sang đánh. Khi quân tiến đến Lâm Bình, nhà vua sai chia quân làm ba đạo : Huệ Vũ vương Quốc Trấn đi theo đường núi ; Nhân Huệ vương Khánh Dư đi theo đường biển, còn nhà vua đem quân đi theo đường bộ, ba đạo quân cùng tiến. Đoàn Nhữ Hài được sung chức Chiêu Dụ sứ đem quân đi trước.

(1) Vị trí hoành cách mô : phía trên giáp với phổi, phía dưới liền với buồng gan.

Khi đến trại Câu Chiêm, nhà vua đóng dinh ở đó. Nhữ Hài sai người đến nhắc lại với chủ trại những điều đã đính ước ngày trước. Chủ trại dụ bảo Chế Chí ; Chế Chí nhận lời, rồi đem theo gia thuộc đi theo đường biển để ra hàng. Khánh Dư liền đuổi theo. Nhữ Hài thấy thế, lập tức phi tấu với nhà vua rằng : "Khánh Dư có ý chực cướp thiên công"[1]. Nhà vua giận lắm, sai bắt người giữ chức giám quân của Khánh Dư là Nguyễn Ngỗi phải chịu tội chặt chân. Khánh Dư sợ, thân đến ngự dinh[2] tạ tội và tâu rằng : "Tôi sợ ở biển, chúa Chiêm lại có ý nghĩ gì thay đổi chăng, nên phải theo sát đằng sau". Nhà vua nguôi giận, tha tội cho Khánh Dư, rồi hạ chiếu chia quân đi tuần các bộ lạc. Người Chiêm bảo nhau tụ họp, có ý chực xâm phạm thẳng ngự dinh. Lúc nghe tiếng voi hí đến gần, quân sĩ có nét mặt lo sợ ; trong khi ấy thì quân của Quốc Trấn chợt kéo đến, người Chiêm liền chạy tan tác. Nhà vua sai bắt Chế Chí đem về nước, phong cho em hắn là Chế Đà A Bà Niêm là Á Hầu để trấn giữ lấy đất ấy, rồi đem quân về.

Lời phê[3] – *Việc này xuất phát từ lòng dụ dỗ đánh lừa, không thể làm phép cho người sau bắt chước được.*

Lời chua – *Lâm Bình* : Tức Địa lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhân Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Hoàng Khánh, sai Mã Hợp Ngạt sang báo cáo với nước ta, và ban cho lịch mới, nên nhà vua sai sứ sang chúc mừng. Chb. IX, 6

Nhà vua về đến Long Hưng, làm lễ hiến tiệp[4] **ở các lăng miếu rồi trở về cung.**

---

(1) Công của nhà vua.

(2) Doanh trại vua đóng quân.

(3) Chỉ việc Anh Tông dụ dỗ chúa Chiêm Thành đầu hàng rồi bắt đem về nước.

(4) Báo tin chiến thắng và dâng tù binh đã bắt được.

Thuyền nhà vua đi đến sông Sâm Thị, bỗng gặp mưa, gió, sấm, sét, đương ban ngày trời tối mù mịt, dầu cách gang tấc mà trông cũng không rõ. Quai chèo, dây kéo đều bị đứt, thuyền của nhà vua bị đắm giữa dòng sông. Nhà vua leo lên mũi thuyền, ngồi trên trốc mui, sai quân sĩ sửa lại thuyền và nghi trượng để đi. Khi trở về đến kinh, áo giáp và khí giới đều bị ướt. Quần thần vào bái yết đều mặc áo ngắn đến đầu gối (bình tất phục). Khi bấy giờ Thái tử trông coi việc nước, vì tuổi còn nhỏ, nên nhà vua cho Chiêu Văn vương Nhật Duật và Tuyên Vũ hầu Quốc Tú ở lại kinh sư giúp Thái tử giữ nước. Lúc xét công, nhà vua hạ chiếu cho người ở kinh giữ nước công trạng cũng ngang với người đi theo xa giá đánh giặc. Tuy thế, nhưng sau này việc ban tước hoặc thưởng công chung quy đều không thi hành cả.

Lời phê[1]– *Quan quân đi theo hầu, làm thế nào mà đến nỗi như thế, người làm thần tử có yên lòng được không ?*

Lời chua – *Sông Sâm Thị* : Ở xã Sâm Thị, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội[2].

Bình tất phục : Áo ngắn.

Tháng 6, phong cho Chế Chí tước Hiệu Trung vương, sau lại đổi là Hiệu Thuận vương.

Chưa được bao lâu, Chế Chí chết ở Gia Lâm, dùng phép hoả táng.

Tôn thêm huy hiệu cho các vua và các hoàng hậu đời trước.

Truy tôn đế hiệu cho các tiên tổ.

---

(1) Chỉ việc thuyền bị đắm, Anh Tông phải trèo lên ngồi ở trốc mui thuyền.

(2) Nay thuộc TP. Hà Nội

Truy tôn Chiêu Vương Lý làm Nguyên Tổ hoàng đế, Cung Vương Hấp làm Ninh Tổ hoàng đế, Ý Vương Kinh là Mục Tổ hoàng đế. Chb. **IX**, 7

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Vũ Vương nhà Chu khi đã làm vua, truy tôn hai ông tổ*[1] ; *Thái Tổ nhà Tống khi đã lập quốc, truy tôn đế hiệu từ ông tổ bốn đời*[2]. *Vì nghĩ đến công tu nhân tích đức của tổ tông, thì việc truy tôn huy hiệu là việc cần phải làm. Nhà Trần lấy được thiên hạ, lên ngôi hoàng đế, mà dùng tước vương để truy phong ba ông tổ, đã là sự không thoả mãn được bụng của người làm con cháu ; đến đây mới truy tôn đế hiệu,thì lại lỗi đạo ở chỗ truy tôn quá muộn.*

Lời chua - Việc truy tôn tước vương cho tiên tổ, không thấy *Sử cũ* chép ở năm nào,chỉ thấy chép ở đây.

Quý Sửu, năm thứ 21 (1313). (Nguyên, năm Hoàng Khánh thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn hiệu hoàng hậu cho các phu nhân của tổ tiên.

Truy tôn phu nhân của Ninh Tổ làm Ninh Từ hoàng hậu, phu nhân của Mục Tổ làm Mục Từ hoàng hậu.

Lời cẩn án - *Vợ ông Nguyên Tổ không thấy chép tôn hiệu ở đây, là do* Sử cũ *bỏ sót.*

Tháng 3. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Tháng 6, mùa hạ. Sét đánh vào viện Tam ti bị cháy. Chb. **IX**, 8

---

(1) Chu Vũ Vương Phát lên ngôi Thiên tử, truy tôn tằng tổ là Cổ Công Đản Phủ làm Thái Vương ông nội là Quý Lịch làm Vương Quý.

(2) Tống Thái Tổ là Khuông Dận lên làm vua, truy tôn cao tổ là Thiên làm Hi Tổ Văn Hiến hoàng đế, tằng tổ là Đĩnh làm Thuận Tổ Huệ Nguyên hoàng đế, ông nội là Kính làm Dực tổ Giản Cung hoàng đế, cha là Hoằng Ân làm Tuyên Tổ Chiêu Vũ hoàng đế.

Theo phép cũ, phàm cung điện, miếu đường hoặc lang vũ bị cháy, có lễ cầu đảo và lễ tạ. Lúc ấy sét đánh vào viện Tam ti bị cháy, người viện lại là Lương Lang bị chết, nhà vua sai quan sửa lễ cúng tế để khu trừ tai nạn.

Lời chua – *Viện Tam ti* : Tức các viện Phụng Tuyên, Thanh Túc và Hiến Chính. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 19 (Chb. VI, 33).

Tháng 10, mùa đông. Thay đổi quân hiệu.

Đổi tên quân Vũ Tiệp làm quân Thiết Ngạch. Bổ tước Đại liêu ban là Trần Thanh Ly làm Vũ vệ đại tướng quân để quản lĩnh.

Bổ Đỗ Thiên Thữ làm kinh lược sứ[1](1) Nghệ An và Lâm Bình.

Lúc ấy, Chiêm Thành thường bị người nước Tiêm sang cướp, nhà vua hạ lệnh cho An phủ sứ là Đỗ Thiên Thữ đi kinh lược hai lộ Nghệ An và Lâm Bình để cứu viện.

Lời chua – *Tiêm* : Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IX, 43).

Cùng với nhà Nguyên định lại bờ cõi về phía bắc cho được rõ ràng.

Lúc ấy, viên Tri châu Trấn An nhà Nguyên là Triệu Giác bắt người châu Tư Lang nước ta, lấy mất một lọ vàng, và lấn hơn một nghìn khoảnh ruộng. Nhà vua bèn sai quân sang đánh châu Quy Thuận và châu Dưỡng Lợi nhà Nguyên, nói rõ là cốt sang đánh để báo thù. Nhà Nguyên sai viên thiên hộ Lưu Nguyên Hanh sang dò xét. Nguyên Hanh đến Du Thôn xem xét địa thế, rồi đưa công điệp sang ta nói : "Trước kia, nhà Hán đặt ra chín quận[2](2), nhà Đường lập ra Chb. **IX**, 9

(1) Chức quan không đặt thường xuyên. Nhà Trần chỉ đặt chức Kinh lược sứ khi có việc.

(2) Xem cửu quận ở *Tiền Biên*, quyển II, tờ 3.

năm quản[1], thì An Nam thực là nơi mà thanh danh giáo hoá của Trung Quốc đã tràn lan tới. Huống chi, An Nam đối với Trung Quốc, nào là dâng địa đồ, nào là nộp lệ cống, danh phận trên dưới đã phân minh, Trung Quốc đối với An Nam, thì ban cho một cách đầy đặn không kể đến việc đáp lại đơn sơ, cái ơn huệ yên uỷ người phương xa thật là hết sức. Như thế thánh triều có phụ bạc gì quý quốc đâu ! Thế mà bây giờ sao lại tự nhiên gây ra sự không yên lành, dùng sức ngông cuồng để mở rộng bờ cõi. Tuy nói riêng về đất ở Du Thôn, thì việc quan hệ rất nhỏ, nhưng nói chung về dư đồ nhà nước, thì quan hệ rất to. Hơn nữa, những người bị giết, bị cướp đều là những dân, những hộ đã ghi vào sổ của triều đình. Vậy người chủ trương làm việc ấy không rõ là ai ?" Nhà vua trả lời : "Đấy là những người nhỏ mọn ở ngoài biên giới tự làm việc không yên lành, nước tôi biết thế nào được việc ấy". Nhân thế, Nguyên Hanh dâng thư lên nói với vua Nguyên : "Trước kia An Nam đã từng xâm phạm vào đất Vĩnh Bình, nay lại quen thói cũ ; nghĩ nên sai quan đến tuyên truyền dụ bảo, định lại bờ cõi và nghiêm sức quan lại ở biên giới không được xâm phạm lẫn nhau như thế mới giữ được sự yên ổn lâu dài ở ngoài biên giới". Vua Nguyên y theo lời tâu, sai người đem sắc thư đến dụ bảo. Do đấy, nhà vua mới cho bãi binh. Chb. **IX**, 10

Lời cẩn án – *Việc này có quan hệ đến việc lớn biên giới của hai nước, mà* Sử cũ *bỏ sót không chép ; nay theo sách* Nguyên sử lại biên *bổ thêm vào.*

Lời chua – *Tư Lang* : Tên châu, xem Lý Thái Tông, năm Kiến Phù Hữu Đạo thứ 3 (Chb.III,3).

Du Thôn : Ở xã Bảo Lâm, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay có cửa ải Du Thôn.

(1) Xem ngũ quản ở *Tiền biên,* quyển V, tờ 1.

Vĩnh Bình : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 10 (Chb.VI,21).

Giáp Dần, năm thứ 22 (1314). Từ tháng 3 trở về sau, thuộc Trần Minh Tông, năm Đại Khánh thứ 1. (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Hạ chiếu truyền ngôi cho Thái tử là Mạnh.

Thái tử đã lên ngôi vua, xưng là Ninh Hoàng ; bầy tôi dâng tôn hiệu là Thể Thiên Sùng Hoá Khâm Minh Duệ Hiếu Hoàng đế (tức là Minh Tông). Suy tôn vua cha là Quang Nghiêu Duệ Vũ thái thượng hoàng đế, và tôn Thuận Thánh Hoàng hậu làm Thuận Thánh Bảo Từ Thái thượng hoàng hậu.

Gặp khi ấy có sứ thần nhà Nguyên đến, nhà vua mặc áo giao lĩnh[1] bằng sa vàng, đội thứ mũ có thao rủ để hội kiến. Sứ giả trông thấy, khen rằng : "Hình dáng nhẹ nhàng không khác gì một vị thần tiên". Khi sứ thần trở về nước, mô tả hết thần thái thanh lịch đẹp đẽ của nhà vua cho mọi người biết. Ít lâu sau, người sứ thần khác đến, có nhắc hỏi lại, sứ thần nước ta trả lời : "Đúng như lời khen ấy. Nhưng đấy cũng là tiêu biểu cho nghi dung một nước". Chb.**IX**, 11

Tháng 10, mùa đông. Thi Thái học sinh.

Ai trúng tuyển bắt đầu được bổ chức Bạ Thư Lệnh ; cử viên Cục chính là Nguyễn Bính dạy bảo luyện tập, để sau này sẽ dùng đến.

Đặt đô Phù Liễn.

Tuyển lấy con những người Cấm Quân và trong hàng quân Thiết Ngạch người nào có thích chữ "Kim cương", sung làm đô Phù Liễn, gọi là Long Vệ tướng, sau đổi tên là Khấu Mã quân.

---

(1) Tục gọi là áo tràng vạt hoặc áo cổ tràng, vì cổ áo dài, khi mặc thì cổ áo hai bên khép vào với nhau. Áo này chỉ dùng trong lúc nghi lễ.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Sau khi đã được vua cha truyền ngôi, nhà vua sai bọn Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Ngộ sang báo cáo với nhà Nguyên.

Lời chua – *Phạm Ngộ* : Trước là người họ Chúc, người ở Kính Chủ thuộc Giáp Sơn, cùng với em là Mại, đều đậu Thái học sinh.

Ất Mão (1315), Minh Tông hoàng đế, năm Đại Khánh thứ 2. (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu cấm trong một nhà cha con, vợ chồng và nô tì tố cáo lẫn nhau.

Tháng 6. Đại hạn.

Bấy giờ Khắc Chung giữ chức Hành khiển, Ngự sử đài[1] dâng sớ nói : "Nhiệm vụ của người giữ chức Tể phụ[2], việc cần nhất là điều hoà âm dương ; nay Khắc Chung giữ chức Thủ tướng, không có kế gì giúp đỡ việc nuôi dưỡng muôn vật để đón rước lấy hoà khí, đến nỗi mưa nắng trái thời, như thế là làm quan không có công trạng gì cả". Khắc Chung nói : "Khắc Chung này lạm dự vào hàng cận phụ[3] chỉ biết làm hết chức trách của mình phải làm, còn như năm bị đại hạn thì phải hỏi Long Vương[4], chứ Khắc Chung này có làm gì nên tội ?" Chb. **IX**, 12

Ít lâu sau, nước sông lên to, nhà vua thân đi xem sửa chữa đê, Ngự sử đài tâu : "Bệ hạ cần sửa sang đức chính, còn như việc đắp đê là việc nhỏ mọn, cần gì phải tự mình trông nom đến". Khắc Chung nói : "Lúc dân gặp nước lụt hoặc đại hạn,

---

(1) Viên quan chuyên giữ việc đàn hặc các quan trong triều và ngoài quận. dầu chức lớn hay chức nhỏ, nếu phạm lỗi, thì Ngự sử đài có quyền đem việc ấy ra đàn hặc.

(2) Xem chữ "tể phụ" chua ở *Chính biên,* quyển VIII, tờ 35.

(3) Cũng như tể phụ.

(4) Ông vua trong loài rồng. Theo kinh *Hoa nghiêm* : có rất nhiều Long Vương, Long Vương vào cũng có thần lực làm mây, làm mưa. Cho nên đời sau cần mưa, thường phải cầu đảo đến Long Vương.

người làm vua cần phải cứu giúp ngay. Đấy, việc sửa sang đức chính không còn gì trọng đại hơn việc ấy cả, chứ có phải đâu cứ ngồi chĩnh chện một chỗ, cố giữ tinh thần thật vững mới gọi là sửa sang đức chính?"

Về việc này, dư luận thời bấy giờ nói : Khắc Chung đổ việc đại hạn cho Long Vương, Ngự sử đài bảo việc sửa đê là việc nhỏ, lập luận của hai bên đều không đúng.

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh nạn hoàng trùng, kéo dài mãi đến tháng 10, mùa đông.

Bính Thìn, năm thứ 3 (1316). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Xét định cấp bậc các quan văn, quan võ, cấp cho số hộ và nhân khẩu nhiều ít khác nhau.

Trước kia, về thời Nguyên Phong[1], quân Nguyên sang xâm lấn, Thái Tông giục xa giá chạy ra ngoài kinh thành lánh nạn ; viên quan giữ ấn vội vàng đem bảo tỉ[2] cất giấu vào trên cái xà nhà trong điện Đại Minh chỉ đem theo được quả ấn nội mật ; dọc đường lại đánh mất, phải sai khắc ấn bằng gỗ để dùng trong quân thứ. Đến đầu đời Anh Tông, xét công các quan văn võ, nếu viên quan nào không có giấy tờ đóng dấu bằng ấn gỗ sẽ phải giảm một tư[3]. Có lẽ cho rằng người đến tham dự tòng quân trong khi vua lánh nạn là có công hơn. Đến nay xét định cấp bậc, có người xuất trình giấy tờ đóng bằng ấn gỗ, viên quan giữ việc xét định ngờ là giả mạo ; Thượng hoàng nghe tin, nói : "Đó là giấy tờ việc quan thời Nguyên Phong đấy". Nhân thể, Thượng hoàng hiểu bảo các viên quan giữ chính quyền rằng : "Phàm người giữ một địa vị trong chính phủ, mà không am hiểu điển chương cũ, thì công việc phần nhiều sai lầm".

Chb. IX, 13

(1) Niên hiệu Trần Thái Tông (1251 - 1258).

(2) Quả ấn của vua gọi là tỉ Bảo tỉ : quả ấn quý báu (lời tôn kính)

(3) Xem chua ở *Chính biên,* quyển VII, tờ 4.

Tháng 11, mùa đông. Hạ lệnh cho vương, hầu, trăm quan gặt lúa ruộng tịch điền[1].

Lời cẩn án - *Việc cày hoặc gặt lúa ruộng tịch điền là một lễ lớn trước không thấy chép cày, đây lại chép gặt, là do* Sử cũ *bỏ sót.*

Đinh Tị, năm thứ 4 (1317). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Bổ dụng Phí Trực làm An Phủ Sứ phủ Thiên Trường.

Thượng hoàng về chơi Thiên Trường. Trực lấy danh nghĩa là Hình bộ lang trung theo hầu xa giá, vì thế mới bổ dụng chức này.

Gặp lúc ấy có toán trộm nổi lên, có người tự nói bắt được người cầm đầu kẻ trộm là Văn Khánh, giải nộp. Khi quan hỏi người bị bắt thú nhận hết. Người ngoài ai cũng bảo là đúng, chỉ có Trực lấy làm ngờ, thành ra vụ án này mãi không kết liễu.

Thượng hoàng hỏi, Phí Trực thưa rằng : "Kẻ kia (trỏ người bị bắt) không bị roi vọt tra tấn mà tự thú nhận, tôi trộm thấy làm ngờ, không dám quyết đoán càn bậy". Sau quả nhiên bắt được một người khác đúng là Văn Khánh thực. Thượng hoàng khen Phí Trực là người có tài. Chb. IX, 14

Lời chua - *Thiên Trường* : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Mậu Ngọ, năm thứ 5 (1318). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 5).

Tháng 8, mùa thu. Tuyên Từ thái hoàng thái hậu[2] mất.

Trước đây, Nhân Tông thường dặn bảo Thượng hoàng[2] rằng : "Mai sau, khi dì chết[2], nên đem phụ táng với mộ của ta".

---

(1) Đời cổ, vua chúa đều có ruộng tịch điền, thiên tử một ngàn mẫu, vua chư hầu một trăm mẫu, lấy hoa lợi ruộng ấy cúng tế nhà tôn miếu. Vua chúa thường nhân mùa xuân ra cày mấy luống ở ruộng ấy làm mẫu mực, còn toàn nhờ vào sức dân, vì thế chữ "tịch" nhiều sách viết chữ "tạ" nghĩa là nhờ.

(2) Thượng hoàng đây là Trần Anh Tông, con Trần Nhân Tông và Khâm Từ thái hậu. Tuyên Từ thái hậu là em ruột Khâm Từ, tức dì ruột Anh Tông, hai chị em cùng là hoàng hậu của Nhân Tông. Sau khi mẹ đẻ của Anh Tông là Khâm Từ mất, Anh Tông đối với dì ruột là Tuyên Từ rất có hiếu thảo (Xem thêm *Chính biên*, quyển VIII, tờ 23).

Nhân tiện, vẽ địa đồ vẽ cả huyệt táng thành hình thước thợ giao cho. Đến nay Thái hậu mất, Thượng hoàng theo đúng như lời di chúc. Các quan tâu rằng : "Lăng tẩm của tiên đế không nên động chạm đến". Thượng hoàng nói : "Ta không dám trái lời di chúc của tiên đế, nếu có xảy ra sự không hay thì ta tự đảm đương lấy". Sau cùng phụ táng Tuyên Từ ở Đức Lăng[1].

Sai Huệ Vũ Vương Quốc Trấn đem quân đi đánh Chiêm Thành.

Chiêm Thành từ khi Chế Chí mất đi rồi, thường hay giáo giở, nên nhà vua sai đi đánh. Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến đánh nhau với quân Chiêm, bị thua, chết. Phạm Ngũ Lão, quản lĩnh hiệu quân Thiên Thuộc, tung quân ra đánh tập hậu ; quân Chiêm bị thua, chúa Chiêm là Chế Năng chạy sang nước Qua Oa cầu viện. Quốc Trấn xin lập người tù trưởng nước Chiêm là A Nan làm Hiệu Thành Á Vương, rồi đem quân về. Khi về triều, nhà vua cho Phạm Ngũ Lão tước quan nội hầu, ban cho binh phù phi ngư[2] và bổ dụng người con làm quan. Chb. **IX**, 15

Lời chua – *Tất Kiến* : Người họ nhà Lý trước còn sót lại.

Qua Oa : Tên nước. Xem Lý Thánh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb.IV,43).

Kỷ Mùi, năm thứ 6 (1319). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 6).

Tháng 4, mùa hạ. Có thuỷ tai lớn.

Canh Thân, năm thứ 7 (1320). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Thượng hoàng mất.

---

(1) Lăng của Trần Nhân Tông.

(2) Binh phù hình con phi ngư. Phi ngư có tên riêng là cá vằn dao, ta thường gọi là cá chuồn. Giống cá ở biển, vây ở bụng rất dài, dùng làm "mái chèo" bay trên mặt nước.

Thượng hoàng là người tính khí khiêm tốn, đối với người cùng họ rất hoà thuận, thờ vua cha là Nhân Tông rất kính cẩn. Lúc trước, Thượng hoàng thường hay uống rượu[1], Nhân Tông răn bảo về việc ấy, liền chừa hẳn không uống nữa. Trước kia, Thượng hoàng phong thưởng quan tước triều ban có phần hơi nhiều. Nhân Tông xem sổ, phê vào đầu quyển sổ rằng : "Một nước to bằng bàn tay, mà sao lại có triều ban nhiều đến thế này !" Từ đấy, Thượng hoàng quý trọng tước thưởng, ban cho một cách dè dặt, không bao giờ dám coi thường.

Bọn Nguyễn Sĩ Cố và Chu Bộ là bầy tôi cũ ở nơi tiềm để[2] vì không có hạnh kiểm, nên chỉ dùng vào chức nhàn tản mà thôi.

Phép tắc về cấp bậc trong cung giữ rất cẩn thận : Bảo Từ Hoàng hậu thường đem xe của mình được dùng theo với cấp bậc ban cho Huy Tư hoàng phi, Thượng hoàng nhận thấy rằng hoàng phi mà đi xe của hoàng hậu là tiếm lạm, nên không cho.

Khi tuổi già, lại càng cẩn thận về hình phạt : Có một lần, người quan nô[3] là Hoàng Hộc kiện nhau với người khác, Hoàng Hộc dùng cách xảo trá được thoát tội. Thượng hoàng biết chuyện, bảo viên quan xử kiện rằng : "Tên Hộc là đứa gian ngoan kiệt hiệt như thế, mà không biết tra xét cho ra tình ra lý là không làm hết chức phận" .

Sau khi đã nhường ngôi rồi, vẫn tự mình quyết đoán các công việc, đối với điển chương cũ, vẫn kính cẩn noi theo, không dám khinh thường thay đổi. Lúc nào rảnh việc, lại lưu tâm đến văn mặc ; rất có tài về viết chữ và vẽ. Chb. **IX**, 16

Lúc ốm nặng, Bảo Từ Hoàng hậu cho tìm thầy chùa là Phổ Tuệ bày đàn cúng lễ, thầy chùa xin vào yết kiến để tâu bày việc sống chết. Thượng hoàng từ chối, nói : "Thầy chùa chưa chết,

(1) Xem *Chính biên*, quyển VIII, tờ 27- 28.

(2) Chỗ ở khi còn làm thái tử, chưa lên ngôi vua.

(3) Người nô bộc nhà quan.

làm gì biết việc chết mà bảo người ta ?" Bao nhiêu những bức viết, bức hoạ ngày thường và tập sách đã trứ tác là tập *Thuỷ vân tuỳ bút,* Thượng hoàng đều bắt đốt đi cả. Rồi mất ở cung Trùng Quang. Tên thuỵ là Hiển Văn Duệ Vũ Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng đế, miếu hiệu là Anh Tông, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, hưởng thọ 54 tuổi.

Tháng 6, mùa hạ. Có thuỷ tai lớn.

Tháng 8, mùa thu. Gió bão to.

Tháng 11, mùa đông. Điện soái Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão mất.

Ngũ Lão xuất thân trong hàng ngũ quân lính, khảng khái, có chí khí lớn, rất chăm đọc sách và hay ngâm thơ. Đối với việc vũ tựa hồ không để ý đến, nhưng chỉ huy quân rất có kỷ luật. Đối đãi với tướng tá như người nhà, đồng cam cộng khổ với sĩ tốt ; đội quân của Ngũ Lão thống lĩnh đều thân yêu nhau như cha con một nhà, nên đánh đâu được đấy. Những thứ tước được trong khi đánh giặc đều sung vào kho tàng trong quân, coi tiền của thoảng như không. Thực là bậc danh tướng lúc bấy giờ. Khi mất thọ 66 tuổi. Nhà vua thương tiếc lắm, không thiết triều luôn năm ngày. Nhân dân làng ông lập đền thờ ngay tại chỗ nhà ông vẫn ở. Chb. **IX**, 17

Lời phê[1] - *Đây là chỗ đắc lực của những người làm tướng nghìn xưa.*

Lời chua – *Đền thờ Ngũ Lão* : Nay là xã Phù Ủng, huyện Đường Hào[2].

Tháng 12, an táng Anh Tông ở Thái Lăng.

Lời chua – *Thái Lăng* ở núi Yên Sinh, huyện Đông Triều.

---

(1) Chỉ việc Phạm Ngũ Lão đối xử với binh sĩ.

(2) Nay là xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Phụ lục – Sử cũ *chép : Lúc Thượng hoàng bị bệnh , Thái học sinh Đặng Tảo thường chầu chực ở bên giường ngự, viết tờ di chiếu ; kịp khi Thượng hoàng mất, nhà vua thân thủ liệm vào quan tài, lúc ấy chỉ có Quốc Trấn, Đặng Tảo và người gia nhi chủ đô là Lê Chung tham dự vào việc ấy. Khi an táng ở Thái Lăng rồi, Đặng Tảo và Lê Chung đều chầu chực ở lăng tẩm. Khi nhà vua về lăng tẩm bái yết, Đặng Tảo thường lánh mặt, trong bụng chỉ để chí vào việc chầu chực lăng tẩm mà thôi, không yêu cầu gì cả. Nhà vua thương là nghèo, ban cho hai mươi mẫu ruộng. Sai Trần Thế Hiền đem tờ "thiếp"*[1] *đến ban cho. Nguyên ruộng này trước nhà vua đã cho người thứ phi là Thiên Xuân, Thiên Xuân cứ giữ "thiếp" cũ mà cày cấy. Đặng Tảo cũng không hề tranh. Nhà vua biết chuyện, lập tức huỷ bỏ tờ "thiếp" cho Thiên Xuân trước đi, mà lấy ruộng ấy cho Đặng Tảo ; Tảo cũng không lấy thế làm mừng. Còn về phần Lê Chung thì dời cả mồ mả tiên tổ, bán cả ruộng và nhà, đem gia quyến đến ở Yên Sinh, cùng với Đặng Tảo đều chết già ở đó. Sau, Nghệ Tông nghĩ thương hai người này, sai sửa lại chùa cũ cấp ruộng để cúng tế, ban cho tên chùa gọi là Trung Tiết.* Chb. **IX**, 18

Lời phê[2]– *Nguyễn Trung Ngạn từ chối nhận bài thơ "Chiêu ẩn"*[3]*, có phải là người để chí công danh không ?*

Dân bị nạn đói.

Tân Dậu, năm thứ 8 (1321). (Nguyên, Anh Tông, năm Chí Trị thứ l).

Mùa xuân. Tôn Thuận Thánh Bảo Từ Thái thượng hoàng hậu làm Hoàng thái hậu, Huy Tư hoàng phi làm Hoàng thái phi.

---

(1) Tờ chứng thực về sở hữu ruộng đất.

(2) Chỉ việc Đặng Tảo chuyên chí chầu chực lăng tẩm, không yêu cầu gì. Ý nói chí Đặng Tảo và chí Nguyễn Trung Ngạn trái ngược nhau.

(3) Lúc Anh Tông định xuất gia, có làm bài thơ "Chiêu ẩn" (rủ nhau đi ẩn) đưa cho Nguyễn Trung Ngạn. Trung Ngạn từ chối không phụng mệnh.

Bảo Từ là mẹ cả của nhà vua, Huy Tư là mẹ đẻ ra nhà vua. Trước đây, rước quan tài Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường đi đường thuỷ về để ở cung Thánh Từ. Theo thể lệ thì thuyền của Bảo Từ được một đoàn tám chiếc kéo dây, thuyền của Huy Tư được một đoàn hai chiếc kéo dây ; lính cầm quân có ý tâng công, đem dây kéo buộc thêm vào thuyền Huy Tư. Tướng quân là Trần Hựu nói : "Thuyền của Thái hậu được một đoàn tám chiếc kéo dây, là chế độ nhà Trần, cốt để phân biệt kẻ trên người dưới". Nói rồi, liền lấy gươm chặt ngay dây kéo không hợp lệ đi. Nhà vua khen Trần Hựu là người trung trực.

Tháng 12. Dân bị nạn đói.

Mỗi thăng gạo trị giá một quan tiền.

Tháng 5, mùa hạ. Được mùa. Chb. **IX**, 19

Tháng 10, mùa đông. Thi các thầy chùa.

Thi các nhà sư bằng kinh *Kim cương.*

Lời chua – *Kim cương* : Kinh nhà Phật, chương "Kinh tịch chí" trong *Tuỳ thư* chép : Kinh này là thuyết pháp của Thích Ca Mâu Mi, do đệ tử là Đại Ca Diếp soạn thuật ra.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Anh Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Thượng thư là Giáo Hoá sang báo cáo, nên nhà vua sai sứ thần sang chúc mừng.

Nhâm Tuất, năm thứ 9 (1322). (Nguyên, năm Chí Trị thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Sét đánh cây tháp ở chùa Báo Thiên.

Hồi đầu niên hiệu Thiệu Long[1] tháp này bị gió đánh đổ mất ngọn, đến nay sét đánh sạt mất hai tầng về góc phía đông.

Lời chua - *Chùa Báo Thiên* : Tức chùa Sùng Khánh. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thuỵ Thái Bình thứ 3 (Chb. III 22)

(1) Niên hiệu Trần Thánh Tông (1258 - 1272).

Mùa hạ. Sai Doãn Bang Hiến sang bên Nguyên biện luận về việc cương giới.

Chb. IX, 20

Bấy giờ, người nhà Nguyên tranh lấn bờ cõi nơi biên giới, nên nhà vua sai Hình Bộ thượng thư là Doãn Bang Hiến sang nhà Nguyên để cùng nhau biện luận về biên giới. Bang Hiến sau bị mất ở dọc đường, nhà vua rất lấy làm thương tiếc.

Lời cẩn án – Nguyên sử *chép việc ở Du Thôn*(1) *vào niên hiệu Hoàng Khánh thứ 2 đời Nguyên Nhân Tông ngang với niên hiệu Hưng Long thứ 21 (1313) đời Trần Anh Tông, nhưng* Sử cũ *không chép, chỉ chép có việc tranh địa giới ở đây, mà cũng không chép rõ là tranh chỗ đất nào. Có lẽ việc tranh địa giới chỉ có một, mà chép trước sau khác nhau. Vì thế cũng chép cả lại để phòng khi tham khảo.*

Quý Hợi, năm thứ 10 (1323). (Nguyên, năm Chí Trị thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đến nhà Thái học thi Thái học sinh.

Bấy giờ có người trong quân Thiên Thuộc(2) tên là Mặc ứng thí, được trúng cách ; nhà vua hạ chiếu trả về quân tịch và cho sung vào làm chức lại điển trong quân Thiên Đinh.

Lời phê - *Thiên lệch !*

Kén quân ngũ.

Theo tục trước, quân sĩ đều xăm hình rồng ở lưng và hai vế đùi ; nhưng kỳ tuyển duyệt này lấy người nào béo trắng là hơn, nên từ đây quân sĩ không xăm hình rồng như trước nữa.

Tháng 11, mùa đông. Đúc tiền kẽm, rồi lại bãi bỏ ngay.

Chb. IX, 21

Tháng 12. Lập Hoàng hậu là Trần Thị.

Hậu là con gái Huệ Vũ đại vương Quốc Trấn, được sách phong là Lệ Thánh hoàng hậu.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển IX, tờ 9.

(2) Xem thêm *Chính biên.* quyển VII, tờ 23.

Bổ dụng Uy Giản hầu giữ chức Tham Thị Triều Chính[1], quản trị việc quân việc nước (Uy Giản hầu không rõ tên).

Uy Giản hầu trước kia lấy Huy Chân công chúa. Mẹ công chúa là Trần Thị, cung tần của Anh Tông, thường chiếm ruộng của dân. Có người tố cáo, nhà vua triệu Uy Giản hầu đến bảo rằng : "Trẫm không giao việc chiếm ruộng này cho quan lại trừng trị, là sợ điếm nhục đến phi tần của tiên đế, nhà ngươi nên thể theo đức ý ấy của trẫm". Uy Giản về, phàm những ruộng nào mà Trần Thị đã chiếm đoạt đều trả hết lại cho dân ; nhà vua tỏ lòng khen. Đến nay bổ dụng vào chức này. Thân thuộc của Uy Giản hầu có người phàn nàn rằng được phong chức ấy vẫn còn là thấp. Uy Giản hầu nói : "Phàm những người bầy tôi đã được vua để ý quyến luyến đến, thì việc lựa chọn bổ dụng là tự lòng vua, chứ sức người không thể ước mong được, khi nào lại dám nảy ra bụng nghĩ càn. Tôi may được ơn vua ban cho, rất sợ là quá nguyện vọng, có đâu dám kể đến chức cao hay thấp ?" Nhà vua nghe thấy lời nói ấy, cho Uy Giản là người biết điều.

Giáp Tí, năm Khai Thái thứ 1 (1324). (Nguyên, Thái Định đế, năm Thái Định thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Phong Huệ vũ vương Quốc Trấn chức Quốc Phụ Thượng Tể.

Lời phê – *Danh vị không chính đáng thì nói không thuận lý, đã nói không thuận lý thì mọi việc không xong*[2].

---

(1) Cũng như chức Tham tri chính sự. Người nào được phong chức Tham tri chính sự mà là Thân vương thì gọi là Tham thị triều chính.

(2) Quốc Trấn là bố đẻ Lệ Thánh Hoàng hậu (vợ Minh Tông). Lời phê này ý nói bố hoàng hậu mà phong Quốc Phụ Thượng Tể là không chính đáng, vì thế nên sau này Quốc Trấn nói về việc lập hoàng tử, không được Minh Tông nghe theo, và cũng nhân nói về việc lập hoàng tử, mà gây ra tai nạn đến nỗi Quốc Trấn phải chịu tử hình. (Xem thêm *Chính biên* quyển IX, tờ 26). Câu phê này dùng nguyên câu của Khổng Tử bảo học trò là Tử Lộ : "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành". *(Luận ngữ đại toàn,* quyển XIII, tờ 5).

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Thái Định đế nhà Nguyên mới lên ngôi, sai Mã Hợp Mưu và Dương Tôn Thuỵ sang báo cáo và ban lịch mới ; lại dụ nhà vua không nên cho quan lại ở biên giới sang xâm nhiễu Chiêm Thành. Hợp Mưu cưỡi ngựa đến cái cầu ở ao Tây Thấu vẫn không xuống ngựa. Những người hiểu tiếng Trung Quốc vâng chỉ dụ nhà vua ra bảo sứ thần xuống ngựa, tranh luận mãi vẫn không thể giải quyết được. Nhà vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra đón tiếp, Trung Ngạn dùng lý lẽ bẻ bác, Hợp Mưu không cãi lại được, mới chịu xuống ngựa ; nhà vua rất hài lòng. Khi Hợp Mưu về, nhà vua sai Mạc Đĩnh Chi sang chúc mừng. Chb.**IX**, 22

Lời chua – *Đĩnh Chi* : *Nguyên sử* chép là Tiết Phu. Tiết Phu là biểu tự của *Đĩnh Chi.*

Tháng 12, mùa đông. Đại hạn ; hoàng trùng ; trâu bò gia súc phần nhiều bị toi.

Ất Sửu, năm thứ 2 (1325). (Nguyên, năm Thái Định thứ 2).

Mùa xuân. Đặt chức Liêm Phỏng Sứ ở các lộ. Tháng 8, mùa thu. Đổi Hành Khiển ti làm Môn Hạ sảnh(1).

Theo chế độ cũ, Hành Khiển ti ở hai cung Quan Triều và Thánh Từ, cùng với Nội thư hoả cục, đều gọi là Nội Mật viện. Đến đây đổi Hành khiển ti làm Môn Hạ sảnh, còn Nội thứ hoả cục vẫn gọi là Nội Mật viện.

Bính Dần, năm thứ 3 (1326). (Nguyên, năm Thái Định thứ 3).

Từ tháng 2, mùa xuân. Đến tháng 6, mùa hạ, không mưa.

(1) Cơ quan giữ ấn của nhà vua. Có nhiệm vụ chuyển lệnh của vua tới các quan, tấu trình lên vua sự thi hành về việc chuyển lệnh của sảnh này, cùng điều khiển những công việc liên quan tới lễ nghi trong cung.

Tháng 3. Trung Thư Thị Lang[1] cai quản Thẩm Hình viện là Bùi Mộc Đạc mất. Chb. IX, 23

Trước đây, lúc Thượng hoàng sắp mất, bảo nhà vua rằng : "Mộc Đạc từng trải thờ ba triều vua, là người khiêm tốn kính cẩn, có cả văn lẫn chất, nên đối đãi đặc biệt, đừng để bị người ta chèn ép". Nhân đấy, nhà vua sai vẽ tượng Mộc Đạc để ở thư phủ, có ý dùng vào chức trọng đại, nhưng chưa kịp thăng chức thì Mộc Đạc đã mất.

Bổ dụng Trần Khắc Chung làm Thiếu Bảo, gia hàm Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự[2].

Trước đây, theo phép nhà Lý, chức quan Hành khiển gia hàm Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự. Đến khi Thượng tướng Quang Khải giữ ngôi Tể tướng, thường băn khoăn về việc Hành khiển cùng Tể tướng ngang hàm nhau, nên tâu xin đổi hàm của Hành khiển làm "Trung thư môn hạ cộng sự" để cho phân biệt. Đến nay, nhà vua cho Khắc Chung thăng chức Thiếu bảo, nhưng vẫn làm công việc Hành khiển, được đặc biệt ưu đãi, nên vẫn theo như cũ, gia phong hàm Trung thư môn hạ bình chương sự.

Giáng chức Nguyễn Trung Ngạn làm An Phủ sứ ở Thanh Hoá.

Trước đây, Trung Ngạn làm Ngự sử, bàn việc trái ý vua, phải ra tri châu Viêm Lãng ; khi tri châu, Trung Ngạn có tiếng giỏi về chính trị, vì thế nên lại được cất lên làm Thiêm tri giữ công việc cung Thánh Từ. Khi bấy giờ, có Bảo Vũ vương (không rõ tên) tước Thượng vị hầu, về hàng được ban cho áo đen, Trung Ngạn sơ suất biên vào trong sổ thuyên tuyển, lại liệt

(1) Chức phó của Trung thư sảnh. Có nhiệm vụ giúp vua ý kiến, lời khuyên những việc trọng đại, tuyên phụng mệnh lệnh.

(2) Tức Tể tướng, quan đầu triều.

tên Bảo Vũ vương vào hàng áo tía. Nhà vua yêu Trung Ngạn là người có tài, vả lại việc ấy là do lầm lỡ, cho nên chỉ bắt giáng chức.

Lời chua - Quan chế nhà Trần, các màu sắc về đồ mặc, lấy màu tía là hơn cả. Còn sự cất nhắc bổ dụng phần nhiều do ở Thượng hoàng. Trung Ngạn vì giữ công việc ở cung Thánh Từ, nên chịu trách nhiệm về việc ghi sổ thuyên tuyển. Chb. **IX**, 24

Châu Viêm Lãng : Chưa rõ ở đâu.

Bổ dụng Phạm Ngộ làm Tham tri Chính Sự đồng tri Thượng Thư Tả ti sự.

Trương Hán Siêu giữ chức Hành khiển, tâu về việc hình quan là Phạm Ngộ và Lê Duy ăn của đút lót ; nhà vua liền sai người xét hỏi, Hán Siêu nói riêng với người khác rằng : "Hán Siêu này đãi tội(1) trong chính phủ, thấy chúa thượng tin yêu, nên mới nói, biết đâu lại có xét hỏi như thế?". Nhà vua nghe được câu ấy, nói rằng : "Hành khiển là quan ở sảnh(2), Thẩm hình là quan ở viện(3) đều là những người mà ta tin dùng, có lẽ nào ta tin sảnh quan mà nghi viện quan bao giờ ?" Kịp khi xét hỏi, Hán Siêu đuối lý, phải phạt tiền 300 quan. Còn Phạm Ngộ, sau đó được bổ lên chức vị này, chức vị ngang với Hán Siêu.

Lời chua – *Lê Duy* : Người huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

Sai Huệ Túc vương là Đại Niên đem quân sang đánh Chiêm Thành, nhưng đánh không được.

Huệ Túc vương đi đánh Chiêm Thành không thành công, khi trở về, nhà vua nói : "Trước kia, tiên đế(4) gội gió tắm mưa,

---

(1) Lời nói khiêm tốn của những người làm quan đời xưa. Ý nói tài đức kém, nên dễ mắc sai lầm tội lỗi cũng như nói chỉ chờ một ngày nào đó sẽ vướng vào tội lỗi.

(2) Quan chế nhà Trần có Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh. Chức Hành khiển trước gia hàm Trung thư môn hạ Bình chương sự, sau lại đổi Hành khiển ti làm Trung thư sảnh nên Hành khiển gọi là sảnh quan.

(3) Viên chức ở Thẩm hình viện giữ việc xét xử kiện tụng hình ngục.

(4) Chỉ vào Trần Anh Tông, xem thêm việc bắt chúa Chiêm Thành ở *Chính biên,* quyển lX, tờ 5.

mới bắt được chúa Chiêm Thành, sau Quốc Phụ[1] là bậc trọng thần, vâng mệnh đi đánh, cũng làm cho chúa nước ấy phải chạy trốn. Nay Huệ Túc vương danh vọng không bằng Quốc Phụ, mà ta cứ yên nhiên ở chỗ thâm cung, uỷ thác cho y chuyên trách về việc đánh dẹp, như thế mà muốn bắt chúa Chiêm, thì làm thế nào mà thành công được ?" Câu nói ấy là nhà vua có ý tự trách mình. Chb. IX, 25

Đinh Mão, năm thứ 4 (1327). (Nguyên, năm Thái Định thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Sét đánh vào lăng tẩm (không rõ lăng nào).

Sau ngày sét đánh, nhà vua hạ chiếu cho bầy tôi họp bàn về việc này. Trần Khắc Chung nói pha trò đùa, mọi người đều cười, trừ có Đoàn Như Hài đứng phắt dậy đi ra chỗ khác. Ngự sử đài hặc tâu, nhà vua hạ lệnh xét hỏi về việc đó. Như Hài nói : "Khi mọi người cười cợt, tôi đã đi chỗ khác rồi". Nhà vua nói : "Như Hài nghe người ta cười cợt, không biết can ngăn, lại bỏ đi chỗ khác, thế là có ý làm cho người ta mắc vào sự lỗi, chỉ tìm kế giữ lấy thân mình". Bèn phạt Khắc Chung và Như Hài theo với tội nặng nhẹ của hai người.

Mậu Thân, năm thứ 5 (1328). (Nguyên, năm Trí Hoà thứ 1. Từ tháng 9 trở về sau, thuộc năm Thiên Lịch thứ 1 đời Nguyên Văn Tông).

Tháng 3, mùa xuân. Giết Quốc Phụ thượng tể Huệ Vũ vương là Quốc Trấn.

Trước đây, Thượng hoàng vẫn trông mong nhiều vào Quốc Trấn, muốn phó thác Nhà vua cho ông ta ; đến lúc Thượng hoàng bị bệnh, mỗi khi Nhà vua đến thăm, Thượng hoàng bắt phải đi cùng với Quốc Trấn, để khỏi sinh lòng hiềm nghi gián khích. Đến nay nhà vua tuổi đã nhiều mà chưa quyết định ngôi

(1) Chỉ Quốc Trấn. Xem thêm việc đánh Chiêm Thành ở Chb.IX,15.

trừ phó[1]. Quốc Trấn tự nhận mình là cố mệnh đại thần, vả lại là bố đẻ ra hoàng hậu, nên cố chấp là : "Đợi khi nào hoàng hậu sinh con trai trưởng sẽ lập làm thái tử". Văn Hiến hầu (không rõ tên) muốn đánh đổ Hoàng hậu mà lập Hoàng tử tên là Vượng, bèn lấy một trăm lạng vàng đút lót cho gia thần của Quốc Trấn tên là Trần Phẫu, để Trần Phẫu vu cáo Quốc Trấn âm mưu làm phản. Nhà vua tin lời Trần Phẫu, bắt Quốc Trấn giam ở chùa Tư Phúc, rồi đem việc ấy hỏi Thiếu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung về bè đảng với Văn Hiến, lại là người cùng làng với mẹ đẻ của Vượng, hơn nữa, Khắc Chung từng giữ chức sư phó để dạy Vượng, vì thế Khắc Chung liền tâu ngay bằng câu thành ngữ : "Tróc hổ dị, phóng hổ nan" (bắt hổ thì dễ, thả hổ ra thì nguy). Nhà vua bèn cấm tuyệt không cho Quốc Trấn ăn uống, để bắt phải tự tử. Hoàng hậu phải thấm nước vào áo đưa vào cho uống. Quốc Trấn uống xong thì mất. Những người bị bắt lây đến hơn trăm người, mỗi khi tra hỏi thì đều kêu gào là oan. Chb. **IX**, 26

Về sau, vợ cả, vợ lẽ Trần Phẫu ghen nhau, đem việc Văn Hiến hầu đút lót vàng ra tố cáo. Nhà vua giao việc này cho quan giữ việc hình ngục là Lê Duy xét hỏi. Lê Duy là người cương trực, lập tức tra xét và phán đoán. Trần Phẫu phải tội lăng trì[2], nhưng chưa kịp hành hình, thì người gia nô nhà Thiệu Vũ (không rõ tên) đã xẻo thịt Trần Phẫu ăn sống gần hết. Còn Văn Hiến hầu được tha tội chết, giáng xuống làm thứ dân, tước bỏ danh tịch.

Lời chua – *Văn Hiến* : Con Nhật Duật.

Thiệu Vũ : Con Quốc Trấn.

---

(1) Người trù bị để sau này sẽ nối ngôi vua.

(2) Một thứ hình phạt nặng nhất : Trước hết chặt hai chân, hai tay, con trai thì xẻo ngoại thận đi, con gái thì đóng cọc vào âm hộ rồi mổ bụng, moi hết ruột gan ra, làm cho thân thể không mảnh nào dính vào nhau - có khi lại còn đem ngâm thành mắm. Ta gọi tội này là "tùng xẻo".

Mẹ đẻ của tên Vượng : Minh Từ thái phi Lê Thị, cùng với Khắc Chung đều là người ở Giáp Sơn.

Kỷ Tị, năm thứ 6 (1329). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc Trần Hiến Tông, năm Khai Hựu thứ nhất. – Nguyên, năm Thiên Lịch thứ 2)

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Vượng làm Hoàng thái tử và hạ chiếu truyền ngôi ; Thái tử lên ngôi vua. Chb. IX, 27

Thái tử đã lên ngôi vua, xưng là Triết Hoàng, bầy tôi dâng tôn hiệu là Thể Thiên Ngự Cực Duệ Thánh Chí Hiếu hoàng đế (tức là Hiến Tông). Tôn vua cha làm Chương Nghiêu Văn Triết Thái thượng hoàng đế và tôn Lệ Thánh Hoàng hậu làm Huệ Từ Thái thượng hoàng hậu.

Thượng Hoàng về ở hành cung phủ Thiên Trường.

Sau khi đã nhường ngôi, Thượng hoàng lui về ở hành cung phủ Thiên Trường, mỗi khi các hoàng tử vào chầu, Thượng hoàng thường bình luận đến nhân vật bản triều. Uy Túc vương Văn Bích nói : "Phàm bàn luận nhân vật để dạy hoàng tử, chỉ nên nói đến việc của người hay, còn việc người dở hãy gạt bỏ đi, không nên nói để người nghe bắt chước". Thượng hoàng nói : "Việc làm của kẻ hay, người dở đều nên bàn đến cả, không thể gác bỏ thiên lệch được ; nếu con ta quả là người hiền, thì nghe việc hay tất theo mà bắt chước, nghe việc dở tất ghét mà tránh đi, thế thì kẻ hay người dở đều có thể làm gương cả ; nếu con ta quả không hiền, thì cứ gì phải thấy việc dở rồi sau mới bắt chước. Cứ xem như Thái Khang[1] là người thất đức, thì có phải vì ông vua đời trước chơi bời buông tuồng mà Thái Khang

(1) Tên một ông vua đời nhà Hạ. Thái Khang là cháu Hạ Vũ, con Hạ Khải. Vũ và Khải đều là vua hiền, đến Thái Khang là người thất đức chơi bời vô độ, bị Hậu Nghệ đánh đuổi đi.

bắt trước đâu ? Dượng Đế nhà Tuỳ[1] miệng nói việc của Nghiêu Thuấn[2], mà việc làm thì bạo ngược hơn Kiệt, Trụ[3]; thế có phải là thấy người hay mà bắt chước đâu ?" Uy Túc nghe lời Thượng hoàng nói, cúi đầu xin tạ tội.

Một hôm, Thượng hoàng cho mời Huệ Túc vương là Đại Niên vào nhà ngủ bảo ngồi chơi. Thượng hoàng ăn cơm chay, Huệ Túc vương vốn hay bài bác đạo Phật, đạo Lão, nhân nói : "Tôi không biết ăn chay có ích lợi gì ?" Thượng hoàng dụ rằng : "Ông cha ngày trước ăn chay, nên cũng bắt chước, còn như bảo rằng ăn có ích lợi hay không, thì trẫm không biết". Huệ Túc vương yên lặng đi ra. Chb. IX, 28

Có một lần, người tôi tên là Hiệu Khả khen Thượng hoàng giỏi hơn vua Anh Tông. Thượng hoàng thay đổi ngay nét mặt, gạt đi mà nói rằng : "Phàm người nào khen ngợi người khác, mà bảo người ta giỏi hơn cha, thì người ấy thường bất hiếu đối với cha mẹ". Thượng hoàng nói câu này là vì Hiệu Khả không biết làm cho cha mẹ vui lòng, nên nhân việc ấy mà răn bảo.

Gia phong Nhật Duật tước Chiêu Văn đại vương.

Mùa đông. Mán Ngưu Hống làm phản, Thượng hoàng tự làm tướng đi đánh.

Thời đại Nhân Tông, Mán Ngưu Hống thường vào chầu, đến nay làm phản, rông rỡ cướp bóc ở miền Đà Giang. Thượng hoàng bàn định thân hành đi đánh. Trần Khắc Chung can rằng : "Đà Giang là nơi lam chướng, vả lại nước thác chảy xiết quá không thể đem quân đi được. Đất Chiêm Thành không phải nơi lam chướng, các triều trước đi đánh, phần nhiều bắt được chúa

(1) Tên là Quảng, giết anh, giết bố để cướp ngôi vua, khi làm vua làm nhiều điều tàn ác, sau bị Vũ Văn Hoá Cập giết.

(2) Hai ông vua đời thượng cổ Trung Quốc, tương truyền là hai vị thánh quân đời Đường và Ngu.

(3) Kiệt : vua cuối cùng đời nhà Hạ ; Trụ : vua cuối cùng đời nhà Thương, là hai ông vua tàn bạo nổi tiếng.

nước ấy, bây giờ không bằng đem quân sang đánh Chiêm Thành là hơn". Thượng hoàng nói : "Trẫm làm cha mẹ dân, thấy dân bị lầm than, cần phải cứu ngay, chứ có suy bì gì nơi hiểm trở, nơi bình dị, việc thuận lợi, việc khó khăn". Chb. IX, 29
Khắc Chung lạy tạ, nói : "Độ lượng thánh nhân bao dung rộng rãi ; ngu dại như tôi không thể nào nghĩ tới được". Thượng hoàng bèn hạ chiếu xuất quân ; sai Thiêm tri là Nguyễn Trung Ngạn chuyên việc giữ sổ nhật lịch[1].

Trong bọn Mán Ngư Hống, có người ở trại Chiêm Chiêu đến cung khuyết dâng thư, đính ước xin đem cả trại đầu hàng, thì khắc phù tín giao cho để làm tin. Thượng hoàng muốn phỏng theo việc "Hán Vũ đăng đài"[2] ngày trước, dùng uy lực chế trị phương xa, bèn sai Chiêu Nghĩa hầu là Phụ Minh đem quân theo đường Thanh Hoá xuất phát trước, để làm thanh thế tiếp ứng cho quan quân. Thượng hoàng nhân dụ bảo Phụ Minh rằng : "Trại Chiêm Chiêu đã có đính ước xin hàng, khi đến nơi, phải đợi quan quân đến sẽ hay, không được hành động càn rỡ".

Thượng hoàng đem quân đến động Mang Việt, đóng ngự doanh ở đấy, và đặt tên chỗ đóng ngự doanh ấy là phủ Thái Bình, chỗ ấy có suối Bác Tử, đặt tên cho là suối Thanh Thuỷ.

Phụ Minh đem quân đi tắt đến trại Chiêm Chiêu, tự đem một bộ quân của mình ra đánh, bị thua. Tuyên úy tướng quân là Vũ Tư Hoành cố sức đánh, bị chết trận Thượng hoàng nghe tin

---

(1) Quyển lịch chuyên chép các công việc hằng ngày.

(2) Hán Vũ Đế (140 - 88 tr.c.ng.), một ông vua có tài cao mưu giỏi về thời Tây Hán. Năm Nguyên Phong thứ 1 (110 tr. c. ng.), Vũ Đế kéo quân ra Trường Thành, lên lâu đài của Thuyền Vu (lâu đài này do chúa Thuyền Vu là Mạc Lặc dựng lên), rồi kéo quân đến Sóc Phương, tới Bắc Hà, số quân mười tám vạn, cờ quạt cắm suốt hơn ngàn dặm, sai sứ bảo chúa Thuyền Vu rằng : "Nếu dám chống cự lại, thì Thiên tử đã tự làm tướng, sẵn sàng đợi ở biên giới, nếu không thì phải đến thần phục ngay, sao lại cứ ẩn núp ở nơi Mạc Bắc cho rét mướt khổ sở làm gì ?".

nói : "Thôi lầm rồi !" Trận này do Thượng hoàng tự làm tướng, hiệu lệnh nghiêm minh, uy thanh vang động, Mán Ngưu Hống nghe tiếng phải chạy trốn, bèn đem quân về.

Lời chua – *Ngưu Hống* : Tên dân tộc Mán. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Chương Thiên Tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Đà Giang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 30).

Chiêm Chiêu : Tên trại, chưa rõ ở đâu. Chb. **IX**, 30

Mang Việt : Động Mán xưa, nhà Lê đổi làm Việt Châu ; bây giờ đổi là Yên Châu, thuộc tỉnh Hưng Hoá[1]

Phụ Minh và Tư Hoành : Đều không rõ người ở đâu.

Bổ dụng Vũ Nghiêu Tá làm Nhập Nội Hành Khiển môn hạ Hữu Ti Lang Trung

Nghiêu Tá với em là Nông đều thi đậu, nổi tiếng về văn học. Trước đây, Thượng hoàng bổ Nghiêu Tá làm Hành khiển đồng tri Nội Mật Viện sự, nay nhà vua trao cho chức này.

Lời chua – *Nghiêu Tá* : Người làng Mộ Trạch, huyện Đường An[2], tỉnh Hải Dương.

Canh Ngọ, Hiến Tông hoàng đế, năm Khai Hựu thứ 2 (1330). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu là Trần Thị mất.

Thái hậu tính nhân từ, yêu các con vợ thứ cũng như con mình đẻ ra, đối với các phi tần, rất có ân huệ, đối với họ hàng riêng của mình, có ý dè dặt giữ gìn, không ban ơn lạm. Người bấy giờ xung tụng Thái hậu là bậc đứng đầu những người mẹ có đức tốt.

---

(1) Nay là huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

(2) Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Sau khi Anh Tông mất, Thái hậu tự giữ mình chay khiết, duy không nhận pháp giới nhà Phật và nói : "Người vị vong[1] này không thể trông mặt thầy chùa, nói chuyện với thầy chùa được, chỉ cốt chay sạch đợi đến ngày chết, còn dùng y bát[2] làm chi ?" Thái hậu ở chùa được 10 năm thì mất.

Lời phê – *Rất phải đạo đàn bà, nghìn xưa ít có.*

Lời cẩn án – *Thuận Thánh Bảo Từ Thái hậu là đích mẫu của Minh Tông, đến đời Hiến Tông, theo điều lệ, đáng lẽ nên chép là Thái hoàng thái hậu, thế mà* Sử cũ *vẫn chép là Hoàng thái hậu có lẽ là vì Hiến Tông mới lên ngôi vua, chưa kịp truy tôn ; hay là vì* Sử cũ *bỏ sót. Nay tạm theo* Sử cũ, *sẽ khảo sau.* Chb. **IX**, 31

Lời chua – *Yêu con vợ thứ* : Huệ Chân công chúa là con gái vợ thứ, thế mà Thái hậu yêu quý, phàm có ban cho thức gì, cũng được ngang phần với Thiên Chân công chúa.

Đối đãi với phi tần : Cung tần là Vương Thị được vua yêu, có thai, Thái hậu cho nhà Song hương để làm chỗ sinh nở.

Đối với họ hàng riêng của mình : Bảo Huệ quốc mẫu là mẹ đẻ thái hậu, muốn dâng cháu gái là Nguyên Huy vào cung, Thái hậu không bằng lòng.

Thái sư Chiêu Văn đại vương Nhật Duật mất.

Nhật Duật học qua *Ngũ kinh và Chư sử,* tinh thông lời huyền diệu của Đạo gia, hiểu biết âm nhạc, đời bấy giờ khen là người học thức rộng rãi, lại hiểu tiếng các nước. Nhân Tông thường nói : "Chú Chiêu Văn(3) có lẽ là hậu thần của người

---

(1) Nguyên văn chép : "Vị vong nhân", nghĩa đen là "người chưa chết". Theo quan niệm ngày xưa, người đàn bà goá chồng tự xưng là vị vong nhân, *(Tả truyện)* ý nói chưa chết theo chồng được.

(2) Áo cà sa để mặc và cái bát để đựng thức ăn, hai bảo vật quan trọng nhất của nhà chùa. Đời sau dùng chữ "y bát" để tượng trưng thầy chùa truyền kinh pháp cho đệ tử.

(3) Nhật Duật là con Trần Thái Tông, bằng vai với Thánh Tông, nên Nhân Tông gọi là chú.

bộ lạc Phiên". Mỗi khi nói chuyện giao thiệp với sứ thần nhà Nguyên, không cần dùng người thông ngôn, thường tay cầm tay, uống rượu với nhau, vui vẻ như bạn quen biết. Sứ nhà Nguyên nói : "Ông hẳn là người ở Chân Định sang làm quan bên này ?" Nhật Duật cố chối không nhận, họ vẫn không tin, vì họ thấy hình dáng và tiếng nói của Nhật Duật đều giống hệt người Chân Định.

Nhật Duật là người có độ lượng, hoà nhã, dù mừng hay giận không bao giờ lộ ra nét mặt ; lại còn không ưa những sự thỉnh thác ; lúc gặp việc thì tuỳ cơ ứng biến, rất mạnh dạn về việc đánh giặc. Cuối niên hiệu Thiệu Bảo[1], Nhật Duật trấn thủ Tuyên Quang, quân Nguyên đến xâm phạm, Nhật Duật đem quân theo dòng sông trở xuôi. Thấy quân đuổi theo ở hai bên bờ sông đi thong thả, biết chắc hẳn mặt trước lại có toán quân nữa, vội vàng sai người dò xem, thì quân giặc đã đến đón chặn ngang ở khúc sông bên dưới rồi, Nhật Duật bèn dẫn quân lên đi bộ, mới thoát được nạn. Chiến dịch Hàm Tử Quan đánh cho quân Toa Đô bị thua to ; trận thắng này là một chiến công đứng đầu đời Trùng hưng. Nhật Duật, nói về quyền quý, là bậc thân vương, từng thờ bốn triều vua, ba lần lĩnh chức trấn thủ ở trấn lớn, trong nhà không ngày nào là không chèo hát, yến ẩm, mà không ai chê cười. Có người thường ví Nhật Duật với Quách Tử Nghi nhà Đường[2]. Khi mất, hưởng thọ 77 tuổi. Chb. IX, 32

Lời phê – *Phúc đức.*

Lời chua – *Chân Định :* Tên phủ, bây giờ thuộc tỉnh Trực Lệ nhà Thanh.

Tuyên Quang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

---

(1) Niên hiệu Trần Nhân Tông (1279 – 1284).

(2) Một danh tướng nhà Đường trong thời Đại Tông và Túc Tông. Chiến công của Tử Nghi đứng đầu các hàng tướng tá, giữ việc Tiết Độ Sứ ở Sóc Phương, được phong tước là Phần Dương vương ; trong nhà lúc nào cũng đàn hát. Khi mất hưởng thọ 88 tuổi.

Hàm Tử : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 39).

Tân Mùi, năm thứ 3 (1331). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 2).

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Văn Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Lại bộ Thượng thư là Tán Chỉ Ngoã sang báo cáo. Nhà vua sai Đoàn Tử Trinh sang chúc mừng.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1332). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Đưa quan tài Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu táng chung ở Thái Lăng(1).

Trước đây, nhà vua sai các quan chọn ngày lành sẽ an táng ; lúc ấy có người bác đi, lấy cớ rằng năm nay an táng sẽ không lợi cho tế chủ. Thượng hoàng sai người hỏi lại người ấy rằng : "Ta tất nhiên không chết à ?" Người ấy thưa rằng : "Điều ấy tôi không dám biết". Thượng hoàng nói : "Nếu ta không tránh khỏi chết, thì lo việc tang mẫu hậu cho xong xuôi, chả còn hơn để khỏi chết uổng hay sao ? Này, việc vui mừng, việc buồn rầu, theo điển lễ phải chọn ngày, là để cho việc được trịnh trọng đấy thôi, chứ có phải như thuyết nhà âm dương(2) câu nệ về việc hoạ phúc đâu ?" Bèn cử hành lễ hợp táng. Chb. IX, 33

Lời phê – *Có kiến thức.*

Tháng 7, mùa thu. Bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn giữ việc ở viện Thẩm hình(3)

---

(1) Lăng tẩm Trần Anh Tông, Thuận Thánh là vợ Anh Tông.

(2) Những người chuyên môn về việc suy tính tướng số, nhâm, cầm, độn, toán, xem ngày, xem thiên văn, v.v. Theo thuyết nhà âm dương thì việc chọn ngày là quan hệ, vì cùng một việc, nếu chọn được ngày tốt thì công việc sẽ thuận lợi mà người chủ sự cũng gặp nhiều điều hay, nếu chọn phải ngày xấu thì sẽ trái lại.

(3) Cơ quan coi về việc hình án như Toà án ngày nay.

Trung Ngạn lập nhà Bình Doãn để xét xử ngục tụng. Những người bị can, không ai bị oan uổng hoặc bị xử quá đáng. Nhà vua tỏ ý khen ngợi.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1333). (Nguyên, Thuận Đế, năm Nguyên Thống thứ nhất).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn thuỷ tai ; dân bị đói.

Giáp Tuất, năm thứ 6 (1334). (Nguyên, năm Nguyên Thống thứ 2).

Mùa xuân. Đặt thêm chức tả hữu Chính Ngôn Tham Nghị.

Thượng hoàng tự làm tướng sang đánh Ai Lao. Ai Lao trốn chạy đi nơi xa, Thượng hoàng bèn đem quân trở về.

Thượng hoàng hạ lệnh cho Nguyễn Trung Ngạn sung chức Phát vận xứ Thanh Hoá, tải lương đi trước, rồi đem đại quân kéo đi sau. Khi quân đến Kiềm Châu, thanh thế vang động, Ai Lao nghe tiếng, chạy trốn. Thượng hoàng sai Trung Ngạn đục núi ghi công rồi đem quân trở về.

Lời phê – *Chỉ làm nhọc quân lính thôi, chứ có công trạng gì đáng ghi chép. Nguyễn Trung Ngạn sai lai a dua thế ?*

Lời cẩn án – *Chỗ đục núi ghi công bây giờ ở quả núi thôn Trầm Hương, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, nét chữ viết to bằng bàn tay, nét tạc vào đá sâu đến hơn một tấc. Lời văn như sau*[1] :

"Hoàng Việt[2]*, triều nhà Trần, vua trị vì thứ 6, là Chương Nghiêu Văn Triết thái thượng hoàng đế, được trời thương yêu cho thống trị đất đai rộng lớn, các nơi xa gần, đâu đâu cũng thần phục ; thế mà Ai Lao là một nước nhỏ mọn, dám ngang ngạnh giáo hoá triều đình.* Chb. **IX**, 34

(1) Nguyên văn bằng chữ Hán, đây là bản dịch ra tiếng Việt.

(2) Hoàng là lớn, là đẹp, Hoàng Việt là nước Việt to lớn, tươi đẹp.

Năm Ất Hợi (1335), tháng quý thu (tháng 9 âm lịch), hoàng đế thân đem lục quân[1] *đi tuần thú*[2] *đến biên thuỳ mặt tây, thì thế tử Chiêm Thành và nước Chân Lạp, nước Tiêm, đạo thần tù trưởng Mán là Quỳ Cầm, Xa Lặc, những bộ lạc mới phụ thuộc thì tù đạo mán Bôi Bồn và mán Thanh Xa, đều tranh nhau đến triều yết, dâng nộp phẩm vật địa phương ; chỉ có một nghịch tặc tên là Bổng cố giữ thói u mê, sợ bị tội lỗi, không đến triều yết ngay. Tháng quý đông (tháng 12 âm lịch), hoàng đế đóng ngự doanh ở cánh đồng Cự Đồn thuộc Mật Châu, hạ lệnh cho các tướng cùng binh lính man di kéo vào nước ấy, tên nghịch tặc Bổng nghe tiếng chạy trốn, bèn hạ chiếu đem quân về."*

Ngày tháng 12 nhuận, mùa đông, năm Ất Hợi (1335), niên hiệu Khai Hựu thứ 7.

Năm tháng chép ở bài văn này, so với năm chép trong Sử cũ, *không phù hợp với nhau*[3], *nhưng cứ chép cả để đề phòng khi khảo cứu.*

Lời chua – *Ai Lao* : Tên nước. Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10.)

Bổng : Tên tù trưởng Ai Lao. Việc tên Bổng ngang ngạnh như thế nào, *Sử cũ* không chép rõ.

Kiềm Châu : Tức đất Mật Châu, bây giờ là huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Chb. **IX**, 35

(1) Binh chế thời cổ, mỗi quân 12500 người, thiên tử mới có sáu quân, còn vua các chư hầu, nước lớn được ba quân, nước vừa được hai quân, nước nhỏ có một quân.

(2) Tuần : tuần hành ; thú ; trấn thủ. Vua các chư hầu trấn thủ đất đai do thiên tử phong cho. Thiên tử đi tuần hành đến đất đai đã phong cho vua chư hầu trấn thủ để quan sát, gọi là "tuần thú". Khi thiên tử đi tuần thú đến địa phương nào, thì vua các nước chư hầu ở địa phương ấy phải đến hành tại triều yết và dâng phẩm vật địa phương mình.

(3) Sử *Toàn thư* VII, 6 chép việc đi đánh Ai Lao vào năm Giáp Tuất (1334) ; còn bài Bia ghi là năm Ất Hợi (1335).

Ất Hợi, năm thứ 7 (1335). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 1).

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Thuận đế nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Lại bộ Thượng thư là Thiết Trụ (Nguyên *Sử cũ* chép là Thiếp Trụ) sang báo cáo, và ban cho lịch mới.

Tháng 9, mùa thu. Thượng hoàng lại tự làm tướng sang đánh Ai Lao, bị thua. Đốc tướng Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối.

Lời phê - *Sính dùng binh là sự không hay, tự kiêu căng tất bị thất bại. Thế thì việc đục đá ghi công lần trước tỏ ra là việc hão huyền !*

Từ khi ở Kiềm Châu đem quân về, Thượng hoàng định thân đi đánh Ai Lao lần nữa, nhưng chưa quả quyết. Nay nghe tin Ai Lao kéo xuống xâm lấn ấp Nam Nhung thuộc Nghệ An, nên lại bàn thân chinh, trong lúc ấy Thượng hoàng bị đau mắt, có người xin hoãn lại. Thượng hoàng nói : "Việc này năm trước đã bàn rồi lại thôi, bây giờ nếu vì đau mà hoãn lại, thiên hạ sẽ cho ta là người rút rát ; vạn nhất giặc phương Bắc kéo sang xâm lấn bao vây, thì ta sẽ trông cậy vào đâu ?" Bèn quyết ý thân chinh. Hạ lệnh cho viên quan quản lĩnh hai hiệu quân Thần Vũ và Thần Sách kiêm giữ chức kinh lược Đại sứ Nghệ An là Đoàn Nhữ Hài sung làm đốc tướng, các quân đều phải nghe theo hiệu lệnh.

Nhữ Hài tự nghĩ rằng : Ai Lao đóng giữ ở ấp Nam Nhung, quân của chúng vừa ít vừa yếu, quân ta đánh thế nào cũng được. Vả lại, đồn trại của chúng đóng liền con sông lớn Tiết La, sau khi ta đã đánh thắng rồi, sẽ đem tù binh bắt được và chiến lợi phẩm tước được đi theo dòng sông mà kéo tràn xuống, đi đến đâu sẽ diễu võ dương uy, nhân đó chiêu dụ các nước Chiêm Thành,

Chân Lạp vào chầu, như thế có thể lập được công lao phi thường. Vì thế, Nhữ Hài liền đem quân Nghệ An và hiệu quân Thần Vũ tiến lên trước. Khi đến ấp Nam Nhung, gặp quân giặc, hai bên giao chiến. Lúc ấy sương mù mờ mịt, quân giặc đã mai phục sẵn voi ngựa từ trước, hai cánh quân giặc đánh khép lại. Quan quân bị ngã xuống sông, chết mất quá nửa, trong số đó có cả Đoàn Nhữ Hài. Chb. IX, 36

Thượng hoàng được tin, nói : "Nhữ Hài nhân tình thế tất thắng, dùng mưu kế tất thắng, đã gần được công to mà lại bị mắc vào mồi của giặc, không phải vì y không liệu biết thế giặc, chỉ vì y dùng quá cái sức của mình đấy thôi ! Thế mới biết sự mong muốn của người ta không thể quá hạn định được".

Lời phê[1] – *Sụt sùi khóc lóc, cũng chả kịp nào !*

Lời cẩn án – *Trận đánh này, Thượng hoàng tự làm tướng, mà địa điểm đóng quân,* Sử cũ *không chép rõ. Đến khi Nhữ Hài bị thua chết,* Sử cũ *lại không chép lúc ấy mưu tính thế nào. Đến tháng 2 năm sau, mới chép : "Thượng hoàng từ chỗ đánh Ai Lao về nước". Chép như thế, không thể hiểu được, nay không rõ việc ấy thế nào, sẽ phải khảo cứu sau.*

Lời chua – *Nam Nhung* : Tên ấp, thuộc huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An

Sông Tiết La : Ở ấp Nam Nhung.

Viên tướng quản lĩnh hiệu quân Khoái Hộ là Đỗ Thiên Thữ mất ở nơi quân thứ.

Khi Thượng hoàng đi thân chinh, Thiên Thữ quản lĩnh hiệu quân Khoái Hộ, đương bị bệnh nặng, Thượng hoàng cho ở lại. Thiên Thữ bắt người nhà khiêng mình đến ngoài cửa cung Vĩnh An, cố xin đi theo xe vua Chb. IX, 37

(1) Chỉ việc Minh Tông tỏ ý thương tiếc Đoàn Nhữ Hài

và nói rằng : "Tôi thà chết ở ngoài cửa doanh trại, chứ không chịu chết ở trong giường nằm". Thượng hoàng khen là trung nghĩa, cho theo đi, khi đến đất giặc thì mất. Thượng hoàng thương tiếc, đặc cách cho khi tế được dùng nhạc Thái Thường.

Lời chua – *Quân Khoái Hộ* : Tức quân Thần Sách. Chế độ nhà Trần, chỉ có chức Hành khiển khi tế mới được dùng nhạc Thái Thường, nay cho Thiên Thữ được dùng, đấy là đặc biệt gia ơn.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Bính Tý, năm thứ 8 (1336). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng từ chỗ đánh Ai Lao trở về nước.

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Đinh Sửu, năm thứ 9 (1337). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 3).

Tháng 6, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương đông bắc.

Xét duyệt quan văn, quan võ, đặt các thuộc viên ở sảnh, ở viện.

Tháng 9, mùa thu. Hạ chiếu cho các quan trong triều và ngoài khảo hạch các ti thuộc.

Các quan trong triều và ngoài các lộ, hằng năm, xét những thuộc viên do mình quản đốc, người nào siêng năng, cẩn thận, có chứng cớ rõ ràng thì lưu lại, người nào không làm việc thì truất bãi đi.

Hạ chiếu cho các lộ lập kho tào thương.

Nguyễn Trung Ngạn làm tào vận sứ ở Khoái Lộ, đề nghị xin lập kho tào thương, chứa thóc thuế để chẩn cấp cho dân đói. Nhà vua y theo và hạ chiếu cho các lộ khác phỏng theo thể thức ấy mà thi hành.

Lời chua – *Khoái Lộ* : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Hạ lệnh cho Hưng Hiếu vương đi đánh Ngưu Hống, dẹp yên được. (Hưng Hiếu vương không rõ tên). Chb. IX, 38

Hưng Hiếu vương đem quân vào trại Trịnh Kỳ, phá tan quân Mán, chém tù trưởng là Xa Phần. Khi đem quân về, quân sĩ đều được ban thưởng. Hưng Hiếu vương viện dẫn việc Nhân Huệ vương[1] bình định đất Nam Nhung ngày trước, xin thưởng cả cho người giữ thuyền nữa. Thượng hoàng nói : "Trước kia, Khánh Dư đi đánh Nam Nhung[2], xuất phát từ Nghệ An, phải đi mấy ngày mới đến Nam Nhung, thế mà người giữ thuyền ở trong đất giặc, chứ không phải là người giữ thuyền ở đất Nghệ An ; còn như người giữ thuyền lần này thì lại khác hẳn lần trước. Vả lại, sự thưởng phạt cốt phải chính đáng mà thôi ; bây giờ người giữ thuyền dựa vào người đánh thắng giặc để nhận phần thưởng, nếu người đi chiến trận bị chết, thì người giữ thuyền cũng bị chết hay sao ? "Hưng Hiếu vương thưa : "Nếu không có người giữ thuyền mà thuyền bị giặc bắt mất, thì quân sĩ liệu có kiên tâm mà chiến đấu được không ?" Thượng hoàng nói : "Nếu vậy thì trước hết phải thưởng cho các quan ở lại giữ triều đình mới phải, vì rằng nếu kinh sư mà không yên tĩnh thì quân sĩ có thể hăng hái đánh giặc được không ?" Bèn không thưởng cho người giữ thuyền. Chb. IX, 39

Lúc ấy người gia đồng của Hưng Hiếu vương là Phạm Ngải cũng dự có công đánh giặc. Thượng hoàng nói : "Gia nô dầu có

(1) Tước phong của Trần Khánh Dư.

(2) Theo *Toàn thư* chép : "Thượng hoàng nói : Khánh Dư đi đánh Nam Nhung, đi đường bộ từ Nghệ An, mấy ngày mới đến sông Nam Nhung, bèn phạt gỗ đóng thuyền, thế là người giữ thuyền ở trong đất giặc, chứ không phải..." Như thế có lẽ Hưng Hiếu vương xin thưởng cho quân sĩ giữ thuyền ở Nghệ An, vì thế Minh Tông mới nói người giữ thuyền lần này khác hẳn lần trước.

chiến công, cũng không được dự vào quan tước triều đình". Vì thế mới hạ chiếu cấp ruộng cho Phạm Ngải.

Lời phê[1] – *Biện luận một cách khiên cưỡng, hai bên đều không phải cả.*

Lời phê[2] – *Việc này thì hợp thể.*

Lời chua – Việc Nhân Huệ vương đi đánh Nam Nhung, *Sử cũ* không chép, chỉ ghi phụ việc ấy ở đây thôi.

Ngưu Hống : Tên mán. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Chương Thiên Tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Trại Trịnh Kỳ : Chưa rõ ở đâu.

Mậu Dần, năm thứ 10 (1338). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 4).

Tháng 8, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Gió bão to.

Phần nhiều nhà cửa, cây cối ở dân gian bị đổ.

Bổ dụng Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác tham dự triều chính, Cung Định vương là Phủ làm Phiêu Kỵ Thượng tướng quân, quản lĩnh trấn Tuyên Quang.

Lời chua – *Nguyên Trác và Phủ* : Đều là con vợ thứ Minh Tông.

Kỷ Mão, năm thứ 11 (1339).(Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 5).

Mùa xuân. Đổi lịch "Thụ thì" làm lịch "Hiệp Kỷ".

Viên Hậu Nghi lang Thái sử cục lệnh là Đặng Lộ thấy tên lịch từ trước đến nay đều gọi là lịch "Thụ thì", tâu xin đổi gọi là lịch "Hiệp Kỷ" ; nhà vua y cho. Đặng Lộ chế ra thứ đồ xem thiên văn gọi là "lung linh nghi" khảo nghiệm khí tượng trên trời không việc gì là không đúng.

---

(1) Chỉ việc Trần Minh Tông và Hưng Hiếu vương tranh luận về việc có hay không thưởng cho người giữ thuyền.

(2) Chỉ việc không thưởng quan tước cho gia nô.

Lời chua – *Đặng Lộ* : Người huyện Sơn Minh thuộc Sơn Nam.

Sao Huỳnh Hoặc mọc chen vào sao Nam Đẩu.

Vừa một tháng, sao Huỳnh Hoặc mới lui ra. Chb. **IX**, 40

Canh Thìn, năm thứ 12 (1340). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 6).

Tân Tị, năm thứ 13 (1341). (Tháng 8 trở về sau, thuộc Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 1). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 1).

Mùa xuân, bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn làm Đại Doãn(1) **ở kinh sư.**

Ở kinh sư, trước kia đặt chức Đại An phủ sứ, đến đây, đổi thành Đại Doãn.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua mất.

Miếu hiệu là Hiến Tông, ở ngôi 13 năm, hưởng thọ 23 tuổi.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Hiến Tông là người thiên tư tốt, nhưng vì ít tuổi lên nối ngôi*(2)*, nên quyền chính trong nước đều ở trong tay Thượng hoàng. Trong sách*(3) *có câu : "Cha còn, thì con không được tự chuyên", thế thì còn chê trách vào đâu nữa ?*

Tháng 8, mùa thu. Hoàng đế là Hạo lên ngôi vua.

Trước đây, nhà vua (Hiến Tông) là con cả của người vợ thứ, lên nối ngôi ; đến sau bà đích mẫu là Huệ Từ Hoàng thái hậu mới sinh con trai : con trưởng, Cung Túc vương tên là Dục ; con thứ, tên là Hạo. Nay nhà vua mất, không có con trai. Thượng hoàng (Minh Tông) thấy Dục có tính ngông cuồng, không thể gánh vác được công việc trọng đại ; lúc ấy Hạo(4) mới 6 tuổi, bèn cho nối ngôi. Chb. **IX**, 41

(1) Chức quan đứng đầu cấp địa phương ở kinh sư thời xưa. Trước gọi là An phủ sứ.

(2) Lúc lên ngôi vua mới mười tuổi.

(3) Bài bàn ở tập chú trong thiên "Học Nhi" sách *Luận ngữ*.

(4) Hạo là con thứ mười của Minh Tông.

Khi đã lên ngôi, xưng là Dụ Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Thống Thiên Thể Đạo Nhân Minh Quang Hiếu hoàng đế (tức là Dụ Tông).

Sai Nguyễn Trung Ngạn và Trương Hán Siêu biên soạn Triều điển và Hình thư.

Nhâm Ngọ, Dụ Tông hoàng đế năm Thiệu Phong thứ 2 (1342). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác làm Thái uý.

Tháng 5. Sứ Chiêm Thành sang.

Chúa Chiêm Thành là Chế A Nan mất, con rể là Trà Hoà Bố Để tự lập làm chúa, sai sứ sang cáo phó[1].

Tháng 7, mùa thu. Tôn Huệ Từ Thái thượng hoàng hậu làm Hoàng thái hậu.

Lời cẩn án – *Huệ Từ là vợ Minh Tông, mẹ Dụ Tông. Bấy giờ Minh Tông hãy còn, mà vội tôn phong Huệ Từ làm Hoàng thái hậu, như thế thì đạo thờ cha và nghĩa vợ theo chồng đều lỗi cả.*

Bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn làm Hành khiển, quản trị công việc viện Xu Mật.

Theo chế độ cũ, cấm quân thuộc vào Thượng thư sảnh ; đến đây, cho viện Xu Mật quản lĩnh. Trung Ngạn tuyển đinh tráng các lộ sung vào ngạch cấm quân hiện khuyết, đặt ra sổ sách để ghi chép. Viện Xu Mật quản lĩnh cấm quân bắt đầu từ đấy. Chb. **IX**, 42

Lời chua – Trước đây chế độ nhà Trần : Xu Mật viện là chức cơ yếu, cùng với Thượng thư sảnh, và Trung thư sảnh đều được tham dự triều chính.

(1) Báo cáo tin buồn : Chúa Chiêm Thành mất.

Giám Sát Ngự sử là Doãn Định và Nguyễn Nhữ Vi bị bãi chức.

Thượng hoàng sáng sớm đến Ngự sử đài. Giám sát Ngự sử là Doãn Định và Nguyễn Nhữ Vi chưa đến, chỉ có Ngự sử Trung Tán là Lê Duy theo hầu. Khi Thượng hoàng về cung rồi, bọn Doãn Định mới đến, bèn dâng sớ đối kháng, nói : Thượng hoàng không nên vào Ngự sử đài. Lại hặc Lê Duy về lỗi không biết can ngăn. Lời lẽ trong sớ rất là khích thiết. Thượng hoàng hiểu dụ trước mặt bọn ấy rằng : "Ngự sử đài là một trong những cung điện, có lẽ nào thiên tử lại không được vào ? Vả, trong đài ấy trước kia có chỗ để thiên tử giảng luận học tập, ở đấy lại có chức Chi hậu bạ thư hầu hạ bút nghiên. Đấy là việc cũ "Thiên tử nhập đài" đấy. Ngày trước, vua Thái Tông nhà Đường từng xem cả sách *Thực lục* kia, huống chi là việc nhập đài". Bọn Doãn Định còn cố sức can mãi, Thượng hoàng dụ bảo đến hai ba lần cũng không thôi, bèn bị bãi chức. Chb. **IX**, 43

Quý Mùi, năm thứ 3 (1343). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 3).

Ngày mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Đại hạn từ tháng 5 đến mãi tháng 6. Xuống chiếu tha cho một nửa thuế nhân đinh năm nay.

Tháng 11, mùa đông. Dân bị nạn đói.

Năm ấy mất mùa, đói kém. Dân gian phần nhiều người nổi lên làm trộm cướp, nhất là gia nô các nhà vương hầu.

Giáp Thân, năm thứ 4 (1344). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Giặc cướp khởi lên ở huyện Trà Hương.

Người huyện Trà Hương là bọn Ngô Bệ họp tập nhiều người ở núi Yên Phụ khởi lên làm giặc cướp. Nhà vua sai quân đi bắt. Bọn Ngô Bệ liền trốn tránh tan rã.

Lời chua – *Trà Hương* : Tên huyện. Xem *Tiền biên,* ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Núi Yên Phụ : Ở xã Yên Phụ, huyện Giáp Sơn.

Đổi đặt lại danh hiệu các quan chức.

Hành Khiển ti ở cung Thánh Từ nay đổi làm Thượng Thư sảnh ; Hành Khiển ti ở cung Quan Triều vẫn để nguyên là Môn Hạ sảnh[1] như cũ. Chb. **IX**, 44

Viện Tuyên Huy đặt chức đại sứ và phó sứ ;

Kiểm Pháp quan ở viện Đăng Văn[2] nay đổi là Đình Uý, Tự Khanh và Thiếu Khanh ;

Ti Khuyến nông đặt chức Đồn điền sứ và phó sứ ;

Tổng lộ đặt An phủ sứ và phó sứ ;

Thuộc châu đặt chức Thông Phán ;

Lộ nhỏ đặt ti Đề Hình và ti Tào Vận ;

Phủ Thiên Trường đặt chức Thái phủ và Thiếu phủ.

Lời chua – *Trung thư, Thượng thư, môn hạ :* Đều là tên quan ba sảnh, để tham dự bàn luận chính sự trong triều. Đó là chức Tể tướng thứ hai.

Tuyên Huy sứ : Chức này đặt từ đời nhà Đường, có nam viện và bắc viện, các viện đều có chánh sứ và phó sứ, quản lĩnh hết những

(1) Xem thêm *Chính biên,* quyển IX, tờ 22.

(2) Trong sách *Cương mục* này chỉ chép "Đăng viên kiểm pháp quan" nhưng theo *Toàn thư* và mục "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* đều chép "Đăng văn viện kiểm pháp quan", nên chúng tôi theo hai bộ sách dưới mà dịch là "Viện Đăng Văn".

việc tế trời đất, việc triều hội và yến hưởng ; chức này rất trọng đại. Đến nhà Tống, thường dùng quan xu mật kiêm lĩnh, chỉ để đãi những bậc huân cựu đại thần mà đã thôi làm việc chính phủ ; do đó, nhiệm vụ chức này đã có phần hơi nhẹ. Nhà Trần đặt chức này, không biết phỏng theo đời nào.

Truy khai quan tước cho Quốc Phụ Thượng Tể Huệ Vũ vương Quốc Trấn.

Trước kia, Quốc Trấn vì việc Trần Phẩu vu cáo, bị giết, đoạt mất cả quan tước[1] ; đến nay, mới cho truy phục lại.

Tháng 8, mùa thu. Đặt hai mươi đô Phong đoàn ở các lộ.

Bấy giờ dân gian bị đói, phần nhiều nổi lên làm giặc cướp, nên đặt quân đoàn để đi bắt.

An táng Hiến Tông ở An Lăng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Sau khi thiên tử mất, bảy tháng thì làm lễ an táng. Hiến Tông mất đã bốn năm, đến nay mới táng, mà trong triều không nghe thấy ai đem tang lễ ra tranh luận cả !* Chb. IX, 45

Lời chua – *An Lăng* : Ở phủ Kiến Xương.

Dân bị nạn đói.

Bấy giờ, mấy năm mất mùa, đói kém luôn, nhân dân phần nhiều đi làm thầy chùa và làm gia nô cho các thế gia.

Ất Dậu, năm thứ 5 (1345). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 5).

Tháng 3, mùa xuân. Thi Thái học sinh.

Phép thi : viết ám tả cổ văn và làm bài kinh nghĩa, thơ phú.

---

(1) Xem *Chính biên,* quyển IX, tờ 25-26.

Lời cẩn án – *Phép thi nhà Trần có bốn kỳ*[1], *đây không nói đến kỳ thi văn sách, hoặc bấy giờ đổi lại hay là* Sử cũ *bỏ sót, sẽ đợi khảo sau.*

Tháng 5, mùa hạ. Đại hạn.

Đại hạn từ tháng 4 đến mãi tháng 5. Nhà vua xuống chiếu xét lại tội các tù phạm, giảm nhẹ tội cho những người can phạm tội thường. Chb. IX, 46

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhà Nguyên sai Vương Sĩ Hành sang hỏi địa giới cột đồng ngày trước. Nhà vua sai Phạm Sư Mạnh sang Nguyên biện bạch việc này.

Lời chua – *Cột đồng* : Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb. II, 12-14).

Phạm Sư Mạnh : Người huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương.

Bính Tuất, năm thứ 6 (1346). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 6).

Ngày mồng một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Sai sứ sang Chiêm Thành.

Chiêm Thành từ khi Bố Để tự lập làm chúa, không sang triều cống. Nhà vua sai Phạm Nguyên Hằng sang hỏi, bấy giờ Chiêm Thành lại sang cống, lễ vật rất là đơn bạc.

Tháng 5, mùa hạ. Nước Ai Lao cướp ngoài biên giới. Nhà vua sai Bảo Uy vương là Hoàn đi đánh, phá tan được quân ấy.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Phạm Sư Mạnh giữ Bạ thư kiêm chức Xu mật tham chính.

Đinh Hợi, năm thứ 7 (1347). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 7).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

---

(1) Nguyên văn là "tứ trường".

Tháng 6, mùa hạ. Bảo Uy vương là Hoàn có tội ; truất ra làm Phiêu Kỵ tướng quân ở Diễn Châu, rồi sai người giết đi.

Trước đây, thuyền buôn người nhà Tống sang, dâng một tấm vải "hoả cán"(1), nhưng vẫn để dành làm của quý : sau đem may áo cho vua, nhưng vì hơi ngắn, nên xếp để ở kho nội phủ. Hoàn tư túi với cung nhân lấy trộm. Một hôm, Hoàn vào chầu, tâu việc ở trước mặt vua, cửa tay áo bị hở ra ; Thượng hoàng trông thấy, lấy làm nghi, sai kiểm lại xem, quả nhiên cái áo cất khi trước đã mất rồi. Cung nhân lẻn ra đem áo ấy về dâng nộp. Thượng hoàng giận lắm, truất Hoàn ra ngoài biên trấn. Khi Hoàn đi đến sông Trinh Nữ, Thượng hoàng sai vũ sĩ chở chiếc thuyền nhỏ đuổi theo, giết đi.

Chb. **IX**, 47

Lời chua – *Diễn Châu :* Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb. IV, 20).

Sông Trinh Nữ : Tức sông Vạn Nữ xưa, bây giờ ở địa giới huyện An Mô, tỉnh Ninh Bình.

Mậu Tý, năm thứ 8 (1348). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Đỗ Tử Bình làm thị giảng(2).

Tử Bình trước giữ chức ngự tiền học sinh, nay được bổ dụng chức này.

---

(1) Thứ vải chịu được lửa. Có nhiều thuyết :

- Vải hoả cán lúc giặt phải dùng bằng lửa, khi ở trong lửa đem ra giũ đi, trông óng ánh như tuyết *(Liệt Tử)* ;

- Một thứ lá cây hoặc vỏ cây bị "lửa thiên nhiên" thiêu, nhưng không nát, người ta lấy lá ấy hoặc bóc lấy vỏ ấy ngâm đi dệt thành vải cũng có thể giặt bằng lửa được *(Bão Phác Tử)* ;

- Dệt bằng lông con Hoả thử (Chuột lửa) *(Thập Châu Ký).*

- Dệt bằng một thứ nhung đá ở núi Biệt Khiết Xích *(Thú vật di danh sớ).*

(2) Một chức quan làm việc trong Viện Hàn lâm, có nhiệm vụ soạn thảo những chiếu, chế, cáo, chỉ của nhà vua.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Nước đến khi sắp mất, tất nhiên trời sinh ra một người để mà phá hoại. Việc Tử Bình được tiến cử, là lúc mối hấn khích ở biên giới Nhật Nam đã chớm nảy nở, cái nguy cơ tai hoạ của Duệ Tông đã ngấm ngầm phục sẵn*[1], *mà từ đó, dần dần gây ra mối suy sụp cho cơ nghiệp nhà Trần.*

Lời chua – *Tử Bình* : Chưa rõ người ở đâu. Sách *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép : "Ở huyện Cổ Lan có vườn Tử Bình, trong vườn có mai, trúc, khe suối và hồ ao, là một chỗ thắng cảnh trong huyện để du thưởng". Như thế có lẽ Tử Bình là người huyện Cổ Lan ? Huyện Cổ Lan tức là Đông Quan, nay thuộc tỉnh Nam Định[2]. Chb. **IX**, 48

Tháng 5, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

Kỷ Sửu năm thứ 9 (1349). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 9).

Tháng 5, mùa hạ. Nước Qua Oa sang cống.

Nước Qua Oa đem vật phẩm địa phương sang cống và dâng chim anh vũ biết nói.

Lời chua – *Qua Oa* : Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43)

Tháng 10, mùa đông. Lập Trần Thị làm Hoàng hậu.

Hậu là con gái Huệ Túc vương Đại Niên, nay lập thành Nghi Thánh Hoàng hậu.

Ngày mồng một, tháng 11. Nhật thực.

Bắt đầu đặt chức Sát Hải sứ và Bình Hải quân ở Vân Đồn.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển X, tờ 39 – 41, việc chúa Chiêm Thành dâng 10 mâm vàng, Đỗ Tử Bình ăn chặn, trẩm đi, lại tâu với Trần Duệ Tông là chúa Chiêm Thành ngạo mạn. Duệ Tông tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành bị tử trận.

(2) Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Trước kia, về thời nhà Lý, thuyền buôn của các nước ngoài đến nước ta, đều đi từ các cửa biển Diễn Châu đi vào ; đến nay, lòng sông cạn, thuyền buôn dời đến tụ tập ở hải trang[1] Vân Đồn. Lúc ấy có nhiều người mò trộm ngọc trai bán cho thuyền buôn, vì thế đặt quan quân để trấn thủ địa phương này.

Chb. **IX**, 49

Lời chua – *Vân Đồn* : Tên trang, một địa điểm sản sinh ngọc trai. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

(1) Tên gọi những nơi có phố xá buôn bán. Phẩm vật tập trung ở trang rồi mới tiêu thụ đi nơi khác.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 10

Từ Canh Dần, Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 10, (1350) đến Quý Hợi Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 7 (1383), gồm 34 năm. Chb. X, 1

*

Canh Dần, năm [Thiệu Phong] thứ 10 (1350). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Người nhà Nguyên là Đinh Bàng Đức sang quy phụ nước ta.

Khi bấy giờ, nước Nguyên loạn, bốn phương giặc cướp như ong, các quan lại không thể chế trị được. Có người phường trò, tên là Đinh Bàng Đức, đem cả gia quyến sang quy phụ ta, được nhà vua dung nạp. Nước ta có trò leo dây bắt đầu từ đấy.

Tân Mão, năm thứ 11 (1351). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Châu Thái Nguyên và lộ Lạng Giang giặc cướp nổi dậy. Dẹp yên ngay.

Lời chua – *Châu Thái Nguyên* : Bây giờ là tỉnh Thái Nguyên.

Lộ Lạng Giang : Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn. Cả hai, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19 – 20, 31 – 32).

Ngày mồng một, tháng năm, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Dùng Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự.

Làng Thiên Cương có người con gái hoá ra con trai.

Lời chua – *Thiên Cương* : Tên làng (hương), thuộc Nghệ An.

Tên Trâu Canh có tội, được tha, không trừng trị.

Trâu Canh, là con trai Trâu Tôn, người nhà Nguyên. Khoảng năm Nguyên Phong (1251 - 1257), quân Nguyên vào lấn cướp, Trâu Tôn đi tòng quân sang nước ta. Khi giặc Nguyên thua, Tôn bị bắt. Vì biết nghề làm thuốc, Tôn được tha. Trâu Canh nối nghiệp cha, cũng do nghề làm thuốc mà nổi tiếng. Khi nhà vua mới lên bốn tuổi, đêm tết Trung thu, đi thuyền chơi Hồ Tây, bị ngã xuống nước, người ta vớt được ở chỗ bờ đập chắn nước để đơm cá thì đã gần tắt hơi. Thượng hoàng sai Trâu Canh chữa thuốc. Trâu Canh nói rằng dùng lối châm cứu thì sống lại được, nhưng chỉ sợ liệt dương thôi. Châm cứu rồi, quả nhiên như thế. Từ đó người ta khen Trâu Canh là tay thầy thuốc thần diệu. Canh được thăng dần lên tước quan phục hầu, kiêm Thái y sứ. Đến khi nhà vua đã lớn, Canh lại dâng bài thuốc thì chứng liệt dương liền khỏi. Canh càng được nhà vua cưng chiều đặc biệt, cho ngày đêm được hầu thuốc thang ở trong cung. Canh, do đó, tư thông với cung nữ. Việc bị phát giác. Thượng hoàng muốn khép Canh vào tội tử hình, nhưng nhà vua cho Canh là người có công, nên tha tội cho. Chb. X, 2

Dùng Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập Nội Hành Khiển, vẫn cứ giữ việc Xu mật viện.

Tháng 11, mùa đông. Điểm duyệt cấm quân ở điện Thiên An.

Nhà vua ngự ở điện Thiên An để duyệt cấm quân, cho Nguyễn Trung Ngạn mặc áo chiến bào, đội khăn quan võ, đeo cái nghiên thành gỗ vuông bốn cạnh và thếp vàng (lăng kim nghiễn), đi duyệt binh, nhận xét kẻ hơn, người kém.

Lời chua – *Cái nghiên...* : Làm bằng mảnh gỗ vuông bốn cạnh và thếp vàng, nên gọi là "lăng kim nghiễn" ; đeo vào đai lưng, để tiện việc ghi chép.

Nhâm Thìn, năm thứ mười hai (1352). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 12).

Tháng 3, mùa xuân. Người Chiêm Thành là Chế Mỗ chạy sang ta. Chb. X, 3

Trước kia, vua Chiêm Thành là Chế A Nan khi còn sống, con là Chế Mỗ làm bố điền[1], con rể là Trà Hoà Bố Để làm bố đề[2], hễ Bố Để nói câu gì hoặc bàn kế gì, chúa Chiêm cũng đều nghe theo. Khi nào Chế Mỗ phải quở trách, Bố Để lại liệu bài gỡ cho. Bề ngoài Bố Để làm ra thân thiết với Chế Mỗ, nhưng bề trong thì ngầm gây bè đảng, mua chuộc người trong nước, thế mà Chế Mỗ vẫn không biết. Kịp lúc A Nan mất rồi, người trong nước không theo Chế Mỗ. Bố Để mới đuổi Chế Mỗ mà tự lập làm vua. Đến đây Chế Mỗ chạy sang ta, dâng một con ngựa bạch, một con voi trắng, một con kiến càng khổng lồ, dài một thước chín tấc[3] và các đồ sản vật địa phương, cầu xin dung nạp.

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức là Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20–21).

Bố Điền : Nghĩa là Đại vương.

Bố Đề : Nghĩa là Tể tướng.

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Nước lên to, vỡ đê Bát, Khối, lúa má bị ngập ; Khoái Châu, Hồng Châu và phủ Thuận An bị thiệt hại hơn cả.

Lời chua – *Bát* : Bát Tràng ; *Khối* : Thổ Khối, tên hai xã, bây giờ thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

---

(1) Xem "Lời chua" ở dưới của *Cương mục*.

(2) – nt –

(3) Thước cổ.

Khoái Châu : xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb.V, 32).

Hồng Châu : Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 32). Chb. X, 4

Thuận An : Tên Phủ, bây giờ là Thuận Thành, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Quý Tị, năm thứ 13 (1353). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho các vương hầu chế tạo chiến cụ, rèn luyện quân sĩ.

Dùng Cung Định vương Phủ làm Hữu Tướng quốc.

Tháng 6, mùa hạ. Dùng quân đội đưa Chế Mỗ về nước Chiêm Thành, không được, phải rút về.

Trước kia, Hưng Hiếu vương vào trấn giữ Hoá Châu, Chế Mỗ mất ngôi vua, chạy sang nước ta, lâu mãi chưa xin được đưa về để lấy lại quyền vị, nhân đó mới kể cho Tước Tê nghe một câu chuyện cổ tích Chiêm Thành : "Xưa có một vua, nuôi một con khỉ lớn, rất yêu thích nó, muốn dạy cho nó học nói, bèn tìm khắp lấy người khéo nuôi dạy nó thì cho muôn nén vàng. Có một người tình nguyện xin nuôi dạy con khỉ ấy. Nhà vua lấy làm mừng. Người kia nói : Mỗi tháng phí tổn tiền thuốc đến trăm nén vàng, trong ba năm mới có công hiệu. Vua theo như lời. Người này có lẽ có ý cho rằng ông vua với mình và con khỉ kia, trong vòng ba năm chắc có một sẽ chết, nhưng hắn hãy được hưởng số vàng của vua mà chẳng lo công việc có thành hay không nữa. Chế Mỗ tới nay theo về với chúa thượng là thực bởi Hưng Hiếu vương chủ trương đấy ; vậy mà tháng lại ngày qua, nay lần mai lữa, chưa biết bao giờ được về ! Ấy, việc này cũng chẳng khác gì câu chuyện cổ tích kia". Bấy giờ nhà vua mới sai đưa Chế Mỗ về nước. Bộ binh đến Cổ Luỹ, thuỷ quân tải lương không kịp, bèn trở về. Chế Mỗ ở lại nước ta, chưa được bao lâu thì chết. Chb. X, 5

Lời chua – *Tước Tê* : Họ và tên người. Tước Tê là một bầy tôi hạ cấp của Trần Minh Tông, vẫn hay đi lại với Chế Mỗ.

Cổ Luỹ : Xưa là địa phận quận Nhật Nam ; từ đời Đường trở về sau là đất Chiêm Thành ; nhà nhuận Hồ[1] lấy đất ấy đặt làm châu Tư và châu Nghĩa ; nhà Lê hợp lại làm một, gọi là phủ Tư Nghĩa ; bây giờ là tỉnh Quảng Ngãi.

Hoá Châu : Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb.I,28).

Dùng Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác làm Tả tướng quốc.

Tháng 9, mùa thu. Nước Chiêm Thành vào cướp Hoá Châu. Quan quân đi đánh, bất lợi. Nhà vua sai Trương Hán Siêu quản lĩnh quân đội, trấn giữ Hoá Châu.

Vua nước Chiêm là Bố Để thấy việc đưa Chế Mỗ về không thành, lại càng kiêu rông ngang ngạnh, liền vào lấn cướp đất Hoá Châu. Quan quân đi đánh, bất lợi. Nhà vua vời Hán Siêu để bàn mưu. Hán Siêu thưa rằng : "Vì không nghe lời tôi nói, nên đến nỗi thế". Bấy giờ vua mới sai Hán Siêu quản lĩnh các quân Thần Sách, đi trấn thủ Hoá Châu.

Lời cẩn án - *Về việc đối với Chiêm Thành, Hán Siêu mưu tính thế nào, Sử bỏ không chép, nay không thể khảo được.* Chb. X, 6

Giáp Ngọ, năm thứ 14 (1354). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 14).

Ngày mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Ở Lạng Châu và Nam Sách, giặc cướp nổi dậy.

Năm bấy giờ đói kém. Dân gian khổ về giặc cướp. Có kẻ tên là Tề, tự xưng là cháu ngoại Hưng Đạo đại vương, tụ họp những kẻ đi trốn trong số các gia nô của các nhà vương hầu, nổi lên làm giặc cướp, cướp bóc các vùng Lạng Giang và Nam Sách.

---

(1) Cũng như nguỵ Hồ hoặc nghịch Hồ (chỉ cha con Hồ Quý Ly). Nhà Hồ không được kể là chính thống, theo quan điểm sử gia phong kiến.

Lời chua – *Lạng Châu* : Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn. Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb.I,14).

Nam Sách tức là Nam Sách. Xem ngang đời nhà Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V,22).

Tháng 9, mùa thu. Có nạn sâu cắn lúa. Xuống chiếu xá một nửa thuế ruộng.

Tháng 11, mùa đông. Có con hổ đen xuất hiện ở trong thành.

Tham tri chính sự Trương Hán Siêu mất.

Hán Siêu là người chính trực, hay bài bác dị đoan, có tài làm văn. Nhà vua chỉ gọi ông là thầy chứ không gọi tên. Nhưng ông hay khinh bỉ các bạn đồng liệt[1], không chịu giao du, chỉ chơi với bọn trung quan[2] và y quan[3], đều là những kẻ không phải đồng điệu với mình. Tông chính Thái Khanh Lê Cư Nhân thường gọi ông là "thôn cầu cước"[4], ý nói người thôn quê đá cầu không trúng mấy, để ví với Hán Siêu liệu tính công việc có nhiều điều không thích đáng. Do chức tham tri chính sự, ông vào trấn ở Hoá Châu : nơi biên giới lại được yên ổn. Đến đây, ông xin về, nhà vua y cho. Chưa đến kinh đô, ông mất, được tặng phong Thái Bảo. Chb. X, 7

Ất Mùi, năm thứ 15 (1355). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Núi Kính Chủ lở.

Lời chua – *Kính Chủ* : Xưa gọi là Thánh Chúa, ở xã Kính Chủ, huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương.

Động đất.

Tháng 3. Hạn hán đến mãi tháng 6, mùa hạ.

---

(1) Những người làm quan cùng hàng với mình.

(2) Chỉ các hoạn quan.

(3) Những thầy thuốc làm việc ở toà Thái y.

(4) Chân đá cầu "nhà quê" (dịch theo giọng của Lê Cư Nhân).

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Tháng 9. Sét đánh cổng Triều Nguyên và cửa nách hai bên tả, hữu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - *Tháng 8 đã là mùa không có sấm, thế mà ở đây tháng 9 hãy còn sét đánh, và sét đánh có phải một chỗ đâu, thực là một sự lạ lắm ! Trần Dụ Tông lên ngôi đến đây mới 15 năm, đã sáu lần nhật thực, ba lần thuỷ tai, ba lần hạn hán, một lần sâu cắn lúa, lại luôn năm mất mùa đói kém. Đến đây, từ mùa xuân đến mùa thu, nào là núi lở, nào đất động, không tháng nào không có tai biến ! Ý chừng lòng trời phạt tội đại ác đại dâm, răn mầm biếng nhác chính sự. Thế mà trong đám cha con vua tôi vẫn cứ nhơn nhơn không hề lo âu : kẻ trên thì không chịu thật lòng xét mình, kẻ dưới thì không có mưu chước gì để cứu đời giúp nước ; coi thường điềm trời mà không biết sợ, khinh bỏ việc người mà không lo toan ! Qua năm sau, Trần Minh Tông mất, Dụ Tông rông rỡ chơi bời ; giặc cướp từng đàn nổi lên, xui nên vận hội không thịnh đạt nữa, rồi ngôi báu nhà Trần suýt mất vào tay phường trò họ Dương ! Đạo trời nào có xa đâu ?*

Chb. **X**, 8

Lời chua – *Cổng Triều Nguyên* : Tức là cổng chòi ở trước điện Thiên An.

Dùng Nguyễn Trung Ngạn làm nhập nội hành khiển Thượng thư hữu bật, kiêm tri Xu Mật viện sự, sung Kinh Diên đại học sĩ trụ quốc khai huyện bá.

Trung Ngạn giữ chức trọng yếu, bảo toàn được tiếng tốt, nhưng tính hay khoe khoang, có làm bài thơ đại ý nói : Giới Hiên[1] tiên sinh là bậc có tài tể phụ, tuổi trẻ đã có chí khí hăng hái như con cọp non nhăm nhăm chực nuốt tươi trâu. Mười hai tuổi đỗ Thái học sinh ; mười sáu tuổi vào thi Đình ; hai mươi bốn tuổi làm quan Đài gián giữ việc can ngăn vua, hai mươi sáu

(1) Tên tự của Nguyễn Trung Ngạn.

tuổi đi sứ Yên Kinh[1]. Đến đây, Trung Ngạn được cất lên giữ chức trong chính phủ ; khi mất, 82 tuổi, có *Giới Hiên thi tập* lưu hành ở đời.

Lời cẩn án – *Trung Ngạn là bậc đại thần, theo thể lệ của* Cương mục *(Trung Quốc), thì lúc mất, được chép vào sử, nhưng* Sử cũ *bỏ sót không chép, mà nay không biết rõ Trung Ngạn chết vào bao giờ, vậy xin chép phụ vào đây.*

Bính Thân, năm thứ 16 (1356). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 16). Chb. X, 9

Tháng 3, mùa xuân. Hai mặt trời rập rờn nhau.

Nhà vua rước Thượng hoàng đi tuần nơi biên giới, đến Nghệ An. Tháng 5, mùa hạ, trở về cung.

Tháng 8, mùa thu. Thượng hoàng se mình.

Thượng hoàng đến chơi đền Huệ Vũ Vương Quốc Trấn ; lúc trở về, có con ong vàng đốt phải má bên tả, do đó nằm bệnh.

Lời chua – *Đền Quốc Trấn* : Ở núi Kiệt Đặc, huyện Chí Linh[2] bây giờ vẫn còn.

Đinh Dậu, năm thứ 17 (1357). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 17).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng mất.

Trước kia, Thượng hoàng là con vợ thứ lên nối ngôi, rồi người đích mẫu là Bảo Từ thái hậu sinh được người con trai, Thượng hoàng hớn hở, có ý muốn trả lại ngôi vua cho con của đích mẫu. Khi bấy giờ Anh Tông vắng mặt vì đang đi tuần ở nơi biên giới, gặp ngày đầy tuổi tôi của người con đích mẫu ấy, Thượng hoàng sai làm theo lễ đầy năm của thái tử, các quan

(1) Tức Bắc Kinh Trung Quốc ngày nay.

(2) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

lấy làm khó nghĩ. Thượng hoàng nói rằng : "Cứ phải lẽ mà làm, việc gì mà khó nghĩ ?" Được một năm nữa, người con đích mẫu ấy chết, Thượng hoàng thương tiếc một cách quá đặc biệt.

Thượng hoàng thường dạy các hoàng tử rằng : "Ai mà trì khu làm giàu, co cỏm bỏn sẻn, thì không phải là con ta. Thà rằng hào phóng mà phải nghèo, dẫu không khỏi túng thiếu đấy thật, nhưng vẫn không phi tiếng là con nhà sang".

Thượng hoàng lại thường nói : "Ông vua dùng người, không phải có thiên vị với ai đâu. Nếu ta thực là người hiền, thì những người mình dùng được cũng hiền ; ấy như Nghiêu, Thuấn với Tắc, Tiết, Quỳ, Long đấy. Nếu như không phải là người hiền, thì những người mình dùng cũng không phải là hiền ; ấy như Kiệt, Trụ với Phi Liêm, Ác Lai đấy. Đó là cái lẽ thanh ứng khí cầu, loài nào đi thứ ấy, chứ có tây vị ai được đâu ?" Chb. **X**, 10

Khi ngài se mình, có người xin dâng thuốc và cầu cúng, Thượng hoàng đều từ chối cả. Nhân bấy giờ các hoàng tử đang ngồi hầu ở bên, ngài phán bảo : "Cứ xem việc làm của cổ nhân, điều hay thì bắt chước, điều dở thì tránh xa, chứ cần gì phải phiền cha phải dạy bảo ?" Khi bệnh kịch, ngài sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem bản thảo những thơ ngự chế đốt đi. Dân Vọng còn chần chừ. Ngài dụ bảo rằng : "Cái vật đáng tiếc còn không tiếc được thay, huống chi những thơ ấy còn tiếc làm gì !"

Thượng hoàng mất ở cung Bảo Nguyên. Tên thuỵ là Chương Nghiêu Văn Triết hoàng đế, miếu hiệu là Minh Tông, ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi.

Lời phê – *Thiên lệch một chiều.*(1)

(1) Chỉ việc Trần Minh Tông khuyên các con không nên trì khu làm giàu.

Lời bàn của Phan Phu Tiên – *Minh Tông có tư chất nhân hậu, nối nghiệp thái bình, không thay đổi phép tắc của ông cha đã định. Khi bấy giờ có người học trò dâng sớ nói rằng : "Dân gian nhiều kẻ du thủ du thực, đến tuổi già vẫn không có tên trong sổ hộ, mà lại không đóng góp phú thuế và sưu dịch". Ngài bảo : "Nếu không như thế thì sao gọi là cảnh đời thái bình ? Nhà ngươi lại muốn ta bắt chúng nó làm nên trò trống gì nữa !" Triều thần là Lê Bá Quát và Phạm Sư Mạnh đều muốn thay đổi chế độ. Ngài nói : "Nước nhà đã có nền nếp sẵn rồi, nếu nghe mưu kế muốn cho lời mình được đắt của bạch diện thư sinh*[1] *kia thì sẽ sinh rối ren đấy !" Có điều đáng tiếc là ngài nghe lời gian nịnh của Trần Khắc Chung mà giết Quốc Trấn : đó là một điều làm vấp cho trí thông minh của ngài.* Chb. **X**, 11

Tháng 4, mùa hạ. Phong anh là Thiên Trạch làm Cung Tín vương.

Đào sông ở Nghệ An và Thanh Hoá.

Lời chua – *Nghệ An, Thanh Hoá* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-23).

Tháng 9, mùa thu. Tôn Huệ Từ thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - *Huệ Từ là mẹ Dụ Tông. Tôn mẹ làm Thái hoàng thái hậu, ấy là điển lễ ở đâu ? Không biết kê cứu lễ xưa đến thế là cùng ! Vậy mà các nho thần ở triều đình bấy giờ không có một ai nói đến, là cớ sao ?*

Tháng 11, mùa đông. Táng [Minh Tông] ở Mục lăng.

Lời chua – *Mục lăng* : Ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều.[2]

---

(1) Chỉ Lê Bá Quát và Phạm Sư Mạnh. Vì không những Trần Minh Tông đã gọi họ là "bạch diện thư sinh", mà đến sau đây, Trần Nghệ Tông cũng gọi bọn làm quan ở khoảng niên hiệu Đại Trị (1358 - 1369) là "bạch diện thư sinh" *(Toàn thư* VII, 33).

(2) Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Đói lớn.

Liền mấy năm nay, luôn bị mất mùa, đói kém, một thưng gạo trị giá một tiền.

Chb. X, 12

Mậu Tuất, năm Đại Trị thứ 1 (1358). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tặng Huệ Vũ vương Quốc Trấn làm đại vương.

Tháng 3. Hạn hán đến mãi tháng 7, mùa thu.

Tháng 8. Hạ chiếu cho nhà giàu các lộ bỏ thóc ra phát chẩn cho dân nghèo.

Luôn năm đói kém, lắm người nghèo túng. Nhà vua hạ chiếu cho các quan sở tại khuyên những nhà giàu phát thóc ra để chẩn cấp cho dân, nhưng vẫn trị giá mà trả tiền.

Dùng Phạm Sư Mạnh làm nhập nội Hành khiển, giữ việc viện Xu Mật.

Ngô Bệ lại tụ họp quân gia làm loạn.

Ngô Bệ, sau khi tan tác trốn tránh, lại thu lượm những quân còn sót lại, tụ tập ở núi Yên Phụ, kéo lá cờ lớn ở trên núi, tiếm xưng nguỵ hiệu, yết bảng rằng để "cứu tế dân nghèo"[1]. Từ xã Thiên Liêu đến huyện Chí Linh, Bệ đều chiếm giữ được cả.

Lời chua – *Núi Yên Phụ* : Xem Thiệu Phong năm thứ 4 (Chb. IX,43).

Thiên Liêu : Tên xã.

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb.VII,28).

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu cho An Phủ sứ các lộ đem Phong Đoàn quân đi càn bắt giặc cướp.

---

(1) Nguyên văn là : Yết bảng viết "chẩn cứu bần dân".

Kỷ Hợi, năm thứ 2 (1359). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Nguyên. Chb. X, 13

Khi bấy giờ, nhà Nguyên đang loạn. Thái Tổ nhà Minh khởi binh ở Trừ Châu, rồi chiếm giữ cả đất Kim Lăng, bọn Trần Hữu Lượng và Trương Sĩ Thành cũng đều dấy binh nổi loạn, đánh phá tranh giành lẫn nhau, được thua chưa ngã ngũ. Nhà vua sai Lê Kính Phu sang bên Nguyên, chừng có ý để thăm dò hư thực.

Tháng 4, mùa hạ. Huy Tư hoàng thái phi mất. Truy tôn là Chiêu Từ hoàng thái hậu.

Lời cẩn án – *Bà Huy Tư là mẹ đẻ vua Minh Tông ; đến đây, vẫn còn gọi là thái phi, đến lúc mất chỉ được tôn làm hoàng thái hậu ! Nhà Trần làm việc phần nhiều trái lễ đại loạn như thế, hay là* Sử cũ *sơ sót chăng, đợi sẽ khảo sau.*

Tháng 7, mùa thu. Cho Đỗ Tử Bình giữ việc viện Xu Mật.

Tháng 8. Mưa to, nước ngập.

Luôn nhiều ngày mưa to, nước đầy, tràn ngập, làm trôi cả cửa nhà của cư dân, lúa má đều ngập mất.

Canh Tí, năm thứ 3 (1360). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Đúc tiền "Đại Trị thông bảo".

Tháng 3, Ngô Bệ bị giết.

Quan quân lùng bắt Ngô Bệ ở núi Yên Phụ. Ngô Bệ trốn chạy, muốn về kinh đô để ra thú, nhưng bị quan quân bắt được luôn với đồ đảng Bệ 30 người, đều bị đóng cũi giải về kinh, chém chết cả. Chb. X, 14

Ngày mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Tháng 12, mùa đông. Sai cấm quân đi tuần, lùng bắt những giặc cướp ở các lộ.

Nhà vua hạ chiếu : phàm gia nô các nhà vương, hầu và công chúa đều phải có thích chữ ở trán theo "phẩm hàm" của mình[1] và phải kê khai vào sổ hộ tịch. Nếu ai không thích chữ và khai sổ thì là hạng trộm cướp. Hễ bắt được, kẻ lớn thì trị tội ; người bé thì sung công. Đó là vì cớ gia nô các nhà vương, hầu và công chúa bấy giờ phần nhiều trốn đi làm giặc cướp.

Lời chua – Theo chế độ nhà Trần, phàm hạng gia nô sau đây đều có chữ thích vào trán : Thích chữ "Quan trung khánh", ấy là gia nô các nhà quan ; thích chữ "Toạ thượng nô", ấy là người hầu cận của nhà vua ; còn thì không thích chữ gì cả.

Tân Sửu, năm thứ 4 (1361). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao chổi mọc ở phương đông bắc.

Nhà vua lánh, không ngự ở toà Chính Điện.[2]

Tháng 3. Chiêm Thành vào cướp phủ Lâm Bình. Quan quân đánh bại được địch.

Chiêm Thành vượt biển đến lấn cướp cửa Dĩ Lý phủ Lâm Bình. Quan quân đi đánh, địch thua chạy. Triều đình dùng Phạm A Song làm tri phủ Lâm Bình để trấn giữ đất ấy.

Lời chua – *Lâm Bình* : Tức là Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb.III,29). Chb. **X**, 15

Cửa biển Dĩ Lý : Bây giờ ở xã Lý Hoà, huyện Bố Trạch.[3]

Nhâm Dần, năm thứ 5 (1362). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 22).

---

(1) Xem "Lời chua" ở dưới của *Cương mục*.

(2) Tỏ ý khiêm tốn khi gặp điềm gở là có sao chổi.

(3) Thuộc tỉnh Quảng Bình.

Tháng giêng, mùa xuân. Ra lệnh bảo các nhà vương, hầu và công chúa cho diễn các trò tạp hí để dâng vua coi.

Hồi đầu niên hiệu Thiệu Bảo (1279 - 1284), quan quân đánh phá quân Nguyên, bắt được vai kép Lý Nguyên Cát là người ca hay, hát giỏi. Rồi những nữ tì ít tuổi ở các nhà quyền quý đua nhau học hát theo lối Bắc (Trung Quốc). Nguyên Cát làm trò cổ tích, có những tích như "Tây vương mẫu dâng bàn đào", v.v... Khi diễn có đến 12 người đóng các vai. Ai nấy đều mặc bào gấm, áo thêu, kẻ đánh trống, người thổi kèn, thay đổi nhau mà tấu khúc. Người xem, lúc vui mừng, lúc thương buồn, cảm động tuỳ theo từng quãng trong truyện cổ tích. Nước ta có lối trò cổ tích bắt đầu từ đấy. Đến đây, nhà vua bảo các vương hầu cho làm trò để dâng vua xem, rồi nhà vua nhận định đám nào biểu diễn trội hơn thì ban thưởng.

Nhà vua lại chiêu tập những nhà giàu trong nước, như người làng Đình Bảng ở Bắc Giang(1) người Nga Đình ở Quốc Oai(2), vào cung đánh bạc, mỗi tiếng bạc ăn thua đến 300 quan tiền.

Lại sai các tư nô ra khai khẩn ở bờ bên bắc sông Tô Lịch, để trồng hành, tỏi và các thứ rau ; gọi chỗ phường ấy là "Toán viên" (vườn Tỏi).(3)

Nhà vua còn sai làm quạt để bán cho dân nữa.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ – *Trần Minh Tông đã từng răn con về sự bủn xỉn làm giàu, thế mà Trần Dụ Tông công nhiên gá bạc để vét tiền, bán rau để* Chb. X, 16

(1) Nay là xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

(2) Xem Lời chua của *Cương mục*.

(3) Nay là phường Láng Thượng và phường Láng Hạ thuộc quận Đống Đa, Hà Nội, chuyên nghề trồng rau, trong đó có thứ húng Láng là nổi tiếng nhất.

kiếm lợi, một mai cơ đồ về tay con người phường trò họ Dương thì số tiền Đình Bảng, Nga Đình thua bạc và món lời vườn rau, quạt giấy bán đắt kia phỏng có làm gì !

Lời chua – *Bắc Giang* : Tức là Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18 - 19, 28 - 29).

Quốc Oai : Tên phủ, bây giờ thuộc tỉnh Sơn Tây.

Đình Bảng, Nga Đình : Tên hai làng (hương) ; ở đấy nhiều nhà giàu.

Sông Tô Lịch : Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31, 32).

Tháng 2, sao Chổi mọc ở phương bắc.

Tháng 5, mùa hạ. Sai Đỗ Tử Bình điểm duyệt quân đội ở Lâm Bình và Thuận Hoá, sửa đắp thành Hoá Châu.

Vì có người Chiêm Thành nhiều lần thường vào lấn cướp.

Tháng 5. Sét đánh điện Thiên An.

Tháng này (tháng 5) hạn hán đến mãi tháng 7, mùa thu. Lục xét các tù phạm. Mưa to. Xuống chiếu miễn một nửa thuế đinh, thuế điền năm nay.

Tháng 8. Dùng Phạm Sư Mạnh giữ việc viện Xu Mật.

Đói lớn. Nhà vua xuống chiếu cho các nhà giàu quyên thóc, phát chẩn cho dân nghèo, rồi ban cho phẩm tước có tầng bậc khác nhau. Chb. X, 17

Tháng 9. Phủ Thiên Trường có bệnh dịch. Nhà vua xuống chiếu bảo đem thuốc, tiền và gạo của nhà nước chẩn cấp cho dân nghèo.

Nhà vua về chơi phủ Thiên Trường, gặp khi dân gian có bệnh dịch, bèn xuống chiếu phát cho nhà nghèo mỗi người : thuốc hai viên, tiền hai *tiền*[1] và gạo hai thưng.

Tháng 10, mùa đông. Núi Thiên Kiện lở.

(1) Đơn vị trong một quan tiền, mỗi quan gồm có mười tiền.

Lời chua – *Núi Thiên Kiện* : Có tên nữa là núi Địa Cận, ở xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nội bây giờ.(1)

Tháng 12. Dùng Đỗ Tử Bình làm đồng tri Môn Hạ Bình Chương Sự.

Quý Mão, năm thứ 6 (1363). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 23).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lựa dân đinh bổ sung vào quân đội các lộ.

Tháng 3. Thi nho sĩ và lại viên.

Thi nho sĩ lựa lấy những người giỏi văn nghệ để bổ vào nơi quán, các(2). Thi lại viên kén lấy những người viết tốt và giỏi toán để sung vào làm thuộc lại ở các sảnh(3), các viện.(4)

Tháng 10, mùa đông. Sửa sang vườn Hậu Uyển.

Đào hồ lớn ở vườn ngự nơi hậu cung, trong hồ chất đá làm núi, bên bờ hồ trồng thông, trúc và nhiều thứ cây khác, thêm vào đấy nào là cỏ lạ, nào hoa thơm, nào muông kỳ, nào chim quý. Bốn mặt khai sông cho nước thông vào, gọi hồ ấy là Lạc Thanh Trì. Về phía Tây hồ này trồng hai cây quế, dựng một toà điện gọi là điện Lạc Thanh. Lại đào một cái hồ nhỏ khác, bắt người ở Hải Đông chở nước mặn chứa vào hồ ấy, để nuôi các hải sản như đồi mồi, cá biển và loại ba ba. Rồi bắt người Hoá Châu chở cá sấu thả vào đấy. Lại có hồ Thanh Ngư để nuôi cá thanh phụ(5). Mọi thứ trên đây đều do chức khách đô được nhà vua đặt ra để coi giữ. Chb. **X**, 18

(1) Nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

(2) Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương*, thì quán, các là những cơ quan trọng yếu của nhà nước phong kiến, như Lục Bộ (bộ Lại, bộ Binh, bộ Lễ, bộ Hình, bộ Công, bộ Hộ) và Tông Chính Phủ (tức là Tông Nhân phủ, trông coi công việc thuộc về hoàng tộc).

(3) Như Thượng Thư sảnh, Môn Hạ sảnh (theo *Lịch triều hiến chương*).

(4) Như Nội Xu Mật viện, Hàn Lâm viện, Thẩm Hình viện, Quốc Sử viện, Quốc Tử giám, Thái y viện và Thái Chúc viện (theo *Lịch triều hiến chương*).

(5) Xem "Lời chua" ở dưới của *Cương mục*.

Lại làm dãy khách lang ở Tây Điện thẳng đến cửa Hoàng Phúc, dựng một dãy trường lang từ gác Nguyên Huyền thẳng đến cửa Đại Triều phía Tây. Nay xây cất, mai tu tạo, không lúc nào ngớt việc.

Lời chua – *Thanh phụ* : Cá giếc, đuôi đỏ, vảy biếc.

Giáp Thìn, năm thứ 7 (1364). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 24).

Tháng 5, mùa hạ. Nhà vua bị bệnh.

Nhà vua buông tuồng chơi bời vô độ. Tính nghiện rượu, thường với quan chính chưởng phụng ngự ở cung Vĩnh An là Bùi Khoan đến cùng uống rượu. Bùi Khoan dùng kế giả vờ uống hết trăm thưng rượu, được thưởng tước hai tư[1]. Nhà vua nhân lúc quá say, ra sông tắm, do đấy bị bệnh ; sai bọn Trâu Canh ngày đêm hầu hạ thuốc thang, dần lại lành mạnh.

Lời phê – *Nghiện rượu, mê đàn hát, xa xỉ làm cung điện nguy nga và tường vách chạm trổ, lãng phí tiền của, hoang dâm chơi bời : món gì Dụ Tông cũng mắc ! Cơ nghiệp nhà Trần sao khỏi suy được ?*

Tháng 8, mùa thu. Sắp xếp quân đội.

Tuyển lựa dân đinh lấy những người khoẻ mạnh, đặt làm ba hạng quân, sai sửa chiến cụ và chiến thuyền, để phòng ngừa hoạn nạn do ngoài biên giới gây ra. Chb. X, 19

Tháng 10, mùa đông. Cung Túc vương Nguyên Dục mất.

Ất Tị, năm thứ 8 (1365). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 25).

Tháng giêng, mùa xuân. Chiêm Thành cướp bắt dân Hoá Châu.

---

(1) Cũng như một thứ điểm mà các triều đại phong kiến xưa dùng để ghi thưởng hay ghi phạt các quan lại. Khi thưởng thì ban cho một hay nhiều *tư* ; khi phạt thì giáng xuống một hay nhiều *tư*. Rồi đến cuối khoá một hạn là ba hay sáu năm, bấy giờ mới tính cộng số *tư* thưởng hoặc trừ số *tư* phạt, còn lại bao nhiêu, sẽ căn cứ vào đó mà thăng hay giáng.

Tục ở Hoá Châu, hằng năm, cứ đến đầu xuân, mở hội nam nữ đánh đu ở đất Bà Dương. Người nước Chiêm Thành, từ tháng chạp năm trước, đã ngầm mai phục ở nơi đầu nguồn, rình lúc không ngờ, ập ra cướp bắt lấy người.

Tháng 11, mùa đông. Sai phòng ngự sứ ở Lạng Giang là Thiều Thốn quản lĩnh quân đội trấn thủ biên giới miền Bắc.

Khi bấy giờ, nhà Nguyên đang loạn, dân nơi biên giới náo động hoang mang, cho nên nhà vua sai Thiều Thốn đem các quân Sơn Lạo[1] ở Lạng Giang đi phòng giữ một cách nghiêm ngặt. Thiều Thốn khéo phủ dụ quân sĩ. Trong đám quân sĩ ai cũng vui lòng. Sau, vì có người em kiêu ngạo, kiệt hiệt, Thiều Thốn phải tội lây, bị cách chức. Trong đám quân sĩ vì Thiều Thốn mà đặt câu này : "*Trời không thấu oan, ông Thiều mất quan !*" Kịp khi Thiều Thốn sắm sửa hành trang để về, họ lại đặt ra câu này : "*Ông Thiều ra về, lòng tôi tái tê !*" Triều đình nghe biết việc ấy, lại cho Thiều Thốn khai phục quan chức. Họ lại có câu rằng : "*Trời đã thấu oan, ông Thiều lại được làm quan*". Không bao lâu, Thiều Thốn chết.

Lời chua – *Thiều Thốn* : Người làng Triệu Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Bính Ngọ, năm thứ 9 (1366). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 26).

Tháng 3, mùa xuân. Chiêm Thành lại lấn cướp phủ Lâm Bình. Tri phủ là Phạm A Song đánh phá được địch. A Song được lên chức Đại Tri phủ Hành Quân Thủ Ngự sứ ở Lâm Bình.

Chb. X, 20

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua đến chơi làng (hương) Mễ Sở.

Nhà vua đi chiếc thuyền nhỏ, đêm đến chơi nhà riêng của thiếu uý Trần Ngô Lang, nửa đêm đi về, khi đến bãi Chử Gia,

(1) Người Lạo ở miền núi.

bị kẻ trộm lấy mất cả ấn báu và gươm báu. Tự biết là điềm chẳng lành, nhà vua lại càng buông thả ăn chơi dâm dật.

Lời chua – *Làng Mễ Sở* : Bây giờ thuộc huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên.

Bái Chử Gia : Bây giờ là bãi Chử Xá, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Đinh Mùi, năm thứ 10 (1367). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 27).

Tháng 12, mùa đông. Sai Trần Thế Hưng và Đỗ Tử Bình đi đánh Chiêm Thành, bị thua.

Thế Hưng làm thống quân, Tử Bình làm phó, kéo quân đến Chiêm Động. Người Chiêm đặt quân mai phục, ập ra đánh : quan quân tan vỡ nặng nề. Thế Hưng bị giặc bắt ; Tử Bình rút về.

Lời chua – *Chiêm Động* : Xưa là đất quận Nhật Nam ; từ nhà Đường trở về sau là đất Chiêm Thành. Hồ Hán Thương lấy đất này, đặt làm châu Thăng và châu Hoa ; nhà Lê hợp lại làm một, gọi là phủ Thăng Hoa, tức là phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam bây giờ. Chb. **X**, 21

Dùng Cung Định vương Phủ làm Tả tướng quốc, gia phong đại vương.

Mậu Thân, năm thứ 11 (1368), (Minh, Thái tổ, năm Hồng Vũ thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao Chổi mọc ở phận sao Mão.

Tháng 2. Sứ Chiêm Thành đến.

Vua nước Chiêm sai bầy tôi là Mục Bà Ma sang đòi đất cũ Hoá Châu.

Tháng 4, mùa hạ. Sứ nhà Minh sang ta. Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Minh Thái Tổ đã đại định thiên hạ, lên ngôi vua ở Kim Lăng, sai tri phủ Hán Dương là Dịch Thế Dân đem tờ chiếu thư sang ta. Đại lược nói : "Chính sự nhà Nguyên không còn kỉ cương gì nữa. Thiên hạ nổi lên tranh giành đến 15 năm. Các nơi xa gần, do đấy, tin tức không thông. Bản triều[1] gây dựng cơ nghiệp đế vương ở Giang Tả[2], quét sạch các hùng trưởng, dẹp yên chốn Hoa Hạ, được quần thần và nhân dân suy tôn, đã lên làm chủ Trung Quốc. Vậy đâu đấy đều nên ở yên, đừng sinh sự gì để chung hưởng hạnh phúc thái bình". Nhà vua liền sai Lễ Bộ thị lang, Đào Văn Đích, sang Minh đáp lễ.

Tháng 11, mùa đông. Vời đạo sĩ Huyền Vân ở Chí Linh đến Kinh Đô.

Huyền Vân tu ở núi Yên Tử, huyện Chí Linh. Nhà vua cho vời đến triều đình, để hỏi về phép tu luyện, đặt tên cho chỗ đạo sĩ ở là động Huyền Thiên. Chb. **X**, 22

Lời chua – *Chí Linh* : Tên huyện. Xem Trần Nhân Tông năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Núi Yên Tử : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Kỷ Dậu, năm thứ 12 (1369). (Tháng 6 trở về sau thuộc Dương Nhật Lễ, năm Đại Định thứ 1. – Minh, năm Hồng Vũ thứ 2).

Ngày mồng một, tháng 5. Nhật thực.

Nhà vua mất. Tháng 6. Huệ Từ thái hậu lập Dương Nhật Lễ làm vua.

---

(1) Chỉ nhà Minh (1368 - 1662).

(2) Miền đất từ Trường Giang trở về phía đông, tức là các xứ Giang Tô (Trung Quốc) ngày nay.

Trước kia, người phường trò, tên là Dương Khương, diễn tích Tây vương mẫu dâng quả bàn đào, vợ hắn đóng vai Tây vương mẫu. Cung Túc vương Nguyên Dục cảm nàng đẹp, lấy làm vợ. Khi ấy nàng đang có mang ; rồi sinh ra Nhật Lễ. Nguyên Dục nhận làm con mình. Kịp khi Dụ Tông mất, không có con kế tự, có để di chiếu cho Nhật Lễ nối ngôi. Quần thần bàn rằng : "Cung Định vương Phủ là người rất hiền, nhưng anh không lẽ lại kế tự em". Thái hậu bảo quần thần : "Nguyên Dục là con trưởng ngành đích, không được làm vua, mà lại mất sớm[1] ; vậy Nhật Lễ chẳng phải là con của Nguyên Dục dư ?". Bèn đón lập Nhật Lễ. Nhật Lễ đã lên ngôi, truy tôn Nguyên Dục làm Hoàng thái bá.

Tháng 8, mùa thu. Dương Nhật Lễ tôn bà Huệ Từ Hoàng thái hậu làm Huệ Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu, bà Nghi Thánh Hoàng hậu làm Huy Từ Tá Thánh hoàng thái hậu ; lập con gái Cung Định vương Phủ làm Hoàng hậu. Chb. X, 23

Tháng 11, mùa đông. Táng (Trần Dụ Tông) ở Phụ Lăng.

Trước đây, ta sai sứ sang thăm hỏi nhà Minh ; nhà Minh sai bọn Hàn Lâm thị độc học sĩ Trương Dĩ Ninh và điển bạ Ngưu Lượng đem sắc phong sang với một quả ấn, nũm ấn đúc hình con lạc đà mạ vàng. Khi đến nơi, thì Trần Dụ Tông đã mất, Ngưu Lượng có làm thơ viếng rồi về.

Lời chua – *Phụ Lăng* : Ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều.

Dùng Cung Tĩnh vương Nguyên Trác làm Thượng Tướng quốc Thái Tể, Cung Định vương Phủ làm Thái sư tả tướng quốc và Cung Tuyên vương Cảnh làm Hữu Tướng quốc.

Tháng 12. Dương Nhật Lễ giết bà Huệ Từ Tuyên Thánh Thái hoàng thái hậu.

---

(1) Nguyên Dục mất năm Giáp Thìn (1364), Xem Chb. X, 19.

Khi Nhật Lễ đã lên ngôi rồi, bà Huệ Từ hoàng hậu thường hối hận rằng nó không phải là con Cung Túc vương. Nhật Lễ bèn ngầm đầu độc giết chết bà.

Bà Huệ Từ có tính nhân từ. Cung Tĩnh vương Nguyên Trác là con vợ thứ. Có kẻ thêu dệt cho rằng Nguyên Trác yểm bùa và nguyền rủa Dụ Tông. Nguyên Trác suýt bị hãm hại. Nhờ có bà cố sức cứu giúp, nên mới được khỏi tội. Đương thời khen bà là người hiền đức. Song phải nỗi là bà chực tây vị cho con Cung Túc vương mà lập Nhật Lễ, đến nỗi ngôi báu nhà Trần suýt bị chuyển dời. Thế mới biết đàn bà chủ trương việc lớn thì gây tai hại cũng ghê gớm đấy !

Canh Tuất, Trần Nghệ Tông Hoàng đế, năm Thiệu Khánh thứ 1 (1370). (Từ tháng 10 trở về trước, thuộc Dương Nhật Lễ, năm Đại Định thứ 2. – Minh, năm Hồng Vũ thứ 3). Chb. X, 24

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh sai sứ sang ta, tế các thần núi sông.

Trước kia, bầy tôi thuộc Lễ Bộ nhà Minh xin đem các thần núi sông ở nước ta phụ tế vào đàn Nhạc Độc[1], vua Minh y theo. Đến đây, vua Minh sai đạo sĩ ở cung Triều Thiên là Diêm Nguyên Phục kính đem bài văn ngự chế sang tế các thần núi, sông. Lại sai rập những bài ở bia đá vuông và bia đá tròn, chép lấy các đồ thư điển tịch đem về, rồi lại tạc bia ghi việc làm này.

Tháng 9, mùa thu. Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác, mưu giết Nhật Lễ, không được, bị chết.

Nhật Lễ, khi đã được làm vua, ngày ngày rượu chè, dâm dật, chăm sự chơi bời, hay bày ra các trò tạp kĩ, thân cận suồng

(1) Đàn thờ thần núi lấy núi Ngũ Nhạc (năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc, tuỳ theo vị trí kinh đô của từng triều đại mà định : Tung sơn ở giữa, Thái sơn ở phía đông, Hoạ sơn ở phía tây, Hành sơn ở phía nam và Hằng sơn ở phía bắc) làm đại biểu và thần sông lấy Tứ Độc (bốn con sông ở Trung Quốc xưa chảy thẳng ra biển : Giang, Hà, Hoài và Tế) làm đại biểu.

sã với lũ tiểu nhân. Nhật Lễ có ý muốn đổi lại lấy theo họ Dương và ngầm mưu trừ bỏ hết những người họ Trần có danh vọng. Tôn thất nhà Trần và trăm quan ai cũng thất vọng. Nguyên Trác với con là Nguyên Tiết và hai người con (không rõ tên) của Thiên Ninh công chúa, đem mọi người trong họ tôn thất vào thành để giết Nhật Lễ. Nhưng Nhật Lễ trèo tường ra ngoài, nằm núp dưới cầu mới. Mọi người sục sạo không bắt được ; giải tán về cả. Trời gần sáng, Nhật Lễ trở vào cung, cho quân đi lùng bắt tất cả 18 người đã dự mưu vào việc này. Bọn Nguyên Trác đều bị hại cả.

Lời chua – *Thiên Ninh* : Con gái vua Minh Tông, do bà Huệ Từ sinh ra. Chb. **X**, 25

Tháng 10, mùa đông. Cung Định vương Phủ chạy lên Đà Giang.

Trước đây, Nhật Lễ tiếm ngôi, lấy con gái Cung Định vương lập làm hoàng hậu. Cung Định vương thường sợ vạ lây đến mình. Kịp khi công cuộc của Nguyên Trác đã thất bại, Chi hậu nội nhân phó chưởng là Nguyễn Nhiên biết Nhật Lễ muốn giết Cung Định vương, mới khuyên vương sao không liệu cơ mà sớm lánh đi. Vương vốn không có chí làm vua ; đến đây tình thế bức bách quá, mới bàn mưu với Thiếu uý Trần Ngô Lang. Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha cũng bảo vương rằng : "Thiên hạ này là của ông cha chúng ta, lẽ nào lại vất bỏ cho người khác ? Anh hãy cứ đi đi ! Em sẽ đem gia nô dẹp nó cho !"[(1)]. Cung Định vương bấy giờ mới chạy lên Đà Giang bí mật cùng Cung Tuyên vương Cảnh, Chương Túc hầu Nguyên Đán và Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha hẹn nhau hội ở Đại Lại giang để khởi binh. Khi ấy, Nhật Lễ dùng Trần Ngô Lang làm việc, nhưng không biết Ngô Lang vẫn đồng mưu với Cung Định vương : mỗi khi sai quân đi lùng bắt Cung Định vương thì Ngô Lang lại mật bảo quân được sai đi ấy ở lại theo vương, đừng về. Nhiều lần sai

(1) Cung Định là con vợ cả, Thiên Ninh là con vợ thứ của Trần Minh Tông.

Nam Bắc quân đi, cũng không thấy một ai quay về cả, Ngô Lang cũng giả vờ xin đi, Nhật Lễ không cho.

Lời chua - *Đà Giang* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 27, 30). Chb. X, 26

Đại Lại giang : Một chi lưu sông Lương Giang thuộc địa phận Thanh Hoá, sông Đại Lại chảy qua huyện Vĩnh Lộc và huyện Hậu Lộc rồi đổ ra biển.

Tháng 11. Cung Định vương lên ngôi hoàng đế ở phủ Kiến Hưng, tiến lấy kinh thành, bắt Dương Nhật Lễ, giết chết.

Cung Định vương đến động mán ở Đà Giang, lưu lại đấy được mươi hôm ; các người họ tôn thất và trăm quan cùng nhau kéo đến, khuyên Cung Định vương nên sớm về để dẹp yên nội nạn. Vương cứ nghẹn ngào từ tạ. Mọi người hai ba lần cố mời vương lên kiệu, ra khỏi núi. Khi vương về đến phủ Kiến Hưng, xa gần kéo đến như mây dày đặc, tiếng vui mừng vang trời. Mọi người xin ra lệnh phế Nhật Lễ làm Hôn Đức công. Vương lên ngôi, đổi niên hiệu, đại xá, xưng là Nghĩa Hoàng ; bầy tôi dâng tôn hiệu là Thể Thiên Kiến Cực Thuần Hiếu hoàng đế (ấy là Trần Nghệ Tông). Ngự giá ra đi, tiến đóng ở bến Đông Bộ Đầu. Trần Ngô Lang khuyên Nhật Lễ viết bức thủ thư nhận tội, lánh ngôi, ra đón tận ngoài thành. Nhật Lễ phủ phục xuống đất, tạ tội. Nhà vua cũng ôm lấy Nhật Lễ, khóc lóc mà rằng : "Không ngờ sự thể ngày nay đến thế này !" Cung Tuyên vương Cảnh tuốt gươm quát lên rằng : "Nay vâng mạng trời, đánh kẻ có tội. Tên tội nhân kia sao còn được nói lôi thôi ! Bệ hạ há nên vì lòng nhân từ bịn rịn mà bỏ mất nghĩa lớn sao !" Rồi thét những kẻ ở tả hữu lôi Nhật Lễ ra, giam ở phường Giang Khẩu. Nhật Lễ lừa Ngô Lang vào màn nói chuyện, bóp cổ giết chết. Việc đó đến tai vua. Nhà vua sai đánh chết ngay Nhật Lễ và con nó là Liễu ; Chb. X, 27

truy tặng Ngô Lang làm Tư mã, ban cho tên thuỵ là Trung Mẫn á vương. Vào thành, bái yết nhà Thái miếu, nhà vua nói : "Việc ngày nay thật vượt ngoài ý tôi định liệu. Chỉ vì cớ nghĩ đến xã tắc, nên không thể từ chối được. Xét mình lỗi đạo hiếu trung, lòng những hãi hùng hổ thẹn. Vậy xin giảm bỏ sự cao sang để gọi là đáp lại sơ tâm đôi chút". Nhà vua bèn ra lệnh : phàm các xe kiệu và đồ dùng đều sơn đen, không được trang sức bằng vàng son, châu báu và màu đỏ. Nhà vua lại dụ bảo quần thần rằng : "Bản triều dựng nước có chế độ riêng. Khoảng niên hiệu Đại Trị (1358 - 1369) thay đổi lung tung đến nỗi rối ren phiền nhiễu ! Nay nên trừ bỏ những chính sự tệ hại. Mọi việc đều tuân theo điều lệ Khai Thái" (1324 - 1328).[1]

Lời cẩn án – *Về việc khoảng năm Đại Trị (1358 - 1369) thay đổi chế độ.* Sử cũ *chỉ nói chẳng hạn như áo mặc và nhạc chương ; vân vân, nhưng ở đoạn sử chép về Trần Dụ Tông, không thấy nói rõ, nay hãy để đó, đợi sẽ khảo sau.*

Lời chua – *Kiến Hưng* : Xưa là phủ Hiến Khánh : nhà Trần gọi là Kiến Hưng ; nhà Lê đổi làm Nghĩa Hưng ; nay cũng để theo tên cũ, thuộc tỉnh Nam Định.

Trần Nhật Hạch có tội, bị giết.

Nhật Hạch là người họ tôn thất nhà Trần, trước đây tùng đảng với Nhật Lễ, định mưu lật đổ xã tắc. Nhà vua sai bắt giết chết.

Chb. **X**, 28

Chu An, Quốc Tử giám tư nghiệp[2], trí sĩ, mất.

Chu An, tính cương trực, thanh cảnh, giữ tiết khắc khổ thanh tu, không cầu danh lợi hiển đạt. Ở nhà, đọc sách, học nghiệp tinh thâm thuần tuý. Gần xa nghe tiếng, đến học rất

(1) Niên hiệu Trần Minh Tông, cha Trần Nghệ Tông.

(2) Như chức phó hiệu trưởng trường Đại học bây giờ.

đông. Học trò nhiều người thi đậu cao, làm quan to, như Phạm Sư Mạnh và Lê Bá Quát đã làm đến Hành Khiển, thời thường lui tới thăm hỏi, vẫn cứ thụp lạy ở bên giường thầy, hễ được thầy nói chuyện một chút thì họ lấy làm mừng lắm. Hễ kẻ nào làm gì lầm lỗi trái ý thì thầy quở trách ráo riết, có khi đến quát mắng đuổi ra. Ấy tính Chu An nghiêm nghị là như vậy. Dưới triều Trần Minh Tông, ông được vời làm Quốc Tử Tư nghiệp, dạy thái tử học. Đến Trần Dụ Tông ham mê chơi bời, xao lãng chính sự, bọn quyền thần làm nhiều sự trái phép. Chu An can không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, đều là những kẻ có thế lực và được cưng chiều cả. Bấy giờ gọi là "Thất trảm sớ"[1]. Sớ dâng lên, không được trả lời, Chu An liền treo trả mũ áo, trở về điền viên. Yêu phong cảnh núi Chí Linh, ông đến ở ẩn tại đấy. Những ngày đại triều hội thì vào kinh triều cận. Dụ Tông muốn uỷ thác công việc chính trị cho ông, nhưng ông từ chối không nhận. Bà Huệ Từ thái hậu nói rằng : "Đối với kẻ sĩ thanh tu, thiên tử còn không bắt làm bày tôi được, nữa là chực đem chính sự ép người ta làm ?" Mỗi khi nhà vua có ban thưởng gì, ông lạy tạ xong rồi, lại đưa cho người khác. Thiên hạ đều khen là người có khí tiết cao. Kịp khi Trần Dụ Tông mất, quốc thống[2] hầu đứt. Được tin Trần Nghệ Tông lên làm vua, Chu An mừng lắm, chống gậy đến bái yết, xong lại xin về, rồi mất ở nhà. Nhà vua sai quan đến tế viếng. Đặt cho tên thuỵ là Văn Trinh, được thờ phụ ở Văn Miếu.

Chb. **X**, 29

Lời chua – *Chu An* : Người làng Quang Liệt[3], huyện Thanh Đàm[4].

---

(1) Tờ sớ xin chém bảy tên.

(2) Đây chỉ dòng vua họ Trần.

(3) Tục gọi làng Quang.

(4) Nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Núi Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 3 (Chb. VIII, 3).

Tân Hợi, năm thứ 2 (1371). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn mẹ đẻ là Lê Thị làm Minh Từ hoàng thái phi.

Tháng 2. Thết yến quần thần ở điện Thiên An ; ban thưởng cho họ có hơn kém khác nhau.

Phong Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha làm Lạng Quốc thái trưởng công chúa.

Phong Sư Hiền, người họ tôn thất, làm Cung Chính vương. Dùng Nguyên Đán làm tư đồ, Nguyên Uyên làm phủ quân tướng quân.

Trừ bỏ phép "sa châu tiệt cước"[1] và lệnh điểm kiểm tài sản.

Trước đây, bà Chiêu Từ thái hậu đặt ra phép "sa châu tiệt cước, để cắt lấy những bãi phù sa mới bồi ở ven sông, chiếm làm của mình. Trần Dụ Tông lại ra lệnh điểm kiểm tài sản : các nhà quyền quý có đồ quý báu, khi chết đi rồi, phải điểm kiểm đem nộp nhà nước, không được chia cho con cháu. Phàm những chính sự tệ hại ấy đều bởi bọn bầy tôi "tụ liễm"[2] bày ra cả. Đến đây, bãi bỏ hết. Chb. X, 30

Tháng 3 nhuận. Chiêm Thành vào cướp kinh đô. Nhà vua chạy sang huyện Đông Ngàn.

Dương Nhật Lễ đã bị giết rồi, mẹ nó trốn sang nước Chiêm Thành, xui Chiêm Thành vào lấn cướp. Bấy giờ, từ khi Trần Dụ Tông rông rỡ chơi bời, việc võ không sửa sang, biên giới chẳng phòng bị, quân Chiêm Thành do cửa biển Đại An thẳng tiến, xâm phạm kinh đô. Cánh du binh của địch đến bến Thái Tổ,

(1) Xắn lấy chân bãi bên sông có phù sa mới bồi.

(2) Ráo riết bắt dân đóng góp để làm giàu cho người trên.

không ai chống cự được. Nhà vua phải chạy sang huyện Đông Ngàn để lánh giặc. Người Chiêm bắt lấy con trai, con gái, cướp bóc ngọc lụa, của cải, thiêu đốt cung điện, đồ thư và sổ sách. Kinh thành, vì thế, hết sạch sành sanh. Từ đấy, năm nào, Chiêm Thành cũng thường vào xâm lấn khuấy nhiễu ; do đó biên giới mới xảy ra lắm việc.

Lời chua – *Đông Ngàn* : Tức là đất Cổ Pháp. Xem Lê Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb. II, 6).

Cửa biển Đại An : Tức là cửa biển Đại Nha : Xem Lý Hậu đế năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Bến Thái Tổ : Bây giờ là phường Phục Cổ, thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội.

Nhà vua từ huyện Đông Ngàn trở về kinh đô. Chb. X, 31

Tháng 4, mùa hạ. Lập em là Cung Tuyên vương Cảnh làm Hoàng thái tử ; ban cho 14 chương Hoàng Huấn.[1]

Cảnh, là con vợ thứ vua Minh Tông.

Lời cẩn án – *Nghệ Hoàng*[2] *lên ngôi đến đây đã 2 năm, chính các con vua như Húc và Ngạc, tuổi cũng đã lớn, thế mà vội lập ngay em, là nghĩa gì ? Chẳng qua chỉ vì phần nhiều nhờ sức người em chiêu tập quân lính nổi dậy mà lấy lại được nước, nên mới nghĩ đến công ấy, muốn cùng nhau được hưởng giàu sang đó thôi, chứ không phải cốt để trọng việc nối dõi thờ cúng và sáng nghĩa thế thứ trao truyền. Huống chi, lấy em làm con, sự đó lại càng sai trái.*

Tháng 5. Dùng người họ ngoại là Lê Quý Ly làm Xu mật đại sứ.

---

(1) Lời dạy của vua cha.

(2) Tức Trần Nghệ Tông.

Ông tổ nhà Quý Ly là Hồ Hưng Dật, người tỉnh Chiết Giang, về đời Ngũ Quý (907 - 959), sang bên ta, lập ấp ở tại làng (hương) Bào Đột thuộc Diễn Châu. Về sau, Hồ Liêm di cư sang Thanh Hoá, làm con nuôi Lê Huấn, do đấy, đổi theo họ Lê. Quý Ly là cháu bốn đời. Quý Ly có hai người cô đều được Trần Minh Tông lấy vào hậu cung : Một người, là bà Minh Từ, sinh được nhà vua đây ; một người, là bà Đôn Từ, sinh được Duệ Tông. Cho nên nhà vua tin dùng Quý Ly, cho Quý Ly do Chi hậu chánh chưởng thăng lên chức này ; lại gả cho Quý Ly người em gái mới goá là Huy Ninh công chúa. Chb. **X**, 32

Lời chua – *Làng Bào Đột* : Bây giờ là xã Bào Đột, huyện Quỳnh Lưu[1].

Huy Ninh : Vợ Nhân Vinh, người họ tôn thất. Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết.

Nhà vua xuống chiếu : phàm việc xây dựng cung thất đừng có phiền nhiễu đến dân.

Bấy giờ cung thất đều bị Chiêm Thành đốt phá. Nhà vua hạ chiếu cho xây dựng và sửa sang lại, nhưng việc doanh tạo chỉ cốt mộc mạc, đơn giản, do những chức tản quan[2] trong họ tôn thất đứng làm, chứ không dùng đến sức dân.

Tháng 9, mùa thu. Gia phong cho Lê Quý Ly tước Trung Tuyên quốc thượng hầu.

Trước đây, sai Quý Ly đi vào Nghệ An, vỗ về nhân dân, chiêu an nơi biên giới, nên có mệnh lệnh gia phong này.

Tháng 10, mùa đông. Sai Phan Nghĩa, lang trung bộ Lễ, đặt ra thông chế và các lễ nghi.[3]

---

(1) Nay thuộc Nghệ An

(2) Xem chú thích chữ "tản lang" ở Chb.VI,26.

(3) Quy định các tiết mục về pháp chế và lễ nghi dùng chung cho cả nước ở đương thời. Đời Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 6 (1230), đã có việc khảo cứu các thể lệ đời trước, rồi quy định làm *Quốc triều thông chế và hình luật lễ nghi* gồm 20 quyển (*Toàn thư* V,6a).

Nhâm Tí, năm thứ 3 (1372). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Xét thành tích các quan.

Tháng 4, mùa hạ. Dùng Đỗ Tử Bình làm Hành khiển, tham mưu quân sự.

Tháng 5. Dùng Nguyễn Nhiên kiêm chức Xu Mật viện.

Nhà vua khi mới lên ngôi, vì thấy Nguyễn Nhiên có công[1], nên cho làm hành khiển rồi thăng Tả tham tri chính sự. Nhưng Nguyễn Nhiên ít chữ, lúc phê sổ sách, nhà vua thường phải dạy cho viết chữ. Đến đây, lại có mệnh lệnh cho kiêm giữ chức Xu Mật viện này. Chb. **X**, 33

Lời chua – *Nguyễn Nhiên* : Người huyện Tiên Dục[2], lộ Bắc Giang.

Tháng 8, mùa thu. Hạ chiếu cho các lộ làm sổ hộ tịch.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Thiên Trường, sửa tẩm miếu ở các lăng.

Tháng 11. Nhà vua truyền ngôi cho thái tử Cảnh.

Thái tử lên ngôi, xưng là Khâm Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Kế Thiên Ứng Vận Nhân Minh Khâm Ninh hoàng đế (ấy là Trần Duệ Tông). Vua Nghệ Tông làm bài châm, gồm 150 chữ, ban cho.

Truy tôn mẹ là Lê Thị làm Đôn Từ Hoàng Thái phi.

Cho Trương Hán Siêu được thờ phụ vào Văn Miếu.

Quý Sửu, Trần Duệ Tông hoàng đế, năm Long Khánh thứ 1 (1373). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Tôn thượng hoàng làm Quang Hoa Anh Triết thái thượng hoàng đế; truy tôn Thục đức hoàng hậu làm Thuận từ hoàng thái hậu.

---

(1) Nguyễn Nhiên biết tin bí mật về việc Nhật Lễ định giết Cung Đinh vương Phủ (Trần Nghệ Tông), đã bảo cho Cung Định biết trước mà trốn thoát (Chb. X, 25).

(2) Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Thượng hoàng khi thoạt mới về nước, bà nguyên phi là Huệ Ý phu nhân mất ở phủ Kiến Xương, sau truy phong làm Thục Đức hoàng hậu ; đến đây, nhà vua được nhường ngôi, lại truy tôn làm Hoàng thái hậu. Chb. X, 34

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Vợ vua Thái Tổ nhà Trần*[1] *tên thuỵ là Thuận Từ ; vợ vua Nghệ Tông cũng gọi là Thuận Từ. Bấy giờ bàn đặt tên thuỵ không cho thế là trái, hay là đời đã xa rồi, không cần kiêng nữa? Nhưng mà cháu dâu với bà cụ tổ trùng tên thuỵ nhau : thật trái lẽ lắm !*

Tháng 2. Đặt ra sổ sách các quan văn, quan võ.

Lập bà phi họ Lê làm Hoàng hậu.

Hoàng hậu là em con nhà chú (tụng muội) của Quý Ly, trước kia đã phong làm Hiển Trinh thần phi, đến đây lập làm Gia Từ Hoàng hậu.

Tháng 8, mùa thu. Bổ sung quân đội, tu tạo thuyền chiến.

Nhà vua thấy người Chiêm Thành hay vào xâm lấn, nên sai sửa sang việc võ, ý muốn chính mình cầm quân đi đánh.

Ra lệnh cho quân và dân quyên thóc, rồi ban cho phẩm tước có đẳng hạng khác nhau.

Thi lại viên, bổ làm duyện lại ở Nội Lệnh sử.

Giáp Dần, năm thứ 2 (1374). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Bắt đầu đặt khoa thi Tiến sĩ.

Trước đây, khoa Thái học sinh, cứ 7 năm một lần thi, số đậu chỉ lấy 30 người thôi. Đình thí[2], số lấy đỗ không có lệ đặt nhất định. Phàm tam quán thuộc quan *học sinh*[3], thị thần học sinh, tướng phủ học sinh và những Chb. X, 35

(1) Tức Trần Thừa, cha của Trần Thái Tông.

(2) Tức là thi lấy Trạng nguyên (theo *Toàn thư* VII, 41a)

(3) *Toàn thư* VII.41a và *Sử ký* VIII.12b đều chép là "Thái học sinh" *(Cương mục* không có chữ "thái").

người có tước phong đều được vào thi cả. Đến đây mới bắt đầu gọi là khoa Tiến sĩ ; ban cho Đào Sư Tích đậu Trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đậu Bảng nhỡn, Trần Đình Thâm đậu thám hoa, La Tu đậu Hoàng giáp, cập đệ và các đồng cập đệ[1] gồm 50 người, đều cho ăn yến và ban áo mũ, xuất thân có đẳng hạng khác nhau.

Lời chua – *Đào Sư Tích* : Người huyện Tây Chân[2], phủ Thiên Trường.[3]

Lê Hiến Phủ : người huyện Đông Kết, phủ Khoái Châu.[4]

Trần Đình Thâm : Người huyện Đông Triều, phủ Sách Giang.[5]

La Tu : Người huyện Thuần Hựu, thuộc Thanh Hoá.

Tháng 3, đào các sông ở Thanh, Nghệ.

Ra lệnh cho dân ở Thanh, Nghệ đào các sông, đến cửa biển Hà Hoa thì thôi.

Lời chua – *Cửa biển Hà Hoa* : Bây giờ ở xã Kỳ La, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán đến mãi tháng 6.

Tháng 8, mùa thu. Đặt thêm quân hiệu.

---

(1) Về chế độ thi giáp đình ở đời Trần bấy giờ, tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) và hoàng giáp là hạng "cập đệ", còn các Tiến sĩ thì là hạng "đồng cập đệ". Đến đời sau, như triều Tự Đức (1848 – 1884) chẳng hạn, chia Tiến sĩ làm tam giáp ; Trạng nguyên là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh, Bảng nhãn là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh, Thám hoa là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ tam danh ; Hoàng giáp là đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; các ông nghè dưới Hoàng giáp đều là đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân cả. Ấy là không kể các phó bảng là những người chỉ đỗ thi Hội, không được vào thi Đình, tên được xếp vào Ất bảng, kém tiến sĩ ở giáp bảng. Như vậy thấy rằng lối chia "cập đệ" và "đồng cập đệ" của đời Trần có hơi khác với đời sau.

(2) Sau đổi là Nam Trực, nay thuộc tỉnh Nam Định.

(3) Nay gồm một phần đất các huyện Xuân Thuỷ, Nam Trực, Trực Ninh, TP Nam Định thuộc tỉnh Nam Định.

(4) Phủ Khoái Châu nay gồm các huyện Ân Thi, Kim Động, Phù Tiên, Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

(5) Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Trước kia. Túc vệ chỉ có các quận Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần. Đến đây, đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Thần Dực, Điển Hậu. Tuyển những dân đinh khoẻ mạnh, phân ra ba hạng, sung vào các quân hiệu ấy. Ai cũng phải xăm trán để làm dấu ghi, như : quân Túc vệ thì trán xăm hoa ; quân mới đặt thêm thì xăm trán đồ đen. Còn Thiên Trường, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Lâm Bình, và Thuận Hoá đều có quân hiệu, đặt đại đội trưởng và đại đội phó để cai quản. Chb. X, 36

Ất Mão, năm thứ 3 (1375). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Dùng Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự.

Sai Quý Ly tuyển trong họ tôn thất và trong các quan viên lấy những người am tường võ nghệ, tinh thông thao lược, bổ làm quân tướng [1].

Đặt lại các lộ, các phủ ở Hoan Châu, Diễn Châu và Lâm Bình.

Đổi Hoan Châu làm lộ Nhật Nam và các lộ Nghệ An Nam, Bắc, Trung ; đổi Diễn Châu làm lộ Diễn Châu, phủ Lâm Bình làm phủ Tân Bình. Sai Đào Lực Đinh và Hà Tử Công đem dân sở tại sửa sang đường sá, từ lộ Cửu Chân đến huyện Hà Hoa, ba tháng làm xong.

Lời chua – *Hoan Châu* : Tức là Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,23).

Diễn Châu : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb.IV,20)

Lâm Bình : Tức là đất Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb.III,29).

Lộ Nhật Nam và các lộ Nghệ An Nam, Bắc, Trung : Địa giới ra sao, không rõ. Chb. X, 37

(1) Ông tướng cầm quân.

Cửu Chân : Xưa là bộ Cửu Chân đời Hùng Vương ; nhà Đinh, nhà Lê gọi là Ái Châu ; niên hiệu Thiệu Phong (1341 - 1357) nhà Trần đổi làm lộ, chia đặt ba phủ Thanh Hoá, Cửu Chân và Ái Châu.

Hà Hoa : Tên huyện được đặt ra từ nhà Trần trở về trước ; nhà Lê gọi là Kỳ Hoa ; bây giờ đổi là Kỳ Anh, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 6, mùa hạ. Sao thái bạch mọc ban ngày.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính.

Binh lính, người nào già yếu thì thải ra ; chọn lấy những dân đinh khoẻ mạnh để bổ sung. Phàm những người ngụ cư làm thuê (hộ xá, tá công) ở Thanh Hoá và Nghệ An đều lấy vào quân đội.

Lời chua – *Hộ xá, tá công* : Những người các nơi không có tên trong sổ hộ tịch, quần tụ ở làm một phường, đi làm thuê ở mướn để lấy tiền công, tức là đám dân xiêu giạt tha phương cầu thực.

Hạ chiếu cho những nhà giàu ở các lộ nộp thóc vào nhà nước, rồi ban cho phẩm tước có đẳng hạng khác nhau.

Bính Thìn, năm thứ 4 (1376). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 9).

Tháng 4, mùa hạ. Quy định chế độ về thuyền, xe, kiệu, tàn, áo, mũ và đồ nghi trượng.

Vì có sắp làm lễ hội thề ở đền Đồng Cổ. Chb. X, 38

Tháng 5, Chiêm Thành vào cướp Hoá Châu.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua duyệt binh ở Bạch Hạc giang.

Thấy người Chiêm Thành hay vào lấn cướp, nhà vua bàn định chính mình cầm quân đi đánh. Ngự sử trung tán là Lê Tích dâng sớ can rằng : "Binh đao là thứ hung dữ, không nên tự chính nhà vua dấy quân đi đánh, huống chi bây giờ nội nạn vừa mới được yên, Chiêm Thành dầu không giữ lễ làm tôi, nhưng cũng chỉ nên sai tướng đi hỏi tội, chứ nếu xa giá thân chinh, thì theo ngu kiến, thần tưởng không nên". Ngự sử

đại phu là Trương Đỗ cũng can rằng : "Chiêm Thành chống lại mệnh lệnh nhà vua, tội nó đáng phải giết, không dong thứ được ; nhưng nước nó ở tít cõi tây, có núi sông hiểm trở. Ngày nay, bệ hạ mới lên ngôi, chính lệnh và giáo hoá chưa thấm khắp đến phương xa, tưởng nên trau sửa văn đức để cho nó theo về với mình. Nếu nó không theo, bấy giờ sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn nào" . Trương Đỗ ba lần dâng sớ lên can, nhưng cuối cùng nhà vua vẫn không nghe. Liền đó nhà vua sai quân và dân ở Thanh Hoá và Nghệ An tải năm vạn *thạch*(1) lương thực đến tích trữ ở Hoá Châu. Lại rước Thượng hoàng đi điểm duyệt quân đội ở Bạch Hạc giang. Mọi việc này đều là chuẩn bị để đánh Chiêm Thành.

Lời chua – *Bạch Hạc giang* : Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chb.VII,4-5)

Tháng 12. Nhà vua tự làm tướng, đi đánh Chiêm Thành. Chb. X, 39

Trước đây, Đỗ Tử Bình vào trấn giữ Hoá Châu ; chúa Chiêm là Chế Bồng Nga đưa 10 mâm vàng để dâng triều đình. Tử Bình ăn chặn, trẩm đi, lại nói dối rằng : Bồng Nga kiêu ngạo, khinh nhờn, vô lễ, nên đem quân đi đánh. Bấy giờ nhà vua mới quyết tâm thân chinh. Thống lĩnh 12 vạn quân từ kinh đô xuất phát, nhà vua sai Lê Quý Ly đốc sức dân ở Nghệ An, Tân Bình, Thuận Châu và Hóa Châu vận tải lương thực để cung cấp cho quân sĩ. Khi đến cửa biển Di Luân, nhà vua sai các quân sĩ vượt biển mà đi, còn mình thì đem bộ binh tiến theo ven bờ biển. Khi đến cửa biển Nhật Lệ, đóng doanh trại ở đấy hơn một tháng để luyện tập quân sĩ.

Lời chua – *Cửa biển Di Luân* : Ở xã Di Luân, huyện Bình Chánh, tỉnh Quảng Bình bây giờ.

(1) Đơn vị đong lường xưa.

Cửa biển Nhật Lệ : Ở xã Động Hải, huyện Phong Lộc bây giờ. Động Hải là nơi sở tại tỉnh lỵ Quảng Bình.

Đinh Tị, năm thứ 5 (1377), (Từ tháng 5 trở về sau, là triều Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 1. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua kéo quân vào đánh Chà Bàn[1], bị thua, mất ở vòng trận. Bọn đại tướng là Đỗ Lễ và Nguyễn Nạp Hoà, hành khiển là Phạm Huyền Linh đều chết trận cả. Ngự câu vương Húc đầu hàng Chiêm Thành. Chb. X, 40

Quan quân đến Thi Nại cảng, tiến lên Cầu Đá (Thạch Kiều), đóng lại ở động Ỷ Mang. Bồng Nga dựng luỹ bằng tre gỗ ở ngoài thành Chà Bàn, sai bầy tôi là Mục Bà Ma ra trá hàng, nói rằng Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ để thành bỏ ngỏ đó thôi, nên mau tiến quân kẻo lại lỡ cơ hội. Nhà vua tin lời, sai gấp tiến quân. Đại tướng Đỗ Lễ can rằng : "Theo *Binh pháp,* đánh lấy thành là sự bất đắc dĩ. Kẻ kia đã nói xin hàng, thì ta nên lấy việc cho nước nó được an toàn là hơn cả. Vậy ta hãy cho một tay thuyết khách cầm thư đi hỏi tội để dò hư thực, theo như mưu chước Hàn Tín đánh phá nước Yên[2] ngày trước, chẳng phải khó nhọc mà được nên công. Vả, tình ý của kẻ địch khó suy lường được. Vậy tôi xin bệ hạ hãy xét kỹ". Nhà vua nói rằng : "Ta mặc áo giáp bền, cầm võ khí sắc, gội gió, tắm mưa, trèo non, lội suối, len lỏi đi sâu vào đất giặc, không ai dám đương đầu với ta. Thế là cái cơ trời giúp ta đó. Huống chi bây giờ vua nước nó sợ bóng sợ gió, chạy trốn xa, không có tinh thần chiến đấu. Việc binh quý hồ lanh chóng, nếu để chậm trễ không tiến quân thì là trời cho mà mình không nhận ; rồi ra nếu nó tráo trở, dù có ăn năn

(1) Cũng đọc là "Đồ Bàn".

(2) Xem chú giải ở Chb.VII.34.

thì sự đã rồi ! Nhà ngươi thực là kiến thức đàn bà ! " Nhà vua liền sai lấy áo đàn bà mặc cho Đỗ Lễ[1]. Rồi đoàn quân cứ nối đuôi nhau như xâu cá mà tiến lên. Giặc nhân cái đà thuận tiện, thình lình đổ ra tập kích, cắt ra từng tốp : Quan quân tan vỡ nặng nề. Nhà vua bị vây hãm, chết tại trận. Bọn đại tướng Đỗ Lễ và Nguyễn Nạp Hoà cùng hành khiển Phạm Huyền Linh đều bị chết cả. Ngự câu vương, tên là Húc, đầu hàng giặc, được giặc gả cho con gái. Đỗ Tử Bình cầm hậu quân, không đến cứu viện. Lê Quý Ly nghe tin bại trận, vội trốn về. Ngày hôm ấy, ở kinh đô đương ban ngày, trời tối sầm lại ; chợ búa, hàng quán phải đốt đèn đuốc mà mua bán. Thượng hoàng sai đem chiếc xe tù đi bắt Tử Bình. Khi Tử Bình về qua phủ Thiên Trường, người ta đua nhau chửi mắng, lấy gạch ngói ném vào xe tù Tử Bình. Thượng hoàng xuống chiếu trị tội hắn, miễn cho tử hình, nhưng phạm tội đồ, bắt đi làm lính. Chb. **X**, 41

Lời phê – *Tội hai người này*[2] *đáng giết, không dong tha được, thế mà lại còn vẫn dùng*[3]*! Chính sự nhà Trần không có kỷ cương gì cả, trách nào chẳng bại vong.*

Lời chua – *Thành Chà Bàn* : Tức là đô thành của nước Chiêm. Ở huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định bây giờ vẫn còn vết thành cũ.

Thi Nại cảng : Ở địa giới hai thôn Hương Mai và Chánh Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bây giờ.

Động Ỷ Mang : Bây giờ đổi lại ra sao, không rõ, duy còn Cầu Đá. Ở trên núi về thôn Phú Hoà có một cái đồn xưa, có lẽ đấy là động Ỷ Mang.

---

(1) Có ý chê cười Đỗ Lễ nhút nhát.

(2) Chỉ Đỗ Tử Bình và Lê Quý Ly.

(3) Đỗ Tử Bình tuy sau khi Trần Duệ Tông chết trận ở Chiêm Thành, có bị tội đồ, nhưng rồi lại được phục chức, cho nên đến năm Mậu Ngọ, Xương Phù thứ 2 (1378) đã thấy chép Tử Bình là hành khiển rồi (Chb.X.43–44). Còn Lê Quý Ly chẳng những không bị quở phạt gì, mà lại ngày càng lên to mãi.

Tháng năm, mùa hạ. Hoàng tử Hiện lên ngôi.

Thượng hoàng thấy nhà vua (Duệ Tông) chết vì việc nước, bèn cho con trưởng nhà vua là Kiến Đức đại vương Hiện lên nối ngôi, xưng là Giản Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiếu là Khâm Minh nhân hiếu hoàng đế (ấy là Đế Hiện).

Tháng 6. Chiêm Thành vào cướp kinh đô.

Hay tin giặc đến, Thượng hoàng sai Cung Chính vương Sư Hiền giữ cửa biển Đại An. Giặc biết ở đó có phòng bị, bèn từ cửa biển Thần Phù tiến vào, xâm phạm thẳng kinh đô, mặc sức cướp bóc vơ vét. Chúng ở lại một ngày rồi mới rút lui. Khi ra đến cửa biển Đại An, gặp cơn phong ba, chúng chết đuối nhiều lắm. Chb. **X**, 42

Lời chua – *Cửa biển Đại An* : Tên cũ là Đại Nha. Xem Lý Hậu Đế năm thứ 1 (Tb.IV,13)

Thần Phù : Tên cũ là Thần Đầu . Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12. (Chb.I,40).

Tháng 9, mùa thu. Lập con gái Thượng hoàng là Thiên Huy công chúa làm Hoàng hậu.

Sai thị lang toà Trung Thư là Trần Đình Thâm sang nhà Minh.

Sau khi lên nối ngôi, nhà vua sai Đình Thâm sang cáo phó với nhà Minh, và nói vua Duệ Tông đi tuần nơi biên giới, bị chết đuối ở biển. Người Minh từ chối không sang viếng, lấy cớ rằng theo *Lễ,* có ba điều không nên thăm là : vì phạm tội mà chết ở trong ngục (uý), hoặc vì bị đè chẹt mà chết bẹp (áp), hoặc vì ngã xuống nước mà chết đuối (nịch) . Đình Thâm tranh luận, cãi rằng : "Người Chiêm chống nghịch, quấy nhiễu nơi biên giới, vua Duệ Tông có công chống ngoại hoạn, cứu nhân dân : vậy sao không nên viếng?" Nhà Minh mới sai sứ sang điếu tang. Bấy giờ nhà Minh đương muốn nhân kẽ hở, tính chuyện xâm

nhiễu nước ta. Thái sư Lý Thiện Trường nói rằng : "Thấy em chết vì việc nước, anh lại lập con của em lên ngôi ; xem nhân sự [xử tốt với nhau] như thế, thì đủ biết lòng trời [hãy còn tựa nước người ta]". Do đấy, việc định xâm nhiễu ấy mới thôi.

Mậu Ngọ Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 2 (1378) (Minh, năm Hồng Vũ thứ 11). Chb. X, 43

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển các vệ sĩ cai quản các quân.

Trần Ngoạn quản lĩnh quân Thiên Đinh, Bùi Hấp quản lĩnh quân Thiên Uy, Hoàng Phụng Thế quản lĩnh quân Thánh Dực, Trần Thế Đăng quản lĩnh quân Thần Dực, Bùi Bá Ngang quản lĩnh quân Thần Sách, Nguyễn Kim Ngao quản lĩnh quân Thần Vũ, Trần Trung Hiếu quản lĩnh quân Bảo Tiệp, Trần Bang quản lĩnh quân Long Tiệp, Lê Mật Ôn quản lĩnh quân Hoa Ngạch[1], Đỗ Dã Kha quản lĩnh quân Thị Vệ , Nguyễn Tiểu Luật quản lĩnh quân Thiên Trường. Lại tuyển trong các quân lấy những người khoẻ mạnh, biết võ nghệ, cho vào làm vệ sĩ [ở hoàng thành].

Dùng Nguyễn Bát Sách quản lĩnh quân Thiết Sang, Nguyễn Vân Nhi quản lĩnh quân Thiết Giáp, Nguyễn Hô và Lê Lặc quản lĩnh quân Thiết Liêm, Nguyễn Thánh Du quản lĩnh quân Thiết Hổ, Trần Quốc Hưng quản lĩnh quân Ô Đồ.[2]

Tháng 5, mùa hạ. Chiêm Thành lại vào cướp kinh đô. Đại Doãn là Lê Giốc (Giác) chết vì việc nước.

Trước đây, Ngự câu vương Húc đầu hàng Chiêm Thành. Đến đây, người Chiêm đưa Húc về cướp Nghệ An, tiếm xưng

(1) Quân hiệu có xăm trán thành hoa. Xem Chb.X,36.

(2) Một tên khác trong Hán văn để gọi con hổ. Đây có ý ví quân hiệu này khoẻ như hùm.

tôn hiệu để chiêu dụ nhân dân. Có nhiều kẻ ra nhận nguỵ chức. Liền sau đó quân giặc xâm phạm đến Đại Hoàng giang. Nhà vua sai hành khiển Đỗ Tử Bình đi chống giữ, nhưng chống không nổi ! Quân giặc bèn xâm phạm kinh đô : cướp của, bắt người, rồi rút về. Kinh Doãn[1] Lê Giốc bị giặc bắt, giặc ép phải thụp lạy, nhưng Lê Giốc nói : "Ta đây là một ông quan ở nước lớn, đâu phải lạy mày !" Rồi mắng nó mãi. Giặc giận lắm, giết chết. Nhà vua nghe biết việc này, truy tặng Lê Giốc là Mạ tặc Trung Vũ hầu[2], cho con Giốc là Nhuế làm cận thị chi hậu chánh chưởng. Chb. X, 44

Lời chua – *Lê Giốc* : Người làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Giốc là con Lê Quát.

Tử Bình : Trước bị tội đồ, đến đây đã làm hành khiển. *Sử cũ* không chép rõ Tử Bình được khai phục quan chức từ ngày nào, đợi sẽ khảo sau.

Đại Hoàng giang : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 11 (Chb. I, 37).

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Bắt đầu đánh thuế đinh.

Theo phép cũ, dân đinh khi đã vào sổ thành số ngạch hẳn hoi rồi, thì sinh thêm không kể, chết đi không trừ. Hạng binh lính thì đời này qua đời khác phải làm lính mãi, không được ra làm quan. Nhân đinh nào có ruộng đất, mới phải nộp tiền, không có ruộng đất thì được miễn. Gặp lúc có việc dấy quân cũng chỉ những người có ruộng bãi dâu, đầm cá thì phải tuỳ có nhiều hay ít mà nộp tiền, thóc, bạc, lụa để cung cấp cho việc quân. Đến đây việc quân đương tới tấp, Chb. X, 45

(1) Tức là chức Đại Doãn ở kinh sư, như Nguyễn Trung Ngạn đã làm ở đời Trần Du Tông. (Chb.IX 40).

(2) Hầu tước Trung Vũ mắng giặc.

kho tàng trống rỗng, Đỗ Tử Bình kiến nghị xin làm theo phép đánh thuế "dung" đời Đường : bắt đinh nam mỗi năm phải nộp ba quan tiền. Từ đó, thuế đinh mới thêm nặng.

Lời chua – Hồi đầu đời Trần, dẫu có thuế đinh, nhưng thực ra chỉ hạng người có ruộng mới phải đóng. Đến đây, không cứ có ruộng hay không, thảy đều phải chịu thuế cả, chỉ binh lính được miễn.

Kỷ Mùi, năm thứ 3 (1379). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Dùng Lê Quý Ly làm Tư không kiêm chức Xu mật đại sứ.

Quý Ly, khi còn nhỏ, học võ nghệ ở Nguyễn Sư Tề. Nhân thế, Quý Ly tiến cử con Sư Tề là Nguyễn Đa Phương làm tướng quân. Chủ thư thị ngự sử Phạm Cự Luận thường hay vẽ mưu bày kế cho Quý Ly, cũng được Quý Ly tiến cử làm quyền đô sự. Bấy giờ người ta thường bảo Quý Ly có "Phương viên tá lự"[1].

Lời chua – *Phương viên* : Chỉ Đa Phương và Cự Luận.

Quyền đô sự : Chưa rõ là chức gì. Có lẽ còn sót chữ chăng.

Mùa hạ. Hạn hán. Đói to.

Tháng 8, mùa thu. Nguyễn Bổ ở Bắc Giang nổi loạn, bị giết chết.

Nguyễn Bổ tự xưng là Đường Lang tử y, mê hoặc người ta bằng phép thuật, rồi tự tiếm hiệu xưng vương. Quan quân bắt được giết chết.

Tháng 9. Đem giấu tiền của ở núi Thiên Kiện và ở tầng dưới tháp Khả Lãng. (Khả Lãng *khám).*

---

(1) Có người phò tá nghĩ giúp mưu kế cả mặt vuông (chỉ tên Phương là vuông) lẫn mặt tròn (chỉ chữ Luận có chữ "luân" ở trên nghĩa là tròn).

Sai quân sĩ vận tải tiền đồng đem giấu ở núi Thiên Kiện và chứa ở tầng dưới cái tháp ở xã Khả Lãng. Đó vì sợ người Chiêm Thành thường vào cướp bóc. Chb. **X**, 46

Lời chua – *Núi Thiên Kiện* : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb.X,17).

Khả Lãng : Tên xã, thuộc phủ Lạng Giang ; bây giờ đổi lại ra sao, không rõ.

Khám : Chỗ để chứa đựng. Đây nghĩa là tầng dưới trên nền cái tháp nhà chùa.

Canh Thân, năm thứ 4 (1380). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân. Chiêm Thành lấn cướp Nghệ An, Thanh Hóa. Tháng 5, mùa hạ. Lê Quý Ly kéo quân đến đánh ở sông Ngu Giang : đánh bại được quân Chiêm.

Người Chiêm dụ dỗ dân ở Tân Bình và Thuận Hoá đến lấn cướp Nghệ An : bắt người đem đi. Rồi lại lấn cướp Thanh Hoá. Thượng hoàng sai Lê Quý Ly quản lĩnh thuỷ quân, Đỗ Tử Bình quản lĩnh bộ quân đi đánh. Khi đến Ngu Giang, đóng cọc trong sông, cầm cự với quân Chiêm. Quý Ly sai Nguyễn Kim Ngao, tướng Thần Vũ quân, và Đỗ Dã Kha, tướng Thị Vệ quân, ra đánh. Kim Ngao quay thuyền lại để tránh giặc. Quý Ly liền chém Kim Ngao, cho lấy đầu đem rao trong quân. Các quân đánh trống hò reo, tiến lên trước. Chúa Chiêm là Chế Bồng Nga thua trận, trốn về.

Tử Bình từ đó cáo ốm, xin thôi, không giữ binh quyền ; duy còn Quý Ly chuyên giữ chức nguyên nhung, làm Hải Tây đô thống chế.

Lời chua – *Ngu Giang* : Một nhánh sông Mã ở về địa phận huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá ngày nay. Chb. **X**, 47

Đạo Hải Tây : Từ thời Trần trở về trước, chưa có tên này. Đến Lê, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) mới đặt Thanh Hóa,

Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá làm đạo Hải Tây. E rằng *Sử cũ* lầm chăng[1].

Tháng 11, mùa đông. Dùng Đỗ Tử Bình làm nhập nội Hành khiển, tả tham tri chính sự, lĩnh chức Kinh lược sứ ở Lạng Giang.

Tử Bình là người không học theo chính đạo, chỉ a dua với đời, lại hay bày đặt thuế khoá bắt dân đóng góp nặng để nịnh hót người trên ; cho nên được nhà vua tin dùng. Từ khi Tử Bình đi đánh Chiêm Thành không nên công trạng gì, xin thôi không giữ binh quyền, đến đây lại có mệnh lệnh cho lên chức này Chưa bao lâu, Tử Bình mất, được thờ phụ vào văn miếu.

Tân Dậu, năm thứ 5 (1381). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 14).

Tháng 3, mùa xuân. Sai thiền sư Đại Than đem các nhà sư đi đánh Chiêm Thành.

Chiêm Thành thường sang xâm lấn quấy nhiễu, binh lực của nhà Trần bấy giờ đã mỏi mệt, kiệt quệ. Nhà vua bèn sai thiền sư Đại Than lựa lấy những người khoẻ mạnh trong các nhà sư trong nước và những nhà sư ở rừng núi không có độ điệp[2], tạm làm binh lính để đi đánh giặc.

Lời phê[3] – *Không sợ làm nhục quốc thể !*

---

(1) Vì đến năm 1428, tên gọi "Hải Tây Đạo" mới xuất hiện, thế mà đây mới là năm 1380 đã chép "làm Hải Tây đô thống chế". Dẫu vậy, ta hãy thử đặt lại vấn đề : Hải Tây dưới triều Trần đây cũng có thể là tên chỉ miền đất thời bấy giờ (vì địa điểm ở về ven Biển Đông, nếu kể từ Đông Hải vào thì là phía tây, nên gọi Hải Tây) nhưng không phải là một *đạo* (đạo Hải Tây) như thời Lê Thái Tổ đã đặt.

(2) Tờ điệp chứng thực đã được độ, tức là cái bằng mà nhà nước cấp cho các tăng ni, sau khi xuất gia, có đủ tiêu chuẩn được cấp. Theo chế độ đối với nhà chùa xưa, hễ nhà sư nào có độ điệp rồi thì được miễn thuế má và lao dịch.

(3) Chỉ việc bắt sư đi đánh giặc.

Lời chua – *Đại Than* : Tên xã, thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh bây giờ.

Thiền sư : Không rõ tên. Chb. **X**, 48

Tháng 5. Dùng Đào Sư Tích làm nhập nội Hành khiển tả ti lang trung, Đào Toàn Bân làm tri Thẩm hình viện sự.(1)

Lời chua – *Toàn Bân* : Cha của Sư Tích

Tháng 6. Rước thần tượng các lăng về An Sinh.

Rước thần tượng các lăng ở Quắc Hương, ở Thái Đường. Ở Long Hưng, và ở Kiến Xương đưa về An Sinh, cốt để tránh nạn người Chiêm thường sang xâm lấn quấy nhiễu.

Lời chua : *Quắc Hương* : Bây giờ đổi là xã Thành Thị thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Thái Đường : Tên xã, bây giờ thuộc huyện Hưng Nhân, tỉnh Hưng Yên.(2)

An Sinh : Tên xã, Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb.VI,18)

Long Hưng, Kiến Xương : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb.VI,28).

Tháng 10, mùa đông. Bà Gia Từ Hoàng hậu Lê Thị mất.

Duệ Tông đi Nam chinh, không trở về ; Hoàng hậu cắt tóc làm sư ni. Thấy Nghệ Tông lập Đế Hiện lên nối ngôi, Hoàng hậu từ chối cho con không được, bèn khóc lóc nói với những người thân tín rằng : Chb. **X**, 49

"Con tôi kém phúc đức, không cáng đáng được cái ngôi rất quý trọng ấy đâu, chẳng qua chỉ tổ do đấy mà chuốc lấy vạ vào mình ! Tiên quân(3) đã tạ thế, người vị vong(4) này chỉ muốn thác

(1) Giữ việc viện Thẩm hình.

(2) Nay thuộc xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(3) Chỉ Trần Duệ Tông.

(4) Xem chú giải số 1 ở Chb.IX,30.

đi cho rồi, chứ chẳng muốn ngó đến việc đời nữa, huống chi lại nỡ nhìn thấy con mình sắp bị nguy hại ư !" Hoàng hậu mất rồi, Đế Hiện rồi cũng bị phế. Người nào nghe biết chuyện này cũng phục bà là người biết trước.

Lời chua – *Gia Từ* : Là mẹ Đế Hiện. Đế Hiện lên ngôi tới đây đã là 5 năm thế mà vẫn còn xưng mẹ vua là hoàng hậu. Lý do vì sao, không thể biết được, đợi sẽ khảo sau.

Giết Quan Phục Hầu đại vương tên là Húc.

Húc là con của Thượng hoàng.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép nhà vua dụ Quan Phục hầu đại vương Húc mà giết chết, và chép liền với sự việc trên (việc Gia Từ mất) ; nhưng lý do vì sao mà dụ sát thì bỏ qua không chép. Nay xin chép riêng ra một việc, đợi sẽ khảo sau.*

Nhâm Tuất, năm thứ 6 (1382). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Chiêm Thành lại vào cướp Thanh Hoá. Quan quân đánh bại được giặc.

Quý Ly đóng ở núi Long Đại, tướng Thần Khôi quân là Nguyễn Đa Phương đem quân thuyền (chu sư) đi giữ những hàng cọc cắm cừ ở cửa biển Thần Đầu, Chb. **X**, 50
quân Chiêm thuỷ bộ đều kéo đến : Bộ binh địch lên chiếm trên núi trước, lấy đá ném xuống, thuyền quân ta bị tổn hại nhiều mà không còn nấp tránh vào đâu. Thuỷ quân của địch lại đương tiến đến sát gần. Đa Phương không đợi mệnh lệnh của Quý Ly, tự ý cho mở hàng cọc cắm cừ, kéo ra thẳng xông vào quân thuỷ Chiêm Thành. Thuỷ quân của địch giở tay không kịp. Các quân của ta nhân đà thắng lợi, đổ xô ra đánh, ném đồ hoả khí vào thuyền giặc, thiêu đốt gần hết. Còn bộ quân của địch thì chạy tản mát vào rừng núi. Quan quân lùng bắt giặc trong núi đến

ba ngày. Quân giặc nhiều đứa bị chết đói. Những kẻ còn sót lại thì chạy trốn. Quan quân đuổi đến Nghệ An rồi về. Được tin thắng trận, nhà vua cho Nguyễn Đa Phương làm Kim ngô vệ Đại tướng quân.

Lời chua – *Núi Long Đại* : Ở địa phận huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá bây giờ.

Thần Đầu : Tên cửa biển. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb.I,40).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn thuỷ tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Đào mấy con sông ở Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá.

Quý Hợi, năm thứ 7 (1383). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Lê Quý Ly quản lĩnh chu sư đi đánh Chiêm Thành, chưa đến nơi đã quay về.

Quý Ly quản lĩnh các thuyền chiến lớn mới đóng, gồm những hiệu như Diễm Trị[1], Ngọc Đột, Nha Tiệp, kéo đến vũng biển Lại Bộ Nương và eo biển Ô Tôn, bị sóng gió làm thuyền gãy vỡ hư hỏng, bèn rút quân về.

Lời chua – *Vũng biển Lại* Bộ *Nương* : Tức là cửa biển Nương Loan bây giờ, ở địa phận huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Chb. **X**, 51

Eo biển Ô Tôn : Bây giờ là eo Vĩnh Sơn, ở huyện Bình Chánh thuộc tỉnh Quảng Bình giáp với huyện Kỳ Anh (thuộc tỉnh Hà Tĩnh).

Tháng 6, mùa hạ. Chiêm Thành vào cướp phủ Quảng Oai. Nhà vua sai tướng Hoa Ngạch quân là Lê Mật Ôn đi

(1) *Đại Việt sử ký* VIII.24 chép là Diễm Dã.

chống giữ, nhưng bị thua. Thượng hoàng phải tránh sang Đông Ngàn.

Chiêm Thành từ đời nhà Lê, nhà Lý trở về trước, quân chúng của họ rất là nhút nhát. Hễ quan quân ta kéo đến thì họ đem cả nhà đi trốn, có khi xúm lại khóc lóc, xin đầu hàng. Kịp khi Chế Bồng Nga lên làm vua, phần thì sinh sôi đông đúc, phần thì được dạy dỗ tôi rèn, dần dần sửa bỏ được những thói dở cũ, quân và dân họ trở thành những người mạnh tợn, chịu đựng gian khổ. Cho nên họ thường sang quấy nhiễu nước ta. Bây giờ Bồng Nga cùng với tướng nó là La Ngai đem quân đi tắt đường xuyên sơn, đổ ra đóng đồn ở sách Khổng Mục thuộc Quảng Oai. Kinh đô xao xuyến kinh hãi. Thượng hoàng sai Mật Ôn đem quân đi chống giữ. Mật Ôn đến Tam Kỳ *châu*[1], còn đương bày trận để chống cự, bỗng đâu quân phục của địch nổi dậy, voi trận của địch lồng lên : quan quân ta xô bồ giày đạp lên nhau, thua thiệt nặng nề. Mật Ôn bị giặc bắt. Thượng hoàng nghe tin, sai Nguyễn Đa Phương đem quân dựng hàng rào luỹ bằng tre gỗ ở kinh thành, ngày đêm canh giữ. Rồi sai sửa soạn xa giá để sang Đông Ngàn lánh giặc. Nguyễn Mộng Hoa, là một kẻ sĩ, thấy vậy, mũ áo chỉnh tề, tới bến sông, tay níu thuyền ngự, khấu đầu xin Thượng hoàng ở lại đánh giặc, nhưng Thượng hoàng không nghe. Chb. **X**, 52

Lời chua – *Quảng Oai* : Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb.V,38,39)

Đông Ngàn : Tức châu Cổ Pháp xưa. Xem Tiền Lê Đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb.II,6).

---

(1) *Toàn thư* và *Đại Việt sử ký* đều in chữ "châu" là bãi (Tam Kỳ châu : bãi Tam Cờ) ; riêng *Cương mục* này in chữ " châu" là châu quận.

Khổng Mục sách, Tam Kỳ châu : Đều thuộc Quảng Oai. Bây giờ đổi lại ra sao, không rõ.

Tháng 12, mùa đông. Thượng hoàng sang chơi cung Bảo Hoà.

Quân Chiêm Thành đã rút lui. Thượng hoàng sang chơi cung Bảo Hoà, sai bọn Thiêm tri Nội Mật viện sự là Nguyễn Mậu Tiên và Lễ Bộ lang trung là Phan Nghĩa thay đổi phiên nhau túc trực, tới bữa, ban cho ăn, để hỏi han những chuyện cũ, hằng ngày giữ việc ghi chép, biên thành 8 quyển, đặt nhan sách là *Bảo Hoà dư bút,* bảo Đào Sư Tích đề tựa.

Lời chua – *Cung Bảo Hoà* : Ở núi Lạn Kha (nay đổi là Phật Tích), huyện Tiên Du[1]. Theo sách *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng đời Minh, nhà Trần có dựng ra Lạn Kha thư viện, dùng danh nho Trần Tôn làm viện trưởng, dạy các sinh đồ. Nhà vua thời thường đến chơi. Vậy cung Bảo Hoà tức là ở đó.

(1) Nay thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 11

Từ Giáp Tí, Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 8 (1384) đến Nhâm Ngọ, Hồ Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ 2 (1402), gồm 19 năm. Chb. **XI**, 1

*

Giáp Tí, năm [Xương Phù] thứ 8 (1384). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 17).

Tháng 9, mùa thu. Sứ thần nhà Minh sang ta.

Nhà Minh, trước kia đi đánh Vân Nam, sai bọn Dương Bàn và Hứa Nguyên sang trưng cầu lương thực để cung cấp cho lính trấn giữ ở Lâm An. Nhà vua sai Hành khiển là Trần Nghiêu Du vận tải năm nghìn thạch lương đưa đến đầu địa phận châu Thuỷ Vĩ[1]. Quan quân ta bị chết vì lam sơn chướng khí trong việc tải lương này rất nhiều.

Lời chua – *Thuỷ Vĩ*[1] : Tên châu. Bây giờ thuộc phủ Quy Hoá, tỉnh Hưng Hoá, giáp với tỉnh Vân Nam.

Ất Sửu, năm thứ 9 (1385). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 18).

Tháng 3, mùa xuân. Sứ thần nhà Minh sang yêu cầu ta dâng nộp các nhà sư.

Trước đây, ta đưa sang nhà Minh những hoạn quan là bọn Nguyễn [Tông] Đạo và Nguyễn Toán. Nhà Minh dùng họ làm chức nội quan, đối xử rất hậu. Nguyễn [Tông] Đạo nhân nói với

(1) Nay Thuỷ Vĩ thuộc tỉnh Lào Cai.

vua Minh rằng : Phép thuật sư Nam giỏi hơn sư Bắc (Trung Quốc). Đến đây, Minh sai sứ sang yêu cầu. Nhà vua sai tuyển lấy 20 vị sư, đưa sang Kim Lăng.

Tháng 7, mùa thu. Tư đồ Chương Túc hầu là Nguyên Đán xin trí sĩ, được nhà vua y cho.

Nguyên Đán là bậc đại thần, người họ tôn thất, thấy quyền chính trong nước ngày một rơi vào tay kẻ quyền thần, nên không để ý đến việc kinh bang tế thế nữa, bèn xin cáo lão, về núi Côn Sơn, để vui cùng khóm trúc và đá núi ; đặt tên hiệu là Băng Hồ. Thượng hoàng đã từng đến chơi nhà, hỏi han việc mai sau. Nguyên Đán đều không nói, chỉ dặn : "Xin Bệ hạ kính trọng nước Minh như cha, yêu thương Chiêm Thành như con, thì nước nhà sẽ được vô sự. Tôi dù có chết cũng được bất hủ". Nguyên Đán biết Quý Ly thế nào rồi cũng cướp ngôi, nên tìm cách để tránh khỏi vạ, đem con là Mộng Dữ gửi gắm Quý Ly, và xin kết làm thông gia. Quý Ly đem con gái của Nhân Vinh(1), người họ tôn thất nhà Trần, gả cho Mông Dữ ; rồi cất làm đông cung phán thủ. Em Mộng Dữ là Thúc Dao và Thúc Quỳnh cũng đều được làm tướng quân. Về sau, Quý Ly cướp ngôi, giết hại gần hết các tôn thất nhà Trần, chỉ riêng con cháu Nguyên Đán là được toàn hoạt. Nguyên Đán có Băng Hồ thi tập, có nhiều bài mượn sự vật để tỏ ý cảm khái thời thế. Nhưng đó cũng chỉ là nói suông, lo hão, mà đối với nước của dòng dõi nhà mình còn hay mất, cứ bỏ mặc, không nói qua. Thế thực là người bất trung lắm đấy. Chb. **XI**, 2

Lời phê – *Nghiêm thay, ngòi bút sử ! Trội hơn* Sử cũ *nhiều lắm.*

Lời chua – *Côn Sơn* : Ở xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương bây giờ, trên có động Thanh Hư, dưới núi có cầu Thấu Ngọc.

---

(1) Nhân Vinh, vợ là Huy Ninh công chúa, sau khi Nhân Vinh mất, Nghệ Tông đem Huy Ninh gả cho Quý Ly. Người con gái này gọi Quý Ly bằng bố dượng.

Bính Dần, năm thứ 10 (1386). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 19).

Tháng 2, mùa xuân. Sứ giả nhà Minh lại sang.

Nguyễn [Tông] Đạo[1] lại nói nước ta có nhiều thứ cây quý. Nhà Minh sai Lâm Bột sang yêu cầu. Nhà vua bèn sai viên Ngoại lang là Phạm Đình đưa sang các cây : cau, vải, nhãn và mít[2], nhưng các thứ cây ấy không quen chịu lạnh, dọc đường, đều chết héo cả. Nhà Minh lại sai Lý Anh sang hỏi nhờ đường nước ta để đi đánh Chiêm Thành và đòi lấy 50 thớt voi nữa. Ta bèn sắp xếp từ Nghệ An đổ ra, cứ theo dọc đường, dựng các cung trạm, chứa sẵn lương thảo, luân chuyển đưa đến Vân Nam. Chb. **XI**, 3

Lời phê – *Minh Thái Tổ, còn làm như vậy*[3], *huống chi người khác?*

Dùng Hồ Tôn [Tông] Thốc[4] làm quan Hàn lâm viện Học sĩ phụng chỉ.

Thốc, tuổi trẻ đỗ sớm, nổi tiếng về văn học. Khi làm An phủ sứ, Thốc ăn lễ của dân. Sự phát giác, Nghệ Tông lấy làm lạ có đòi hỏi, Thốc lạy tạ mà rằng : "Một người được ơn vua thì cả nhà hưởng lộc nước"[5]. Nghệ Tông tha tội cho. Đến đây, được trao cho chức này, lại kiêm cả chức Thẩm hình viện sứ Thốc có làm *Thảo nhàn hiệu tần*[6] *thi*[7], ngụ ý cảm khái về việc Quý Ly chuyên chính. Tuổi ngoài 80, Thốc mất.

---

(1) Một hoạn quan do ta tiến sang nhà Minh.

(2) Nguyên văn là "ba la mật". Đây theo *Nhật dụng thường đàm* (tờ 30), *Hoàng Việt địa dư chí* (quyển 1, tờ 3a), *Từ nguyên* và *Từ Hải* mà dịch là mít. Còn *Mô phạm pháp hoa từ điển,* trang 27, thì cho là "dứa".

(3) Chỉ việc Minh Thái Tổ cho sứ sang ta đòi các thứ cây như trên đã chép.

(4) Theo *Toàn thư* VIII, 9, chính tên là Hồ Tông Thốc ; còn *Cương mục* vì kiêng huý triều Nguyễn, nên đổi là Hồ Tôn Thốc.

(5) Giống ý câu tục, ngữ : "Một người làm quan, cả họ được nhờ".

(6) Thảo nhàn : Tự tìm lấy cảnh nhàn rỗi. Hiệu tần : theo sách *Trang Tử,* Tây Thi đau bụng, nhăn nhó ; một chị người làng, mặt mũi xấu xí, thấy Tây Thi nhăn nhó, cho là đẹp, về cũng ôm bụng bắt chước nhăn nhó. Do điển này, người ta dùng danh từ "hiệu tần" để chỉ sự "học đòi một cách vụng về".

(7) *Sử ký* VIII, 27 chép là... thi tập.

Lời chua – *Hồ Tôn* [*Tông*] *Thốc* : Người huyện Đông Thành, thuộc Diễn Châu.

Đinh Mão, năm thứ 11 (1387). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng từ cung Bảo Hoà trở về triều đường.

Tháng 3. Dùng Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự[1]

Thượng hoàng ban cho Quý Ly lá cờ và thanh kiếm có đề những chữ : "Văn vũ toàn tài, quân thần đồng đức"[2]. Quý Ly làm thơ bằng quốc âm để tạ ơn Thượng hoàng.

Mậu Thìn, năm thứ 12 (1388). (Từ tháng 11 trở về sau, là triều Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 1. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 21). Chb. XI, 4

Tháng 5, mùa hạ. Dùng Trần Đỗ làm chức cung lệnh[3].

Trần Đỗ là con Thượng vị hầu Tung, mẹ Đỗ cải giá lấy Quý Ly, nên có mệnh lệnh dùng Đỗ làm chức này. Về sau, Đỗ đổi theo họ Hồ.

Tháng 6. Dùng Lê Quý Tì làm chức Phán thủ, Tri tả Hữu ban sự[4].

Quý Tì là em Quý Ly.

Tháng 8, mùa thu. Sao chổi xuất hiện ở phương Tây.

Tháng 12, mùa đông. Trung tuyên Quốc thượng hầu là Quý Ly gièm pha với Thượng hoàng truất ngôi nhà vua, giáng làm Linh đức đại vương rồi giết chết ở chùa Tư Phúc. Lại giết cả bọn Ngự sử đại phu là Lê Á Phu, các Tướng quân là Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi, Nguyễn Ha, Nguyễn Bát Sách, Lê Lặc và học sinh là Lưu Thường.

---

(1) Tức Tể tướng

(2) Văn võ gồm tài, vua tôi một dạ.

(3) Đứng đầu một cung. Là một chức hầu cận vua.

(4) Cũng là một chức hầu cận, ở gần nhà vua.

Trước đây, thấy có điềm sao chổi, nhà vua bàn với bọn Thái uý Ngạc và Lê Á Phu rằng : "Thượng hoàng yêu nuông họ ngoại, Quý Ly càn rỡ, việc gì cũng làm theo ý muốn của hắn, nếu chúng ta không lo tính trước, sau này khó mà khống chế được". Vương Nhữ Mai hầu vua đọc sách, làm tiết lộ mưu ấy. Quý Ly biết chuyện. Nguyễn Đa Phương khuyên Quý Ly nên lánh ra núi Đại Lại, để nghe ngóng tình thế biến chuyển ra sao, Phạm Cự Luận nói : "Không nên. Một khi bước chân ra ngoài, thì khó mà toan tính vẹn toàn được". Quý Ly nói : "Nếu không có mưu kế gì, thì tôi phải tự tử, chứ không để lọt vào tay người khác". Cự Luận nói : "Mới rồi nhà vua dụ giết Quan phục hầu Đại vương Húc[1], việc ấy Thượng hoàng vẫn còn căm giận lắm. Hiện nay chỉ có một mình đại nhân[2] là trụ cột của nhà nước, thế mà nhà vua lại tin nghe lời bọn tiểu nhân, lập mưu toan làm hại, ý định của nhà vua không biết thế nào mà lường được. Nếu Thượng hoàng mà nghe được tin này, thì lại càng sinh lòng ngờ vực. Bấy giờ đại nhân vào yết kiến Thượng hoàng, bày tỏ lợi hại : Thượng hoàng trước kia bỏ con mà lập cháu[3], thì nên đem câu ngạn ngữ này làm rung động lòng Thượng hoàng : "Chỉ thấy người ta bán cháu nuôi con, chứ chưa thấy ai lại bán con nuôi cháu !". Nói như thế, chắc chắn Thượng hoàng nghe theo. Lúc bấy giờ đổi lập Chiêu Định[4] lên làm vua thì xoay hoạ ra phúc dễ dàng như trở bàn tay". Quý Ly nghe theo kế ấy, liền theo lời Cự Luận đã nói, vào tâu kín với Thượng hoàng. Thượng hoàng rất lấy làm phải lẽ. Chb. **XI**, 5

Đến đây, Thượng hoàng giả vờ đi chơi đất An Sinh[5], cho bầy tôi trong nội điện triệu nhà vua. Khi nhà vua đã đến,

(1) Xem thêm *Chính biên,* quyển X, tờ 49

(2) Một danh từ người dưới xưng hô một viên quan nào đó. Chữ "đại nhân" ở đây chỉ Hồ Quý Ly.

(3) Đế Hiện, con trưởng Trần Duệ Tông, cháu Trần Nghệ Tông, xem thêm *Chính biên,* quyển X, tờ 41.

(4) Con út Trần Nghệ Tông, tên là Ngung. được phong làm Chiêu Định vương.

(5) Tên một xã thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Thượng hoàng nói : "Đại vương[1] đã đến", liền sai người dẫn ra nhà giam ở chùa Tư Phúc. Rồi ban tờ nội chiếu nói : "Trước đây Duệ Tông vào đánh trong Nam, không trở về[2], cho nên dùng người cháu trưởng nối ngôi vua là theo đạo đời cổ. Nhưng từ ngày quan gia[3] lên ngôi đến nay, chưa bỏ hết tính nết trẻ con, chưa giữ được đức độ vững chắc, thân cận với bọn tiểu nhân như bọn Lê Á Phu, Lê Dữ Nghị, lập tâm hãm hại người bầy tôi có công[4], làm dao động cả xã tắc[5]. Vậy cho giáng làm Linh Đức đại vương". Chb. XI, 6

"Lại xét : nhà nước không thể không có người chủ trương, ngôi vua không thể để trống mãi được, chuẩn y cho rước Chiêu Định vương là Ngung vào triều, nối giữ đại thống. Vậy ban bố chiếu thư cho trong kinh thành, ngoài các lộ ai nấy đều biết".

Lúc ấy, viên tướng đội quân Thiết Liêm là Nguyễn Khoái và Nguyễn Vân Nhi, viên tướng đội quân Thiết Giáp là Nguyễn Ha và Lê Lặc, viên tướng đội quân Thiết Sang là Nguyễn Bát Sách toan đem quân phá nhà tù để cướp lấy nhà vua ra ngoài. Nhà vua viết hai chữ "giải giáp"[6] đưa cho các tướng ấy và dặn rằng : "Không được trái ý vua cha". Các tướng bấy giờ mới thôi. Một lúc sau, Thượng hoàng sai người phù nhà vua xuống phủ Thái Dương, thắt cổ cho chết. Bọn Lê Á Phu, Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi và Lưu Thường đều bị giết, còn Lê Dữ Nghị bị đày đi trại đầu(?).

Lời chua – *Dữ Nghị* : Anh họ của Á Phu.

---

(1) Theo tục lệ nhà Trần đáng lẽ Trần Nghệ Tông phải gọi Đế Hiện là "quan gia" mới đúng, đây gọi thẳng bằng "đại vương" là có ý gay gắt, không nhận cho được nối ngôi vua nữa.

(2) Chỉ việc Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành bị chết tại trận Xem *Chính biên* quyển X, tờ 40

(3) Chỉ Đế Hiện

(4) Chỉ Hồ Quý Ly

(5) Tức là nhà nước

(6) Giải tán giáp binh.

Núi Đại Lại : Nay ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, sau Quý Ly đổi là Kim Âu.

Phong cho Thái uý Trang Đinh vương là Ngạc làm đại vương.

Ngạc là con Thượng hoàng. Sau khi Đế Hiện đã bị truất ngôi, Quý Ly nói phao lên rằng sẽ lập Ngạc lên nối ngôi vua. Ngạc từ chối không nhận, nhân đấy Quý Ly nói với Thượng hoàng rằng : "Quan Thái uý biết chối từ không nhận ngôi vua, là người có đức độ lớn". Thượng hoàng lấy làm phải. Vì thế, nên mới có mệnh lệnh phong tước này.

Lập Chiêu Đinh vương Ngung lên làm vua. Chb. **XI**, 7

Chiêu Định vương là con út Thượng hoàng. Khi đã lên ngôi vua, xưng là Nguyên Hoàng (tức là Thuận Tông).

Kỷ Tị (1389), Thuận Tông hoàng đế, năm Quang Thái thứ 2 (Minh, năm Hồng Vũ thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con gái Quý Ly làm Hoàng hậu.

Hoàng hậu, con gái lớn Quý Ly, sau khi đã sách lập, đặt tên chỗ ở là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Phạm Cự Luận làm Thiêm Thư Xu mật viện sự[1].

Quý Ly hỏi Cự Luận : "Liệu thuộc trong viện Xu Mật, những người nào có thể dùng được?" Cự Luận tiến cử người em hắn là Phạm Phiếm và bọn Đỗ Tử Mãn, Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư, Nguyễn Cảnh Chân, đều có danh vọng, đức độ có thể dùng được, nhưng có Đỗ Tử Mãn là hơn cả. Quý Ly bèn dùng Khả Tuân quản lĩnh đội quân Thần Dực, Chương Dương quản lĩnh

(1) Một chức quan ở viện Xu mật, được tham gia bàn bạc những việc cơ mật của triều đình.

đội quân Thần Dũng. Quý Ly bổ dụng như thế, là cốt để cho thêm vây cánh của mình.

Tháng 8, mùa thu. Giặc cướp ở Thanh Hoá nổi lên.

Nguyễn Thanh, người Thanh Hoá, tự xưng là Linh Đức vương, trốn tránh tai nạn, tụ họp nhiều người ở sông Lương, dân chúng đều hưởng ứng. Lúc ấy lại có Nguyễn Kỵ, người Nông Cống, tự xưng là Lỗ Vương, tụ họp binh lính đi cướp bóc. Chb. **XI**, 8

Lời chua – *Thanh Hoá* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,16).

Sông Lương : Phát nguồn từ huyện Lang Chánh, hạ lưu hợp với sông Mã.

Nông Cống : Huyện Tư Nông xưa. Khi thuộc Minh đổi tên này ; từ đời Lê đến nay vẫn theo tên ấy, thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Tháng 10, mùa đông. Chiêm Thành vào cướp Thanh Hoá. Sai Quý Ly đem quân đi chống cự. Bị thua, Quý Ly trốn về.

Quân Chiêm Thành xâm phạm vào làng Cổ Vô. Quan quân đóng cọc gỗ ở sông, đem thuyền vây xung quanh. Hai bên cầm cự nhau hơn hai mươi ngày. Quân giặc đắp đập chắn nước ở thượng lưu sông Lương, để mai phục quân và voi, rồi giả vờ dọn dẹp doanh trại để kéo quân về. Quý Ly chọn quân tinh nhuệ dũng cảm đuổi theo, đại quân mở cọc gỗ đã đóng, rồi quân thuỷ quân bộ nhất tề xông ra. Bên giặc bèn phá bờ đập, lùa voi xông ra trận. Quân tinh nhuệ dũng cảm của Quý Ly không thể quay lại ứng cứu được, thuyền chở quân chiến đấu ở dưới sông thì bị nước chảy xiết dồn vào một chỗ, bao nhiêu quân bộ bị giết hết, nên bị thua to . Viên tướng quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Nguyễn Chí bị giặc bắt, ngoài ra bảy mươi viên tướng cầm quân đều bị chết. Quý Ly bỏ trốn về, để tì tướng là Phạm Khả Vĩnh và viên tướng quyền quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Nguyễn Đa Phương ở lại cầm cự với giặc ở Ngu Giang. Đêm

hôm ấy, Đa Phương bàn với Khả Vĩnh rằng : "Thế giặc mạnh như thế, mà quân chúng ta ít ỏi, khó có thể cầm cự lâu dài được, nếu bây giờ muốn kéo quân về, tất nhiên giặc thừa cơ đuổi theo." Họ bèn hạ lệnh cho các quân lính phong ra rất nhiều cờ, buộc thuyền lớn vào cột gỗ ở sông, canh phòng nghiêm mật, đến đêm dùng thuyền nhỏ trốn về. Giặc thừa thế, tung quân ra cướp bóc. Khi Quý Ly trốn về đến khuyết đình, xin cho xuất phát thuyền chiến để thêm sức mạnh. Thượng hoàng không chuẩn y. Nhân đấy Quý Ly xin thôi không giữ binh quyền, không đem quân ra đánh Chiêm Thành nữa. Chb. **XI**, 9

Lời phê – *Việc làm của Quý Ly trước sau đều như thế*(1)*, thế mà Nghệ Tông tin dùng, có lẽ cũng như câu ngạn ngữ nói "hoạ lai thần ám" chăng ?.*

Lời chua – *Nguyễn Chí* : Có một thuyết nói là Trần Đình Quý.

Cổ Vô : Tên làng.

Ngu Giang : Tức Lương Giang. Xem Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 4 (Chb.X,47).

Chiêm Thành : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.II,20-21).

Tháng 11. Quân Chiêm Thành xâm phạm đến Hoàng Giang. Nhà vua sai đô tướng(2) là Trần Khát Chân đem quân ra chống cự.

Được phụng mạng đem quân đánh giặc, Khát Chân khẳng khái, khóc lạy Thượng hoàng để từ biệt. Thượng hoàng cũng khóc, mắt vẫn nhìn theo để tiễn đưa Khát Chân. Khi kéo quân đến Hoàng giang, gặp quân giặc, Khát Chân xem xét địa thế, thấy không có chỗ bố trận, liền lui quân đóng giữ ở

(1) Chỉ việc Quý Ly trước bị thua bỏ trốn về, sau xin giải tán binh quyền, không đem quân ra đánh nữa.

(2) Một chức quan chỉ huy quân đội thời cuối Trần.

sông Hải Triều. Lúc ấy tôn thất Nguyên Diệu, là em Đế Hiện, muốn báo thù, bèn đem quân đầu hàng Chiêm Thành.

Lời chua – *Hoàng Giang* : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7. (Chb. VI, 44).

Sông Hải Triều : Nay là khúc sông giáp với hai huyện Tiên Lữ và Hưng Nhân thuộc tỉnh Hưng Yên[1]. Chb. **XI**, 10

Trần Khát Chân : Người ở Vĩnh Ninh thuộc Thanh Hoá. Khát Chân là dòng dõi Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng.

Quý Ly gièm pha giết Nguyễn Đa Phương là người bè đảng với hắn.

Lời phê – *"Chỉ có người quân tử mới có bằng đảng"*[2], *câu nói ấy thật đúng.*

Từ khi ở Ngu Giang trốn về, Đa Phương tự cho mình là có công giữ được quân trọn vẹn, thường chê bai Quý Ly là bất tài.

Vì thế, Quý Ly gièm pha với Thượng hoàng rằng việc đánh Chiêm Thành thất bại là do ở Đa Phương, bèn thu lấy binh quyền do Đa Phương giữ. Đa Phương vẫn có nét mặt kiêu ngạo. Thượng hoàng nói : "Cần phải bắt chịu tội nhẹ để răn bảo hắn". Quý Ly nói : "Đa Phương là người mạnh khoẻ, tôi sợ hắn sẽ chạy sang phương Bắc với nhà Minh hay là chạy vào phương Nam với Chiêm Thành, thả cọp ra sẽ để hoạ về sau, chi bằng giết đi là xong". Bèn hạ lệnh bắt Đa Phương phải tự tử. Đa Phương phàn nàn rằng : "Tôi vì có tài mà được sang, cũng vì có tài mà phải chết, chỉ ân hận là không được chết ở nơi chiến trận mà thôi".

---

(1) Nay huyện Tiên Lữ vẫn thuộc tỉnh Hưng Yên, huyện Hưng Nhân thuộc tỉnh Thái Bình.

(2) Câu này trích trong bài *"Bằng đảng luận"* của Âu Dương Tu : "Tiên nhân vô bằng, duy quân tử tắc hữu bằng".

Tháng 12. Người thầy chùa có yêu thuật là Phạm Sư Ôn nổi lên làm loạn. Nhà vua sai viên tướng quản lĩnh đội quân Tả Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đi đánh, dẹp tan được.

Sư Ôn hô hào dân chúng tụ họp ở lộ Quế Oai, lạm xưng danh hiệu lớn. Dùng Nguyễn Mại, Nguyễn Khả Hành giữ chức Hành khiển, chiêu tập những kẻ vô lại[1] đặt làm các hiệu quân Thần Kỳ, Dũng Đấu và Vô Hạn. Sư Ôn đem quân xâm phạm thẳng vào kinh sư, nhà vua và Thượng hoàng phải lánh sang Bắc Giang. Sư Ôn ở kinh thành ba ngày, rồi kéo ra đóng ở Nộn Châu. Nhà vua sai Hoàng Phụng Thế đem quân đi đánh. Lúc ấy, Phụng Thế đương cùng La Ngai, tướng Chiêm Thành, cầm cự nhau ở Hoàng Giang. Khi đã nhận được lệnh, Phụng Thế từ Miệt Giang tiến quân. Bấy giờ gặp mùa đông, nước sông cạn, Phùng Thế vội mở đường thuỷ, thuyền chiến tiến xông vào. Quân giặc bị đánh bất thình lình, liền bị vỡ. Quân nhà Trần bắt được Sư Ôn cùng lũ Nguyễn Mại và Khả Hành đem giết đi. Chb. **XI**, 11

Lời chua – *Quốc Oai* : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb.X, 16).

Bắc Giang : Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI,18-19).

Miệt Giang : Từ phân lưu sông Hát, qua các huyện Chương Đức, Hoài An, thông với Hoàng Giang.

Nộn Châu : Thuộc lộ Quốc Oai, nay thay đổi không rõ ở chỗ nào.

Phụng Thế : Người Cổ Đằng, thuộc Thanh Hoá.

Canh Ngọ, năm thứ 3 (1390). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 23).

Tháng giêng, mùa xuân. Đô tướng Trần Khát Chân đánh cho quân Chiêm Thành bị thua to ở Hải Triều, giết được chúa nước ấy là Chế Bồng Nga.

---

(1) Vô lại : có nhiều nghĩa, nhưng có hai nghĩa này thông dụng : Người không có nghề nghiệp, không làm gì lợi cho gia đình ; người hung hãn giết người.

Bồng Nga cùng với hàng tướng Nguyên Diệu, quản lĩnh hơn trăm thuyền chiến, đến xem xét tình hình quan quân. Lúc các thuyền chưa kịp họp tập thì một tiểu thần của Bồng Nga là Ba Lậu Kê bị Bồng Nga quở trách, hắn sợ phải tội, mới chạy sang bên quan quân. chỉ chiếc thuyền sơn màu lục bảo với quan quân rằng : "Đấy là thuyền chúa Chiêm Thành". Khát Chân liền sai hoả pháo[1] cùng bắn một loạt, đạn bay trúng giữa thân Bồng Nga suốt vào ván thuyền, Bồng Nga bị chết ngay. Quân giặc sợ hãi tan vỡ. Nguyên Diệu nhân lúc ấy cắt lấy thủ cấp Bồng Nga, chạy về với quan quân. Viên đại đội phó trong đội quân Long Tiệp là Phạm Như Lặc và người đầu ngũ là Dương Ngang giết Nguyên Diệu, cướp lấy thủ cấp Bồng Nga đem dâng nộp. Khát Chân sai bỏ vào hòm, cho phi ngựa đem đến hành tại[2] ở Bình Than, tâu việc đánh được giặc. Lúc ấy giọt nước đồng hồ đã xuống đến trống canh ba, Thượng hoàng giật mình thức dậy, tưởng là giặc kéo đến, khi nghe biết tin thắng trận, mới cả mừng, liền triệu trăm quan đến xem cho kỹ, trăm quan đều chúc mừng. Thượng hoàng nói : "Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được thấy mặt nhau, không khác gì Hán Cao Tổ trông thấy đầu Hạng Vũ. Từ nay trong nước sẽ bình định". Chb. **XI**, 12

La Ngai, tướng Chiêm Thành, thu thập tàn quân, hoả táng hài cốt Bồng Nga, ngày đêm đi lần chân núi, bắc ngang cây làm giàn để nấu cơm, vừa đi vừa ăn, chỗ nào gặp quan quân đuổi đánh thì dừng voi lại, tung của ra, để làm kế ngăn cản, nên đem quân về nước được trọn vẹn.

---

(1) Một chiến cụ thời cổ, có máy để bắn đạn bằng đá. Người chế ra súng này là Phạm Lãi, người thời Xuân Thu, qua đời Hán đến đời Tống đều dùng chiến cụ này, đến đời nhà Nguyên mới chế bằng sắt, nặng 5, 6 trăm cân, dài 5, 6 thước, trang bị bằng thuốc có chất nảy lửa và đạn bằng đá, để bắn quân địch.

(2) Nơi vua đặt ngự doanh ở ngoài kinh thành, gọi là hành tại.

Lúc ấy, dân ở Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá, nhiều người làm phản, đi theo Chiêm Thành, duy thổ hào Phan Mãnh và Phạm Thế Căng đem dân chúng thuận theo về triều đình. Thượng hoàng khen ngợi, lại thấy Mãnh là người có tài lược, cho thăng ngay lên chức Minh uy tướng quân, quản lĩnh quân Tân Bình và Thuận Hoá để chống cự với giặc Chiêm Thành.

Lời phê[1] – *Cũng may đấy thôi, không có gì là tài giỏi.*

Lời chua – *Nghệ An* : Đất Hoan châu xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,21-24) Chb. **XI**, 13

Tân Bình : Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb.III,29).

Thuận Hoá : Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb.I,28).

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Long Hưng, Kiến Xương và An Sinh, bái yết các lăng tẩm.

Bọn Trần Nguyên Đĩnh và Trần Tôn phạm tội, phải chịu tội chết.

Trước đây, Chiêm Thành vào lấn cướp, tư đồ Nguyên Đĩnh và thiếu bảo Trần Tôn ngấm ngầm giao thông với Chiêm Thành, đến lúc quân Chiêm Thành rút lui, nhà vua hạ chiếu bắt để trị tội, bọn Nguyên Đĩnh và Trần Tôn nhảy xuống nước chết, bè đảng của chúng là Trần Khang chạy sang Lão Qua.

Lời chua – *Nguyên Đĩnh* : Con Cung Tĩnh vương Nguyên Trác.

Lão Qua : Tên dân tộc Mán, tục gọi là Qua Gia. Đất này phía đông nam giáp với địa giới nước ta ; phía tây giáp địa giới nước Bát bá

(1) Chỉ việc may được Ba Lậu Kê chỉ bảo, nên mới giết được chúa Chiêm Thành.

tức phụ ; phía bắc giáp địa giới Xa Lý. Nhà Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405) mới đặt Tuyên Uý ty. Nay là nước Nam Chưởng.

Hạ chiếu định công trạng những người đánh được Chiêm Thành, ban tước có từng cấp bậc khác nhau.

Trần Khát Chân làm Long tiệp phụng thần nội vệ thượng tướng quân, phong tước Vũ Tiết quan nội hầu ; Phạm Khả Vĩnh làm Xa kỵ thượng tướng quân, phong tước quan phục hầu ; Phạm Lặc và Dương Ngang được ban tước năm tư, lại gia phong cho Lặc quản lĩnh Cấm vệ đô, ban cho Ngang 30 mẫu ruộng ; còn những người khác đều được ban tước cao thấp khác nhau. Chb. **XI**, 14

Tháng 4, mùa hạ. Gia tôn huy hiệu cho tiên đế và tiên hậu.

Tháng 6. Gió dữ, mưa to, nước lớn.

Bổ dụng Chương Tĩnh vương Nguyên Hi làm Nhập nội kiểm hiệu hữu tướng quốc bình chương sự[1].

Nguyên Hi là em Nguyên Diệu. Nguyên Diệu đã chết[2], Nguyên Hi trong bụng không được yên, vì thế mới có lệnh bổ dụng này để cho yên tâm.

Chế Ma Nô Đã Nan, người Chiêm Thành, cùng em hắn là Chế Sơn Na chạy sang nước ta.

Tướng Chiêm Thành là La Ngai dẫn quân về, bèn chiếm giữ lấy nước, tự lập làm chúa. Hai con của Bồng Nga sợ bị giết, nên chạy sang nước ta. Nhà vua phong cho Ma Nô Đã Nan làm hiệu chính hầu, Sơn Na làm á hầu.

Tháng 10, mùa đông. Khơi sâu sông Thiên Đức.

Lời chua – *Sông Thiên Đức* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.II,11).

---

(1) Chức tương đương với Tể tướng.

(2) Diệu bị bọn Phạm Nhữ Lặc và Dương Ngang giết năm Canh Ngọ 1390 (Chb. XI, 11-12).

Tân Mùi, năm thứ 4 (1391). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 24). Chb. **XI**, 15

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly đi tuần đến Hoá Châu, bị Chiêm Thành đánh, phải thua, bèn trở về.

Quý Ly nhận thấy đất Hóa Châu tiếp giáp với Chiêm Thành, nên đem quân đi tuần đất ấy, xét định hàng ngũ quân lính, sửa sang xây dựng thành hào, rồi sai viên tướng quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đem quân đi tuần tiễu đến địa giới Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt quân mai phục để chờ đợi : quân Phụng Thế tự tan vỡ. Phụng Thế bị giặc bắt, sau tìm kế thoát ra được ; khi đem quân về, lại được giữ chức như cũ. Còn 30 người đại đội phó trong bộ thuộc Phụng Thế thì bị Quý Ly đem chém hết.

Tháng 5, mùa hạ. Quý Ly giết Thái uý là Trang Định đại vương Ngạc.

Trước đây, Đế Hiện bị truất, Thượng hoàng muốn lập Ngạc nối ngôi, Quý Ly dùng kế làm cho Thượng hoàng mê hoặc[1], do đấy Ngạc và Quý Ly sinh ra hiềm khích, nhiều lần Ngạc bị Quý Ly gièm pha, sinh lòng nghi ngờ lo sợ, bèn trốn ra Vạn Ninh. Thượng hoàng sai viên tướng quản lĩnh đội quân Ninh Vệ là Nguyễn Nhân Liệt đuổi theo bảo trở về. Quý Ly ngầm sai Nhân Liệt đánh chết Ngạc. Khi trở về kinh đô, Nhân Liệt nói dối là vì Ngạc đối với người trại Vạn Ninh một cách bạo ngược, nên bị họ giết. Thượng hoàng giận, truất Ngạc làm Mẫn vương, sau tỉnh ngộ ăn năn, mới hỏi người nào đuổi bắt Mẫn vương. Nhân Liệt sợ, thắt cổ tự tử.

Lời chua – *Vạn Ninh* : Từ đời Trần trở về trước là tên châu ; lúc thuộc Minh đổi làm huyện ; nhà Lê lại đặt làm châu ; nay là phủ Hải Ninh thuộc tỉnh Quảng Yên. Chb. **XI**, 16

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 6.

Tháng 8, mùa thu. Quý Ly giết hai tướng quản lĩnh quân Hoá Châu là Phan Mãnh và Chu Bỉnh Khuê ; dùng Đặng Tất làm châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chánh hình viện đại phu.

Uy quyền Quý Ly ngày một to lớn, các tướng ở Hoá Châu cùng nhau bàn luận. Phan Mãnh nói : "Trời không bao giờ có hai mặt trời, dân không bao giờ có hai vua". Chu Bỉnh Khuê nói : "Dương liễu lắm điều, mọi người đều khoá miệng"(1). Tất và Hối Khanh ngầm viết thư mách Quý Ly. Quý Ly cho là Mãnh và Bỉnh Khuê ngấm ngầm làm điều trái phép, bèn giết hai người ấy, mà bổ dụng bọn Đặng Tất giữ chức quan này.

Viên ngự sử Đỗ Tử Trừng không nói gì đến việc này, Quý Ly đưa bài thơ để quở trách.

Lời phê(2) – *Con đường xuất thân của Đặng Tất như thế, so với việc làm sau này, có phải là một người mà hai nhân cách khác nhau hay không*(3)?

Lời chua – *Phan Mãnh, Bỉnh Khuê* : Người Hoá Châu.

Đặng Tất : Người ở Thiên Lộc, thuộc Nghệ An, có thuyết nói Đặng Tất là người Hóa Châu.

Hoàng Hối Khanh : Người ở An Định, thuộc Thanh Hóa.

Dương liễu lắm điều : *Sử cũ* chua là "không rõ nghĩa". Đại ý nói Quý Ly nói nhiều để khoá miệng mọi người.

Nhâm Thân, năm thứ 5 (1392). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 25).

Tháng 2, mùa xuân. Giết tôn thất Trần Nhật Chương. Chb. **XI**, 17

---

(1) Nguyên văn là : "Dương liễu đa ngôn, chúng giai bế khẩu" Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.

(2) Chỉ việc Đặng Tất đưa thư tố cáo với Quý Ly về lời đàm luận của Phan Mãnh và Bỉnh Khuê.

(3) Câu phê này có 10 chữ : *"Đặng Tất xuất thân như thử, thị nhị nhân da ?"* Ý nói : Đặng Tất viết thư mách Quý Ly về lời đàm luận của Phan Mãnh và Chu Bỉnh Khuê, làm cho hai người này bị giết, mà mình được xuất thân làm quan, đấy là nhân cách kém. Thế mà sau này lại biết phò Đế Ngỗi, đánh quân Minh xâm lược, thì lại là nhân cách tốt. (Xem thêm *Chính biên* quyển XII, tờ 22, 28).

Nhật Chương lập mưu giết Quý Ly, Thượng hoàng cho là người mang lòng phản bội, nên giết đi.

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Nhà vua hạ chiếu trưng cầu lời nói trung thực.

Bùi Mộng Hoa dâng sớ, đại lược nói : "Tôi nghe được câu đồng dao rằng "thâm tai Lê sư[1]", xem như thế thì tất nhiên Quý Ly có ý dòm ngó đến ngôi báu". Thượng hoàng xem lời tâu, rồi lại bảo cho Quý Ly biết. Sau này Quý Ly chuyên giữ chính quyền trong nước, Mộng Hoa trốn đi ở ẩn, không ra làm quan.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Kinh Dịch nói : "Vua mà không cẩn mật thì làm hại đến bầy tôi"[2]. Nay đã trưng cầu lời nói trung trực, rồi lại vội đem lời nói trung trực ấy bảo với người bị chỉ trích, thì có đời nào lại hành động như thế bao giờ ? Nghệ Tông già nua lẫn lộn đến thế là cùng. Mộng Hoa không gặp được vua sáng suốt, là tự lòng trời, mà cũng là việc không may cho nhà Trần.*

Tháng 10, mùa đông. Đặt đồn ở các cửa sông cửa ải và đi tuần để canh giữ.

Bấy giờ, Chiêm Thành thường vào xâm lấn, nhiều nơi trộm giặc hàng đàn khởi lên, cướp bóc giữa ban ngày, pháp luật không sao ngăn cấm được. Nay Quý Ly giữ chính quyền, mới đặt đồn ở các cửa sông, cửa ải để đi tuần và canh giữ, dò bắt trộm cướp, tuỳ theo địa thế xung yếu mà đặt hoặc 3 đô, hoặc 4 đô, hoặc 5 đô[3].

Tháng 12. Định tội những quân và dân trốn tránh sai dịch.

---

(1) Thâm hiểm thay quan Thái sư họ Lê ! - Lê Quý Ly sau này xưng là Phụ quốc thái sư, nên chúng tôi cho "Lê sư" là quan Thái sư họ Lê. Nhưng theo *Đại Việt sử ký bản kỷ,* thì có chỗ (quyển 9 tờ 23) tác giả (có thuyết nói là Ngô Thì Sĩ) lại chua là lời sấm Lê Thái Tổ khởi binh, thì chữ "Lê sư" lại có nghĩa là binh lính của Lê Lợi. Câu đồng dao thời đại phong kiến phần nhiều có tính chất huyền bí, khó hiểu thế nào cho thật đúng được.

(2) Nguyên văn là "Quân bất mật tắc thất thần", một câu trong "Hệ tử thượng" kinh *Dịch,* dùng để giải nghĩa hào "sơ cửu" quẻ Tiết.

(3) Mỗi đô 80 người. Xem thêm *Chính biên* quyển VII tờ 10 về việc định quân ngũ.

Phàm quân và dân trốn tránh sai dịch đều phải phạt 10 quan tiền, thích 4 chữ vào gáy. Nếu người trốn tránh ấy là hạng đầu mục trong quân và dân, sẽ bị tội chết chém, ruộng đất và tài sản bị sung công. Chb. **XI**, 18

Đày viên Quốc tử trợ giáo là Đoàn Xuân Lôi đi cận châu[1], giáng chức viên Hành khiển Đào Sư Tích làm Trung thư thị lang đồng tri Thẩm hình viện sự.

Quý Ly làm 14 thiên *Minh Đạo* dâng lên vua. Đại lược nhận định Chu Công[2] là tiên thánh. Khổng Tử[3] là tiên sư ; sắp xếp ngôi thứ thờ ở Văn Miếu[4] : đặt bài vị Chu Công ngồi giữa, mặt hướng nam[5] ; bài vị Khổng Tử ngồi bên, mặt hướng tây.

Trong sách *Luận ngữ* có 4 chỗ, Quý Ly lấy làm ngờ, như : Khổng Tử đến yết kiến nàng Nam Tử[6] ; Khổng Tử bị hết lương ăn ở nước Trần[7] ; Công Sơn triệu, Phật Hất triệu, Khổng Tử đều muốn đến giúp[8]... Về Hàn Dũ[9], Quý Ly cho là "đạo nho"[10]; còn các người hiền

---

(1) Những châu ở gần.

(2) Tên là Đán, con Văn vương, định quan chế, dựng lễ pháp, đời sau nói đến lễ nhạc, phần nhiều nhắc đến Chu Công.

(3) Tên là Khâu, tự là Trọng Ni, người đời Xuân Thu, sửa lại 6 kinh, để tuyên dương phép tắc của đế vương đời trước, là một ông tổ về nho giáo.

(4) Nước ta có Văn Miếu bắt đầu từ đời Lý Thánh Tông (1070), trong Văn Miếu thờ Chu Công, Khổng Tử và bốn vị phối hưởng, bảy mươi hai vị hiền (Xem thêm *Chính biên* quyển III tờ 30).

(5) Tượng trưng vị chính của thiên tử.

(6) Con gái nước Tống, vợ Linh công nước Vệ, là người tà dâm, việc chép trong thiên *Ung Dã*.

(7) Khổng Tử ở nước Vệ sang nước Trần, bị hết lương ăn, người đi theo bị đói, không đứng dậy được, việc chép ở thiên *Vệ Linh công*.

(8) Họ Công Sơn Phất Nhiễu là quan thái tể của họ Quý nước Lỗ, giữ ấp Phí để chống lại họ Quý : Phật Hất là quan thái tể ấp Trung Mâu. Hai việc này đều chép ở thiên *Dương Hoá*.

(9) Hàn Dũ người ở Nam Dương, tự Thoái Chi, cũng gọi là Hàn Xương Lê, vì tiên tổ Hàn Dũ người ở Xương Lê. Hàn là một danh nho đời Đường.

(10) Theo bài tán ở truyện Lý Phùng Cát trong *Đường thư* thì người nào ngoài miệng nói đạo nghĩa thánh hiền mà việc làm như kẻ cắp chợ, gọi là "đạo nho". Có lẽ vì Hàn Dũ làm bài "Phật cốt biểu" cực lực bài bác đạo Phật, sau bị giáng chức ra Triều châu, lại giao du thân với nhà sư Đại Điên, lời nói và hành động trái ngược nhau, nên Quý Ly cho là "đạo nho".

như Chu Mậu Thúc[1], hai họ Trình[2], Dương Quy Sơn[3], La Trọng Tố[4], Lý Diên Bình[5] và Chu Tử[6], thì Quý Ly cho là học rộng mà ý nghĩ viển vông, không sát với tình hình sự việc, chỉ chăm bề cắp nhặt. Mười bốn thiên Minh Đạo dâng lên, Thượng hoàng ban tờ chiếu khen ngợi và phủ dụ. Đoàn Xuân Lôi dâng thư nói : "Không nên như thế". Vì thế, phải phát vãng đi cận châu. Án từ việc này liên can đến Sư Tích, vì Sư Tích đã thường xem đến bức thư ấy, do đấy Sư Tích cũng bị giáng truất.

Lời phê[7] – *Chưa phải đã hoàn toàn sai.*

Lời chua – *Đoàn Xuân Lôi* : Người ở Tân Phúc, thuộc Bắc Giang, thi đỗ thái học sinh năm Xương Phù thứ 8 (1384), niên hiệu Trần Đế Hiện).

Quí Dậu, năm thứ 6 (1393). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 26).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Hồ Cương quản lĩnh quân Tả Thánh Dực.

Quý Ly tự nhận gốc tích họ mình là Hồ, có ý muốn lại theo họ cũ, nên đem Hồ Cương là người thân thích ruột thịt nhà mình giữ chức quan này. Chb. **XI**, 19

Lời chua – *Hồ Cương* : Người Diễn Châu

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

---

(1) Chính tên là Chu Đôn Di, tự Mậu Thúc, cũng gọi là Liêm Khê tiên sinh, có làm thuyết *Thái Cực đồ* và sách *Thông thư,* Chu là ông tổ trong phái lý học đời *Tống.*

(2) Trình Hiệu và Trình Di, hai anh em đều là học trò Chu Mậu Thúc. Trình Hiệu, đời gọi là Minh Đạo tiên sinh. Hiệu có sửa định lại sách *Tính Lý* và thuyết *Thái Cực đồ.* Trình Di, em Trình Hiệu, tên tự là Chính Thúc, đời gọi là Y Xuyên tiên sinh. Di có làm truyện kinh *Dịch* và truyện *kinh Xuân Thu.*

(3) Tên là Thê, tự là Trung Lập, đời gọi là Quy Sơn Tiên sinh. Dương là học trò Trình Di, chuyên tâm về việc trứ tác và giảng dạy.

(4) Tên là Tùng Ngạn, tự là Trọng Tố, cũng gọi là Dư Chương tiên sinh, La là học trò Dương Quy Sơn, ở ẩn để đọc sách, không có chí về công danh. La thường nói : "Sĩ phu ra làm quan, căn bản là phải chính trực, trung hậu".

(5) Tên là Đồng, tự Nguyên Trung, cũng gọi là Diên Bình tiên sinh, tinh thông về lý học. Diên Bình là học trò La Trọng Tố và là thầy học Chu Hi.

(6) Xem chú thích số 2 ở **Cương mục**, quyển đầu, tờ 13.

(7) Chỉ việc Hồ Quý Ly phê bình các tiên nho như bọn Hàn Dũ, Chu Tử...

Tháng 8, mùa thu. Động đất, thuỷ tai.

Tháng 9. Hoàng trùng.

Tháng 10, mùa đông. Đem vợ Đế Hiện là Trần Thị gả cho thái bảo Trần Nguyên Hàng.

Hậu, tức là Thiên huy công chúa, con gái Thượng hoàng.

Sau khi Đế Hiện đã bị giết, Thượng hoàng thường muốn cho hậu cải giá. Nhân một hôm đi chơi hồ Tây, hậu tư bôn với phủ quân ti là Nguyên Uyên ; Thượng hoàng giận, đem gả lại cho Nguyên Hàng là em Nguyên Uyên, để cho nhục nhã.

Lời chua – *Uyên, Hàng* : Đều là con Cung Tín vương Nguyên Trạch.

Giáp Tuất, năm thứ 7 (1394). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 27).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng ban cho Quý Ly bức tranh "tứ phụ"[1].

Thượng hoàng sai vẽ tranh Chu Công giúp Thành vương[2], Hoắc Quang giúp Chiêu Đế[3], Gia Cát Lượng giúp Hậu Chúa[4], Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông[5] gọi là "tứ phụ đồ", ban cho Quý ly và dặn bảo rằng : "khanh giúp quan gia[6] cũng nên theo như những người ấy".

---

(1) Bức tranh vẽ bốn quan to ở bốn triều đại đã từng giúp vua khi mới lên ngôi.

(2) Chu Công tên là Đán, giữ chức chủng tể nhà Chu. Khi Chu Vũ vương Phát mất, con là Tụng nối ngôi (tức là Thành vương) mới 13 tuổi, Chu Công thay Thành vương trông coi mọi việc, nhờ có Chu Công mà xã tắc nhà Chu mới yên.

(3) Hoắc Quang giữ chức đại tư mã đại tướng quân dưới triều Hán Vũ đế. Khi Hán Vũ đế mất, con là Phất Lăng mới 9 tuổi lên nối ngôi (tức là Hán Chiêu đế), Hoắc Quang một tay nắm hết quyền bính trong nước để giúp Chiêu đế.

(4) Gia Cát Lượng, tức Khổng Minh, giữ chức Thừa tướng dưới triều Chiêu Liệt đế, nhà Hậu Hán (tức Lưu Bị). Khi Lưu Bị mất, con là Lưu Thiện tuy đã trưởng thành, nhưng rất ngu hèn. Gia Cát Lượng phải giúp Lưu Thiện về mọi việc mới chống chọi được với nước Nguỵ và nước Ngô.

(5) Tô Hiến Thành giữ chức Thái uý dưới triều Lý Cao Tông. Khi Cao Tông mất, con là Long Cán mới 3 tuổi lên nối ngôi. Hiến Thành thay Long Cán điều khiển công việc trong nước. Nhiều lần vợ Lý Cao Tông muốn thay đổi người khác làm vua, Hiến Thành nhất định không nghe.

Bức tranh tứ phụ này, về ba người trên theo điển ở sử Trung Quốc về Tô Hiến Thành theo điển ở triều Lý nước ta.

(6) Chỉ Trần Thuận Tông.

Có một đêm, Thượng hoàng nằm mộng thấy Duệ Tông[1] đọc bài thơ rằng : *"Trung gian duy hữu xích chuỷ hầu, ân cần tiềm thướng bạch kê lâu, khẩu vương dĩ định hưng vong sự, bất tại tiền đầu tại hậu đầu*[2]". (Đại ý nói : trung gian có một người xích chuỷ, lăm le lấn bước lên cái lầu bạch kê, việc nước còn hay mất cũng đã định sẵn rồi, sau này sẽ biết rõ). Khi tỉnh dậy, Thượng hoàng dùng lối "triết tự"[3] để phân tích, biết chắc chắn là Quý Ly thế nào cũng cướp mất ngôi vua, lấy làm lo lắm, nhưng tình thế lúc bấy giờ khó có thể chống gỡ lại được nữa. Chb. **XI**, 20

Tháng tư, sau khi hội họp tuyên thệ xong[4], Thượng hoàng triệu Quý Ly vào cung bảo rằng : "Bình chương là họ thân thích nhà vua[5], hết thảy công việc nhà nước đều uỷ thác cho khanh cả, nay thế nước suy yếu, mà trẫm đã đến tuổi già lẫn, sau khi trẫm qua đời, nếu quan gia có thể giúp được thì giúp, nếu là người hèn kém ngu tối, thì khanh tự nhận lấy ngôi vua". Quý Ly tháo bỏ mũ[6], lạy sát đầu xuống đất vừa khóc vừa tạ tội, rồi chỉ lên trời thề rằng : "Nếu tôi không làm thế nào hết trung hết sức để phò tá quan gia, thì dòng dõi nhà tôi sau này sẽ bị trời chán ghét". Quý Ly lại nói : "Lúc Linh Đức vương[7] làm điều bất đức, nếu không nhờ oai linh bệ hạ thì tôi đã ngậm cười dưới đất rồi, còn đâu được đến ngày nay nữa? Tôi dầu nát thịt nát xương cũng chưa thể báo đáp ơn bệ hạ lấy một phần trong

(1) Em Nghệ Tông, bị tử trận khi đi đánh Chiêm Thành.

(2) Bốn câu thơ chữ Hán này, sách *Cương mục* đã chua ở dưới.

(3) Một phương pháp riêng của nhà thuật số dùng để tản tự, họ đem những danh từ huyền bí tách ra từng nét. hoặc hợp nét nọ vào với nét kia, chữ nọ vào với chữ kia, hoặc gán ghép vào các giống vật, các câu thành ngữ để đoán mọi sự việc.

(4) Theo tục nhà Trần, hằng năm, vua hội họp bầy tôi làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ (xem thêm *Chính biên* quyển VI, tờ 5).

(5) Quý Ly có hai người cô đều lấy Trần Minh Tông, một người sinh ra Nghệ Tông, một người sinh ra Duệ Tông. Vợ Quý Ly lại là Huy Ninh công chúa, một tôn nữ nhà Trần.

(6) Thời đại phong kiến, mỗi khi bầy tôi biết mình có lỗi thì tháo bỏ mũ đương đội trên đầu để tạ tội.

(7) Một tước phong cho Đế Hiện khi bị giáng truất. Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 5- 6.

muôn phần, còn đâu dám mưu đồ sự khác, xin bệ hạ soi xét tấm lòng ấy cho hạ thần, không nên lo nghĩ quá".

Lời phê(1) – *Chỉ có kẻ tiểu nhân thì không sợ trời, không nghĩ gì đến lời nói. Bọn giặc cướp lúc bấy giờ đều thế cả, còn người quân tử thì không như thế.*

Lời chua – *Xích chuỷ* : Chỉ Quý Ly(2). Chb. **XI**, 21

Bạch Kê : Chỉ Nghệ Tông, vì Nghệ Tông sinh năm Tân Dậu, cho nên gọi là "bạch kê"(3).

Khẩu vương : Chữ "quốc" 国(4)

Tại hậu đầu : Về việc nước còn hay mất, sau này sẽ thấy rõ.

Tháng 7, mùa thu. Bổ Phùng Cụ làm quan doãn ở Trung Đô.

Trước gọi là quan doãn Kinh Sư(5), đến nay đổi là quan doãn Trung Đô.

Tháng 11, mùa đông. Bổ Nguyên Trừng, con cả Quý Ly, xét đoán công việc ở Thượng lâm tự(6).

---

(1) Chỉ việc Quý Ly chỉ tay lên trời thề nguyền.

(2) Sách *Cương mục* chua chữ "xích chuỷ" chỉ Quý Ly. Chua như thế có phần đúng, nhưng chưa được rõ. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì chữ "chuỷ" nghĩa đen là mỏ loài chim, mõm loài thú, hay cũng có thể là miệng của người . Nghĩa chữ "chuỷ" cũng như nghĩa chữ "khẩu". Trong *Từ thư* không có danh từ "xích chuỷ", chúng tôi tưởng nghĩa "xích chuỷ" cũng như nghĩa "xích khẩu". "Xích khẩu độc thiệt" là nói những người miệng lưỡi thâm độc. Quý Ly là người lắm điều (Dương liễu đa ngôn) gièm pha giết hết người này người khác, nên câu thơ này dùng chữ bí ẩn để ám chỉ Quý Ly, còn chữ "hầu" ở cuối câu này, có thể cắt nghĩa là người nào đó, như quân hầu chẳng hạn, vì thế chúng tôi dịch chữ "hầu" là "người".

(3) *Bạch kê* : nghĩa đen là gà trắng. Theo về thuật số học. 12 hàng chi từ tí đến hợi, mỗi chi đều cầm tinh một giống vật, như tuổi tí cầm tinh con chuột, tuổi hợi cầm tinh con lợn... Nghệ Tông tuổi Tân Dậu, "tân" thuộc hành kim, loài chim sắc trắng, "dậu" cầm tinh con gà, vì thế mới dùng chữ "bạch kê" để ám chỉ tuổi Tân Dậu.

(4) Chữ "vương" ở trong lòng chữ "khẩu" thành chữ 国 "quốc" (lối viết đơn giản của ta xưa). Theo quan điểm phong kiến, nước là của vua, nên mới đặt chữ "vương" trong một ô vuông, để tượng trưng ông vua là chủ trong một chu vi rộng lớn ấy. Nhưng theo lối viết đơn giản bây giờ, đặt chữ "ngọc" 玉 ở trong một ô vuông, chỉ thêm một nét chấm, mà nghĩa chữ "quốc" bây giờ khác hẳn với chữ "quốc" thời phong kiến.

(5) Tức là chức Kinh Sư đại doãn, như Nguyễn Trung Ngạn đã được làm năm Tân Tỉ (1341) dưới triều Trần Dụ Tông (Chb IX, 40).

(6) *Tự* đây là nơi quan thự ở thời phong kiến, như Thái thường *tự*, Hồng lô *tự*... tuy cùng mặt chữ nhưng khác nghĩa với "tự" là chùa.

Trước kia, đặt viện Đăng Văn kiểm pháp[1] để xét hỏi việc ngục tụng trong nước, đến nay đổi viện làm *tự*, bổ Nguyên Trừng giữ việc xét xử công việc trong *tự* ấy.

Tháng 12. Thượng hoàng mất, mai táng ở Nguyên Lăng.

Đặt tên thuỵ là Quang Nghiêu anh triết hoàng đế, miếu hiệu là Nghệ Tông, ở ngôi vua ba năm, nhường ngôi hai mươi bảy năm, hưởng thọ 74 tuổi.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên – *Nghệ Tông tính tình hoà nhã, giữ lòng kính cẩn lo sợ, nhưng thiếu uy vũ để đánh lui giặc ngoài*[2], *không đủ sáng suốt để phân biệt lời gièm* pha[3], *uỷ thác chính quyền cho ngoại thích*[4], *khiến xã tắc nhà Trần đi đến chỗ suy vong ! Ấy chính như lời xưa đã nói : "Đằng trước có kẻ sàm nịnh mà không thấy, đằng sau có giặc mà không hay".*[5] Chb. **XI**, 22

Lời cẩn án – *Ngày mất và ngày táng cùng trong một tháng là trái lễ, hoặc* Sử cũ *chép lầm, hoặc là Quý Ly chuyên giữ chính quyền, công việc không theo đúng lễ ? Việc này sẽ xét sau.*

Lời chua – *Nguyên Lăng* : Ở xã An Sinh, huyện Đông Triều.[6]

Ất Hợi, năm thứ 8 (1395). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 28).

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly sai giết tôn thất là Nguyên Uyên, Nguyên Dận và sĩ nhân là Nguyễn Phù.

Quý Ly nhận thấy Nguyên Uyên và Nguyên Dận, đương khi để tang Nghệ Tông, thường cùng với Nguyên Phú bàn tán về

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển IX, tờ 44.

(2) Chỉ Chiêm Thành.

(3) Chỉ lời gièm pha của Quý Ly.

(4) Chỉ Quý Ly. Xem thêm chú thích số 6 ở *Chính biên* quyển XI, tờ 20.

(5) Nguyên văn là "tiền hữu sàm nhi bất kiến, hậu hữu nhi bất tri". Lời Đổng Trọng Thư trong *Hán Thư*.

(6) Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

việc Nhật Chương[1] nên tước họ tôn thất của Uyên và Dận mà đổi là họ Mai, rồi giết đi.

Lời chua – *Nguyên Dận* : Con Cung Chính vương Sư Hiền. Chế độ cũ nhà Trần, người trong họ tôn thất mà có tội nặng, thì phải tước họ tôn thất mà gọi là họ Mai[2].

Bổ dụng Quý Ly giữ chức Nhập nội phụ chính thái sư bình chương quân quốc trọng sự, Tuyên Trung Vệ quốc đại vương.

Lời phê – *Hình tích hành động của Quý Ly gần giống Vương Mãng*[3].

Cho Quý Ly đeo phù hiệu kim lân[4], lại được ở tại phía hữu sảnh và đài, đặt tên chỗ ở là "Hoạch Lư"[5]. Nhân đấy, Quý Ly biên dịch thiên "Vô dật"[6] ra Quốc ngữ[7] để dạy quan gia[8] . Mệnh lệnh ban ra thì xưng là phụ chính cai giáo hoàng đế[9].

Lời chua – *Sảnh* : Trung thư sảnh. Chb. **XI**, 23

Đài : Ngự sử đài.

Sứ thần nhà Minh sang.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 16 - 17 việc Quý Ly giết Nhật Chương (việc năm Nhâm Thân, 1392).

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển VIII, tờ 14 : việc Trần Kiện, Trần Văn Lộng.

(3) Giữ chức đại tư mã dưới triều Bình Đế nhà Tây Hán, sau giết Bình Đế. Lập nhụ tử Anh, Vương Mãng nắm hết chính quyền trong nước, tự xưng là Hoàng đế giả cuối cùng cướp ngôi vua nhà Hán, đặt tên nước là Tân.

(4) Phù hiệu có chạm hình con lân bằng vàng.

(5) Nguyên văn chữ Hán là .Riêng chữ có hai âm : "Hoạch" và "hoạ" nên hai chữ này có thể đọc là 'hoạch lư" cũng có thể đọc là "hoạ lư". Theo chú thích trong *Từ nguyên* thì danh từ này có nhiều nghĩa : a) nhà ở của người bầy tôi thân cận với nhà vua để định kế hoạch trong nước ; b) nhà có chạm trổ c) nhà có vẽ hình các vua hiền đời trước ; d) nhà của một chức quan về triều nhà Hán.

(6) Một thiên trong sách *Thượng thư,* do Chu Công Đán làm ra để khuyên răn Thành vương nhà Chu. Trong sách phần nhiều nhấn mạnh về việc làm vua phải biết việc cày cấy của dân khó nhọc, không nên đánh thuế nặng,... Hai chữ "vô dật" nghĩa là chớ có ở dưng, chớ có chơi bời làm lãng phí thì giờ.

(7) Tức là quốc âm.

(8) Chỉ Trần Thuận Tông.

(9) Sáu chữ này nghĩa là giúp vua giữ chính quyền trong nước kiêm cả việc dạy bảo vua

Nhà Minh đem quân đánh người Mán bội bạn ở Long châu, sai Nhâm Hanh Thái sang nước ta xin giúp cho 5 vạn người, 50 thớt voi, và 50 vạn thạch lương thực để tiếp tế cho quân. Thâm tâm nhà Minh muốn giả thác việc này để chộp bắt người nước ta. Lúc Hanh Thái đến, đem thâm tâm ấy nói kín cho triều đình biết. Vì thế nước ta không giúp cho lính và voi, chỉ sai quan đưa số gạo, lương đến Đồng Đăng giao nhận xong rồi trở về. Số gạo ấy cũng không được bao nhiêu.

Lời chua – *Đồng Đăng* : Tên xã, nay thuộc châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

Bính Tuất, năm thứ 9 (1396). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 29).

Tháng giêng, mùa xuân. Sa thải một số tăng đạo.

Những sư chưa đến 50 tuổi trở lên đều phải hoàn tục. Lại thi người nào thông hiểu đạo Phật, trao cho chức Tăng đường đầu mục(1) và tri cung, tri quán, tri tự, ngoài ra gọi là tu nhân(2), hoặc thị giả(3).

Chb. **XI**, 24

Tháng 3. Duyệt binh.

Tháng 4, mùa hạ. Bắt đầu ban hành tiền "thông bảo hội sao".

Thiếu bảo Vương Nhữ Chu đề nghị đổi lại chế độ. Quý Ly nghe theo, mới định chế độ tiền giấy như sau : loại 10 đồng vẽ rau rong ; loại 30 đồng vẽ thuỷ ba ; loại một tiền vẽ đám mây, loại hai tiền vẽ con rùa ; loại ba tiền vẽ con lân ; loại 5 tiền vẽ con phượng : loại một quan vẽ con rồng. Người nào làm giả phải tội tử hình, tịch thu điền sản sung công. Khi tiền giấy đã in xong, hạ lệnh cho dân được đem tiền thực đổi lấy tiền giấy : cứ một quan tiền thực chất đổi lấy tiền giấy một quan hai tiền. Cấm chỉ dân gian không được dùng tiền đồng, bao nhiêu tiền đồng đều nộp vào quan, nếu như người nào tàng trữ riêng hoặc tiêu dùng riêng cũng phải tội như người làm giả tiền giấy.

(1) Có lẽ một chức đứng đầu nhà sư.

(2) Người tu luyện pháp môn cửa phật.

(3) Xem *Chính biên,* quyển XI, tờ 1, chú thích số 1 về chữ "thị giả"

Định thể lệ thi cử.

Hồi đầu đời Trần thi học trò, thể văn không được nhất định, đến nay mới định ra thể văn bốn kỳ thi, bỏ lối ám tả cổ văn, năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, người nào trúng tuyển thì thi một bài văn sách để định thứ tự đỗ cao, đỗ thấp.

Lời chua – *Thể văn bốn kỳ (tứ trường văn thể)* : Kỳ đệ nhất : thi một bài kinh nghĩa, có đoạn phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, chước kết, bài làm hạn trên năm trăm chữ. Chb. **XI**, 25
Kỳ đệ nhị : thi một bài thơ và một bài phú. Thể thơ dùng luật Đường ; phú dùng cổ thể, hoặc thể Ly Tao, thể Văn tuyển, riêng bài phú cũng hạn trên năm trăm chữ. Kỳ đệ tam : thi chiếu, chế và biểu mỗi thể một bài, bài chiếu dùng văn thể đời Hán, bài chế và bài biểu dùng văn thể tứ lục đời Đường. Kỳ đệ tứ : thi một bài văn sách, quan trường dùng điển tích ở sách kinh, sách sử và thời sự để ra đầu bài, hạn trên một ngàn chữ.

Tháng 6. Quy định thể lệ mũ và áo.

Về áo mặc : viên quan nhất phẩm mặc áo màu tía, nhị phẩm màu đại hồng, tam phẩm màu hồng điều, tứ phẩm màu lục, ngũ phẩm và thất phẩm màu biếc, bát và cửu phẩm màu xanh. Người không có phẩm cấp và hạng hoành nô[1] đều dùng màu trắng. Về khăn hoặc mũ : hàng quan văn từ lục phẩm trở lên đội khăn cao sơn, hàng quan võ từ lục phẩm trở lên khăn chiết xung ; họ tôn thất đội khăn phương thắng màu đen, người nào chức cao mà không có tước đội khăn giác đính ; viên quan thất phẩm đội khăn thái cổ, tùng thất phẩm đội khăn toàn hoa, vương hầu đội khăn viễn du, ngự sử đài đội khăn khước phi. Thể lệ mũ áo này là theo lời kiến nghị của thiếu bảo Vương Nhữ Chu.

(1) Xem lời chua ở *Chính biên* quyển VI. tờ 9.

Lời chua – *Mũ viễn du* : Theo "Dư phục chí" trong *Hậu Hán thư,* thì kiểu mũ này cũng chế như mũ thông thiên, cao 9 tấc, thân mũ đứng thẳng lên, đỉnh mũ hơi lõm vào, thẳng chỗ lõm xuống ấy làm một vòng sắt (cầu mũ), nằm ngang ở trước vòng sắt có cái ống suốt ngang để có thể tháo vòng sắt ra hoặc tra vào được.

Mũ cao sơn : Cũng chế như kiểu mũ viễn du, nhưng không lõm xuống, đứng thẳng, không có ống suốt tháo ra lắp vào.

Mũ khước phi : Chế như kiểu mũ trường quan, cao 7 tấc, rộng 5 tấc, làm bằng cật tre, nhưng bên dưới co lại.

Mũ thái cổ : Theo *Lễ ký,* thì mũ thái cổ là mũ của người mới gia quan, mũ vải thâm. Chb. **XI**, 26

Còn các mũ khác kiểu chế như thế nào không rõ.

Đinh Sửu, năm thứ 10 (1397). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 30).

Tháng giêng, mùa xuân. Quý Ly sai Lại bộ thượng thư[1] Đỗ Tỉnh (có chỗ chép là Mẫn) đi Thanh Hoá dựng kinh đô mới.

Trước đây, Quý Ly kiến nghị muốn dời kinh đô đến Yên Tôn, Hành khiển Phạm Cự Luận can ngăn. Quý Ly nói : "Chí ta đã quyết định từ trước, nhà ngươi còn nói làm gì nữa? " Đến nay, Quý Ly sai Đỗ Tỉnh đến Yên Tôn xem xét đo đạc, đắp thành, đào hào, lập nhà tôn miếu, đàn thờ thần xã[2], mở phố xá, đường ngõ, có ý muốn dời kinh đô đến đấy. Viên xu mật chủ sự thị sử là Nguyễn Nhữ Thuyết lại dâng thư can, đại lược nói : "Ngày trước nhà Chu, nhà Nguỵ thiên đô, sau đều không sao ngóc lên được. Nay đất Long Đỗ[3], có núi Tản Viên, có sông Nhị Hà, cao sâu phẳng rộng, từ trước, các đời đế vương mở cơ nghiệp

(1) Bộ quan trọng nhất trong sáu bộ, phụ trách công việc tuyển bổ cất nhắc, bãi miễn các quan.

(2) Đàn thờ thần thổ địa. Theo tục xưa, từ vua đến dân đều lập đàn thờ thần thổ địa để cầu phúc.

(3) Tức Thăng Long, nay là Hà Nội . Xem thêm "Lời chua" ở sau của *Cương mục.*

dựng nước, không đời nào không lấy đất này làm nơi căn bản, vì thế mà mặt bắc chống giặc Nguyên thì quân Nguyên bị giết, mặt nam đánh Chiêm Thành thì giặc Chiêm nộp đầu, những việc ấy chả phải nhờ ở địa thế tiện lợi mới được như thế là gì? Dám xin nghĩ lại một chút, để làm kế vững vàng cho nước nhà. Còn như Yên Tôn địa thế nhỏ hẹp hẻo lánh, chỗ này là nơi sơn cùng thuỷ tận, không thể định cư được, trông cậy vào nơi hiểm trở, thì có ích gì ? Cổ ngữ có câu : "Cần ở đức, không cần nơi hiểm trở". Quý Ly không nghe. Sau, đến kỳ xét công trạng các quan, khi trông thấy tên Nhữ Thuyết, Quý Ly nói anh này là người nói "cần ở đức, không cần ở nơi hiểm trở" đây, rồi truất bỏ, không dùng nữa.

Lời chua – *Động Yên Tôn* : Nay ở xã Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc, nền cũ của thành vẫn còn, bên tả bên hữu thành đều sát với núi đá, hai con sông Lương và sông Mã hợp lưu ở đằng trước, vì thế nên Nguyễn Nhữ Thuyết nói là địa thế nhỏ hẹp, hẻo lánh, thuỷ tận sơn cùng. Chb. **XI**, 27

Long Đỗ : Tức thành Đại La. Lúc Cao Biền nhà Đường mới đắp thành này, thấy thần nhân hiện lên tự xưng là thần Long Đỗ, vì thế mới thành tên[1].

Tản Viên : Tên núi. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb.I, 34).

Nhị Hà : Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tháng 4, mùa hạ. Đổi gọi các lộ, các phủ là trấn.

Quý Ly muốn dời kinh đô vào Thanh Hoá, mới đổi Thanh Hoá làm Thanh Đô trấn, lại đổi Quốc Oai lộ làm Quảng Oai trấn, Đà Giang lộ làm Thiên Hưng trấn, Nghệ An lộ làm Lâm An trấn, Trường Yên lộ làm Thiên Quan trấn, Diễn Châu lộ làm

(1) Xem thêm *Tiền biên* quyển V, tờ 10 - 11

Vọng Giang trấn, Lạng Sơn phủ làm Lạng Sơn trấn. Tân Bình phủ làm Tân Bình trấn. Bãi bỏ chức đại tiểu ti xã[1] duy chức quản giáp[2] vẫn đặt như cũ.

Lời cẩn án – *Về việc này, tên đất theo cũ hay đổi mới, chia ra hay hợp lại, không thể hiểu rõ được, hoặc giả chỉ đổi có bấy nhiêu nơi gọi là trấn, còn các nơi khác vẫn gọi là lộ, hoặc đổi tất cả làm trấn mà tên đất vẫn theo như cũ,* Sử cũ *không trình bày rõ ràng, tất cả đều không có, chứng cớ đích xác, sẽ khảo cứu sau.* Chb. **XI**, 28

Lời chua – *Thanh Hoá, Đà Giang, Nghệ An, Lạng Sơn* : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 20-23, 30, 31).

Quốc Oai : Xem Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb X, 16).

Trường Yên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb .II, 1 1).

Diễn Châu[3] : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb. IV, 20).

Tân Bình : Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ nguyên niên (Chb.III, 29).

Quy định chức quan giữ việc ở lộ, phủ, châu và huyện.

Ở lộ đặt An phủ sứ và chức phó, ở phủ đặt trấn phủ sứ và chức phó, ở châu đặt thông phán và thiêm phán, ở huyện đặt lệnh uý và chủ bạ. Quan chức ở lộ thống trị phủ, phủ thống trị châu, châu thống trị huyện. Phàm những sổ hộ, tiền, thóc, ngục tụng ở phủ, châu, huyện đều tổng hợp lại làm sổ trong một lộ, cứ đến cuối năm báo cáo lên sảnh[4], để tiện tra khảo . Lại đặt các chức đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản, thái thú để quản trị công việc. Bổ dụng phó tướng Lê Hán Thương quản lĩnh Đô hộ phủ ở lộ Đông Đô, Thái bảo Trần Nguyên Hàng quản lĩnh thống phủ ở lộ Bắc Giang, Trần Nguyên Trữ quản lĩnh đô thống phủ ở lộ Tam Giang, Thiếu bảo Chb. **XI**, 29

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển VI, tờ 21- 22.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển II, tờ 24- 25.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXI, 21- 22 : chỗ chú thích về Nghệ An.
(4) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.

Vương Như Chu coi giữ công việc quân dân ở lộ Thiên Trường phủ, Hành khiển Hà Đức Lân làm Thái thú ở lộ Tân An phủ.

Lời cẩn án – *Ở lộ đã có chức an phủ, mà lại còn đặt đô hộ và đô thống, ở phủ đã có chức trấn phủ, mà lại còn đặt tri phủ và thái thú, có lẽ cốt để cho công việc được thống nhất mà các viên quan đứng đầu phải kiêm việc trông coi, vì thế, nên đều dùng các viên đại thần giữ những chức ấy. Chẳng qua lúc bấy giờ Quý Ly sắp cướp ngôi vua nhà Trần, cho nên đặt ra các chức quan trọng đại, để phân phối công việc cho các người trong đảng mình.*

Lời chua – *Đông Đô* : Tức thành Thăng Long. Lúc ấy gọi Thanh Hoá là Tây đô, Thăng Long là Đông đô.

Tam giang : Từ đời Lý trở về trước, là những đất ở châu Phong và châu Chân Đăng ; đến đời Trần mới đặt làm lộ Tam Giang, vì địa thế ở đấy có ba con sông : Lô, Thao và Đà, cho nên nhân đất mà đặt tên ; nhà Lê chia ra làm các phủ Thao Giang, Đà Giang và Đoan Hùng ; nay là địa phận các phủ Lâm Thao[1], Đoan Hùng[2] và Quảng Oai thuộc các tỉnh Tuyên Quang, Hưng Hoá và Sơn Tây.

Sảnh : Tức Thượng thư. Trung thư môn hạ sảnh.

Tháng 5. Đặt chức học quan ở các lộ, cấp cho ruộng hoặc nhiều hoặc ít có khác nhau.

Tờ chiếu nói : "Đời cổ[3] ở trong nước có nhà quốc học[4], ở đảng[5] có nhà tự[6], ở toại[7] có nhà tường[8], chủ ý cốt làm cho giáo hoá được sáng tỏ, phong tục được thuần hậu, chính sách ấy trẫm rất hâm mộ. Nay thể lệ về nhà học của nước đã đầy đủ,

(1) Hai phủ này bây giờ đều thuộc tỉnh Phú Thọ.

(2) Nt

(3) Chỉ đời tam đại : Hạ, Thương và Chu ở Trung Quốc.

(4) Nhà học của cả nước, từ đời nhà Tuỳ trở về sau gọi là Quốc Tử giám.

(5) Đời cổ cứ 500 nhà ở chung một nơi gọi là "đảng".

(6) Tên trường hương học, nhà Hạ gọi là "hiệu", nhà Thương gọi là "tự" nhà Chu gọi là "tường". Về sau, trường huyện học cũng gọi là "tường", như trường ở một ấp. gọi là ấp tường trường một huyện gọi là huyện tường..

(7) Những địa phận ở nơi biên viễn xa kinh kỳ ngày xưa gọi là "toại"

(8) Tên trường hương học, nhà Hạ gọi là "hiệu", nhà Thương gọi là "tự" nhà Chu gọi là "tường" như trường ở một ấp, gọi là ấp tường ; trường một huyện gọi là huyện tường...

nhưng ở châu ở huyện hãy còn thiếu sót, thì làm thế nào mà mở rộng được đạo dạy dân? Vậy hạ lệnh cho phủ và châu thuộc các lộ Sơn Nam, Kinh Bắc và Hải Đông đều đặt một viên quan giáo thụ giữ về việc học, cấp cho ruộng theo đẳng cấp sau này : phủ và châu hạng lớn 15 mẫu, hạng trung bình 12 mẫu, hạng nhỏ 10 mẫu, để lấy hoa lợi ruộng ấy mà chi dùng vào việc học trong phủ hoặc châu. Viên quan cai trị ở lộ đôn đốc viên quan giữ việc học phải dạy bảo học trò, cho thành người tài năng văn nghệ. Hằng năm, cứ đến cuối năm, lựa chọn người nào ưu tú tiến cống vào triều, trẫm sẽ thân hành thi lại rồi cất nhắc bổ dụng". Chb. **XI**, 30

Lời chua – *Hải Đông* : Tức An Bang[1].

Sơn Nam, Kinh Bắc : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 26-28).

Tháng 6. Lập phép hạn điền.

Trước đây, các nhà tôn thất thường sai nô tì đắp đê ngăn nước mặn ở địa phận những nơi ven biển, hai ba năm khai khẩn thành ruộng, lập làm trang trại riêng. Đến nay lập phép hạn điền, chỉ có đại vương và trưởng công chúa[2] thì ruộng không bị hạn định, còn thứ nhân không được quá 10 mẫu ruộng. Người nào ruộng quá hạn định thì phải nộp vào quan, người nào phạm tội được phép đem ruộng chuộc tội.

Tháng 10, mùa đông. Quý Ly bắt ép nhà vua rời kinh đô vào Thanh Hoá và giết hai người cung nữ.

Nhà vua đi An Sinh để bái yết lăng tẩm, Quý Ly bắt ép xa giá cùng đi đến sông Đại Lại ; lúc ấy cung nhân là Trần Ngọc Kỵ và Trần Ngọc Kiểm nói kín với nhà vua là nếu thiên đô, tất nhiên có việc cướp ngôi. Quý Ly nghe biết chuyện cho rằng viên miếu lệnh là Lê Hợp và viên phụ đạo ở Cổ Lũng là Lương Ông đều đồng mưu, nên giết cả mấy người này. Rồi sai Hành khiển Lương Nguyên Bưu dỡ Chb. **XI**, 31

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXI, tờ 29.

(2) Chị hoặc em ruột vua.

các điện Thuỵ Chương và Thiên An bắt dân các châu Từ Liêm và Nam Sách chở gạch ngói và gỗ đến kinh đô mới : khi đi đường thuỷ, gặp gió bão, bị chìm đắm mất quá nửa.

Lời chua – *Cổ Lũng* : Tên huyện. Nhà Lê đổi là Hữu Lũng ; nay theo như cũ, thuộc tỉnh Bắc Ninh(1).

Phụ đạo : Tên quan thổ tù.

Từ Liêm : Tên huyện, đặt từ thời nhà Đường ; nhà Trần gọi là châu ; nhà Lê lại đặt làm huyện ; nay theo như cũ, thuộc tỉnh Hà Nội(2).

Nam Sách(3) : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu phong thứ 14 (Chb.X, 6).

Sông Đại Lại : Xem Trần Nghệ Tông, năm Đại Khánh thứ nhất (Chb.X, 26).

Mậu Dần, năm thứ 11 (1398). (Từ tháng 3 trở về sau, thuộc Thiếu Đế năm Kiến Tân thứ nhất. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 31).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua truyền ngôi cho Hoàng thái tử An(4). Thái tử lên ngôi, tôn Khâm thánh hoàng hậu làm Hoàng thái hậu. Quý Ly tự xưng là đại vương, thay vua giữ chính quyền trong nước. Chb. **XI**, 32

Quý Ly có chí cướp ngôi vua đã lâu, nhưng trót thề với Nghệ Tông(5), nay trái lời thề cũng có ý ngại, bèn ngầm sai đạo sĩ(6) Nguyễn Khánh ra vào trong cung, khuyên nhà vua rằng : "Cảnh tiên thanh thú, khác hẳn trần gian, các thánh đế

(1) Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(2) Nay là đất huyện Từ Liêm (Hà Nội) và Hoài Đức (Hà Tây).

(3) Xem thêm *Tiền biên* quyển V, tờ 22

(4) Nguyên văn trong *Cương mục* chép là 㬎 và chua ở dưới rằng "đã khảo cứu trong *Tự điển*, và *Bị khảo Bổ di* đều không có chữ này, không rõ âm là gì". Ở đây chúng tôi chỉ căn cứ vào tự dạng có chữ "an" ở trên, nên phiên là An cho đủ âm mà thôi.

(5) Xem thêm *Chính biên* quyển XI tờ 20.

(6) Người tôn sùng đạo giáo của Lão tử. Xem thêm chú thích số 4 ở *Chính biên* quyển VIII, tờ 39.

triều ta chỉ ham chuộng về Phật giáo, chưa có vị nào giao du với người tiên đắc đạo. Nay bệ hạ ở nơi cửu ngũ[1] tôn nghiêm, nhọc lòng với muôn việc, chi bằng truyền ngôi cho đông cung theo tiên tu đạo để cho cái đức khiêm xung thuần hoà ngày thêm sáng sủa". Nhà vua nhận lời, bèn tâu lục văn[2] phụng lĩnh đạo giáo ghi tên vào sổ tu tiên. Quý Ly dựng cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, rước vua ra ở. Nhà vua bèn hạ chiếu truyền ngôi, đại lược tờ chiếu nói : "Trẫm lúc trước vẫn mến tưởng phong vị thanh tao, không có bụng muốn ngự xe hoàng ốc[3]. Vả lại, trẫm là người không có đức, làm nhục đến ngôi vua, thực không sao đương nổi công việc. Nay truyền ngôi để nghiệp lớn được lâu dài. Hoàng thái tử An cần được lên ngôi vua (tức là Thiếu Đế) , phụ chính thái sư Lê Quý Ly lấy danh nghĩa là quốc tổ[4] thay giữ chính quyền, trẫm tự xưng là Thái thượng nguyên quân hoàng đế, bồi dưỡng lòng trai khiết ở cung Bảo Thanh, để thoả được ý muốn trước kia của trẫm".

Lúc ấy Thái tử mới 3 tuổi, khi nhận tờ chiếu truyền ngôi, không biết lạy, Quý Ly sai Thái hậu lạy đằng trước để Thái tử theo sau. Quý Ly tự xưng là Khâm đức Hưng liệt đại vương. Bảng văn[5] nói "Trung thư, Thượng thư sảnh phụng Nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ[6]" Ngày hôm ấy lên ngự điện ở kinh đô mới, làm lễ khánh Chb. **XI**, 33

(1) Tượng trưng ngôi vua, do hào Cửu Ngũ trong quẻ Kiều là một quẻ thuần dương, ở kinh *Dịch* : "Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân". Ý nói rồng bay trên trời, thì thiên hạ thấy có ông vua đức độ to lớn.

(2) Nguyên văn chép là "tấu lục". Những bí quyết của nhà đạo giáo đều gọi là "lục". Người thụ đạo, lúc bắt đầu được nhận năm ngàn lục văn, sau được nhận tam động lục. Lục văn đều viết chữ trắng, ghi tên các thiên tào quan thuộc và tá lại.

(3) Đời xưa xe của vua, ngoài bọc lụa sắc vàng, nên gọi là hoàng ốc, sau người ta dùng chữ hoàng ốc để tượng trưng ngôi vua.

(4) Vợ Thuận Tông là con gái trưởng Quý Ly, Thái tử An gọi Quý Ly bằng ông ngoại.

(5) Tờ yết thị dán vào cái bảng treo ở cửa kinh thành cho mọi người biết.

(6) Năm chữ "Trung thư, Thượng thư sảnh" là nêu rõ chức quan có trách nhiệm làm tờ yết thị dán trên bảng. Cả 14 chữ này nghĩa là : quan chức trong sảnh Trung thư, Thượng thư vâng theo thánh chỉ của vị nhiếp chính cai giáo hoàng đế (tức Quý Ly). - Riêng hai chữ "Thánh chỉ" nghĩa là chỉ dụ của thánh ban ra, theo chế độ phong kiến chỉ có vua mới được dùng hai chữ này.

thành, ban yến cho các quan từ hàng ngũ phẩm trở lên, cho phép con trai con gái được ngày đêm dạo chơi ngắm cảnh ở cửa nam kinh thành.

Lời chua – *Núi Đại Lại* : Xem Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 12 (Chb.XI, 6).

Đo đạc ruộng cho dân. Giáng chức Hành khiển Hà Đức Lân làm Thượng thư bộ Hộ.

Hạ lệnh cho dân, người nào có ruộng phải cung khai báo cáo số mẫu ruộng, trên mặt ruộng phải cắm thẻ tiêu đề họ tên của mình, các quan ở lộ, phủ, châu và huyện phải hội đồng kiểm xét đo đạc, làm thành sổ sách 5 năm mới xong. Ruộng nào không có người cung khai đoan nhận, thì nhà nước lấy làm ruộng công. Lúc ấy, Đức Lân nói kín với người nhà rằng : "Đặt ra phép này chỉ để ăn cướp ruộng của dân đấy thôi". Quý Ly nghe biết, liền giáng chức Đức Lân.

Kỷ Mão, Thiếu Đế năm Kiến Tân thứ 2 (1399). (Minh, năm Kiến Văn thứ 1).

Quý Ly giết Thượng hoàng ở quán Ngọc Thanh.

Sau khi đã truyền ngôi vua, Thuận Tông dời ra ở quán Ngọc Thanh. Quý Ly ngầm sai nội tẩm học sinh Nguyễn Cẩn đi theo để trông nom coi sóc. Thuận Tông hỏi Cẩn : "Anh đi theo ta, ý muốn làm gì ?" Cẩn không nỡ nói rõ. Chb. **XI**, 34
Quý Ly làm thơ bảo Cẩn rằng : "Nếu nguyên quân[1] không chết, thì nhà ngươi phải chết". Cẩn dâng thuốc độc, Thuận Tông không chết, lại dâng nước dừa và không cho ăn, cũng không chết. Quý Ly bèn sai Xa kỵ thượng tướng quân Phạm Khả Vĩnh đem thắt cổ cho chết.

Lời chua – *Quán Ngọc Thanh* : Nay ở thôn Đạm Thuỷ, huyện Đông triều, tỉnh Hải Dương.

---

(1) Theo *Đạo đức kinh* thì những người tu hành thành tiên, con trai gọi là chân nhân, coi gái là nguyên quân. Chữ "nguyên quân" ở đây chỉ Trần Thuận Tông vì Thuận Tông sau khi truyền ngôi cho con, tự xưng là Thái Thượng Nguyên quân hoàng đế.

Bọn Thái bảo Trần Nguyên Hàng và Thượng tướng quân Trần Khát Chân mưu giết Quý Ly không xong, lại bị Quý Ly giết.

Bọn Thái bảo Trần Nguyên Hàng và Thượng tướng quân Trần Khát Chân bàn định đến ngày hội họp tuyên thệ[1] sẽ giết Quý Ly. Đến ngày ấy, hội thề ở Đốn Sơn, Quý Ly lên trên lầu nhà Khát Chân để xem, nghi vệ y như thiên tử đi tuần du. Lúc ấy Phạm Tổ Thu và thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm vững tay kiếm muốn xông lên, Khát Chân trừng mắt nhìn, hai người bèn không quả quyết tiến lên nữa. Quý Ly thấy chột dạ, liền đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ để xuống. Ngưu Tất quăng thanh kiếm xuống đất, nói : "Cả lũ chỉ chết uổng mất thôi !". Việc ấy bị tiết lộ, Thái bảo Nguyên Hàng, Trụ quốc Nhật Đôn, Tướng quân Trần Khát Chân, Phạm Khả Vĩnh, Thượng thư Hà Đức Lân, Hành khiển Lương Nguyên Bưu và bọn Phạm Ông Thiện, Phạm Tổ Thu, Phạm Ngưu Tất cùng người thân thích liêu thuộc hơn ba trăm bảy mươi người đều bị hại, gia sản bị tịch thu. Những người liên can bị bắt, hết năm này sang năm khác chưa xong. Ở ngoài đường sá, người ta chỉ lấy mắt nhìn nhau, dầu hai người cũng không dám nói chuyện. Lễ hội thệ từ đây bãi bỏ.

Lời chua – *Đốn Sơn* : Nay ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, còn có miếu thờ Khát Chân[2]. Chb. **XI**, 35

Tháng 6. Quý Ly tự xưng là Quốc Tổ chương hoàng.

Quý Ly ở cung Nhân Thọ, bảng văn đề là "phụng nhiếp chính quốc tổ chương hoàng", mặc áo sắc bồ hoàng (sắc vàng), khi đi ra đi vào dùng 12 cây lọng vàng, y như nghi trượng thiên

(1) Xem thêm chú thích số 4 ở *Chính biên* quyển XI, tờ 20.

(2) Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì Đốn Sơn là gia hương Trần Khát Chân. Khi bị hành hình, Khát Chân đứng trên Đốn Sơn kêu ba tiếng thật to rồi chết. Ở địa phương này có 29 đền thờ Khát Chân.

tử, nhưng còn xưng là "dư"[1] chưa dám xưng là "trẫm"[2]. Còn con Hán Thương xưng quyền chức Thái phó, ở bên hữu điện Hoàng Nguyên ; Nguyên Trừng làm Tư đồ.

Tháng 7, mùa thu. Quý Ly bắt giam Nguyễn Dụng Phủ, rồi lại tha.

Dụng Phủ dâng thư lên Quý Ly đại lược nói : "Chương hoàng là hiệu gì ? Bồ hoàng là sắc gì ? Đối với việc tiên đế[3] phó thác thì sao ?" Quý Ly nổi giận, bắt giam mấy ngày, sau lại tha ra.

Lời chua – *Dụng Phủ* : Người ở Hoằng Hoá thuộc Thanh Hoá.

Tháng 8. Quân ở Đà Giang nổi dậy. Tháng 12, mùa đông. An phủ sứ ở lộ Đông Đô là Nguyễn Bằng Cử dẹp yên được.

Trước đây, Nguyễn Nhữ Cái ở Đà Giang, trốn đến Thiết Sơn làm bảo sao (tiền giấy) giả, gặp lúc Thuận Tông bị hại, Khát Chân bị chết, Nhữ Cái liền chiêu dụ dân lành, được hơn một vạn người, đi lại quấy rối cướp bóc ở quãng sông Đáy, sông Đà, núi Tản, núi Lịch ; châu, huyện không thể chống cự nổi. Quý Ly sai Bằng Cử điều binh đi đánh, dẹp yên được. Chb. **XI**, 36

Lời chua – *Đà Giang* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Đông Đô : Xem Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 29).

Sông Đáy : Phát nguyên từ núi Tam Đảo, chảy qua địa phận các huyện Tam Dương và Lập Thạch thuộc tỉnh Sơn Tây[4], đổ vào sông Bạch Hạc.

Núi Tản : Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chb. III, 32).

Núi Lịch : Ở địa phận huyện Sơn Dương, tỉnh Sơn Tây[5].

Thiết Sơn : Nay không rõ ở đâu.

---

(1) Chữ "dư" 予 và chữ "trẫm" 朕 theo Việt Nam đều nghĩ là ta, nhưng theo chế độ phân biệt đẳng cấp đời phong kiến thì chữ "dư" dùng chung cho người trên đối với người dưới, chữ "trẫm" để riêng cho vua xưng với thần dân.

(2) Nt.

(3) Chỉ Trần Nghệ Tông.

(4) Hai huyện này nay đều thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

(5) Nay thuộc tỉnh Tuyên Quang. Lúc toàn quốc kháng chiến gọi là Châu Tự do.

Canh Thìn, năm thứ 3 (1400). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc Hồ Quý Ly, năm Thánh Nguyên thứ 1. - Minh, năm Kiến Văn thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly truất nhà vua làm Bảo Ninh đại vương, Quý Ly tự xưng hoàng đế.

Quý Ly nói thác ra rằng nhà vua truyền ngôi cho. Bầy tôi khuyên mời lên ngôi vua. Quý Ly giả vờ thoái thác nói : "Ta sắp đến ngày xuống lỗ rồi[1], nếu làm như thế, thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế[2] ở dưới đất được ?". Bầy tôi ba lần dâng tờ biểu, mới nhận lời, xưng là hoàng đế, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, đổi quốc hiệu là Đại Ngu và đổi họ mình là họ Hồ, truất Thiếu Đế làm Bảo Ninh đại vương, vì Thiếu Đế là cháu ngoại[3], nên không giết chết.

Lời chua – Quý Ly[4] gốc tích họ Hồ, họ Hồ là con cháu Ngu Thuấn[5]. (Con Ngu Yên là Vỉ Mãn, được Chu Vũ vương phong cho ở đất Trần, gọi là Hồ Công, sau dùng chữ Hồ làm họ), cho nên đổi họ là Hồ, đổi quốc hiệu là Đại Ngu. Chb. **XI**, 37

Quý Ly đặt chức liêm phóng sứ[6] ở các lộ.

Quý Ly sai liêm phóng sứ chia nhau đến các lộ, bí mật dò hỏi kẻ hay người dở về quan lại, việc lợi hại ở dân gian, để thi hành việc giáng truất hay cất nhắc bọn quan lại. Điều lệ này định làm thể thức lâu dài. Từ đấy, chức thú[7] chức lệnh[8] mới luôn luôn thay đổi.

Tháng 8, mùa thu. Thi thái học sinh[9].

---

(1) Năm ấy Quý Ly đã 65 tuổi.

(2) Chỉ Trần Nghệ Tông.

(3) Xem chú thích số 2 ở *Chính biên* quyển XI, tờ 32.

(4) Xem thêm tiểu sử Hồ Quý Ly : *Chính biên* quyển X, tờ 31- 32.

(5) Một vua đời thượng cổ Trung Quốc. Ngu Thuấn được Đường Nghiêu truyền ngôi cho. Sau thường gọi đời ấy là đời Đường - Ngu, hay đời Nghiêu - Thuấn.

(6) Như chức thanh tra bây giờ.

(7) Thú : thái thú ; lệnh : lệnh doãn. Những chức quan đứng đầu ở phủ, ở châu hoặc ở huyện.

(8) Nt.

(9) Tức khoa thi tiến sĩ.

Lưu Thúc Kiệm, Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành, Bùi Ứng Đẩu, tất cả 20 người đều dự trúng tuyển.

Lời chua – *Thúc Kiệm* : Người huyện Gia Định thuộc Bắc Giang(1).

Nguyễn Trãi : Người huyện Thượng Phúc thuộc Sơn Nam(2).

Vũ Mộng Nguyên : Người huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hoá.

Hoàng Hiến : Người huyện Tiên Du, thuộc Bắc Giang(3).

Nguyễn Thành : Người huyện Thần Khê(4).

Ứng Đẩu : Người huyện Sơn Vi(5).

Quý Ly sai tướng là bọn Trần Tùng, Đỗ Mẫn đem quân đánh Chiêm Thành, nhưng không thắng, rút quân về.

Chúa Chiêm Thành là La Ngại mất, con là Ba Đích Lại mới lập làm chúa, Quý Ly muốn nhân cơ hội ấy để cầu lợi, mới dùng Đỗ Mãn làm đô tướng thuỷ quân, Trần Vấn làm chức phó, Trần Tùng làm Đô tướng bộ quân, Đỗ Nguyên Thác làm chức phó, quản lĩnh mười lăm vạn quân, tiến đến biên cảnh Chiêm Thành. Tùng nghe lời Đinh Đại Trung, dẫn đạo quân bộ đi ven theo chân núi, cách xa với đạo quân thuỷ, lúc ấy nước lũ đã xô đến, ba ngày tướng sĩ không có lương, phải nướng mai rùa, da thú để ăn(6), bèn kéo quân về. Quý Ly cho rằng Tùng đi con đường hiểm trở, làm trái mất quân cơ, đáng phải tội chết chém, nhưng vì có công trong lúc ở nơi tiềm để(7), nên đem công chuẩn tội, miễn cho tội chết, phải đày làm lính.

Chb. **XI**, 38

---

(1) Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

(2) Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

(3) Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(4) Nay là xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(5) Nay thuộc huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

(6) Nguyên văn câu này : "Chính giáp, bì dĩ vi thực". Chữ "giáp" nghĩa đen là con rùa, con ba ba ; chữ "bì" nghĩa đen là loài thú đã chết mà da còn cả lông. Có lẽ lúc ấy đạo quân của Trần Tùng phải vào núi tìm kiếm thức ăn, nhưng chỉ tìm được mai rùa và da loài thú chưa thối nát đem nướng ăn.

(7) Tiềm : Náu hình, ẩn nấp. Để : Một danh từ để gọi dinh thự các vương hầu. Thời đại phong kiến, nhà ở của tước vương khi chưa lên ngôi vua gọi là "tiềm để", lấy nghĩa chữ "long tiềm tại uyên" (rồng nương mình dưới vực) trong kinh Dịch.

Lời chua – *Tùng, Vấn* : Sau đều được cho đổi họ là họ Hồ (họ Quý Ly).

Quý Ly truyền nguỵ vị[1] cho con là Hán Thương, tự xưng là Thái thượng hoàng, cùng giữ chính quyền trong nước. Hán Thương lập vợ là Trần Thị làm hoàng hậu.

Hán Thương là con thứ của Quý Ly và là em Nguyên Trừng. Mẹ Hán Thương, Huy Ninh công chúa, là con gái Trần Minh Tông. Trước kia Quý Ly vẫn có ý muốn lập Hán Thương nối ngôi, nhưng chưa quả quyết, bèn ngụ ý vào cái nghiên đá, ra một câu đối cho Nguyên Trừng đối lại, để dò xét khí khái Nguyên Trừng : *"Thử nhất quyền kỳ thạch, hữu thời vi vân, vi vũ, dĩ nhuận sinh dân"*[2]. (Viên đá nhỏ bằng nắm tay, có lúc làm mây, làm mưa, để thấm nhuần cho nhân dân). Nguyên Trừng đối lại : *"Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đống, tác lương, dĩ phù xã tắc"*[3]. (Cây thông nhỏ chừng ba tấc, sau này làm cột, làm xà, để phù trì xã tắc). Quý Ly bèn lập Hán Thương nối ngôi.

Hán Thương sai sứ sang nhà Minh.

Hán Thương sai sứ sang nhà Minh nói dối là dòng dõi họ Trần đã tuyệt tự, xin lấy danh nghĩa là cháu ngoại tạm quản lý công việc trong nước. Chb. **XI**, 39

Đánh thuế thuyền buôn.

Chia các thuyền buôn làm ba hạng : thượng đẳng, trung đẳng và hạ đẳng. Thượng đẳng mỗi chân chèo nộp thuế 5 quan, trung đẳng 4 quan, hạ đẳng 3 quan.

---

(1) Nguỵ vị nghĩa đen là ngôi vua giả dối. Theo quan điểm của nho gia phong kiến, thì bầy tôi cướp ngôi vua, không được liệt vào chính thống, vì thế, nên chép ngôi vua của Quý Ly là "nguỵ vị".

(2) *Theo truyện Công dương* thì hơi đá bốc lên trên không thành mây, mây tụ lại thành mưa.

(3) Xã tắc là một danh từ tượng trưng cho quốc gia.

Theo Ngô Thì Sĩ, thì Nguyên Trừng biết chắc mình không được nối ngôi, nên ngụ ý vào cây gỗ thông để nói tài mình chỉ đáng giúp nước, không đáng làm vua. Ngô lại phê phán thêm: Bố con Quý Ly đều là dùng trí thuật lừa dối lẫn nhau.

Tân Tị (1401). Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ nhất. (Minh, năm Kiến Văn thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương đổi tên lịch *Hiệp kỷ*[1] nhà Trần làm lịch *Thuận thiên*.

Tháng 3. Sét đánh vào đông cung của Hán Thương.

Lúc ấy sét đánh chết 3 người.

Tháng tư, mùa hạ. Làm sổ hộ.

Trước đây, Quý Ly bàn mưu với bầy tôi rằng : "Làm thế nào có được trăm vạn quân để đối địch với giặc phương Bắc ?" Đồng tri xu mật sứ Hoàng Hối Khanh nhân xin họp nhân số lại làm thành sổ hộ : từ 2 tuổi trở lên đều ghi vào sổ ; người ở kinh kỳ đến trú ngụ các nơi phiên trấn bắt phải về nguyên quán, kê tên vào sổ, không được ẩn lậu. Khi sổ hộ làm xong, kiểm điểm người từ 15 đến 60 tuổi, được gấp bội hơn số trước. Từ đấy, tuyển quân lính được thêm nhiều hơn. Chb. **XI**, 40

Lập phép hạn chế dùng gia nô.

Lúc ấy, bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hi Chu và Đồng Thức lựa theo ý họ Hồ, nên thường khuyên Hán Thương giết con cháu nhà Trần, giảm bớt số điền nô, để đè nén thế lực họ Trần. Hán Thương mới lập ra phép hạn chế gia nô. Những người được phép dùng gia nô, cứ theo cấp bậc của mình mà dùng nhiều dùng ít khác nhau ; số gia nô thừa phải đem sung công. Gia nô đều ghi dấu hiệu vào trán.

Lời chua – *Ghi dấu hiệu vào trán* : Quan nô làm hình dáng "hoả châu"[2] ; gia nô của công chúa ghi hình dáng "dương đường" (chưa rõ hình thế nào) ; gia nô của đại vương ghi "khoanh đỏ", của quan nhất hay nhị phẩm đều ghi "một khoanh đen", của quan tam phẩm trở xuống ghi "hai khoanh đen".

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển IX, tờ 39 - 40.

(2) Theo *Tuỳ Đường gia hoại* và *truyện Nam Man* trong *Đường thư* thì hoả châu là một viên ngọc có sắc óng ánh, sản ở Lâm Ấp, viên lớn bằng quả trứng gà. Có lẽ lúc bấy giờ theo hình dáng viên ngọc này ghi vào trán những người quan nô.

Sửa đắp thành Tây Đô.

Trước đây, bên ngoài thành tại kinh đô mới, Quý Ly bắt dân Thanh Hoá trồng tre gai làm như cái thành bao la ở ngoài và bắc cầu cống, đặt hàng quán, đào khe cừ, để tiện đi lại. Còn thành Tây Đô thì thân thành đều xây bằng đá, sau lại bị đổ. Nay Hán Thương hạ lệnh cho các lộ nung gạch để sửa đắp lại. Chb. **XI**, 41

Quy định quan chế và hình luật.

Tháng 10, mùa đông. Hán Thương bổ dụng Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm viện học sĩ.

Phi Khanh trước tên là Ứng Long, đỗ Thái học sinh triều nhà Trần, lấy con gái Nguyên Đán, Trần Nghệ Tông lấy cớ là dòng dõi hàn vi mà lại lấy con gái tông thống nhà vua[1], nên bỏ không dùng. Đến nay Hán Thương mới cất nhắc bổ dụng và cho đổi tên là Phi Khanh.

Lời chua – *Phi Khanh* : Thân phụ Nguyễn Trãi.

Nhâm Ngọ (1402). Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ 2. (Minh, năm Kiến Văn thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân, Hán Thương duyệt quân đội.

Tháng 6, mùa hạ. Bổ dụng Đồng Thức làm Ngự sử trung tán.

Đồng Thức cũng đỗ Thái học sinh triều nhà Trần. Hán Thương ví Đồng Thức như Nguỵ Trưng nhà Đường[2], nên ban cho họ là họ Nguỵ.

Lời chua – *Thức* : Người ở Chí Linh, Nam Sách[3].

---

(1) Trần Nguyên Đán là tằng tôn (chắt) Trần Quang Khải, tôn thất nhà Trần.

(2) Nguỵ Trưng, một Tể tướng nhà Đường, Nguỵ hình dáng thấp bé, nhưng can ngăn vua một cách mạnh bạo. Thời Đường Thái Tông, Nguỵ dâng hơn hai trăm tờ sớ can ngăn, đều là đích đáng, Thái Tông phải kính sợ.

(3) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Tháng 7, mùa thu. Hán Thương sai tướng là Đỗ Mẫn đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành dâng đất xin hàng, Đỗ Mẫn đem quân về. Chb. **XI**, 42

Hán Thương thấy bọn Trần Tùng đi đánh Chiêm Thành không thành công, phải rút về[1], lại dùng Đỗ Mẫn làm đô tướng, Nguyễn Vị và Nguyễn Bằng Cử làm chiêu thảo sứ, đem đại quân sang đánh. Khi đại binh kéo đến biên giới Chiêm Thành, Đinh Đại Trung làm tiên phong, gặp tướng Chiêm Thành là Chế Thất Nan[2], hai bên giao chiến đều bị chết. Chúa Chiêm Thành là Ba Đích Lại hoảng sợ, sai người cậu là Bố Điền đem dâng các sản vật địa phương và dâng đất Chiêm Động ; để xin cho rút quân. Khi Bố Điền đến nơi, Quý Ly bắt ép thay làm tờ biểu khác dâng cả đất Cổ Luỹ nữa. Rồi đem hai đất ấy chia làm 4 châu là : Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa, đặt chức An phủ sứ lộ Thăng Hoa để trấn trị, còn ở đầu nguồn thì đặt làm trấn Tân Ninh.

Lời chua – *Chiêm Động* : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 10 (Chb. X,20).

Cổ Luỹ : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chb. X,5).

Tân Ninh : Nay là các đất Chiên Đàn, Ô Da và Thu Bồn tỉnh Quảng Nam.

Bổ dụng Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa.

Cảnh Chân dâng thư xin theo việc cũ nhà Hán, nhà Đường, hiệu triệu nhân dân nộp thóc để việc phòng bị biên giới được đầy đủ ; những người đã nộp thóc thì hoặc ban tước cho, hoặc tha tội cho, tuỳ theo số thóc nộp nhiều hay ít. Quý Ly phê vào thư ấy rằng : "Biết được mấy chữ mà dám nói những việc đời Hán, đời Đường, thật đúng như lời cổ ngữ : "Người ngọng hay nói chỉ tổ làm trò cười mà thôi". Chb. **XI**, 43

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 37- 38.

(2) Sách *Toàn thư* và *Đại Việt sử ký bản kỷ* đều chép là Chế Cha Nan.

Bổ dụng Chế Ma Nô Đã Nan, người Chiêm Thành, làm Cổ Luỹ thượng hầu.

Lúc còn triều nhà Trần, Ma Nô Đã Nan chạy sang nước ta, trao cho làm hiệu chính hầu ; đến nay đổi phong chức này, sai trấn trị hai châu Tư và Nghĩa, để chiêu tập khuyên bảo những người thuộc về dòng giống Chiêm Thành. Việc này là có ý mưu đồ tiến lấy đất Chiêm.

Lời chua – *Ma Nô Đã Nan :* Con chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga.

Tháng 8, mùa thu. Hán Thương cử hành lễ tế giao, chưa đến lúc lễ thành đã thôi.

Theo phép cũ[1], nghi vệ lễ tế giao[2] rất long trọng, chia ra 3 hạng lễ là : lễ lớn, lễ trung bình và lễ nhỏ.

Lễ lớn : 3 năm một lần cử hành, thiên tử ngồi xe thái bình[3], khắc gỗ làm hình 40 người tiên mặc áo gấm năm màu, cầm cờ tinh dẫn đường đi trước, hoặc thiên tử đi thuyền ở hồ Chu Tước[4] dùng gấm làm dây kéo thuyền.

Lễ trung bình : 2 năm một lần cử hành, thiên tử ngồi cỗ ỷ bách cầm.

Lễ nhỏ : hằng năm cử hành một lần, thiên tử ngồi cỗ ỷ nhỏ.

Lễ tế giao này suốt đời nhà Trần chưa cử hành lần nào, đến nay Hán Thương mới đắp đàn giao ở Đốn Sơn, chọn ngày lành, đi xe vân long, ra cửa nam thành, trăm quan và cung tần, mạng phụ[5] theo thứ tự đi sau. Mũ áo đàn bà, kém mũ áo của

---

(1) Phép cũ ở đây không nói rõ là phép của triều nào, có lẽ đặt từ triều nhà Lý, không phải của nhà Trần. Vì phần dưới đoạn văn này chép rằng : "Suốt đời triều Trần, chưa cử hành lễ tế này".

(2) Giao là một nơi xa kinh thành phỏng trăm dặm. Đời cổ, gặp tiết đông chí, vua tế trời ở Nam Giao, gặp tiết hạ chí, tế đất ở Bắc Giao, nên tế trời đất gọi là lễ tế giao.

(3) Xe thái bình chế từ triều Lý, xem *Chính biên* quyển III, tờ 12.

(4) Hồ Chu tước thuộc phường Bích Câu, xem *Chính biên* quyển XXVI, tờ 29.

(5) Đàn bà được vua phong hiệu cho gọi là mạng phụ. Có 2 hạng mạng phụ là : nội mạng phụ và ngoại mạng phụ. Nội mạng phụ là những người được phong hiệu ở trong cung, như bọn phi tần, ngoại mạng phụ là công chúa, vợ tước vương và đàn bà nhờ chồng mà được phong như quận quân, huyện quân, phu nhân, nhụ nhân...

chồng một bậc, người đàn bà nào chính bản thân làm nên sang hiển, thì mũ áo không phải kém mũ áo của chồng. Lúc làm lễ, Hán Thương vì dâng chén rượu, run tay, rượu đổ xuống đất, nên thôi không làm trọn lễ. Chb. **XI**, 44

Quy định lại phép đánh thuế tô[1] và thuế dung[2].

Trước kia, về triều nhà Trần, tư điền của dân cứ mỗi mẫu thu thóc 3 thăng ; đất bãi trồng dâu, mỗi mẫu thu tiền 9 quan hoặc 7 quan. Đinh nam mỗi năm nộp tiền 3 quan[3]. Đến nay Hán Thương thay đổi lại cho thi hành : mỗi mẫu ruộng thu thóc 5 thăng ; đất bãi trồng dâu chia ra 3 bậc : bậc cao nhất mỗi mẫu thu 5 quan, bậc trung bình mỗi mẫu 4 quan, bậc thấp nhất mỗi mẫu 3 quan. Thuế đinh nam thì căn cứ vào số ruộng để đánh thuế : người nào có ruộng từ 2 mẫu 6 sào trở lên thu tiền 3 quan ; người nào ruộng kém số ấy sẽ được giảm bớt dần ; người không có ruộng cùng trẻ bồ côi và đàn bà goá mà có ruộng đều được miễn thuế dung.

(1) Thuế ruộng đất.

(2) Thuế lực dịch.

(3) Xem thêm *Chính biên* quyển V, tờ 22 – 23 về phép thuế khoá triều nhà Trần.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 12

Từ Quý Mùi (1403), Hồ Hán Thương năm Khai Đại thứ nhất, đến hết Đinh Dậu (1417), thuộc Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 15, gồm 15 năm. Chb. **XII**, 1

*

Quý Mùi (1403). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ nhất ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ nhất).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương dời dân đi Thăng Hoa.

Trước đây, Chiêm Thành dâng đất Chiêm Động và Cổ Luỹ, họ dời hết dân đi nơi khác mà bỏ đất không ; Quý Ly chia đất ấy làm lộ Thăng Hoa(1). Đến nay mới đem dân các lộ, người nào không có ruộng mà có của đến đấy để ở. Người mới đến cùng với người cũ của lộ ấy còn sót lại đều biên tên vào quân ngũ, nhưng thích hai chữ tên châu hiện ở(2) vào cánh tay. Năm sau, lại cho vợ con những người đã di đến khi trước đi theo. Những người này, lúc đi đường biển gặp gió bão, bị chết đuối nhiều. Lòng dân rất là náo động.

Đặt tứ phụ(3) ở kinh kỳ.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 42, việc đặt lộ Thăng Hoa.

(2) Lộ Thăng Hoa thống hạt bốn châu là Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, nay dân ở châu nào thích hai chữ tên châu vào cánh tay, như chữ "Thăng Châu, Nghĩa Châu",...

(3) Đời cổ, những địa điểm ở gần kinh kỳ gọi là "phụ", ý nói những địa điểm ấy có trách nhiệm giúp đỡ kinh kỳ.

Cơ sở ở Tây Đô đã xây dựng xong, Hán Thương lại đổi phủ Thanh Đô làm phủ Thiên Xương, phủ Diễn Châu làm phủ Linh Nguyên, hợp với Cửu Chân, Ái Châu gọi là "tứ phụ", đổi tên núi Đại Lại làm núi Kim Âu.

Lại đặt chức Thị giám(1) ở kinh kỳ, ban phát cân, thước, thưng, đấu, định giá trị tiền giấy để buôn bán được lưu thông. Lúc ấy những người buôn bán phần nhiều chê tiền giấy nát, nên lập điều luật để bắt tội người nào chê bai tiền giấy, làm cao giá hàng hoặc đóng cửa hàng và người nào giúp đỡ bênh vực những việc ấy.

Lời chua – *Cửu Chân* : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chb. XI, 37). Chb. **XII**, 2

Ái Châu : tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Diễn Châu : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb.IV, 20).

Hán Thương lập nhà Thái Miếu và các Tẩm Miếu(2).

Hán Thương hạ lệnh ở kinh thành đặt Đông thái miếu để thờ phụng tiên tổ nhà mình, Tây thái miếu để thờ phụng thân thích bên ngoại là Minh Tông, Nghệ Tông nhà Trần ; mồ mả các tiên tổ ở phủ Thiên Xương và Linh Nguyên đều gọi là lăng, thiết lập tẩm miếu.

Sứ thần nhà Minh sang.

Thành tổ nhà Minh mới lên ngôi vua, Hán Thương sai sứ sang mừng việc đăng quang và xin phong tước. Nhà Minh sai hành nhân(3) là Dương Bột đem sắc thư sang dụ bồi thần(4) và

(1) Một chức giữ việc trông coi các nơi buôn bán.

(2) Quy chế về tôn miếu đời cổ, ngôi nhà dựng đằng trước gọi là miếu, đằng sau gọi là tẩm.

(3) Tên quan, giữ việc lễ nghi, triều yết và giao thiệp với nước ngoài.

(4) Đời cổ, bầy tôi của vua nước chư hầu đối với thiên tử Trung Quốc tự xưng là "bồi thần".

phụ lão trong nước phải xét xem dòng dõi nhà Trần có còn hay không, lời tâu của Hán Thương[1] thực hay giả, đều phải tâu bày sự thực. Hán Thương lại sai sứ theo sang triều đình nhà Minh đệ nộp tờ trạng cam đoan của bồi thần và phụ lão nhận là đúng như lời tâu trước của Hán Thương. Vua nhà Minh tin là thực, phong Hán Thương làm An Nam quốc vương. Từ đấy, sứ thần nhà Minh đi lại nước ta như mắc cửi, nào yêu cầu, nào hạch sách, Hán Thương phải khổ sở về sự ứng tiếp. Chb. **XII**, 3

Sai Phạm Nguyên Côi và Đỗ Mẫn sang đánh Chiêm Thành, không được thắng lợi, rút quân về.

Hán Thương đã lấy được đất Chiêm Động và Cổ Luỹ, có ý muốn lấy hết cả đất của người Chiêm Thành, dự định chia các đất ở phía nam châu Tư, châu Nghĩa là Bản Đạt Lang, Hắc Bạch và Sa Li Nha làm châu huyện. Mới bổ dụng Phạm Nguyên Côi làm đô tướng quân thuỷ, Hồ Vấn làm phó ; Đỗ Mẫn làm đô tướng quân bộ, Đỗ Nguyên Thác làm phó. Quân thuỷ, quân bộ tất cả 20 vạn, đều phải chịu dưới quyền điều khiển của Nguyên Côi ; người nào ra trận mà nhút nhát sẽ xử trảm, điền sản và vợ con sung công. Khi quân đã đến Chiêm Thành, sắm sửa nhiều khí giới chiến đấu, bao vây thành Chà Bàn[2], vì quân đi đã chín tháng, bị hết lương ăn, lại không hạ được thành, nên phải kéo về.

Trước đây, người Chiêm Thành cầu cứu với nhà Minh, nhà Minh dùng 9 chiếc binh thuyền vượt biển sang cứu, gặp đạo quân của bọn Nguyên Côi, người nhà Minh bảo Nguyên Côi rằng : "Nên rút quân về ngay, không nên ở lại nữa". Khi bọn Nguyên Côi về đến kinh thành, Quý Ly quở trách về tội không sao giết hết được quân nhà Minh, còn Nguyên Thác vì trái tướng lệnh, nên phải tội đày làm lính.

---

(1) Hán Thương sai sứ sang nhà Minh tâu là dòng dõi họ Trần bị tuyệt tự, Hán Thương tự lấy tư cách là cháu ngoại tạm giữ công việc trong nước. Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 39.

(2) Cũng gọi là Đồ Bàn.

Lời chua – *Thành Chà Bàn* : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chb. X, 41).

Bản Đạt Lang, Hắc Bạch, SaLiNha : Vì sự thay đổi, nay không rõ ở đâu. Chb. **XII**, 4

Bắt đầu đặt quan chức và liêu thuộc trong bộ thự[1] Quảng Tế.

Người phương sĩ[2] là Nguyễn Đại Năng biết dùng lối châm cứu để chữa bệnh. Hán Thương bổ dụng Đại Năng giữ chức tá nhị ở bộ thự Quảng Tế. Bộ thự Quảng Tế có đặt quan chức và liêu thuộc bắt đầu từ đây.

Lời chua – *Bộ thự Quảng Tế* : Tức tơ tào[3] thuộc về ngành y tế.

Đại Năng : Người ở Giáp Sơn[4], thuộc Hải Dương.

Giáp Thân (1404). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 2 ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây, Chiêm Thành dâng nước ta hai thớt voi để xin hoãn binh, sau dùng lời trí trá tâu với nhà Minh rằng : "Bị nhà Hồ lấn đất và đòi lấy voi của nước ấy định làm lễ cống nhà Minh". Đến nay, nhà Minh sai sứ sang hỏi, Hán Thương sai Phan Hoà Phủ đem con voi mà Chiêm Thành đã dâng khi trước đưa sang cho nhà Minh.

Định lại phép thi.

Hán Thương phỏng theo phép ba kỳ thi ở thời nhà Nguyên, chia làm bốn kỳ, lại thêm một kỳ thi viết chữ và tính, cộng thành năm kỳ thi. Cứ ba năm một lần mở khoa thi, năm nay thi Hương, người nào trúng tuyển được Chb. **XII**, 5

---

(1) Nguyên văn chép chữ "thự", nghĩa là một đơn vị hành chính.

(2) Người dùng phương thuật chữa bệnh theo phương pháp ngoại khoa.

(3) Nguyên văn chép chữ "ti", chữ này đến triều nhà Nguyễn gọi là "tơ", đơn vị hành chính của tỉnh, như tơ phiên, tức bộ phận của bố chính ; tơ niết, tức bộ phận của án sát.

(4) Cũng đọc là Hiệp Sơn.

miễn dao đài tạp dịch, đến năm sau thi ở bộ Lễ, người nào trúng tuyển được lựa chọn bổ dụng, lại năm sau nữa thi Hội, người nào trúng tuyển được sung vào Thái học sinh. Lúc ấy sĩ tử mới do bộ Lễ thi, gồm 170 người được trúng tuyển, chưa kịp thi Hội, sau vì việc quân nhà Minh sang xâm lấn, nên thôi không thi nữa.

Lời chua – Theo *Thông giám tập lãm* thì năm Hoàng Khánh thứ 3 (1314) đời Nhân Tông nhà Nguyên mới định phép thi, cứ tháng 8 năm trước, các quan quận huyện trong nước đề cử những người hiền tài trong quận huyện mình lên triều đình, đến tháng 2 năm sau, thi hội ở kinh sư, người nào trúng tuyển sẽ được vua thân hành ra bài thi : kỳ đệ nhất, thi hai bài minh kinh và kinh nghi ; kỳ đệ nhị, thi các bài phú, chiếu, cáo, chương và biểu theo cổ thể ; kỳ đệ tam, thi một bài văn sách, hỏi về kinh sử và thời sự.

Định lại hiệu quân.

Trước đây, xét định quân ngũ, chọn người nào mạnh khoẻ mà nhà nghèo sung vào quân trợ dịch, sau đổi làm quân bồi vệ. Đến nay chia quân ra tả và hữu, dùng tên loài lân, loài phượng để đặt tên hiệu quân, chọn các quan văn võ người cùng họ với họ Hồ để quản lĩnh.

Đào Liên Cảng, không thành công.

Quý Ly sai đào Liên Cảng từ Tân Bình đến giáp giới Thuận Hoá, để việc chuyên chở được tiện lợi, nhưng vì bùn cát cứ nổi bềnh lên, nên không thành công, phải bỏ.

Lời chua – *Liên Cảng* : Nay ở xã Thuỷ Liên, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

Đóng thuyền chiến. Chb. **XII**, 6

Lúc ấy, nhà Minh muốn gây việc binh đao. Hán Thương hạ lệnh đóng thuyền đinh sắt, đặt hiệu thuyền là "tải lương cổ lâu". Thuyền ấy ở bên trên bắc tre làm đường đi lại, bên dưới hai người chèo một mái chèo, có thể tiện lợi cho việc chiến đấu ;

tuy mượn tiếng vận tải để đặt tên thuyền, nhưng thực ra là để phòng bị quân nhà Minh.

Sứ thần nhà Minh sang.

Trước đây, Trần Khang[1], gia nô nhà Trần Nguyên Huy, vì là bè đảng của Trần Tôn[2], nên trốn sang Lão Qua. Nay Trần Khang theo đường Vân Nam đến Yên Kinh, đổi tên là Thiêm Bình và nói dối là con Trần Nghệ Tông, tố cáo công việc lấn cướp, bạo nghịch và lừa dối của Quý Ly. Vua nhà Minh sai ngự sử là Lý Kỳ sang nước ta tra hỏi. Khi Lý Kỳ đã sang qua quan ải, đánh đập những người hộ tống, bắt phải đi thật nhanh cho được đường, không kể gì nhật trình đã định ; khi đến quán sứ, lại đi xem xét tình thế khắp nơi rồi trở về. Quý Ly sợ lộ việc sai người đuổi theo để giết đi ; lúc theo đến Lạng Sơn, thì Kỳ đã sang qua quan ải bên kia rồi. Kỳ về triều, đem hết cả tình trạng gian dối của Hán Thương tâu bầy cho vua nhà Minh biết.

Lời chua – *Thiêm Bình* : Sử nhà Minh chép là Thiên Bình.

Lão Qua : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb.XI, 13).

Ất Dậu, (1405). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 3 ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân, Hán Thương sai Hoàng Hối Khanh cắt đất nhường cho nhà Minh. Chb. **XII**, 7

Trước đây, Hoàng Quảng Thành, thổ quan châu Tư Minh, tâu với vua Minh rằng Lộc Châu nguyên là đất cũ của châu Tư Minh. Vua nhà Minh sai người sang nước ta dụ bảo trả lại đất ấy cho châu Tư Minh, nhưng Quý Ly không nghe. Nay lại sai sứ thần sang đòi, Quý Ly cho Hối Khanh sung

(1) Trần Tôn nguyên trước giữ chức Thiếu bảo triều nhà Trần, lúc quân Chiêm Thành sang lấn cướp, Tôn ngầm thông mưu với giặc, khi giặc rút lui, Trần Thuận Tông hạ chiếu bắt để trị tội, Tôn nhảy xuống nước tự tử, còn bè đảng là Trần Khang chạy sang Lão Qua. Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 13.

(2) Nt.

làm cát địa sứ[1]. Hối Khanh đem đất 59 thôn ở Cổ Lâu trả cho nhà Minh ; sau Quý Ly quở trách Hối Khanh về tội trả đất quá nhiều. Những thổ quan do nhà Minh đặt ra để giữ đất mới nhượng ấy, Quý Ly ngầm sai người bản thổ đánh thuốc độc cho chết.

Lời chua – *Tư Minh* : Nay thuộc tỉnh Quảng Tây nhà Thanh. Sách *Việt thuật* nói : "Lộc châu thuộc về Tư Minh, sau bị mất về Giao Chỉ, gần đây lại khám xét rõ ràng, lấy lại như cũ, nay lệ thuộc vào châu Tây Long[2] và huyện Tây Lâm[3] là nơi mới đặt". Thế thì đất Cổ Lâu mà Quý Ly cắt ra để nhường cho nhà Minh có lẽ là chỗ này.

Có nạn đói. Hạ lệnh cho dân các lộ phải bán thóc.

Các quan ở lộ, phủ, châu và huyện kiểm tra số thóc của nhà giàu, bảo họ bán cho dân theo giá hai bên cùng thoả thuận. Bán nhiều hay ít tuỳ theo số thóc hiện có.

Tháng 6, mùa hạ. Sét đánh vào đông cung của Hán Thương. Hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng ; Ân xá.

Đặt bốn kho quân khí.

Dân đinh người nào có tài nghệ khéo, đều sung vào làm việc công, sửa chữa chế tạo khí giới để đồ quân dụng được đầy đủ. Chb. **XII**, 8

Tháng 7, mùa thu. Hán Thương đi tuần du xem xét núi sông ở kinh lộ và các cửa biển ; tháng 8, trở về kinh đô.

Trước đây, Hán Thương sai đóng cọc gỗ ở nơi xung yếu tại các cửa biển và sông cái để phòng bị chống cự quân giặc ; đến

(1) Sứ thần nhận trách nhiệm cắt đất nhường cho nhà Minh.

(2) Nay đều là huyện và đều thuộc đạo Điền Nam, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

(3) Nt.

nay lại thân đi xem xét việc này, là có ý muốn biết được nơi nào hiểm trở, nơi nào bình thường.

Nhà Minh sai bọn hoạn quan Nguyễn Toán sang nước ta.

Trước kia, Thái tổ nhà Minh sai người sang nước ta bắt phải nộp người thầy chùa, người hoả giả[1] và gái đẹp đấm bóp[2], Đế Hiện nhà Trần sai tìm những hạng người ấy đem nộp. Trong số đó có hoả giả là bọn Nguyễn Toán, Nguyễn [Tông] Đạo, Từ Cá và Ngô Tín. Sau nhà Minh cho bọn thầy chùa và tú nữ trở về, chỉ để lại bọn hoả giả sung vào chức nội quan. Nay nhà Minh cho rằng bọn Nguyễn Toán am hiểu núi sông nước ta, nên sai sang để dòm dỏ hình thế trong nước.

Tháng 9. Hán Thương định lại quy chế quân ngũ.

Quân ngũ : nam và bắc chia làm 12 vệ, đông và tây chia làm 8 vệ, mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người, đại quân 30 đội, trung quân 20 đội, doanh 15 đội, đoàn 10 đội, cấm vệ đô 5 đội ; có đại tướng quân thống lĩnh.

Sai sứ sang nhà Minh.

Hán Thương thường bị nhà Minh tra hỏi, nên sai tả ti lang trung Phạm Canh, thông phán Lưu Quang Đình sang nhà Minh dâng lễ cống và tạ lỗi. Việc này là có ý muốn dập tắt việc binh hoả. Nhà Minh giữ Canh ở lại mà cho Quang Đình về. Chb. **XII**, 9

Ban tước cho phụ lão các lộ và cho hội họp uống rượu.

Quý Ly thấy mình tuổi đã 70, nên ban ơn cho phụ lão các lộ, những người từ 70 tuổi trở lên, đàn ông được ban tước một tư[3],

(1) Người bị thiến mất bộ phận sinh dục.

(2) Nguyên văn chép là "án ma tú nữ".

(3) Xem chú thích số 2 ở *Chính biên* quyển VII, tờ 4.

đàn bà được ban cho tiền giấy ; phụ lão ở kinh thành được ban tước và được hội họp uống rượu.

Đắp thành Đa Bang.

Hán Thương nhận thấy nếu quân nhà Minh kéo sang, thì Đa Bang chính là địa điểm xung yếu nhất, nên sai Hoàng Hối Khanh đắp thành để hãn ngữ ; lại phân phối các vệ quân ở Đông Đô[1] đi đóng cọc ở sông Bạch Hạc để hãn ngữ cánh quân nhà Minh từ mặt Tuyên Quang tiến sang.

Lời chua – *Thành Đa Bang :* Nay ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây.

Sông Bạch Hạc : Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chb. VII, 4-5).

Hội họp các quan văn võ trong kinh thành và ngoài các lộ bàn về kế hoạch nên đánh hay nên hoà.

Hán Thương hạ lệnh các viên An phủ sứ ở các lộ về triều để cùng với các quan trong kinh bàn về kế hoạch nên đánh hay nên hoà. Lúc ấy có người khuyên nên đánh, nói : "Không nên để quân Minh kéo vào nước sẽ làm mối lo sau này". Nguyễn Quân, trấn phủ Bắc Giang, cho rằng hãy nên tạm hoà, chiều theo ý muốn bên địch, để hoãn binh, thì hơn. Tả Tướng quốc là Trừng nói : "Tôi không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân có theo hay không theo mà thôi". Quý Ly đem cái hộp bằng vàng ban cho Trừng. Chb. **XII**, 10

Bính Tuất (1406). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 4).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Minh sai đốc tướng là bọn Hàn Quan và Hoàng Trung đem quân hộ tống Trần Thiêm Bình về nước ta ; Hán Thương sai người đón đường giết đi.

Trước đây, Thiêm Bình nói dối vua nhà Minh rằng : "Dòng dõi họ Trần chỉ còn một mình tôi, tôi cùng giặc nhà Hồ không

(1) Tức Thăng Long.

đội trời chung được, dám xin nhà vua xuất phát ngay sáu quân[1] đánh kẻ có tội để tỏ rõ oai trời".

Sau khi Lý Kỳ trở về Trung Quốc[2], Hán Thương liền sai Nguyễn Cảnh Chân dâng tờ biểu tạ tội và xin đón Thiêm Bình về tôn lên làm chúa. Vua nhà Minh sai hành nhân[3] là Niếp Thông đem tờ sắc sang dụ Hán Thương : "Nếu quả đón Thiêm Bình về tôn làm chúa, thì sẽ ban cho khanh tước thượng công và phong cho một quận lớn". Hán Thương lại sai Cảnh Chân theo Niếp Thông sang báo cáo về việc đón Thiêm Bình.

Đến nay, vua nhà Minh sai bọn Hàn Quan đem 5000 quân hộ tống Thiêm Bình về nước. Hàn Quan đóng ở lại địa đầu biên giới không tiến quân, chỉ một mình Hoàng Trung đem quân đánh vào cửa ải Linh Kênh. Quân nhà Hồ bị thua, đại tướng Phạm Nguyên Côi và tướng quân Chu Bỉnh Trung đều tử trận. Gặp lúc ấy viên tướng quản lĩnh quân Thánh Dực là Hồ Vấn từ Vũ Cao bất thình lình dẫn quân đến, thành ra quân nhà Minh bị thua to, nửa đêm bỏ trốn. Trước đấy viên tướng trong quân Thánh Dực là Hồ Xạ và Trần Đĩnh đã đem quân chặn cửa ải Chi Lăng, quân nhà Minh không sao tiến lên được. Hoàng Trung sai người thầy thuốc trong quân ngũ là Cao Cảnh Chiếu đưa thư và giải Thiêm Bình sang bên quân nhà Hồ. Trong thư nói : "Theo lời Thiêm Bình, hắn chính là con vua An Nam, nếu đưa hắn về nước, thì đi đến đâu không ai là không hưởng ứng. Thế mà từ khi đưa hắn về nước đến nay, trong nước không một người nào theo cả, như thế tỏ ra là gian dối. Nay đưa Thiêm Bình trả lại, xin để cho quân lính được ra khỏi quan ải". Hồ Xạ nhận lời, bèn giải nộp Thiêm Bình để tâu công chiến thắng. Hán Thương sai chém Thiêm Bình, thưởng

Chb. **XII**, 11

(1) Xem chú thích số 3 ở *Chính biên* quyển IX, tờ 34.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XII, tờ 6.

(3) Xem chú thích số 3 ở *Chính biên* quyển XII, tờ 2.

cho người có công đều được tước ba tư[1]. Hồ Xạ vì cớ không bắt được Hoàng Trung nên chỉ được thưởng tước 2 tư. Các quan văn võ dâng biểu mừng, Hán Thương từ chối không nhận.

Lời chua – *Chi Lăng :* Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb.I, 17. 18.)

Linh Kênh[2] : Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 5 (Chb.III, 47).

Vũ Cao : Không rõ ở đâu.

Hán Thương sai sứ thần sang nhà Minh.

Sau khi Hán Thương đã giết Thiêm Bình, liền dùng An phủ sứ ở Tam Giang là Trần Cung Túc làm chánh sứ và thông phán ở Ái Châu là Mai Tú Phu làm phó sứ, Thiêm phán là Tưởng Tư làm tòng sự, cùng đi sang nhà Minh biện bạch việc gian trá giả mạo của Thiêm Bình và xin được đi lại cống nạp như cũ. Nhà Minh giữ cả sứ giả lại, không cho về. Chb. **XII**. 12

Mộ thêm quân lính.

Hán Thương cho rằng quân nhà Minh bị thua một trận, tất nhiên sẽ lại kéo sang, nên hạ lệnh cho người có phẩm tước chiêu mộ những người trốn tránh phiêu lưu làm quân dũng hãn, đặt chức thiên hộ, bá hộ để cai quản. Lại sai đóng cọc gỗ ở bờ phía nam sông Nhị Hà nối tiếp nhau suốt hơn bảy trăm dặm ; ở các sông và cửa biển đều hạ cây xuống để ngăn cản. Lại hạ lệnh cho dân Bắc Giang và Tam Đái dựng nhà cửa ở nơi đất hoang rậm rạp về bờ phía nam sông Cái, dự bị làm chỗ di cư trong khi phải rút lui.

Lời chua – *Bắc Giang :* Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 1 (Chb. XXI, 28-29).

Tam Đái : Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29-30).

---

(1) Xem chú thích số 2 ở *Chính biên* quyển VII, tờ 4.

(2) *Chính biên* quyển III, tờ 47 chép là Lãnh Kênh.

Tháng 9, mùa thu. Nhà Minh sai đại tướng quân Chu Năng, phó tướng quân là bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh đem quân sang đánh Hồ Hán Thương.

Trước kia, bọn hoạn giả Nguyễn Toán nói nước ta giàu có phồn thịnh ; người nhà Minh đã có ý muốn chiếm lấy. Đến lúc Hán Thương lấn cướp ngôi vua nhà Trần, làm việc thí nghịch, nhà Minh thường sai người tra hỏi, muốn mượn cớ để gây việc binh đao. Nay Hán Thương lại giết Thiêm Bình, nên vua nhà Minh quyết kế cho quân sang đánh, bèn dùng Thành Quốc công Chu Năng làm đại tướng, Tân Thành hầu Trương Phụ, Tây Bình hầu Mộc Thạnh làm tả hữu phó tướng, Phong Thành hầu Lý Bân, Vân Dương bá Trần Húc làm tả hữu tham tướng, chia quân làm hai đạo, hẹn ngày cùng xuất phát. Khi tiến quân đến Long châu, Chu Năng chết, Trương Phụ được bổ lên thay. Phụ bèn theo đường Bằng Tường thuộc Quảng Tây tiến quân đến quan ải Pha Luỹ, kéo thẳng đến sông Phú Lương ; tả phó tướng Thạnh cũng từ đường Mông Tự thuộc Vân Nam tiến quân đánh quan ải Phú Lệnh, kéo thẳng đến sông Thao. Hai đạo quân cùng hội họp ở sông Bạch Hạc, đóng từng hàng đồn ở bờ phía bắc sông. Hán Thương hạ lệnh cho tả tướng quốc Nguyên Trừng[1], đại tướng Hồ Đỗ đem quân thuỷ, quân bộ ra chống cự. Chb. **XII**,13

Trước đây, quân nhà Minh tiến vào biên giới nước ta, đã dự bị treo bảng văn kể tội nhà Hồ, lại nói phao lên là sẽ lập con cháu họ Trần để nối lại tông thống đã mất mà cứu vớt lấy dân. Đến nay bọn Phụ và Thạnh chia ra viết những lời lẽ ở bảng văn ấy vào nhiều miếng ván gỗ, rồi thả xuống sông cho nước thuận dòng trôi xuống. Vì thế quân lính của Hán Thương trông thấy, không ai có chí khí chiến đấu. Bọn Mạc Địch, Mạc Thúy, Mạc Viễn và Nguyễn Huân đều là những người bất mãn với nhà Hồ, đón quân Minh để đầu hàng ; người nhà Minh đều trao cho quan tước.

---

(1) Tả tướng quốc Nguyên Trừng ở đây với tả tướng quốc Trừng ở tờ 10 ở trên là một người, tức là con trưởng của Quý Ly. Ở đây, *Cương mục* in lầm là Nguyễn Trừng.

Lời phê[1] – *Minh Yên Lệ*[2] *với Hồ Quý Ly cũng chẳng khác gì nhau. Tự thân mình đã không chính trực, dầu có mệnh lệnh cũng không thi hành được. Sao không tự xét mình xem sao đã ? Hai người này đều là bọn tham tàn mà thôi.*

Lời chua – *Long châu, Bằng Tường* : Thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây nhà Thanh, đều tiếp giáp với biên giới tỉnh Lạng Sơn nước ta. Chb. **XII**, 14

Mộng Tự : Tên huyện, thuộc phủ Lâm An, tỉnh Vân Nam, tiếp giáp với tỉnh Hưng Hoá[3] nước ta.

Pha Luỹ quan : Ở xã Đồng Đăng, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn, nay là Nam Quan[4].

Phú Lệnh quan : thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Mạc Địch, Nguyễn Huân : Đều người ở Chí Linh thuộc Nam Sách.

Tháng 12, mùa đông. Quân nhà Minh đánh phá được thành Đa Bang[5], liền chiếm lấy Đông Đô[6].

Quân của Hán Thương cầm cự với quân nhà Minh, muốn cố thủ nơi hiểm trở, không ra đánh, để làm cho quân nhà Minh mòn mỏi. Mộc Thạnh bàn với Trương Phụ rằng : "Những hàng rào gỗ mà bên địch[7] dựng lên đều sát liền sông, quân ta không thể tiến lên được ; chỉ có Đa Bang là nơi đất cát bằng phẳng có thể đóng quân, chỗ ấy tuy thành đất khá cao, bên dưới có mấy

(1) Chỉ việc vua nhà Minh tra hỏi việc Quý Ly lấn cướp thí nghịch.

(2) Con thứ tư Minh Thái Tổ, được phong là Yên vương ở Bắc Bình, nên gọi là Yên Lệ. Sau khi Minh Thái Tổ mất, Kiến Văn đế lên nối ngôi, Lệ đem quân vào kinh sư, đuổi Kiến Văn đế, cướp ngôi vua, tức là Minh Thành Tổ, một tên vua đã sai binh tướng sang đánh chiếm nước ta.

(3) Bây giờ là biên giới Lào Cai.

(4) Bây giờ là Mục Nam quan.

(5) Xem thêm *Chính biên* quyển XII, tờ 9, về địa điểm thành Đa Bang.

(6) Tức Thăng Long.

(7) Chỉ quân nhà Hồ.

tầng hào, nhưng khí giới đánh thành của ta đều đầy đủ, đánh mà chiếm lấy cũng có phần dễ". Phụ bèn hạ lệnh rằng : "Quân giặc[1] chỉ cậy có thành này, mà chúng ta lập công cũng ở một trận này ; tướng sĩ nào trèo lên thành được trước, sẽ đặc cách hậu thưởng không câu nệ theo thứ bậc thông thường". Hạ lệnh xong, sai quân nhân đêm tối đánh úp thành, dùng cách đốt lửa sáng và thổi tù và để báo hiệu với nhau. Trương Phụ chỉ huy Đô đốc Hoàng Trung đánh mặt tây bắc, Mộc Thạnh chỉ huy Đô đốc Trần Tuấn đánh mặt đông nam, dùng vân thê[2] để sát vào thành mà trèo lên. Quân nhà Hồ chống cự không được, rút lui vào thành. Sáng hôm sau, quân nhà Hồ khoét thành lùa voi ra đánh. Quân nhà Minh dùng những bức vẽ có hình sư tử trùm cho ngựa để xông vào, lại có súng thần cơ hoả khí yểm hộ : voi phải co vòi lùi về, quân nhà Minh theo voi tiến vào. Thành bị vỡ, các đạo quân khác của nhà Hồ ở ven sông đều tan rã, lui về giữ sông Hoàng Giang. Quân nhà Minh nhân thế thắng, cứ theo dọc sông Phú Lương kéo xuống. Đi đến đâu, chúng đốt những hàng rào bằng gỗ, tiến thẳng đến Đông Đô, bắt cướp con gái, vàng, lụa, tính toán lương thực tích trữ, phân phối chức quan giữ việc, chiêu tập dân phiêu lưu, làm kế đóng giữ lâu dài.

Chb. **XII**, 15

Lời chua – *Hoàng Giang :* Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 44).

---

(1) Chỉ quân nhà Hồ.

(2) Vân thê nghĩa đen là thang mây, một quân khí đời cổ dùng để đánh thành, sở dĩ gọi tên là vân thê, ý nói cái thang cao lắm, có thể trèo lên đến mây được. Theo sách *Vũ bị chí,* cách chế tạo vân thê như thế này : Dùng phiến gỗ lớn làm cái bàn, dưới cái bàn có sáu bánh xe, trên cái bàn đặt hai cái thang, mỗi cái dài hơn hai trượng, hai cái thang đều có trục chuyển động, có thể dựng cao lên hoặc hạ thấp xuống được. Khi đã đem vân thê đến thành bên địch, thì kéo trục cho hai cái thang đứng ngược lên, rồi quân sĩ trèo lên thang ấy để dòm ngó vào trong thành.

Đinh Hợi (1407). (Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1. Từ tháng 10 trở về trước thuộc về Hán Thương, năm Khải Đại thứ 5. – Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Mộc Thạnh nhà Minh đánh cho quân nhà Hồ bị thua to ở sông Mộc Hoàn ; quân nhà Hồ rút lui, giữ cửa biển Đại An.

Mộc Thạnh, tả phó tướng nhà Minh, nghe biết Hồ Nguyên Trừng đóng quân ở Hoàng Giang, bèn đem quân thuỷ, quân bộ đều tiến, đến sông Mộc Hoàn, đóng dinh trại đối ngạn với sông Hoàng Giang. Nguyên Trừng dùng ba trăm chiếc thuyền lớn tung quân ra đánh, quân của Thạnh ở hai bên bờ sông đánh khép lại : quân của Nguyên Trừng bị thua to, lui về giữ cửa Muộn Hải. Hồ Đỗ và Hồ Xạ bỏ bến Bình Than, cũng chạy đến cửa Muộn, hết sức đắp đồn luỹ, để tính kế cầm cự lâu dài, gặp lúc quân nhà Minh đuổi đến nơi, lại phải lui giữ cửa biển Đại An. Thị trung Trần Nguyên Chỉ, Trung thư lệnh Trần Sư Hiền và người ở Kiến Hưng(1) là Nguyễn Nhật Kiên cũng tụ tập dân chúng, bắt giết viên trấn phủ(1) rồi đều đầu hàng quân nhà Minh.

Chb. **XII**, 16

Quân hai bên đối luỹ, ngày đêm đánh nhau, gặp lúc ấy mưa nắng thất thường, sinh ra tật dịch. Quân nhà Minh thấy rằng cửa Muộn Hải đất ẩm thấp, không thể đóng quân lâu được, giả vờ đem quân rút lui, đến cửa Hàm Tử, đóng dinh trại kiên cố để đợi quân địch. Hồ Nguyên Trừng cũng đón Quý Ly và Hán Thương từ Tây Đô đến, lại tiến quân đóng ở Hoàng Giang, để cầm cự với quân nhà Minh.

(1) Kiến Hưng : Nay gồm các huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản tỉnh Nam Định. Lúc ấy Phan Hoà Phủ làm trấn phủ sứ ở Kiến Hưng. Theo *Toàn thư* thì chỉ có Nguyễn Nhật Kiên đem dân chúng giết trấn phủ sứ Phan Hoà Phủ, còn Trần Nguyên Chỉ và Trần Sư Hiền đã đầu hàng quân Minh từ trước.

Lời chua – *Sông Mộc Hoàn* : Ở xã Mộc Hoàn[1], huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Nội[2]. Sông này tiếp giáp với Hoàng Giang.

Cửa Muộn Hải : Ở địa phận huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định, nay bị bồi lấp.

Bình Than : Tên bến đò. Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII,28).

Cửa Hàm Tử : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 39).

Cửa biển Đại An : Tức cửa biển Đại Nha. Xem Lý Hậu Đế năm thứ nhất (Tb. IV, 13).

Tây Đô : Ở địa phận Xuân (trước là Hoa) Giai, Phương Giai và Tây Giai thuộc huyện Vĩnh Lộc (trước là Phúc), tỉnh (trước là trấn) Thanh Hoá, có một tên nữa là Thành nhà Hồ, do Quý Ly đắp, nay vẫn còn.

Tháng 3. Hồ Nguyên Trừng tiến quân đến cửa Hàm Tử, quân nhà Minh đón đánh, quân của Nguyên Trừng bị thua to.

Nguyên Trừng, Hồ Đỗ và Đỗ Mãn lại đem quân thuỷ, quân bộ nhất tề từ Hoàng Giang tiến lên. Hồ Xạ, Trần Đĩnh quản lĩnh đạo quân đóng ở bờ phía nam ; Đỗ Nhân Giám, Trần Khắc Trang quản lĩnh đạo quân đóng ở bờ phía bắc ; Đỗ Mãn và Hồ Vấn quản lĩnh đạo thuỷ quân, tất cả bảy vạn người, nói phao là hai mươi mốt vạn, cùng nhau tiến đến cửa Hàm Tử. Thuyền chiến nối liền nhau hơn mười dặm, chắn ngang giữa sông. Nhà Minh đặt quân mai phục, rình khi quân nhà Hồ trễ nải, đem hai cánh quân thuỷ và bộ xông ra. Quân bộ của nhà Hồ không thể đối địch được, cùng nhau trốn chạy, gặp phục binh nhà Minh, đều quay dáo, nhảy xuống sông chết, chỉ có cánh quân thuỷ được thoát thân. Thuyền tải lương chìm

Chb. **XII**, 17

(1) Xã Mộc Hoàn nay thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Huyện Phú Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Tây.

(2) Nt.

đắm hầu hết. Lúc ấy đạo quân của Hồ Xạ còn ở lại sau, biết mặt trước có quân mai phục, không chịu tiến lên, Hồ Đỗ sai người trách móc, Hồ Xạ mới tiến quân, cũng đều bị thua. An phủ sứ Bắc Giang là Nguyễn Hi Chu bị bắt, Hi Chu mắng nhiếc Trương Phụ là giặc tàn bạo, Phụ sai giết đi.

Tháng 4, mùa hạ. Quân nhà Minh tiến đánh Lỗi Giang, quân của Hán Thương tự tan vỡ.

Bị thua trận ở Hàm Tử, Quý Ly và Hán Thương đem liêu thuộc do đường biển chạy lui vào Thanh Hoá. Quân nhà Minh đuổi theo, đến Lỗi Giang, quân nhà Hồ không đánh nhau mà tự tan vỡ. Nguỵ Thức(1) xin hai bố con nhà Hồ tự thiêu mình cho chết và nói : "Nước mất rồi, người vua chúa không nên chết ở tay người khác". Quý Ly giận, chém chết Nguỵ Thức, rồi chạy vào Nghệ An.

Lời chua – *Lỗi Giang :* Tức phân lưu của sông Mã, ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, hạ lưu con sông này thông với sông Đại Lại. Chb. **XII**, 18

Tháng 5. Quân nhà Minh kéo đến cửa biển Kỳ La, bắt được Quý Ly, Hán Thương cùng con cháu, liêu thuộc của hắn.

Trương Phụ biết Hán Thương trốn chạy vào Nghệ An, bèn cùng tả phó tướng Thạnh theo đường bộ tiến quân, lại phân phái Liễu Thăng đem chu sư(2) do đường thuỷ đuổi theo, khi đuổi đến cửa biển Kỳ La, đánh cho quân nhà Hồ phải thua to, bắt được Quý Ly, hôm sau lại bắt được Hán Thương cùng con hắn là Nhuế ở núi Cao Vọng. Những tướng tá sau này đều bị bắt : Hữu tướng quốc Quý Tì và con hắn là Phán trung đô Vô Cữu, Tả tướng quốc Nguyên Trừng, tướng quân Hồ Đỗ, Phạm Lục Tài, Nguyễn Nghiện Quang và Đoàn Bồng. Còn những

(1) Nguỵ Thức giữ chức ngự sử trung tán triều Hồ Hán Thương. Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 41.

(2) Quân lính đi thuyền, dùng vào trận thuỷ chiến.

người khác như Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn và Đỗ Mẫn thì đã đầu hàng quân Minh từ trước rồi. Duy viên Hành khiển hữu tham tri chính sự Ngô Miễn và viên trực trưởng Kiều Biểu nhảy xuống sông tự tử, vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị cũng chết theo.

Lúc hai cha con nhà Hồ chạy đến Kỳ La, có phụ lão ra bái yết, nói : "Chỗ này tên là "Ky Lê"(1), ở trên kia có núi "Thiên Cầm"(2), đấy đều là điềm không tốt, xin đừng lưu ở đây". Hai họ Hồ nổi giận, chém chết người phụ lão ấy ; đến nay, quả nhiên Hán Thương bị bắt ở đây.

Trước kia, Hán Thương bổ Hối Khanh giữ chức tuyên uý sứ lộ Thăng Hoa, Hối Khanh dùng viên quan bản thổ là đại tri châu Đặng Tất và Phạm Thế Căng làm chân tay. Tất cùng viên châu phán Nguyễn Lỗ ghen ghét nhau về công trạng. Khi nhà Hồ bị thua chạy, sắc phong cho Chế Ma Nô Đã Nan làm Thăng Hoa quận vương để phủ dụ người Chiêm Thành, lại sai Hối Khanh đem số dân đã dời đến ở khi trước và dân bản thổ giao cho Lỗ quản lĩnh để đem đi viện trợ(3). Hối Khanh đều ẩn giấu việc ấy đi, không tuyên bố ra. Gặp lúc quân của Chiêm Thành đến tranh lại đất cũ, bọn dân đã dời đến khi trước sợ hãi tan rã. Hối Khanh trốn về Hoá châu, Tất và Lỗ cũng đem quân thuỷ, quân bộ kế tiếp đến đó. Chỉ có một mình Đã Nan chống nhau với quân Chiêm Thành, thế lực trơ trọi yếu đuối, bị quân Chiêm Thành giết chết.

Chb. **XII**, 19

---

(1) Chữ "Ky Lê" theo Hán văn viết Ky : trói, buộc, giàm đầu ngựa. Lê : có nhiều nghĩa, có danh từ riêng là tên của một họ (Tiên tổ Quý Ly làm con nuôi Lê Huấn mới đổi là Lê).

(2) Thiên Cầm nghĩa đen là trời bắt. Vì tên chỗ đất này một chỗ có nghĩa bóng là trói họ Lê (Ky Lê), một chỗ có nghĩa là trời bắt (Thiên Cầm), nên mới nói là điềm không tốt.

(3) Đoạn văn này sử *Cương mục* chép không rõ ràng, như hai chữ cuối câu chép là phó viện, nghĩa là đem đến viện trợ. Không rõ đem đến đâu và viện trợ đạo quân nào ? Theo *Toàn thư* và *Sử Ký bản kỷ* đều chép Hán Thương viết thư bảo Hối Khanh lấy một phần ba số dân mới dời đến và quân lính ở bản thổ giao cho Lỗ quản lĩnh làm quân "cần vương".

Lỗ và Tất đánh nhau hơn một tháng, Lỗ bị thua, chạy sang Chiêm Thành. Đến khi nhà Hồ mất, Chiêm Thành lại chiếm cứ Thăng Hoa, cướp Hoá Châu ; nhà Minh trao quan chức cho Tất để chống cự. Quân Chiêm Thành phải rút về. Tất sai người đưa Hối Khanh về, đến cửa biển Đan Thai, thì Hối Khanh tự vẫn, Trương Phụ đem thủ cấp bêu tại chợ Đông Đô.

Lời phê(1) – *Mấy lần lật lọng lời thề nguyền, tính toán lấn cướp ngôi vua một cách xảo quyệt ! Đến bây giờ có thể xảo trá để thoát thân được không ? Đạo trời báo ứng, rõ ràng không sai, chả đáng sợ lắm sao ?*

Lời chua – *Trực trưởng :* Tên quan.

Núi Cao Vọng, cửa biển Kỳ La : Nay ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ky Lê : Tức cửa biển Kỳ La.

Thiên Cầm(2) : Nguyên tên là Thiên Cầm(3). Tương truyền ngày trước Lạc Hùng vương đi chơi đến chỗ này, nghe thấy có tiếng sáo trời, nên đặt tên là Thiên Cầm(4). Người phụ lão không muốn cho Hán Thương lưu lại ở đấy, nên nhân thanh âm gần với nhau mà nói trệch đi để truật Hán Thương : "Kỳ La" gọi trệch là "Ky Lê", chữ "cầm" là đàn đổi ra chữ "cầm" là bắt.

Cửa biển Đan Thai : Ở chỗ giáp giới hai huyện Nghi Xuân và Chân Lộc thuộc tỉnh Nghệ An, nay là cửa biển Hội Thống. Chb. **XII**, 20

Tháng 6. Nhà Minh đổi An Nam làm Giao Chỉ, lập phủ, huyện, đặt quan lại, miễn tô thuế ba năm.

Bố con Hồ Quý Ly đã bị bắt, nhà Minh hạ chiếu tìm con cháu nhà Trần lập làm vua. Quan lại và kỳ lão(5) đều nói : "Họ

(1) Chỉ việc Quý Ly bị quân nhà Minh bắt ở cửa biển Kỳ La.

(2) Trời bắt.

(3) Đàn trời.

(4) Tham khảo sách *Đại Việt sử ký bản kỷ*, tác giả (có thuyết nói là Ngô Thì Sĩ) chua : Lúc hai họ Hồ bị bắt, núi này chưa có tên là "Thiên Cầm". Đến triều nhà Lê, viên tư mã Lê Khôi lên chơi núi này, nghe thấy trên không có tiếng như tiếng đàn, cho nên đặt tên núi là "Thiên Cầm".

(5) Có lẽ chỉ một số quan lại đã đầu hàng quân Minh và một số kỳ lão bị quân Minh dụ dỗ hoặc doạ nạt, chứ không phải quan lại và kỳ lão cả nước.

Trần không còn người nào có thể thừa kế được. An Nam nguyên trước là Giao Châu, xin khôi phục lại chế độ quận huyện, cho dân được đổi mới". Bấy giờ nhà Minh bèn đổi An Nam làm Giao Chỉ. Cách sắp đặt như thế này :

– Đặt 17 phủ, là : Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Giang, Lạng Sơn, Tân An, Kiến Xương, Phụng Hoá, Kiến Bình, Trấn Man, Tam Giang, Tuyên Hoá, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá và Thăng Hoa. Mười bảy phủ này lệ thuộc thẳng vào ti Bố Chính.

– Đặt năm châu, là : Quảng Oai, Tuyên Hoá, Quy Hoá, Gia Bình và Diễn Châu.

– Còn những nơi xung yếu khác thì đặt 12 vệ để khống chế.

– Về phần quan chức thì đặt ba ti[1], bổ dụng Thượng thư Hoàng Phúc kiêm giữ công việc hai ti Bố Chính và Án Sát, Lữ Nghị giữ công việc Đô Ti[2], Hoàng Trung làm chức phó trong Đô Ti.

– Công việc cai trị cấm việc sai dịch và miễn thu các thứ thuế trong ba năm.

Trương Phụ nhà Minh bắt giải Quý Ly, Hán Thương và họ hàng đồ đảng đưa về Kim Lăng. Chb. **XII**, 21

Trương Phụ sai bọn hoành hải Tướng quân Lỗ Lân, Đô đốc thiêm sự Liễu Thăng bắt giải Quý Ly và con là Hán Thương, Nguyên Trừng, Triệt, Uông, cháu là Nhuế, Mỗ, Phạm, em là Quý Tì, con Quý Tì là Vô Cữu, nguỵ[3] Tướng quân Hồ Đỗ, Đoàn Bồng, nguỵ[4] Hành khiển Nguyễn Nghiện Quang, Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng hiến tiệp. Vua nhà Minh ngự điện nhận tù binh và hỏi Quý Ly rằng : "Giết vua, cướp nước, như thế có phải là

(1) Xem chú thích số 3, *Chính biên* quyển XII, tờ 4.

(2) Tức Đô chỉ huy sứ ti.

(3) Sứ thần nhà Nguyễn cho rằng nhà Hồ cướp ngôi vua nhà Trần, không phải là triều chính thống, nên những quan tước của bầy tôi triều ấy họ đều chép chữ "nguỵ" lên trên, là có ý để phân biệt với bầy tôi triều chính thống.

(4) Nt.

đạo người bầy tôi không ?" Quý Ly không trả lời được, bèn giao cả xuống giam vào ngục tù, chỉ tha cho con là Trừng, cháu là Nhuế. Sau, Quý Ly ở trong ngục được tha ra, bắt đi thú thủ ở Quảng Tây ; Trừng vì lành nghề chế binh khí, dâng phép chế súng lên vua Minh, nên được tha ra để dùng.

Lời phê[1] – *Rất đáng tiếc Quý Ly không được như Khánh Phong*[2] *nước Tề, đối đáp với Công tử Vi*[2]*, để làm sướng tai mắt ngàn đời.*

Lời cẩn án – Sử cũ *chép : "Khi Quý Ly đến Kim Lăng, vua nhà Minh giả vờ trao cho chức tham chính, sai người hộ tống đến nơi làm việc, rồi giết chết ở dọc đường". Có lẽ nào đánh bắt được người đầu sỏ của giặc, không đem làm tội một cách đường hoàng mà lại phải dùng kế giả dối để giết bao giờ ? Thật là vô lý ! Nay theo sách* Minh sử kỷ sự *cải chính lại.*

Nhà Minh hạ chiếu trưng cầu những nhân sĩ có tài đức văn học ẩn dật ở núi rừng cùng những người am hiểu thông thạo tạp nghệ.

Vua nhà Minh sai bọn Trương Phụ tìm tòi dò hỏi những người ẩn dật ở núi rừng, có tài, có đức, thông suốt năm kinh, văn hay, học rộng, thạo việc, am hiểu thư toán, nói năng hoạt bát, hiếu để, chăm làm ruộng, tướng mạo khôi ngô, gân sức cứng rắn, cùng những người hiểu biết nghề Chb. **XII**, 22

(1) Chỉ việc vua nhà Minh hỏi tội, Quý Ly không trả lời được.

(2) Khánh Phong, người thời Xuân Thu, một quyền thần nước Tề, giết Tề Trang Công để chuyên quyền. Khi Tề Cảnh Công lên ngôi, toan giết Khánh Phong ; Phong chạy sang nước Ngô. Công tử Vi, con thứ hai Sở Cung Vương, khi Cung Vương mất. Công tử Vi đuổi con người anh cả của mình mà cướp ngôi, tức là Sở Linh vương. Linh vương muốn làm ơn với nước Tề, đem quân đánh nước Ngô, bắt Khánh Phong. Linh vương ra lệnh cho Khánh Phong thân đeo xiềng xích đứng trước mặt các quân tướng mà rao to lên rằng : "Từ rầy đừng ai bắt chước như Khánh Phong này giết vua mà chuyên quyền bính". Khánh Phong liền đứng trước mặt tướng sĩ, rao to lên rằng : "Đừng có ai bắt chước Công tử Vi kia đuổi con nhà anh để cướp ngôi vua". Khánh Phong rao dứt lời, tướng sĩ đều cười ồ. - Lời phê này ý nói tiếc rằng Quý Ly không biết đem việc "đuổi Kiến Văn đế, cướp lấy ngôi vua" hỏi vặn lại Minh Thành tổ. Xem thêm chú thích số 2, *Chính biên* quyển XII, tờ 14.

cầu cúng, làm thuốc, xem bói, đều đưa sang Kim Lăng, sẽ trao cho quan chức, rồi cho về trấn trị các phủ, châu, huyện. Lệnh ấy ban ra, những bọn bon chen đua nhau hưởng ứng, chỉ có Bùi Ứng Đẩu cáo từ là bị bệnh đau mắt và mấy người nữa như bọn Hạ Trai học sinh là Lý Tử Cấu trốn ẩn không ra mà thôi. Lúc ấy người ta có câu ngạn ngữ rằng : *"Dục hoạt, nhập ẩn lâm san ; dục tử, Minh triều tố quan*" (muốn sống, ẩn ở núi rừng ; muốn chết, hãy làm quan với nhà Minh). Sau đến lúc nhà Lê khởi nghĩa, những người làm quan với nhà Minh mà có tiếng tàn ác đều bị giết. Câu ngạn ngữ trên thành ra câu sấm.

Lời chua – *Hạ Trai :* Triều đình nhà Trần trước, học sinh chia ra 3 bậc là : thượng trai, trung trai và hạ trai.

Đô chỉ huy sứ của Minh là Nguyễn Đại phạm tội, Trương Phụ bắt giết đi.

Đại, trước là bầy tôi nhà Hồ, sau đầu hàng nhà Minh, vì có công dẫn bắt cha con nhà Hồ, Trương Phụ làm trát văn trao cho chức Đô chỉ huy sứ. Từ đấy, Đại kiêu căng, làm nhiều điều phi pháp, hoang dâm, nghiện rượu, lại có chí ngấm ngầm phản lại. Trương Phụ bèn giết đi.

Quân nhà Minh rút về nước.

Trương Phụ và Mộc Thạnh dẫn quân về nước, để viên giữ ti Đô chỉ huy sứ là Lữ Nghị và viên giữ hai ti Bố chính và Án sát là Hoàng Phúc ở lại trấn thủ nước ta. Phụ dâng lên vua Minh địa đồ bờ cõi đã mở rộng được, mặt đông và mặt tây cách nhau 1760 dặm, mặt nam và mặt bắc cách nhau 2700 dặm, đặt nha môn[1] vừa lớn vừa nhỏ 472 sở. Vua nhà Minh ban khen, thưởng cho tướng sĩ tuỳ theo công trạng của từng người. Chb. **XII**, 23

Tháng 10, mùa đông. Giản Định vương nhà Trần là Ngỗi khởi binh ở Tràng An, tự lập làm vua.

(1) Một sở công, đơn vị hành chính, nơi các viên chức làm việc.

Ngỗi, con thứ của Trần Nghệ Tông, trước phong là Giản Định vương, nhà Hồ đổi phong Nhật Nam quận vương. Khi nhà Hồ bị bại, Trương Phụ yết bảng tìm bắt con cháu họ Trần, Ngỗi phải trốn tránh lẩn lút đến bến Yên Mô ở Tràng An. Người ở Thiên Trường là Trần Triệu Cơ đem dân chúng theo, Ngỗi bèn xưng làm Giản Định hoàng đế, đặt niên hiệu là Hưng Khánh. Người nhà Minh đem quân đến đánh, vì quân mới họp tập, nên chưa đánh nhau mà tự tan vỡ, Ngỗi phải chạy vào Nghệ An. Viên đại tri châu ở Hoá Châu là Đặng Tất nghe tin, liền giết quan nhà Minh, đem quân đến họp. Tất dâng con gái cho Giản Định, Giản Định phong cho Tất làm quốc công, cùng nhau mưu tính việc khôi phục.

Lời chua – *Bến Yên Mô :* Nay ở xã Yên Mô, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Trần Nguyệt Hồ xưng vương ở Bình Than ; quân nhà Minh đánh, bắt được. Chb. **XII**, 24

Phạm Chấn, thổ hào Đông Triều, khởi binh ở Bình Than, lập Trần Nguyên Hồ làm chúa, tự gọi là quân Trung nghĩa. Nhà Minh sai quân đến đánh, Nguyệt Hồ bị bắt, Phạm Chấn chạy trốn.

Trước đây, Bùi Bá Kỳ, Tì tướng Trần Khát Chân, tự xưng là "Nam triều trung nghĩa thần" (người tôi trung nghĩa nước Nam) chạy trốn sang nhà Minh, báo cáo nạn nước. Bá Kỳ nói : "Tổ phụ tôi trước đều là đại thần giữ chính quyền triều nhà Trần, mẹ tôi là người họ thân với họ Trần, lúc bé tôi được vào chầu quốc vương, làm quan đến ngũ phẩm ; vì cha con Quý Ly giết vua, cướp nước, nên tôi phải bỏ quan đi trốn, nương náu trong hang núi, trong bụng vẫn nghĩ phải đến khuyết đình[1], phơi bày gan dạ, giãn giọc lo lắng hàng mấy năm, nay mới được trông

(1) Cung khuyết của triều đình nhà Minh.

thấy mặt trời[1]. Tôi trộm nghĩ : cha con Quý Ly làm việc cướp nước bạo nghịch, không kính trọng mệnh lệnh triều đình, xin hoàng đế cử đạo quân thương dân đánh kẻ có tội, trừ khử bọn hung bạo gian tà, lập con cháu nhà Trần, để tôn nghiêm cái nghĩa làm cho đời đã mất được kế tục lại. Được như thế, thì tôi dẫu chết cũng không nát xương. Nay tôi xin học theo lòng trung nghĩa của Bao Tư[2], thương khóc kêu gào dưới cửa khuyết, xin hoàng đế rủ lòng thương soi xét cho". Vua nhà Minh nhận được lời tâu, lấy làm cảm động, sai viên quan có trách nhiệm cấp cho cơm áo. Gặp lúc ấy Trần Thiêm Bình từ Lão Qua sang, người nhà Minh hỏi Bá Kỳ có biết người này không. Bá Kỳ trả lời không biết. Đến lúc nhà Minh đưa Thiêm Bình về nước ta, hỏi nên dùng bao nhiêu người hộ tống. Thiêm Bình nói : "Chỉ độ vài ngàn người là đủ, hễ về đến nơi tự khắc người ta phục tùng". Bá Kỳ nói : "Không nên". Vua nhà Minh giận, bèn đem an trí Bá Kỳ ở Cam Túc. Đến lúc Thiêm Bình bị bại, vua nhà Minh cho triệu Bá Kỳ về, dụ dỗ là sẽ lập con cháu họ Trần, mà Bá Kỳ sẽ được làm bầy tôi phụ tá. Khi Trương Phụ đem quân sang nước ta, cho Bá Kỳ đi theo trong quân ngũ, do đấy trao cho chức tham nghị. Bá Kỳ nhận chức, nhưng không cùng bạn đồng liêu bàn tính công việc, chỉ ở nhà riêng, lại thu nạp những viên quan cũ triều Trần hiện bị sa cơ lỡ bước. Nay Nguyệt Hồ khởi binh, người nhà Minh ngờ là Bá Kỳ đem lòng phản lại, liền bắt Bá Kỳ đưa sang Kim Lăng.

Chb. **XII**, 25

Lời chua – *Đông Triều :* Tên huyện, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Bá Kỳ : Người ở Phù Nội thuộc Thanh Miện, Hồng Châu[3].

---

(1) Tượng trưng dung nghi một vị thiên tử. Ở đây chỉ vua nhà Minh.

(2) Người thời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Sở, khi nước Ngô diệt nước Sở, Bao Tư sang cầu cứu với nước Tần, đứng dựa vào tường khóc suốt 7 ngày không ngớt tiếng ; vua nước Tần cảm động, mới cho quân sang cứu, đánh lui được quân nước Ngô.

(3) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Bình Than : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ tư (Chb.VII, 28).

Tháng 12, Đế Ngỗi sai bọn Trần Nguyên Tôn thu thập quân lính ở Bình Than. Quân nhà Minh đến đánh úp, quân của bọn Nguyên Tôn bị tan vỡ, chạy vào Nghệ An.

Toán quân của Nguyệt Hồ tan rã, Giản Định đế sai bọn Trần Nguyên Tôn, Trần Dương Đình, Trần Nghiện Chiêu lại cùng Phạm Chấn thu thập số quân còn lại, hội họp ở Bình Than. Quân nhà Minh đến đánh, lại tan vỡ, bèn cùng nhau chạy vào Nghệ An.

Đế Ngỗi bắt giết những người đầu hàng nhà Minh là bọn Trần Thúc Dao, Trần Nhật Chiêu cùng đồ đảng của chúng hơn sáu trăm người.

Thúc Dao và Nhật Chiêu đều là tôn thất nhà Trần, trước kia đầu hàng nhà Minh, Trương Phụ cho Thúc Dao giữ Diễn Châu, Nhật Chiêu giữ Nghệ An. Chb. **XII**, 26 Nay quân của Giản Định kéo đến, lấy cớ rằng bọn này không ra đón rước trước, nên bắt giết đi.

Dân bị đói to, phát sinh chứng dịch.

Mậu Tí (1408). (Trần, năm Hưng Khánh thứ 2 ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh hạ chiếu đại xá.

Quân của Giản Định nổi dậy, nhiều người hưởng ứng đi theo, nhà Minh cho rằng người trong nước vẫn nhớ vua cũ, nên giả vờ dùng chính sách khoan hồng để thu phục lòng dân, bèn hạ tờ chiếu, đại lược nói : "Trẫm nghĩ những dư dân[1] vì lòng vẫn ngu muội, hoặc nhân nghèo đói bức bách, hoặc bị bọn cường bạo xua đuổi, hoặc bị bọn gian trá dỗ dành, bất đắc dĩ mà phải làm liều, tình cũng đáng thương, nếu nhất luật bắt tội, lòng

(1) Những dân không chịu phục tùng với triều mới.

trẫm thực không nỡ. Vậy ngày nào tờ chiếu này đến nơi, thì những người có tội đều tha bổng. Các quan lại nên thể theo lòng nhân của trẫm, đối với dân không được nghiêm khắc, không được vơ vét của dân, tất cả mọi việc không cần cấp đều tạm đình bãi".

Tháng 6, mùa hạ. Đặng Tất nhà Trần đánh tan được quân Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ, chém được Phạm Thế Căng.

Trước đây, quân của Trương Phụ kéo đến cửa biển Bố Chính, Thế Căng đón đường xin hàng, Phụ cấp trát văn trao cho giữ chức tri phủ ở Tân Bình. Thế Căng tự tiện tác oai tác phúc, tự xưng là Duệ Vũ đại vương, tụ họp nhiều người chiếm giữ đất Tân Bình. Đặng Tất đem quân đến đánh, phá tan được ở cửa biển Nhật Lệ, bắt chém được Thế Căng. Chb. **XII**, 27

Lời chua – *Cửa biển Nhật Lệ* : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb.X,39).

Cửa biển Bố Chính : Nay ở địa giới 2 huyện Bình Chính và Bố Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình, tức là cửa sông Gianh.

Tháng 12. Đế Ngỗi phá tan được quân nhà Minh ở bến Bô Cô.

Đế Ngỗi sai Tất điều động quân ở các lộ Thuận Hoá, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu và Thanh Hoá, tiến ra đánh thành Đông Đô. Khi quân kéo đến Tràng An, quan thuộc cũ cùng hào kiệt các nơi rủ nhau hưởng ứng vui theo, Tất đều tuỳ theo tài năng từng người trao cho quan chức. Lòng người phấn khởi, thế quân mạnh thêm.

Trước đây, lúc Đế Ngỗi khởi binh, viên Thủ tướng nhà Minh đã đem việc ấy tâu cho triều đình nhà Minh biết. Vua nhà Minh lại sai Kiềm Quốc công Mộc Thạnh đem bốn vạn quân, theo đường Vân Nam tiến sang nước Chb. **XII**, 28

ta. Đến đây, Mộc Thạnh cùng quân của Đô chỉ huy Lữ Nghị hội họp ở Bô Cô, gặp lúc ấy Đế Ngỗi cũng đem quân từ Tràng An đến. Quân hai bên gặp nhau, bên nào cũng chia quân thuỷ, quân bộ để cầm cự với nhau. Đế Ngỗi cầm dùi thúc trống, bắt quân sĩ nhân cơ hội đánh tung ra, đánh nhau từ giờ tị đến giờ thân[1], quân nhà Minh thua chạy, quân ta chém được Lữ Nghị và Thượng thư Lưu Tuấn[2], chỉ có một Mộc Thạnh thoát thân chạy đến thành Cổ Lộng, Đế Ngỗi hạ lệnh cho các quân sĩ rằng : "Bây giờ nhân thế chẻ tre[3], đánh quét một trận ruổi dài, làm cho chúng không kịp bịt tai khi gặp sét đánh mạnh, rồi ta tiến lên lấy thành Đông Đô, thì thế nào cũng phá được". Đặng Tất nói : "Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mối lo về sau". Vua tôi mưu tính dùng dằng mãi không quả quyết. Gặp lúc ấy viện binh nhà Minh kéo đến đón tiếp Mộc Thạnh về thành Đông Quan. Tất bèn chia quân bao vây các thành ở các châu, phủ, đưa tờ hịch đi các lộ hội họp binh sĩ, rồi sẽ tiến đánh.

Lời phê[4] – *Đặng Tất để nhỡ cơ hội, rước lấy tai hoạ, chả đáng tiếc lắm sao ?*

Lời chua – *Thành Đông Quan :* Tức thành Đông Đô, nhà Minh đem Đông Đô làm phủ lỵ Giao Châu, gọi là thành Đông Quan.

Bô Cô : Tên bến đò, ở địa phận huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định, đối diện với tỉnh thành Ninh Bình, trước gọi là Bồ Cô, nay đổi là xã Hiếu Cổ.

---

(1) Phỏng từ 11 giờ đến 16 giờ.

(2) Theo *Toàn thư* thì Lưu Tuấn làm Thượng thư bộ Binh nhà Minh. Nhưng *Cương mục* in lầm chữ "thượng thư" thành "thượng tận", nên có người hiểu "thượng tận" là tên người, rồi nhận lầm là "Thượng Tận" bị quân ta giết cùng một lúc cùng với Lữ Nghị và Lưu Tuấn.

(3) Chẻ tre chỉ khó khăn ở mấy gióng gốc, đã bửa đôi được mấy gióng gốc, thì những gióng kia có thể bỏ dao ra mà dùng tay để róc đôi ra được. Nhà binh dùng thế chẻ tre để ví với việc đánh giặc, đã thắng được một trận đầu, thừa thế thắng mà đánh, thì trận sau cũng có thể giải quyết một cách dễ dàng như người chẻ tre.

(4) Chỉ việc Đặng Tất dùng dằng không quả quyết tiến quân.

Thành Cổ Lộng : Nhà Minh đắp, nay ở xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, nền cũ hãy còn, tục gọi là thành Cách.

Kỷ Sửu (1409). (Trần, năm Hưng Khánh thứ 3. Từ tháng 3 trở về sau, thuộc về Đế Quý Khoáng, năm Trùng Quang thứ 1. - Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Ngỗi giết Quốc công Đặng Tất và Tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân.

Người hoạn giả Nguyễn Quỹ và học sinh Nguyễn Mộng Trang nói kín với Đế Ngỗi rằng "Tất và Cảnh Chân chuyên quyền bổ dụng người này, cất chức người khác, nếu không liệu tính sớm đi, sau này khó lòng mà chế phục được". Đế Ngỗi tin lời. Chu sư của Đế ngỗi tiến đến đóng ở Hoàng Giang, cho triệu hai người ấy đến, Đế Ngỗi sai người đánh chết Đặng Tất, Cảnh Chân chạy lên bờ, lực sĩ đuổi theo chém chết. Chb. **XII**, 29

Lời phê - *Đương lúc điên bái lưu ly, vua tôi cùng lòng cùng sức với nhau, còn e rằng không làm nổi công việc, thế mà tự tàn hại lẫn nhau, làm mất cả tay chân, như thế, tránh sao khỏi bại vong được ?*

Lời chua – *Hoàng Giang :* Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI,44).

Tháng 3. Bọn Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Dung rước Trần Quý Khoáng đến Nghệ An, lập làm vua.

Quý Khoáng là con Mẫn vương Ngạc và là cháu Nghệ Tông, trước kia Quý Khoáng làm quan nhập nội thị trung.

Cảnh Dị, con Nguyễn Cảnh Chân ; Đặng Dung, con Đặng Tất. Hai người này bực tức về việc cha họ không có tội gì mà bị giết, nên đem binh lính Thuận Hoá về Thanh Hoá, rước Quý Khoáng đến Nghệ An lập làm vua. Quý Khoáng lên ngôi vua ở Chi La, đổi niên hiệu là Trùng Quang, dùng Nguyễn Suý làm Thái phó, Cảnh Dị làm Thái bảo, Dung làm Đồng bình chương sự, Nguyễn Chương làm Tư mã.

Bấy giờ Đế Ngỗi ở thành Ngự Thiên, chống cự với quân nhà Minh ; bọn Nguyễn Suý ngầm họp quân đến đánh úp, bắt được Đế Ngỗi. Mẹ Đế Ngỗi và bầy tôi là bọn Lê Tiệt, Lê Nguyên Đỉnh bàn nhau khởi binh đánh úp lại Đế Quý Khoáng. Việc bị tiết lộ. Đế Quý Khoáng bắt giết bọn Tiệt và Nguyên Đỉnh, còn thì tha cả. Gặp khi ấy Nguyễn Suý đưa Đế Ngỗi đến Nghệ An, Đế Quý Khoáng thay mặc mũ áo thường ra đón tiếp. Lúc ấy trời u ám đã lâu, bỗng quang đãng, ở trên không bốn mặt đầy sắc mây vàng, mọi người đều kinh ngạc. Đế Quý Khoáng bèn tôn Đế Ngỗi làm Thượng hoàng, cùng nhau mưu tính việc khôi phục. Chb. **XII**, 30

Lời chua – *Ngự Thiên :* Tên huyện, tức làng Đa Cương xưa, mộ tổ nhà Trần ở đấy, cho nên gọi là Ngự Thiên ; nhà Lê theo gọi tên ấy ; nay đổi là Hưng Nhân thuộc tỉnh Hưng Yên(1).

Chi La : Tên huyện, nay là La Sơn, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 7, mùa thu. Quân nhà Minh đến Mỹ Lương, bắt được Đế Ngỗi nhà Trần, đưa về Kim Lăng.

Quân của Mộc Thạnh bị thua(2), vua nhà Minh lại sai Trương Phụ làm Tổng binh, Thanh Viễn hầu Vương Hữu làm Phó tướng, đem quân sang cứu. Lúc ấy Đế Ngỗi cùng Đế Quý Khoáng tiến quân, đánh chiếm các châu huyện. Quân của Đế Ngỗi đóng ở Hạ Hồng, quân của Đế Quý Khoáng đóng ở Bình Than, hào kiệt các lộ đều hưởng ứng. Người nhà Minh đóng chặt cửa thành, cố giữ. Lúc quân Trương Phụ đã kéo đến, thế quân nhà Minh lại mạnh. Đế Ngỗi đi thuyền chạy đến trấn Thiên Quan ; Phụ chia quân đuổi theo, khi đuổi đến Mỹ Lương, bắt được Đế Ngỗi và Thái bảo Trần Hi Cát, đưa về Kim Lăng.

(1) Nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XII, tờ 27 - 28.

Lời chua – *Mỹ Lương* : Tên huyện, nay thuộc tỉnh Sơn Tây[1], giáp giới với Nho Quan.

Tháng 8. Quân nhà Minh tiến đánh cửa Hàm Tử, Đế Quý Khoáng nhà Trần rút quân giữ Nghệ An.

Trước đây, Đế Ngỗi chạy đến Thiên Quan, Đế Quý Khoáng ngờ Đế Ngỗi có bụng gì khác, sai người đuổi theo không kịp, bèn sai Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử để chống với quân nhà Minh. Quân của Dung thiếu lương ăn, chia nhau đi gặt lúa sớm để làm lương ăn. Người nhà Minh dò biết, đem quân thuỷ tiến đánh, quân của Dung bị vỡ. Đế Quý Khoáng nghe tin Dung bị thất thủ, tự liệu sức mình không thể chống được, bèn bỏ Bình Than, dẫn quân lui về Nghệ An. Trương Phụ thắng trận, đi đến đâu chém giết thả cửa, hoặc xếp thây người làm quả núi, hoặc bồn ruột người quấn vào cây, hoặc rán thịt người lấy mỡ, hoặc làm nhục hình bào lạc[2] để mua vui, thậm chí có người theo lệnh giặc, mổ bụng người chửa, cắt lấy hai tai[3] của mẹ và con để dâng cho giặc. Những phủ huyện từ Thanh Hoá trở ra Bắc, trước kia Đế Quý Khoáng đã đánh phá, nay lại đặt quan chức để trấn trị. Trong nước có ai chiêu dụ được nhân dân yên phận phục tùng và ai cướp của giết người đắc lực đều được Trương Phụ làm trát văn trao cho quan chức để yên ủi lòng những người ấy. Trương Phụ lại tâu với vua Minh xin thăng hai châu Thái Nguyên và Tuyên Hoá lên làm phủ. Chb. **XII**, 31

(1) Nay là một phần huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hoà Bình).

(2) Nhục hình bào lạc do chúa Trụ nhà Thương đặt ra. Hình phạt ấy như thế này : Dùng cái cột đồng có bôi mỡ sẵn, hơ vào lửa cho nóng, xung quanh cột đồng đều có đốt lửa. Bọn hung ác bắt người ta phải đi lên trên cột đồng, nếu rơi xuống thì rơi vào đống lửa, chúng thấy thế cùng nhau vui cười.

(3) Đời cổ, binh sĩ đi đánh trận khi giết được địch thì xẻo lấy cái tai bên trái của địch, dâng lên chủ suý để tính công, cứ mỗi cái tai tính là một mạng người. Ở đây, quân của Trương Phụ mổ bụng người chửa, rồi xẻo lấy tai mẹ và tai con (đều tai bên trái) dâng lên cho Phụ ; dâng cả tai mẹ và tai con như thế, vừa tỏ ra là tay giết người táo bạo, vừa được tính là hai mạng người.

Lời phê[1] – *Trương Phụ học được thủ đoạn tàn khốc "một người có tội dây dưa đến mười họ" của Minh Thành Tổ*[2], *nên dám bạo ngược làm tuyệt diệt dân của trời ; bất nghĩa như thế, tất nhiên cuối cùng sẽ rước lấy cái chết, chứ dùng sức mạnh để lấy nước người ta thế nào được ?*

Lời chua – *Cửa Hàm Tử :* Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chb. VII, 39).

Tuyên Hoá : Tức Tuyên Quang.

Thái Nguyên : Tức Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 31 - 32).

Canh Dần (1410). (Trần, năm Trùng Quang thứ 2 ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Trương Phụ nhà Minh đặt đồn điền. Chb. **XII**, 32

Trương Phụ cho rằng việc quân nhu tổn phí rất nhiều, bèn ra lệnh cho thuộc hạ đặt đồn điền ở nơi gần thành ; lại thu thóc lúa ở các phủ Tuyên Hoá, Thái Nguyên và Tam Giang để làm lương trù bị cho quân lính.

Lời chua – *Tam Giang :* Tên phủ. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb.XI,29).

Tháng 5, mùa hạ. Đế Quý Khoáng đánh nhau với quân nhà Minh ở Hồng Châu, bị thua.

Đế Quý Khoáng đem bọn Nguyễn Cảnh Dị lại tiến quân đến Hồng Châu, phá vỡ được đạo quân của Giang Hạo, đô đốc nhà

---

(1) Chỉ việc Trương Phụ tàn sát nhân dân.

(2) Minh Thành Tổ đem quân vào Nam Kinh, Kiến Văn đế tự nhảy vào đống lửa, Thành Tổ lên ngôi vua, sai Phương Hiếu Nhụ thảo tờ chiếu, Hiếu Nhụ vừa khóc vừa mắng lại, Thành Tổ nói : "Nhà ngươi không nghĩ đến chín họ à ?" Hiếu Nhụ nói : "Đến mười họ cũng chả làm gì ?" Hiếu Nhụ bị Thành Tổ giết, họ hàng bạn bè của Hiếu Nhụ dây dưa chết đến vài trăm người. Hình pháp thảm khốc nhất đời xưa, một người phải tội, chỉ dây dưa đến chín họ là cùng, Thành Tổ giết đến cả học trò của Hiếu Nhụ, nên gọi là mười họ.

Minh ; nhân thế thắng, tiến thẳng đến Bình Than. Hào kiệt nghe tiếng, nhiều người hưởng ứng. Đồng Mặc, người Thanh Hoá, hiệu là Lỗ Lược tướng quân, tung quân ra đánh quân nhà Minh, bắt được chỉ huy Tả Địch. Đế Quý Khoáng trao cho Mặc quản trị phủ Thanh Hoá. Lại có bọn Nguyễn Ngân Hà, Lê Nhị, Lê Khang, Đỗ Cối và Nguyễn Hiêu cũng đều đem dân chúng đánh giết quân nhà Minh. Nhưng vì quân không có người thống lãnh, hiệu lệnh không thống nhất, nên quân nhà Minh đi đến đâu, thì quân sĩ ở nơi ấy liền bị tan vỡ. Đế Quý Khoáng lại dẫn quân về Nghệ An.

Tân Mão (1411). (Trần, năm Trùng Quang thứ 3 ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh lại hạ chiếu đại xá.

Đại lược tờ chiếu nói : "Nay Giao Chỉ đã thuộc về quan chức - phương[1], mà trăm họ chưa được yên nghỉ, nghĩ thương dân ấy sau khi khổ sở, nên đặc cách ban bố ơn huệ khoan nhân, ngõ hầu làm cho nhân dân được thấm nhuần đức trạch". Vua nhà Minh lại dụ bọn quan lại, quân và dân rằng : "Người Giao Chỉ đều là dân của trời, nay đã cai trị chúng, thì chúng đều là con đỏ của trẫm. Những người ấy một lúc đi theo giặc, trẫm nghe tin chúng phải chịu tội chết, thực lấy làm đau đớn trong lòng, có lẽ nào lại nỡ để cho chúng như thế ? Gây ra tội ác chỉ có mấy người mà thôi, còn trăm họ thì có tội gì đâu ? Dân ở ven biển, ở hang núi, vì sự ức hiếp, hoặc giúp lương thực, hoặc bị đem đi theo, đến đâu làm giặc cướp ở đấy, đều do sự bất đắc dĩ, bị người khác làm cho lầm lẫn, chứ không phải bản tâm chúng định làm càn. Vậy nếu biết đổi lỗi ngay thì đều được cùng hưởng phúc mới. Trong những người biết đổi lỗi ấy, người nào có dũng cảm, có kiến thức, biết bắt nộp được vài ba người gây ra tội ác, thì tất nhiên ban cho chức trọng quan

Chb. **XII**, 33

(1) Quan chức - phương giữ sổ sách, ghi đất đai thuộc phạm vi cai trị của một nước. Ở đây ý nói đất đai Giao Chỉ đã thuộc về nhà Minh, đã ghi vào sổ sách nhà Minh, do quan chức - phương nhà Minh giữ.

cao. Còn những người bị bắt nộp, nếu biết rửa bỏ hết ý nghĩ cũ, tự nguyện đi theo con đường mới, thì không những được tha tội, mà lại còn được quan tước hiển vinh là khác nữa".

Tháng 9, mùa thu. Đế Quý Khoáng sai sứ sang nhà Minh xin phong tước.

Trước đây, Đế Quý Khoáng sai Hành khiển Nguyễn Nhật Ti và Thẩm hình Lê Ngân sang nhà Minh xin phong tước ; vua nhà Minh giận, bắt giam hai người ấy rồi giết đi. Đến nay lại sai Hành khiển Hồ Nghiện Thần sung chức chánh sứ cầu phong, Thẩm hình Bùi Nột Ngôn làm phó, sang nhà Minh, đem dâng tờ biểu và phẩm vật địa phương cùng người vàng, người bạc thế mạng, mỗi thứ một người. Khi bọn Nghiện Thần đến Yên Kinh, vua Minh sai Hồ Nguyên Trừng mượn cớ là tình nghĩa cố cựu, hỏi về tình hình trong nước mạnh yếu hư thực thế nào, Nghiện Thần nói hết cho Nguyên Trừng biết. Nột Ngôn không chịu khuất phục. Vua nhà Minh giả vờ phong Đế Quý Khoáng làm Bố chánh sứ ở Giao Chỉ, Nghiện Thần làm tri phủ Nghệ An. Khi về đến nước, Nột Ngộn đem việc Nghiện Thần tiết lộ tình hình trong nước và nhận quan chức do nhà Minh phong trình bày hết cho Đế Quý Khoáng biết, Đế Quý Khoáng bèn bắt giam Nghiện Thần rồi giết đi. Chb. **XII**, 34

Lời phê[1] – *Sự thể đã đến như thế, mà còn thỉnh cầu càn rỡ mãi, thật là mù quáng về thời cơ, không còn hiểu gì cả !*

Lời chua – *Nghiện Thần :* Năm Khai Đại thứ 3 (1405) đời Hồ Hán Thương, Nghiện Thần được dự trúng khoa thi cử nhân do bộ Lễ mở, sung vào Thái học sinh lý hành[2]. Nhà Hồ mất, Đế Quý Khoáng khởi binh, Nghiện Thần lại ứng nghĩa đi theo.

Người nhà Minh bắt giáo thụ Lê Cảnh Tuân đưa sang Kim Lăng.

---

(1) Chỉ việc Quý Khoáng cầu phong.

(2) Mới được dự vào hàng tiến sĩ, chưa phải đã đỗ thật.

Trước kia, Lê Cảnh Tuân là hạ trai học sinh[1] nhà Hồ. Đầu niên hiệu Hưng Khánh[2], Cảnh Tuân dâng cho Tham nghị Bùi Bá Kỳ một bức "thư vạn ngôn" có ba phương sách : thượng sách, trung sách và hạ sách. Đại lược ba kế sách nói : "Nhà Minh đã ra sắc lệnh cho Các hạ[3] theo quân nhà Minh đi đánh dẹp, đợi khi bắt được nhà Hồ, sẽ chọn con cháu họ Trần lập làm vua. Nay nhà Minh đặt ti Bố chính, trao chức tước cao cả cho Các hạ, mà chỉ cấp người quét dọn ở nhà tôn miếu họ Trần. Nay nếu Các hạ biết tâu bày rõ với nhà Minh là con cháu họ Trần hãy còn, để nhà Minh tuyên bố tờ chiếu khác, lại phong họ Trần làm vua, đấy là thượng sách. Nếu không được như thế, thì từ bỏ quan chức, xin làm người giữ từ đường nhà họ Trần, đấy là trung sách. Còn như cứ quyến luyến quan cao lộc hậu thì là hạ sách. Chb. **XII**, 35

"Nếu Các hạ làm được thượng sách, thì tôi đây cũng như nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì chứa đầy trong bồ thuốc, mặc sức cho Các hạ sử dụng. Nếu làm trung sách, thì tôi xin giữ đồ tế khí, lui tới ở trong từ đường họ Trần, mặc sức cho Các hạ sai bảo. Nếu làm hạ sách, thì tôi đi câu ở chỗ vắng, đi cày ở nội rậm, cho trọn hết cái tuổi già mà thôi."

Đến khi nhà Minh tịch thu nhà Bá Kỳ[4], bắt được bức thư này, sai người đi bắt Cảnh Tuân để xét hỏi, nhưng gặp lúc loạn lạc, không rõ đi đâu. Đến nay, nhân mới đặt trường học ở Giao Châu, mới tìm được Cảnh Tuân, bèn bắt đưa sang Kim Lăng, giam vào ngục cùng với con là Thái Điên, sau hai cha con đều bị bệnh chết.

Nhâm Thìn (1412), (Trần, năm Trùng Quang thứ 4 ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 10).

---

(1) Xem lời chua ở *Chính biên* quyển XII, tờ 22.

(2) Niên hiệu Trần Đế Ngỗi.

(3) Ngày trước, người dưới nói với người trên không dám nói rõ tên, nên xưng là "các hạ", tỏ sự tôn kính.

(4) Xem thêm *Chính biên* quyển XII tờ 25, việc Bá Kỳ bị bắt.

Tháng 6, mùa hạ. Đặng Dung và Nguyễn Suý nhà Trần đánh nhau với quân nhà Minh ở bến Yên Mô, bị thua, chạy.

Trương Phụ và Mộc Thạnh dẫn quân tiến đánh Nghệ An, gặp quân của Suý và Dung ở bến Yên Mô, hai bên đều liều chết đánh nhau. Suý và Cảnh Dị chạy trước ra biển, quân của Dung bị cô lập, không có cứu viện, cũng phải dùng thuyền nhỏ vượt ra biển để trốn. Chb. **XII**, 36

Tháng 7, mùa thu. Nhà Minh sai Hàn Quan sang trấn thủ.

Vua nhà Minh sai Hữu quân đô đốc đồng tri là Hàn Quan vận tải một vạn hộc lương ở Quảng Đông sang tiếp tế cho quân ăn, rồi để luôn Hàn Quan ở lại trấn thủ Giao Châu.

Nhà Minh hạ chiếu huấn dụ quan lại.

Đại lược tờ chiếu nói : "Trẫm vâng mệnh trời, thống trị thiên hạ, chỉ cốt làm cho dân trong thiên hạ đều được yên ổn làm ăn. Giao Chỉ ở xa ngoài bãi biển, đất ấy trước kia thuộc về Trung Quốc, nay đã khôi phục lại được, quân và dân quy phục đức hoá, đến nay kể hàng mấy năm rồi, hiện triều đình đặt chức mục, bá, thú, lệnh cùng ti quân vệ, kén chọn người trung lương hiền tài để vỗ về cai trị dân. Thế mà trẫm vẫn ngày đêm canh cánh trong lòng, nghĩ đến nơi ấy đất thì xa, dân thì nhiều, sợ giáo hoá không thấm khắp, còn có người không được thấm nhuần ơn trạch yêu nuôi giáo dưỡng của quốc gia. Nay các ngươi đều là bầy tôi trung lương, cần phải thể theo lòng vâng mệnh trời, yêu nhân dân của trẫm, hưng lợi trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân, mà bỏ hết lòng gian tham tệ hại, khuyên dân cày cấy, trồng dâu, để khỏi trái thời làm ruộng, thì dân sẽ có áo mặc cơm ăn ; đem hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ để dạy dỗ dân, thì phong tục sẽ được thuần hậu ; khuyên dân gặp lúc tang ma hoạn nạn, điên bái lưu ly thì thương xót lẫn nhau, giúp đỡ cho nhau, người già dạy bảo người trẻ, người dưới phục tòng người Chb. **XII**, 37

trên, đều theo tính trời, không trái với lẽ, chớ làm việc trộm cướp, chớ làm điều gian tà. Các ngươi chớ có điên đảo giấy tờ làm sai lệch phép tắc, chớ có theo lòng riêng làm mất lẽ công, cần làm thế nào cho dân được yên nghiệp làm ăn, để cùng hưởng hạnh phúc đời thái bình. Như thế là các ngươi làm đầy đủ chức trách của mình, biết vâng theo đức ý thay trời nuôi dân của trẫm, sự nghiệp các ngươi sánh với người quan lại hiền tài đời cổ, tên tuổi các ngươi ghi mãi ở sử xanh, như thế chẳng cũng đẹp đẽ lắm sao ?"

Quý Tỵ (1413). (Trần, năm Trùng Quang thứ 5 ; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 11). (Năm này nhà Trần mất).

Tháng 4, mùa hạ. Trương Phụ nhà Minh đánh Nghệ An ; Đế Quý Khoáng chạy đến Hoá Châu.

Trước đây, Đế Quý Khoáng thấy rằng quân mình bị thua luôn, lương thực lại không được kế tiếp, mới đem bọn Nguyễn Suý, Đặng Dung theo đường biển ra tuần tiễu ở Hải Đông, Vân Đồn cùng các bãi biển để lấy lương ăn, và đánh bọn lính thú nhà Minh, rồi lại kéo về Nghệ An, số quân chỉ còn độ ba, bốn phần mười. Đến nay Trương Phụ lại đem quân đến đánh, bèn chạy đến Hoá Châu, sai bầy tôi là Nguyễn Biểu sung làm sứ cầu phong. Khi đem phẩm vật đến Nghệ An, Biểu bị Phụ giữ lại. Biểu giận, mắng Phụ rằng : "Trong bụng toan tính việc đánh chiếm nước người ta, ngoài mặt lại phô trương là quân nhân nghĩa, trước nói lập con cháu họ Trần, bây giờ lại đặt quận huyện, không những cướp bóc của cải, lại còn giết hại nhân dân, mày thật là thằng giặc bạo ngược." Phụ giận, sai giết đi. Chb. **XII**, 38

Lời chua – *Nguyễn Biểu* : Người ở Bình Hồ, La Sơn, Nghệ An.

Tháng 6. Trương Phụ nhà Minh đánh Hoá Châu.

Trước đây, quân của Trương Phụ kéo đến Nghệ An, Thái bảo nhà Trần là Phan Quý Hựu xin hàng, Phụ mừng lắm, trong độ một tuần, Quý Hựu bị bệnh Chb. **XII**, 39

chết, Phụ trao cho con của Hựu là Liêu làm tri phủ Nghệ An, lại thưởng cho gia đình Liêu rất hậu. Liêu đem tình hình tướng tá nhà Trần kẻ hay người dở, núi sông trong nước chỗ hiểm chỗ bằng và số quân nhiều ít nói hết cho Phụ biết, bấy giờ Phụ mới quyết chí đánh lấy Hoá Châu. Phụ họp các tướng bàn kế đánh chiếm. Mộc Thạnh nói : "Hoá Châu núi cao, biển rộng, chưa dễ mà lấy được đâu." Phụ nói : "Tôi có sống được là ở Hoá Châu, tôi có chết cũng là ở Hoá Châu, Hoá Châu mà chưa bình định xong, thì tôi còn mặt mắt nào trông thấy chúa thượng nữa ?" Phụ bèn đem chu sư tiến đánh Hoá Châu.

Lời chua – *Phan Quý Hựu* : Người ở Thạch Hà thuộc Nghệ An.

Tháng 9, mùa thu. Đặng Dung, quan Bình Chương nhà Trần, đánh nhau với Trương Phụ nhà Minh ở Thái (Sái Già) cảng, quân của Đặng Dung bị tan vỡ, phải chạy.

Quân của Phụ kéo đến Thuận Châu. Nguyễn Suý, Đặng Dung cùng giữ sông Thái Gia, đặt phục binh, nhân đêm đánh úp dinh Trương Phụ, Đặng Dung nhảy lên thuyền Trương Phụ toan bắt sống, nhưng không rõ hình dáng người thế nào. Phụ vội vàng nhảy xuống chiếc thuyền nhỏ[1], chạy thoát thân. Quân nhà Minh một nửa bị tan vỡ, thuyền bè, quân khí phần nhiều bị đốt cháy và phá huỷ. Lúc ấy quân của Nguyễn Suý không đến tiếp ứng ngay. Phụ thấy quân của Dung có ít, quay quân đánh quật lại. Dung bị thua, phải chạy.

Lời phê[2] – *Trời nuông Trương Phụ !*

Lời chua – *Thuận Châu :* Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb.I, 27 - 28).

Sông Thái Gia : Không rõ ở đâu. Theo *Minh sử* và *Minh sử kỷ sự* của Cốc ứng Thái chép về việc này đều nói đánh ở sông Ái Tử, thì có lẽ Thái Gia tức là chỗ này.

---

(1) Chữ này nguyên văn trong sách *Cương mục* chép là "thuỷ thuyền". Tham khảo sách *Đại Việt sử ký bản kỷ* chép là "tiểu thuyền" thì đúng nghĩa hơn, nên dịch là thuyền nhỏ theo sách *Đại Việt sử ký bản kỷ*.

(2) Chỉ việc Trương Phụ không bị Đặng Dung bắt sống.

Tháng 12, mùa đông. Đế Quý Khoáng cùng các tướng Đặng Dung, Nguyễn Suý, Nguyễn Cảnh Dị bị Trương Phụ nhà Minh bắt.

Từ khi quân của Đế Quý Khoáng bị thua, phải ẩn núp trong núi rừng, tàn quân không sao tập hợp lại được, Cảnh Dị và Đặng Dung muốn chạy sang Tiêm La, Phụ đuổi theo bắt được. Cảnh Dị mắng chửi Phụ rằng : "Chính ta muốn giết mày, bây giờ lại bị mày bắt !" Mắng chửi mãi không ngớt mồm, Phụ đem giết đi, lấy gan ăn. Đế Quý Khoáng chạy sang Lão Qua, Nguyễn Suý chạy sang Minh Linh cũng đều bị quân nhà Minh bắt. Chb. **XII**, 40

Lời chua – *Tiêm La :* Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43 - 44).

Lão Qua : Tên nước. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Minh Linh : Tức Ma Linh xưa. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Đây trở lên, nhà Trần từ Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2, đến Kỷ Mão (1399), Thiếu Đế, năm Kiến Tân thứ 2, gồm 12 vua, 174 năm. Phụ thêm : Hồ Quý Ly một năm, Hán Thương 6 năm (1400 – 1406). Hậu Trần Đế Ngỗi 3 năm (1407 – 1409), Đế Quý Khoáng 4 năm (1410 – 1413), gồm 2 vua, 7 năm, hợp cộng 188 năm.

Giáp Ngọ (1414). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh làm sổ dân đinh ở Tân Bình và Thuận Hoá.

Trương Phụ đã lấy được Tân Bình và Thuận Hoá, bèn đặt quan chia ra đóng giữ, để chiêu tập yên uỷ nhân dân, khám xét từng người, hợp lại làm thành sổ hộ. Rồi lại cho rằng đất ấy giáp giới Chiêm Thành, đất đai vừa Chb. **XII**, 41

rộng vừa xa, cần phải khống chế, nên xin với vua nhà Minh đặt vệ, sở[1], ghi tên lính bản thổ để phòng ngự đất ấy.

Tháng 4, mùa hạ. Trương Phụ đưa Đế Quý Khoáng sang Yên Kinh, chưa đến nơi thì Quý Khoáng mất, bình chương Đặng Dung, thái phó Nguyễn Suý đều chết theo.

Trương Phụ đã bắt được Đế Quý Khoáng và Dung, Suý, bèn dẫn quân về thành Đông Quan, sai người đưa vua tôi Quý Khoáng sang Yên Kinh. Khi đi đến giữa đường, Đế Quý Khoáng nhảy xuống sông chết ; Dung nhảy theo. Duy còn Suý bị người lính canh bắt giữ lại, Suý bèn ngày ngày cùng người lính canh đánh cờ, dần dà làm thân, sau lấy bàn cờ đánh chết người canh, rồi cùng nhảy xuống sông chết.

Lời phê – *Lúc đầu nhà Trần may mà gặp Thoát Hoan nhà Nguyên, lúc cuối đời Trần không may mà gặp Trương Phụ nhà Minh. Sự được hay thua, hưng thịnh hay suy vong là do ở trời mà cũng do ở người. Nhưng vua tôi biết chết theo xã tắc*[2]*, làm sáng tỏ đến ngàn đời.*

Tháng 8, mùa thu. Trương Phụ nhà Minh về nước.

Phụ chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu, rồi cùng bọn Mộc Thạnh, Trần Hiệp về nước. Trước đây, Phụ làm trát sức cho các quân nhân ai đã bắt được phụ nữ làm việc hầu hạ, thì đưa nộp ở cửa quân ; lúc ấy, các quan châu, phủ theo ý Phụ, bắt nhiều dân nghèo phải phiêu lưu đem nộp. Nay Phụ về, đem cả những người ấy đi theo.

Tháng 9. Nhà Minh lập Văn Miếu và đàn thờ bách thần.

---

(1) *Vệ* : quân vệ, như Nghệ An vệ, Thuận Hoá vệ... *Sở* : thủ ngữ thiên hộ sở, như Diễn Châu thủ ngữ thiên hộ sở, Tân Bình thủ ngữ thiên hộ sở...

(2) *Xã* : đàn thờ thần thổ địa. *Tắc* : đàn thờ thần bách cốc, vì trong một nước phải nhờ đất để ở, nhờ thóc để ăn, nên ngày xưa thiên tử và vua chư hầu đều tế thần xã tắc. Danh từ *xã tắc* tượng trưng cho quốc gia, *xã tắc* còn thì nước còn, *xã tắc* mất thì nước mất, cho nên ngày xưa nước nọ diệt được nước kia thì phá huỷ đàn xã tắc của nước bị bại đi, để đánh dấu là nước ấy đã mất.

Hoàng Phúc xin với vua nhà Minh cho lập Văn Miếu và các đàn thờ thần xã tắc, núi sông, gió mưa, ở các phủ, châu và huyện, theo thời tiết cúng tế. Chb. **XII**, 42

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh đặt trường học ở các phủ, châu và huyện.

Tham nghị Bành Đạo Tường xin với vua nhà Minh đặt trường học ở các phủ, châu và huyện, tìm hỏi những người học về nghề thầy cúng, thầy thuốc, thầy chùa và đạo sĩ, trao cho quan chức để giữ việc dạy học ở các trường. Lại cấm con trai con gái không được cắt tóc[1] ; phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài, theo y như thói ăn mặc phương Bắc.

Nhà Minh định phép đánh thuế.

Từ lúc nhà Minh chia đặt châu, huyện, việc thu thuế nhân đinh, điền sản chưa có ngạch nhất định, vì cớ rằng số dân còn lộn xộn, lúc tăng lúc giảm bất thường. Đến nay mới định thành ngạch thuế, cứ mỗi mẫu[2] ruộng thu 5 thăng thóc, mỗi mẫu đất bãi thu một lạng tơ, mỗi một cân tơ thu một tấm lụa.

Ất Mùi (1415). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 13).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Minh sai quan chia nhau đến đóng ở bốn châu Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa.

Trước kia, nhà Hồ đặt bốn châu Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa[3], dùng Đặng Tất, Nguyễn Suý trấn giữ. Đến lúc Giản Định đế và Đế Quý Khoáng khởi binh, Tất và Suý đi theo, thì người Chiêm Thành lại chiếm cứ đất ấy. Đến nay, Trương Phụ lại viết thư đưa dụ người Chiêm Thành, rồi lại đặt chức tri châu, đồng tri châu, phân phối quan lại đến đóng giữ. Nhưng chỗ

---

(1) Theo lời chua trong *Đại Việt sử ký bản kỷ* thì, từ đời nhà Trần trở về trước, nước ta vẫn có tục cắt tóc, vẽ mình. Đến đời nhà Trần, nhân dân ở mạn hạ lưu thích mạnh mẽ, nên vẫn cắt tóc xăm trán, nhất là những đô vật ở huyện Giao Thuỷ không thay đổi tục cũ, vì họ thấy như thế là mạnh mẽ.

(2) Theo *Đại Việt sử ký* toàn thư và *Đại Việt sử ký bản kỷ*, lúc ấy nhà Minh bắt mỗi hộ phải khai 10 mẫu, mà diện tích mỗi mẫu chỉ có 3 sào, tiếng là 10 mẫu, mà thực chỉ có 3 mẫu.

(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XI, tờ 42.

đất ấy Chiêm Thành vẫn có người trưởng quản, nhà Minh chỉ chép tên suông vào sổ sách mà thôi, việc thuế khoá, sai dịch và việc đóng góp khác chưa thi hành ở đây được. Chb. **XII**, 43

Lời chua – *Thăng, Hoa* : Tên 2 châu, trước là đất Chiêm Động. Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 10 (Chb. XI, 20-21).

Tư, Nghĩa : Tên 2 châu, trước là đất Cổ Luỹ. Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chb. XI, 5).

Tháng 8, mùa thu. Nhà Minh mở trường thu vàng bạc.

Phạm chỗ đất nào sản ra vàng bạc, đều lập trường cục, đặt quan cai quản, mỗi năm sai nội quan(1) và quan giữ trường cục đốc thúc dân đinh khai đào để lấy vàng bạc. Khi dân làm xong công việc, các viên quan hội đồng kiểm điểm niêm phong để nộp. Lại bắt dân ở trên rừng dưới biển đi bắt tê, voi, mò ngọc trai. Lúc ấy thuế khoá cao, đóng góp nặng, sức lực và của cải của dân đều bị kiệt quệ.

Lời phê – *Cái tệ khai mỏ, có phải đến mạt thế mới có đâu ? Gây ra tai hại đã bắt đầu từ đây rồi.*

Đặt quy chế về việc nấu muối và bán muối.

Các trường muối ở ven biển cũng đều đặt quan để cai quản, bắt những người nấu muối, mỗi tháng số muối nấu được bao nhiêu đem nộp ti Đề Cử thu trữ, rồi chiêu mộ lái buôn lấy giấy khám hợp(2) ở ty Bố Chính, mới được lĩnh muối đem bán(3). Người nào nấu lậu hoặc bán lậu đều phải tội như nhau. Các phủ, huyện và châu đều đặt quan giữ công việc ty Thuế khoá và sở Hà bạc(4).

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh lại sai Trương Phụ sang. Chb. **XII**, 44

Đặt trạm giao thông.

---

(1) Theo quan chế các triều đại xưa ở Trung Quốc thì nội quan mỗi triều một khác, riêng triều nhà Minh gọi hoạn quan là nội quan.

(2) Giấy tờ chứng nhận có đóng dấu, khi cần phải xuất trình để khám xem dấu đóng trong giấy tờ có hợp với dấu công không.

(3) Theo *Toàn thư* thì lái buôn phải nộp vàng mới được lĩnh giấy khám hợp. Ai có giấy khám hợp hạng lớn được lĩnh 10 cân, hạng nhỏ được lĩnh một cân.

(4) Sở Hà bạc đặt ở ven sông ven biển để đánh thuế buôn bán.

Trương Phụ nói từ châu Khâm thuộc Quảng Đông rồi theo đường châu Vạn Ninh nước ta để đến thành Đông Quan, phần nhiều đi theo đường thuỷ, về phần đường bộ chỉ có 291 dặm ; con đường này so với con đường cũ Khâu Ôn gần hơn được 7 trạm, nên đặt từng trạm để đi lại cho tiện. Vua nhà Minh theo lời. Vì thế, từ Vạn Ninh, Đông Triều, Chí Linh đều đặt trạm đường thuỷ ; còn ở Từ Sơn, Gia Lâm đều đặt trạm đi bằng ngựa.

Lời chua – *Vạn Ninh* : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chb. XI, 16).

Khâu Ôn : Tên huyện. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chb. VII, 36).

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 36).

Từ Sơn : "Đất châu Cổ Pháp xưa ; thuộc Minh gọi là huyện Từ Sơn ; triều nhà Lê thăng làm phủ, nay theo như cũ, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

Bính Thân (1416). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 14).

Tháng giêng. Mùa xuân. Nhà Minh bổ Nguyễn Huân làm Bố chính sứ[1] ; Lương Như Hốt, Đỗ Duy Trung làm Tham chính[2].

Trước đây, bọn tên Huân đầu hàng nhà Minh, Trương Phụ làm trát văn trao cho Huân làm tham nghị, Như Hốt làm tri châu Thanh Hoá, Duy Trung làm tri phủ Tam Giang. Đến nay, bọn này đem vàng bạc cùng phẩm vật địa phương sang Yên Kinh vào chầu bái yết ; vua nhà Minh khen ngợi. Những trát văn bổ dụng trước nay đối dùng giấy vàng của bộ Lại viết sắc phong cho, bọn này đều được thăng chức. Nhân đấy vua Minh dụ bảo chúng rằng : "Trước kia, lúc bình định được Giao Chỉ, chúng bay đã hết lòng thành theo việc nghĩa, quy thuận với triều đình, nay lại đến cửa khuyết triều yết, trẫm nghĩ đến lòng thành ấy, nên đặc ân ban khen. Chúng bay càng phải cố gắng trung cần hơn nữa, kính

Chb. **XII**, 45

(1) Tức chức quan Tham tri chính sự thời Trần, có trách nhiệm tham dự bàn bạc việc triều chính.

(2) Một chức quan nằm trong Ty Bố chính.

giữ tiết tháo làm tôi ; đối với dân thì yên uỷ yêu đương, để cho dân một phương đều an nghiệp làm ăn, cùng hưởng phúc thái bình. Như thế thì trời sẽ phù hộ cho chúng bay hưởng nhiều tước lộc, để mãi mãi đến con cháu không bao giờ hết". Sau đó bọn tên Huân lại sai người sang Yên Kinh xây dựng cung điện, vua nhà Minh thấy rằng người ở phương xa phải khó nhọc khổ sở, nên hậu thưởng rồi cho về.

Lời phê[1] – *Mất hết lương tâm, nay một lũ người Nam Kỳ cũng giống như thế*[2] *!*

Lời chua – *Nguyễn Huân* : Người ở Biến Khả, thuộc Chí Linh, Hải Dương.

Lương Như Hốt : Người ở Trạo Vịnh, thuộc Hoằng Hoá, Thanh Hoá.

Đỗ Duy Trung : Người ở Ký Chế[3] thuộc Cẩm Khê, Sơn Tây[4].

Tháng 2. Nhà Minh tuyển lính.

Các hộ ở dân gian cứ ba người lấy một người, mỗi hộ tính theo tiêu chuẩn là 3 suất đinh, duy từ Thanh Hoá trở vào nam, số nhân đinh ít, mỗi hộ tính theo tiêu chuẩn là 2 suất. Số lính này đem chia ra cho phụ thuộc vào vệ, sở. Chỗ nào dù không phải vệ, sở, nhưng là chỗ xung yếu cũng lập thành đồn luỹ, lấy lính ở dân sung vào việc canh giữ. Chb. **XII**, 46

Lời chua – *Nhà Minh đặt quân ngũ, có sở thủ ngữ thiên hộ, như các sở ở Tân Bình...*

Đinh Dậu (1417). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh triệu Trấn thủ Trương Phụ về nước, dùng Phong Thành hầu Lý Bân sang thay.

Nội quan là Mã Kỳ nói Trương Phụ tuyển lấy những người khoẻ mạnh hùng dũng ở bản thổ làm "tay vi tử"[5]. Vua nhà

(1) Chỉ bọn Nguyễn Huân.

(2) Lời phê này chúng tôi dịch thật sát với nguyên văn. "Người Nam Kỳ" đây là chỉ một số người đã đầu hàng giặc Pháp hồi Tự Đức.

(3) Ký chế là dịch theo âm Hán – Việt, thực ra dân ở địa phương này gọi là Cấy Chấy.

(4) Nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

(5) Nguyên văn chép là "vi tử thủ". Theo chú thích trong *Cương mục* Chb. XXXV. 14, vi tử là những người sung vào làm công việc ở nơi quan phủ. Ở đây, có lẽ Trương Phụ chọn những người khoẻ mạnh hùng dũng đem vào dinh thự cho ở xung quanh mình để đề phòng sự bất trắc.

Minh sinh lòng nghi ngờ, triệu Phụ về nước dùng Bân sang trấn thủ thay và dùng Kỳ giữ chức giám quân[1]. Từ đây nhà Minh mới sai giám sát ngự sử chia ra từng ti đi tuần phòng xem xét.

Lúc ấy quan lại nhà Minh tham lam sách nhiễu không biết thế nào là cùng, tên Mã Kỳ lại càng làm nhiều việc phi pháp, bắt dân nộp châu báu quá nhiều, dân không sao kham được sự khổ sở. Vì thế lòng người náo động, binh lính bốn phương nổi lên, mà người nhà Minh không thể nào chống lại được. Chb. **XII**, 47

Nhà Minh định thể lệ hằng năm cống nộp sinh viên.

Trước đây, các trường học ở châu và huyện, học sinh vào học không cứ năm tháng nhiều hay ít, chỉ cần chọn người nào có học vấn và hạnh kiểm, thì sung vào việc cống nạp hằng năm, để bổ vào Quốc Tử Giám. Trường học ở phủ mỗi năm cống nạp 2 người ; ở châu cứ hai năm cống nạp 3 người ; ở huyện mỗi năm cống nạp 1 người. Sau định lại : Trường ở phủ mỗi năm cống 1 người ; trường ở châu ba năm cống 2 người, trường ở huyện hai năm cống 1 người.

Nhà Minh xét quan lại bằng cách sát hạch công việc đã làm.

Ngự sử Hoàng Tái nói nước ta mới sáp nhập bản đồ Trung Quốc, việc yên ủi giúp đỡ dân cần phải ở người quan lại tốt, nên hạ lệnh cho ngự sử phải xét thực một cách nghiêm ngặt rồi tâu về triều để định việc thăng giáng. Vua nhà Minh theo lời, bèn hạ lệnh cho những người đã làm chức việc lâu năm ở hai ty Bố Chính, Án Sát và phủ, châu, huyện đều đến Yên Kinh triều yết, chiểu theo các hạng hộ, khẩu, điền, lương trong 3 năm, làm thành "sách tu tri"[2] dâng nộp để tiện tra xét.

Nhà Minh chiếm cứ nước ta từ Giáp Ngọ (1414), Thành Tổ, năm Vĩnh Lạc thứ 12, đến Đinh Dậu (1417), Thành Tổ, năm Vĩnh Lạc thứ 15, cộng 4 năm.

---

(1) Chức quan coi về quân lính.

(2) Quyển sổ cần để khảo cứu cho biết tình hình số hộ số khẩu, ruộng đất và thuế lương.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 13

Từ Mậu Tuất (1418), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 1 đến Bính Ngọ (1426), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 9, gồm 9 năm. Chb. **XIII**, 1

*

Mậu Tuất (1418). Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 1. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 16.

Tháng giêng, mùa xuân. Lê Lợi, người Thanh Hoá, dấy quân ở Lam Sơn, tự lập làm Bình Định vương.

Vương, người làng Lam Sơn, huyện Lương Giang thuộc Thanh Hoá, sinh ngày tháng 8[1] năm Ất Sửu, niên hiệu Xương Phù thứ 9 (1385) đời Trần, tại làng Chủ Sơn, huyện Lôi Dương. Sinh ra đời rồi, Vương là người tuấn tú, tiếng nói như tiếng chuông lớn, đi như rồng đi, bước như hổ bước. Trước mắt những người có kiến thức, Vương được coi là bậc phi thường.

Sau cuộc thất bại của nghịch Hồ[2], người Minh xâm lược chiếm cứ : pháp luật dữ dội, hình phạt hà khắc, thuế nặng, sưu cao. Nghe biết Vương có tài trí và kiến thức, người Minh muốn dụ dỗ Vương bằng chức nọ quan kia ; nhưng Vương không chịu khuất, khảng khái có chí dẹp loạn và nói : "Trượng phu ở đời

---

(1) *Toàn thư Bản kỷ* chép rõ là ngày mồng 6, tháng 8, năm Ất Sửu (1385) (quyển X, tờ 1b).

(2) Chỉ cha con nhà Hồ Quý Ly. Theo quan điểm sử học xưa, phàm những triều đại nào làm chuyện cướp ngôi, đều bị liệt vào hàng tiếm nghịch, nên *Cương Mục* thường gọi nhà Hồ là "nghịch Hồ" hoặc "nguỵ Hồ" hoặc "nhuận Hồ".

phải nên cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm hàng nghìn thuở, chứ đâu lại xun xoe đi phục dịch kẻ khác !". Rồi Vương ẩn náu ở nơi rừng núi, mời đón những bậc có mưu trí, có sức mạnh, chiêu tập vỗ về những kẻ xiêu dạt lưu ly. Cùng với các tướng tá là bọn Lê Thạch, Lê Liễu mưu tính nhằm mùa xuân năm Mậu Tuất (1418), dấy quân. Vương chia đặt các quan chức và liêu thuộc, truyền hịch đi các nơi xa gần : hẹn ngày trừ diệt giặc Minh.

Lời phê(1) – *Như thế mới đáng là anh hùng. Lê Lợi mở được nền chính thống cho nghìn năm : thật đáng là bậc nối gót Hán Cao Tổ.*(2)

Lời cẩn án – *Bình Định vương ban đầu dấy lên ở Lam Sơn, tức cũng như Bái Công*(3) *; với một thanh kiếm, nổi lên ở Bái Trung. Vậy, nên theo thể lệ của* Cương Mục *[Trung Quốc] chép về liệt quốc mà chua ở dòng chữ nhỏ*(4) *; thế mà* Sử cũ *liệt vào chính thống, chép "nguyên niên" (năm thứ nhất) [của Bình Định vương] bằng chữ lớn. Nay khớp với thể lệ của* Cương Mục *[Trung Quốc] chép về "Lưu Bang, người nước Sở, dấy quân ở đất Bái, tự lập làm Bái công" thì thấy chưa hợp, vậy xin chép lại để tỏ nghĩa chính thống*(5). Chb. **XIII**, 2

Lời chua – *Thanh Hoá* : Tức Ái Châu xưa. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16)

---

(1) Chỉ Lê Lợi không chịu khuất phục người Minh, nói những lời khẳng khái và cuối cùng khởi nghĩa, đánh dẹp quân xâm lược.

(2) Tên là Lưu Bang, tự là Quý, người đất Bái, cuối đời Tần, do chân đình trưởng nổi lên làm Bái Công, rồi được lập làm Hán vương. Sau dẹp yên Tam Tần, lật đổ Hạng Vũ, thống nhất được đất nước, sáng lập triều Hán ; khi mất, miếu hiệu là Hán Cao Tổ.

(3) Nt.

(4) Xem điều thứ 5 và thứ 19 trong "Phàm lệ" của *Cương mục* (*Tiền biên*, tập 1, trang 23, 25 – 26).

(5) Nt.

Lam Sơn : Tên làng (hương), nay là huyện Thuỵ Nguyên thuộc phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Lương Giang : Tên huyện, nay là huyện Thuỵ Nguyên thuộc phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Lôi Dương : Tên huyện, nay thuộc phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Chủ Sơn : Tên xã, nay là Thuỷ Chú, thuộc huyện Lôi Dương.

Vương đánh và thắng được Mã Kỳ nhà Minh.

Mã Kỳ, nội quan Minh, được tin Bình Định vương dấy quân ở Lam Sơn, bèn kéo quân đến bức bách. Vương lui đóng ở Lạc Thuỷ, đặt quân phục sẵn để đợi giặc. Khi Mã Kỳ đến, quân phục đổ ra đánh. Các tướng Lê Thạch, Lê Ngân và Lê Lý đua nhau xung phong, phá trận địch : chém hơn nghìn thủ cấp, bắt được quân nhu và khí giới kể đến hàng nghìn.

Cách vài ngày sau, tên Ái (không rõ họ) phụ đạo ở sách[1] Nguyệt Ấn, dắt quân Minh đi đường tắt đến đánh úp : quân của Vương bị vỡ, chạy tan tác ; vợ và con gái của Vương bị địch bắt. Vương thu thập số quân tan vỡ còn sót lại, rồi cùng với các tướng Đinh Lễ, Đỗ Bí và Lê Xí lặng lẽ rút vào ẩn náu ở núi Chí Linh. Chb. **XIII**, 3

Lời chua – *Tây Đô* : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

Lạc Thuỷ : Tức Cử Long. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb.I, 34 – 35).

Sách[2] *Nguyệt Ấn* : Nay thuộc tổng Quảng Thi, huyện Thuỵ Nguyên.

Núi Chí Linh : Ở địa phận mường Giao Lão, nay thuộc đất phủ Trấn Định, Nghệ An.

Tháng 7, mùa thu. Người Minh thiết lập trường sở thu hột trai.

---

(1), (2) Khu vực hành chính của dân tộc thiểu số xưa, giống như đơn vị thôn, xã của người Kinh.

Hải phận Tĩnh An và Vân Đồn sản nhiều ngọc trai. Người Minh lập lên trường sở để coi giữ việc lặt lượm ngọc trai. Hằng ngày, chúng bắt đến hàng nghìn người dân làm việc lực dịch ấy. Bấy giờ người Minh yêu sách đòi hỏi không biết thế nào là chán. Phàm những địa phương có hồ tiêu, hương liệu, hươu trắng, voi trắng, rùa chín đuôi, chim vẹt[1], vượn bạc má và con trăn, vân vân, chúng đều buộc dân phải đi kiếm, đi bắt đem nộp để đưa về Yên Kinh. Dân tình, do đấy, nháo nhác nôn nao !

Lời phê – *Than ôi ! Dân ta lại mắc phải một ách vận này !*

Lời chua – *Tĩnh An* : Châu Vĩnh An xưa. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23 – 24).

Vân Đồn : Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Kỷ Hợi (1419). (Bình Định vương năm thứ 2. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 17).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh ban phát sách vở để dùng cho các trường học hàng phủ, hàng châu và hàng huyện. Lại sai thầy chùa truyền bá kinh Phật.

Trước kia, vua Minh, dưới sự định đoạt của mình, cho in ra các sách *Ngũ Kinh*[2], *Tứ thư* [3] và *Tính lý đại toàn*[4]. Khi sách xong, hạ chiếu cho ban phát khắp trong và ngoài nước. Vùa Minh dụ bảo Bộ Lễ rằng : "Nghĩa lý tinh tuý của thánh hiền ở cả trong sách này. Đó thật là căn bản cho người theo học. Các người khá thể theo ý chỉ của trẫm, hiệu dụ những người theo học hết lòng giảng luận nghiên cứu, chứ đừng nên coi chỉ là lời suông mà thôi". Đến đây, vua Minh sai giám sinh Đường Nghĩa sang Nam, ban phát sách vở nói trên cho những người nho học ở các phủ, các châu, các huyện. Lại sai các thầy chùa truyền bá kinh Phật ở các Tăng,

Chb. **XIII**, 4

(1) Nguyên văn là "Đảo quái điểu".

(2) Năm kinh của nhà nho : *Dịch, Thi, Thư, Lễ* và *Xuân Thu*.

(3) Bốn sách của nhà nho : *Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử*.

(4) Bộ sách do bọn Hồ Quảng, vâng lệnh vua Minh, soạn ra. Nội dung dựa vào học thuyết của các Tống nho, chia làm 13 mục, gồm 70 cuốn.

Đạo ti. Còn các sự tích và sử sách của nước ta từ đời Trần trở về trước đều tịch thu đưa về Kim Lăng.(1)

Lời chua – *Tăng, Đạo ty* : Theo *Minh sử*, khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403 – 1424), nhà Minh đặt ra ty Tăng Cương và ty Đạo Kỷ.

Sử sách : Theo phần "Văn tịch chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì từ đời Trần trở về trước, các đời thường có điển chương và sử sách :

Hình thư	3 quyển	Lý Thái Tông(2)
Quốc triều thông lễ	10 quyển	Trần Thái Tông
Hình luật	1 quyển	Trần Thái Tông
Kiến trung thường lễ	10 quyển	Trần Thái Tông
Khoá hư tập(3)	1 quyển	Trần Thái Tông
Ngự thi(4)	1 quyển	Trần Thái Tông
Di hậu lục	2 quyển	Trần Thánh Tông
Cơ cừu lục	1 quyển	Trần Thánh Tông
Thi tập(5)	1 quyển	Trần Thánh Tông
Trần triều đại điển	2 quyển	Trần Dụ Tông(6)

(1) Nay là địa phận thành phố Nam Kinh và huyện Giang Kinh Trung Quốc.

(2) Trong bảng thống kê này có những sách về loại điển chương hoặc pháp luật như *Hình thư, Quốc triều thông lễ* v.v..., tuy đứng tên một vua nào đó, nhưng thực tế không phải vua ấy là tác giả, chẳng qua *Lịch triều hiến chương* chỉ nêu ra để đánh dấu thời đại mà thôi.

(3) Một kinh nói về đạo lý nhà Phật. Hiện nay hãy còn.

(4) Toàn tập không còn ; hiện nay có sót lại một bài thơ có chép trong *Lịch triều hiến chương* và *Hoàng Việt thi tuyển*...

(5) Nay còn độ dăm bài như có chép trong *Toàn thư Bản kỷ* (quyển V, tờ 58 : bài chơi Hành cung Thiên Trường), *Lịch triều hiến chương* và *Hoàng Việt thi tuyển*...

(6) *Cương mục* không sắp xếp theo đúng thứ tự niên đại, nên đã đặt Trần Dụ Tông lên trước Trần Nhân Tông, cũng như đặt Trần Minh Tông lên trên Trần Anh Tông, và đặt Chu Văn Trinh lên trên Trần Quốc Tuy, Trần Quang Khải... nhưng nay chúng tôi buộc phải dịch theo thứ tự xếp đặt của nguyên thư, chứ không xếp lại.

Trùng hưng thực lục[1]	2 quyển	Trần Nhân Tông	
Thi tập[2]	1 quyển	Trần Nhân Tông	
Thi tập[3]	1 quyển	Trần Minh Tông	
Thuỷ vân tuỳ bút[4]	2 quyển	Trần Anh Tông	
Bảo Hoà điện dư bút[5]	8 quyển	Trần Nghệ Tông	
Thi tập[6]	1 quyển	Trần Nghệ Tông	Chb. **XIII**, 5
Binh gia yếu lược	1 bộ	Trần Hưng Đạo đại vương Quốc Tuấn	
Vạn kiếp bí truyền	1 bộ	Trần Hưng Đạo đại vương Quốc Tuấn	
Tứ thư thuyết ước	1 bộ	Chu Văn Trinh[7]	
Tiều ẩn[8] ***thi***	1 tập	Chu Văn Trinh	
Sầm lâu[9] *tập*	1 quyển	Uy Văn vương Trần Quốc Tuỵ	
Lạc đạo tập[10]	1 quyển	Chiêu Minh vương Trần Quang Khải	

(1) Nội dung chép việc đánh dẹp giặc Nguyên (theo *Lịch triều hiến chương*) và ghi rõ thành tích những người đã lập được kỳ công xung phong phá trận trong khi kháng chiến Mông Cổ xâm lược (theo *Toàn thư Bản kỷ* V, 57b).

(2) Thơ của Trần Nhân Tông, theo *Lịch triều hiến chương,* nay còn hơn 20 bài.

(3) Thơ của Trần Minh Tông, theo *Lịch triều hiến chương*, nay còn hơn 10 bài. *Cương mục Chính biên* X, 10 chép Trần Minh Tông, khi sắp mất, sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem đốt bản thảo những thơ mà mình đã làm (ngự chế thi thảo).

(4) Sử chép Trần Anh Tông, khi sắp mất, sai đem đốt những tác phẩm của mình : những chữ đã viết, những bức tranh đã vẽ và tập *Thuỷ vân tuỳ bút* (Cm. Chb. IX, 16). Theo *Lịch triều hiến chương*, thì toàn tập *Thuỷ vân tuỳ bút* nay không còn, chỉ sót lại 8, 9 bài thơ.

(5) Bảo Hoà, tên một cung điện làm ở núi Lạn Kha, huyện Tiên Du (nay thuộc Bắc Ninh) mà Trần Nghệ Tông (1370 – 1372) thường lui tới, nên mới dùng chỗ ở để đặt tên cho sách. *Cương mục Chính biên* quyển X, 52 chép là Bảo Hoà cung (không phải điện) và tên sách là *Bảo Hoà dư bút* (không có chữ *điện*).

(6) Nay còn một vài bài như thấy trong *Lịch triều hiến chương* và *Hoàng Việt thi tuyển*.

(7) Tên thuỵ của Chu An (mất năm 1370, nay thường gọi là Chu Văn An). Theo *Lịch triều hiến chương*, ông còn có *Quốc ngữ thi tập* 1 quyển.

(8) Khi về ẩn ở núi Chí Linh (thuộc Hải Dương), Chu An lấy hiệu là Linh Sơn tiều ẩn. Xem thêm *Chính biên* X, 28 – 29.

(9) Sầm Lâu, tên hiệu của Trần Quốc Tuỵ, là chồng Thuỵ Bảo công chúa, và là con rể Trần Thái Tông. Tuỵ học giỏi, thơ hay, khi chết mới 24 tuổi (*Toàn thư Bản kỷ* V, 36b – 37a).

(10) Nay còn một vài bài như thấy trong *Lịch triều hiến chương* và *Hoàng Việt thi tuyển*...

Băng Hồ[1] *ngọc hức tập*	1 quyển	Tư đồ Trần Nguyên Đán
Giới Hiên[2] *thi tập*	1 quyển	Nguyễn Trung Ngạn
Hiệp Thạch[3] *tập*	1 quyển	Phạm Sư Mạnh
Cúc Đường di thảo	2 quyển	Trần Nguyên Đào
Thảo nhàn hiệu tần	1 quyển	Hồ Tôn [Tông] Thốc[4]
Việt Nam thế chí	1 bộ	Hồ Tôn Thốc
Việt sử cương mục	1 bộ	Hồ Tôn Thốc
Đại Việt sử ký	30 quyển	Lê Văn Hưu
Nhị Khê thi tập	1 quyển	Nguyễn Phi Khanh
Phi sa tập[5]	1 quyển	Hàn Thuyên
Việt điện u linh tập	1 quyển	Lý Tế Xuyên

Những sách kê trên mà người Minh tịch thu mất, nay không biết nội dung ra sao.

Lời phê – *Phần nhiều những sách này bây giờ không thấy có nữa : đáng tiếc !*

Nhà Minh cấp phát "hộ thiếp" cho các châu, các huyện.

Lý Bân nhà Minh tâu với vua Minh xin Hộ Bộ ban phát hộ thiếp cho Giao châu, ra lệnh cho các châu, các huyện làm sổ "hoàng sách" quy định về việc phú thuế sưu dịch, lập thành những "bản đồ chu niên" về việc cắt đặt lý trưởng và giáp thủ. Đại khái thế này : cứ Chb. **XIII**, 6

(1) Băng Hồ, tên hiệu của Trần Nguyên Đán (1320 – 1390), ông ngoại Nguyễn Trãi (xem thêm *Chính Biên* XI, 2).

(2) Giới Hiên, tên hiệu của Nguyễn Trung Ngạn (1289 – 1370). Xem thêm *Chính biên* X, 8.

(3) Chữ Hiệp "nhiều người quen đọc là Giáp. Hiệp Thạch, biệt hiệu của Phạm Sư Mạnh, học trò Chu An, có đi sứ Trung Quốc năm 1345. Xem thêm *Chính biên* IX, 46 ; X, 28.

(4) Xem thêm *Chính biên* XI, 3.

(5) Hàn Thuyên, người đầu đời Trần (thế kỷ thứ XIII), quê ở huyện Thanh Lâm thuộc Hải Dương. Theo *Lịch triều hiến chương*, thì trong tập *Phi sa* của Hàn Thuyên có nhiều thơ Nôm. Xem thêm *Chính biên* VII, 26.

mỗi 110 hộ là một lý, mỗi năm một người làm lý trưởng, mười người làm giáp thủ, đứng lên cáng đáng việc công, cứ luân chuyển hết lượt thì lại trở lại lượt khác. Những người ra làm lý trưởng hoặc giáp thủ ấy thường bị đòn vọt không sao kể xiết nỗi khổ !

Lời chua – ***Hộ thiếp*** : theo *Đại Minh hội điển*, Hộ Bộ làm sổ hộ khẩu khắp trong thiên hạ và đặt ra các hộ thiếp. Mỗi tấm hộ thiếp có viết rõ quê quán, tên tuổi và số đinh trong một hộ. Mỗi hộ thiếp có đánh số chữ ký hiệu và đóng một nửa phần dấu kiểm để phòng những khi khám nghiệm : sổ hộ khẩu thì để ở Hộ Bộ, còn hộ thiếp thì cấp phát cho nhân dân. Khi quan lại được lệnh kiểm soát so sánh, hễ thấy hộ thiếp nào không phù hợp thì người hộ ấy phải phát vãng làm lính.

Hoàng sách : Theo sách *Thông giám tập lãm*[1] thì năm Hồng Vũ thứ 14 (1381), vua nhà Minh hạ chiếu bắt suốt trong nước làm sổ "hoàng sách" kê khai về việc phú thuế sưu dịch : phàm mỗi "hương"[2] cứ 110 hộ là một "lý", mỗi lý có người lý trưởng ; 10 hộ là một giáp, mỗi giáp có một người giáp thủ. Hằng năm, dùng một người lý trưởng để gánh công việc trong một lý, hạn làm việc là một năm. Hết một năm là một lượt gọi là "bài niên". Thứ tự trước sau là tuỳ theo số đinh và số lương của từng lý nhiều hay ít. Các khu vực hành chính khác như ở đô thành gọi là "phường", ở gần thành đô gọi là "sương"[3]. Về chức dịch và việc công, phường và sương cũng như lý. Mỗi lý phải làm một quyển sổ gọi là "sách" ; trong "sách" có kê số đinh và số điền, lấy từng hộ làm chủ chốt. Đầu "sách" có vẽ bản đồ. Hạng quan[4], quả[5], cô[6], độc[7] không phải làm chức

Chb. **XIII**, 7

(1) Cũng gọi là *Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm*, sách làm năm Thanh Kiền Long thứ 32 (1767), căn bản dựa theo bộ *Lịch đại thông giám toản yếu* của nhà Minh soạn hồi niên hiệu Chính Đức (1506 – 1521), rồi có sửa đổi và bổ sung mà làm thành sách này : bắt đầu từ thời Phục Hi đến đời Minh, gồm 116 quyển.

(2) Khu vực ở ngoài đô thành hoặc thị trấn đều gọi là "hương". Mỗi "hương" xưa gồm có 12500 nhà.

(3) Cũng đọc là "tương", tức như ta gọi "ngoại ô" hoặc "ngoại châu thành".

(4) Đàn ông không vợ.

(5) Đàn bà goá chồng.

(6) Con mồ côi cha.

(7) Người già không có con.

dịch thì cho phụ thuộc ở sau các giáp, gọi là loại "lẻ loi". Số "sách" đóng làm bốn bản : một bản đưa lên Hộ Bộ (bìa đóng bằng giấy vàng, nên gọi là "hoàng sách") ; còn ba bản (bìa đóng giấy xanh) thì lưu lại ở ty Bố Chính Sứ, ở phủ và ở huyện mỗi nơi một bản. Cứ mỗi 10 năm, quan trên lại soát lại các "sách" : nhắc lên bậc trên hay hạ xuống bậc thấp là tuỳ theo số đinh lương ghi trong "sách" ấy có tăng thêm hay là sút kém.

Lại theo sách *Hội điển* nhà Minh, vua Minh hạ chiếu cho khắp nước : các phủ, các châu và các huyện phải làm "hoàng sách" kê khai về phú thuế sưu dịch. Cứ 110 hộ là một "lý" (làng nhỏ). "Lý" nào nhiều đinh thì cho 10 người làm lý trưởng ; còn thì cứ mỗi 100 hộ đặt làm 10 giáp, có 10 người làm giáp thủ. Hằng năm, do một người lý trưởng cai quản công việc trong một lý, phải chịu trách nhiệm về việc công. Khu vực trong thành gọi là "phường" ; khu vực gần thành gọi là "sương" ; khu vực "hương", "đô"[1] gọi là "lý". Cứ mười năm là một lượt. Khi luân lưu hết một lượt, chỗ nào nên trước hay nên sau là tuỳ theo số đinh nhiều hay ít mà sắp xếp thứ tự. Mỗi "lý" làm thành một "sách". Đầu "sách" nào cũng có một bản đồ. Những hạng quan, quả, cô, độc không gánh vác nổi việc công thì cho phụ thuộc ở ngoài số 110 hộ mà liệt kê ở sau bản đồ gọi là loại "lẻ loi". Khi các "sách" làm xong, phải đưa một bản lên Hộ Bộ và lưu lại ở ty Bố Chính, ở phủ, ở châu, ở huyện mỗi chỗ một bản.

Lại theo *Toàn tạo hoàng sách cách thức*, thì quan trên trước hết làm hẳn một hộ để ra mẫu nhất định, bấy giờ mới cho viết chân phương tinh tường, sai khắc in, rồi phát cho phường trưởng, sương trưởng, lý trưởng và các giáp thủ khiến người chủ hộ cứ theo mẫu sẵn mà khai số đinh và nghề nghiệp từng người trong hộ của mình, rồi giao cho người giáp thủ thuộc giáp mình. Người giáp thủ bèn đem hộ trong giáp mình gộp với mười hộ nữa làm thành bản "văn sách" rồi chuyển lên các phường trưởng, sương trưởng và lý trưởng. Những người này lại sẽ đem các bản "văn sách" do các giáp thủ đã làm kia họp lại một chỗ, đưa lên trên huyện

Chb. **XIII**, 8

(1) Đô có nhiều nghĩa. Đây có nghĩa là đơn vị một khu vực lớn hơn ấp.

mình. Quan lại ở huyện sẽ đem các sách nhận được ấy so sánh đối chiếu, rồi theo thể thức mà chia loại và điền vào bản đồ.

Tháng 4, mùa hạ. Bình Định vương đánh đồn Nga Lạc, bắt được chỉ huy Minh, Nguyễn Sao. Rồi Vương lại lui giữ núi Chí Linh. Quân Minh kéo đến bức bách. Đô tổng quản[1] Lê Lai chịu chết thay Vương.

Vương tấn công đồn Nga Lạc, bắt được chỉ huy Minh, Nguyễn Sao, đem chém. Nhưng bấy giờ thế lực của giặc còn đang mạnh ; về phía Vương, tướng còn hiếm, quân còn ít, lại đánh nữa, không thắng được địch. Vương chạy vào Trịnh Cao, rồi lui giữ núi Chí Linh[2]. Quân Minh thường đến đánh úp : tình hình phía Vương khốn quẫn quá ! Vương phải nhóm họp các tướng, dụ bảo họ rằng : "Bây giờ ai có thể làm như Kỷ Tín[3] xưa, để ta ẩn náu trong rừng núi, mưu tính cử sự về sau ?". Trong các tướng chẳng ai dám đáp ứng cả. Riêng có Lê Lai khảng khái xin vâng, tình nguyện trao đổi đồ mặc với Vương để đi chết thay.

Lê Lai liền cho sắp xếp nghi trượng chỉnh tề, chính mình đem quân và voi, hướng ra phía địch, chỉ huy các tướng chia đường khiêu chiến. Tướng Minh lấy thêm quân bao vây Lê Lai. Lai chiến đấu kiệt sức, bị người Minh bắt và giết chết. Địch bèn rút quân về Tây Đô.

---

(1) Một chức coi giữ quân lính ở bên trong (nội quân) ở dưới chức Đại Tổng quản là chức đứng đầu quân đội.

(2) Đừng lẫn núi Chí Linh ở Thanh Hoá này với núi Chí Linh ở Hải Dương. Xem thêm "Lời chua" ở sau của *Cương mục*.

(3) Trung thần của Hán Cao Tổ. Khi Cao Tổ bị Hạng Vũ vây ở núi Huỳnh Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc), tình hình nguy ngập quá, Tín phải ăn mặc giả làm Cao Tổ, thay Cao Tổ ra đầu hàng : bị Hạng Vũ đốt chết. Còn Cao Tổ nhờ đó trốn thoát.

Lời phê[1] – *Vua nhà Lê đã có tài như vua nhà Hán là Cao Tổ, tôi nhà Lê lại cũng trung liệt như tôi nhà Hán là Kỷ Tín : nghìn năm bất hủ !*

Lời chua – *Nga Lạc* : Tên huyện. Nay là huyện Nga Sơn, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Theo sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư* của nhà Minh, thì cửa ải Nga Lạc thuộc huyện Nga Lạc. Chb. **XIII**, 9

Trịnh Cao : Tên châu xưa, lệ thuộc vào phủ Ngọc Ma ; nay là đất phủ Trấn Định thuộc tỉnh Nghệ An.

Núi Chí Linh : Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 3).

Tháng 5. Vương đóng quân ở Lô (Lư) Sơn. Ai Lao đem quân sang giúp Vương.

Trước kia, Vương sai bọn Trịnh Đồ và Trịnh Khả liên kết với Ai Lao, nhờ Ai Lao giúp cho quân lính và lương thực. Đến đây, Vương tiến quân đóng ở Lô Sơn, được Ai Lao đem quân sang giúp.

Lời chua – *Lô Sơn* : Cách châu Quan Hoá 97 dặm về phía tây.

Ai Lao : Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Trịnh Đồ : Người làng Kim Bôi[2], sau được nhà vua cho lấy theo họ Lê.

Tháng 7, mùa thu. Phan Liêu, tri phủ Nghệ An, phản lại người Minh, chạy sang Ai Lao.

Nhà Minh dùng nội quan Mã Kỳ làm chức thái biện sứ. Mã Kỳ sang yêu sách những đồ báu, của quý. Liêu không chịu nổi được sự hà ngược của Mã Kỳ, bèn thống suất mọi người, đánh giết quan lại nhà Minh. Bấy giờ quân chủ lực của Minh đóng ở thành Nghĩa Liệt thuộc Nghệ An, bị Phan Liêu đánh úp : thành suýt bị phá vỡ. Lý Bân từ Đông Quan[3] kéo đến :

(1) Chỉ việc Lê Lai chịu chết thay cho Lê Lợi.

(2) Thuộc huyện Vĩnh Lộc (xưa là Vĩnh Ninh), tỉnh Thanh Hoá.

(3) Nay là Hà Nội.

Phan Liêu phải chạy sang Ai Lao. Bân đuổi đến Ngọc Ma, không kịp, quay về.

Khi Bân vào đánh Phan Liêu, có sai chỉ huy Lộ Văn Luật làm tiền phong. Văn Luật hoang mang : vừa ngờ vực, vừa lo sợ, bèn lẩn trốn. Rồi tụ họp mọi người, chiếm giữ Thạch Thất, phản lại người Minh. Bân đến đánh, phá được Văn Luật. Luật cũng chạy sang Lào : làm người đứng chủ bày mưu lập kế cho Ai Lao. Vì thấy Bình Định vương là bậc có uy quyền và danh vọng, Văn Luật đem lòng đố kỵ, nên tìm nhiều cách ly gián giữa Vương và Ai Lao. Từ đó, Ai Lao tuyệt giao với ta. Chb. **XIII**, 10

Lời chua – *Nghệ An* : Tức Hoan Châu xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21 – 23).

Phan Liêu : Người làng Tôn Lỗ thuộc huyện Thạch Hà[1]. Theo *An Nam truyện* trong *Minh sử*, Phan Liêu là con của Phan Quý Hựu, tri phủ Nghệ An trước. Khi kế chân cha làm tri phủ, Phan Liêu không chịu nổi sự bạo ngược của Mã Kỳ, nên phản lại người Minh.

Nghĩa Liệt thành : Còn tên nữa là Lam Thành, do người Minh xây đắp, ở xã Nghĩa Liệt, huyện Hưng Nguyên.

Đông Quan : Tức Đông Đô. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 29).

Ngọc Ma : Tên một châu xưa, nhà Lê đặt làm phủ ; nay là phủ Trấn Định thuộc tỉnh Nghệ An.

Lộ Văn Luật : Người huyện Thạch Thất, thuộc Sơn Tây.

Tháng 11, mùa đông. Các vùng Hạ Hồng, Tân Minh, Khoái Châu và Hoàng Giang dấy quân khởi nghĩa, bị Lý Bân nhà Minh đánh bại. Chb. **XIII**, 11

Trịnh Công Chứng và Lê Hành ở Hạ Hồng, Phạm Thiện ở Tân Minh, Nguyễn Đặc ở Khoái Châu, Nguyễn Đa Cấu và

(1) Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Trần Nhuế ở Hoàng Giang thấy thành Đông Quan suy yếu trống rỗng, nên kéo nhau cùng nổi dậy, xông thẳng đến Nhị Hà, đánh vào phía cầu phao, nhưng bị Lý Bân nhà Minh đánh bại.

Lại có Lê Ngạ, người huyện Thuỷ Đường[1], trạng mạo khôi ngô, tầm vóc đẫy đà, là gia nô của Trần Thiên Lại ngày trước. Bấy giờ Lê Ngạ đổi tên là Dương Cung, giả làm người hầu của Mã Kỳ, hống hách nộ nạt các châu, các huyện. Khi thấy bọn Công Chứng, Phạm Ngọc và Phạm Thiện đua nhau nổi dậy, Lê Ngạ bảo những người quen biết mình rằng : "Chúng bay có muốn giàu sang không ? Đứa nào muốn thì đi theo ta đây !" Ngạ bèn đi lên Đan Ba thuộc Lạng Sơn, mạo xưng là chút[2] của Trần Duệ Tông, từ nước Lão Qua[3], trở về nước. Thổ tù Lạng Sơn, Bế Thuấn, gả con gái cho Ngạ, lập Ngạ làm minh chủ. Khoảng độ một tuần, một tháng, tụ họp được đến vài vạn quân. Sau khi bọn Công Chứng và Phạm Thiện đã thất bại, những đồ đảng còn sót lại đều theo về với Lê Ngạ, do đấy, quân gia của Ngạ ngày một đông thêm. Ngạ tự xưng là Thiên Thượng hoàng đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên, sắp xếp quan lại, đúc tiền tệ, kéo quân đi thiêu đốt vùng Xương Giang và cướp bóc miền Bình Than.

Có người biết "vua Vĩnh Thiên" này chính là Lê Ngạ, nhưng cũng không dám nói. Trần Thiên Lại đến thăm Lê Ngạ, khi ra rồi, nói : "Đó là gia nô của ta ngày trước !". Rồi Thiên Lại dời thuyền đi nơi khác. Ngạ sai người đuổi theo, nhưng không kịp.

---

(1) Trước thuộc Hải Dương, về sau đổi thuộc Kiến An. Nay là huyện Thuỷ Nguyên thuộc T.P Hải Phòng.

(2) Nguyên văn là "huyền tôn", tức là cháu năm đời.

(3) Xem "Lời chua" ở sau của *Cương mục*.

Trần Thiên Lại truyền hịch đi các quận huyện, tự xưng là Hưng Vận quốc thượng hầu, dấy quân đánh nhau với Ngạ, bị Ngạ giết chết.

Lý Bân nhà Minh nói : "Thiên Lại và Lê Ngạ chỉ như hai con thú thôi !". Nhân khi họ đã nhược rồi, Lý Bân bấy giờ mới đánh : Lê Ngạ và Bế Thuấn đều thua, đang đêm phải chạy trốn.

Việc này lên đến triều đình nhà Minh, vua Minh ra hạn nghiêm ngặt cho đi lùng bắt. Bọn Bân ức hiếp bắt Phạm Luận, sinh viên ở Giáp Sơn[1], mạo khai là Dương Cung[2]. Viên tri huyện là Dặc Khiêm cho là không phải Dương Cung, nhưng bọn Bân không nghe, cứ cho giải sang Yên Kinh. Chb. **XIII**, 12

Lời chua – *Hạ Hồng* : Xưa thuộc Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Tân Minh : Nay là huyện Tiên Minh[3].

Khoái Châu : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Hoàng Giang : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Long thứ 7 (Chb. VI, 44).

Nhị Hà : Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Cầu Phao : Theo *Đại Thanh Nhất thống chí*, đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403 – 1424), bọn Trương Phụ làm cầu phao ở bến Đông Tân sông Nhị.

Phạm Ngọc : Người An Lão[4], xuất gia đi tu làm sư, rồi tụ họp dân chúng nổi loạn.

---

(1) Ta quen đọc là "Giáp". Còn *Từ Nguyên* thì âm là "Hiệp".

(2) Tức Lê Ngạ.

(3) Tục gọi là Tiên Miêng, nay là huyện Tiên Lãng thuộc T.P Hải Phòng.

(4) Nay thuộc T.P Hải Phòng.

Lạng Sơn : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19).

Đan Ba : Tức Đan Dĩ. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 4 (Chb. VIII, 8–9).

Lão Qua : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Xương Giang : Theo *Bắc Ninh tỉnh sách*[1], thành Xương Giang, do người Minh đắp, ở xã Thọ Xương, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh[2].

Bình Than : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Giáp Sơn : Tên huyện. Nay do phủ Kinh Môn kiêm lý thuộc tỉnh Hải Dương. Chb. **XIII**, 13

Phạm Luận : Người làng Ngư Uyên, huyện Giáp Sơn.

Canh Tý (1420). (Bình Định vương năm thứ 3. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 18).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Minh sai Trần Trí đến trấn thủ Phụng Hoá.

Lời chua – *Phụng Hoá* : Tức Thiên Trường. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15. (Chb, V, 28).

Tháng 10, mùa đông. Bình Định vương đóng quân ở Ba Lẫm, đánh úp và phá được quân Minh ở trại Quan Du.

Vương tiến quân đóng ở thôn Thôi. Lý Bân nghe tin ấy, kéo quân từ Tây Đô vào chực đánh úp. Vương đặt quân mai phục ở Thi Lang, đánh bại được địch. Vương tiến đóng ở sách[3] Ba Lẫm thuộc Lỗi Giang. Bọn tướng Minh, Tạ Phượng và Hoàng Thành, chia quân đóng đồn ở Nga Lạc và Quan Du để phòng

(1) Xem chú giải ở *Cương mục* Chb, 1,9.

(2) Nay thuộc thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(3) Đơn vị một khu vực hành chính của miền núi xưa. Xem thêm chú giải số 3 ở Chb.I,1.

phủ cho Tây Đô. Vương ngày đêm đánh gấp : bọn Phượng đóng chặt đồn luỹ, cố thủ, không dám ra. Sau đó, chúng bỏ Nga Lạc, lui giữ Quan Du. Vương sai các tướng Lê Sát và Lê Hào đánh úp quân Minh ở trại Quan Du : cả phá được địch, chém hơn nghìn thủ cấp, tước được chiến cụ và nghi trượng của địch không biết bao nhiêu mà kể. Người Minh, do đó, tinh thần sút kém quá đỗi !

Lời chua – *Ba Lẫm* : Thay đổi ra sao, không rõ. Theo sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư* của nhà Minh, thì cửa ải Ba Lẫm thuộc huyện Lỗi Giang.

Quan Du : Tên trại xưa. Bây giờ là châu Quan Hoá thuộc Thanh Hoá.

Thôi : Tên thôn xưa. Bây giờ là huyện Man Xuy, thuộc phủ Trấn Man[1]. Chb. **XIII**, 14

Thi Lang : Thay đổi ra sao, không rõ.

Lỗi Giang : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 17–18).

Tân Sửu (1421). (Bình Định vương năm thứ 4. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 19).

Tháng 6, mùa hạ. Vùng Tam Giang có nạn nước to.

Lời chua – *Tam Giang* : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 29).

Tháng 9, mùa thu. Nước sông Đáy[2] tràn ngập.

Lời chua – *Sông Đáy* : Xem Trần Thiếu Đế, năm Kiến Tân thứ 2 (Chb. XI, 36).

Tháng 11, mùa đông. Bình Định vương đánh bại được Trần Trí nhà Minh ở Ứng Ải. Lại đánh và phá được quân Ai Lao.

---

(1) Phủ này ở về phía tây bắc tỉnh Thanh Hoá.

(2) Nguyên văn chép là "Để Giang".

Bấy giờ Vương đóng doanh trại ở Ba Lẫm. Trần Trí, tham tướng Minh, đem hơn mười vạn quân đến đánh. Trời đã về chiều, địch đóng lại cách Ba Lẫm 50 dặm. Hội họp các tướng Vương bàn rằng : "Quân của địch dẫu đông, nhưng chúng phải lặn lội từ xa đến. Chúng ta đem cái thế thong thả chờ đợi để đối phó với địch đang nhọc nhằn, bấy giờ thình lình đổ ra mà đánh thì tất thế nào cũng phá được địch". Đêm đến, bèn đánh úp trại giặc : chém hơn nghìn thủ cấp. Trần Trí tức giận lắm, hôm sau, mở đường tiến quân. Vương sẵn sàng đặt trước quân phục ở Ứng Ải. Trưa đến, quân Trần Trí vượt hiểm trở, kéo đến cửa ải. Chúng leo trèo, bám như đàn kiến mà lên : quân phục thình lình nổi dậy xung kích, đánh bại được địch. Trần Trí rút lui.

Bấy giờ Mãn Sát, tù trưởng Ai Lao, đem ba vạn quân và một trăm thớt voi thình lình ập đến, nói phao lên rằng sang cứu viện ta. Vương không ngờ nó nói dối, đương đêm bị nó đánh úp. Vương, với vẻ bình tĩnh, không động binh vội, mới chia cắt tướng sĩ lẻn ra phía sau địch : trong và ngoài đánh khép lại, cả phá được quân giặc, chém hơn một vạn thủ cấp, tước được mười bốn thớt voi. Nhân đà thắng lợi, ruổi dài đuổi theo. Mãn Sát cùng quẫn, sợ dúm lại, xin hoà, nhưng Vương không ưng thuận. Bình chương Lê Thạch xung phong, dẫn đầu quân sĩ, gấp đánh địch, bị chết vì giẫm phải chông.

Chb. **XIII**, 15

Lời phê – *Về việc Ai Lao đánh úp này,* Sử cũ *chép không rõ. Khi làm* Cương mục, *tuy đã sửa lại rồi, nhưng cũng vẫn chưa thấy hợp tình hợp lý. Vì rằng quân Ai Lao đông đến ba vạn thì bên ít địch lại làm sao được với bên nhiều ! Chắc là do sự ghi chép thất thực.*

Lời chua – *Ứng Ải* : Thay đổi ra sao, không rõ. Bây giờ tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thuỷ, phủ Quảng Hoá[1] có Ứng Quan, có lẽ là Ứng Ải này.

Mãn Sát : Tên của tù trưởng Ai Lao.

Nhâm Dần (1422). (Bình Định vương năm thứ 5. Minh, Vĩnh Lạc năm thứ 20).

Ngày mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Tổng binh Minh, Lý Bân, chết. Nhà Minh dùng Trần Trí lên thay, cai quản quân đội.

Tháng 12, mùa đông. Bình Định vương đại thắng quân Minh ở sách Khối. Vương chuyển quân về núi Chí Linh[2].

Vương từ Ba Lẫm tiến đến Quan Da. Mã Kỳ nhà Minh lại ước hẹn với Ai Lao, hợp sức với nhau, hai mặt trước sau đánh khép lại. Quân của Vương không lợi, phải lui đóng ở sách Khối. Địch tập hợp cả quân lại để bao vây. Vương khóc lóc bảo các tướng sĩ : "Giặc đang bao vây và bức bách cả bốn mặt. Chúng ta cố đánh nhanh thì sống ; nếu không đánh nhanh thì tất phải bại vong". Mọi người đều cảm kích, đua nhau liều chết cố đánh. Các tướng Lê Lĩnh, Phạm Vấn, Lê Hào và Lý Triện chính mình xông pha lên trước, đánh phá trận địch ; chém tham tướng Minh, Phùng Quý, và hơn nghìn thủ cấp quân lính địch. Mã Kỳ và Trần Trí đều phải chạy; quân Ai Lao cũng lẩn trốn. Chb. **XIII**, 16

Vương chuyển quân về núi Chí Linh. Bấy giờ quân ta tuy thắng trận, nhưng chưa có thời cơ thuận tiện để tiến thủ, phải đóng ở trong trại miền núi : sự tiếp tế không được liền nối, phải cạn lương đến hơn hai tháng, chỉ ăn rau dưa mà thôi, đến nỗi Vương phải giết cả voi và ngựa để thết quân đội. Tướng sĩ đều mỏi mệt nhọc nhằn, muốn tạm nghỉ ngơi, ai nấy đều khuyên

(1) Thuộc tỉnh Thanh Hoá.

(2) Ở địa phận châu Lang Chánh thuộc Thanh Hoá.

Vương nên hoà với người Minh. Vương bất đắc dĩ sai bọn Lê Trăn đến chỗ quân Minh, xin hoà.

Lời chua – *Sách Khối* : Thay đổi ra sao, không rõ.

Quan Da : Tức trại Quan Du. Xem Bình Định vương năm thứ 3 (Chb. XIII, 13).

Quý Mão (1423). (Bình Định vương năm thứ 6. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 21).

Tháng 4, mùa hạ. Bình Định vương quay về Lam Sơn.

Bấy giờ bọn Trần Trí và Sơn Thọ nhà Minh thường hay đưa biếu Vương : trâu, ngựa, cá, muối, nông cụ và thóc lúa... Vương sai lũ Lê Trăn đem vàng bạc đáp lại. Bọn Trí, sau đó, ngờ rằng Vương bề ngoài giả cách giảng hoà thân thiện, nhưng bề trong vẫn ấp ủ cái chí đánh úp, nên chúng bắt giam lũ Trăn lại, không cho về[1]. Vương nổi giận, liền tuyệt giao với bọn Trí.

Giáp Thìn (1424). (Bình Định vương năm thứ 7. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 22).

Tháng 9, mùa thu. Bình Định vương đánh và hạ được đồn Đa Căng. Chb. **XIII**, 17

Vương đóng quân ở Lô (Lư) sơn, nhóm họp các tướng hỏi về sách lược tiến thủ, nên đánh thành nào trước. Thiếu uý[2] Lê Chích thưa : "Nghệ An là nơi hiểm yếu : đất rộng, người đông, tôi đã từng qua lại Nghệ An, nên rất thông thuộc đường đất. Nay ta nên trước hãy nên đánh lấy Trà Long, chiếm giữ bình định cho được Nghệ An để làm chỗ đất đứng chân, rồi dựa vào đấy mà lấy tiền tài sức lực, sau sẽ quay cờ trẩy ra Đông Đô thì có thể tính xong được việc

(1) Qua năm sau (Giáp Thìn, 1424) bọn Sơn Thọ nhà Minh phải trả lại Lê Trăn về với nghĩa quân.

(2) Một chức quan võ cao cấp hồi đầu Lê.

dẹp yên thiên hạ". Vương khen là phải. Liền đó kéo quân ra phía nam, đánh úp đồn Đa Căng : Lương Như Hốt, tham chính bên Minh, thua chạy. Ta chém chết địch và bắt được của địch vô kể.

Lời chua – *Đa Căng* : Thay đổi ra sao, chưa rõ. Theo sách *Sĩ hoạn tu tri lục* của Nguyễn Công Tiệp, thì huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá có động Bất Căng, có lẽ tức là Đa Căng này.

Trà Long : Tức Trà Lân, nay là phủ Tương Dương thuộc Nghệ An.

Nhà Minh vời Hoàng Phúc về nước, dùng Trần Hiệp sang thay.

Trước kia, do chân Công Bộ thượng thư kiêm giữ công việc hai ty Bố, Án tại Giao Châu, Hoàng Phúc ở Giao Châu mười tám năm, coi dân như con đẻ. Từ chính sự đến mệnh lệnh đều sắp xếp có đầu mối, có kế hoạch, công việc không cứ lớn hay nhỏ, Phúc đều hết lòng cả. Vua Minh vì thấy Phúc đã lâu năm, khó nhọc ở ngoài, nên triệu Phúc về nước, dùng Binh Bộ thượng thư Trần Hiệp sang thay. Chb. **XIII**, 18

Vương đi tuần hành ở Nghệ An, gặp quân Minh và đánh bại được địch. Tháng 11, mùa đông, quân ta vây Trà Long. Tháng 12, tri phủ Cầm Bành đầu hàng và dâng cả châu Trà Long.

Bình Định vương, sau khi đã hạ được đồn Đa Căng, cho ghi vào sổ lấy những trai tráng, rồi sắp xếp hàng ngũ bộ thuộc một cách nghiêm chỉnh, thẳng rảo đến Nghệ An. Dọc đường, khi qua Bồ Liệp thuộc Quỳ Châu, gặp bọn chỉ huy Sư Hựu, tham tướng Trần Trí và Phương Chính nhà Minh đón đường chẹn cả mặt trước lẫn mặt sau. Chiều đến, Vương đặt quân mai phục ở khoảng rừng rú, nhử địch đến, đánh bại được giặc : chém đô ty Minh, Trần Trung, và hơn hai nghìn thủ cấp quân địch, tước được hơn một trăm ngựa. Quân Minh phải lùi chạy. Ngày hôm

sau, Vương tiến quân đến châu Trà Long, gặp địch lần nữa, lại cả phá được giặc. Bọn Trần Trí chạy về Nghệ An.

Vương sai dụ hàng tên Cầm Bành, tri phủ, quyền giữ công việc châu Trà Long, nhưng Bành không theo, cứ cố thủ, đợi quân cứu viện. Vương đốc thúc các tướng bao vây Trà Long. Bọn Trần Trí và Phương Chính sợ hãi, không dám tiến quân. Bấy giờ Sơn Thọ lấy cớ là đến để chiêu an, bèn thả trả sứ bộ Lê Trăn[1] về với Bình Định vương để xin hoà[2]. Còn Cầm Bành, quân gia ngày một phản lại và ly tán, tự biết thế cô, lại không có quân cứu, đành phải đầu hàng. Vương tha tội cho Bành. Quân sĩ ta không tơ hào gì đến của dân ở Trà Long. Sau đó Cầm Bành lại mưu làm phản, bị giết chết. Vương vỗ về yên ủi các bộ lạc, ai nấy đều vui vẻ làm công việc do Vương sử dụng. Vương sai tuyển lấy hơn năm nghìn người ưu tú và khoẻ mạnh cho lệ thuộc vào sổ quân nhân. Thế lực quân đội của ta bấy giờ rất là lừng lẫy.

Hay tin Trà Long đã mất, thượng thư Minh, Trần Hiệp, liền đem tình hình tâu lên triều đình. Vua Minh hạ sắc chỉ nghiêm trách bọn Trần Trí và Phương Chính, ra lệnh cho chúng phải mau dẹp cho yên. Bọn chúng sợ hãi, vội kéo quân thuỷ và quân bộ đi tấn công. Chb. **XIII**, 19

Được tin báo về việc quân này, Vương sai các tướng Đinh Liệt đem hơn nghìn quân, đi đường tắt đến đóng giữ huyện Đỗ Gia để chiếm trước lấy ưu thế. Còn Vương thì tự đốc suất các tướng sĩ, kế tiếp tiến lên mạn thượng du cửa ải Khả Lưu, chiếm giữ nơi hiểm yếu để chờ đợi địch. Sau đó vài hôm, người Minh quả nhiên kéo đến, đóng đồn ở mạn hạ lưu cửa ải Khả Lưu. Vương làm kế nghi binh : ban ngày cho quân mở cờ khua trống,

(1) Lê Trăn bị bọn Trần Trí giam giữ từ năm Quý Mão (1423). Xem *Cương mục Chính biên* XIII, 16.

(2) Điều đình với Bình Định vương, xin giải vây cho Trà Long.

ban đêm cho đốt lửa làm như thổi nấu, nhưng ngầm sai quân và voi lặng lẽ qua sông, mai phục. Mờ sớm hôm sau, địch tiến quân để bức bách ta, gặp quân mai phục nổi dậy, chúng thua thiệt nặng nề, phải lui giữ mạn hạ lưu. Rồi chúng lựa theo thế núi, đắp đồn, lập luỹ, cậy có nhiều lương thực, chực đóng cửa đồn, cố thủ kéo dài. Vương đặt quân phục khắp cả bốn bề ở mặt thượng lưu, rồi đốt doanh trại, giả vờ làm như lẩn trốn. Địch kéo đến chiếm cứ : phục binh của ta thình lình nổi dậy, xung kích. Các tướng Lê Sát và Đinh Lễ đua nhau xung phong, đi đầu sĩ tốt, đánh phá trận địch : bắt sống được đô ty Minh, Chu Kiệt, chém tướng tiền phong Minh, Hoàng Thành. Ngoài ra, giết chết và bắt được vô kể. Khí giới của địch quân quăng bỏ bừa bãi ở núi và ở hang. Bọn Trần Trí thu lượm những quân còn sót, kéo về Nghệ An.

Lời cẩn án – *Theo* Minh sử, *khi Vương đánh phá châu Trà Long, thổ tri phủ*[1] *là Cầm Bành bị chết.* Sử cũ *chép Cầm Bành đầu hàng. Nay xét* Lam Sơn thực lục *chép Cầm Bành tự biết mưu chước đã cùng, quân cứu viện lại không có, nên Bành mở cửa đầu hàng.* Thông sử *của Lê Quý Đôn chép Bành thấy viện binh không đến, bèn đầu hàng. Bài "Chí Linh sơn phú" của Nguyễn Trãi cũng viết*[2] *: "Cầm Bành sụp lạy mà dâng đất". Như vậy,* Minh sử *chép như thế là không đúng sự thực. Nay xin cải chính.* Chb. **XIII**, 20

Lời chua – *Cầm Bành* : Theo mục "An Nam nhân vật" trong *Thanh nhất thống chí*, Cầm Bành là người Giao Châu, hồi giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403 – 1424), do tri phủ Nghệ An, quyền giữ công việc châu Trà Long. "An Nam truyện" trong *Minh sử* chép : "Lê Lợi cướp châu Trà Long, đánh bại quân của Phương Chính, giết chỉ huy Ngũ Vân ; Lợi cướp bóc mãi không thôi. Chinh Di phó tướng quân Trần Trí vốn không có tài làm tướng, lại sợ giặc, bèn mượn tiếng chiêu an để

(1) Người Nam mà làm tri phủ với nhà Minh.

(2) Nguyên văn bằng chữ Hán.

đánh lừa triều đình [nhà Minh]. Vả, Trần Trí lại hục hặc với Phương Chính, nên mới đóng lại, không chịu tiến quân. Giặc càng không kiêng nể gì, lại vây châu Trà Long. Bọn Trí ngồi nhìn, không cứu. Trải qua bảy tháng, trong thành cạn lương, châu Trà Long bèn bị hạ ; tri châu Cầm Bành chết theo thành. Thượng thư Trần Hiệp dâng thư lên triều đình [nhà Minh] nói Lê Lợi vẫn hai lòng, thế lực ngày càng lan rộng, xin triều đình sai quan tổng binh mau sang đánh dẹp trừ diệt. Nhà vua[1] xuống chiếu nghiêm trách, hẹn đến mùa xuân năm tới phải dẹp yên. Trần Trí phát sợ, vội cùng Phương Chính kéo quân đi vây cửa ải Khả Lưu, bị thua, rút quân quay về".

Quỳ Châu : Tên phủ nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Bồ Liệp : Tên núi, cũng gọi là Bồ Cứ hoặc Bồ Đằng, thuộc Quỳ Châu. Chb. **XIII**, 21

Đỗ Gia : Tên huyện xưa. Bây giờ là huyện Hương Sơn, thuộc Nghệ An.

Khả Lưu : Tên cửa ải xưa, ở bờ phía bắc sông Lam thuộc huyện Lương Sơn, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Ất Tỵ (1425). (Bình Định vương năm thứ 8. Minh, Nhân Tông, năm Hồng Hi thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bình Định vương đến huyện Thổ Du. Cầm Quý đem quân bản bộ quy thuận. Vương bèn vây Nghệ An.

Vương kéo quân đến Đa Lôi thuộc huyện Thổ Du. Trẻ già đua nhau đem rượu và trâu bò đến đón tiếp khao quân. Họ nói : "Không ngờ ngày nay lại được trông thấy oai nghi cố quốc". Cầm Quý, tri phủ Ngọc Ma, đem quân và voi đến quy thuận, được Vương phong làm thái uý.

Vương ra lệnh rằng : "Bấy lâu dân bị đau khổ vì chính sự bạo ngược. Bây giờ hễ trẩy đến đâu, quân sĩ không được động chạm tơ hào của dân chúng. Trâu bò thóc lúa nếu không phải là

(1) Chỉ vua Minh.

của tàng trữ của người Minh thì không được lấy". Bấy giờ Vương mới chia quân đi lấy các đất đai. Quân trẩy đến đâu, có nhiều châu, nhiều huyện đầu hàng, người ta đều tình nguyện xin góp sức đánh thành Nghệ An. Vương lựa lấy số quân tinh nhuệ thẳng kéo đến chân thành này. Người Minh đóng chặt cửa thành cố giữ, không dám thò ra. Vương dạy bảo các tướng sĩ sửa sang khí giới, chuẩn bị để đánh thành. Vừa đầy hai tuần[1], chiến cụ xong xuôi đầy đủ. Bấy giờ tham tướng Minh, Lý An, từ Đông Quan vượt biển vào cứu ; bọn Trần Trí hợp quân lại, xông ra chiến đấu. Vương đặt quân phục ở cửa sông Đỗ Gia, cả phá được địch : Trần Trí chạy về Đông Quan ; bọn Lý An rút vào thành, liều chết cố giữ. Chb. **XIII**, 22

Lời chua – *Thổ Du* : Tên huyện xưa. Bây giờ là huyện Thanh Chương thuộc tỉnh Nghệ An.

Cầm Quý : Nối đời làm thổ tù[2] huyện Ngọc Ma.

Ngọc Ma : Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 10).

Đa Lôi : Theo *Nghệ An Cổ tích chí*, thì thôn Trung Hội, xã Nam Kim, huyện Thanh Chương, có giáp Xuân Lôi, có lẽ tức là Đa Lôi này.

Tháng 5, mùa hạ. Tư không Đinh Lễ đánh bại được tướng Minh, Trương Hùng, ở Diễn Châu. Hùng chạy về Tây Đô. Vương cho thêm quân đi đánh.

Vương sai Đinh Lễ đi tuần Diễn Châu. Khi kéo quân đến gần thành, Lễ đặt quân mai phục. Bấy giờ đô ty Minh, Trương Hùng đem ba trăm thuyền lương thực từ Đông Quan đến. Trong thành Diễn Châu kéo ra đón lương thực : gặp phục binh nổi dậy, chúng đều thua chạy. Đinh Lễ cướp được thuyền lương, rồi đuổi Hùng đến tận Tây Đô.

---

(1) Mỗi tuần mười ngày.

(2) Tù trưởng một địa phương.

Vương được tin thắng trận, liền tuyển quân và voi, sai Lê Sát và Lưu Nhân Chú kế theo, đi tiếp ứng cho Đinh Lễ. Cánh nghĩa quân này đi đến đâu cũng không có sức gì ngăn cản được cả. Họ tiến sát đến Tây Đô. Người Minh đóng chặt cửa thành, liều chết cố giữ. Đối với cư dân ở ngoài thành, các tướng Đinh Lễ đều chiêu an vỗ về. Bấy giờ những người Thanh Hoá tranh nhau đến cửa trại quân, xin đầu hàng. Bọn Lễ bèn bao vây lấy thành.

Lời chua – *Diễn Châu* : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. VI,20).

Lưu Nhân Chú : Người Yên Thượng, huyện Đại Từ[1] ; sau được cho lấy theo họ Lê. Chb. **XIII**, 23

Tháng 7, mùa thu. Vương sai tư đồ Trần Hãn và thượng tướng Lê Nỗ đi tuần các xứ Tân Bình và Thuận Hoá : đều hạ được cả mấy xứ này.

Vương liệu trước rằng Tân Bình, Thuận Hoá bị đứt liên lạc với Nghệ An và Đông Đô đã từ lâu, bèn dụ bảo các tướng : "Người giỏi chiến trận thường bỏ chỗ kiên cố, đánh chỗ sơ hở, tránh chỗ vững chắc, đánh vào chỗ trống rỗng ; như thế thì chỉ dùng sức một phần mà thành công gấp bội". Vương bèn sai tư đồ Trần Hãn và thượng tướng Lê Nỗ đem hơn nghìn quân đi đánh giặc và vỗ về nhân dân. Khi đến Bố Chính, gặp tướng Minh, Nhâm [Nhậm] Năng, bọn Hãn giữ chỗ hiểm yếu, đặt quân phục, rồi tìm kế nhử địch. Tên Năng lùa hết quân tiến lên. Phục binh nổi dậy, đánh khép lại : quân Minh thua vỡ tan tành, bị chém và bị bắt rất nhiều.

Trước đó, Vương sai bọn Lê Ngân đem bảy mươi chiếc chiến thuyền từ Nghệ An vượt biển vào hội quân với các tướng Trần Hãn để tiễu giặc. Đến đây, các đạo quân ấy tề tựu đông đủ,

(1) Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

quân thuỷ và quân bộ cùng tiếp ứng nhau, tấn công hai thành Tân Bình và Thuận Hoá, đều hạ được cả. Quân ta trẩy đến đâu, quân và dân ở đó đều ra hàng. Trần Hãn lựa lấy vài vạn người tinh nhuệ để bổ sung quân đội, rồi đặt quan trấn thủ, còn mình thì kéo quân về.

Các tướng tôn Bình Định vương lên làm "Đại Thiên hành hoá"[1]. Từ đó về sau, phàm có bảng văn niêm yết những lời cáo dụ đều nêu trên đầu là "Đại Thiên hành hoá".

Lời phê[2] – *Về sau, những đồ bất lương thường thường mượn danh từ "Đại Thiên hành hoá" này để làm mê hoặc mọi người, vậy thì việc Bình Định vương làm đây chẳng phải đúng như người xưa nói rằng "do lòng tham mà đặt ra pháp độ"*[3] *đó sao ?* Chb. **XIII**, 24

Lời chua – *Tân Bình* : Tức Lâm Bình. Xem Lý Thái Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chb. III, 34)[4].

Thuận Hoá : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 23).

Trần Hãn : Có chỗ chép là Trần Nguyên Hãn, người làng Sơn Đông huyện Lập Thạch[5], là dòng dõi Trần Nguyên Đán, sau được lấy theo họ Lê.

Bố Chính : Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Bính Ngọ (1426). (Bình Định vương năm thứ 9. Minh, Tuyên Tông, năm Tuyên Đức thứ 1).

---

(1) Thay Trời làm việc giáo hoá nhân dân.

(2) Chỉ việc Lê Lợi dùng hiệu là "Đại Thiên hành hoá" trong các bản công văn, khi đánh dẹp giặc Minh.

(3) Lời Hồn Hãn đời Xuân Thu chê Tử Sán nước Trịnh (*Xuân thu ngũ truyện*, XIII, 51).

(4) Xem thêm Chb. III, 29.

(5) Nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Tháng 8, mùa thu. Bình Định vương sai các tướng chia nhau đi tuần các lộ ở Đông Đô.

Vương cho rằng quân tinh nhuệ của nhà Minh ở cả Nghệ An, Đông Đô trở thành yếu ớt trống rỗng bèn sai :

Bọn Thái uý Lý Triện, Xu mật Phạm Văn Xảo, Thái giám Trịnh Khả và Đỗ Bí ra từ Thiên Quan, đi tuần vùng Quốc Oai, Quảng Oai, Gia Hưng, Quy Hoá, Đà Giang, Tam Đái và Tuyên Quang để diệt đạo viện binh nhà Minh từ Vân Nam kéo xuống ;

Bọn Thiếu uý Lưu Nhân Chú và Bùi Bị ra từ Thiên Quan, đi tuần vùng Thiên Trường, Kiến Xương, Tân Hưng, Thượng Hồng, Hạ Hồng, Bắc Giang và Lạng Sơn để diệt đạo viện binh từ Lưỡng Quảng[1] kéo xuống ;

Bọn Tư đồ Đinh Lễ và Lê Xí thống suất toán quân tinh nhuệ kế tiếp xuất phát, thọc ngay vào Đông Quan để phô trương thanh thế, rồi sau mới thừa cơ mà tiến thủ.

Các tướng trẩy đến đâu cũng giữ quân luật nghiêm túc, không tơ hào xâm phạm đến của nhân dân. Bấy giờ các lộ ở Đông Đô và các thổ tù ở ven biên giới chẳng ai là không vui vẻ hả hê. Chb. **XIII**, 25

Cánh quân của các tướng Lý Triện từ mạn Quốc Oai và Tam Đái đe doạ bức bách thành Đông Quan. Tham tướng Minh, Trần Trí dốc hết quân ra mạn Ninh Kiều và Ứng Thiên để chống cự. Triện cùng bọn Xảo, Khả và Bí hợp sức đánh hăng, quân của Trí phải thua chạy. Bọn Triện tiến đóng ở bờ phía tây sông Ninh Giang.

Chợt được tin hơn vạn quân cứu viện của nhà Minh sang từ Vân Nam, sắp đến thành Tam Giang, mà đạo quân do Lễ và Xí

(1) Quảng Đông và Quảng Tây.

chỉ huy chưa kịp đến, bọn Triện e rằng hai đạo quân của địch[1] nếu phối hợp được với nhau thì mình khó chế trị được. Triện bèn chia cho Xảo và Khả hơn nghìn quân, đi thẳng lên trước và đón đường chặn đánh địch ; còn mình và bọn Bí đem vài nghìn quân tinh nhuệ, thừa thắng đuổi theo cánh quân của Trí. Khi đến Nhân Mục, bắt sống được đô ty Minh, Vi Lượng và chém được hơn nghìn thủ cấp địch, rồi lại quay về Ninh Giang, làm thanh thế tiếp ứng cho bọn Xảo.

Còn cánh quân của bọn Xảo, khi đến cầu Xa Lộc, gặp đạo quân của Vương An Lão, đô ty Vân Nam của Minh : quân ta đón đánh, cả phá được địch, chém và bắt được không biết bao nhiêu mà kể. Số quân còn sót lại của địch phải rút vào giữ thành Tam Giang.

Lời chua – *Phạm Văn Xảo* : Người Kinh Lộ, sau được cho lấy theo họ Lê.

Thiên Quan : Tên trấn, nay là phủ, thuộc tỉnh Ninh Bình.

Quảng Oai : Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb. V,38,39).

Gia Hưng : tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 4 (Chb. II, 41).

Quy Hoá : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 41). Chb. **XIII**, 26

Đà Giang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Tam Đái : Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Tuyên Quang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

---

(1) Quân thành Đông Quan và viện binh ở Vân Nam mới sang.

Bùi Bị: Người làng Hào Kiệt, huyện Thiên Bản[1], sau được cho lấy theo họ Lê.

Kiến Xương : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Tân Hưng : Tên một lộ, nay là phủ Tiên Hưng[2].

Thượng Hồng : Xưa thuộc Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Bắc Giang : Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 28).

Lạng Giang : Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XX, 31).

Ninh Kiều : Ở phía tây phủ Giao Châu.

Ứng Thiên : Nay là phủ Ứng Hoà[3].

Ninh Giang : Phía trên liền với cửa sông Hát, phía dưới đổ vào sông Xá[4] rồi thông với Châu Giang. Hạ lưu sông Ninh Giang này hợp làm một với sông Hoàng Giang.

Nhân Mục : Tên xã. Nay thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội[5].

Cầu Xa Lộc : Thay đổi ra sao, không rõ.

Tháng 9. Vương để các tướng Lê Ngân và Lê Văn An ở lại vây thành Nghệ An, còn mình tự đem quân đi tuần Tây Đô[6].

Trần Trí nhà Minh thấy thành Đông Quan bị cô lập và nguy khốn, vội sai người gấp rút đem thư vào Nghệ An cáo cấp với bọn Phương Chính, để bọn này quay về cứu lấy chỗ căn bản.

Bọn Trí bèn để Thái Phúc ở lại giữ Nghệ An, còn chúng thì vượt biển trở ra Đông Quan. Vương liền cho các tướng Lê Ngân,

---

(1) Nay là huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định.

(2) Nay thuộc tỉnh Thái Bình.

(3) Thuộc tỉnh Hà Tây.

(4) Tục gọi là "Thá", tức là chỗ Ngã ba Thá.

(5) Tức làng Mọc, nay là phường Nhân Chính quận Thanh Xuân, Hà Nội.

(6) Tức Thanh Hoá.

Lê Văn An, Lê Bôi, Lê Thận và Lê Văn Linh lưu lại, góp sức với nhau vây thành Nghệ An, còn Vương chính mình thống suất đại quân, cả thuỷ lẫn bộ cùng tiến, đuổi theo Phương Chính. Đến Thanh Hoá, Phương Chính phóng thuyền ra khơi, lẩn trốn tận ra xa. Vương bèn đi tuần Tây Đô. Tri châu La Thông đóng chặt cửa thành, không chịu đầu hàng. Chb. **XIII**, 27

Vương đóng quân ở Lỗi Giang, uý lạo các tướng sĩ, ban thưởng cho các bà con và những người cố cựu ở quê nhà[1]. Nhân sĩ và dân chúng ở Thanh Hoá đều tình nguyện tòng quân.

Tháng 10, mùa đông. Các tướng Đinh Lễ, Lê Xí và Lý Triện cả phá quân của Vương Thông nhà Minh ở Tốt Động. Bình Định vương bèn tiến quân đến Thanh Đàm, đánh thành Đông Quan.

Bấy giờ nhà Minh sai Thành Sơn hầu Vương Thông làm Chinh di tướng quân, và đô đốc Mã Anh làm Tham tướng, đem năm vạn quân sang cứu Đông Quan, bóc hết chức tước của bọn Trần Trí và Phương Chính, cho sung làm sự quan[2], lệ thuộc trong quân để lập công chuộc tội ; còn Trần Hiệp thì vẫn cho làm Tham tán quân vụ. Tất cả đều ở dưới quyền chỉ huy của Thông.

Thông mới đến, tinh thần rất hăng, điều động tất cả mười vạn quân, cùng bọn Hiệp chia làm ba đường, đồng thời xuất phát. Thông đóng ở bến Cổ Sở ; Phương Chính đóng ở Sa Đôi ; Mã Kỳ đóng ở Thanh Oai. Doanh trại của chúng đằng dặng đến vài mươi dặm, cờ xí rợp cả đồng nội. Chúng tự cho rằng chỉ một chuyến này có thể dẹp yên được. Chb. **XIII**, 28

(1) Tức làng Lam Sơn, quê của Lê Lợi.

(2) Xem "Lời chua" ở sau của *Cương mục*.

Các tướng Triện và Bí từ Ninh Kiều tiến đến Sốm[1], chia quân và voi cho mai phục sẵn để đợi giặc. Họ cho toán du binh[2] xông xáo đến sát trại Mã Kỳ, khiêu chiến, giả cách thua chạy. Mã Kỳ lùa hết quân đuổi theo. Khi chúng đến cầu Ba La[3] : quân phục của ta nổi dậy, đánh cắt ngang trận địch. Quân Minh tan vỡ, chạy bừa, sa lầy, bị chém hơn nghìn thủ cấp. Quân ta ruổi dài đến cống Mọc[4], bắt được hơn năm trăm địch. Thây giặc rải rác đến vài mươi dặm. Mã Kỳ chỉ kịp một người một ngựa trốn về.

Các tướng Lý Triện thừa thắng, muốn chẹn phía sau Phương Chính, nhưng Phương Chính đã rút quân lui rồi. Bấy giờ trời đã chiều hôm, các tướng bên ta phải đem quân quay về. Bọn Kỳ và Chính nhân lúc ban đêm, lén đem quân đến hội với Vương Thông.

Ngày hôm sau, các tướng Lý Triện đến bến Cổ Sở, bổ vây quân Thông. Trước đó, Thông đã đặt quân mai phục, và đã đan tre làm cái khiên, phía trong khiên có cài chông sắt. Khi thoạt giao chiến, quân của Thông đã quăng bỏ khiên, giả vờ chạy. Bọn Triện đuổi theo : voi giẫm phải chông, không lợi. Bọn Triện bèn thu quân vào giữ Cao Bộ.

Nghe nói các tướng Đinh Lễ và Lê Xí đang đóng quân ở Thanh Đàm, Triện liền sai báo gấp cho họ đến tiếp ứng. Bọn Lễ và Xí lựa lấy ba nghìn quân tinh nhuệ và hai thớt voi, tức tốc ngay ban đêm, đến hội quân ở Cao Bộ. Họ chia quân đặt phục ở Tốt Động và Chúc Động.

---

(1) Hán văn là Cổ Lãm.

(2) Quân lưu động.

(3) Nguyên văn là "Tam La kiều". Cái cầu chỗ giáp giới ba làng La, tức là La Khê, La Cả và La Nội, nay thuộc xã Văn Khê, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây.

(4) Nguyên văn là "Nhân Mục kiều". Nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Bắt được gián điệp của địch, ta biết rằng Thông đã tiến đóng ở Ninh Kiều, ngầm cho kỳ binh[1] đi rảo đến phía sau quân Triện, còn chính binh[2] của Thông thì sẽ qua sông tiến lên phía trước. Chúng hẹn nhau rằng hễ nghe nổ pháo[3] thì các đạo quân địch đồng thời đánh khép lại. Hồi trống canh năm đêm ấy, bọn Lễ sai quân nổ pháo ở nơi yếu hại để đánh lừa địch. Địch nghe tiếng pháo, mọi đứa đều đổ xô đi chiếm lấy thuận lợi. Chúng lùa quân đi tắt vào. Bấy giờ trời mưa, đường lầy lội. Chúng kéo đến Tốt Động, bị quân phục của ta bốn bề nổi dậy. Quân ta hợp sức lại, hăng hái chiến đấu, cả phá được địch : chém Thượng thư Trần Hiệp và Nội quan Lý Lượng. Ta lại đuổi kẻ chạy, dượt kẻ thua, hoặc giết chết, hoặc bắt sống. Quân Minh cùng giày đạp chồng chất lên nhau, chết đến hơn năm vạn. Số quân địch chết đuối cũng rất nhiều, làm nghẽn cả khúc sông Ninh Giang. Ta bắt sống được hơn một vạn địch, tước được quân nhu và khí giới vô kể. Chb. **XIII**, 29

Bọn Chính và Kỳ chạy trốn. Thông bị thương, chạy về Đông Quan, đóng chặt cửa thành, cố giữ. Thông sai phá huỷ chuông Quy Điền[4] và vạc Phổ Minh[5] để làm chiến xa và vũ khí.

Các tướng Đinh Lễ thừa thắng, tiến vây Đông Quan.

Tin thắng trận báo đến hành doanh Lỗi Giang. Bình Định vương sai gióng trống trẩy ra. Khi Vương đến Thanh Đàm, các tướng đều ra đón mừng. Vương sai :

---

(1) Toán quân xuất kỳ bất ý, ập đánh đối phương khi không phòng bị hoặc không lường tính được trước.

(2) Toán quân đường đường chính chính ra trận đánh nhau với đối phương.

(3) Một thứ súng ở đương thời.

(4) Hai thứ của quý trong bốn đồ cổ của Việt Nam (An Nam tứ khí). Xem thêm "Lời chua" ở sau của *Cương mục*.

(5) Nt.

Các tướng Trần Hãn điều động thuỷ quân và hơn một trăm chiếc thuyền theo Lung Giang ra cửa sông Hát, thuận dòng xuôi đến bến Đông Bộ Đầu sông Nhị Hà ;

Các tướng Bùi Bị đem hơn một vạn bộ binh, ngầm tiến đến cầu Tây Dương.

Vương tự làm tướng, chỉ huy đạo quân chủ lực, tiến vây thành Đông Quan, bắt được rất nhiều chiến thuyền của địch.

Người Minh làm thêm rào luỹ, liều chết cố giữ.

Bấy giờ Vương đến Đông Đô, các hào kiệt ở Kinh Lộ và các tù trưởng ở biên trấn đều xúm xít đến cửa quân doanh, tình nguyện xin trổ sức, dù chết cũng không quản. Vương vỗ về yên ủi, hiểu dụ cho họ biết rõ cái nghĩa nên lui nên tới[1] ; phàm nhân sĩ và thứ dân hễ ai đến yết kiến cũng đều được Vương tiếp đãi bằng lời nhũn nhặn và lễ ưu hậu, rồi tuỳ tài cao thấp của từng người mà cất đặt vào mọi chức sự. Dùng tước lộc khen thưởng để người ta được khuyến khích, lại dùng hình phạt nghiêm minh để người ta biết răn chừa. Vì thế mọi người đều cảm kích. Vương trấy đến đâu cũng thu được công hiệu đến đó. Chb. **XIII**, 30

Lời cẩn án – *Chiến dịch Tốt Động, bọn Vương Thông thống suất hàng mười vạn quân, tinh thần sắc bén gấp hàng trăm lần. Các tướng Lý Triện chỉ có vài nghìn người. Một đám cô quân vào sâu trong trận địch, thế mà nhiều lần thừa thắng, đánh được giặc một cách độc nhất. Như vậy không khỏi có điều đáng ngờ. Bọn Lưu Nhân Chú và Bùi Bị được phân phối đi tuần đường khác, không kịp tiếp ứng : nói thế cũng còn xuôi xuôi. Đến như Đinh Lễ, Lê Xí vâng lệnh cầm quân, thực tế là phải đương đầu với cả phía chính diện của thành Đông Quan. Bấy*

(1) Ý nói nên bỏ đường phi chính nghĩa, theo đường chính nghĩa.

lâu đang đóng ở Thanh Đàm, vốn không có sự cách trở vì thành luỹ cao hay mặt trận vững của địch, thế mà lần đầu thì thắng ở Ninh Kiều và Xa Lộc, lần thứ hai lại thắng ở Ba La, trước sau không hề được một tên quân nào đến tiếp ứng cả. Kịp khi bọn Triện đánh giặc không lợi, sai người cấp báo, bấy giờ mới có cuộc hội quân ở Cao Bộ. Tình hình đương thời ra sao, thực có điều không thể hiểu được. Chỉ vì sử sách thiếu sót, không thể chất chính vào đâu cả. Nay xin kính cẩn chép theo Sử cũ, *còn thì xin để khuyết nghi*[1].

Lời phê – *Điều không thể hiểu được còn nhiều, chứ chẳng những việc này. Có lẽ vì tập sử* Lê kỷ *là do các bầy tôi nhà Lê biên soạn, cho nên tuy gọi là "thực lục", nhưng có nhiều lời lẽ quá khoe khoang, không đủ tin là chứng cớ xác thực được.*

Lời chua – *Tốt Động* : Tên xã. Nay thuộc huyện Mỹ Lương[2].

Thanh Đàm : Tức Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Sự quan : Theo sách *Hội Điển* nhà Minh, phàm người phạm luật, bị bóc chức, phải đáng tội đi tòng chinh thì gọi là sự quan.

Cổ Sở : Tên xã. Có bến đò Phùng, nay thuộc huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Sa Đôi: Theo *Bản kỷ thực lục* của Ngô Sĩ Liên, huyện Từ Liêm có Bãi Sa Đôi, có lẽ tức là Sa Đôi này.

Thanh Oai : Tên huyện. Nay thuộc tỉnh Hà Nội[3].

Cổ Lãm : Tên xã. Nay là xã Thắng Lãm[4], thuộc huyện Thanh Oai.

---

(1) Nguyên văn *Cương mục* in lầm là "quan nghi".

(2) Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

(3) Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

(4) Sau đổi Phú Lãm. Tục gọi là Sốm. Nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

Tam La : Tức là chỗ có quán Ba La ở giáp giới giữa huyện Từ Liêm và huyện Thanh Oai thuộc Hà Nội[1]. Chb. **XIII**, 31

Cao Bộ : Tên xã. Nay đổi là Cao Bộ thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Nội[2].

Chúc Động : Tên xã. Nay là xã Chúc Sơn, thuộc huyện Chương Đức[3].

Chuông Quy Điền : Thôn Thanh Bảo, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội có chùa Một Cột. Tục truyền rằng đời Lý đúc quả chuông lớn, để ở trong chùa, đánh không kêu, bèn đem bỏ chuông ấy ở ruộng Quy Điền. Ruộng này trũng thấp ẩm ướt, có sản nhiều rùa, nên gọi tên như vậy.

Phổ Minh : Tên chùa. Năm Thiệu Long thứ 5 (1262) đời Trần Thánh Tông làm chùa này, có đúc cái vạc và khắc bài minh vào vạc.

Cửa sông Hát : Ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây.

Đông Bộ Đầu : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng[4] thứ 5 (Chb. V, 33).

Cầu Tây Dương và Lung Giang : Không rõ bây giờ là đâu.

Vương bắt đầu chia Đông Đô làm bốn đạo, cất đặt các chức quan văn võ ở trong kinh và ngoài các lộ, các trấn.

Vương bắt đầu chia các lộ Đông Đô làm bốn đạo, đặt quan chức và liêu thuộc văn võ ở trong kinh và ngoài các lộ, các trấn. Còn ở các cửa biển thì đặt chức tuần kiểm, ra lệnh kiểm soát những người qua lại và những kẻ đem thư sang Trung Quốc. Chb. **XIII**, 32

Lời chua – *Bốn đạo* : Theo "Địa dư chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì :

---

(1) Bây giờ thuộc tỉnh Hà Tây.

(2) Nt.

(3) Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

(4) *Cương mục* in lầm là "Chính Bình Long ứng".

Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Gia Hưng thuộc Tây Đạo ;

Các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang đều thuộc Đông Đạo ;

Các lộ, các trấn Bắc Giang, Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo ;

Các lộ Khoái Châu, Lỵ Nhân[1], Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo.

Chức quan : Theo *Kiến văn lục*[2] của Lê Quý Đôn, Thái Tổ khi mới ra Đông Đô, có chia các lộ và các trấn làm bốn đạo, đặt các quan liêu văn võ trong kinh và ngoài các đạo, đồng thời cũng đặt các thị vệ tướng quân. Lại đặt chức tuần kiểm ở các cửa biển. Còn vệ quân ở các lộ, các phủ thì đặt dưới sự cai quản của những đại thần được bổ làm kiêm tri, tổng tri, đồng tri. Các viên chấp lệnh và giám quân cũng đều thuộc dưới quyền những đại thần này. Các nơi trấn thú thì có chức quan sát và chức phòng ngự ; các khê động[3] thì có chức thủ ngự, chức đoàn luyện ; các lộ thì có chức an phủ.

Lại theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ tiến quân ra Đông Đô, cất đặt các chức quan, chia các lộ Đông Đô làm bốn đạo, sắp xếp các chức văn võ ở trong kinh và ngoài các đạo, mới có những chức như bộc xạ, thị trung, thiếu bảo, hành khiển, thượng thư và hàn lâm, v.v... Chb. **XIII**, 33

Có các quan ở bốn đạo (viên chánh, hàm tổng tri, coi quản các sự vụ về quân và dân ; viên phó, kiêm việc trông coi các sổ sách quân và dân. Thí dụ như nhập nội thiếu bảo Lê Lựu làm Tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Lạng Sơn và An Bang ; thiếu bảo Lê Văn Ân làm Tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Quốc Oai, Tam Đái và Quảng Oai ; Bùi Ư Đài làm Kiêm tri coi quản sổ sách và công việc quân, dân ở Đông Đạo).

---

(1) Khoái Châu nay thuộc Hưng Yên, Lý Nhân nay thuộc Hà Nam, Tân Hưng và Kiến Xương nay thuộc Thái Bình.

(2) Cũng gọi là *Kiến văn tiểu lục*.

(3) Miền núi.

Có các quan mật viện (viên chánh giữ chức đại sứ, viên phó kiêm làm công việc của viện ; dưới đó có các chức thiêm tri, thiêm sự, v.v...).

Có các quan các bộ (thí dụ như Lại Bộ thượng thư Nguyễn Trãi, Lễ Bộ thượng thư môn hạ Bùi Ư Đài ; dưới đó có các chức lang trung, viên ngoại, ...).

Có các quan các sảnh (thí dụ như thượng thư môn hạ sảnh tả hoả và hữu hoả... Bấy giờ nhà Lê vẫn theo quan hiệu cũ của nhà Trần, chia gọi môn hạ sảnh làm tả hoả và hữu hoả ; sau mới đổi làm tả ty và hữu ty).

Có các quan viện Hàn Lâm (như thừa chỉ học sĩ, đãi chế, chủ thư thị sử, chủ thư sứ, nội lệnh sử, quốc tử bác sĩ, v.v...).

Có các quan ở hình viện (như Thẩm hình viện sứ, Thẩm hình viện phó sứ, phán đại lý chánh, v.v...).

Có các quan ở quân vệ (như Thiết đột trung quân, Thiết đột tiền quân, Thiết đột hậu quân, Thiết đột tả quân, Thiết đột hữu quân, mỗi quân đều có chức tổng lĩnh đứng đầu. Lại đặt ra mười bốn vệ Thiết đột).

Có các quan cầm quân[1] (có những chức như đốc quản, chánh đốc, chấp lệnh, giám quân, v.v...).

Danh sách các quan chức đại khái là thế.

Còn các quan chức ở ngoài các đạo thì có : quan sát sứ, phòng ngự sứ, tuyên uý sứ, an phủ sứ, v.v... đều là các chức to ở các trấn các huyện và các châu. (Lại đặt các chức tuần kiểm ở các cửa biển. Và trao cho các tù trưởng ở các nơi phiên thuộc những chức như thủ ngự, đoàn luyện, v.v... Thỉnh thoảng có những tù trưởng ở phiên thuộc nào theo về với triều đình mà lập được công to thì cũng ban cho chức trọng, như : nhập nội tư không bình chương sự, thượng tướng quân, đại tướng quân, v.v... Nếu ai dâng sách lược mà hợp với ý chỉ của nhà vua thì đặc biệt được phong là quân sư, chẳng hạn như Nguyễn Tử Hoan ở huyện Bố Chính đã được). Còn đối với các đại thần văn võ

(1) Nguyên văn là "điển binh".

thân tín thì, trên cái chức quan đã được, còn ban thêm hai chữ "nhập nội" nữa (như : nhập nội tư mã, nhập nội hành khiển, v.v... Về quan chế thêm chữ "nhập nội" này, đời sau vẫn còn theo dùng). Chb. **XIII**, 34

Tháng 11. Bình Định vương lập Hồ Ông làm chúa nhà Trần, đổi tên là Trần Cao (Sử cũ chép chữ "Cao" : "nhật" trên, "cao" dưới)[1].

Bấy giờ Vương Thông nhà Minh nhiều lần bị giập gẫy, biết rằng không thể nào chiếm được thắng lợi cuối cùng. Muốn bãi chiến, rút quân về, nhưng ngại rằng không dựa vào danh nghĩa nào được, hắn bèn vin vào lời chiếu của vua Minh ở đầu niên hiệu Vĩnh Lạc[2] bảo tìm lập con cháu họ Trần, nên mới ngầm khuyên Bình Định vương vin vào danh nghĩa lập con cháu họ Trần ấy để xin bãi binh. Bình Định vương cũng cho rằng trong nước bấy lâu phải đau khổ vì nạn binh đao, cũng mong cất gánh nặng để dân được nghỉ ngơi, nên cũng ưng thuận.

Trước kia, có một người là Hồ Ông, ẩn náu ở nơi Cầm Quý, thổ quan châu Ngọc Ma, mạo xưng là cháu ba đời của Trần Nghệ Tông (1370 -1372). Để đáp ứng ý muốn của người Minh, Vương bàn tính cho đón Hồ Ông về, đổi tên là Trần Cao, lập làm chúa nhà Trần, đặt niên hiệu là Thiên Khánh. Vương xưng là Vệ quốc công, thay Cao làm bài biểu đưa sang nhà Minh cầu xin phong tước.

Trần Cao, sau khi được lập làm chúa nhà Trần, đóng ở núi Không Lộ. Vương sai Lê Quốc Hưng đến làm người giúp việc để giám sát Trần Cao.

Lời phê[3] – *Lê Lợi đã tự nhận là trượng phu*[4]*, cần gì phải làm việc giả dối lập Trần Cao này !*

---

(1) Tức là chữ "Cao" 暠 (*Toàn thư bản kỷ*, X, 24b, 44b, 45a–b). *Cương mục* vì kiêng tên huý triều Nguyễn, nên không dám viết rõ mặt chữ.

(2) Niên hiệu Minh Thành Tổ (1403 -1424). Xem thêm Chb. XII, 20.

(3) Chỉ việc lập Trần Cao.

(4) Có ý nhắc lại lời Lê Lợi nói trước khi khởi nghĩa : "Trượng phu ở đời nên cứu nạn lớn, lập công to, v.v..." (Xem Chb. XIII, 1).

Lời chua – *Núi Không Lộ* : Ở huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, trên núi có chùa Lạc Lâm, xưa là chỗ hoá thân của thiền sư Không Lộ, nên gọi tên như vậy.

Ngọc Ma : Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 10).·

Vương điều động phân phái các tướng suý đi đánh phá và tập kích các thành.

Trước kia, Vương cho người đánh gấp thành Đông Quan. Bọn Vương Thông và Sơn Thọ đánh nhau với quân ta, nhiều lần bị thua trận, tình thế của chúng ngày một cùng quẫn. Chúng sai người đem thư đến xin hoà, mong được toàn quân để rút về nước. Bình Định vương nói : "Không đợi phải đánh mà khuất phục được quân của người ta : chước hay, là ở đấy". Rồi Vương ưng thuận, hẹn ngày cho Thông phải mau điều động tất cả người và ngựa ở các thành phải đến họp tập ở Đông Đô, sẽ cho về nước hết cả. Chb.**XIII**, 35

Thông, do đấy, sai gấp đưa thư đến các thành Nghệ An, Diễn Châu và Thanh Hoá, hạ lệnh đình chiến rút quân.

Bấy giờ bọn thổ quan[1] Trần Phong[2] và Lương Nhữ Hốt[3] vốn làm tay sai cho người Minh, sợ rằng, sau khi quân Minh rút lui, sẽ bị chu diệt, mới trả lời rằng : "Xưa, Ô Mã Nhi nhà Nguyên thua trận, đầu hàng nhà Trần, bị Hưng Đạo vương Quốc Tuấn lập mưu giết chết, không còn một mống nào sống sót mà về". Tin lời của bọn Lương Nhữ Hốt, Thông bề ngoài tuy nói xin hoà, nhưng vẫn đào hào, thả chông, ngầm sai người đem thư bọc kín trong sáp chực đưa về nước để xin quân cứu viện. Bình Định vương bắt được mật thư của Thông, ghét hắn tráo trở, bèn tuyệt giao với Thông. Vương chia sai các tướng lại khởi thế công :

---

(1) Người bản quốc làm quan với người Minh.

(2) Trần Phong, theo giặc Minh, làm đến Đô ty. Xem thêm "Lời chua" ở dưới của *Cương mục*.

(3) Lương Nhữ Hốt theo giặc Minh, làm đến Tham chính. Sau khi giặc Minh đã bị quét sạch, Nhữ Hốt cùng với các tên Trần Phong, An Vinh, Trung, Tồn, Sĩ Văn, Xác và Sùng Lễ đầu hàng nghĩa quân, được Bình Định vương tha tội ; nhưng sau chúng lại mưu phản, định câu kết với Minh để làm nội ứng, nên ngày 24, tháng 11, năm Mậu Thân (1428), đều bị giết cả (theo *Toàn thư Bản kỷ* X, 25a, 62a - b).

Lê Quốc Hưng đánh Điêu Diêu và Thị Cầu ;

Trịnh Khả và Lê Khuyển đánh Tam Giang ;

Lê Sát và Lê Thụ đánh Xương Giang ;

Trần Lựu và Lê Bôi đánh Khưu Ôn[1].

Lời chua – *Trần Phong* : Người làng Ma Lộng, huyện Chí Linh[2].

Ô Mã Nhi : Việc này xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 5 (Chb. VIII, 11).

Điêu Diêu : Tên thành, ở huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh.

Thị Cầu : Tên thành, ở huyện Vũ Giàng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Khưu Ôn : Tên thành. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chb. VII, 36).

Trần Lựu : Người Lam Sơn, thuộc Thuỵ Nguyên[3], sau được cho lấy theo họ Lê.

Vương dùng bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Vĩ, là những kẻ sĩ mới trúng tuyển, làm An phủ sứ và Viên ngoại lang[4]. Chb. **XIII**, 36

Bấy giờ Vương đóng ở hành doanh Bồ Đề, thi những kẻ sĩ văn học bằng đầu đề là làm bài văn yết bảng "hiểu dụ thành Đông Quan". Bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Vĩ 36 người được trúng tuyển. Bấy giờ những người được bổ dùng làm An phủ sứ ở các lộ và Viên ngoại lang ở lục bộ[5] đều là lớp người mới trúng tuyển này.

Lời chua – *Đào Công Soạn* : Người làng Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ[6].

Nguyễn Vĩ : Người làng Vĩnh Khang thuộc Nghệ An.

Dinh Bồ Đề : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 4).

---

(1) Cũng đọc : Kheo Ôn.

(2) Thuộc tỉnh Hải Dương.

(3) Thuộc tỉnh Thanh Hoá.

(4) Một chức quan ở hàm tòng lục phẩm không có chức năng cố định, được quyền tham dự bàn chính sự.

(5) Tức là Lại Bộ, Binh Bộ, Lễ Bộ, Công Bộ, Hộ Bộ và Hình Bộ.

(6) Nay là xã Thiện Phiến, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 14

Từ tháng giêng đến tháng 12, Đinh Mùi (1427), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 10, gồm một năm. Chb. **XIV**, 1

*

Năm Đinh Mùi (1427). (Bình Định vương năm thứ 10. Minh, năm Tuyên Đức thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Bình Định vương đóng quân ở bên sông Nhị Hà, phân phái các tướng tiến sát đến thành Đông Quan để đánh thành này.

Vương tiến quân đóng ở bờ bên bắc sông Nhị Hà : đồn luỹ đối ngang với thành Đông Quan. Vương sai bọn Trịnh Khả đóng quân ở phía cửa Đông, Đinh Lễ đóng quân ở phía cửa Nam, bọn Lê Cực đóng quân ở phía cửa Tây, Lý Triện đóng quân ở phía cửa Bắc : tất cả đều bao vây nhằm đánh thành Đông Quan. Vương lại sai đóng chiến thuyền, tập thuỷ chiến, điểm duyệt võ khí, bổ sung quân đội, chế thứ xe đánh thành.

Lời chua – *Nhị Hà* : Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Đông Quan : Tức Đông Đô. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 29)

Vương sai tu bổ đền thờ Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn. Chb. **XIV**, 2

Quốc Tuấn là danh tướng đời Trần. Khoảng niên hiệu Trùng Hưng (1285 – 1292), ông có công to nhất trong việc đánh đuổi quân Nguyên. Khi ông mất, người ta lập đền thờ ở núi Vạn Kiếp[1]. Đền này vẫn có tiếng là thiêng lạ. Bình Định vương sai Dương Thái Nhất sửa lại đền, cấm không được đẵn phạt cây cối ở đền. Rồi Vương lại hạ lệnh cho các lộ theo đúng lễ nghi thờ cúng đền từ các công thần các đời trước.

Lời chua – *Núi Vạn Kiếp* : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 31).

Vương hạ lệnh cho dò hỏi tìm kiếm những người có tài trí, mưu lược và dũng cảm có thể làm được tư mã, thượng tướng.

Bây giờ thành Đông Quan chưa hạ được, đang cần dùng nhân tài giúp việc bày mưu lập kế, nên Vương ra lệnh cho các tướng hiệu và quan các lộ ai nấy đều được tiến cử một người.

Vương ra lệnh cho dân nộp thóc vào nhà nước, rồi ban cho tước phong có thứ bậc khác nhau.

Vương cho nhân dân các lộ được nộp thóc để cung cấp lương thực cho quân đội, rồi được phong tước có thứ bậc khác nhau.

Bọn Thái Phúc và Tiết Tụ, thủ tướng[2] Minh ở thành Nghệ An và thành Diễn Châu, đều đầu hàng.

Sau khi hai thành Nghệ An và Diễn Châu đã bị hạ, tình thế người Minh ngày càng cô lập.

Lời chua – *Nghệ An* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21–23).

Diễn Châu : Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

---

(1) Tục gọi đền Kiếp hoặc đền Kiếp Bạc.

(2) Viên tướng trấn giữ một địa điểm quân sự. Các chỗ khác trong *Chính biên* quyển thứ 14 này hễ chép là "thủ tướng" đều là cùng một nghĩa này cả.

Vương sai Hà Vượng, bá hộ Minh, đi dụ hàng Vương Thông.

Thông đóng chặt cửa thành, liều chết cố giữ. Bấy giờ nhân Hà Vượng đầu hàng quân ta, Bình Định vương sai Vượng đem thư vào thành Đông Quan chiêu dụ Thông.

Vương dùng Nguyễn Trãi làm Lại Bộ thượng thư nhập nội hành khiển kiêm giữ công việc viện Khu mật. Chb. XIV, 3

Trước kia, Vương đóng ở Lỗi Giang, Nguyễn Trãi, "tay cầm roi ngựa"[1], đến yết kiến Vương, dâng sách lược dẹp giặc Ngô, được Vương khen và tiếp nhận, phong làm Tuyên phụng đại phu hàn lâm thừa chỉ, tham dự bàn mưu ở nơi màn trướng. Phàm những lời Trãi bàn nói đều được Vương nghe theo. Đến đây, Vương dùng Trãi làm thượng thư nhập tướng[2].

Trãi có tài kinh bang tế thế. Bấy giờ Vương làm cái chòi trong doanh trại Bồ Đề ở bên sông Nhị Hà, ngày ngày lên chòi ngó xem động tĩnh của địch ở trong thành Đông Quan. Vương cho Trãi ngồi hầu ở tầng chòi thứ hai, vâng lĩnh ý chỉ, thảo các thư trát qua lại giao thiệp với người Minh.

Bức thư gửi cho Vương Thông[3], đại lược nói : "Tôi nghe : Kẻ lấy thành thực mà làm cảm phục người ta thì người ta tất cũng lấy thành thực mà cảm phục lại. Cái đạo thành thực rất mực còn có thể làm cảm động được trời đất và quỷ thần,

---

(1) Nguyên văn là "trượng sách", lấy điển trong *Hậu Hán thư*, Đặng Vũ nghe biết Hán Quang Vũ đã thu phục được Hà Bắc, bèn *cầm roi ngựa* đến cửa trại quân, khuyên Quang Vũ nên mời đón các bậc anh hùng ra giúp việc. Đây chỉ có ý nói Nguyễn Trãi từ xa tìm đến Lỗi Giang, bày kế cứu nước, chứ thực tế chưa chắc bấy giờ Nguyễn Trãi có đi ngựa và cầm roi ngựa hay không.

(2) Vào làm tể tướng, tức là nhập nội hành khiển.

(3) Bức thư này cũng như hai bức thư sau, nguyên văn đều bằng chữ Hán, chúng tôi cứ theo bản *Cương mục* đã trích lược mà dịch ra ; nếu muốn biết toàn văn thì xem *Ức Trai di tập* quyển IV (phần *Quân Trung từ mệnh*).

huống chi là người ta ! Nay đại nhân[1] vâng theo chiếu chỉ, cầm binh quyền ở ngoài cửa ải[2], đáng lý nên đối đãi người ta bằng thành thực mới phải ; vậy mà lại đi ôm ấp dối trá, lừa gạt người ta, rồi tự cho mình là cao, thì đức tin thực ở đâu nhỉ ?...

"Nếu đại nhân nói lời mà giữ lấy lời, cho rút quân để làm trọn tình giao hảo trước đây, thì tôi cũng sẽ trả đủ tất cả số người ở các thành đã đầu hàng và các binh sĩ đã bị bắt làm tù binh. Nếu không thế thì xin đại nhân cứ đem những binh sĩ ở các thành đang ngậm hờn nuốt giận [vì bị đánh lừa không được cho về] kia mà quần nhau với ba mươi vạn quân thân tín của tôi ở dưới thành Đông Quan, bấy giờ sẽ xem đại nhân truyền bảo đối xử ra sao nhỉ !"

Bức thư dụ các thổ quan[3] ở thành Điêu Diêu, đại lược nói : "Các khanh là người Giao Việt, cùng nòi cùng giống nhà ta. Mới đây, vì họ Hồ[4] thất đức, người Minh lăng loàn, cho nên các khanh hoặc sa chân vào triều đình giặc, hoặc mắc danh vào chức nguỵ quan : đó là bất đắc dĩ, chứ có phải là bản tâm đâu. Nếu biết bỏ tà quy chính thì chẳng những ta để cho các khanh rửa được điều hổ thẹn trước, mà các khanh lại còn được đội ơn ưu đãi lục dụng là khác nữa"[5]. Chb. **XIV**, 4

Bức thư dụ các tướng hiệu ở Giang Bắc thế này : "Nước An Nam ta tuy xa ở ngoài Ngũ Lĩnh, nhưng vẫn có tiếng là một nước *Thi, Thư*[6]. Những bậc có tài trí, có kiến thức, có mưu mô, đời nào cũng chẳng thiếu gì người.

---

(1) Chỉ Vương Thông.

(2) Nguyên văn là "xuất khổn". Ý nói được cử làm tướng ở ngoài, cầm nắm toàn quyền về quân sự.

(3) Người bản quốc theo giặc Minh để làm quan.

(4) Chỉ cha con Hồ Quý Ly.

(5) Toàn văn bằng chữ Hán có in trong *Ức Trai di tập* quyển IV, tờ 24.

(6) Ý nói là một nước có văn hoá tốt đẹp, đã từng thông hiểu kinh *Thi*, kinh *Thư* của nhà Nho.

"Trước đây, quan tổng binh Thành Sơn hầu[1], từ sau trận thua cay ở Ninh Kiều, có sai người đưa thư ước hẹn xin hoà. Nay lại đắp thêm rào luỹ, sửa sang khí giới, tự cho thế là chước giỏi mưu tài ! Bội ước thất tín đến thế là cùng ! Vậy tính chước cho các người bây giờ : chi bằng kéo ra khỏi thành, nhất quyết cùng toán quân của Thái đô đốc (Thái Phúc) rút lui về nước để cứu cho vài nghìn người trong thành được bảo toàn tính mạng. Nếu không chỉ trong khoảng nay mai, các người sẽ biết nhau thôi. Các ngươi nên nghĩ kỹ, đừng để sau phải ăn năn"[2].

Từ lệnh của Nguyễn Trãi đại loại là như vậy.

Lời chua – *Lỗi Giang* : Xem Trần đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 17–18).

Dinh Bồ Đề : Theo *Bắc Ninh tỉnh chí*, dinh cũ Bồ Đề ở thôn Phú Hựu, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, trong thôn ấy có hai cây bồ đề, nên gọi tên như vậy.

Điêu Diêu[3] : Tên thành. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 35). Chb. **XIV**, 5

Nhập nội thiếu bảo Trần Lựu đánh thành Khưu Ôn. Tôn Tụ thủ tướng nhà Minh, lẩn trốn.

Bọn Lựu ngày đêm đánh gấp thành Khưu Ôn. Người Minh liệu không thể chống nổi, bỏ thành, đương đêm, lẩn trốn.

Lời chua – *Khưu Ôn* : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chb. VII, 36). *Minh sử thông giám ký sự* chép : "Lê Lợi đánh Khưu Ôn, đô chỉ huy Tôn Tụ chống giữ".

Vượng sai tư mã Cao Ngự đánh thành Cổ Lộng.

Người Minh đóng chặt cửa thành, liều chết cố giữ Cổ Lộng ; quân ta bao vây, đánh mãi không hạ được.

---

(1) Chỉ Vương Thông.

(2) Toàn văn bằng chữ Hán có in trong *Ức Trai di tập* quyển IV, tờ 24b–26a.

(3) *Cương mục* in là "Đao doanh".

Lời chua – *Thành Cổ Lộng* : Xem Trần đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 2 (Chb. XII, 28).

Bọn Trương Lân, thủ tướng Minh ở thành Điêu Diêu, đầu hàng.

Trước kia, Lê Quốc Hưng đánh thành Điêu Diêu, đến đây thành này phải đầu hàng.

Vương hạ lệnh trao quan tước cho các thổ tù ở miền ven biên giới.

Trước kia, Vương đến Đông Đô, các thổ tù ở miền ven biên giới đều xúm xít theo đến cửa quân ; đến đây, Vương sai trao cho họ các chức đoàn luyện, thủ ngự và ban cho tước phong.

Lời chua – *Đoàn luyện, thủ ngự* : Đều là chức quan. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 33).

Tháng 2. Phương Chính nhà Minh đánh úp huyện Từ Liêm : thái uý Lý Triện tử trận. Chb. **XIV**, 6

Các tướng Lý Triện, Đỗ Bí đóng quân ở huyện Từ Liêm, bị Phương Chính bí mật ra quân đánh úp. Triện cố sức chiến đấu, chết tại trận ; Bí bị bắt, kịp khi việc giảng hoà đã xong, được người Minh lấy lễ độ mời về.

Lời chua – *Từ Liêm* : Tên huyện. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 31).

Chiêm Thành đến tiến cống.

Chiêm Thành sai sứ đến cống các sản vật địa phương. Bình Định vương thết yến sứ giả, lại ban cho ngựa và lụa rồi cho về. Để đáp lễ lại, Vương sai Hà Lật, Thiêm tri Khu mật viện, sang thăm Chiêm Thành.

Lời chua – *Chiêm Thành* : Nước Lâm Ấp xưa. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20–21).

Đường Bảo Trinh, Thủ tướng Minh ở thành Thị Cầu, đầu hàng.

Trước kia, Vương vời Lê Chích ở Nghệ An ra, cho làm tổng tri Hồng Châu và Tân Hưng lộ, dồn lực lượng đánh Thị Cầu ; đến đây, thành này đầu hàng.

Bấy giờ tướng tá nhà Minh đầu hàng ngày một đông. Vương sai phân tán chúng ra, cho ở tại Lam Sơn, Thanh Hoá, Tân Bình, và Nghệ An.

Lời chua – *Thành Thị Cầu* : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII. 35).

Hồng Châu : Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14). Chb. **XIV**, 7

Thanh Hoá : Châu Ái xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Lam Sơn : Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

Tân Bình : Tức là Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Vương sai tu bổ lăng miếu đế vương các triều đại trước.

Trong số lăng miếu đế vương các triều đại trước, cái nào bị phá huỷ vì nạn binh lửa thì Vương sai tu sửa lại, tuỳ từng lăng miếu mà cấp cho số phu phục dịch về việc thờ cúng có khác nhau.

Tháng 3. Vương duyệt binh ở huyện Vĩnh Động ; chém Nguyễn Liên để rao trong quân.

Khí giới và hàng ngũ của toán quân do chánh đốc Nguyễn Liên cai quản phần nhiều không chỉnh tề, Vương sai chém Liên đem rao trong quân để làm gương răn kẻ khác.

Lời chua – *Vĩnh Động* : Tên huyện, nay là Kim Động thuộc tỉnh Hưng Yên.

Chánh đốc : theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, quan võ đời Lê có chức chánh đốc, phẩm trật ở dưới chức đốc quản.

Dùng Bùi Ư Đài làm Lễ Bộ thượng thư[1] kiêm trông coi sổ sách quân và dân ở Đông Đạo.

Lưu Thanh, thủ tướng Minh ở thành Tam Giang, đầu hàng.

Vương chia sai các tướng Trịnh Khả đi đánh các thành. Người Minh ban đầu còn đóng chặt cửa thành, đợi quân cứu viện ; về sau, bị quân ta bao vây đánh phá, lâu dần chúng càng cùng quẫn kiệt quệ. Các thành Nghệ An, Diễn Châu, Thị Cầu và Điêu Diêu đều lần lượt đầu hàng. Chb. **XIV**, 8

Vương sai Nguyễn Trãi đem theo viên chỉ huy họ Tăng, là người Minh đã đầu hàng ta, đến dụ thành Tam Giang : thành này đầu hàng.

Trước kia, khi Vương còn ở Thanh Hoá, người bản thổ thành Tam Giang thèo quân Minh, bị điều động đi trận, khi thua rút về, có kẻ nói ra những lời láo xược phạm thượng, Lưu Thanh bèn mắng ngay rằng : "Quân mán xá này vô lễ ! Người[2] là vua của các nị đấy !" Đến đây, Lưu Thanh đầu hàng. Sau đó ít lâu, nhiều người ở các thành khác đã hàng vì âm mưu làm phản đều bị giết cả, riêng có thành Tam Giang này không dính líu gì đến việc làm phản ấy.

Lời chua – *Tam Giang* : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 29).

Tăng : *Sử cũ* không chép tên.

Các nị : Chúng mày.

Tư không Đinh Lễ và Thượng tướng quân Lê Xí đánh nhau với người Minh ở Mi Động : bị thua, Lễ tử tiết.

---

(1) Bộ Lễ trông coi việc thi cử, lễ nghi, điển chương, tiệc yến, ấn phù, Thượng thư là quan đứng đầu một bộ, hàm tòng nhị phẩm.

(2) Chỉ Bình Định vương Lê Lợi.

Vương Thông đem quân tinh nhuệ trong thành lén đánh Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Bình Định vương sai các tướng Lễ và Xí đi cứu. Khi đến Mi Động, Thông thấy bọn Lễ ít quân, bèn chia binh đánh kẹp lại. Bọn Lễ thống lĩnh hơn năm trăm quân Thiết Đột, cố sức chiến đấu : voi bị sa lầy, Lễ và Xí đều bị bắt về thành Đông Quan. Đinh Lễ không chịu khuất phục, bị giặc giết chết. Còn Xí, nhân một đêm mưa gió, dùng mẹo trốn thoát được. Chb. XIV, 9

Vương cho rằng các tướng Đinh Lễ và Lý Triện[1] đều có công lớn, chết vì việc nước, bèn phong em Lễ là Đinh Liệt làm nhập nội thiếu uý, phong cha của Triện là Lý Ba Lao làm quan sát sứ và cấp cho hơn một trăm mẫu ruộng, con của Triện là Lăng làm phòng ngự sứ.

Lời chua – *Mi động* : Tên xã. Nay là Hoàng Mai thuộc huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội[2].

Tây Phù Liệt : Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 30).

Lý Ba Lao, Lý Lăng : Đều là người làng Bái Đô, huyện Lôi Dương[3], sau được cho lấy theo họ Lê.

Nhà Minh sai các tướng chia đường sang cứu thành Đông Quan.

Trước kia, chiến dịch Tốt Động, Trần Hiệp thua trận, bị chết ; Vương Thông xin với nhà Minh cho thêm quân. Vua Minh được tin, vô cùng sợ hãi, bèn sai :

Tổng binh chinh lỗ phó tướng quân thái tử thái phó An Viễn hầu là Liễu Thăng, tham tướng Bảo Định bá là Lương Minh, đô

(1) Lý Triện hy sinh ở trận Từ Liêm (Chb. XIV, 6).

(2) Hoàng Mai nay thuộc phường Hoàng Văn Thụ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

(3) Huyện Lôi Dương nay không còn : Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc huyện Thọ Xuân và huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hoá.

đốc là Thôi Tụ, Binh bộ thượng thư là Lý Khánh, Công bộ thượng thư là Hoàng Phúc và hữu bố chính sứ là Nguyễn Đức Huân[1] thống lĩnh mười vạn quân, hai vạn ngựa, do đường Quảng Tây tiến đánh cửa ải Pha Luỹ[2] ; Chb. **XIV**, 10

Chinh nam tướng quân thái phó Kiềm quốc công là Mộc Thạnh, tham tướng Hưng An bá là Từ Hanh và Tân Ninh bá là Đàm Trung, do đường Vân Nam, tiến đánh cửa ải Lê Hoa[3].

Lời chua – *Quảng Tây, Vân Nam* : Đều là tên hai tỉnh ở đời Minh[4]. Theo sách *Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm* của nhà Thanh, thì vua Minh khi được tin Vương Thông thất bại, sợ hãi quá chừng, bèn sai Liễu Thăng làm Tổng binh quan, Bảo Định bá Lương Minh làm chức phó, đô đốc Thôi Tụ làm tham tướng, thượng thư Lý Khánh làm tham tán quân vụ. Tất cả đều do đường Quảng Tây kéo quân sang đánh. Vua Minh lại sai Mộc Thạnh, Hưng An bá Từ Hanh và Tân Minh bá Đàm Trung do đường Vân Nam tiến quân sang. Lại sắc sai Vương Thông phải cố giữ lấy thành để đợi quân cứu viện. Vua Minh lại cho Hoàng Phúc vẫn cứ kiêm giữ công việc hai ty Bố chính và Án sát ở Giao Chỉ, cùng với bọn Thăng cùng đi sang.

Cửa ải Pha Luỹ : Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb. XII, 14).

Cửa ải Lê Hoa : Theo *Tuyên Quang tỉnh chí*, tương truyền rằng, xưa kia, Lê Hoa thuộc tỉnh Tuyên Quang, về sau bị lấn mất vào Mông Tự thuộc Vân Nam. Vậy chưa biết có đúng không[5].

---

(1) *Sử ký* chép Nguyễn Đức Huân là thổ quan hữu bố chính sứ (quyển X, tờ 48a) ; như vậy tên Huân này là người bản quốc, làm quan với nhà Minh, lên đến chức hữu bố chính sứ.

(2) Xem "Lời chua" ở sau của *Cương mục*.

(3) Xem "Lời chua" của *Cương mục* và chú giải của dịch giả ở sau.

(4) Ngày nay Trung Quốc vẫn để tên hai tỉnh này như trước.

(5) Theo *Sử ký* X, 48a, thì cửa ải Lê Hoa thuộc Tuyên Quang. Như vậy tức là thuộc tỉnh Lào Cai ngày nay, vì hồi bấy giờ địa bàn Tuyên Quang gồm cả Lào Cai.

Vương sai các lộ tiến cử những người hiền lương, chân chính, trí dũng và hào kiệt, vời đến xét hỏi mà liệu cất nhắc bổ dùng. Quan ở lộ nào hễ che giấu người hiền thì sẽ bị luận vào tội mà giáng chức truất quyền. Vương ra lời dụ về việc này rằng : "Ta không có tài trí gì khác đâu, vậy mà phải gánh vác trách nhiệm nặng nề này e không kham nổi, cho nên sẵn sàng khiêm tốn cầu hiền cùng lo mưu toan việc lớn để cứu vớt nhân dân. Vậy hễ thấy có những người hiền lương, chân chính, trí dũng siêu quần thì cho phép mọi người được làm việc tiến cử hoặc chính người hiền ấy được tự tiến lấy[1], ta tất sẽ ban cho quan to và tước lớn". Chb. **XIV**, 11

Vương lại dụ bảo các hào kiệt trong nước rằng : "Các thành đã thu phục được rồi, riêng còn thành Đông Quan vẫn chưa hạ được ; ngày đêm ta những sốt ruột nóng lòng, vì rằng chưa tìm được người giúp ở tả hữu, chưa đặt được Tướng quốc, Thái phó và Thái bảo, mà Thái uý và đô nguyên suý thì cũng còn khuyết. Vậy nên ta vẫn hạ mình khiêm tốn, mở rộng lòng thành thực, rắp mong các bậc hào kiệt đồng lòng hợp sức cứu giúp nhân dân, chứ đừng giấu tài ẩn tích, khiến cho thiên hạ phải sa mãi vào cảnh lầm than cực khổ. Có ai nếu cao thượng như Tứ hạo[2] và ở ẩn hợp với chính đạo như Nghiêm Tử Lăng[3], hãy cứ cố gắng trỗi dậy, trừ hại cho dân ; sau khi thành công, muốn về ở ẩn trong rừng núi cho thoả chí vẫn ôm ấp thì ta cũng không ngăn cấm nào".

---

(1) Cũng như ngày nay nói "tự giới thiệu" hoặc "xung phong".

(2) Cũng gọi Thương Sơn Tứ hạo, bốn nhà ẩn sĩ hồi đầu đời Hán : Đông viên công, Ỷ lý quý, Hạ hoàng công và Lộc lý tiên sinh.

(3) Tên tự của Nghiêm Quang, người Dư Diêu đời Đông Hán, thuở nhỏ cùng học với Hán Quang Vũ (25-57). Khi Quang Vũ lên làm vua, Tử Lăng đổi họ, thay tên, đi ẩn, không chịu gặp mặt nhà vua. Sau bị Quang Vũ lùng tìm được bổ làm quan, nhưng Tử Lăng nhất định không chịu nhận, cứ cày ruộng ở núi Phú Xuân.

Lời phê – *Làm được nên việc, là vì thế đó*[1].

Vương dụ bảo các quản quân quan[2] chớ có tự tiện giết người.

Vương dụ bảo các thiếu uý và chấp lệnh : đối với quân nhân can phạm luật trong lúc thường, không được tự tiện chuyên quyền mà giết chết, chỉ trừ khi kẻ nào ra trận mà trái lệnh, thì được phép xử trí bằng quân pháp[3].

Lời chua – *Thiếu uý, chấp lệnh* : Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì trong các chức quan cầm quân của đương thời có thiếu uý, phẩm trật ở dưới đại tư mã, và có chấp lệnh, phẩm trật ở dưới chánh đốc.

Chb. **XIV**, 12

Vương ra chỉ dụ cấm tà đạo.

Cấm những kẻ vu cổ[4], tà đạo[5] mượn tiếng tà thần, tung ra những lời nhảm nhí để làm dao động mê hoặc người ta.

Vương ra chỉ dụ cho những người xiêu dạt lưu ly ai nấy lại về quê cũ.

Bấy giờ nhân dân gặp loạn, xiêu dạt tan tác. Vương hạ lệnh cho tất cả đều về quê cũ làm ăn cho khỏi thất nghiệp.

Tháng 4, mùa hạ. Vương ra chỉ dụ cho tu sửa cửa ải Lê Hoa.

---

(1) Ý nói Bình Định vương sở dĩ thành công trong việc bình Ngô là vì biết khiêm tốn cầu hiền.

(2) Các tướng cai quản quân đội như Thiếu uý và Chấp lệnh... ở đương thời.

(3) Pháp luật nhà binh. Ý nói khi hành quân, kẻ nào không tuân theo mệnh lệnh cấp chỉ huy thì tất phải chết.

(4) Hạng bà đồng, bà cốt làm tà thuật để nguyền rủa người ta. Đây nói chung những kẻ đồng cốt phao tin nhảm hoặc tung ra những lời mê tín có nguy hại đến công cuộc kháng chiến và kiến quốc ở đương thời.

(5) Đây chỉ những kẻ theo tà thuật dị đoan có những ngôn ngữ, hành động làm cho dân chúng hoang mang.

Sai Phòng ngự sứ Trần Ban tu sửa cửa ải này, là vì có đề phòng viện binh nhà Minh kéo sang.

Vương ban bố mười điều hiến chương trong quân cho các tướng sĩ.

Vương nhóm họp tất cả các tướng sĩ, ban bố cho biết mười điều hiến chương :

1 – Ở trong quân, làm huyên náo, không nghiêm túc ;

2 – Kinh sợ một cách hão huyền, làm hoang mang mọi người ;

3 – Khi ra trận, nghe trống hiệu thúc, thấy cờ hiệu phất, còn chần chờ không chịu tiến ;

4 – Thấy phất cờ ngừng quân, không chịu ngừng ;

5 – Nghe tiếng chiêng thu quân, không chịu lui ;

6 – Phòng thủ không cẩn mật, lạc lõng hàng ngũ, thoát ly ngôi vị ; Chb. **XIV**, 13

7 – Chỉ riêng bịn rịn vợ con, không làm quân dịch ;

8 – Bán đi hoặc buông thả quân lính, mập mờ che giấu sổ tên quân nhân ;

9 – Theo ý riêng yêu ghét của mình, làm mờ công lao hay tội lỗi của người khác ;

10 – Gian lậu, trộm cắp ;

Mười điều trên đây, kẻ nào vi phạm thì phải chết chém.

Vương dụ các tướng hiệu trong đội quân Thiết đột rằng "Đồng lòng liều mạng để phá giặc : đó là công sức của các ngươi. Còn như sắp xếp quy mô kế hoạch, lo liệu áo mặc, lương ăn, ban thưởng, ban tước thì ở cả một mình ta đây. Các ngươi nên một lòng một dạ đánh giặc, đừng ngại nhọc nhằn".

Lại dụ quân và dân rằng : "Giặc mạnh chưa trừ diệt hết, dân sinh chưa được thoả thuê, các ngươi có yên tâm không ?

Xưa kia, họ Hồ[1] lỗi đạo, người Minh thừa cơ kéo sang xâm lược, bắt dân ta phải chịu thuế nặng, sưu cao, hình phạt hà khắc. Các ngươi đều mắc vào vòng bạo ngược của chúng, nên mới cùng nhau đứng dậy, chống kẻ thù địch. Bây giờ công việc đã gần thành tựu, các ngươi nên cố gắng đắp tròn quả núi, đừng để thiếu một sọt đất mà núi phải dở dang ! Vả, chỉ phải dùng sức khó nhọc một năm mà được hưởng vui sướng thái bình muôn thuở. Các ngươi hãy cố gắng lên !"

Vương răn dạy các quan gồm có ba điều.

Lời chua – *Ba điều* : 1 – Chớ vô tình[2] ; 2 – Chớ khinh nhờn ; 3 – Chớ gian tham.

Tháng 5. Vương đặt luật lệnh trong quân.

Chb. **XIV**, 14

Ra lệnh cho các tướng hiệu : hễ nghe một tiếng pháo[3] nổ mà không có tiếng chiêng thì phải đến ngay để nghe mệnh lệnh. Khi nào có hai, ba tiếng pháo và hai ba tiếng chiêng nổi lên thì là có động gấp rút, bấy giờ chấp lệnh thì mau mau sắp xếp hàng ngũ cho chỉnh tề, thiếu uý thì tới quân doanh để nghe mệnh lệnh. Các quân khi đi trận, mà lùi chạy, hoặc bỏ không cứu quân đoạn hậu thì phải chém. Nhưng khi biết góp sức khiêng ra được bạn đồng ngũ không may chết trận thì được miễn tội chạy trốn ấy.

Vương hạ lệnh tuyển lấy những người tinh nhuệ và cường tráng để bổ sung vào hạng thân quân.

Bấy giờ sổ thị vệ thân quân chưa được bổ sung, Vương sai quan thiếu uý tuyển trong dân gian lấy những người thân thể tráng kiện, tinh thông võ nghệ, mỗi thiếu uý tuyển lấy hai trăm người để bổ sung vào.

---

(1) Chỉ cha con Hồ Quý Ly.

(2) Ý nói làm việc nhẫn tâm, không hợp tình hợp lý.

(3) Pháo, theo nghĩa cổ, là một thứ chiến cụ của người xưa : cái "máy" bắn đá. Đây có thể là một thứ pháo ở đời Bình Định vương dùng để ra hiệu lệnh hoặc báo động...

Vương sắc sai miền Nam đạo thu nuôi những người đã đầu hàng.

Bấy giờ những người đã đầu hàng ở các thành cả nam lẫn nữ gồm hơn 6000 người. Vương sai các lộ Thiên Trường, Kiến Xương, Lỵ Nhân và Tân Hưng thu lấy mà nuôi dưỡng, đừng để cho họ long đong, không yên chỗ.

Đặt rõ thể lệ chuộc tội bằng tiền cho vợ con và gia quyến của nguỵ quan. Các người trong gia quyến và các nô tì của các nguỵ quan từ bố chính sứ ti xuống đến sinh viên đều được chuộc tiền có tầng bậc khác nhau.

Lời chua – *Nam đạo* : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 32).

Thiên Trường, Kiến Xương : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Lỵ Nhân : Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 1 (Chb. III, 3).

Tân Hưng : Xem Bình Định vương, năm thứ 9 (Chb XIII, 26). Chb. **XIV**, 15

Thể lệ chuộc tội bằng tiền : Vợ con của gia quyến của bố chính sứ ti : 70 quan ; vợ con gia quyến của sinh viên hoặc thổ quan : 10 quan ; còn các nô tì cả trai lẫn gái : 5 quan.

Thổ tù ở Mộc Châu là Xa Khả Sâm[1] đem quân lính ở bản châu đến quy phụ, được phong làm nhập nội tư không và cho lấy theo họ Lê.

Xa Khả Sâm, thổ tù Mộc Châu thuộc Gia Hưng, đem quân lính trong châu đến quy phụ. Vương hạ chiếu phong làm nhập nội tư không tri Đà Giang trấn thượng bạn, cho các con của Sâm là bọn Lộc, Khát, Bàn, Điểm đều làm đại tướng quân, cho được đổi theo họ Lê.

Lời chua – *Xa Khả Sâm* : Theo *Hưng Hoá lục* của Hoàng Trọng Chính[2], thì tiên tổ Xa Khả Sâm là con thứ vua Mang Chân nước Ai

(1) Cũng có âm là Tham.

(2) Xem chú giải số 3 ở Chb. III, 27.

Lao. Vua Mang Chân yêu người con ấy, ban cho Mộc Châu làm thái ấp. Từ đó, đời này qua đời khác, họ Xa làm chức phụ đạo ở Mộc Châu[1].

Mộc Châu : Nay thuộc tỉnh Hưng Hoá.

Đà Giang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 27).

Tháng 6. Trấn Viễn hầu nhà Minh là Cố Hưng Tổ xâm phạm cửa ải Pha Luỹ. Tướng trấn giữ của ta là Trần Lựu đón đánh : địch phải chạy.

Nhà Minh sai Trấn Viễn hầu Cố Hưng Tổ, tổng binh Quảng Tây, đem năm vạn quân, năm nghìn ngựa, sang cứu Đông Đô. Khi đến cửa ải Pha Luỹ, bị các chủ tướng của ta là Trần Lựu và Lê Bôi đón đánh : giặc phải bỏ chạy. Chb. XIV, 16

Tháng 7, mùa thu. Vương ra chỉ dụ cho làm hộ tịch.

Vương sai các lộ cứ chiếu theo số người "kiến tại"[2], làm sổ hộ tịch. Từ đó về sau, ba năm lại một lần làm sổ hộ tịch. Đó là vẫn theo chế độ nhà Trần.

Lời chua – *Hộ tịch* : Theo *Lữ trung tạp thuyết*[3] của Bùi Bích[4], thì đầu đời Lê[5] vẫn theo lối cũ của nhà Trần, cứ ba năm lại một lần làm sổ hộ tịch ; xuống đến hồi Trung Hưng (1593 – 1789), phép làm hộ tịch này cũng không thay đổi, gọi là "kế tu"[6].

Tháng 9. Các tướng Trần Hãn và Lê Sát đánh thành Xương Giang : hạ được.

---

(1) Nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

(2) Theo sự cư trú ở đâu thì kể là người ở đó, chứ không căn cứ vào nguyên quán.

(3) Sách gồm hai quyển, tựa của tác giả viết năm 1789.

(4) Tức Bùi Huy Bích (1744 – 1818), tự Hi Chương, hiệu Tồn Am hoặc Tồn Ông, người xã Định Công, huyện Thanh Trì Hà Nội ngày nay, cư trú tại xã Thịnh Liệt (Sét) thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, đỗ nhị giáp tiến sĩ (1769), làm quan với Lê đến chức đốc đồng, tước Kế liệt hầu. Tác phẩm có *Lữ trung tạp thuyết, Tồn Am văn tập, Nghệ An thi tập*. Ngoài ra Tồn Am còn sưu tập được các thơ văn chữ Hán của thi nhân và văn gia Việt Nam qua các thời đại mà soạn thành hai tập là *Hoàng Việt thi tuyển* và *Hoàng Việt văn tuyển*.

(5) Nguyên văn là "quốc sơ", vì Bùi Huy Bích nhận mình là bầy tôi nhà Lê, nên gọi triều Lê là "quốc" (nước)."

(6) Nối tiếp mà tu sửa lại.

Xương Giang là đường lối quân Minh tất phải qua lại. Bọn chỉ huy Minh là Kim Dận và Lý Nhâm (Nhậm) bị vây hàng hơn sáu tháng, liều chết cố giữ để đợi viện binh ; quan quân không hạ được. Đến đây, các tướng Trần Hãn khoét đất thành đường hầm đi xuyên vào thành, đánh kẹp lại, mới phá được thành này. Bọn Kim Dận đều bị chết.

Lời chua – *Thành Xương Giang* : Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 12).

Chb. **XIV**, 17

Vương sai Chủ thư thị sử Trần Hổ đi tuyên dụ vỗ về châu Ninh Viễn : hạ được châu này. Thổ tù ở Ninh Viễn là Đèo Cát Hãn đem quân lính trong châu đến quy phụ.

Trước kia, Cát Hãn đi với Minh, lâu mãi không quy thuận. Vương sai Trần Hổ đi chiêu dụ : Cát Hãn bèn đem quân và voi đến theo Vương. Vương cho hắn lại vẫn cai quản công việc trong châu.

Lời chua – *Ninh Viễn :* Tên châu xưa, sau đổi làm Phục Lễ, nay là Lai Châu thuộc tỉnh Hưng Hoá[1].

Đèo Cát Hãn : Theo *Hưng Hoá lục* của Hoàng Trọng Chính, họ Đèo đời này qua đời khác làm phụ đạo ở Lai Châu.

Vương sai các tướng Lê Sát và Trần Lựu đón đánh viện binh của Minh ở Chi Lăng, cả phá được quân địch, chém Tổng binh Liễu Thăng, bắt sống Đô đốc Thôi Tụ và thượng thư Hoàng Phúc. Đại tướng Minh, Mộc Thạnh, phải chạy trốn. Vương Thông bèn phải xin hoà. Tháng 11, mùa đông, Bình Định vương và Thông hội thề ở phía nam thành Đông Quan[2].

---

(1) Ngày nay là tỉnh Lai Châu.

(2) Cuộc hội minh này là một chiến thắng lịch sử vô cùng vẻ vang của Việt Nam, mà cũng là một lối "đầu hàng không điều kiện" vô cùng nhục nhã của quân Minh xâm lược. Vì rằng, theo lối chiến tranh thời xưa, khi giao chiến, một bên cố giữ thành, một bên hạ được thành, buộc chủ tướng đối phương phải ra hội thề ngay ở bên thành mà mình đã cố thủ, đó là một điều rất sỉ nhục theo quan niệm của các danh tướng xưa, nhất là những tướng ở thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Cho nên đối với những cuộc hội Minh ngay ở bên thành sau khi hai bên đã giao chiến, *thời Xuân Thu* cho là một việc rất đáng hổ thẹn.

Trước kia, các tướng sĩ ta được tin quân cứu viện của Minh sắp kéo sang, phần đông đều khuyên Vương nên đánh gấp Đông Đô để diệt địch ở trong làm nội ứng. Vương bảo rằng : "Đánh thành, là mưu thấp ; chi bằng nuôi sức quân tích luỹ lấy tinh thần sắc bén, đợi giặc đến, ta đánh phá ngay. Một khi viện binh đã bị tuyệt diệt thì thành Đông Đô tất phải đầu hàng. Đó là mưu chước vạn toàn : làm một việc mà được lợi cả hai".

Vương bèn sắp xếp việc phòng thủ một cách nghiêm mật, ra lệnh cho các lộ Lạng Giang, Bắc Giang, Tam Đái, Tuyên Quang và Quy Hoá làm cho đồng ruộng sạch quang[1] để tránh mũi dùi sắc bén của địch. Đến đây, hay tin bọn Thăng đã kéo nhau đến đầu biên giới. Vương nhóm họp các tướng, bàn rằng : "Quân địch cậy mạnh lấn yếu, ỷ đông hiếp phía ít người. Ý chúng chỉ cốt chạy theo mối lợi chứ không đoái nghĩ gì đến chuyện gì khác. Chúng đi gấp suốt ngày đêm từ hàng nghìn dặm sang đây để cứu viện. Thế là đúng như *Binh pháp* đã nói : "Quân đi hàng năm trăm dặm mà chỉ vội nhằm lấy lợi thì viên thượng tướng tất phải kiệt quệ !" Bây giờ thừa cơ chúng nó mới đến, người mệt, ngựa mỏi, chúng ta với các thế lấy sức thong thả chờ đợi quân giặc đang nhọc nhằn, đánh ngay cho đòn phủ đầu để làm bạt tinh thần của chúng thì không còn chệch đâu mà không thắng nữa". Chb. **XIV**, 18

Vương liền sai các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Linh[2], Đinh Liệt và Lê Thụ đem hơn một vạn quân và năm thớt voi trước đặt phục binh ở cửa ải Chi Lăng để đợi giặc. Lại sai Lê Lý và Lê Văn An lĩnh ba vạn quân, lục tục tiến lên.

---

(1) Nguyên văn là "thanh dã", có ý dọn sạch cả đồng nội, không để lại một tí thóc lúa hoa màu gì để giặc có thể lợi dụng làm lương thực được. Đó tức như lối "tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống" ở đời sau.

(2) Đây theo Cương mục viết "chấm thuỷ bên chữ lệnh" nên phiên âm là "Linh" còn *Sử ký* X, 49 in "chấm băng" bên chữ lệnh thì lại là "Lãnh".

Bấy giờ Trần Lựu phòng thủ cửa Pha Luỹ, thấy giặc đến, lui giữ cửa Ải Lưu. Giặc tràn đến, giành lấy Ải Lưu, Trần Lựu lại lui giữ cửa ải Chi Lăng. Phía trước cửa ải này cứ cách từng quãng lại có rào luỹ để chống giữ. Liễu Thăng thừa thắng đánh gấp, phá luôn được : tiến đến đâu cũng không còn ai dám chống cự nữa. Thăng rất đắc ý. Chb. **XIV**, 19

Vương sai người đem thư đến cửa quân của Thăng, cầu xin nhà Minh làm theo cái ý "tiếp nối cho dòng vua một họ đã bị tuyệt diệt" do Minh Thành Tổ (1403 -1424) đề xướng trước và cho lập Trần Cao làm chủ trong nước, bãi việc binh đao, khiến dẫn được yên nghỉ. Thăng nhận thư, không mở xem, liền cho chạy trạm đem về tâu với vua Minh, còn mình thì cứ kéo quân ruổi dài thẳng tiến. Khi Thăng đến chỗ còn cách Chi Lăng vài dặm, các tướng Lê Sát sai Trần Lựu ra đánh, giả cách thua chạy. Thăng hí hửng mừng, chính hắn cầm đầu hơn trăm quân kỵ[1] xông xáo lên trước, xa lìa toán quân hậu đội, rồi hắn, vì lầm lỡ, sa xuống lầy. Phục binh của ta thình lình nổi dậy : đánh cho quân địch phải thua xiểng liểng, chém Thăng ở sườn núi Đảo Mã và hơn vạn thủ cấp quân Minh.

Đạo quân của các tướng Lê Lý vừa vặn kéo đến, hội với đạo quân của các tướng Lê Sát. Bấy giờ quân phục lại trổ sức đánh khép lại : chém Lương Minh ở vòng trận và làm cho Lý Khánh phải tự vẫn chết. Thôi Tụ và Hoàng Phúc sắp xếp lại quân đội, rảo thẳng xuống Xương Giang. Các tướng Lê Sát đón đánh : phá được địch. Bọn Tụ thu lượm số quân còn sót, gượng gạo tiến lên. Kịp khi biết tin Xương Giang đã bị phá, chúng cả sợ, phải đắp luỹ đất ở ngoài đồng để tự vệ. Vương sai quân thuỷ và quân bộ bao vây chúng. Rồi ra lệnh cho Trần Hãn cắt đứt đường vận tải lương thực của địch, các tướng Phạm Vấn, Lê Khôi và Lê Xí thống lĩnh ba nghìn quân Thiết đột đi tiếp ứng. Mặt trận quân

(1) Quân cưỡi ngựa, vì đi nhanh hơn, nên đội quân sau (hậu đội) không theo kịp để liên lạc cứu ứng cho nhau.

Minh rối loạn. Quan quân chém hơn năm vạn thủ cấp địch, bắt sống bọn Tụ, Phúc và ba vạn quân Minh. Thôi Tụ không chịu khuất phục, Vương sai giết chết.

Bấy giờ Mộc Thạnh đang cầm cự với các tướng Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả ở cửa ải Lê Hoa. Vương liệu trước rằng Mộc Thạnh là tay lão luyện, tất còn phải nghe ngóng cánh quân Liễu Thăng được thua ra sao đã, chứ không chịu vội vã tiến quân một cách khinh thường. Vương bèn sai mật dặn các tướng Văn Xảo và Trịnh Khả đừng giao chiến với địch vội. Kịp khi Liễu Thăng thua trận, Vương sai đem những tì tướng nhà Minh đã bị bắt làm tù binh và những sắc thư, phù tín, ấn chương đã bắt được đưa đến chỗ quân Mộc Thạnh cho Thạnh biết. Thạnh quá kinh hãi. Quân Thạnh tự tan vỡ, lẩn chạy. Các tướng Trịnh Khả nhân đà đang sắc bén, tung quân ra đánh phá ; chém hơn vạn thủ cấp, bắt được hơn một nghìn quân địch và hơn một nghìn ngựa. Mộc Thạnh chỉ kịp một người một ngựa chạy thoát.

Chb. **XIV**, 20

Vương lại sai giải Hoàng Phúc đến thành Đông Quan và kèm theo chiếc song hổ phù[1] của Chinh lỗ phó tướng quân[2] với hai quả ấn bạc của chức Thượng thư[3]. Bọn Thông cả sợ, liền sai người đem thư đến xin hoà. Vương ưng thuận, bèn hội thề ở phía nam thành Đông Quan, hẹn đến tháng chạp[4] thì Thông rút hết quân về nước. Vương sai chạy thư đi các thành Tây Đô, Cổ Lộng[5] và Chí Linh truyền cho các tướng cởi vòng vây, kéo quân về.

---

(1) Binh phù để làm tin trong quân.

(2) Chức của Liễu Thăng.

(3) Vì trong toán viện binh bị bại vong của Minh có Lý Khánh là Binh Bộ thượng thư và Hoàng Phúc là Công Bộ thượng thư, sau khi Khánh chết và Phúc bị bắt, hai quả ấn bạc của chúng mới lọt vào tay quân ta.

(4) *Sử ký* X, 51 chép ngày 12, tháng 12 năm Đinh Mùi (1427) là ngày Thông rút quân về nước.

(5) Nay ở địa phận huyện Ý Yên, Nam Định (xem Chb. XII, 28).

Lời phê[1] – *Bình Định vương là bậc tài trí sáng suốt, lại giỏi dụng binh, các tướng chẳng ai sánh kịp. Vì thế cho nên chiến thắng được quân địch mạnh lớn, khai sáng được cơ nghiệp, dõi truyền được quốc thống : đáng lắm thay !*

Lời chua – *Cửa ải Chi Lăng* : Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb. I, 17).

Lạng Giang : Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31)

Bắc Giang : Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb XXI, 28).

Tam Đái : Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29 – 30).

Tuyên Quang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Quy Hoá : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 41).

Cửa ải Ải Lưu : Ở phía bắc tỉnh Lạng Sơn. Chb. **XIV**, 21 *Thông giám tập lãm* chép : "Liễu Thăng vâng mạng vua Minh, chờ đợi đã lâu để các quân tập hợp lại. Đến đây, Thăng mới trẩy đến cửa Ải Lưu. Lê Lợi đã có lời ước hẹn với Vương Thông từ trước, bấy giờ mới giả mạo làm bức thư của người trong nước nói họ Trần còn có con cháu, rồi sai bộ hạ đưa thư đến cửa quân của Thăng xin bãi binh, lập dòng dõi họ Trần. Thăng không mở thư xem, sai ngay sứ giả đem việc ấy tâu lên vua Minh, rồi vội vã tiến quân, phá luôn được vài mươi chặng quan ải, thẳng tiến đến cửa ải Trấn Di. Thăng tỏ ý rất khinh địch. Lang Trung Sử An và chủ sự Trần Dong e rằng phía địch[2] bề ngoài làm ra yếu kém để nhử quan

(1) Chỉ việc Bình Định vương chủ trương trước hãy tiêu diệt quân cứu viện thì tự khắc thành Đông Quan phải đầu hàng, chứ không nghe theo mưu kế của số đông tướng hiệu bàn đánh thành trước.

(2) Đây là lời của sử *Thông giám tập lãm* (1767, dưới triều Mãn Thanh), cũng như *Minh sử* và *Minh sử thông giám kỷ sự* dưới đây, đứng trên lập trường của phong kiến Minh và phong kiến Thanh mà chép về Việt Nam, nên gọi phía nghĩa quân Lam Sơn là "địch", kêu tướng và quân của tập đoàn phong kiến Minh là "quan quân".

quân[1], vội nói với Lý Khánh khuyên Thăng nên thận trọng, đừng có khinh xuất tiến quân. Bây giờ Lý Khánh và Lương Minh đang ốm nặng, gượng bệnh trở dậy, đi khuyên bảo Thăng ; còn đô sự Phan Nhân thì nhắc lại trận thua ở Ninh Kiều[2] để răn bảo Thăng. Thăng không để ý đến những lời can ngăn ấy, xông xáo ngay đến sườn núi Đảo Mã, cùng với hơn một trăm quân kỵ giong ruổi lên trước, định vượt qua cầu : cầu hỏng ! Cánh quân hậu đội không tiến lên được. Thăng sa lầy. Quân phục nổi dậy : Thăng bị trúng lao[3] chết. Những kẻ tuỳ tùng đều bị chết sạch. Buổi tối hôm ấy Lương Minh chết. Qua hôm sau Khánh cũng chết. Thôi Tụ sắp quân tề chỉnh, kéo xuống Xương Giang. Gặp địch, bọn Tụ liều chết cố chiến đấu. Địch lùa voi trận ùa ạt đến : mặt trận [của quân Minh] rối loạn,
Tụ bị bắt. Địch dụ hàng, Tụ không chịu khuất phục, Chb. **XIV**, 22
bèn bị giết[4].

An Nam truyện trong Minh sử chép : "Mộc Thạnh kéo quân đến Thuỷ Vĩ[5], làm thuyền bè, sửa soạn để chực tiến quân. Được tin Thông đã nghị hoà, Thạnh cũng rút lui. Địch thừa thắng đổ ra đánh : Thạnh thua to.

Minh sử thông giám kỷ sự chép : "Thôi Tụ thống suất quan quân tiến đánh Xương Giang, gặp địch, bọn Tụ hăng hái liều chết cố đánh. Tụ là viên tướng kỳ cựu, nhưng vì trong lúc bối rối, nguyên suý[6] mới bị tử trận, quan lại và quân sĩ nao núng, nhộn nhạo, nên khi bị địch lùa voi ra đánh thì quan quân đổ vỡ tan tành : Tụ bị bắt. Công bộ thượng thư Hoàng Phúc bị địch bắt làm tù binh".

Sườn núi Đảo Mã : Có tên nữa là núi Mã Yên, ở xã Mai Sao[7], châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

Tây Đô : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

---

(1) Xem chú giải (2), trang 797.

(2) Xem Chb. XIII, 24 – 25.

(3) Nguyên văn là "phiêu", một thứ binh khí xưa, hình giống đầu cái mâu, có cán dài bằng tre hoặc gỗ, cuối cán có vòng và dây để người cầm lao khi phóng xong thì giật lại. Người sử dụng lao có thể từ xa mà phóng để giết chết địch.

(4) Xem "Lời phê" của Tự Đức ở dưới.

(5) Nay thuộc tỉnh Lào Cai.

(6) Chỉ Liễu Thăng.

(7) *Sao*, cũng có âm là "tiêu".

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Lời phê[1] – *Sử* Tập lãm *thì thiên vị nước mình, sử đời Lê thì thiên vị vua mình, cho nên trong sự ghi chép, đằng thì kiêng nể giấu giếm, đằng thì văn sức khoe khoang, cả hai đều không đủ tin.*

Vương sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, Vương lập Trần Cao làm chúa, có sai người đem tờ biểu, do Cao đứng tên, sang Minh cầu phong, nhưng nhà Minh không trả lời. Đến đây để giảng hoà với nhà Minh, Vương mới dùng bọn Hàn lâm đãi chế Lê Thiếu Dĩnh và chủ thư sứ Lê Cảnh Quang đều làm Thẩm hình viện sứ, và bọn Quốc tử bác sĩ Lê Đức Huy làm Thẩm hình viện phó sứ, đem tờ biểu và sản vật địa phương cùng với một số văn quan, võ chức do Vương Thông sai đi cùng sang Yên Kinh. Đồng thời lại đưa trả nhà Minh chiếc song hổ phù của chinh lỗ phó tướng quân, hai quả ấn bạc của chức thượng thư và số quan, quân, người, ngựa nhà Minh đã bị bắt, bị tước, làm thành văn bản danh sách đưa sang tâu trình. Bài biểu ấy[2] đại lược nói :

"Thái tổ Cao hoàng đế[3] khi mới lên ngôi, tổ tiên của thần là Nhật Khuê[4] trước tiên dâng lễ triều cống, được ơn đặc biệt khen thưởng và ban cho tước vương[5]. Từ đó, đời đời giữ gìn bờ cõi, không hề thiếu sót lễ nghi triều cống. Mới đây, nhân họ Hồ[6] soán nghịch, Thái tông Văn hoàng đế[7] dấy quân hỏi tội. Sau khi dẹp yên, nhà vua hạ chiếu tìm kiếm con cháu họ Trần để cho giữ việc thờ cúng. Bấy giờ

Chb. **XIV**, 23

(1) Chỉ việc chép về Liễu Thăng trong sử *Thông giám tập lãm* (Xem "Lời chua" về *cửa ải Ải Lưu* ở trên).

(2) Nguyên văn bằng chữ Hán và nội dung làm lời Trần Cao. Đây là bản trích lược.

(3) Vua đầu triều Minh, niên hiệu là Hồng Vũ (1368 – 1398).

(4) Một tên khác của Trần Dụ Tông (1341 – 1369), dùng để ngoại giao với Minh.

(5) Chỉ việc sai Lễ bộ thị lang Đào Văn Đích sang sứ nhà Minh năm Mậu Thân, 1368 (Chb. X, 21).

(6) Cha con Hồ Quý Ly.

(7) Tức Minh Thành Tổ, niên hiệu là Vĩnh Lạc (1403 – 1424).

tổng binh quan Trương Phụ chưa kịp tìm kiếm rộng khắp, đã vội xin đặt nước tôi làm quận huyện.

"Thần, trước đây, vì nước rối loạn, phải chạy trốn sang Lão Qua[1], chỉ muốn cho chút hơi tàn được tạm kéo dài ra thôi. Dè đâu người nước quen thói tục man di, xa nghĩ đến ơn trạch của tổ tiên nhà thần, ép thần phải về nước. Bất đắc dĩ thần phải gượng theo. Dẫu rằng việc làm hấp tấp này là do người nước ép buộc, nhưng cũng là cái tội bởi thần không biết đắn đo suy lường.

"Vừa đây, đã đến cửa quân tạ tội, nhưng không được đâu để ý lắng nghe. Người nước bấy giờ sợ bị giết chết, mới phải đem nhau đi giữ những nơi quan ải để làm cái chước tự vệ lấy mình ; nào ngờ quan quân từ xa đến, thấy voi, hoảng sợ, tự cùng nhau lánh chạy, tan vỡ. Việc đã đến thế, tuy là do sự bất đắc dĩ của người nước, mà cũng là tội lỗi của thần. Nhưng, số quan quân và ngự bị bắt đều đã thu lượm nuôi dưỡng, không dám tơ hào xâm phạm.

"Nép mong hoàng thượng[2] dựa theo lời chiếu của Thái Tông Văn hoàng đế cho tìm kiếm con cháu họ Trần, nghĩ đến lòng thành thực của ông cha nhà thần đã dâng lễ triều cống trước tiên, tha cho thần cái tội to như đống gò, miễn cho thần khỏi bị giết chết bằng rìu búa, khiến thần được nối dõi ở cõi Nam, triều cống cửa trời.

"Ngoài sự riêng sai bồi thần[3] thân tín đem dâng tạ biểu và đưa đến kinh đô nộp trả ấn tín và người ngựa, nay xin đem danh sách và số mục kính cẩn tâu lên để nhà vua soi xét". Chb. **XIV**, 24

Vua Minh xem biểu, trong lòng vẫn biết là giả dối, nhưng muốn mượn cớ đó để nghỉ việc binh đao, nên mới đem tờ biểu ấy

---

(1) Xem "*Lời chua*" ở dưới của *Cương mục*.

(2) Chỉ Minh Tuyên Tông, niên hiệu Tuyên Đức (1426 – 1435).

(3) Xem chú giải về "bồi thần" ở Chb. XII, 2.

bảo cho quần thần biết. Bọn Dương Sĩ Kỳ và Dương Vinh hết sức tán thành.

Vua Minh bèn sai bọn Lễ Bộ thị lang Lý Kỳ đem tờ chiếu sang phong cho Trần Cao làm An Nam quốc vương, dụ bảo vỗ về người trong nước và tha tội cho. Lại ra lệnh cho người trong nước phải khai báo đầy đủ về sự thực con cháu họ Trần để tâu trình lên vua Minh. Đồng thời lại bãi bỏ ti Bố Chính sứ ở Giao Châu, sai rút quân về nước.

Lời phê – *Lê Thái Tổ làm việc tòng quyền, Minh Tuyên Tông cũng theo quyền nghi mà xử sự. Đó đều vì tình hình lúc bấy giờ có chỗ không thế không xong, việc này không thể theo luận điệu khắc nghiệt của tục nho mà chê trách được. Còn như việc Thanh Cao Tông*(1) *bao dung nguỵ Huệ*(2) *mới là việc xảo trá, kiêu căng, đáng khinh bỉ !*

Lời chua – *Lê Thiếu Dĩnh :* Người làng Mộ Trạch(3) thuộc huyện Đường An.

Sản vật địa phương :

Người vàng thế mạng	2 pho
Lư hương bằng bạc	1 chiếc
Bình hoa bằng bạc	1 đôi
Lụa ta (thổ quyến)	30 tấm
Ngà voi	14 đôi
Hương xông (huân hương)	12 bình
Hương vòng (tuyến hương)	20000 vòng
Trầm hương và *tốc hương*(4)	24 cân

(1) Niên hiệu là Kiền Long (1736 – 1795).

(2) Tức là Quang Trung (1788 – 1792) Nguyễn Huệ. Vì Tự Đức coi Nguyễn Huệ là kẻ thù và triều Tây Sơn không phải là chính thống, nên mới kêu là "nguỵ".

(3) Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương.

(4) Thứ gỗ thơm lấy ở cây trầm tươi hoặc cây trầm mục để đốt cho thơm. Trầm hương khác với tốc hương ở chỗ : bỏ xuống nước mà chìm, gọi là "trầm" ; không chìm gọi là "tốc".

Lão Qua : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Tháng 12. Vương Thông nhà Minh tự rút quân về Bắc,

Bấy giờ vua Minh cho phép rút quân về Bắc, chiếu thư chưa sang đến nơi thì Thông đã tự ý kéo bộ binh qua Nhị Hà rút về trước, quân thuỷ theo sau.

Người nước ta vốn căm giận quân Minh tàn ngược, nên khuyên Vương giết chết chúng đi. Nhưng Vương dụ bảo mọi người rằng : "Trả thù, báo oán, là thường tình người ta ; nhưng không muốn giết người, ấy là bản tâm của bậc nhân đức. Vả, người ta đã hàng mà mình giết đi thì chẳng còn gì ghê gớm hơn việc làm không lành ấy. Nếu cốt để hả nỗi lòng căm giận trong chốc lát mà mang tiếng với muôn đời là giết kẻ đã hàng, chi bằng hãy cho hàng ức hàng vạn người được toàn tính mạng để dập tắt mối chiến tranh về sau, sử xanh ghi chép, nghìn thủa còn thơm, há chẳng tốt đẹp sao ?" Chb. **XIV**, 25

Vương bèn sai : về mặt thuỷ, cấp cho 500 chiếc thuyền, giao cho bọn Phương Chính và Mã Kỳ quản lĩnh : về mặt bộ, cấp cho lương thực và cỏ ngựa, cho bọn Sơn Thọ và Hoàng Phúc quản lĩnh. Số bị bắt và đầu hàng gồm hơn 2 vạn người, số ngựa bị tước gồm 2 vạn đều giao cho Mã Anh quản lĩnh. Tất cả bọn người Minh được thả đều tới quân doanh Bồ Đề lạy tạ Bình Định vương. Bọn Phương Chính vừa cảm động vừa hổ thẹn đến ứa nước mắt. Thông quản lĩnh bộ binh, làm đốc hậu, ở lại suốt cả buổi tối nói chuyện từ biệt với Vương rồi mới lên đường. Vương tiễn tặng Thông một cách ưu hậu. Người Minh trong ba thành Tây Đô, Cổ Lộng và Chí Linh lục tục rút theo.

Bọn Thông về đến Yên Kinh, bị quần thần nhà Minh đàn hặc : Thông bị tống giam vào ngục Cẩm Y, được tha tội chết, nhưng phải tước tên trong sổ làm quan và tịch thu gia sản.

Lời chua – *Về Bắc* : Sử *Thông giám tập lãm* có ba đoạn chép về việc này : Chb. **XIV**, 26

Đoạn trước chép : "Được tin Liễu Thăng thua và chết trận, Thông sợ, lại nhử cho Lê Lợi giảng hoà và bảo Lê Lợi tìm lập con cháu họ Trần. Thông bèn lập đàn, với quân, dân và quan lại dưới quyền mình, làm lễ minh thệ với Lê Lợi về việc rút quân. Nhân đó, Thông vì Lê Lợi mà đạo đạt tờ biểu[1] dâng lên vua Minh. Rồi Thông bèn rút quân về nước".

Đoạn thứ hai chép : "Vua Minh sắc sai Vương Thông, Mã Anh cùng với quan lại ba ti[2], các vệ, các sở và các phủ, châu, huyện phải rút hết quân và dân về Bắc. Chiếu thư chưa sang đến nơi, Thông đã do đường bộ kéo về Quảng Tây ; bọn Trần Trí, Mã Kỳ và Sơn Thọ do đường thuỷ về Khâm Châu. Số quan lại, quân, dân nhà Minh được về nước là hơn 86000 người ; còn số bị Lê Lợi bắt sống và giam giữ không biết bao nhiêu mà kể"[3].

Đoạn sau chép : "Đình thần nhà Minh bàn luận cho rằng Vương Thông thì bỏ mất đất, tự tiện giảng hoà ; Mã Kỳ thì rông rỡ bạo ngược, gây nên biến cố : cả hai đều nặng tội nhất. Nhà vua đều không quở trách, chỉ tống giam dài hạn để đợi ngày xử tử mà thôi".

Minh sử thông giám kỷ sự chép : "Thông đến kinh đô[4] rồi, quần thần nhà Minh tới tấp dâng tấu sớ lên đàn hặc Thông và bọn Mã Anh, Mã Kỳ, Sơn Thọ. Hình quan trong triều làm việc xét hỏi, bọn Thông đều thú nhận cả. Đình nghị cho rằng Thông thì phạm tội không giữ quân luật, làm thiệt quân và bỏ mất đất ; Sơn Thọ thì phạm tội che chở bênh vực cho bọn phản nghịch[5], Mã Kỳ thì làm kích động gây biến ở nơi phiên thuộc. Tất cả đều đáng luận vào tội xử tử. Vua Minh xuống chiếu : tống giam Thông vào ngục và tịch thu gia sản ; còn bọn Mã Anh cũng đều phạt tội có nặng nhẹ khác nhau. Sau đó Lê Lợi sai đưa trả 157 quan lại, 15170 lính thú, và 1200 ngựa ; còn số người bị giữ, không cho về nước không biết bao nhiêu mà kể".

Vương bá cáo cho mọi người trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết về việc cả nước đã được yên hẳn.

---

(1) Tức tờ biểu do Trần Cao đứng tên như trên đã chép.

(2) Ti đô chỉ huy sứ giữ về quân sự, ti bố chính giữ về phú thuế và tài chính, ti án sát giữ về pháp luật hình ngục.

(3) Trong *Minh sử* (của Phó Duy Lân, in năm 1936), truyện *Vương Thông* (tr. 3098 – 3099) có ghi rõ con số đầy đủ là : các quan lại văn võ và quân sĩ nhà Minh được về cộng 86 640 người ; còn đến vài vạn người nữa thì bị giữ lại không được về.

(4) Yên Kinh.

(5) *Minh sử thông giám kỷ sự* chỉ phía Bình Định vương.

Làm bài Đại cáo bảo cho mọi người trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết về việc người Minh đã giảng hoà, rút về nước, Nam Bắc đã thôi việc binh đao, trong thiên hạ đã được đại định. Bài ấy[1] đại lược thế này[2] : Chb. **XIV**, 27

Việc làm nhân nghĩa, cốt ở yên dân. Quân thương dân, đánh kẻ có tội, trước phải trừ lũ bạo tàn.

Nay nghĩ : Đại Việt ta thực là một nước văn hiến[3]. Từ Triệu (207 – 111 tr. c.ng), Đinh (968 – 979), Lý (1010 – 1224), Trần (1225 – 1399) gây dựng nước ta, cùng với Hán[4], Đường (618 – 907), Tống (960 – 1279), Nguyên (1260 – 1368) mỗi đằng làm vua một nước.

Mới đây, vì chính sự họ Hồ (1400 – 1407) phiền nhiễu hà khắc đến nỗi làm cho lòng dân oán giận chia lìa, người Minh dòm được kẽ hở, nhân đó mới sang rắc độc khắp dân ta. Đảng ác ôm lòng gian tà, rút cục cũng chỉ để bán nước. Chúng gạt trời, lừa dân, bày mưu quỷ quyệt hàng muôn hình nghìn trạng ; luôn luôn gây hấn, dấy binh đao, hàng hai mươi năm đầy tội ác ! Làm bại hoại thương tổn nhân nghĩa, khiến cho khí sống trong trời đất hầu như muốn ngừng ! Sưu cao, thuế nặng, vét vơ của nả chằm núi không bỏ sót tí gì ! Thần và người đều căm giận, trời đất không thể dung tha.

Ta đây, nổi lên từ Lam Sơn, náu thân nơi đồng hoang cỏ rậm. Lòng đau, đầu nhức [vì thương dân lo nước] hàng hơn mười năm ; nằm gai, nếm mật [để mưu diệt thù, phục quốc] không phải chỉ có một ngày. Khi cờ nghĩa kéo lên, chính là thế giặc đang mở rộng. Hồi ở Linh Sơn[5], lương cạn hàng mấy tuần[6]. Khi đóng tại Côi Huyện[7], quân không còn một lữ[8] !

---

(1) Tức là bài "Bình Ngô đại cáo".

(2) Nguyên văn bằng chữ Hán, viết theo thể biền ngẫu đối nhau. Cương mục chỉ chép sơ lược. Muốn biết toàn văn, xin xem *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt thông sử* (của Lê Quý Đôn) và Hoàng Việt văn tuyển...

(3) Văn : sử sách điển chương ; hiến : người hiền.

(4) Tiền Hán : 204 – 8 tr.c.ng, Hậu Hán : 25 – 220 s.c.ng.

(5) Cũng gọi Chí Linh Sơn, một núi ở địa phận châu Lang Chánh thuộc Thanh Hoá.

(6) Mười ngày là một tuần. Khi đóng ở Chí Linh Sơn, nghĩa quân hết lương ăn đến hơn hai tháng (xem Chb. XII, 16).

(7) Xem "Lời chua" ở sau của *Cương mục*.

(8) Theo binh chế xưa, một lữ gồm 500 quân.

Giơ sào lên làm cờ[1] *quân lính là do nhân dân từ bốn phương họp lại. Coi quân sĩ như tình cha con, một lòng khăng khít, dù có một vò rượu cũng cho hoà với nước sông để mọi người cùng hưởng*[2].

Chb. **XIV**, 28

Cho nên, cuối cùng có thể dùng nghĩa cả mà thắng hung tàn, đem chí nhân mà thay cường bạo. Quân Minh kia, trí thuật đã cùng, sức lực lại kiệt, bó tay đợi bại vong. Chúng ta mưu tính đánh giặc cốt là chinh phục lòng người, nên không cần đánh mà chúng phải tự khuất phục. Những tên đầu sỏ của giặc đã bị bắt sống, chúng đã trở thành đám tàn quân, ngoe nguẩy đuôi, xin thương xót. Là bậc thần võ không muốn giết người, ta cũng làm theo lòng hiếu sinh của Thượng đế[3].

Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ trước được cấp hơn 500 chiếc thuyền, đã qua sông mà còn hồn xiêu phách lạc ! Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh lại được cấp hơn vài nghìn ngựa, đã về đến nước mà còn chột dạ, sởn gai ! Giặc đã tham sống sợ chết, thành thực xin hoà ; ta cốt giữ quân vẹn toàn, muốn cùng nhân dân yên nghỉ.

Than ôi ! Với chiếc nhung y[4]*, dẹp yên cả nước, công lao lập được, không gì sánh tày ! Bốn biển êm mãi từ đây, nay tuyên bố bài Đại cáo đổi mới.*

---

(1) Nguyên văn là "yết can vì kỳ", ý nói trong lúc vội vàng cử sự, chỉ kịp giơ cây sào lên để hiệu triệu mọi người.

(2) Nguyên văn là "đầu giao hưởng sĩ", do điển ngày xưa có một tướng giỏi, khi cầm quân đi trận, có người đem biếu một bầu rượu, tướng ấy sai trút cả xuống sông để cho quân sĩ múc lấy dòng nước sông mà cùng uống. Ý nói người làm tướng có đức công bằng và tình thân mật, từ một miếng ăn miếng uống cũng chia sẻ cho quân đội dưới quyền mình.

(3) Ý nói : Bình Định vương thể theo tấm lòng rộng rãi bao la của Trời muốn cho muôn vật đều được sinh sống, nên để cho người Minh được bảo toàn tính mạng về nước sau khi chúng đã đầu hàng.

(4) Thứ quân phục mặc khi đi trận.

Lời chua – *Côi Huyện* : Theo Sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư* của nhà Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414), đặt ti tuần kiểm ở Côi Huyện thuộc châu Ninh Hoá ; năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419) lại cho Côi Huyện sáp nhập châu Ninh Hoá ; năm Vĩnh Lạc thứ 20 (1422) sai Sơn Thọ đem sắc thư sang dụ Bình Định vương ; nhưng Vương không theo, trốn sang Lão Qua, rồi lại quay về châu Ninh Hoá.

Nay *xét Lê Sử* và *Lam Sơn thực lục* : Năm ấy[1], Vương từ Ba Lẫm[2] và Quan Da[3] dời đi Khối Sách. Vậy châu Ninh Hoá có lẽ thuộc Thanh Hoá, mà Côi Huyện thì do châu Ninh Hoá này kiêm lý chăng ? Thay đổi hay theo cũ, sự thực ra sao, không rõ. Có người ngờ rằng Côi Huyện có lẽ tức là Khối Sách, nhưng chưa biết có đúng không. Chb. **XIV**, 29

(1) Tức năm Nhâm Dần (1422).

(2) Xem "Lời chua" của *Cương mục* ở Chb. XIII, 13.

(3) Tức là Quan Du. Xem Chb. XIII, 13, 16 – 16.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN 15

Từ Mậu Thân, Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) đến Quý Sửu, Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (1433), gồm sáu năm. Chb. XV, 1

*

Mậu Thân, Lê Thái Tổ Cao hoàng đế, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Trần chúa, tên là Cao, lén đi Ngọc Ma. Quan quân đuổi kịp. Cao uống thuốc độc, chết.

Cao, khi đã được lập làm chúa, đóng dinh ở núi Không Lộ, sau dời đi Ninh Giang, rồi lại thiên đi thành Cổ Lộng. Quần thần đều nói với Bình Định vương rằng : "Cao không có công cán gì, sao lại để cho ăn trên ngồi trốc người ta ! Xin trừ khử hắn đi". Nhà vua không nỡ, đãi ngộ lại càng hậu hơn. Cao tự biết người nước không theo mình, bèn cất lẻn vượt biên, trốn đi Ngọc Ma. Quan quân đuổi theo, bắt được. Khi về đến thành Đông Quan, Cao uống thuốc độc, chết.

Sử cũ chua về việc Trần Cao : "Có thuyết cho rằng Cao tự biết người nước không phục, bèn dùng bọn Văn Nhuệ lén vượt biển trốn đến ải Cổ Lộng. Nhà vua sai người đuổi theo, giết chết"(1).

---

(1) Trên phần "mục" này, *Cương mục* có đặt một đoạn cuối của "Lời phê" nhưng thiếu sót một đoạn đầu, nên chúng tôi bỏ hẳn đi, không dịch vì nó dở dang không thành văn.

Lời chua – *Ngọc Ma* : Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 10).

Núi Không Lộ : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 34).

Ninh Giang : Theo sách của nhà Minh, thì năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) đặt ti Tuần kiểm ở cửa sông Ninh Giang thuộc Mỹ Lộc ; nay thuộc huyện Vụ Bản, Thượng Nguyên và Mỹ Lộc.

Cổ Lộng : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 2 (Chb. XII, 28).

Đông Quan : Tức Đông Đô. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 29).

Chb. **XV**, 2

Lập trường học.

Nhà vua khi mới lập quốc, để ý ngay đến việc gây dựng nhân tài : trong kinh thì lập Quốc Tử Giám, lựa con cháu nhà các quan và những người tuấn tú trong nhân dân sung làm giám sinh ; ngoài các lộ thì lập trường học ở từng lộ, lựa các con em những nhà lương thiện trong dân gian sung làm lộ hiệu sinh[1] ; cử những nhà nho đáng làm thầy đứng ra dạy dỗ.

Lời cẩn án – *Sự việc này,* Sử cũ *không chép. Nay theo* Kiến văn lục *của Lê Quý Đôn, thì năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) đời Lê Thái Tổ có lập trường học, lại theo bài* "Tiến sĩ đề danh bi" *của Thân Nhân Trung, thì Thái Tổ khi đã dẹp yên cả nước, võ công đã hoàn thành, có hạ chiếu thiết lập trường học, gây dựng nhân tài. Và theo bài "Tiến sĩ đề danh bi" của Đỗ Nhuận, thì khi đặt niên hiệu Thuận Thiên (1428 – 1433), bắt tay ngay vào công việc học chính. Vậy (nay căn cứ vào những tài liệu trên đây) xin bổ sung thêm.*

Tháng 2. Ghi chép công trạng những công thần đã theo khởi nghĩa từ đất Lũng Nhai. Cho họ được phong tước có thứ bậc hơn kém khác nhau và được lấy theo họ Lê.

(1) Học sinh trường lộ.

Nhà vua ra sắc lệnh rằng các tướng sĩ trong quân Thiết Đột là những người vất vả theo đòi từ lúc mới khởi nghĩa ở Lũng Nhai, nay được ghi chép công lao, sắp xếp thành thứ bậc gồm 221 người[1] :

Thứ nhất bọn Lê Vấn, Lê Quy, Lê Dịch, Lê Ồ 52 người được phong Vinh lộc đại phu, Tả Kim Ngô vệ đại tướng quân, tước thượng trí tự. Chb. **XV**, 3

Thứ hai, bọn Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khả 72 người được phong Trung lượng đại phu, Phụng thần vệ tướng quân, tước đại trí tự.

Thứ ba, bọn Lê Trễ, Lê Nghiễn 94 người được phong Trung vũ đại phu, Câu kiểm vệ tướng quân, tước trí tự.

Tất cả những người trên đây đều được ban cho quốc tính[2] và thưởng tấm biển đề chữ "công thần".

Lời phê – *Bầy tôi có công được ban quốc tính là Hán Cao tổ ban cho Lâu Kính trước tiên. Việc làm ấy tuy cốt để tỏ ý thân mật trung hậu đối với công thần, nhưng đã mang tiếng là làm rối cả họ hàng nhà vua, không đủ để làm gương mẫu cho đời sau ; huống chi nhà Lê lại cho quốc tính nhiều quá thế này thì nhàm lắm !*

Lời cẩn án – Sử cũ *chép "Hành khiển Lê Cảnh phụng trích"*[3], *nay tra tự điển thì âm là trích*[4], *nghĩa là hẹp.*

---

(1) Con số này của *Cương mục* cũng giống *Toàn thư* (quyển X, tờ 56b), song cả hai đều không ăn khớp với những con số đã nêu ở dưới, vì 52 + 72 + 94 = 218, e có sự kể sót hay chép lầm chăng.

(2) Được lấy theo họ Lê cùng họ với Lê Lợi. Xem thêm chú giải số 3 ở Chb. V, 22.

(3) Nghĩa là quan hành khiển Lê Cảnh vâng mạng nhà vua, khắc biển ban cho các công thần (xem *Toàn thư* X,56b–57a)

Về chữ này có âm là "trích", nghĩa là "hẹp", nhưng lại có âm là "tạc, nghĩa là đục hay khắc. Chỉ vì *Cương mục* không tra cứu kỹ, chưa nắm hết toàn diện đã vội hạ "Lời cẩn án" ngay, nên cả một đoạn văn này mới có sự ngô nghê ngớ ngẩn như vậy. Nếu *Cương mục* chọn lấy âm "tạc" mà cắt nghĩa là đục hay khắc thì đúng ngay với nghĩa khắc chữ vào biểu ban cho các công thần, đâu còn có nạn dài dòng, khó hiểu nữa.

(4) – nt –

Lại như Tấn ngữ (*trong sách* Quốc ngữ) *có chép : "Tội nhẹ hơn thì dùng phép toàn trích"*[1]. *Rồi tài liệu của* Tấn ngữ *này chú thích rằng "tức là thứ tội bị thích chữ". Như thế là ý nghĩa không ăn hợp gì với việc phong thưởng công thần ở đây. Có người nói triều Thuận Thiên (1428 – 1433) tưởng lục công thần, ban cho mỗi người một tấm biển.* Sử cũ *cũng chép đời Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437), tước hết những chữ "công thần" của bọn Lê Văn Linh*[2]. *Như vậy có thể lấy đó làm chứng cớ. Lại xét : Năm Quang Thuận thứ 2 (1461), khắc chữ vào tấm biển đề biểu dương Nguyễn Dương là người "hiếu để". Vậy thì việc khắc chữ vào biển, đương thời chép chữ Hán là "tạc".*

Lời chua – *Lũng Nhai* : Nay đổi là thôn Lũng Mi, thuộc xã Lam Sơn, chỗ Lê Thái Tổ khởi nghĩa.

Thiết Đột : theo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì Lê Thái Tổ có tổ chức 14 vệ Thiết Đột, trong có vệ Kim Ngô, vệ Phụng Thần, vệ Châu Kiềm,...

Thượng trí tự : Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú ; thì năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) phong tước có thượng trí tự, đại trí tự và trí tự khác nhau. Chb. **XV**, 4

Tháng 3. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang Minh xin lập con cháu họ Trần lên làm vua. Nhà Minh sai bọn Lễ Bộ tả thị lang Lý Kỳ, Công bộ hữu thị lang La Nhữ Kính, Hữu thông chính Hoàng Ký và Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt đem tờ dụ và bài văn ân xá sang ta. Khi họ đến nơi thì Trần Cao đã chết rồi, bọn Lý Kỳ bèn cáo từ về nước. Nhà vua sai bọn Hộ bộ lang trung Lê Quốc Khí và Phạm Thành sang

(1) Ở trường hợp này, đáng phải đọc là toàn tạc mới đúng, nhưng vì đây theo *Cương mục*. Thực ra, "toàn tạc" nghĩa là "xăm" hay "thích chữ".

(2) Xem *Toàn thư* XI, 42b.

Minh đáp tạ, còn bọn Xu mật thiêm sự Hà Phủ và Hà Liễn đi cáo phó về việc Trần Cao chết.

Lời chua – *Lê Quốc Khí* : Người làng Chủ Sơn, huyện Lôi Dương.(1)

Phong tước cho con là Nguyên Long làm Lương quận công.

Sắp xếp ngôi thứ các công thần : Gia phong Nguyễn Trãi tước Quan phục hầu, Trần Hãn(2) làm Tả tướng quốc, Phạm Văn Xảo làm Thái uý. Mấy người này đều được cho lấy theo họ Lê.

Nhà vua nhóm họp tất cả các bầy tôi và quan liêu, sắp xếp thứ bậc cao thấp tuỳ theo công nhiều hay ít. Gia phong Nhập nội đại hành khiển Nguyễn Trãi tước quan phục hầu, tư đồ Trần Hãn làm Tả tướng quốc, Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo làm Thái uý. Chb. XV, 5

Chia trong nước làm 5 đạo. Thiết lập các vệ quân, đặt Tổng quản và Hành khiển chia giữ sổ sách về quân và dân.

Trước kia, nhà vua ra Đông Đô, chia trong nước làm bốn đạo. Đến đây, trong nước đã yên hẳn rồi, lại đặt thêm đạo Hải Tây, cho Thanh Hoá, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá đều lệ thuộc vào đó. Ở đạo thì đặt vệ quân, ở vệ thì đặt Tổng quản. Đơn vị to và nhỏ cùng gìn giữ cho nhau, cấp bậc trên và dưới cùng ràng buộc lẫn nhau. Lại đặt Hành khiển(3) ở các đạo, chia giữ sổ sách quân và dân.

Lời chua – *Năm đạo* : Theo Địa dư chí trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì :

---

(1) Thuộc Thanh Hoá.

(2) Tức Trần Nguyên Hãn.

(3) Chức Hành khiển này phẩm hàm thấp hơn chức Hành khiển ở trong triều.

Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Gia Hưng đều thuộc Tây Đạo ;

Các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách thượng, Nam Sách hạ và trấn An Bang đều thuộc Đông Đạo ;

Các trấn và các lộ Bắc Giang, Lạng Giang và Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo ;

Các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo ;

Các lộ Thanh Hoá, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá đều thuộc Tây Đạo ;

Vệ quân : Các vệ Hồng Châu, Nam Sách và An Bang đều thuộc Đông Đạo ;

Các vệ Tam Giang, Hưng Hoá, Tuyên Quang và Gia Hưng đều thuộc Tây Đạo ;

Các vệ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo ;

Các vệ Bắc Giang, Lạng Giang và Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo ; Chb. **XV**, 6

Các vệ Thanh Hoá, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá đều thuộc Hải Tây đạo.

Tổng quản : "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : "Ở vệ, đặt chức Tổng quản". Và chua : "Có các chức tổng quản, đô tổng quản, đồng tổng quản,..."

Hành khiển : "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : "Hành khiển ở năm đạo chia giữ các việc về sổ sách, đơn từ và kiện tụng quân sự, dân sự. Chức vị hành khiển (ở đạo) này ở vào hàng nhập nội đại hành khiển (trong triều), kém dưới tể tướng. Các quan chức ở đạo : đầu là hành khiển, thứ đến tham tri, đồng tri, chủ bạ và đạo thuộc,...

Tân Bình : Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thuần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20, 21, 23, 24).

Nhà vua sai các quan chia nhau đi làm lễ cúng tế lăng tẩm các triều đại trước, thần linh các đền miếu và các núi sông.

Sai các quan chia đi cúng tế để khẩn cáo với thần linh về việc cả nước đã được bình định.

Truy tôn các tổ khảo nhà vua.

Truy tôn ông là Thinh làm Hiển Tổ Chiêu đức Trạch hoàng đế, cha là Khoáng làm Tuyên tổ Hiến Văn Phúc hoàng đế, bà là Nguyễn Thị và mẹ là Trịnh Thị đều làm Hoàng hậu. Chb. **XV**, 7

Trước kia, đời người cụ (tằng tổ), tên là Hối, nhà ở thôn Như Áng, giỏi về thuật phong thuỷ. Từng đi chơi Lam Sơn, thấy bầy chim bay lượn bên dưới núi này, Hối nói : "Đây là chỗ cảnh đẹp". Rồi dời nhà ở tại đó. Chính mình siêng năng làm việc cày cấy, Hối giàu có mà hào phóng, trở thành đàn anh ở ấp này. Hối lấy vợ họ Nguyễn, sinh ra Thinh, tức là Hiển Tổ. Thinh nối được nghiệp nhà, trong tay có đến nghìn gia nhân. Lấy vợ họ Nguyễn, Thinh có hai trai : Con trưởng là Tòng, con thứ là Khoáng, tức là Tuyên Tổ. Khoáng lấy vợ họ Trịnh, sinh trai : Trưởng là Học, thứ hai là Trừ, út là nhà vua.

Lời chua – *Lam Sơn* : Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

Như Áng : Tên thôn, nay thuộc xã Lam Sơn, huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá[1].

Tháng tư, mùa hạ. Lê Lợi lên ngôi ở Đông Đô. Quốc hiệu là Đại Việt.

(1) Nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Nhà vua từ dinh Bồ Đề tiến vào thành Đông Quan, đóng đô tại đó. Bầy tôi dâng biểu khuyên mời lên ngôi Hoàng đế cho vị hiệu được chính thức. Nhà vua ban sắc dụ rằng : "Các vua Vũ, Thang, Văn, Vũ ngày xưa công đức lớn là thế, vậy mà chỉ xưng là vương thôi, huống chi trẫm nay, công đức nhỏ mọn mong manh, dám đâu nói đến Hoàng đế làm một tôn hiệu to tát ?". Rồi, đúng ngày rằm tháng 4 ấy, nhà vua lên ngôi ở điện Kính Thiên, xưng là Thuận Thiên thừa vận duệ văn anh vũ đại vương, đặt niên hiệu là Thuận Thiên, quốc hiệu là Đại Việt.

Ra sắc dụ rằng : Phàm ai dâng thư bàn nói việc gì và các giấy tờ khế khoán đều phải tuân theo phép nước, viết đúng niên hiệu và quốc hiệu. Kẻ nào vi phạm, sẽ bị phạt trượng và biếm truất. Chb. **XV**, 8

Lời chua – *Bồ Đề* : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 4).

Đại xá.

Ban chiếu cho trong nước :

– Tha hẳn hai năm điền tô và các thứ thuế vàng, bạc, đầm nước, đồi nương và bãi dâu. Nhân dân từ 70 tuổi trở lên được miễn sai dịch. Hạng con hiếu thảo, hạng vợ trinh tiết do quan hàng lộ tâu lên vua biết sẽ được biểu dương khen thưởng. Những nhà nào có người đi lính thì một suất trong nhà ấy được miễn sưu dịch.

– Phàm lăng tẩm các đế vương và đền thờ, phần mộ công thần các triều đại trước đều được tuỳ số cần mà cắt người làm việc quét tước.

– Trong các lộ hễ lộ nào bị thiệt hại vì binh hoả thì do quan lộ sở tại đến khám xét điều tra cho rõ ràng, sẽ tuỳ liệu mà miễn tô thuế, tha sưu dịch thêm.

Sông Nhị có sản ra vàng.

Bầy tôi dâng biểu chúc mừng.

Lời phê – *Tầm bậy ! Dù có sản vàng đi nữa cũng chẳng quan hệ gì đến sự thống trị của đế vương.*

Lời chua – *Sông Nhị* : Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tặng phong Bình chương Lê Thạch là Trung Vũ vương, cho phụ thờ ở miếu đình nhà vua.

Thạch, là con người anh nhà vua, tính hiền hậu, ham đọc sách, có sức khoẻ tuyệt vời, khi ra trận, thường làm tiên phong, đánh đâu được đấy, lập được công to nhất trong trận chém Nguyễn Sao, đánh bật Trần Trí. Về sau khi chiến đấu với Ai Lao, Thạch giẫm phải chông, bị tử trận[1]. Nhà vua vô cùng thương tiếc. Khi trong nước đã yên hẳn, tưởng lục công thần ở Lũng Nhai, Thạch được tặng phong Nhập nội kiểm hiệu Thái uý bình chương quân quốc trọng sự, rồi lại truy phong tước vương, cho phụ thờ ở miếu đình. Bấy giờ nghĩ đến những tướng đã chết vì việc nước, truy phong Lê Lễ làm Nhập nội tư đồ, Lê Triện làm Nhập nội tư mã.

Chb. **XV**, 9

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9–10).

Hạ chiếu cho các đại thần cử những người có thể làm nổi chức chuyển vận và chức trấn thủ nơi xung yếu, khai tên dâng lên cho vua biết.

Sắc sai các đại thần phải hết lòng xem xét, tiến cử và kê tên cho nhà vua biết để tuyển lấy chức huyện lệnh ở các lộ và trấn thủ những nơi xung yếu ở đầu nguồn và các cửa biển. Những chức quan này phải dùng hạng người tinh thục, tài năng, thanh liêm, chính trực.

Đúc ấn "Thuận Thiên".

---

(1) Xem Chb. XIII, 15.

Sát hạch các viên thuộc ở trong Kinh đô và ngoài các lộ, chia làm ba bậc.

Sai đại thần sát hạch các viên thuộc ở trong kinh đô và ngoài các lộ : Bậc nhất là những người có tài cả văn lẫn võ ; bậc nhì là người có học thức, minh mẫn ; bậc ba là những người tinh thông phép viết và phép toán.

Quy định luật lệ.

Hạ lệnh cho quần thần bàn về chức vụ của các quan ở các lộ và các trấn. Lại quy định luật lệ về kiện tụng, điển lệ về tước phong và phẩm trật. Chb. **XV**, 10

Lời chua – *Chức quan ở các lộ, các trấn* : Theo *Lê sử lược đàm*, thì Thái Tổ cất đặt quan chức phần nhiều noi theo phép cũ của nhà Trần và nhà Hồ, lại dùng xen cả điển lệ nhà Minh. Các quan ở trấn và lộ, văn có chức An phủ, võ có chức Trấn phủ, coi quản công việc thuộc về quân và dân. Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì các quan nhận chức ở ngoài, hàng lộ có An phủ sứ và An phủ phó sứ, hàng trấn có Tuyên phủ đại sứ và Tuyên phủ sứ.

Luật lệ về kiện tụng : Theo "Hình luật chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì hồi đầu đời Lê xen dùng cả luật pháp nhà Đường, đặt làm quy tắc và thể lệ hình danh : tội đánh bằng roi có 5 hạng ; tội đồ có 3 hạng ; tội lưu có 3 hạng, phân biệt ở chỗ là lưu đi cận châu (Nghệ An), viễn châu (Bố Chính) và ngoại châu (Tân Bình) ; tội xử tử có ba hạng.

Gặp trường hợp phạm nhân được vin vào một tiêu chuẩn trong bát nghị[1] thì trước hết phải tâu lên vua để xin cho bàn xét luận tội, bàn xét luận tội xong rồi, lại tâu lên vua để xin ý kiến định đoạt.

---

(1) Tám điều đáng bàn xét lại để ân xá hoặc ân giảm cho phạm nhân : 1 – *Nghị thân*, đáng bàn xét vì có họ thân với nhà vua ; 2 – *Nghị cố*, đáng bàn xét vì là chỗ cố cựu với nhà vua ; 3 – *Nghị hiền*, đáng bàn xét vì là bậc hiền đức ; 4 – *Nghị năng*, đáng bàn xét vì là bậc tài năng ; 5 – *Nghị công*, đáng bàn xét vì là người có công lao ; 6 – *Nghị quý* đáng bàn xét vì là quan cao chức trọng từ nhị tam phẩm trở lên ; 7 – *Nghị cần*, đáng bàn xét vì là người siêng năng ; 8 – *Nghị tân*, đáng bàn xét vì là tân khách của nhà vua, chẳng hạn như người giữ hương hoả thờ cúng các vua triều trước.

Hạng bầy tôi kỳ cựu có công lao (như đã theo khởi nghĩa, đã chịu gian khổ ở núi Chí Linh, chưa từng lẩn trốn lần nào) mắc tội đồ hoặc lưu, mà từ ngũ phẩm trở lên thì được miễn giam giữ và miễn bắt làm việc. Còn mọi người khác đều không được hưởng lệ miễn này. Con cháu những nhà được liệt vào hạng "nghị công"[1] mà phạm tội thì được vin vào công lao của ông cha, sẽ cho giảm nhẹ.

Quan viên, quân, dân nếu phạm tội mà là sơ hở lầm lỡ, thì từ tội lưu trở xuống được phép chuộc tội.

Phàm kẻ phạm tội đồ tội lưu, khi đang phát vãng ở dọc đường mà gặp dịp ân xá thì cũng được tha đúng như pháp luật.

Phàm người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống hoặc là phế tật[2] mà phạm tội lưu trở xuống thì được phép chuộc tội.
Người từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống hoặc là hạng đốc tật[3] thì được giảm nhẹ dần dần. Chb. **XV**, 11

Phàm kẻ can phạm mà tội chưa phát lộ, đã tự thú trước thì được tha tội.

Phàm kẻ lấy trộm tiền tài hoặc đồ vật của người ta mà biết thú tội và trả lại cho tài chủ[4] cũng được tha tội như đã lên quan mà tự thú.

Phàm kẻ lầm lỡ làm hỏng việc công mà biết tự kể ra, cũng được tha tội.

Phàm tố cáo được vụ âm mưu làm phản, âm mưu làm những việc đại nghịch bất đạo và tố cáo kẻ nào đã tiết lộ việc trọng đại của nhà nước thì được thưởng tước ba tư[5]

Phàm cáo tỏ được những vụ ẩn lậu ruộng đất và bãi phù sa thì được thưởng một phần ba mươi trong số ruộng đất và bãi đã phát giác ấy.

---

(1) Xem chỗ chú giải về "bát nghị" ở tr. 816.

(2) Tức là "bất cụ", như mù, què, câm, điếc...

(3) Những người tàn tật như đui, què, câm, điếc, hoặc mất trí khôn...

(4) Tức là chủ sở hữu.

(5) Xem chú giải ở Chb. VII, 4 ; X, 18.

Phàm con cháu mà chịu đánh roi thay cho ông bà cha mẹ thì được giảm xuống một bậc

Lại đặt thể lệ chuộc tội trượng[1], đồ, lưu bằng tiền có tầng bậc khác nhau. Lại quy định 32 điều luật trong chương "Điền sản".

Điều lệ tước phong và phẩm trật : tức là chức quan văn võ. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 32–33).

Hạ lệnh cho các đại thần ai nấy tiến cử những người hiền lương, chân phương, chính trực.

Nhà vua dụ bảo hễ ai tiến cử được người xứng đáng thì cho thăng chức và ban thưởng ; nếu vì chuyện tây vị chạy vạy, tiến cử người dở, sẽ bị khép tội theo luật lệ.

Nhà vua ra sắc chỉ hỏi các văn võ đại thần : "Trẫm có tài đức gì mà được Trời tựa ? Tại sao làm nên được sự nghiệp lớn này ? Vả lại, sự vụ trong triều bây giờ, việc nào nên trước, việc nào nên sau ? Trong các bầy tôi ở triều đình, ai có thể gánh nổi trách nhiệm nặng nề, giao phó cho sứ mạng trọng đại ở ngoài nghìn dặm ? Và ai có thể làm người phụ đạo Thái tử ?" Chb. **XV**, 12

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ nhà Minh sai bọn La Nhữ Kính và Từ Vĩnh Đạt lại đem sắc thư sang dụ bảo bên ta phải tìm lập con cháu họ Trần và đòi ta phải trả lại nhà Minh đủ cả số quan lại quân lính đã bị bắt và số vũ khí đã bị giữ lại. Khi bọn La Nhữ Kính trở về, nhà vua lại sai bọn Thiêm sự Hà Lật và Lang trung Đỗ Như Hùng đem biếu nhà Minh sản vật địa phương và người vàng thế mạng, tâu lại cho nhà Minh biết rằng con cháu họ Trần thực không còn ai nữa ; đến như số quan quân nhà Minh bị bắt và số khí giới nghi trượng bị tước sẽ xin tiếp tục nộp trả.

---

(1) Đánh bằng gậy, to gấp đôi roi. "Trượng" là một hình phạt nặng hơn hình phạt đánh bằng roi.

Nhà vua, khi mới khởi binh, bị người Minh đánh úp, lạc mất một người con gái nhỏ, mới 9 tuổi. Nội quan Minh, Mã Kỳ, bắt được và nuôi người con gái ấy, rồi đem về Yên Kinh, tiến làm nữ tì nhà quan. Đến đây, nhà vua đưa biểu trần tình xin cho con về. Nhà Minh trả lời rằng người con gái ấy đã chết vì bệnh đậu mùa.

Tháng 11. Bọn Trần Phong và Lương Như Hốt âm mưu làm phản, bị giết chết.

Bọn Trần Phong và Như Hốt đã đầu hàng với tư cách là người bản thổ, làm quan với Minh. Chúng đều được tha tội cả. Đến đây, chúng lại ngầm sai đồ đảng lén đi đường tắt, đem thư bí mật ước hẹn người Minh lại sang xâm lược để chúng làm nội ứng. Việc lộ liễu. Nhà vua cho bá cáo việc này với trong Kinh đô và ngoài các lộ rồi giết chết chúng. Chb. **XV**, 13

Hạ chiếu cho làm sổ điền và sổ hộ ; đặt chức xã quan[1].

Trước đây, nhà vua cho kiểm tra các thứ thổ sản như đồng, sắt, dâu, gai, tơ, lụa, keo, sơn, trám, sáp ong, dầu, muối, tiêu[2], dây mây và những hạng điền sản đáng nên sung công như của các nhà nguỵ quan[3], của những hộ tuyệt tự, và của hạng lính đào ngũ, hết thảy đều phải ghi rõ số mục kê trình đầy đủ để nhà vua biết. Đến đây, lại phê chuẩn cho quan lại các châu, các huyện, các trấn và các lộ khám xét từng hạng sản vật và thuế khoá về chằm, bãi, ruộng đất và vàng bạc luôn với các điền sản bị sung công, mỗi hạng số lượng bao nhiêu phải làm thành sổ : kể từ trung tuần tháng 2 năm tới là năm Kỷ Dậu

(1) Chức quan đứng đầu một xã.

(2) Một loại khoáng vật, kết tinh và thấu sáng như pha lê dùng làm thuốc súng và chế pha lê.

(3) Chỉ những người bản quốc làm quan với Minh.

(1429) phải đệ trình lên. Sổ hộ thì gia hạn cho đến tháng 4 năm Quý Sửu (1433). Khi sổ sách làm xong, sẽ bắt đầu đánh thuế.

Lại đặt xã quan : Xã lớn từ 100 người trở lên, có 3 xã quan ; xã bậc trung từ 50 người trở lên, có 2 xã quan ; xã nhỏ từ 10 người trở lên, có 1 xã quan.

Tháng 12. Sửa điện Kính Thiên ; làm điện VạnThọ, điện Cần Chính, điện Tả và điện Hữu.

Lời chua – *Điện Kính Thiên* : Theo *Cố Lê dã lục* thì điện này ở trên đỉnh núi Nùng. Núi Nùng ở trong tỉnh thành Hà Nội ngày nay.

Đặt quy chế về các khí giới và nghi trượng trong quân.

Bấy giờ trong quân thuỷ và quân bộ chưa có quy chế hẳn hoi về cờ xí, khí giới, nghi trượng và thuyền bè. Chb. **XV**, 14

Nhà vua bèn bàn luận rồi quy định :

Trung đội :	Cờ vàng
Thượng đội :	Cờ đỏ
Hạ đội :	Cờ trắng
Vệ quân mỗi đạo :	
Cờ lớn chủ tướng :	1 lá
Cờ vừa :	1 lá
Cờ đội :	10 lá
Cờ nhỏ :	40 lá
Chiến thuyền dùng vào việc hoả công (hoả chiến thuyền) :	10 chiếc
Thuyền tuần tiễu :	2 chiếc

Còn ống hoả đồng, nỏ cứng, sào dài, áo giáp, lá chắn (cái mộc), thủ tiễn[1], câu liêm, thanh đao thì tuỳ theo quân số nhiều ít khác nhau.

(1) Tên bắn bằng tay. Theo *Bội văn vận phủ*, quyển 76, thượng, tờ 15b, thì bề dài của tên không đầy một vồ tay, thường để trong áo giáp, khi gặp quân địch, bấy giờ người ta mới tung ra hàng trăm chiếc tên rồi vung roi cho bắn đi, có khi lấy ngón tay kẹp luôn mấy chiếc tên mà phóng ra.

Lại đổi hoả đầu làm chánh ngũ trưởng và phó ngũ trưởng.

Lời chua – *Hoả đầu* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 25).

Đúc tiền "Thuận Thiên thông bảo".

Trước kia, khoảng niên hiệu Kiến Trung (1225 – 1231), nhà Trần quy định thể lệ : mỗi một tiền gồm có 69 đồng, là tiền "gián dụng"(1) ; 70 đồng, là tiền "chính dụng"(2). Đến đây, quy định cứ 50 đồng là một tiền.

Bấy giờ có nạn khan tiền(3), có người dâng thư kiến nghị xin dùng tiền giấy thay tiền đồng. Nhà vua bèn hạ chiếu cho các đại thần và trăm quan hội họp bàn luận để tìm cách thi hành. Bài chiếu đại lược thế này :

"Thứ tiền đồng cổ đã bị người Hồ(4) tiêu huỷ chỉ còn một phần trăm ; đến nay trong mọi việc quan, việc nước, luôn luôn tỏ ra thiếu thốn eo hẹp. Bấy giờ muốn tìm cách làm cho tiền tệ được lưu thông để cho nhân dân được tiện tiêu dùng, há chẳng khó khăn sao ? Mới đây có người dâng thư xin dùng tiền giấy để thay tiền đồng. Trẫm từng sớm hôm suy nghĩ, vẫn chưa tìm được mấu chốt để làm việc này. Vì rằng tiền giấy là vật vô dụng mà đem lưu hành giữa nhân dân là những người hữu dụng thì thật không phải là lòng yêu dân và biết dùng tiền. Vậy hạ lệnh cho các khanh họp bàn kỹ càng tế nhị để cho việc làm được ổn thoả". Chb. XV, 15

---

(1) *Cương mục Chính biên* VI, 4 chép là tiền "tỉnh mạch" (mỗi tiền bớt một đồng) và tiền "thượng cung" (cung ứng cho bề trên tiêu dùng). Đến đây *Cương mục* lại chép là tiền "gián dụng" và tiền "chính dụng". Sở dĩ có sự không thống nhất như vậy, là vì *Cương mục* đã nhận lầm về lời chiếu này của Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2 (1226) : "Dân gian dùng" (dân gian dụng) với nhau thì một tiền là 69 đồng : "dùng chính thức về việc công" (chính dụng) thì 70 đồng. (Xem *Toàn thư* X, 63b).

(2) – Nt –

(3) Nguyên văn là "tiền hoang", tức như ngày nay gọi là "khủng hoảng tiền tệ".

(4) Chỉ triều nhà Hồ.

Lời chua – *Tiền giấy : Tống sử* chép : "Nữ Chân[1] vì khan đồng, nên theo phép "giao tử"[2] của nhà Tống, làm ra tiền giấy gọi là "sao dẫn". Loại gọi là "đại sao" (tiền giấy lớn) có 5 hạng : 1 quan, 2 quan, 3 quan, 5 quan và 10 quan[3] ; loại gọi là "tiểu sao" (tiền giấy nhỏ) cũng có 5 hạng : 100, 200, 300, 500 và 700[4]. Những tiền giấy này đồng thời cũng được lưu hành với các tiền đồng, cứ 7 năm là một hạn (lại đem nộp tiền giấy cũ đổi lấy tiền giấy mới)[5].

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1429). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm rượu và cờ bạc.

Bấy giờ nhiều người du thủ du thực thường hay uống rượu, đánh bạc nên nhà vua chỉ dụ nghiêm cấm : đánh bạc, bị chặt 3 đốt ngón tay, đánh cờ vây[6], bị chặt một đốt, không có việc gì mà quần tụ uống rượu thì được giảm tội xuống một bậc.

---

(1) Nữ Chân là tên một chủng tộc, cư trú ở một dải Tùng Hoa Giang về phía đông bắc Trung Quốc. Hồi cuối Bắc Tống (960 – 1126), Nữ Chân lập thành nước Kim, rồi diệt Liêu (916 – 1201), đánh Tống, thế lực rất cường thịnh ; về sau bị diệt trước sức mạnh của nhà Nguyên.

(2) Khoảng giữa niên hiệu Khánh Lịch (1041 – 1048) nhà Tống, người đất Thục vì thấy tiền sắt nặng quá, không tiện trong việc lưu thông, nên tự làm riêng một thứ khoản phiếu để tiêu với nhau, gọi là "giao tử". Khấu Hàm nhân đó mới sáng lập ra Giao Tử vụ ở Ích Châu, đó là bước đầu tiên của Trung Quốc phát hành và tiêu dùng tiền giấy (theo *Từ Nguyên*).

(3) *Tống sử* dẫn trong *Từ Nguyên* trang 1519, thì loại "đại sao" chia làm 5 hạng : Từ 1 quan đến 5 quan, chứ không có hạng 10 quan.

(4) Con số 5 hạng "tiểu sao" này, *Cương mục*, cũng như *Lịch triều hiến chương* và nhiều từ thư khác, chỉ chép trống là "nhất bách, nhị bách, tam bách, tứ bách, ngũ bách, thất bách", chứ không nói rõ đơn vị của từng hạng ấy là gì. Nhưng nay xét : Đó có lẽ là số đồng tiền, chứ không phải quan tiền, vì nó là "tiểu sao", tất phải nhỏ hơn "đại sao". Vậy có thể là 100 đồng, 200 đồng, 300 đồng, 500 đồng, 700 đồng.

(5) Đây là "Quốc dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, nên mới thêm mấy chữ trong hai ngoặc đơn để cho sáng nghĩa, chứ như *Cương mục* thì chỉ chép là "dĩ thất niên vi hạn" (cứ 7 năm là một hạn).

(6) Cờ mỗi bên có 100 quân ; khi đánh, đặt từng quân một để bao vây lẫn nhau.

Lập con là Tư Tề làm Quốc vương, Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Nhà vua sai Lê Vấn, Lê Ngân và Lê Văn Linh đem ban kim sách[1] lập con trưởng là Tư Tề làm Quốc vương, tạm quyền coi quản việc nước ; sai Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Lý và Lê Quốc Hưng đem ban kim sách[1] lập con thứ là Nguyên Long làm Hoàng thái tử. Chb. XV, 16

Lại sắc sai các bầy tôi và liêu thuộc ở trong kinh đô và ngoài các lộ : hễ có công việc gì trình bày với Tư Tề thì tôn xưng là Quốc vương điện hạ. Còn Quốc vương và Thái tử có văn thư gì truyền ra thì gọi là "chỉ huy"[2]

Sau đó nhà vua ban chiếu đại lược nói : "Cha gây dựng, con làm theo : đạo nhà càng thêm thịnh vượng ; anh kế thừa em tiếp tục : gốc nước càng được vững vàng. Những vua hiền triết xưa lo tính công việc thật là sâu sắc và trông xa.

"Trẫm đây chính mình đã mặc áo giáp, đội mũ trụ, tắm gió gội sương hàng mười ba năm, cũng đã nhọc lắm. Nay tuổi tác ngày cao, sức lực muốn kém, hàng ngày muôn việc bộn bề thật khó một mình làm xuể.

"Trẫm đã nghĩ kỹ : Người xưa chấp kinh mà có lúc tòng quyền, cũng hợp đường lối của thánh hiền, lập anh trước rồi truyền em sau, vẫn kéo dài được ngôi bảo tộ, cốt sao châm chước cho hợp thời, rồi đặt làm phép nhất định.

---

(1) Sách : Bài văn của vua dùng để biểu dương tư cách và bày tỏ lý do người được phong tước Kim sách : có nghĩa bài sách viết chữ vàng hoặc quý hơn vàng.

(2) Trong *Việt sử thực lục* của nhà Lê, mỗi khi nói đến lời sắc hay lời dụ của vua Thuận Thiên bấy giờ, thường chép là "chỉ huy" có nghĩa là "ban bố mệnh lệnh". Đồ chừng là vua Lê ban đầu khiêm tốn, chỉ xưng "đại vương" chứ không xưng "hoàng đế", nên mới dùng hai chữ "chỉ huy" để thay cho "sắc" hay "dụ". Có lẽ vì thói quen của đương thời, nên đây cũng dùng danh từ "chỉ huy" để dành cho quốc vương và hoàng tử.

"Tư Tề, tuổi ngoài hai mươi[1], đã đủ tư cách thành nhân, dẫu suy nghĩ chưa được sáng suốt chu đáo, nhưng đối với sự vụ và cơ nghi, cũng rất biết học tập rạch ròi. Như vậy chính là đáng nên tạm quyền coi quản việc nước để giúp đỡ trẫm.

"Nguyên Long tính chất tuy thông sáng, nhưng tuổi còn non trẻ, hãy nên để cho gây nuôi ở chốn thanh cung, đợi ngày thành tài.

"Vậy nếu Tư Tề vào coi triều để xét xử chính sự, thì Nguyên Long làm việc coi giữ nhà nước, vỗ về quân đội, noi theo như chuyện Triệu Tống[2] xưa".

Nhà vua lại còn làm bài *Huấn phạm* để răn bảo Tư Tề và Nguyên Long.

Lời phê – *Việc Tống Thái Tổ (968 – 975) nghe theo lời tư vị*[3]*, gây nên tai vạ về sau*[4]*, có gì đáng làm gương mẫu !*

Lời chua – *Chuyện Triệu Tống xưa* : Theo *Tống sử* thì Tống Thái Tổ (968 – 975) vâng theo lời Đỗ Thái Hậu[5] dặn lại khi sắp chết, anh em theo thứ tự truyền ngôi cho nhau. Chb. XV, 17

Hạ chiếu lựa con các quan văn võ vào hầu Thái tử học tập và đến nhà Quốc học để theo học.

---

(1) Nguyên văn là "nhược quán". Theo lễ xưa, con trai đến 20 tuổi, làm lễ đội mũ (quán), tỏ ra là có tư cách thành nhân, nhưng vì thể chất hãy còn chưa cường tráng, nên mới gọi "nhược".

(2) Vua đầu nhà Tống là Triệu Khuông Dận, nên mới gọi là Triệu Tống (nhà Tống họ Triệu).

(3) Chỉ lời thiên vị của Chiêu Hiến Thái hậu dặn lại : Tống Thái Tổ truyền ngôi cho Thái Tông, Thái Tông truyền ngôi cho Đình Mỹ rồi đến Đức Chiêu bất đắc kỳ tử, Đức Phương chết non ; còn Tần Vương Đình Mỹ thì bị Tống Thái Tông nghi kỵ, biếm truất ra Phòng Châu rồi lo buồn mà chết, diễn thành một tấm thảm kịch trong hoàng gia triều Tống !

(4) – nt –

(5) Tức Chiêu Hiến Thái hậu

Các con từ 9 đến 15 tuổi của quan võ từ chức Quản lãnh và quan văn từ chức Hành khiển trở lên đều được vào hầu Hoàng thái tử học tập. Các con từ 9 đến 17 tuổi của quan võ từ Đồng tri xuống đến Đại đội trưởng, và của quan văn từ Thượng thư xuống đến Thất phẩm đều được vào nhà Quốc học theo đuổi việc học.

Lời chua – *Thượng thư :* Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì đầu thời Lê, sự xếp đặt quan chức, mới chỉ có một bộ Lại và bộ Lễ[1], ngôi vị chức Thượng thư của hai bộ này ở dưới Hành khiển.

Quản lãnh, Đại đội trưởng : Theo *Chức quan chí* trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì hạng võ từ Quản lãnh, Đồng tri đến Đại đội trưởng đều là chức cao.

Quy định phép chia ruộng.

Nhà vua cho rằng những kẻ rong chơi lười biếng phần nhiều chiếm hữu ruộng đất ; còn những người chiến đấu thì không có một tấc đất nào. Thế là giàu nghèo chênh lệch không đều, lấy gì để khuyến khích hạng người siêng năng làm việc được. Nhà vua bèn ra lệnh cho các đại thần bàn định về việc cấp ruộng : từ đại thần xuống đến hạng người già yếu, mồ côi, goá bụa đều phân ra từng hạng mà chia ruộng, rồi tâu vua biết.

Chb. **XV**, 18

Lời phê – *Công cuộc sáng nghiệp (của vua Lê) có quy mô hẳn hoi, tuy chưa đến được bậc có văn hiến*[2] *rõ ràng, nhưng đã làm được nhiều việc khả quan, dần dần đã biến đổi được những thói quê kệch của nhà Lý, Trần. Nhà Lê được hưởng ngôi báu lâu dài, chính vì thế đó.*

Lời cẩn án – *Theo "Quốc dụng chí" trong* Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú thì, đầu đời Lê chế độ ruộng đất*

(1) Xem thêm Chb. XIX, 1.

(2) Đây là nghĩa cổ : văn, chỉ sách vở, kinh điển ; hiến, chỉ những người hiền tài.

chia theo cấp bậc ra sao, không thể biết tường tận được. Nhưng đại khái thế này : những ruộng đem chia cấp ấy đều là số ruộng công cả, còn những ruộng tư ở dân gian có lẽ chưa từng thu lấy mà chia cấp.

Lại theo Kiến văn lục *của Lê Quý Đôn thì, hồi đầu Lê, chế độ cấp ruộng lộc điền thế nào, không thể khảo cứu được, nhưng thấy người cháu xa đời của Chiêu Huân công*(1) *Nguyễn Công Duẩn*(2) *xuất trình gia phả họ Nguyễn trong có chép một bài chiếu về việc cấp ruộng lộc điền cho khai quốc công thần đề năm Thuận Thiên thứ 2 (1429), trong bài chiếu này nói cho phép thu lấy các trang trại và ruộng tuyệt tự của nhà thế gia triều đại trước cùng với số ruộng đất bỏ hoang ở các xã thuộc huyện Tống Sơn*(3) *để ban cho Công Duẩn làm tư sản cộng 470 mẫu. Đó là chứng cớ ít khi thu lấy những ruộng công đang cày cấy đã đóng thuế mà chia cấp.*

Nay kết hợp cả hai thuyết trên mà xem xét, thì có thể biết đại khái rằng sự cấp ruộng cho dân đầu đời Lê là chỉ lấy ruộng đất công, còn lộc điền của công thần cũng lấy ở di sản những nhà thế gia tuyệt tự hay là những ruộng lậu ngoài sổ điền và những ruộng bỏ hoang mà thôi. Chb. **XV**, 19

Tháng 2. Thao diễn quân đội một cách vĩ đại. Chia quân cho về làm ruộng.

Trước kia, khi ra Đông Đô, nhà vua có dụ bảo tướng sĩ rằng : "Số quân hiện tại của ta nay có 35 vạn, đợi khi nào khôi phục được Đông Đô, bấy giờ sẽ cho 25 vạn về làm

(1) Tước của Nguyễn Công Duẩn.

(2) Về chữ "Duẩn" này, Hán văn viết "ngọc bên chữ Duẩn là măng". *Cương mục* cước chú rằng : "Xét trong *Tự điển* và cả phần *Bị khảo* lẫn phần *Bổ di* đều không thấy có chữ này vậy không rõ âm gì". Nay dịch giả xin tạm phiên là Duẩn cho tiện đọc.

(3) Nay là huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hoá.

ruộng, chỉ để lại 10 vạn quân ở lại làm việc phòng thủ và bảo vệ đất nước. Đến đây, sắc sai các vệ quân ở 5 đạo[1] đều diễn tập thuỷ chiến và lục chiến. Việc xong rồi, chia quân làm năm phiên : một phiên lưu lại tại ngũ, còn bốn phiên cho về làm ruộng.

Sắc sai Đại thần và Hành khiển : hễ thấy điều lệ và mệnh lệnh có gì bất tiện, nên đem tâu ngay.

Ra sắc dụ các Đại thần và chức Hành khiển : "Hễ thấy có điều lệ và mệnh lệnh của trẫm có gì bất tiện cho quân đội và nước nhà hoặc bắt làm những việc sai dịch không cần thiết, hoặc đánh thuế nặng sưu cao thì nên tâu dộng[2] ngay để sửa chữa lại".

Đặt chức quan Ngự sử đài[3].

Đây là noi theo chế độ nhà Trần : chức Trung thừa, Phó trung thừa thì dùng An phủ ở lộ sung vào ; chức Điện trung thị ngự sử thì dùng chuyển vận ở huyện và giáo thụ ở lộ sung vào ; chức Giám sát ngự sử[4] thì dùng thuộc quan ở toà Trung thư sung vào.

Nhà vua dụ rằng : "Hễ thấy trẫm có chính sự hà khắc làm hại dân, thưởng phạt không đúng phép và quan lại lớn bé không giữ phép công thì nên kíp dâng giấy tờ lên đàn hặc. Nếu ai tư vị nể nang, buông thả dong túng hoặc chỉ chăm nhằm những việc nhỏ nhặt hay là bắt bóng nói càn thì đều phải tội". Chb. **XV**, 20

---

(1) Năm Bính Ngọ (1426) Bình Định vương Lê Lợi chia Đông Đô làm bốn đạo, tức là Tây đạo, Đông đạo, Bắc đạo, Nam đạo (Xem Chb. XIII, 32) ; đến năm Mậu Thân (1428) lại đặt thêm Hải Tây đạo, gồm thành năm đạo (xem Chb. XV, 5).

(2) Tâu dộng : Tiếng cổ, có nghĩa như tâu trình.

(3) Có quan có nhiệm vụ can gián nhà vua và đàn hặc các quan. Trung thừa, Phó trung thừa, Thị ngự sử đều là các chức quan trực thuộc Ngự sử đài.

(4) Nhà Lê đặt mỗi đạo một giám sát ngự sử, như vậy có 13 giám sát ngự sử.

Ra lệnh bắt Hữu tướng quốc Lê Hãn để giao quan lại xét hỏi. Lê Hãn tự sát.

Là dòng dõi tư đồ Trần Nguyên đán, Hãn có học thức, giỏi binh pháp, giúp Lê Thái Tổ khởi nghĩa, ngày càng được yêu thương hậu đãi, thường được dự bàn những việc bí mật ; theo đi trận mạc, đến đâu cũng lập được chiến công đấy.

Năm Mậu Thân, Thuận Thiên thứ 1 (1428), tưởng lục công thần, Hãn được gia phong Hữu tướng quốc, cho lấy theo họ Lê. Công lao và danh vọng của Hãn thật cao tột. Hãn có nói riêng với người thân tín rằng : "Nhà vua có tướng như Việt vương Câu Tiễn : không thể cùng hưởng yên vui sung sướng được !"

Hãn xin về hưu, được nhà vua ưng thuận ; nhưng vì là dòng dõi nhà Trần nên bị nghi kỵ. Khi đã về ấp Sơn Đông, sống trong cảnh quê hương, Hãn xây dựng phủ đệ, đóng thuyền không giữ gìn hình tích. Những kẻ tâng công gièm pha với nhà vua rằng Hãn mưu toan làm phản. Nhà vua tin lời, ra lệnh cho lực sĩ đến bắt. Khi thuyền đi đến bến Sơn Đông, Hãn tự trầm chết.

Lời chua – *Sơn Đông :* Tên ấp, nay thuộc huyện Lập Thạch, tỉnh Sơn Tây.(1)

Tháng 5, mùa hạ. Phong mọi tước hầu (liệt hầu) cho các công thần.

Bấy giờ có 93 người được phong tước :

Huyện Thượng hầu, 3 người : Lê Vấn, Lê Sát, Lê Văn Xảo.

Á thượng hầu, 1 người : Lê Ngân.

Hương Thượng hầu, 3 người : Lê Lý, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng. Chb. **XV**, 21

(1) Bây giờ là huyện Lập Thạch thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Đình Thượng hầu, 14 người : Lê Chích, Lê Văn An, Lê Liệt, Lê Miễn, Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Khôi, Lê Đính, Lê Chuyết, Lê Lỗi, Lê Như Lãm, Lê Sao, Lê Kiệm, Lê Bật

Huyện hầu, 14 người : Lê Bị, Lê Bì, Lê Phủ, *Lê Náo*(1), Lê Thụ, Lê Lôi, Lê Khả, Lê Bồi, Lê Lang(2), Lê Xí, Lê Khuyển, Lê Bí, Lê Quốc Trinh, Lê Bật ;

Á hầu, 26 người : Lê Lạn, Lê Trãi, v.v... ;

Quan nội hầu, 16 người : Lê Thiệt, Lê Chương, ...

Quan phục hầu, 12 người : Lê Cuống, Lê Dao (Diêu).,.

Thượng trí tự trước phục hầu, 4 người : Lê Khắc Phục, Lê Hài, v.v...

Quy định rõ về phẩm trật quan giai văn võ : hàng văn từ quan nội hầu, đại hành khiển, và quan phục hầu trở lên, hàng võ từ thượng tướng, tước trí tự, và trước phục hầu trở lên đều được phép mặc phẩm phục màu lụa pha đỏ(3).

Nhà vua ra tờ dụ : "Trẫm, khi mới dấy nghĩa binh, phải lặn suối trèo non, trải bao hiểm trở ; bấy giờ ai đã đem gia quyến đi theo trẫm từ Mường Thôi(4), Bồ Đằng, Chí Linh và Khả Lam thì tên họ được ghi trong *Ký công sách*(5), con cháu trừ số đã làm quan, còn nếu không can án phạm pháp, đều được miễn sai dịch".

Lời cẩn án – *Về việc này*, Sử cũ *chép là "Khắc biển công thần 93 người". Theo* Thông sử(6) *của Lê Quý Đôn thì, tháng 5 năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) tưởng lục các công thần, theo*

(1) *Toàn thư* X, 67 chép là Nào (chữ nôm).

(2) *Toàn thư* X, 67 chép là Lê Khả Lang.

(3) Nguyên văn là "phi". Đây dịch theo định nghĩa của *Cương mục*. Còn theo *Từ Hải* (tr.1052) thì "phi" là màu đỏ ; theo từ điển tứ giác (tr.109), là màu đỏ tươi.

(4) Hán văn in là "Mang Thôi" (chữ mang : bộ tâm bên chữ vàng).

(5) Bản ghi công lao.

(6) Tức Đại Việt thông sử

thứ bậc cao thấp khác nhau là : huyện Thượng hầu, á Thượng hầu, hương Thượng hầu, đình Thượng hầu, quan nội hầu, quan phục hầu... Vậy nay xin đính chính theo Thông sử *(của Lê Quý Đôn)* Chb. **XV**, 22

Lời chua – *Liệt hầu* : Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì, khi Thái Tổ đã dẹp yên đất nước, phong mọi tước hầu (liệt hầu) cho các công thần, gồm có 9 bậc :

Thứ nhất : Huyện thượng hầu

Thứ hai : Á thượng hầu

Thứ ba : Hương thượng hầu

Thứ tư : Đình thượng hầu

Thứ năm : Huyện hầu

Thứ sáu : Á hầu

Thứ bảy : Quan nội hầu

Thứ tám : Quan phục hầu

Thứ chín : Trước phục hầu.

Lại theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn thì, đầu đời Lê, sự ban chức tước có nhiều cấp bậc, gồm 12 hạng :

1. Trí tự
2. Đại trí tự
3. Thượng trí tự
4. Trước phục hầu
5. Quan phục hầu
6. Quan nội hầu
7. Á hầu
8. Huyện hầu
9. Hương hầu
10. Đình thượng hầu
11. Hương thượng hầu
12. Á thượng hầu

Nay xin trình bày cả hai để tham khảo.

Phi : Màu lục pha đỏ. Theo phần "Xa phục chí" trong *Đường thư* thì chế độ lễ phục[1] quy định là : từ ngũ phẩm trở lên đều được dùng màu lục pha đỏ (phi).

Mường Thôi : Xem Bình Định vương năm thứ 3 (Chb. XIII, 13–14).

Bồ Đằng : có tên là Bồ Liệp. Xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 20–21).

Chí Linh : Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 3).

Khả Lam : Không rõ ở đâu.

Hạ chiếu cho tiến cử những người hiền năng còn bị bỏ sót.

Nhà vua hạ chiếu : "Những bậc hào kiệt trong thiên hạ vì sót lọt chìm lịm không ai tiến cử, hoặc có kẻ thù hằn chèn ép mà bị che đậy dập vùi, không bởi đâu ló mình ra được. Vậy ai nấy đều được phép đến chỗ Thiếu phó Lê Văn Linh để xét rõ sự thực rồi tâu lên để bổ dụng, chứ không câu nệ là nguỵ quan, là nhân sĩ hay thứ dân, miễn chỉ chuộng lấy người có tài có đức. Chb. **XV**, 23

Thi minh kinh.

Trước kia, sắc sai các quan văn võ trong kinh đô và ngoài các lộ từ tứ phẩm trở xuống, văn thì thông kinh sử, võ thì thông *Vũ kinh* : đến tháng 5, năm sau, tất cả đều học tập đông đủ ở Đông Kinh để dự kỳ khảo thí theo môn học của mình. Đến đây, nhà vua mở khoa minh kinh, lại sắc sai quân nhân các lộ và những người ẩn dật ở rừng núi hễ có ai thông kinh sử và giỏi văn nghệ thì đều đến đô sảnh đường, chờ đợi quan trên cùng sát hạch một thể.

---

(1) Nguyên văn là "khoá tập", có nghĩa là áo mặc của kỵ sĩ (kỵ phục) hoặc áo mặc đi trận (nhung y). Nhưng theo *Từ Nguyên* trang 1.346 thì thứ áo này, đời Nam triều (420 – 589) dùng làm lễ phục, nên dịch là "lễ phục" cho dễ hiểu.

Lời chua – *Đô sảnh đường* : Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì đầu đời Lê có đặt ra ba sảnh là Trung thư, Môn hạ và Hoàng môn. Đây chép "đô sảnh đường" có lẽ tức là chỗ nha môn của ba sảnh này.

Lại theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn, đầu đời Lê, noi theo chế độ đời Trần, đặt ra ba sảnh : Thượng thư sảnh thì giữ về vụ quan chức ; Trung thư sảnh thì thương lượng bàn bạc mọi việc rồi mới ban bố thi hành.

Vậy nay xin trình bày ra cả đây để tham khảo. Chb. **XV**, 24

Tháng 6. Thi các tăng đạo.

Sắc sai các tăng đạo : hễ ai thông kinh điển, cẩn thận giữ được giới hạnh thì đến sảnh đường[1] để sát hạch : nếu trúng tuyển thì sẽ được cấp cho tờ thiếp[2] chứng nhận làm sư ; còn thì phải hoàn tục.

Hạ chiếu cho các quan từ tam phẩm trở lên được phép tiến cử người hiền tài.

Tờ chiếu đại lược nói : "Trẫm nghĩ : làm được thịnh trị cốt ở kiếm được người hiền ; muốn được người hiền, phải do mọi người tiến cử. Vì thế, người cầm quyền trong thiên hạ tất phải cho việc này là cần kíp trước nhất.

"Trẫm nay phải gánh trọng trách, sớm hôm kính cẩn lo sợ như người đứng bên vực sâu ! Đó chính vì cớ chưa tìm được người hiền tài để giúp việc trị nước.

"Vậy ra lệnh cho các đại thần văn võ, các công hầu và đại phu từ tam phẩm trở lên : ai nấy được đề cử một người. Còn ai hoặc có tài kinh tế[3] mà phải chèn ép ở cấp dưới, hoặc là hào

(1) Xem Lời chua về "đô sảnh đường" của *Cương mục* ở Chb. XV, 23.

(2) Tức như cái thẻ.

(3) Danh từ "kinh tế" đây theo nghĩa cổ : Có tài trị nước giúp đời (kinh bang tế thế).

kiệt tài giỏi mà bị vùi dập ở nơi đồng nội thì cũng cho phép tự tiến cử lấy mình.

"Xưa, Mao Toại xuất đầu lộ diện, tự tiến mình để theo giúp Bình Nguyên quân[1]. Ninh Thích gõ sừng trâu, mượn bài hát để tỏ khí mà cảm được Tề Hoàn công phải trọng dụng. Như thế người xưa có từng câu nệ ở tiểu tiết đâu ? Vậy các bậc hiền giả chớ ngại mang tiếng đem ngọc bán rao để trẫm khỏi phải than phiền về việc thiếu nhân tài !" Chb. XV, 25

Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ nhà Minh lại sai bọn Lý Kỳ và Từ Vĩnh Đạt đến Đông Đô dụ bảo nhà vua cho lục tìm con cháu họ Trần. Kịp khi sứ nhà Minh trở về, nhà vua ra lệnh cho các đầu mục và các kỳ lão họp nhau làm tờ trạng nói rõ đầu đuôi sự việc, rồi sai bọn Hoàng môn thị lang Đào Công Soạn và Thẩm hình viện sứ Lê Đức Huy đem đồ vàng bạc, theo sứ nhà Minh sang Yên Kinh đệ trình bản trạng văn. Đại lược nói : "Người trong nước chúng tôi đã tìm khắp mọi nơi, nhưng con cháu họ Trần không còn ai cả. Lê Lợi, đại đầu mục của bản quốc, là người khiêm tốn, cung kính, cẩn thận, trung hậu, biết đường lối vỗ về yên ủi nhân dân, rất được lòng dân yêu mến, có thể cáng đáng coi quản công việc đất nước".

Vua Minh bảo các thị thần : "Lời lẽ trong bản trạng này chưa vội tin được ; phải lại nên cho tìm kiếm con cháu họ Trần". Rồi vua Minh lại sai bọn Công Soạn đem tờ sắc về dụ bảo nhà vua và các đầu mục cùng các kỳ lão lại cứ lùng kiếm con cháu họ Trần, nếu hiện nay quả không còn ai, bấy giờ sẽ lại làm bản tâu trình, mọi người liên danh ký tên để đợi xử trí.

---

(1) Mao Toại, người thời Chiến Quốc, là khách ăn ở tại nhà Bình Nguyên quân nước Triệu. Khi Triệu bị Tần đánh, Mao Toại tự tiến cử mình để cùng đi với Bình Nguyên quân sang Sở cầu cứu. Kết quả là nhờ có Mao Toại uy hiếp thuyết phục được vua Sở nên lời giao ước "hợp tung" để chống Tần được thực hiện, cứu nước Triệu thoát khỏi hiểm nguy.

Lời phê[1] – *Minh Tuyên Tông (1426 - 1435) xử trí việc này rất đắc thể. Phải lựa chiều đối xử với Minh như thế, Lê Thái Tổ (1428 -1433) thật cũng khổ tâm !*

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua vào Tây Đô.

Nhà vua đi vào Tây Đô, bái yết các lăng tẩm. Thưởng cho các tướng hiệu đi hộ giá : mỗi người, về phong tước được thêm một tư[2].

Lời chua – *Tây Đô* : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

Tháng 12. Tặng phong Thiếu uý Lê Lai làm Thái uý. Chb. XV, 26

Trước kia, nhà vua bị quân Minh bao vây bức bách, phải long đong lao đao ở nơi hang núi. Nhà vua có hội họp các tướng, bàn việc thay đổi áo bào như chuyện Kỷ Tín ngày xưa[3]. Riêng có Lê Lai hăng hái nói : "Nay bị quân địch bức bách nguy khốn như thế này, ta cứ ngồi yên ở chỗ hiểm nghèo, e chẳng ích gì ; nếu làm chước này may ra có thể hoà hoãn tình thế được đôi chút thì, vì lòng yêu vua, người trung thần còn có tiếc gì !" Nhà vua ngước lên trời, nguyền rằng : "Lê Lai đổi áo bào, chịu chết thay để lo tròn báo đáp. Mai sau nếu ta không nhớ nghĩ đến công ấy thì nguyền nơi hành điện sẽ hoá rừng núi, quả ấn báu sẽ hoá thành cục đồng, thanh thần kiếm sẽ hoá đao binh".

Lê Lai liền quản lãnh quân và voi, xông pha hướng về phía địch, bị giặc bắt và bị giết.

Kịp khi trong nước đã yên, nhà vua tặng phong Lê Lai là Thiếu uý Lũng Nhai công thần. Đến đây, lại tặng phong thêm chức Thái uý, sai Lê Trãi[4] chép lời thề nguyền của nhà vua cất vào trong hòm bằng vàng để tỏ ý ghi nhớ không quên.

---

(1) Về việc vua Minh dụ bảo tìm lập con cháu họ Trần và việc Lê Thái Tổ ngoại giao với Minh.

(2) Xem chú giải ở Chb. VII, 4 và X, 18.

(3) Xem chú giải ở Chb. XIII, 8.

(4) Tức Nguyễn Trãi, vì đây theo "Quốc tính", nên chép là Lê Trãi.

Canh Tuất, năm thứ 3 (1430). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 5).

Tháng 6, mùa hạ. Đặt lệ ngạch về thuế khoá. Ban hành luật lệ.

Sai Tổng quản Lê Khôi vào trấn giữ Hoá Châu.

Hoá Châu gần kề Chiêm Thành, nên phải sai người bầy tôi có họ thân[1] đi trấn thủ vỗ về để phòng giữ đất ấy.

Lời chua – *Hoá Châu :* Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chb. VIII, 44).

Chiêm Thành : Xưa là Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. VIII, 20-21).

Đổi Đông Đô làm Đông Kinh, Tây Đô làm Tây Kinh.

Tháng 11, mùa đông. Thổ tù Thái Nguyên là Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái làm phản. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh. Chb. XV, 27

Bọn Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái, thổ tù châu Thạch Lâm thuộc Thái Nguyên, mưu định làm phản. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh, tuyển bộ binh ở hành doanh[2] Bồ Đề.

Lời chua – *Thái Nguyên* : Tức Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19).

Thạch Lâm : Tức Thông Nông. Xem Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 6 (Chb. IV, 41).

Giết Thái uý Lê Văn Xảo, tịch thu cả nhà.

Văn Xảo là người trội cả về tài lẫn trí, rất được nhà vua tin dùng. Đã từng làm tướng cầm quân đi đánh dẹp : làm cho An Lão[3] và Mộc Thạnh[4] đều phải thua chạy, Văn Xảo lập được nhiều chiến công vẻ vang. Năm Mậu Thân, Thuận Thiên thứ 1

(1) Lê Khôi, họ đồng tông với Lê Lợi.

(2) Quân doanh đóng ở dọc đường khi vua đi trận.

(3) Hai tướng nhà Minh.

(4) – nt –

(1428), nhận định công lao để ban thưởng : gia phong Văn Xảo làm Thái bảo, ban cho lấy theo họ Lê, rồi lại gia phong làm Thái uý.

Bấy giờ nhà vua đã hơi cao tuổi, lại nhiều tật bệnh. Quốc vương Tư Tề thì ngông cuồng càn bậy, Thái tử Nguyên Long thì còn thơ ấu. Thấy Văn Xảo là người Kinh lộ, có danh vọng đối với mọi người, nhà vua sợ rằng, một ngày kia, có lẽ khó kiềm chế được, cho nên đem lòng nghi kỵ. Bọn Trình Hoành Bá và Lê Quốc Khí đón biết ý ấy, muốn tâng công, nên dâng mật sớ cáo tỏ rằng Văn Xảo âm mưu làm việc trái phép. Nhà vua tin lời, bắt Văn Xảo phải chết và tịch thu cả nhà.

Tân Hợi, năm thứ 4 (1431). (Minh, Tuyên Đức năm thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tiến quân đến châu Thạch Lâm, thắng trận : Khắc Thiệu phải chạy rồi chết ; bắt được Đắc Thái. Kéo quân về. Chb. XV, 28

Châu Thạch Lâm đã dẹp yên. Đem tội trạng của Khắc Thiệu và Đắc Thái báo cáo cho trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết.

Tháng 3. Nhà vua về cung.

Mở khoa thi Hoành từ.

Nhà vua ngự ở hành cung Bồ Đề, thi các sĩ tử. Bọn Nguyễn Thiên Tích trúng tuyển, được bổ làm ngự tiền học sinh.

Lời cẩn án – *Về khoa thi Hoành từ*, Sử cũ *không chép ; còn* Đăng khoa lục *và* Lịch triều hiến chương Khoa mục chí *đều chép cả, nhưng không ghi tháng. Nay xét : thi cử có quan hệ đến điển lễ trọng đại về việc lựa chọn nhân tài, không nên bỏ sót và chép sơ lược, nên nay xin chép vào tháng 3 năm này (Tân Hợi, 1431).*

Lời chua – *Khoa thi Hoành từ* : Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XXI, 8–9).

Bồ Đề : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 4).

Nguyễn Thiên Tích : Người làng Nội Duệ thuộc huyện Tiên Du[1]

Tháng 11, mùa đông. Sứ nhà Minh sang.

Trước đây, nhà vua sai bọn Lê Hữu Lãm đem sang Minh tờ biểu của các kỳ mục[2] và xin phong tước. Vua Minh ưng thuận việc này, sai bọn Hữu thị lang Chương Xưởng và Hữu thông chính Từ Kỳ đem sắc sang phong nhà vua tạm quyền coi quản việc nước An Nam. Khi bọn Xưởng về, nhà vua sai bọn Thẩm hình viện phó sứ Nguyễn Văn Huyến sang Minh đáp lễ và tạ ơn, giải nộp lễ cống hàng năm là 5 vạn lạng vàng, rồi xin theo thể lệ thuế cống đã đặt từ năm Hồng Vũ thứ 3 (1370). Từ đó, sứ giả về việc bang giao đi lại không ngớt. Chb. **XV**, 29

Lời phê – *Bấy giờ vì phải lựa xử với nhà Minh cho được việc, nên lễ cống mới phí tổn quá nặng, chứ không được nhẹ như ngày nay*[3].

Lời chua – *Lệ cống đặt từ năm Hồng Vũ thứ 3* : Theo sách *Hội điển* nhà Minh thì lệ cống gồm có : Các đồ dùng bằng vàng bạc, sừng tê, ngà voi, lụa bạch, hương xông, hương giáng chân[4], trầm hương, tốc hương[5], mộc hương, hương vòng đen và quạt giấy.

Tháng 12. Sách Lam Sơn thực lục làm xong.

Trước kia, nhà vua sai cho nho thần soạn cuốn *Lam Sơn thực lục*, trình bày công đức chứa chất của ông cha và những nỗi gian nan gây dựng cơ nghiệp đế vương. Đến đây, sách làm xong, nhà vua đề tựa đặt ở đầu sách, tự hiệu là Lam Sơn động chủ.

---

(1) Nay là xã Nội Duệ thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(2) Tờ biểu do các kỳ mục nước ta đứng khai về việc con cháu họ Trần không còn, Lê Lợi được người nước yêu mến, xứng đáng coi quản việc nước (Chb. XV, 25).

(3) Tác giả lời phê này có ý so sánh cống phẩm đời Lê Thái Tổ với đời Tự Đức (1848 – 1883).

(4) Cũng gọi "giáng hương", một thứ gỗ thơm, gốc rắn chắc, sắc tía mà nhuần mỡ : khi đốt làm hương, ban đầu không thơm lắm, nhưng được hoà với các mùi hương khác thì nó mới ngào ngạt thơm. Sở dĩ gọi là hương "giáng chân", là vì người xưa theo duy tâm đốt hương này có thể cầu thần linh giáng lâm.

(5) Xem chú giải ở Chb. XIV, 24.

Đèo (Điêu) Cát Hãn, thổ tù châu Ninh Viễn, làm phản. Nhà vua sai Quốc vương Tư Tề và Tư khấu[1] Lê Sát đi đánh.

Liên kết với Kha Lại, bầy tôi phản nghịch của Ai Lao, Đèo Cát Hãn lấn lướt khuấy nhiễu nhân dân ở nơi biên giới. Việc này lên đến triều đình, nhà vua sai tướng đi đánh ; kế đó lại định chính mình cầm quân đi dẹp. Chb. XV, 30

Lời chua – *Ninh Viễn* : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 17).

Nhâm Tí, năm thứ 5 (1432). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh châu Ninh Viễn, thắng trận : Kha Lại chạy rồi chết, Đèo Cát Hãn lẩn trốn. Nhà vua đặt đất Ninh Viễn là châu Phục Lễ. Tháng 3, trở về cung, dâng tù binh ở nhà Thái miếu.

Quan quân chia hai đường thuỷ bộ cùng tiến, thẳng tới châu Ninh Viễn : cả phá được địch. Kha Lại phải chạy về Lự Động thuộc Ai Lao . Nhà vua ra lệnh cho Lê Sát tiến quân đến đầu địa giới Ai Lao. Người Lào sợ, bèn giết Kha Lại, rồi đến xin hàng tại cửa trại quân ta. Cát Hãn trốn xa. Nhà vua sai bắt hết làm tù binh các bè đảng của hắn. Đặt đất Ninh Viễn làm châu Phục Lễ ; rồi hạ chiếu rút quân về, dâng tù binh ở nhà Thái miếu.

Lời phê [2]– *Với oai quyền và danh tiếng của Lê Thái Tổ, cần gì phải diễu võ dương uy với đám giặc cỏ, tép nhẹp khoe khoang như vậy?*

Lời chua – *Phục Lễ* : Nay là Lai Châu thuộc tỉnh Hưng Hoá[3]

---

(1) Chức quan trông coi về việc đánh bắt giặc.

(2) Chỉ việc Lê Thái Tổ đi đánh Đèo Cát Hãn.

(3) Nay thuộc tỉnh Lai Châu.

Lự Động : Thay đổi ra sao, không rõ.

Tháng 11, mùa đông. Đèo Cát Hãn và con là Mạnh Vượng xin hàng. Nhà vua tha tội cho Cát Hãn và phong làm Tư mã.

Quý Sửu, năm thứ 6 (1433). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 8).

Tháng 4, mùa hạ. Sổ hộ tịch đã hoàn thành.

Trước kia, nhà vua sai làm hộ tịch ; đến đây, sổ sách đã xong, dâng lên triều đình.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đi vào Tây Kinh. Cùng tháng ấy, trở về cung.

Nhà vua đi Tây Kinh, thăm các lăng tẩm. Chb. XV, 31

Quốc vương Tư Tề có tội bị giáng xuống làm Quận vương.

Tư Tề làm nhiều điều cuồng dại, trái nghịch. Nhà vua lấy làm lo lắng, bèn ban dụ rằng :

"Làm tôi phải trung, làm con phải hiếu. Thế mà Tư Tề ngang ngược với thần, khinh lờn cả trời, không hiếu thảo với cha mẹ, không noi theo đường lối của các hiền triết xưa. Vậy nay giáng Tư Tề xuống làm Quận vương".

Nhà vua sai Thái tử Nguyên Long coi quản việc nước.

Tờ chiếu đại lược nói : "Trẫm đây tài mọn, đức mỏng, kính vâng mạng trời, ở ngôi đến nay đã được sáu năm. Bây giờ đã đến lúc mệt mỏi, không siêng chăm được chính sự.

"Hoàng thái tử, tuổi tuy thơ ấu, nhưng tính nhân từ hiếu thảo bấy lâu đã thấy tỏ lộ ra ngoài, được mọi người hoà thuận tin theo, đáng hưởng ngôi báu. Vậy có thể trao cho kiếm và ấn để thay trẫm coi quản việc nước".

Phong Lê Sát làm Đại tư đồ [1].

Bấy giờ nhà vua đau nặng. Thái tử còn nhỏ tuổi, coi quản việc nước. Lê Sát là bậc công thần, được nhà vua tin cậy, định

(1) Đây là chức hàm gia thêm để phong cho đại thần.

giao cho công việc nhận lãnh di chiếu làm phụ chính để giúp chúa nhỏ, cho nên nay có mệnh lệnh phong cho chức này.

Tháng 8 nhuận. Sao chổi mọc ở phương Tây.

Nhà vua mất. Chb. XV, 32

Nhà vua ở ngôi 6 năm, thọ 49 tuổi. Trước kia, nhà vua trỗi dậy, khởi nghĩa, dẹp yên giặc Minh, trải mười năm trong nước được bình định. Kịp khi lên ngôi, quy định thuế khoá, chia ruộng đất, ban hành luật lệnh, mở khoa thi, tổ chức quân cấm vệ, cất đặt quan chức, tưởng lục công thần, dựng trường học... Quy mô sáng nghiệp có thể gọi là rộng lớn ; nhưng hay nghi kỵ, đa sát : đó là chỗ kém của nhà vua.

Lời cẩn án – *Theo* Thông sử *của Lê Quý Đôn, nhà vua thọ 49 tuổi : còn* Sử cũ *và mục "Nhân vật chí" trong* Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú đều chép nhà vua thọ 51 tuổi. Thế là hai thuyết khác nhau. Nay xét : Nhà vua sinh năm Ất Sửu (1385), mất năm Quý Sửu (1433), vậy thì* Thông sử *là đúng. Nay theo* Thông sử.

Tháng 9. Thái tử Nguyên Long lên ngôi (tức là Thái Tông).

Nguyên Long mới 11 tuổi.

Đại xá cho cả nước.

Ban chiếu đại xá. Kể từ sang năm (Giáp Dần, 1434) là niên hiệu Thiệu Bình thứ 1.

Tháng 11, mùa đông. Táng (Lê Thái Tổ) ở Vĩnh Lăng. Chb. XV, 33

Đưa về táng ở Vĩnh Lăng trong Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ. Bầy tôi dâng thụy hiệu là : Thống thiên, khải vận thánh đức thần công duệ văn anh vũ khoan minh dũng trí hoằng nghĩa chí minh đại hiếu Cao hoàng đế. Sai sứ sang cáo phó với nhà Minh.

Xây điện Lam Kinh.

Lời chua – *Điện Lam Kinh* : Theo *Hoàng Việt địa dư chí* thì điện này ở xã Lam Sơn, huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá, phía sau dựa vào núi làm gối, phía trước hướng mặt ra sông.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 16

Từ Giáp Dần, Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 1 (1434) đến Bính Thìn, năm Thiệu Bình thứ 3 (1436). Gồm 3 năm. Chb. XVI, 1

*

Giáp Dần, Thái Tông Văn hoàng đế, năm Thiệu Bình thứ 1 (1434). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 9).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi bái yết thái miếu.

Tết Nguyên đán, Nhà vua dẫn đầu trăm quan đi bái yết thái miếu.

Sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, nhà Minh sai bọn Từ Kỳ đem sắc văn sang hỏi về số người Minh còn bị giam giữ và số vàng trong lệ tuế cống[1]. Đến đây, nhà vua sai bọn Môn hạ thị lang Nguyễn Phú (sau đổi là Nguyễn Truyền) và Lang trung Phạm (Thì) Trung đem sang đưa cho nhà Minh[2].

Sắc sai trăm quan tiến cử người hiền.

Nhà vua dụ rằng : "Các ngươi là quan liêu đã được trẫm tin dùng. Trước đây, vì lòng cầu hiền để lo trị nước, đã ra lệnh cho

---

(1) Lễ tiến cống hằng năm. Xem thêm Chb. XV, 29

(2) Về việc này, *Cương mục* cũng như *Toàn thư* (quyển XI. tờ 1b-2a) không chép rõ là đưa trả nhà Minh số người còn bị giữ lại hay là số vàng tuế cống.

ai nấy được tiến cử một người ; đến nay vẫn chưa thấy đáp ứng mệnh lệnh , là cớ làm sao ?"

Lại dụ :" Những người được tiến cử mới đây đều là hạng tầm thường cả. Từ nay về sau, các người nên lưu tâm xem xét dò tìm : Hoặc giả còn có những người ẩn tích ở nơi đồng nội rừng rú nếu quả thực là bậc tài đức đều trội thì các ngươi nên cùng nhau đứng lên đề cử chung để làm thoả ý thiết tha cầu hiền của trẫm." Chb. **XVI**, 2

Điểm duyệt quân đội và chiếu dụ.

Sắc sai các quân Ngự tiền và vệ quân năm đạo đúng ngày 20 tháng này[1] phải nhất tề tập hợp ở Đông Kinh để thao diễn. Chỉ có các quân ở Thanh Hoá, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá được phép tới bản trấn[2] ở địa phương mình để điểm duyệt. Ai trái lệnh, phải trị tội.

Lời chua – *Các quân Ngự tiền* : Theo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì Lê Thái Tổ có đặt ra sáu quân Ngự tiền, như :

1. Ngự tiền võ sĩ ;
2. Ngự tiền trung quân ;
8. Tả, Hữu, Tiền, Hậu, Dực thánh quân[3]
4. Phủng thánh quân ;
5. Thời lôi quân ;
6. Bảo ứng quân.

---

(1) Tức tháng giêng năm Giáp Dần (1434).

(2) Chỗ trấn mình ở. Thí dụ như quân ở Thanh thì gọi Thanh Hoá là bản trấn, quân ở Nghệ thì gọi Nghệ An là bản trấn.

(3) Quân hiệu này nếu chia tách ra thì là Tả Dực thánh quân, Hữu Dực thánh quân, Tiền Dực thánh quân và Hậu Dực thánh quân.

Vệ quân năm đạo : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 5-6).

Đông Kinh : Tức Thăng Long. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).

Tân Bình : Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16-17).

Hạ lệnh cho con cháu về ngành đích của các quan văn võ từ lục phẩm trở lên được vào học ở Quốc Tử Giám.

Chb. **XVI**, 3

Nhà vua ra lệnh cho con cháu về ngành đích của trăm quan từ lục phẩm trở lên, ngoài những công việc đê điều và báo tin có động ở biên giới không được vin lệ xin miễn ra, còn tiền thuế thân và tạp dịch khác đều được tha cả. Hạng con cháu này đều được khai tên vào học trong Quốc Tử Giám để đợi bổ dụng.

Nhà vua đến trường đua[1], xem quần thần hội thề.

Hồi đầu thời Lý, hằng năm, cứ đến tháng trọng xuân[2], hội họp quần thần án thề ở đền thờ thần Đồng Cổ. Nhà Trần vẫn làm theo . Đến đời Hồ Quý Ly, vì có vụ Trần Khát Chân[3], nên lễ minh thệ này mới phế bỏ. Đầu đời Lê, lễ này cũng bỏ qua, không nói tới. Đến đây, bọn Lê Sát mới xin với nhà vua, lập đàn thờ ở trường đua, khấn cáo với thần linh trên trời dưới đất, tập hợp trăm quan văn võ trong kinh đô và ngoài các đạo, cắt tiết ngựa bạch làm lễ ăn thề. Nhà vua tới xem.

---

(1) Có thể là trường đua ngựa hoặc bãi tập bắn ở đương thời.

(2) Tháng 2 âm lịch.

(3) Trần Khát Chân cùng các đồng đảng mưu giết Hồ Quý Ly nhưng thất bại. Xem Chb. XI, 34

Lời phê[1] – *Lê Thái Tổ là bậc hiền triết sáng suốt, cẩn thận trong việc lựa chọn tôi hiền để giúp vua nhỏ, thế mà lại dùng bọn Lê Sát là những kẻ vô học, không biết chính luật là gì, nên mới noi theo quy chế hội thề là thói hủ lậu của Lý, Trần. Sau này Lê Thái Tông buông tuồng rông rỡ đến nỗi chuốc lấy tai vạ*[2], *chưa chắc đã không phải vì cớ giúp rập không có người tốt. Vậy đức tốt của Lê Thái Tổ so với Hán Cao Tổ (206-195 tr.c.ng)*[3]*và Hán Văn Đế (179-157 tr.c.ng)*[4] *còn kém xa.*

Lời chua – *Trường đua* : Có thuyết nói phía tây thành Đông Kinh ; thuyết khác lại cho là ở Trung Hà thuộc huyện Vĩnh Thuận.

Đền Đồng Cổ[5]: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 19 (Chb. II,29-30)

Tháng 2. Bọn Hoàng Nguyên Ý , thổ tù Lạng Sơn, định làm phản, dẹp yên được. Chb. **XVI**, 4

Trước kia, Nguyên Ý cùng bọn Hoàng Văn Ngạc, Nguyễn Thế Ninh và Nguyễn Công Đình lấy tư cách là thổ tù quy thuận triều đình. Vì có công, họ đều được phong chức quản lãnh, vẫn cử coi quản dân chúng ở bản thổ. Bọn Tuyên uý Lê Đồ không biết cách vỗ về chế ngự, nên bọn Ý đều oán, chực làm loạn. Nhân bấy giờ có tên Phi Báo, gia nô của Nguyên Ý phạm tội với chủ, bèn cáo tỏ với bọn Lê Bồ về tình trạng Nguyên Ý mưu phản. Bọn Lê Bồ tâu việc này lên triều đình. Nhà vua sai Lê Văn An, tư mã Bắc đạo, đem quân Thiết Đột và quân bản

(1) Về việc Lê Thái Tổ tin dùng Lê Sát.

(2) Chỉ việc Lê Thái Tông chết ở Lệ Chi Viên.

(3) Chỉ việc Hán Cao Tổ, khi sắp mất biết rõ trong các bầy tôi có người hiền như Tào Tham, Vương Lăng, Trần Bình và nhất là Chu Bột, người có thể giữ cho họ Lưu (họ Hán Cao Tổ) được vững vàng yên ổn, nên đặt lại cho Chu Bột làm Thái uý.

(4) Chỉ việc Hán Văn Đế biết Chu Á Phu là một tướng tài giỏi, nên phong làm Trung uý, và dặn lại Cảnh Đế nên dùng Chu Á Phu khi có việc nguy cấp.

(5) Hiện nay đền này vẫn còn ở Hà Nội.

đạo[1] đi đánh. Kịp khi Văn An đến nơi, Văn Ngạc đã bị thổ binh giết chết. Bọn Nguyên Ý đều bỏ vợ con, trốn sang nhà Minh. Văn An bèn bắt bớ thân thuộc bọn Nguyên Ý và hơn nghìn thổ dân đem về. Nhà vua tha cho thổ dân được về làm ăn như cũ, còn thân thuộc của bọn Nguyên Ý thì bắt làm nô, chia cấp cho các nhà công thần.

Lời chua – *Lạng Sơn* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Nguyễn Thế Ninh, Nguyễn Công Đình : Theo phần *Liệt truyện* trong *Minh sử* thì Thế Ninh và Công Đình đều đem bộ thuộc sang quy phụ nhà Minh, xin cư trú tại đất Đống Châu thượng và hạ thuộc Long Châu.

Bắc đạo, Thiết Đột : Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 3-5).

Khảo hạch học sinh các lộ.

Trước kia, Lê Thái Tổ có hạ chiếu cho trong nước về việc dựng nhà học, gây nhân tài, lựa lấy con em các nhà lương thiện ở dân gian sung làm hiệu sinh các lộ, rồi cất đặt các nhà nho học làm thầy để dạy dỗ. Đến đây, nhà vua ra lệnh cho tập hợp ở dinh quan bản đạo để quan trên sát hạch xem sự tiến tới ra sao, lấy trúng tuyển hơn một nghìn người, chia làm ba bậc : bậc nhất và bậc nhì được bổ vào Quốc Tử Giám, bậc ba cho về trường hàng lộ để đọc sách. Cả ba bậc này đều được miễn sai dịch.

Chb. **XVI**, 5

Giết Tư khấu Lê Nhân Chú. Biếm truất Nam đạo hành khiển Lê Khắc Phục xuống làm đại tông chánh. Đày Nguyễn Đức Minh đi châu xa[2].

(1) Tức là quân ở Bắc đạo thuộc quyền Lê Văn An.

(2) Châu Bố Chính (Xem Chb. XV, 10)

Lê Sát làm thủ tướng, mọi việc đều quyết định theo ý mình. Sát thấy Nhân Chú không ăn cánh, nên gièm pha rồi giết chết. Lại biếm truất em Nhân Chú là Khắc Phục. Sau đó có bức thư nặc danh dán ở vách tường một ngôi đền bên đường rằng :

"Đại tư đồ Sát đồng mưu với Đô đốc Vấn giết chết Ông Sĩ" Ông Sĩ là tên tự của Nhân Chú. Giám sinh Nguyễn Đức Minh gọi mọi người đến xem rồi bóc ném ngay xuống nước. Bọn Sát ngờ rằng thư nặc danh ấy do Đức Minh làm ra. Trải qua nhiều lần tra hỏi, Đức Minh vẫn không nhận. Toan đem chém, nhưng toà pháp ti cho là một án còn đáng ngờ, nên đày Đức Minh đi châu xa, tịch thu cả nhà.

Sai sứ đi tuyển thêm binh lính.

Bấy giờ sổ quân không được đầy đủ. Nhà vua sai bọn Đại Tư đồ Lê Sát, Tư khấu Lê Ngân, Tư mã Lê Liệt và Lê Bôi tuyển lựa đinh tráng các đạo làm binh lính. Các danh sắc[1] như viên tử là con các quan võ từ lục phẩm trở lên và như giám sinh ở Quốc Tử Giám, lại như các công nô và tư nô do vua ban cho ở các nhà quan đều được miễn quân dịch. Trong quân và dân nhà nào có ba con trai thì một con được miễn. Còn ngoài ra đều phải tuyển mộ cả.

Xoá tên Trình Hoành Bá trong sổ làm quan bắt sung làm lính. Chb. XVI, 6

Trước kia, vua Thái Tổ thường hay đau yếu, Quận vương Tư Tề ngông cuồng rông rỡ, nhà vua hãy còn trẻ thơ. Còn Trần Hãn là dõng dõi họ Trần, Phạm Văn Xảo là người Kinh lộ, họ đều có công giúp rập khai quốc, được dân chúng để ý trông cậy Vua Thái Tổ đem lòng nghi kỵ vì sợ họ có ý gì khác. Trình Hoành Bá cùng bọn Đinh Bang Bản, Lê Quốc Khí, Nguyễn (Tông) Chí và

(1) Những người có chức vị ở trong xã hội phong kiến, cũng như đời sau gọi là "chức sắc" hoặc "cước sắc".

Lê Đức Dư đón biết ý muốn bề trên như thế, bèn đua nhau dâng mật sớ tâu xin trừ diệt họ. Hễ có người nào không vừa ý chúng thì chúng lại buộc là bè đảng của hai nhà Trần, Phạm ; do đấy số người bị liên luỵ rất nhiều. Về sau, Lê Thái Tổ xét rõ biết rằng bọn Hoành Bá đều là tiểu nhân xảo trá đảo điên, đã ruồng rẫy chúng rồi ; nhưng vẫn lo chúng sẽ lại ngóc lên được, nên đã răn dạy là đừng dùng chúng nữa. Đến đây, Lê Sát cho rằng Hoành Bá có tài, đáng tiếc, nên lại muốn dùng Hoành Bá. Các quan giữ việc can ngăn là Nguyễn Thiên Tích và Bùi Cầm Hổ tâu rằng : "Tiên đế"[1] đã có chỉ dụ dặn không nên dùng bọn Hoành Bá nữa mặc dầu chúng có tài ; thế mà nay lại cất dùng, đó là trái ý Tiên đế". Vì vậy, nay mới xoá tên Hoành Bá và bắt sung làm lính.

Lời chua – *Nguyễn Thiên Tích* : Người Nội Duệ thuộc huyện Tiên Du[2], đỗ khoa Hoành từ năm Tân Hợi, Thuận Thiên thứ 4 (1431) đời Lê Thái Tổ.

Bùi Cầm Hổ : Người Độ Liêu thuộc huyện Can Lộc[3].

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân đến Đông Kinh[4] để đảo vũ.

Bấy giờ trời mãi không mưa. Nhà vua sai rước tượng Phật đến Đông Kinh, để làm lễ cầu đảo. Quan giữ việc can ngăn là Nguyễn Thiên Hựu tâu rằng : "Xin Bệ hạ tu đức, xét tù oan ức, thải bớt cung nữ, nếu mà trời còn không mưa thì chém tôi để tạ tội với thiên hạ". Tờ sớ của Thiên Hựu dâng lên, Lê Sát ghét rằng nói thẳng. Gặp bấy Chb. **XVI**, 7

(1) Chỉ Lê Thái Tổ.

(2) Thuộc tỉnh Bắc Ninh.

(3) Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

(4) Tức Đông Đô được đổi làm Đông Kinh từ năm Canh Tuất, 1430 (xem Chb. XV, 26)

giờ có mưa nhỏ, Lê Sát bèn gọi Thiên Hựu đến hỏi : "Tối hôm qua chẳng mưa nhỏ đấy ư ?" Lại có tin báo có mưa từ các lộ Thanh Hoá, Tuyên Quang gửi đến tâu trình, Lê Sát liền đem cả mọi tin này bảo cho Thiên Hựu biết, Thiên Hựu không đối đáp ra sao được.

Lời chua – *Chùa Pháp Vân* : Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chb. III, 31-32).

Tuyên Quang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Ân xá.

Vì cớ hạn hán, nhà vua ân xá cho vài mươi người tù phạm tội nhẹ.

Giáng chức Nhập nội thiếu bảo Lê Khả xuống làm Tuyên uý đại sứ ở Lạng Sơn[1].

Lê Khả không ưa nhau với thủ tướng Lê Sát, xin rút lui, bèn bị giáng xuống làm chức Tuyên uý đại sứ ở Lạng Sơn. Sau đó lại bổ làm Đồng quản lãnh[2] ở quân vệ Nam Sách hạ[3].

Lời chua – *Nam Sách* (chữ Sách là sách lược) : Tức Nam Sách (chữ sách là sổ sách). Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22). Chb. **XVI**, 8

Chiêm Thành vào cướp Hoá Châu.

Bố Đề, chúa Chiêm Thành, hay tin vua Lý Thái Tổ mới mất, nhà vua nhỏ tuổi, lên nối ngôi, bèn chính mình đem quân ra gần ngoại thành rồi sai thuyền chiến lén vào cửa Việt thuộc

(1) Cũng như *Cương mục, toàn thư* XI, 7b chép việc Lê Khả làm Tuyên uý đại sứ ở trấn Lạng Sơn này vào tháng 4 năm Giáp Dần (1434), nhưng đến việc Lê Khả nhậm chức quân vệ ở Nam Sách hạ thì chép là đồng tổng quản, chứ không phải là *đồng quản lãnh,* và đặt vào chỗ tháng 6 năm Đinh Tỵ. 1437 *(Toàn thư.* XI, 40a).

(2) - nt -

(3) - nt -

Hoá Châu, cướp bắt vài người sở tại để dò hỏi tình hình hư thực trong nước ta. Nhân dân Hoá Châu đuổi đánh, bắt được hai tên lính Chiêm, giải ra Kinh đô. Nhà vua sai diễu võ dương uy ở trường đua, cho dẫn tù binh Chiêm Thành đến xem rồi tha cho về.

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Hoá Châu : Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chb. VIII, 44).

Cửa Việt : Ở huyện Đăng Xương 26 dặm về phía đông bắc, thuộc đạo Quảng Trị ngày nay. Nguyên trước tên là cửa biển An Việt, năm Minh Mạng thứ 1 (1820) đổi gọi là Việt An.

Lập đàn cúng ở điện Kính Thiên.

Bấy giờ vì hạn hán lâu ngày có tổn hại đến nghề nông, lại vì chiếc thuyền ngự do Nghệ An dâng tiến bị sét đánh, nên làm đàn cúng để trừ tai.

Thái sử Bùi Hanh mật tâu rằng ngày mồng 1 tháng 5 có tinh con vượn đen hút khí mặt trời, nên có nhật thực thì trong nước có tai biến. Nếu giết con vượn thật để yểm trừ thì tai biến có thể qua khỏi. Lê Sát tin lời bèn tâu xin ra lệnh cho dân ở miền núi thuộc Tuyên Quang và Thái Nguyên săn bắt vượn, đưa đến Kinh đô. Tới ngày đã được vượn, nhà vua nghỉ thiết trào, làm phép yểm trừ ở trong cấm cung, trăm quan không dự biết việc này. Chb. **XVI**, 9

Lời phê[1] – *Càn bậy quá lắm !*

Lời chua – *Tuyên Quang, Thái Nguyên* (tức Ninh Sóc) : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 31, 32).

Tháng 5. Quy định rõ ngạch thuế bãi dâu.

(1) Chỉ việc Bùi Hanh nói tinh vượn đen hút khí mặt trời và xin yểm bằng con vượn thật.

Đầu niên hiệu Thuận Thiên (1428 - 1433), đã quy định các ngạch thuế khoá, nhưng chỉ mới làm kỹ về thuế dân đinh, thuế đầm và thuế ao, còn thuế bãi dâu hãy còn sơ lược. Đến đây, quy định rõ ràng lại để làm luật lệ lâu dài.

Sai bọn Tư mã Lê Liệt đi kinh lược Tân Bình và Thuận Hoá.

Vì Chiêm Thành vào lấn cướp, nên nhà vua sai Lê Liệt thống suất các quân Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá đi kinh lược nơi biên giới. Nhà vua ra mệnh lệnh rằng : "Khi ra trận đánh giặc, từ tướng hiệu trở xuống hễ ai dám trái lệnh và thụt lùi thì cho Lê Liệt được phép chém trước tâu sau". Nhà vua lại sai bọn Nhập nội thiếu uý Lê Khôi và Tổng quản Lê Truất liền đó xuất quân đi tiếp ứng.

Khi họ kéo quân đến Hoá Châu thì Bố Đề[1] đã rút lui từ trước rồi. Họ định kéo quân về, bỗng gặp việc tên Thành (không rõ họ), phụ đạo người Mán Hoá Châu, bị xâm lấn bởi tên Luận (không rõ họ), cũng là phụ đạo, đến xin cứu viện, bọn Lê Liệt liền kéo quân đến giúp. Tên đầu sỏ dân Mán được tin đại quân đã đến, tức thì đang đêm trốn mất. Bọn Liệt bắt được hơn nghìn người và đem vài mươi thớt voi đem về.

Chb. **XVI**, 10

Lời chua – *Thành, Luận* : Đều là tên người, làm chức phụ đạo.

Sai sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai bọn Tuyên phủ sứ Nguyễn Trụ và Hoàng môn thị lang Thái (Sái) Quân Thực đem biểu văn và sản vật địa phương sang Minh cầu xin phong vương.

Bài biểu tấu về việc này do Đại hành khiển Lê Trãi soạn ; Nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ Lê Cảnh Xước muốn sửa đổi vài chữ. Trãi nổi giận, nói : "Bọn các ngươi là hạng bày tôi tụ liễm[2]. Nạn hạn hán ngày nay đều do các ngươi gây ra cả !"

---

(1) Chúa Chiêm Thành (xem Chb. XVI, 8).

(2) Đánh thuế nặng để làm giàu cho bề trên.

Thúc Huệ đem chuyện này mách Lê Sát và Lê Vấn. Lê Vấn nổi giận, trách Lê Trãi rằng : "Những cớ gây nên tai nạn và hạn hán là do nhà vua và thủ tướng đó thôi, chứ không phải lỗi tại bọn này[1]. Sao ông trách nhau quá lắm thế ?" Lê Trãi xin lỗi, nói : "Thúc Huệ là hạng tài mọn, chỉ chăm đục khoét vơ vét, thế mà hắn giữ chức then chốt trong nước, hễ có tâu bày điều gì, hắn chỉ muốn làm thiệt dân, đem lợi về nhà quan để dua nịnh bề trên ; cho nên tôi mới nhân việc này mà nói ra đó thôi, chứ không phải có ý phúng thứ và dị nghị nhà vua và thủ tướng gì đâu". Lê Sát vẫn không nguôi giận. Cuối cùng bài tấu vẫn không sửa đổi.

Có bảy tên trộm đều là tái phạm, đáng bị tử hình. Bọn Lê Sát và Lê Ngân lấy làm khó nghĩ, vì e phải giết nhiều quá ! Nhà vua đem việc này hỏi Thừa chỉ Lê Trãi. Trãi thưa : "Hình phạt không bằng nhân nghĩa, thì rõ ràng rồi, bây giờ một chốc giết bảy mạng người thì e không phải là việc làm có đức cao cả. Kinh thư có nói : "An nhữ chỉ"[2] nghĩa là phải làm cho được đúng chỗ. Thí dụ như trong cung là đúng chỗ của bệ hạ, thỉnh thoảng có đi tuần du chỗ khác, thì không thể thường được thoải mái ; đến khi trở về cung, mới thật được đúng chỗ. Ông vua đối với nhân nghĩa cũng vậy". Bọn Sát bèn bảo Lê Trãi : "Ông là người nhân nghĩa, có thể cảm hoá người ác trở nên người thiện, thì đây, xin giao cho ông bọn trộm này". Rồi bọn Sát đem bảy tên tù phạm này giao cho Trãi đứng bảo quản[3]. Trãi nói : "Bọn chúng là đồ hung ác gian giảo. Pháp luật và chế độ của triều đình cũng không răn chừa được chúng, nữa là Trãi này có đức độ gì mà

Chb. **XVI**, 11

(1) Chỉ bọn Nguyễn Thúc Huệ và Lê Cảnh Xước.

(2) Chữ trong thiên *Ích tắc, kinh Thư,* lời Hạ Vũ khuyên vua Thuấn, ý nói thuận theo chính đạo mà đứng chính chỗ chỉ thiện.

(3) Chịu trách nhiệm nhận lĩnh và bảo đảm.

cảm hoá nổi !". Do đấy, chỉ chém hai tên cầm đầu còn thì khép vào tội lưu.

Lời phê[1]– *Trãi là bậc có tài, vậy mà vẫn không khỏi có tính kiêu căng, cho nên sau này mới chuốc lấy tai vạ*[2]. *Thế mới biết Trương Tử Phòng là bậc cao kiến*[3], *đời sau ít ai sánh kịp.*

Có khí sắc xanh đỏ như cầu vồng xuất hiện ở phía đông bắc.

Sương sa.

Sửa chữa chùa Báo Thiên, giết người thợ tên là Cao Sư Đãng.

Bấy giờ điều động thợ sơn làm ở chùa Báo Thiên. Sư Đãng phải nhọc nhằn làm việc, có nói vụng rằng "Thiên tử thì kém đức để đến nỗi có nạn hạn hán ; đại thần thì ăn hối lộ, cất dùng kẻ nọ người kia chẳng làm được công trạng gì cả ! Có hay gì mà còn nịnh Phật?" Có người đem chuyện này cáo tỏ với Lê Sát. Sát nổi giận, sai bắt Sư Đãng giao cho quan coi hình ngục xét xử. Thẩm hình là Nguyễn Đình Lịch khép Sư Đãng vào tội thả lời yêu quái càn bậy, đáng phải chết chém. Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ tâu xin giảm tội tử hình cho Sư Đãng. Nhà vua toan nghe theo. Lê Sát nói : "Trước kia, Nguyễn Đức Minh làm thư nặc danh, đáng phải tội giết chết để rao cho mọi người biết[4], trở đi nghe lời Thiên Hựu,

Chb. **XVI**, 12

---

(1) Chỉ việc Trãi giận mắng bọn Nguyễn Thúc Huệ góp ý kiến xin sửa lại vài chữ trong bài tấu.

(2) Chỉ việc sau này Trãi bị tru di tam tộc vì vụ án trại Vải (Lệ Chi Viên).

(3) Trương Lương, tên tự là Tử Phòng, giúp mưu bày kế cho Hán Cao Tổ thống nhất thiên hạ. Khi Hán Cao Tổ làm vua, vì có công, Trương Lương được phong Lưu hầu ; về sau, đi tu tiên, thoát ra ngoài vòng danh lợi.

(4) Xem Chb. XVI,5.

giảm nhẹ tội cho Đức Minh. Nay nếu lại tha Cao Sư Đãng thì răn kẻ khác thế nào được?" Bèn sai chém Sư Đãng.

Lời chua – *Chùa Báo Thiên* : Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thuỵ thái bình thứ 3 (Chb. III, 22).

Tháng 6. Ai Lao sai sứ đến triều cống.

Ai Lao và Bồn Man sai sứ giả đến cống sản vật địa phương. Nhà vua ban cho lụa bạch và áo dệt kim tuyến, rồi cho về.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 10).

Bồn Man : Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Mù sa dày đặc cả khoảng không.

Nước biển tràn ngập.

Mưa.

Sắc sai trăm quan làm lễ lạy tạ.

Đày Bùi Ư Đài, Đồng tri Bắc đạo, đi châu xa[1].

Bùi Ư Đài thấy tai biến và điềm gở dồn dập xảy đến, bèn dâng tờ sớ gồm bốn điều, trong đó :

"1 - Ở trong, nên lựa lấy những chỗ hoàng huynh, quốc cữu mà là bậc lão thành am tường thông thuộc các điển lệ và việc cũ, khiến cho ở bên tả hữu để dạy nhà vua. Ở ngoài, nên cất đặt người hiền giữ chức sư phó để làm cột trụ cho nhà nước, gương mẫu cho trăm quan. Chb. **XVI**, 13

"2 - Đầu quốc triều ta[2], những quan văn võ can phạm tội lỗi đều phải phạt tội đồ, tội lưu, thế là tiên đế[3] có ý răn dạy những kẻ gian tà. Nay lại cho họ được khai phục, làm việc cai quản quân và dân. Như vậy là làm trái với ý tiên đế[3], không hợp với đạo trời đất".

(1) Xem Chb. XV, 10 và XVI, 5.

(2) Tức đầu triều Lê.

(3) Chỉ Lê Thái Tổ.

Thấy tờ sớ này, Lê Sát giận lắm, sai chép ra hai điều trên đây để dâng lên vua và tâu : "Tiên đế[1] cho rằng bọn thần đều là chỗ tôi con lâu đời theo hầu trận mạc, vạn tử nhất sinh để lập được triều đình, lại xét rõ rằng bọn thần là người mộc mạc và lành, cho nên khi sắp băng hà, mới phó thác bệ hạ cho bọn thần. Nay những lời Ư Đài nói đó có ý ngờ vực bọn thần lừa dối che giấu bệ hạ điều gì, nên mới khuyên bệ hạ tìm chỗ họ hàng mà có công lao để phòng ngừa bọn thần. Vậy xin giao Ư Đài xuống cho pháp ti[2] xét xử. Nếu Ư Đài quả có ý ly gián vua và tôi thì nên theo pháp luật nhà nước mà trị tội, không nên tha".

Nhà vua ngẫm nghĩ hồi lâu, nói : "Những lời Ư Đài nói đấy đâu đến như vậy !" Lê Sát vẫn cứ cố chấp tâu mãi đến vài bốn lần, nhưng nhà vua không nghe.

Bọn Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ tâu rằng : "Ư Đài khuyên bệ hạ không nên uỷ nhiệm đại thần, thế là trái với lời chiếu để lại của tiên đế[3]. Việc này không thể không xét hỏi được" Nhà vua bèn đày ải Ư Đài đi châu xa.

Lời phê[4] – *Bầy tôi trung trực có lẽ lại nên như thế sao? (Bọn Nguyễn Thiên Hựu) cầm roi ngựa hầu Cấp Trường nhụ*[5] *cũng chưa xứng đáng.* Chb. **XVI**, 14

Lời chua – *Đồng tri* : Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì Lê Thái Tổ đặt chức Hành khiển ở

(1) Chỉ Lê Thái Tổ

(2) Tức toà tư pháp giữ việc xét xử hình ngục.

(3) Chỉ Lê Thái Tổ

(4) Chỉ việc Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ về hùa với Lê Sát, buộc tội Bùi Ư Đài.

(5) Tên tự của Cấp Ảm, người Bộc Dương đời Hán. Dưới triều Hán Vũ đế (140- 87 tr.c.ng). Cấp Ảm được vời làm cửu khanh, rất cương trực trong những việc can ngăn và đàn hặc ở triều đình, khiến cho vua cũng phải e dè kiêng nể. Hán Vũ đế thường nói : "Đời xưa có hạng bầy tôi làm trụ cột cho xã tắc, xem như Cấp Ảm bây giờ có thể gần bằng đấy".

năm đạo[1] chia giữ công việc sổ sách quân và dân, đứng đầu là Hành khiển, thứ đến Tham tri và Đồng tri.

Truy tôn mẹ là Phạm Thị làm Cung từ quốc thái mẫu.

Trước kia, Lê Thái Tổ không lập hoàng hậu, chỉ đặt mấy người làm phi như Trịnh Thần phi, Phạm Huệ phi... mà thôi. Thái mẫu[2] đây cũng là vợ lẽ Thái Tổ, đã mất từ trước ; đến đây, mới truy tôn và lập miếu riêng để thờ ở Lam Kinh.

Lời chua – *Lam Kinh* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb.XV,33)

Tháng 7, mùa thu. Cấm dân không được vượt bậc mà khiếu nại kiện cáo.

Nhà vua hạ chiếu : "Đường lối trị dân cốt làm cho không phải dùng đến hình phạt. Gần đây, thấy quân dân thường hay vượt bậc kêu thưa kiện cáo, làm phải bắt bớ liên luỵ đến nhiều người, trẫm chán lắm.

"Vậy, từ nay, phàm vụ kiện tụng nào là việc trọng đại thì mới cho phép tâu thẳng lên triều đình, còn những việc kiện nhỏ trước phải thưa ở xã quan xét xử rồi mới lên huyện ; huyện không xử xong, bấy giờ mới lên lộ, lên phủ, lên đạo, cứ theo bậc mà làm. Việc ruộng đất cũng vậy". Chb. **XVI**, 15

Mở hội Vu Lan. Tha tù phạm.

Tha cho 50 người tù vào hạng tội nhẹ. Ban 220 quan tiền cho các sư.

Lời chua – *Hội Vu Lan* : *Kinh Phật* chép rằng : Mục Liên có mẹ phải sống trong ngục Ngạ Quỷ. Phật bảo Mục Liên làm hội Vu Lan bồn vào ngày rằm tháng bảy, dùng bách vị ngũ quả đựng trong bồn để cúng giàng chư Phật mười phương, rồi sau mẹ của Mục Liên mới

(1) Xem việc năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb, XV,5)

(2) Tức Phạm Thị, tên là Trần, mẹ đẻ Lê Thái Tông.

ăn uống được[1]. *Thích thị yếu lãm* chép rằng : "*Vu Lan,* là tiếng Phạn, cũng như Hoa văn nói là *cứu đảo huyền*"[2].

Tháng 8. Bàn mở khoa thi Tiến sĩ.

Nhà vua hạ chiếu rằng : "Muốn có công hiệu về việc tìm người hiền, trước phải kén lấy kẻ sĩ ; đường lối kén lấy kẻ sĩ, đầu tiên phải mở khoa thi. Khi đức Thái Tổ mới lập quốc, bắt tay ngay vào mở trường học, thờ Khổng Tử bằng lễ thái lao[3], tỏ ra rất mực sùng nho trọng đạo ; nhưng đến khoa thi Tiến sĩ vẫn chưa kịp mở.

"Trẫm nay nối chí tiên đế, mong tìm được những người hiền tài cho thoả ý trẫm bấy lâu vẫn chờ đợi bằng cách để trống chỗ ngồi bên tả[4].

"Điều lệ về khoa cử và trường thi đặt như thế này : Bắt đầu từ năm Thiệu Bình thứ 5 (1438), ở các đạo, mở khoa thi Hương ; đến năm thứ 6 (1439) thi Hội ở đô sảnh đường[5]. Từ đó về sau, cứ ba năm một lần thi, đặt làm thành lệ lâu dài. Ai trúng tuyển, đều được cho là Tiến sĩ xuất thân.

Chb. **XVI**, 16

"Phép thi :

"Kỳ thứ nhất, kinh nghĩa một bài, Tứ thư nghĩa[6] mỗi sách một bài, tất cả đều phải 300 chữ trở lên ;

"Kỳ thứ hai, bài chiếu, bài chế và bài biểu ;

"Kỳ thứ ba, thơ và phú ;

"Kỳ thứ tư, văn sách một bài, hạn từ 1000 chữ trở lên".

---

(1) Theo kinh nhà Phật, khi mẹ của Mục Liên ở nơi địa ngục, hễ đồ ăn vừa vào đến miệng liền hoá thành lửa bỏng, nên không ăn được gì cả .

(2) Nghĩa là cứu người bị treo ngược, ý nói cấp cứu người đang ở trong cảnh vô cùng đau khổ.

(3) Lễ tế tam sinh gồm có bò, dê và lợn.

(4) Một nghi thức xưa để tỏ ý trọng đãi người hiền.

(5) Xem "Lời chua" của *Cương mục* ở Chb. XV, 23.

(6) Tứ thư, tức là bốn sách của nhà nho : *Đại học, Trung dung, Luận ngữ* và *Mạnh tử.*

Đặt phép khảo hạch công trạng các quan văn võ.

Sắc sai các quan văn võ đều phải do trưởng quan mà mình tuỳ thuộc đứng ra sát hạch ;

Quan văn ở huyện, ở lộ, ở trấn thì do Hành khiển bản đạo sát hạch ;

Tướng hiệu và võ biền ở các trấn thì do Tổng quản bản đạo sát hạch ;

Các viên thuộc ở sảnh, ở viện và ở các cục thì do Thiếu bảo và Hữu bật sát hạch ;

Các viên thuộc ở Tả, Hữu ban thì do Áp nha và Nội Mật viện sát hạch.

Tất cả đều phải kê khai thành bản sự trạng về nết tốt và về lầm lỗi, chia làm ba bậc, cần được rõ ràng, thoả đáng, không được thiên lệch, tư vị.

Lời chua – *Hành khiển, Tổng quản* : Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 6).

Sảnh viện cục, Nội mật viện, Tả, Hữu ban, Áp nha : Theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì, đầu đời Lê Thái Tổ cất đặt quan chức, văn ban có Trung thư sảnh, Hoàng môn sảnh, Hạ môn sảnh, Nội thị sảnh, Hàn lâm viện, Ngũ hình viện, Quốc sử viện, Thái sử viện và Ngự tiền tam cục ; võ ban có Tả, Hữu ban, Điện tiền đô Áp nha. Tất cả các chức trên đây đều là quan ở kinh đô.

Thiếu bảo, Hữu bật : Trong *Đại Việt bản kỷ thực lục* của Ngô Sĩ Liên cũng có chép đến mấy chức này, như : Nhập nội thiếu bảo Trần Lựu làm tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Lạng Sơn và An Bang ; Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh sung làm tham đốc. Còn Thiếu bảo và Hữu bật giữ chức vụ gì, không khảo cứu được. Chb. **XVI**, 17

Ngự sử phó trung thừa Nguyễn Thiên Hựu xin trí sĩ[1]. Nhà vua ưng cho.

(1) Như hưu trí.

Thiên Hựu làm chức gián quan, bàn nói tấu bày thường thường trái ý vua, nên xin về hưu ; sau đó, được khai phục làm An phủ sứ ở Thanh Hoá.

Xuất quân đi cứu Ai Lao, rồi lại bãi binh.

Trước kia, bàn gia (vua) Ai Lao là Côn Cô bị Nữu Tại, là bầy tôi, đánh và bức bách. Côn Cô sai sứ giả đến cầu cứu. Nhà vua sai quản hạt[1] Lê Bạn đến hiệu dụ và dàn xếp. Đến đây, Ai Lao lại sai bầy tôi đến dâng sản vật địa phương và xin quân cứu. Nhà vua sắc sai Thiếu uý Xa Miên ở Mộc Châu đem quân Mán Nam mã đến cứu viện. Khi đến nơi thì Nữu Tại đã giết Côn Cô mà lập Dụ Quần, người trong họ của Côn Cô, làm bàn gia (vua) rồi. Ai Lao lại đem dâng ba thớt voi và vàng bạc để xin hàng. Triều đình bỏ qua việc Ai Lao, không xét hỏi đến nữa, hạ lệnh cho Xa Miên kéo quân về. Chb. **XVI**, 18

Lời chua - *Bàn gia* : Tiếng gọi vua nước Ai Lao.

Côn Cô : Tên chúa nước Ai Lao

Nữu Tại : Có lẽ là tên quan Ai Lao.

Mộc Châu : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 15).

Xa Miên : Theo *Hưng Hoá lục* của Hoàng Trọng Chính thì họ Xa nối đời làm thổ tù ở Mộc Châu.

Nam mã : Tên châu, cũng gọi là Mã Nam. Theo *Hưng Hoá lục* của Hoàng Trọng Chính thì đầu đời Lê chia từ phía nam sông Mã vào đến động Trình Hằng là Mã Châu; nay gộp cả vào với huyện Trình Cố[2].

Chiêm Thành sai sứ đến xin hoà.

Sứ giả Chiêm Thành đem dâng sản vật địa phương, xin hoà và thân thiện. Lê Sát hỏi sứ Chiêm rằng : "Nước ngươi lén vào biên giới, cướp bóc và bắt người ở Hoá Châu, là cớ làm sao?"

---

(1) Một chức quan ở đương thời.

(2) Thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Sứ Chiêm thưa : "Quốc vương tôi được tin tiên hoàng đế[1] băng hà và hoàng đế ngày nay lên ngôi, nhưng vì giữa hai nước không có sứ giả thông tin, nên quốc vương tôi mới sai tướng quân đem quân đi thăm dò tin tức. Chẳng dè viên tướng này lại làm trái ý chỉ đã dặn bảo, dám lén bắt sáu người Hoá Châu đem về. Quốc vương tôi nổi giận, xử phạt từ đại tướng trở xuống phải tội chặt chân, còn số người bị bắt kia đều hộ tống về trả Hoá Châu, không dám xâm phạm gì cả".

Triều đình tuy biết sứ Chiêm chống chế dối trá nhưng thấy rằng Chiêm Thành biết tự ý cho sứ đến xin hoà trước, nên cũng dằn lòng dung thứ. Chb. **XVI**, 19

Sai sứ đi Chiêm Thành.

Bấy giờ Chiêm Thành lại xin hoà thân thiện ; nhà vua sai bọn Chuyển vận sứ Lê Thọ Lão và Khởi cư xá nhân Thái Huệ Trù đi đáp lễ .

Tháng 10, mùa đông. Sâu cắn lúa.

Hoàng trùng cắn hại lúa má. Nhà vua sai các quan chia đường đi khám xét tại chỗ.

Tháng 11. Sứ nhà Minh sang.

Sứ nhà Minh là bọn Quách Tế và Chu Bật cùng sang với bọn Lê Vĩ là sứ bộ ta đi cáo phó[2] quay về. Sứ Minh sang làm lễ tế điếu (vua Thái Tổ).

Nhà vua sai bọn Ngự tiền học sĩ Nguyễn Thiên Tích sang Minh đáp lễ và tạ ơn.

---

(1) Chỉ Lê Thái Tổ.

(2) Lê Vĩ sang Minh cáo phó (tin Lê Thái Tổ mất), tháng 11, năm Giáp Dần, 1434 (theo *Toàn thư* XI, 17b - 19a).

Bấy giờ các sứ Minh, là bọn Từ Vĩnh Đạt[1], Chương Xưởng[2] và Quách Tế, nối tiếp nhau, vâng mạng vua Minh, sang sứ ta. Triều đình (nhà Lê) tặng tiễn thức gì, thảy đều không chịu nhận cả. Chỉ có những người tuỳ tùng sứ bộ mang theo nhiều thứ hàng Tàu, yêu cầu ta mua với một giá đắt.

Điện Lam Kinh[3] bị hoả tai.

Có băng.

Rét quá, mặt đất đóng băng, cây cối trên núi héo chết.

Lời phê - *Lạ !*

Truy phong ông và cha của Đại tư đồ Lê Sát.

Nhân tiết vạn thọ, tha tô thuế.

Nhân gặp ngày lễ sinh nhật nhà vua, tha tô ruộng và thuế đinh. Chb. **XVI**, 20

Tháng 12. Lê Thụ, Tổng quản Tiền quân, có tội. Nhà vua giao cho pháp ti[4] bàn xét. Sau đó, tha cho Lê Thụ.

Lê Thụ, trong khi đang có quốc tang[5], lấy vợ lẽ và bắt binh lính làm việc riêng cho mình : xây cất nhà cửa đồ sộ. Thụ lại giao thông với người nước ngoài về việc mậu dịch. Quan giữ việc can ngăn là Phan Thiên Tước đàn hặc Thụ về những việc ấy.

Bấy giờ các đại thần phần nhiều cũng sai binh lính làm việc tư : xây dựng nhà cửa cho mình. Nhà vua sai Thiên Tước đi khắp nơi để xem xét cho đúng sự thật. Khi Thiên Tước trở về, nhà vua vặn hỏi : "Các đại thần khác không làm những việc ấy ư ? Sao khanh lại chỉ đàn hặc một mình Lê Thụ ?" Thiên Tước

(1) Từ Vĩnh Đạt sang sứ ta năm Kỷ Dậu, 1429 (Chb.XV,25).

(2) Chương Xưởng sang ta năm Tân Hợi, 1431 (Chb.XV,29).

(3) Điện này làm từ cuối năm Quý Sửu, 1433 (Chb.XV,33)

(4) Xem chú giải ở Chb.XVI,13.

(5) Tang vua Lê Thái Tổ. Xem thêm chú giải ở Chb.V,19.

thưa : "Lê Thụ là đại thần nhận lãnh mạng lệnh tiên đế đã phó thác, đáng lẽ phải nên giữ mình cho thẳng thắn để làm gương cho trăm quan. Xem mấy việc mà Thụ đã làm tỏ ra khinh miệt phép nước quá lắm ! Vậy thần đâu dám nín tiếng im hơi ? Nay thần vâng theo sắc sai đi xem xét khắp cả các nhà đại thần, thần đâu dám không làm hết chức trách ?". Thiên Tước lại dâng sớ nói cả những ai có làm nhà mới, chẳng hạn như bọn Tham tri Đông đạo là Lê Định xuống đến Quản lãnh gồm hơn 20 người. Nhà vua đều không xét hỏi, chỉ giao Lê Thụ xuống cho pháp ti bàn xét. Bọn Lê Vấn và Lê Ngân đều tìm cách bào chữa cho Thụ.

Nhà vua tha tội cho Thụ, chỉ sắc sai Thụ phải bỏ người vợ lẽ mới cưới và phải truy nộp 15 lạng vàng và 100 lạng bạc là số tiền đã buôn bán riêng.

Lời phê[1] – *Người có trách nhiệm can ngăn và chính lệnh đương thời đều sai trái cả !*

Lời chua – *Vàng bạc do buôn bán riêng* : *Bản kỷ thực lục* của Ngô Sĩ Liên chép : "Bản triều[2] cấm bầy tôi và nhân dân không được lén lút buôn bán với ngoại quốc" . Theo "Hình luật chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, phàm kẻ nào lén lút bán muối cho người ngoại quốc thì phải phạt lưu đi châu xa. Chb. **XVI**, 21

Phong Đèo Mạnh Vượng, thổ tù châu Phục Lễ, làm Nhập nội tư mã, coi quản công việc quân và dân ở bản châu như cũ.

Mạnh Vượng là con Cát Hãn. Trước kia, Cát Hãn làm phản, Lê Thái Tổ đi đánh, Cát Hãn cùng Mạnh Vượng đều trốn xa ; sau đó xin hàng, được tha tội, phong Tư mã, coi quản công việc

(1) Chỉ việc Thiên Tước đàn hặc Lê Thụ và việc Lê Thái Tông đối xử với một số đại thần phạm lỗi.

(2) Ngô Sĩ Liên là người triều Lê, nên gọi Lê là bản triều.

trong châu. Đến đây, Cát Hãn chết, Mạnh Vượng lên thay cha, nối chức cũ, có vào chầu. Nhà vua sắc phong cho Mạnh Vượng làm Nhập nội tư mã, vẫn coi quản công việc quân và dân ở trong châu, tước quan phục hầu.

Lời chua – *Phục Lễ* : Tức châu Ninh Viễn, xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb.XV,30)

Rước thần chủ Thái Tổ và thần chủ quốc thái mẫu[1] lên nhà thái miếu làm lễ tế "phụ"[2].

Nhà vua sai Nhập nội thái bảo Lê Quốc Hưng và Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh làm lễ cáo nhà thái miếu, rước thần chủ Thái Tổ lên làm lễ "phụ", lại rước thần chủ bà Cung từ quốc thái mẫu lên cùng thờ cúng tại đó.

Nhà vua sai các văn võ hội họp ở đô sảnh đường, bàn việc bỏ đồ tang. Bọn Hành khiển Lê Trãi cùng bàn rằng nên mặc đồ trắng trong 27 ngày nữa rồi sẽ bỏ đồ trở.

Trước đó, thần chủ Thái Tổ còn để ở điện Kiền Đức, nhà vua mỗi khi coi chầu, vẫn đứng ở cột trụ về phía đông của điện Hội Anh để xét xử chính sự. Đến đây, khi ra, khi vào, có tiền hô hậu hét, coi triều thì ngồi cỗ ỷ sơn son, tuy có đặt nhã nhạc nhưng không tấu nhạc. Bầy tôi dâng biểu yên ủi nhà vua. • Chb. **XVI**, 22

Lời cẩn án – *Theo lễ, để trở cha, xô gai ba năm, không cứ kẻ sang người hèn đều như nhau cả. Từ Hán Văn đế[3] có đặt ra lối để tang ngắn hạn, do đấy người đời mới sau nối gót làm theo. Ở đây tang Lê Thái Tổ vừa mới được giỗ đầu, đã vội bàn*

---

(1) Tức bà Cung Từ, mẹ đẻ Lê Thái Tông.

(2) Xem chú giải số 3 ở Chb.IV,25.

(3) Hán Văn đế (179-157 - tr.c.ng), trước khi mất, còn để tờ chiếu lại, đại ý nói : Phàm những chỗ họ thân phải trở 9 tháng thì rút xuống chỉ để 15 ngày, phải trở 5 tháng thì để 14 ngày, sau khi chôn cất. Còn quan lại và nhân dân trong nước thì kể từ sau khi ban bố mệnh lệnh theo lời di chiếu, chỉ để tang ba ngày. Mãn tang rồi, phàm những việc *lấy vợ, gả chồng, cúng tế, uống rượu, ăn thịt đều không cấm (Theo Tư trị thông giám,* của Tư Mã Quang) quyển XV, trang 508-509.

bỏ đồ trở, có lẽ cho rằng để tang một năm là đã đủ báo hiếu rồi chăng ?

Nguyễn Trãi là bậc tôi hiền làm việc giúp rập ở thời bấy giờ, không biết giảng rõ điển lễ sửa đổi điều sai trái của nhà vua, lại đi khuyên bảo hãy mặc áo trắng 27 ngày rồi sẽ bỏ đồ tang. Thế là lễ gì ? Thật là vô căn cứ quá !

Lời chua – *Điện Kiền Đức, điện Hội Anh* : Đều ở trong thành Đông Kinh.

Châu Nam Mã cầu xin phụ thuộc nước ta. Nhà vua ưng thuận.

Châu Nam Mã trước kia thuộc nước Ai Lao ; đến đầu đời Lê, thổ tù là Đạo Miện hâm mộ chính nghĩa, theo về với nước ta. Đến đây, Đạo Miện sai con vào chầu, cầu xin phụ thuộc bản quốc. Nhà vua ban khen, trao cho chức Đại tri châu và ban mũ áo. Sau đó, nhà vua cho rằng Nam Mã là dân Mán, mới quy phụ, tráo trở bất thường, nên bàn đặt chức lưu quan[1] dùng Lê Thiêm làm Phòng ngự sứ để coi quản châu Nam Mã. Chb. **XVI**, 23

Ất Mão, năm thứ 2 (1435).(Minh, năm Tuyên Đức thứ 10).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua coi triều. Cử nhạc.

Tết Nguyên đán. Nhà vua dẫn đầu trăm quan đi bái yết thái miếu. Lúc trở về cung, nhà vua mặc đồ trắng[2], ra coi

(1) Về việc này, *Toàn thư* XI, 25b chép rõ hơn : "Dùng Lê Thiêm làm Phòng ngự sứ, coi quản công việc quân và dân ở châu Nam Mã, châu Tàm thượng, châu Tàm hạ và huyện Lan Hoà". Và : " Nhân bấy giờ các Mường Ai Lao bề ngoài tuy quy thuận, nhưng vẫn tráo trở bất thường, nên triều đình phải đặt quan để cai quản". Như vậy hai chữ "lưu quan" đây là do *Cương mục* đặt thêm sau, chứ *Toàn thư* không có. Lưu quan, *Từ nguyên* (tr.871), nghĩa là quan lại do chính phủ trung ương uỷ nhiệm ở những địa phương thông thường, đối lại với thổ quan là người bản thổ trong các dân tộc như Miêu, Dao, nối đời giữ chức. Theo *Hưng Hoá ký lược* của Phạm Thận Duật thì lưu quan là chức quan được luân lưu thay đổi cho nhau, phân biệt với thổ quan là người bản thổ được dùng làm quan lại xứ sở mình.

(2) Vì theo đề nghị của Nguyễn Trãi, trước khi bỏ tang, còn mặc đồ trắng trong 27 ngày (Chb.XVI.22).

chầu, tiền hô hậu hét. Cử nhạc. Bầy tôi đều mặc áo phục[1], dâng biểu yên ủi nhà vua.

Lời phê[2] – *Đều trái lễ cả ! Làm vậy không phải là cách để phòng ngừa gìn giữ cho vua trẻ.*

Dụ Quần, vua Ai Lao, sai sứ đến triều cống.

Bàn gia (vua) Ai Lao là Dụ Quần sai bầy tôi là bọn San Mạc, Nại Mẫu đến dâng lễ cống : đồ uống rượu bằng vàng, bạc[3] và voi.

Mở yến tiệc linh đình.

Cho trăm quan văn võ ở kinh đô và ngoài các lộ ăn yến 5 ngày.

Giảng tập võ nghệ ở sân rồng nơi cung điện.

Ra lệnh cho vệ quân các đạo đều đến điểm duyệt tại bản trấn ; các quân Ngự tiền thì giảng tập võ nghệ ở sân rồng nơi cung điện.

Nhà vua đến đất Bạo Động, duyệt quân đội tập phép chiến trận.

Nhà vua đi Bạo Động, xem vệ quân năm đạo tập trận lục chiến. Khi trở về, lại duyệt thuỷ binh tập thuỷ chiến ở Nhị Hà.

Lời chua – *Bạo Động*[4]*:* Nay không rõ ở đâu.

Nhị Hà : Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb.II,13). Chb. **XVI**, 24

Tháng 2. Sứ nhà Minh sang.

Nhà Minh sai Lễ Bộ Hữu thị lang Chương Xưởng đem sắc sang, cho nhà vua tạm quyền coi giữ việc nước An Nam. Nhà vua sai bọn Quản lãnh Phan Tử Viết và đại phu Trình Nguyên Hi sang nhà Minh đáp lễ và tạ ơn.

---

(1) Đồ mặc của người không có tang.

(2) Về việc Lê Thái Tông mặc đồ trắng ra coi triều v.v...

(3) Nguyên văn là "Kim ngân tửu khí", chép như vậy không được sáng nghĩa, nên mấy chữ này cũng có thể dịch là "vàng, bạc, đồ dùng uống rượu..."

(4) Tên đất.

Sai quan làm lễ thích điện[1] cúng tiên sư là Khổng Tử.

Chọn lấy ngày đinh[2], sai Lê Quốc Hưng làm lễ thích điện ở Văn Miếu. Hằng năm đặt làm lệ thường.

Thời Quân Thực và Nguyễn Trụ[3] có tội, bị đày.

Trước kia, khi sai sứ sang nhà Minh, các quan theo thứ tự trước sau, xin để Trụ sung vào sứ bộ, còn Quân Thực làm kỳ nhân[4]. Quân Thực có ý bất bình. Khi đến Yên Kinh, nhà Minh theo cấp bậc, ban áo : Quân Thực được thứ áo không có hoa dệt kim tuyến, trong lòng lại càng hậm hực tức tối, mắng chửi bừa lên. Trụ cũng nổi xung, cãi nhau, đánh lộn : Trụ bị thương ở mặt. Rồi hai bên thưa nhau ở Hồng lô tự nhà Minh. Trụ lại đi riêng đến Long Châu, nhận đồ tặng tiễn của nội quan nhà Minh. Trụ còn nói vụng với quan bạn Tống là Lữ Hồi nhà Minh về chuyện tiên đế nghe lời gièm pha, dùng hình phạt không đúng mức[5]. Những việc này bị phát giác. Nhà vua giao Quân Thực và Trụ xuống cho pháp ti bàn xét. Đình thần đều cho rằng hai người vâng mạng đi sứ làm việc ngoại giao, vì tức giận đánh nhau, làm nhục quốc thể : Tội đáng chết ; nhưng nghĩ vì họ trước kia đã có công lao, nên cho giảm nhẹ. Nhà vua bèn đày Quân Thực đi châu xa[6], đày Trụ đi châu gần[7].

Chb. **XVI**, 25

Lời chua – *Long Châu* : Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb.VII,17)

Tháng 3. Sáu quả bảo ấn đã đúc xong.

---

(1) Làm lễ đặt chén rượu ở trước thần vị để tế tiên sư.

(2) Ngày "thượng đinh" gọi tắt, tức nhảy đúng vào ngôi thứ tư trong mười thiên can (như giáp, ất, bính, đinh,...) thuộc thượng tuần (từ mồng 1 đến mồng 10) tháng 2 hay tháng 8 âm lịch.

(3) *Toàn thư* XI,24a chép là Nguyễn Tông Trụ.

(4) *Kỳ nhân,* Nghĩa đen, là người già, trạc 60 tuổi. Còn cương vị và nhiệm vụ của kỳ nhân trong sứ bộ đương thời thế nào, chưa rõ.

(5) Chỉ việc Lê Thái Tổ giết Lê Hãn (tức Trần Nguyên Hãn) và Lê Văn Xảo (tức Phạm Văn Xảo). Xem Chb.XV,20,27.

(6) *Châu Bố chính.* Xem Chb.XV,10 và XVI,5.

(7) Châu Nghệ An. Xem Chb.XV,10

Trước kia, dùng vàng bạc đúc sáu quả bảo ấn :

1- *Thuận Thiên thừa vận chi bảo,* để dùng vào việc truyền ngôi ;

2- *Đại thiên hành hoá chi bảo,* để dùng vào việc đánh dẹp ;

3- *Chế cáo chi bảo,* để dùng đóng vào bài chiếu hoặc bài chế ;

4- *Sắc mệnh chi bảo,* để dùng vào việc ra hiệu lệnh, thưởng hay phạt ;

5- *Ngự tiền chi bảo,* để dùng đóng vào sổ sách ;

6- *Ngự tiền tiểu bảo,* để dùng vào việc cơ mật ;

Đến nay, sáu ấn báu này đã đúc xong, nhà vua sai Hữu bật Lê Văn Ninh làm lễ cáo nhà thái miếu.

Lộ Lạng Sơn và lộ Nam Sách có bệnh dịch. Chb. XVI, 26

Xứ La La Tư sai sứ sang triều cống.

Xứ La La Tư giáp với Vân Nam, ăn mặc cũng như Vân Nam.

Lời chua – *La La Tư* : Theo *Nguyên sử loại biên* thì La La Tư tuyên uý ti do nhà Nguyên thiết lập, thuộc lộ Vân Nam, đến đời Minh, thuộc vệ Vĩnh Xương

Tháng 4 mùa hạ. Sâu cắn lúa.

Ra lệnh cho xã quan các lộ làm lễ cúng trừ tai.

Hạ lệnh cho các quan không được coi thường việc dùng sức dân chúng.

Vì bấy giờ việc canh nông đang cần kíp, nhà vua ra sắc bảo các tướng và các quan ở lộ, huyện, trấn thuộc các đạo không được động dụng sức dân một cách khinh thường.

Bọn đại tư đồ Lê Sát xin nhà vua kén lựa những bậc nho thần vào hầu đọc sách ở toà Kinh Diên. Sự tâu xin này không được trả lời.

Nhà vua ở trong cung, chơi đùa với bọn hầu cận sã suồng. Các đại thần tâu xin dùng bọn Lê Trãi và Trình Thuấn Du để cùng với vài ba đại thần, thay đổi phiên nhau, vào hầu nhà vua ở toà Kinh Diên. Nhà vua trả lại tờ tâu, không nhận.

Nguyễn Cung, một tên tiểu thụ[1] lại càng được nhà vua cưng chiều. Bọn Lê Sát xin giết Nguyễn Cung, nhà vua không nghe. Bọn Sát bèn cáo bệnh, không vào chầu. Quan giữ việc can ngăn là Phan Thiên Tước tâu rằng :" Bậc thánh, chẳng ai bằng Nghiêu, Thuấn, thế mà còn phải lấy Quân Trù và Thành Chiêu làm thầy. Từ xưa, các bậc đế vương sở dĩ tăng tiến được thánh đức, chưa từng có ai không nhờ ở học vấn, huống chi bệ hạ ngày nay, đương lúc tuổi sức còn mạnh, đối với đường lối trị nước xưa nay, nào đã có thể biết khắp được đâu ? Bọn đại tư đồ Lê Sát xin lựa các nho thần ở bên tả hữu, chừng có ý muốn cho bệ hạ trở nên như Nghiêu, Thuấn đó thôi. Vậy sao bệ hạ lại coi thường mưu chước quan trọng làm vì lợi ích xã tắc ấy mà nỡ trái ý trung thành của bọn Lê Sát khiến họ đâm ra đau buồn, không vào chầu được ? Nguyện xin bệ hạ nghĩ lại, coi trọng mệnh lệnh gửi gắm của tiên đế thì bốn biển được nhờ phúc của bệ hạ đấy". Chb. **XVI**, 27

Nhà vua lại cưỡi voi, cho lồng chạy ở trong sân hậu cung. Nhân bấy giờ có người tiến con dê rừng. Nhà vua cho voi chọi nhau với dê rừng. Con dê vùng lên, xông vào húc : voi sợ, lùi về phía sau, sa xuống giếng. Bọn Thiên Tước và Lê Sát lại dâng lời can ngăn. Nhà vua lặng im.

Thiên Tước lại cùng bọn Lương Thiên Phúc và Nguyễn Chiêu Phủ dâng sớ, nói :" Đức tiên đế gội gió, chính mình mặc áo giáp đội mũ trụ, nhọc tinh thần, mệt thể chất hàng hơn 10 năm, mới dẹp yên được thiên hạ. Bệ hạ được nối cơ nghiệp sẵn sàng, đáng nên lưu tâm vào học thuật, chăm cầu người hiền để lo toan cho nước được thêm thịnh trị. Thế mà nay đại thần xin lựa văn thần vào hầu học tập ở Kinh Diên, bệ hạ lại bỏ qua, không xét ! Đó là một điều không nên.

(1) Hạng bầy tôi bé nhỏ ở trong cung.

"Tiên đế chọn người làm mẫu sư[1] để khuyên dạy ở trong cung, thế mà bệ hạ lại khinh nhường quở mắng, không nghe ! Đó là hai điều không nên.

"Thần phi và Huệ phi[2] vào cung để khuyên răn dạy bảo thì bệ hạ vội trước sai đóng cửa, không cho vào. Đó là ba điều không nên. Chb. **XVI**, 28

"Trong đám bệ vệ quản lãnh[3] thấy bệ hạ không đọc sách, lại cấm cung đi bắn chim, có người đứng ra can ngăn, nhưng bệ hạ không nghe, lại giơ cung để bắn người ta ! Đó là bốn điều không nên.

"Tiên đế lựa lấy con em các công thần để hầu bệ hạ học tập nhưng bệ hạ đều nhạt nhẽo, xa lánh ; chỉ chơi đùa với những kẻ hầu cận sã suồng. Đó là năm điều không nên.

"Phàm người làm vua tất phải tìm kiếm bậc hiền tài, thưởng cho những người biết nói thẳng, cố can ngăn và có công lao ; thế mà nay bệ hạ lại chơi đùa và ban thưởng cho hoạn quan. Đó là sáu điều không nên.

"Thần đang giữ chức can ngăn, sợ hãi đợi tội, dám chẳng hết lòng tâu bày. Nguyện xin bệ hạ những khi ra coi triều, hoặc tiếp các đại thần, hoặc nghe bầy tôi tâu bày chính sự, phải nên giữ vẻ tôn nghiêm, bình tĩnh, ngay thẳng. Bằng dung nghi hoà nhã của thiên tử, bệ hạ kính trọng bậc đại thần, yên ủi người có công, dung nạp những người can ngăn thẳng thắn để mở rộng đường ngôn luận, thấu suốt tình hình kẻ dưới, như vậy chính nhà vua cũng sẽ trở nên được bậc đại hiếu, biết nối chí và noi theo việc làm của vua cha, chứ chẳng riêng vì Thành Vương nhà Chu và Thái Giáp nhà Thương được độc chiếm tiếng khen ấy đâu".

---

(1) Người nữ sư vừa săn sóc vừa dạy dỗ hạng vua trẻ tuổi.

(2) Tức là Trần Thị và Phạm Huệ Phi, hai người vợ lẽ Lê Thái Tổ đều là dì ghẻ của Lê Thái Tông.

(3) Chức quan võ gần vua ở đương thời.

Thấy tờ sớ này, nhà vua giận lắm, sắc sai bọn tả hữu bọn Lê Cảnh Sước và hoạn quan Đinh Hối đến khắp nhà bọn Thiên Tước vặn hỏi xem tên họ những ai đã mách bảo Thiên Tước những chuyện trên đây. Thiên Tước thưa rằng : "Đó là Lê Lãnh, Đồng tổng quản ở vệ quân Bắc Giang hạ, đã bảo cho biết. Chúng tôi chỉ cốt hết lòng yêu vua, làm tròn chức vụ, dù chết cũng chẳng lo gì !" Bọn Cảnh Xước bèn trở về.

Ngày hôm sau, Thiên Tước vào chầu tâu : "Ngu Thuấn[1] là bậc thánh nhân, thế mà Bá Ích còn khuyên răn đừng có buông tuồng biếng nhác. Đường Thái Tông[2] và bậc vua hiền, thế mà Nguỵ Trưng[3] còn khuyên phải đề phòng mười điều sai lầm có thể đi dần đến chỗ xấu[4]. Chúng tôi lạm giữ chức can ngăn, sợ nhà vua mắc lỗi, nên mới trổ sức, giãi lòng ngu dại điên rồ. Nếu bệ hạ tiếp nhận những lời can ngăn này thì hạng người cắt cỏ, kiếm củi hoặc làm thợ

Chb. **XVI**, 29

(1) *Cương mục* in là Nghiêu, Thuấn. Đây theo *Toàn thư* XI,22b chép là "Ngu Thuấn" đúng hơn, vì bấy giờ Bá Ích khuyên răn Ngu Thuấn đừng biếng nhác, đừng buông tuồng" (vô đại, vô hoang) thì Nghiêu đã chết rồi (xem thiên *Đại Vũ Mô* trong *Kinh Thư*.

(2) Tên là Thế Dân, con Đường Cao Tổ, trị vì từ năm 827 đến năm 649.

(3) Nguỵ Trưng, tên tự là Huyền Thành, người Khúc Thành đời Đường, khi làm quan dưới triều Đường Thái Tông, Trưng có dâng đến hơn hai trăm bản tấu để can ngăn, lời lẽ thiết tha thành khẩn, được nhà vua kính sợ.

(4) Nguyên văn là "Thập tiệm", tức là mười điều Đường Thái Tông tỏ ra dần dần không được tốt bằng khi mới lên ngôi : 1, Sai sứ đi xa hàng muôn dặm để lùng tuấn mã và kiếm đồ báu lạ : 2, Do lòng xa xỉ kiêu rông, định dùng nhân lực vào việc doanh tạo : 3, Buông thả lòng ham muốn, làm nhọc người ta : 4, Suồng sã với tiểu nhân, xa lánh quân tử : 5, Thích nhận những của hiếm có, ham làm những sự để chơi : 6, Yêu hay ghét ai chỉ tuỳ theo ý riêng của mình : 7, Ham thú săn bắn : 8, Nét mặt không có thái độ để tiếp người dưới và hay vặn hỏi lỗi nhỏ của người ta : 9, Gây to kiêu ngạo, dùng nhằm việc võ : 10, Làm cho dân khổ vì diêu dịch đến nhọc mệt, xơ xác, oán thán, chia lìa.

thuyền sẽ đều cởi mở mà trình bày được hết điều ấp ủ và đức thánh minh của bệ hạ sẽ càng thêm sáng tỏ lớn lao. Nhà vua có ý nghe ra.

Lời chua – *Trình Thuấn Du* : Người Tân Hưng thuộc huyện Duy Tiên[1], đỗ khoa minh kinh năm Kỷ Dậu, Thuận Thiên thứ 2 (1429).

Sắc sai trăm quan phải tu tỉnh, chăm lo làm tròn chức vụ.

Nhà vua ra sắc dụ bảo các quan văn võ trong kinh và ngoài các lộ : "Gần nay ít kẻ biết giữ phép công, tuân theo pháp luật : Người giữ tiền bạc, để bê trễ đọng lại, cố ý làm khó khăn ; kẻ coi quân đội, không thương xót binh lính. Còn cai trị dân, thì không lo chăn dắt nuôi dậy, chỉ buông tha cho bọn giàu có riêng trút sai dịch vào hạng bần cùng ; xử kiện thì không giữ công bằng, chỉ nghĩ đến bè đảng và ăn hối lộ ; làm việc thì không cần mẫn, chỉ chè chén và tiệc tùng. Những kẻ canh giữ quan ải, không nghĩ đến việc kiểm tra xét hỏi, chỉ mưu tính buôn bán để làm giàu.

"Các ngươi cùng hưởng lộc trời, chăn dân của trời, thế mà làm việc như vậy há chẳng trái nghịch với trời sao ? Từ nay các ngươi nếu biết sửa đổi lỗi trước, noi theo đường thiện, hết lòng trung ái, thương yêu quân và dân, hoà thuận giữa bạn đồng liêu, công bằng xét xử việc hình ngục và kiện tụng, khuyến khích canh nông và tằm tang, dẹp yên trộm cướp, trau dồi đức tính thanh liêm trong sạch, thì thân mình và nhà mình sẽ được hiển vinh, con cháu sẽ được hưởng phúc. Nếu không thế thì nhà nước đã có pháp luật đây". Chb. **XVI**, 30

Bắt đầu đặt ra thể lệ cấp phát giấy tờ "lộ dẫn". Phàm quân và dân ở các lộ vào kinh đô vì có việc công hoặc vì buôn bán, hay là các nha thuộc kinh đô có việc đi ra các lộ đều phải do quan

(1) Thuộc tỉnh Hà Nam.

trên, mà mình thuộc quyền, cấp phát cho giấy tờ chứng nhận. Các nơi quan ải và bến sông phải kỹ càng kiểm tra xét hỏi giấy tờ rồi mới cho phép đi lại thông đồng.

Lời phê[1] – *Bầy tôi vừa mới can ngăn, vua đã tức thì ban ra sắc lệnh : cả hai đều không phải có ý thành thực tu tỉnh khuyên răn lẫn nhau. May mà trong nước được vô sự, là vì nhờ công đức của Lê Thái Tổ còn để lại đó thôi.*

Thăm dò xét hỏi về thực trạng của các quan lại ở trong kinh đô và ngoài các lộ, rồi cho thăng chức hoặc biếm truất có khác nhau.

Trước kia, nhà vua bí mật sai đi dò hỏi về thực trạng thanh liêm hay tham nhũng của các quan lại ở trong kinh đô và ngoài các lộ để tâu vua biết. Đến đây, ban thưởng cho những người làm việc lâu năm mà siêng năng chịu khó, chia làm hai bậc :

Bậc nhất, thưởng tước 1 tư[2] tiền 5 quan ;

Bậc nhì, thưởng tước 1 tư[3].

Còn những kẻ tham ô, làm trái phép nước, từ Tuyên uý, tướng hiệu đến Tuyên phủ, Chuyển vận và Tuần sát gồm 53 người đều bắt giao cho quan pháp ti xét hỏi.

Ban cho sư Huệ Hồng áo phẩm phục màu lục pha đỏ *(phi).*

Lời chua – *Huệ Hồng* : Sư chùa Báo Thiên.

Áo màu lục pha đỏ (phi) : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb.XV,22).

Chb. **XVI**, 31

Tháng 8. Sâu cắn lúa.

Đúc tượng Thái Tổ và tượng Quốc thái mẫu[4] **bằng vàng.**

---

(1) Về việc ra sắc lệnh khuyên bảo trăm quan tu tỉnh, chăm lo làm trọn chức vụ.

(2) Xem chú giải số 2 ở Chb.VII,4.

(3) – nt -

(4) Tức bà cung Từ, mẹ Lê Thái Tông.

Đúc tượng xong, sai nhà sư làm phép điểm nhỡn, rồi sau mới rước lên nhà thái miếu để thờ.

Lời phê – *Tầm bậy*[1] *!*

Mở kỳ thi tại Tập Đường để sát hạch những giáo chức và những người quân và dân có học.

Bấy giờ các giáo quan phần nhiều không xứng đáng với chức vụ, lại hay chê bai nói xấu lẫn nhau. Việc này lên đến triều đình. Nhà vua sai các giáo chức ở Quốc Tử Giám và ở các lộ cùng với những người quân và dân có học vấn đều tập hợp để thi ở Vân Tập Đường, rồi căn cứ vào đấy sẽ xét kỹ để bổ dụng hoặc sa thải. Chân giáo chức nào khuyết sẽ lấy những người quân và dân đã thi đỗ mà bổ dụng vào.

Giảm thuế.

Bấy giờ bàn việc giảm nhẹ ngạch thuế khoá. Sắc sai : phàm đất bãi công ở sở tại đều chia cấp cho quân và dân làm sản nghiệp đời đời : quân thì 5 sào, dân thì 4 sào, đều được miễn thuế. Còn riêng hạng quan, quả[2] đều không được miễn. Phan Thiên Tước nói : "Chính sự của vương giả, đối với những người quan, quả, phải thương xót trước, nay ơn huệ chi nhuần thấm đến quân và dân, còn hạng quan, quả phải riêng chịu khô héo ! Thể thống chính sự há nên như vậy ư ?" Do đấy, hạng người quan, quả cũng được miễn tô 3 sào .

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi đến Đông Tân, xem thi bơi[3]**.**

Lời chua – *Đông Tân* : Ở bờ sông Nhị, phía đông thành Đông Kinh.

---

(1) Chỉ việc sai sư điểm nhỡn cho hai pho tượng vàng.

(2) *Quan* : đàn ông không vợ. Quả : đàn bà goá chồng.

(3) *Toàn thư* XI, 31b chép rõ là "xem năm quân (ngũ quân) thi bơi". Như vậy cuộc thi bơi này chỉ riêng có quân đội được dự thôi.

Điểm duyệt quân đội và chiến cụ.

Sắc sai các quân : Hạn đến ngày 15 tháng 11[1] đều tới điểm duyệt tại chỗ đã xác định.

Chb. **XVI**, 32

Mồng 1, tháng 11. Nhật thực, nhưng không cứu chữa[2].

Theo lời mật tấu của Bùi (Thì) Hanh, không cứu chữa khi có nhật thực.

Có sấm sét. Cầu vồng mọc.

Trời có tiếng kêu như sấm sét. Kinh đô động đất.

Bồn Man đến triều cống.

Bồn Man giáp giới với châu Ngọc Ma, thấy Cầm Quý ở Ngọc Ma không giữ lễ cống (nhà Lê), sợ vạ lây đến mình, nên phải quy phục trước, và đem dâng cống các sản vật địa phương, ngà voi, sừng tê. Nhà vua ban khen, thưởng cho áo dệt kim tuyến.

Lời chua – *Bồn Man* : Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb.XVIII,8).

Ngọc Ma : Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb.XIII,10).

Nhà vua sai bọn Tổng quản Lê Bôi và Tham đốc[3] Lê Văn Linh đi đánh châu Ngọc Ma, bắt được Cầm Quý, giải về Kinh đô, giết chết.

Cầm Quý có hơn vạn quân. Khi Thái Tổ mới khởi nghĩa Quý đem quân đi theo, được trao chức Thái uý ; sau đó, Quý ngờ vực và hối hận, tự ý rút lui. Nhưng cậy chỗ ở là nơi hiểm trở xa khơi, Quý không dâng nộp cống

Chb. **XVI**, 33

(1) Năm Ất Mão, 1435.

(2) Theo mê tín xưa, nhật thực là một tai biến, nên gặp khi nhật thực, người ta thường cứu chữa bằng mọi hình thức như gõ mâm, nồi, đập nong, mẹt, .v.v.

(3) Chức quan nằm trong một vệ ở đầu thời Lê. Đứng đầu mỗi vệ là Đề đốc, Tham đốc đứng thứ hai.

phú. Hắn là người tham lam tàn bạo, thê thiếp có đến hàng trăm, cung thất làm rất đồ sộ, cột nhà, bằng đồng. Hắn bắt dân dưới quyền mình đóng góp nặng nề. Lê Thái Tổ đã định đi đánh, nhưng vì bận nhiều việc khác, nên chưa rảnh làm đến việc này. Đến đây, nhà vua sai bọn Lê Bôi đem các quân và binh lính ở trấn Nghệ An chia các đường tiến đánh : đến đâu thắng đấy, bắt được Quý, đóng cũi giải về kinh đô, giết chết.

Vét sông Đông Ngàn.

Điều động các quân vét sông Đông Ngàn để sự chuyển chở binh lương được thông đồng.

Lời chua – *Đông Ngàn* : Tức Cổ Pháp . Xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb.II,6).

Bính Thìn, năm thứ 3 (1436). (Minh, Anh Tông, năm Chính Thống thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ sang nhà Minh, cầu xin phong vương.

Tháng 5, mùa hạ. Ân xá.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 17

Từ Đinh Tỵ, Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) đến Đinh Mão, Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 5 (1447) , gồm mười một năm. Chb. **XVII**, 1

Đinh Tỵ, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437). (Minh, năm Chính Thống thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Quỵ và Thang, thổ tù ở Gia Hưng, làm phản. Dẹp yên được.

Bọn Đạo Quỵ và Đạo Thang (không rõ họ hai người này) thổ tù mỗi châu thuộc trấn Gia Hưng, nổi lên làm phản, bắt giết Đại tri châu Đạo Lễ (cũng không rõ họ), rồi chiếm giữ bản châu. Chiêu thảo sứ Hà An Lược đem lính thổ đi đánh, bắt được bọn Quỵ và hơn trăm đồ đảng, giải về kinh đô, giết chết.

Nhà vua dùng An Lược làm Chiêu thảo đại sứ. Lại dùng Đạo Xa (không rõ họ), con của Quỵ, làm Hoài viễn tướng quân, coi quản công việc trong châu, ban cho mũ áo và đai.

Lời chua – *Gia Hưng* : Tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 4 (Chb.II,41).

Mỗi châu : Theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn, thì Thuận Châu[1] thổ âm gọi là Mường Muỗi. Lại theo *Gia phả họ Bạc* trong *Hưng Hóa tỉnh sách* thì Đạo Chưởng chiêu tập vỗ về những người Mường Muỗi

(1) Thuận Châu (nay là huyện *Thuận Châu* tỉnh Sơn La) này khác với Thuận Châu là tên đất cùng với Hoá Châu do nhà Trần đặt cho Ô Lý của Chiêm Thành cũ, khoảng năm 1293-1331 (Xem Chb.1,28).

cư trú tại đó. Mường Muỗi nay là Thuận Châu. *Sử cũ* cho chữ "Muỗi" là tiếng nôm[1], nên gọi là Mỗi Châu hoặc châu Thuận Mỗi[2].

Đạo : Tức là chức Phụ đạo[3].

Quy, Thang, Lễ, Xa : Có người nói bốn tên này đều là dòng dõi họ Xa. Chb. **XVII**, 2

Hà An Lược : Người Mai Hạ thuộc Mai Châu. Theo *Gia phả*[4], thì An Lược đem lính thổ đến Mộc Châu, bắt được bọn Quy, Thang và đồ đảng của chúng, giải về kinh đô, giết chết. Triều đình phong An Lược làm Chiêu thảo đại sứ.

Sứ nhà Minh sang.

Trước kia, nhà vua sai bọn Lễ bộ Thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ sang Minh cầu xin phong vương[5]. Đến đây, nhà Minh sai bọn Binh Bộ Thượng thư là Lý Úc và Thông Chính sứ ti hữu thông chính sứ là Lý Hanh đem chiếu sắc và ấn vàng sang phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Nhà vua sai bọn Hùng Tiệp hữu quân quản lãnh là Thái Sĩ Minh, Thẩm hình viện sự là Hà Phủ và Hữu hình viện Đại phu là Nguyễn Nhật Thăng sang Minh đáp tạ.

Sai Nhập nội hành khiển Lê Trãi và hoạn quan Lương Đăng cùng trông coi việc làm xe loan và thẩm định nhã nhạc.

---

(1) Nguyên văn chép là "tục tự"

(2) Xem Chb. XVII,20 và XXIII, 28.

(3) Thổ quan ở miền dân tộc thiểu số.

(4) *Cương mục* không chép rõ Gia phả này là của nhà họ Bạc trên đây hay là của nhà Hà An Lược.

(5) Việc năm Bính Thìn, 1436 (xem Chb.XVI, 33).

Trãi dâng bản đồ vẽ khánh đá[1] và nhân đó tâu rằng : "Dẹp loạn, dùng võ, thái bình dùng văn. Ngày nay chế định lễ nhạc, chính là đúng lúc. Nhưng cội gốc nếu không vững thì lễ nhạc không dựa vào đâu mà dùng được ; văn hiến nếu không có lễ nhạc không bởi đâu mà thực hành được. Hoà bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Tôi, vâng theo chiếu chỉ, thẩm định nhã nhạc, không dám không hết lòng ; ngặt vì học thức kém cỏi, khó lòng điều hoà được luật điệu âm nhạc là món thần diệu tinh vi. Nguyện xin bệ hạ yêu thương nuôi dưỡng dân đen để nơi làng xóm quê thôn không còn có tiếng sầu than oán giận. Thế mới không lỗi mất căn bản của nhã nhạc". Nhà vua ban khen và tiếp nhận lời tâu của Trãi. Chb. **XVII**, 3

Lời phê – *Lời tâu bày tuy nói đúng được căn bản của nhạc, nhưng khi thi hành ra chính sự thì khó đấy.*

Truy tôn thêm thuỵ hiệu đế hậu cho các tổ khảo.

Vì có việc nhà Minh ban sắc phong vương, nên sửa lễ cáo nhà thái miếu, truy tôn thêm các tôn hiệu.

Hiển tổ Chiêu Đức Trạch hoàng đế làm Hiển tổ Chiêu đức Chí nhân Trạch hoàng đế[2].

Hiển từ Gia thục hoàng thái hậu làm Hiển từ Gia thục Khâm thuận hoàng thái hậu.[3]

---

(1) Nguyên văn chép *Cương mục* là 'Thạch khánh đồ" (Chb.XVII, 2). Nhưng đến Chb.XX,14, *Cương mục* lại chép là "Thạch bản đồ". Và nhiều sách khác cũng chép là "Thạch bản đồ". Đó có lẽ là vì chữ "khánh" và chữ "bản" tự dạng chữ Hán hơi giống nhau, nên dễ gây ra lầm lẫn. Nay theo sự khảo cứu của chúng tôi, thì chữ "khánh" có lẽ đúng hơn : một là vì Nguyễn Trãi khi dâng "Thạch khánh đồ" (bản đồ vẽ khánh đá) gắn liền với việc tâu bày về nguyên lý âm nhạc, sau khi Nguyễn Trãi vâng chiếu chỉ soạn nhã nhạc ; hai là vì chính *Việt sử thực lục* (nằm trong bộ *Toàn thư)* là bản sử tương đối xưa hơn, chép rõ là "Thạch khánh đồ" (quyển XI, tờ 35b). Vậy có thể tạm khẳng định rằng những chỗ chép là "Thạch bản đồ" đều không đúng.

(2) Tên là Thinh, cụ (tằng tổ) của Lê Thái Tông.

(3) Tức Nguyễn Thị, là vợ của Thinh và là cụ bà của Lê Thái Tông. Xem thêm Chb.XV,6-7.

Tuyên tổ Hiến văn Phúc hoàng đế làm Tuyên tổ Hiến văn Duệ triết Phúc hoàng đế[1].

Trinh từ Ý văn hoàng thái hậu làm Trinh từ Ý văn Trang hiến hoàng thái hậu[2].

Thái tổ Thống thiên Khải vận Thánh đức Thần công Duệ văn Anh vũ hoàng đế làm Thái tổ Thống thiên Khải vận Thánh đức Thần công Duệ văn Anh vũ Đại hiếu hoàng đế[3].

Cung Từ Quốc Thái mẫu làm Cung Từ Quang Mục Hoàng Thái hậu[4].

Thăng trật cho bách thần.

Gia phong cho các thần linh trong nước, sai các quan đến làm lễ tế, khấn cáo về việc nhà vua được sắc phong vương. Chb. **XVII**, 4

Khảo thí võ nghệ.

Khảo thí và điểm duyệt võ nghệ của các tướng hiệu trong các quân vệ. Phép thi thế này : trước thi cung tên, thứ đến tiễn thủ[5], thứ nữa đến sử dụng áo giáp và lá chắn. Ba môn thi trên đây, nếu đều trúng cách thì được cấp cả toàn bổng ; nếu không trúng thì lương bổng phải giảm dần xuống. Phép thi này đặt làm thành lệ mãi mãi.

Tháng 3. Biểu dương người tiết phụ họ Lê ở Quốc Oai.

---

(1) Tên là Khoáng, ông nội của Lê Thái Tông.

(2) Tức là Trinh Thị, là vợ của Khoáng và là bà nội của Lê Thái Tông. Xem thêm Chb.XV,6-7

(3) Tức Thái Tổ Lê Lợi, cha của Lê Thái Tông.

(4) Tức Phạm Thị Trần, người làng Quần Lai thuộc huyện Lôi Dương, Thanh Hoá, là vợ lẽ của Lê Lợi và là mẹ đẻ của Lê Thái Tông. Xem thêm Chb.XVI,14 . *Toàn thư* XI.1.

(5) Hai chữ 'tiễn thủ" đây có lẽ là "thủ tiễn" mà *Cương mục* in lầm. Vì tham khảo các sách chỉ thấy có "thủ tiễn" nghĩa là tên bắn bằng tay. Xem chú giải ở Chb.XV,14.

Lê Thị Liễn, người Phúc Lâm thuộc Quốc Oai[1], là vợ Lương Thiên Tích, Túc vệ nhà nhuận Hồ[2], có nhan sắc. Goá bụa sớm, không có con, bà vẫn ở lại nhà chồng, giữ việc thờ cúng đến trọn đời. Thiếu bảo Lê Quốc Hưng đem việc này tâu lên triều đình, nên nhà vua ban cho bà tấm biển treo ở nhà để biểu dương.

Lời chua – *Quốc Oai* : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb.X,16)

Phúc Lâm : Thay đổi ra sao, không rõ.

Hạn hán.

Nhà vua ra lệnh cho các lộ làm lễ đảo vũ.

Nhà vua đi xem đánh cá ở Hồ Tây.

Lời chua – *Hồ Tây* : Tức Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb.II,11). Chb. **XVII**, 5

Tháng 4, mùa hạ[3]. Từ tháng 3 đến tháng này không mưa.

Làm lễ đảo vũ ở cung Cảnh Linh.

Lời chua – *Cung Cảnh Linh* : Xem Lê Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chb.IV,21).

Tháng 5. Nhà vua đi bái yết Thái miếu. Bãi bỏ trò chèo hát[4].

Trước kia, nhà vua sai Lê Trãi là Lương Đăng cùng làm việc hiệu đính và quy định nhã nhạc. Những điều bàn luận của Trãi phần nhiều không hợp với Đăng, nên Trãi dâng sớ cố xin từ việc, được nhà vua ưng thuận. Đăng nhân đó dâng kiến nghị, nói : "Trong lễ, có lễ đại trào và lễ chầu thường. Các lễ tế giao, các nhà Thái miếu, ngày sinh nhật nhà vua và tết nguyên đán

(1) Thuộc tỉnh Hà Tây

(2) Theo quan niệm sử thần phong kiến, nhà Hồ (1400 - 1406) không được kể là chính thống nên bị chép là nhuận Hồ hoặc nguỵ Hồ... Xem thêm chú giải số 2 ở Chb.XIII, 1.

(3) Trong tháng 4 mùa hạ này có việc rất quan trọng mà *Cương mục* lược bỏ là : nhà vua muốn xem thủ chiếu và thơ văn của họ Hồ (tức Hồ Quý Ly). Nguyễn Trãi lặt lượm sao lục được vài mươi bài thơ văn bằng nôm của họ Hồ, đem dâng vua" *(Toàn thư* XI,38).

(4) Nguyên văn là "bãi ưu hí".

đều là lễ đại trào, hoàng đế mặc áo cổn, đội mũ miện, lên ngự bảo toạ ; trăm quan đều đội mũ và mặc áo đại trào. Ngày mồng một và ngày rằm, hoàng đế mặc áo hoàng bào, đội mũ xung thiên, lên ngự bảo toạ ; trăm quan đều mặc công phục, đội mũ phốc đầu[1]. Gặp lễ chầu thường, hoàng đế mặc hoàng bào, đội mũ xung thiên, lên ngự kim đài ; trăm quan mặc thường phục cổ tròn, đội mũ lượt thâm (ô sa mạo).

"Nhã nhạc thì có : nhạc tế giao, nhạc tế Thái miếu, nhạc ngũ tự[2], nhạc cứu nhật thực và nguyệt thực, nhạc dùng trong lễ đại trào, nhạc dùng trong lễ chầu thường, nhạc chín lần tấu trong bữa đại yến, nhạc dùng trong cung. Tất cả không thể dùng chung như nhau được".

Nhà vua ưng theo kiến nghị của Lương Đăng. Rồi cuối cùng ra lệnh cho thi hành.

Đến đây, nhà vua đi bái yết Thái miếu, bãi bỏ trò chèo hát, không tấu dâm nhạc.

Lời phê – *Để cho hoạn quan và kẻ hầu trong cung tham dự chính sự, sẽ có nguy cơ đáng lo. Điều này không thể buông thả cho lớn dần lên được. Huống chi lễ nhạc là việc trọng đại, trong nước bấy giờ không có người giỏi hay sao mà phải dùng đến bọn Lương Đăng này ? Sánh với những món nghi lễ quê kệch do Tắc Tự [3] đời Hán đặt ra thì nghi lễ của Lương Đăng đây lại còn quê kệch hơn nữa !* Chb. **XVII**, 6

Tháng 6. Hạn hán và hoàng trùng[4].

Nhà vua ra lệnh cho các lộ và các trấn làm lễ đảo vũ.

---

(1) Xem chú giải số 2 ở Chb.III.23.

(2) Thờ năm thần. Về ngũ tự, có nhiều thuyết, ở đây chỉ nêu hai thuyết cần hơn : thuyết thứ nhất, ngũ tự là : câu mang (thần cây cối), nhục du (thần loài kim), huyền minh (thần nước), chúc dung (thần lửa), và hậu thổ (thần đất). Thuyết thứ hai, ngũ tự là : thần cổng, thần giếng, thần cửa, thần bếp và thần nhà giữa.

(3) Tên hiệu của Thúc Tôn Thông, người đời Hán Cao Tổ, quy định nghi lễ triều đình bằng cách dùng lẫn cả cổ lễ và nghi thức nhà Tần.

(4) Sâu cắn lúa.

Ở kinh đô có mưa.

Bầy tôi vào chúc mừng. Nhà vua sai họ đi các lộ xem có mưa không.

Hạ chiếu giảm bớt hình phạt, đánh nhẹ thuế khoá.

Tờ chiếu có nói : "Gần nay hạn hán, hoàng trùng, lệ khí và tai nạn dồn dập xảy đến ! Vậy nay nên giảm bớt hình ngục, nới nhẹ thuế khoá để yên ủi lòng dân".

Dùng Lê Khả làm Hành quân tổng quản[1], coi giữ cấm quân, bãi chức tước của Đại tư đồ Lê Sát. Tha Bùi Ư Đài và cho khai phục quan chức. Biếm truất Tây đạo tham tri[2] Đặng Đắc xuống làm An phủ sứ ở Lạng Sơn ; rồi tống giam vào ngục, giết chết.

Bấy giờ nhà vua đã khôn lớn, xét xử và quyết định công việc ngày càng sáng suốt. Lê Sát còn cứ tham quyền cố vị. Nhà vua chán ghét Lê Sát, bèn mưu tính với những người ở bên tả hữu, cho rằng Lê Ê và Lê Hươu là bà con của Sát, Lê Khả vốn có hiềm khích với Sát. Nhà vua bèn đuổi bọn Ê ra ngoài, dùng Khả giữ quân cấm vệ. Sát còn cố chấp, cho là không nên. Nhà vua nổi giận, đứng dậy, đi vào trong cung, mật sai báo việc này cho mấy viên quan giữ việc can ngăn là bọn Đinh Cảnh An và Nguyễn Vĩnh Tích biết. Bọn Cảnh An liền cùng nhau dâng thư hặc Sát về tội chuyên quyền.

Chb. **XVII**, 7

Nhà vua giao xuống cho toà pháp ti xét hỏi vụ Lê Sát. Bọn Lê Văn Linh và Lê Ngân đều bào chữa cho Sát, nhưng nhà vua không nghe, bèn bãi hết chức tước của Sát. Hạ chiếu rằng : "Lê Sát ghen ghét người tài năng, tự tiện cầm quyền oai phúc, kể đã lâu ngày. Hắn giết Nhân Chú[3], truất giáng

(1) Một chức quan đặt không thường xuyên.

(2) Một chức quan coi giữ sổ sách quân dân ở một đạo.

(3) Xem Chb.XVI,5,7,13 và Chb.XVII,8.

Lê Khả[1], đày Ư Đài[2], ruồng bỏ Cầm Hổ[3]. Xét những việc hắn làm đó đều là trái đạo làm tôi. Nay muốn khép hắn vào tội để giãi tỏ phép nước, lại nghĩ Sát là đại thần nhận lãnh mạng lệnh tiên đế dặn lại, nên rộng ban ơn, đặc cách tha cho tội chết, nhưng phải cách chức".

Tha Bùi Ư Đài, cho khai phục quan chức, cất làm Tham tri coi giữ sổ sách quân và dân ở Tây đạo.

Biếm truất Tây đạo tham tri quân dân bạ tịch là Đặng Đắc xuống làm An phủ sứ ở Lạng Sơn, sau đó tống giam vào ngục, ra lệnh chém để rao cho mọi người biết. Đó vì Đặng Đắc là kẻ bày mưu lập kế cho Lê Sát.

Lời phê – [4] *Lê Thái Tông cũng không phải là ông vua sáng suốt.*

Đại Tư mã, tham dự triều chính, Đình thượng hầu, Lê Văn An, chết.

Văn An là người hoà nhã, dễ dãi, tiếp đón các nho sĩ và đại phu bao giờ cũng giữ lễ độ. Đến đây. Văn An chết, đặt tên thuỵ là Trung Hiến.

Sét đánh cửa Đông Thành (Đông Kinh).

Giáng Tham đốc Lê Văn Linh xuống làm Tả bộc xạ[5], giáng Điện tiền đô kiểm điểm Lê Ê xuống làm Đồng tổng quản lộ Quy Hoá.

---

(1) Xem Chb.XVI,5,7,13 và Chb.XVII,8.

(2) Nt.

(3) Nt.

(4) Về việc Lê Thái Tông nổi giận với Lê Sát, rồi vào cung, sai mật báo cho chọn Đinh Cảnh An biết việc Lê Sát cố chấp, không theo ý vua.

(5) Chức Tả bộc xạ được đặt từ thời Trần hàm nhị phẩm, tương đương với Hành khiển thượng thư tức là chỉ dưới Tể tướng. Đầu thời Lê gọi là Thị trung bộc xạ chỉ dành cho Đại thần giữ then chốt rất quan trọng. *Cương mục* chép Lê Văn Linh đang làm Tham đốc bị giáng xuống làm Tả bộc xạ có lẽ chép lầm. Bởi vì Tham đốc là chức quan võ nằm trong một vệ dưới chức Đề đốc hàm nhị phẩm.

Vì bọn Văn Linh và Lê Ê là chỗ thân tình của Lê Sát nên đều phải biếm truất và truy đoạt tấm biển "công thần" được ban cho từ triều Thuận Thiên[1]. Chb. **XVII**, 8

Lời chua – *Quy Hoá* : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb.VI, 41).

Dùng Lê Ngân làm Nhập nội đại đô đốc, đặc tiến khai phủ đồng tam ti.

Lại dùng Bùi Cầm Hổ làm Trung thừa.

Trước kia, Cầm Hổ làm Trung thừa vì hặc Lê Sát, nên bị đày ra làm An phủ sứ lộ Lạng Sơn ; đến đây, Lê Sát bị đổ, Cầm Hổ được nhà vua khen là cương trực, nên có mạng lệnh cho làm chức này.

Tháng 7, mùa thu. Lê Sát có tội, cho phép được tự tử. Gia sản bị tịch thu. Nguyên phi Lê Thị, con gái của Sát, bị phế làm thứ nhân[2].

Bấy giờ có người cáo tỏ rằng Lê Sát nuôi bọn võ sĩ Lê Thảo, Lê Khản và Lê Khắc Hài làm thích khách, mưu toan làm hại Lê Ngân. Nhà vua nổi giận, hạ chiếu rằng : "Sát nay lại nuôi dưỡng những tay liều chết để mưu hại người trung lương, dấu tích gian ác của hắn ngày một lộ liễu. Vậy đáng nên chém để rao cho mọi người biết".

Bọn Lê Ngân và Bùi Cầm Hổ tâu rằng : "Tội Sát đáng chết đấy thật, nhưng Sát đã từng làm đến đại thần, nếu phanh thây làm nhục, e để đời sau chê cười !". Chb. **XVII**, 9

(1) Niên hiệu Lê Thái Tổ, 1428 -1433. Xem thêm Chb. XV, 20 - 22.

(2) Người dân thường, không có chức tước phẩm trật gì.

Nhà vua bèn cho phép Sát được tự tử. Tịch thu các đồ vật của Sát, chia ban cho quần thần. Vợ con và tài sản của Sát đều bị sung công. Nguyên phi Ngọc Dao, con gái của Sát, sau khi Sát phải tội, cũng bị phế.

Sách phong Chiêu nghi[1] Lê Thị lên làm Huệ phi.

Phi, là con gái Lê Ngân, sau khi Ngọc Dao bị phế, được lên bậc này.

Phía tây nam có tiếng như sấm. Gió to, mưa lớn.

Tháng 8. Dùng Lê Khả làm Thiếu uý.

Nguyễn Văn Lôi xin cho mò ngọc trai. Nhà vua không cho phép.

Văn Lôi tâu xin cho mò hạt trân châu ở Đông Hải để sung vào việc tiêu dùng trong nước. Nhà vua không nghe.

Lời chua – *Đông Hải* : Trấn An Bang thuộc Đông đạo, có hải phận Vân Đồn, trong hải phận này có sản ngọc trai.

Hạ chiếu răn bảo pháp ti đoán hình ngục phải theo đúng luật pháp.

Nhà vua dụ rằng : "Phàm người giữ việc xét đoán ngục tụng phải nên căn cứ vào điều chính trong minh văn của luật pháp. Khi tội danh đã phù hợp với luật rồi thì trước phải tường trình với các đại thần, thái giám và đài quan[2] cùng nhau công đồng xem xét, rồi sau mới kết án tâu lên vua, chứ không được thiên vị vì tình riêng, cứ theo ý mình mà tăng nặng hay giảm nhẹ như kiểu Lê Sát đã làm ngày trước".

---

(1) Chiêu Nghi là một cấp bậc vợ lẽ của vua, ở trong hàng tam chiêu (chiêu nghi, chiêu dung và chiêu viên) thuộc bậc cửu tần (chín cung tần), dưới hậu và hoàng phi (xem Chb.XVIII, 16-17).

(2) Chức quan ở Ngự sử đài, giữ việc can ngăn.

Lời chua – *Thái giám* : Theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn, Lê Thái Tổ cất đặt quan lại, có chức Thái giám, dùng những người họ thân có công lao đứng làm, chức vị ở dưới Nhập nội hành khiển và Khu mật đại sứ. Chb. **XVII**, 10

Dùng Lê Đổ làm Chính sự viện đồng tham nghị.

Trung thừa Bùi Cầm Hổ can rằng : "Tham nghị là chức giúp rập chính sự, nếu không phải là bậc lão thành thì không nên dùng. Nay Lê Đổ có nhiều lầm lỗi, thế mà cho lên làm chức này, e không thể khuyến khích người khác được". Nhà vua không nghe.

Lời chua – *Chính sự viện đồng tham nghị* : Theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ mới lập ra chính sự viện, có những chức Tham tri chính sự, Tham nghị và Đồng tham nghị để nắm giữ công việc then chốt.

Tháng 9. Hoạn quan Lương Đăng dâng nhã nhạc mới.

Nhạc mới này, mô phỏng nhạc khí của nhà Minh mà làm ra. Nhạc tấu ở trên nhà, có : trống cái, bộ khánh(1), bộ chuông(2), đàn cầm(3), đàn sắt(4), sinh(5), tiêu(6), quản(7),

---

(1) Nguyên văn "biên khánh", thứ nhạc khí gồm 16 chiếc khánh cùng treo vào một giá bề dài và bề ngang đều giống nhau, chỉ khác là có cái mỏng, cái dày để hợp với 12 chính luật và 4 bội luật (theo *Từ Nguyên,* trang 1175).

(2) Nguyên văn "biên chung". Thứ nhạc khí gồm 16 cái chuông cùng treo vào một giá, chia làm hai đợt, ăn khớp với 12 chính luật và 4 bội luật. Chuông lớn và chuông nhỏ đều hình chầy, phía dưới phẳng miệng. Cứ theo dày hay mỏng mà xếp thứ tự, cao độ 7 tấc 5 phân thời xưa (theo *Từ Nguyên*, trang 1175).

(3) Đàn cầm xưa có 5 dây, sau dùng 7 dây : dài 3 thước, 6 tấc cổ. Dùng ngón tay mà gảy theo 13 ký hiệu, phát ra 13 âm thanh (theo *Từ Nguyên* trang 997).

(4) Đàn sắt, xưa có 50 dây, sau đổi làm 25 dây ; mỗi dây có một trụ. Khi đánh đàn thì làm di động ở trên hay dưới để cho âm thanh phát ra trong, đục, bổng, trầm khác nhau (theo *Từ Nguyên*).

(5) Thứ nhạc khí xưa làm bằng vỏ quả bầu, trong xếp 13 chiếc ống nhỏ, thành hàng quây tròn, thổi ở một cái vòi có cựa (theo *Từ Nguyên* trang 1127).

(6) Cái tiêu xưa làm bằng trúc, hạng lớn : 23 ống, hạng nhỏ : 16 ống, khác với cái tiêu ngày nay chỉ có một ống (theo *Từ Nguyên,* trang 1141).

(7) Nhạc khí xưa, thất truyền đã lâu. Mỗi thuyết một khác : người nói có 6 lỗ, người nói có 8 lỗ, người nói có đáy, người nói không đáy, người nói có một ống, người nói có cả hai ống để thổi... (theo *Từ Nguyên*).

thược[1], chúc[2], ngữ[3], huân[4], trì[5]. Nhạc tấu ở dưới thềm, có : phương hưởng[6], không hầu[7], đàn tì bà[8] và quản dịch[9], dùng

Xe loan làm xong. Nhà vua phong hoạn quan Lương Đăng làm Đô giám.

Trước kia, Lương Đăng tâu xin quy định nghi trượng lỗ bộ[10] : Khi vua trẩy một cách trọng thể, xe loan thì có xe lớn (đại lộ), xe voi, xe ngựa, kiệu cửu long[11], kiệu thất long[12], bộ liễn[13], phi liễn[14]. Nhà vua nghe theo. Đến đây làm xong, Đăng được phong làm Đô giám trung thừa. Chb. **XVII**, 11

(1) Nhạc khí xưa, giống cái đoản địch (sáo ngắn) có ba lỗ (theo *Từ Nguyên).*

(2) "Chúc" làm bằng gỗ, đóng như cái đấu vuông, trên thách, dưới thu sâu 1 thước 5 tấc cổ, ba mặt đều bưng ván gỗ, đáy ván giữa làm lồi lên như mặt trống để đập gõ. Khi đánh, dùng cái ván có cán dài, gọi là cái "chỉ" mà rập thành tiết tấu. Nhạc khí này dùng để giáo đầu trước khi tấu nhạc (theo *Từ Nguyên* trang 759).

(3) Thứ nhạc khí, làm giống hình con hổ đang phục, trên lưng có 27 cạnh khía khấp khểnh để gõ bằng dùi gỗ, điểm xen khi ngừng khúc nhạc (theo *Từ Nguyên* trang 664).

(4) Cái huân, nặn bằng đất, to bằng quả trứng ngỗng, trên thót dưới phình, trong rỗng miệng có một lỗ để thổi, thành phía trước có 4 lỗ, thành phía sau có 2 lỗ (theo *Từ Nguyên* trang 353*)*

(5) Trì, một nhạc khí xưa, thổi ra tiếng để hòa hợp nhịp nhàng với cái "huân" (theo *Từ Nguyên*).

(6) Nhạc khí xưa, chế bằng kim loại, gồm có 16 tấm hình chữ nhật, xếp nghiêng thành hai hàng cùng treo chung vào một giá. Khi dùng chiếc dùi đồng nhỏ mà gõ thì tuỳ theo từng tấm dày mỏng phát ra âm thanh trong, đục khác nhau (theo *Từ Nguyên* trang 681*).*

(7) Thứ đàn cổ, thất truyền đã lâu. Thuyết cũ cho rằng nó giống cây đàn sắt nhưng nhỏ hơn, gảy bằng phím gỗ (theo *Từ Nguyên,* trang 1135*).*

(8) Đàn tì bà có 4 dây, đầu cong, cổ dài, mặt phẳng, lưng tròn, bụng trên thót dưới phình như hình lá đề. Mặt đàn có bốn "tượng" và 13 "phẩm" để theo đó mà điều tiết thanh âm trong hay đục (theo *Từ Nguyên,* trang 998*).*

(9) Ống sáo xưa, làm bằng trúc, dài 1 thước 8 tấc cổ (theo *Từ Nguyên* trang 1127*).*

(10) Về nghĩa "lỗ bộ", có nhiều thuyết khác nhau nhưng có thể nói tóm là những nghi trượng khi vua trẩy như áo giáp và lá chắn để quân lính dùng đi dàn trước mặt mà hộ vệ, hay là nước muối dùng rảy đường cho khỏi bụi. Những thứ này đều được ghi chép vào sổ, nên gọi lỗ bộ. Ở Việt Nam những đồ như dùi đồng, phủ việt và bát bửu đều gọi là lỗ bộ.

(11) Kiệu chạm chín con rồng.

(12) Kiệu chạm bảy con rồng.

(13) Xe người kéo.

(14) Xe đi nhanh.

Bùi Cầm Hổ tâu rằng : "Bệ hạ từ khi lên ngôi đến giờ, thay đổi nhiều việc của tiên đế đã làm. Kìa như Lễ Bộ ti đồng giám là Lương Đăng, tiên đế thấy hắn biết chút chữ nghĩa, cho làm Nội nhân phó chưởng, nhưng rồi thấy hắn chỉ khúm núm bề ngoài, không thẳng thắn, không thể gần gũi được, nên mới cho hắn ra làm văn đội. Thế mà nay lại cho lên làm chức quan to. Vậy xin bệ hạ nghĩ lại".

Người thợ là Cao Liệt dâng hai chiếc mũ cỏ, và xin mộ dân sung vào làm việc ở Quan tác cục[1]. Thị ngự sử Nguyễn Vĩnh Tích can rằng : "Người làm vua xưa không quý những đồ kỳ lạ khéo léo, nên vua Thuấn chỉ mới dùng thứ đồ sơn, thế mà có đến hơn mười người can ngăn. Vậy xin bệ hạ nghĩ đến tiên đế đã từng tắm gió gội mưa, cũng chưa hề dùng đến thứ mũ ấy".

Khi đã bãi trào, nhà vua giơ cái mũ cỏ lên cho các đại thần và đài quan[2] xem và nói : "Của này có gì đáng gọi là kỳ lạ, thế mà đài quan đã phải can ngăn". Vĩnh Tích thưa rằng : "Tôi muốn làm để nhà vua trở nên hiền hơn Nghiêu, Thuấn, nên mới can ngăn từ lúc chưa chớm nảy điều không phải đó thôi". Nhà vua làm thinh.

Lời chua – *Văn đội :* Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ có đặt ra Ngự Tiền Văn đội, trong đội có ti Thính hậu chuyên giữ việc sai phái điều bát.

Nguyễn Vĩnh Tích : Người La Phù, thuộc huyện Thượng Phúc[3]. Chb. **XVII**, 12

Lê Cảnh Xước, Nội mật viện sứ, phạm tội ăn hối lộ, bị bãi chức ; sau đó lại được khai phục.

Cảnh Xước ăn hối lộ 20 lạng bạc. Theo luật đáng phải tội chết. Nhà vua cho rằng Cảnh Xước hầu ở toà Kinh Diên đã lâu, nên

---

(1) Sở làm mũ...

(2) Chức quan ở Ngự sử đài, giữ việc can ngăn.

(3) Làng La Phù nay thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

ruồng bỏ, bắt làm thứ dân. Được hơn một tháng, nhà vua lại dùng làm Hàn Lâm viện thị giảng, Ngự tiền học sinh cục phó.

Lời chua – *Ngự tiền học sinh cục phó* : Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ mới đặt ra Ngự tiền học sinh cục, trong cục có cục trưởng và cục phó.

Tháng 11, mùa đông. Thi hành lễ mới.

Lương Đăng dâng kiến nghị mới về các tiết mục nghi thức của các lễ coi chầu hoặc yến tiệc trong những ngày sinh nhật nhà vua, tết nguyên đán, mồng một, ngày rằm. Lễ mới này khi đặt xong, nhà vua sai viết ra treo ở cửa Thừa Thiên. Đến đây, nhà vua đi bái yết thái miếu, bắt đầu mặc áo cổn, đội mũ miện ; trăm quan mặc triều phục, làm lễ. Khi nhà vua coi chầu, lúc ra lúc vào đều có tiền hô hậu hét.

Bọn Lê Trãi, Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyến, và Nguyễn Liễu tâu rằng : "Lễ nhạc là cốt ở người, mới đặt ra được. Phải là bậc tài đức như Chu Công[1] rồi sau mới không thể chê trách về việc đặt lễ, chế nhạc. Nay nhà vua để cho hạng bầy tôi nhỏ mọn ở trong cung chuyên việc sắp đặt lễ nhạc, như vậy chẳng tủi nhục cho nước nhà lắm sao ? Vả lại, việc làm của Đăng đều là dối vua, lừa dưới không căn cứ vào đâu cả. Thí dụ như xưa kia, khi trống đánh thì người ta truyền báo lễ chầu buổi sớm ; nay vua đã ngự triều ban, yên chỗ rồi, bấy giờ mới đánh trống ! Xưa kia, khi vua đi ra, thì bên tả đánh chuông hoàng chung[2] bên hữu có 5 chuông[3] cùng rền lên để hưởng ứng lại. Khi vua đi vào thì

Chb. **XVII**, 13

(1) Xem chú giải ở Chb.I, 9.

(2) Một trong mười hai luật mà người xưa dựa vào thời tiết để đánh dấu mười hai tháng. Hoàng chung thuộc tháng trọng đông (tháng 11 âm lịch).

(3) Tức là thanh chung (chuông xanh), xích chung (chuông đỏ) hoàng chung (chuông vàng), cảnh chung (chuông ghi công) và hắc chung (chuông đen). Theo *Từ Nguyên* trang 76.

người ta đánh chuông di tân[1] và cũng hoạ lại bằng năm chuông khác. Ngày nay, khi vua ra coi chầu, đánh 108 tiếng chuông. Số 108 đó là số đếm khi lần tràng hạt[2] của các hoà thượng.

"Nếu theo chế độ nhà Minh, khi vua ngồi, ở cửa Phụng Thiên thì có kim đài[3], ở điện Phụng Thiên thì có bảo toạ. Bây giờ chỉ có một điện Hội Anh, lại có kim đài thường di chuyển không để yên một chỗ ; nếu đặt hai kim đài ở cả hai chỗ thì lại không nên. Đó là những lễ nghi gì ?

"Còn về xe vua dùng, phía trước có mái vẩy, phía sau có cửa, thế mà bây giờ mở cửa phía trước ! Lối xưa có như vậy không ?

"Vua, khi ra, khi vào có tiền hô hậu hét, đó là lẽ thường. Bấy giờ, khi Cáp môn sứ đã xướng đến tiết mục "tâu việc xong rồi", trăm quan đã lui gót, thế mà vua còn ngồi lại, người coi nghi lễ mới bắt đầu hô : "nhập tất"[4]. Thế là nghĩa gì ?

"Lương Đăng là tên bầy tôi nhỏ mọn, ra vào nơi cung cấm, hầu hạ ở bên vua. Như vậy chúng tôi trộm lấy làm ngờ lắm !".

Lương Đăng tâu : "Thần là kẻ vô học, không biết chế độ thời xưa ra sao. Những việc bây giờ làm đó chỉ là biết thế nào, làm thế ấy thôi".

Nguyễn Liễu tâu : "Từ xưa đến nay, chưa có bao giờ hoạn quan lại được tự chuyên, làm nát thiên hạ như vậy !".

---

(1) Một trong mười hai luật tính theo thời tiết mười hai tháng âm lịch. Di tân thuộc tháng trọng hạ (tháng 5 âm lịch).

(2) Theo nhà Phật số 108 là số lượng phiền não. Khi lần tràng hạt, mỗi lượt gần hết 108, tức là qua được 108 cái phiền não.

(3) Chỗ ngồi cao, có trang sức bằng vàng, hoặc thiếp vàng.

(4) Cấm mọi người qua lại, dành đường để vua trẩy vào cung.

Đinh Thắng từ trong nội đi ra, mắng rằng : "Hoạn quan làm gì mà nát thiên hạ ? Nếu nát thiên hạ thì phải nát đầu mày". Chb. **XVII**, 14

Nhà vua bèn giao Nguyễn Liễu cho hình quan xét hỏi. Khi án đã kết, Liễu bị tội đáng chết chém. Nhưng nhà vua ra chiếu chỉ cho đặc cách giảm xuống tội thích chữ vào mặt, đày đi châu xa.

Lời chua – *Phía trước có mái vẩy, phía sau có cửa :* Ở phần *Xa dư loại* trong *Uyên giám loại hàm,* Trần Tượng Đạo có nói : "Về chế độ xe, theo hình tượng trời để làm mui, theo hình tượng đất để làm thùng xe, theo sao đẩu để làm trụ cắm gọng mui và ổ bánh xe, theo chòm sao nhị thập bát tú để làm gọng mui xe, theo mặt trời và mặt trăng để làm bánh xe và tay hoa xe. Phía trước có thanh gỗ chắn ngang, phía sau cửa lên xuống ; gờ ngang ở đằng trước ; gờ ngang ở đằng sau.

Nước Tiêm La sai sứ sang cống.

Tiêm La sai bọn Trai Cương Thích đến triều cống. Nhà vua ban cho sắc thư để sứ giả đem về. Lại gửi tặng quốc vương và vương phi Tiêm La các thức như lụa mùa[1], đĩa, bát.

Lời chua – *Tiêm La* : tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb.IV, 43, 44).

Tháng 12. Giết Nhập nội đại đô đốc Lê Ngân, tịch thu cả nhà. Giáng truất Huệ phi Lê Thị, con gái Lê Ngân, xuống làm Tu dung.[2]

---

(1) Nguyên văn "sắc quyến". Riêng chữ "quyến" theo *Từ Nguyên* trang 1166, tả lại đồ dệt bằng tơ sống, dày, thô và rão ; còn theo *Việt Nam tự điển*, trang 460, thì là lụa mỏng mà trắng.

(2) Một chức vị của vợ lẽ vua. Theo chế độ đời Tuỳ Văn Đế, thì tu dung được xếp vào hàng chín cung tần. Ở Việt Nam, dưới triều Lê Thánh Tông (1460 – 1497), tu dung là một trong tam tu (tu nghi, tu dung, tu viện) chức vị ở dưới tam chiêu, (chiêu nghi, chiêu dung, chiêu viện) và trên tam sung (sung nghi, sung dung, sung viện). Cả ba cấp tam chiêu, tam tu và tam sung này đều kể là cửu tần (xem thêm Chb. XXIII, 16, 17).

Có người cáo tỏ rằng nhà Lê Ngân thờ phật Quan Âm để cầu khẩn cho con gái là Huệ phi được vua yêu chiều. Bấy giờ nhà vua đang ngự ở cửa Đông trong thành, bèn sai Thái giám Đỗ Đại đem 50 võ sĩ đến khám nhà Lê Ngân, soát thấy có pho tượng Phật để thờ, vàng, bạc và lụa màu[1]. Nhà vua sai bắt nô tì của Lê Ngân để xét hỏi. Chb. **XVII**, 15

Hôm sau, Lê Ngân vào chầu, bỏ mũ ra, tạ tội rằng : "Tôi từ trẻ, theo đi khởi nghĩa Lam Sơn, may được trông thấy cảnh thanh bình ; về già, vì dồn chứa nhọc nhằn vất vả đã lâu, nên sinh lắm bệnh. Thầy bói đoán rằng chỗ đất nhà tôi ở là ngôi chùa cổ đã hoang phế, nay sinh yêu ma làm cho động trệ, không yên, nên sùng mộ đạo Phật để cầu âm phúc. Chẳng ngờ nay bị người vợ lẽ mà tôi đã bỏ, cùng với Trần Thị, là vợ lẽ của Lê Sát ngày trước mà nhà vua ban cho nhà tôi[2] xui xiểm, kết hợp với tên đầy tớ gian ngoan, nhân dịp thêu dệt cho thành tội lỗi. Nếu được nhà vua soi xét định đoạt thì buông tha cho tôi về điền viên để được trót đời tàn rạc này".

Nhà vua chưa nguôi giận, giao Lê Ngân cho toà pháp ti luận tội. Khi án đã thành, nhà vua cho phép Lê Ngân được chết, tịch thu cả nhà, phế Huệ phi Nhật Lệ, con gái Lê Ngân xuống làm Tu dung. Bà đồng[3] cũng bị đày đi châu xa.

Lời phê – *Lê Ngân : Trước đây, đã bào chữa cho Lê Sát, dường cùng bè đảng với kẻ ác, sao không ngay lúc bấy giờ trị tội luôn cả đi, mà lại cho vượt bậc thăng chức ? Đến đây, chỉ vì cớ nhỏ nhặt*[4]*, lại giết Lê Ngân : hình phạt sao quá lạm thế !*

---

(1) Nguyên văn là "sắc quyến". Xem chú giải ở trên (Chb. XVII, 14).

(2) Trần Thị cùng gia quyến Lê Sát đều bị sung công làm nô tì khi Lê Ngân phải tội, do đó nàng bị nhà vua chia phát cho nhà Lê Ngân.

(3) Nguyên văn là "nữ vu", tức là bà đồng trông nom về việc thờ phật Quan Âm ở nhà Lê Ngân mà *Cương mục* ở đoạn trên (chỗ khám nhà Lê Sát) bỏ sót, không chép.

(4) Ý Tự Đức muốn chỉ về việc nhà Lê Ngân thờ Phật để cầu phúc cho con gái là Huệ phi Nhật Lệ.

Mậu Ngọ, năm thứ 5 (1438), (Minh. năm Chính Thống thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Tập trận thuỷ chiến.

Trước kia, sắc cho bọn Đô tổng quản ở năm đạo[1] chỉnh lý các thuyền chiến và người đến nay đến việc khởi vết.

Lời chua – *Trường Yên* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Thanh Hoá, Nghệ An : đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 16, 117.20, 23). Chb. **XVII**, 16

Phế quận vương Tư Tề xuống làm thứ dân.

Trước kia, Tư Tề hay nói những lời quái gở càn bậy, bị kẻ hầu cận cáo tỏ, nhà vua đã sắc sai trăm quan không được đi lại với Tư Tề ; đến nay phế hẳn làm thứ dân.

Đại xá. Hạ chiếu cho trăm quan điều trần việc nước.

Vì có thường xảy ra tai biến và điềm gở, nhà vua hạ chiếu tự trách mình. Bài chiếu như sau :

"Luôn năm lại đây, nào hạn hán, nào hoàng trùng, tai nạn và điềm gở dồn dập xảy đến. Mấy cây trước cửa nhà thái miếu ở Lam Kinh[3] nhiều lần cũng bị sét đánh. Xét xem tại sao xảy ra điềm xấu như vậy, tất là phải có lý do. Có lẽ vì những cớ này :

---

(1) Xem Chb. XV. 5

(2) Xem Chb. XIII, 32

(3) Nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

"Trẫm không tu sửa đức tính, bỏ bê trễ mọi chính sự chăng ?

"Những bậc tể phụ không phải là người hiền tài, sự quản lý nhà nước có điều sai trái không đúng mức chăng ?

"Bổ dụng không được người tốt, vàng thau lẫn lộn chăng ?

"Có nạn hối lộ công khai, việc hình ngục kiện tụng có điều oan uổng, quá lạm chăng ?

"Nhiều phen dấy việc thổ mộc doanh tạo làm cho sức dân mỏi mệt khốn đốn chăng ?

"Sưu cao, thuế nặng, nhân dân phải thiếu thốn về tiền tài chăng ?

"Vậy nay đại xá cho thiên hạ. Trăm quan văn võ các ngươi ai ấy đều nên điều trần bày tỏ những điều thiếu sót lầm lỗi trong mọi chính sự, cứ nói thẳng, đừng giấu giếm Nếu có điều gì đáng lượm dùng, thì trẫm thế nào cũng cất nhắc thêm lên chức cao ; dẫu rằng có vấp phải những điều ngu ngốc viển vông đi nữa, cũng chẳng bắt tội gì đâu. Như vậy ngõ hầu mới có thể cảm lại được lòng Trời, ngừng được tai biến khiến cho nước nhà dài hưởng phúc lành vô cùng".

Lời phê[1] – *Cũng là văn bản nói suông đó thôi.*

Tháng 12, mùa đông. Sứ nhà Minh sang ta.

Triệu Nhân Chính, Tri châu châu An Bình thuộc phủ Thái Bình nhà Minh và Nông Kính, Tri châu châu Hạ Tư Lang thuộc trấn Thái Nguyên bên ta, đều vượt bờ cõi, xâm lấn đất đai của nhau. Chb. **XVII**, 17

(1) Về việc Lê Thái Tông hạ chiếu tự trách mình cho trăm quan điều trần việc nước.

Ti Bố chính sứ Quảng Tây tâu vua Minh rằng quan sở tại ở Hạ Tư Lang tranh chiếm hai động An Bang và Hoá Long thuộc châu An Bình. Nhưng đến việc quan sở tại ở châu An Bình thôn tính bờ cõi, xâm chiếm các động Vũ Đức của ta thì Bố Chính sứ Quảng Tây lại im đi, không tâu vua Minh biết. Vua Minh sai bọn Cấp sự trung là Thang Nãi sang dụ bảo ta trả lại những đất ta đã xâm chiếm. Nhà vua sai bọn Lê Bá Kỳ, Đồng tri Trung Quân, và Bùi Cầm Hổ, Trung thừa sang Minh, phúc tấu về việc này. Lại xin vua Minh ra sắc dụ bảo bầy tôi trấn thủ Quảng Tây phải nghiêm sức cho quan lại nhà Minh ở nơi biên giới không được gây hấn sinh sự.

Lời chua – *Thái Bình* : Tên phủ. Xưa là đất nước Nam Việt[1] ; đời Hán gọi là Lệ Giang thuộc quận Giao Chỉ ; đời Đường đặt làm một châu chỉ có tính cách ràng buộc lỏng lẻo[2]. Đời Tống, Thái Bình là một trong năm trại lập ở Lĩnh Nam sau khi đã bình định được. Đời Nguyên đặt làm lộ Thái Bình thuộc đạo Tả Giang. Đời Minh, là phủ Thái Bình thuộc ti Bố Chính sứ tỉnh Quảng Tây.
Đời Thanh để theo như cũ. Chb. **XVII**, 18

An Bình : Tên châu, thuộc phủ Thái Bình.

Hạ Tư Lang : Tên châu. Xưa là đất châu Tư Lang. Xem Lý Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 3 (Chb.III,3).

An Bang, Hoá Long, Vũ Đức : Đều là tên động. Thay đổi ra sao không rõ.

Kỷ Mùi, năm thứ 6 (1439), (Minh, năm Chính Thống thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Cầm Man đem người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua tự làm tướng đi đánh dẹp.

---

(1) Quốc hiệu của Triệu Đà.

(2) Nguyên văn là "cơ mi". Xem chú giải số 3 ở Tb. IV, 24.

Cương Nương ở Cầm Man làm phản, khuấy nhiễu cướp bóc dân chúng ở nơi biên giới. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai tuyên bố tội trạng và cho quân đến đánh. Cương Nương sợ, cầu cứu với nước Ai Lao. Ai Lao sai bầy tôi là Nữu Hoa đem quân và voi đến xâm lấn khuấy nhiễu các châu Phục Lễ. Nhà vua chính mình đem sáu quân[1] đi đánh : Nữu Hoa phải rút lui.

Lời chua – *Cầm Man* : Theo *Hưng Hoá lục* của Hoàng Trọng Chính[2], thì các châu Phù Yên[3], Sơn La[4], Tuần Giáo[5] và Mai Sơn[6], hồi đầu Lê, đều là các động, giáp giới với Ai Lao và liền với châu Phục Lễ. Họ Cầm nối đời làm Phụ đạo. Có lẽ Cầm Man tức là ở đó.

Cương Nương : Tên người của Cầm Man[7].

Tháng 3. Đặt mọi quy thức về tiền đồng và đồ hàng tấm.

Nhà vua hạ chiếu quy định :

Chb. **XVII**, 19

Tiền đồng : Một tiền là 60 đồng.

Lụa : Một tấm vải dài 30 thước[8], ngang 1 thước 5 tấc trở lên.

Vải gai nhỏ[9] : một tấm dài 24 thước, ngang 1 thước 3 tấc.

---

(1) Nguyên văn là "lục sự". Xem chú giải số 3 ở Chb.IX,34.

(2) Xem chú giải số 3 ở Chb.III,27.

(3) Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

(4) Nt.

(5) Nt.

(6) Nt.

(7) Đây dịch theo nghĩa của nguyên văn *Cương mục*. Còn *Toàn thư* XI, 51b chép là "... Cầm Man, Cương Nương đẳng...". Như vậy, Cương Nương cũng như Cầm Man, là một dân thiểu số ở đương thời.

(8) Thước cổ Việt Nam. Hiện nay, 1 thước ta độ 40 công phân (0m40) ; còn thước đời Lê thế nào, không rõ.

(9) Nguyên văn là "tế ma bố". Theo *Cương mục*, chỉ là một thứ vải gai nhỏ. Nhưng theo *Toàn thư* XI, 52a thì là vải nhỏ và vải gai vì chép : "Tế ma bố tịnh trường nhị thập tứ xích".

Vải gai tiêu ma[1] : một tấm dài 24 thước.

Vải bông : một tấm dài 22 thước.

Giấy : một trăm là 100 tờ.

Tháng 4, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương Tây.

Tháng 10, mùa đông. Sinh hoàng tử Nghi Dân.

Tháng 11. Đại xá. Ban tiệc rượu mừng.

Đại xá cho cả nước. Đổi lại niên hiệu. Người dân từ 70 tuổi trở lên được thưởng tước một tư[2] và uống rượu mừng.

Canh Thân, năm Đại bảo thứ 1 (1440). (Minh, năm Chính Thống thứ 5).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho quần thần cứ thẳng thắn bàn nói về những chính sự còn thiếu sót.

Chiếu rằng : "Đại thần và bách quan văn võ ăn lộc của vua, nên lo điều lo của vua. Phàm những chính sự và mệnh lệnh nếu có hại cho quân và dân, nhữngviệc làm của trẫm lỡ có điều gì không được thích đáng, thì ai nấy đều nên tranh luận cho rõ ràng, can ngăn cho vỡ vạc, giúp đỡ cho những điều trẫm không nghĩ tới. Như thế thì, từ trước đến sau, vua và tôi mới giữ toàn vẹn được công danh sự nghiệp, cùng nhau chung hưởng vinh hiển. Há chẳng tốt lắm sao ?"

Hà Lai, thổ tù châu Thu Vật, làm phản. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh, bắt được và giết chết Hà Lai. Trở về cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu. Chb. **XVII**, 20

Thổ tù châu Thu Vật thuộc Tuyên Quang là Hà Lai làm phản. Nhà vua tự làm tướng, thân đi đánh bắt được con của

---

(1) Nguyên văn là "tiêu bố". Theo *Từ Nguyên*, tiêu mà là một thứ gai, có thể dệt làm vải.

(2) Xem chú giải số 2 ở Chb. X, 18

Lai là Mậu ; ngày hôm sau, lại bắt được Lai, chém chết. Rút quân về, làm lễ ở nhà thái miếu, dâng tù binh.

Lời phê – *Đối với những đồ nhãi nhép, làm gì mà phải khoe khoang như thế*[1] *? Vô vị quá lắm !*

Lời chua – *Thu Vật* : Tên châu. Nay là Thu Châu thuộc phủ Yên Bình[2].

Lập con là Nghi Dân làm thái tử.

Tháng 3. Tên Nghiễm, thổ tù châu Thuận Mỗi thuộc trấn Gia Hưng, đem người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua tự làm tướng đi đánh. Tháng 5, mùa hạ. Nghiễm xin hàng. Nhà vua rút quân về.

Thổ tù châu Thuận Mỗi thuộc trấn Gia Hưng, tên là Nghiễm (không rõ họ), làm phản, dắt người Ai Lao đến xâm lấn biên giới. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh. Khi đại quân tiến đến trấn Gia Hưng, gặp lúc bấy giờ thời tiết đang nắng dữ và năng mưa, nhà vua thấy Nghiễm dâng tiến trâu và voi, xin hàng, thì ưng thuận, rút quân về.

Lộ Thanh Hoá có thuỷ tai lớn.

Tân Dậu, năm thứ 2 (1441). (Minh. năm Chính Thống thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Nghiễm lại làm phản. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh, bắt được Nghiễm, trở về cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu.

Tên Nghiễm lại dắt người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua nổi giận, tự làm tướng, cầm quân đi đánh, thẳng tiến đến biên giới Thuận Châu. Chb. **XVII**, 21

---

(1) Ý nói ở đời Lê, trước kia, đã chép Lê Thái Tông chính mình đi đánh Cầm Man (Kỷ Mùi, 1439, xem Chb.XVII.18) ; đến đây lại chép đi đánh và giết được Hà Lai.

(2) Hồi kháng chiến (1946 - 1954), thuộc tỉnh Tuyên Quang. Nay là huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Tướng Ai Lao là Đạo Mông lui giữ La Động. Nhà vua sai đuổi đến cùng, bắt sống được Đạo Mông, lại bắt được con của Nghiễm là Sinh Tượng, Chàng Đồng. Nghiễm cùng quẫn, phải xin hàng. Nhà vua sai bắt đem về, làm lễ dâng tù ở nhà thái miếu.

Lời chua – *La Động* : Thay đổi ra sao, không rõ.

Tháng 5, mùa hạ. Tuyển lấy các tú nữ đem vào cung.

Tháng 11, mùa đông. Giáng truất thái tử Nghi Dân xuống làm Lạng Sơn vương, đổi lập Bang Cơ làm Thái tử.

Thần phi Dương Thị, mẹ Nghi Dân, tính cả ghen, sau khi thấy con được lập làm Thái tử, lại càng kiêu rông. Nhà vua nổi giận, giáng xuống làm Chiêu nghi[1]. Dương Thị, do đấy, ngày càng ấm ức oán trách ; nhà vua giáng xuống làm "thứ phụ"[2].

Vì thấy người mẹ không có hiền đức thì chắc con cũng chẳng ra gì, nhà vua bèn hạ chiếu giáng Nghi Dân xuống làm Lạng Sơn vương, đổi lập Bang Cơ làm Thái tử.

Lập Hoàng tử Khắc Xương làm Tân Bình vương.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1442). (Minh, năm Chính Thống thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Thi đối sách để tuyển lấy tiến sĩ.

Trước kia, đã bàn đặt khoa tiến sĩ, đến đây, cho vào điện đình để thi đối sách, ban cho từ Nguyễn Trực trở xuống 33 người đỗ tiến sĩ cập đệ[3], xuất thân[4], đồng xuất thân[5] có khác nhau. Chb. **XII**, 22

(1) Xem chú giải ở Chb.XVI,9.

(2) Theo các từ thư, "thứ phụ" chỉ có nghĩa là vợ của hàng con thứ. Đây có thể có nghĩa là người đàn bà thường dân, không còn chức tước phẩm trật thuộc hàng vợ vua ở hàng cung nữa.

(3) Xem chú giải số 5 ở Chb.VI,30.

(4) Nt.

(5) Nt.

Lại sai dựng bia khắc bài văn nói về việc mở khoa thi tiến sĩ và đề tên những người đã đỗ. Bia tiến sĩ bắt đầu có từ đây.

Lời chua – *Nguyễn Trực* : Người làng Bối Khê thuộc Thanh Oai[1]

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi tuần phía đông, vào chơi chùa núi Côn Sơn[2], nơi Nguyễn Trãi ở.

Nhà vua tuần hành phía đông, duyệt võ ở Chí Linh, Lê Trãi đón mời, nhà vua đến chơi chùa núi Côn Sơn, nơi ở của Lê Trãi.

Trước kia, Nguyên Đán, Tư đồ đời Trần, về hưu ở núi Côn Sơn. Núi này có chùa gọi là Tư Quốc, phong cảnh rất đẹp, và u tĩnh. Trãi là cháu ngoại Nguyên Đán[3]. Năm 60 tuổi, Trãi nghỉ việc, về ở tại Côn Sơn.

Lời chua – *Chí Linh* : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Côn Sơn : Thuộc xã Chi Ngại, huyện Chí Linh[4].

Tư quốc : Tên chùa, ở phía nam Côn Sơn, tương truyền chùa này do sư Pháp Loa[5] làm.

Tháng 8. Nhà vua về đến huyện Gia Định, mất.

Nhà vua ở ngôi 9 năm thọ 20 tuổi. Trước kia, Nguyễn Thị Lộ, vợ lẽ Lê Trãi, người đẹp mà lại hay chữ. Nhà vua nghe tiếng, vời đến, phong làm Lễ nghi học sĩ, ngày đêm cho hầu ở bên, nhân đó, sàm sỡ với Thị Lộ. Đến đây, đi tuần phía đông, xa giá quay về đến trại Vải[6], Chb. **XVII**, 23

(1) Nay là thôn Bối Khê, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

(2) Tục gọi núi Hun.

(3) Thân mẫu Nguyễn Trãi tên là Thái, con gái của Trần Nguyên Đán.

(4) Nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

(5) Tổ thứ hai trong Trúc lâm tam tổ, dưới Điều ngự giác hoàng, trên sư Huyền Quang. Xem thêm chú giải số 2 ở Chb.IX,1.

(6) Hán văn là Lệ Chi Viên.

làng Đại Lại, huyện Gia Định, thì mắc chứng sốt rét. Thị Lộ vào hầu suốt đêm, nhà vua mất. Trăm quan giấu kín việc này, lặng lẽ rước ngự giá về kinh đô. Nửa đêm vào đến trong cung, mới phát tang. Người ta đều nói Thị Lộ giết vua, bèn bắt giết Thị Lộ.

Lời chua – *Gia Định :* Tên huyện. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chb. III, 34).

Nguyễn Thị Lộ : Người Hải Triều thuộc huyện Ngự Thiên[1].

Đại Lại : Tên xã, thuộc huyện Gia Bình[2].

Trại Vải (Lệ Chi Viên) : Theo *Bắc Kỳ tạp biên* của Ngô Cao Lãng, trại Vải ở xã Đại Lại. Bắt đầu có từ bao giờ. không rõ.

Thái tử Bang Cơ lên ngôi.

Nhà vua mới hai tuổi, do các đại thần là Lê Khả và Lê Xí... cùng lập lên (tức là Lê Nhân Tông).

Đại Xá.

Đại xá cho cả nước. Kể từ năm sau, đổi niên hiệu làm Thái Hoà năm thứ 1 (1443).

Giết Thừa chỉ nhập nội đại hành khiển, trí sĩ Lê Trãi tru di cả họ[3].

Trãi phải tội liên luỵ vì người vợ lẽ Thị Lộ. Người ta đều cho là oan.

---

(1) Hải Triều : Tên làng. Nay là xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(2) Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

(3) Nguyễn Trãi *(Cương mục* theo quốc tính chép là Lê Trãi), mất ngày 16 tháng 8 năm Nhâm Tuất, Đại Bảo thứ 3, tức ngày 19 tháng 9 năm 1442.

Lời phê – *Đời Lê Thái Tông, vua thì buông tuồng, bầy tôi thì chuyên quyền, Trãi nếu là người hiền, thì nên sớm liệu rút lui, ẩn náu tung tích để cho danh tiếng được toàn vẹn. Thế mà lại đi đón trước ngự giá, thả lỏng cho vợ làm việc hoang dâm, vô liêm sỉ. Vậy thì cái vạ tru di cũng là tự Trãi chuốc lấy. Như thế sao được gọi là người hiền ?*

Chb. **XVII**, 24

Sai sứ sang nhà Minh.

Bây giờ, Triệu Nhân Chính, tri châu Long Châu, uỷ thác cho bọn đầu mục là Lữ Thông quản lĩnh hơn nghìn quân, vượt qua biên giới, xâm lấn châu Hạ Tư Lang, cướp bóc lung tung người và súc vật. Bầy tôi trấn thủ Thái Nguyên tâu việc này lên triều đình. Các đại thần xin sai Thị ngự sử Triệu Thái sang nhà Minh tâu bày về việc này. Lại dùng bọn Hải Tây đạo Đồng tri Nguyễn Thúc Huệ, Tham tri Nguyễn Đình Lịch và Lê Phó sung vào sứ bộ cáo phó[1] và sứ bộ cầu phong.[2]

Lời cẩn án – Sử cũ *chép Triệu Thái tâu về sự việc địa phương Khâm Châu*[3]. *Nay xét* Bang Giao bị lãm *của Giáp Trưng và* "Bang Giao chí" *trong* Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú, thì năm Đại Bảo thứ 3 (Nhâm Tuất, 1442) tức năm Chính Thống thứ 7 nhà Minh, nước ta có đưa công văn sang Bố Chính sứ Quảng Tây nói, vừa đây, chiếu theo lời khải*[4] *của Phan Giam Dực, bầy tôi trấn thủ Thái Nguyên, trình rằng Thái Nguyên bị thổ quan Long châu là Triệu Nhân Chính sai bọn đầu mục Lê Thông đem hơn nghìn quân đánh thôn Nhung thuộc châu Hạ Tư Lang, cướp*

Chb. **XVII**, 25

(1) Báo tin buồn về việc Lê Thái Tông chết.

(2) Xin phong vương cho Lê Nhân Tông.

(3) Xem Toàn thư Xi, 56.

(4) Lời tỏ bày sự việc bằng giấy tờ.

bắt người và trâu bò đem đi. Nay xét Minh sử *cũng chép nước ta sai bầy tôi sang tố cáo về việc thổ quan ở An Bình xâm lấn và cướp bóc ; còn sự việc Khâm Châu ra sao, không hề nói đến. Về sau, đến năm Diên Ninh thứ 3 (1456), nhà Minh cũng vì cớ xảy việc Long Châu, sắc sai hai bên hội họp với nhau để khám xét. Như vậy* Sử cũ *chép là Khâm Châu, e có lẽ lầm. Nay xin cải chính. Đến như trước chép Triệu Nhân Chính là Thổ quan An Bình, sau lại chép là thổ quan Long Châu, có lẽ vì An Bình kiêm lý cả Long Châu hoặc vì Triệu Nhân Chính sau đổi đi Long Châu : điều đó chưa rõ. Vậy xin trình bày cả ra đây để tham khảo.*

Lời chua – *Triệu Thái* : Người Hoàng Chung thuộc Lập Thạch[1].

Táng (Lê Thái Tông) ở Hựu Lăng.

Ngày 16 tháng ấy[2] làm lễ táng Đại hành hoàng đế[3] ở phía tả Vĩnh Lăng tại Lam Sơn, gọi là Hựu Lăng, đặt tên thuỵ là Văn hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông.

Quý Hợi, Nhân Tông Tuyên hoàng đế, năm Thái Hoà thứ 1 (1443). (Minh, năm Chính Thống thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao sa.

Quần thần mời Hoàng thái hậu[4] cùng tham dự xét xử chính sự.

Tháng 2. Động đất.

Tháng 5, mùa hạ. Động đất.

---

(1) Làng Hoàng Chung nay thuộc xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

(2) Tháng 8, năm Nhâm Tuất (1442).

(3) Xem chú giải ở Chb. I, 37.

(4) Tức là Tuyên từ hoàng thái hậu, tên là Nguyễn Thị Anh, người Bố Vệ, huyện Sơn Đông thuộc Thanh Hoá, là vợ lẽ của Lê Thái Tông được phong Thần phi, và là mẹ của Lê Nhân Tông (xem thêm Chb.XIX,7).

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua và quần thần đều bỏ đồ trở.

Bấy giờ tai biến và điềm gở luôn luôn xảy ra. Thái sử Bùi Hanh nêu thuyết âm dương xung khắc làm hại lẫn nhau, xin mặc đồ cát phục[1] để cúng trừ tai giải ách. Quần thần xin làm theo như lời Hanh đã tâu. Nhà vua bèn bỏ đồ trở, mặc áo hoàng bào, ngự nơi chính điện. Bầy tôi mặc áo, đội mũ theo lễ chầu thường, đứng hầu theo ban thứ. Chb. **XVII**, 26

Lời phê – *Lời nói của thái sử*[2] *đã là vô căn cứ lắm rồi, đến cả quần thần cũng lại không biết nốt, thì còn giúp vua thế nào được ? Huống chi bấy giờ vua mới lên hai, thế mà nói nào mặc hoàng bào, nào ngự chính điện : đều là những lời hão huyền cả.*

Tháng 11. Sứ nhà Minh sang.

Nhà Minh sai Hành nhân ti hành nhân là Trình Cảnh sang làm lễ tế điếu, và sai Quang lộc tự thiếu khanh là Tống Kiệt và Binh khoa cấp sự trung là Tiết Kiêm sang phong nhà vua là An Nam quốc vương.

Khi sứ Minh về nước, nhà vua dùng bọn Ngự sử trung thừa là Hà Phủ, Hàn lâm viện tri chế cáo là Nguyễn Như Đổ và Ngự tiền học sinh là Lương Như Hộc sung vào sứ bộ sang Minh đáp tạ về việc tế điếu ; bọn tham tri bạ tịch là Trình Dục, Nội mật viện chánh chưởng là Trình Thanh và Hàn lâm viện trực học sĩ là Nguyễn Khắc Hiếu sung vào sứ bộ đi đáp tạ về việc phong vương.

Lời chua – *Nguyễn Như Đổ* : Người làng Đại Lan thuộc huyện Thanh Trì[3], khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông đỗ hội nguyên[4], khi thi đình đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ.

---

(1) Đồ mặc tốt lành, trái với tang phục.

(2) Chức quan của Bùi Hanh.

(3) Nay là thông Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(4) Đỗ đầu thi hội.

Lương Như Hộc : Người làng Hồng Lục thuộc huyện Gia Lộc[1], đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông.

Trình Thanh : Người làng Lương Xá thuộc huyện Chương Đức[2], đỗ khoa hoành từ, năm Tân Hợi, Thuận Thiên thứ 4 (1431) đời Lê Thái Tổ.

Nguyễn Khắc Hiếu : Người huyện Bình Lục[3].

Giáp Tí, năm thứ hai (1444). (Minh, năm Chính Thống thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính.

Tháng 5, mùa hạ. Chiêm Thành vào cướp Hoá Châu. Triều đình sai Thái Bảo Lê Bôi và Tổng quản Lê Khả đi đánh.

Bí Cai, chúa của Chiêm Thành, lấn cướp Hoá Châu. Triều đình sai bọn Lê Khả đem 10 vạn quân đi đánh.

Chb. **XVII**, 27

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III, 20-21).

Hoá Châu : Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chb.VIII,44).

Tháng 7, mùa thu. Bắt giam Thái phó Lê Liệt vào ngục.

Bấy giờ những kẻ quyền gian kiểu hạnh[4] được dùng làm việc. Có người gièm pha Lê Liệt với Thái hậu, nên mới có lệnh bắt bỏ tù Lê Liệt và vợ con gia quyến ông.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Ất Sửu, năm thứ 3 (1445). (Minh, năm Chính Thống thứ 10).

---

(1) Nay là thôn Thanh Liễu xã Tân Hưng huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương.

(2) Lương Xá nay là xã Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

(3) Nay là huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam.

(4) Hú hoạ ưa may, không có thực tài.

Tháng giêng, mùa xuân. Đào sông ở Thanh Hoá.

Triều đình sai văn thần đôn đốc quân các lộ khơi vét sông ở Thanh Hoá.

Lời chua – Thanh Hoá : Xưa là Ái Châu. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI,20-21).

Tháng 4, mùa hạ. Chiêm Thành lấn cướp Hoá Châu. Triều đình sai Tư đồ Lê Thận và Đô đốc Lê Xí đi đánh. Chb. XVII, 28

Tháng 6. Phong hoàng đệ là Tư Thành làm Bình Nguyên vương.

Lời chua – *Bình Nguyên* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. II,18).

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu giảm phú thuế và nhẹ hình phạt.

Bài chiếu đại lược nói : "Trẫm, thơ ấu nối ngôi, chưa am tường việc đời. Gần đây, tai biến dồn dập, sấm sét luôn xảy, mưa không thuận, đê vỡ, nước lụt, sâu cắn hại lúa. Có lẽ vì chính sự có điều thiếu sót sai lầm, việc ngục tụng hình luật không được đúng mức mà xui nên thế chăng ? Vậy nên giảm thuế khoá, nhẹ hình phạt để cầu phúc trời ?

Nhập nội Đô đốc Lê Xí bị miễn chức.

Nhà vua còn nhỏ tuổi, hoàng thái hậu coi giữ triều chính, cất nhắc những người thân thích họ hàng lên làm việc. Vì thấy Lê Xí không ăn cánh với mình, nên ghét bỏ ông.

Bấy giờ có việc đi đánh Chiêm Thành, Xí đã vâng lĩnh mạng lệnh nhưng chưa đi, bị kẻ quyền thần tố cáo, buộc vào tội chết. Triều đình cho rằng Xí là bậc kỳ cựu, có công lao, đáng nên chiếu cố theo bát nghị[1] trong luật, vì vậy mới cho Xí được miễn chức, về nhà.

Có thuỷ tai lớn.

---

(1) Xem chú giải ở Chb.XV,10.

Nước sông lên to, tràn ngập. Kinh thành ngập nước sâu đến 3 thước[1]. Lúa má bị hư hại.

Bính Dần, năm thứ 4 (1446). (Minh, năm Chính Thống thứ 11).

Chb. **XVII**, 29

Tháng giêng, mùa xuân. Triều đình sai bọn Nhập nội đô đốc Lê Thụ, Lê Khả và Thiếu phó Lê Khắc Phục đi đánh Chiêm Thành.

Vì Bí Cai, chúa Chiêm Thành, thường hay xâm phạm biên giới, nên triều đình bàn đem đại binh đi đánh, tập hợp đông đảo các quân chuyển lương thực tích trữ ở Hà Hoa.

Lời chua – *Hà Hoa* : Tên phủ, Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chb. X,37).

Tháng 2. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ thổ ti ở Long Châu (nhà Minh) là Triệu Nhân Chính nhiều lần xâm lấn cướp bóc thổ dân Thái Nguyên, và chúa Chiêm Thành là Bí Cai thường hay lấn cướp Hoá Châu. Triều đình bèn sai bọn Hải Tây đạo tham tri bạ tịch[2] là Nguyễn Thúc Huệ và Đồng tri thẩm hình viện sự là Trình Thanh sang nhà Minh để tâu bày về những việc này.

Lời chua – *Long Châu* : Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb.VII, 17).

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lê Thụ và Lê Khả đánh thành Chà Bàn : hạ được thành này, bắt được vua Chiêm Thành là Bí Cai đem về, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu. Lập Ma Ha Quý Lai làm vua nước Chiêm Thành.

Bọn Thụ và Khả kéo quân từ Ly Giang, Đa Lang và Cổ Luỹ để tiến lên, giao chiến với quân Chiêm : Địch đại bại. Nhân đà thắng lợi, bọn Khả thẳng tiến đến cửa biển Thi Nại.

---

(1) Xem chú giải số 7 ở Chb.XVII,19.

(2) Chức Tham tri coi giữ sổ sách công việc quân và dân ở đạo Hải Tây.

Quân Chiêm lui giữ thành Chà Bàn. Khả dẫn đầu quân tinh nhuệ, làm tiên phong.

Dụ dỗ Ma Ha Quý Lai, cháu của Bố Đề là vua Chiêm Thành cũ, đến minh thệ với ta, Khả xui hắn làm nội ứng. Kế đó, đạo quân của Thụ cũng đến. Hai đạo quân hợp sức lại, vây đánh thành Chà Bàn. Thành này bị phá ; quan quân bắt được vua Chiêm là Bí Cai với cung phi, cung tần và người trong bộ lạc Chiêm Thành. Lại còn tước được voi, ngựa, khí giới, nghi trượng vô kể. Các tướng Lê Thụ và Lê Khả bèn rút quân về. Chb. **XVII**, 30

Nhà vua sai làm lễ dâng tù binh là Bí Cai ở nhà thái miếu. Ban chiếu đại xá cho cả nước.

Quý Lai sai bầy tôi là bọn Chế Cữu Ma Nô Bà Bị dâng biểu xưng thần, xin làm vua nước Chiêm Thành. Nhà vua cho lập Quý Lai làm chúa, để Bí Cai và phi tần của Bí Cai ở lại kinh đô, còn những người Chiêm khác đã đầu hàng đều cho đưa về nước.

Sau đó có tên Phan Mỗ đem hơn ba trăm người nước Chiêm, cả nam lẫn nữ, đến đầu hàng. Nhà vua hạ chiếu chia họ ở tản ra các đạo.

Lời chua – *Ly Giang* : Tên đất. Nhà Lê đổi gọi Lê Giang ; nay là huyện Lễ Dương thuộc phủ Thăng Bình tỉnh Quảng Nam.

Đa Lang : Thay đổi ra sao, không rõ.

Thành Chà Bàn, cửa Thi Nại : Đều xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chb.X,41).

Cổ Luỹ : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chb.X,5).

Minh sử chép : "Tuấn[1] sai tướng đi xâm lấn Chiêm Thành, cướp lấy Tân Châu cảng, bắt sống vua Chiêm là Ma Ha Bí Cai đem về. Vua Minh[2] bèn vì Chiêm Thành mà lập vua mới là Ma Ha Quý Lai, sắc sai sứ giả An Nam dụ bảo Chb. **XVII**, 31

(1) Một tên khác của Lê Nhân Tông dùng để ngoại giao với Minh.

(2) Minh Anh Tông (1436-1449).

Tuấn thả cho vua cũ Chiêm Thành trở về, nhưng Tuấn không vâng theo chiếu chỉ". Những lời chép trong *Minh sử* như vậy có khác với đây. Nay xin trình bày ra cả để tham khảo.(1)

Tháng 9, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ, đã đánh được Chiêm Thành, quân ta bắt Bí Cai, vua Chiêm, làm tù binh, đem về. Người Chiêm bèn sang tố cáo với nhà Minh.

Vua Minh sắc sai nhà vua thả cho vua cũ Chiêm Thành về nước. Nhà vua sai bọn Hải Tây đạo Tham tri bạ tịch Nguyễn Nhân và Chính sự viện Đồng tham nghị Trình Hoằng Nghị sang Minh tâu bày về việc Chiêm Thành thường hay xâm phạm biên giới.

Đinh Mão, năm thứ 5 (1447) (Minh, năm Chính Thống thứ 12).

Tháng 7, mùa thu. Ban chiếu thả các cung nữ và sai quan các đạo dò hỏi xem xét những ẩn tình đau khổ của dân để tâu lên triều đình.

Bài chiếu rằng : "Nhận lỗi, trách mình, phải rất mực thành thực thì mới cảm cách được trời đất. Chính sự nhân đức, trước nhất phải cứu giúp tai nạn cho dân. Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, thiên tai dồn dập, trăm họ khó kiếm ăn. Gần đây, đã ra lệnh cho các quan điều trần những điều tiện lợi cho quân và dân để trẫm thu lượm lựa chọn thi hành. Nay lại hạ lệnh buông thả các cung nữ và sai quan các đạo xem xét những điều đau khổ của dân sở tại để tâu lên trẫm biết".

---

(1) Đoạn này đáng lẽ đặt riêng vào "Lời cẩn án" mới phải, nhưng Cương mục lại đặt liền ngay dưới chỗ "Lời chua" về Cổ Luỹ.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 18

Từ Mậu Thìn, Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (1448) đến Kỷ Mão, Lê Nhân Tông, năm Diên Ninh thứ 6 (1459), gồm mười hai năm. Chb. **XVIII**, 1

*

Mậu Thìn, năm (Thái Hoà) thứ 6 (1448). (Minh, năm Chính Thống thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân, Đèo Mạnh Vượng, tri châu Phục Lễ, có tội. Triều đình cho phép Mạnh Vượng được chết, rồi trao chức Chiêu thảo sứ cho em hắn là Dao.

Mạnh Vượng là người tham lam, tàn bạo, ngầm dùng thuốc độc giết chết người trong bộ lạc của hắn. Nhiều người oán giận. Việc đến triều đình. Triều đình cho phép Mạnh Vượng được chết, rồi tịch thu cả nhà, phong cho em hắn là Dao làm chức Chiêu thảo sứ[1], vẫn cứ coi quản công việc Phục Lễ.

Lời chua – *Phục Lễ* : Tức châu Ninh Viễn. Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb, XIV, 17).

---

(1) Một chức quan ở trong ty Quân dân chiêu thảo do nhà Lê đặt trông coi việc đánh bắt trộm cướp.

Miền Đông đạo[1] đồn ngoa rằng có sứ nhà Minh sang ta. Triều đình sai bọn Lê Khắc Phục đi lên biên giới. Chb. **XVIII**, 2

Bấy giờ Đông đạo đồn ngoa rằng sứ nhà Minh đến nơi biên giới để hội đồng với ta làm việc khám nghiệm. Triều đình sai Trình Dục, Đông đạo tham tri, đến tận nơi để thăm dò. Dục vừa mới đến biên giới, đã vội quay về tâu rằng quan khâm sai nhà Minh kết hợp với các quan trấn thủ Quảng Đông đem nhiều binh mã đến. Triều đình liền sai bọn Tư khấu Lê Khắc Phục, tả hữu nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân và Nguyễn Văn Phú, Hữu thị lang Đào Công Soạn, Trung thừa Hà Lật cùng với Tây Đạo[2] Đồng tri Nguyễn Thúc Huệ đi lên biên giới, chờ đợi để hội khám. Lại sai Nam Sách lộ[3] Đồng tri Lê Thiệt đem hơn vạn quân kết hợp với quân sĩ ở trấn An Bang làm việc tuần phòng biên giới. Mọi người đều được ban cho tiền nhiều ít có khác nhau. Lại sắc sai miền Đông đạo chuẩn bị làm việc khao quân. Vì thế, trăm họ nôn nao nhộn nhạo.

Khi đến biên giới, mọi người ở lại hàng tuần[4], hàng tháng, chẳng hề thấy có tin tức gì cả. Ai nấy mua các hàng hoá Trung Quốc rồi về, nói thác ra rằng quan khâm sai nhà Minh vì cớ riêng, không đến được. Quan Ngự sử đài là Hà Lật, vì bè đảng, không chịu nói. Triều đình cũng bỏ qua, không xét hỏi đến việc này nữa.

Lời phê – *Còn ra thể thống gì nữa !*

---

(1) Gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách thượng, Nam Sách hạ và trấn An Bang (Xem Chb, XV, 5)

(2) Nay gồm các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hoà Bình, Hà Tây, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La.

(3) Nay thuộc Hải Dương.

(4) Mười ngày là một tuần

Lời chua – *Nguyễn Mộng Tuân* : Người làng Viên Khê, huyện Đông Sơn[1].

Đông đạo, Tây đạo : Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb, XV, 5).

An Bang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 19, 29).

Mưa đá.

Nhà vua hầu Hoàng Thái hậu đi vào Lam Kinh.

Sai bọn Lê Thận và Lê Bí ở lại trấn giữ Đông Kinh, còn các vương đều cho đi hộ giá, nhà vua hầu Hoàng Thái hậu vào Thanh Hoá, bái yết các lăng tẩm, ban cho các quan tuỳ tùng ăn yến ở hành điện[2] và thưởng cho họ tiền bạc nhiều ít có khác nhau.

Lời phê – *Bấy giờ nhà vua còn thơ ấu, đi xa sao được ! Về việc này, chính Lê thái hậu và các đại thần khó chối trách nhiệm.*

Lời chua – *Lam Kinh :* Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận thiên thứ 6 (Chb, XV, 33).

Bồn Man[3] đến dâng lễ cống

Bồn Man đến cống : sừng tê, vàng bạc và một con voi có ba ngà. Nhà vua hạ chiếu ban cho sứ giả Bồn Man : đoạn hồng, lụa, đồ sứ, rồi cho về. Chb. **XVIII**, 3

Gác Thừa Thiên đã hoàn thành.

Trước kia, sai sửa chữa gác Thừa Thiên ; đến đây làm xong. Quy chế lần này lại càng rộng rãi tráng lệ hơn trước.

---

(1) Thuộc tỉnh Thanh Hoá.

(2) Cung điện để nhà vua nghỉ ngơi ở dọc đường.

(3) Xem "Lời chua" của *Cương mục* (Chb, XVIII, 8).

Tháng 4, mùa hạ. Ra lệnh cấm chiếm ruộng đất công làm của riêng.

Cấm quan, quân và dân không được chiếm ruộng đất công để làm vườn, ao.

Cho Lê Xí được khai phục quan chức, làm Thiếu bảo tri quân dân sự.

Thái phó Lê Văn Linh chết.

Văn Linh là bậc khai quốc công thần, là vị nguyên lão đã giúp ba triều đại[1], có mưu trí, có tài cán, biết sự việc một cách đại thể. Khi ở triều đường, có nhiều kiến nghị sáng suốt. Vụ án Lê Sát, Văn Linh vẫn cứ thẳng thắn can ngăn, không a dua, được dư luận đồng tình. Nhưng phải cái là tham của, ăn hối lộ, tin sùng các thầy chùa. Cũng vì những điều đó, người ta đánh giá ông kém đi một chút. Thọ 72 tuổi.

Lời phê – *Lê Văn Linh là kẻ về bè với Lê Sát. Nay sử lại chép như thế này, còn biết đâu là tà với chính nữa ?*

Bắt đầu ra lệnh cho thân quân thay đổi phiên nhau, vào làm túc vệ.

Lê Thái Tổ khi mới dẹp yên cả nước, có đặt ra Ngự tiền võ đội, từ chức Quản lãnh trở xuống đều phải túc trực thường xuyên, không được thay đổi. Đến đây, triều đình bàn rằng gần nay luôn năm có nạn hạn hán và sâu cắn lúa, từ nhà nước đến tư gia đều túng thiếu, thế mà vệ sĩ ngày một tăng thêm, làm phí phạm lương bổng cung cấp ; do đó mới chia làm ba phiên, lần lượt thay nhau vào làm túc vệ. Chb. **XVIII**, 4

(1) Tức là triều Lê Thái Tổ (1428 - 1433), triều Lê Thái Tông (1434 - 1442) và triều Lê Nhân Tông (1443 - 1459).

Lời chua – *Võ đội :* Theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, tướng hiệu ở các vệ quân hễ ai có phạm lỗi gì thì sung làm võ đội túc vệ, trong đội có chức Quản lãnh.

Giảm bớt số tướng hiệu ở các vệ quân.

Theo thể chế cũ, thì trong các quân Ngự tiền, mỗi quân có tám tướng hiệu ; trong năm quân Thiết đột, mỗi quân có bốn tướng hiệu. Đến đây, các đại thần bàn rằng số võ biền có nhiều, chỉ tổ làm thêm gánh nặng cho dân, vậy xin giảm bớt, mỗi quân chỉ đặt hai tướng hiệu thôi. Nhà vua nghe theo.

Lời chua – *Các quân Ngự tiền* : Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 1 (Chb XVI, 2).

Thiết đột : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 3).

Răn dạy các quan lại.

Lời dụ răn bảo văn võ trăm quan : "Nhà nước đã cấp bổng lộc theo thường lệ để gây nuôi đức tính thanh liêm, lại có pháp luật chung để cho mọi người tuân giữ. Thế mà ngày nay còn có những kẻ không giữ phép nước, ăn hối lộ, làm việc riêng tư. Những khách qua đường chẳng ai là không than oán. Đó không phải chuyện nhỏ đâu. Từ nay mà đi, ai nấy phải nên giữ mình cho trong sạch, chấp hành phép công. Kẻ nào còn cứ mê man không chừa, nếu việc lộ ra thì sẽ khép vào tội nặng hơn mức bình thường. Cấp trên không biết răn dạy cấp dưới, bạn đồng liêu không biết khuyên bảo lẫn nhau, sẽ đều bị tội đúng như pháp luật đã định". Chb. **XVIII**, 5

Hạn hán. Nhà vua chính mình đi lễ cầu đảo. Tha những tù phạm bị tình nghi.

Trước kia, quan Ngự sử đài là bọn Hà Lật và Đồng Hanh Phát đàn hặc các Thẩm hình đại phu là bọn Trình Mân, Nguyễn Văn Kiệt và Lê Bá Viễn về việc để đọng hình ngục.

Nhà vua sai bọn Lật đến viện Ngũ hình để kiểm soát, thấy còn đọng lại đến 125 bản án chưa xét xử dứt khoát. Bấy giờ các đại thần mới tâu xin nhà vua sai các quan ở Ngự sử đài năm đạo[1] kết hợp với ti Tường hình duyệt hết các bản án, đừng để cho việc hình ngục phải ứ đọng, gây đau khổ cho dân. Biếm truất bọn Trình Mân và Văn Kiệt mỗi người xuống một tư[2].

Đến đây, hạn hán. Nhà vua đem trăm quan đến cung Cảnh Linh và chùa Báo Ân, làm lễ đảo vũ. Rồi rước trượng phật Pháp Vân đến chùa Báo Thiên, hạ lệnh cho sư tụng kinh cầu đảo. Nhà vua hầu hoàng thái hậu đến dự lễ. Ngày ấy, tha cho 24 người tù bị tình nghi.

Lời phê – *E rằng chưa nắm được sự thực*[3].

Lời chua – *Cung Cảnh Linh* : Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chb, IV, 21).

Pháp Vân : Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chb, III, 32).

Chùa Báo Thiên : Xem Lý Thần Tông, năm Thiên chương bảo tự thứ 5 (Chb, IV, 32).

Chb. **XVIII**, 6

Hạ chiếu cho bầy tôi và dân chúng tiến cử người hiền lương, chân phương, ngay thẳng và dám nói.

Nhà vua hạ chiếu cho các quan ở Kinh Diên, ở Ngự sử đài, ở Trung thư sảnh và ở Hàn lâm viện ai nấy điều trần về những lý do gây nên hạn hán. Các đại thần là bọn Lê Thụ đều dâng biểu chương tự đàn hặc mình và cầu xin miễn chức. Nhà vua ban sắc dụ không ưng thuận. Nhân đó có lời chiếu rằng :

---

(1) Tức Ngự sử đài của từng đạo, như Tây đạo Ngự sử đài, Đông đạo Ngự sử đài, Bắc đạo Ngự sử đài, Nam đạo Ngự sử đài và Hải tây đạo Ngự sử đài. Các viên quan ngự sử này đều tập trung ở kinh đô, mỗi người có nhiệm vụ phải giám sát các quan ở hàng đạo của mình, hễ thấy họ có gì sai trái lầm lỗi thì đàn hặc ngay tại triều đình để trung ương xét xử : đồng thời cũng bàn nói những việc hưng lợi trừ hại cho dân bản đạo.

(2) Xem chú giải số 2 ở Chb, X, 18.

(3) Chỉ việc bọn Ngự sử Hà Lật đàn hặc bọn Thẩm hình Trình Mân...

"Mấy năm vừa đây, nào lụt, nào hạn, nào hoàng trùng, tai biến dồn dập xảy đến ! Có lẽ vì chính sự và mệnh lệnh của trẫm trên không thuận theo lòng trời, dưới không ăn hợp với ý dân, hay là những đại thần phụ chính làm việc giúp rập điều lý có sai trái để gây nên nông nỗi thế chăng ?

"Vậy, thần dân các ngươi ai nấy đều nên trình bày cho trẫm biết rõ những điều sai trái thiếu sót. Hễ thấy có người hiền lương, chân phương, thẳng thắn và dám nói thì cho phép tiến cử ngay. Các ngươi phải căn cứ vào sự thực mà điều trần, chứ đừng viện dẫn những lời văn suông của người xưa làm gì".

Lời phê(1) : – *Nhà vua bấy giờ nào đã biết gì*(2)*, chẳng qua chỉ là lời văn suông thôi.*

Tháng 6. Tha thái phó Lê Liệt ra khỏi ngục(3)**.**

Bấy giờ vụ án Lê Liệt để kéo dài đến bốn năm, không xử dứt khoát. Đến đây, Tông chánh Lê Khắc Phục và Công chúa Ngọc Lan xin lựa uốn phép nước, mở rộng ơn trên, bèn tha cho Lê Liệt, rồi lại tha cả vợ con của Liệt.

Tháng 7, mùa thu. Miền Tây đạo(4) **đói kém lớn. Triều đình xuất thóc trong kho nhà nước ra cho dân vay.**

Tri Tây đạo là Nguyễn Phú tâu trình rằng địa phận ba trấn Tuyên Quang, Quy Hoá, Gia Hưng và các lộ Đà Giang thuộc miền rừng núi, Chb. **XVIII**, 7

(1) Về lời chiếu của Lê Nhân Tông.

(2) Bấy giờ Lê Nhân Tông mới lên bảy.

(3) Năm Giáp Tý (1444), Liệt đang làm Thái phó, vì có người gièm pha, nên bị Lê thái hậu bắt giam vào ngục, đến đây (1448) mới được tha : cách hai năm sau, vợ con của Liệt mới được phóng thích (theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn và Chb, XVII, 27).

(4) Gồm các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Gia Hưng (xem Chb, XV, 5).

ruộng đất cứng rắn xấu kém, luôn năm hạn hán và hoàng trùng, nhân dân phải nheo nhóc đói kém. Vậy xin xuất thóc gạo trong kho nhà nước ở sở tại để phát chẩn và cho dân vay. Nhà vua hạ chiếu y theo.

Lời chua – *Tuyên Quang, Đà Giang* : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 27, 30).

Quy Hoá : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb, VI, 41).

Gia Hưng : Tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 4 (Chb, II, 41).

Sao Huỳnh Hoặc đóng ở phận sao Tâm.

Hai sao lấp ló vào giới phận của nhau, luẩn quẩn (câu dĩ) đến hơn một tuần[1].

Lời chua – *Huỳnh hoặc* : Phần *"Thiên quan thư"* trong *Sử ký* (Trung Quốc) chép : Sao Huỳnh hoặc, ở phương Nam, thuộc hành hoả, chủ về mùa hạ. Ngày Bính Đinh (tức ngày hoả), người làm vua mà thiếu sót về lễ phép và không sáng suốt về sự nhìn nhận thì bị trời phạt bằng cách có sao Huỳnh hoặc xuất hiện. Sao Huỳnh hoặc mọc thì có binh lửa, lặn thì tan binh đao. Huỳnh hoặc là điềm rối loạn, tàn phá, tật bệnh, tang tóc, đói kém, binh đao.

Sao Tâm : Chòm sao Tâm là nơi minh đường[2] : ngôi sao lớn ở giữa là chính vị thiên vương, ngôi sao ở phía trước là chỉ thái tử, ngôi sao ở phía sau là chỉ con thứ của vua. Mục *"Chính nghĩa"* trong phần *"Thiên quan thư"* của *Sử ký* trên đây chép rằng : "Khi đóng ở phận sao khác, gọi là thù". Đây có nghĩa là sao Huỳnh hoặc xuất hiện mà đóng ở phận sao Tâm.

---

(1) Một tuần là mười ngày.

(2) Tượng trưng nơi cung ở của thiên vương để ban bố chính sự và mệnh lệnh.

Câu dĩ (luẩn quẩn) : Theo phần *"Thiên văn chí"* trong sách *Quán khuy tập yếu,* thì "câu" có nghĩa là quanh về tả, lại vòng về hữu, như hình chữ "câu" ; "dĩ" có nghĩa là đi rồi lại lại, lại rồi lại đi, quanh co như hình chữ "dĩ". Chb. **XIII**, 8

Tồn Bồn Man cầu xin phụ thuộc về ta. Triều đình đem đất của Tồn Bồn Man đặt làm châu Quy Hợp.

Lời chua – *Tồn Bồn Man* : Đất này ở về phía tây tỉnh Nghệ An, đông nam giáp miền thượng du Nghệ An và phần rừng rú thuộc Quảng Bình, tây bắc giáp châu Ninh Biên thuộc Hưng Hoá và miền thượng du thuộc Thanh Hoá, phía dưới tiếp giáp với Quỳ Châu và Tương Dương thuộc Nghệ An.

Tồn Bồn Man còn tên nữa là Bồn Man, Cầm Lư thị nối đời làm thổ tù. Khi Lê Thái Tổ đã khai quốc, Bồn Man mới bắt đầu đến triều cống. Dưới triều Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 5 (1447), Bồn Man đến tiến cống voi và xin phụ thuộc về ta. Nhà vua xuống chiếu cho đổi Bồn Man làm châu Quy Hợp lệ thuộc vào phủ Lâm An.

Theo *Nhất thống chí* của Lê Định[1] thì châu Quy Hợp có 12 sách và động, đều là dân người Mán cả. Có quan quân đóng ở đó để phòng thủ. Từ đồn Quy Hợp này đi lên phía tây thì đến phủ Trấn Ninh, đường dài 1.929 tầm[2]. Đó là con đường mà nước Vạn Tượng sang ta triều cống tất phải đi qua.

Các đại phu ty Tường hình là bọn Lê Bá Viễn và Phạm Phúc đều bị bãi chức.

---

(1) Tức là *Nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định (1760 - 1813). Quang Định, tự là Tri Chỉ, hiệu là Tấn Trai, nguyên quán ở huyện Phú Vinh, thuộc Thừa Thiên, vào ngụ tại Gia Định (thuộc Nam Bộ), đỗ năm 1788, làm đến thượng thư triều Gia Long. Ông viết tốt, vẽ khéo. Năm 1802, sang sứ Trung Quốc, đi đến đâu ông cũng thường làm thơ và vẽ cảnh đến đó. Bộ *Nhất thống dư địa chí* này soạn xong năm 1806, gồm có 10 quyển và 1 quyển đầu. Nội dung nói về cương giới, phong tục, thổ sản và đặc biệt là đường sá giao thông.

(2) Đơn vị đo lường xưa, 8 thước cổ là một tầm (theo *Từ Nguyên,* trang 467).

Trước kia, Bá Viễn khám xét việc kiện tụng, lời lẽ trong án văn có liên can đến Ngự sử trung thừa là Hà Lật. Hà Lật căm giận, bèn chấp nhặt những lời phao đồn mà hặc bọn Bá Viễn sử dụng pháp luật quá nghiêm khắc, không đáng cho giữ pháp ty.

Nhà vua sai quan [Ngự sử đài] năm đạo[1] tra xét việc đó. Bọn Bá Viễn cũng dâng biểu hặc lại Hà Lật rằng, trước kia, Hà Lật phạm tội, bây giờ lại giữ chức Ngự sử. Vậy xin đối chất với Lật. Chb. **XVIII**, 9

Hà Lật lại tâu : Từ Tam đại[2] trở đi, chưa từng nghe nói bao giờ có chuyện người bị hặc trở kiện lại người đàn hặc. Nay bọn Bá Viễn tranh kiện với thần, thế là họ coi khinh người làm tai mắt của bệ hạ. Vậy thần nếu nhân đó mà phải bãi chức thì cố nhiên là không có gì đáng tiếc cả, nhưng chỉ sợ, sau đây, hễ ai giữ chức Ngự sử này, sẽ phải im hơi nín tiếng, không dám nói".

Bấy giờ bọn Lê Khả và Lê Khắc Phục tâu : "Bọn Bá Viễn dám hặc lại quan Ngự sử đài ! Vậy xin nên bãi chức họ đi". Nhà vua nghe theo.

Cấm dân gian không được mặc quần áo và dùng đồ đạc trái với quy chế đã định.

Bấy giờ thói tục đua chuộng xa xỉ và tiếm lấn. Nhà vua bèn ra lệnh cho Lễ bộ định rõ điều cấm : dân gian không được mặc áo màu vàng, đi hài, mang giày và dùng đồ đạc chạm rồng, vẽ phượng.

Tháng 8. Bãi miễn chức quan Giám sát ngự sử của Cao Mô.

Cao Mô, trước kia, khi mới vào Ngự sử đài giữ chức can ngăn, có dâng sớ nói không thể để cho quốc cữu Nguyễn Phụ Lỗ

(1) Xem chú giải ở Chb, XVIII, 5.

(2) Ba triều đại Trung Quốc xưa : Hạ, Thương, Chu.

tham dự chính sự được. Việc này làm trái ý hoàng thái hậu. Cao Mô bèn cáo bệnh, xin bãi chức. Nhà vua ưng thuận.

Lời chua – *Nguyễn Phụ Lỗ* : Người Bố Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Môn hạ sảnh Hữu ti lang trung thiêm tri Tây đạo[1] là Bùi Hanh có tội, bị miễn chức.

Bùi Hanh tâu rằng ngày 16 tháng 8 ấy có nguyệt thực, nhưng không đúng. Ngự sử Đồng Hanh Phát hặc tội Bùi Hanh. Bùi Hanh cứ thản nhiên, không có vẻ lo sợ, khi Chb. **XVIII**, 10 lên điện tâu việc, vẫn cứ nhơn nhơn như không.

Đồng Hanh Phát tâu rằng : "Tôi, thẹn mình giữ chức can ngăn, đối với chính sự và việc dùng người, hễ thấy nên hay chăng, được hay hỏng, đều phải tranh luận. Cổ ngữ có nói : "Lời gì có động đến nhà vua thì thiên tử thay đổi nét mặt, việc gì có quan hệ đến triều đình thì tể tướng phải chờ đợi nhận tội. Nay Bùi Hanh không biết hối lỗi, vẫn cứ nhơn nhơn tự đắc. Như vậy há những chỉ khinh nhờn hạng bầy tôi can ngăn thôi đâu, rất đỗi lại còn khinh miệt cả phép nước nữa. Vả, Bùi Hanh vốn là kẻ tiểu nhân gian tà dối trá. Thời vua Thái Tổ, Bùi Hanh đã bị phế bỏ vì nói càn bậy. Đến triều vua Thái Tông, Bùi Hanh lại dùng tà thuật để phô ngón lừa gạt. Bệ hạ[2] lúc mới cư tang, tình cờ gặp phải tai biến, dịch lệ. Bùi Hanh bèn mượn chuyện âm dương xung khắc để giải thích, rồi tâu xin để tang ngắn hạn cho khỏi thiên tai. Truy nguyên những việc Bùi Hanh đã làm phần nhiều đều là lừa dối phỉnh gạt. Tôi sợ đời sau cho rằng dùng nhà âm dương[3] làm chức Tham tri và kẻ

(1) Xem Chb. XV, 5 và chú giải ở Chb. XVIII, 1.

(2) Chỉ Lê Nhân Tông.

(3) Tức là ông đồng ông bóng.

bói toán làm chức An phủ là bắt đầu từ bệ hạ trước. Vậy không thể không xét kỹ được". Nhà vua bèn bãi chức Bùi Hanh, cho xuống làm Thái sử lệnh.

Bạch Khuê, An phủ sứ lộ Quốc Oai, nghe biết việc này, phát sợ, vội xin từ chức. Trước kia, Bùi Hanh và Thái chúc Bạch Khuê đều nhờ có ngón thuật số, dần dà quen biết và làm thân với các nhà đại thần. Chb. **XIII**, 11

Bùi Hanh thì xin làm Môn hạ Hữu ti lang trung thiêm tri Tây Đạo ; Bạch Khuê thì xin làm An phủ sứ. Các đại thần đều đứng bảo cử[1] cho hai người này. Hạng sĩ phu thấy vậy, lấy làm hổ thẹn vì phải đứng cùng hàng quan với họ. Có kẻ đề chữ vào bên cầu cửa Đông rằng : *"Thiên địa bĩ, lộ An phủ ; nhật nguyệt khuy, đạo Tham tri"*. Nghĩa là trời đất gặp vận bĩ, hàng lộ có quan an phủ ; mặt trời mặt trăng khuyết ; hàng đạo có quan tham tri[2]. Đến đây, cùng một ngày, Bùi Hanh và Bạch Khuê đều bị truất. Dư luận lấy làm hả.

Lời chua – *Quốc Oai* : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb, X, 16).

Thổ tinh xâm phạm vào Thái âm[3].

Lời chua – *Thổ tinh* : Phần "*Thiên văn chí*" trong *Quản khuy tập yếu* chép rằng : Sao Trấn Tinh[4] ở trung ương, thuộc hành thổ, lấn vào giới phận của Thái âm, quanh quẩn không đi khỏi. Xâm nhập từ 7 tấc trở vào, gọi là "phạm", tia sáng bắn vào nhau, cũng gọi là "phạm".

Tháng 9. Tu sửa đền miếu ở Lam Kinh.

---

(1) Cũng như ngày nay gọi là "bảo đảm".

(2) Ám chỉ bấy giờ gặp thời vận đen tối, không ra sao, nên mới có chuyện Bạch Khuê làm An phủ sứ ở lộ và Bùi Hanh làm Tham tri ở đạo.

(3) Tức Mặt trăng.

(4) Một tên khác của Thổ tinh.

Ra lệnh cho Lê Khả đôn đốc phu và thợ tu sửa đền miếu ở Lam Kinh.

Lục dụng con của Lê Ngân, Đại đô đốc cũ.

Lê Ngân là công thần khai quốc, bị chết một cách vô tội ; con là Nho Tôn bấy lâu phải chìm đắm nơi hàng ngũ quân lính. Triều đình thương xót, bèn trao cho Nho Tôn chức Đại đội trưởng trong Bảo ứng quân.

Lời chua – *Lê Ngân* : Người Lam Sơn, huyện Thuỵ Nguyên thuộc Thanh Hoá. Chb. **XVIII**, 12

Bảo ứng quân : Theo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì Bảo ứng quân thuộc trong sáu quân Ngự tiến.

Tháng 11, mùa đông. Gả Vệ quốc trưởng công chúa cho Lê Quát.

Quát là con Thái uý Lê Thụ. Công chúa mới lên mười. Nhà vua hạ chiếu cho Tư khấu Lê Khắc Phục đứng chủ trương về việc hôn nhân.

Bấy giờ Lê Thụ lo liệu việc sắm sính lễ. Những kẻ bon chen xu phụ đua nhau đem lễ đến dâng. Lê Thụ lại nhờ các trấn, các lộ lo kiếm trâu dê để dùng vào việc cưới. Các trấn, các lộ nhân đó bắt dân đóng góp cung ứng để mua lòng Lê Thụ. Ngự sử Đồng Hanh Phát có đàn hặc về việc này. Lê Thụ bỏ mũ, tạ tội với nhà vua ; nhưng, những đồ người ta đưa biếu, Thụ vẫn đều nhận cả, không từ chối. Hanh Phát không đề cập đến việc đó nữa, rồi lại đem đồ lễ đến nhà Lê Thụ và nói lời xin lỗi. Những người thức giả đều chê cười Hanh Phát.

Các thổ tù ở Tuyên Quang là bọn Nông Thế Ôn, Dương Thắng Kim và Nguyễn Châu Quốc làm phản. Dẹp yên và giết chết cả.

Trước kia, bọn Thế Ôn ở Bảo Lạc, Thắng Kim ở Thám Già và Châu Quốc ở An Phú đều cậy có địa thế hiểm trở xa khơi,không chịu cung nộp phú thuế và sưu dịch. Đến đây, chúng định mưu cùng nhau liên hợp quân lại, giữ lấy bản châu, nổi lên làm phản. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai Lê Luân, Tổng quản Tuyên Quang, đem quân bản trấn đi đánh dẹp, bắt được bọn Thế Ôn và Thắng Kim, giải về kinh đô, giết chết.

Lời chua – *Bảo Lạc* : Xem Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ Chiêu thắng thứ 9 (Chb. III, 44, 45).

Chb. **XVIII**, 13

Thám Già : Tên sách[1] xưa.

An Phú : Tên đất xưa, thay đổi ra sao, không rõ.

Tháng 12. Nhập nội Đô đốc đình thượng hầu là Lê Chích chết.

Hồi mới khởi nghĩa, Lê Chích dâng sách lược bàn đánh lấy Trà Long trước. Lê Thái Tổ nghe theo[2]. Do đó, hạ được Trà Long, hàng được Ngọc Ma, vây được thành Nghệ An, lược định được Tân Bình và Thuận Hoá, thu nạp được vài vạn quân, quay cờ trẩy ra Tây Đô, chia quân đi lấy các đất đai khác. Người ta đều phục Lê Chích là người nhìn xa được sự việc và bày mưu được đúng sát.

Khoảng niên hiệu Thiệu Bình (1434 – 1439), Lê Chích, vào trấn thủ Hoá Châu, Chiêm Thành hai lần vào lấn cướp, ông đánh phá được. Oai danh của ông lừng lẫy cả cõi nam. Về sau, vì có công đi đánh Chiêm Thành, ông được thăng Nhập nội đô đốc. Đến đây, ông mất, tặng phong là Nhập nội tư không Bình chương sự, đặt tên thuỵ là Trinh Vũ.

Lời chua – *Trà Long* : Xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 17).

---

(1) Xem chú giải ở Chb. I, 1.

(2) Xem Chb. XIII, 17.

Nghệ An : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 21 – 23).

Tân Bình : Tức Lâm Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 3 (Chb. III, 34).

Thuận Châu, Hoá Châu : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 23-24).

Chiêm Thành : Tức Lâm Ấp xưa. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III, 20-21).

Kỷ Tỵ, năm thứ 7 (1449). (Minh năm Chính Thống thứ 14). Tháng giêng, mùa xuân. Mở yến tiệc. Biểu diễn nhã nhạc "Bình Ngô phá trận".

Trước kia, Lê Thái Tổ dùng việc võ dẹp yên thiên hạ, Lê Thái Tông nhớ nghĩ đến công đức đời trước, có đặc ra nhã nhạc "Bình Ngô phá trận". Đến đây, nhân dịp yến tiệc, triều đình sai tấu nhạc này : trong đám công thần có người cảm động đến phát khóc. Chb. **XVIII**, 14

Đặt lại phép thi lại điển.

Theo lối cũ, thi lại điển bằng ám tả, viết chữ, làm toán và kinh nghĩa. Ai trúng cách thì được sung vào làm việc ở các cục. Đến đây, triều đình bàn bỏ bớt ám tả và kinh nghĩa, chỉ chuyên thi có môn viết và môn toán thôi. Phép thi lại điển bỏ ám tả và kinh nghĩa là bắt đầu từ đây.

Định rõ thể lệ cho những người có chân ấm được miễn đi lính.

Theo thể lệ cũ, về việc tuyển lính, chỉ có con quan lục phẩm mới được miễn, còn từ thất phẩm trở xuống đều không được. Đến đây, nghị định lại : từ lục phẩm trở lên, đời cháu cũng cho hưởng ấm, được miễn ; con các quan thất phẩm và bát phẩm

cũng được dự miễn. Còn các hoạn quan ai nấy đều được miễn cho một người thân thích của mình.

Đào sông Bình Lỗ.

Sai Tư khấu Lê Khắc Phục đôn đốc các cục Bách Tác, vệ quân Tứ Xương, Thiên Khai và quân dân Thái Nguyên đào sông Bình Lỗ từ Lãnh Canh tới cầu Phù Lỗ, thông suốt đến Bình Than để sự đi lại ở Thái Nguyên được tiện lợi.

Lời chua : *Sông Bình Lỗ* : Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 8 (Chb. VIII, 36). Chb. **XVIII**, 15

Vệ quân Tứ Xương, Thiên Khai : Không khảo được.

Thái Nguyên : Tức là Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 19, 32).

Lãnh Canh : Tức Lãnh Kinh. Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng hựu thứ 5 (Chb. III, 47).

Phù Lỗ : Tên đất xưa. Nay đổi là xã Phù Lỗ, thuộc huyện Kim Anh, tỉnh Bắc Ninh[1].

Bình Than : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Quý Do, em vua nước Chiêm Thành, giết vua Chiêm là Ma Ha Quý Lai, tự lập làm vua, sai sứ sang dâng ta lễ cống, nhưng triều đình khước từ, không nhận.

Quý Do, sau khi tự lập làm vua, sai bầy tôi là bọn Giáo Nễ Mỗ Bàn Thoa dâng tiến sản vật địa phương. Nhà vua nói : Là tôi mà giết vua, là em mà giết anh, Quý Do thật là tên đại ác từ xưa đến giờ. Vậy nên khước từ mọi đồ dâng cống, không nhận. Nhân đó nhà vua sai bọn Nguyễn Hữu Quang, Đồng tri Hữu ti sự và Trình Ngự, Điện trung thị ngự sử, đem tờ dụ sang Chiêm Thành vặn hỏi về việc này.

---

(1) Nay là xã Phù Lỗ thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Trước kia, Hữu quang đi sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm giữ lại ; đến khi Quý Lai lên làm vua, Hữu Quang được về. Vì vậy, nay mới có mệnh lệnh cho Hữu Quang đi Chiêm Thành.

Tháng 4, mùa hạ. Nhập nội thị trung[1] đình thượng hầu Lê Lễ chết.

Lê Lễ, sức vóc khoẻ hơn người, nối đời làm thần bộc nhà Lê Thái Tổ. Khi mới khởi nghĩa, Lễ có nhiều công trong việc giúp Bình Định vương thoát khỏi vòng vây, vượt qua nguy hiểm. Ông làm đến Nhập nội thị trung, tước Đình thượng hầu. Lê Thái Tổ, khi sắp mất, có khóc bảo ông rằng : "Trẫm nếu không còn sống, thì ai người biết khanh nữa !". Về sau, ông bị Nguyễn Thị Lộ gièm pha, phải giáng xuống làm Thái tử thiếu bảo. Đến đây, 82 tuổi, khi bệnh nặng, ông được khai phục quan chức. Liền đó ông chết, được đặt tên thuỵ là Trung tiết. Chb. **XVIII**, 16

Hạn hán. Nhà vua hạ chiếu tự xét mình. Buổi tối hôm ấy, mưa.

Đại hạn. Nhà vua đảo vũ ở cung Cảnh Linh ; lại sau Bùi Cầm Hổ đến núi Tản Viên và núi Tam Đảo làm lễ cầu mưa, nhưng đều không ứng nghiệm. Nhà vua bèn hạ chiếu xét mình.

Bài chiếu đại lược nói : "Luôn mấy năm nay hạn hán, thóc lúa hỏng, không thu hoạch được ; dân tình sầu oán !"

"Có lẽ vì trẫm không hết sức thành thực để cảm cách lòng trời, không tròn đạo hiếu để kính thờ tông miếu ? Lại không biết sử dụng người hiền năng, còn những người mình dùng đó đều là hạng người mờ tối nhỏ nhen mà nên nỗi chăng ?

"Hay là nạn hối lộ thịnh hành và việc nữ sắc quá nhiều chăng ?"

---

(1) Tức là chức Hành Khiển ở cung quan, hay ở Trung thư sảnh được dự bàn những việc lớn của triều đình.

"Hay là không cẩn thận tiết độ trong việc tiêu dùng, làm hao hại tiền tài của dân chăng ?

"Hay là đại thần giúp rập chưa làm hết phận sự điều hoà xoay chuyển trời đất chăng ?

"Tướng suý và bầy tôi nơi phiên trấn chưa biết yêu thương quân dân, làm nhiều việc xà xẻo bóc lột chăng ?

"Các chức thú lệnh không biết vỗ về chăn nuôi dân, chỉ chăm bề xâm phạm đục khoét của dân mà đến nỗi thế chăng ?

"Hay là quan coi hình ngục không biết giữ sự công bằng, chỉ rông rỡ tham lam khắc nghiệt, khiến cho oán khí bốc xông lên trên đến nỗi thế chăng ?

"Hay là các quan thừa hành chỉ chuyên ưa chuộng giấy tờ hư văn, làm cho ơn trách không nhuần thấm xuống dưới, tình hình kẻ dưới không đề đạt được lên trên chăng ? Chb. **XVIII**, 17

"Những nhà quyền quý cậy thế ra oai làm cho người dân nhỏ mọn phải chịu oan uổng chăng ?

"Người làm chủ suý đảo lộn công lao của quân nhân, làm hại đến phép công chăng ?

"Chằm đã khô cạn không có cá, thế mà ngạch thuế vẫn chưa giảm bớt, dân còn phải nộp thuế khống[1] chăng ?

"Con cháu các nhà công thần kỳ cựu chưa lục dụng được hết chăng ?

"Những lỗi lầm dồn dập chứa chất ấy làm thương tổn đến khí hoà thuận của trời đất. Vậy nay nếu không kê cứu lời xưa dạy bảo sửa lỗi và tìm hết đường lối xét mình thì làm thế nào để

(1) Nguyên văn *Cương mục* là "bồi nạp", có nghĩa là phải nộp thuế để bồi thường hoặc đền bù. Còn Toàn thư XI, 79, chép là "bội nạp" thì có nghĩa là nộp gấp đôi, đóng thuế gấp hai lần.

trên có thể xoay lại lòng trời, dưới có thể cứu chữa đau khổ cho dân được ?"

Tờ chiếu vừa ban xuống, thì buổi tối hôm ấy, trời mưa.

Lê Thụ và Lê Khả dâng sớ, đại lược nói : "Cô giả, những đời thịnh trị hễ gặp có tai biến tất biết răn sợ : vua thì xét mình, đại thần thì nhận tội, trên dưới đồng lòng kính cẩn sợ hãi để làm cho thiên tai qua khỏi. Quốc triều ta, từ niên hiệu Thuận Thiên (1428 – 1433) đến khoảng Thiệu Bình (1434 – 1439) và Đại Bảo (1440 – 1442) thóc lúa luôn được phong đăng, phúc trời nhuần thấm. Ngày nay, từ khi bệ hạ nối ngôi đến giờ, việc làm chưa có gì là lỗi lầm, thế mà nước lụt và hạn hán vẫn tiếp diễn, tai biến luôn xảy ra. Đó đều vì bọn thần không biết tuyên dương đức ý của nhà vua, và làm lầm lỡ về việc điều hoà khí âm khí dương. Thật đúng như lời trong tờ chiếu sáng suốt đã vạch ra đó.

"Vậy, cúi mong nhà vua cho vời bọn thần đến Chính sự đường để xét hỏi về việc quân, việc nước : điều gì nên làm, điều gì nên bỏ, chỉ cốt sát với sự thực, chứ không làm chuyện giấy tờ hư văn".

Thái hậu hạ chiếu đáp rằng : "Những chính sự tệ hại ngày nay có lẽ là sự tiến cử không công bằng, hoặc là cậy công mà gửi gắm nhau, hoặc là buông rộng thả dài cho bọn nô tỳ làm bậy, khuấy nhiễu làm hại dân lành. Những tệ hại đó đều nên sửa đổi". Chb. **XVIII**, 18

Lê Khả, một hôm, nhân lúc bãi trào, lui gót, thấy phía trước nhà Vân tập đường có tấm lưới săn, liền sai cất đi và nói : "Đừng để hoàng thượng trông thấy kẻo gợi cho mai sau say đắm về việc đi săn".

Lời chua – *Núi Tản Viên* : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb. I, 34).

Tam Đảo : Tên núi, ở huyện Tam Dương, phủ Đoan Hùng, tỉnh Sơn Tây[1].

Bắt đầu xây dựng các đàn thờ cúng ở kinh đô.

Ra lệnh cho xem đất ở kinh đô, chọn chỗ để lập các đàn thờ Thành hoàng kinh đô, thần Gió, thần Mây, thần Sét, thần Mưa và bách linh cô hồn để theo mùa mà thờ cúng.

Giảm nhẹ thuế đầm.

Bọn Ngự sử trung thừa Hà Phủ dâng thư nói rằng : "Biết lỗi, không phải khó ; sửa lỗi, mới là khó ; nói đến điều thiện, không phải khó ; làm được điều thiện, mới là khó. Nay trời làm hạn hán, bệ hạ đã ban chiếu trong có nói : "Chằm khô cạn, không có cá, dân phải nộp thuế khống. Vậy xin giảm thuế đầm để tỏ ơn huệ thực sự". Triều đình nghe theo.

Tháng 5. Cấp phu quét tước cho Văn Miếu và các trường học ở các lộ.

Chb. **XVIII**, 19

Nguyễn Hữu Phu, An phủ sứ lộ Khoái Châu, xin cấp cho Văn Miếu và các trường học ở các lộ mỗi nơi 20 người phu quét tước và cho các giáo thụ mỗi viên hai người phu, để làm bổng thường. Triều đình nghe theo.

Lời chua – *Khoái Châu* : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình long ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Nguyễn Hữu Phu : Người làng Sơn Đồng, huyện Đan Phượng[2], đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo[3].

Sao Kim tinh xuyên qua giới phận Mặt trăng.

---

(1) Nay Tam Đảo thuộc tỉnh Vĩnh Phúc – Theo *Đại Nam nhất thống chí*, thì huyện Tam Dương trước thuộc phủ Đoan Hùng, tỉnh Sơn Tây, nhưng đến năm Minh Mạng thứ 11 (1830) đã đổi thuộc phủ Vĩnh Tường (trước kia thuộc tỉnh Vĩnh Yên, hiện nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc).

(2) Nay là thôn Sơn Đồng, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

(3) Tức năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông.

Lời chua – *Sao Kim tinh xuyên qua giới phận Mặt trăng* : Theo phần "*Thiên văn chí*" trong *Quản khuy tập yếu*[1] thì Kim tinh Thái bạch là sao đóng ở phương Tây. Khi ông vua đối với ngũ thường[2] có thiếu sót về nghĩa và đối với ngũ sự[3] có lầm lỗi về lời nói, làm trái nghịch với tiết lệnh mùa thu và thương tổn đến khí hành kim[4] thì sự trừng phạt của trời sẽ tỏ ra ở điểm có sai Thái Bạch xuất hiện. Khi Mặt trăng chuyển vần, hễ sao Thái Bạch đi vào giới phận Mặt trăng mà suốt qua thì gọi là "quán".

Mưa. Đại xá cho cả nước.

Giáng Thị ngự sử[5] Lưu Thúc Khiêm xuống làm Yên Lãng Chuyển vận phó sứ và giáng Giám sát ngự sử[6] Nguyễn Cư Đạo xuống làm Quốc tử giám trực giảng[7].

Trước kia, bọn Thúc Khiêm và Cư Đạo đàn hặc bọn Chính sự viện đồng tham nghị là Cao Doãn Cung, Trình Hoằng Nghị, Nguyễn Bá Thanh và Mai Tử Kiệt rằng họ làm đại thần ở Chính sự viện mà chỉ ngồi không, ăn hại, chẳng hề làm được việc gì, tuổi đã bảy mươi hãy còn tham lam bổng lộc và ngôi vị. Vậy nên bắt họ phải về hưu để kích lệ lòng liêm sỉ. Bọn Doãn Cung bèn xin thôi việc cả. Nhà vua ưng thuận. Chb. **XVIII**, 20

Bấy giờ Tả hữu nạp ngôn là bọn Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Phó và Nguyễn Viết vào hầu vua học tập ở toà Kinh Diên.

---

(1) Đây dịch theo *Cương mục*. Còn theo *Vận phủ thập di* quyển IV, tờ 15b thì là phần "*Thiên văn chí*" trong *Hán thư (Hán thư Thiên văn chí)*.

(2) Năm đạo thường phải tuân giữ theo quan niệm luân lý của nhà nho : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

(3) Tức là mạo (nét mặt), ngôn (lời nói), thị (sự trông), thính (sự nghe), tư (sự suy nghĩ).

(4) "Kim", là một trong năm hành (kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ), thuộc về mùa thu.

(5) Chức quang đứng đầu Ngự sử đài, hàm tam phẩm.

(6) Chức quan trong Ngự sử đài hàm thất phẩm.

(7) Một chức quan trong Quốc tử giám đứng dưới Tư nghiệp.

Bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Tử Tấn, theo lệ, cũng đến tuổi cáo lão, thế mà vẫn cứ luyến tiếc địa vị, không có ý về hưu, e rằng không được dư luận dung thứ. Họ, vì thế, đều xin hưu trí. Nhà vua cố giữ lại. Họ bèn đem nhau đến lạy tạ, rồi lại giữ chức như cũ. Nhưng vì bọn Thúc Khiêm hay bới việc mà đàn hặc, nên trong lòng bọn Đào Công Soạn vẫn căm.

Đến đây, bọn Thúc Khiêm đều bị biếm truất.

Lời chua – *Yên Lãng* : Tên huyện, nay thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây(1).

Nguyễn Cư Đạo : Người Đông Khối thuộc huyện Gia Định(2), đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Bại Bảo.

Dùng Nguyễn Thúc Huệ làm Môn, hạ hữu nạp ngôn và Bùi Hanh làm Tham nghị chính sự.

Quan giữ việc can ngăn là Đồng Hanh Phát dâng sớ nói rằng : "Chức quan cao trọng ở bản triều(3) chỉ là Tể tướng và Hành khiển thôi. Thúc Huệ xuất thân từ một tiểu lại, trước kia làm Thanh tri Bắc đạo(4), lấy nê việc này việc khác, bòn rút vơ vét của dân làm cho một lộ xác xơ, hết cả tiền của ! Khi vâng mạng đi sứ ngoại quốc, Thúc Huệ bày chước quỷ quyệt, kinh doanh việc tư, đến nỗi người ngoài phải coi là một tên "đầu quỷ", làm nhục đến cả quốc thể là thế đó. Vậy còn dùng hắn làm gì ! Bùi Hanh thì dùng tà thuật làm mê hoặc bề trên(5) khiến cho chúa thượng giẫm theo con đường làm lỗi là để tang ngắn hạn(6) đã từng vì tội phỉnh gạt mà bị bãi chức. Thế mà nay lại cho Bùi Hanh

Chb. **XVIII**, 21

(1) Đất huyện Yên Lãng cũ nay thuộc huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và Sóc Sơn (Hà Nội).

(2) Sau đổi là Gia Bình, nay là Gia Lương thuộc tỉnh Bắc Ninh.

(3) Chỉ triều Lê.

(4) Nay gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên.

(5) Chỉ việc Bùi Hanh nói tinh vượn đen ăn mặt trời và bày việc giết vượn thật để làm bùa yểm ở trong cung (xem Chb. XVI, 8-9).

(6) Chỉ việc Bùi Hanh đưa ra cái thuyết âm dương khắc hại nhau để xin bỏ đồ trở và cúng trừ tai biến (xem Chb. XVII, 25-26).

thăng lên Chính sự viện tham nghị ! Vả lại, "chính" là ngay thẳng. Bản thân người làm chính sự nếu không ngay thẳng thì làm việc ngay thẳng thế nào được ? Hào "Lục tam" trong quẻ Giải[1] nói rằng : "*Phụ thả thừa, trí khấu chí*"[2], có lẽ đúng như Thúc Huệ và Bùi Hanh đó chăng ?"

Hoàng thái hậu bèn đem việc này hỏi ý kiến Tể tướng. bọn Lê Khả thưa rằng : "Dùng người, không nên cầu toàn trách bị quá. Bọn thần thăm dò, chưa kiếm được người nào khác, chỉ thấy bọn Thúc Huệ đang tại chức đều làm chạy việc. Còn đối với hạng tân tiến, bọn thần chưa biết rằng họ có là người hiền năng hay không, nên không dám đề cử một cách khinh suất". Do đó hoàng thái hậu quyết ý cứ dùng.

Lời chua – *Bắc đạo* : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 32).

Tháng 7, mùa thu. Đặt lại quân hiệu.

Đổi quân hiệu Hoả đồng[3] làm Thần lôi, Thần điện ; quân hiệu Thiện trạo[4] làm Hải hồng, Hải mã, Hải kình, Hải thu ; quân hiệu Bát nhiêu[5] làm Hải hoạt.

Lời chua – *Hoả đồng, Thiện trạo, Bát nhiêu* : Theo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì Lê Thái Tổ, khi đã lấy được thiên hạ, đặt các quân hiệu, có những danh hiệu như : Hoả đồng, Thiện trạo, Bát nhiêu, v.v... Chb. **XVII**, 22

Sai sứ đi Chiêm Thành.

---

(1) *Dịch kinh đại toàn*, quyển X, tờ 29.

(2) Ý nói hào "Lục tam" (quẻ Giải trong kinh *Dịch*) thuộc về âm, bản chất mềm yếu, đáng phải ở dưới, lại nhoi lên trên, ở không đúng chỗ ; cũng như kẻ tiểu nhân đáng phải ở dưới để gánh vác, vậy mà lại đi xe, thế nào rồi cũng gây nên cái nạn tranh giành cướp giật (theo lời *Truyện* trong kinh *Dịch*). Đây dùng để chỉ bọn Thúc Huệ và Bùi Hanh là hạng người xấu, không xứng đáng làm chức to.

(3) Binh chủng sử dụng những ống hoả hổ (ống chứa thuốc nổ) để đánh trận.

(4) Binh chủng giỏi bơi thuyền.

(5) Binh chủng phụ trách việc bơi chèo thuyền chiến.

Trước kia, triều đình sai Nguyễn Hữu Quang đem tờ dụ đi vặn hỏi Chiêm Thành (về việc giết vua cũ là Ma Ha Quý Lai). Chúa Chiêm sai bầy tôi là bọn Bô Sa Phá Tham Tốt theo Hữu Quang đến nước ta. Nhà vua vặn hỏi về tội thí nghịch[1]. Sứ Chiêm không trả lời được. Đến đây, triều đình sai bọn Thượng thư Trình Dục vâng mạng đem thư sang dụ bảo Chiêm Thành và đòi lại những người nước ta còn ở lại Chiêm Thành. Người Chiêm vâng theo, tiễn đưa bọn Trình Nguyên Đĩnh 70 người trở về nước.

Tháng 10, mùa đông. Một người ở kinh đô đẻ ra đứa con có hai đầu.

Tháng 11. Dùng bọn giám sinh Lỗ Thuần làm Duyện lại.

Trước kia, dùng bọn giám sinh Nguyễn Cương Trung và Nguyễn Tự Đắc làm Chuyển vận phó sứ ở các lộ. Đến đây, dùng bọn Lỗ Thuần và Phạm Công Niêm 30 người làm Duyện lại ở các đạo. Giám sinh bổ làm thuộc lại là bắt đầu từ đây.

Lê Quán Chi có tội, nhưng được tha, không trừng trị.

Quán Chi là con Lê Khuyển, đang đêm, tụ họp đám đông đánh chết người. Việc phát giác, Quán Chi bị bắt bỏ ngục. Khi cung khai, Quán Chi tiêu xưng đến các con em của một số nội quan và nhà quyền quý hàng hơn mười đứa. Án đã kết. Hoàng thái hậu cho rằng Lê Khuyển là bậc đại thần, cầm quân cấm vệ, nên bà mới buông lỏng pháp luật mà tha Quán Chi. Bà ra lệnh chỉ thu lấy tiền đền mạng. Các quan trong Ngự sử đài là bọn Lê Lâm không dám nói... Trong đám con trẻ ở kinh đô đến nỗi có kẻ phải nắm tay một cách tức bực mà rằng : "Tôi chỉ giận mình không được làm Ngự sử !". Chb. **XVIII**, 23

Lời phê – *Nhân chuyện này, có thể biết được thời sự bấy giờ ra sao.*

---

(1) Xem Chb.III.15.

Lời chua – *Lê Lâm* : Người làng Hạ Bì, huyện Bất Bạt[1].

Quy định rõ ràng về luật hộ.

Trước kia, Lê Thái Tổ muốn làm việc chia ruộng, nên về chế độ công điền công thổ, có đặt ra điều lệ và cấm lệnh một cách đặc biệt tường tận, còn đối với điền sản tư gia, chương trình hãy còn sơ lược. Đến đây, quy định rõ ràng thành mười bốn điều về điền sản, đặt thành luật lệnh hẳn hoi.

Lời chua – *Mười bốn điều* : Theo "Hình luật chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì khoảng năm Thái Hoà (1443 – 1453) có bổ sung thêm chương "Điền sản" gồm mười bốn điều.

Điều thứ 1 – Khi chồng chết, mà vợ trước có con, vợ sau không con thì điền sản của nhà chồng chia làm ba phần : con người vợ trước được hai phần ; bản thân người vợ sau được một phần để ăn gầy[2]. Người vợ sau nếu chết đi hay cải giá thì điền sản lại phải truy hoàn. Kẻ nào vi phạm sẽ phải đạt 50 roi.

Điều thứ 2 – Người con có vợ rồi, khi chết mà vô tự[3] thì điền sản của người con đó trừ khi cha mẹ hãy còn, sẽ để cha mẹ quản lí, bằng không sẽ chia đều làm hai phần : một phần để lại ở bản tông[4] dùng vào việc hương hoả thờ cúng ; một phần chia cho người vợ để ăn gầy đến trọn đời. Nếu người vợ đi cải giá thì phải truy hoàn. Kẻ nào vi phạm, sẽ phải phạt 50 roi.

Chb. **XVIII**, 24

Điều thứ 3 – Người vợ chết đi mà không có con, thì điền sản của bản thân người vợ ấy chia làm ba phần : một phần trả về gia đình nhà người vợ ấy nhận lấy mà quản lý ; hai phần để cho người chồng ăn gầy đến trọn đời. Khi người chồng chết đi thì hai phần điền sản ấy lại phải truy hoàn cho bà con bên họ người vợ. Kẻ nào vi phạm sẽ bị phạt 50 roi.

---

(1) Nay là xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình.

(2) Hưởng phần giữ lại để dưỡng lão.

(3) Không người nối dõi, tức là không con.

(4) Họ đồng tông nhà mình.

Điều thứ 4 – Chồng đã chết, con còn bé, người mẹ đi cải giá mà lén lút bán điền sản của con thì phạt 50 roi ; truy lại số tiền đã bán ấy trả lại cho chủ mua, còn ruộng trả về cho người con. Nếu người chồng sau đứng tên con của người chồng trước mà lén lút bán tài sản ấy thì phạt 60 trượng. Kẻ tri tình[1] mà còn cứ mua thì phạt 80 trượng, và mất cả số tiền đã mua.

Điều thứ 5 – Khi cha mẹ hãy còn, mà con trai con gái bán vụng trộm điền sản thì con trai phải phạt 60 trượng, con gái 50 roi. Truy số tiền đã bán trả lại chủ mua, còn điền sản hoàn lại cha mẹ.

Điều thứ 6 – Ông bà, cha mẹ đều chết cả, con cháu hãy còn nhỏ bé, thế mà người họ đồng tông tự tiện đem bán điền sản của các người con cháu ấy thì phải phạt 60 trượng.

Điều thứ 7 – Dưỡng tử có đủ giấy tờ làm con nuôi hẳn hoi và trong giấy tờ nói rõ là sẽ chia cho điền sản, thì khi chia điền sản, được phép chiếu theo đầu con mà quân phân, nhưng phải kém một phần để tỏ ra có khác với con đẻ.
Kẻ nào vi phạm sẽ phạt 50 roi. Chb. **XVIII**, 25

Điều thứ 8 – Kẻ đã làm con nuôi họ khác, khi thấy có số ruộng tuyệt tự của người họ mình mà lại cầu xin chia cho suất mình thì phải chịu kém người họ đồng tông một nửa phần. Kẻ nào vi phạm sẽ phạt 60 trượng.

Điều thứ 9 – Bán vụng trộm điền thổ của người khác, từ 10 mẫu trở lên phải khép vào tội đồ. Kẻ tri tình mà vẫn cứ mua thì phải phạt 80 trượng.

Điều thứ 10 – Ruộng đất đã cầm đợ rồi, sau không xin chuộc lại theo số tiền đã đợ ấy mà lại đem bán đợ hay bán đứt cho người khác thì phạt 50 roi, truy lấy số tiền trả lại cho chủ mua đợ.

Điều thứ 11 – Bán đợ ruộng đất, muốn chuộc mà không cho chuộc mà ngược lại, không muốn chuộc mà cưỡng ép bắt chuộc, đều phạt 80 trượng. Nếu để quá kì hạn rồi, chủ bán mới cưỡng ép

(1) Người biết rõ sự tình.

đòi chuộc thì cũng phải tội như thế (kỳ hạn, nghĩa là ruộng mùa, lấy tháng 3 làm kỳ hạn ; ruộng chiêm, lấy tháng 9 làm kỳ hạn).

Điều thứ 12 – Kẻ nào tranh chiếm ruộng đất của người ta rồi bán chạy cho người khác thì phạt 50 roi.

Điều thứ 13 – Nô tì bán vụng trộm ruộng đất của người gia trưởng thì phạt 90 trượng, thích chữ vào mặt, đày đi châu gần[1]. Ruộng đất, hoàn lại người chủ. Kẻ tri tình mà cứ mua thì phạt 50 roi, truy lại số tiền đã mua bán ấy nộp vào quan.

Điều thứ 14 – Con trai đã từ 16 tuổi và con gái đã từ 20 tuổi trở lên, ruộng đất của phần mình bị người trong họ hay người ngoài cày cấy hoặc cư trú đã quá kì hạn rồi mới tranh nhận (kì hạn nghĩa là người trong họ thì 30 năm, người ngoài thì 20 năm) thì phạt 80 trượng và mất hẳn ruộng đất ấy. Nếu vì có gặp cơn binh lửa hoặc phiêu bạt rồi sau mới về thì không câu nệ theo lệ luật này. Chb. **XVIII**, 26

Canh Ngọ, năm thứ 8 (1450). (Minh, Cảnh Đế, năm Cảnh Thái thứ 1).

Tân Mùi, năm thứ 9 (1451). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Vì có nhiều tai biến, nhà vua hạ chiếu rộng ban ơn điển vỗ về thương xót.

Tờ chiếu nói rằng : "Luôn mấy năm nay, nào tai biến, nào hạn hán dồn dập xảy đến ! Nếu không ban ơn huệ một cách thực sự để yên ủi lòng dân thì lấy gì đáp ứng được trời cao mà làm ngừng được tai biến ? Vậy nay tha thuế ; quân và dân người nào bấy lâu phải đi trốn tránh thì cho phép ra thú, sẽ được miễn tội ; những vụ án ngục kiện tụng nào còn để đọng thì cho phép những quan coi giữ về các vụ ấy tâu lên cho đầy đủ để nhà vua xét".

Tháng 7, mùa thu. Giết Thái uý Lê Khả và con là Quát luôn với Tư khấu Lê Khắc Phục và con là Bá Nhai.

Lê Khả, khi làm tể tướng, đảm nhiệm lấy việc giúp vua sửa đổi điều lỗi và tiếp nhận những lời khuyên can, nhưng Khả

(1) Châu Nghệ An (xem Chb. XV, 10).

sử dụng pháp lệnh một cách quá nghiêm khắc, không hề nể nang hay khoan gượm gì cả. Do đấy, triều đình ai cũng len lét sợ Khả. Có kẻ gièm pha với thái hậu rằng Lê Khả cùng với cha con Khắc Phục ngầm kết vây cánh bè đảng. Thái hậu tin lời, bèn giết luôn cha con Lê Khả và cả cha con Khắc Phục.

Tháng 10, mùa đông. Sứ nhà Minh sang ta.

Trước kia, Minh Anh Tông (1436 – 1449)(1) đi tuần phía bắc(2), em là Thành vương Kỳ Ngọc trông coi việc nước, nhân đó tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Cảnh Thái(3) và sai bọn hành nhân trong ti Hành nhân là Biên Vĩnh và Tiến sĩ là Trình Huệ sang ta báo cáo về việc Cảnh Thái mới lên ngôi. Nhà vua sai bọn Đồng tri Đông Đạo(4) là Trình Chân và Trung thư thị lang là Nguyễn Đình Mỹ sang Minh chúc mừng. Chb. **XVIII**, 27

Lời chua – *Nguyễn Đình Mỹ* : Người Chi Long thuộc huyện Kim Hoa.

Nhâm Thân, năm thứ 10 (1452). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Giam Thái uý Lê Thụ vào ngục.

Lê Thụ phải tội vì không biết dạy con là Lê Thị để hắn làm việc phù chú bùa yểm.

Tháng 7, mùa thu. Vì có tai biến, nhà vua lại hạ chiếu răn mình và đôn đốc bách quan.

Bài chiếu nói rằng : "Luôn mấy năm đây, tai biến dồn dập xảy đến, dân chúng ít được sinh sống thoả thuê, trẫm lấy làm lo sợ lắm. Bây giờ muốn nghĩ cách làm để qua khỏi tai biến, gây được vui hoà, thì há chẳng nên tuân theo hiến chương đã lập thành và sửa bỏ những chính sự có tệ hại hay sao ? Vậy nên cất

(1) Đây dịch theo nguyên văn là "bắc thú", nhưng thực tế thì Minh Anh Tông bị Dã Tiên, một tù trưởng ở phương Bắc Trung Quốc bắt giữ, khi đi đánh viên tù trưởng này. Về sau, được thả về, Minh Anh Tông lại làm vua lần thứ hai (1457 – 1464) nữa.

(2) - nt -

(3) Tức là Minh Cảnh Đế (1450 – 1456).

(4) Xem Chb.XV, 5

dùng những người thanh liêm, tài năng, sa thải những kẻ dần độn, đớn kém, thi hành việc thăng chức và giáng chức cho xứng đáng, tha thuế khoá, xét xử án ngục oan uổng, chẩn tế cứu giúp những người quan, quả, cô, độc[1]".

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ Minh Cảnh đế (1450 – 1456) lập Hoàng thái tử, có sai Hình bộ lang trung là Trần Kim và Hành nhân ti hành nhân là Quách Trọng Nam sang ta báo cáo và ban cho các cây hàng tấm màu sắc và có hoa. Chb. **XVIII**, 28

Nhà vua sai bọn Thẩm hình viện là Phạm Du, Hàn lâm viện trực học sĩ là Nguyễn Bá Ký, chỉ huy là Lê Thượng và Thị ngự sử là Lê Chuyên sang Minh để đáp tạ và đưa đồ mừng.

Lời chua – *Nguyễn Bá Ký* : Người làng Vân Nội thuộc huyện Chương Đức[2], đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu thìn (1448) năm Thái Hoà[3].

Quý Dậu, năm thứ 11 (1453). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Ân xá.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua bắt đầu chính mình cầm chính quyền. Đại xá cho cả nước. Đổi lại niên hiệu.

Kể từ năm sau (1454) là niên hiệu Diên Ninh thứ 1. Ban bố những điều đại xá cho cả nước. Truy tặng các công thần Lê Lễ, Lê Bị và Lê Triện mỗi người thêm tước một tư[4]. Cấp cho bọn Lê Sát, Lê Ngân, Lê Khả và Lê Khắc Phục mỗi người 100 mẫu ruộng quan. Thường thời vỗ về thăm hỏi những người quan, quả, cô độc[5]. Biểu dương những nghĩa phu[6], tiết phụ[7] do các quan địa phương đã tâu trình.

---

(1) Xem chú giải các số 1, 2, 3, 4 ở Chb. XIII, 6.

(2) Nay thuộc xã Viên Nội, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây.

(3) Tức là năm thứ 6 đời Lê Nhân Tông.

(4) Xem chú giải số 2 ở Chb. X, 18.

(5) Xem chú giải các số 1, 2, 3, 4 ở Chb. XIII, 6.

(6) Người chồng giữ tình chung thuỷ đối với vợ.

(7) Người đàn bà trinh tiết.

Lời phê[1] – *Thì ra những việc trước đây đều là vẽ vời hão cả. Cứ xem trong* Quang Thuận trung hưng ký[2] *mà* Sử cũ *đã chép phụ đó*[3] *thì đủ biết. Rồi đây, Lê Nhân Tông mắc phải nạn lớn*[4]*, thì ra trong đám tôi con đầy rẫy ở triều đình bấy giờ đều không có người nào là hiền đức cả. Đáng trách biết bao !*

Giáp Tuất, năm Diên Ninh thứ 1 (1454). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Đúc tiền Diên Ninh.

Ất Hợi, năm thứ 2 (1455). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 6). Sai Quốc tử bác sĩ Phan Phu Tiên sửa lại[5] **bộ Việt sử (Sử cũ không chép tháng).**

Bộ *Việt sử* này chép từ đời Trần Thái Tông (1225-1257) đến lúc người Minh rút về nước (1427), gồm 10 quyển. Chb. **XVIII**, 29

Lời chua – *Phan Phu Tiên* : Người làng Đông Ngạc[6], huyện Từ Liêm, đỗ khoa Minh kinh năm Kỷ Dậu (1429), niên hiệu Thuận Thiên[7].

Tháng 10, mùa đông. Châu Ngọc Ma có con chuột lớn bằng con lợn.

Lời chua – *Ngọc Ma* : Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 10).

Bính Tý, năm thứ 3 (1456). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 7). Tháng giêng, mùa xuân. Mở yến tiệc linh đình.

---

(1) Về việc Lê Nhân Tông từ nay chính mình cầm quyền, chứ không như trước đây phàm các chiếu chỉ và chính lệnh đều do bọn quyền thần bày đặt ra toàn là chuyện hão huyền cả.

(2) Nội dung tập *Quang Thuận trung hưng kí* này đại ý nói : Lê Nhân Tông bấy giờ còn bé, thái hậu Nguyễn Thị cầm quyền, triều thần hầu hết là vô học, bất tài, tham ô, thối nát, hối lộ công khai, văn giáo mịt mờ bế tắc, làm cho dân tình xao xuyến, đường sá nôn nao, trình bày một cảnh tượng đầy suy đốn !

(3) Xem *Toàn thư bản kỉ* XI, 96-97.

(4) Chỉ việc Lê Nhân Tông bị Nghi Dân giết hồi tháng 10 năm Kỷ Mão, 1459. (Xem Chb, XVIII, 34).

(5) Nguyên văn là "tu".

(6) Tục gọi là làng Vẽ. Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

(7) Xem thêm chú giải số 3, "Lời tổ Biên dịch", ở *Cương mục* tập I, trang 6.

Tháng 2. Phong Cầm Công, thổ tù châu Quy Hợp, làm Trấn viễn tướng quân.

Nhà vua sai viên ngoại lang Trịnh Dao đem sắc thư đến yên ủi dụ bảo Cầm Công và ban cho áo dệt kim tuyến, mũ cao sơn, yên ngựa và bàn ghế.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép là Hợp Châu. Nay xét* Nghệ An chí *thì châu Quy Hợp là đất Bồn Man xưa*(1), *Cầm thị nối đời làm thổ tù. Vậy xin cải chính.*

Nhà vua đi Lam Kinh.

Nhà vua đi Tây Kinh(2) bái yết lăng tẩm, dùng bọn Lê Hiên và Lê Lựu sung chức Lưu thủ Đông Kinh(3).

Lời chua – *Lam Kinh* : Tức Tây Kinh. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb, XV, 26)(4).

Mưa đá. Chb. **XVIII**, 30

Nhà vua đến Lam Kinh. Đêm hôm ấy, mưa đá.

Nhằm ngày rằm, nhà vua đem các quan đi bái yết sơn lăng, sắm đủ lễ vật để cáo miếu, đánh trống đồng, tấu đại nhạc : hàng võ thì biểu diễn điệu múa "Bình Ngô phá trận", hàng văn thì biểu diễn múa "Chư hầu đến chầu". Cách đó vài ngày, nhà vua ban yến và tặng phẩm cho các quan đi hộ giá(5) có hơn kém khác nhau. Rồi bàn đặt tên cho các cung điện ở Lam Kinh ; chính điện gọi là Quang Đức, điện phía trước gọi là Sùng Hiếu, điện phía sau gọi là Diễn Khánh.

Nhà vua từ Lam Kinh về đến kinh đô.

Mặt trời có quầng.

Có cái quầng, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, như hình cầu vồng, bao quanh mặt trời.

---

(1) Xem lời chua của *Cương mục* ở Chb, XVIII, 8.

(2) Tức Thanh Hoá (xem thêm Lời chua ở dưới của *Cương mục*).

(3) Tức Thăng Long, nay là Hà Nội.

(4) Xem thêm Thuận Thiên năm thứ 6 (Chb, XV, 33).

(5) Đi theo hầu xa giá nhà vua.

Tháng 3. Nhà vua sai bọn Nhập nội đô đốc Lê Ê và Nhập nội hành khiển Đào Công Soạn đi lên địa giới Thái Nguyên để hội đồng với người Minh làm việc khám xét về biên giới, nhưng tam ti[1] nhà Minh không đến. Bọn Lê Ê bèn trở về.

Trước kia, bọn Triệu Nhân Chính, Tri châu châu An Bình nhà Minh, và Nông Hồng Nguyên[2], Tri châu châu Hạ Tư Lang thuộc trấn Thái Nguyên bên ta, cùng xâm lấn bờ cõi của nhau[3]. Việc này bên ta đã tâu lên vua Minh để tranh biện cho rõ rệt. Vua Minh sắc sai bọn tổng binh quan An Viễn hầu là Liễu Truyền kết hợp với ba ti Đô[4], Bố[5], Án[6] ở Quảng Tây đến tận nơi biên giới để hội đồng với các kỳ mục nước ta, đem bọn Nhân Chính và Hồng Nguyên ra đối chất, rồi tâu các lý do một cách đầy đủ và minh bạch để vua Minh nghe.

Chb. **XVIII**, 31

Nhà vua bèn sai bọn Lê Ê đi lên đầu địa giới Thái Nguyên để chờ đợi, nhưng ba ti nhà Minh không đến, bọn Lê Ê quay về.

Lời chua – *An Bình* : Tên châu, xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 5 (Chb, XVII, 17).

Hạ Tư Lang : Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 3 (Chb. III, 3).

Tháng 5, mùa hạ. Ban chiếu răn dạy trăm quan phải cẩn thận làm tròn chức vụ.

Tờ chiếu nói rằng : "Người làm tôi phải nên giữ trọn chức vụ.

---

(1) Tức là Đô chỉ huy, Bố Chính ty và Án sát ty.

(2) *Cương mục* Chb. XVII, 17 chép là Nông Kính.

(3) Xem Chb. XVII, 17.

(4) Đô chỉ huy ty coi về quân sự.

(5) Bố chính ty coi về tài chính và thuế khoá.

(6) Án sát ty coi về tư pháp.

"Đại thần thì giúp vua, điều hoà xoay chuyển trời đất, tiến cử người hiền, gạt bỏ những kẻ không tốt để mưu tính cho việc chính trị được hay".

"Người cai quản quân đội thì vỗ về thương yêu binh sĩ, luyện tập võ nghệ, không nên bắt quân lính làm việc riêng cho mình và xâm phạm xà xẻo của công".

"Các Hành khiển ở năm đạo[1] phải nên trình bày điều lợi và điều hại, phân biệt cái tốt và cái xấu ; cần phải làm cho xong xuôi ổn thoả tất cả những việc nên làm ở địa phương".

"Các quan ở Ngự sử đài thì nên giúp vua sửa điều lỗi, chữa điều lầm, trừ bỏ điều ác, biểu dương điều thiện".

"Nội mật viện thì nên tuân giữ điển chương pháp độ, giãi bày tâu trình một cách tường tận rõ ràng".

Quan giữ hình ngục thì nên xét xử công bằng, cởi gỡ oan uổng, cốt sao cho thấu được dân tình.

"Các chức ở phủ, ở lộ, ở châu, ở huyện thì nên biểu dương ý tốt của nhà vua, vỗ về dân chúng".

"Các học quan thì nên cẩn thận gìn giữ quy luật việc học, dạy dỗ lớp người hậu tiến khiến cho ai nấy đều được thành tài". Chb. **XVIII**, 32

"Cho đến những người coi kho tàng hay là làm việc ở các cục, các thự cũng đều phải nên kính cẩn gìn giữ phận sự mình, chớ để thiếu sót chức vụ".

Nước đầm ở Lam Kinh ngầu đỏ.

Lời chua – *Đầm* : Theo "Địa dư chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì phía sau Lam Kinh có cái hồ cực rộng lớn, hứng nhiều dòng nước dồn vào. Đầm đây, có lẽ là cái đầm này.

Cấp phát tiền bổng hàng năm cho trăm quan.

(1) Xem Chb. XIII, 32 và XV, 5, 6.

Trước kia, các vương, các công chúa và các đại thần văn võ bách quan đều chiếu theo phẩm trật cao hay thấp mà được hưởng số hộ để ăn lộc nhiều hay ít. Đến đây, lại cấp thêm cho tiền bổng hằng năm có hơn kém khác nhau.

Lê Lựu, Đô đốc Tây đạo, tâu rằng : "Tôi không có công trạng gì, được ăn lộc đến năm mươi hộ đã là quá phận mong ước rồi, thế mà nay lại được cấp cho tiền bổng hằng năm nhiều gấp đôi ! Vậy xin từ, không dám nhận".

Lời chua – *Hộ ăn lộc, tiền bổng* : Theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn thì đầu đời Lê, chế độ bổng lộc để nuôi dưỡng thế này : hoặc ban cho năm mươi hộ hay một trăm hộ để người được hưởng cứ lấy thuế ở các hộ ấy mà ăn. Cũng có khi ban thêm lộc điền nữa. Lại quy định : phàm các vương, các công chúa và các đại thần văn võ bách quan, hằng năm, được cấp tiền bổng có hơn kém khác nhau. Ngoài ra, không khảo được hơn nữa. Chb. **XVIII**, 33

Biểu dương người tiết phụ họ Nguyễn ở Nam Sách.

Nguyễn Thị (không rõ tên), người làng Đào Cốc, huyện Chí Linh, phủ Nam Sách[1], là vợ xã quan Nguyễn Văn Điều. Từ khi chồng chết, bà ở goá, không có điều tiếng gì. Việc lên đến triều đình. Nhà vua hạ chiếu ban cho tấm biển màu vàng biểu dương ở chỗ cổng nhà bà. Con cháu được miễn sai dịch để ở nhà hầu hạ phụng dưỡng bà.

Lời chua – *Nam Sách* : Tức Nam Sách : Xem thuộc Tần[2], Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb.V, 22).

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Tháng 6. Tha Thái uý Lê Thụ là khỏi ngục[3].

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

---

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

(2) Đây dịch theo nguyên văn, phải chép là "đương Tấn" (ngang với Tấn) mới đúng.

(3) Về việc Lê Thụ bị tội, xem thêm Chb. XVIII, 27.

Bấy giờ sứ nhà Minh sang ban cho áo cổn và mũ miện. Nhà vua sai bọn Trung thư thị lang Nguyễn Đình Mỹ sang nhà Minh dâng lễ tuế cống và tạ ơn về việc ban mũ áo.

Tháng 11. Có con hổ lọt vào trong thành.

Hổ vào chùa Diên Hựu ở trong thành. Nhà vua sai võ sĩ đâm chết.

Lời chua – *Chùa Diên Hựu* : Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 1 (Chb. III, 14).

Đinh Sửu, năm thứ 4 (1457). (Minh, Anh Tông, năm Thiên Thuận thứ 1).

Chb. **XVIII**, 34

Tháng 9, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ Minh Anh Tông lại làm vua, lập con là Kiến Thâm làm Hoàng thái tử. Vua Minh sai bọn Thượng bảo khanh[1] Hoàng Gián sang ta báo cáo về việc đó và ban cho các cây hàng tấm màu sắc và có hoa. Nhà vua sai bọn Tả nạp ngôn Lê Hy Cát, Hàn lâm viện thị giảng Trịnh Thiết Trường và khởi cư xá nhân Nguyễn Thiên Tích sang Minh đáp tạ và dâng đồ mừng.

Lời chua – *Lê Hy Cát* : Người Lam Sơn, huyện Lương Giang[2].

Trịnh Thiết Trường : Người làng Đông Lý, huyện An Định[3], đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442), năm Đại bảo.

Gió to từ tháng 8 đến tháng 9 này.

Mậu Dần, năm thứ 5 (1458). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 2).

Kỷ Mão, năm thứ 6 (1459). (Từ tháng 10 trở đi là Nghi Dân năm Thiên Hưng thứ 1 - Minh, năm Thiên Thuận thứ 3).

---

(1) Chức quan do nhà Minh đặt, có nhiệm vụ giữ các bảo tỉ, ấn tín, v.v.

(2) Thuộc Thanh Hoá.

(3) Thuộc Thanh Hoá.

Tháng 10, mùa đông. Lạng Sơn vương Nghi Dân giết nhà vua và Hoàng thái hậu mà tự lập làm vua. Thị hậu phó chưởng[1] Đào Biểu tử tiết.

Nhà vua ở ngôi được 17 năm thì bị giết, thọ 19 tuổi.

Trước kia, Dương Thị, mẹ Nghi Dân, phạm tội với vua Thái Tông, nên bị phế. Vì mẹ như vậy, Nghi Dân không được lập, ngầm có ý khác, ngấp nghé nom dòm ngôi báu. Cùng với chỉ huy Lê Đắc Ninh mưu cuộc nổi loạn, Nghi Dân, đang đêm, đem đồ đảng là bọn Phạm Đồn, Phan Ban và Trần Lăng hơn trăm tên vô lại bắc thang trèo vào thành. Đắc Ninh, đêm ấy, đúng phiên túc trực, đem Cấm quân làm nội ứng. Nghi Dân bèn giết nhà vua ở trong cung cấm. Ngày hôm sau, Hoàng thái hậu cũng bị hại. Thị hậu phó chưởng Đào Biểu tử tiết. Chb. **XVIII**, 35

Nghi Dân liền tiếm ngôi, xưng đế, đổi niên hiệu là Thiên Hưng, đại xá cho cả nước, ban cho văn võ bách quan mỗi người được tước một tư[2], sai bọn Thị chế Trần Phong, Lương Như Hộc và Trần Bá Linh sang Minh cầu xin phong vương.

Lời chua – *Phạm Đồn, Phan Ban* : Đều là người huyện Thanh Lâm[3].

Trần Phong : Người huyện Tiên Lữ[4], đỗ khoa Hoành từ năm Tân Hợi (1431) niên hiệu Thuận Thiên.

Trần Bá Linh : Người Thị Cầu, huyện Võ Giàng[5], đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442), niên hiệu Đại Bảo.

---

(1) Một chức quan ở trong nội cung, hầu cận nhà vua.

(2) Xem chú giải số 2 ở Chb, X, 18.

(3) Nay thuộc huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

(4) Nay thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

(5) Nay là phường Thị Cầu, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 19

Từ Canh Thìn, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất (1460) đến Ất Dậu, Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 6 (1465), gồm sáu năm. Chb. **XIX**, 1

*

Canh Thìn, Thánh Tông Thuần hoàng đế, năm Quang Thuận nhứ nhất (1460). (Nghi Dân, năm Thiên Hưng thứ 2. – Minh, Anh Tông, năm Thiên Thuận thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Có sao Bột xuất hiện ở vị trí sao Dực.

Lời chua – *Bột* : Theo *Hán thư âm nghĩa*[1] ngôi sao khác thường, gọi là sao Bột ; tia sáng của sao toả ra bốn mặt gọi là bột, cũng gọi là sao Sàm Sang.

Dực : Theo *Đại thanh nhất thống chí*, sao Dực và sao Chẩn đứng về vị trí thuần vĩ, thuộc dã phận nước An Nam.

Nghi Dân chia đặt quan chức làm sáu bộ, sáu khoa, lại bàn đặt chức ở phủ, huyện và châu.

Quan chức hồi đầu triều Lê : ở trong kinh chỉ đặt hai bộ : Lại bộ và Lễ bộ, còn các bộ Hộ, Binh, Hình, Công và sáu khoa chưa sắp đặt được đầy đủ. Năm đạo[2] ở ngoài kinh sư đều đặt

---

(1) Theo phần *Kinh tịch chí* trong *Tùng thư* thì sách *Hán thư âm nghĩa* có hai bộ : một bộ 7 quyển, tác giả Vi Chiêu, một bộ 12 quyển, tác giả Tiêu Cai. Ở đây *Cương mục* không nói rõ tên tác giả, nên không rõ câu này đã dẫn ở sách *Hán Thư âm nghĩa* nào.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XV, tờ 5.

chức Hành khiển giữ việc quân và dân ; lại chia đặt quan chức ở phủ, lộ, trấn, huyện, châu, để lệ thuộc vào quan Hành khiển. Đến nay Nghi Dân mới đặt thêm bốn bộ : Hộ, Binh, Hình, Công cùng với hai bộ Lại và Lễ làm thành sáu bộ. Lại đặt sáu khoa là : Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa và Bắc khoa. Về chức quan ở ngoài thì Nghi Dân bàn đặt lại quan chức ở phủ, huyện và châu.

Lời chua – *Hành khiển năm đạo* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 5–6).

Chức quan ở lộ, phủ, trấn, châu và huyện hồi đầu triều Lê : xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7[1] (Chb. XX, 7). Chb. XIX, 2

Sáu bộ, sáu khoa : Quan chức và nhiệm vụ, xem Lê Thánh Tông năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 12–26)[2].

Nghi Dân đổi đặt lại chức quan ở phủ huyện châu : Sự sắp xếp thế nào nay không khảo cứu được.

Tháng 5, mùa hạ. Sao Xuy Vưu kỳ[3] xuất hiện, chiều dài chạy suốt trên không.

Sao Xuy Vưu bạch kỳ (3) chiếu dài từ đông sang tây toả ánh sáng ngang trời.

Lời chua – *Xuy Vưu kỳ* : Theo phần *"Thiên quan thư"* trong *Sử ký* thì cờ xí Xuy Vưu (3) giống cái chổi mà đằng sau cong, hình dáng giống lá cờ thường. Nếu sao Xuy Vưu kỳ xuất hiện thì vua chúa sẽ phải đi đánh dẹp bốn phương.

Tháng 6. Đại thần, bọn Lê Xí, giết đảng phản nghịch là tên Đồn[4], tên Ban, truất Nghi Dân làm Lệ Đức hầu, rồi giết đi.

---

(1) Nguyên văn trong *Cương mục* in lầm chữ "thất" ra chữ "lục".

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển VII, tờ 30-31.

(3) Xuy Vưu : tên người. Theo truyền thuyết thì đời thượng cổ Trung Quốc, Xuy Vưu pháp thuật cao cường, đánh nhau với Hoàng đế ở đất Trác Lộc, Xuy Vưu kỳ, nghĩa đen là cờ của Xuy Vưu nhưng ở đây là tên một ngôi sao khác thường.

(4) Có một âm nữa là Truân.

Cướp ngôi vua được 8 tháng, Nghi Dân tin nuông bọn gian tà, giết hại đại thần, thay đổi hết phép tắc của tiên tổ. Người trong nước ai cũng oán giận. Ngày 6 tháng 6, các đại thần là :

– Thái bảo Lê Xí và Lê Liệt.

– Nhập nội Điểm kiểm Bình chương quân quốc trọng sự Lê Lăng.

– Nhập nội Đại hành khiển Lê Vĩnh Trường.

– Xa kỵ vệ đồng tổng tri Lê Niệm, Chb. **XIX**, 3

– Ngự tiền hậu quân tổng tri Lê Nhân Thuận,

– Ngự tiền trung quân tổng tri Lê Nhân Khoái.

– Ngự tiền thuỷ quân tổng tri Trịnh Văn Sái,

– Bắc đạo thiêm tri Trịnh Đạc,

– Điện tiền đô chỉ huy Nguyễn Đức Trung,

– Thiết đột tả quân đại đội trưởng Nguyễn Yên,

– Điện tiền ti chỉ huy Lê Yên và Lê Giải bàn định với nhau rằng : "Lạng Sơn vương[1] câu kết với tên Đồn, tên Ban, dám làm việc giết vua cướp ngôi tức là hạng ác nghịch nhất nước ; chúng ta mang danh nghĩa là những bầy tôi công lao với nước, cố cựu trong triều, thế mà đứng ở triều đình với kẻ giết vua cướp ngôi, thì còn mặt mắt nào trông thấy tiên đế[2] ở dưới đất được nữa" !

Sau khi ở triều lui ra, các đại thần đều ngồi cả tại nhà nghị sự, bọn Lê Xí đứng đầu xướng suất việc nghĩa, trước hết giết tên Đồn, tên Ban ở ngay trước nhà nghị sự, sau đóng các cửa thành lại, rồi sai bọn Nhân Thuận thống lĩnh cấm binh bắt đảng phản nghịch là lũ Trần Lăng hơn một trăm người đều giết

(1) Tước cũ của Nghi Dân. Xem *Chính biên* quyển XVII, tờ 21.

(2) Chỉ Lê Thái Tổ.

hết. Các đại thần định nghị : truất Nghi Dân làm Lệ Đức hầu, bắt phải thắt cổ tự tử.

Lời phê – *Việc làm của bọn Lê Xí, so với việc Chu Bột giết bọn họ Lữ mà lập Hán Văn đế*(1) *cũng không hổ thẹn gì cả. Trong nước có người trọng thần, chính cần ở lúc này.*

Lời cẩn án – Sử cũ *chép quan, tước của bọn Lê Xí, Lê Liệt và Lê Niệm như thế này : "Bình chương quân quốc trọng sự á quận hầu Lê Xí và Lê Liệt ; Tư mã tham dự triều chính Đình thượng hầu Lê Niệm". Nhưng tra trong* Thông sử(2) *: Lúc giết Nghi Dân thì Lê Xí và Lê Liệt cùng giữ chức Thái bảo ; Lê Niệm giữ chức Xa kỵ đồng tổng tri, còn tước Á quận hầu của Xí và Liệt, tước Đình thượng hầu của Niệm là sau khi nhà vua [Thánh Tông] lên ngôi rồi mới phong cho. Vì thế nay cải chính lại.* Chb. **XIX**, 4

Lời chua – Theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn ;

Lê Lăng : Con của Lê Triện. Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 9).

Nguyễn Đức Trung : Người làng Gia Miêu ngoại, huyện Tống Sơn(3).

Lê Niệm : Người làng Đức Giang, huyện Lương Giang(4).

Theo mục "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép về quan chế hồi đầu triều Lê :

Thái bảo : Một chức trọng yếu trong hàng đại thần.

Điểm kiểm bình chương quân quốc trọng sự : Chức tể tướng.

---

(1) Sau khi Hán Cao Tổ mất, vợ là Lữ hậu chuyên quyền, Lữ Lộc và Lữ Sản toan cướp ngôi vua nhà Hán. Thái uý nhà Hán là Chu Bột đem quân giết Lữ Lộc, Lữ Sản cùng đồ đảng họ Lữ, lập con Hán Cao Tổ làm vua, tức Hán Văn đế.

(2) Tức *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn biên soạn ngày tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749).

(3) Nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

(4) Huyện Lương Giang cũ nay là các huyện Đông Sơn, Lang Chánh, Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hoá.

Đại hành khiển : Chức tể tướng thứ hai.

Những đại thần nào vào hạng thân cận với vua hoặc được vua tin dùng đều được thêm chữ "nhập nội"[1].

Xa kỵ vệ : Một vệ trong 14 vệ của Thiết đột quân.

Ngự tiền quân : Có các danh hiệu : Trung quân, Tiền quân, Tả quân, Hữu quân và Hậu quân.

Ngự tiền thuỷ quân : Gọi là quân Thiện trạo (quân lành nghề bơi thuyền).

Các quân kể trên đều có đặt chức quan đứng đầu là Tổng tri, Đồng tổng tri.

Lịch triều hiến chương lại chép : hồi đầu triều Lê chia trong nước làm năm đạo, các lộ Bắc Giang, Lạng Sơn và Thái Nguyên thuộc về *Bắc đạo*. Ở đạo có chức *Hành khiển* đứng đầu, thứ nhì đến chức *Thiêm tri*. Hai chức quan này chia nhau giữ sổ sách quân và dân.

Điện tiền ti : Có chức đô chỉ huy sứ và chức chỉ huy sứ, những chức quan này đều là tướng hiệu chầu chực ở trong nội điện.

Thiết đột : Chia ra năm hiệu quân là : trung, tiền, hậu và tả, hữu, mỗi quân có đặt chức Tổng quản đứng quản lĩnh, mỗi đội đều có đặt một Đại đội trưởng.

Các đại thần rước Bình Nguyên vương[2] Tư Thành vào cung điện lên ngôi vua. Đại xá cho cả nước. Chb. **XIX**, 5

Các đại thần cùng nhau bàn rằng : "Ngôi vua rất trọng đại, người giữ ngôi vua là rất khó khăn, nếu không phải người có đức độ lớn không thể nào đương nổi. Nay Gia vương[3] là người sáng suốt, có tài trí, có đạo đức, các vương khác không thể so bì kịp, lòng người ai cũng trông mong, như thế có thể biết được

(1) Trên phần hiện hàm được đề thêm hai chữ "nhập nội". Ví dụ Nhập nội tư mã, Nhập nội hành khiển, Nhập nội thiếu bảo. v.v...

(2) Xem Lời cẩn án và Lời chua của *cương mục* ở dưới.

(3) Xem lời cẩn án và lời chua của *Cương mục* ở dưới.

ý trời đã định". Rồi các đại thần liền dùng xa giá rước vương ở Gia để[1], vương vào trong cung, lên ngôi vua ở điện Tường Quang, đổi niên hiệu là Quang Thuận, đại xá cho cả nước.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép : "Đại thần bàn định rước Gia vương lập làm vua". Nay xét : vua Thánh Tông trước được phong là Bình Nguyên vương, đến lúc Nghi Dân cướp ngôi, đổi phong là Gia vương. Vì thế, ở đây đổi đi mà chép tước cũ của nhà vua là "Bình Nguyên vương". Chép như thế là có ý không tán thành việc Nghi Dân phong tước cho nhà vua.*

Lời chua – *Vương* : Tên huý là Tư Thành, lại một tên huý nữa là Hạo, con thứ tư của Lê Thái Tông, sinh ngày 20 tháng 7 năm Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 2 (1441). Năm Thái Hoà[2] thứ 3 (1445), được phong Bình Nguyên vương ; năm Diên Ninh thứ 6 (1459), Nghi Dân cướp ngôi vua, đổi phong là Gia vương.

Gia vương : Theo quan chế triều Lê, hoàng tử được phong vương thì dùng tên một phủ làm hiệu để phong, chữ "gia" ở đây tức là phủ Gia Hưng.

Bình Nguyên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6. (Chb. II, 18).

Gia để : *Sử cũ* chua : "Có một thuyết nói là Tây để". Về việc này *Sử cũ* chua thế này : "Sau khi đã giết Nghi Dân, đại thần đi rước Cung vương Khắc Xương, Cung vương cố ý từ chối, mới đến rước nhà vua ở Tây để". Chb. **XIX**, 6

Truy tặng tước cho nội quan Thị hậu phó chưởng là Đào Biểu và giết tên Lê Đắc Ninh.

Trước kia Nghi Dân mưu tính việc khởi loạn, bí mật câu kết với Điện tiền đô chỉ huy Lê Đắc Ninh làm tay ứng viện ở trong nội thành. Lúc Nghi Dân cất lẻn vào trong cung thành, gặp Đắc Ninh đương phiên chầu chực, Ninh đem cấm binh giúp

(1) Phủ đệ của Gia vương.

(2) Niên hiệu Lê Nhân Tông.

Nghi Dân làm việc bạo nghịch, nên Nhân Tông và Thái hậu đều bị hại. Lúc ấy nội quan Thị hậu phó chưởng là Đào Biểu tử tiết theo vua[1] sau gia sản của Biểu bị tịch thu sung công. Khi nhà vua đã lên ngôi, truy tặng Đào Biểu tước một tư[2] và ban cho 5 mẫu tự điền[3], trả lại điền sản bị tịch thu từ trước cho vợ con, để nêu gương trung nghĩa của Đào Biểu. Một mặt định tội giúp việc bạn nghịch của Đắc Ninh rồi đem giết đi.

Lời chua – *Một tư* : Cũng như một bậc. Theo quan chế trong nội điện triều nhà Lê, thì người nào giữ chức Thị hậu chánh chưởng ở cung Thiên Hoà được hàm tùng lục phẩm, trong tờ cáo thụ được phong là mậu lâm tá lang ; người nào giữ chức Thị hậu phó chưởng, được hàm chánh thất phẩm, trong tờ cáo thụ được phong là cẩn sự lang. Nay truy tặng cho Đào Biểu tước một tư, tức là chức thị hậu chánh trưởng, hàm tùng lục phẩm, cáo thụ mậu lâm tá lang.

Từ tháng 2 đến tháng 6 không mưa.

Ngày Quý Dậu. Truy tôn miếu hiệu Nhân Tông và tôn thuỵ Hoàng thái hậu. Chiều hôm ấy có mưa.

Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, cáo phó việc tang Nhân Tông và Thái hậu cho mọi người biết, lại làm lễ phụ tế[4] Nhân Tông ở nhà thái miếu, dâng tôn hiệu là Khâm văn nhân hiếu tuyên minh hoàng đế, miếu hiệu là Nhân Tông ; truy dâng tôn thuỵ Thái hậu họ Nguyễn là Tuyên từ nhân ý chiêu túc hoàng thái hậu. Chiều hôm ấy mới mưa.

Chb. **XIX**, 7

Lời chua – Theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn thì : *Tuyên từ hoàng thái hậu* : họ Nguyễn, tên huý là Anh, người làng Bố Vệ, huyện Đông Sơn thuộc Thanh Hoá, được tuyển vào chầu Thái Tông

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XVIII, tờ 34-35.

(2) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.

(3) Hoa lợi ruộng này dùng vào việc cúng tế giỗ chạp.

(4) Người chết dầu là con cháu, nhưng cứ sau ngày chết một trăm ngày rước bài vị người ấy lên nhà Thái miếu để được phụ thờ với tiên tổ gọi là lễ phụ.

phong là thần phi[1], sinh ra Nhân Tông, sau khi Thái Tông mất, Nhân Tông tôn làm Hoàng thái hậu, hậu bị hại trong lúc Nghi Dân khởi loạn.

Tôn mẹ là Tiệp Dư[2] họ Ngô làm Hoàng thái hậu.

Thái hậu, họ Ngô, người làng Động Bàng huyện An Định, bố là Ngô Từ, thờ Lê Thái Tổ, vì có công được phong hàm Thái bảo. Trước kia, Thái hậu được tuyển vào hầu Thái Tông, phong làm Tiệp Dư (3), sinh nhà vua ở cung Khánh Phương. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, tôn làm Hoàng thái hậu.

Lời chua – *An Định* : Tên huyện, nay thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua ra sắc lệnh : Từ nay, những việc trong cung cấm không ai được tiết lộ ra bên ngoài.

Nhà vua răn sợ về việc khởi loạn đời Diên Ninh[3], bèn ra sắc lệnh cho bọn quan chức trong Nội mật và người trong cung : phàm có chiếu chỉ của vua và các việc trong cung không được tiết lộ trước cho những thân thích hoặc người ngoài biết.

Nhà vua lại ra sắc lệnh cho những người bói rùa, bói cỏ thi, người theo đạo Lão, đạo Thích không được giao thiệp với người trong cung cấm. Chb. **XIX**, 8

Ra sắc lệnh cho các quân hiệu giảng tập về quân sự.

Nhà vua ra sắc dụ cho các viên Tổng quản ở các vệ quân 5 đạo và ở phủ, ở trấn : Phàm đã có quốc gia, tất phải có quân sự để phòng bị. Vậy từ nay các viên Tổng quản phải dựa theo trận đồ, nghiêm ngặt đốc sức các đội ngũ luyện tập, để quân sĩ học tập được thành thuộc, không được quên phòng bị về mặt quân sự.

---

(1) Cũng như quý phi, một danh hiệu của phi tần, vợ vua chúa đời phong kiến.

(2) Danh hiệu một nữ quan ở trong cung, cũng là vợ vua, nhưng cấp bậc thấp hơn các hàng phi tần.

(3) Niên hiệu Lê Nhân Tông (1454-1459).

Lời chua – *Vệ quân năm đạo* : Ở vệ đặt chức Tổng quản. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 5).

Tháng 8. Hạ chiếu : Đổi tên những họ nào đã phạm vào chữ huý của Cung từ hoàng thái hậu.

Nhà vua lấy cớ rằng : Cung từ hoàng thái hậu họ Phạm, tên huý là Ngọc Trần, nên yết thị cho trong kinh thành, ngoài các đạo, phàm nơi nào có họ "Trần" đổi chép làm chữ "Trình".

Lời chua – *Cung từ hoàng thái hậu* : Theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, hậu, tên huý là Ngọc Trần, người làng Quần lai[1] huyện Lôi Dương là vợ Lê Thái Tổ và là mẹ đẻ của Lê Thái Tông. Lúc Thái Tổ khởi nghĩa, hậu bị mất trước. Đến lúc Thái Tổ mất, Thái Tông nối ngôi vua, truy tôn hậu làm Cung từ quang hoàng thái hậu. Chb. **XIX**, 9

Hạ chiếu cho quân và dân nộp thóc, sẽ trao cho quan tước.

Phàm quân và dân, người nào tình nguyện nộp thóc, sẽ tuỳ theo số thóc nộp nhiều hay ít trao cho quan tước : người nộp 200 hộc thóc sẽ ban cho hàm chánh thất phẩm, chức tản quan[2] ; nộp 150 hộc sẽ ban cho hàm tòng thất phẩm, chức tản quan ; nộp 100 hộc sẽ ban cho hàm tòng bát phẩm, chức tản quan ; con trai các viên tản quan này đều được miễn tuyển làm lính ; người nào nộp 70 hộc sẽ ban cho hàm tòng cửu phẩm, chức tản quan, viên quan này chỉ có bản thân mình được miễn dao đài tạp dịch.

Tháng 10, mùa đông. Định thứ tự trên dưới những bầy tôi có công : tiến phong[3] Á quận hầu Lê Xí tước Quỳ quận công, Lê Liệt tước Lân quận công, Đình thượng hầu Lê Niệm tước Kỳ quận công, còn bọn Lê Lăng đều

(1) Nay thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.

(2) Viên quan giữ chức nhàn tản, hoặc viên quan không có nhiệm vụ nhất định, khi nào có việc gì cần sẽ dùng đến, khác với viên quan giữ việc phiền kịch như hành chính, việc hình ngục, việc quân sự. v.v...

(3) Được phong chức tước cao hơn chức tước cũ.

tuỳ theo công trạng lớn nhỏ được phong tước cao thấp khác nhau.

Nhà vua mới lên ngôi ; bổ dụng Lê Xí, Lê Liệt làm Nhập nội Thái phó bình chương quân quốc trọng sự, phong tước Á quận hầu ; Lê Niệm làm Nhập nội Tư mã, phong tước Đình thượng hầu. Đến nay lại sai bọn Lê Xí, Lê Liệt xét những bầy tôi có công đánh giết đảng phản nghịch kê riêng từng loại công lao theo thứ tự trên dưới tâu lên nhà vua.

Theo thứ tự thì, Lê Nhân Thuận là người đầu tiên cùng các đại thần xướng suất việc nghĩa, lại chém ngay tên phản nghịch Trần Lăng trước tiên, nên công được đứng hàng thứ nhất, rồi đến Trịnh Đạc, Nguyễn Đức Trung, Nguyễn Yên, Lê Vĩnh Trường, Lê Bô và Lê Giải đứng hàng thứ nhì ; bọn Lê Bảo, Lê Quyết Trung, Lê Nhân Quý và Lê Lật 49 người đều có tham dự bàn định mưu kế đứng hàng thứ ba. Ngoài ra, còn bọn Nguyễn Trợ, Nguyễn Ngôn, Lê Sư Lộ 6 người đều được sắp xếp thứ tự theo công lao của từng người. Chb. **XIX**, 10

Tiến phong Lê Xí tước Quỳ quận công, Lê Liệt tước Lân quận công, Lê Niệm làm Thái phó, tước Kỳ quận công, Lê Lăng làm Thái bảo, Lê Thọ Vực làm Tả đô đốc và Lê Khang làm Văn Chấn hầu.

Lời chua – *Lê Thọ Vực* : Theo tập *Vĩnh Lộc huyện chí* của Lưu Công Đạo, thì Lê Thọ Vực người làng Thái đường, huyện Vĩnh Lộc[1] là con của Thái bảo Lê Sao.

Lê Lỗi : Theo lời chua của *Sử cũ*, thì Lê Lỗi là con của Lê Nhữ Lãm.

Quan chế triều Lê, bầy tôi có công được liệt vào hạng phong tước là quốc công hoặc quận công, thì dùng chữ tên của một phủ hoặc một huyện để làm hiệu phong tước : *Quỳ quận công* tức phủ Quỳ Châu ; *Lân quận công* tức phủ Trà Lân ; *Kỳ quận công* tức huyện Kỳ Sơn.

(1) Nay thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Hạ lệnh : viên quan nào không có con, chuẩn y cho một người con thừa kế được thừa ấm.

Phàm quan viên trong kinh sư, ngoài các đạo, theo thể lệ con được ấm sung, mà viên quan ấy không có con trai, thì được phép nuôi một người con của thân thích trong họ mình làm thừa kế để tập ấm.

Lời chua – *Ấm sung* : Theo *Thiên nam dư hạ tập* của Lê Hồng Đức[1] thì thể lệ ấm tử của các quan viên như thế này : Chb. **XIX**, 11

– Con trưởng và các con thứ của quan văn quan võ hàm nhất nhị phẩm ;

– Con trưởng của viên quan hàm tam phẩm : nếu người con trưởng ấy, là người không biết chữ thì sung vào ngạch tuấn sĩ vệ cẩm y, nếu là người thông hiểu nghĩa sách, thì khảo hạch, rồi cho sung vào ngạch nho sinh quán Sùng văn :

– Các con thứ của viên quan hàm tam phẩm và con trưởng của các viên quan hàm tứ, ngũ, lục, thất và bát phẩm : những người này, nếu người nào không thông hiểu nghĩa sách, thì lựa chọn để bổ sung vào vệ Vũ Lâm ; nếu người nào thông hiểu nghĩa sách thì cho sung vào ngạch nho sinh cục Tú Lâm ; người nào có tài làm lại, thì khảo hạch, rồi cho sung vào ngạch lại điển[2] ở các nha môn trong kinh đô hoặc ngoài các đạo.

Biểu dương người có đức hiếu và để là Nguyễn Liêm.

Nguyễn Liêm, người làng Mỗ Xá, phủ Ứng Thiên, nổi tiếng là người hiếu hạnh với cha mẹ, hoà thuận với anh em. Nhà vua ban cho biển ngạch[3] hạ lệnh cho sở tại dựng một cái lầu cao ở

(1) Niên hiệu Lê Thánh Tông (1470 – 1497).

(2) Những chức có nhiệm vụ thảo thiện giấy tờ như trát về công văn, như bọn thư lại, thông lại, đề lại hoặc thừa phái, lục sự sau này.

(3) Dùng một phiến gỗ hình chữ nhật, trên mặt phiến gỗ ấy khắc những chữ mà vua chúa đã ban ân cho một người nào đó. Thông thường thì xung quanh phiến gỗ ấy có chạm trổ và sơn son thếp vàng, những chữ khắc vào phiến gỗ ấy thì sơn then.

ngoài cổng[1] để biểu dương cho mọi người biết và tha dao đài tạp dịch cho bản thân Nguyễn Liêm.

Lời chua – *Ứng Thiên* : Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb. II, 18).

Ra sắc lệnh : những người ở ven biên giới không được giao thông với người nước ngoài.

Nhà vua chú ý về việc phòng bị ngoài biên giới, nên ra sắc lệnh cho các lộ, phàm người nào ở biên giới, phải canh giữ cửa ải cẩn thận, không được đi lại giao thiệp với người nước ngoài.

Đem ruộng ban cho cấp bầy tôi có công.

Ban cấp ruộng thế nghiệp cho 30 người bầy tôi có công : Lê Xí và Lê Liệt mỗi người đều được 350 mẫu ; Lê Lăng 300 mẫu ; Lê Niệm 200 mẫu ; Lê Nhân Thuận 150 mẫu ; bọn Lê Thọ Vực, Nguyễn Sư Hồi và Lê Nhân Khoái mỗi người đều 130 mẫu. Còn từ Trịnh Văn Sái trở xuống 22 người đều được cấp ruộng nhiều ít khác nhau. Chb. **XIX**, 12

Lời chua – *Nguyễn Sư Hồi* : Con của Lê Xí, Sư Hồi cũng được dự vào hạng có công trong lúc trung hưng[2], được phong chức Tả đô đốc, nhưng chưa được ban cho quốc tính[3].

Hạ lệnh cho bọn Lê Xí kê khai chi tiết những bầy tôi có công, người nào đáng được hoặc không đáng được ban cho quốc tính cùng con những người ấy có người nào chưa được cất nhắc, rồi tâu bày.

---

(1) Nhà nào được vua chúa biểu dương, thì ngoài cổng nhà ấy dựng một cái chòi cao, mặt ngoài cái chòi quay ra đường treo cái khung hình vuông có đề chữ, để người qua lại trông thấy. Ví dụ : những chữ "Tiết nghĩa môn" hoặc "Hiếu đễ môn". v.v...

(2) Chỉ vào lúc quần thần giết được Nghi Dân, rước Thánh Tông lên ngôi vua.

(3) Theo quan niệm đời phong kiến, cho họ của vua chúa đương thời là họ quý (hoàng gia quý phái), nên người bầy tôi nào có công được vua chúa tin yêu, thì vua ban ân cho được mang theo họ của vua, nhưng chỉ ban ân cho bản thân người ấy thôi, còn con cháu vẫn theo họ cũ của mình.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các tể thần[1] là bọn Lê Xí kê khai chi tiết những bầy tôi có công cả người hãy còn sống lẫn người đã mất, người nào đáng được hoặc không đáng được ban cho quốc tính, cùng con những người ấy có ai chưa được cất nhắc, tâu bày lên để vua hiểu rõ. Nhân đấy Lê Xí xin cho bọn Lê Ê, Lê Thụ, Đỗ Bí và Lê Ngang được đối xử theo như thể lệ bầy tôi có công đã bị mất. Nhà vua nói : "Khoảng niên hiệu Diên Ninh[2], Đỗ Bí và Lê Ê giữ chức vụ quan trọng, cầm cân trong nước ; Lê Ngang và Lê Thụ trong tay thống lĩnh quân cấm lữ, đáng lẽ ngay lúc Nghi Dân khởi loạn, các viên ấy phải tiễu trừ bọn loạn tặc, biến nguy cơ thành trị an, mới là phải. Thế mà các viên ấy chỉ tráo mắt ngồi nhìn, không có mưu kế gì cả, để cho con cá dữ được lọt khỏi lưới ; đến khi mưu tính việc khởi nghĩa lại không cẩn mật rồi bị giết chết, như thế là trong tội lỗi lại thêm một tầng tội lỗi nữa. Các viên ấy so bì thế nào được với người bầy tôi có công ?"

Chb. **XIX**, 13

Lời chua – Theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, thì lúc Nghi Dân cướp ngôi vua, các tể phụ đại thần[3] là bọn Đỗ Bí, Lê Ê, Lê Ngang và Lê Thụ bàn mưu giết Nghi Dân, vì việc tiết lộ, nên bọn này đều bị hại.

Định thể lệ xét đoán kiện tụng.

Các quan giữ việc hình ngục xét hỏi kiện tụng : việc kiện nào đã quyết đoán xong thì phải tâu trình, mỗi tháng ba lần. Thể lệ này sẽ thi hành vĩnh viễn.

Nhà vua lại ra sắc lệnh từ nay những việc sau này nhất thiết nghiêm cấm : một là việc nào quan trên đã quyết đoán xong mà người đương sự lại còn khiếu tố một cách khiên cưỡng ;

---

(1) Một danh từ để gọi các viên quan quyền cao chức trọng thứ nhất, thứ nhì trong triều.

(2) Niên hiệu Lê Nhân Tông (1444 – 1459).

(3) Cũng như tế thần đã chua ở trên.

hai là hai bên kiện nhau tranh ruộng đất, mà một bên thấy mình đuối lý rồi tự tiện đem ruộng đất tương tranh ấy bán chạy cho người thế gia.

Tháng 12. Hạ lệnh cho bọn Lê Liệt đi đánh Bồn Man.

Thị tộc Lư Cầm(1) làm tù trưởng ở Bồn Man, chiếm cứ núi rừng khe động, không dâng lễ cống theo chức phận. Nhà vua hạ lệnh cho Thái phó Lê Liệt làm đốc tướng, Thái phó Lê Lựu và Thái bảo Lê Lăng làm phó đốc tướng, thống lĩnh các đạo quân chia đường đi đánh Bồn Man.

Lời chua – *Bồn Man* : Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb, XVIII, 8).

Tuyển lính.

Theo chế độ cũ, về việc lựa chọn quân ngũ, thì : con của các quan văn, quan võ từ hàm lục phẩm trở lên cùng giám sinh ở Quốc tử giám đều được miễn, ngoài ra, con các viên quan từ hàm thất phẩm trở xuống, cùng các sắc(2) quân và dân, người nào có từ 3 con trai trở lên, chỉ miễn cho một người, còn đều tuyển lấy sung vào quân ngũ. Đến nay nhà vua hạ lệnh việc tuyển đinh tráng để bổ sung quân ngũ vẫn theo như chế độ cũ. Chb. **XIX**, 14

Lời chua – *Chế độ cũ* : Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ nhất (Chb, XVI, 5).

---

(1) Thị tộc này, nguyên văn trong sách *Cương mục* chép hai chỗ có đôi chút khác nhau. Ở đây chép Lư Cầm, ở quyển XVIII tờ 8 chép Cầm Lư. Chúng tôi tham khảo những sách hiện có, thì *Phương đình địa chí* (quyển 4 tờ 27) của Nguyễn Văn Siêu chép Lư Cầm ; *Đại nam nhất thống chí* (quyển 14 tờ 10) của Cao Xuân Dục chép Cầm Lư. *Đại Việt sử ký toàn thư* (quyển 12 tờ 6) chỉ chép có một chữ Cầm. Vì thế, không rõ tên thị tộc này thế nào là đúng, sẽ khảo cứu sau.

(2) Vì quân và dân có nhiều hạng người : quân thì có quân thuỷ ; quân bộ, quân điều khiển ngựa voi... ; dân thì có người làm thợ, người làm ruộng, người đi buôn... nên gọi chung là các sắc.

Làm sổ hộ.

Lệ định cứ 6 năm một kỳ làm sổ hộ, các quan phủ, huyện và châu phái người dẫn xã quan vào kinh sư, xã quan đều đem tên và số về hộ khẩu của xã mình đăng ký vào sổ mới theo đúng sự thực.

Bổ dụng Nguyễn Như Đổ làm Lại bộ thượng thư.

Nguyễn Như Đổ thấy Đỗ Bất Một tuổi đã già, xin cho được thôi việc quan. Nhà vua nói : "Trước kia, nhà ngươi nhận lời thỉnh thác, xin bổ Bất Một làm Tổng tri vệ Bắc Bình, lúc ấy trong triều đã xôn xao bàn tán ; bây giờ nhà ngươi lại xin cho Bất Một được lấy chức Tổng binh để thôi việc. Nhà ngươi thật là người gian dối quá độ từ nay phải cẩn thận răn chừa mới được".

Nhà vua lại bảo Nguyễn Như Đổ rằng : "Trong triều đình, nếu quân tử được tiến dụng, là gốc rễ tiến lên đời thịnh trị, nếu tiểu nhân tiến dụng, là đường ngõ bước vào đời loạn lạc, trẫm cùng các khanh phải khuyến miễn nhau luôn luôn, để mong đưa nước nhà đến đời thịnh trị". Chb. **XIX**, 15

Nhà vua dụ bảo quần thần rằng : "Bọn Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đổ và Phạm Du đều là phường a dua nịnh hót, cốt sao làm đẹp lòng người ta, đến khi bàn luận công việc triều đình thì chúng khoá miệng thin thít chẳng nói câu gì ; chỉ có bọn Nguyễn Mậu, Trần Thốc và Nguyễn Thiện là những người trung thành với vua và yêu nước, gặp việc gì họ cũng nói hết lời. Hôm trước đây, Nguyễn Mậu nói việc không được đúng sự thật, mà trẫm không buộc vào pháp luật, là có ý để báo đáp lại Nguyễn Mậu hay tâu bày những lời phải trái".

Nhà vua lại dụ bảo Nguyễn Mậu rằng : "Nhà ngươi luôn luôn hết lòng với nước, việc gì tốt thì nói là công của vua, tuy nhà ngươi không theo kịp được họ Phòng, họ Đỗ[1], nhưng xử trí

(1) Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối, hai người danh thần dưới triều Thái Tông nhà Đường.

việc khó khăn, trấn trị nơi bận rộn như Đái trụ[1], tâu bày tường tận như Nghiện Bác[2], thì nhà ngươi so với hai người kia cũng không hổ thẹn gì. Vậy ban cho bạc lạng để khen thưởng khuyến miễn. Nhà ngươi càng phải mài giũa đức tính hơn nữa, làm thế nào kỳ vọng cho ta tiến lên đời thịnh trị. Đối với trẫm nếu có điều gì lầm lỗi, nhà ngươi cứ nói thẳng, không nên giấu giếm".

Lời chua – *Nguyễn Như Đổ* : Người làng Đại Lan, huyện Thanh Đàm[3], đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh[4] khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo[5].

Nguyễn Mậu : Người làng Bích Du, huyện Thuỵ Anh[6] đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1447) niên hiệu Thái Hoà[7].

Tân Tỵ, năm thứ 2 (1461). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 5).

Tháng 2. Mùa xuân. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh bái yết sơn lăng.

Lời chua – *Tây Kinh* : Tức Lam Kinh. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb, XV, 31, 33).

Tháng 3. Sét đánh vào cửa Thừa Thiên.

Vì có tai dị sét đánh, nhà vua mặc đồ thường phục thân dẫn bầy tôi đến điện Thừa Thiên, lạy tạ trời đã ra oai quở trách. Chb. **XIX**, 16

Lời chua – *Cửa Thừa Thiên* : Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (Chb.XVII, 12).

---

(1) Một viên quan giữ chức Dân bộ thượng thư dưới triều Đường Thái Tông. Đái Trụ là một người minh mẫn, quả quyết.

(2) Một hiền thần đời Tống, thờ bốn triều vua, ở triều đình giữ chức tướng văn, ra ngoài biên cương giữ chức tướng võ, danh tiếng lừng lẫy cả lân bang.

(3) Nay là thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(4) Tức bảng nhãn.

(5) Niên hiệu Lê Thái Tông.

(6) Nay là thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình.

(7) Niên hiệu Lê Nhân Tông.

Hạ lệnh cho các quan phủ huyện khuyên bảo đốc giục nhân dân làm ruộng và trồng dâu.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan ở phủ, huyện và ở xã khuyên bảo đốc giục quân và dân đều phải siêng năng về nghề nghiệp mưu sinh để đủ ăn đủ mặc, không được bỏ việc gốc(1) theo việc ngọn(2), không được mượn cớ là làm công nghệ để chây lười. Những người có nghề nghiệp làm ruộng, nếu không siêng năng cày cấy trồng trọt sẽ phải tội.

Tháng 7, mùa thu. Động đất.

Cấm dựng chùa quán mới.

Lúc ấy, dân gian tôn sùng đạo Phật, phần nhiều dựng chùa quán để cầu mong công đức một cách càn rỡ. Nhà vua ra sắc lệnh phàm các chùa quán, chỗ nào không có ngạch cũ, thì không thiện tiện dựng mới.

Tháng 11, mùa đông. Đại xá cho trong nước.

Vì có mới sinh được Hoàng Trưởng tử Tranh.

Tháng 12. Ban phát "Huấn dân đại cáo"(3).

Ban phát "Huấn dân đại cáo" cho cả nước, từ phủ đến châu, huyện, mỗi nơi một bản.

Lời chua – *Huấn dân đại cáo* : Nay không thể khảo cứu được.

Bổ dụng Lê Lộng làm Đô đốc Bình chương quân quốc trọng sự. Chb. **XIX**, 17

Lời cẩn án – *Quan chế hồi đầu triều Lê : Chức* Đô đốc *đứng đầu về võ ban ; Bình chương quốc quân trọng sự là chức của tể tướng. Hai chức này đều bổ dụng hàng đại thần văn võ sung vào. Nay Lê Lộng làm Đô đốc Bình chương quân quốc trọng sự, có lẽ là lấy danh nghĩa đứng đầu võ ban mà kiêm giữ chức tể tướng.*

(1) Chỉ việc làm ruộng.

(2) Chỉ việc buôn bán và công nghệ.

(3) Lời cáo giới trọng đại của vua chúa để dạy bảo dân.

Nhâm Ngọ, năm thứ 3 (1462). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 6). Tháng giêng, mùa xuân. Tế Giao.

Từ năm nay trở đi, cứ đến đầu mùa xuân làm lễ tế Giao. Việc này hằng năm sẽ cử hành theo lệ thường.

Nhà vua dụ bảo Ngự sử Ngô Sĩ Liên và Khiên Nhân Thọ rằng : Trẫm mới lên ngôi vua giữ chính quyền, đầu mùa xuân tế Giao là noi theo điển lễ cũ của tiên tổ, mà các khanh lại cho là không phải, thế là các khanh coi nước ta cũng như các nước phiên thần đời cổ. Vả lại, trong lúc Lệ Đức hầu[1] cướp ngôi, Sĩ Liên có nhiệm vụ chấn chỉnh phong hoá và phép tắc trong nước, Nhân Thọ có nhiệm vụ tham tán mưu kế ở nơi màn trướng của vua, nói về phần tín nhiệm và đãi ngộ kể cũng đã hậu. Nay Lệ Đức hầu mất nước, các ngươi không biết chết theo với người đã cho mình ăn lộc ngày trước. Các ngươi thật là bầy tôi gian tà bán nước".

Lời chua – Theo *Lê triều hội điển* thì lễ tế Giao hồi đầu triều Lê như thế này :

Đắp đàn ở phía nam kinh thành : đàn chính giữa chiều dài 15 thước, chiều cao 5 tấc, đàn này tế chung cả trời đất ; hai đàn bên tả và bên hữu, mỗi đàn chiều dài 16 thước, chiều cao 3 tấc, hai đàn này chia ra tế các vì sao và thần núi, sông. Bốn xung quanh đàn trồng cây, mặt trước đàn mở ba cửa. Chb. **XIX**, 18

Ngô Sĩ Liên : Người làng Chúc Sơn, huyện Chương Đức[2], đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại bảo[3].

Tháng 2. Cho phép trong nước được hội họp uống rượu.

Tháng 3. Nguyễn Sư Hồi có tội, được nhà vua tha cho, không bắt trừng trị.

(1) Chỉ Nghi Dân.

(2) Nay là thôn Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

(3) Niên hiệu Lê Thái Tông.

Sư Hồi cùng bọn Lê Niệm, Trịnh Văn Sái, Lê Thọ Vực và Nguyễn Lỗi không hoà hợp với nhau. Muốn hãm hại bọn Lê Niệm, Sơ Hồi tự làm bài thơ nặc danh vu khống cho bọn này chực làm nghiêng đổ nguy hại đến xã tắc. Bài thơ ấy chưa kịp truyền bá ra ngoài thì bị phát giác, mọi người đều xin bắt tội Sư Hồi. Nhà vua bảo bầy tôi trong triều rằng : "Sư Hồi có công trong lúc trung hưng(1), cha hắn là Xí lại có công lao lớn đối với nước(2), nên tha tội chết cho hắn". Nhà vua lại dụ bảo bọn Lê Thọ Vực rằng : "Bài thơ yêu quái ấy chưa chắc đã phải Sư Hồi soạn ra, các khanh không nên vin vào việc ấy mà hằn thù lẫn nhau". Bọn Thọ Vực đều dập đầu lạy tạ.

Dương Quốc Minh tâu với nhà vua rằng : "Sư Hồi cùng cha hắn là Xí nhận của đút lót của người ta 80 lạng bạc". Nhà vua sai viên Tư lễ giám Nguyễn Áng đem tờ sắc đến quở trách Sư Hồi để lấy lại số bạc đã ăn đút lót ngày trước và răn bảo rằng : "Nhà ngươi có lỗi chớ ngại đổi, may ra sẽ không có sự ăn năn sau này". Ngay lúc ấy lại nhận được lá thư nặc danh nói Sư Hồi sắp làm việc phản quốc. Nhà vua dụ bảo Sư Hồi rằng : "Trẫm ngự ngôi báu đến nay đã bốn năm, cha con ngươi trong một nhà được ban ân thuỵ khuê(3), ấn thụ(4) hết lần này đến lần khác, vinh hiển sung sướng như thế, không một người bầy tôi nào sánh kịp. Nay trẫm đang đặt tín nhiệm vào nhà ngươi, dầu có lá thư này, lòng tín nhiệm của trẫm cũng không kém trước ; nhưng sau khi nhận được lá thư

Chb. **XIX**, 19

(1) Sư Hồi cùng các đại thần bắt giết Nghi Dân, rước Thánh Tông, lập làm vua.

(2) Nguyễn Xí theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, lập được nhiều chiến công, sau khi trong nước đã bình định, xét công đánh giặc, chiến công của Xí đứng vào hàng thứ năm, được ban cho quốc tính. Xí lại giúp Thái Tông, Nhân Tông và sau lại cùng các thần bắt giết Nghi Dân lập Thánh Tông làm vua.

(3) Một thứ ngọc quý.

(4) Một thứ dây thao dùng để buộc quả ấn. Hai thứ này chỉ người bầy tôi nào có công to, giữ chức trọng, mới được vua chúa ban cho. Kích thước ngọc khuê và màu sắc dây thao, đã có thể lệ định sẵn.

này, về phần nhà ngươi, chẳng lại cần phải giữ cái đạo phòng thân một cách sâu sắc hơn nữa hay sao ?"

Tháng 4, mùa hạ. Định phép thi Hương.

Học trò trong nước, không kể các hạng quân hoặc dân, người nào xin thi, đều cho phép viên quan bản quản và xã trưởng làm giấy cam đoan người ấy thực có đạo đức, hạnh kiểm, mới cho ứng thi. Còn những hạng người bất hiếu, bất mục, loạn luân và xui nguyên giục bị đều không được dự thi ; người làm nghề chèo hát và người đã từng can tội vào bè đảng và bọn phản nghịch làm quan ở triều đình cướp nước, mà có tai tiếng là người gian ác, thì bản thân những người ấy và con cháu đều không được dự thi.

Những người được dự thi, thì trên mặt quyển thi phải đề đủ họ, tên, căn cước, niên canh, quán chỉ của bản thân và của cha mẹ mình, lại phải kê rõ mình chuyên trị về kinh sách nào[1].

Phép thi : Trước hết có một kỳ ám tả, để loại bỏ bớt những người học kém. Còn những người không bị loại thì phải thi bốn kì : kì đệ nhất, thi năm bài kinh nghĩa và truyện nghĩa ; kì đệ nhị, thi bài chiếu, bài chế và bài biểu ; kì đệ tam, thi thơ, phú ; bài thơ dùng luật Đường, bài thơ dùng cổ thể; hoặc thể ly tao, thể văn tuyển ; kì đệ tứ, thi một bài văn sách, đầu bài hỏi về sách Kinh, sách Sử và thời sự. Chb. **XIX**, 20

Thời gian thi : Tháng tám năm nay học trò vào thi, người nào được trúng tuyển sẽ được kê vào danh sách trình lên bộ Lễ, đến trung tuần tháng giêng năm sau những người ấy sẽ được vào thi Hội.

---

(1) Trong *Tứ thư* và *Ngũ kinh*, học trò đã chuyên môn nghiên cứu về kinh nào phải khai rõ trên mặt quyển thi.

Hạ chiếu trưng cầu lời nói trung trực.

Lúc ấy nhân có mưa đá và gió sấm, nhà vua hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng. Môn hạ sảnh hữu ty lang trung là Hoàng Thanh dâng thư tâu bày bảy việc :

1. Thuận theo lẽ âm dương để đón lấy khí hoà của trời đất.

2. Thân ra giảng sách ở Kinh Diên để tôn sùng đạo học chính thống.

3. Chú trọng việc lập ngôi trừ tự[1] để gốc rễ của nước được vững bền.

4. Tiết kiệm dùng tiền tài để việc kinh phí được đầy đủ.

5. Thận trọng chọn người làm thú tể[2] để trao cho trách nhiệm chăn nuôi nhân dân.

6. Thời thường luyện tập quân ngũ, để việc võ bị được nghiêm chỉnh.

7. Đặt sở đồn điền, để thức ăn tích trữ ở biên giới được dồi dào.

Trong bảy điều này, được nhà vua nhận lời sẽ lựa chọn lấy những điều cần thiết.

Lời chua – *Hoàng Thanh* : Người làng Lương Xá, huyện Chương Đức[3], đỗ khoa hoành từ năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) đời Lê Thái Tổ.

Môn hạ hữu ty lang trung : Xem quan chế chép ở năm Quang Thuận thứ 6 (Chb. XIX, 32).

Tháng 8, mùa thu. Giết Thái uý là Lê Lăng.

---

(1) Tức hoàng thái tử để sẽ nối ngôi vua sau này.

(2) Danh từ để gọi chung các viên quan gần gụi với nhân dân như những viên đứng đầu ở lộ, phủ, châu hoặc huyện.

(3) Nay là xã Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

Sau khi cùng các đại thần giết được bè đảng bọn nghịch, Lăng bàn nên lập Cung vương Khắc Xương, nhưng vì Lê Xí không đồng ý mới đón lập nhà vua. Nhà vua nghe biết việc này, có ý không bằng lòng. Đến khi lên ngôi, Lăng lấy tư cách là công thần giúp việc chính trị, nhưng Lăng cương cường bộc trực làm cho nhà vua phải nể ngại, thường sai Nguyễn Lỗi đem bạc lạng đến cho và dụ bảo rằng : "Nhà ngươi phải cẩn thận, trước thế nào sau thế ấy, một mực thanh khiết công bằng, tính khí nhà ngươi cương trực quá, bên ngoài làm ra nghiêm nghị mà trong bụng thì nhu ác, người nào có điều không vừa ý mình, thì đẩy xuống tận đất đen, người nào không trái ý mình thì âu yếm ẵm lên trên đùi, chả phải vì thế mà nghị luận bên ngoài lấy làm chưa thoả mãn đó sao ? Nhà ngươi nên răn chừa mới được". Chb. **XIX**, 21

Lê Lăng được tiến dần lên đến chức Thái uý. Nay có người tố cáo là Lăng ngấm ngầm mưu toan làm việc trái phép ; nhà vua giận, sai giết đi, tịch thu nhà cửa và đem tội trạng của Lăng bá cáo cho trong kinh thành, ngoài các đạo được biết. Người ta đều cho là Lăng bị giết oan.

Lời phê[1] – *Vua Thánh Tông còn như thế, có lẽ vì đạo đức chưa được tinh thuần chăng ? Thế mà cứ sính văn chương, thích biện bác, thì có làm gì ?*

Lời cẩn ấn – *Lê Lăng không đáng tội phải chết.* Sử cũ *chép lầm là "Lê Lăng ngấm ngầm mưu toan làm việc trái phép". Nay tham khảo tiểu truyện Lê Lăng chép ở* Đại Việt thông sử *của Lê Quý Đôn, cải chính lại.*

---

(1) Chỉ việc Lê Thánh Tông không bằng lòng với Lê Lăng về việc Lăng bàn lập Cung vương Khắc Xương.

Định thể lệ về tuổi trí sĩ[1] cho các quan văn quan võ.

Các quan văn quan võ, người nào 65 tuổi muốn xin trí sĩ[2] ; những giám sinh, nho sinh, sinh đồ được bổ sung làm lại điển ở các nha môn, nay đã quá 60 tuổi muốn về hưu dưỡng, đều phải do bộ Lại tâu bày rõ ràng đầy đủ.

Lời chua – *Giám sinh* : Người nào thi Hương bốn kì, đều trúng tuyển, được sung vào học tại Quốc tử giám, gọi là giám sinh. Chb. **XIX**, 22

Nho sinh : Con cháu quan viên được sung vào học ở Chiêu văn quán hoặc Tú lâm cục, gọi là nho sinh.

Sinh đồ : Người nào thi Hương trúng được ba kì gọi là sinh đồ. Hồi đầu triều lê, lại điển ở các nha môn, phần nhiều bổ dụng giám sinh, nho sinh hoặc sinh đồ.

Định thể lệ về việc các quan dâng tờ đề bản và tấu bản.

Phàm tờ đề bản hoặc tấu bản của các quan trong kinh đô, ngoài các đạo, thì chính viên quan phải thân thủ tự mình kí tên, không được mượn lại điển viết thay.

Nhà vua ra sắc lệnh định thể lệ về đề bản và tấu bản :

1) Phàm các nha tâu việc, những bản giấy tâu về việc tuân theo chỉ dụ thi hành ; gọi là đề bản ;

2) Tất cả các việc công và tư do quan lại hoặc bách tính tâu bày, gọi là tấu bản.

Trung thư sảnh bí thư giám học sĩ Lương Như Hộc tâu rằng : "Các bản chương tấu của các nha môn, nếu gặp lúc viên quan chính thức hiện khuyết hoặc công xuất, thì viên quan tá nhị thừa lệnh giữ ấn tín được phép kí tên ở dưới chỗ đề năm tháng". Nhà vua theo lời tâu này.

---

(1) Thôi làm quan, về ở nhà riêng. Danh từ "trí sĩ" trước kia dùng riêng cho các quan, sau này quan hoặc lại điển thôi làm việc về, đều gọi chung là hưu trí.

(2) Thôi làm quan, về ở nhà riêng. Danh từ "trí sĩ" trước kia dùng riêng cho các quan, sau này quan hoặc lại điển thôi làm việc về, đều gọi chung là hưu trí.

Lời chua – *Trung thư sảnh* : Theo mục "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều Lê, ở Trung thư sảnh có chức Bí thư giám học sĩ.

Tháng 12, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai bọn Đinh Lan, Nguyễn Phục và Nguyễn Đức Do sang nhà Minh báo cáo về việc Nhân Tông mất ; bọn Nguyễn Nhật Thăng, Phan Duy Trinh và Nguyễn Tự sang xin phong tước. Nhà Minh sai Lưu Trật, hành nhân trong ty Hành nhân, sang dụ bảo việc tế Nhân Tông ; bọn Tiền Phổ, Hàn lâm viện thị độc học sĩ và Vương Dự, Lễ khoa cấp sự trung, đem sách mệnh tuyên phong nhà vua làm An Nam quốc vương. Đến nay, nhà vua sai các sứ thần sang Minh ; Lê Công Lộ tạ ơn về việc dụ tế ; Trần Bàn tâu bày công việc, Bùi Hựu tạ ơn việc sách phong ; lại sai bọn Lê Văn Hiển, Hoàng Văn Ngọ và Tạ Tử Điên sung vào việc cống nạp hằng năm và xin nhà Minh ban cho mũ áo.

Chb. **XIX**, 23

Lời chua – *Nguyễn Phục* : Người làng Đoàn Lâm, huyện Trường Tân.

Lê Công Lộ : Người làng Kim Bôi, huyện Vĩnh Ninh[1]. Lộ là con Thái uý Lê Khả, nguyên gốc là họ Trịnh, được ban cho quốc tính là họ Lê.

Trần Bàn : Người làng Từ Sơn, huyện Quế Dương[2], đỗ Đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Bùi Hựu : Người làng Lam Điền, huyện Chương Đức[3], đỗ Đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Tạ Tử Điên : Người làng Ỷ La, huyện Từ Liêm[4], đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hoà đời Lê Nhân Tông.

---

(1) Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

(2) Nay là xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

(3) Nay thuộc xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

(4) Nay thuộc xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, Hà Tây.

Lập con là Tranh làm Thái tử, hạ chiếu đại xá.

Bổ dụng Lê Xí làm Nhập nội Hữu tướng quốc.

Lời chua – *Hữu tướng quốc* : Theo mục "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều nhà Lê, Tả Hữu tướng quốc là chức Tể tướng, bổ dụng các quan văn võ đại thần.

Quý Mùi, năm thứ 4 (1463). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 7). Chb. **XIX**, 24

Tháng giêng, mùa xuân. Miễn việc hội họp điểm duyệt cho các quân.

Theo quy chế cũ, hằng năm cứ đầu mùa xuân, các quân ở năm đạo đều hội họp ở kinh sư để kiểm điểm tập dượt. Đến nay được miễn, vì năm trước có chiếu chỉ đại xá.

Lời chua – *Năm đạo* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 5).

Tháng 2. Bắt đầu định ba năm thi đại tị một lần.

Theo quy chế cũ, cứ 5 năm hoặc 6 năm một lần thi Hội, chưa có thời hạn nhất định ; đến nay nghị định dùng những năm Sửu, Thìn và Tuất, cứ ba năm thi đại tị một lần.

Biểu dương nhà người đàn bà trinh tiết là Nguyễn Thị[1].

Nguyễn Thị người làng Đại Hữu Lệ, huyện Thanh Đàm, có tiếng là trinh tiết ; nhà vua ban cho biển ngạch treo ở nhà để biểu dương trinh tiết của Nguyễn Thị, lại miễn dao dịch cho một người con hoặc cháu để hầu hạ phụng dưỡng.

Lời chua – *Thanh Đàm* : Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông năm Thiên ứng chính bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Tháng 3. Môn hạ hữu ty lang trung Hoàng Thanh mất.

---

(1) *Toàn thư* chép là Nguyễn Thị Bồ.

Thanh, tên tự là Trực Khanh, đỗ khoa hoành từ năm Thuận Thiên đời Lê Thái Tổ. Lúc bắt đầu Thanh được sung vào Ngự tiền học sinh, sau thờ Lê Thái Tông, được thăng dần đến Hàn lâm viện thị độc ; năm Quang Thuận thứ 3 (1462), được cất nhắc lên chức Môn hạ hữu ty lang trung, dâng tờ sớ tâu bày bảy việc[1], nhà vua ngợi khen và thu nhận. Đến nay mất, hưởng thọ 53 tuổi. Chb. **XIX**, 25

Hoàng Thanh là người quang minh, tiết tháo, tinh thuần, ngay thẳng. Sĩ phu đều suy tôn. Lương Như Hộc có làm bài tán đề di tượng[2] Hoàng Thanh rằng : "Nói về đạo lí, thì uẩn súc bên trong được đầy đủ, thi thố ra ngoài được chu đáo ; nói về bổn phận, thì làm con giữ hết đạo hiếu, làm tôi giữ hết đạo trung, từng trải thờ bốn triều vua, tiết tháo một lòng, trước sau không bao giờ thay đổi".

Lời chua - *Môn hạ sảnh* : Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chb. XIX, 32).

Tháng 4, mùa hạ. Định cấm lệnh ở trong hoàng thành.

Phàm người nào giả mạo quân sắc mang kiếm đội mũ để vào trong hoàng thành đều phải luận vào tử hình.

Tháng 7, mùa thu. Đại hạn, nhà vua lánh đến ở cung điện nhỏ, bớt thức ăn, triệt bỏ âm nhạc.

Động đất.

Nhà vua dụ bảo bầy tôi trong triều rằng : "Trước đây, trời làm hạn hán lâu ngày, Nguyễn Phục khuyên trẫm nên tĩnh tâm để xem xét tai biến, sau giữ gìn được, không xảy ra sự gì. Tuy thế, những bậc thánh nhân xem hiện tượng trên không để suy xét sự biến thiên của thời tiết ; xem văn hoá của dân gian để thay đổi phong tục cho Chb. **XIX**, 26

(1) Xem thêm Chb. XIX, 20 ở trên.

(2) Tượng truyền thần, để di truyền lại cho con cháu.

thiên hạ, chứ có thể nào nhân lúc trong nước không có việc gì đáng lo ngại mà nhãng quên việc răn sợ được hay sao ?".

Giáp Thân, năm thứ 5 (1464). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 8). Tháng giêng, mùa xuân. Định lễ phẩm tế thần cô hồn.

Phàm quỷ thần nào không có chủ cúng tế, đều được tế cả, chia ra ba bậc là thượng, trung, hạ, lễ phẩm đều dựa theo lễ phẩm tế bách thần. Hằng năm, nhà vua sai quan phủ đến kính tế, Lễ này ghi làm điều lệ nhất định.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh.

Tháng 7, mùa thu. Truy tặng Lê Trãi tước Tán trù bá và bổ dụng người con của Nguyễn Trãi.

Trước kia, Nguyễn Trãi bị tru di cả họ, lúc ấy người vợ thiếp của ông là Phạm Thị đương có mang, trốn đi Bồn Man, sinh con là Anh Vũ. Lớn lên, Anh Vũ thi đỗ Hương cống. Đến nay, nhà vua thương Nguyễn Trãi phải tội oan, truy tặng tước Tán trù bá, cấp trả lại một trăm mẫu tự điền, hạ chiếu lục dụng người con, bổ Anh Vũ chức Đồng tri châu.

Lời chua – *Bồn Man* : Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Nguyễn Đình Mỹ, Thượng thư bộ Binh[1], vì phạm tội, biếm chức làm Tả thị lang bộ Binh[2].

Lúc bấy giờ Đình Mỹ làm Thượng thư bộ Binh, Thiêm đô ngự sử Nguyễn Thiện hặc tâu : "Đình Mỹ là người siểm nịnh không thể giao phó cho giữ công việc xu mật được". Nhà vua dụ bảo Đình Mĩ rằng : "Dùng đồ thì cần đồ mới, dùng người thì nên tìm người cũ. Nho thần kì cựu như bọn nhà ngươi bây giờ không có mấy người. Nay nhà ngươi phạm tội đáng phải bãi chức, nhưng trẫm yêu tài nhà

Chb. **XIX**, 27

(1) Tương đương với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bây giờ, hàm nhị phẩm.

(2) Tương đương Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, hàm tam phẩm.

ngươi nên chỉ biếm chức thôi. Này, pháp lệnh là của chung của nhà nước, trẫm cùng các khanh đều phải theo cả. Nhà ngươi phải nghĩ cho kĩ mới được !

Nhà vua lại dụ bảo Nguyễn Thiện rằng : "Khoảng năm Thái Hoà (1443 - 1453) và Diên Ninh (1454 - 1459)[1] trên từ tể tướng, dưới thì trăm quan, thi nhau tranh giành tư lợi, ăn của đút và đưa đón một cách công khai. Nhà ngươi thấy thế, bảo Nguyễn Đình Mỹ là tiểu nhân không thể tin dùng được, nhưng từ khi trẫm lên ngôi báu đến nay đã 5 năm, Đình Mỹ đem hết tâm lực lui tới nhanh nhẹn, phục dịch siêng năng, xét ra Đình Mỹ trước thì siểm nịnh, sau thì tốt lành, như thế thì có hại gì đâu ? Trước kia Lệ Đức hầu[2] yêu chuộng những thứ kì dị, lúc ấy Nguyễn Như Đổ và Trần Phong nhân có việc sang Trung Quốc, mua chuộc ngàn kế, khép mở trăm chiều, thì có ai tin được không ?"

Lời chua – *Nguyễn Thiện* : Người Hương Quất, huyện Tứ Kỳ[3], đỗ Đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hoà đời Lê Nhân Tông.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây, nhà Minh sai Thượng bảo tự khanh là Tô Lăng Tín sung chức Chánh sứ và viên hành nhân trong Hành nhân ti là Thiệu Chấn sang nước ta báo cáo việc Hiến Tông (nhà Minh) lên ngôi vua và ban cho sắc dụ cùng mũ, áo, lụa hoa. Đến nay nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh :

- Phạm Bá Khuê giữ việc dâng hương ;

- Lê Hữu Trực, Dương Hải và Phạm Khánh Dung giữ việc mừng Hiến Tông lên ngôi vua ;

---

(1) Đều là niên hiệu Lê Nhân Tông.

(2) Một tước mà Nghi Dân bị phế truất.

(3) Nay là thôn Phương Quất, xã Kỳ Sơn huyện Tứ Kỳ, Hải Dương.

- Lê Vinh, Phạm Cư và Trần Văn Chân giữ việc tạ ơn vua Minh ban cho lụa hoa.

Lời chua – *Phạm Bá Khuê* : Người làng Nhân Lý, huyện Thanh Lâm[1].

Dương Hải : Người làng Mỹ Sơn, huyện Thuỷ Đường[2]. Phạm Bá Khuê và Dương Hải đều đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hoà đời Lê Nhân Tông. Chb. **XIX**, 28

Phạm Cư : Người làng La Phù, huyện Thượng Phúc[3] đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Tháng 12. Hạ chiếu cho các quan giữ việc hình ngục : phàm người nào phạm tội mà tình lí còn đáng ngờ, thì xét tội giảm xuống một bậc.

Hạ chiếu : Những người công thần nào đã được ban cho quốc tính, đến đời con cháu lại giữ nguyên họ cũ của mình.

Nhà vua hạ dụ bảo bầy tôi rằng : "Đức Thái Tổ ta, gội gió tắm mưa để bình định thiên hạ, lúc ấy bầy tôi có công giúp việc sáng nghiệp, cùng chịu sự khó nhọc khổ sở, nghĩa là vua tôi, ân như cha con, hai bề đều đủ ; vì có ấy nên đặc ân ban cho quốc tính để tỏ lòng quyến ái khác thường. Nhưng nếu con cháu các ngươi, đời nọ truyền đời kia cứ theo quốc tính, e rằng sẽ bỏ mất dòng họ của tổ tiên gốc rễ nhà mình, thì có phần trái với đạo dùng chữ hiếu để dạy thiên hạ. Vậy từ nay người công thần nào đã được ban cho quốc tính, chỉ dùng cho bản thân mình, đến đời con cháu lại đều theo về họ cũ".

(1) Nay là thôn Nhân Lý, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, Hải Dương.

(2) Nay là thôn Mi Sơn, xã Trung Hà, huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng.

(3) Nay thuộc xã La Phù, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

Lời phê – *Phải lắm*[1].

Ất Dậu, năm thứ sáu (1465). (Minh, Hiến Tông, năm Thành Hoá thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ thăng giáng các viên quan xét hỏi việc hình ngục.

Chb. **XIX**, 29

Nhà vua hạ lệnh cho các quan giữ việc kiện tụng bàn định liệt kê các viên đại phu trong năm viện hình : người nào xét xử kiện tụng, không oan uổng, không quá đáng, thì liệt vào một hạng ; người nào bình thường, liệt vào một hạng ; người kém cỏi, liệt vào một hạng. Người xét kiện không oan uổng, không quá đáng, sẽ được khen thưởng ; người bình thường, được giữ chức như cũ ; người kém cỏi, sẽ bổ đi giữ chức Chuyển vận.

Lời chua – *Ngũ hình viện* : Theo mục "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, Thẩm hình, Tường hình, Tả hình, Hữu hình và Tư hình gồm 5 viện, đều đặt chức đại phu.

Định ngày tế Văn miếu ở các lộ.

Văn miếu ở các lộ tế vào hai ngày đinh[2] về mùa xuân, mùa thu chỉ được tế Thập triết[3]. Việc này là theo lời tâu của Nguyễn Đình Mỹ.

---

(1) Chỉ việc Lê Thánh Tông không để cho con cháu quần thần bị mất gốc rễ của tổ tông.

(2) Chữ "đinh" thuộc về một hàng trong mười hàng can, can chi phối hợp với nhau, thành những ngày đinh sửu, đinh mão, đinh tỵ, đinh mùi, đinh dậu và đinh hợi. Mỗi mùa 90 ngày thì 9 ngày có chữ "đinh", vì thế nên mỗi năm cứ đến mùa xuân và mùa thu, thì mỗi mùa chọn lấy một ngày có chữ "đinh" để làm lễ tế Văn miếu. Sở dĩ dùng ngày "đinh" là lấy ý rằng "đinh" thuộc hành hoả, hoả là tượng trưng cho văn chương.

(3) Mười người lỗi lạc trong môn đồ Khổng Tử, tức là Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tể Ngã, Tử Cống, Nhiễm Hữu, Quý Lộ, Tử Du, Tử Hạ và Tử Trương.

Theo lễ giáo thời phong kiến, ở kinh sư và các lộ đều có Văn miếu thờ Khổng Tử, Tứ phối và Thập triết, nhưng có lẽ về thời Lê sơ, các lộ chỉ được thờ Thập triết, còn Khổng Tử là bậc thánh sư, Tứ phối là bậc đại hiền, thì do kinh sư thờ tế.

Tháng 2. Hạ lệnh cho Tả đô đốc Lê Thọ Vực tuyển duyệt dân đinh.

Nhà vua dụ bảo Thọ Vực rằng : "Nhà ngươi là người bầy tôi hiền có công dẹp loạn, nay trẫm đặc mệnh giữ việc tuyển duyệt dân đinh, nhà ngươi nên hết lòng thành, nén lòng tham, để không phụ lòng trẫm kí thác, đây là trẫm rất trông mong ở nhà ngươi đấy".

Lời cẩn án : *Theo mục "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì phép tuyển duyệt dân đinh, cứ ba năm làm sổ hộ một lần, gọi là tiểu điển ; 6 năm một lần, gọi là đại điển. Nơi sở tại đều đặt trường tuyển duyệt, nhà vua hạ lệnh cho các quan văn võ đại thần mỗi ban một người chịu trách nhiệm đôn đốc về việc này ; các viên quan ấy sức bắt các tổng xã chia loại để kê khai chính hộ, khách hộ*(1). *Khi tuyển duyệt, trước hết tra xét hạng chức sắc, bỏ bớt những người mạo nhận cầu may ; sau duyệt đến nhân đinh, chia ra 6 hạng là : hạng tráng, hạng quân, hạng dân, hạng lão, hạng cố và hạng cùng.*

Nhà nào có 3 suất đinh : 1 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân và 1 người sung vào hạng dân ; nhà có 4 suất đinh ; 1 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân và 2 người sung vào hạng dân ; nhà có 5 suất trở lên ; 2 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân, còn thì sung vào hạng dân. Lão nhiêu, đốc tật(2), *phế tật*(3) *và hạng cố, hạng cùng thì kê thành một loại riêng. Người phiêu lưu và người bỏ làng trốn tránh không rõ tông tích thì để ngoài không kê vào sổ. Dân đinh trưởng thành đến 18 tuổi, kê tên vào sổ, trong số người này trước hết chọn lấy người mạnh khoẻ làm lính, còn thì loại* Chb. **XIX**, 30

(1) Những hộ khẩu nào bỏ quê quán cũ của mình, mà đến trú ngụ ở một xã khác gọi là khách hộ.

(2) Hai mắt bị mù, hai chi thể bị hỏng.

(3) Một mắt bị mù, một chi thể bị hỏng.

ra làm hạng dân. Người nào lậu tên trong sổ sẽ phải tội sung quân[1].

Lời chua – *Tráng hạng* : Người sung vào quân ngũ để làm việc gọi là tráng hạng.

Quân hạng : Người ở nhà làm ruộng, khi nào khuyết ngạch lính, thì theo thứ tự để bổ sung, gọi là quân hạng.

Cố hạng : Người nghèo đói túng thiếu, phải đi làm thuê cho người khác, gọi là cố hạng.

Tháng 3. Bắt đầu đặt sáu viện, sắp xếp lại tên quan.

Hồi đầu triều Lê, sắp xếp quan chức, phần nhiều theo như triều Trần khi trước, trên có Tả, Hữu tướng quốc Bình chương quân quốc trọng sự, thứ đến bộ Lễ, bộ Lại, viện Nội mật và ba sảnh là Trung thư, Hoàng môn và Môn hạ. Viên chức trong bộ, viện, sảnh chia nhau nắm chính quyền trong nước. Lại đặt chức Hành khiển ở năm đạo, kiêm giữ sổ sách quân và dân ở các đạo ngoài kinh sư. Còn tên quan ở sáu bộ và sáu khoa vẫn chưa đặt đủ. Đến lúc Nghi Dân cướp ngôi vua, mới sắp xếp riêng sáu bộ là : Lại, Hộ, Lễ, Binh, Công, Hình ; lại đặt thêm sáu khoa là : Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa và Bắc khoa. Đến nay, đổi sáu bộ làm sáu viện, mỗi viện đều đặt chức Thượng thư và Tả Hữu thị lang, đổi Trung thư khoa làm Lại khoa, Hải khoa là Hộ khoa, Đông khoa làm Lễ khoa, Nam khoa làm Binh khoa, Tây khoa làm Hình khoa, Bắc khoa làm Công khoa, đặt chức Đô cấp sự trung ; bãi bỏ chức Hành khiển ở các đạo, đặt ty Tuyên chính sứ, mỗi ty đều đặt chức Tuyên chính sứ. Chb. **XIX**, 31

Lời chua – *Sáu viện* : Theo "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, năm Quang Thuận mới đặt sáu viện. Sách ấy lại chua rằng : Như viện Nghi lễ, viện Ty bình và viện Khâm hình, còn ba viện nữa đều chưa khảo cứu được".

---

(1) Một tội đày đi nơi cực xa hoặc chung thân hoặc một kì hạn lâu dài.

Quan chế hồi đầu triều Lê, đại lược lấy chức Tả, Hữu tướng quốc Điểm kiểm Bình chương quân quốc trọng sự làm chức trọng yếu của văn vũ đại thần, thứ nhì đến chức Thượng thư hai bộ Lại và Lễ, liêu thuộc trong hai bộ có chức Lang trung, Viên ngoại lang và Chủ sự.

Viện Nội mật : Đứng đầu là viên Tri viện sự, thứ nhì đến viên Thiêm tri viện sự, Đồng tri viện sự.

Trung thư sảnh : Đứng đầu là viên Trung thư lệnh, thứ nhì đến Thị lang.

Hoàng môn sảnh : Đứng đầu là chức Thị lang.

Liêu thuộc ở Trung thư sảnh và Hoàng môn sảnh đều có các chức Trước tác và Xá nhân.

Môn hạ sảnh : Chia ra tả ty và hữu ty. Đứng đầu là chức Tri ty sự, thứ nhì đến Thị lang, dưới nữa có chức Lang trung và Khởi cư xá nhân. Chb. **XIX**, 32

Hành khiển ở năm đạo : Đều dùng chức quan trong kinh kiêm giữ.

Lê Thánh Tông mới đặt sáu viện : đứng đầu trong một viện là chức Thượng thư, thứ nhì đến Tả, Hữu thị lang, dưới nữa có các chức lang trung, viên ngoại lang và tư vụ.

Sáu khoa : đứng đầu trong một khoa là chức Đô cấp sự trung, thứ nhì đến Cấp sự trung.

Ty Tuyên chính sứ ở năm đạo : Đứng đầu là chức Tuyên chính sứ, thứ nhì đến Tham chính và Tham nghị, dưới nữa có viên Chủ sự. Sở xét hỏi ngục tụng thì viên suy quan là chức thủ lĩnh.

Năm đạo : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1. (Chb. XV, 5).

Sửa điện Kính Thiên.

Lời chua – *Điện Kính Thiên* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 13).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua đi tuần du đến Xương Giang, khi trở về cung, ban thưởng cho người theo hầu xa giá mỗi người một tư.

Lời chua – *Xương Giang* : Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb, XIII, 12).

Hạ sắc lệnh : phàm quan chức ở ngoài các đạo, nếu viên quan nào can tội cần cứu xét, thì quan trên không được phép thiện tiện bắt hỏi.

Lê Cảnh Huy, Thượng thư viện Ty Binh, tâu : "Phàm các kiện về quan chức ở ngoài các đạo can phạm mà cần phải cứu xét : nếu là việc thường thì quan trên làm giấy tư đi cho viên quan can phạm biết, để viên quan ấy cung khai rõ ràng, rồi xét nghĩ ; nếu là việc trọng đại, thì tâu bày lên cho vua biết, rồi mới được đòi hỏi cứu xét". Lời tâu của Cảnh Huy được nhà vua chuẩn y. Chb. **XIX**, 33

Hạ lệnh cho quan chức bộ Lễ đôn đốc sửa đổi phong tục ở dân gian.

Lúc ấy phong tục ở dân gian khinh bạc : nhà có việc tang, mê hoặc về đạo Phật, thường nhân đến tiết trung nguyên(1), đặt đàn làm chay, phần nhiều đủ cả rượu nhắm để mời tân khách, thêm vào đấy bày ra hát xướng, chơi đùa và các trò tạp kĩ khác ; mượn tiếng là báo hiếu, mà thực ra là một chỗ để mua vui. Vậy hạ lệnh từ nay ở dân gian, những nhà có tang đều phải tuân theo lễ phép, không được theo tệ tục cũ, để phong hoá được thuần hậu ; nếu ai trái lệnh sẽ bị tội nặng.

Hoàng thái tử bắt đầu đi học.

Lúc ấy thái tử mới lên 5 tuổi.

Dựng điện Cẩn Đức.

Lời chua – *Điện Cẩn Đức* : Nay không rõ ở đâu.

Tháng 9, mùa thu. Trần Phong, Thượng thư viện Khâm hình, có tội, phải giáng chức làm Tuyên chính sứ Tây Đạo(2).

---

(1) Ngày rằm tháng 7 âm lịch. Theo truyền thuyết hôm ấy là ngày "vong nhân xá tội".

(2) Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Gia Hưng thuộc về Tây đạo. Nay gồm các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Tây, Hoà Bình, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La.

Lúc ấy, Phong làm Thượng thư viện Khâm hình. Nhà vua dụ bảo bầy tôi trong triều rằng : "Trần Cẩn là em của Phong, Cẩn phạm tội, trẫm thường đem việc ấy hỏi Phong, thì Phong nhân tiện đấy mà thêu dệt thêm cái sở đoản của Cẩn, không có gì là tình nghĩa anh em cả. Nay hãy giáng chức, nếu Phong biết nghĩ mà gột rửa được lỗi trước, một niềm giữ được điều trung điều hiếu, thì trẫm cũng mong đợi hiệu quả của Phong sau này". Chb. **XIX**, 34

Lời chua – Việc Trần Cẩn can tội, nay không khảo cứu được.

Tháng 10, mùa đông. Hữu tướng quốc Quỳ quận công Lê Xí mất.

Xí là bậc công thần khai quốc, trải thờ bốn triều vua, công nghiệp đức vọng làm chỗ dựa chắc chắn của triều đình. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, Xí là người có công, được phong lên chức Thái phó, tước Á quận hầu, giúp vua giữ việc chính trị trong nước, rồi lại được gia phong lên tước Quỳ quận công, càng ngày càng được nhà vua tin dùng.

Xí thường tâu cất nhắc người làm Trấn phủ sứ, nhà vua không chuẩn y và dụ bảo rằng : "Nhà ngươi muốn đem người vũ biền làm trấn phủ, nghĩa chữ "trấn phủ", người vũ biền có thể hiểu được à ? Này, Tang Văn Trọng còn mang tiếng chê là người thiết vị[1] đấy, huống hồ bây giờ lại lấp mất đường tiến thân của người hiền tài, mà khơi cái nguồn cho những kẻ kiêu hãnh cầu may hay sao ?"

Lê Xí sau lại được gia chức Nhập nội Hữu tướng quốc, nhà vua dụ bảo rằng : "Xã tắc[2] an hay nguy là ở mấy người các

(1) Tang Văn Trọng : Một viên đại phu giỏi giang ở nước Lỗ về thời Xuân Thu, Tang Văn Trọng biết Liễu Hạ Huệ là người hiền, mà không cất nhắc để dùng, nên Khổng Tử chê là "thiết vị". Ý nói không xứng đáng với ngôi mình hiện giữ, không khác gì người đi ăn trộm được của mà giữ một cách thầm vụng.

(2) Tượng trưng cho quốc gia.

ngươi. Vậy phàm các ngươi có tâu bày chính sự, thì trẫm ở trong triều quyết đoán, bọn các ngươi ở ngoài thừa hành, phải hết lòng hết sức, mong cho ta tiến đến đời thịnh trị". Sau đó, Xí được tiến đến chức Thái uý.

Đến nay Xí bị bệnh, nhà vua ban cho sắc dụ nói : "Trước kia, trẫm ở nơi phiên để[1] không có bụng gì đi xe hoàng ốc[2], các ngươi trừ diệt được đồ đảng nghịch tặc, cùng lòng suy tôn ủng hộ trẫm lên ngôi vua[3]. Trẫm ngự ngôi vua đến nay đã 5 năm, chưa kịp báo đền công giúp rập của nhà ngươi, vậy nhà ngươi nên nghĩ đến việc nước mà cố gắng ăn cơm cháo, uống thuốc thang, để bảo dưỡng lấy tính mệnh trọng đại của mình, đấy là điều mà trẫm mong muốn" . Nhà vua lại bảo Sư Hồi rằng : "Người ngày trước cầu trời đất, tế quỷ thần, cũng có thể trừ được đại hoạ. Vậy ngươi phải hết lòng thành vì cha cầu phúc". Ấy Lê Xí được vua tin yêu quyến luyến đến như thế. Khi mất, hưởng thọ 69 tuổi, nhà vua thương xót mãi, truy tặng chức Thái sư, đặt tên thuỵ là Nghĩa Võ sau được gia phong tước Cương quốc công.

Chb. **XIX**, 35

Tháng 11. Hạ chiếu đại xá.

Lấy cớ là khánh thành hai điện Kính Thiên và Cẩn Đức.

Lời phê – *Phiếm lạm, không thiết thực.*

Quốc tử giám tế tửu kiêm Văn minh điện đại học sĩ[4] Nguyễn Bá Ký mất.

---

(1) Chế độ đời phong kiến, phủ đệ của các tước vương tước hầu ở bên ngoài kinh thành gọi chung là "phiên để". Chữ "phiên" nghĩa đen là cái phên, cái giậu, ý nói nhà của vương hầu như cái phên, cái giậu ở ngoài để bảo vệ kinh thành của vua ở trong. Lê Thánh Tông lúc chưa lên ngôi vua, được phong làm Bình Nguyên vương, rồi lại đổi phong là Gia vương. Chỗ ở của Gia vương lúc ấy gọi là Tây để.

(2) Xe của thiên tử đi, ngoài bọc lụa màu vàng. nên sau dùng chữ "hoàng ốc" để tượng trưng xe của thiên tử.

(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XIX tờ 2–6, việc Lê Xí giết Nghi Dân, phò lập Thánh Tông.

(4) Một chức quan có nhiệm vụ và chức năng gần giống như Hàn lâm viện và Đông các học sĩ.

Bá Ký đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) đời Lê Nhân Tông, ban đầu được bổ chức Hàn lâm tri chế cáo, sau thăng lên Trực học sĩ, vâng mạng triều đình sang sứ bên nhà Minh, khi trở về nước, được gia chức Tả ty lang trung ở Trung thư sảnh, vào chầu Kinh diên[1]. Lúc nhà vua đã lên ngôi, càng ngày Bá Ký càng được vua thân yêu tin dùng, sau được gia phong chức Quốc tử giám tế tửu kiêm Văn minh điện đại học sĩ. Chb. **XIX**, 36

Nhà vua làm văn, có phần sơ lược bỏ mất nghĩa trong kinh, sử, Bá Ký ngỏ lời can, nhà vua khen là người trung. Đến nay Bá Ký mất, nhà vua sai Phạm Hổ, Ty lễ giám, đem sắc văn đến dụ cáo rằng : "Nhà ngươi thờ vua thì trung thành, giữ mình thì chính trực, sớm hôm giúp rập đã sáu năm nay, lòng trung thành yêu nước của nhà ngươi giữ mãi được đến lúc chết". Ấy Bá Ký được vua quyến luyến thương nhớ như thế đấy.

Ban bố phép tập trận đồ của quân thuỷ, quân bộ đã được nhà vua xét duyệt[2].

Thuỷ trận có các phép : trung hư, thường sơn, xà mãn, thiên tinh, nhạn hàng, liên châu, ngư đội, tam tài, thất môn, và yển nguyệt ; bộ trận có các phép : trương cơ, tương kích và kì binh... Nhà vua lại ban bố 31 điều quân lệnh về thuỷ trận[3], 32 điều quân lệnh về tượng trận[4], 27 điều quân lệnh về mã trận[5], 42 điều về bộ trận của quân túc vệ kinh sư[6].

---

(1) Nơi vua chúa đọc sách ở đây ý nói Bá Ký được vào Kinh Diên cùng vua giảng bàn nghĩa sách.

(2) Câu này, nguyên văn trong Cương mục chép không rõ nghĩa. Ở đây chúng tôi dịch theo *Toàn thư* cho dễ hiểu hơn.

(3) Quân chiến đấu ở dưới nước.

(4) Quân chiến đấu bằng voi. Lê Thánh Tông có đặt 4 vệ Tuần tượng.

(5) Quân chiến đấu bằng ngựa. Lê Thánh Tông, có đặt 4 vệ Mã nhân.

(6) Lê Thánh Tông có đặt 2 vệ Kim Ngô và Cẩm Y, 4 vệ Hiệu lực, 4 vệ Thần võ, là quân túc vệ trong kinh thành.

Nhà vua lại dụ bảo các vệ quân ở năm đạo và bọn Tổng quản, Tổng tri rằng : "Phàm đã có quốc gia, tất phải có vũ bị, vậy thì nên nhân lúc nhà nông nhàn rỗi, tạm hoãn những việc không cần, mỗi tháng cứ đến ngày rằm là ngày binh lính đến phiên thay đổi, thì lượng lưu lại một số để canh giữ, còn bao nhiêu người thì một hai ngày đầu, Tổng quản, Tổng tri được phép dựa vào trận đồ, điều chỉnh dốc sức chia thành từng đội, từng ngũ, dạy chúng biết phép ngồi đứng tiến lui, nghe rõ tiếng hiệu lệnh về chiêng trống, làm cho quân sĩ tập quen việc bắn cung tên, không quên việc vũ bị, đến ngày thứ tư trở đi mới được sai phái. Nếu người nào không biết dụng tâm dạy bảo luyện tập, dám làm điều phiền tạp nhũng nhiễu, sẽ luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức". Chb. **XIX**, 37

Lời chua – *Vệ quân năm đạo* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.XV,5-6).

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 20

Từ Bính Tuất, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đến tháng 9 mùa thu, năm Đinh Hợi, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (1467), gồm một năm lẻ. Chb. **XX**, 1

*

Bính Tuất, năm [Quang Thuận] thứ 7 (1466). (Minh, năm Thành Hoá thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy thu tô thuế.

Trước đây nhà vua hạ chiếu ân xá : phàm tô thuế về đinh và điền đều được miễn cả. Đến nay vì có việc tiêu dùng cần kíp, nên lại truy thu.

Lời phê : – *Chính lệ đổ nát, mất tín nhiệm với dân.*

Lời chua : – *Tô thuế đinh điền* : theo mục "Quốc Dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, Lê Thánh Tông định thuế lệ nhân đinh, đồng niên mỗi người nộp 8 tiền ; thuế lệ ruộng đất và bãi trồng dâu thì liệu lượng số mẫu chia làm ba hạng : hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, mỗi hạng nộp tiền nhiều ít khác nhau.

Tháng 3. Nhà vua thân hành thi cống sĩ, cho bọn Dương Như Châu được xuất thân cao thấp khác nhau.

Trước đây nghị định về việc thi Tiến sĩ, định kì hạn vào những năm Sửu, Thìn, Mùi và Tuất. Chb. **XX**, 2

Đến nay thi Hội, lấy 27 người trúng cách. Nhà vua ra ngự ở cửa Kính Thiên, thân hành ra bài sách, cho bọn Dương Như Châu 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Thiếp 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Họ tên và thứ tự những người mới đỗ được đem truyền lô và yết bảng ở ngoài cửa Đông Hoa. Nhà vua ban cho những người ấy được ân mạng và được vinh quy. Lệ định 3 năm một lần thi bắt đầu từ đây.

Lời chua : – *Dương Như Châu* : Người làng Lạc Thổ, huyện Siêu Loại[1].

Nguyễn Nhân Thiếp : Người làng Kim Đôi, huyện Vũ Ninh[2].

Tháng 4, mùa hạ. Thay đổi xếp đặt lại quân ở 5 phủ và định quân hiệu.

Hồi đầu triều Lê, đặt vệ quân năm đạo, ở vệ đặt các chức Tổng quản, Đô tổng quản và Chánh phó đội trưởng, Chánh phó ngũ trưởng. Đến nay thay đổi xếp đặt lại quân năm phủ :

– Thanh Hoá và Nghệ An thuộc phủ Trung quân ;

– Nam Sách và An Bang thuộc phủ Đông quân ;

– Thiên Trường và Thuận Hoá thuộc phủ Nam quân ;

– Quốc Oai và Hưng Hoá thuộc phủ Tây quân ;

– Bắc Giang và Lạng Sơn thuộc phủ Bắc quân.

Còn hai đạo Thái Nguyên và Tuyên Quang thuộc quân Phụng Trực.

Mỗi phủ sáu vệ, mỗi vệ năm sở hoặc sáu sở, định lệ quân mỗi sở đều 400 người.

Phủ đặt các chức Tả, Hữu đô đốc, Đô đốc đồng tri và Đô đốc thiêm sự ; ở vệ đặt các chức Tổng tri, Đồng tổng tri và Thiêm

(1) Nay thuộc xã Song Hồ huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

(2) Nay thuộc xã Kim Chân, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

tổng tri ; ở sở đặt các chức Quản lãnh, Phó quản lãnh, Chánh võ uý và Phó võ uý, mỗi ngũ đặt một chức Tổng kỳ.

Đem cục Thân Tuỳ thăng làm tả hữu Vũ Lâm quân. Theo chế độ cũ, Nội thị sảnh có cục Thân Tuỳ, bổ dụng con quan viên từ lục phẩm trở lên đến tam phẩm ; đến nay thăng cục ấy làm Điện Tiền tả hữu Vũ Lâm quân. Chb. **XX**, 3

Lời chua : *–Vệ quân năm đạo* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.XV,5-6).

Thanh Hoá, Nghệ An, An Bang, Thuận Hoá, Hưng Hoá, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang : Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16-35).

Nam Sách(1) : Tức Nam Sách(2). Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb.V,22).

Thiên Trường : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 15 (Chb.VI,28).

Quốc Oai : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb.X,16).

Theo *Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập,* thì quân 5 phủ như sau :

Phủ Trung quân 6 *vệ* :

– Vệ Phụng Thánh có 5 sở là : Thiên Định, Thiên Oai, Thiên Hùng, Thiên Khôi và Thiên Tiết.

– Vệ Phụng Thần có 5 sở là : Hám Hổ, Oai Hổ, Thần Hổ, Mãnh Hổ và Hùng Hổ.

– Vệ Can Ngưu có 5 sở là : Minh Nghĩa, Hiệu Nghĩa, Oai Nghĩa, Tín Nghĩa và Kính Nghĩa.

---

(1) Nam Sách theo âm Việt thì một âm, nhưng theo tự dạng trong Hán văn thì hai chữ sách khác nhau.

(2) – nt –

Vệ Hổ Bôn có 5 sở là : Lục Đinh, Thần Đinh, Tráng Đinh, Nghĩa Đinh và Hoả Đinh.

–Vệ Xạ Kỵ có 5 sở là : Cường Vũ, Thần Vũ, Hưng Vũ, Kiêu Vũ và Tín Vũ.

Vệ Chấn Oai có 6 sở là : Lôi Hoả, Điện Hoả, Oai Hoả, Tiệp Hoả, Nhuệ Hoả và Xuyên Vân.

Chb. **XX**, **4**

Phủ Đông quân 6 *vệ* :

–Vệ Minh Nghị có 5 sở là : Kiêu Kỵ, Huyền Ngạch, Khai Sơn, Trung Oai và Định Oai.

–Vệ Quảng Vũ có 5 sở là : Tam Phụ, Giải Phân, Oai Dũng, Vân Kỵ và Hiệu Thắng.

–Vệ Ngọc Kiểm có 5 sở là : Chương Vũ, Khống Quyền, Tráng Dũng, Kiện Vũ và Phê Cang.

–Vệ Anh Đức có 5 sở là : Vũ Oai, Thiết Hổ, Đầu Đổng, Huyền Qua và Chấn Viễn.

–Vệ Lâm Khang có 5 sở là : Trực Đăng, Ứng Bình, Loan Hồ, Bác Trạo và Kiểu Hùng.

–Vệ Phấn Oai có 6 sở là : Chu Điện, Oai Điện, Mãnh Điện, Liệt Điện, Phấn Điện và Lăng Tiêu.

Phủ Nam quan 6 *vệ* :

–Vệ Bảo Trung có 5 sở là : Thần Loan, Vân Đề, Thần Dực, Dũng Tiệp và Định Vũ.

–Vệ Kiến Huân có 5 sở là : Tráng Phong, Vũ Kỵ, Thần Lực, Mao Đầu và Loan Liễn.

–Vệ Chế Thắng có 5 sở là : Chiêu Vũ, Chế Kỳ, Thiên Trường, Tráng Tạo và Sâm Kỳ.

–Vệ Tráng Tiết có 5 sở là : Phi ưng, Quả Cảm, Hoành Dã, Trấn Lỗ và Khắc Địch.

–Vệ Lạc Xương có 5 sở là : Siêu Quan, Trinh Kiện, Hiệp Luân, Tì Túc và Đầu Tì.

–Vệ Hùng Oai có 6 sở là : Trấn Địch, Chế Địch, Hùng Lực, Trấn Biên, Tĩnh Tái và Ấm Vũ. Chb. XX, 5

Phủ Tây quân 6 *vệ* :

–Vệ Kiêu Tiếp có 5 sở là : Oai Viễn, Nhân Oai, Tín Oai, Quy Nghĩa và Quyết Kỳ.

–Vệ Nghiêm Dũng có 5 sở là : Thuận Quốc, Bách Ngạch, Hùng Thắng, Chấp Kích và Hoành Hải.

–Vệ Ưng Dương có 5 sở là : Ninh Sóc, Lăng Vân, Đột Kỵ, Thiết Sơn và Vạn Tiệp.

–Vệ Báo Thao có 5 sở là : Chấn Vũ, Kiêu Thắng, Tinh Việt, Thiết Ngạch và Tồi Kiên.

–Vệ Chiêu Công có 5 sở là : Chấp Di, Phù Tấn, Kiển Kỳ, Át Khấu và Thích Xà.

–Vệ Lôi Oai có 5 sở là : Xiết Điện, Oanh Thiên, Lôi Oanh, Đình Khu và Xung Chấn.

Phủ Bắc quân 6 vệ :

–Vệ Ninh Quốc có 5 sở là : Đại Thắng, Tĩnh Kỵ, Ngữ Địch, Bình Khấu và Hùng Dũng.

–Vệ Dực Thuận có 5 sở là : Nghĩa Dũng, Lăng Giang, Bạt Sơn, Tồi Phong và Quyết Thắng.

–Vệ Khai Sơn có 5 sở là : Diệu Võ, Nghĩa Thắng, Trứ Dũng, Vạn Thắng và Tĩnh Biên.

–Vệ Thanh Sóc có 5 sở là : Quyết Bài trung sở, Chiêu Thắng tiền sở, Vạn Thắng hữu sở, Tĩnh Biên hậu sở, còn một sở nữa không rõ tên.

–Vệ Hoằng Tĩnh có 5 sở là : Lạc Hoan, Thước Kích, Tiễn Hùng, Đề Khu và Phục Hùng.

Vệ Tuyên Oai có 6 sở là : Mãnh Đột, Khước Địch, Vô Địch, Quán Giáp, Chấn Hổ và Quán Cách.

Thân Tuỳ cục : Theo mục "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì quan thuộc trong cục Thân Tuỳ có các

chức Đô tri, Chánh giám và Phó giám, còn số viên chức này không thể khảo cứu được. Chb. XX, 6

Vũ Lâm quân : Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 33).

Phụng Trực quân : Nay không khảo cứu được.

Bãi bỏ sáu viện, đặt sáu bộ và sáu tự.

Trước đây đặt sáu viện, quan chức trong sáu viện chia nhau giữ mọi việc chính trị trong nước, đến nay bãi bỏ đi, đổi đặt làm sáu bộ là bộ Lại, bộ Hộ, bộ Binh, bộ Hình và bộ Công mỗi bộ đặt chức Thượng thư và Tả Hữu Thị lang, quan thuộc có các chức Lang trung, Viên ngoại lang và Tư vụ. Lại đặt sáu tự là Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thượng bảo tự, mỗi tự đặt chức Tự khanh, Thiếu khanh và Tự thừa.

Lời phê : – *Do cái bệnh sính thay đổi.*

Lời chua : – *Sáu viện* : Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chb. XIX, 30–31).

Tháng 5. Phân phối cho các quân sĩ về nhà làm ruộng.

Thái bộc tự Thiếu khanh Lê Đình Tuấn tâu nói : Việc làm ruộng là gốc rễ trong nước, không nên để lỗi thời, xin để các quân sĩ một nửa ở lại làm việc, còn thì cho về làm ruộng. Nhà vua chuẩn theo lời tâu ấy.

Lời chua : – *Lê Đình Tuấn* : Người làng Thanh Lãng, huyện Tế Giang[1], đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

(1) Nay là thôn Hương Lãng, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên.

Tháng 6. Định màu sắc áo mặc của các quan văn quan võ.

Các quan văn võ từ nhất phẩm đến tam phẩm khi vào chầu mặc màu hồng, từ ngũ phẩm mặc màu lục, từ lục phẩm đến cửu phẩm mặc màu xanh.

Nhà vua ban bức vẽ về hình dáng cái bổ tử[1]. Phàm bổ tử được dùng hình dáng chim muông để làm tượng trưng : bổ tử của tước công, tước hầu, tước bá và phò mã[2] cùng quan văn võ về hàng chánh phẩm vẽ một con, hàng tòng phẩm vẽ hai con ; về Phong Hiến đường thì[3] thượng ti vẽ một con, phân ti vẽ hai con. Còn hình dáng mây, sông, núi, nước, hoa, cây vẽ nhiều hay ít đều không câu nệ. Màu sắc cái bổ tử cần dùng năm vẻ để làm nổi bật năm sắc áo ; sợi chỉ dùng để thêu hình dáng chim muông núi sông v.v... vào bổ tử thì dùng tơ màu hoặc kim tuyến đều được tuỳ ý. Chb. **XX**, 7

Nhà vua hạ lệnh cho các quan văn võ trong kinh thành, ngoài các đạo mỗi khi thường tham[4] hoặc bệ từ [5] được mặc áo cổ tròn.

---

(1) Theo Nghi lễ đời phong kiến, mỗi khi bầy tôi vào chầu vua thì mặc triều phục, triều phục có nhiều màu : như màu tía, màu hồng, màu lục, màu lam, màu xanh... tuỳ theo phẩm trật cao thấp. Triều phục nào ở đằng trước ngực và sau lưng cũng đều có một bức lụa hoặc dạ hoặc nỉ hình vuông đính thêm vào gọi là bổ tử. Trên bổ tử có thêu các hình chim muông để làm tượng trưng. Thí dụ về hàng quan văn thì bổ tử thêu chim công, chim hạc ; về hàng quan võ thì bổ tử thêu con hổ, con sư tử...

(2) Một tên gọi để dành riêng cho những người lấy công chúa.

(3) Một danh từ riêng để chỉ Ngự sử đài, vì các quan trong Ngự sử đài có nhiệm vụ giữ về phong hoá hiến chương trong nước, nếu ai làm điều gì trái với phong hoá hiến chương thì ngự sử có quyền đàn hặc, nên gọi Ngự sử đài là Phong Hiến đường.

(4) Bầy tôi vào triều yết vua theo một thời kỳ nhất định để quy định từ trước, gọi là thường tham.

(5) Bầy tôi được phái đi sứ ở nước ngoài, hoặc được cử đi công cán đặc biệt, trước khi đi làm nhiệm vụ vào sân rồng bái mạng để ra đi, gọi là bệ từ.

Định chế độ áo mặc khi tiến triều : mặc áo dài cách mặt đất hai tấc, tay áo rộng một thước ba tấc.

Chia trong nước làm 12 đạo.

Hồi đầu triều Lê chia trong nước làm năm đạo, đem phủ, lộ, trấn, châu, huyện và xã chia thành khu vực để lệ thuộc vào đạo. Ở các đạo, chia từng trách nhiệm mà đặt chức hành khiển cùng Chánh Tuyên phủ sứ ; Phó tuyên phủ sứ ; ở phủ đặt chức Tri phủ ; ở lộ và trấn đặt các chức An phủ sứ và Trấn phủ sứ. Đặt chức quan ở phủ, ở lộ, ở trấn như vậy là có ý để họ liên lạc với nhau mà thông hiểu tình hình trong từng khu vực. Ở châu đặt chức Phòng ngự sử ; ở huyện đặt các chức Chuyển vận sứ và Tuần sát sứ ; ở xã đặt chức Xã quan.

Khi nhà vua lên ngôi, đổi chức Hành khiển làm Tuyên chính sứ, liêu thuộc của Tuyên chính sứ có các chức Tham chính, Tham nghị, Chủ sự và Suy quan. Đến nay chia trong nước làm 12 đạo thừa tuyên là : 1) Thanh Hoá, 2) Nghệ An, 3) Thuận Hoá, 4) Thiên Trường, 5) Nam Sách, 6) Quốc Oai, 7) Bắc Giang, 8) An Bang, 9) Hưng Hoá, 10) Tuyên Quang, 11) Thái Nguyên, 12) Lạng Sơn. Mỗi đạo đều đặt hai ti : Đô ti và Thừa ti. Quan chức ở Đô ti đặt chức Tổng binh và phó Tổng binh. Đổi Tuyên chính sứ ti làm Thừa chính sứ ti. Đặt chức Thừa chính sứ và Thừa chính phó sứ. Bãi bỏ chức Tuyên phủ chánh sứ và Tuyên phủ phó sứ ở các đạo. Lại đem hai huyện ở kinh kỳ[1] đặt làm phủ Trung Đô, quan chức trong phủ này có các chức Phủ doãn, Thiếu doãn và Trị Trung. Bãi bỏ tên các lộ, các trấn, và đều đặt tên là phủ, đổi tên An phủ sứ làm Tri phủ ; Trấn phủ sứ làm Đồng tri phủ ; Phòng ngự sứ làm Tri châu, Chuyển vận sứ làm Tri huyện ; Tuần sát sứ làm Huyện thừa ; Xã quan làm Xã trưởng.

Chb. XX, 8

(1) Theo *Phương đình địa chí loại* của Nguyễn Văn Siêu thì triều Lê đặt hai huyện phụ thuộc vào kinh kỳ là Quảng Đức và Thọ Xương.

Lời chua : – *Năm đạo* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb.XV,5-6.)

Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn và Trung đô phủ : Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,16-35).

Thiên Trường : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb.VI,28).

Nam Sách : Tức Nam Sách[1] : Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb.V,22).

Quốc Oai ; Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X,16).

Tháng 7, mùa thu. Bổ nhiệm Nguyễn Thiện làm Thừa chính phó sứ ở Thanh Hoá.

Nguyễn Thiện, trước đây, giữ chức Ngự sử, gặp việc trái phép thì nói một cách quả cảm, nhà vua hạ sắc lệnh dụ bảo rằng : "Nhà ngươi làm bầy tôi, hết lòng thành lo việc nước, thường dâng lời nói phải, có lúc trẫm dùng uy quyền để trấn áp cũng chưa thấy nhà ngươi nao núng. Thật là đáng khen. Vậy đặc cách sai viên Ti lễ giám đem sắc dụ đến ban khen và thưởng cho bạc lạng". Chb. **XX**, 9

Đến nay Nguyễn Thiện được bổ ra giữ chức Thừa chính, nhà vua lại dụ bảo rằng :" Trước kia nhà ngươi giữ nhiệm vụ can ngăn, những lời nghị luận thiết thực thẳng thắn ; nay bổ ra ngoài để vỗ về yên ủi trăm họ, bảo vệ che chở cho dân một phương, nhà ngươi nên giữ phép công, lo việc dân, răn chừa lòng tức giận, bỏ hết lòng tham muốn, để khỏi hổ thẹn với chức trách mà trẫm đã uỷ thác cho".

Nhà vua dụ bảo Thiêm đô ngự sử Đào Tuyến rằng : "Khoảng niên hiệu Thái Hoà –Diên Ninh[2]" chức Ngự sử không lọt vào

(1) Xem chú thích số 3, 4 *Chính biên* quyển XX tờ 3.

(2) Đầu niên hiệu Lê Nhân Tông (1443-1459).

tay bọn ngoại thích[1], thì lọt vào tay bọn quyền thần ; vì thế mà làm rối loạn cả lời nghị luận công bằng, không phân biệt được con ngựa hay con hươu[2], chính trị trong nước không có lúc nào tệ hại quá như lúc ấy. Nay nhà ngươi giữ việc phong hiến, tự ý làm càn lại sơ suất cả về lời nói, thật là một người quan lại giảo hoạt".

Lời chua : – *Đào Tuyến* : Người làng Sùng Sơn, huyện Chương Đức[3], đỗ Đồng tiến sĩ Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hoà đời Lê Nhân Tông.

Tháng 10, mùa đông. Thay đổi xếp đặt ti thuộc bộ Hình.

Theo chế độ cũ, viện Ngũ hình có : Tả hình, Hữu hình, Thẩm hình, Tường hình và Ti hình, mỗi viện đều đặt chức Đại phu. Đến nay sắp xếp lại bộ Hình, đổi viện Tả hình làm ti Thanh hình, viện Hữu hình làm ti Thận hình, ba viện Thẩm hình, Tường hình và Ti hình chia làm hai ti Minh hình, Tường hình. Mỗi ti đều đặt chức Lang trung, còn chức Đại phu ở viện Ngũ hình đều bãi bỏ. Chb. XX, 10

Nhà vua lấy cớ rằng khoảng niên hiệu Thái Hoà (1443–1453) , ở Hình ti chỉ đặt hai viên Đại phu, xét đoán việc hình ngục phần nhiều chậm trễ ; đến nay hạ sắc lệnh cho bộ Lại đặt thêm ở Hình ti 3 người giữ chức Viên ngoại lang. Chức này chọn các quan trong kinh sư và ngoài các đạo người nào có đức độ vừa cương vừa nhu dung hoà với nhau và có tài sở trường về việc hỏi kiện để sung bổ .

---

(1) Anh em, con cháu về họ vợ của vua lúc đương thời.

(2) Ý nói không phân biệt được trái phải. Câu này dùng điển trong *Sử ký* đời Tần. Thừa tướng Triệu Cao dâng con hươu lên Tần Nhị Thế, lại nói đấy là con ngựa. Nhị Thế hỏi những người bên cạnh, thì người nói là hươu. người nói là ngựa, sau Triệu Cao dùng kế làm hại người nào đã nói là hươu.

(3) Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

Không mưa.

Đinh Hợi, năm thứ 8 (1467). (Minh, năm Thành Hoá thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Ân xá.

Đại lược trong tờ dụ ân xá nói :" Năm ngoái từ mùa thu đến mùa đông, trời nắng mãi không mưa, nhân dân phải khổ sở về gạo ăn, trẫm là cha mẹ dân, trong bụng thực đau xót như dao cắt. Vậy gia ân khoan xá để tỏ chí ý thương yêu nhân dân của trẫm" .

Lời phê : – *Thể lệ ân xá thế nào không rõ, lấy gì để chứng thực ?*

Bắt đầu cử hành lễ mừng thọ ở điện Cần Chính.

Trước đây, mỗi năm cứ đến đầu mùa xuân, xa giá nhà vua đến nhà thái miếu làm lễ bảo thần, người thầy cúng đọc chúc từ để cầu thần ban phúc lành. Khi lễ đã hoàn thành, nhà vua tạm nghỉ ở hành điện, trăm quan vào làm lễ mừng thọ . Đến nay nhà vua hạ nghị định cứ hằng năm, đầu mùa xuân, làm lễ bảo thần xong, nhà vua trở về cung, các quan mới vào làm lễ mừng thọ ở điện Cần Chính. Thể lệ này từ sau theo làm lệ thường. Chb. **XX**, 11

Lời chua : – *Điện Cần Chính* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.XV,13).

Lễ bảo thần : Theo mục "Lễ nghi chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, lễ bảo thần cử hành ở nhà tông miếu để cầu thần ban phước lành.

Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh.

Nhà vua hạ sắc lệnh từ nay phàm có đi tuần du, thì quan triều tham[1] đeo thẻ bài theo đi hộ giá, trên mặt thẻ bài chua

(1) Một danh từ để chỉ một viên quan vào chầu yết kiến vua, chứ không phải tên một chức quan.

rõ những chữ "hỗ tụng", để tiện nhận ghi dấu. Việc này làm theo lời tâu của Trần Phong.

Ngày mồng một tháng 2. Nhật thực.

Nhà vua đến Văn Miếu làm lễ tế Tiên Sư.

Không mưa.

Nhà vua thấy trời mãi không mưa, sai Thái bảo Nguyễn Lỗi đến cầu đảo ở đền Chí Linh và Hoằng Hựu.

Lời chua : – *Đền Chí Linh* : Ở châu Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá(1).

Đền Hoằng Hựu : Ở huyện Lương Giang tỉnh Thanh Hóa.

Hạ lệnh khám xét đất công ở Lam Sơn, ban cấp cho bầy tôi có công, người được nhiều được ít khác nhau. Chb. XX, 12

Lúc ấy đất công ở Lam Kinh phần nhiều bị nhà quyền thế chiếm làm của riêng. Nhà vua hạ lệnh cho Trần Phong, Thượng thư bộ Hộ, cùng với Phan Sư Tôn, Thừa chính sứ Thanh Hoá, khám xét đất công ở làng Lam Sơn, ban cấp cho bầy tôi có công từ nhất phẩm đến thất phẩm mỗi người được số đất nhiều ít khác nhau. Nhân đấy, nhà vua dụ bảo trăm quan và kỳ lão rằng :" Lam Kinh là làng của vua, không thể ví như chỗ khác được ; gần đây nhà quyền thế trái lễ giáo, khinh pháp độ, chiếm riêng đất công để làm sở hữu của mình, trẫm nghĩ nếu buộc ngay những người ấy vào pháp luật, không bằng trước dạy bảo họ biết lễ giáo. Vậy từ nay lập giới hạn nhất định, người nào còn dám trái lễ, phạm phép sẽ bị trị tội".

Lời chua : – *Lam Sơn* : Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb.XIII,2).

(1) Nay là huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Quốc Oai và Tam Đái phát sinh chứng dịch, nhà vua cấp thuốc để điều trị cho dân

Lúc ấy nhân dân ở Quốc Oai và Tam Đái phần nhiều bị tật dịch, nhà vua hạ lệnh cho Lưu thủ Lê Niệm cấp phát tiền trong kho, sai Tế Sinh đường sứ mua thuốc để điều trị cho dân. Từ nay về sau, phàm dân ở phủ nào có phát sinh chứng ôn dịch đều sai quan đến điều trị.

Lời chua : – *Quốc Oai* : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5[1] (Chb.X,16).

Tam Đái : Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V,29).

Lưu thủ : Lúc ấy nhà vua đi tuần du ở Tây Kinh, sai Lê Niệm ở lại giữ Đông Kinh.

Tế Sinh đường sứ : Thuộc viện Thái y, xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chb.XXII,18,22) Chb. **XX**, 13

Nhà vua về đến Thiên Trường, hạ lệnh cho các quân sĩ diễn tập phép đánh trận

Nhà vua từ Lam Kinh về đến Thiên Trường, ban phép trận đồ, hạ lệnh cho quân sĩ tập trận trung hư ở Lỗ Giang, tập trận tam tài và thất môn ở Vi Giang. Lúc ấy bọn Lê Thiệt, Tây quân đô đốc, vì trái lệnh trong khi duyệt tập, phải trói chặt hai tay lại đằng sau, điệu đến cửa dinh chịu tội, sau lại được tha.

Trước đây, bọn Chuyển vận sứ Hán Đình và Thái chúc thừa Nguyễn Đức dâng trận đồ : một là trận trung hư, hai là trận mãn thiên tinh, ba là trận thường sơn xà, nhà vua ban khen và thu nạp, phong cho hai người này là Trấn điện phó tướng quân, rồi sai họ dạy quân năm phủ diễn tập, nhưng tập mãi không thành thuộc, nhà vua phạt tội trượng và bãi chức hai người này.

Lời phê : – *Xem thế*[2] *có thể biết được những việc tập trận đều là trang sức danh tiếng hão.*

---

(1) Sử *Cương mục* chép lầm là năm thứ nhất

(2) Chỉ việc hai viên tướng dạy quân sĩ diễn tập trận đồ mãi không thành thuộc.

Lời chua : – *Lỗ Giang* : Ở huyện Nam Xang, nay thuộc tỉnh Hà Nội[1]

Vi Giang : Tức sông Ông Vi, ở huyện Vũ Tiên, nay thuộc tỉnh Nam Định[2]. Chb. **XX**, 14

Nhà vua trở về cung.

Tháng 3. Khảo hạch học sinh, giám sinh và nho lại, người nào trúng tuyển được trao quan chức.

Theo chế độ cũ, con cháu quan viên được lựa chọn để bổ sung vào làm học sinh ở Ngự Tiền cận thị cục ; sinh đồ, tức là những người thi Hương trúng được bốn kỳ, đều được sung bổ làm giám sinh ở Quốc Tử Giám ; giám sinh, người nào có tài làm lại, được bổ sung làm lại điển ở các nha môn. Đến nay, nhà vua sai bộ Lại khảo xét kỹ lại. Những người trúng tuyển : nếu là Cận thị cục học sinh, sẽ được cất nhắc làm Huyện thừa ở các huyện ; nếu làm giám sinh ở Quốc Tử Giám và là lại điển ở các nha môn, sẽ được bổ giữ giáo chức ở các phủ.

Nhà vua hạ lệnh tìm di tập thơ và văn của Lê Trãi[3].

Ông Trãi, giúp Lê Thái Tổ khai quốc, rồi lại giúp Lê Thái Tông, tài trí, phép tắc, mưu mô, đạo đức, đều vượt hơn hết mọi người lúc bấy giờ ; ngoài ra, ông lại có những tác phẩm như *Quân trung từ mệnh*[4], *Dư địa chí*[5], *Ngọc đường di tập,*

---

(1) Nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

(2) Nay ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(3) Ông Trãi chính là họ Nguyễn, vì có công giúp Lê Thái Tổ diệt quân Minh xâm lược khôi phục lại đất nước, nên được theo họ vua là họ Lê. Ở đây, *Cương mục* chép theo họ mà Lê Thái Tổ ban cho ông.

(4) Tham khảo *Ức trai di tập, Quân trung từ mệnh* của Nguyễn Trãi có 42 bức thư, phần nhiều là thư từ trao đổi với nhà Minh và một số thư chiêu dụ các thành ra hàng.

(5) Cũng gọi là *An Nam vũ cống,* vì sách *Dư địa chí* này trình bày theo thể văn thiên Vũ Cống trong kinh *Thượng thư.*

Giao tự đại lễ, Thạch bàn đồ[1] *và văn thơ*[2]. Đến khi bị giết, di thảo của ông phần nhiều bị mất mát, chỉ còn sót lại được chút ít, nhà vua xem đến, đặc biệt ngợi khen, cho nên hạ lệnh sưu tầm.

Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Trước đây, nhà vua đi tuần Tây Kinh, xa giá đến hành điện[3], sứ thần Chiệm Thành là Trầm Phác Sà đến cống nạp, nhà vua cho phép sứ thần vào triều yết ở hành tại[4]. Đến nay sứ thần được ban yến ở Bắc Sứ quán, nhà vua lại sai viên nội quan hỏi sứ thần về lễ thờ nước lớn. Sử thần thưa rằng : "Nước Chiêm Thành đối với thánh triều cũng như con thờ cha mẹ, một mực nghe theo mệnh lệnh ; như mệnh lệnh thiên tử ban ra, ngoài lễ vật cống nạp thường hằng năm, lại trách đến khoản tích cống[5], đấy là thể lệ mới, tôi không dám thiện tiện ứng đối". Chb. XX, 15

Lời chua : – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III,20-21).

Bổ Trần Phong làm Thượng thư bộ Hình, Nguyễn Cư Đạo làm Đô ngự sử[6] trong Ngự sử đài, quyền Thượng thư bộ Hộ, giữ công việc ở Kinh Diên[7].

---

(1) *Ức trai di tập* chép là "Thạch khánh đồ", trong sách *Cương mục* này *Chính biên* quyển XVII tờ 2 cũng chép "Thạch khánh đồ". Xem thêm chú giải số 4 ở Chính biên quyển XVII tờ 3 (tập IX) trang 60).

(2) Theo *Ức trai di tập* thì văn thơ của Nguyễn Trãi hiện nay còn sót lại một tập thơ, phú và ca bằng chữ Hán và một tập thơ bằng chữ Nôm.

(3) Vua chúa khi ra ngoài kinh thành đóng ở nơi nào, thì nơi ấy gọi là hành điện hoặc hành tại.

(4) nt

(5) Phẩm vật gì không phải là thứ thường dùng, cho nên không liệt vào số cống phẩm hằng năm, chỉ khi nào vua cho lệnh đem cống mới được cống nạp, gọi là tích cống.

(6) Tức quan đứng đầu Ngự sử đài, hàm tam phẩm, giống như Thị ngự sử thời Trần.

(7) Xem chú thích số 4, *Chính biên* quyển XIX, tờ 36.

Nhà vua dụ bảo Trần Phong rằng: "Trẫm nghe cổ nhân nói: "Trị nước mà không dùng thưởng phạt, thì dầu đời Đường đời Ngu cũng không thể nào trị được thiên hạ"[1]. Nay trẫm trịnh trọng ký thác ở nhà ngươi, nhà ngươi chỉ làm thế nào giữ được 4 chữ "cần, thành, đôn, xác"[2] thôi. Như thế thì nhà ngươi có lẽ nào lại không cố gắng dùi mài đọc sách để hiểu rõ được đạo lý sáng khôn giữ mình hay sao ?" Nhà vua dụ bảo Nguyễn Cư Đạo rằng : "Trẫm từ thuở bé cùng nhà ngươi giao du, kịp khi trẫm lên ngự ngôi báu, nhà ngươi chầu trực ở Kinh Diên, nói về nghĩa là vua với tôi, nói về tình như cá với nước, nhà ngươi phải hết lòng hết sức, cố mong báo đền ơn nước, chí công vô tư, ngăn ngừa hết sự đút lót ; như thế trẫm sẽ là một ông vua biết người, mà nhà ngươi được là một bầy tôi tận trung với nước, bản thân được hiển vinh, danh tiếng được vang dội, sáng tỏ mãi trong sử sách, chẳng cũng tốt đẹp lắm sao ? Nếu không thế, thì trẫm là một ông vua không biết người, mà nhà ngươi là một người bầy tôi chỉ có danh vị hão huyền mà không làm được việc gì cả. Ấy hai đường ấy, muốn theo đường nào cốt ở nhà ngươi lựa chọn". Chb. **XX**, 16

Lời chua : – *Nguyễn Cư Đạo* : Người làng Đông Khối, huyện Gia Định[3], đỗ Đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Cầm Đồng, thổ tù ở châu Thuận, đem người Ai Lao sang cướp Hưng Hoá ; nhà vua hạ lệnh cho Tổng binh Khuất Đả đem quân đi đánh, dẹp yên được.

Người Ai Lao chiếm ở Lộng Động, viên phụ đạo châu Thuận là Cầm Đồng cùng họ giao thông viện trợ lẫn nhau, xâm chiếm cướp bóc dân biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho

---

(1) Trích một câu trong tờ phong sự của Ngụy Nguyên Trung dâng lên Đường Cao Tông *(Tư trị thông giám* quyển 202, tờ 6387).

(2) Bốn chữ này nghĩa đen là : siêng năng, thành thật, đôn hậu, cẩn thận.

(3) Nay thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Tổng binh Khuất Đả làm Đốc tướng, Đồng tổng binh Nguyễn Động làm phó tướng, Khiên Nhân Thọ giữ chức Tán lý quân vụ, thống lãnh hơn năm ngàn quân, hội họp với quân trấn thủ phủ Gia Hưng để đi đánh. Khi quân sĩ tiến đến châu Mộc thuộc phủ Gia Hưng, hợp sức với ba trăm lính thổ kéo thẳng đến sách Câu Lộng vùng sông Mã. Khuất Đả phân phối cho viên Tổng tri vệ Gia Hưng là Lê Miễn đem quân của vệ mình đến Khâu Chúc, hợp lực với lính thổ châu Việt và châu Mỗi đón chặn các đường hiểm yếu, nói phao lên là đem quân đánh giặc. Giặc nghe tiếng, bỏ chạy tan vỡ. Khuất Đả sai người dụ dỗ về đường lợi hại, bọn phụ đạo Cầm Đồng đến cửa dinh xin hàng. Khuất Đả bèn sai Xa Man, Kinh lược sứ châu Mộc, sửa sang nơi hiểm yếu cũ cho được trọn vẹn, rồi cho Xa Man cùng quan bản thổ là Cầm La đem lính thổ đóng giữ phòng bị ; Khuất Đả dẫn quân về. Chb. **XX**, 17

Trận này, vừa đi lẫn về chỉ có 18 ngày, những nơi binh sĩ đi qua, không làm kinh động đến con gà, con chó. Đến ngày làm lễ hiến phù[1], nhà vua muốn đem tù binh hành hình ở địa phương mà chúng đã xâm phạm để làm gương răn người khác. Bọn Thái bảo Lê Liệt tâu rằng : "Nếu Cầm Đồng quả thực lòng phục tội, xin đến đầu hàng, thì nên cho hắn được khỏi tội chết, để khuyến khích người sau này ; nếu vì bức bách mà sau mới xin quy phục để mong khỏi chết, thì giết đi cũng là phải". Nhà vua ra lệnh đem giam Cầm Đồng vào ngục.

Trận này, viên Hiệu uý Hoàng Liễu đem lính thổ phủ An Tây đánh nhau với bộ lạc Ai Lao ở Khâu Lao chém giết được rất nhiều người, châu Thuận liền bắt giải vợ con Cầm Đồng

(1) Xem chú thích số 2, *Chính biên* quyển VIII, tờ 8.

cùng tù binh và những tai đã xẻo được[1] của quân Ai Lao nộp về kinh sư.

Lời cẩn án : – Sử cũ *chép* : *"Khuất Đả chiêu hàng được giặc Ai Lao là bọn Đạo Đồng". Nay tham khảo các sách sau này thì thấy* :

– *Sách* Thái bình hoàn vũ ký *của Nhạc Sử đời Tống chép* : *"Tiên tổ nước Ai Lao ở núi Lao Sơn, phía tây thông với Đại Tần*[2], *phía nam thông với Giao Chỉ, từ đời này kế tiếp đời khác, mới chia đặt các tiểu vương, thường ở rải rác tại các nơi khe núi".*

– *Sách* Dư địa chí *của Nguyễn Trãi chép* : *"Bộ lạc Ai Lao rất nhiều, ở rải rác ra nhiều nơi, đều gọi là Lào".*

– *Sách* Hưng hoá phong thổ lục *của Hoàng Trọng Chính chép* : *"Hưng Hoá phía trên tiếp giáp với các đất Mán của Ai Lao"... Sách ấy lại chép* : *"Ba châu Sơn La, Tuần Giáo và Mai Sơn, hồi đầu triều Lê gọi là ba động, đều thuộc về châu Thuận ; họ Cầm, đời này qua đời khác, giữ chức phụ đạo".* Chb. **XX**, 18

Theo các sử liệu đã dẫn ở trên, thì Ai Lao tự vượt qua biên cảnh chiếm ở Lộng Động, viên phụ đạo châu Thuận là Cầm Đồng cùng họ giao thông viện trợ, xâm phạm cướp bóc dân ở biên giới, đến khi quan quân tiến đánh, Ai Lao bị tan vỡ, Cầm Đồng mới ra hàng, bị giam ở ngục. Người châu Thuận đem vợ con Cầm Đồng cùng tù binh và tai giặc xẻo được đưa nộp về kinh sư. Như thế đủ biết Cầm Đồng không phải là bộ lạc Ai Lao : chữ "đạo" tức là "phụ đạo" chữ "đồng" tức là "Cầm Đồng". Sử cũ *chép lầm "Đạo Đồng" là giặc Ai Lao, nay cải chính lại.*

Lời chua : – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb.IV,9-10).

---

(1) Nguyên văn chép chữ "quắc", xin xem chú thích số 4 ở *Chính biên* quyển XII, tờ 31.

(2) Xem chú thích số 4 ở *Tiền biên* quyển IV, tờ 9.

Phụ Đạo : Xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chb.XXII,6).

Phủ Gia Hưng : Đất Lâm Tây xưa, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 4 (Chb.II,41).

Mộc Châu : xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb.XIV,15).

Mã Giang : Thượng lưu sông này ở địa phận châu Quan Hoá thuộc Thanh Hoá, bên tả giáp với phía nam tỉnh Hưng Hoá, hạ lưu hợp dòng với sông Lương.

Việt Châu : Xưa gọi tên là Mường Việt ; nhà Lê đổi làm Việt Châu ; năm Minh Mạng thứ 3 (1822) đổi làm An Châu.

Thuận Châu : Nay thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hoá[1].

Mỗi Châu : Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (Chb.XVII,1).

Phủ An Tây : Xem năm Hồng Đức thứ 10 (Chb.XXIII,28).

Kinh lược sứ, Hiệu uý : Đều là tên quan, đều xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chb.XXII,19,20). Chb. **XX**, 19

Họ Cầm, họ Xa : Đều là họ của dân tộc Thổ Mán.

Câu Lộng : Tên một sách.

Lộng Động, Khâu Chúc, Khâu Lao : Đều tên động, nay thay đổi thế nào không thể tra cứu được.

Bắt đầu đặt chức Bác sĩ dạy năm kinh.

Lúc ấy, giám sinh nhiều người chuyên trị kinh *Thi,* kinh *Thư,* ít người học tập sách *Lễ Ký, Chu Dịch* và *Xuân Thu,* cho nên nhà vua đặt chức Bác sĩ năm kinh, mỗi viên Bác sĩ chuyên nghiên cứu một kinh để dạy các học trò.

Giảm bớt thuộc viên ở hai phủ Bắc Bình và Thông Hoá.

Trước đây hai phủ Bắc Bình và Thông Hoá, mỗi phủ đặt chức Tri phủ và Đồng tri phủ ; ở châu đặt chức Tri châu và Đồng Tri châu ; ở huyện đặt chức Tri huyện và Huyện thừa, mỗi chức đều đặt một người đến nay giảm bớt đi, chỉ đặt Tri phủ, Tri châu, Tri huyện mỗi chức một người mà thôi.

---

(1) Nay là huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Lời chua : – *Bắc Bình* : Theo *Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập* : Bắc Bình là tên phủ, nguyên trước thuộc Thừa tuyên Thái Nguyên, sau đổi là Cao Bằng ; khoảng niên hiệu Vĩnh Trị[1] đổi làm trấn ; nay là tỉnh.

Thông Hoá : Tên phủ, nay vẫn thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Sầm Tổ Đức, người thổ mán nhà Minh, xâm phạm vào phủ Bắc Bình. Viên Phó tổng tri Lê Lục và viên Đồng tổng tri Nguyễn Lượng vì phạm tội phải đày đi một châu ở nơi biên viễn[2].

Sầm Tổ Đức, người thổ ở phủ Trấn An nhà Minh, đem quân của hắn hơn ngàn người đóng ở Âm Động, nói phao lên là để bắt giặc trốn là Sầm Vọng, nhân đây cướp trâu và súc vật của biên dân châu Thông Nông phủ Bắc Bình mang đi. Sau Tổ Đức lại chiếm cứ châu Bảo Lạc, rồi xin với triều đình đuổi người phạm tội là Sầm Vọng ra khỏi biên cảnh. Triều đình bàn luận, cho rằng lời nói của Tổ Đức đều là man trá. Nhà vua hạ lệnh cho viên Trung thư làm tờ tư di cho ti Bố chính sứ tỉnh Quảng Tây, xin sức cho Tổ Đức phải trả lại người và súc vật mà y đã cướp bóc của nhân dân. Một mặt khác nhà vua sai Phan Tiến, Giám sát ngự sử Bắc Đạo, đến Bắc Bình xét hỏi việc này, bắt Lê Lục và Nguyễn Lượng giao xuống cho pháp ti nghị trị tội. Hai người đều phải đày đi viễn châu, vì tội đóng giữ phòng bị không cẩn thận, để đến nỗi biên giới bị cướp bóc. Chb. **XX**, 20

Nhà vua hạ sắc dụ bảo các viên Tổng binh và thổ quan ở Lạng Sơn, An Bang và Bắc Bình rằng : "Người bầy tôi giữ đất đai của triều đình, chức phận là phải bảo toàn lãnh thổ, yên uỷ nhân dân, bẻ gãy những mũi nhọn tiến công, chống cự những kẻ khinh rẻ nước mình. Chb. **XX**, 21

(1) Niên hiệu Lê Hi Tông (1676-1680).

(2) Nguyên văn chép là viễn châu : Theo hình luật đời Lê Thái Tổ, viễn châu tức châu Bố Chính.

Thế mà mới đây, người nước ngoài xâm phạm cướp bóc, trẫm không nghe thấy các ngươi có công hiệu gì về việc đánh giặc giữ đất cả ! Nếu nay cứ mỗi một việc lại buộc vào pháp luật, thì lòng trẫm có điều không nỡ. Vậy bọn các ngươi phải cố gắng hết lòng hết sức, nghĩ làm thế nào để gột rửa tội lỗi trước kia". Nhân đấy, nhà vua ban bố 11 điều khoa lệnh.

Lời chua : – *Phủ Trấn An* : Theo *Đại Thanh nhất thống chí,* phủ Trấn An thuộc tỉnh Quảng Tây.

Âm Động : Ở châu Tiểu Trấn An thuộc phủ Trấn An.

Thông Nông : Tên châu, xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 6 (Chb.IV,41)

Bảo Lạc : Tên châu, xem Lý Nhân Tông, năm Anh vũ chiêu thắng thứ 9 (Chb.III,45).

Quảng Tây : Mặt Tây Nam tỉnh này giáp giới với địa phận hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn nước ta.

Lạng Sơn, An Bang : Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI.19,29,31).

Tháng 4, mùa hạ. Ban phát bản in ngũ kinh cho Quốc Tử Giám.

Việc này là theo lời tâu của viên Bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh.

Lời chua : – *Vũ Vĩnh Trinh* : Người làng Thiết Khoán, huyện Thiên Bản[1], Vĩnh Trinh đỗ Minh kinh khoa Kỷ Dậu (1429) năm Thuận Thiên thứ 2 đời Lê Thái Tổ.

Hạ lệnh cho các quân sĩ đọc sách.

Nhà vua hạ lệnh cho Dương Hải, quyền Thượng bảo tự khanh và Khiên Nhân Thọ, Thông chính tả thừa, dạy bảo luyện tập về việc đọc sách cho các hàng quân bộ binh, kỵ binh có tiếng mạnh khoẻ dũng cảm.

---

(1) Nay là huyện Vụ Bản thuộc tỉnh Nam Định.

Lúc bấy giờ nhà vua hạ lệnh cho quân ở ngũ phủ chế tạo binh khí theo hình dạng mới, được ít lâu lại bắt đổi theo hình dạng khác. Trong bọn quân nhân có người phàn nàn than thở. Văn Lư, một quân nhân trong vệ Oai Lôi[1] dâng thư nói :" Tháng giêng năm nay, bệ hạ đã ban ra hình dạng mới về binh khí, bắt quân chế tạo, nay lại thay đổi hình dạng khác, như thế là chính lệnh bất thường". Nhà vua sai bộ Lại dụ bảo Văn Lư rằng :" Binh khí cùng một hình dạng ấy cả, lời nhà ngươi nói chỉ là nói càn mà thôi". Viên Thị lang Lương Như Hộc nói riêng với Văn Lư rằng : "Nhà ngươi không phải là người giữ chức ngôn luận, sao lại dám nói càn đến việc nước ?" Văn Lư trả lời : " Nước lấy dân làm gốc rễ, mà lính là để bảo vệ dân ; nay hiệu lệnh trước sau bất nhất, quân và dân đều sầu oán, thế mà ông là người bầy tôi thân cận của nhà vua, lại ngậm miệng, không nói gì, nay Lư này nói ra là yêu vua đấy". Bọn Như Hộc nghe lời của Văn Lư, yên lặng không nói gì cả. Chb. **XX**, 22

Lời phê[2] : – *Xem việc này có thể rõ được : vua thì mắc bệnh hay thay đổi ; bầy tôi chỉ quen thói bợ đỡ đón trước cái ý của nhà vua.*

Lời chua : – *Dương Hải* : Nguyên tên là Mỗi, sau đổi là Hải người làng Mi Sơn, huyện Thuỷ Đường[3], đỗ Tiến sĩ khoa Quý Dậu (1453) năm Thái Hoà đời Lê Nhân Tông.

Ngũ phủ quân, Oai Lôi vệ : Đều xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chb.XX,2,5).

Đỗ (Tông) Nam và Nguyễn Như Đổ phạm tội, giao xuống cho hình phạt quan xét nghĩ.

---

(1) Một vệ trong 6 vệ của Tây quân phủ. Theo *Chính biên* XX tờ 5 ở trên chép là "Lôi Oai vệ" mà ở đây chép là "Oai Lôi vệ" không rõ bên nào là đúng.

(2) Chỉ việc Lê Thánh Tông sai bộ Lại dụ bảo và lời Lương Như Hộc nói riêng với Văn Lư.

(3) Dương Hải, vốn tên là Mỗi, khi vào thi Đình vua Nhân Tông đổi cho là Hải, Người làng Mi Sơn,nay thuộc xã Trung Hà, huyện Thuỷ Nguyên, T.P.Hải Phòng.

Đô cấp sự trung là bọn Trịnh Thiết Trường hặc tâu : "Đỗ (Tông) Nam, Thượng thư bộ Hình, làm quan mà ăn của đút ; Nguyễn Như Đổ, Thượng lại bộ Lại giữ việc tuyển cử mà làm mất sự chính đáng. Xin đều giao xuống pháp ti xét xử trị tội theo luật định". Nhà vua chuẩn y. Chb. **XX**, 23

Lời chua : – *Trịnh Thiết Trường* : Người làng Đông Lý, huyện An Định[1], đỗ Tiến sĩ cập đệ đệ tam danh khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hoà đời Lê Nhân Tông.

Bổ Nguyễn Phục làm Tham chính[2] trong ti Thừa chính sứ[3] ở Thanh Hoá.

Nguyễn Phục, trước đi sứ Trung Quốc về, từng làm quan đến chức Tham nghị ở Chính sự viện, đến nay đổi làm Tham chính ở Thanh Hoá. Nhà vua dụ bảo rằng :" Nhà ngươi trước kia sung vào sứ bộ sang Trung Quốc, đã phải khó nhọc về việc công, kịp khi về triều làm quan lại thường tiến dâng lời nói chính đáng, thật là đáng khen ! Vậy đặc mệnh Giám thừa là Nguyễn Lỗi đem ban cho bạc lạng, để biểu dương lòng trung thành của nhà ngươi".

Lời chua : –*Thanh Hoá* : Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,16-17,20-21).

Chính sự viện : Theo mục "Quan chức chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều Lê có Chính sự viện để giữ then chốt chính trị trong nước. Quan chức trong viện có các chức Thượng thư, Tham tri, Tham nghị và Đồng tham nghị.

Tháng 5. Tống Thiệu, thổ tù nhà Minh, xâm phạm cửa ải Toả Thoát.

---

(1) Nay thuộc tỉnh Thanh Hoá.

(2) Tham chính là chức quan đứng hàng thứ 2 ở Ty Thừa chính, thuộc hàm tứ phẩm. Ty Thừa chính là cơ quan kiểm sát của Trung ương đặt tại địa phương.

(3) – nt –

Tống Thiệu, thổ quan phủ Trấn An nhà Minh, xâm phạm cửa ải Toả Thoát, cướp ruộng của dân, thiện tiện bắt lấy trâu và súc vật. Viên Tri phủ Bắc Bình và Đào Phục Lễ đem việc này tâu về triều, nhà vua hạ chiếu cho triều thần thảo luận về kế phòng bị. Thái sư là bọn Lê Liệt đều cho rằng rợ mọi ở nơi biên viễn tự đánh cướp lẫn nhau là tập tục của họ ; Chb. XX, 24
bây giờ ta chỉ nên giữ vững lấy cương giới,
không gây hấn khích ở ngoài biên cương, hễ chúng kéo đến thì mình chống cự lại mà thôi.

Lời chua : – *Cửa ải Toả Thoát* : Ở huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng, nay là cửa ải Quả Thoát.

Hạ chiếu cho bầy tôi : Người nào trước đã được "tứ quốc tính"[1], nay lại theo về họ cũ của mình.

Phạm Công Nghị, Thượng thư bộ Lễ, dâng sớ nói : "Đời xưa một nước mới thành lập, thì thiên tử nhân nơi sinh mà cho một chữ gì đó để đặt làm họ : Ông Tiết lúc mới phong ở đất Thương, vua Nghiêu cho đặt họ là Tử ; Ông Tắc lúc mới phong ở đất Thai, vua Nghiêu cho đặt họ là Cơ, thế là dùng đất được phong để đặt làm họ, nhân họ để lập thành tông tộc riêng. Phàm đã làm người, ai cũng có họ riêng của mình ; ngày trước như cửu quan, tam công, ngũ thần, thập loạn, đều là những người có công lao lớn với nước, mà chưa từng thấy người nào được tứ quốc tính cả. Đến Hán Cao tổ cho phép Lâu Kính đổi là họ Lưu, Đường Cao tổ cho phép Thế Tích được đổi là họ Lý, đấy chẳng qua chỉ là cái thuật dùng để chế ngự trong nhất thời mà thôi[2]. Những người ấy không biết rõ rằng họ nào có dòng dõi của họ ấy, không thể nào lẫn lộn được. Vả lại, lấy thân Chb. XX, 25
phận người bầy tôi mà làm hỗn loạn quốc tính là
bất kính, lấy bổn phận người làm con mà quên mất họ gốc rễ

(1) Xem chú thích số 3, *Chính biên* quyển V, tờ 22.

(2) Câu này nguyên văn trong *Cương mục* có nêu hai chữ "Ngự điểm". Xem thêm chú thích số 2, *Chính biên* quyển III tờ 34, về chữ "ngự điểm".

của ông cha là bất hiếu, việc ấy không thể dùng để dạy đời được, cần phải sửa đổi lại cho được chính đáng. Phàm người bày tôi nào đã được tứ quốc tính, nay đều đổi theo về họ cũ của mình, để cho chi phái của thiên hoàng[1] được trong sạch, cỗi gốc của tộc tính được phân minh". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Tháng 6. Làm bản đồ địa dư.

Nhà vua hạ lệnh cho 12 quan Thừa tuyên thân hành đi khám xét núi sông hiểm trở, nơi bình thản và sự tích đời xưa, đời nay trong địa hạt mình cai quản, vẽ thành đồ bản, ghi chú rõ ràng, đệ nộp bộ Hộ để sáng tác bản đồ địa dư.

Đặng Thiệm, Tham nghị trong ti Thừa chính sứ ở Hoá Châu dâng sớ nói 5 điều tiện lợi nên làm : 1. lập đồn trấn thủ cửa biển Tư Dong ; 2. lấp cửa biển Nhuyễn Hải ; 3. khơi vét Liên Cừ ; 4. bãi bỏ chức thuế sứ ở đầu nguồn ; 5. chiêu mộ dân lưu vong khai khẩn ruộng hoang ở châu Bố Chính.

Lời phê : – *Năm điều này không rõ triều đình có theo hay không ?*

Lời chua – *Hoá Châu* : Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15, (Chb. VIII, 44).

Đặng Thiệm : Người làng Mạo Bồ, huyện Sơn Vi[2], đỗ Tiến sĩ khoa Quý Dậu (1553) niên hiệu Thái Hoà đời Lê Nhân Tông.

Tư Dong : Tên cửa biển, ở phía Đông Nam huyện Phú Vinh, phủ Thừa Thiên, nhà Lý gọi là Ô Long, nhà Trần đổi là Tư Dong ; Nguỵ Mạc[3] đổi là Tư Khách ; nay là Tư Hiền.

---

(1) Cũng như Thiên Trì, nghĩa đen là cái ao của trời, nghĩa bóng là dòng dõi họ nhà vua. Theo quan niệm đời phong kiến, họ nhà vua chia ra nhiều chi nhiều phái, đều bắt nguồn từ ao trời.

(2) Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

(3) Nhà Mạc cướp ngôi vua nhà Lê, sử phong kiến cho là không phải triều chính thống, nên họ chép là Nguỵ Mạc. Vua đầu tiên của triều Mạc là Mạc Đăng Dong, vì kiêng chữ "Dong", nên đổi "Tư Dong" làm "Tư Khách".

Cửa biển Nhuyễn Hải : Ở huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, nay là cửa biển Thuận An.

Liên Cừ : Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 2 (Chb.XII, 5).

Đông cung Thị Giảng[1] là Vũ Nguyên Tiềm và Tạ Bưu phạm tội, bị bãi chức.

Nhà vua ra chơi Đông cung, hỏi Thái tử về nghĩa sách, Thái tử đem nghĩa sách mà Nguyên Tiềm đã dẫn giải cho từ trước để thưa lại. Nhà vua triệu bọn Nguyên Tiềm và Bưu đến phượng nghi đường bắt làm ba bài thi thể văn chiếu, chế và biểu, ba bài của Tiềm và Bưu đều bất thành văn lý. Nhà vua bèn quở trách bọn Nguyễn Như Đổ, Trần Phong và Trần Thốc về tội bảo cử không phải người xứng đáng và bãi chức bọn Nguyễn Tiềm và Bưu. Chb. X X, 26

Lê Thiệt, Tây quân đô đốc, phạm tội, bị bãi chức.

Thiệt, giữ chức Tây quân đô đốc, cho binh sĩ dưới quyền chỉ huy của mình đi tuần ngoài biên giới, doạ nạt người Châu Thoát để lấy bạc, việc này phát giác, cho nên bị bãi chức.

Lời chua : – *Châu Thoát :* Ở phủ Trương Định, tỉnh Lạng Sơn. Từ Minh thuộc trở về trước là Châu Thoát ; hồi đầu triều Lê đổi làm Châu Thoát Lãng ; nay vẫn theo tên ấy.

Hạ lệnh cho quan trong kinh sư chọn những lại điển để đi xét hỏi cặn kẽ về sự đau khổ của quân, dân và chính sự ở địa phương tốt hay xấu.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong lục bộ, lục tự, lục khoa[2] chọn những nha lại biết chữ và có hạnh kiểm, mỗi bộ, mỗi tự, mỗi khoa đều phải chọn lấy hai người để phân phái đi

(1) Theo chế độ phong kiến, khi Thái tử khôn lớn, vua cha cho ra ở riêng một cung điện gọi là đông cung, cho nên mới dùng danh từ "đông cung" để tượng trưng cho Thái tử. Ở đông cung có các văn thần chầu chực để dẫn giải nghĩa sách cho Thái tử, chức quan của bọn văn thần gọi là đông cung thị giảng.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XIX, tờ 31 và quyển XX, tờ 6.

xét hỏi cặn kẽ về sự đau khổ ở dân gian và chính sự ở địa phương tốt hay xấu.

Lời phê : – *Công việc xét hỏi cặn kẽ mà dùng bọn này*(1), *thật là không hợp thể.*

Hạ lệnh cho sử quan(2) **Lê Nghĩa dâng Nhật lịch**(3).

Nhà vua muốn xem *Quốc sử*, sai trung quan đến viện Hàn Lâm dụ bảo sử quan(4) Lê Nghĩa rằng : "Ngày xưa Phòng Huyền Linh giữ chức sử quan, Đường Thái Tông(5) muốn xem *Thực lục*(6), Huyền Linh không cho xem. Nay nhà ngươi so sánh với Huyền Linh xem ai giỏi hơn ?" Lê Nghĩa trả lời : "Sự biến xảy ra ở cửa Huyền Vũ(7), Huyền Linh không chép thẳng, vì có lệnh của Đường Thái Tông rồi sau mới chép, như thế, e rằng chưa chắc đã giỏi". Trung quan nói : "Ý nhà vua muốn xem *Nhật lịch* từ năm Quang Thuận thứ nhất đến nay". Nghĩa nói : Làm ông vua mà xem *Quốc sử* như việc Đường Thái Tông và Huyền Linh đã làm ngày trước, đời sau thường chê cười đấy". Trung quan nói : "Nhà vua cho rằng xem *Nhật lịch* để biết trước kia có làm việc gì lầm lỗi, thì nay có thể nhận xét được để mà sửa đổi". Nghĩa nói : "Bệ hạ cứ cố gắng làm điều thiện mà thôi, hà tất phải xem *Quốc sử* ?" Nhà vua sai trung quan dụ bảo hai ba lần nữa. Nghĩa nói : "Nếu thánh Chb. XX, 27

(1) Chỉ bọn nha lại.

(2) Tên một chức quan giữ việc ghi chép về chính trị trong nước, về lời nói việc làm của vua chúa đương thời, dầu hay, dầu dở, đều ghi chép đầy đủ để sau chép vào sách sử.

(3) Tức quyển Nhật ký, hằng ngày vua cùng bầy tôi bàn luận hoặc thi hành công việc trong nước hoặc lời nói việc làm của vua, thì viên Khởi cư lang ghi chép tường tận, hết ngày, niêm phong sổ lại giao cho sử quan giữ.

(5) Tên là Thế Dân làm vua 23 năm (627 - 649).

(6) Một tên gọi riêng của sách sử. Theo nghĩa của nó, thì *Thực lục* là phải chép sự thực không bịa đặt, không giấu giếm. Thời đại phong kiến, triều vua nào cũng đều có một *Thực lục* riêng của triều vua ấy.

(7) Thế Dân và Kiến Thành, Nguyên Cát, ba anh em tranh giành ngôi vua. Thế Dân đem quân phục ở cửa Huyền Vũ giết chết Kiến Thành và Nguyên Cát.

thượng thực lòng biết đổi lỗi, là hạnh phúc vô cùng cho xã tắc[1], thì việc dâng *Nhật lịch* này dù không can ngăn mà chính là can ngăn đấy". Bèn dâng *Nhật lịch.*

Lời phê[2] : – *Lòng hiếu danh của Lê Thánh Tông cũng giống với Đường Thái Tông, nên mới muốn xem* Quốc sử.

Lời phê[3] : – *Lê Nghĩa giữ đạo lý không vững vàng.*

Lời chua : – *Lê Nghĩa* : Người làng Đại Điền, huyện Bình Hà, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

Giặc cỏ xâm phạm vào An Bang, bọn Đốc tướng Khuất Đả và Tổng binh Lê Hối đánh nhau với giặc, bị bại trận. Nhà vua sai bắt hai viên này giao cho Hình quan trị tội.

Trước đây, giặc cỏ xâm phạm vào đồn Khả Lặc ở An Bang, nhà vua hạ lệnh cho Đô đốc thiêm sự Khuất Đả thống lĩnh năm trăm quân trong ngũ phủ đi đánh. Vì không đuổi kịp giặc, nên rút quân về. Nhà vua bèn hạ lệnh cho quyền Lại khoa Cấp sự trung Khiên Nhân Thọ và Đông đạo quan sát ngự sử Thiều Duy Tinh đến An Bang xét hỏi về việc người tướng suý nào đã làm chậm trễ trong khi hành quân [để đến nỗi quân quan không đuổi kịp giặc]. Nhà vua lại cho rằng : An Bang là đất xa xăm, mỗi khi nơi biên cảnh có báo động, quan quân tiếp ứng không sao kịp được, nghĩ đặt vệ quân ở trấn An Bang. Chb. **XX**, 28

Đến nay, giặc cỏ lại xâm phạm vào đồn Khả Lặc ở An Bang. Nhà vua lại sai Khuất Đả thống lĩnh một ngàn quân trong ngũ phủ hội họp với Lê Hối, Tổng binh trấn An Bang, đi đánh ; một mặt nhà vua cho triệu bọn Đinh Liệt, Nguyễn Lỗi, Lê Niệm và Trịnh Văn Sái để cùng bàn định kế hoạch đánh dẹp ; một mặt

(1) Xem chú thích số 3, *Chính biên* quyển VIII, tờ 9.

(2) Chỉ việc Lê Thái Tông viện dẫn điển tích Đường Thái Tông để xem *Nhật lịch.*

(3) Chỉ việc Lê Nghĩa cuối cùng đem *Nhật lịch* dâng Lê Thánh Tông.

khác, hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đức Trung, Đô đốc đồng tri trong phủ Nam quân, đi giữ chức Giám quân và ban phát ba vạn thăng gạo để cung cấp cho quân ăn. Bọn Khuất Đả đánh nhau với giặc, bị bại trận.

Khiên Nhân Thọ hặc Lê Hối không biết liệu tình thế giặc ; Khuất Đả đuổi đánh giặc để nhỡ mất cơ hội, để đến nỗi thua đau. Nhà vua hạ sắc lệnh cho Nhân Thọ đến nơi khám xét, nhân đấy bắt bọn Khuất Đả và Lê Hối giải về kinh giao cho Hình quan trị tội.

Một hôm, sau khi bãi triều, nhà vua hỏi các đại thần rằng : "Khuất Đả trước kia tuy trái quân luật, việc này bộ Hình còn đương xét hỏi. Nay trẫm muốn dùng hắn giữ việc binh, để trấn thủ Bắc Bình, thì thế nào ?" Nguyễn Lỗi nói : "Để ai sống, giết ai chết, phong chức cho người nọ, cất chức của người kia, đấy là quyền bính vua chúa, không phải việc thần hạ muốn luận bàn. Nhưng Khuất Đả đánh giặc vô công, bị quan chức trong lục khoa đàn hặc, hiện nay bộ Hình đương xét hỏi, tưởng hãy đợi việc hình ngục kết liễu, nếu quả Khuất Đả không có tội, bấy giờ sẽ dùng, cũng không lấy gì làm muộn". Nhà vua y theo lời tâu ấy.

Bọn Trần Phong, Thượng thư bộ Hình, đã tra hỏi xong việc hình ngục của Lê Hối, muốn luận vào tội tương đương với quân pháp. Đô ngự sử Trần Thốc nói : "Lê Hối, trước kia có công, nay vì trái quân luật mà phải tội, thì nên theo điều lệ "bát nghị"[1]. Nhà vua nói : "Phép nước[2] chỉ có một lẽ mà không có hai lẽ, lời nói của Trần Thốc đem tách ra làm hai, không phải là quân pháp. Lời

Chb. XX, 29

(1) Theo danh lệ trong hình luật đời phong kiến, có điều lệ bát nghị, người phạm tội mà được dự vào một điều trong "bát nghị" thì khi luận tội, hình quan được dựa vào tiêu chuẩn ấy mà luận tội nhẹ cho người can phạm. Ở đây, Trần Thốc muốn dựa vào tiêu chuẩn nghị công để luận tội nhẹ cho Lê Hối.

(2) Đoạn văn này từ chữ "Phép nước" đến chữ "du thuyết", nguyên văn trong sử *Cương mục* chép không rõ ràng. Ở đây, chúng tôi dịch theo trong sách *Toàn thư* cho được rõ nghĩa hơn.

nói ấy chỉ là du thuyết[1] mà thôi, nên buộc Trần Thốc vào tội du thuyết". Chưa được bao lâu, nhà vua lại dụ bảo Trần Thốc rằng : "Trước đây trẫm quở trách nhà ngươi là du thuyết, điều ấy có phần quá đáng ; từ nay, những mưu hay chước lạ nhà ngươi nên vào trong cung điện tâu bày cho trẫm biết, ngõ hầu lời nói của nhà ngươi có thể ví như năm đại hạn mà gặp được mưa ngọt, như người qua sông mà có thuyền có chèo[2], để báo đáp lại đức sáng".

Lời chua : – *Giặc cỏ* : Ẩn nấp ở nơi đồng nội, không có danh hiệu gì để gọi tên, cho nên gọi là giặc cỏ.

Thành Khả Lặc : Tức sở Kim Lặc, thuộc sở Thủ ngữ kinh lược sứ ở đô ti An Bang.

Kinh sư bị nạn đói, nhà vua hạ chiếu giảm tô thuế và cho đong thóc ở Nghệ An.

Năm bấy giờ, trời nắng mãi không mưa, lúa ở đồng ruộng bị tổn hại, giá gạo ở kinh sư bỗng cao vọt lên. Nhà vua hạ chiếu giảm cho tô ruộng và thuế nhân đinh có từng bậc khác nhau ; một mặt, hạ lệnh cho viên Thừa chính sứ ở Nghệ An trích tiền trong kho mua thóc ở Nghệ An nộp về kinh sư.

Lời chua : – *Nghệ An* : Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21 - 23). Chb. **XX**, 30

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua cho triệu Trịnh Công Lộ, quyền Đô đốc phủ Đông quân, về kinh, và hạ lệnh cho Nguyễn Đức Trung quyền Trấn thủ An Bang.

Công Lộ, quyền Đô đốc phủ Đông quân, nay vì đánh giặc không thành công, nhà vua cho triệu về và hạ lệnh cho Nguyễn Đức Trung quyền Trấn thủ An Bang chỉ huy các quân sĩ. Trịnh Công Lộ từ An Bang trở về triều, dâng bốn điều

(1) Dùng miệng lưỡi hoạt bát để biện luận, làm rung động cả người nghe, gọi là du thuyết.

(2) Hai câu này lấy điển ở thiên *Duyệt Mạnh* trong kinh *Thượng Thư* lời Cao Tông nhà Ân bảo Phó Duyệt.

tiện lợi : 1. Lập dinh trại ở châu Vạn Ninh và châu Tân Yên để chống cự người nước ngoài xâm lấn ; 2. Kén chọn xếp đặt hương trưởng làm người giáp thủ để thống thuộc và giúp đỡ lẫn nhau ; 3. Chọn người có tài cán văn võ để làm trấn thủ ; 4. Lấp các đường ở nơi quan ải, không để cho ai chém cây cối, mở đường sá, đến nỗi làm mất cả chỗ hiểm trở.

Lời chua : – *Phủ Đông quân* : Nam Sách và An Bang đều thuộc phủ Đông quân.

Vạn Ninh : Tên châu, xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chb. XI, 16).

Tân Yên : Tên châu, nay là châu Tiên Yên thuộc tỉnh Quảng Yên.

Xét định chế độ quân ngũ.

Trước đây đặt quân năm phủ, đến nay đặt thêm quân ở trong kinh và ngoài các đạo, xét định chế độ quân ngũ : quân trong kinh có 66 ti, 51 vệ ; quân ngoài các đạo có 26 vệ. Lệ định số quân : mỗi ti 100 người, mỗi vệ 5 sở hoặc 6 sở không nhất định, mỗi sở 20 đội, mỗi đội 20 người. Chb. **XX**, 31

Nhà vua ra lệnh cho Đô đốc ngũ phủ là bọn Trịnh Văn Sái, Lê Hi Cát hội đồng với Nguyễn Vĩnh Tích, Thượng thư bộ Binh lựa chọn đại tổng kỳ, tiểu tổng kỳ ở các vệ trong ngũ phủ để bổ sung vào quân điện tiền ngũ vệ.

Lời chua : – *Các quân trong kinh và ngoài các đạo* : Theo *Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập* thì :

Về phần quân trong kinh sư có các ti, các sở sau này :

– Lực sĩ các ti túc trực ở điện Kim Quang gồm 10 ti : Kim Đao, Bảo Đao, Hải Thanh, Hà Thanh, Kỵ Xạ, Súng Xạ, Minh Uy, Loan Giá, Hiệu Lệnh và Phụng Lệnh.

– Dũng sĩ các ti ở Cẩm Y vệ gồm 20 ti : Ngân Đao, Tróc Sinh, Nghi Vệ, Tài Quan, Hiệu Lệnh, Địch Vạn, Thiên Mã, Kỳ Thủ, Đình Uý, Thủ Ngữ, Phục Ba, Ngân Thương, Hãn Vệ, Du Nỗ, Thần Uy, Phi Kỵ, Thần Xạ, Thanh Lộ, Xá Nhân và Kỳ Bài. Chb. **XX**, 32

– Tráng sĩ các ti thuộc Cẩm Y gồm 18 ti : Địch Vạn, Phục Ba, Xá Nhân, Tuấn Sĩ, Thần Uy, Phi Kỵ, Ngoại Trực, Hiệu Lệnh, Đình Uý, Nghi Vệ, Minh Tiên, Kỳ Bài, Du Nỗ, Xuy Kim, Tráng Nỗ, Ngũ Thành bình mã, Tượng Cứu và Mã Cứu.

Các vệ sở thuộc Cẩm Y có bốn vệ tuần tượng :

– Tiền vệ gồm 5 sở : Chiết Xung, Hùng Lực, Oai Phong, Tráng Nghị và Phấn Mãnh.

– Tả vệ gồm 5 sở : Đại Tráng, Hoả Mãnh, Kính Uy, Thần Thắng và Phấn Nhuệ.

– Hữu vệ gồm 5 sở : Uy Nhuệ, Uy Dũng, Chấn Địch, Đô Lỗ và Khắc Tiệp.

– Hậu vệ gồm 5 sở : Tựu Lãng, Cầm Chí, Thành Nhạc, Cảng Hà và Quỵ Lâm.

– Mã Nhàn có một vệ gồm 5 sở : Du Cảnh, Tống Hậu, Du Mĩ, Lăng Tiêu và Đạp Hà.

Vũ sĩ các ti ở Kim Ngô vệ gồm 14 ti : Trấn Điện, Lực Sĩ, Kỳ Thủ, Tài Lực, Trường Thương, Lăng Ba, Kính Nỗ, Hoàn Vệ, Đoản Sáo, Định Lệnh, Hộ Vệ, Thần Tí, Định Uy và Thanh Đạo.

Tráng sĩ các ti thuộc Kim Ngô vệ có 4 ti : Tráng Sĩ, Lăng Ba, Thần Tí và Chiêu Dũng.

Các vệ sở thuộc Kim Ngô có bốn vệ Thần Vũ :

– Tiền vệ gồm 5 sở : Phụng Thiên, Tiền Hưng, Dũng Hãn, Chu Lư và Hỗ Viên.

– Tả vệ gồm 5 sở : Hiệu Trung, Uy Trảo, Hoàn Hổ, Toàn Hầu và Sâm Tài.

– Hữu vệ gồm 5 sở : Vũ Công, Thần Cực, Túc Quan, Chấp Sầm và Hiệp Lặc. Chb. **XX**, 33

– Hậu vệ gồm 5 sở : Kính Tiết, Tráng Do, Bảo Tín, Hiệp Chính và Sư Can.

Bốn vệ Hiệu Lực là Tiền vệ, Tả vệ, Hữu vệ và Hậu vệ, không có quân hiệu riêng, mỗi vệ đều đặt 5 sở : Trung, Tiền, Tả, Hữu và Hậu.

Vũ Lâm về gồm 5 sở : Đề Kỵ, Tĩnh Nạn, Trường Kỹ, Trực Quạng và Hắc Sáo.

Tuyên Trung vệ gồm 5 sở : Tồi Sơn, Phi Thạch, Kiều Quan, Quệ Trương và Dực vệ.

Thiên Oai vệ gồm 6 sở : Thần Điện, Thần Tiến, Kính Nỗ, Thần Nỗ, Tấn Thạch và Tấn Phi.

Thuỷ Quân vệ gồm 6 sở : Hải Kình, Hải Mã, Hải Côn, Hải Thu, Hải Hồng và Hải Bằng.

Thần Sách vệ gồm 5 sở : Tồi Kích, Phục Tàng, Vân Dực, Duẩn Kích và Thứ Phi.

Ứng Thiên vệ gồm 5 sở : Củng Thần, Dực Võ, Khống Hạc, Trực Quan và Phi Sơn.

Ba mươi vệ trong ngũ phủ : Xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chb. XX, 3 - 5).

Về phần *quân ngoài các đạo* có các ti vệ sau này :

Đô ti Thanh Hoá có 5 vệ :

– Thanh Hoá vệ gồm 6 sở : Kiến Nghĩa, Hùng Nghĩa, Bảo Nghĩa, Vũ Nghĩa, Chương Nghĩa và Súng Nỗ.

– Thanh Hoá Tuần Tượng vệ gồm 6 sở : Hãn Đột, Tồi Nhai, Khống Vân, Chế Hà, Chấn Uy và Súng Nỗ. Chb. XX, 34

– Lưu Thủ vệ gồm 6 sở : Phấn Trung, Thần Dũng, Báo Quốc, Sùng Uy, Bảo Thuận và Súng Nỗ.

– Lưu Thủ Tuần Tượng vệ gồm 6 sở : Lược Hà, Hoa Xa, Xung Kiên, Hàm Tê, Mãnh Đột và Súng Nỗ.

– Quy Đức vệ gồm 6 sở : Huệ Địch, Bảo Cực, Mại Nghĩa, Nghi Hoá, Khâm Mại và Súng Nỗ.

Đô ti Nghệ An có 3 vệ :

– Nghệ An vệ gồm 6 sở : Thần Khôi, Thần Hùng, Thần Cương, Thần Lược, Thần Lực và Súng Nỗ.

– Nghệ An Tuần Tượng vệ gồm 6 sở : Đội Thắng, Khoá Sơn, Tiễn Địch, Trường Hồ, Lao Kiên và Súng Nỗ.

– Kiến An vệ gồm 6 sở : Thần Phong, Thần Kính, Thần Dũng, Thần Tích, Thần Hoạch và Súng Nỗ.

Đô ti Thuận Hoá có 4 vệ :

– Thuận Hoá vệ gồm 6 sở : Thần Qua, Thần Thắng, Thần Súng, Thần Kích, Thần Tráng và Súng Nỗ.

– Trấn Bình vệ có 5 sở : Trực Kiêu, Du Phục, Vũ Tiêu, Thần Cán và Hãn Khương.

– Hải Khang vệ gồm 5 sở : Khai Cương, Cổ Ngữ, Tuy Hà, Át Phương và Trúc Kình.

– Giới Phiên vệ gồm 5 sở : Khoát Hải, Đoạn Ngạc, Thù Lai, Sưu Thanh và Tiệt Bác.

Đô ti An Bang có một vệ :

– An Bang vệ gồm 6 sở : Trấn Hải, Trấn Viễn, Tĩnh Hải, Hùng Viễn, Tuy Viễn và Súng Nỗ.

Đô ti Tuyên Quang có 4 vệ :

– Tuyên Quang vệ gồm 6 sở : Thủ Biên, Lăng Sơn, Thanh Tái, Khai Viễn, Diệu Vũ và Súng Nỗ.

– Định Tây vệ gồm 6 sở : Tĩnh Man, Ninh Viễn, Hãn Biên, Chế Biên, Phục Viễn và Súng Nỗ. Chb.**XX**, 35

– Bình Sơn vệ gồm 6 sở : Bình Khương, Tĩnh Khương, Dương Võ, Tảo Phân, Khôi Viễn và Súng Nỗ.

– Tĩnh Tây vệ gồm 6 sở : An Biên, Thần Phong, Hùng Tiệp, Lược Tây, Hoài Di và Súng Nỗ.

Đô ti Hưng Hoá có hai vệ :

– Gia Hưng vệ gồm 6 sở : Hiệu Vũ, Xạ Sinh, Tráng Tiệp, Tĩnh Nhung, Trấn Tây và Súng Nỗ.

– Quy Hoá vệ gồm 6 sở : Bình Man, Uy Man, Định Uy, Quyết Thắng, Tồi Man và Súng Nỗ.

Đô ti Thái Nguyên có 5 vệ :

– Thái Nguyên vệ gồm 6 sở : Ninh Tái, Định Tái, Sung Tráng, Bình Lỗ, Tồi Địch và Súng Nỗ.

– Thái Nguyên Tuần Tượng vệ gồm 5 sở : Địch Phát, Cố Quan, Xúc Phong, Công Kiên và Dụng Mãnh.

– Bình Địch vệ gồm 6 sở : Bình Nhung, Thanh Hoài, Phá Lỗ, Tĩnh Sóc, Vũ Địch và Súng Nỗ.

– Bắc Bình vệ gồm 6 sở : Trấn Di, Hiệu Lỗ, Trù Biên, Khắc Địch, Tráng Uy và Súng Nỗ.

– Ninh Sóc vệ gồm 6 sở : Tồi Phong, Tĩnh Viễn, Trấn Viễn, Thủ Tiến, Phi Dương và Súng Nỗ.

Đô ti Lạng Sơn có 2 vệ :

– Lạng Sơn vệ gồm 6 sở : Bình Viễn, Trấn Nhung, Ngữ Lỗ, Chỉ Nỗ, Chấn Dũng và Súng Nỗ.

– Khánh Dương vệ gồm 6 sở : Hoành Hải, Khống Viễn, Chế Sóc, Thảm Tiêu, Hãn Dịch và Súng Nỗ.

Còn các đạo Thiên Trường, Bắc Giang, Nam Sách và Quốc Oai đều thuộc phủ quân Đông, Tây, Nam, Bắc, không có quân Đô ti.

Vệ Bắc Bình sau đổi làm vệ Cao Bằng.

Nhận xét : Quân hiệu trong kinh và ngoài các đạo thỉnh thoảng có tên hiệu trùng điệp với nhau và không có ý nghĩa gì cả, lúc bấy giờ nghị định thế nào, nay đều không thể rõ được, ở đây chỉ tham khảo trong *Hồng Đức thiên Nam dư hạ tập* và điển lệ quan chế triều Lê, chú thích bổ sung vào, để phòng khi khảo cứu. Chb. **XX**, 36

Nguyễn Vĩnh Tích : người huyện Thượng Phúc[1], đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448), năm Thái Hoà đời Lê Nhân tông.

Tháng 9. Phát sinh tai nạn hoàng trùng.

Lúc ấy, hoàng trùng phá hại, nhà vua hạ lệnh cho đạo sĩ[2] lập đàn cầu đảo ; lại hạ lệnh cho bọn Nguyễn Như Đổ đến tế lễ ở đền thờ Bách thần để tống tiễn hoàng trùng.

Người nước Tiêm La đến dâng phẩm vật địa phương, nhà vua từ chối.

---

(1) Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

(2) Xem chú thích số 3, *Chính biên* quyển XI, tờ 32.

Thuyền đi biển của nước Tiêm La đến Vân Đồn trang, tiến tờ biểu Kim diệp[1] và dâng phẩm vật địa phương, nhà vua từ chối không nhận.

Lời chua : – *Tiêm La :* Tên nước.

Vân Đồn : Tên trang. Cả hai đều xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Gió bão (nguyên Hán văn chép "cụ phong"). Nước biển đầy dẫy lên quá với mực thường.

Lúc ấy, gió bão rất to, các phủ Nam Sách, Giáp Sơn, Thái Bình và Kiến Xương nước ở biển đầy dẫy lên to lắm, đê điều bị vỡ lở, lúa thóc bị ngập lụt, nhiều người chết đói. Các huyện ở đầu nguồn và bãi biển thuộc Nghệ An phần nhiều bị nước phá hoại. Nhà vua hạ lệnh cho Ngự sử là bọn Đinh Nhân Phủ và Thiều Duy Tinh chia nhau đến ba đạo mặt đông mặt tây và mặt nam ở ven biển thân hành đi khám xét bờ đê, đốc sức ty Thừa chính sở tại bồi đắp. Một mặt miễn cho quân sĩ ở ven biển đầu xuân sang năm tới không phải về kinh sư tập họp điểm duyệt nữa[2]. Chb.**XX**, 37

Lời chua :– *Cụ phong :* Theo *Vân Đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn thì "cụ" nghĩa là đủ bốn thứ gió : đông, tây, nam, bắc. Lúc bấy giờ nổi gió, nếu gió nổi từ đông bắc thổi đến, thì tất nhiên từ gió bắc rồi chuyển sang gió tây ; nếu gió nổi từ tây bắc thổi đến, thì tất nhiên từ gió bắc rồi chuyển sang gió đông, dầu bắt đầu từ gió đông bắc hay tây bắc, cũng đều đến khi nào chuyển sang gió nam thì bão mới tắt.

Giáp Sơn : Tên huyện, nay thuộc phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nghệ An : Châu Hoan xưa. Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16 - 17, 21 - 22).

---

(1) Dùng một thứ kim loại dát cho mỏng ra làm thành hình lá cây, trong cái lá bằng vàng ấy có khắc những chữ thuộc về biểu văn, đựng vào một cái hộp bằng vàng, gọi là "kim diệp biểu". Nghi lễ này đến triều nhà Thanh, nước Miến Điện vẫn còn dùng để dâng lễ cống.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XIX, tờ 24, việc quân sĩ hằng năm phải hội duyệt.

Thái Bình[1] : Tên phủ, nay thuộc tỉnh Nam Định.

Kiến Xương : Tên phủ, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Bờ đê ven biển : Nay đều không rõ ở đâu. Duy ở huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình, có con đê đắp bằng đá từ phía bắc cửa Thần Phù đến bờ phía nam cửa Cờn, và con đê đắp bằng đất từ xã Côi Trì huyện Yên Mô đến bờ phía nam xã Bồng Hải huyện Yên Khánh. Tương truyền : Lê Thánh Tông cho đắp để chống nước mặn, vì thế nên gọi là "đê Hồng Đức". Nay đê ấy đã bỏ, vậy hãy phụ lục ở đây sẽ khảo cứu sau. Chb. XX, 38

Bãi bỏ việc Tổng binh các đạo được kiêm giữ công việc Thừa chính sứ.

Trước kia 12 đạo đều có đặt hai ti : Đô ti và Thừa ti. Về phần Đô ti, đặt chức đồ Tổng binh sứ, Tổng binh đồng tri và Tổng binh thiêm sự, mỗi chức một người ; về phần Thừa ti, đặt chức Thừa chính sứ, Tham chính và Tham nghị, mỗi chức một người, nhưng Thừa chính sứ phần nhiều cho Tổng binh kiêm giữ. Đến nay Trấn điện tướng quân Lê Văn nói : "Tổng binh chỉ có người xuất thân từ hàng võ, không hiểu chữ nghĩa, thế mà kiêm giữ hai chức, e rằng sẽ trở ngại đến việc quân ngũ và việc chính trị. Vậy từ nay, Tổng binh chỉ nên chuyên giữ về việc binh, mà đình bãi việc kiêm giữ công việc trong ti Thừa chính ; còn chức Thừa chính sứ thì chọn người có văn học để sung bổ ; chức Tham chính và Tham nghị thì liệu lượng bớt đi một ; để có chuyên trách, nếu khi ở nơi biên cương có xảy ra việc gì thì hai ti được phép hội bàn với nhau, khỏi đến nỗi có sự ngăn trở và lầm lẫn". Nhà vua chuẩn theo lời nói ấy.

Nhà vua hạ dụ cho Thừa tuyên Tổng binh ở các đạo rằng : "Người tướng suý giữ nơi biên khổn, chức trách rất là quan trọng, triều đình trông cậy không khác gì cái phên cái giậu để

(1) Nay gồm các huyện Quỳnh Phụ, Đông Quan cũ (nay thuộc Đông Hưng). Thuỵ Anh cũ (nay thuộc Thái Thuỵ), tỉnh Thái Bình.

bảo vệ trong nước. Vậy triều đình đối với tổng binh, nếu có những việc trọng đại, như : tuyên triệu, tra hỏi, bắt nộp phu phen, hoặc thu nộp phẩm vật... tất nhiên triều đình ban hạ chỉ thư[1], nội phù[2], các viên tổng binh cần phải khám xét tường tận, nếu thấy không có gì sai suyển, mới nên tuân theo mệnh lệnh. Nếu có sắc chỉ mà không có nội phù, hoặc có nội phù mà không có sắc chỉ, cùng các văn thư của tước công, tước hầu trở xuống đến các nha môn về việc bắt nộp lính, bắt nộp lương v.v... nếu thấy có điều gì gian trá, thì phải lập tức cho chạy trạm về kinh hặc tâu. Người nào tự tiện lìa bỏ chức phận của mình sẽ bị luận tội ; nếu tình trạng nặng sẽ luận vào tội chết, tình trạng nhẹ luận vào tội lưu. Chb. XX, 39

(1) Thời đại quân chủ, mệnh lệnh của vua chúa ban bố cho thần dân tuân hành, gọi là chỉ thư hoặc sắc chỉ.

(2) Một thứ dùng làm phù hiệu để làm tin, chế bằng tre, gỗ hoặc kim loại, trên mặt khắc chữ, cắt ra làm đôi, triều đình và viên quan ngoài phiên trấn mỗi bên giữ một nửa. Mỗi khi triều đình có hạ mệnh lệnh cho viên quan phiên trấn nào, thì sai trung sứ cầm một nửa phù hiệu đi để làm ghi dấu. Khi tới nơi, viên quan phiên trấn đem một nửa phù hiệu mình giữ khớp với một nửa phù hiệu mà trung sứ mang đi, để phân biệt sự thật hay giả. Ngược lại, khi viên quan triều trấn sai người về tâu việc ở triều đình cũng theo thể thức ấy.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 21

Từ tháng 10 mùa đông năm Đinh Hợi, Quang Thuận thứ 8 (1467) đến năm Canh Dần, Hồng Đức nguyên niên (1470) đời Lê Thánh Tông, gồm 3 năm lẻ. Chb. **XXI**, 1

Tháng 10, mùa đông. Người nước Ai Lao xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua không nhận.

Ai Lao từ khi thua trận ở Khâu Lao(1), bộ lạc tan vỡ, đến nay, tên Hô Lung, một đảng trong bộ lạc, mới xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua cho rằng bọn ấy là người mê muội, bụng dạ không nhất định, nên từ chối không nhận.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt Vương năm thứ 3 (Tb.VI,9-10).

Thi khảo các quân sĩ về võ nghệ, định lệnh thưởng phạt khác nhau.

Nhà vua chuẩn định ba năm một kỳ thi khảo các quân sĩ về võ nghệ. Cứ đến mùa đông từng kỳ, hạ lệnh cho quan khảo xét sự giảng tập của quân thuỷ, quân bộ, quân thị hậu và quân ngoài các đạo, nhân đấy định cách thức thưởng phạt : binh sĩ nào thắng luôn 4 tao được thưởng một chiếc áo và một quan năm tiền sử tiền ; 3 tao thắng 1 tao bình, được thưởng một chiếc áo ; 2 tao thắng 2 tao bình, được thưởng 6 tiền sử tiền ; 1 tao thắng, 3 tao bình, được thưởng 3 tiền sử tiền ; 4 tao đều bình

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XX tờ 17 việc hiệu uý Hoàng Liễn đánh bộ lạc Ai Lao ở Khâu Lao.

được cấp cho tiền cơm là 20 đồng sử tiền. Ngược lại, binh sĩ nào thua cũng phải phạt như thế.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các vệ các ti Thần Võ, Du Nỗ, Thần Tí, Vũ Lâm và Ngũ Oai ; mỗi khi binh sĩ đến phiên túc trực, đều thay đổi từng ban chuyên tập võ nghệ ; binh sĩ ở vệ Ngũ Oai và các sở Súng Nỗ thuộc các vệ ở các đạo ngoài kinh thành đều được nghỉ việc sai phái về tạp dịch, liệu lượng định số người canh giữ, còn bao nhiêu người đều phải chuyên tập võ nghệ, ban nào tập xong, quan sẽ xét duyệt lại và thưởng phạt theo như lệ định. Chb. **XXI**, 2

Lời chua – *Sử tiền, cổ tiền* : Sách *Vân Đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn chép : "Người Trung Quốc tính một trăm đồng là một tiền, nước ta tính mỗi tiền 36 đồng, gọi là sử tiền, mỗi tiền 60 đồng, gọi là cổ tiền. Như vậy, 10 tiền của sử tiền, hay là cũng gọi một quan sử tiền, tức là 6 tiền của cổ tiền ; còn 10 tiền của cổ tiền tức là 1 quan 6 tiền 40 đồng[1] của sử tiền. Sử tiền còn có tên riêng là tiền gián ; cổ tiền tên riêng là tiền quý.

Vệ Ngũ Oai : Các vệ Phấn Oai, Chấn Oai, Hùng Oai, Lôi Oai và Tuyên Oai gọi là vệ Ngũ Oai, đều thuộc ngũ phủ quân. Xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chb. XX, 3 - 5).

Dời quân doanh trấn thủ An Bang đến Bãi Lầm.

Lời chua – *Bãi Lầm* : Nay không khảo cứu được.

Thừa chính sứ Thanh Hoá dâng một sọt tơ ươm bằng cái kén của thứ sâu ở đồng nội, nhà vua không nhận. Chb. **XXI**, 3

Lời chua – *Thừa chính sứ Thanh Hoá* : Không rõ tên.

Bột Lân, thổ tù nhà Minh, xâm phạm châu Hạ Lang.

Bột Lân, thổ quan châu An Bình nhà Minh, đem tám ngàn quân, ba trăm ngựa xâm phạm châu Hạ Lang, bị quân ta đánh

(1) Con số này sử *Cương mục* chép sai, chính ra phải là một quan 6 tiền 24 đồng mới đúng.

bại, bọn Bột Lân phải chạy về, chia nhau giữ cửa biên giới, Trấn thủ Thái Nguyên là bọn Đào Viện và Lê Bá Đạt xin đưa thư cho Lân hỏi về duyên cớ khởi binh. Nhà vua y cho.

Lê Luyện, tổng binh Lạng Sơn, cho người chạy ngựa về kinh báo cáo về việc tổng binh tỉnh Quảng Tây nhà Minh điều động tập họp mười ba vạn binh mã đóng châu Ngô, châu Tầm nói phao lên là sửa sang khe cừ cầu đường ở các nơi ven biển để đem quân đánh giặc Mán ở Liêm Châu. Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong triều hội bàn, Thái bảo là bọn Nguyễn Lỗi đều nói : "Nước ta chỉ nên giữ cửa ải cho kiên cố, việc bọn kia làm, không có gì đáng lo ngại".

Lời chua – *Châu Hạ Lang* : Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 3 (Chb.III, 3).

Châu An Bình : Theo *Đại Thanh nhất thống chí* : Châu An Bình thuộc phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây.

Châu Ngô, châu Tầm : Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 18 - 19).

Liêm Châu : Tức Thái Bình quân, xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 25 - 26).

Lạng Sơn : Xem năm Quang Thuận thứ 10 Chb. **XXI**, 4 (Chb.XXI, 19, 31).

Trăm quan dâng tờ biểu xin nhà vua xưng đúng tôn hiệu ; nhà vua không nhận lời.

Trước kia, khi Thái Tổ lên ngôi vua, bầy tôi làm tờ biểu dâng đế[1], hiệu, Thái Tổ nhún nhường không chịu nhận, phàm cho ban hành tờ chiếu tờ cáo đều xưng là vương[2] ; đến đời

(1) Chữ "đế" chữ "vương" đều nghĩa là vua, nhưng theo đẳng cấp thời phong kiến thì "đế" là hoàng đế (vua một nước lớn) dùng vũ lực bắt nước nhỏ phải phụ thuộc vào nước mình và hằng năm phải cống nạp. "Vương" là quốc vương (vua một nước nhỏ), phải chịu vua nước lớn phong cho. Nhưng đối với nước lớn tuy xưng là "vương" mà đối với thần dân nước mình thì lại xưng là hoàng đế. Có khi cũng dùng vũ lực bắt nước nhỏ khác phải lệ thuộc vào nước mình và phong vương cho nước nhỏ ấy.

(2) - nt -

Thái Tông, Nhân Tông vẫn theo vương hiệu. Kịp khi nhà vua vào triều đường nối ngôi vua, Lễ bộ thị lang Lương Như Hộc và Nguyễn Đình Mỹ thường lấy cớ là thời tiết hoà thuận, hoà cốc phong đăng, muôn dân yên lành, mọi vật sinh nở, xin dâng tôn hiệu ; nhà vua không nhận lời. Đến nay, đại thần và trăm quan dâng biểu cố xin. Nhà vua nói : "Tôn hiệu hoàng đế, trẫm chưa dám nói đến. Nay trẫm xưng với quần thần là hoàng thượng, xưng ở nhà thái miếu là tự hoàng, như thế cũng đã đủ phân biệt với hiệu "vương"[1] của các vương khác rồi, các ngươi nên thể tất ý của trẫm.

Đợi mấy năm sau nữa, nếu thấy trên được trời giúp, dưới được dân yên, mưa thuận, gió hoà, nước nhỏ mến đức, nước lớn sợ oai, lúc bấy giờ bàn đến tôn hiệu". Trăm quan lại dâng biểu xin rằng : "Bệ hạ đã xứng ở ngôi chí tôn, cần phải xưng tôn hiệu một cách chính xác". Nhà vua không theo.

Lời cẩn án – *Theo* Đại việt thông sử *của Lê Quý Đôn, Lê Thái Tổ năm Thuận thiên thứ nhất (1428) bầy tôi làm tờ biểu dâng đế hiệu, vua Thái Tổ nhún nhường không nhận, phàm tờ chiếu, tờ cáo đều xưng "đại vương". Như thế, đủ tỏ ra rằng đời Lê Thái Tổ chưa xưng đế hiệu ; đến như việc xưng hiệu của Thái Tông và Nhân Tông tuy không có văn kiện rõ rệt, nhưng cứ xem như Thánh Tông lên ngôi vua đến nay đã 8 năm, bầy tôi mới xin dâng đế hiệu, thì có thể biết rằng nhà Lê từ Thái Tông, Nhân Tông trở về trước đều xưng vương hiệu. Tuy thế, Thánh Tông đối với bầy tôi xưng là hoàng thượng, đấy là nghĩa thông thường, còn đối với nhà thái miếu mà xưng là tự hoàng, thì không thấy nghĩa ở kinh điển nào ? Sau này đối với nhà thái miếu lại còn xưng là quốc hoàng*[2] *nữa. Đến như tờ chế, tờ cáo ban cho bầy tôi cũng xưng là* Chb. **XXI**, 5

(1) Chữ "vương" này chỉ có nghĩa là một nước, về phần vinh dự thì hơn cả tước công tước hầu, nhưng không phải là vua một nước. Ví dụ : như Hưng đạo vương Quốc Tuấn triều Trần, Cung vương Khắc Xương triều Lê.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXI tờ 7 ở dưới.

hoàng thượng[1], *thì thật không có kinh điển nào cả. Vì thế nên người làm vua lúc bắt đầu xây dựng công việc, cần nhất là phải kê cứu vào điển lễ đời cổ.*

Tháng 11. Xét tội những tù phạm hiện giam trong ngục.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho tể thần[2] lúc xét tội những tù phạm hiện giam, phải có quan chức của Đại lý tự, nếu người có tội kêu là xét oan, thì cho quan chức của Đại lý tự cùng người có tội biện bạch bẻ bác với nhau.

Nguyễn Phục, đô chỉ huy, giữ việc vâng tờ chiếu của vua xét hỏi hình ngục mà không khám xét được mau chóng, để việc hình ngục phần nhiều đình trệ. Nhà vua hạ lệnh cho gián quan[3] là bọn Trần Thốc xét hỏi về tội chậm trễ của Nguyễn Phục.

Thi nho thần[4] ở Phượng Nghi đường.

Nhà vua cho triệu những người trước đã đỗ tiến sĩ hiện làm việc ở các nha môn là bọn Lê Đình Tuấn cùng với bí thư giám là bọn Lương Thế Vinh, cộng 30 người, đến Phượng Nghi đường. Nhà vua ra đầu bài để khảo thí bọn này. Trong số ấy có thị chế Dương Như Châu vì học nghiệp không tiến, phải xuất ra làm Hồng lô tự thừa.

Lời chua – *Phượng Nghi đường* : Nay không khảo cứu được Chb. **XXI**, 6

Khôi phục quan chức cho Nguyễn Như Đổ.

Nguyễn Như Đổ trước kia làm Thượng thư bộ Lại, vì lựa chọn ghi chú việc bổ dụng người không được minh bạch, nên bị cất chức, đến đây nhà vua lại triệu vào triều cho khôi phục lại chức cũ.

---

(1)Xem thêm *Chính biên* quyển XXI, tờ 7 ở dưới.

(2) Xem chú thích ở *Chính biên* quyển VIII, tờ 35.

(3)Viên quan giữ việc can ngăn vua.

(4) Bầy tôi có văn học.

Nguyễn Như Đổ thường xin cho giáo thụ[1] được cất nhắc lên chức tri huyện[2]. Nhà vua nói : "Giáo thụ cần phải để giữ chức vụ lâu dài, mới có thể mong họ giáo dục học trò thành người tài giỏi được. Nhà ngươi giữ chức vụ lựa chọn cân nhắc để bổ sung các chức, nếu dám có điều gì thay đổi, tội ấy không phải nhỏ đâu !".

Nguyễn Như Đổ thường xin cho Quản lãnh[3] Lê Bốc được giữ chức Tổng tri[4], nhà vua nói : "Lê Bốc có bệnh tê, yếu đuối không thể làm gì được ; thế mà nhà ngươi hai ba lần xin cất nhắc hẳn lên, nhà ngươi thật là một viên quan gian giảo".

Lời phê – *Đã biết là người gian giảo, sao lại còn dùng ?*

Xét duyệt số hộ người Chiêm Thành.

Khoảng niên hiệu Thái hoà (1443 - 1453), người Chiêm Thành sang quy phụ nước ta, tất cả trai gái hơn 200 người, lúc ấy đã phân phối họ đến ở các đạo. Nay nhà vua hạ lệnh xét duyệt số hộ khẩu của họ có bao nhiêu người, định cách kiềm chế để họ được theo một phạm vi nhất định ; cấm nhà quan, nhà tư không được dùng họ làm nô tì.

Hoàng trùng phát sinh ở Bắc Đạo.

Ở Bắc Đạo nhiều nơi phát sinh hoàng trùng. Thừa chính sứ là bọn Lê Văn Khác không biết đem việc ấy tâu bày, chỉ ngồi nhìn sự tai hại của dân, nên mỗi người đều bị giáng chức một cấp. Chb. **XXI**, 7

Nhà vua nhận thấy cái thành ở hoàng cung vừa thấp vừa nhỏ, hạ lệnh cho bọn Trịnh Công Lộ, hữu đô đốc phủ Đông quân,

---

(1) Viên quan chuyên giữ việc dạy học trò.

(2) Viên quan cai trị trong một huyện, giữ công việc hành chính.

(3) Theo binh chế đời Lê Thánh Tông, đặt ngũ phủ quân, mỗi phủ 6 vệ, Tổng tri là chức đứng đầu một vệ ; mỗi vệ có 5 sở hoặc 6 sở, Quản lãnh là chức đứng đầu một sở.

(4)- nt -

đốc thúc quân ngũ phủ đắp thành ấy ; sau đó vì năm ấy dân bị đói, giá gạo cao, bèn thôi không đắp nữa.

Lời chua – *Bắc Đạo* : Xem Lê Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb.XV, 5).

Tháng 12. Làm lễ tế hưởng về mùa đông, bắt đầu từ lễ này trong chúc từ xưng là "Hiếu tôn quốc hoàng".

Trước đây, tế ở thái miếu, trong chúc từ xưng là tự hoàng(1), đến nay tế về tiết mùa đông, xưng là hiếu tôn quốc hoàng(2). Danh hiệu "quốc hoàng" bắt đầu từ đây. Còn những tờ chế, tờ cáo ban cấp bầy tôi đều xưng là "hoàng thượng chế cáo". Tờ chế, tờ cáo xưng là hoàng thượng cũng bắt đầu từ đấy.

Lời phê – Hai chữ "quốc hoàng" rất trái nghĩa và quê mùa. Như thế, sao lại gọi là người sùng thượng văn học được ?

Khôi phục quan chức cho Lê Thiệt.

Trước đây, Thiệt giữ chức Tây quân tả đô đốc, can tội tham tang, bị bãi(3). Đến nay, nhà vua xét thấy tài của Thiệt có thể dùng được, hạ lệnh cho trả lại chế mệnh phong cho Thiệt mà bị thu hồi từ trước.

Hạ chiếu cho các quan đề cử những viên huyện lệnh cương trực.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong triều xét những viên huyện lệnh nào là người cương trực dám đấu chọi với kẻ gian tà, thì mỗi viên quan trong triều đều được đề cử một người. Lúc ấy, Nguyễn Như Đổ, thượng thư bộ Lại, đề cử bọn Nguyễn Thế Mỹ tám người để ứng tuyển. Nhà vua xét thấy những người ấy đều mới ra làm quan, tài cán tầm thường, nên lại hạ lệnh cho cử lấy mười người hiện làm quan

Chb. **XXI**, 8

(1) Ông vua thừa kế cơ nghiệp của tổ tiên.

(2) Người cháu hiếu thảo làm vua một nước.

(3) Việc Lê Thiệt bị bãi, xem thêm *Chính biên* quyển XX, tờ 26.

trong kinh từ hàng ngũ phẩm trở xuống. Lúc ấy Thái bảo Lê Niệm cử Công khoa cấp sự trung Lương Thế Vinh ; Đô đốc Trịnh Văn Sái cử Hội khoa cấp sự trung Đặng Thục Giáo ; Thượng thư Trần Phong cử Thượng bảo tự Khanh Dương [Tông] Hải(1). Nhà vua xem tờ tâu của bọn Lê Niệm, thấy những người được đề cử nhiều người làm quan không xứng với chức vụ, bèn lựa bỏ họ tên bọn Lương Thế Vinh, chỉ để lại tên hai người ở trong hàng tuyển cử, là : giáo thụ Nguyễn Nhân Tuỳ và Tri huyện Đinh Bô Cương. Nhân đấy, nhà vua phê rằng : "Lục bộ, lục khoa và Ngự sử đài nếu ai đề cử không phải người tốt, sẽ luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức, nếu cử được người xứng đáng, quyết nhiên sẽ được trọng thưởng". Rồi sai trung quan đem lời phê ấy bảo cho quần thần biết, thì không ai là không phục tài xét đoán sáng suốt của nhà vua.

Lời phê – *Tình trạng lúc bấy giờ thế nào khó biết rõ được, mà chỉ thấy làm như thế, thì việc ấy ta cũng chưa thể tin được*(2).

Lời chua – *Đinh Bô Cương* : Người làng Cao Môn, huyện Thanh Chương(3)

Mở khoa thi hoành từ.

Quan viên từ tứ phẩm trở xuống đều được dự thi, số ứng thi gồm 30 người họp ở Phượng Nghi đường, nhà vua tự mình thân ra đầu bài thi. Khoa thi này, bọn Lang trung Nguyễn Tường và

---

(1) *Toàn thư* chép : Dương Tông Hải, sách *Cương mục* tránh tên huý của nhà Nguyễn, nên chép là Dương Hải.

(2) Nguyên văn lời phê bằng chữ Hán như thế này : "Đương thời tình trạng như hà, nan tri, nhi độ vân vân, ngô tư chi vị năng tín". Chúng tôi nhận thấy 10 chữ ở hai câu cuối, nghĩa rất lờ mờ, khó hiểu. Sách *Cương mục* nêu lời phê này ở đầu dòng chỗ xoá bỏ tên Lương Thế Vinh, chỉ đề tên Nguyễn Nhân Tuỳ và Đinh Bô Cương. Như thế có thể hiểu hai câu này nghĩa là : "mà chỉ xoá tên người này đề tên người khác vân vân... thì ta chưa dám tin việc làm ấy đã là chính đáng", hay "chưa dám tin đã là sáng suốt".

(3) Nay thuộc huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Lê Đình Tuấn, Tri huyện Nguyễn Nhân Thiếp và Đào Thuấn Cử, Viên ngoại lang Phạm Như Lam và Trần Quý Huyền đều dự trúng tuyển. Tất cả những người này đều được vào học tại Bí thư giám.

Lời chua – *Phép thi khoa hoành từ :* Theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn, thì thí sinh dự khoa hoành từ phải làm các bài thơ, phú, tán, tụng, ca, châm, không có thể thức nhất định.

Nguyễn Tường : Người làng Cao Cương, huyện Tân Phong, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận. Chb. **XXI**, 9

Đào Thuấn Cử : Người Làng Thuần Khang, huyện Siêu Loại, đỗ Đồng Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Hạ chiếu chọn các quan trong kinh thành ngoài các đạo lấy người nào có đức nhân từ, khoan hậu, sáng suốt, thành thực để bổ vào làm việc ở ty hình ngục.

Lúc ấy, Lang trung và Viên ngoại lang ở bộ Hình là bọn Phạm Cấm và Đàm Văn Thông xét việc hình ngục phần nhiều oan uổng và quá đáng. Những người bị xử oan, thường thường kêu nài, cáo tố ở nơi triều đường. Nhà vua lấy làm chán ghét, nên hạ lệnh cho Nguyễn Như Đổ chọn các viên chức trong kinh thành, ngoài các đạo người nào có đức nhân từ, khoan hậu, sáng suốt, thành thực thì cất nhắc lên để thay thế bọn kia.

Lời chua – *Phạm Cấm* : Người làng Vân Nội, huyện Chương Đức, đỗ Đồng Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

Bảo Tỉ[1] truyền quốc đã khắc xong.

Trước đây, bàn về việc khắc bảo tỉ truyền quốc, nhà vua bảo bọn tể thần nên dùng những chữ "Thiên nam hoàng đế chi bảo". Nguyễn Cư Đạo, quyền Thượng thư bộ hộ, cho rằng hai chữ "Thiên nam" hầu như chữ mới sáng tác, không bằng chữ

(1) Cái ấn (con dấu) của vua gọi là bảo tỉ.

"Thuận thiên thừa vận chi bảo" đối với nghĩa được xác đáng hơn. Nhà vua sai bầy tôi hội bàn. Bí thư giám học sĩ là bọn Lương Như Học tâu nói : "Tham khảo trong sách *Văn hiến thông khảo* (Trung Quốc) thì nên dùng những chữ "Hoàng đế thụ mệnh chi bảo". Việc khắc chữ vào bảo tỉ lúc ấy mới quyết định. Nhà vua mới làm lễ cáo nhà thái miếu để khắc chữ. Đến nay bảo tỉ đã khắc xong, lại ra lệnh cho Thái sư Đinh Liệt đem lòng kính cẩn của nhà vua làm lễ cáo nhà thái miếu. Chb. **XXI**, 10

Lê Bá Tu, giám sát ngự sử Nam Đạo, phải giáng chức làm Tri châu.

Lê Bá Tu làm ngự sử dâng sớ cực lực nói về việc sai lầm về chính sự lúc bấy giờ, lời sớ trái ngược với ý nhà vua, nên Bá Tu bị xuất ra làm Tri châu Lộng Nguyên, phủ Bắc Bình.

Lời chua – *Châu Lộng Nguyên* : Từ đời nhà Lý trở về trước gọi là châu Quảng Nguyên ; nhà Lê, năm Quang Thuận đổi là châu Lộng Nguyên, năm Hồng Đức đổi làm châu Quảng Uyên ; nay đổi làm huyện, thuộc tỉnh Cao Bằng[1].

Khơi vét Liên Cảng ở Thuận Hoá cùng các cảng ở Thanh Hoá và Nghệ An.

Lời chua – *Liên cảng* : Xem Hồ Hán Thương, năm Khai đại thứ 2 (Chb.XII, 5).

Các cảng ở Thanh Hoá : Ngọc Giáp cảng ở huyện Quảng Xương ; Lẫm Cảng và Chiếu Bạch cảng đều ở huyện Tống Sơn ; Vi cảng ở huyện Hoằng Hoá ; Linh Trường cảng ở huyện Hậu Lộc ; Thần Phù cảng ở huyện Nga Sơn ; Hải Yến cảng ở huyện Đông Sơn ; Đồng Hoà cảng và Trầm Mông cảng đều ở huyện Ngọc Sơn.

---

(1) Nay huyện Quảng Uyên hợp nhất với huyện Phú Hoà thành huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng.

Các cảng ở Nghệ An : Xước cảng và Tang cảng đều ở huyện Quỳnh Lưu ; My cảng ở huyện An Thành ; Thiết cảng, Hương Cái cảng và Đích càng đều ở huyện Hưng Nguyên ; Na cảng ở huyện Cẩm Xuyên ; Lạc cảng ở huyện Kỳ Anh. Chb. **XXI**, 11

Mậu Tí, năm thứ 9 (1468). (Minh, năm Thành Hoá thứ 4). Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ thuyên chuyển cất nhắc những viên quan giữ chức nơi biên viễn.

Trước đây, có sắc lệnh cho viên quan nào giữ chức ở nơi biên viễn đủ 9 năm thì được điều động giữ chức ở nơi kinh huyện[1]. Đến nay nhà vua ra sắc lệnh : phàm quan viên giữ việc ở nơi biên viễn lam chướng, người nào biết hết lòng vỗ về thương yêu nhân dân, không những nhiễu về việc thúc giục tô thuế mà thuế khoá vẫn được đủ số, thì khi mãn hạn 6 năm chuẩn cho được đổi về chỗ thuỷ thổ lành ; nếu người nào thác cớ đau ốm, tìm đường trốn tránh, thuế khoá phần nhiều thiếu thốn, thì lại đổi đi nơi biên viễn, đợi đủ 6 năm sẽ lượng xét để cho thuyên chuyển.

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Định thể thức về thư khế.

Hồi đầu triều Lê, thư khế ở dân gian chưa có thể thức nhất định. Đến nay nhà vua hạ lệnh cho bộ Lễ bàn định thể thức văn khế[2] để ban hành ở dân gian.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh.

Nhà vua cùng Hoàng thái tử, Kỳ quận công Lê Niệm và bầy tôi tuỳ tùng là bọn Lê Hoằng Dục, Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, vua tôi thay đổi nhau liên tục làm bài ca, sáng tác tập thơ *Anh hoa hiếu trị*. Chb. **XXI**, 12

---

(1) Chữ "kinh huyện" triều Hậu Lê, không thấy tài liệu nào giải nghĩa rõ. Chúng tôi tham khảo *Hội Điển* triều Nguyễn (quyển XI tờ 5, phần Lại bộ quan chế) thì thấy những huyện Hương Trà, Quảng Điền và Hương Thuỷ thuộc phủ Thừa Thiên gọi là "Kinh huyện" nghĩa là huyện ở liền kinh kỳ. Viên quan Tri huyện ở kinh huyện phẩm trật cao hơn các viên huyện khác một bậc. Như vậy, ta có thể hiểu "kinh huyện" triều Hậu Lê tức là huyện Thọ Xương và Quảng Đức ở liền kinh thành Thăng Long.

(2) Lời giao ước viết thành văn, như sau này người bán ruộng đất hoặc vay nợ phải viết văn khế giao cho chủ mua, chủ nợ giữ.

Lời chua – *Lê Hoằng Dục* : Người làng Hải Lịch, huyện Lôi Dương, con một công thần khai quốc là Lê Văn Linh.

Đỗ Nhuận : Người Kim Hoa, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Tháng 10, mùa đông. Trần Phong phạm tội, giao xuống cho Hình quan xét nghĩ.

Lúc ấy, Lê Bô phạm tội tham tang, phải luận vào tội kình[1]. Trần Phong xin cho Lê Bô được nộp tiền chuộc tội. Nhà vua bảo bầy tôi trong triều rằng : "Trần Phong xin cho người can tội tham tang được nộp tiền chuộc, như thế thì người giàu có nhiều của đút lót mà khỏi tai vạ, người nghèo vì không có tiền mà chịu tội lỗi, thế là Trần Phong dám làm trái cả phép tắc của tổ tông, thiện tiện tác uy tác phúc, để làm hại cả nước. Vậy hạ lệnh cho pháp ti xét xử trị tội theo những luật định".

Trần Phong là người hay ton hót. Lúc ấy bố người vợ cả của vua là Nguyễn Đức Trung và cậu vua là Nguyễn Yên vừa có quyền thế vừa được vua yêu không ai sánh bằng. Phong dùng mánh khoé siểm nịnh để phụng sự hai người này. Một hôm, vì dư luận áp bức, Phong phải đàn hặc sự trái phép của Đức Trung ; chiều hôm ấy, Phong đến nhà Đức Trung để xin lỗi. Phong lại thường xin dâu gia với Nguyễn Yên, suốt ngày đứng lạy ở sân nhà Nguyễn Yên, Yên mới nhận lời. Nhà vua bảo với Nguyễn Như Đổ rằng : "Trần Phong là người ngoài mặt làm ra nghiêm nghị, mà trong bụng thì nhu ác, phát ngôn một cách sơ suất. Đến như hắn ton hót phụng sự bọn quyền quý : liếm mụn cho Đức Trung, mút ung thư cho Nguyễn Yên[2] đấy là mánh khoé sở trường của hắn dùng để tiến lên chức quan cao cả".

Chb. **XXI**, 13

(1) Một tội trong ngũ hình (kình, tị, phị, cung và đại tích) đời cổ. Người bị luận vào tội này phải chịu thích chữ vào trán rồi đổ mực lên trên.

(2) Hai câu này do thành ngữ "doãn ung thị trĩ" (mút ung thư, liếm mủ máu), đời xưa dùng để chửi độc địa những hạng tìm mọi cách đê hèn bẩn thỉu, nịnh hót người quyền quý để cầu giàu sang.

Bổ dụng Phạm Phổ, Thái tử thị giảng[1], làm quan chỉ huy.

Phổ, trước đây đỗ Tiến sĩ, từng giữ chức quan Thái tử thị giảng. Đến nay 3 lần dâng tờ tâu xin bổ sung chức quan võ, nhà vua khen là người có chí, cho nên được đặc cách bạt bổ. Tiến sĩ được cất nhắc sang chức quan võ bắt đầu từ đây.

Phổ muốn cho quyền vị của mình được vững vàng, mới nịnh hót nương nhờ mụ Đồng Đào là Huy nhân trong bọn nữ quan, cầu xin với mụ ấy đem con gái mình tiến nạp vào trong cung. Nhà vua dụ bảo bầy tôi trong triều rằng : "Phổ chỉ là một người bầy tôi hại nước mà thôi". Sau nhà vua bãi chức quan chỉ huy của Phổ.

Lời chua – *Phạm Phổ* : người làng An Bài, huyện Bình Lục.

Huy nhân : Theo quan chế đời Hồng Đức, Huy nhân là quan hàm của nội mạng phụ[2], phẩm trật vào hàng tòng tam phẩm.

Tháng 11. Người hoạn giả là Phan [Tông] Trinh[3] phạm tội, giao xuống quan giữ hình ngục xét, luận vào tội chết.

Lúc ấy, hoạn giả là bọn Nguyễn Thư, Chu Đức Đại, Dương Minh Phong, Ngô Át và Phan Trinh can tội ăn của đút. Pháp ti luận Phan Trinh vào tội tử hình, còn bọn Nguyễn Thư đều được theo sự khoan hồng giảm nhẹ tội. Ngự sử là bọn Trần Thốc và Nguyễn Văn Chất nói : "Bọn Nguyễn Thư, Phan Trinh đều là thân phận là người gần vua mà ăn của đút, quan

Chb. **XXI**, 14

(1) Chức quan có nhiệm vụ giảng giải mọi điều cho Thái tử hiểu. Thường lấy những người có văn học. Cũng gọi là Đông cung Thị giảng.

(2) Xem chú thích số 3 chính biên q.XI, tờ 44 về chữ nội mạng phụ.

(3) Nguyên văn chép "hoạn giả Phan Trinh", dưới đoạn văn này lại chép việc : "Phan Trinh cướp lấy vợ hoạn quan tên là Hiền". Đã là "hoạn giả" hoặc "hoạn quan", sao lại có vợ ? Tham khảo *Toàn thư* chép thì Phan Tông Trinh là "nội thần", Hiền là "nội quan". Chữ "nội thần" hoặc "nội quan" theo nghĩa trong *Tứ thư* : bầy tôi thân cận ở nơi cung cấm của vua chúa, nhưng cũng có triều gọi hoạn quan là nội thần hoặc nội quan. Vậy chữ hoạn giả và hoạn quan chép ở đoạn văn này tưởng nên hiểu nghĩa như chữ nội thần và nội quan mà *Toàn thư* đã chép.

giữ việc pháp luật cầm cán cân công bằng, đáng phải luận bọn này vào tử hình, nay nghị bọn Nguyễn Thư được theo sự khoan hồng giảm nhẹ tội, mà một mình Phan Trinh bị tử hình, như thế thì pháp luật không làm cho thiên hạ tin là công bằng được". Nhà vua nói : "Bọn Nguyễn Thư ăn của đút, tội của chúng đáng phải chết, nay ta không giết, là còn mong một ngày kia chúng đổi lỗi, để phòng có khi sai khiến đến. Còn như Phan (Tông) Trinh làm con nuôi của hoạn quan tên là Hiền, sau khi tên Hiền chết, Trinh cướp lấy vợ của Hiền ; năm trước Trinh lại giao hợp đùa bỡn với một cung nữ, hai tội ấy đều nặng cả, nay luận vào tội chết là đáng lắm".

Kỷ Sửu, năm thứ 10 (1469). (Minh năm Thành Hoá thứ 5). Tháng 2 nhuận, mùa xuân. Cấm tiềm tàng đồ binh khí.

Nhà vua dụ bảo các quan văn, võ : "Trẫm nối ngôi vua, giữ cơ nghiệp lớn đến nay đã được lâu năm, trong nước bình yên, không phải dùng đến binh cách. Vậy hạ lệnh cho trong nước không ai được cất giấu đồ binh khí ở trong nhà".

Nhà vua ra sắc lệnh dụ bảo quân dân trong nước : "Những thứ áo giáp, mũ trụ, để làm cho dung nghi quân sĩ được hùng mạnh : như nón thuỷ ma, nón sơn đỏ, là thứ nón của thân quân được đội để túc trực bảo vệ kinh thành. Thế mà nay ở hàng chợ, ở dân gian phần nhiều mua bán thứ nón ấy, thì không lấy gì mà phân biệt được hình sắc quân sĩ, cần phải cấm chỉ việc mua bán ấy".

Nhà vua ra sắc lệnh cho các vệ, các ti, các sở : "Nếu khí giới có hao mòn, khuyết mẻ, đều đem đến kho khố để tu tạo lại theo như quy thức, không ai được thiện tiện đem đến các nơi nhà công, nhà lính ở ngoài thành để sửa chữa hoặc làm mới. Người nào trái lệnh sẽ bị luận vào tội lưu". Chb. **XXI**, 15

Định thể lệ về việc ban cấp chế, cáo và sắc.

Theo thể lệ cũ, những sắc chỉ, ân mệnh do triều đình ban cấp cho các quan : ban cấp cho quan văn hàng nhất phẩm,

dùng chế ; ban cấp cho quan võ hàng nhất, nhị phẩm, quan văn hàng nhị tam phẩm, dùng cáo ; ban cấp cho quan võ hàng tam phẩm, quan văn hàng tứ, ngũ phẩm, dùng sắc. Ngoài ra đều ban cấp khám hợp. Đến nay, nhà vua ra sắc lệnh nghị định : Phàm tước công, tước hầu, tước bá cấp bằng chế mệnh ; văn, võ trăm quan từ nhị phẩm trở lên cấp bằng cáo mệnh ; tam, tứ và ngũ phẩm cấp bằng sắc mệnh giấy rồng (long tiên) : lục và thất phẩm cấp bằng sắc mệnh hắc lạn ; bát và cửu phẩm cấp khám hợp.

Lời chua – *Long tiên* : Giấy vàng, điểm vết bạc lưa thưa và vẽ hình con rồng.

Hắc lạn : Giấy vàng, chung quanh bôi đen.

Khám hợp : Giấy trắng viết chữ đen. Cũng như bằng cấp sau này.

Tháng 3. Nhà vua tuần du Bình Than, bèn đi đánh Bồn Man.

Lời chua – *Bình Than* : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb.VII,28).

Bồn Man : Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Người Chiêm Thành sang lấn cướp Hoá Châu. Chb. **XXI**, 16

Định bản đồ trong nước.

Nhà vua định bản đồ 12 thừa tuyên như sau này :

I[1] – Thanh Hoá quản lĩnh 4 phủ, 16 huyện, 4 châu ;

II – Nghệ An quản lĩnh 8 phủ, 18 huyện, 2 châu ;

III – Thuận Hoá quản lĩnh 2 phủ, 7 huyện, 4 châu ;

IV – Nam Sách nay đổi làm Hải Dương, quản lĩnh 4 phủ, 18 huyện ;

(1) Những chữ số La Mã chua ở trang này cũng như các trang sau, từ I đến XII nguyên văn không có, ở đây chúng tôi đánh số thêm vào để tiện việc khảo cứu, còn phủ Phụng Thiên, vì không liệt vào 12 thừa tuyên nên để riêng không đánh số.

V – Thiên Trường nay đổi làm Sơn Nam, quản lĩnh 11 phủ, 42 huyện ;

VI – Quốc Oai nay đổi làm Sơn Tây, quản lĩnh 6 phủ, 24 huyện ;

VII – Bắc Giang nay đổi làm Kinh Bắc, quản lĩnh 4 phủ, 19 huyện.

VIII – An Bang quản lĩnh 1 phủ, 3 huyện, 4 châu ;

IX – Tuyên Quang quản lĩnh 1 phủ, 2 huyện, 5 châu ;

X – Hưng Hoá quản lĩnh 3 phủ, 4 huyện, 17 châu ;

XI – Lạng Sơn quản lĩnh 1 phủ, 7 châu ;

XII – Thái Nguyên nay đổi làm Ninh Sóc, quản lĩnh 3 phủ, 8 huyện, 7 châu.

Lại đổi Trung đô phủ làm Phụng Thiên, quản lĩnh 2 huyện.

Lời chua : *I – Thanh Hoá bốn phủ* :

– Phủ Thiệu Thiên quản lĩnh 8 huyện : Thuỵ Nguyên, Vĩnh Phúc, Đông Sơn, Lôi Dương, An Định, Cẩm Thuỷ, Thạch Thành và Quảng Bình ;

– Phủ Hà Trung quản lĩnh 4 huyện : Hoằng Hoá, Thuần Khang, Nga Sơn và Tống Sơn ;

– Phủ Tĩnh Gia quản lĩnh 3 huyện : Nông Cống, Ngọc Sơn và Quảng Xương ;

– Phủ Thanh Đô quản lĩnh 1 huyện : Thọ Xuân, và 4 châu : Quan Da, Lang Chánh, Tàm Châu và Sầm Châu.

II – Nghệ An tám phủ :

– Phủ Đức Quang quản lĩnh 6 huyện : Thiên Lộc, La Sơn, Chân Phúc, Thanh Chương, Hương Sơn và Nghi Xuân ;

– Phủ Diễn Châu quản lĩnh 2 huyện : Đông Thành và Quỳnh Lưu ;

– Phủ Anh Đô quản lĩnh 2 huyện : Hưng Nguyên và Nam Đường ;

– Phủ Hà Hoa quản lĩnh 2 huyện : Thạch Hà và Kỳ Hoa ;

– Phủ Trà Lân quản lĩnh 4 huyện : Kỳ Sơn, Tương Dương, Vĩnh Khang và Hội Ninh ; Chb. **XXI**, 17

– Phủ Quỳ Châu quản lĩnh 2 huyện : Trung Sơn và Thuý Vân ;

– Phủ Ngọc Ma quản lĩnh 1 châu : Trịnh Cao ;

– Phủ Lâm An quản lĩnh 1 châu : Quy Hợp ;

III – Thuận Hoá hai phủ :

– Phủ Triệu Phong quản lĩnh 6 huyện : Đan Điền, Kim Trà, Tư Vinh, Hải Lăng, Vũ Xương, Điện Bàn và 2 châu : Thuận Bình, Sa Bôi ;

– Phủ Tân Bình quản lĩnh 2 huyện : Khang Lộc, Lệ Thuỷ và 2 châu : Minh Linh, Bố Chính.

IV – Hải Dương bốn phủ :

– Phủ Thượng Hồng quản lĩnh 3 huyện : Đường Hào, Đường An và Cẩm Giàng ;

– Phủ Hạ Hồng quản lĩnh 4 huyện : Gia Phúc, Tứ Kỳ, Thanh Miện và Vĩnh Lại ;

– Phủ Nam Sách quản lĩnh 4 huyện : Thanh Hà, Thanh Lâm, Tiên Ninh và Chí Linh ;

– Phủ Kinh Môn quản lĩnh 7 huyện : Giáp Sơn, Đông Triều, An Lão, Nghi Dương, Kim Thành, Thuỷ Đường và An Dương.

V – Sơn Nam mười một phủ :

– Phủ Thường Tín quản lĩnh 3 huyện : Thanh Đàm, Thượng Phúc và Phú Xuyên ;

– Phủ Ứng Thiên quản lĩnh 4 huyện : Thanh Oai, Chương Đức, Sơn Minh và Hoài An ;

– Phủ Lý Nhân quản lĩnh 5 huyện : Nam Xang, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm và Bình Lục ;

– Phủ Khoái Châu quản lĩnh 5 huyện : Đông An, Kim Động, Tiên Lữ, Thiên Thi và Phù Dung ;

– Phủ Thiên Trường quản lĩnh 4 huyện : Nam Chân, Giao Thuỷ, Mỹ Lộc và Thượng Nguyên ;

– Phủ Nghĩa Hưng quản lĩnh 4 huyện : Đại An, Vọng Doanh, Thiên Bản và Ý Yên ;

– Phủ Thái Bình quản lĩnh 4 huyện : Thuỵ Anh, Phụ Dực, Quỳnh Côi và Đông Quan ; Chb. **XXI**, 18

– Phủ Tân Hưng quản lĩnh 4 huyện : Ngự Thiên, Duyên Hà, Thần Khê và Thanh Lan ;

– Phủ Kiến Xương quản lĩnh 3 huyện : Thư Trì, Vũ Tiên và Chân Định ;

– Phủ Trường An quản lĩnh 3 huyện : Gia Viễn, Yên Mô và Yên Khang ;

– Phủ Thiên Quan quản lĩnh 3 huyện : Phụng Hoá, An Hoá và Lạc Thổ ;

VI – Sơn Tây sáu phủ :

– Phủ Quốc Oai quản lĩnh 5 huyện : Từ Liêm, Phúc Lộc, Yên Sơn, Thạch Thất và Đan Phượng ;

– Phủ Tam Đái quản lĩnh 6 huyện : An Lãng, An Lạc, Bạch Hạc, Tiên Phong, Lập Thạch và Phù Khang ;

– Phủ Lâm Thao quản lĩnh 4 huyện : Sơn Vi, Thanh Ba, Hoa Khê và Hạ Hoa ;

– Phủ Đoan Hùng quản lĩnh 5 huyện : Đông Lan, Tây Lan, Sơn Dương, Đương Đạo và Tam Dương ;

– Phủ Đà Dương quản lĩnh 2 huyện : Tam Nông và Bất Bạt ;

– Phủ Quảng Oai quản lĩnh 2 huyện : Mỹ Lương và Minh Nghĩa.

VII – Kinh Bắc bốn phủ :

– Phủ Từ Sơn quản lĩnh 5 huyện : Đông Ngàn, Yên Phong, Tiên Du, Võ Giàng và Quế Dương ;

– Phủ Thuận An quản lĩnh 5 huyện : Gia Lâm, Siêu Loại, Văn Giang, Gia Định và Lang Tài ; Chb. **XXI**, 19

– Phủ Bắc Hà quản lĩnh 3 huyện : Kim Hoa, Hiệp Hoà và Yên Việt ;

– Phủ Lạng Giang quản lĩnh 6 huyện : Phượng Nhỡn, Hữu Lũng, Yên Dũng, Bảo Lộc, Yên Thế và Lục Ngạn ;

VIII – An Bang một phủ :

– Phủ Hải Đông quản lĩnh 3 huyện : Hoa Phong, Yên Hưng, Hoành Bồ và 4 châu : Tân Yên, Vạn Ninh, Vân Đồn, Vĩnh An.

IX – Tuyên Quang một phủ :

– Phủ Yên Bình quản lĩnh 1 huyện : Yên Phúc và 5 châu : Thu Vật, Lục Yên, Vị Xuyên, Đại Man, Bảo Lạc.

X – Hưng Hoá ba phủ :

– Phủ Quy Hoá quản lĩnh 3 huyện : Trấn Yên, Yên Lập, Văn Chấn và 2 châu : Văn Bàn, Thuỷ Vĩ ;

– Phủ Gia Hưng quản lĩnh 1 huyện : Thanh Xuyên và 5 châu : Phù Hoa, Mộc Châu, Việt Châu, Mai Châu, Thuận Châu ;

– Phủ Yên Tây quản lĩnh 10 châu : Lai Châu, Luân Châu, Quỳnh Nhai, Chiêu Tấn, Hợp Phì, Kiêm Châu, Tuy Phụ, Hoàng Nham, Lễ Toàn và Tung Lăng.

XI – Lạng Sơn một phủ :

– Phủ Trường Khánh quản lĩnh 7 châu : Lộc Bình, Văn Uyên, Thoát Lãng, Thất Tuyền, Văn Lan, Yên Bác và Ôn Châu.

XII – Ninh Sóc ba phủ :

– Phủ Phú Bình quản lĩnh 7 huyện : Bình Tuyền, Phổ Yên, Đồng Hỉ, Tư Nông, Đại Từ, Phú Lương, Văn Lãng và 2 châu : Vũ Nhai, Định Hoá ;

– Phủ Thông Hoá quản lĩnh 1 huyện : Cảm Hoá và 1 châu : Bạch Thông ;

– Phủ Cao Bằng quản lĩnh 4 châu : Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Uyên. Chb. **XXI**, 20

Phụng Thiên một phủ :

Quản lĩnh 2 huyện : Thọ Xương và Quảng Đức.

Xét[1] :

I. Thanh Hoá : *Đời Hùng Vương xưa Thanh Hoá thuộc bộ Cửu Chân ; nhà Tần, thuộc Tượng Quận ; nhà Hán, là quận Cửu Chân ; Ngô, Tấn, và Tống cũng theo tên cũ của Hán ; Lương Võ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu ; nhà Tuỳ lại gọi là Cửu Chân quận ; nhà Đường chia đặt làm 2 quận : Ái Châu và Cửu Chân.*

Nhà Đinh và nhà Lê gọi Thanh Hoá là Ái Châu ; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ hai đổi làm Thanh Hoa phủ ;

---

(1) Đoạn văn dưới đây, sử gia chép sự duyên cách của 12 thừa tuyên và phủ Phụng Thiên từ đời Hùng Vương đến đời Tự Đức, tức là đến thời gian biên soạn bộ *Cương mục* này. Về các triều nhà Hồ, nhà Mạc và nhà Tây Sơn, họ chép là nhuận Hồ, nguỵ Mạc và nguỵ Tây vì quan điểm của sử gia thời phong kiến họ cho các triều ấy là tiếm nguỵ không phải chính thống. Ở đây chúng tôi cũng phải buộc lòng dịch theo nguyên văn, không hề thay đổi.

Những năm có sự thay đổi của từng địa phương từ đời Đinh đến đời Tự Đức, chúng tôi theo thứ tự từng triều đại trước sau mà chua thêm năm dương lịch chung cả ở đây để tiện khảo cứu.

Đinh (968 – 980). Tiền Lê (980 – 1009).

Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên 14 (1023) ; năm Thiên Thành thứ 2 (1029) ; Lý Thái Tông (1028 – 1054) ; Lý Nhân Tông (1072 – 1127) ; Lý Anh Tông năm Đại Đinh thứ 10 (1149). Trần Thái Tông năm Thiên Ứng chính bình thứ 11 (1242), năm Nguyên Phong thứ 6 (1256) ; năm Thiên Bảo (1279 – 1284) ; năm Hưng Long thứ 15 (1307) ; khoảng năm Thiệu Phong (1341 – 1357) ; năm Long Khánh thứ 3 (1375) ; năm Quang Thái thứ 10 (1397).

Nhà Hồ (1400 – 1407) ; Thuộc Minh (1407 – 1427).

Nhà Lê, năm Thuận Thiên nguyên niên (1428) ; năm Thiệu Bình thứ 2 (1435) ; khoảng năm Diên Ninh (1454 – 1459) ; năm Quang Thuận thứ 7 (1466), năm Hồng Đức thứ 21 (1490) ; khoảng năm Hồng Thuận (1509 – 1516).

Nhà Mạc (1527 – 1593).

Lê Trung Hưng, năm Quang Hưng thứ 16 (1593) ; năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677) ; năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741), năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786).

Nhà Tây Sơn (1790 – 1802).

Nhà Nguyễn Thái Tổ Gia Du (1558 – 1613) Hi Tông Hiếu văn (1614 – 1635) ; Gia Long nguyên niên (1802) ; Minh Mệnh năm thứ 2 (1821) ; Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) ; Tự Đức năm thứ 6 (1853).

Nhà Trần năm Nguyên Phong thứ 6 gọi là Trại ; khoảng năm Thiệu Phong lại đổi làm lộ, chia đặt 3 phủ là : Thanh Hoa, Cửu Chân và Ái Châu ; năm Quang Thái thứ 10 đặt trấn Thanh Đô, đem 3 phủ này lệ-thuộc vào trấn ấy ; nhuận Hồ đổi phủ Thanh Hoá làm phủ Thiên Xương, hợp với Cửu Chân, Ái Châu làm tam phụ, gọi là Tây Đô ; thuộc Minh lại hợp lại làm phủ Thanh Hoá ; nhà Lê năm Thuận Thiên nguyên niên đổi thuộc đạo Hải Tây ; năm Thiệu Bình thứ 2, Thanh Hoá có 6 phủ lệ thuộc là : Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia, Thanh Đô, Trường Yên và Thiên Quang ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Thanh Hoá thừa tuyên ; đến đây trích 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan cho lệ thuộc vào Sơn Nam ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; khoảng giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn ; sau khi Lê Trung Hưng đặt làm Thanh Hoa nội trấn, rồi lại trích lấy 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan ở Sơn Nam cho lệ thuộc vào, gọi là Thanh Hoa ngoại trấn ; nhà Nguỵ Tây đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào Bắc Thành ; bản triều năm Gia Long nguyên niên vẫn gọi là trấn và đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào ; năm thứ 5 đổi ngoại trấn làm Thanh Bình đạo ; năm Minh Mệnh thứ 2 đổi làm Ninh Bình đạo ; năm thứ 10 đứng riêng làm Ninh Bình trấn ; năm thứ 12 chia thành hai quản hạt ; nội trấn làm Thanh Hoa tỉnh ; ngoại trấn là Ninh Bình tỉnh ; năm Thiệu Trị thứ 3 đổi nội trấn làm Thanh Hoá tỉnh. Chb. **XXI**, 21

II. Nghệ An : *Đời Hùng Vương xưa, Nghệ An thuộc đất Việt Thường ; nhà Tần, thuộc Tượng quận ; nhà Hán, là huyện Hàm Hoan thuộc quận Cửu Chân ; nhà Ngô chia Cửu Chân đặt làm quận Cửu Đức ; nhà Tấn, nhà Tống vẫn theo như nhà Ngô ; nhà Lương chia đặt làm Đức Châu, Lỵ Châu và Minh châu ; nhà Tuỳ năm Khai Hoàng thứ 8 đổi Đức Châu làm Hoan Châu, Lỵ Châu làm Trí Châu ; năm Đại Nghiệp thứ 3 hợp cả Minh Châu, Trí Châu và Hoan Châu, đổi lệ thuộc quận Nhật Nam ; nhà Đường, niên hiệu Vũ Đức chia quận Nhật Nam đặt làm*

Nam Đức châu, Lạo Châu, Minh Châu và Hoan Châu, năm Trinh Quán nguyên niên đổi Đức Châu lại làm Hoan Châu, còn Hoan Châu cũ thì đổi làm Diễn Châu ; năm thứ 16 bỏ Diễn Châu hợp vào Hoan Châu ; hồi đầu năm Thiên Bảo lại đổi là Hoan Châu, lệ thuộc vào quận Nhật Nam ; từ năm Kiền Nguyên trở về sau lại gọi là Hoan Châu, rồi bỏ Tri Châu mà cho lệ thuộc vào Hoan Châu ; năm Quảng Đức thứ hai chia Hoan Châu đặt quận Long Trì thuộc Diễn Châu, lại gọi là quận Diễn Thuỷ.

Chb. **XXI**, 22

Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Hoan Châu ; nhà Lý đổi làm trại ; năm Thiên Thành thứ 2 đổi tên là Nghệ An(1)*, mà Diễn Châu thì đứng riêng làm châu ; nhà Trần, năm Nguyên Phong thứ 6 lại gọi là trại, năm Long Khánh thứ 3 đổi Diễn Châu làm Diễn Châu lộ, chia Hoan Châu làm 4 lộ : Nhật Nam và Nghệ An nam, Nghệ An bắc, Nghệ An trung, cũng gọi là Nghệ An phủ ; năm Quang Thái thứ 10 đổi Nghệ An làm Lâm An trấn, Diễn Châu làm Vọng An trấn ; đời nhuận Hồ đổi Diễn Châu làm Linh Nguyên phủ, cùng với Thanh Hoá, Cửu Chân, Ái Châu gọi là tứ phụ ; thuộc Minh lại đổi làm 2 phủ Diễn Châu và Nghệ An ; nhà Lê, năm Thuận Thiên nguyên niên thuộc đạo Hải Tây ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Nghệ An thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; khoảng giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn ; nguỵ Tây đổi làm Trung Đô, lại gọi là Nghĩa An trấn ; bản triều năm Gia Long nguyên niên lại đặt làm Nghệ An trấn ; năm Minh Mệnh thứ 12 chia đặt 2 tỉnh : Nghệ An và Hà Tĩnh ; năm Tự Đức thứ 6 đổi tỉnh Hà Tĩnh làm đạo, hợp vào Nghệ An ; năm thứ 29 lại đặt tỉnh Hà Tĩnh như cũ.*

Chb. **XXI**, 23

(1) *Đại Nam nhất thống chí* chép : Năm Thông Thuỵ thứ 3 (1036), đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu và chua rằng : Tên "Nghệ An" bắt đầu từ đấy, Tham khảo Lý Nhân Tông kỷ trong sách *Cương mục* này cũng chép việc đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại nhằm năm Thông Thuỵ thứ 3 (Xem thêm *Chính biên* quyển II tờ 40). Cùng một bộ sách *Cương mục* chép về sự duyên cách của một địa phương, mà mỗi nơi chép một khác, xa cách nhau hàng 6 năm, không rõ thế nào là đúng, sẽ khảo cứu sau.

III. Thuận Hoá : *Đời Hùng Vương xưa, Thuận Hoá là nước Việt Thường ; nhà Tần, thuộc Tượng quận ; nhà Hán, là quận Nhật Nam ; nhà Tấn, là nước Lâm Ấp ; nhà Tuỳ năm Đại Nghiệp nguyên niên đổi đặt là quận Tị Ảnh ; cuối đời nhà Tuỳ lại mất về Lâm Ấp ; nhà Đường, khoảng niên hiệu Trinh Quán vỗ yên được Lâm Ấp, lại đặt làm Nam Ảnh châu ; nhà Tống là Chiêm Thành, những đất Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính, Ô Châu và Lý Châu đều thuộc vào địa bàn này.*

Lý Thái Tông thân đi đánh Chiêm Thành, chúa Chiêm Thành dâng 3 châu ; Địa Lý, Ma Linh và Bố Chinh ; Lý Nhân Tông đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, Bố Chính làm châu Bố Chính ; Trần Anh Tông năm Hưng Long thứ 15 đem 2 châu Ô và Lý đặt làm Thuận Châu và Hoá Châu ; Duệ Tông năm Long Khánh thứ 3 đổi Lâm Bình làm Tân Bình ; thuộc Minh chia đặt làm 2 phủ : Tân Bình và Thuận Hoá ; hồi đầu triều Lê đổi làm 2 lộ : Tân Bình và Thuận Hoá, thuộc đạo Hải Tây ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Thuận Hoá thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ quản lĩnh 2 phủ : Tân Bình và Thiệu Phong ; khoảng giữa niên hiệu Hồng Thuận gọi là trấn ; bản triều, Thái tổ Gia dụ hoàng đế trấn trị phương nam, dựng đô thành ở Thuận Châu, Hi Tông hiếu văn hoàng đế đem đất Nam Bố Chính đặt Bố Chính doanh, lấy sông Gianh làm giới mốc, còn Bắc Bố Chính thuộc về Nghệ An ; năm Cảnh Hưng thứ 47 quân nhà Trịnh vào xâm lấn, đặt làm xứ Thuận Hoá ; năm Gia Long nguyên niên chia đặt 3 doanh "trực lệ"(1) *là : Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Đức ; năm Minh Mệnh thứ 2 đổi doanh Quảng Đức làm phủ Thừa Thiên ; năm thứ 8 đổi doanh Quảng Trị làm trấn Quảng Trị, doanh Quảng Bình làm trấn Quảng Bình, đều bớt bỏ 2 chữ "trực lệ", năm thứ 12 đổi*

Chb. **XXI**, 24

(1) Trực thuộc thẳng vào với kinh sư.

trấn Quảng Trị làm tỉnh Quảng Trị, trấn Quảng Bình làm tỉnh Quảng Bình ; năm Tự Đức thứ 6 đổi tỉnh Quảng Bình làm đạo, hợp vào phủ Thừa Thiên ; năm thứ 29 lại đặt tỉnh Quảng Trị như cũ.

IV. Hải Dương : *Đời Hùng Vương xưa, Hải Dương là bộ Dương Tuyền ; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải ; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ : nhà Ngô, thuộc Giao Châu ; nhà Đường đặt Hải Môn trấn, lại gọi là Hồng Châu.*

Nhà Đinh chia làm đạo ; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý cũng theo như nhà Đinh ; nhà Trần đổi làm các lộ : Hồng Châu thượng, Hồng Châu hạ và Nam Sách thượng, Nam Sách hạ ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm Hải Đông trấn ; thuộc Minh, đổi thuộc 2 phủ Lạng Giang và Tân An ; nhà Lê, năm Thuận Thiên thuộc Đông Đạo ; khoảng niên hiệu Diên Ninh chia làm 2 lộ : Nam Sách thượng và Nam Sách hạ ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Nam Sách thừa tuyên : đến đây đổi làm Hải Dương thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; khoảng giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn ; nguỵ Mạc lấy Nghi Dương[1] làm Dương Kinh, trích phủ Thuận An ở kinh Bắc và các phủ Khoái Châu, Tân Hưng[2], Kiến Xương, Thái Bình ở Sơn Nam cho lệ thuộc vào Dương Kinh ; nhà Lê, khoảng niên hiệu Quang Hưng lại đổi làm trấn theo nguyên

Chb. **XXI**, 25

(1) Tham khảo *Chính biên* quyển XXVII tờ 15 và *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn đều chép Mạc Đăng Dung lấy Hải Dương làm Dương Kinh ; ngay trong quyển này tờ 26 ở dưới cũng chép nhà Mạc đem các lộ Thái Bình, Kiến Xương, Long Hưng và Khoái Châu lệ thuộc vào Hải Dương. Ở đây chép "Nghi Dương" là chép lầm chữ Hải Dương ra Nghi Dương.

(2) Ở đây chép Tân Hưng, đến tờ 26 ở dưới trình bày về vị trí Sơn Nam lại chép là Long Hưng. Tuy chép khác nhau nhưng vẫn là một, vì tên đất này nguyên trước là làng Đa Cương, nhà Trần đổi làm phủ Long Hưng, nhà Hồ đổi làm Tân Hưng, đến nhà Lê đổi làm Tiên Hưng xem thêm *Chính biên* quyển VI tờ 28. Nay gồm các huyện Hưng Hà, Tiên Hưng cũ (nay thuộc Đông Hưng), Thái Ninh cũ (nay thuộc Thái Thuỵ).

như cũ : năm Cảnh Hưng thứ 2 chia làm 4 đạo : Thượng Hồng, Hạ Hồng, Đông Triều và An Lão ; nguỵ Tây đem phủ Kinh Môn đổi thuộc vào Yên Quảng ; bản triều năm Gia Long nguyên niên lại đem Kinh Môn thuộc về trấn cũ và lệ thuộc vào Bắc Thành ; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi Thượng Hồng làm phủ Bình Giang, Hạ Hồng làm phủ Ninh Giang, còn hai đạo Đông Triều và An Lão thì đặt làm hai huyện ; năm thứ 12 chia đứng riêng thành một hạt và đổi làm tỉnh Hải Dương.

V. Sơn Nam : *Đời Hùng Vương xưa, Sơn Nam thuộc bộ Giao Chỉ ; nhà Tần, thuộc Tượng quận ; nhà Hán, lại thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu ; nhà Tần đặt huyện Nam Định ; nhà Lương và nhà Tuỳ thuộc quận Ninh Hải ; nhà Đường, niên hiệu Vũ Đức đổi đặt làm Long Châu và Tống Châu ; niên hiệu Trinh Quán chia đặt hai huyện Tống Bình và Nam Định ; niên hiệu Trinh Nguyên hợp vào huyện Nam Định.* Chb. **XXI**, 26

Nhà Đinh chia làm đạo : nhà [Tiền] Lê đổi làm lộ ; nhà Lý theo như nhà [Tiền] Lê ; nhà Trần hồi đầu năm Thiên ứng chính bình gọi là lộ Thiên Trường ; sau lại chia thành 2 lộ : Kiến Xương và An Tiêm, rồi lại đổi làm các lộ Hoàng Giang, Sơn Nam, Long Hưng và Khoái Châu ; năm Quang Thái thứ 10 đổi các lộ làm trấn ; thuộc Minh, là các phủ Trấn Nam, Phụng Hóa, Kiến Xương và Giao Châu ; nhà Lê, năm Thuận Thiên, lệ thuộc vào Nam đạo ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Thiên Trường thừa tuyên ; đến đây, là Sơn Nam thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn ; nguỵ Mạc đem các lộ Thái Bình, Kiến Xương, Long Hưng và Khoái Châu lệ thuộc vào Hải Dương ; nhà Lê, năm Cảnh Hưng thứ 2 chia làm 2 lộ Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ, trích lấy 2 phủ Tràng An và Thiên Quan đặt làm Thanh Hoa ngoại trấn : nguỵ Tây đổi làm 2 trấn Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ : bản triều, năm Gia Long nguyên niên đem 2 trấn

thượng và hạ lệ thuộc vào Bắc thành ; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi thượng trấn làm Sơn Nam trấn, hạ trấn làm Nam Định trấn ; năm thứ 12 tách 3 huyện Hưng Nhân, Duyên Hà và Thần Khê thuộc phủ Tiên Hưng, trấn Nam Định, và 5 huyện Đông An, Kim Động, Thiên Thi, Tiên Lữ và Phù Dung thuộc phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam, đặt làm tỉnh Hưng Yên ; còn 3 phủ Ứng Hoà, Lý Nhân và Thường Tín thuộc trấn Sơn Nam và huyện Từ Liêm thuộc phủ Quốc Oai trấn Sơn Tây đổi thuộc vào phủ Hoài Đức, đặt làm tỉnh Hà Nội ; lại đem bốn phủ Thiên Trường, Nghĩa Hưng, Kiến Xương và Thái Bình thuộc trấn Nam Định và huyện Thanh Quan thuộc phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam đổi thuộc vào phủ Kiến Xương, đặt làm tỉnh Nam Định. Chb. **XXI**, 27

VI. Sơn Tây *: Đời Hùng Vương xưa, Sơn Tây thuộc bộ Châu Diên ; nhà Tần, thuộc Tượng quận ; nhà Hán thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Ngô đặt làm quận Tân Hưng thuộc Giao Châu ; nhà Tấn đổi làm quận Tân Xương ; nhà Tống và nhà Tề cũng theo như nhà Tấn ; nhà Trần (Trung Quốc) đặt làm Hưng Châu ; nhà Tùy đổi làm Phong Châu ; nhà Đường lại đặt làm Giao Châu thuộc đạo Lĩnh Nam.*

Nhà Đinh, nhà [Tiền] Lê và nhà Lý gọi là đạo Đà Giang ; nhà Trần chia đặt làm các lộ Tam Giang, Tam Đái, Quảng Oai và Quốc Oai ; năm Quang Thái thứ 10 đổi các lộ làm trấn ; hồi đầu triều Lê, là các lộ Quốc Oai thượng, Quốc Oai trung và Quốc Oai hạ, thuộc về Tây Đạo ; năm Quang Thuận thứ 7 đổi làm Quốc Oai thừa tuyên đạo ; đến đây đặt làm Sơn Tây thừa tuyên đạo ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn ; bản triều Gia Long nguyên niên lệ thuộc vào Bắc Thành ; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm tỉnh Sơn Tây, nhưng trích lấy huyện Từ Liêm cho lệ thuộc vào tỉnh Hà Nội và huyện Tam Nông cho lệ thuộc vào tỉnh Hưng Hoá. Chb. **XXI**, 28

VII. Kinh Bắc : *Đời Hùng Vương xưa, Kinh Bắc thuộc bộ Vũ Ninh ; Nhà Tần, thuộc đất Tượng quận ; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu ; Nhà Tấn, nhà Tuỳ và nhà Đường cũng theo như nhà Ngô.*

Nhà Đinh đổi làm Bắc Giang đạo ; nhà [Tiền] Lê đổi làm lộ ; nhà Lý theo như nhà [Tiền] Lê ; nhà Trần gọi là Bắc Giang lộ, lại gọi là Kinh Bắc lộ ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn ; thuộc Minh đổi làm hai phủ Bắc Giang và Lạng Sơn ; năm Thuận Thiên nguyên niên thuộc về Bắc đạo ; khoảng năm Thiệu Bình gọi là hai lộ ; Bắc Giang thượng và Bắc Giang hạ ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Bắc Giang thừa tuyên ; đến đây đổi làm Kinh Bắc thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn ; nguỵ Mạc đem phủ Thuận An đổi thuộc vào Hải Dương ; nhà Lê [trung hưng], năm Quang Hưng thứ 16 lại theo là trấn như cũ ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên, vẫn là Kinh Bắc trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành ; năm Minh mệnh thứ 3 đổi làm Bắc Ninh trấn ; năm thứ 12 đổi làm Bắc Ninh tỉnh.

VIII. An Bang : *Đời Hùng Vương xưa, An Bang thuộc bộ Ninh Hải ; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải ; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu ; nhà Lương, là quận Hải Ninh thuộc Hoàng Châu ; nhà Tuỳ gọi là quận Ninh Việt, nhà Đường gọi là quận Ngọc Sơn thuộc Lục Châu. Nhà Đinh và nhà [Tiền] Lê trở về trước gọi là trấn Triều Dương ; Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 14 đổi Triều Dương trấn làm Vĩnh An châu ; Anh Tông năm Đại Định thứ 10 lập Vân Đồn trang ; Trần Thái Tông năm Thiên ứng chính bình thứ 11, là Hải Đông lộ ; Dụ Tông năm Thiệu Phong thứ 5 đặt Vân Đồn trấn ; thuộc Minh là châu Tĩnh An thuộc phủ Tân An ; nhà Lê năm Thuận Thiên nguyên niên gọi là An Bang thuộc về Đông Đạo ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt An Bang thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; giữa năm*

Chb. **XXI**, 29

Hồng Thuận gọi là trấn ; nguỵ Mạc đem hai châu Thạch Tích, Niêm Lăng và bốn động Cổ Sâm, Ti Lẫm, Kim Lặc, Liễu Cát dâng cho nhà Minh ; nhà Lê, sau khi trung hưng, vì tránh tên huý Lê Anh Tông, đổi làm An Quảng ; nguỵ Tây đem phủ Kinh Môn thuộc trấn Hải Dương cho lệ thuộc vào An Quảng ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên lại đem Kinh Môn lệ thuộc vào Hải Dương nhưng lấy một phủ Hải Đông làm An Quảng trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành ; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi làm Quảng Yên trấn ; năm thứ 12 chia quản hạt gọi là Quảng Yên tỉnh. Chb. **XXI**, 30

IX. Tuyên Quang : *Đời Hùng Vương xưa, Tuyên Quang thuộc bộ Vũ Định ; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải ; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu ; nhà Đường, là Dương Châu.*

Nhà Đinh chia làm đạo ; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý theo như nhà Đinh ; nhà Trần gọi là Tuyên Quang châu thuộc lộ Quốc Oai ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn ; thuộc Minh, là Tuyên Quang phủ ; hồi đầu triều Lê, thuộc Tây đạo ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Tuyên Quang thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm Minh Thuận trấn ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên lại gọi là Tuyên Quang trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành ; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm Tuyên Quang tỉnh.

X. Hưng Hoá : *Đời Hùng Vương xưa, Hưng Hoá thuộc bộ Tân Hưng ; nhà Tần, thuộc Tượng quận ; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu ; nhà Tuỳ và nhà Đường, là Chi Châu.*

Nhà Đinh chia làm đạo ; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý chia làm hai châu : Lâm Tây và Đăng Châu ; nhà Trần thuộc đạo Đà Giang ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn Thiên Hưng ; thuộc Minh đặt làm hai châu : Gia Hưng và Quy Hoá ; nhà Lê, năm Thuận Thiên đặt hai lộ : Chb. **XXI**, 31

Gia Hưng và Quy Hoá, thuộc Tây đạo ; năm Quang Thuận thứ 7 đổi làm Hưng Hoá thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn ; giữa năm Cảnh Hưng, các châu Tung Lăng, Lễ Tuyền, Hoàng Nham, Hợp Phì, Tuy Phụ và Khiêm Châu bị nhà Thanh chiếm đem sáp nhập vào tỉnh Vân Nam ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, lệ thuộc về Bắc Thành ; năm Minh Mệnh thứ 12 đem huyện Tam Nông thuộc Sơn Tây lệ thuộc về Hưng Hoá và đổi làm Hưng Hoá tỉnh.

XI. Lạng Sơn : *Đời Hùng Vương xưa, Lạng Sơn thuộc bộ Lục Hải, nhà Tần, là quận Nam Hải ; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu ; nhà Tuỳ và nhà Đường vẫn theo như nhà Ngô.*

Nhà Đinh chia làm đạo ; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý, là lộ ; hồi đầu triều nhà Trần, là Lạng Giang lộ ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn ; nhà Nhuận Hồ cắt 59 thôn của châu Lộc Bình cho lệ thuộc vào châu Tư Minh nhà Minh ; thuộc Minh, là Lạng Sơn phủ ; hồi đầu triều Lê, thuộc Bắc đạo ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Lạng Sơn thừa tuyên ; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, thuộc về Bắc Thành ; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm Lạng Sơn tỉnh.

XII. Ninh Sóc : *Đời Hùng Vương xưa, Ninh Sóc thuộc bộ Vũ Định ; nhà Tần, thuộc Tượng quận ; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ ; nhà Đường, là châu Vũ Nga .*

Nhà Đinh chia làm đạo ; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý, là Thái Nguyên châu ; nhà Trần, năm Quang Thái thứ 10 đổi làm Thái Nguyên trấn ; thuộc Minh, là phủ ; hồi đầu triều Lê, thuộc về Bắc đạo ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Thái Nguyên thừa tuyên ; đến đây đổi làm Ninh Sóc thừa tuyên, đem phủ Bắc Bình lệ thuộc vào ; giữa niên hiệu Hồng Đức đổi Bắc Bình phủ làm Cao Bằng phủ, vẫn lệ thuộc vào Ninh Sóc ;

Chb. **XXI**, 32

năm Vĩnh Trị thứ 2 dẹp được nhà Mạc, bình định được cả bốn châu[1] *thuộc Cao Bằng, mới đặt riêng làm Cao Bằng trấn, chỉ để hai phủ Phú Bình và Thông Hoá lệ thuộc vào trấn Thái Nguyên ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành ; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi Thái Nguyên trấn làm Thái Nguyên tỉnh, Cao Bằng trấn làm Cao Bằng tỉnh.*

Phụng Thiên : *Đời Hùng Vương xưa, Phụng Thiên thuộc bộ Giao Chỉ ; nhà Tần, thuộc Tượng quận ; nhà Hán đổi thuộc Long Biên ; nhà Ngô, là lỵ sở Giao Châu ; nhà Đường đặt làm An Nam Đô hộ phủ.*

Nhà Đinh và nhà [Tiền] Lê, thuộc đạo Giao Châu ; nhà Lý, năm Thuận Thiên (1010) đóng kinh đô ở đây, gọi là thành Thăng Long, lại gọi là Nam Kinh ; nhà Trần, năm Thiệu Bảo, là Trung Kinh, sau đổi làm Đông Đô ; thuộc Minh, là phủ trị Giao Châu, gọi là thành Đông Quan ; nhà Lê lại đóng kinh đô gọi là Thăng Long ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Trung Đô phủ, quản lĩnh hai huyện : Quảng Đức và Vĩnh Xương ; đến đây đổi làm phủ Phụng Thiên ; ngụy Tây gọi là Bắc Thành ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên đặt Bắc Thành tổng trấn, đem Phụng Thiên lệ thuộc vào Bắc Thành ; năm thứ 4 đổi Thăng Long 昇龍 làm Thăng Long 昇隆, phủ Phụng Thiên làm phủ Hoài Đức ; năm Minh Mệnh thứ 12 trích lấy huyện Từ Liêm thuộc phủ Quốc Oai trấn Sơn Tây cho thuộc vào phủ Hoài Đức, lệ thuộc tỉnh Hà Nội. Chb. **XXI**, 33

*

Phủ Thiệu Thiên[2] nay là phủ Thiệu Hoá ; huyện Vĩnh Phúc nay là huyện Vĩnh Lộc ; huyện Quảng Bình nay là huyện Quảng Địa, lại

(1) Tức châu Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

(2) Từ đây trở xuống, sử gia chua sự thay đổi của từng phủ huyện từ ngày Lê Thánh Tông đặt 12 thừa tuyên (Xem *Cương mục* XXI 16 - 19 ở trên) đến đời Tự Đức, tức là thời kỳ biên soạn bộ *Cương mục* này. Tên và vị trí các phủ huyện ấy, hiện nay (1998) đã có một số đổi khác, nếu chỗ nào biết được rõ, chúng tôi cũng chú thích ở dưới.

đổi là Quảng Tế ; huyện Thuần Lộc nay là huyện Hậu Lộc ; phủ Thanh Đô nay chia làm hai phủ : Quảng Hoá và Thọ Xuân ; còn các châu Quan Da, Tàm Châu và Sầm Châu nay đều lệ thuộc vào châu Quan Hoá. Những phủ, huyện và châu trên này đều thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Huyện Kỳ Hoa nay là huyện Kỳ Anh ; phủ Hà Hoa nay là phủ Hà Thanh, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Phủ Trà Lân nay là phủ Tương Dương ; Ngọc Ma nay là hai phủ : Trấn Biên và Trấn Định ; Lâm An nay là phủ Trấn Tĩnh ; huyện Chân Phúc nay là huyện Chân Lộc ; huyện Hội Ninh nay là huyện Hội Nguyên ; phủ Anh Đô nay là phủ Anh Sơn ; huyện Vĩnh Khang nay là huyện Vĩnh Hoà. Đều thuộc tỉnh Nghệ An.

Thuận Hoá nay là đất Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình ; huyện Đan Điền nay là hai huyện : Quảng Điền và Phong Điền ; huyện Kim Trà nay là hai huyện Hương Trà và Hương Thuỷ ; huyện Tư Vinh nay là hai huyện : Phú Vinh và Phú Lộc. Đều thuộc phủ Thừa Thiên.

Huyện Vũ Xương nay là huyện Đăng Xương ; châu Minh Linh nay là hai huyện : Minh Linh và Do Linh. Đều thuộc tỉnh Quảng Trị. Chb. **XXI**, 34

Huyện Khang Lộc nay là hai huyện : Phong Lộc và Phong Đăng ; châu Bắc Bố chính nay là hai huyện : Bình Chính và Minh Chính ; châu Nam Bố chính nay là huyện Bố Trạch. Đều thuộc tỉnh Quảng Bình.

Phủ Thượng Hồng nay là phủ Bình Giang ; phủ Hạ Hồng nay là phủ Ninh Giang ; huyện Gia Phúc nay là huyện Gia Lộc. Đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Phủ Ứng Thiên nay là phủ Ứng Hoà ; phủ Lỵ Nhân nay là phủ Lý Nhân. Đều thuộc tỉnh Hà Nội[1].

(1) Ứng Hoà, tục gọi phủ Đình, nay thuộc tỉnh Hà Tây ; Lý Nhân nay là huyện, thuộc tỉnh Hà Nam.

Huyện Phù Dung nay là huyện Phù Cừ ; phủ Tân Hưng nay là phủ Tiên Hưng ; huyện Ngự Thiên nay là huyện Hưng Nhân. Đều thuộc tỉnh Hưng Yên(1).

Huyện Vọng Doanh nay là huyện Phong Doanh ; huyện Thanh Lan nay là huyện Thanh Quan. Đều thuộc tỉnh Nam Định(2).

Phủ Trường Yên nay là phủ Yên Khánh ; huyện Yên Khang nay là huyện Yên Khánh ; huyện Lạc Thổ nay là huyện Lạc An. Đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

Phủ Tam Đái nay là phủ Vĩnh Tường ; huyện Phù Khang nay là huyện Phù Ninh ; huyện Hoa Khê nay là huyện Cẩm Khê ; huyện Hạ Hoa nay là huyện Hạ Hoà ; huyện Đông Lan nay là huyện Hùng Quan ; huyện Tây Lan nay là huyện Tây Quan ; huyện Minh Nghĩa nay là huyện Tùng Thiện. Đều thuộc tỉnh Sơn Tây(3). Chb. **XXI**, 35

Kinh Bắc nay là tỉnh Bắc Ninh ; Bắc Hà nay là phủ Đa Phúc ; huyện Gia Định nay là huyện Gia Bình ; huyện Kim Hoa nay là huyện Kim Anh. Đều thuộc tỉnh Bắc Ninh(4).

An Bang nay là tỉnh Quảng Yên ; huyện Hoa Phong nay là huyện Nghiêu Phong, thuộc tỉnh Quảng Yên.

Châu Bảo Lạc nay là hai huyện : Để Định và Vĩnh Điện, thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Huyện Thanh Xuyên nay là huyện Thanh Sơn ; châu Phù Hoa nay là châu Phù Yên. Đều thuộc tỉnh Hưng Hoá(5).

Châu Thất Tuyền nay là huyện Thất Khê : châu Văn Lan nay là huyện Văn Quan ; châu An Bác nay là huyện An Bác. Đều thuộc tỉnh Lạng Sơn.

---

(1) Tiên Hưng và Hưng Nhân nay thuộc tỉnh Thái Bình.

(2) Phong Doanh nay thuộc tỉnh Nam Định. Thanh Quan thuộc tỉnh Thái Bình.

(3) Vĩnh Tường nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Phù Ninh, Cẩm Khê, Hạ Hoà, Hùng Quan, Tây Quan nay thuộc tỉnh Phú Thọ. Tùng Thiện nay thuộc tỉnh Hà Tây.

(4) Đa Phúc và Kim Anh. Nay thuộc TP Hà Nội.

(5) Huyện Thanh Sơn nay thuộc tỉnh Phú Thọ. Phù Yên nay thuộc tỉnh Sơn La.

Ninh Sóc nay là tỉnh Thái Nguyên ; huyện Bình Tuyền nay là huyện Bình Xuyên, thuộc tỉnh Thái Nguyên[1].

Phủ Cao Bằng nay là tỉnh Cao Bằng ; ba châu Thượng Lang, Hạ Lang và Quảng Uyên nay đều đổi làm huyện, thuộc tỉnh Cao Bằng.

Phủ Phụng Thiên nay đổi là phủ Hoài Đức ; huyện Quảng Đức nay là huyện Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Xương nay là huyện Thọ Xương. Đều thuộc tỉnh Hà Nội[2].

Tháng 11, mùa Đông. Đại xá.

Nhà vua hạ chiếu đại xá và đổi niên hiệu, lấy sang năm làm năm Hồng Đức nguyên niên. Chb. **XXI**, 36

Tháng 12. Hạ chiếu cho các phủ và huyện khuyên nhủ dân làm ruộng và trồng dâu.

Nhà vua chú ý về việc làm ruộng : trước đây đã hạ lệnh cho bộ Hộ tuỳ theo địa thế hoặc khơi hoặc lấp những đường nước ở ruộng nương, không để cho chỗ nào ngập lụt hoặc khô cạn ; lại đưa công văn về thừa ti các xứ bắt phải khám xét kỹ đê điều ở các sông, nếu có chỗ nào lúa má bị ngập lụt hoặc ruộng đất bị bỏ hoang, thì tâu bày để nhà vua biết. Đến đây hạ chiếu cho phủ huyện phải xét ruộng nương đất cát, khuyên bảo đôn đốc dân làm ruộng trồng dâu.

Canh dần, năm Hồng Đức nguyên niên (1470). (Minh, năm Thái Hoà thứ 6).

Tháng Giêng, mùa xuân. Nhắc rõ lại lệnh cấm những người có việc tang và việc hôn nhân mà làm trái lễ phép.

Trước đây nhà vua ra sắc lệnh cho các hạng quan lại, nếu có người nào được cất nhắc thì trước hết bộ Lại phải xét hỏi xem người ấy quả có hạnh kiểm thực sự, việc hôn nhân giá thú theo

(1) Huyện Bình Xuyên nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

(2) Hoài Đức nay là huyện, thuộc tỉnh Hà Tây. Huyện Vĩnh Thuận nay thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa, Hà Nội.

đúng như nghi lễ đã định, mới chuẩn cho thực thụ thăng trật, nếu là người trái với nghi lễ, sẽ luận vào tội mặc[1] và tội đồ[2].

Đến đây lại ra sắc lệnh :

Tang ba năm, là lễ tang suốt mọi người phải theo, không ai được theo tình riêng làm trái lễ. Người con luôn để tang cha mẹ, mà vợ cả vợ lẽ có mang buông tuồng đi xem nơi chèo hát vui đùa, không kiêng kỹ, đều phải luận vào tội lưu.

Vợ để tang chồng mà tư thông với trai, hoặc làm việc hôn giá, và người nào lấy người đàn bà ấy làm vợ, đều phải luận vào tử hình[3].

Người lấy vợ hoặc con gái của bọn ác nghịch[4] ; người Mán thông dâm với vợ cả vợ lẽ của anh em mình đã chết ; nếu trong hạt nào có xảy ra những việc ấy, mà quan lại ăn của đút ẩn giấu đi, thì những người ấy cùng bọn quan lại đều phải tội. Chb. **XXI**, 37

Nhà vua nhận thấy tập tục lúc bấy giờ, việc cưới gả phần nhiều không theo nghi lễ, có khi lễ xin cưới đã xong xuôi rồi mà còn để đến ba, bốn năm mới cho rước dâu. Vì thế mới hạ lệnh cho bộ Lễ bàn định : phàm việc cưới gả, trước hết do người mối liệu định việc thân gia của hai nhà, sau đó thì làm lễ nạp tệ[5],

---

(1) Một tội trong ngũ hình đời cổ, cũng gọi là tội "kình", xem thêm chú thích số 3, *Chính biên* quyển XXI, tờ 12.

(2) Một tội trong ngũ hình (xuy, trượng, đồ, lưu, tử), đặt từ đời Tuỳ-Đường, người bị luận vào tội này phải đồ đi một nơi để làm việc lao dịch và phải giam giữ mất tự do.

(3) Đoạn văn này, sử *Cương mục* chép không được rõ ràng, theo *Toàn thư* chép như thế này, có phần rõ hơn : "Vợ để tang chồng, mà buông tuồng dâm loạn, hoặc chưa hết tang chồng mà bỏ khăn áo tang đi lấy chồng khác cùng người nào tin đi mối lại để gả chồng cho người đàn bà đương để tang chồng và người lấy người đàn bà ấy làm vợ, đều phải luận vào tử hình".

(4) Những người lập mưu đánh đổ triều đình, bội bạn với vua chúa hoặc theo giặc... thời đại quân chủ chuyên chế đều liệt vào hạng ác nghịch.

(5) Sau khi người mối mưu tính công việc, đã được nhà gái nhận lời, thì nhà trai đưa lễ vật như vàng, lụa, cau, rượu, gạo, thịt... đến nhà gái gọi là lễ nộp tệ, từ đây việc hôn nhân của hai bên trai gái mới là bắt đầu định đoạt.

lễ xin cưới ; lễ nghi đã đầy đủ rồi, thì chọn ngày rước dâu, ngày hôm sau nàng dâu làm lễ yết kiến cha mẹ chồng, ngày thứ ba làm lễ bái yết từ đường. Không ai được làm trái với lễ nghi đã định.

Lúc ấy, nhà vua lại hạ sắc lệnh cho quan viên và bách tính : từ nay trong nhà không có yến tiệc phải mời khách, thì không được bày ra chè chén thù tạc, vợ không phải là người phạm tội, thì không bỏ được. Nếu người nào trái lệnh sẽ có tội.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh, bèn đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

Lúc nhà vua mới lên ngôi, dựng nhà Thuần Mậu ở xã Động Bàng để làm từ đường thờ tiên tổ bên ngoại là họ Ngô, bên cạnh từ đường lại dựng nhà Phúc Quang để làm cung điện cho hoàng hậu thay áo. Đến đây, nhà vua tuần du đến Lam Kinh, nhân tiện rước hoàng thái hậu đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

Lời chua – *Nhà Phúc Quang* : Ở xã Động Bàng, huyện An Định, Lê Thánh Tông dựng lên vào quãng năm Quang Thuận, sau người xã ấy lấy ngay nhà ấy làm từ đường thờ Quang Thục Hoàng thái hậu.

Tháng 8, mùa thu. Chiêm Thành sang lấn cướp Hoá Châu.

Trước đây. Bàn La Trà Duyệt, người ở Thi Nại thuộc Chiêm Thành, giết chúa Chiêm là Ma Ha Quý Do mà tự lập làm chúa, truyền đến em là Trà Toàn. Trà Toàn hung hãn, hoang dâm, bạo ngược, khinh thường mọi người, tự phụ là giỏi, không sửa lễ cống theo chức phận của mình, lại thường gây sự hoạ hoạn ở nơi biên cảnh ; rồi sai sứ thần sang cầu viện với nhà Minh, thân hành đem hơn mười vạn quân thuỷ, quân bộ cùng voi ngựa đến đánh úp Hoá Châu. Viên tướng giữ Hoá Châu là Phạm Văn Hiển đánh nhau với quân Chiêm, không địch nổi, phải đóng cửa thành chống giữ, cho người phi ngựa đem văn thư cáo cấp về triều đình.

Chb. **XXI**, 38

Lời cẩn án – *Theo* Minh sử, *truyện Ngoại quốc về mục Chiêm Thành, thì "năm Cảnh Thái thứ 3 (1452), Minh Cảnh đế sai sứ phong Ma Ha Quý Do làm chúa nước Chiêm Thành", thế mà Sử cũ lại chép "Trà Duyệt giết chúa nó là Bí Điền". Như thế là chép lầm chữ "Bí Do" ra chữ "Quý Điền", nay cải chính lại.*

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20 - 21).

Thi Nại : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chb. X, 41).

Hoá Châu : Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chb. VIII, 44).

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Lúc ấy, nhà vua sai bọn Nguyễn Đình Mỹ và Quách Đình Bảo đem việc nước Chiêm Thành đánh úp biên giới sang báo cáo với nhà Minh.

Tháng 11. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành.

Nhà vua sắp đi đánh Chiêm Thành, bèn hạ lệnh tuyển hoàng nam từ 15 tuổi trở lên bổ sung vào quân ngũ, triệu tập lính tinh nhuệ 26 vạn người, một mặt ra sắc lệnh cho thừa chính sứ ở Sơn Nam thu thêm gạo của các hạng quân nhân, lại điển và sinh viên mỗi người 15 ống gạo, hạng hoàng đinh và người già mỗi người 12 ống gạo, để làm lương cho quân ăn. Bây giờ nhà vua hạ chiếu thân hành đi đánh, ban 24 điều quân lệnh cho các doanh các vệ, ra lệnh cho thái sư Đinh Liệt và thái bảo Lê Niệm làm Chinh Lỗ tướng quân, thống lĩnh quân thuỷ trong các vệ thuộc ba phủ Đông, Nam và Bắc xuất phát đi trước ; Hữu đô đốc Lê Cảnh Huy ở nhà trấn thủ kinh thành. Ngày Tân Tị, nhà vua làm lễ tấu cáo ở nhà thái miếu, rồi thân hành đem đại quân kế tiếp tiến đi. Ngày hôm ấy, mưa nhỏ, có gió từ phương bắc thổi đến, nhà vua nhân cảnh ấy làm thơ, có câu rằng : "Bách vạn sư đồ viễn khải hành, khao bồng vũ tác nhuận quân thanh" (ý nói : trăm vạn

Chb. **XXI**, 39

binh lính mở đường đi xa, giọt mưa lách tách đập vào buồng thuyền làm tăng thêm thanh thế của binh sĩ). Câu thơ này cũng ghi sự thực lúc bấy giờ.

Trong khi đi đường, nhà vua thường cùng Đỗ Nhuận đàm luận đến hai chữ "đạo, lý" : Nhà vua nói : "Đạo là sự việc đương nhiên(1), rõ ràng dễ biết ; lý là cái lý do sở dĩ nhiên(2), huyền vi mầu nhiệm khó mà thấy được ; trẫm thường làm hai bài thơ ấy(3) phải suy nghĩ nhiều ngày mới xong". Đỗ Nhuận thưa rằng : "Về phần lý học, hoàng thượng vừa sáng suốt vừa rộng khắp, ở trong lý lẽ phức tạp, có sự phân biệt rõ ràng, nghĩa lý tinh vi sâu sắc thổ lộ ra lời thơ, không phải bọn học giả dòm ngó ngửa trông có thể tới kịp được". Chb. **XXI**, 40

Nhà vua đến Thiết Sơn, lúc ấy thuỷ quân của bọn Đinh Liệt và Lê Niệm xuất phát từ trước, trong quân bị hoả tai, quân sĩ vừa chết vừa bị thương hơn 30 người. Án sát là bọn Đinh Thúc Thông và Nguyễn Tài phơi bày tấu biểu đàn hặc việc này. Nhà vua ban tờ sắc dụ bảo hai người rằng : Sự được thua của sáu quân hệ trọng ở viên tướng, cơ mưu lợi hại trong một doanh trách nhiệm ở viên án sát. Bọn Đinh Liệt cầm quân không có kỷ luật, hầu như trẻ con, các khanh biết hặc tâu, thực đáng khen thưởng. Vậy, đặc ân ban cho tiền, người nhiều người ít khác nhau.

Lời phê(4) – *Lúc bấy giờ cương vực chưa mở rộng, số binh lính có đâu được nhiều đến như thế ?*

Lời phê(5) – *Không hợp lý tức là không hợp đạo, quá phân tách đạo với lý, e rằng chưa chắc đã là đúng.*

---

(1) Công việc tiến hành theo trình tự nhất định.

(2) Lý do phát sinh ra sự vật.

(3) Tức hai bài thơ suy diễn lý và đạo.

(4) Chỉ việc triệu tập 26 vạn quân tinh nhuệ.

(5) Chỉ việc Lê Thánh Tông phân tích hai chữ đạo và lý.

Lời chua – *Thiết Sơn* : Ở phía bắc huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An có Thiết Cảng, chân núi Thiết Sơn có mỏ sắt, người Thổ trước đào lấy sắt sống ở đấy.

Đinh Thúc Thông : Người xã Quan Vinh, huyện Gia Viễn[1].

Nguyễn Tài : Người xã Hương Quất, huyện Tứ Kỳ[2]. Thông và Tài đều đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận thứ 4.

Sơn Nam : Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 25, 27).

Tháng 12. Định phép xét công trạng các quan.

Phàm quan trong kinh sư và ngoài thừa tuyên, lúc bắt đầu bổ dụng hãy cho thí nghiệm về công việc làm, người nào trong 3 năm làm đầy đủ chức vụ không lầm lỗi mới được thực thụ ; nếu người nào không làm đầy đủ chức vụ sẽ bị truất bãi.

Nhà vua hạ dụ rằng : phép xét công trạng là để phân biệt người hay người dở, chấn chỉnh công việc cai trị dân. Ngày trước, nhà Đường, nhà Ngu 3 năm một lần xét công, để thi hành việc truất bãi hay cất nhắc, nhà Thành Chu 3 năm tính công việc cai trị dân, để thi hành việc quở trách hay khen thưởng. Vậy từ nay các nha môn ở trong kinh sư và ngoài thừa tuyên người nào đã giữ chức được đủ 3 năm, đều xem sự trạng trình bày rõ để các viên quan cấp trên cứu xét, rồi tâu bày một cách đầy đủ, không được chậm trễ, nếu viên quan cấp trên mà theo tình riêng ẩn giấu sẽ bị tội. Chb. **XXI**, 41

(1) Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

(2) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 22

Từ Tân Mão, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (1471) đến Giáp Ngọ, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 5 (1474), gồm 4 năm. Chb. **XXII**, 1

*

Tân Mão, năm thứ 2 (1471). (Minh, năm Thánh Hoà thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tiến quân vây thành Chà Bàn[1], phá tan thành ấy, bắt được chúa Chiêm Thành là Trà Toàn, rồi chỉnh đốn quân sĩ trở về kinh sư.

Trước đây, đại quân tiến đến Thuận Hoá, nhà vua nhận thấy quân sĩ đã tiến vào đất giặc, càng cần phải luyện tập cho thành thuộc, mới hạ chiếu : vệ quân Thuận Hoá ra biển, thi đánh trận bằng thuyền ; lại hạ lệnh : Nguyễn Vũ, người Thuận Hoá, vẽ và dâng nộp đồ bản về núi sông nơi hiểm trở, nơi bình dị của nước Chiêm Thành. Nhà vua thân hành soạn "sách lược bình Chiêm"[2] ban phát cho tướng sĩ các doanh. Lấy thóc ở kho Thuận Hoá đem xôi cho chín, gọi là "gạo đới xác"[3] vận chở đến hành tại của vua để cung cấp cho quân sĩ. Đến đây, xa giá

(1) Tây sơn Nguyễn Huệ đổi gọi là Hoàng đế thành, khi Nguyễn Ánh phá được thành này, đổi tên là Bình Định. Tên thành Bình Định bắt đầu từ đây (*Đại Nam nhất thống chí* quyển IX, tờ 2 – 3).

(2) Nguyên văn chép "bình Chiêm sách". Theo *Toàn thư* thì sách lược bình Chiêm, Lê Thánh Tông nói có mười lý lẽ tất thắng và ba việc đáng sợ. Thánh Tông lại sai Nguyễn Thế Mỹ dịch sách lược ấy ra Quốc ngữ (chữ Nôm) để cho tướng sĩ dễ hiểu.

(3) Gạo còn đeo vỏ trấu.

nhà vua đến hai cửa biển Tân Áp và Cựu Toạ. Trà Toàn sai em (không rõ tên) đem sáu viên tướng và 50000 quân kéo lên đến sát doanh trại nhà vua. Nhà vua bí mật sai Tả du kích tướng quân là bọn Lê Hi Cát đem châu sư[1] đi 500 chiếc thuyền vượt ngay ra biển, lẻn vào cửa biển Sa Kỳ, lập dinh luỹ, đặt đồn ải, để chặn đường về của quân Chiêm. Nhà vua thân hành đem châu sư đi hơn một ngàn chiếc thuyền và hơn 70 vạn quân tinh nhuệ tiến ra biển, kéo lá cờ "thiên tử", vừa đánh trống vừa hò reo tiến thẳng về đằng trước mặt, rồi bí mật sai viên tướng giữ quân bộ là Nguyễn Đức Trung đem quân đi lẻn vào chân núi. Quân giặc trông thấy, sợ quá, phải tan vỡ, chúng tan chạy đến thành Chà Bàn. Khi đi đến núi Mạc Nô, gặp toán quân của Hi Cát đón đường ngăn lại, chúng sợ hãi chạy trốn. Bọn Lê Niệm và Ngô Hồng tung quân ra đánh, chém được một đại tướng, bọn quân còn lại sợ chạy tán loạn. Nhà vua đến cửa biển Thái Cân, tung quân ra đánh mạnh, chém được hơn 300 thủ cấp và bắt sống được hơn 60 người. Chb. **XXII**, 2

Trà Toàn sợ quá, dâng tờ biểu xin hàng. Nhà vua đem đại quân đánh phá thành Thi Nại, rồi tiến quân xông thẳng đến thành Chà Bàn, bao vây nhiều trùng, lại sai các doanh chế tạo phi thê[2] chuẩn bị đánh thành. Tình thế Trà Toàn càng thêm cùng quẫn, hằng ngày đệ nộp tờ cam kết đầu hàng. Nhà vua triệu bọn Lê Quyết Trung bảo rằng : "Chí khí chiến đấu của giặc đã rã rời, khí cụ đánh thành của ta đã đầy đủ, ngày nay quân sĩ trèo lên thành, chỉ thúc một hồi trống cũng có thể phá thành được". Rồi nhà vua bí mật hẹn cho các doanh phải tức tốc trèo thành mà vào ; lại dụ bảo các tướng sĩ : "Trong lúc thành Chà Bàn đã bị hạ, các kho tàng đều phải niêm phong, canh giữ không được thiêu huỷ, bắt sống chúa Chiêm là Trà Toàn giải

(1) Quân lính đi thuyền đánh nhau với địch ở trên mặt nước.

(2) Một chiến cụ đánh thành, tức là cái thang dài 2,3 trượng, trên đầu có móc, khi đánh thành bên địch, thì móc cái móc vào mặt thành, quân sĩ trèo từng bậc thang để lên mặt thành.

đến hành doanh không được giết hại". Một lúc sau, đứng xa trông thấy toán quân đi trước đã trèo lên được chỗ tường thấp trên mặt thành, bèn bắn luôn ba tiếng pháo để tiếp ứng, lại hạ lệnh cho vệ quân Thần võ phá cửa đông thành tiến vào. Thành Chà Bàn liền bị vỡ, bắt được hơn ba vạn tù binh và chém được hơn bốn vạn thủ cấp. Vệ quân Thuận Hoá bắt sống Trà Toàn dẫn đến trước mặt vua ; nhà vua ban chỉ dụ hỏi han yên ủi, sai dẫn ra cho ở ngoài ti trấn điện. Bèn hạ chiếu đem quân về. Chb. **XXII**, 3

Lời phê(1) – *Trước nói 26 vạn quân*(2) *đã sai sự thật, ở đây nói 500 chiếc thuyền đã là quá đáng huống hồ lại nói những hơn một ngàn chiếc thuyền và 70 vạn quân, làm sao mà lại nói khoác không nghĩ đến như thế ?*

Lời phê(3) – *Chỉ hiếu thắng mà thôi, không phải là quân nhân.*

Lời phê(4) – *Cũng chỉ nói hão.*

Lời chua – *Thành Chà Bàn* : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chb. X, 41).

Thuận Hoá : Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 23 - 24).

Vệ quân Thuận Hoá : Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 34).

Tân Áp : Cửa biển, nay ở huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam, có một tên nữa là cửa biển Hợp Hoà. Ở đây là nơi chứa nước của sông Bản Giang và sông Tam Kỳ, tức là cửa biển Đại Áp ngày nay.

Cựu Toạ : Cửa biển, cách xa cửa biển Tân Áp chừng bảy dặm, tức là cửa biển Tiểu Áp ngày nay.

Sa Kỳ : Cửa biển, nay ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

---

(1) Chỉ việc Lê Thánh Tông đem châu sư đi hơn ngàn chiếc thuyền và hơn 70 vạn quân tinh nhuệ tiến ra biển.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XX, tờ 35.

(3) Chỉ việc Trà Toàn đã cam kết xin hàng, mà còn chuẩn bị chiến cụ để đánh thành.

(4) Chỉ việc bắt được hơn ba vạn tù binh và chém được hơn 4 vạn thủ cấp.

Núi Mạc Nô : Nay ở phía Tây cửa biển Sa Kỳ.

Thái Cần : Cửa biển, nay ở phía Đông Bắc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Đem nước Chiêm Thành chia làm ba nước : Chiêm Thành, Hoa Anh và Nam Bàn, phong vương cho mỗi người giữ một nước.

Sau khi Trà Toàn đã bị bắt, Bô Trì Trì, tướng nước Chiêm, chạy đến Phan Lung, chiếm giữ đất Chiêm, xưng là chúa Chiêm Thành. Trì Trì chiếm giữ được hai phần năm đất đai trong nước, sai sứ sang xưng làm tôi và xin vào cống nạp. Nhà vua bèn phong cho Trì Trì làm vương, lại phong hai tước vương nữa ở Hoa Anh và Nam Bàn, gồm ba nước, để làm kế ràng buộc họ. Còn về phần đất Đại Chiêm và Cổ Luỹ, thì dùng người đầu hàng là Ba Thái làm đồng tri phủ ở Đại Chiêm và dùng Đa Thuỷ làm thiêm tri châu. Nhà vua dụ bảo rằng : "Đại Chiêm và Cổ Luỹ trước kia là đất của nước ta, ít lâu nay bị mất về nước Chiêm, nay khôi phục lại được cả, nên đặc ân sai các ngươi trấn giữ đất ấy ; nếu có người không tuân lệnh, thì được phép trước giết chết rồi sau sẽ tâu về triều". Lại hạ lệnh cho Đỗ Tử Quy làm đồng tri châu giữ việc quân và dân ở Đại Chiêm ; Lê Ỷ Đà làm tri châu Cổ Luỹ, giữ việc quân và dân ở Cổ Luỹ, để đề phòng người Chiêm Thành bội bạn. Chb. **XXII**, 4

Cấm quan và dân không ai được riêng chứa chấp người Chiêm Thành.

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20 - 21).

Phan Lung : Đời cổ, Phan Lung là một nước ở ngoài cương vực Nhật Nam ; qua các đời Đinh, [Tiền] Lê và Trần, nước này đều thuộc Chiêm Thành ; nhà Lê, năm Hồng Đức thứ 2, Thánh Tông đem phong cho Bô Trì Trì. Phan Rang tức là chỗ đất Phan Lung này. Bản triều

Hi Tông hiếu triết hoàng đế[1] đánh phá Chiêm Thành, lấy đất Phan Rang trở về phía bắc đến núi Thạch Bi đặt làm doanh Thái Khang, còn từ Phan Rang trở về phía nam giáp với Phan Rí vẫn là nước Chiêm Thành. Hiển Tông hiếu minh hoàng đế[2] hạ tên nước Chiêm Thành xuống làm trấn Thuận Thành, đem dòng dõi chúa Chiêm Thành trước làm trấn thủ, lại đặt doanh Bình Thuận đem trấn Thuận Thành lệ thuộc vào doanh này. Thế Tông hiếu vũ hoàng đế[3] đổi doanh Thái Khang làm doanh Bình Khang. Năm Gia Long thứ 2 (1803) đổi doanh Bình Khang làm doanh Bình Hoà ; năm thứ 7 (1808) lại đổi doanh Bình Hoà làm trấn Bình Hoà, doanh Bình Thuận làm trấn Bình Thuận ; năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đổi trấn Bình Hoà làm tỉnh Khánh Hoà, trấn Bình Thuận làm tỉnh Bình Thuận. Chb. **XXII**, 5

Nam Bàn : Từ triều Lê trở về trước, Nam Bàn thuộc Chiêm Thành, đến khi Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, mở đất đai đến núi Thạch Bi[4], phong dòng dõi chúa cũ Chiêm Thành làm Nam Bàn quốc vương và chia cho giữ đất đai từ núi Thạch Bi này trở về phía tây, từ phủ Hoài Nhân đi theo đường thượng đạo (?) thì phải đi 14 ngày mới đến được nước này, tức là đất của hai nước Thuỷ Xá và Hoả Xá bấy giờ.

Đại Chiêm : Nay là tỉnh Quảng Nam.

Cổ Luỹ : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chb. X, 5).

Hoa Anh : Theo sách *Hậu Lê dã lục* thì dòng dõi Hoa Anh về sau mòn mỏi suy yếu, nay không thể khảo cứu được.

Các tù trưởng ở phương Tây đều đến triều yết cống nạp.

---

(1) Tên là Phúc Tần, tức chúa Hiền (1649 – 1687).

(2) Tên là Phúc Chu, tức Tộ quận công (1692 – 1725). Năm 1693 Tộ quận công bắt giam chúa Chiêm Thành là Bà Tranh, đổi nước Chiêm Thành làm trấn Thuận Thành, phong cho Kế Bà Tử (dòng dõi Bà Tranh) làm Tả đô đốc để thống trị dân.

(3) Tên là Phúc Khoát, tức Hiển quận công (1739 – 1765).

(4) Ở địa phận tỉnh Phú Yên, theo *Địa dư chí* của Lê Quang Định, khi Lê Thánh Tông đánh được Chiêm Thành mở đất đến núi Thạch Bi, có khắc chữ vào vách đá trên đỉnh núi, chữ ấy nay vẫn còn, nhưng nét chữ lờ mờ sứt mẻ, không thể trông rõ được.

Sau khi nhà vua đã bình định được Chiêm Thành, uy danh vang dội đến những địa vực xa xăm, các tù trưởng ở phương Tây không ai là không phục tùng : Ai Lao sai sứ thần là Lang Lệ đem phẩm vật địa phương đến dâng ; thổ quan phủ Trấn Ninh là Cầm Công, thổ quan châu Thuận Bình là Đạo Nhị, em Đạo Nhị là Đạo Đông và tri châu động Du Phác là Đạo Lự đều đem voi đực cùng phẩm vật địa phương đến cống hiến. Chb. **XXII**, 6

Lời phê – *Theo* Sử cũ, *thì các nước đến triều cống có nước đến trước, nước đến sau*[1], *không phải vì việc đánh được Chiêm Thành này mà các nước mới đến triều cống. Đại để ở đây chép phần nhiều là lời khoa trương.*

Lời chua – *Ai Lao* : Tên nước, xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9 - 10).

Trấn Ninh : Tên phủ, xem năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30 - 31).

Thuận Bình : Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, thì châu Thuận Bình thuộc nguyên[2] Cam Lộ, huyện Vũ Xương, phủ Triệu Phong nay là huyện Thành Hoá thuộc tỉnh Quảng Trị.

Cầm Công, Đạo Nhị, Đạo Đồng, Đạo Lư : Đều là danh hiệu thổ tù.

Động Du Phác : nay không khảo cứu được.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua về đến cung điện, dâng tù binh ở thái miếu.

Nhà vua thân sáng chế bức thư thắng trận, sai quan đem về kinh sư bá cáo cho trong nước biết. Khi xa giá về đến sông Phi Lai, đổi đi bằng thuyền. Lúc ấy, chúa Chiêm Thành là Trà Toàn vì lo sợ, phát bệnh rồi chết. Nhà vua sai chém lấy

---

(1) Theo *Đại Việt sử ký thực lục*, thì sứ thần nước Ai Lao đến triều cống giữa lúc Lê Thánh Tông đã xuất quân đi đánh Chiêm Thành, còn các thổ tù khác đều đến triều cống sau khi thắng trận trở về.

(2) Một đơn vị hành chính, cũng như tổng ở ngoài Bắc.

thủ cấp, dựng một lá cờ trắng ở đầu thuyền, đề chữ rằng : "Chiêm Thành nguyên ác Trà Toàn chi thủ" (Thủ cấp của tên ác nghịch đầu sỏ ở Chiêm Thành là Trà Toàn). Khi về cung điện, dâng tù binh ở thái miếu. Bầy tôi dâng biểu chúc mừng.

Lời chua – *Sông Phi Lai* : Ở xã Phi Lai, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Tháng 6. Đặt đạo Quảng Nam.

Nhà vua đem đất Chiêm Thành đặt làm Quảng Nam thừa tuyên, quản lĩnh ba phủ, 9 huyện, đặt ba ty : Đô ty, Thừa ty và Hiến ty và đặt vệ quân Thanh Hoa gồm 5 sở. Chb. **XXII**, 7

Nhà vua lấy cớ rằng ở Quảng Nam không có thuyền, mỗi khi quân và dân nộp thuế, thường có sự hao hụt mất mát, nên hạ lệnh : từ nay, mỗi khi đến kỳ nộp thuế, thì Thừa ty Quảng Nam tư dy công văn đến ba ty ở Thuận Hoá giao phó các hạng thuế, để Thuận Hoá sai người chuyển nộp về kinh.

Nhà vua ra sắc lệnh dụ bảo Phạm Bá Tôn, tham chính Quảng Nam : dân sinh nào là con trai từ 15 tuổi trở lên, tư chất thông minh chăm học, thì đến ngày thi khảo, hai ty Thừa ty và Hiến ty bản đạo hội đồng kén chọn, tâu bày đầy đủ, sẽ cho sung vào sinh đồ bản phủ, để dạy bảo cho biết lễ nghĩa.

Lời chua – *Quảng Nam* : Theo *Hồng Đức thiên nam dư hạ tập*, thì Quảng Nam thừa tuyên quản lĩnh ba phủ, chín huyện :

– Phủ Thăng Hoa quản lĩnh ba huyện : Lê Giang, Hà Đông và Hi Giang ;

– Phủ Tư Nghĩa quản lĩnh ba huyện : Bình Sơn, Mộ Hoa và Nghĩa Giang ;

– Phủ Hoài Nhân quản lĩnh ba huyện : Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn.

Quảng Nam : Đất Việt thường xưa ; nhà Tần, thuộc Tượng quận ; nhà Hán, thuộc Nhật Nam ; nhà Đường, là Lâm Ấp ; nhà Tống, là đất

Lý Châu và Chiêm Động của Chiêm Thành ; nhà Trần, thuộc đất Hoá Châu ; nhuận Hồ lấy cả đất Đại Chiêm và Cổ Luỹ của Chiêm Thành đặt làm bốn châu : Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa ; thuộc Minh hợp lại làm phủ Thăng Hoa ; hồi đầu triều Lê, là đất cơ mi[1] gọi tên là Nam giới, nhưng sổ sách chỉ chép tên suông, chứ thực ra thì đất đai chỗ ấy vẫn do người Chiêm Thành chiếm cứ. Đến năm Hồng Đức thứ ba (1472) Thánh Tông thân đi đánh Chiêm Thành, lấy đất ấy đặt làm Quảng Nam thừa tuyên quản lĩnh ba phủ, chín huyện. Chb. **XXII**, 8

Bản triều, Thái tổ Gia dụ hoàng đế năm 45[2] đổi đặt làm Quảng Nam doanh, sắp đặt các phủ huyện thuộc Quảng Nam doanh như sau này :

– Tách huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong xứ Thuận Hoá đổi đặt làm phủ, rồi đổi huyện Hi Giang làm huyện Duy Xuyên và đặt thêm hai huyện Hoà Vinh và Diên Phúc cho thuộc vào phủ Điện Bàn ;

– Đổi huyện Lê Giang làm huyện Lễ Dương cùng với huyện Hà Đông vẫn để thuộc phủ Thăng Hoa ;

– Đổi phủ Tư Nghĩa làm phủ Quảng Nghĩa, phủ Hoài Nhân làm phủ Quy Nhơn.

– Lấy đất từ núi Cù Mông trở về phía nam đặt thêm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hoà, đặt làm phủ Phú Yên. Các phủ huyện trên đều lệ thuộc vào Quảng Nam ;

Năm Gia Long thứ 2, trích hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn đặt làm Quảng Nam doanh, phủ Quảng Nghĩa đặt làm Quảng Nghĩa doanh, phủ Quy Nhơn đặt làm Bình Định doanh, phủ Phú Yên đặt làm Phú Yên doanh ; năm thứ 7, lại đổi bốn doanh Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định và Phú Yên là trấn. Năm Minh mệnh thứ 12, đổi trấn làm tỉnh ; năm thứ 16, tách lấy đất huyện Duy Xuyên thuộc phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam đặt thêm huyện Quế Sơn cùng với hai huyện Lễ Dương và Hà Đông đều Chb. **XXII**, 9

(1) Xem chú thích số 3 tờ 25 *Tiền biên* quyển IV về chữ "cơ mi".

(2) Những năm thay đổi địa hạt trong tỉnh Quảng Nam, đem âm lịch đối chiếu với dương lịch xem chú thích số 1 tờ 34 *Chính biên* quyển XXI.

thuộc phủ Thăng Hoa ; lại đổi phủ Quảng Nghĩa làm phủ Tư Nghĩa, đổi đặt phủ Quy Nhân thuộc Bình Định làm phủ Hoài Nhân, tách huyện Phù Ly đổi làm hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát cùng với huyện Bồng Sơn cho lệ thuộc vào phủ Hoài Nhân ; tách huyện Tuy Viễn đặt thêm huyện Tuy Phúc lập làm phủ Yên Nhân ; phủ Phú Yên đổi đặt là phủ Tuy Yên và đem hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hoà lệ thuộc vào phủ ấy. Năm Thiệu Trị nguyên niên đổi phủ Thăng Hoa thuộc Quảng Nam làm phủ Thăng Bình, huyện Mộ Hoa thuộc tỉnh Quảng Nghĩa làm huyện Mộ Đức. Năm Tự Đức thứ 5, bỏ bớt phủ Yên Nhân, đem hai huyện Tuy Viễn và Tuy Phúc cho đổi thuộc vào phủ Hoài Nhân ; năm thứ 18, lại đặt phủ Yên Nhân như cũ ; tỉnh Phú Yên đổi đặt làm đạo, lệ thuộc tỉnh Bình Định ; năm thứ 29, lại đặt tỉnh Phú Yên như cũ.

Đô, Thừa, Hiến ba ti : Theo quan chế triều Lê, *Đô tổng binh sứ ti,* đặt chức tổng binh sứ, tổng binh đồng tri và tổng binh thiêm sự. *Tán trị thừa chính sứ ti*, đặt chức thừa chính sứ, tham chính và tham nghị. *Thanh Hình hiến sát sứ ti*, đặt chức hiến sát sứ, hiến sát phó sứ. Theo mục Quan chức chí trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, chức trách Đô tổng binh giữ về binh chính ; chức trách thừa chính sứ ty giữ về sổ sách quân và dân chức trách hiến sát sứ giữ về việc tâu bầy những lời nói phải, đàn hặc tội lỗi của quan lại và thẩm xét tra hỏi việc hình ngục. Chb. **XXII**, 10

Thăng Hoa vệ : Gồm năm sở là : Trù Thắng, Hoàn Tì, Hiệp Sơn, Siêu Hải và Khống Huyền. Vệ này thuộc Đô ti Quảng Nam.

Bắt đầu đặt chức hiến sát[1] ở 12 đạo.

Trước đây chia trong nước làm 12 đạo, đều đặt Đô tổng binh sứ và Thừa chính sứ ti[2], còn Hiến sát sứ ti vẫn chưa đặt đủ. Đến nay đã đặt ba ti : Đô, Thừa, Hiến ở Quảng Nam, bèn

(1) Chức quan ở hàm lục phẩm gồm có Hiến sát sứ, Hiến sát phó sứ. Hiến sát phụ trách việc tâu trình việc phải trái, điều tra và đàn hặc những việc làm trái phép, tra cứu xét hỏi việc kiện tụng, xét thưởng công trạng của quan, quân trong một đạo.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XX, tờ 38.

đặt thêm ti Thanh Hình hiến sát ở 12 đạo. Chức Hiến sát bắt đầu đặt từ đây.

Lời chua – *Mười hai đạo thừa tuyên* : Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15 - 53).

Lập con là Tân làm Kiến Vương.

Nhà vua sai Thái bảo Lê Cảnh Huy đem kim sách[1] phong cho con là Tân làm Kiến vương. Kiến vương, con thứ năm của nhà vua, là người có phong thái vững vàng cao cả, chăm học, hay chữ, mỗi khi nhà vua sáng tác bài thơ bài ca phần nhiều sai vương hoạ lại. Chb. **XXII**, 11

Tháng 8, mùa thu. Ra sắc lệnh cho viên Đề hình ngự sử kiểm tra việc hình ngục.

Nhà vua ra sắc lệnh cho viên Đề hình ngự sử : phàm viên chức trong bộ Hình, trong Đại lý tự và quan giữ việc hình ngục, có ai tha tội người này buộc tội người khác, trái phép luật làm điều thảm khắc, hoặc làm cho người phạm tội có điều oan uổng, thì viên Đề hình ngự sử phải thân hành kiểm tra xét hỏi, tâu bày đàn hặc, để tỏ rõ nỗi oan uổng cho phạm nhân.

Tháng 9. Xét định quan chế.

Quan chế ấn định như sau này :

Bắt đầu từ các tước những người trong hoàng tông[2] :

– Thân vương : Hoàng tử được phong là thân vương thì dùng tên một phủ làm tên hiệu.

– Tự thân vương : Thế tử của thân vương được phong là tự thân vương thì dùng tên một huyện làm tên hiệu.

---

(1) Sắc mệnh của vua khắc vào một thứ bằng kim loại như vàng, bạc, đồng, thau, ... để được lâu bền gọi là kim sách.

(2) Tông phái trong họ nhà vua.

– Tước công : Các con của hoàng thái tử và các con của thân vương đều được phong tước công.

Tước hầu : Con trưởng của hoàng thái tôn, của tự thân vương và của tước công đều được phong tước hầu.

– Tước bá : Các con của hoàng thái tôn, của tự thân vương, của tước công và con trưởng của thân công chúa đều được phong tước bá.

– Tước tử : Các con của thân công chúa và con trưởng của tước hầu, tước bá đều được phong tước tử.

– Tước nam : Con trưởng của truy tặng thân công chúa(1) và các con(2) của tước hầu, tước bá đều được phong tước nam.

Những tước công, hầu, bá, tử, nam kể trên
đều dùng những chữ đẹp đẽ làm tên hiệu. Chb. **XXII**, 12

Con các người trong hoàng tông mà được cất nhắc để trao cho phẩm trật theo thể lệ có 8 bậc : từ Tá quốc đến Tự ân sứ.

Thứ hai đến các tước của bầy tôi có công :

– Tước quốc công và quận công lấy tên một phủ hoặc một huyện làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ.

– Tước hầu và tước bá lấy tên một xã làm tên hiệu, dùng cả hai chữ.

Về cấp bậc của bầy tôi có công :

– Văn huân có 5 bậc : từ Thượng trụ quốc đến Tu thận thiếu doãn.

– Võ huân có 5 bậc : từ Thượng trụ quốc đến Thiết kỵ uý.

Mỗi bậc đều có bậc chánh và bậc tòng.

---

(1) Con gái của vua, sau khi đã chết mới được phong là thân công chúa nên gọi là truy tặng thân công chúa.

(2) *Cương mục* chép "Con trưởng của tước hầu, tước bá" là lầm vì ở chỗ tước tử đã có hạng người này rồi, ở đây chúng tôi dịch "các con của tước hầu tước bá" là theo trong *Đại Việt sử ký thực lục* cho được đúng hơn.

– Văn giai có 9 bậc : từ chánh nhất phẩm đến tòng cửu phẩm.

– Võ giai có 6 bậc : từ chánh nhất phẩm đến tòng lục phẩm.

Mỗi bậc đều có bậc chánh và bậc tòng.

– Nội quan và tản quan có bảy bậc : từ chánh tam phẩm đến tòng cửu phẩm, mỗi bậc cũng có chánh và phó.

Về thông tư[1] của các tước và các cấp bậc : từ trật cao nhất đến thấp nhất cộng 24 tư.

Về những chữ để vinh phong cho công thần : từ chữ "suy trung" đến chữ "tuyên lực" cộng 24 chữ. Đại để các quan văn, quan võ có công được sơ phong hoặc gia phong từ 2 chữ đến 8 chữ, nên dùng chữ nào để phong cho người nào, đến lúc vinh phong, nhà vua sẽ đặc cách gia ân cho.

Về chức trọng yếu : Thì thái sư, thái uý, thái phó, thái bảo và thiếu sư, thiếu uý, thiếu phó, thiếu bảo là đại thần trọng chức ; lục bộ, lục khoa, lục tự và ngự sử mười ba đạo làm yếu chức.

Về hàng quan võ :

Ở trong kinh thành : đặt Đô đốc phủ trong ngũ phủ quân và đặt hai vệ Kim Ngô và Cẩm Y, 4 vệ Hiệu lực, 4 vệ Thần võ, 6 vệ Điện tiền. Chb. **XXII**, 13

Ở các trấn bên ngoài cũng đặt phủ vệ Đô ti.

Ở các xứ ven sông và ven biển đều đặt chức tuần kiểm.

Về việc cai trị các trấn, thì 2 ti Thừa chính, Hiến sát và các nha môn ở phủ, huyện, châu đều đặt quan để cai trị.

Lời chua – *Quan chế* : Theo *Hồng Đức thiên nam dư hạ tập* thì điển lệ về quan chế đời Hồng Đức như sau :

---

(1) Xem chú thích số 1 *Chính biên* quyển VII tờ 5 và xem thêm lời chua của *Cương mục chính biên* quyển XIX tờ 6.

Các tước trong hoàng tông :

Người được phong là thân vương dùng tên một phủ làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ : "Kiến vương" tức là dùng chữ "Kiến" của phủ Kiến Hưng.

Người được phong là thân vương dùng tên một huyện làm tên hiệu, mà dùng cả hai chữ. Ví dụ : "Hải Lăng vương" tức là dùng tên gọi của huyện Hải Lăng.

Các con của hoàng thái tử và của thân vương được phong tước công ; con trưởng của tự thân vương và của tước công được phong tước hầu ; các con của hoàng thái tôn, của tự thân vương, của tước công và con trưởng của thân công chúa được phong tước bá, phò mã đô uý được ngang hàng với tước bá. Tước công, tước hầu, tước bá đều đứng trên hàng chánh nhất phẩm. Các con của thân công chúa và con trưởng của tước hầu, tước bá được phong tước tử, ngang hàng với chánh nhất phẩm ; con trưởng của truy tặng thân công chúa và các con của tước hầu tước bá được phong tước nam, ngang hàng với tòng nhất phẩm. Năm bậc về tước công, tước hầu, tước bá, tước tử và tước nam, đều dùng chữ đẹp đẽ làm tên hiệu. Ví dụ : Thiệu Khang Công, Vĩnh Kiến hầu, Tĩnh Cung bá, Diên Xương tử và Quảng Trạch nam v.v...

Những người trong hoàng tông mà được cất nhắc để trao cho phẩm trật : Chb. **XXII**, 14

Con của tước tử và tước nam được phong là Tá quốc sứ, ngang hàng chánh nhị phẩm.

Con của Tá quốc sứ được phong là Phụng quốc sứ, ngang hàng tòng nhị phẩm.

Con của Phụng quốc sứ được phong là Dực quốc sứ, ngang hàng chánh tam phẩm.

Con của Dực quốc sứ được phong là Lượng quốc sứ, ngang hàng tòng tam phẩm.

Cháu của thân công chúa và các con của truy tặng thân công chúa được phong là Sùng ân sứ.

Tằng tôn (chắt) của thân công chúa, cháu của truy tặng thân công chúa và con của quận thượng chúa được phong là Dụ ân sứ. Sùng ân sứ và Dụ ân sứ đều ngang hàng với tòng tam phẩm[1].

Huyền tôn (chút) của thân công chúa, tằng tôn (chắt) của truy tặng thân công chúa, cháu của quận thượng chúa và con của quận chúa được phong là Mậu ân sứ, ngang hàng tòng tứ phẩm.

Huyền tôn của truy tặng thân công chúa, cháu của quận chúa và con của quận quân được phong là Tự ân sứ, ngang hàng tòng ngũ phẩm.

Con rể của hoàng thái tử và của thân vương được phong là quận thượng chúa nghi tân, ngang hàng chánh tam phẩm.

Con rể của tự thân vương và của thân công chúa được phong là quận chúa nghi tân, ngang hàng tòng tam phẩm.

Các tước của bầy tôi có công : Tước quốc công dùng tên một phủ làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ : tước "Tuyên quốc công" tức là dùng chữ "Tuyên" của tên gọi phủ Tuyên Quang.

Tước quận công dùng tên một huyện làm tên hiệu, cũng chỉ dùng một chữ. Ví dụ : tước "Sùng quận công" tức ra dùng chữ "Sùng" của tên gọi huyện Sùng An.

Tước hầu và tước bá dùng tên một xã làm tên hiệu, dùng cả 2 chữ. Ví dụ : tước "Nam xang hầu" tức là dùng tên gọi của xã Nam Xang ; "Duyên hà bá" tức là dùng tên gọi của xã Duyên Hà. Chb. **XXII**, 15

Người bày tôi có công : về hàng văn huân thì thượng trụ quốc hàm chánh nhất phẩm ; trụ quốc hàm tòng nhất phẩm ; chánh trị thượng khanh hàm chánh nhị phẩm, chánh trị khanh hàm tòng nhị phẩm ; tư chánh thượng khanh hàm chánh tam phẩm, tư chánh

---

(1) Chữ "tòng tam phẩm" này có lẽ là "chánh tứ phẩm" mà sử *Cương mục* chép sai, vì Lượng quốc sứ ở trên đã ngang hàng tòng tam phẩm rồi, nếu Sùng ân sứ và Dụ ân sứ cũng ngang hàng như thế, thì sao không chép chung vào một chỗ ?

khanh hàm tòng tam phẩm ; khuông mĩ doãn hàm chánh tứ phẩm, khuông mĩ thiếu doãn hàm tòng tứ phẩm, tu thận doãn hàm chánh ngũ phẩm, tu thận thiếu doãn hàm tòng ngũ phẩm.

Về hàng võ huân thì : thượng trụ quốc hàm chánh nhất phẩm, trụ quốc hàm tòng nhất phẩm ; thượng hộ quân hàm chánh nhị phẩm, hộ quân hàm tòng nhị phẩm ; thượng khinh xa uý hàm chánh tam phẩm, khinh xa uý hàm tòng tam phẩm ; kiêu kỵ uý hàm chánh tứ phẩm, phi kỵ uý hàm tòng tứ phẩm ; vân kỵ uý hàm chánh ngũ phẩm, thiết kỵ uý hàm tòng ngũ phẩm.

Quan tước về văn giai và võ giai :

Thái sư + Thái uý + Thái bảo đều hàm chánh nhất phẩm.

Những người giữ chức quan này về văn giai thì thăng thụ là đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, gia thụ là đặc tiến khai phủ kim tử vinh lộc đại phu ; về võ giai thì thăng thụ là đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, gia thụ là khai quốc thượng tướng quân.

Thái tử thái sư + Thái tử thái uý + Thái tử thái phó + Thái tử thái bảo + Tả đô đốc + Hữu đô đốc đều hàm tòng nhất phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì thăng thụ là sùng tiến tuyên lộc đại phu, gia thụ là ngân thanh tuyên lộc đại phu ; về võ giai thì thăng thụ là sùng tiến phụ quốc đại tướng quân, gia thụ là sùng tiến trấn quốc thượng tướng quân. Chb. **XXII**, 16

Thiếu sư + Thiếu uý + Thiếu phó + Thiếu bảo + Đô điểm kiểm đề đốc + Đô đốc đồng tri + Đề lãnh đều hàm chánh nhị phẩm.

Những người giữ chức quan này về văn giai thì sơ thụ là quang tiến đại phu, thăng thụ là quang lượng đại phu, gia thụ là quang kiêm đại phu ; về võ giai thì sơ thụ là chiêu nghị tướng quân, thăng thụ là chiêu hùng tướng quân, gia thụ là chiêu dũng tướng quân. Chb. **XXII**, 17

Thái tử thiếu sư + Thái tử thiếu uý + Thái tử thiếu phó + Thái tử thiếu bảo + Thượng thư + Đô đốc + Thiêm sự + Tả hữu điểm kiểm + Tham đốc + Phó đề lĩnh đều hàm tòng nhị phẩm.

viên phó thiên hộ ở các ti Thần Oai, Du Nỗ + các viên trung uý ở vệ Thần Võ, Điện Tiền + viên lang tướng ở ti Trung thành binh mã + viên phó quản lãnh ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ + viên cung phó ở cung Thiên Hoà và quân dân Chiêu Thảo đồng tri đều hàm tòng ngũ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là hiển cung đại phu, thăng thụ là hiển lượng đại phu, gia thụ là hiển huệ đại phu ; về võ giai thì sơ thụ là tráng tiết tướng quân, thăng thụ là tận tiết tướng quân, gia thụ là kính tiết tướng quân.

Lang trung các ti ở lục bộ + Hàn lâm viện thị thư + Đông các hiệu thư + Trung thư giám trung thư xá nhân + Thái y viện ngự y chính + Tư thiên giám tư thiên lệnh + lục tự thiếu khanh + Phụng Thiên phủ thiếu doãn + hiến sát sứ + các viên chánh đề hạt, phó đoán sự, bá hộ ở các viện Tuần Tượng, Mã Nhàn + các viên phó trung uý ở các vệ Thần Võ, Điện Tiền + viên phó lang tướng ở ti Trung thành binh mã + viên đô uý ở vệ Tượng Cứu, Mã Cứu + viên chánh võ uý ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ + viên cung thừa ở cung Thiên Hoà và quân dân chiêu thảo thiêm sự, kinh lược sứ đều hàm chánh lục phẩm. Chb. **XXII**, 20

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là mậu lâm lang, thăng thụ là tuấn lâm lang, gia thụ là đức lâm lang ; về võ giai thì sơ thụ là phấn lực tướng quân, thăng thụ là quả lực tướng quân, gia thụ là chấn lực tướng quân.

Viên ngoại lang + Hàn Lâm viện đãi chế + Trung thư giám điển thư + Thái y viện ngự y phó + tả, hữu tư giảng + các viên đề bạt các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn + viên thừa ti ở ti Thông Chính + viên tri phủ + các viên phó lang tướng ở các vệ Tả, Hữu, Tiền, Hậu + viên võ uý ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ + các viên kinh lược sứ, đồng tri, phòng ngự sứ ở vệ Thành Môn + viên chính chưởng ở cung Thiên Hoà + viên sở sứ ở sáu sở thuộc bộ Công + các viên cục sứ ở Thượng Y Giám, Ngự dụng giám và viên thự chính ở Thái Quan thự đều hàm tòng lục phẩm.

thiêm sự ở các vệ Hiệu Lực, Thần Võ, Điện Tiền + các viên thiêm tổng tri ở các vệ thuộc ngũ phủ và viên tuyên uý thiêm sự đều hàm tòng tứ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là triều liệt đại phu, thăng thụ là triều đoan đại phu, gia thụ là triều tĩnh đại phu ; về võ giai thì sơ thụ là trì oai tướng quân, thăng thụ là bỉnh oai tướng quân, gia thụ là quảng oai tướng quân.

Hàn lâm viện thị độc + Thiêm đô ngự sử + Lục tự khanh + Chiêm sự viện Chiêm sự + Thái y viện đại sứ + phủ doãn phủ Phụng Thiên + các viên chỉ huy thiêm sự ở các ti thuộc vệ Cẩm Y, Kim Ngô + Trấn điện tướng quân + Lực sĩ hiệu uý + các viên thiên hộ ở các ti Thần Oai, Du Nỗ + các viên phó đô tri ở các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn + các viên đô tri ở các vệ ngoại trấn + các viên thống chế ở các vệ Thần Võ, Điện Tiền + các viên chánh đô uý ở các ti Tượng Cứu, Mã Cứu + các viên quản lĩnh ngoại vệ thuộc ngũ phủ + viên cung chính ở cung Thiên Hoà và quân dân Chiêu Thảo sứ đều hàm chánh ngũ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là hoằng tín đại phu, thăng thụ là hoằng tri đại phu, gia thụ là hoằng nghĩa đại phu ; về võ giai thì sơ thụ là kiện trung tướng quân, thăng thụ là quán trung tướng quân, gia thụ là bảo trung tướng quân. Chb. **XXII**, 19

Hàn lâm viện thị giảng + Đông các học sĩ + Quốc tử giám tư nghiệp + Thái y viện viện sứ + Tả hữu thuyết thư + Chính truyến[1] phó thông chính + Chiêm sự viện thiếu thiêm sự + các viên đoán sự, tham nghị ở hai ti Cẩm Y, Kim Ngô + viên phó lực sĩ hiệu uý + các

(1) Hai chữ này nguyên văn *Cương mục* in là "Vương phó" 王傅 tham khảo *Lịch triều hiến chương* chép là "chính truyền" 正傳 . Ở đây chúng tôi phiên âm theo như *Lịch triều hiến chương* cho được rõ nghĩa, bởi vì chức thông chính là giữ việc chuyển đạt công văn dụ chỉ của triều đình về dân gian và chuyển đệ đơn từ của dân gian về triều đình. "Chính truyền" nghĩa là nhà trạm chính ở kinh thành thì mới hợp nghĩa.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là phụng trực đại phu, thăng thụ là phụng công đại phu, gia thụ là phụng huấn đại phu ; về võ giai thì sơ thụ là võ huân tướng quân, thăng thụ là võ lược tướng quân, gia thụ là võ nghị tướng quân.

Tông nhân phủ tông nhân lệnh + Lăng chánh + Đô đài ngự sử + Tả hữu thứ tử + Đô chỉ huy sứ + Đô tổng binh sứ + Tuyên uý đại sứ đều hàm chánh tam phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là thông chương đại phu, thăng thụ là thông lễ đại phu, gia thụ là thông nghị đại phu ; về võ giai, sơ thụ là anh liệt tướng quân, thăng thụ là anh túc tướng quân, gia thụ là anh vĩ tướng quân.

Tả hữu thị lang + Tông nhân phủ tả, hữu tông chính + Lăng phó + Tả hữu dụ đức + Thừa chính sứ + Đô chỉ huy đồng tri + Các viên chỉ huy sứ ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền + Các viên tổng tri, tổng binh đồng tri ở các vệ thuộc ngũ phủ và Tuyên uý sứ đều hàm tòng tam phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là gia hạnh đại phu, thăng thụ là gia tích đại phu, gia thụ là gia thăng đại phu ; võ giai thì sơ thụ là minh dực tướng quân, thăng thụ là minh quyết tướng quân, gia thụ là minh ý tướng quân.

Hàn lâm viện thừa chỉ + phó đô ngự sử + lăng thừa + tả, hữu trung doãn + tả, hữu xuân phường + đô chỉ huy thiêm sự + các chỉ huy sứ các ti Cẩm Y, Kim Ngô, Thần Oai, Thần Tí, Du Nỗ + Các viên đồng tổng tri, tổng binh thiêm sự ở các vệ thuộc ngũ phủ và tuyên uý đồng tri đều hàm chánh tứ phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là trung trinh đại phu, thăng thụ là trung huệ đại phu, gia thụ là trung thuận đại phu ; về võ giai thì sơ thụ là hoài viễn tướng quân, thăng thụ là đinh viễn tướng quân, gia thụ là an viễn tướng quân. Chb. **XXII**, 18

Đông các đại học sĩ + Quốc tử giám tế tửu + Thông chính sứ + Tham chính + các viên chỉ huy tả hữu tán thiện + các viên chỉ huy

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là mậu lâm tá lang, thăng thụ là tuân lâm tá lang, gia thụ là đức lâm tá lang ; về võ giai thì sơ thụ là quả cảm tướng quân, thăng thụ là hùng cảm tướng quân, gia thụ là cường cảm tướng quân.

Hàn lâm viện hiệu lý, đãi chiếu + Đề hình giám sát ngự sử + Trung thu giám chính tự + tự thừa ở sáu tự + Thái y viện biện kiểm + tư thiên giám giám phó + huyện uý ở hai huyện Vĩnh Xương, Quảng Đức + Đô cấp sự trung ở sáu khoa + trưởng sử ở Ti Kinh cục, Tẩy Mã sở và các phủ + hiến sát phó sứ + đồng tri phủ + phó đề hạt ở các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn + phó đô uý ở Tượng Cứu, Mã Cứu + phó võ uý, phó vệ uý ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ + Kinh lược + Chiêm sự + Phòng ngữ đồng tri + phó chưởng cung Thiên Hoà + sở phó sứ ở sáu sở trong bộ Công và thự phó ở Thái quan thự, đều hàm chánh thất phẩm. Chb. **XXII**, 21

Những người giữ chức này, sơ thụ là cẩn sự lang, thăng thụ là kính sự lang, gia thụ là thừa sự lang.

Hàn lâm viện kiêm thảo + thông phán hai huyện Vĩnh Xương, Quảng Đức + điên hàn cục Ti Kinh + giữ ngục ti Điện Tiền + tri huyện + tri châu + phòng ngữ thiêm sự + sở thừa sáu sở thuộc bộ Công và thự thừa ở thự Thái Quan, đều hàm tòng thất phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là cân sự tá lang, thăng thụ kinh sự tá lang, gia thụ là thừa sự tá lang.

Sử quán tu soạn + tư huấn ở Chiêu văn quán, Tú lâm cục + ngũ kinh giáo thụ ở Quốc Tử Giám + giám thừa ở Tư thiên giám cập sự trung ở sáu khoa + ngục thừa ở ti Điện Tiền + cục chính ở cục Thừa Dụ + phụ đạo chính ở ti Man Di phụ đạo + ti chính ở ti Giáo Phường + bào chính ở các thự Thần Trù, Thái Quan, Lam Kinh + cục chính ở các giám Tuyên Đạt, Thượng Y, Ngự Dụng và thự chính ở các thự, đều hàm chánh bát phẩm. Chb. **XXII**, 22

Những người giữ chức này, sơ thụ là tiến công lang, thăng thụ là hiệu công lang, gia thụ là địch công lang.

Lục bộ Tư vụ, Sử quán biên lục, viên chiếu ma ở Ngự Sử đài, viên điển nghĩa ở Sùng Văn quán và Tú Lâm cục + viên sứ ti ở Cáp Môn và ti Lam Kinh + viên giám bạ ở Ngũ kinh Học chính + viên bình sự ở Đại Lý tự + Khố sứ ở các kho Thiện Hội trung, Thiện Hội đông, Thiện Hội tây, Thiện Hội nam, Thiện Hội bắc và Trúc Mộc, Tang Phạt, Thiên Oai, Trừ Phong + Thông Sự chính + ngũ quan chính ở Tư Thiên giám + viên đường sứ ở Tế Sinh đường + viên trị trung ở phủ Phụng Thiên + viên điển sứ ở ti Thông Chính sứ + viên điển sử ở viện Chiêm Sự + viên bạn độc ở các phủ thân vương công + Phủ uý, Vệ uý + Lương y chính ở các vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lực, Thần Võ và Điện Tiền + lục sự ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền + Đô sự ở các ti Thần Oai, Du Nỗ và Trung Thành + kinh lịch trong ngũ phủ + điển bạ ở các vệ trong ngũ phủ + tri bạ ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền, Tượng Cứu, Mã Cứu, Tuần Tượng, Mã Nhàn + đô quan + chủ sự + suy quan + huyện thừa + đồng tri châu + cục phó trong cục Thừa Dụ + giữ ngục ở ngục sở Ngũ Hình + Phụ Đạo phó + Ti Phó trong ti Giáo Phường + Bào Phó ở các thự Thần Trù, Thái Quan, Lam Kinh + ti uấn ở ti Lương Uấn + Cục chính ở cục Ứng Sự + sở sứ ở các sở Đồn Điền + sở sứ ở các sở Tàm Tang + Ti sứ ở ti Tinh Mễ + cục phó ở các giám Tuyên Đạt, Thượng Y, Ngư Dụng + Tượng phó ở sáu sở trong bộ Công + Ti chính ở ti Điển Cứu + Cục chính ở các cục Chưởng Liễn, Điển Tàng, Trân Tu, Công Tác, đều hàm tùng bát phẩm. Chb. **XXII**, 23

Những người giữ chức này, sơ thụ là tiến công thứ lang, thăng thụ là hiệu công thứ lang, gia thụ là địch công thứ lang.

Phó Sứ ở kho + Kiểm hiệu ở Tông Nhân phủ + Hồng Lô tự ban + Thông sự phó ở bộ phận Lão Qua, Bắc và Chiêm + khán chẩn ở Tế Sinh đường + khố sứ ở kho Sinh Dược + tư thần lang ở Tư Thiên giám + huấn đạo chủ bạ, Tư nghị ở phủ Phụng Thiên và các phủ khác + Thiện y chính, giảng dụ, khổng mục lương y ở sở Thiện Y + phó sứ cáp môn + Tri sự ở sơn lăng Lam Kinh + Ngục thừa ở ngục sở trong ti ngũ hình + ngục thừa ở sở án ngục trong Ngự Sử đài + Điển thiện trong sở Điển Thiện + tuần Chb. **XXII**, 24

kiểm sứ + cục chính trong cục Thị Vệ + thự chính trong thự Đồng Văn nhã nhạc + cục phó ở cục Lương Uẩn + cục phó ở cục Ứng Sự + phó sứ các sở đồn điền và tàm tang + sở sứ ở sở trồng rau + sở chính ở sở Bách Hí tả, hữu + tăng thống ở ti Tăng Lục + đạo thống ở ti Đạo Lục + sở sứ ở các sở Điển Mục + trưởng quan ở ti Man Di trưởng quan + cục phó ở các cục Chưởng Liễn, Điển Tàng, Trân Tu, Công Tác, đều hàm chánh cửu phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là tương sĩ lang, thăng thụ là đăng sĩ lang, gia thụ là lập sĩ lang.

Điển thụ + phó sứ các sở + ti sứ ở ti Thị Mãi + các viên thuê sứ + trưởng đò ở các ti bến đò + trưởng thị ở các chợ + xiển giáo giác nghĩa trong ti Tăng lục + điển pháp huyên nghĩa trong ti Đạo Lục + dịch thừa và phố chính ở quán sứ hội đồng + đàn sư ở các đàn + từ thừa ở các đền + huấn khoa ở y học + khuyến nông sứ các phủ + hà đê sứ các phủ + thự chính và tăng, đạo chính ở các chùa + quán sứ ở các quán + phó trưởng quan ở ti Man Di trưởng quan, đều hàm tòng cửu phẩm.

Các người giữ chức này, sơ thụ là tương sĩ thứ lang, thăng thụ là đăng sĩ thứ lang, gia thụ là lập sĩ thứ lang.

Chế độ về quan chức ở Nội điện :

Nội quan và tản quan : Thị trung lệnh hàm chánh tam phẩm, phó thị trung lệnh hàm tòng tam phẩm ; bật trực lệnh hàm chánh tứ phẩm, phó bật trực lệnh hàm tòng tứ phẩm ; hiệp vịnh lệnh hàm chánh ngũ phẩm, phó hiệp vịnh hàm tòng ngũ phẩm ; sùng liêm chính hàm chánh lục phẩm, phó sùng liêm chính hàm tòng lục phẩm ; thuần lương chính hàm chánh thất phẩm, phó thuần lương chính hàm tòng thất phẩm ; sức tu chính hàm chánh bát phẩm, phó sức tu chính hàm tòng bát phẩm ; lịch sử chính hàm chánh cửu phẩm, phó lịch sử chính hàm tòng cửu phẩm. Chb. **XXII**, 25

Về thông tư :

Các quan văn võ, người được dự phong quốc công là thượng trật 24 tư ; quận công thượng giai 23 tư ; hầu thượng liên 22 tư ; bá

thượng ban 21 tư ; tử thượng tự 20 tư ; nam thượng chế 19 tư ; chánh nhất phẩm thượng tuyển 18 tư, tòng nhất phẩm thượng liệt 17 tư ; chánh nhị phẩm trung trật 16 tư, tòng nhị phẩm trung giai 15 tư ; chánh tam phẩm trung liên 14 tư, tung tam phẩm trung ban 13 tư ; chánh tứ phẩm trung tự 12 tư, tòng tứ phẩm trung chế 11 tư ; chánh ngũ phẩm trung tuyển 10 tư, tòng ngũ phẩm trung liệt 9 tư ; chánh lục phẩm hạ trật 8 tư, tòng lục phẩm hạ giai 7 tư ; chánh thất phẩm hạ liên 6 tư, tòng thất phẩm hạ ban 5 tư, chánh bát phẩm hạ tự 4 tư, tòng bát phẩm hạ chế 3 tư ; chánh cửu phẩm hạ tuyển 2 tư, tòng cửu phẩm hạ liệt 1 tư. Gồm 24 tư. Chb. **XXII**, 26

Bầy tôi có công được vinh phong, đặc ân gia phong chữ đẹp đẽ : như những chữ : suy trung, dực vận, tá lý, cần lễ, tán trị, dương võ, kính thận, minh nghĩa, trinh ý, phụ quốc, hiệp mưu, đồng đức, khiêm cung, đoan nhã, kiệt tiết, tránh liệt, uy dũng, cương chính, bỉnh văn, hiệu thuận, thuần tín, đôn hậu, tĩnh nạn, tuyên lực, gồm 24 bậc.

Lục Bộ, Lục Khoa : Đều xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chb.XIX, 30–31).

Mười ba đạo giám sát ngự sử : Xem năm Hồng Đức thứ 4 (Chb.XXII, 32–33).

Ngũ phủ, Lục tự : Đều xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chb.XX, 2, 6).

Hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô, bốn vệ Hiệu Lực, bốn vệ Thần Võ, sáu vệ Điện Tiền : Gọi là thủ vệ tam ti.

Các vệ quân ở Đô ti các trấn : Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 33–36).

Xét – *Quan chế đời Hồng Đức : chánh nhất phẩm, tòng nhất phẩm về văn giai, võ giai đều không có sơ thụ, còn từ chánh nhị phẩm đến tòng cửu phẩm về văn giai và từ chánh nhị phẩm đến tòng lục phẩm về võ giai đều có sơ thụ, lúc bấy giờ nghị định về quan chế như thế nào, nay không rõ được, vậy hãy ghi lại để đề phòng khi khảo cứu.*

Sai sứ thần sang nhà Minh.

Nhà vua sai bọn Bùi Viết Lương, Nguyễn Lãm và Lê Nhân sang nhà Minh nộp lễ cống hằng năm ; bọn Nguyễn Đức Trinh và Phạm Mục sang báo cáo về việc Chiêm Thành đánh úp biên giới nước ta.

Sách *Bang giao bị lãm* của Giáp Trưng[1] chép : Tháng 10, mùa đông, năm thứ 2, Tân Mão[2], Lê Thánh Tông sai bọn Nguyễn Đức Trinh và Phạm Mục sang báo cáo với nhà Minh, đại lược trong lời tâu nói : "Tháng 8 năm ngoái, vua nước Chiêm Thành đem quân đánh úp đất Hoá Châu nước tôi, tôi thân hành đem người trong nước đi cứu viện Hoá Châu. Tháng 5 năm nay, vua Chiêm Thành lại bắt hơn 10 vạn quân vây hãm tôi mấy trùng ; trong lúc nguy cấp, tôi phải phá vòng vây để đón đánh lại. Người nước Chiêm vẫn oán giận họ, không còn có chí chiến đấu, cùng nhau người thì phản lại, người thì bỏ trốn. Quân tuần tiễu của tôi kéo đến quốc đô nước ấy, thì dân chúng nước ấy không giúp rập vua, nên người bỏ binh khí chạy trốn, người quay giáo đầu hàng, vua Chiêm Thành đem quân đi về phương nam. Tôi thấy thế, liền đem quân về nước giữ vững cảnh thổ cũ nước mình. Tôi trộm nghĩ : Chiêm Thành xưa nay vẫn thù địch với nước tôi, nay lại đem quân đến đánh úp cướp bóc, tôi bất đắc dĩ phải mạn phép tập hợp binh sĩ để ứng phó, trong lúc vội vàng chỉ muốn gỡ mối lo nhiễu nhương ở nơi biên quận. Làm như thế, cũng e rằng trái với lời ân cần răn bảo của bậc thánh minh[3], tôi rất lấy làm lo sợ. Bây giờ việc tiến lui của tôi chỉ xin theo lệnh thiên triều định đoạt".

Chb. **XXII**, 27

(1) Tức Giáp Hải.

(2) Tức năm Hồng Đức thứ 2 (1471).

(3) Chỉ vua nhà Minh lúc bấy giờ. Một danh từ tôn kính vua của đời phong kiến.

Định phép đánh thuế.

Nhân đinh mỗi người nộp 8 tiền, về tiền thuế trồng dâu thì liệu lượng từng mẫu chia làm 3 bậc : bậc nhất, bậc nhì và bậc ba, mỗi bậc nộp tiền khác nhau. Chb. **XXII**, 28

Đặt sào thước về ruộng đất. Nhà vua hạ lệnh : ruộng hoặc đất cứ mỗi mẫu là 10 sào 6 thước 5 tấc[1].

Lời chua – *Tiền thuế bãi trồng dâu* : Nay không khảo cứu được.

Tháng 11, mùa đông. Trà Toại, nước Chiêm Thành, làm phản. Nhà vua sai Lê Niệm, Bình chương tướng quân, đi đánh, dẹp yên được.

Trước đây, chúa Chiêm Thành là Trà Toàn đã bị bắt, em hắn là Bàn La Trà Toại trốn vào trong núi, sai sứ đem việc trong nước bị hoạn nạn báo cáo với nhà Minh và xin nhà Minh phong vương cho. Nhà vua sai Lê Niệm làm Bình chương tướng quân, thống lĩnh ba vạn quân đi đánh, bắt Trà Toại và bộ lạc đưa về kinh sư.

Lời phê – *Họ phục tùng ở chỗ nào*[2] *?*

Lời cẩn án – *Theo truyện An Nam chép trong* Minh sử, *thì "nhà Minh, năm Thành Hoá thứ 7*[3]*, Lê Vương đánh phá nước Chiêm Thành, bắt chúa nước ấy là Bàn La Trà Toàn ; hơn 3 năm sau, lại đến đánh phá bắt chúa nước ấy là Bàn La Trà Duyệt, rồi đổi nước ấy làm Nam Châu, đặt quân đóng đồn thú thủ". Về truyện Chiêm Thành, sách ấy chép : "Năm Thành Hoá thứ 5*[4]*, An Nam đòi Chiêm Thành phải nộp tê, tượng và của báu, bắt Chiêm Thành phải phụng sự mình như lễ nghi phụng sự thiên triều. Chiêm Thành không theo, An Nam đem đại binh đánh dẹp, đến năm* Chb. **XXII**, 29

(1) Theo *Đại Việt sử ký thực lục* chép : "Ruộng đất : mỗi mẫu 10 sào, mỗi sào 16 *thước 5 tấc*" (quyển XII tờ 74). Như vậy không rõ sách nào chép đúng, sẽ khảo cứu sau.

(2) Trên kia chép "tù trưởng các nước phương Tây, không ai là không phục tùng" (quyển XXII tờ 5) nên lời phê này nhắc lại câu ấy và có ý mỉa mai.

(3) 1471, ngang với năm Hồng Đức thứ 2.

(4) 1469, ngang với năm Quang Thuận thứ 10.

thứ 7[1] *phá được nước Chiêm Thành, bắt vua nước ấy là Bàn La Trà Toàn, rồi chiếm cứ đất đai. Em vua nước ấy là Bàn La Trà Duyệt chạy vào trong núi, sai sứ sang [Trung Quốc] báo cáo về hoạ nạn trong nước. Năm thứ 10*[2]*, An Nam lại sai quân bắt Bàn La Trà Duyệt, rồi lập người cháu của vua trước là Trai Á Phất Am làm vua, phong cho đất ở phía nam nước ấy". Việc chép ở hai truyện trên này cũng giống như việc chép ở đây. Duy về việc "Trà Duyệt chết bèn truyền ngôi cho em hắn là Trà Toàn", nay* Minh sử *lại chép "An Nam đã bắt Trà Toàn, hơn 3 năm sau lại bắt em nó là Trà Duyệt". Như thế thì chữ "Trà Duyệt" có lẽ là "Trà Toại" mà chép lầm đi. Vậy hãy phụ lục ở đây sẽ khảo cứu sau.*

Bổ dụng thái bảo Lê Cảnh Huy giữ công việc ở lục khoa.

Nhà vua dụ bảo Lê Cảnh Huy rằng : "Nay nhận được tờ tấu của viên quan ở An Bang tâu : "Người nhà Minh sai nhiều binh lính từ Quảng Tây sang, nói phao là sang hội đồng khám địa giới". Việc này cần phải sai người dò thám ngay, nếu thấy có ý gì khác, phải lập tức đưa công văn đi các đạo tập hợp binh lính phòng giữ. Một thước núi, một tấc sông của ta có lẽ nào tự tiện vứt bỏ đi được ? Phải kiên quyết tranh luận, không để cho họ lấn dần. Nếu họ không theo, còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, biện bạch rõ lẽ phải trái. Nếu người nào dám đem một thước, một tấc đất đai của Thái Tổ để lại để làm mồi cho giặc, người ấy sẽ bị trừng trị nặng".

Chb. **XXII**, 30

Lời chua – *An Bang* : Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 35).

Nhâm Thìn, năm thứ 3 (1472). (Minh, năm Thành Hoá thứ 8).

Tháng 3, mùa xuân. Tây môn các bị hoả tai.

Định rõ lại phép thi Hội.

---

(1) 1471, ngang với năm Hồng Đức thứ 2.

(2) 1474, ngang với năm Hồng Đức thứ 5.

Phép thi Hội như thế này :

– Kỳ đệ nhất : về *Tứ thư*, ra tám đầu đề : bốn đầu đề lấy trong sách *Luận ngữ*, bốn đầu đề lấy trong sách *Mạnh Tử*, cử tử[1] tự chọn lấy bốn đầu đề mà làm bài ; về *Ngũ kinh*, mỗi kinh ra ba đầu đề, cử tử[2] tự chọn lấy một đầu đề mà làm bài, duy kinh *Xuân thu* ra hai đầu đề gồm vào làm một, cử tử cùng làm chung vào một bài.

– Kỳ đệ nhị : chiếu, chế và biểu mỗi thể đều ba đầu đề.

– Kỳ đệ tam : thơ và phú mỗi thể đều 2 đầu đề, bài phú dùng thể phú Lý Bạch.

– Kỳ đệ tứ : Một bài văn sách hỏi về ý nghĩa dị đồng trong các sách *Ngũ Kinh, Tứ Thư* và chính sự hay dở của các triều đại.

Tháng 4, mùa hạ. Bắt đầu định tư cách[3] cho Tiến sĩ.

Chế độ trước đây, Tiến sĩ chia làm tam giáp, nhà vua đặc ân ban cho hạng cập đệ và hạng xuất thân, còn về tư cách thì chưa có định hạn. Đến đây thi hội[4] các cử nhân trong nước, lấy 27 người vào hạng trúng cách : khi điện thí[5], nhà vua cho bọn Vũ Kiệt, người đỗ vào hạng cập đệ, người đỗ vào hạng xuất thân có từng hạng khác nhau. Chb. **XXII**, 31

Bắt đầu từ khoa này mới nghị định về tư cách tiến sĩ : đệ nhất giáp đệ nhất danh[6] được hàm chánh lục phẩm, 8 tư, đệ nhị danh[7] được hàm tòng lục phẩm, 7 tư, đệ tam danh[8] được hàm chánh thất phẩm, 6 tư, đệ nhị giáp[9] được hàm tòng thất phẩm, 5 tư, đệ tam giáp[10] được hàm chánh bát phẩm, 4 tư. Những người

(1) Tức những người dự thi, những người này đều đã đỗ ở trường thi Hương tại các đạo, mới được vào thi Hội, nên gọi là cử tử.

(2) Nt.

(3) Xem chú thích số 1, Chb. VII, 5, và lời chua của *Cương mục* quyển XIX, tờ 6.

(4) Thi ở bộ Lễ, vua cử văn thần làm chủ khảo và các trường quan.

(5) Người đã trúng tuyển đủ các kỳ thi ở bộ Lễ, mới được vào thi ở điện đình, gọi là điện thí hoặc đình thí, phần nhiều do chính vua thân hành ra đầu bài.

(6) Trạng Nguyên.

(7) Bảng Nhãn.

(8) Thám Hoa.

(9) Hoàng Giáp.

(10) Tiến Sĩ.

này lúc đầu bổ vào viện Hàn Lâm được gia một cấp, sau đó cứ lấy theo phẩm hàm của mình mà được đề bạt làm các chức giám sát ngự sử hoặc Tri huyện. Tiến sĩ có tư cách bắt đầu từ đây.

Lời chua – *Vũ Kiệt* : Người làng Yên Việt, huyện Siêu Loại.

Tháng 8, mùa thu. Định lễ tế đinh ở các phủ.

Chế độ cũ, tế đinh ở Văn Miếu thuộc các lộ chưa có thời kỳ nhất định. Đến đây, chuẩn định hằng năm các phủ làm lễ vào ngày thượng đinh trong 2 tháng trọng về mùa xuân và mùa thu[1].

Quý Tị, năm thứ 4 (1473).(Minh năm Thành Hoá thứ 9). Tháng Giêng, mùa xuân. Nhà vua thân hành cày tịch điền[2].

Nhà vua thân hành đem quần thần cày tịch điền, để khuyến khích nhân dân trong nước.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh, bèn vào bái yết từ đường Thuần Mậu.

Nhà vua đi tuần du Tây Kinh, bái yết lăng miếu, bèn ngự thuyền nhỏ đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

Lời chua – *Từ đường Thuần Mậu* : Xem năm Hồng Đức thứ nhất (Chb. XXI, 37)

Tháng 3. Đại hạn, cầu đảo, ngày hôm sau mưa.

Lúc ấy trời đại hạn, nhà vua thân hành cầu đảo ở nhà Thái Miếu, lại sai quan đi cầu đảo khắp các đền thờ thần. Ngày hôm sau mưa. Chb. **XXII**, 32

(1) Hằng tháng từ mồng một đến mồng 10, gọi là thượng tuần, trong 10 ngày ấy ngày nào gặp hàng can có chữ đinh tức ngày thượng đinh : tháng 2 là trọng xuân, tháng 8 là trọng thu, vì hai tháng này là tháng thứ 2 trong mỗi mùa. Văn Miếu tế Khổng Tử và các tiên hiền tiên nho. Sở dĩ dùng ngày định, lấy nghĩa định thuộc hành hoả, hoả giữ về văn chương.

(2) Ruộng đứng riêng một thửa, để chính vua tự ra cày, hoa lợi dùng vào việc tế lễ ở nhà tông miếu, nhưng thực ra gặp vua chúa nào chú trọng về việc làm ruộng, thỉnh thoảng cũng đem quần thần đến cày một vài sá để cho đủ lệ. Còn thì phần nhiều là nhờ vào sức dân, nên tịch điền cũng có chỗ chép là tạ điền.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa to luôn 3 ngày.

Xét định chức trách của Ngự sử đài và Hiến sát sứ ti.

Nhà vua xét định chức trách các ti Ngự sử đài trong kinh và Hiến sát sứ ngoài các đạo :

– Giám sát Ngự sử đạo Thanh Hoá – Nghệ An : giữ công việc lực sĩ các ti trong vệ Cẩm Y + ti Canh ban Xá nhân + ti Ngũ Thành binh mã + ti Nghi Vệ + các quân vệ Cẩm Y + Trung quân phủ cùng việc quân và dân thuộc Thanh Hoá – Nghệ An.

– Giám sát Ngự sử đạo Hải Dương – An Bang : giữ công việc tráng sĩ ti Thần tí + các quân vệ Kim Ngô + bốn vệ Thần Sách + Đông Quân phủ cùng công việc quân và dân thuộc Hải Dương – An Bang.

– Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam – Thuận Hoá – Quảng Nam : giữ công việc sáu vệ ti Điện Tiền + Nam Quan phủ cùng công việc quân và dân thuộc Sơn Nam – Thuận Hoá – Quảng Nam.

– Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây – Hưng Hoá : giữ công việc bốn vệ Hiệu Lực + bốn vệ Tuần Tượng + bốn vệ Mã Nhàn + Tây Quân phủ cùng công việc quân và dân thuộc Sơn Tây – Hưng Hoá. Chb. **XXII**, 33

– Giám sát Ngự sử đạo Kinh Bắc – Lạng Sơn : giữ công việc ở giám Thượng Y + giám Ngự Dụng + các thợ trong bộ Công + cục Tuyên Đạt + các ti sở Đồn Điền, Tàm Tang, Tinh Mễ, Thực Thái, Điển Mục + Bắc quân phủ cùng việc quân và dân thuộc Kinh Bắc – Lạng Sơn.

– Giám sát Ngự sử đạo Thái Nguyên – Tuyên Quang : giữ công việc Tuyên Đạt trù + Thị vệ cục + Phụng Trực quân cùng việc quân và dân thuộc Thái Nguyên – Tuyên Quang.

Ngự sử đài trông coi cả công việc của Ngự sử 13 đạo.

Về chức trách Hiến Sát sứ và Hiến Sát phó sứ ở 13 đạo, thì : chuyên giữ các việc trình bày lời nói phải trái + dò hỏi điều tra và đàn hặc những việc làm trái phép + thẩm cứu xét hỏi việc ngục tụng + xét duyệt công trạng của quan lại + đi tuần hành trong địa phương hạt mình.

Nhà vua dụ bảo rằng : "Ai nấy đều phải kính cẩn công việc của mình"[1], đấy là lời Bàn Canh[2] dạy bảo các quan tại chức : "Kính cẩn công việc mình hiện giữ"[3], đây là lời Thành Vương[4] khuyên nhủ trăm quan. Những viên quan giữ về phong hoá trong nước, hiến pháp triều đình, chức trách là phải tham hặc, phải điều tra xem xét. Vậy phàm các nha môn ở trong kinh có những việc tham tang, việc trái phép cùng tất cả sự lợi hại về việc công, đều do viên quan giữ trách nhiệm xét hỏi thi hành ; quan lại ba ti[5] ở ngoài các đạo, có việc tham ô, việc ngục tụng oan uổng và mọi việc công phát sinh ở phủ, huyện, châu, thì do viên hiến sát từng đạo chuẩn theo lý lẽ thi hành".

Tháng 9, mùa thu. Mưa to.

Giáp Ngọ, năm thứ 5 (1474). (Minh, năm Thành Hoá thứ 10).

Tháng 4, mùa hạ. Định thể lệ về người thừa tự của con cháu các bày tôi tử tiết. Chb. **XXII**, 34

Nhà vua hạ sắc lệnh : Những Trung thần, nghĩa sĩ, như bọn Trần Khát Chân triều trước và Đào Biểu triều này, đều do các quan thừa chính, hiến sát và phủ huyện tìm hỏi lấy con cháu họ mỗi hạng một người, tâu bày đủ chứng cứ xác đáng, triều đình sẽ ban cho chức nhàn tản ; nếu người nào không có con cháu thì cho tìm lấy một người thân thuộc, triều đình sẽ miễn cho việc tuyển ra lính và phú dịch, để phụng sự hương hoả.

Lời chua – *Trần Khát Chân* : Người làng Khả Lãng, huyện Vĩnh Lộc, làm đại tướng quân thời Trần Thuận Tông, bị Hồ Quý Ly giết, xem Trần Thiếu đế, năm Kiến Tân thứ 2 (Chb. XI, 34).

---

(1) Lấy điển ở thiên Bàn Canh Thượng trong kinh Thượng Thư, nguyên văn là "các cung nhĩ sự".

(2) Một ông vua hiền đời Ân Thương.

(3) Lấy điển ở thiên Chu Quan trong kinh Thượng Thư, nguyên văn là "khâm nãi du tì" (*Cương mục* in chữ "khâm" là "thận").

(4) Một ông vua hiền đời Thành Chu.

(5) Đô tổng binh sứ ti, Thừa Chính sứ ti và Hiến sát sứ ti.

Đào Biểu : Xem Lê Nhân Tông, năm Diên Ninh thứ 6 (Chb. XVIII, 34, 35).

Lại Bộ thị Lang Hà Nghiễm bị giao xuống ngục. Hà Nghiễm chết.

Lại Bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm và bọn thị lang Hà Nghiễm, Trần Tuân, phần nhiều đem viên quan giữ chức nơi biên viễn chuyển bổ về nơi cận tiện, đem viên quan ở nơi lam chướng chuyển bổ đến nơi mầu mỡ tốt. Nhà vua hạ lệnh cho hình quan xét hỏi. Hà Nghiễm vì lo sợ mà chết. Nhà vua dụ bảo thái bảo Lê Niệm rằng : "Hà Nghiễm chết, có ba điều không may : theo pháp luật, tội chưa đáng chết, mà hắn vội phải chết uổng, đây là một điều không may ; ta không có lòng muốn giết hắn, mà phải mang tiếng lạm phép giết người, đấy là hai điều không may ; việc này chưa kịp xét hỏi đến Nhân Thiêm mà Nghiễm đã chết ngay, đấy là ba điều không may". Chb. **XXII**, 35

Lời chua – *Hà Nghiễm :* Người xã Kim Hoa, huyện Kim Hoa[1], đỗ Đồng tiến sĩ khoa Bính Tuất, năm Quang Thuận thứ 7 (1466).

Tháng 9, mùa thu. Mộ quân đi đánh Sơn Nam.

Trước đây, Sơn Nam ở châu Bằng Tường nhà Minh lấn cướp dọc biên giới Lạng Sơn, nhà vua định mệnh "chinh man" gồm 10 điều, sai quân đi đánh, đuổi ra ngoài quan ải. Đến đây, Sơn Nam lại đến quấy rối nơi biên cảnh, nhà vua cho chiêu mộ quân và dân, người nào tình nguyện tòng chinh, thì tháng 10 sẽ xuất phát.

Lời chua – *Bằng Tường* : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ II (Chb. VI, 24).

Tháng 10, mùa đông. Sửa đắp thành ở kinh đô.

Tường thành ở kinh đô, nhiều chỗ vỡ lở sứt mẻ, cho nên sửa đắp lại.

Nước Ai Lao sang cống nạp.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb.IV, 9, 10).

---

(1) Nay thuộc xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 23

Từ Ất Mùi, năm Hồng Đức thứ 6 (1475), đến Giáp Thìn, năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đời Lê Thánh Tông, gồm 10 năm. Chb. **XXIII**, 1

Ất Mùi, năm Hồng Đức thứ 6 (1475). (Minh, năm Thành Hoá thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Quách Cảnh nhà Minh sang nước ta.

Tiền Năng, trấn thủ Vân Nam nhà Minh sai Quách Cảnh, Kim Ngô vệ chỉ huy sứ, theo đường sông Thao sang nước ta, nói phao là đuổi bắt người trốn tránh. Khi Quách Cảnh trở về, nhà vua sai bọn Lê Niệm, Hoàng Nhân Thiêm làm thơ, nhà vua tự mình làm bài tựa để tiễn hành. Bài tựa ấy nhà vua đứng tên tự xưng hiệu là "Thiên nam động chủ đạo am".

Lời cẩn án – Minh sử *về truyện An Nam chép : "Năm Thành Hoá thứ 2 (1475), trung quan Tiền Năng, trấn thủ Vân Nam, là người tham lam càn rỡ, hắn sai chỉ huy Quách Cảnh đem sắc thư sang An Nam đòi lấy của báu. Lê Vương có ý muốn nhòm ngó Vân Nam, bèn mượn tiếng đưa giải những người phạm tội ở Long Châu thuộc Quảng Tây theo Quách Cảnh đi nhờ đường Vân Nam để vào kinh, đòi bắt hơn 600 phu, rồi lại cho quân kế tiếp đi theo sau, làm cho Vân Nam bị quấy rối nhiều quá. Quan chức bộ Binh nói : "Vân Nam không phải là đường tiến cống, còn người Long Châu phạm tội thì phải giải giao cho Quảng Tây, không cần* Chb. **XXIII**, 2

phải đưa vào kinh". Rồi bộ Binh bèn ra lệnh cho bầy tôi giữ biên cảnh, làm văn thư dụ bảo và phòng bị biên cảnh cho nghiêm ngặt. Việc chép trên này cùng với việc chép ở đây cũng ăn khớp với nhau, nhưng việc đưa giải người phạm tội và việc cho quân kế tiếp, thì Sử cũ *bỏ sót không chép. Vậy hãy chép ra đây đề phòng khi khảo cứu.*

Lời chua – *Vân Nam* : Xem Bình Định Vương năm thứ 10.

Sông Thao : Xem Lý Nhân Tông, năm Hội phong thứ 5 (Chb.IV, 2)

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn, vỡ đê Tô Lịch.

Lời chua – *Đê Tô Lịch* : Bây giờ ở huyện Vĩnh Thuận.

Đặt chức quan hà đê và quan khuyến nông.

Nhà vua ra sắc lệnh cho trong nước sửa đắp đê điều và đường sá, đặt chức quan hà đê trông coi công việc này ; lại đặt chức quan khuyến nông để đôn đốc dân về việc cày cấy.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan thừa chính, hiến sát và phủ huyện : phàm ruộng cấy lúa mùa nào có thể giữ được nước lại để cấy lúa chiêm, thì sau mùa nước đã rút, các viên ấy trách cứ các quan hà đê và quan khuyến nông phải đi xem xét địa thế, đốc sức nhân dân bồi đắp bờ ruộng giữ lấy nước, để nhân dân có thể cày cấy được kịp thời vụ, không được tráo mắt ngồi nhìn sự đau đớn của dân để dân lâm vào cảnh khổ sở đói rét.

Bính Thân, năm thứ 7 (1476). (Minh, năm Thành Hoá thứ 12).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua ra nhà Thái học, làm lễ thích điện đấng tiên sư.

Nhà vua tự mình làm lễ thích đấng tiên điện sư và sai văn thần chia nhau làm lễ tế ở hai bên bàn thờ đông vũ và tây vũ[1].

Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh, tháng 3 trở về cung. Chb. **XXIII**, 3

(1) Bàn thờ tiên hiền, tiên nho theo đạo Khổng. Bàn thờ này đặt ở hai bên giải vũ, cũng có nơi gọi là tả vu, hữu vu.

Đại xá cho trong nước.

Từ mùa đông năm trước đến tháng 4 mùa hạ năm nay, không mưa.

Nhà vua thấy qua mùa này đến mùa khác không có mưa, thân hành cầu đảo đấng thượng đế.

Tháng 8, mùa thu. Cung vương Khắc Xương phải giao xuống hình ngục, Khắc Xương chết.

Cung vương, con thứ ba của Lê Thái Tông, và là thứ huynh nhà vua[1]. Vương, tính tình nhã nhặn, đạm bạc, đồ mặc và đồ dùng đều sẻn nhặt, có tiết độ, giữ mình kính cẩn như học trò. Năm Đại Bảo thứ 2 (1441) bắt đầu được phong là Tân Bình vương, đến lúc Nghi Dân cướp ngôi, đổi phong là Cung vương. Cuối năm Diên Ninh (1454 – 1459), sau khi đã truất ngôi Nghi Dân, đại thần là bọn Lê Lăng muốn rước về lập làm vua, nhưng Cung vương cố ý từ chối, đại thần bèn rước lập nhà vua. Nhà vua nghe được việc này, có ý không bằng lòng[2]. Sau khi Lê Lăng đã bị giết, nhà vua đối với Cung vương vẫn đem lòng ngờ ghét. Đến nay, có người tố cáo Cung vương mưu làm việc phản nghịch, nhà vua hạ chiếu bắt để trị tội, Cung vương vì lo sợ rồi chết.

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, vua nhà Minh lập hoàng tử Hựu Xanh làm hoàng thái tử, sai Lễ bộ lang trung Trương Đình Cương đem sắc thư sang báo cáo và ban cho lụa hoa, lại khuyên nhà vua trả lại đất đai cho Chiêm Thành. Đến đây, nhà vua sai : Bùi Sơn, Vương Khắc Thuật và Chử Phong sang mừng việc lập hoàng thái tử ; Lê Tấn, Ông Nghĩa Đạt sang tạ ơn việc ban cho lụa hoa ; Nguyễn Tế sang nói về việc đất đai Chiêm Thành.

Chb. **XXIII**, 4

(1) Thánh Tông là con thứ tư của Thái Tông, nên gọi Cung vương là thứ huynh.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XIX, tờ 5, 20 – 21.

Lời cẩn án – *Theo* Minh sử, *Minh đế sai sứ sang khuyên Lê Vương trả lại đất đai cho Chiêm Thành. Lê Vương sai sứ thần sang tâu nói : "Chiêm Thành không phải là đất màu mỡ gì, lấy được đất nước ấy không thể ở được, bắt được dân nước ấy không thể sai khiến được. Nay vâng tờ minh chiếu bảo tôi trả lại đất đai cho nước ấy, vậy xin bệ hạ sai sứ thần của triều đình sang chia vạch rõ lại giới mốc đất đai, để cho dân ở biên cảnh hai nước được yên nghỉ, như thế tôi rất lấy làm mãn nguyện". Việc chép trong Minh sử cùng việc chép về điều này có phần ăn khớp với nhau, cho nên phụ lục ở đây.*

Lời chua – *Ông Nghĩa Đạt* : Người xã Phú Gia, huyện Từ Liêm, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi năm Hồng Đức thứ 6 (1475).

Nguyễn Tế : Người xã Văn Thai, huyện Cẩm Giàng, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Quý Dậu, Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 2 (1453).

Đinh Dậu, năm thứ 8 (1477). (Minh, năm Thành Hoá thứ 13).

Tháng 2 nhuận, mùa xuân. Đắp thành Đại La cho kiên cố thêm.

Lời chua – *Thành Đại La* : Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Tháng 3. Định rõ lại thể lệ tuyển dụng con cháu của quan viên.

Theo chế độ cũ.

– Con trưởng và các con của quan văn, quan võ hàm nhất, nhị phẩm + con trưởng của viên quan hàm tam phẩm + cháu của tước công, tước hầu và tước bá, nếu người nào không thể theo học được, cho sung vào tuấn sĩ vệ Cẩm Y, người nào có thể theo học được, cho sung vào nho sinh quán Chiêu Văn ; Chb. **XXIII**, 5

– Các con của viên quan văn, quan võ hàm tam phẩm + con trưởng và các con của viên quan hàm tứ, ngũ, lục, thất,

bát phẩm + hai người con của viên quan hàm cửu phẩm + cháu của các viên quan hàm lục phẩm trở lên, nếu người nào không thể theo học được, cho sung vào quân vệ Vũ Lâm ; người nào có thể theo học được, cho sung vào nho sinh cục Tú Lâm ; người nào có tài làm lại điển, thì khảo hạch, rồi cho bổ sung lại điển các nha môn trong kinh và ngoài các đạo ;

– Các con của viên quan hàm cửu phẩm + cháu của các viên quan hàm thất, bát phẩm, thì lựa chọn để bổ sung làm lính, cũng như con của bách tính.

Đến nay, vì có lời đề nghị của hàn lâm thừa chỉ là bọn Thân Nhân Trung, nên nhà vua chuẩn định : các con và cháu trưởng của tước công, tước hầu, tước bá[1] cùng con trưởng của các viên quan văn, quan võ hàm nhị, tam phẩm trở xuống đến bát phẩm, người nào ít tuổi, chăm học, cho sung vào học sinh quán Chiêu Văn để học tập ; bộ Lại lựa chọn làm chức tư huấn, điển nghĩa, để chuyên giữ việc dạy dỗ ; cứ 3 năm một lần tâu bày một cách đầy đủ, đưa sang bộ Lễ thi khảo. Học sinh phải ám tả một bài kinh nghĩa, hai bài tứ thư nghĩa, ai trúng tuyển sẽ được bổ sung các chức về văn ban. Còn người nào tuổi đã lớn mà tư chất lỗ độn, muốn tập nghề võ thì do vệ Cẩm Y huấn luyện, mỗi ngày học sinh phải đến trường đua võ, tập các võ nghệ : bắn cung tên, phóng thủ tiễn[2] và đấu khiên[3] v.v... ; mỗi năm cứ đến tháng quý đông (tháng chạp âm lịch) vệ Cẩm y phái quan đi khảo sát việc ganh đua võ nghệ của học sinh, đến năm thứ ba đưa sang bộ Binh thi khảo, ai trúng tuyển sẽ bổ vào các chức võ uý. Chb. **XXIII**, 6

(1) Về tiêu chuẩn này, *Việt sử thực lục* chép là cháu trưởng của các tước : công, hầu, bá, tử, nam, không chép các con (chúng tử) của các tước ấy.

(2) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XV, tờ 14.

(3) Một thứ binh khí thời cổ. *Hán văn* chép là "thuẫn", ta thường gọi là khiên, mộc hoặc lá chắn. Cách chế : hoặc đan bằng tre, bằng mây hoặc làm bằng gỗ. Tác dụng : trong khi hai bên đánh nhau, bên nọ dùng để đỡ mũi tên hoặc giáo mác của bên kia.

Nhà vua ra sắc lệnh : con các quan viên sung vào nho sinh cục Tú Lâm, mỗi ngày một nhiều. Vậy bộ Lại chọn trong viện Hàn lâm lấy ba người có học hạnh kiêm giữ chức tư huấn cục Tú Lâm để dạy bảo nho sinh học tập.

Nhà vua ra sắc lệnh định phép thi khảo cháu các quan viên : thí sinh phải làm một bài biểu, một bài toán, ai trúng tuyển sẽ được ấm bổ.

Lời chua – *Chiêu văn quán, Tú lâm cục* : Điển lệ quan chế triều Lê : Chiêu văn quán và Tú Lâm cục đều thuộc viện Hàn lâm, quan chức đều đặt một viên tư huấn và một viên điển nghĩa.

Định rõ lại chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo.

Trước đây, định thể lệ quan bổng và chế độ quan lộc của trăm quan đều tuỳ theo chức việc phiền hay giản, chia ra từng hạng : giản, thái giản ; nhàn tản, thái nhàn tản. Bổng lộc từ cao đến thấp theo thể lệ bớt dần đều có nhiều ít khác nhau. Đến đây, nhà vua định rõ lại chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo.

Tờ chiếu nói : Lộc để khuyến người có công, tuỳ theo công việc nặng hay nhẹ, những hoàng tông và công thần tuy không có hạn định về phẩm tước, mà cấp lộc còn có từng bậc khác nhau, huống chi các quan văn, quan võ trong kinh và ngoài các đạo chức việc không giống nhau, thì việc cấp lộc nên làm cho tỏ rõ việc nặng nhọc, việc nhàn rỗi. Vậy hoặc có người nào kiêm giữ một chức quan ngang với phẩm trật của mình, thì được cấp lộc theo chức phiền kịch ; người nào chức thấp mà kiêm giữ một chức cao ; thì được tính theo chức sở kiêm, mà bớt dần đến phẩm trật chính của mình, rồi tuỳ theo chức việc phiền hay giản mà định số lộc cấp phát ; người nào chức cao mà làm (nguyên văn chép chữ "hành") công việc chức thấp thì được tính theo chức sở hành, mà tiến dần đến

Chb. **XXIII**, 7

phẩm trật của mình, rồi tuỳ theo chức phiền hay giản mà định số lộc cấp phát. Đại khái, quan trong kinh, nếu giữ chức phiền kịch thì cấp bổng lộc tiến lên hai bậc, chức phiền kịch vừa tiến lên một bậc ; chức giản dị lùi xuống một bậc, chức giản dị lắm lùi xuống hai bậc. Quan ngoài các đạo, nếu giữ chức phiền kịch thì bổng lộc lùi xuống một bậc, chức phiền kịch vừa lùi xuống hai bậc ; chức giản dị lắm lùi xuống ba bậc. Về phần thí quan[1] thì sau khi đã theo chức phiền hay giản để tính bổng lộc tiến hay lùi rồi, lại cấp lộc lùi xuống ba bậc nữa.

Lời cẩn án – *Theo Quan chức chí trong* Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú, thì đời Hồng Đức định bổng lộc các quan có chế độ chức quan phiền hay giản, bổng lộc tiến hay lùi. Đại lược là bổng lộc bớt đi, phẩm trật thấp xuống, không để cho viên quan nào không có việc mà ăn không. Nhưng đấy chỉ là cấp tiền bổng lộc trong một năm mà thôi, ngoài bổng lộc ra lại cấp cho ruộng đất, bãi và thực tiền thay thế cho đầm nữa. Chủ yếu cốt để cân nhắc người khó nhọc, người có tài năng, mà quyết định bổng lộc phẩm trật cho đích đáng. Phép tắc thể lệ thật là đầy đủ.*

Lời chua – *Chế độ quan lộc* : Theo *Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập*, thì chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo như thế này :

Hoàng thái tử tiền 500 quan ; thân vương tiền 200 quan, kém hoàng thái tử 300 quan ; tự thân vương 140 quan, kém thân vương 60 quan ; hoàng tôn được phong quốc công 127 quan, kém tự thân vương 13 quan ;

Quận công 120 quan ; tước hầu 113 quan, tước bá 106 quan, hoàng tằng tôn phong tước hầu 99 quan, phong tước bá cùng phò mã đô uý đều 92 quan (bớt dần mỗi bậc đều 7 quan).

(1) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.

Chánh nhất phẩm 80 quan ; tòng nhất phẩm 74 quan ; chánh nhị phẩm 68 quan ; tòng nhị phẩm 62 quan ; chánh tam phẩm 56 quan (bớt dần mỗi bậc đều 6 quan). Chb. **XXIII**, 8

Tòng tam phẩm 52 quan ; chánh tứ phẩm 48 quan ; tòng tứ phẩm 44 quan ; chánh ngũ phẩm 40 quan, tòng ngũ phẩm 36 quan (bớt dần mỗi bậc đều 4 quan).

Chánh lục phẩm 33 quan ; tòng lục phẩm 30 quan ; chánh thất phẩm 27 quan ; tòng thất phẩm 24 quan ; chánh bát phẩm 21 quan ; tòng bát phẩm 18 quan (bớt dần mỗi bậc đều 3 quan).

Chánh cửu phẩm 16 quan ; tòng cửu phẩm 14 quan ; giản nha môn 12 quan ; thái giản nha môn 10 quan, nhàn tản nha môn 8 quan ; thái nhàn tản nha môn 6 quan (bớt dần mỗi bậc 2 quan).

Kiêm : Nghĩa là hiện làm chức này mà kiêm giữ một chức khác nữa : có người kiêm chức ngang với phẩm trật của mình ; có người phẩm trật cao mà kiêm chức thấp ; có người phẩm trật thấp mà kiêm chức cao. Chb. **XXIII**, 9

Hành : Nghĩa là người phẩm hàm cao làm chức vụ thấp.

Thí : Nghĩa là người phẩm hàm thấp mà thí sai làm chức vụ cao. *Tiến cấp* : Ví dụ : Người hàm chánh nhị phẩm được tiến lên một cấp tức là tòng nhất phẩm, được tiến lên hai cấp tức là chánh nhất phẩm.

Thoái cấp : Ví dụ : Người hàm chánh nhị phẩm thoái xuống một cấp tức là tòng nhị phẩm, thoái xuống hai cấp tức là chánh tam phẩm, thoái xuống ba cấp tức là tòng tam phẩm. Ngoài ra cứ theo thể lệ này mà suy ra.

Tháng 4, mùa hạ. Hạ sắc lệnh cho các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện phải hết lòng về việc làm ruộng.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện : nếu người nào khinh thường việc làm ruộng, như hạn hán mà không cầu đảo, nước lụt mà không khai thông, thấy việc có lợi cho việc nông mà không chấn hưng ngay, thấy

việc có hại cho việc nông mà không trừ khử ngay, thấy tai biến mà không cầu cúng tống tiễn ; những người ấy đều phải luận vào tội lưu.

Tháng 12, mùa đông. Cấm bầy tôi trong cung cùng các quan ở ngoài giao kết riêng với nhau.

Nhà vua ra sắc dụ : Bầy tôi trong cung và bầy tôi ở ngoài nếu giao kết riêng với nhau sẽ bị luận vào tội chết chém. Nếu viên quan cai quản không biết kiểm xét tâu hặc việc tư giao ấy sẽ bị luận vào tội lưu. Các ty vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Thần Võ, Điện Tiền, Hiệu Lực, Tráng Sỹ cùng các quan văn quan võ, nếu không phải là người thân thuộc với nhau, mà mượn cớ dùng lễ vật biếu xén để hai bên giao kết với nhau, đều phải giao xuống đình uý trị tội. Chb. **XXIII**, 10

Định tư cách của lại sử[1].

Lại sử ở các nha môn trong kinh và ngoài các đạo, lấy giám sinh, nho sinh, sinh đồ và những người trúng tuyển kỳ thi viết chữ và tính toán để sung bổ.

Trong kinh : lại sử ở các nha môn bổ dụng những người có xuất thân, thì người lại ấy bắt đầu sung làm thư lại, làm việc ba năm sung làm đạt lại, lại một năm sung làm điển lại, sau làm việc một năm nữa, không phạm lỗi, được thăng lên đô lại.

Niên hạn các lại sử định như sau này :

– Làm án lại ở trực Kim Quang điện + hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô + Ty Đình uý, phải 8 năm.

– Làm Triều đường lại, phải 9 năm.

– Làm lại ở : bốn bộ Lại, Hộ, Binh, Hình + Đông các học sĩ + Ngự sử đài + ba khoa Hộ, Binh, Hình, đều phải 10 năm.

(1) Lại sử : Như nhân viên hành chính, văn phòng ngày nay.

– Làm lại ở các nha môn : ty Thần võ + Hiệu lực + Điện tiền + Ngũ phủ + Đề lãnh + hai bộ Lễ và Công + viện Hàn lâm + Sử quán + ba khoa Lại, Lễ và Công + lục tự + Kim quang môn đãi chiếu + ty Thông chính sứ + Nội vụ giám + Ngự dụng giám đều phải 11 năm.

Những người kể trên lại phải làm việc luôn ba năm trong một ban mà đều không phạm lỗi mới được sung vào hạng lại sử ở các nha môn bổ dụng người có xuất thân.

Còn như có người nào thi Hội đã trúng được một, hai, ba kỳ thì viên quan có trách nhiệm liệu xét tài năng của họ mà tiến cử, sẽ chiếu theo thể lệ để cất nhắc, không câu nệ niên hạn.

Trong kinh : lại sử ở các nha môn bổ dụng người không có xuất thân, thì bắt đầu sung làm thông lại, làm việc 6 năm thăng làm đề lại, làm việc ba năm nữa thăng sung đô lại ở nha môn bổ dụng người có xuất thân. Chb. **XXIII**,11

Lệnh sử ở phủ thân vương, phủ công chúa và nha môn hoàng tử + quốc công + quận công + tước hầu + tước bá + tước tử + tước nam, thì bắt đầu sung làm á lệnh sử, làm việc ba năm mà không phạm lỗi, thăng sung thừa lệnh sử ở bản phủ hoặc bản nha, lại làm việc ba năm nữa thăng sung đô lại ở nha môn bổ dụng người có xuất thân.

Những lại sử nói trên, đều chiểu theo niên hạn đã định liệt vào hạng xuất thân.

Những người lại ở nha môn các đạo bên ngoài, cũng như những người lại tại nha môn bổ dụng người không có xuất thân ở trong kinh.

Đến kỳ tuyển bổ quan chức, thì bộ Lại đưa công văn cho viên quan thượng ty từng nha, để viên quan ấy đề cử người thanh liêm, cần mẫn, lão luyện, thông thạo đáng được bổ dụng, rồi do bộ Lại tâu bày đầy đủ dẫn vào triều đường để lựa chọn,

sẽ cất nhắc bổ vào chức quan tá nhị ở châu, ở huyện ; nếu có người thi Hội đã được trúng một, hai, ba kỳ sẽ bổ làm quan chính thức ở châu, ở huyện cùng các chức kinh lịch, khố sứ, phó sứ.

Lời chua – *Tư cách* : Theo điển lệ quan chế trong cuốn *Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập*.

Trong kinh : Nha môn bổ dụng người lại sử có xuất thân.

Hạng án lại : trực Kim quang điện 8 người, – vệ Cẩm Y 23 người, – vệ Kim Ngô 17 người, – ty Đình uý 8 người, – ty Hải Thanh lực sĩ 2 người, – Trung thư giám hoa văn học sinh 100 người.

Hạng lại "Triều đường 6 người, – Đô đốc năm phủ đều 6 người, – ty Điện tiền đô kiểm điểm 13 người, – quân vụ thuộc bốn vệ Hiệu lực và bốn vệ Thần võ đều 8 người, – Bộ đường ở ba bộ Lại, Hộ và Binh đều 21 người, – Bộ đường bộ Lễ 13 người. Bộ đường bộ Hình 17 người, – Bộ đường bộ Công 15 người, – Đề lãnh tứ thành quân vụ + Đông các học sĩ 8 người, – Hàn lâm viện 9 người, – Sử quan 8 người, – ba khoa Lại, Lễ và Công đều 21 người, – hai khoa Hộ và Binh đều 51 người, – Hình Khoa 32 người, – ty Thuyên khảo thuộc bộ Lại 59 người, – ty Bản tịch thuộc bộ Hộ 80 người, – ty Độ chi 29 người, – ty Nghi chế thuộc bộ Lễ 18 người, – ty Võ khố 47 người, – ty Quân vụ thuộc bộ Binh 100 người, – ty Ngũ hình mỗi ty đều 30 người, – thuộc bộ Công : ty Doanh thiện 19 người + ty Công trình 11 người, – Đề hình giám sát ngự sử 6 người, – Thanh Hoá đạo giám sát ngự sử 7 người, 11 đạo giám sát ngự sử mỗi đạo 5 người, Quảng Nam đạo giám sát ngự sử 4 người, – Đại lý tự 29 người, – Thái thường tự 7 người, – Quang lộc tự 8 người, – Hồng lô tự 8 người, – Thái bộc tự 12 người, – Thượng bảo tự 18 người, – Thông chính sứ ty 24 người, – Kim quang môn đãi chiếu 3 người, – Nội phủ giám 6 người, – Ngự dụng giám 4 người, – Thượng y giám 3 người, – Tương tác giám 3 người, – Huy văn điện 12 người. Chb. **XXIII**, 12

Trong kinh : Nha môn bổ dụng người không có xuất thân : Chb. **XXIII**, 13

Hạng lại : Ba ty Thần võ tráng sĩ, Du nỗ tráng sĩ và Thân tý tráng sỹ, mỗi ty ba người, – bốn vệ Thần võ + ty Điện tiền + ty Binh mã lang

tướng ở bốn cửa hoàng thành và trung thành + kho Hàm thông đều 2 người, – kho Thiên hội, kho Trúc mộc, kho Tang phạt đều 11 người, – kho Thiên Oai 2 người, – kho Phong Trừ 6 người, – Thái y đường và Tề sinh đường đều 11 người, – sở Lương y 10 người + Tông nhân phủ 3 người, – ty Thông sự 10 người + điện Trường quang 10 người + sáu sở : Bảo nguyên, Trúc mộc, Khí giới, Chưng Thổ, Yên Bí và Doanh tạo thuộc bộ Công mỗi sở 2 người, Chb. **XXIII**, 14
– phủ Phụng Thiên 13 người, – tư thiên giám 23 người, – Hội đồng quán 2 người, hai huyện Vĩnh Xương và Quảng Đức mỗi huyện 11 người, – cục Thừa dụ 2 người, – ty Thị mãi 5 người, – Sở Lương y ở trực Kim Quang điện và các vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Điện Tiền, Thần Võ, Hiệu Lực mỗi sở đều 3 người.

Hạng lệnh sử : phủ Thân vương 33 người, – phủ Thân công chúa 29 người, – Hoàng tông công nha 25 người, – Quốc công nha 23 người, – Quận công nha 21 người, – Hoàng tông hầu nha 19 người, – Hầu nha 17 người, – Hoàng tông bá nha 15 người, – Phò mã đô uý nha 13 người, – Hoàng tông tử và hoàng tông nam nha 11 người.

Hạng lại ở nha môn các đạo ngoài kinh thành :

12 xứ : Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Tuyên Quang, An Bang, Thái Nguyên, Hưng Hoá và Lạng Sơn. Về ty Đô tổng binh sứ mỗi ty 2 người[1] ; ty Thừa chính sứ mỗi ty 52 người, ty Hiến sát sứ mỗi ty 17 người ; xứ Quảng Nam : ty Thừa chính sứ 15 người, ty Hiến sát sứ 8 người. Sơn lăng giám 5 người ; Lam sơn lăng 6 người. Sở Thái bộc tự ở Thanh Hoá, Nghệ An và Thuận Hoá mỗi sở 2 người. Phủ, châu, huyện liệt vào hạng phiền kịch mỗi nha môn 8 người ; Chb. **XXIII**, 15
phủ, châu, huyện liệt vào hạng giản việc mỗi nha môn 7 người ; phủ, châu huyện liệt vào hạng thái giản mỗi nha môn 4 người. Các phủ : y học mỗi phủ 3 người ; trường mậu dịch mỗi trường 4 người.

(1) Đô tổng binh sứ là một ty trọng yếu trong một xứ, mà số lại sử chỉ có 2 người, kém xa với số lại sử ở ty Thừa chính sứ và Hiến sát sứ. Con số "2" này có lẽ nguyên văn chép sai.

Định thể lệ truy phong và ấm phong.

Con trai, con gái trong hoàng tông đều được ấm phong ; hoàng thái hậu, hoàng hậu, tam phi, cửu tần, lục chức và nữ quan trong cung đều được truy phong cho ông, bà, cha mẹ ; các quan văn, quan võ từ hàng tòng phẩm trở lên được truy phong cho ông bà, cha mẹ và phong ấm cho con đều có cấp bậc khác nhau. Người được truy phong chỉ một bản thân người ấy được gia phong quan tước, không được trao cho quan chức, không được bổng lộc và không được viện lệ xin phong ấm.

Lời chua – *Thể lệ truy phong và ấm phong* : Theo mục Quan chức chí trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, hoàng trưởng tử tức là hoàng thái tử ; hoàng tử đều phong là thân vương ; hoàng nữ phong là công chúa.

Con trai trưởng của hoàng thái tử tức là hoàng thái tôn, con trưởng của thân vương tức là tự thân vương, các con trai thứ của hoàng thái tử và của thân vương đều phong tước công, con gái đều phong quận thượng chúa.

Chb. **XXIII**, 16

Con trai trưởng của hoàng thái tôn là hoàng tằng tôn, các con trai thứ đều phong tước bá, con gái phong quận chúa.

Con trai trưởng của tự thân vương và của công chúa đều phong tước hầu, các con trai thứ đều phong tước bá, con gái đều phong á quận chúa.

Con trai trưởng của tước hầu, tước bá đều phong tước tử, các con trai thứ đều phong tước nam, con gái phong quận quân.

Các con của tước tử, tước nam đều phong tá quốc sứ, con gái phong á quận quân.

Con trai của tá quốc sứ phong là phụng quốc sứ, con gái phong là huyện thượng quân.

Con trai của phụng quốc sứ phong là dực quốc sứ, con gái phong là huyện quân.

Con trai của dực quốc sứ phong là lượng quốc sứ, con gái phong là á huyện quân.

Hoàng thái hậu được truy phong tam đại : cha phong quốc công, mẹ phong quốc phu nhân, tổ phụ (ông) phong quận công, tổ mẫu (bà) phong quận phu nhân, tằng tổ phụ (cụ ông) phong tước hầu, tằng tổ mẫu (cụ bà) phong chính phu nhân.

Hoàng hậu được truy phong nhị đại : cha phong quận công, mẹ phong quận phu nhân, tổ phụ phong hầu, tổ mẫu phong chính phu nhân.

Tam phi tức là quý phi, minh phị và kính phi được truy phong nhị đại : cha phong tả đô đốc, mẹ phong đoan nhân, tổ phụ phong đô đốc đồng tri, tổ mẫu phong thuận nhân.

Cửu tần được truy phong nhất đại. Về hàng tam chiêu tức là chiêu nghi, chiêu dung, chiêu viên, cha phong đô đốc đồng tri, mẹ phong thuận nhân. Về hàng tam tu tức là tu nghi, tu dung và tu viên, cha phong đô đốc thiêm sự, mẹ phong thục nhân. Về hàng tam sung tức là sung nghi, sung dung và sung viên, cha Chb. **XXIII**,17 phong đô đốc chỉ huy sứ, mẹ phong là trinh nhân.

Sáu chức cung giai và sáu cấp nữ quan đều được truy phong nhất đại. Sáu chức là tiệp dư, dung hoa, tuyên vinh, tài nhân, lương nhân, mỹ nhân và nữ quan cấp nhất, cha phong tổng tri, mẹ phong huy nhân ; cấp hai, cha phong đồng tổng tri, mẹ phong thạc nhân ; cấp ba, cha phong thiêm tổng tri, mẹ phong lệnh nhân ; cấp bốn, cha phong quản lãnh, mẹ phong cung nhân ; cấp năm, cha phong phó quản lãnh, mẹ phong nghi nhân ; cấp sáu, cha phong chánh võ uý, mẹ phong an nhân.

Tước công, tước hầu và tước bá được truy phong nhị đại ; vợ, con và cháu trai đều được ấm phong :

– Quốc công : cha và ông đều phong quận công, mẹ và bà phong quận phu nhân, vợ phong quốc phu nhân, con trai trưởng phong trung trinh đại phu, các con thứ phong triều liệt đại phu, cháu trưởng phong hoằng tín đại phu.

– Quận công : cha và ông đều phong tước hầu, mẹ và bà phong chánh phu nhân, vợ phong quận phu nhân, con trai trưởng phong

triều liệt đại phu, các con trai thứ phong hoằng tín đại phu, cháu trưởng phong hiển cung đại phu.

– Tước hầu : cha và ông phong tước bá, mẹ và bà phong tự phu nhân, vợ phong chánh phu nhân, con trai trưởng phong hoằng tín đại phu, các con trai thứ phong hiển cung đại phu, cháu trai trưởng phong mậu lâm lang. Chb. **XXIII**, 18

– Tước bá : cha và ông phong thái bảo, mẹ và bà phong liệt phu nhân, vợ phong tự phu nhân, con trai trưởng phong hiển cung đại phu, các con trai thứ phong mậu lâm lang, cháu trai trưởng phong mậu lâm tá lang.

Các quan văn, quan võ hàm nhất phẩm, nhị phẩm được truy phong nhất đại, vợ và con trai đều được ấm phong :

Võ giai – Hàm chánh nhất phẩm ; cha phong tả đô đốc, mẹ phong đoan nhân, vợ phong huy nhân, con trai trưởng phong mậu lâm lang.

– Tòng nhất phẩm : cha phong đô đốc đồng tri, mẹ phong thuận nhân, vợ phong thạc nhân, con trai trưởng phong mậu lâm tá lang.

– Chánh nhị phẩm : cha phong đô đốc thiêm sự, mẹ phong thục nhân, vợ phong lệnh nhân, con trai trưởng phong cẩn sự lang.

- Tòng nhị phẩm : cha phong đô đốc chỉ huy sứ, mẹ phong trinh nhân, vợ phong cung nhân, con trai trưởng phong cẩn sự tá lang.

Quan võ hàm tam phẩm, tứ phẩm được truy phong nhất đại, vợ được dự phong, con không được dự.

– Chánh tam phẩm : cha phong tổng tri, mẹ phong huy nhân, vợ phong nghi nhân.

– Tòng tam phẩm : cha phong thiêm tổng tri, mẹ phong thạc nhân, vợ phong an nhân. Chb. **XXIII**, 19

– Chánh tứ phẩm : cha phong đồng tổng tri, mẹ phong thạc nhân, vợ phong nhụ nhân.

– Tòng tứ phẩm : cha phong quản lãnh, mẹ phong cung nhân, vợ phong tĩnh nhân.

Văn giai – Hàm chánh nhất phẩm : cha phong thiếu bảo, mẹ phong thuận nhân, vợ phong lệnh nhân, con trai trưởng phong mậu lâm tá lang.

– Tòng nhất phẩm : cha phong thái tử thiếu bảo, mẹ phong thục nhân, vợ phong cung nhân, con trai trưởng phong cẩn sự lang.

– Chánh nhị phẩm : cha phong đô ngự sử, mẹ phong trinh nhân, vợ phong an nhân, con trai trưởng phong cẩn sự tá lang.

– Tòng nhị phẩm : cha phong tả dụ đức, mẹ phong huy nhân, vợ phong tĩnh nhân, con trai trưởng phong tiến công lang.

– Chánh tam phẩm : cha phong tả trung doãn, mẹ phong thạc nhân, vợ phong túc nhân.

– Tòng tam phẩm : cha phong tham chính, mẹ phong lệnh nhân, vợ phong thân nhân.

– Chánh tứ phẩm : cha phong tự khanh, mẹ phong cung nhân, vợ phong phu nhân.

– Tòng tứ phẩm : cha phong tham nghị, mẹ phong nghi nhân, vợ phong cẩn nhân. Chb. **XXIII**, 20

Định thể lệ cấp điền lộc.

Phàm những người hoàng tông, các quan văn, quan võ và tông phụ nữ quan đều được nhà vua định thể lệ cấp cho ruộng, đất, bãi trồng dâu, tiền mặt thay thế cho đầm (hồ hoặc đầm) và thổ trạch vườn ao, đều có đẳng cấp khác nhau. Những người được ban cấp sau khi chết phải chiếu số đã cấp trả lại quan. Nếu người nào có tài đức công nghiệp được vua đặc ân ban cho ruộng đất thế nghiệp để truyền cho con cháu, thì lúc bấy giờ sẽ xin chỉ chuẩn của nhà vua, không phải là thể lệ thường hành.

Lại nghị định chế độ quân cấp ruộng : Phàm công điền của dân đinh các xã, cứ 6 năm một lần, quan phủ, huyện hoặc châu phải kiểm điểm đo đạc, chia ruộng làm ba bậc : nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng, rồi chiểu theo khoản thức kê khai số quan, quân, dân và số ruộng nhiều ít thế nào, chia từng hạng để

quân cấp. Nếu ruộng nhiều thì lấy mẫu chia làm từng phần, ruộng ít thì lấy sào, thước chia làm từng phần. Quan viên từ nhị phẩm trở lên được cấp điền lộc ở nơi khác đã nhiều rồi thì không được cấp phần ruộng nữa ; còn từ tam phẩm trở xuống người nào điền lộc ít, thì được quân cấp theo như thể lệ.

Lời chua – *Điền lộc* : Theo *Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập*, thì :

Thân vương : thế nghiệp điền 600 mẫu, thế nghiệp thổ 40 mẫu, ruộng được vua ban cho 1000 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 150 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 80 quan, ruộng tế tự 300 mẫu, thực phong 500 hộ.

Tự thân vương và thế tử của thân vương : thế nghiệp điền 450 mẫu, thế nghiệp thổ 36 mẫu, ruộng được vua ban cho 500 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 110 mẫu, đầm được cho trị giá thực tiền 70 quan, ruộng tế tự 250 mẫu, thực phong 200 hộ. Chb. **XXIII**, 21

Quốc công trở xuống không được số hộ thực phong.

Quốc công : thế nghiệp điền 400 mẫu, thế nghiệp thổ 34 mẫu, ruộng được vua ban cho 400 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 100 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 60 quan, ruộng tế tự 200 mẫu.

Quận công : thế nghiệp điền 350 mẫu, thế nghiệp thổ 32 mẫu, ruộng được vua ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 90 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 50 quan, ruộng tế tự 180 mẫu.

Tước hầu : thế nghiệp điền 300 mẫu, thế nghiệp thổ 30 mẫu, ruộng được vua ban cho 260 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 80 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 40 quan, ruộng tế tự 160 mẫu.

Tước bá : thế nghiệp điền 200 mẫu, thế nghiệp thổ 28 mẫu, ruộng được vua ban cho 230 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 70 mẫu, đầm ban cho trị giá thực tiền 30 quan, ruộng tế tự 140 mẫu.

Quan văn, quan võ được phong tước công, tước hầu, tước bá : không có ban cho thế nghiệp thổ, còn Chb. **XXIII**, 22

ruộng thế nghiệp + ruộng được vua ban cho + bãi trồng dâu + đầm trị giá bằng tiền + ruộng tế tự cũng như hoàng tông.

Hoàng tông được phong tước tử, hàm chánh nhất phẩm trở xuống đều không có thế nghiệp điền, chỉ cấp cho thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 100 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 70 mẫu.

Tước nam, hàm tòng nhất phẩm : thế nghiệp thổ 16 mẫu, ruộng được ban cho 80 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 60 mẫu.

Chánh nhị phẩm : thế nghiệp thổ được cấp 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 60 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 50 mẫu.

Tòng nhị phẩm : thế nghiệp thổ được cấp 12 mẫu, ruộng được vua ban cho 50 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 10 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Quan văn, quan võ hàm tòng nhị phẩm trở lên đều không có thế nghiệp thổ ngoài ra, về ruộng được vua ban cho + bãi trồng dâu + ruộng tế tự cũng như hoàng tông.

Hoàng tông hàm chánh tam phẩm trở xuống không có bãi trồng dâu, duy cấp cho thế nghiệp thổ 10 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, ruộng tế tự 35 mẫu.

Tòng tam phẩm : thế nghiệp thổ được cấp 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Chánh tứ phẩm : thế nghiệp thổ được cấp 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu. Chb. **XXIII**, 23

Tòng tứ phẩm : thế nghiệp thổ được cấp 4 mẫu,
ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 10 mẫu.

Quan văn, quan võ từ chánh tam phẩm đến tòng tứ phẩm đều không có thế nghiệp thổ, còn ruộng được vua ban cho và ruộng tế tự cũng theo như hoàng tông.

Bầy tôi có công được phong tước ngũ đẳng cùng quan văn, quan võ từ nhất phẩm đến cửu phẩm, ở trong kinh đô, đều được cấp thổ trạch và vườn ao.

Quốc công : thổ trạch 4 mẫu, ao 3 mẫu ; quận công : thổ trạch 3 mẫu, ao 2 mẫu ; tước hầu : thổ trạch 2 mẫu 5 sào, ao 1 mẫu 5 sào ; tước bá : thổ trạch 2 mẫu, ao 1 mẫu 2 sào ; tước tử : thổ trạch 1 mẫu 5 sào, ao 9 sào ; tước nam : thổ trạch 1 mẫu 2 sào, ao 7 sào ; nhất phẩm : thổ trạch 1 mẫu ; nhị phẩm thổ trạch 8 sào ; tam phẩm : thổ trạch 7 sào ; tứ phẩm và ngũ phẩm : thổ trạch 6 sào ; lục phẩm và thất phẩm : thổ trạch 5 sào và cửu phẩm : thổ trạch 4 sào.

Phụ nữ trong hoàng tông :

Thân công chúa : thế nghiệp điền 450 mẫu, thế nghiệp thổ 36 mẫu, ruộng được vua ban cho 600 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 100 mẫu ; đầm được ban cho trị giá thực tiền 70 quan, ruộng tế tự 200 mẫu, thực phong 300 hộ.

Quận thượng chúa : thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 80 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 60 mẫu.

Quận chúa : thế nghiệp thổ 16 mẫu, ruộng được vua ban cho 50 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 16 mẫu, ruộng tế tự 50 mẫu. Chb. **XXIII**, 24

Á quận chúa : thế nghiệp thổ 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 12 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Quận quân : thế nghiệp thổ 12 mẫu, ruộng được vua ban cho 35 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 8 mẫu, ruộng tế tự 35 mẫu.

Á quận quân : thế nghiệp thổ 10 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 30 mẫu.

Huyện thượng quân : thế nghiệp thổ 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 25 mẫu, ruộng tế tự 25 mẫu.

Huyện quân : thế nghiệp thổ 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Á huyện quân : thế nghiệp thổ 4 mẫu, ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu.

Phụ nữ trong hậu cung :

Những người về hàng tam phi : thế nghiệp thổ 30 mẫu, ruộng được vua ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 60 mẫu, ruộng tế tự 150 mẫu.

Về hàng tam chiêu cùng vợ hoàng thái tử : thế nghiệp thổ 24 mẫu, ruộng được vua ban cho 200 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 50 mẫu, ruộng tế tự 100 mẫu.

Về hàng tam tu : thế nghiệp thổ 21 mẫu, ruộng được vua ban cho 150 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 45 mẫu, ruộng tế tự 90 mẫu.

Về hàng tam sung : thế nghiệp thổ 20 mẫu, ruộng được vua ban cho 100 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 80 mẫu. Chb. **XXIII**, 25

Sáu chức trong hàng nữ quan :

Cấp nhất : thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 70 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 70 mẫu.

Cấp nhì : thế nghiệp thổ 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 10 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Cấp ba : thế nghiệp thổ 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 30 mẫu.

Cấp bốn : thế nghiệp thổ 7 mẫu, ruộng được vua ban cho 25 mẫu, ruộng tế tự 25 mẫu.

Cấp năm : thế nghiệp thổ 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Cấp sáu : thế nghiệp thổ 5 mẫu, ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu.

Về việc quân cấp ruộng công :

Người nào hàm tam phẩm được 11 phần, tứ phẩm được 10 phần, ngũ phẩm được 9 phần rưỡi, lục phẩm được 9 phần, thất phẩm được 8 phần rưỡi, bát phẩm được 8 phần, cửu phẩm được 7 phần rưỡi ; từ cửu phẩm tạp lưu[1] trở xuống và sinh viên, lại dịch, binh lính, dân đinh, các hạng thợ, cùng người già, người có bệnh tật, người mồ côi cha, đàn bà goá, đều được cấp ruộng từ 7 phần đến 3 phần nhiều ít khác nhau.

---

(1) Những người làm quan không có xuất thân, chưa được liệt vào hạng chính ngạch cùng những người quyên tiền quyên thóc mà được phẩm hàm, gọi là cửu phẩm tạp lưu.

Lời phê – *Bấy giờ cương vực chưa được rộng lớn, mà ruộng đất ban cho nhiều đến như vậy, thì thuế công của quốc gia còn được bao nhiêu. Việc này e rằng chưa đủ tin được.*

Mậu Tuất, năm thứ 9 (1478). (Minh, năm Thành Hoá thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Hạ chiếu cho ba ty Đô, Thừa, Hiến[1] xét người hay, người dở trong bộ thuộc mình rồi kê tên từng người tâu bày lên để vua rõ.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho ba ty Đô, Thừa, Hiến[2] các xứ phải xét kỹ các quan lại trong bộ thuộc của mình, hạng liêm khiết, hạng tham ô, hạng siêng năng, hạng lười biếng, và viên quan giữ việc học dạy bảo học trò, hằng năm có kén chọn để tiến cống hay không, tiến cống nhiều hay ít, đều phải kê tên những quan lại ấy tâu bày lên cho vua biết, để định sự truất bãi hoặc cất nhắc. Chb. **XXIII**, 26

Nhà vua lại hạ lệnh cho trưởng quan các nha môn văn và võ trong kinh và các đạo ở ngoài phải xét bộ thuộc của mình, người nào hèn kém bỉ ổi không thể dùng được, thì đưa về bộ để xét thực, hoặc đổi bổ sung vào chức quan giản việc hoặc bắt về nghỉ, sẽ lựa chọn người từng trải công việc và lão luyện, thông thái để thay thế. Nếu viên quan nào xét trái sự thực, thì các quan trong Lục khoa, Ngự sử và ty Hiến sát sứ được phép kiểm soát hặc tâu để trị tội.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các quan trong Lục khoa tra cứu từ năm Quang Thuận thứ 2 (1461) đến nay, viên quan nào phạm tội tham tang đã từng bị biếm chức hoặc giáng chức và các viên tướng hiệu nào vụng trộm thu tiền của quân sĩ từ 10 quan trở lên, đều bắt phải thôi việc.

(1) Tức Đô Tổng binh sứ ty, Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty.

Tháng 8, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu : chọn người có văn học, tài trí, kiến thức cất nhắc làm việc trong ty hình ngục.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các ty trong bộ Hình : nếu viên chức trong bộ Hình có người nào tài cán kiến thức nông cạn quê mùa, không am hiểu danh lệ hình luật, thì viên quan thượng ty lựa chọn đưa sang bộ Lại để bổ giữ chức khác, sẽ chọn những tiến sĩ hoặc người dự thi Hội đã trúng ba kỳ mà có tài cán kiến thức hoặc do lại viên xuất thân thông hiểu danh lệ hình luật, những người ấy đã làm việc ở trong kinh hoặc các đạo bên ngoài đủ 2 lần khảo công[1], để cất nhắc vào làm việc tại bộ Hình. Chb. **XXIII**, 27

Nhà vua ra sắc lệnh : từ nay chức lang trung và viên ngoại trong bộ Hình có khuyết ngạch, thì Lục bộ, Ngự sử đài, Lục tự khanh và 2 ty Thừa chính, Hiến sát đều được đem viên chức trong nha môn mình đã từng qua 2 lần khảo công trở lên mà là người thanh liêm, lão luyện, thông thái am hiểu danh lệ hình luật thì đề cử, để bổ sung. Nếu đề cử không được người xứng đáng, thì Lục khoa và Ngự sử đài phải xét kỹ lưỡng rồi hặc tâu.

Tháng 12. Định thể lệ thưởng và phạt về kỳ thi "đô thí".

Phàm tước công, tước hầu, tước bá cùng các quan trong kinh, ngoài các đạo, viên quan nào có trách nhiệm quản lĩnh quân sĩ, thì hội họp ở kinh sư để thi khảo về võ nghệ, gọi là "đô thí". Phép thi : mỗi lần thi bắn 5 phát tên bằng cung, 5 phát tên bằng tay[2] và đấu khiên[3] một đường. Ai được trúng từ 8 lần

(1) Mỗi lần khảo công là 3 năm. Xem thêm *Chính biên* quyển XXIV, tờ 8.

(2) Nguyên văn chép "thủ tiễn", xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XV, tờ 14.

(3) Xem chú thích số 2, *Chính biên* quyển XXIII, tờ 5.

đến 10 lần là thượng cấp, trúng 6, 7 lần là trung cấp, trúng 4, 5 lần là hạ cấp, sẽ được theo cấp đã trúng mà định việc ban thưởng ; nếu trúng 2, 3 lần sẽ không thưởng, không phạt ; còn người trúng một lần cùng người không trúng lần nào, sẽ bị phạt tiền nhiều ít khác nhau.

Kỷ Hợi, năm thứ 10 (1479). (Minh, năm Thành Hoá thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Duyệt võ.

Lời chua – *Duyệt võ* : Theo sách *Bắc kỳ tạp biên* của Nhữ Bá Sỹ, Lê Thánh Tông thường duyệt võ ở núi Khán Sơn. Núi này ở phía tây nam thành Thăng Long.

Hạ lệnh cho Ngô Sĩ Liên biên chép sách Đại Việt sử ký.

Sách chép gồm 15 quyển : từ Hồng bàng thị đến Ngô sứ quân 5 quyển gọi là Ngoại kỷ ; từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Thái Tổ 10 quyển gọi là Bản kỷ. Chb. **XXIII**, 28

Lời phê – *Lúc ấy gọi là văn minh, mà biên chép sách còn như thế. Như vậy có thật được như vậy không ?*[1].

Tháng 2. Nhà vua đi xem đánh cá ở Tây Hồ.

Lời chua – *Tây Hồ* : Xưa gọi là hồ Lăng Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 12).

Tháng 8, mùa thu. Nước Lão Qua xâm phạm vào biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho các tướng đem quân đi đánh, phá tan được quân Lão Qua.

(1) Nguyên văn bằng chữ Hán. Câu cuối cùng lấy nguyên câu của Khổng Tử trả lời Công Tôn Giả : "Kỳ nhiên khởi kỳ hồ ?" Nghĩa là : "Vậy à ? Có thật như vậy không ?" Lời phê này dùng 6 chữ ấy làm câu thúc kết, có lẽ muốn nói một cách nghi ngờ rằng : "Như thế mà gọi là văn minh à ? Có thật văn minh là như thế không ?.

Cầm Công, tù trưởng Bồn Man, ngầm mang lòng phản bội. Lão Qua liên kết và viện trợ cho Cầm Công, đem quân lấn cướp biên cảnh phía tây nước ta. Nhà vua sai các tướng đi đánh, hạ lệnh cho Thái uý Lê Thọ Vực làm Chinh tây tướng quân, đi theo đường chính phủ Trà Lân ; đô đốc Đông quân phủ Trịnh Công Lộ làm Chinh di tướng quân, đi theo đường An Tây ; Trấn lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn đi theo đường Ngọc Ma ; Du kỵ phó tướng quân Lê Lộng đi theo đường Thuận Châu và Mỗi châu ; Thảo tặc phó tướng quân Lê Nhân Hiếu đi theo đường phủ Thanh đô. Các tướng hội đồng quân 5 đạo cộng 18 vạn, đánh phá tan được. Nhân thế thắng, kéo vào thành Lão Qua, lấy được của báu. Vua Lão Qua phải chạy trốn. Các tướng bắt dân nước ấy và chiếm đất đai nước ấy đến sông Kim Sa giáp giới phía nam nước Miến Điện, rồi cho người đem tiệp thư về tâu nhà vua biết.

Chb. **XXIII**, 29

Lời phê – *Thường hay khoa trương*[1].

Lời chua – *Lão Qua* : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3. (Chb. XI, 13).

Trà Lân : Tức Trà Long : Xem Bình Định vương năm thứ 7. (Chb. XIII, 17).

Thanh Đô : Tên phủ xưa, nay đổi là Thọ Xuân, thuộc tỉnh Thanh Hoá.

An Tây : Tên phủ xưa, nay phụ thuộc vào phủ Điện Biên, thuộc tỉnh Hưng Hoá[2].

Ngọc Ma : Xem Bình Định vương năm thứ nhất. (Chb. XIII, 10).

Thuận Châu : Nay thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hoá[2].

Mỗi châu : Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4. (Chb. XVII, 1).

Sông Kim Sa : Theo mục Vân Nam chí trong sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư* thì, sông Kim Sa phát nguyên từ lưu vực phía tây nước Thổ Phồn, chảy đến nước Miến Điện rồi đổ ra biển Nam.

---

(1) Chỉ việc 5 đạo quân cộng 18 vạn.

(2) Nay là huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.

Miến Điện : Theo *Đại Thanh nhất thống chí*, Miến Điện, tên một Man quốc, năm Hồng Võ thứ 29 (1396) triều Minh, nước này mới quy phụ, triều Minh đặt Miến Điện quân dân tuyên uý sứ ty, phía đông đến Bát Bá tuyên sứ ty, phía nam đến biển, phía tây đến địa giới Mạnh Dưỡng, phía bắc đến địa giới Mạnh Mật tuyên phủ ty.

Tháng 10, mùa đông. Cầm Công ở Bồn Man làm phản, nhà vua tự làm tướng đi đánh, đi đến Thâu Bồ rồi trở về. Tháng 12. Hạ lệnh cho tướng quân Lê Niệm đi đánh, dẹp yên được.

Họ Cầm nối đời làm phụ đạo Bồn Man. Nhà vua thấy rằng, đất ấy tiếp giáp với biên cảnh ngoại di, khó có người trấn thủ được, bèn chia đất ấy ra lập thành 7 huyện thuộc phủ Trấn Ninh, đặt quan phủ, quan huyện để giám sát cai trị. Đến đây, Lão Qua xâm phạm biên giới, Cầm Công nương dựa Lão Qua làm viện trợ cho mình, đánh đuổi các viên lưu quan[1], chiếm cứ riêng đất ấy để chống lại quan quân ; đến lúc các tướng đánh phá được Lão Qua, cho người đưa thư báo tin thắng trận, Cầm Công lại ngăn chặn, làm cho tiệp thư không báo về kinh được. Bởi thế, nhà vua hạ chiếu thân hành đi đánh, quân nhà vua tiến đóng tại Phù Liệt, bèn sai Trần Bảo, phó đoán sự vệ Cẩm Y, và Phạm Nhân Kính, Đô chỉ huy thiêm sự, điều động cung cấp quân lương, lại dụ bảo Lê Thọ Vực các tướng : "Công trạng đánh phá Lão Qua như thế nào thì giao cho Trần Bảo đệ về tâu nộp". Tháng 11, xa giá đến Thâu Bồ đóng ngự doanh bốn ngày rồi trở về, sai tướng quân Kỳ quận công Lê Niệm thống lãnh 30 vạn quân, tiến đánh, phá tan được. Cầm Công bỏ chạy, bị chết. Tướng sĩ đốt thành của Bồn Man và thiêu huỷ kho tàng tích trữ. Bồn Man xin hàng. Nhà vua bèn phong người họ Cầm tên là Cầm Đông làm tuyên uý đại sứ, lại đặt các thổ quan để chia nhau cai trị.

Chb. **XXIII**, 30

(1) Viên quan do triều đình bổ đi cai trị một địa phương nào đó, lúc cai trị địa phương này lúc cai trị địa phương khác, không có nhất định, khác với thổ quan. Xem thêm chú giải số 2 ở Chb. XVI, 23.

Lời chua : – *Trấn Ninh*. Đất Bồn Man xưa, hồi đầu triều Lê, họ Cầm nối nhau làm phụ đạo ; đến Lê Thánh Tông chia đất này lập ra làm phủ Trấn Ninh, quản lãnh 7 huyện : Kim Sơn, Thanh Vị, Cảnh Thuần, Quang Vinh, Minh Quảng, Quang Lang và Tư Thuận, cho họ Cầm nối đời làm tù trưởng. Cuối năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông, 1735 – 1739), Lê Duy Mật chiếm cứ, đến năm Cảnh Hưng thứ 31 (1770) mới dẹp yên được, lại cho họ Cầm được nối đời quản trị. Bản triều, năm Gia Long thứ nhất (1802) đem đất ấy phong cho nước Vạn tượng ; năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), nước Vạn Tượng bị Tiêm La đánh phá, tù trưởng Chiêu Nội đem đất ấy quy phụ, mới chia đặt thành 8 huyện là : Khâm, Quảng, Liên, Cát, Khang, Xuy, Liêm, Mộc, phong cho Chiêu Nội làm phòng ngự sứ, quản trị công việc ở phủ, còn ở huyện thì đặt chức tri huyện người bản thổ để cai trị ; đến năm Minh Mệnh thứ 9 (1826), Chiêu Nội phạm tội, bị giết, triều đình trao cho một viên tri huyện người bản thổ làm phòng ngự đồng tri, quản lý tất cả công việc trong phủ, năm thứ 15 (1834) mới đặt lưu quan làm tri phủ quản lĩnh 8 huyện. Chb. **XXIII**, 31

Thâu Bổ : Nay không khảo cứu được.

Canh Tý, năm thứ 11 (1480). (Minh, năm Thành Hoá thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Mưa đá.

Tháng 5, mùa hạ. Sao sa.

Tháng 6. Đại hạn.

Nhà vua ra dụ chỉ nói : Ít lâu nay bộ Hình cùng Thừa ty, Hiến ty, phủ huyện các xứ khám xét kiện tụng, phần nhiều theo bụng riêng của mình lấy tiền một cách nhảm nhí, hoặc văn án để đình trệ, hoặc kẻ trên người dưới suy tỵ lẫn nhau, gian trá trăm đường, không ai vì dân làm sáng tỏ lẽ phải trái ; vì thế mà kẻ bị tội oan, người bị phạt lạm, để cho dân sầu khổ oán thán, đến nỗi trời làm hạn hán. Chb. **XXIII**, 32

Vậy từ nay đối với hình quan cùng các quan Thừa chính, Hiến sát, phủ, huyện, người nào nên tuyển dụng, người nào nên sa thải, các bầy tôi trong triều đều phải giữ lòng công bằng, cốt

làm thế nào lựa chọn được người tốt để việc hình ngục đi đến chỗ công bằng thoả đáng.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây có xảy ra mấy việc như thế này :

– Nhà vua lấy cớ rằng nơi tiếp giáp biên cảnh thường bị bọn sơn man quấy rối, mới sai Hoàng Thế Cung sang châu Bằng Tường để do thám, bị viên tri châu ấy là Lý Quảng Ninh bắt giữ.

– Trần Ao, tổng binh đồng tri ở Bắc Bình, lấy cớ rằng ruộng xứ Ban Động ở xen vào đất châu Tư Lăng, mới sai liệt hiệu[1] Đào Phu Hoán đem 600 quân, mở cửa ải Thông Quang, trồng tre gỗ làm giậu ngăn, để phân biệt giới hạn, bị La Truyền, thổ tù nhà Minh, đến đánh, đốt phá giậu tre gỗ đã trồng.

– Lưu Doãn Trực, trấn thủ Lạng Sơn, tâu nói : người châu Tư Lăng nhà Minh kéo tràn sang địa giới châu Lộc Bình, cướp lấy súc vật của cải ; viên quan coi giữ đất đai là Lê Đình Hoán không sao chống cự được.

Vì có những việc xảy ra ở trên, Lê Niệm và Lê Thọ Vực bàn rằng : Bọn kia quen với cũ, lấn cướp dân biên giới nước đưa sang Tư Lăng, trách họ về việc không biết ngăn cấm nhân dân để vượt biên cảnh sang cướp bóc ; một mặt làm công văn kể hết mọi tình trạng về việc cướp phá từ trước đến sau như thế nào, nhân tiện kỳ sứ thần nước ta sang sứ, sẽ đem công văn ấy trình quan tổng đốc Lưỡng Quảng khám xét tra hỏi. Chb. **XXIII**, 33

Gặp lúc ấy nhà Minh có sắc văn đưa sang nước ta nói : gần đây, được tin viên trấn thủ Vân Nam nói, quốc vương An Nam, không vì cớ gì mà tự tiện điều động binh mã đánh phá nước Lão Qua, rồi lại đánh nước Bát Bá tức phụ ; nếu trước kia vương có trót lầm lỗi như thế, thì nên rút quân ngay.

(1) Một danh từ để gọi các viên chức vào hàng võ tướng.

Nhà vua đem sắc văn ấy bảo với bầy tôi trong triều. Bọn Lê Thọ Vực cho là bây giờ nên dùng lời quyền biến tâu lại rằng : Vì nay trong nước tôi có người ở Đông Quan chạy trốn sang Lão Qua, cho nên tự sai binh lính đến biên cảnh đuổi bắt, không có liên can gì đến việc Lão Qua và Bát Bá cả.

Nhà vua bèn sai Hàn lâm thị thư Lương Thế Vinh nghĩ soạn biểu văn phúc tấu và đem việc La Truyền đốt phá giậu rào bằng tre gỗ ; việc Lý Quảng Ninh bắt phái viên của triều đình nước ta nói hết vào trong tờ tư, rồi sai bọn Nguyễn Văn Chất, Doãn Hoành Tấn và Vũ Duy Giao sung làm chánh phó sứ đệ lễ cống nạp hằng năm ; khi đi, đem theo cả biểu văn phúc tấu để tuỳ từng khoản mà ứng đối.

Lúc ấy, từ bàn về việc bang giao, trước hết vua sai viện Hàn lâm nghĩ soạn, thứ nhì giao xuống cho các cơ quan ở Đông Các và bầy tôi trong triều xét duyệt, nếu có chỗ nào không hợp thì sửa đổi lại ngay, vì thế người nhà Minh thường khen ngợi, cho là trong nước có nhân tài.

Truyện An Nam trong *Minh sử* chép : Nhà Minh, năm Thành Hoá thứ 15 (1479), mùa đông, Lê Vương sai hơn 800 binh lính vượt qua biên giới Mông Tự thuộc tỉnh Vân Nam, nói phao là bắt bọn trộm cướp, rồi thiện tiện lập dinh trại, dựng nhà cửa để ở. Viên quan giữ cảnh thổ ở đấy phải hết sức ngăn cản mới chịu rút lui. Sau khi Lê Vương đã phá được Chiêm Thành, chí tham vọng thêm to lớn, thân hành đốc suất chín vạn quân, mở hai đường núi ; đánh phá Ai Lao ; rồi xâm lấn Lão Qua lại phá tan được, giết chết ba bố con viên Tuyên uý Đèo Bản Nhã Lan Chưởng, người con út của viên ấy là Phạ Nhã Trại phải chạy sang nước Bát Bá để thoát nạn. Lê vương lại chứa lương thảo, luyện binh sĩ, ban sắc lệnh giả để lấy quân ở Xa Lý, bắt chúng đi đánh nước Bát Bá, tướng sĩ bị chết hại đến vài ba ngàn người, đều nói là bị sét đánh. Nước Bát Bá bèn ngăn cản đường về và đánh úp, giết chết được hơn vạn người, lúc ấy Lê vương mới dẫn quân về. Vua nhà Minh giao việc này xuống cho bầy tôi trong triều đình bàn luận, đình thần xin hạ lệnh cho ty Bố chính tỉnh Quảng Tây làm tờ hịch bảo Lê vương thu quân về ; còn về phần bầy tôi giữ đất đai ở tỉnh Vân Nam và hai tỉnh

Chb. **XXIII**, 34

Quảng thì cứ việc giới nghiêm công việc phòng bị biên cảnh mà thôi. Sau đấy, Lê vương nói chưa từng xâm lấn nước Lão Qua bao giờ, và không biết bờ cõi nước Bát Bá ở chỗ nào. Lời nói của Lê vương rất trí trá, vua nhà Minh lại an ủi dụ bảo, Lê vương vẫn không chịu phụng mệnh.

Lời chua – *Bằng Tường* : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 11. (chb . VI, 24).

Châu Tư Lăng : Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 4. (chb.II, 41).

Cửa Thông Quang : Ở xã Quang Lang, châu Ôn, nay đổi là đồn Quang Lang.

Châu Lộc Bình : Nay đổi là huyện Lộc Bình, Quang Lang và Lộc Bình đều thuộc tỉnh Lạng Sơn(1).

Bắc Bình : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8. (chb, XX, 19). Chb. **XXIII**, 35

Lạng Sơn : Xem năm Quang Thuận thứ 10. (chb. XXI, 19-20, 31).

Vân Nam : Xem Bình định vương năm thứ 10. (chb. XIV, 10).

Lão Qua : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3. (chb. XI, 13).

Bát Bá tức phụ : Theo sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư* thì Bát Bá tức phụ là tên một bộ lạc man di. Tương truyền tù trưởng bộ lạc này có 800 vợ, mỗi vợ quản lãnh một trại, nhân đấy mới đặt tên là Bát Bá tức phụ. Hồi đầu triều Nguyên đặt Bát Bá Tuyên uý ty ; nhà Minh, năm Hồng Vũ thứ 24 (1391), tù trưởng nước ấy sang tiến cống, bèn lập Bát Bá đại điện Tuyên uý sứ ty ; Khoảng năm Gia Tĩnh (1522-1566) nước này bị nước Miến Điện kiêm tính.

Doãn Hoành Tấn : Người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc(2), đỗ Đồng tiến sĩ khoa Mậu Tuất năm Hồng Đức thứ 9 (1478).

Ban động : Nay không rõ ở đâu.

Tân Sửu, năm thứ 12 (1481). (Minh, năm Thành Hoá thứ 17).

---

(1) Nay là huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

(2) Nay là thôn An Duyên, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua ra bài sách thi cống sĩ, cho bọn Phạm Đôn Lễ đỗ cập đệ và xuất thân đều khác nhau.

Trước đây, các cử nhân trong nước thi Hội, lấy bọn Phạm Đôn Lễ 40 người được trúng tuyển ; đến nay nhà vua thân hành ra bài sách hỏi về lý số, cho bọn Phạm Đôn Lễ, Lưu Hưng Hiếu và Nguyễn Doãn Địch 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ(1); bọn Ngô Văn Cảnh 8 người đỗ Tiến sĩ xuất thân(2); bọn Nguyễn Minh Đạo 29 người đỗ Đồng tiến sĩ xuất thân. Nhà vua ra ngự ở điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền chế chỉ xướng danh, bộ Lễ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa, ty Mã Cứu dùng ngựa tốt đưa người đỗ trạng nguyên về nhà riêng. Thể lệ này từ sau vẫn được thi hành vĩnh viễn. Chb. **XXIII**, 36

Lời chua – *Phạm Đôn Lễ* : Người xã Hải Triều, huyện Ngự Thiên(3).

Lưu Hưng Hiếu : Người xã Lương Hà, huyện Vĩnh Ninh.

Nguyễn Doãn Địch : Người xã Bạo Dương, huyện Thanh Oai.

Ngô Văn Cảnh : Người xã Yên Ninh, huyện Yên Dũng.

Nguyễn Minh Đạo : Người xã Xuân Canh, huyện Đông Ngàn.

Tháng 5. Lập đồn điền.

Nhà vua hạ chiếu nói : Việc lập đồn điền là cốt để dồn hết sức vào việc làm ruộng, để cho sự tích trữ trong nước được dồi dào. Vậy hạ lệnh cho đồn điền các xứ định làm 3 bậc : thượng, trung, hạ.

Lời chua – *Đồn điền* : Theo *Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập,* thì đồn điền có 43 sở :

Vĩnh Hưng, An Lộc, Thịnh Quang, Dịch Vọng, Quan La, Minh Tảo, Lạc Tràng, Bồng Hải, Phượng Vĩ, Liên Thuý, Đông Lạc, Thượng Liệt, Kim Quan, Hoa Mộc, Đan Nhiễm, Quy Mông, Lục (Liễu) Đàm,

(1) Xem chú thích ở Chb, X, 36.

(2) Xem chú thích ở Chb, X, 36.

(3) Nay thuộc xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Đại Tảo, Phần Trì, Tư Mại, Nam Giản, Khám Lãng, An Trú, Phan Dương, Tây Tạ, Thiên Kiện, La Sơn, Vọng Doanh, Hoa Diệp, Cống Khê, Lương Sơn, Lôi Dương, Vĩnh Ninh, An Định, Tĩnh Ninh, Đức Quang, Anh Đô, Diễn Châu, Hà Hoa, Triệu Phong, Tân Bình, Thăng Hoa, Tư Nghĩa, mỗi sở đặt một viên chánh sứ và một viên phó sứ. Chb. **XXIII**, 37

Tháng 6. Hạ chiếu : từ nay chức quan ở Đài, ở Hiến[1] phải do mọi người công cử.

Tờ chiếu nói : Bầy tôi trong kinh sư, ngoài các đạo, bắt chước thói xấu của nhau ăn tiền nhảm nhí, việc này tin chắc là vì chưa tìm được người xứng đáng giữ chức trách ngôn luận[2], hoặc người thì xuê xoa xong việc, cho thế là hay, hoặc người thì đả kích người khác, rước lấy sự ghen ghét vào mình. Lề lối người làm quan, thành ra tham ô nhũng lạm, làm cho dân phải oán thán, vì thế mà can phạm đến khí hoà, sinh ra tai biến, tệ tục cần phải thay đổi. Vậy từ nay, đối với các chức trong Lục khoa, Ngự sử đài và Hiến sát sứ, người nào đáng phải thải đi, người nào đáng được cất nhắc lên để thay thế, các bầy tôi trong triều nên theo lẽ công bằng bàn luận việc lựa chọn, rồi làm bản tâu đầy đủ, sẽ cho thi hành, để bỏ hết tệ tục trước.

Tháng 10, mùa đông. Đào hồ Hải Trì.

Hồ này đào ở góc tây nam thành Thăng Long, giữa hồ có điện Thuý Ngọc, bên cạnh hồ dựng điện Giảng Võ, để thời thường luyện tập điểm duyệt binh mã.

Nhâm Dần, năm thứ 13 (1482). (Minh, năm Thành Hoá thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh. Định thể lệ tuyển cử quan chức ở ty Thừa chính.

---

(1) Tức Ngự sử đài và Hiến sát sứ ty.

(2) Chỉ quan chức trong Ngự sử đài và Hiến sát sứ ty. Quan chức ở Ngự sử đài giữ việc tâu hặc các quan trong kinh và ngoài các đạo làm sự trái phép ; quan chức trong Hiến sát sứ ty giữ việc tâu bày lời nói trung thực, đàn hặc sự phi pháp và xét hỏi kiện tụng trong đạo của mình. Vì thế nên gọi những quan chức này là giữ chức trách ngôn luận (ngôn trách).

Trước đây, quan chức ở 3 ty : Đô, Thừa, Hiến các xứ có khuyết ngạch, nếu thuộc về quan chức ở Đô tổng binh sứ ty hoặc Hiến sát sứ ty, thì do bầy tôi trong triều đình công đồng tuyển cử, còn quan chức thuộc Thừa chính sứ ty thì do bộ Lại đề cử.

Chb. **XXIII**, 38

Nhà vua nhận thấy Thừa chính sứ ty chức trách cũng nặng, việc lựa chọn nên cẩn thận, bèn hạ sắc lệnh : từ nay, nếu viên chức ở Thừa chính sứ ty có khuyết, cũng giao cho bầy tôi trong triều đình tuyển cử theo như thể lệ tuyển cử quan chức ở Đô tổng binh sứ ty và Hiến sát sứ ty.

Nhà vua ra sắc dụ : Hai ty Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty, trách nhiệm trao cho đã cao cả, công việc và quyền hạn cũng nặng nề, trong lúc cất nhắc tuyển dụng cần phải được người xứng đáng. Vậy hễ quan chức trong hai ty ấy có khuyết : nếu là chức tham nghị thì bổ dụng viên quan hàm lục phẩm trở lên, mà là người có độ lượng, kiến thức, tài cán và đức vọng ; nếu là viên quan hiến sát thì bổ dụng các thuộc quan ở Lục khoa, Ngự sử đài, Quốc tử giám và Lục tự, mà là những người vào hạng liêm khiết, sáng suốt, lịch duyệt, lão luyện. Những quan chức kể trên, đều là người đã đủ bốn lần khảo công, mới được tuyển cử cất nhắc ; nếu người nào đề cử càn bậy, thì Lại khoa hặc tâu để trị tội.

Nhà vua ra sắc dụ : Từ nay quan chức trong kinh sư và ngoài các đạo nếu có khuyết ngạch, thì do viên quan trưởng đều được đề cử người mà mình đã biết rõ là quả có tài cán, kiến thức, liêm khiết và khả năng, sẽ cất nhắc trao bổ cho quan chức. Về phần các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài thì phải công đồng ghi rõ việc bổ dụng ấy. Nếu sau này xét thấy người ấy là người bỉ ổi tham nhũng, làm quan không có công trạng gì, thì Lục khoa và Ngự sử đài đều được chiểu theo tên người đứng bảo cử, tâu hặc, để trị tội.

Tháng 8. Hạ lệnh ân xá cho trong nước.

Quý Mão, năm thứ 14 (1483). (Minh, năm Thành Hoá thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa nhà Thái học.

Hồi đầu triều Lê, nhà Thái học vẫn theo nếp cũ của nhà Trần, quy chế phần nhiều còn thiếu thốn. Đến nay, nhà vua hạ lệnh cho sửa rộng thêm ra. Đằng trước nhà Thái học dựng Văn Miếu. Khu vũ của Văn Miếu có : Điện Đại Thành để thờ tiên thánh ; đông vũ và tây vũ[1] chia ra thờ các tiên hiền và tiên nho ; điện Canh phục để làm nơi túc yết[2] ; một kho để chứa đồ tế khí và một phòng học để làm nhà bếp. Đằng sau nhà Thái học, dựng cửa Thái học, nhà Minh luân. Giảng đường phía đông và giảng đường phía tây thì để làm chỗ giảng dạy các học sinh. Lại đặt thêm kho bí thư để chứa ván gỗ đã khắc thành sách ; bên đông, bên tây nhà Thái học làm nhà cho học sinh trong ba xá, mỗi bên ba dãy, mỗi dãy 25 gian, để làm chỗ nghỉ ngơi của học sinh ; bên đông, bên tây mỗi bên đều có một nhà bia, quy mô có phần rộng lớn khang trang lắm. Chb. **XXIII**, 39

Theo chế độ cũ, con cháu của quan viên, người nào thi Hương dự trúng 3 kỳ, được sung vào hiệu sinh trong phủ mình, dự trúng 4 kỳ được sung vào giám sinh ở Quốc Tử giám, còn quân hoặc dân nếu có người nào ứng thí mà trúng tuyển cũng không được dự. Đến nay, nhà vua ra sắc lệnh : quân hoặc dân, nếu thi hương dự trúng 3 kỳ, được sung vào sinh đồ trong phủ mình, dự trúng 4 kỳ được sung vào học sinh trong Tăng quảng đường ở Quốc Tử giám.

Phó đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm dâng sớ nói : "Giám sinh ở Quốc Tử giám, nếu thi hội dự trúng 3 kỳ, được sung vào thượng xá sinh, dự trúng 2 kỳ, sung vào trung xá sinh, dự trúng một kỳ, sung vào hạ xá sinh ; mỗi xá 100 người, mỗi người đều được cấp 9 tiền làm lương ăn học. Đến khi bổ dụng, do Quốc Tử giám bảo cử và bộ Lại lựa chọn cất nhắc ; học sinh trong 3 xá đều nhất luật như nhau, không có gì phân biệt. Xin từ nay, lương ăn học hàng tháng của các xá sinh, liệu lượng cấp phát theo từng cấp bậc :

(1) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXIII, tờ 3.

(2) Trước ngày chính tế một ngày, các quan chức được tham dự vào hành lễ, đều tề tựu văn miếu túc trực, để sáng sớm hôm sau hành lễ gọi là túc yết.

Thượng xá sinh cấp thêm cho đủ một quan ; trung xá sinh cấp cho 9 tiền ; hạ xá sinh cấp rút xuống 8 tiền. Đến khi cất nhắc trao cho quan chức, thì : thượng xá sinh 3 phần ; trung xá sinh 2 phần ; hạ xá sinh một phần. Làm như thế, để cho cấp bậc các xá sinh có phân biệt khác nhau, mà nhân tài đều biết khuyến khích". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy. Chb. **XXIII**, 40

Lời phê – *Lương ăn học có ít, mà chia cấp bậc từng xá khác nhau, như thế cũng chưa chắc đã đúng.*

Lời chua – *Quách Hữu Nghiêm* : Người xã Phúc Khê, huyện Thanh Lan, đỗ Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Tháng 6, mùa hạ. Mưa to, gió lớn, nước sông dấy lên.

Tháng 11, mùa đông. Hạ lệnh cho bọn Thân Nhân Trung biên chép tập Thiên Nam dư hạ và Thân Chinh ký sự.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, phó đô ngự sử Quách Đình Bảo, đông các hiệu thư Đỗ Nhuận và Đào Cử, Hàn lâm viện thị thư Đàm Văn Lễ biên tập chính sự Quốc triều (triều Lê) gồm 100 cuốn, khi biên tập xong, nhan đề sách là Thiên Nam dư hạ tập, nhà vua thân đề tựa ; lại ghi rõ sự thực khi nhà vua thân đi đánh các mán Chiêm Thành và Lão Qua[1], đặt tên sách là Thân chinh ký sự.

Lời phê – *Sách chép chính sự mà đặt tên là "Dư hạ"*[2] *không hợp thể.*

Lời chua – *Chiêm Thành* : Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20–21).

Lão Qua : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3. (Chb. XI, 13).

Giáp Thìn, năm thứ 15 (1484). (Minh, năm Thành Hoá thứ 20). Chb. **XXIII**, 41

Tháng 2, mùa xuân. Ân xá.

Truy lập bia tiến sĩ.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXI, 39-40, XXII, 1-4, 28-29, XXIII, 28-30.

(2) Hằng ngày, ngoài thì giờ công tác nhất định, còn có thì giờ nhàn rỗi nghỉ ngơi, thì giờ ấy Hán văn gọi là "dư hạ".

Nhà vua nhận thấy từ năm Đại Bảo thứ 3 (1442) triều Thái Tông đến nay, về việc lập bia đá ghi tên những người đỗ tiến sĩ các khoa, thể lệ vẫn còn thiếu sót, mới hạ lệnh cho Lễ bộ thượng thư Quách Đình Bảo truy tìm biên soạn họ tên, khoa thứ những người đã thi đỗ tiến sĩ trong 9 khoa[1] để khắc vào trinh thạch[2], kể từ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông đến khoa Tân Sửu[3] (1481) năm Hồng Đức thứ 12.

Nhân thể, Đình Bảo tâu xin đổi trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa làm tiến sĩ cập đệ ; chính bảng làm tiến sĩ xuất thân ; phụ bảng làm đồng tiến sĩ xuất thân, để cho hợp với thể chế ngày nay. Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy. Hạ lệnh cho từ thần[4] là bọn : đông các đại học sĩ ở Thân Nhân Trung ; đông các học sĩ Đỗ Nhuận ; đông các hiệu thư Đào Cử ; Đàm Văn Lễ, Ngô Luân, Lê Tuấn Nghiên ; Hàn lâm viện thị như Nguyễn Đôn Hậu, Lương Thế Vinh ; Hàn lâm viện thị độc Nguyễn Trùng Xác chia nhau biên soạn văn bia.

Lời chua – *Đàm Văn Lễ* : Người xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương, đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469) năm Quang Thuận.

Ngô Luân : Người xã Tam Sơn, huyện Đông Ngàn, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức.

Nguyễn Trùng Xác : Người xã Kim Đôi, huyện Vũ Ninh, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469) năm Quang Thuận.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua hạ chiếu lục dụng con cháu những bầy tôi có công.

Chb. **XXIII**, 42

---

(1) Khoa Nhâm Tuất (1442), năm Đại Bảo thứ 3 ; – Khoa Mậu Thìn (1448), năm Thái Hoà thứ 6 ; – Khoa Quý Mùi (1463), năm Quang Thuận thứ 4 ; – Khoa Bính Tuất (1466) ; năm Quang Thuận thứ 7 ; – Khoa Kỷ Sửu (1469), năm Quang Thuận thứ 10 ; - Khoa Nhâm Thìn (1472), năm Hồng Đức thứ 9 ; - Khoa Ất Mùi (1475), năm Hồng Đức thứ 6 ; - Khoa Mậu Tuất (1478), năm Hồng Đức thứ 10 ; Khoa Tân Sửu (1481), năm Hồng Đức thứ 12.

(2) Một danh từ để gọi chung các bia đá, vì bia đá thường dùng thứ đá rắn hơn hết, có thể để lâu đời được.

(3) Nguyên văn trong *Cương mục* in năm Tân Tỵ là sai, ở đây dịch là Tân Sửu cho đúng khoa thi.

(4) Bầy tôi vào hạng nho học, có sở trường về văn từ.

Thái phó Lê Niệm tâu xin : Khoảng niên hiệu Thuận Thiên (1428 – 1433), những công thần khai quốc, làm quan đến nhất nhị phẩm trở lên, nay con cháu của họ hoặc có người nào bị chìm đắm ở trong hàng quân ngũ, thì đều do hai ty Thừa chính và Hiến sát được phép tâu bày đầy đủ, bộ Binh xét thức, nếu người nào sức vóc khoẻ mạnh cho sung vào ty Tuấn sĩ trong vệ Cẩm Y, người nào yếu đuối không thể dùng được thì cho miễn đao dịch bản thân người ấy. Lời tâu này được nhà vua chuẩn y.

Nhà vua hạ sắc lệnh : Những công thần khai quốc, từ chức đô đốc đồng tri trở lên, chẳng may bị chết trận, mà chưa được trao cho quan chức, cùng những người có họ tên đã được dự ghi trong sổ Lũng Nhai công thần mà quan chức chưa đến nhất nhị phẩm, thì con cháu những người ấy do bộ Lại được phép đề tâu, sẽ đều trao cho chức tản quan[1] về võ giai.

Lời chua – *Lũng Nhai* : Xem Lê Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 3, 4).

Bắt đầu dựng đàn Tiên Nông[2] và đài Quan canh[3].

Trước đây, lúc nào nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền[4], lúc ấy mới tạm thời dựng hành điện[5], quy mô thể chế chưa được đầy đủ. Đến nay, ở trên chỗ cao về bên hữu ruộng tịch điền, dựng đàn Tiên Nông cao 7 thước, rộng 36 thước, ở giữa hành điện làm nhà Quan canh, cao 5 thước, rộng 40 thước, đằng sau đài Quan canh lại dựng 5 gian hành điện và một dãy 3 gian nhà bếp.

Lời chua – *Tịch điền* : Ở xã Hồng Mai[6], huyện Thanh Đàm. Chb. **XXIII**, 43

(1) Xem chú thích số 3, *Chính biên* quyển VI, tờ 3.

(2) Đàn thờ Thần Nông, một ông vua truyền thuyết về thời thượng cổ Trung Quốc.

(3) Một ngôi nhà để vua ra ngự ở đấy xem nông dân làm ruộng.

(4) Xem chú thích số 2, *Chính biên* quyển 1, tờ 23.

(5) Những cung điện dựng ở ngoài kinh thành, để bất thần vua chúa đi tuần hành đến địa phương nào, thì đã sẵn có chỗ để nghỉ, gọi là hành điện.

(6) Nay thuộc phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 24

Từ Ất Tỵ, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 16 (1485) đến Kỷ Mùi, Lê Hiến Tông năm Cảnh Thống thứ 2 (1499), gồm 15 năm. Chb. **XXIV**, 1

*

Ất Tỵ, năm (Hồng Đức) thứ 16 (1485). (Minh, năm Thành Hoá thứ 21).

Tháng 3, mùa xuân. Thái phó Tĩnh quốc công Lê Niệm mất.

Niệm là cháu Lê Lai, con Lê Lâm, đầu niên hiệu Thiệu Bình (1434– 1439) lấy danh nghĩa ấm phong được trao giữ chức Cận thị cục chính chưởng, làm quan trải qua các chức lên đến thái phó, gia phong quốc công. Gia đình Lê Niệm vào hạng bầy tôi hết đời này đến đời khác, có công đức lâu đời, Niệm làm tướng gần 30 năm, thường dựng được công lớn, uy danh đức vọng rất là lừng lẫy, làm chỗ dựa vững chắc cho triều đình. Đến nay, Niệm mất, nhà vua tặng phong chức thái uý và đặt tên thuỵ là Trinh Ý.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ lại sắc lệnh về việc thi khảo để miễn tuyển.

Nhà vua lấy cớ rằng, năm trước, thi khảo học trò, người nào dự trúng sẽ được miễn tuyển, lúc ấy có nhiều người mang vụng trộm văn bài cũ hoặc nhờ người khác đi thi thay mình, thành ra số người dự trúng có đến hàng vạn, việc thi cử như thế rất là

những lạm, bèn ra sắc lệnh cho hai ty Thừa chính và Hiến sát các xứ : từ nay thi khảo học trò cần phải được người văn hay chữ tốt, sau khi đã lấy cho dự trúng rồi, đến khi phúc hạch lại, nếu còn có người nào không làm được bài để quyển giấy trắng, hoặc người nào làm bài không thành văn lý, thì viên quan đề điệu[1] và giám thí[2] niêm phong quyển lại tâu hặc về triều đình. Nếu xét thấy xứ nào có từ một người đến bốn, năm người phạm trường quy như thế, thì viên quan thừa chính và hiến sát xứ ấy sẽ phải luận vào tội biếm chức hoặc bãi chức, còn bản thân người phạm tội trường quy ấy sẽ phải tội đồ.

Nhà vua hạ chiếu : phàm sĩ tử nào có học lực phẩm hạnh, thi khảo dự trúng mà được miễn tuyển, đều được miễn cho một nửa phần về phú thuế và sai dịch. Chb. **XXIV**, 2

Lời chua – *Miễn tuyển* : Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, thể lệ đời Hồng Đức định cứ sáu năm có một kỳ xét duyệt dân đinh để tuyển bổ vào quân ngũ. Trước kỳ xét duyệt dân đinh, thì hai ty Thừa chính và Hiến sát các đạo phải dự bị thi khảo học trò, người nào dự trúng kỳ thi khảo sẽ được miễn việc tuyển bổ vào quân ngũ.

Tháng 10, mùa đông. Định rõ lại sắc lệnh về việc con vợ cả, con vợ thứ được đứng làm thừa tự.

Nhà vua ra dụ chỉ : phàm các quan viên và bách tính, người con cháu nào được đứng làm thừa tự, thì không kể người ấy tuổi nhiều hay ít, quan chức lớn hay nhỏ, đều nhất thiết dùng con trai trưởng do người vợ cả sinh ra ; nếu người con trai trưởng của vợ cả mất sớm, thì dùng người cháu trưởng ; hoặc không có cháu trưởng mới dùng đến con trai thứ do người vợ cả sinh ra ; nếu người vợ cả lại không có con trai thứ, lúc ấy mới chọn đến con trai do người vợ thiếp sinh ra ; nếu con trưởng, cháu trưởng

(1) Tức chánh chủ khảo sau này.

(2) Tức phó chủ khảo sau này. Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIV, tờ 8.

là người bất hiếu hoặc là người có bệnh tật không thể kham nổi việc thừa kế, thì được phép báo cáo với quan sở tại chọn lập người thừa tự.

Tháng 11, Hạ sắc lệnh cho các quan khuyên nhủ nhân dân làm ruộng, trồng dâu, giữ gìn phong tục cho được thuần hậu.

Nhà vua hạ sắc dụ các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện phải thời thường đi xem xét ruộng đất nơi bằng phẳng, đất nào có lợi mà còn bỏ sót thì mở mang cho hết nguồn lợi của đất, người dân nào có sức mà còn để thừa thì đốc thúc họ làm cho hết sức. Hằng năm, phải thời thường đi tuần hành trong hạt mình, khi đến làng xóm nào cần phải đem những lời dạy bảo về lễ nhạc của thánh vương ngày trước cùng những tờ sắc dụ mở đường dẫn lối của triều đình, hiểu bảo cặn kẽ kỹ càng cho dân hiểu rõ. Nếu thấy việc gì làm hại đến giáo hoá, làm nát cả phong tục, cần phải răn cấm ngay ; nếu thấy người nào có lòng trung thành với vua, thành tín với người ngoài, hiếu thảo với cha mẹ, hoà thuận với anh em, cần phải khen thưởng họ. Các viên quan làm thế nào cho dân có của thừa, phong tục đều trở nên thuần hậu, để đời được thịnh trị theo như lòng mong muốn của ta. Trong hàng các quan, nếu có người nào biết hết lòng làm đầy đủ chức phận, thì hai ty Thừa chính, Hiến sát đều được đem tên người ấy tâu bày, trẫm sẽ khen thưởng ; còn nếu có viên quan nào coi việc này như trò đùa mà khinh thường, sẽ phải bãi chức và bắt sung vào quân ngũ. Chb. **XXIV**, 3

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan phủ, huyện. Trong lúc nhân dân làm ruộng đã được nhàn rỗi, các viên phủ, huyện chiếu theo sổ điền xem chỗ nào hạng ruộng nọ giáp giới với hạng ruộng kia, thì bắt nhân dân họp tập chỉ dẫn đâu là ruộng công và đâu là ruộng thế nghiệp, rồi đắp giới mốc riêng ra, để làm tiêu chuẩn nhất định lâu dài.

Trần Nhữ Vi, tri huyện Thư Trì, tâu nói : "Các xứ trong nước, hình thế ruộng đất chỗ cao chỗ thấp không đều nhau, công việc làm ruộng cũng có nơi sớm nơi muộn khác nhau, nơi có ruộng mùa thì cày cấy vào tháng 2, tháng 3, nơi có ruộng chiêm thì cày cấy vào tháng 11, tháng 12. Nay viên hữu ty[1] cứ nhất luật đến mùa đông bắt dân đi làm việc công, như thế có ngăn trở cho công việc làm ruộng. Xin từ nay, về công việc sửa đê đắp đường, hai ty Thừa chính và Hiến sát nên khám xét rõ ràng, chỗ nào có ruộng cấy lúa mùa thì cho dân làm công việc ấy vào cuối mùa đông, chỗ nào có ruộng cấy lúa chiêm thì cho dân làm công việc ấy vào các tháng mùa xuân, đều nhân lúc nhân dân đã được nhàn rỗi về công việc làm ruộng, để hợp với sự tiện lợi của dân". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các viên phủ, huyện : Chb. **XXIV**, 4
Phàm chỗ ven núi ven biển còn có ruộng bỏ hoang chưa khai khẩn hết, thì các viên phủ, huyện đều phải đi khám thực, đôn đốc nhân dân khai khẩn cấy trồng.

Lời chua – *Huyện Thư Trì* : Nay thuộc tỉnh Nam Định[2].

Thái tử thiếu bảo Trần Phong phạm tội, giao xuống ngục hình ; Trần Phong chết.

Phong, trước thờ Lê Nhân Tông, vào chầu Kinh Diên[3], sau a dua phụ hoạ với Nghi Dân, đối với nhà vua thường không giữ lễ độ. Kịp lúc nhà vua lên ngôi, Phong làm Thượng thư bộ Hình, vì phạm tội phải biếm chức ra làm thừa chính sứ ở Sơn Tây, sau lại được triệu về triều bổ dụng, thăng dần đến thái tử thiếu bảo kiêm giữ chức đô ngự sử. Nhà vua thường ghét Phong là người

(1) Một danh từ để gọi chung các viên quan giữ một nhiệm vụ nhất định.

(2) Nay huyện Thư Trì hợp với huyện Vũ Tiên thành huyện Vũ Thư thuộc tỉnh Thái Bình.

(3) Xem chú thích số 1. *Chính biên* quyển IV, tờ 19.

gian tà xiểm nịnh[1]. Đến nay, có người cáo tố Phong can tội phỉ báng, nhà vua bèn giao xuống ngục hình. Phong chết ở trong ngục. Nhà vua bảo với bọn Nguyễn Như Đổ rằng : "Trần Phong lúc trước làm bầy tôi cũ Lệ Đức hầu[2], nay hắn thờ trẫm, nhưng vẫn chứa đựng cái lòng không hết đạo làm tôi, hắn thường phỉ báng trẫm là sắp xếp quan hiệu theo chế độ nhà Minh, mà không theo thông chế của quốc triều, hắn thật là một bầy tôi bạn nghịch".

Lời chua – *Sơn Tây* : Xem năm Quang Thuận thứ 10. (chb. XXI, 18, 27-28)

Bính Ngọ, năm thứ 17 (1486). (Minh, năm Thành Hoá thứ 22).

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lại thể lệ quan viên vào thi Hội.

Theo chế độ cũ, quan viên người nào chưa trúng tuyển khoa thi Hương, đều cho phép được vào thi Hội. Nay Hàn lâm viện thị thư Lương Thế Vinh tâu xin: "Từ nay về sau, quan viên nào chưa trúng tuyển qua khoa thi Hương mà tình nguyện vào thi Hội, nếu viên quan ấy giữ chức ở trong kinh thì do phủ Thừa Thiên ; ở ngoài các đạo thì do ty Thừa chính phúc hạch theo như thể lệ thi Hương, người nào trúng tuyển mới cho vào thi Hội". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Chb. **XXIV**, 5

Đinh Mùi, năm thứ 18 (1487). (Minh, năm Thành Hoá thứ 23).

Tháng 2, mùa xuân. Cấm xưng hô tiếm lạm càn rỡ.

Danh từ dùng để xưng hô định như thế này :

Thân vương xưng hô là điện hạ ; tự thân vương xưng là phủ hạ ; tước công, tước hầu, tước bá, phò mã và viên quan hàm

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXI, tờ 12 về việc Lê Thánh Tông kể tội lỗi và nết xấu của Trần Phong.

(2) Tức Nghi Dân.

nhất phẩm xưng là các hạ ; viên quan hàm nhị và tam phẩm xưng là môn hạ ; viên quan hàm tứ, ngũ và lục phẩm xưng là đại phu ; viên quan hàm thất, bát và cửu phẩm xưng là quan trưởng. Nếu người nào dám xưng hô tiếm lạm càn rỡ cùng người nhận lời xưng hô không chính đáng ấy, đều sẽ phải phạt 50 roi và 10 quan tiền.

Hạ sắc lệnh : tuyển người có tài năng, đức vọng, thanh liêm, cần mẫn, để cất nhắc lên giữ chức tổng binh.

Nhà vua hạ sắc dụ : chức tổng binh, do triều đình ký thác cho chức vụ nặng nề ở một địa phương, không thể tin dùng hạng người không xứng đáng được. Vậy các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài phải chọn vệ quan ở các nha môn, người nào có thao lược, tư cách, đức vọng, tài năng, mẫn cán, liêm khiết, cần cù, thì cất nhắc lên để giữ chức ấy. Nếu ai dám vì tình riêng đề cử bậy, sẽ phải tội.

Tháng 11, mùa đông, đại xá cho trong nước.

Lời phê – *Không biết có việc gì mà cứ ân xá luôn*[1].

Hạ chiếu : Các quan ở trong triều đường theo thứ tự bàn luận việc công.

Nhà vua hạ chiếu các quan bàn luận việc công ở triều đường : Khi nào có sắc chỉ nhà vua truyền hỏi việc gì, thì trước hết các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài, thứ đến các quan trong Lục bộ, Lục tự, lại thứ nữa đến các quan được phong tước công, tước hầu, tước bá và đô đốc trong ngũ phủ. Các viên chức kể trên cứ theo thứ tự mà bàn luận, cốt làm thế nào cho lời bàn luận được rõ ràng, không ai được phụ hoạ theo đuôi ý nghĩa câu nói của người khác, hoặc ngậm miệng

Chb. **XXIV**, 6

(1) Lời phê này có ý muốn nhắc đến việc ân xá tháng 8 năm Hồng Đức thứ 13, tháng 2 năm thứ 15 và lần này nữa.

không bàn luận gì. Nếu người nào dám trái lệnh, thì giám sát ngự sử sẽ tâu hặc trị tội.

Mậu Thân, năm thứ 19 (1488). (Minh, Hiến Tông, năm Hoằng Trị thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Lam Kinh.

Tháng 7, mùa thu. Đại hạn. Hạ chiếu xét xử việc ngục tụng cho được dứt khoát xong xuôi.

Nhà vua thấy đại hạn đã lâu ngày, hạ chiếu cho các nha môn trong kinh và ngoài các đạo phải xét xử việc ngục tụng cho được dứt khoát xong xuôi : việc kiện nhỏ xét xử trong hạn 5 ngày, việc kiện lớn trong hạn 10 ngày, không được để bê trễ.

Tháng 8. Thải bớt những lại điển vào hạng thừa.

Phàm lại điển ở các nha môn trong kinh và ngoài các đạo, người nào tuổi già mỏi mệt yếu đuối, đều bãi chức cho về.

Tháng 12, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Lúc ấy nước ta đối với nhà Minh có mấy việc như thế này :

– Trước đây, nước Chiêm Thành sau khi đã bị phá, dòng dõi vua nước ấy là Cổ Lai đem gia quyến sang nhà Minh báo cáo về nạn nước. Hiến Tông nhà Minh sai quân đưa Cổ Lai về nước lập làm quốc vương, rồi đưa tờ hịch sang dụ bảo vua nhà Lê.

– Hiến Tông nhà Minh mới lập làm vua, sai sứ sang báo cáo về việc lên ngôi vua và ban cho lụa hoa.

Đến nay, nhà vua sai Đàm Văn Lễ, Vương Khắc Thuật và Phạm Miễn Lân sang nhà Minh chúc mừng việc lên ngôi vua ; Tống Phúc Lâm dâng hương ; Hoàng Đức Lương tạ ơn việc ban cho lụa hoa ; Hoàng Bá Dương báo cáo với nhà Minh về việc Chiêm Thành quấy nhiễu ngoài biên giới nước ta. Chb. **XXIV**, 7

Theo *Minh sử*, mục Ngoại quốc, về truyện Chiêm Thành, thì năm Thành Hoá thứ 17 (1481), Cổ Lai sai sứ sang nhà Minh triều cống nói : "Nước tôi bị tai nạn vì nước An Nam đánh phá, tôi cùng anh tôi là Trai Á Ma Phất Yêm phải lẩn trốn trong hang núi. Sau, nước An Nam sợ oai trời[1] sai người dò hỏi tìm được anh tôi, trả lại cho đất cũ. Anh tôi quyền giữ việc nước chưa được bao lâu đã bị chết sớm. Kể theo thứ tự, tôi đáng được lập làm vương, nhưng tôi không dám tự chuyên, xin bệ hạ ban cho tôi sách thư ấn tín. Còn về, đất đai thì quyền sở hữu của nước tôi gồm có hơn 3.500 dặm, xin bệ hạ đặc dụ cho người Giao Châu phải trả lại hết đất đai đã xâm lấn cho nước tôi". Năm thứ 20 (1484), vua nhà Minh sai cấp sự trung Lý Mạnh Dương và hành nhân[2] Diệp Ứng đem sách thư phong Cổ Lai làm Chiêm Thành quốc vương. Bọn Mạnh Dương nói : "Nước Chiêm Thành hiểm trở xa xăm, mà nước An Nam vẫn gây việc binh đao chưa chịu thôi, hiện nay Đề Bà Đài lại vụng trộm chiếm cứ đất ấy. Nếu việc đi sách phong mà có chút nào không thuận lợi, thì lại tổn thương đến uy danh nước ta ; tưởng nên sai sứ thần đến dụ bảo Cổ Lai sang Quảng Đông nhận sách phong và ra sắc lệnh cho An Nam phải ăn năn tội lỗi". Vua nhà Minh theo lời tâu ấy. Cổ Lai bèn đem gia quyến sang Nhai Châu ; Mạnh Dương làm xong công việc sách phong rồi trở về. Sau đó Cổ Lai lại muốn thân đến cửa khuyết để tâu bày về việc nước An Nam. Năm thứ 23 (1487), Tống Mân, tổng đốc Quảng Đông, đem việc này tâu bày. Đình thần bàn "nên sai một viên đại thần đến nơi an ủi Cổ Lai và hạ hịch văn dụ bảo nước An Nam nên theo nghĩa "tồn vong kế tuyệt"[3] đón Cổ Lai trở về Chiêm Thành". Vua nhà Minh chuẩn

Chb. **XXIV**, 8

(1) Chỉ oai vua nhà Minh.

(2) Một chức quan giữ về việc nghi lễ và đi sứ nước ngoài.

(3) Một nước đã bị xâm lấn mất đất đai, nay cho nước ấy lại được bảo tồn lấy đất đai cũ của mình ; một dòng giống của vua chúa đã bị diệt vong, nay cho dòng giống ấy lại được kế tiếp giữ lấy cơ nghiệp của tổ tông mình. Chế độ này đặt ra từ đời nhà Thương, nhà Chu ở Trung Quốc.

y lời bàn của đình thần, bèn sai Nam kinh đô ngự sử là Đồ Dung sang Quảng Đông, lại đưa luôn tờ hịch sang An Nam hiểu bảo về việc hoạ phúc, rồi mộ hai ngàn quân mạnh khoẻ, đi 20 chiếc thuyền vượt biển hộ vệ Cổ Lai về nước. An Nam không dám kháng cự, lúc ấy Cổ Lai mới được vào trong nước.

Lời phê - *Phàm việc gì có can thiệp đến nước ngoài, Sử của nước ta và Sử của Trung Quốc, mỗi bên đều chủ trì một thuyết, bên nào cũng không tránh khỏi bênh vực chỗ sở đoản của nước mình. Chưa biết sử nước nào chép đúng ?*

Lời chua – *Phạm Miễn Lân* : Người xã Huê Cầu, huyện Thiện Tài, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức.

Tống Phúc Lâm : Người xã Nhất Trai, huyện Thiện Tài, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức.

Hoàng Đức Lương : Người xã Ngọ Cầu, huyện Gia Lâm, đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức.

Hoàng Bá Dương : Người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, đỗ Tiến sĩ khoa Tân sửu (1481) năm Hồng Đức.

Định rõ phép khảo xét công trạng.

Phép khảo sát công trạng các quan chức như thế này :

Làm việc quan được ba năm thì sơ khảo(1) ; 6 năm, tái khảo(2) ; 9 năm, thông khảo(3).

- Người họ thân về bên nội bên ngoại của hoàng tông, con cháu của công thần khai quốc và quan văn, quan võ có quân công, những người này đã đủ ba lần khảo công được xứng chức đáng thăng hàm nhất nhị phẩm, thì bộ Lại tâu xin cho thăng chuyển lên theo thể lệ đã định.

(1) Xét công trạng lần thứ nhất.

(2) Xét công trạng lần thứ hai.

(3) Xét suốt cả công trạng trong 9 năm.

- Con của bách tính được bổ dụng làm quan, hoặc quân nhân vì có công đánh giặc mà được làm quan, người nào đã đủ 3 lần khảo công được xứng đáng với chức phận, cũng chỉ cho thăng đến tam phẩm mà thôi ; nếu trong vòng 9 năm vì có công trạng đặc biệt đã được thăng lên cấp trên, đến khi thông khảo lại được xứng chức đáng thăng đến nhị phẩm trở lên, thì bộ Lại tâu rõ, sẽ có chỉ thị nhà vua chuẩn định. Chb. **XXIV**, 9

- Thuộc viên ở các nha môn, người nào tại chức đã đủ ba lần khảo công thì đem hết sự trạng trong chức vụ của mình đã làm mà không lầm lỗi, trình bày đầy đủ, để viên trưởng quan xét kỹ lại cho dự vào thí quan[1] ; làm việc đủ ba năm được thực thụ chính thức, bấy giờ mới là sơ khảo. Người nào trong khi làm chức vụ phạm phải lầm lỗi và người nào được đặc cách thăng chức, thì tính suốt từ sau khi phạm lầm lỗi và sau khi được đặc cách thăng chức đã đủ hạn định ba năm, lúc ấy lại định làm sơ khảo ; sáu năm làm tái khảo ; đợi đủ chín năm làm thông khảo. Viên trưởng quan đem sự trạng mỗi lần khảo công từ trước đến sau khi người thuộc viên làm chức vụ, có đủ lời lẽ nhận xét làm chứng thực ; lại tuỳ theo chức quân của người ấy giữ nhiệm vụ nặng hay nhẹ mà tâu rõ. Bộ Lại sẽ chiếu theo các lần khảo công của thuộc viên ấy từ trước đến sau đã làm ở phiền nha[2], giản nha[3] như thế nào, tâu bày đầy đủ để thi hành theo như lệ định.

Việc khảo công này, nếu có người nào gian trá, thiện tiện thêm thắt công lao, hoặc ẩn giấu tội phạm của mình, cùng viên trưởng quan nào che đậy lẫn cho người gian trá, thì bộ Lại kiểm

---

(1) Một viên quan chức dưới, được quyền giữ công việc chức trên, để thử thách về tài năng, vì chưa được chính thức bổ dụng, nên gọi là thí quan, cũng như danh từ "thí sai" sau này. Xem thêm lời chua của *Cương mục chính biên* quyển XXIII, tờ 9.

(2) Nha môn có nhiều việc phiền kịch.

(3) Nha môn ít việc, công việc đơn giản.

xét rõ ràng để trị tội. Nếu người nào có tài năng đặc sắc khác với người thường, sẽ có lệnh chỉ nhà vua đặc cách cất nhắc, không câu nệ vào thể lệ này.

Nhà vua ra sắc lệnh : trưởng quan các nha môn ở ngũ phủ và các vệ kén chọn tướng hiệu thuộc quyền mình cai quản, người nào có sự trạng xác thực về quận công, am tường lão luyện về võ nghệ và tài năng, kiến thức, thanh liêm, mẫn cán, thì được để giữ chức vụ như cũ, còn người nào bỉ ổi, tham nhũng, làm việc một cách cầu may, thì hặc tâu để cách bãi đi. Nếu viên trưởng quan nào vì tình riêng mà lựa chọn không đích xác, sẽ phải tội. Chb. **XXIV**, 10

Kỷ Dậu, năm thứ 20 (1489). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 2).

Tháng 5. mùa hạ. Đại hạn, nhà vua hạ lệnh ân xá.

Canh Tuất, năm thứ 21 (1490). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Dân ở Đông đạo bị nạn đói, nhà vua sai sứ thần đi phát chẩn và cho dân vay thóc.

Lúc ấy đại hạn đã lâu, các phủ huyện thuộc Đông đạo không thể cày cấy được, nhân dân phần nhiều bị chết đói. Nhà vua sai các quan ở Hàn lâm viện, Lục khoa, Ngự sử đài và hiệu uý vệ Cẩm Y chia nhau đến các phủ huyện, đem thóc trong kho phát chẩn và cho dân vay.

Lời chua – *Đông đạo* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1. (chb.XV,5).

Tháng 4, mùa hạ. Chia trong nước làm 13 xứ.

Trước đây định bản đồ, chia trong nước làm 12 đạo thừa tuyên. Đến nay nhà vua đem đất cũ Chiêm Thành đặt ba ty Đô, Thừa và Hiến ở Quảng Nam, định số hộ khẩu và cương vực mới tăng chia làm 13 xứ, là : Thanh Hoá, Nghệ An, Sơn Nam, Sơn Tây,

Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Lạng Sơn, An Bang, Thuận Hoá, Quảng Nam, và Trung đô phủ[1].

Trong 13 xứ, có : 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 6.851 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 30 nguyên, 30 trường. Ở Nghệ An, Thuận Hoá, An Bang, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Quảng Nam đều đặt sở Thủ ngữ kinh lược xứ. Chb. **XXIV**, 11

Nhà vua ra sắc lệnh định thể lệ chia xã : Phàm xã nào tính đủ 500 hộ rồi, mà ngoài ra lại còn thừa đến 100 hộ trở lên, thì do viên quan sở tại trích từng xã một tâu bày, để chia tách ra làm xã khác, cho bản đồ được rộng thêm.

Lời chua – *Thanh Hoá, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Lạng Sơn, An Bang, Thuận Hoá*. Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (chb.XXI, 16-35).

Quảng Nam : Xem Hồng Đức thứ 2 (chb. XII, 7-10).

Nghệ An thủ ngữ : Gồm 7 sở : Luận Man, Trịnh Mãn, Trung Man, A bang động, Hoằng Lễ, Bính Phát và Trừng Kích.

Thuận Hoá thủ ngữ : Gồm 6 sở : Yêu Dũ, Minh Linh, Hải Vân, Tư Khách, Bố Chính và Để Tích.

An Bang thủ ngữ : Gồm 9 sở : Kim Lặc, Vạn Ninh, Ly Lẫm, Trì Thanh, Vĩnh Yên, Bình Lãng, Da Khê, An Bần và Khê Động.

Tuyên Quang thủ ngữ : Gồm 5 sở : Độ Ma, Huyên Lang, Thế Tuy, Hùng Quan và Vọng Bác.

Hưng Hoá thủ ngữ : Gồm 8 sở : Hoàng Hoành, Hoa Quán, Thiên Binh, La Sá, Dũng Quát, Đà Lãng, Đăng Tỷ và Thạch Lũng.

---

(1) Năm Quang Thuận thứ 10 đã đổi tên là phủ Phụng Thiên, quản lĩnh hai huyện : Thọ Xương và Quảng Đức. Vị trí phủ này ở liền kinh thành Thăng Long, nên lệ thuộc thẳng với kinh sư, không lệ thuộc vào một xứ nào trong 13 xứ cả.

Thái Nguyên thủ ngữ : Gồm 22 sở[1] : Lân Vĩ, Thanh Sơn, Na Man, Đã Hí, Cối Đà, Quả Thoát, Phủ Điền, Đương Châu, Bảng Ải, Nga Ổ, Na Động, Phiếu Khinh, Vĩnh Bồng, Kim Đẳng, Trạo Nhi, Na Thông, Giản Toái, Bác Nhẫm, Na Lạn, Lộng Ải, Bình Nê, Hoá Long, Hoa Can, Thẩm Giáp, Sóc Hồng, Bà Hoan, Cao Đồn, Khư Động, Hố Đam, Bào Tuyền, Hoài Ninh và Ô Dược. Chb. **XXIV**, 12

Lạng Sơn thủ ngữ : Gồm 18 sở : Gia Tĩnh, Lân Quan, Thôn Quan, Phạt Quan, Kết Quan, Nam Hiệu, Thất Nguyên, Chi Lăng, Luật Quan, Khiếu Vượng, Bình Lăng, Lạc Khư, Gia Bộc, Kiều Quan, Công Bình, Bác Lộc, Trĩ Hổ và Thiết Bình.

Quảng nam thủ ngữ : Gồm 2 sở : Cổ Biên và Tiểu Áp.

Sở tại của các sở, nay không khảo cứu hết được.

Đại xá.

Năm bấy giờ, giá gạo cao, một tiền chỉ đong được 2 thăng gạo.

Tháng 11, mùa đông. Sửa đắp kinh thành thêm rộng ra.

Nhà vua răn sợ về việc loạn đời Diên Ninh[2], bắt sĩ tốt sửa đắp kinh thành dài rộng 8 dặm, đắp 8 tháng mới hoàn thành, bèn dựng điện Thạch Thất, lập vườn Thượng Lâm để nuôi bách thú.

Lời phê – *Cần ở chỗ có đức chứ không cần ở chỗ hiểm trở, bắt dân phải khó nhọc làm gì ?*

Lời chua – *Điện Thạch Thất, vườn Thượng Lâm* : Nay không rõ ở chỗ nào. Chb. **XXIV**, 13

Đặt thêm các quân ở các vệ thuộc ngũ phủ.

---

(1) Nguyên văn chép 22 sở (nhị thập nhị sở), nhưng nếu cứ lấy hai chữ làm tên một sở như các sở ở Nghệ An, Thuận Hoá, An Bang, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Lạng Sơn và Quảng Nam, thì thủ ngữ của Thái Nguyên lại là 32 sở. Như vậy không biết có phải nguyên thư in nhầm chữ "tam" ra chữ "nhị" không ? Hay là có tên sở nào 3 chữ hoặc 4 chữ mà tách ra không được đúng chăng ? Vì sách in đã không chấm ngắt ra, mà các sở ấy lại đều là những tên lạ, không biết tách ra từng sở thế nào cho chính xác được.

(2) Chỉ việc Nghi Dân giết Lê Nhân Tông, cướp ngôi vua. Xem thêm *Chính biên* quyển XVIII, tờ 34.

Trước đây đặt vệ Cẩm Y 22 ty, vệ Kim Ngô 14 ty, Hiệu lực 4 vệ, Thần Võ 4 vệ, Điện Tiền 6 vệ, Tuần Tượng 4 vệ, Mã Nhàn 4 vệ, các quân thuộc ngũ phủ : Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi vệ 5 sở hoặc 6 sở, mỗi sở 20 đội, mỗi đội 20 người. Đến nay, mỗi sở ở các vệ thuộc ngũ phủ đều đặt thêm một phó quân, đều không câu nệ đội ngũ, chỉ có từ ban thứ nhất đến ban thứ tám, mỗi sở chiếu theo số quân nhiều hay ít, liệu lượng định thứ tự từng ban.

Lời chua – *Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lực, Thần Võ, Tuần Tượng, Mã Nhàn và các quân trong ngũ phủ :* Đều xem năm Quang Thuận thứ 8.

Tân Hợi, năm thứ 22 (1491). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 4). (chb, XX, 2-5, 31-35)

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Tháng 8, mùa thu. Mưa to.

Lúc ấy, mưa to suốt ngày đêm không ngớt. Nước dâng lên dữ dội, điện Kính Thiên nước sâu hai thước hai tấc, ruộng bằng phẳng ở các huyện Thanh Oai và Thanh Đàm nước sâu đến 4 thước. Nhà vua hạ lệnh cho chỉ huy, hiệu uý hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô chia nhau đi khơi tháo những chỗ nước mưa làm hại thóc lúa. Chb. **XXIV**, 14

Nhà vua dụ bảo bầy tôi rằng : Chính sự thiếu sót lầm lỗi, nên trời gieo tai vạ. Đấy là do đức trạch của trẫm không thấm khắp đến dân, lòng thành chưa cảm động đến trời, cho nên đến nỗi tai hoạ như thế, chứ trăm họ có tội gì đâu ! Không biết lúc ngày thường các khanh có thật bụng lo việc nước, giữ phép công, để sửa chữa những điều mà trẫm không nghĩ đến không ? hay các khanh chỉ chơi bời cho thoả thích, theo bụng riêng mưu điều lợi để giữ vững quyền vị đấy thôi ? Trước kia, về thời Thái Tông hoàng đế triều ta, vua tôi một lòng, vua sáng, tôi hiền, bầy tôi hăng hái, lòng vua phấn khởi, vì có hoà khí mà đem lại điềm lành, thói tốt ấy đến nay có thể tưởng tượng được.

Đến quãng năm Thái Hoà - Diên Ninh[1], bầy tôi gian tà chuyên giữ quyền bính, gây ra tai biến ngay trong nhà[2] ; lấy đấy làm gương mà răn sợ việc ấy rất là rõ ràng. Vậy từ nay về phần các khanh, nếu người nào còn chần chừ noi theo thói cũ, khi tiến khi thoái chỉ theo đuôi người, không để bụng nghĩ đến việc nước, quyết nhiên trẫm không dung tha. Nếu người nào biết tự giữ vững điều trung tín, hết sức hết lòng, trẫm cũng không ngần ngại ban cho trọng thưởng. Các khanh nên nghĩ kỹ lấy, đừng để có sự ăn năn về sau.

Lời chua – *Điện Kính Thiên* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (chb. XV, 13).

Thanh Oai : Xem Bình Định vương năm thứ 8. (chb. XIII, 31).

Thanh Đàm : Tức Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 14. (chb. VI, 26).

Tháng 10, mùa đông. Ruộng lúa được mùa lớn. Chb. **XXIV**,15

Dựng đình Quảng Văn.

Trước đây, khi nào có chiếu lệnh của nhà vua ban ra, lúc ấy mới do bộ đem treo bảng yết thị. Đến nay, dựng đình ở ngoài cửa Đại Hưng làm nơi treo những pháp lệnh về việc chính trị. Khi đình ấy đã lạc thành, nhà vua đặt tên cho là đình Quảng Văn.

Lời chua : – *Cửa Đại Hưng* : Xem Lý Nhân Tông, năm Duệ Võ thứ hai (chb. IV, 11).

Nhâm Tý, năm thứ 23 (1492). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 5).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua sai các quan trong Hàn lâm, Lục khoa và Ngự sử đài chia nhau đi xét xử ngục tụng.

---

(1) Niên hiệu Lê Nhân Tông (1443 - 1453)

(2) Chỉ việc Nghi Dân trèo thành vào cung điện giết mẹ con Lê Nhân Tông, xem thêm *Chính biên* quyển XVIII, tờ 34-35.

Lúc ấy, việc ngục tụng phần nhiều đình trệ, nhà vua hạ lệnh cho các quan trong Hàn lâm viện, Lục khoa và Ngự sử đài chia nhau đi 13 xứ thẩm xét phán đoán những hình ngục còn đọng lại.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho các quan trong viện Hàn lâm giữ việc tuyển cử khoa thi Hương.

Trước đây, viên quan giữ việc tuyển sĩ tử khoa thi Hương, cứ đến lúc mở khoa thi, nhà vua mới hạ lệnh sai phái, không nhất định lấy viên quan ấy ở nha môn nào, cốt chọn người có khoa mục văn học giữ chức ấy. Đến nay, nhà vua hạ lệnh chuyên giao các quan trong viện Hàn lâm giữ việc sai phái này, mỗi trường thi 4 người. Viện Hàn lâm chuyên giữ chức khảo quan về khoa thi Hương bắt đầu từ đây.

Tháng 12, dân bị đói lớn.

Quý Sửu, năm thứ 24 (1493). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 6). Chb. **XXIV**, 16

Tháng 2, mùa xuân. Định ban thứ trong triều.

Phàm ban thứ trong triều : văn ban và võ ban, người nào cùng ngang phẩm hàm với nhau, thì viên quan cũ cùng viên quan nhiều tuổi đứng hàng trên, viên quan mới cùng viên quan ít tuổi đứng hàng dưới ; người nào phẩm trật thấp mà giữ chức cao, nếu là hàng tam phẩm thì đứng ở ban nhị phẩm, nếu hàm thất, bát phẩm thì đứng ở ban lục phẩm ; người nào phẩm trật cao mà giữ chức thấp, nếu là hàm nhị phẩm thì đứng ở ban tam phẩm, nếu là hàm tứ, ngũ phẩm thì đứng ở ban lục phẩm ; ngoài ra cứ theo thể lệ này mà suy. Còn như quan trong Lục khoa hàm thất bát phẩm thì đứng ở hàng trên trong ban lục phẩm. Về phần quan văn, quan võ người nào là quan phụng triều yết[1], thì chiếu theo chức của mình mà đứng ở hàng cuối trong ban.

(1) Không phải tên một chức quan, mà là danh từ để gọi chung các quan văn võ được phụng mạng vua vào châu, vào yết kiến trong kinh đô.

Giáp Dần, năm thứ 25 (1494). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Định thể lệ về niên hạn lựa chọn cất nhắc Hoa văn học sinh.

Trước đây, thể lệ định những lại điển ở các nha môn đều theo niên hạn để tuyển bổ cất nhắc. Viên quan tá nhị[1] ở châu, ở huyện, nếu người nào thi Hội trúng được một, hai, ba kỳ thi được cất nhắc lên quan chính chức ở châu, ở huyện và các chức kinh lịch, khố sứ, duy Hoa văn học sinh ở Trung thư giám là không câu nệ niên hạn nhất định, khi nào đến kỳ tuyển bổ, mới chọn lấy một người trong bốn người, do viên trưởng quan bảo cử, bộ Lễ khảo xét lựa chọn làm danh sách tâu trình, đưa sang bộ Lại xét rồi tâu lên vua. Người nào vào hạng thượng đẳng và trung đẳng sẽ được bổ vào chức chính tự trong giám ấy hoặc bổ làm thủ lĩnh ở các phủ tại kinh đô, thì đến lúc bấy giờ sẽ có chỉ dụ đặc biệt của vua ban ra. Đến nay nhà vua hạ chiếu : Hoa văn học sinh đủ niên hạn 8 năm trở lên, thì các trưởng quan chọn người liêm khiết, siêng năng, mẫn cán, thông thạo công việc, trong số ấy có người nào đã từng được sai phái đi công cán hoặc theo đi đánh giặc có công, thì bảo cử lên ; những người ấy đều do bộ Lại lựa chọn cất nhắc, cũng như điển lại các nha môn. Chb. **XXIV**,17

Lời chua – *Hoa văn học sinh* : Theo điển lệ quan chế triều Lê, Hoa văn học sinh ở Trung thứ giám có 100 người.

Niên hạn các nha lại : Xem năm Hồng Đức thứ 8. (chb. XIII, 10-11).

Ất Mão, năm thứ 26 (1495). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 8)

Tháng 11, mùa đông. Sáng tác chín bài hát quỳnh uyển.

---

(1) Một danh từ để gọi riêng những viên quan chưa được giữ chính chức, còn thuộc quyền viên quan chính chức, giúp đỡ công việc trong một nha môn.

Nhà vua lấy cớ là : thời tiết thuận, năm được mùa, nên nhân lúc mọi việc được thư nhàn, bèn sáng tác thành chín bài thơ, là : phong niên[1], quân đạo[2], thần tiết[3], minh lương[4], anh hiển[5], kỳ khí[6], thư thảo[7], văn nhân[8], mai hoa[9]. Chín bài thơ này được ghép vào khúc hát, gọi tên là "quỳnh uyển cửu ca" [10]. Nhà vua thân hành soạn bài tựa, tự xưng là Tao đàn nguyên soái[11]. Hạ lệnh cho đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận làm phó nguyên soái ; đông các hiệu thư Ngô Luân và Ngô Hoán, hàn lâm viện thị độc Nguyễn Trùng Xác và Lưu Hưng Hiếu, thị thư Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huấn, Võ Dương và Ngô Thầm ; thị chế Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Kiêm, Lưu Thư Mậu ; hiệu lý Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên và Chu Hãn, kiểm thảo Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tốn, Đỗ Thuần Thứ, Phạm Nhu Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú và Chu Huân gồm 28 người theo vần trong chín bài ca ấy để hoạ lại, gọi là tao đàn nhị thập bát tú (28 ngôi sao của Tao đàn).

Chb. **XXIV**, 18

---

(1) Năm được mùa

(2) Đạo làm vua

(3) Tiết thảo người làm tôi.

(4) Vua sáng, tôi hiền.

(5) Tưởng nhớ người anh tuấn, hiền tài (chú thích theo *Việt sử thực lục*).

(6) Khí vận tỏ vẻ đặc sắc.

(7) Những thư thảo trong lúc vui đùa đã thành văn (chú thích theo *Việt sử thực lục*)

(8) Người văn học.

(9) Hoa mai.

(10) Chữ "quỳnh" nghĩa đen là viên ngọc quý, người ta thường dùng chữ này để tượng trưng cho thứ gì tinh anh trong sáng. Chữ uyển có một nghĩa là tụ họp. Tống Thái Tổ thường ban yến cho các tiến sĩ ở quỳnh lâm uyển, vua tôi xướng hoạ thơ phú với nhau. Có lẽ Lê Thánh Tông cùng phỏng theo vận sự đời Tống, nên đặt tên chín khúc hát là "quỳnh uyển cửu ca".

(11) Tao đàn cũng như văn đàn, thi đàn. Chữ "tao" có nghĩa là văn chương thanh tao đến tuyệt diệu. Chữ "đàn" có nghĩa là một nơi quảng trường. Bốn chữ này có ý nói một viên tướng đứng đầu trong quảng trường của Thi Nhân, mặc khách.

Lời phê – *Luôn luôn có hạn hán, nước to, đói dữ*[1], *mà đã nói như thế...*[2] *; lại còn xưng hô với nhau một cách khoe khoang*[3], *thật đáng khinh bỉ. Ông vua này không phải chỉ những đạo đức chưa được thuần hậu, độ lượng chưa được rộng rãi mà thôi đâu !*

Bính Thìn, năm thứ 27 (1496). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Khi nhà vua đến Tây Kinh, tưởng nhớ công nghiệp của ông cha bọn Lê Chí và Lê Vĩnh, bèn ban cho Lê Chí 30 lạng bạc, Lê Vĩnh 25 lạng bạc.

Lời chua – *Lê Chí :* Người xã Dựng Tú, huyện Lương Sơn, ông của Chí là Lê Lâm, theo Lê Thái Tổ đánh giặc Ngô có công, sau theo đi đánh Ai Lao, bị tử trận, được truy tặng thái uý. Cha của Chí là Lê Niệm, từng trải thờ Lê Thái Tông, Nhân Tông và Thánh Tông, là công thần đời trung hưng[4], được gia phong thái phó, tước Tĩnh quốc công khi mất, được truy tặng thái uý.

Lê Vĩnh : Ông của Vĩnh là Lê Sao, khai quốc[5] công thần, làm quan đến thiếu bảo ; bố của Vĩnh là Lê Thọ Vực từng trải thờ Nhân Tông và Thánh Tông, làm công thần đời trung hưng, được gia phong thái uý, tước Phú quốc công.

---

(1) Lời phê này nhắc lại việc tai biến đã xảy ra ở đời Lê Thánh Tông : 11 lần hạn hán, 6 lần thuỷ tai và 4 lần dân bị kém đói.

(2) Chỉ vào đầu đề của chín khúc hát, như : phong niên, minh lương, kỳ khí, v.v...

(3) Chỉ vào việc đặt tên khúc hát là "quỳnh uyển cửu ca" và vua tôi xưng hô là Tao đàn nguyên soái, phó nguyên soái và nhị thập bát tú.

(4) Sử thần nhà Nguyễn cho việc Nghi Dân giết Nhân Tông cướp ngôi vua không phải là chính thống và coi như chính thống nhà Lê đến đây đã mất ; đến khi Thánh Tông lên làm vua, họ cho là lại kế tiếp được chính thống, vì thế họ chép đời Lê Thánh Tông là trung hưng.

(5) Sử phong kiến lẫn lộn nước với vua là một, vì thế họ nhận Lê Thái Tổ sáng lập cơ nghiệp nhà Lê tức là mở nước, nên chép là khai quốc.

Lúc ấy, Chí làm Tả đô đốc phủ Nam quân, Vĩnh làm Tả đô đốc phủ Bắc quân.

Trời không mưa, nhà vua thân hành cầu đảo : tối hôm ấy mưa to. Chb. **XXIV**, 19

Lúc ấy, đã lâu không mưa, nhà vua tự mình thành tâm cầu đảo và tự soạn bài thơ, sai Nguyễn Đôn đem treo vào tường đền thờ thần Hoằng Hựu. Tối hôm ấy mưa to.

Lời chua - *Đền Hoằng Hựu* : Xem năm Quang Thuận thứ 8. (chb.XX, 12).

Tháng 2 nhuận. Ban yến cho quần thần ở bãi Thuý Ái.

Nhà vua từ Tây Kinh trở về, thuyền ngự đóng ở Thuý Ái, bầy tôi văn võ đến lạy mừng, nhân đấy nhà vua ban cho ăn yến.

Lời chua – *Bãi Thúy Ái* : ở bờ phía nam sông Nhị Hà, nay thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội(1).

Hoàng thái hậu mất.

Thái hậu bị bệnh, nhà vua cùng hoàng thái tử ngày đêm trông nom bệnh tật, không lúc nào rời một bên, phàm thuốc thang cùng đồ ăn, đồ uống đều thân hành nếm trước, hằng ngày cầu đảo với tôn miếu thần thánh. Đến nay, thái hậu mất ở điện Thừa Hoa, hưởng thọ 76 tuổi.

Lời chua – *Điện Thừa Hoa* : Nay không khảo cứu được. Chb. **XXIV**, 20

Tháng 3. Nhà vua thân hành thi cống sĩ.

Theo chế độ cũ, cống sĩ thi Hội đã được trúng cách, lúc vào thi Đình đều không người nào bị đánh hỏng. Đến nay, cử nhân vào thi Hội, quan trường lấy bọn Nguyễn Văn Huấn 43 người được trúng cách. Kịp khi nhà vua thân hành ra bài thi ở thềm rồng điện Kính thiên, hỏi về đạo cai trị, rồi triệu các cử nhân vào sân điện Kim Loan, nhà vua tự mình xét kỹ dung mạo từng

(1) Nay thuộc thôn Thuý Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

người, chỉ lấy đỗ 30 người, cho Nghiêm Viên, Nguyễn Huân và Đinh Lưu ba tên đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Đinh Cường 8 tên đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Đạo Diễn 19 tên đỗ đồng tiến sĩ xuất thân, đánh hỏng 13 người.

Lời chua - *Nghiêm Viên* : Người làng Bồng Lai, huyện Quế Dương, sau khi đã đỗ, lấy công chúa, đến lúc về nhà, bị vợ đánh thuốc độc chết.

Nguyễn Huân : Người làng Kim Đôi, huyện Võ Ninh [1].

Đinh Lưu : Người làng An Dật, huyện Thanh Lâm.

Đinh Cường : Người làng Tiên Tảo, huyện Bình Hà, được nhà vua đặt tên lại cho là Cương. Sau này, Cường đổi tiết tháo, thờ nhà Mạc, làm quan đến Lại bộ thượng thư.

Nguyễn Đạo Diễn : Người làng Kim Đôi, huyện Võ Ninh.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu tuyển chức quan ở Hiến sát sứ ty và chức quan ở phủ, ở huyện, ở châu. Chb. **XXIV**, 21

Nhà vua hạ tờ chiếu nói : Chức hiến sát phó sứ nếu có khuyết ngạch, thì lựa chọn trong hàng tiến sĩ cùng thuộc quan ở các nha môn lấy người nào đã thi Hội trúng một, hai, ba kỳ mà là người siêng năng, mẫn cán, cứng rắn, thẳng thắn để bổ sung. Còn như giám sinh, nho sinh và học sinh sung làm lại điển ở các nha môn, đã thi Hội thường trúng được một, hai, ba kỳ mà là người làm việc lâu năm, siêng năng, mẫn cán và người có quân công, thì sơ thụ cho chức tri huyện hoặc tri châu, giữ chức đủ ba năm không có lầm lỗi, sẽ cất nhắc lên viên ngoại lang, đồng tri phủ, lại giữ chức đủ sáu lần khảo công mà được xứng chức, sẽ cho thăng chức tri phủ.

Lời chua – *Giám sinh* : Tức là những người thi Hương trúng được bốn kỳ.

(1) Nay là xã Kim Chân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Nho sinh : Tức là con các viên quan thi hương trúng được ba kỳ. Đều xem năm Quang Thuận thứ 3. (chb.XIX, 21-22).

Tháng 8, mùa thu. Mưa to, gió lớn, nước dâng lên dữ dội. Ruộng lúa ở dân gian phần nhiều bị thối nát.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua không được khoẻ.

Đinh Tỵ, năm thứ 28 (1497). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 10).

Tháng Giêng, mùa xuân. Nhà vua mất.

Nhà vua bị đau nặng, tự dựa lưng vào ghế ngọc, để lại tờ chiếu cho hoàng thái tử nối ngôi vua ; ngày Nhâm Tý, nhà vua mất ở điện Bảo Quang.

Nhà vua ở ngôi 38 năm, hưởng thọ 56 tuổi, miếu hiệu Thánh Tông, có 14 người con.

Hoàng thái tử dụ bảo bầy tôi trong triều rằng : "Người con khi sinh ra được 3 năm, rồi sau cha mẹ mới khỏi Chb. **XXIV**, 22 phải bế ẵm. Cho nên phép đời cổ, con để tang cha mẹ ba năm. Văn đế nhà Hán không học theo phép đời cổ, khi mất, để lại mệnh lệnh cho đoản tang, đem ngày thay cho tháng[1], rồi sau này cứ làm theo phép ấy, như vậy là bỏ hết điển lễ, khinh bạc luân thường, không thể làm phép tắc được. Nay vua cha ta vội bỏ trăm họ lên chầu trời, lòng ta thương xót vô cùng, báo công đức không thể nào hết được. Vậy các khanh nên bàn định việc chịu tang ba năm, để xứng đáng với tâm linh ta thương yêu kính mến".

Đại thần và trăm quan đều lạy dập đầu xuống đất mà tâu rằng : "Điều hiếu là điều căn bản lớn để trị thiên hạ, nay điện hạ biết noi theo đạo hiếu, thì việc bàn định thi hành lễ cổ,

(1) Văn đế nhà Hán lúc sắp mất, để tờ chiếu lại cho chịu tang 36 ngày, như thế là đem 36 ngày thay thế cho 36 tháng (3 năm).

chúng tôi đâu dám chẳng tuân theo mệnh lệnh". Bèn định làm lễ chịu tang ba năm : Phàm lễ tiểu liệm[1], đại liệm[2], lễ thần[3] và lễ tế điện[4], nhất thiết theo đúng lễ phép đời cổ. Trăm quan văn võ để tang ba năm ; hạng lại, sĩ, quan và dân để tang một trăm ngày ; tang phục đều dùng vải trắng, thường phục thì cũng cho phép mặc lẫn màu xanh, màu thâm ; trong ba tháng đình chỉ việc cưới gả ; trong khoảng ba năm đều cấm mặc màu hồng, màu tía.

Lời chua - *14 người con của Thánh Tông* : Thái tử Chanh, các con thứ là Lương Vương Tuyên, Tống Vương Tung, Đường Vương Cảo, Kiến Vương Tân, Phúc Vương Tranh, Diễn Vương Thông, Quảng Chiêu, Nghĩa Vương Cảnh, Trần Vương Hình, Triệu Vương Thoan, Kính Vương Kiện. Chb. **XXIV**, 23

Tháng 2, Thái tử Chanh lên ngôi vua.

Ngày Mậu Dần, thái bảo Bình lương hầu Lê Chí, Binh bộ thượng thư Định công bá Trịnh Công Đán, Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Sùng khê bá Lê Vĩnh dẫn bầy tôi đến điện Hoằng Văn rước thái tử Chanh lên ngôi vua (tức Lê Hiến Tông), lấy sang năm làm năm thứ nhất niên hiệu Cảnh Thống.

Hạ chiếu : Lục khoa và Ngự sử đài xét quan lại kẻ hay người dở.

Nhà vua dụ bảo : Trẫm mới lên ngôi, việc dùng người làm chính trị, nghĩ sao tìm được người hiền tài tuấn kiệt để giúp

---

(1) Mặc áo mới cho người chết và bó thi thể lại.

(2) Bỏ thi thể vào áo quan.

(3) Chôn quàn. Theo nghi lễ cổ, thiên tử chết, bảy ngày làm lễ quàn, bảy tháng làm lễ táng ; vua chư hầu chết, năm ngày làm lễ quàn, năm tháng làm lễ táng ; đại phu, sĩ và thứ nhân chết, ba ngày làm lễ quàn, ba tháng làm lễ táng.

(4) Khi linh cữu còn để trong nhà, mỗi ngày hai buổi, con cháu đặt cỗ lên bàn thờ để cúng tế, gọi là triệu điện, tịch điện.

công việc, còn e rằng người hay người dở lẫn lộn với nhau, người trung người nịnh không xác định được ; nếu không phân biệt rõ ràng, thì lấy gì mà khuyên kẻ hay răn kẻ dở. Vậy từ nay, các nha môn trong kinh sư và ngoài các đạo, phàm có quan lại nào liêm khiết, tài năng, đáng nên khen thưởng cất nhắc, cùng quan lại nào tham lam nhũng nhiễu không xứng đáng với chức vụ, chuẩn cho phép Lục khoa và Ngự sử đài dò xét, tâu bày từng tên để trẫm biết.

Dân Nghệ An bị nạn đói, hạ chiếu phát thóc trong kho cho dân nghèo vay.

Lúc ấy, Nghệ An bị nạn kém đói, nhà vua ra sắc lệnh hai ty Thừa chính và Hiến sát phát thóc trong kho công cho dân nghèo vay, mỗi người được vay 100 thăng, đợi lúc lúa chín được mùa sẽ thu lại nộp trả vào kho công.

Lời chua – *Nghệ An* : Xem năm Quang Thuận thứ 10. (chb. XXI, 21-22).

Chb. **XXIV**, 24

Tôn mẹ là Quý phi Nguyễn Thị làm Hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu, người làng Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, là con gái Thái uý Trinh Quốc công Nguyễn Đức Trung. Năm Quang Thuận thứ nhất (1460) được tuyển vào chầu trong cung, phong là sung nghi, ở cung Vĩnh Ninh, tháng 8, năm Quang Thuận thứ 2 (1461) sinh nhà vua ; năm Hồng Đức thứ nhất (1470) sách lập làm Quý phi. Đến nay tôn làm Hoàng thái hậu, ở cung Trường lạc.

Đại hạn.

Lúc ấy đại hạn, Đông các hiệu thư Dương Trực Nguyên dâng sớ nói nhà vua nên tu dưỡng đạo đức để tiêu tán thiên tai.

Lời chua – *Dương Trực Nguyên* : Người làng Thượng Phúc, huyện Thượng Phúc[1], đỗ Đồng tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức.

Hạ chiếu : Tuyển người tiến sĩ nào có thành tích về chính trị để bổ giữ chức ở Ngự sử đài.

Nhà vua ra sắc lệnh : Từ nay, cấp sự trung trong Lục khoa và giám sát ngự sử, nếu có khuyết ngạch, thì bộ Lại chọn các quan trong kinh sư, ngoài các đạo người nào do tiến sĩ xuất thân mà là người liêm khiết, cần mẫn, cứng rắn, ngay thẳng, có thành tích về chính trị, thì cất nhắc lựa bổ. Người ấy giữ chức đủ một năm sẽ do Đô ngự sử đài xét nghiệm về sự trạng đã làm, rồi tâu bày đầy đủ. Nếu xét ra người nào có thể dùng được sẽ cho giữ chức như cũ, người nào không thể dùng được sẽ đổi sang giữ chức khác. Nếu Đô ngự sử đài xét nghiệm không công bằng, cho phép Lục khoa được đàn hặc để trị tội. Chb. **XXIV**, 25

Nhà vua hạ chiếu : Từ nay, về chức quan tuần ty ở ven biên giới, thì bộ Lại chọn lấy người ở địa phương lân cận với biên giới đã quen thuỷ thổ, có công đánh giặc đáng được bổ dụng để cất nhắc lựa bổ ; về quan thủ lĩnh các nha môn phủ, huyện, châu ngoài các đạo, có người nào đáng được thăng chức, thì bộ Lại đưa công văn cho viên quan cai quản khám xét kỹ càng, nếu quả là người liêm khiết, tài năng, chăm chỉ, mẫn cán, trong khi tại chức không để công việc bê trễ, mới được thăng chức.

Nhà vua hạ sắc lệnh : Nếu chức suy quan ở ty Thừa chính các xứ có khuyết ngạch, thì bộ Lại chọn quan viên ở các nha môn, người nào từng trải hai lần khảo công trở lên mà là người

(1) Nay là thôn Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

liêm khiết, tài năng, lão luyện, thông thạo và am hiểu danh lệ hình luật để cất nhắc bổ dụng.

Tháng 5, mùa hạ. Sửa viện Đãi Lậu.

Trước kia, Thái tổ dựng viện Đãi Lậu ở ngoài cửa Tây ; Thánh Tông dựng thêm hai dãy nhà ở ngoài cửa Đại Hưng ; đến nay nhà vua ra đặc lệnh cho quân ngũ phủ dựng hai dãy nhà ở ngoài cửa Đại Hưng làm viện Đãi Lậu, mỗi dãy ba gian, để làm chỗ các quan chờ đợi giờ khắc trước lúc sắp tiến Chb. **XXIV**, 26 vào triều đường.

Tháng 11, mùa đông. Sai Sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai Hộ khoa cấp sự trung Phạm Hưng Văn và Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Đức Thận sang nhà Minh cáo phó ; Hàn lâm viện hiệu lý Phan Tông, Phạm Khắc Thuận và Nguyễn Đình Tuấn sang xin phong tước.

Lời chua – *Phạm Hưng Văn* : Người làng Động Hối, huyện Thanh Lan[1], đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức.

Nguyễn Đức Thận : Người làng Trang Liệt, huyện Đông Ngàn[2], đỗ Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức. .

Nguyễn Đình Tuấn : Người làng Quảng Bố, huyện Thiện Tài[3], đỗ Đồng tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) năm Hồng Đức.

Định số binh sĩ ở những nơi biên giới.

Phàm các quân sĩ đóng ở ven biên giới, nếu có những người là bố con anh em với nhau hoặc là người cùng thôn cùng xã với nhau, mà hiện bổ phân tán ở các sở các vệ, thì đều được chiếu theo ngạch lính của từng sở, từng vệ đổi bổ những người ấy vào chung một đội ngũ để tiện việc cai quản đốc suất.

---

(1) Nay thuộc xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(2) Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

(3) Nay thuộc xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, Bắc Ninh.

Mậu Ngọ, Hiến Tông Duệ hoàng đế năm Cảnh Thống thứ nhất (1498). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ sắc lệnh : bảo vệ hành cung[1] một cách nghiêm ngặt.

Nhà vua ra sắc dụ cho các ty hộ vệ : Lệnh cấm ở hành cung không thể không nghiêm ngặt được. Sách Thượng thư nói : "Có phòng bị thì không sợ xảy ra hoạn nạn"[2] ; Sách Chu dịch nói : "Gõ hiệu canh từng trùng cửa để ngăn ngừa quân bạo nghịch"[3]. Đấy đều là để Chb. **XXIV**, 27 đề phòng sự bất trắc có thể xảy ra. Từ nay, khi xa giá đi bái yết sơn lăng, thì ba ty hộ vệ phải giữ lệnh cảnh giới cho nghiêm ngặt, chớ cậy là lúc thái bình mà coi thường việc phòng bị. Nếu có lệnh tuyên triệu viên quan nào, ban ngày thì dùng bài ngà, cờ lệnh, ban đêm dùng hổ phù, cờ lệnh, lúc ấy quân hộ vệ mới được mở cửa thành. Nếu người nào làm trái lệnh sẽ phải xử theo quân luật.

Lời chua – *Ba ty hộ vệ* : Theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn, năm đầu niên hiệu Quang Thuận (1460) đặt vệ quân Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền gọi là ba ty hộ vệ.

Giảm bớt thuộc quan ở vệ Lạng Sơn.

Theo chế độ cũ, vệ và sở thuộc phiên trấn bên ngoài ở các xứ, mỗi vệ đặt hai viên tổng tri và đồng tổng tri, mỗi sở đều có một viên quản lãnh và một viên phó quản lãnh, một viên chánh võ uý và một viên phó võ uý. Lúc ấy, sáu sở Chb. **XXIV**, 28

(1) Xem chú thích số 1 *Chính biên* quyển VI, tờ 20.

(2) Nguyên văn :" Hữu bị võ hoạn" (thiên Duyệt mệnh trung, *Thư kinh đại toàn* quyển V, tờ 28).

(3) Nguyên văn : "Trùng môn kích tích, dĩ dãi bạo khách". (Hệ từ hạ, *Dịch kinh đại toàn* quyển XIX, tờ 9).

thuộc vệ Lạng Sơn số quân ít mà số quan lại thì nhiều, nhà vua bèn ra sắc lệnh cho ba ty Đô, Thừa, Hiến bàn định, liệu lượng để lại : mỗi sở, chức quản lãnh và võ uý đều một người, mỗi vệ, chức giáo tập bác sĩ sáu người, ngoài ra đều giảm bớt. Những viên chức bị tỉnh giảm sẽ điều bổ đi vệ hoặc sở khác. Chb. **XXIV**, 28

Lời chua – *Sáu sở thuộc vệ Lạng Sơn* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8.(chb.XX, 35).

Làm lễ táng Lê Thánh Tông ở Chiêu Lăng.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Lễ bộ thượng thư Đàm Văn Lễ và đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu soạn bài ký khắc vào bia.

Cho vài trăm người cung nữ ra khỏi cung cấm.

Sai sứ thần đi tuần hành các quận huyện.

Nhà vua sai sứ thần chia nhau đi đến các quận huyện trong nước. Khám xét : nếu thấy người nào nghèo túng, già, yếu mà còn ở trong quân ngũ thì sa thải cho về ; thuế khoá, tạp dịch việc gì quá nặng thì giảm nhẹ đi ; buông tha cho người vì lầm lẫn vì vô ý mà phạm tội ; làm tỏ rõ lý lẽ cho người gặp điều oan uổng ; xá bỏ các thuế tích khiếm từ các năm trước ; phát chẩn cho người côi cút, người cùng nghèo ; thu dùng người thất chức ; khen thưởng người có công ; biểu dương người tiết nghĩa ; cất nhắc người liêm khiết ; tiến cử người hiền tài. Thi hành chính sách trên, trong kinh sư, ngoài các đạo đều lấy làm vui vẻ.

Trộm cướp nổi lên ở Nghệ An và Thuận Hoá. Hạ lệnh chiêu an phủ dụ.

Lúc ấy, ở Nghệ An và Thuận Hoá bọn trộm cướp đều nổi dậy, quận huyện lân cận không thể dẹp yên được. Nhà vua ra sắc lệnh cho viên quan có trách nhiệm triệt bỏ hết Chb. **XXIV**, 29

toán lính đi tiễu bắt và chiêu an phủ dụ cho họ trở lại nghề nghiệp cũ.

Lời chua – *Nghệ An, Thuận Hoá* : đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10. (chb.XXI, 21-24).

Hạ sắc lệnh cho thừa chính, hiến sát và phủ, huyện khuyên bảo dân làm ruộng trồng dâu.

Nhà vua lưu ý về việc làm ruộng :

– Ra sắc lệnh cho quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện đi tuần hành khuyên bảo nhân dân đắp đê ngăn nước, khơi thông những chỗ úng thuỷ, đắp bờ ruộng, để đề phòng hạn hán, thuỷ tai ; mỗi xã đặt một chức xã trưởng, chuyên đôn đốc về việc làm ruộng, trồng dâu.

– Phàm quan chức ngoài các đạo có việc vào kinh sư hoặc quan trong triều từ ngoài các đạo trở về, tất nhiên nhà vua triệu đến hỏi han về việc lúa mạ năm ấy được mùa hay mất mùa, trăm họ vui vẻ hay sầu khổ.

– Hạng quân tượng[1] đến lượt phải lên làm việc công đều được chia phiên cho về làm ruộng.

Bọn Vũ Hữu, Thượng thư bộ Lễ, tâu nói : "Người làm việc bếp nước ở Thái quân thự, so với hạng quân tượng[1] công việc cũng giống như nhau, nay các sắc quân tượng đến kỳ hạn đều được cho chia phiên nhau về làm ruộng, thế mà người giữ bếp nước vẫn phải ở lại làm việc, như vậy tưởng không được công bằng. Xin từ nay ty Thừa tuyên sứ ở bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc chọn lấy người phú nông trong hạt bổ thêm vào số người làm việc bếp nước, mỗi năm đến tháng 6, tháng 10, nhất luật chia ra từng ban cho về làm ruộng, để cho

(1) Những người thợ sung vào quân ngũ các vệ, giữ việc xây dựng kho tàng, đền quán và dinh thự... (*Việt sử thực lục* quyển XIV, tờ 17).

việc khó nhọc, việc nhàn rỗi được điều hoà". Nhà vua chuẩn y lời tâu này.

Nguyễn Quan Hiền, Tả thị lang bộ Hình, tâu nói : "Tháng 5, tháng 11 năm nay, các sắc quân tượng[1] đều được phép chia phiên nhau về làm ruộng, mà người ngục tốt ở ngục sở trong ty Ngũ hình vẫn phải ở lại làm việc sai phái, như thế chưa được công bằng. Xin từ nay ngục tốt được chia nhau cho về làm ruộng theo như thể lệ quân tượng". Nhà vua chuẩn y lời tâu này.

Chb. **XXIV**, 30

Định thể lệ đánh thuế đất bãi, chia làm hai hạng : một nửa là hạng đất trồng dâu, một nửa là hạng đất trồng lạc, mỗi mẫu nộp thuế một quan hai tiền. Xã nào có trồng dâu, thì cho phép nộp một nửa bằng tơ sống : mỗi mẫu một cân tám lạng, mỗi cân giá tám tiền ; xã nào không trồng dâu, thì nộp bằng tiền thay cho tơ sống.

Nhà vua hạ chiếu : Từ nay, năm nào thóc lúa được phong đăng, thì ty Thừa tuyên các xứ phải sức rõ cho phủ, huyện đốc thúc dân gian cố sức tích trữ cho nhiều để đi đến chỗ giàu đủ, không nên phung phí, tiêu dùng càn.

Lời chua – *Vũ Hữu* : Người làng Mộ Trạch huyện Đường An[1], đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Quan Hiền : Người làng Vĩnh Kỳ, huyện Từ Liêm[2], đỗ Đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Tháng 8, mùa thu. Hạ sắc lệnh xét xử việc ngục tụng cho được trôi chảy xong xuôi.

Nhà vua hạ sắc dụ cho các nha môn xét xử hình ngục : Việc hình ngục quan hệ đến tính mạng của dân, cho

Chb. **XXIV**, 31

(1) Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.

(2) Nay thuộc xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Tây.

nên "việc hình ngục không được để chậm trễ, đã có lời răn ở Chu Dịch[1] "hỏi hết những lời cốt yếu để xét đoán kiện tụng" đã chép ở Thượng thư[2]. Vậy từ nay, các việc ngục tụng nào tình lý còn nghi ngờ khó xét, đều phải y theo thời hạn xét xử cho xong. Nếu người nào còn dám để bê trễ, thì cứ đến cuối năm, viên quan cai quản, viên quan đề hình ở bộ Hình, quan giám sát ngự sử và Thanh hình hiến sát sứ ty phải kiểm tra hặc tâu để trị tội ; nếu các quan viên nói trên không kiểm tra tâu hặc, thì viên thượng ty trong Ngự sử đài và viên xá nhân được giữ việc thể sát hặc tâu. Các nha môn nào không xét xử đúng lẽ, thì người bị oan uổng được phép cứ sự thực tâu bày đầy đủ lên triều đình, viên quan ấy sẽ bị tội theo như luật định.

Lời chua – *Xá nhân* : Tức trung thư xá nhân, xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2. (Chb. XXII, 19).

Đặt thêm vệ quân ở Đô ty đạo Quảng Nam.

Trước đây, Đô ty đạo Quảng Nam đặt vệ Thăng Hoa gồm 5 sở, đến nay đặt thêm sở Súng Nỏ, lại đặt vệ Tư Nghĩa và Hoài Nhân mỗi vệ sáu sở.

Lời chua - *Vệ quân ở Đô ty Quảng Nam và năm sở thuộc vệ Thăng Oa* : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2. (chb. XXII, 7, 10).

Vệ Tư Nghĩa : Gồm sáu sở : Dương Nỏ, Siêu Ách, Phủ Giang, Trừng Hải, Phi Duẩn và Súng Nỏ.

Tháng 11, mùa đông. Hạ sắc lệnh cho Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc nộp thóc vào kinh sư.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho 4 xứ Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc sức cho phủ, huyện phái người đốc dân phu chuyên

(1) Nguyên văn : "bất lưu ngục" (Tượng từ quẻ Lữ, *Chu dịch đại toàn* quyển XV, tờ 32).

(2) Nguyên văn "phí tế yếu tù" (thiên Khang cáo, *Thượng thư đại toàn* quyển VII, tờ 39).

chở thóc công, mỗi xứ đều 12.500 hộc để nạp, chứa vào kho thóc ở kinh sư ; còn thóc công ở Thừa chinh ti các xứ Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hoá và Tuyên Quang, vẫn thu về chứa ở kho sở tại để việc biên phòng được đầy đủ. Chb. **XXIV**, 32

Lời chua - *Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Tuyên Quang* : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10. (chb. XXI, 16-35).

Tháng 12. Định rõ phép khảo công.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho thượng ty các nha môn ở trong kinh và ngoài các đạo đều phải xét thuộc quan dưới quyền mình cai quản, những người đã đủ ba lần khảo công, có người nào biết hết lòng vỗ về thương yêu, được quân và dân yêu mến, binh không trốn, thuế không thiếu, thì liệt vào hạng xứng chức, người nào tham lam nhũng nhiễu, kinh doanh lợi riêng, mà binh và thuế lại phần nhiều trốn thiếu, thì liệt vào hạng bất xứng chức, rồi đều kê tên từng người tâu lên triều đình, sẽ định việc cho thăng chức hoặc bãi truất.

Nhà vua hạ chiếu : chức thủ lĩnh được ngang hàng với trưởng quan bàn luận việc phải trái, chứ không phải chỉ có việc tra xét kiểm duyệt sổ sách mà thôi, cần phải đem lòng công để giữ phép, tự mình ngay thẳng để dẫn đường cho người khác noi theo, như bọn Vũ Phục Long, Phạm Như Dụ và Vũ Thế Hảo triều đình đã cho biểu dương để khuyên những người sau này ; thế mà xét ra người giữ chức ấy, có nhiều người vẫn nuôi lòng gian, làm việc xấu, không biết dùng lẽ phải để tự khuyên mình. Vậy từ nay, Lục khoa ở trong kinh, Hiến ty ở các đạo phải theo sự công bằng phân biệt cho rõ, ai là người liêm khiết, ai là

người tham nhũng, đều phải kê tên tâu lên triều đình. Về phần viên giám sát ngự sử các đạo lại cứu xét kỹ lại, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ có chỉ dụ định đoạt.

Nhà vua ra sắc dụ bọn Lại bộ thượng thư Trần Cận và Lại khoa cấp sự trung Lê Tung rằng : Bỏ kẻ xấu, dùng người hiền, vì thế mà Ngu Thuấn làm nên được mọi việc ; xét về danh, khảo về sự việc, vì thế mà Hán Tuyên đế được nghiệp trung hưng. Quốc gia ta xét theo phép đời xưa mà đặt quan, dùng người hiền tài cùng giúp công việc, về phép tắc tuyển cử, khoa điều khảo công, đã rõ ràng lại đầy đủ, nhưng khốn nỗi, trăm quan coi việc ấy làm văn án chiếu lệ, không phân biệt được kẻ dở người hay, vì thế mà con đường làm quan thành ra những lạm. Vậy từ nay quan viên văn võ trong kinh sư, ngoài các đạo, người nào đã làm quan đủ 9 năm, mà thật có tài năng mẫn cán, thì khi khảo công mới được liệt vào hạng xứng chức để thăng thưởng ; nếu người nào không có tài năng, phải dựa vào người khác để làm nên công việc, thì không được viện vào lệ đã đủ niên hạn khảo công mà cho lạm thăng được. Chb. **XXIV**, 33

Nhà vua lại hạ sắc lệnh cho bộ Lại : Trước đây, việc kén chọn bổ dụng không công bằng, bọn lại điển bổ thừa nhiều quá : hoặc người chỉ có một nghề, cũng được bổ dụng bằng cách cầu may ; hoặc người tư túi đút lót, xuất thân vượt cả thứ tự. Đường lối tuyển dụng ấy chứa chất đã lâu, nên công việc cứ đi dần đến chỗ bê trệ. Như thế mà muốn cho chính lệnh được sáng tỏ, để bọn tiểu nhân mất đường len lỏi, thì làm thế nào được ? Vậy từ nay, các nha môn trong kinh và ngoài các đạo phải kiểm xét bọn lại điển thuộc dưới quyền mình, người nào liêm khiết, ngay thẳng, công bằng, trong sạch thì được phép lưu dụng ; người

nào gian trá, nhũng lãm và già yếu kém cỏi thì thải bớt cho về, rồi tuyển con em các lương gia đã từng dự thi để sung bổ.

Nhà vua hạ chiếu cho hai ty Thừa chính và Hiến sát các xứ xét kỹ các quan phủ, huyện trong hạt mình, cứ đến cuối năm, khảo công định làm ba hạng : thượng, trung và hạ : như người nào thanh liêm, cần mẫn, có thành tích chính trị, là hạng thượng khảo ; người nào việc quan không thiếu thốn, là hạng trung khảo ; người nào không dự vào hai hạng trên, là hạ khảo. Về phần thuộc viên, người lại điển nào thanh liêm, mẫn cán, là trung đẳng ; bỉ ổi, lười biếng là hạ đẳng. Sau khi hai ty Thừa chính, Hiến sát đã xét rồi, thì do bộ Lại thẩm tra về công lao hoặc tội lỗi ; nếu các quan phủ, huyện đã đủ ba lần khảo công ; lại điển đã đủ niên hạn làm việc, sẽ định thi hành việc thưởng phạt. Còn như công lao hoặc tội lỗi của các quan thừa chính và hiến sát thì do viên quan ở Ngự sử đài xét kỹ, cứ đến cuối năm, định làm ba hạng khảo công : thượng, trung và hạ, rồi tâu bày hoặc đàn hặc. Chb. **XXIV**, 34

Lời chua - *Thủ lĩnh* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 6. (chb, XIX, 32).

Trần Cận : Người làng Thái Bạt, huyện Bất Bạt, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Ất Sửu năm Quang Thuận đời lê Thánh Tông[1].

Niên hạn những thuộc lại : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8. (Chb. XXIII, 10–11).

Kỷ Mùi, Cảnh Thống năm thứ 2 (1499). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 12).

(1) Niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông chỉ có năm Kỷ Sửu (1469) không có năm Ất Sửu. Ất Sửu thuộc năm Thái Hoà thứ 3 (1445) đời Lê Thánh Tông. Ở đây có lẽ *Cương mục* chép lầm, sẽ khảo cứu sau. Làng Thái Bạt nay thuộc xã Tòng Bạt, huyện Ba Vì, Hà Tây.

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua cày tịch điền[1].

Tháng 4, mùa hạ. Định rõ thể lệ thi Hội.

Nhà vua bảo với bọn Vũ Hữu, thượng thư bộ Lễ, rằng : "Nhân tài là tinh anh của quốc gia, khoa cử là đường rộng phẳng của sĩ tử. Phép chọn lấy sĩ tử của quốc gia ta làm theo phép đời cổ, đã đầy đủ lại rõ ràng ; nhưng phép lập lâu ngày, sau sinh ra tệ : kẻ thường tài được lạm tuyển, người thực học còn bị bỏ rơi, việc thủ xả phần nhiều không làm hài lòng bọn sĩ tử. Nếu phép thi cử không nghiêm, thì không làm thế nào ngăn ngừa được những thói cầu may mà tuyển lấy nhân tài chân chính được". Nhà vua bèn hạ lệnh định rõ lại cấm điều : Trường thi chia làm 4 vi, mỗi vi đều dựng một cái chòi cao ; đến ngày sĩ tử vào trường thi, thì mỗi chòi đều có một viên hiệu uý đứng ở trên chòi, để tiện trông xa kiểm soát. Đầu bài thi, do bầy tôi thân cận viết cho thật đúng, rồi đều chiếu theo thứ tự từng phòng của sĩ tử mà phân phát ; viên quan tuần xước thì hằng ngày luân chuyển đi tuần, các quan chấm thi nếu viên nào có bà con thân thích dự thi, đều được hồi tị"[2]. Chb. **XXIV**, 35

Tháng 5. Hạn hán. Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan có trách nhiệm hoãn việc hình ngục.

Vì hạn hán, nhà vua cầu đảo ở Thái Miếu, lại hạ sắc lệnh cho bộ Hình hoãn việc quyết đoán những người phạm tội phạt trượng và kê khai tội trạng những người ấy tâu trình.

Tháng 7, mùa thu. Ban huấn điều cho trong kinh sư và ngoài các đạo.

---

(1) Xem chú thích số 2, *Chính biên* quyển 1 tờ 23.

(2) Xin miễn dự vào việc chấm thi, để tránh tai tiếng.

Hồi đầu năm Hồng Đức, vua Thánh Tông định ra 24 huấn điều, đến nay nhà vua làm cho huấn điều ấy được thêm sáng tỏ, dụ bảo bọn quan, quân và dân rằng : Thế đạo thịnh hay suy quan hệ phong tục, phong tục tốt hay xấu quan hệ ở khí vận. *Kinh Dịch* nói : "Người quân tử theo nghĩa quẻ Tiệm làm cho đạo đức ngày một tiến, phong tục ngày thêm hay"(1). *Kinh Thư* nói : "Ban bố rộng năm đạo thường, kính cẩn để hoà hợp với tính trời sẵn có của dân chúng"(2). Kinh Thi nói : "Giữ khuôn phép, không trái lẽ thường, mới uốn nắn cho người bốn phương được ngay thẳng"(3). Kinh Lễ nói : "Chỉnh tề tám chính sách để ngăn ngừa sự thiên lệch, thống nhất đạo đức để phong tục được hoà đồng"(4). Sách thánh hiền dạy bảo chứng cớ đã rõ ràng. Các đế vương đời cổ chịu mệnh trời, giữ ngôi báu, ngự trị trên đời, ứng phó mọi việc, không ai là không tuân theo sự cần kíp ấy. Vua Thái Tổ Cao hoàng đế triều ta vỗ yên nước nhà, gây dựng cương kỷ ; vua Thái Tông Văn hoàng đế làm cho phép trời được sáng tỏ, đạo thường của dân được phơi bày ; vua Thánh Tông Thuần hoàng đế mở rộng công đức của đời trước ; giáo hoá thấm đến nhân dân. Quốc triều ta, thánh thần nối dõi, khuôn thước noi theo, nhân đức chan chứa cả trong ngoài, chính giáo thấm nhuần khắp trên dưới, triệu dân mừng hưởng phúc lành, muôn năm kế thừa lộc vị. Nay trẫm ngự ngôi trời, kính theo phép cũ, làm điều

Chb. **XXIV**, 36

---

(1) Nguyên văn : "Quân tử dĩ cư hiền đức thiện tục" (Quẻ Tiệm, sách *Chu Dịch*).

(2) Nguyên văn : "Hoằng phu ngũ điển, thức hoả dân tắc". (Thiên Quân nha, sách *Thượng thư*). Năm đạo thường : vua, tôi, cha con, vợ chồng, anh em và bè bạn.

(3) Nguyên văn : "Kỳ nghỉ bất thắc, chính thị tứ quốc". (thơ Xi-cưu, sách *Mao thi*).

(4) Nguyên văn : "Tề bát chính dĩ phòng dâm, nhất đạo đức dĩ đồng tục (thiên Vương chế, sách Lễ kí). Tám chính sách ; thức ăn + thức mặc + nghề nghiệp của từng người + đồ dùng của từng địa phương + trượng thước dùng để đo đạc + đấu hộc dùng để đong lường + số nhiều, số ít của từng đơn vị + bề rộng, bề hẹp của từng đồ dùng (tờ 66, sách đã dẫn trên).

hiếu kính để dựng căn bản đạo trung dung, giữ vững cương thường để mở rộng những điều dạy bảo ; người trên làm, người dưới bắt chước, đã đi đến chỗ yên vui, nhưng muốn cho việc trị an được lâu dài, công nghiệp tiến lên mãi mãi. Vì thế hạ dụ chỉ này, đặc biệt nêu rõ từng điều, để lần lượt ghi vào sổ sách.

Lời chua – *Ban hành huấn điều gồm 24 điều* : Theo *Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập*, 24 điều như thế này :

1. Cha mẹ dạy con, phải dùng khuôn phép hợp với lẽ phải ; con trai con gái đều dạy cho có nghề nghiệp, không được để buông tuồng đắm đuối vào cờ bạc rượu chè, tập nghề xướng hát, để hại đến phong tục.

2. Người gia trưởng tự mình giữ lễ phép tiết độ, để uốn nắn người trong nhà mình ; nếu con em trong nhà làm việc trái, thì người gia trưởng sẽ bị tội.

Chb. **XXIV**, 37

3. Vợ chồng siêng năng, sẻn nhặt, sửa sang công việc trong nhà ; đối với nhau có ân có nghĩa không bao giờ thay đổi ; chỉ lúc nào người vợ phạm vào tội "thất xuất"[1] bấy giờ phải dùng lý mà xử đoán, không được quá yêu quyến luyến dung túng xuê xoa, để hại đến phong hoá.

4. Con em trong nhà, nên thân yêu với anh em, hoà thuận với làng xóm, lấy lễ nghĩa tự giữ mình, nếu người nào làm trái thì tôn trưởng dạy bảo bằng cách dùng roi vọt nhỏ để quở phạt, quá lắm thì cáo tố ở cửa công xét xử.

5. Ngoài làng xóm, trong họ hàng, người nào gặp hoạn nạn, thì nên chu cấp thương xót lẫn nhau. Nếu có người làm việc nghĩa nổi tiếng, thì các viên phủ huyện sở tại trình với hai ti Thừa chính và Hiến sát thực tâu bày đầy đủ, sẽ được triều đình biểu dương.

---

(1) Theo lễ giáo cổ, người đàn bà nào phạm bảy điều sau đây, sẽ bị chồng bỏ : - không có con ; - dâm đãng : - không kính thờ cha mẹ chồng ; - lắm lời nhiều điều ; - ăn trộm, ăn cắp ; - ghen tuông ; - có chứng bệnh như hủi, điên, câm điếc. v.v... Nhưng đối với vợ của bọn vua chúa thì dầu không có con cũng không phải bỏ, nên chỉ có "lục xuất".

6. Người đàn bà có lỗi, nếu cha mẹ và chồng có trừng trị, thì phải bỏ hẳn lòng tà, sửa đổi tội lỗi, không được thiện tiện tự ý bỏ trốn, có điều trái với đạo người đàn bà.

7. Đàn bà goá chồng, không được tìm kiếm người trai trẻ, nói thác là con nuôi, làm việc gian dâm vụng trộm.

8. Đàn bà, sau khi chồng chết, hoặc chồng có các con của người vợ trước cũng như con vợ lẽ nàng hầu, thì mình phải mang lòng yêu thương, không được lập tâm tham chiếm tài sản, lo toan làm việc lợi riêng cho mình.

9. Đàn bà, khi chồng chết, mà mình chưa có con, thì nên ở nhà chồng, theo việc tang việc tế đúng như nghi lễ ; không được tư túi tài sản đem lén lút về nhà cha mẹ đẻ của mình.

10. Bổn phận chính của người đàn bà là phải thuận theo chồng, không được cậy là cha mẹ mình giàu sang, mà kiêu ngạo với nhà chồng ; người đàn bà nào trái lệnh, thì cả cha mẹ người ấy cũng phải tội. Chb. **XXIV**, 38

11. Bọn sĩ phu phải đôn đốc học nghiệp, phẩm hạnh, giữ điển lễ chung ; nếu có người nào thì thọt cửa quyền, dựa thế lực người trên, ra oai nạt nộ người khác, sẽ phải tước bỏ tên tuổi, suốt đời không được kể là hạng sĩ phu.

12. Bổn phận người điển lại chỉ có việc giữ sổ sách văn thư, làm công việc theo chức phận của mình ; nếu có người nào dùng trí thuật làm điên đảo giấy tờ, thì viên quan cai quản phải kiếm xét cho ra để trị tội.

13. Quân và dân nên hiếu với cha mẹ, thảo với anh em, hết sức làm ruộng ; người ra ngoài, người ở nhà, phải giữ gìn lẫn cho nhau : đến kỳ thượng phiên[1] thì vui vẻ đi làm công việc, không được lười biếng trốn tránh. Nếu có ai nổi tiếng là người lương thiện, thì các viên

(1) Chế độ triều Lê, quân và dân tuy ở nhà làm ruộng, nhưng mỗi xã vẫn có một số người cắt phiên nhau đi làm việc cũng trong một thời hạn nhất định.

phủ, huyện sở tại trình lên hai ti Thừa chính và Hiến sát xét thực, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ được khen thưởng.

14. Người buôn bán nên theo thời mà lưu thông phẩm vật, không được lừa thưng tráo đấu, không được nhân cơ hội tụ tập đồ đảng, lén lút làm trộm cướp, người nào phạm pháp, sẽ bị trị tội nặng.

15. Việc cưới gả, việc tế tự, phải dựa theo lễ pháp, không được tiếm vượt quá phận định của mình.

16. Khi chèo hát, lúc hội hè, trai gái đến chơi xem, không được đứng ngồi lẫn lộn để ngăn ngừa thói dâm ô.

17. Nhà cửa, hàng quán ở dọc đường, nếu có phụ nữ đi xa vào ngủ trọ, thì cửa ngõ phải đề phòng cẩn mật ; nếu người nào dám lấy sức khoẻ làm việc ô nhục, khi việc phát giác, thì người can phạm và chủ nhà đều phải trị tội.

18. Các viên phủ, huyện đều chiểu theo địa phận sở tại, cắm thẻ bài răn cấm trai gái không được tắm cùng một bến, để tỏ rõ sự phân biệt về lễ phép.

19. Xã thôn nên chọn một, hai người tuổi cao, đạo đức, học lực khá, phẩm hạnh tốt làm người đứng đầu, cứ những ngày nhàn rỗi, đưa nhân dân đến đình quán, công sở, hội họp giảng giải lời cáo dụ, để cùng nhau trông vào đấy mà làm điều lành, cùng tiến đến phong tục tốt đẹp.

Chb. **XXIV**, 39

20. Trong hạt các phủ huyện, nếu có kẻ hào cường xâm chiếm ruộng đất, ức hiếp người cô độc, xui nguyên giục bị kiện cáo lẫn nhau, thì cho phép xã thôn dò xét tố giác để nghĩ trị ; nếu phủ huyện nào vì tình riêng mà ẩn giấu đi, sẽ bị luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức.

21. Những nhà tước vương, tước công và đại thần chứa chấp người tư cách hèn hạ làm cò mồi đưa đồ đút lót, cùng nô tỳ những nhà ấy mua ức phẩm vật của dân, thì cho phép người đương sự đến cửa quan tố cáo, bọn can phạm sẽ bị trừng phạt nặng.

22. Viên quan giữ chức trách chăn dắt dân[1], nếu viên nào biết dạy bảo đốc sức nhân dân trong hạt hăng hái theo lễ nghĩa nhún nhường, thì ty hiến sát xét thực, ghi vào hạng nhất trong dịp khảo công ; nếu viên nào không siêng năng dạy bảo nhân dân, khi khảo công, liệt vào hạng không làm đầy đủ chức phận.

23. Xã trưởng, thôn trưởng, và phường trưởng người nào biết siêng năng dạy bảo đốc sức, làm cho phong tục làng xóm trở nên tốt lành, thì các viên phủ huyện trình bày rõ với hai ty Thừa chính và Hiến sát xét thực, tâu lên triều đình, sẽ ban thưởng.

24. Phàm những người Man, người Lạo ở ven biên giới, phải kính giữ luân lý, không được làm rối loạn đạo thường, như sau khi cha, anh, chú bác đã mất rồi, người nào là con cháu, anh em với người đã chết ấy không được nhận lấy vợ cả hoặc vợ lẽ của họ làm vợ mình ; nếu ai trái lệnh, sẽ phải trừng trị một cách nghiêm ngặt.

Cấm lấy đàn bà, con gái nước Chiêm Thành.

Nhà vua hạ chiếu : "từ nay, trên từ thân vương, dưới đến trăm họ, nhất luật không ai được lấy đàn bà, con gái nước Chiêm Thành làm vợ cả hoặc vợ lẽ, để cho phong tục được thuần hậu". Việc này là theo lời của Hộ khoa cấp sự trung Vũ Lộc tâu bày. Chb. **XXIV**, 40

Nhà vua hạ chiếu : Từ nay nhân dân đạo Quảng Nam không được thiện tiện cướp bót dân Man, mua bán nô tì riêng ; nếu ai trái lệnh, sẽ phải tội.

Định rõ lại lệnh nộp thóc sẽ trao cho quan tước.

Theo chế độ cũ, các sắc quân và dân, ai tình nguyện nộp thóc đều tuỳ theo số thóc nộp nhiều hay ít mà trao cho quan tước, không phân biệt gì người hay, kẻ dở. Đến nay, nhà vua hạ sắc

(1) Nguyên văn chép "mục dân chi quan", tức chỉ các viên phủ, huyện vì phủ, huyện là người gần gụi với dân hơn cả, phải làm cho dân được cơm no, áo ấm, nên quan niệm cổ cho phủ huyện có nhiệm vụ chăn dắt dân.

lệnh : phàm ai là người lương thiện, mới chuẩn y cho nộp thóc và trao cho quan tước ; nếu là những kẻ ác nghịch, trộm cướp, xui nguyên giục bị, hào cường ngỗ ngược và phường chèo con hát, thì bản thân họ và con cháu họ đều không được dự.

Lời chua – *Thể lệ nộp thóc được trao quan chức* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất. (Chb. XIX, 9).

Sửa chùa Thiên Phúc[1].

Trước đây, vào năm Quang Thuận thứ nhất (1460), Hoàng thái hậu Nguyễn Thị[2] được tuyển vào chầu trong cung, phong làm sung nghi ở cung Vĩnh Ninh. Lúc ấy Thánh Tông chưa có con trai, Quang Thục hoàng thái hậu[3] thường vì Nguyễn Thị cầu đảo, sai người cha Nguyễn Thị là Nguyễn Đức Trung cầu đảo ở am Từ Công trên núi Phật Tích, mới sinh ra nhà vua bây giờ. Đến nay, nhà vua hạ lệnh sửa lại chùa Thiên Phúc, ban hiệu cho am Từ công là "Hiển Thuỵ", lập bia đá ghi lấy sự việc. Chb. **XXIV**, 41

Lời chua – *Chùa Thiên Phúc* : Theo mục "Địa lý chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, núi Phật Tích ở xã Thuỵ Khê, huyện Yên Sơn, có một tên nữa là núi Thầy. Tương truyền trên núi có động, thời nhà Lý, chỗ này là nơi Từ Đạo Hạnh trút lốt. Viện Bố đà và am Hương Hải ở trên núi đều do Đạo Hạnh dựng lên. Chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích, hiện nay vẫn còn.

Tháng 11, mùa đông. Đặt ty Đình uý.

---

(1) Còn gọi là Chùa Thầy, nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

(2) Tên là Huyên, tức Trường lạc hoàng hậu, vợ Thánh Tông, mẹ Hiến Tông, khi Hiến Tông lên ngôi vua, tôn làm hoàng thái hậu. Theo lời của sử thần Vũ Quỳnh thì khi Thánh Tông còn sống, Nguyễn thị bị giam lỏng ở một cung riêng, lúc Thánh Tông bị bệnh, mới được vào thăm. Nguyễn thị liền giấu thuốc độc trong tay, sờ vào mụn nhọt, vì thế mà bệnh Thánh Tông thêm kịch rồi chết.

(3) Tên là Ngô Thị Dao, vợ Thái Tông, mẹ Thánh Tông.

Theo chế độ cũ, ty Đình uý thuộc vệ Cẩm Y. Quan chức ty này có chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri và chỉ huy thiêm sự, mỗi chức một người, đều dùng quan võ sung bổ. Phàm việc ngục tụng nào còn nghi ngờ mà tình trạng nặng, thì các quan trong ty phụng mạng vua tra hỏi. Đến nay, đặt làm một ty riêng, về chức chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri và chỉ huy thiêm sự đều chọn người văn thân có chức vị trọng đại để quản lãnh.

Tháng 12. Lập con là Thuần làm thái tử.

Trước đây, bọn thái bảo Lê Vĩnh và đô điểm kiểm Lê Năng Nhượng tâu xin dự bị lập thái tử, để cho căn bản trong nước được vững vàng, nhà vua nói : "Các ngươi lo xa đến việc lớn tông miếu xã tắc, thật là đáng khen".

Trẫm xét các hoàng tử, thì : Tuân, con cả, thích mặc áo phụ nữ, lại đầu độc cả mẹ ; Tấn, con thứ hai, là người không có đức, e rằng không đương nổi được ngôi báu ; chỉ có Thuần, con thứ ba, rất ham thích Thi, Thư, dốc lòng hiếu kính, trẫm thân hành vỗ về dạy bảo, nay đã trưởng thành. Vậy quyết đoán từ lòng công bằng của trẫm, lập Thuần giữ ngôi hoàng trừ[1]. Việc này không phải là bỏ con trưởng lập con thứ, mà chỉ là vì thiên hạ chọn vua hiền ; nghĩ cho phép dựng cung mới ở bên cạnh điện đình và bàn luận về nghi lễ lập ngôi trừ nhị[2]. Công việc này, giao các viên quan có trách nhiệm chọn ngày thi hành". Đến nay, nhà vua sai Lê Vĩnh và Điện tiền đô điểm kiểm Lê Lan phụng đệ sách thư, bảo ấn, lập con là Thuần làm hoàng thái tử.

Chb. **XXIV**, 42

(1) Một danh từ để gọi riêng con vua được lập làm hoàng thái tử, để trừ bị nối ngôi vua sau này.

(2) Cũng như hoàng trừ.

Lời chua – Theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, An Vương Tuân, con trưởng của Hiến Tông, là người thông minh học rộng, sức lực hơn người, nhưng tính ngang bướng, thích mặc áo phụ nữ ; lúc bé, thường vì sự không được như ý, đem thuốc đầu độc mẹ, vì thế Hiến Tông ghét bỏ, đổi lập Hoàng tử Thuần. Kịp khi Túc Tông(1) lên ngôi, An Vương không đem lòng oán giận, đổi hết nết cũ, thờ mẹ rất hiếu ; lại chịu khó tự giữ mình kín đáo, làm cho Uy Mục đế(2) không ngờ vực chút nào. Tháng 9, năm Hồng Thuận(3) thứ 4, An Vương mất, tặng phong Yên đại vương.

(1) Tức Hoàng tử Thuần.

(2) Tên là Tấn, con thứ hai của Hiến Tông

(3) Niên hiệu Tương Dực đế (1509 - 1516).

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại Hà Nội NGUYỄN XUÂN HOÀ

Biên tập lần đầu :
BÙI TUYẾT HƯƠNG – NGUYỄN ĐỨC NHUỆ
NGUYỄN HỮU TÂM

Biên tập tái bản :
BÙI TUYẾT HƯƠNG

Trình bày bìa :
Hoạ sĩ TRẦN VIỆT SƠN

Sửa bản in :
PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC)

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

Tổng phát hành :
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC TẠI TP ĐÀ NẴNG

KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC – TẬP 1

Mã số : 8X135T7-NĐN

In 1.000 bản, khổ 16x24cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam- 260 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ. Số ĐKKH xuất bản : 584-2007/CXB/1-1344/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2007.

欽定越史通鑑綱目

50 NĂM 1957-2007

LONDON
QUALITY CROWN
QC 100
VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

Bạn đọc có thể mua sách tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục :
- Tại TP. Hà Nội : 187 Giảng Võ; 232 Tây Sơn; 23 Tràng Tiền; 25 Hàn Thuyên.
- Tại TP. Đà Nẵng : 15 Nguyễn Chí Thanh; 62 Nguyễn Chí Thanh.
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 104 Mai Thị Lựu, Quận 1; 240 Trần Bình Trọng, Quận 5; 451B - 453, Hai Bà Trưng, Quận 3.
- Tại TP. Cần Thơ : 5/5, đường 30/4.

Website : www.nxbgd.com.vn

8 934980 783955

Giá : 191.000đ